Bản Dịch Nội Dung Ý Nghĩa Kinh Qur’an Bằng Việt Ngữ

Biên dịch:

Trung tâm dịch thuật Rowwad



موسوعة القرآن الكريم

QuranEnc.com

ⓗ المكتب التعاوني للدعوة والارشاد وتوعية الجاليات بالربوة، ١٤٤٢ هـ

فهرسة مكتبة الملك فهد الوطنية أثناء النشر

مؤسسة رواد الترجمة للاتصالات وتقنية المعلومات

بيان معاني القرآن الكريم باللغة الفيتنامية./ مؤسسة رواد الترجمة للاتصالات وتقنية المعلومات. - الرياض، ١٤٤٢ هـ

٧١٩ ص ؛ ٢١ X ٢٩,٧ سم

ردمك: ١-٠٢-٨٣٢٣-٦٠٣-٩٧٨

١- القرآن - تفسير ٢- القرآن - ترجمة أ. العنوان

ديوي ٢٢١,٤٥٩٢٢ ١٤٤٢ / ١٩٢٤

الطبعة الأولى

١٤٤٢ هـ

للتحقق من التحديثات



2021-05-24 (v1.0.3-pdf.1)

للتواصل: info@quranenc.com

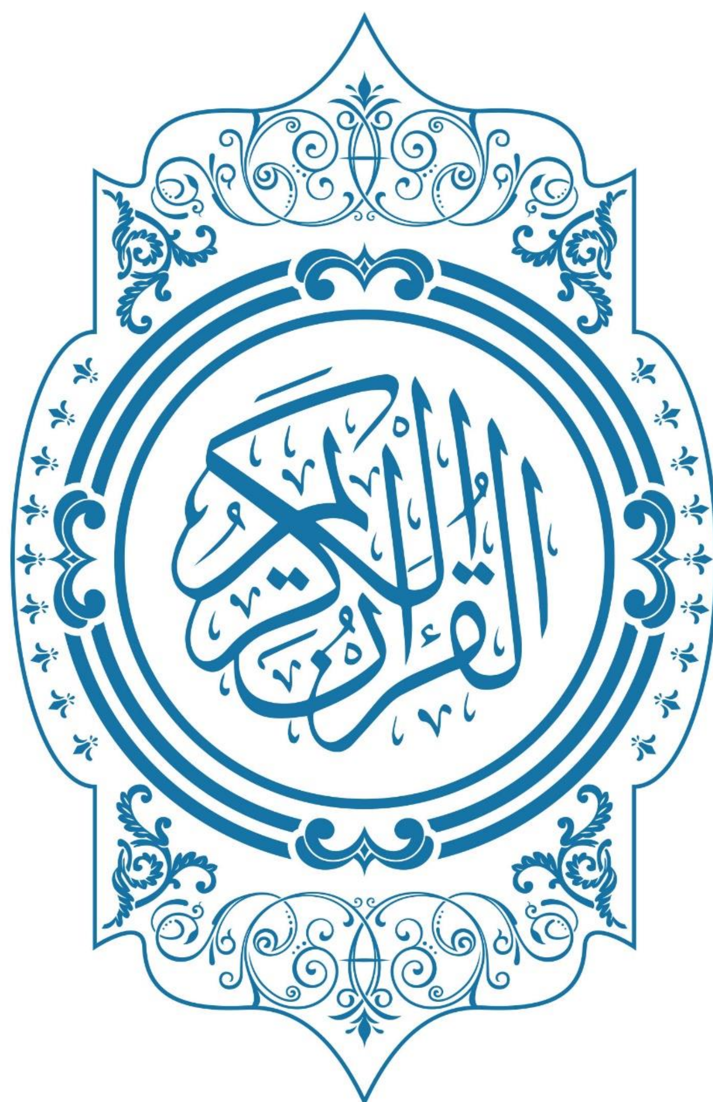
نَحْوَ تَوْفِيرِ تَفَاسِيرَ وتَرَاجِمَ مَوْثُوقَةٍ لِمَعَانِي القُرآنِ الكَرِيمِ بلُغَاتِ العَالَمِ


رواد الترجمة


مكتب الربوة



دار الإسلام


القرآن الكريم

مقدمة

الحمد لله رب العالمين والصلاة والسلام على نبينا محمد وعلى آله وصحبه أجمعين أما بعد .

فالقرآن الكريم كلام الله، المعجزة الباقية والحجة القائمة على الإنس والجن أجمعين، وهو المصدر الأول للإسلام، وفيه غاية الكمال والعظمة والإعجاز والبيان، وبه تقوم الحجة على المكلفين، وقد أمرنا الله سبحانه بإبلاغه للناس، قال تعالى (. . . . وَأُوحِيَ إِلَيَّ هَذَا الْقُرْآنُ لِأُنذِرَكُم بِهِ وَمَن بَلَغَ . . .)، ويقول تعالى (هَذَا بَلَاغٌ لِّلنَّاسِ وَلِيُنذَرُوا بِهِ . . . .)، ويقول تعالى (يَا أَيُّهَا الرَّسُولُ بَلِّغْ مَا أُنزِلَ إِلَيْكَ مِن رَّبِّكَ وَإِن لَّمْ تَفْعَلْ فَمَا بَلَّغْتَ رِسَالَتَهُ . . . .)، وقال تعالى: (وَجَاهِدْهُم بِهِ جِهَادًا كَبِيرًا)، وقال رسول الله صلى الله عليه وسلم: (بلغوا عني ولو آية) رواه البخاري، وقال صلى الله عليه وسلم (خيركم من تعلم القرآن وعلمه) رواه البخاري .

وحيث أن الناطقين بغير اللغة العربية في هذا الزمان يزيدون على تسعين في المئة من البشرية، فلن يحصل البلاغ ويتحقق إيصال نور القرآن الكريم ومعانيه وحججه وبراهينه وإعجازه للناطقين بغير العربية، إلا بإيجاد ترجمات متقنة بلغاتهم .

ونظراً لأن العمل على ترجمات معاني القرآن الكريم فيه ضعف وقصور كبير، ولم يعط حقه من العناية في كثير من اللغات، وللقيام بشيء من الواجب، فقد بادر مركز رواد الترجمة بالشراكة مع موقع دار الإسلام (www.islamhouse.com) التابع للمكتب التعاوني للدعوة وتوعية الجاليات بالربوة بتنفيذ مبادرة للعناية بالقرآن الكريم وبيان معانيه ونشرها ، من خلال مجموعة من المشاريع باللغات التي تهدف إلى توفير ترجمات متقنة وموثوقة ومتطورة لمعاني القرآن الكريم بلغات العالم، ثم طباعتها وإتاحتها مجاناً ، ونشرها على موقع موسوعة القرآن الكريم (www.quranenc.com)

ويطيب لنا أن نقدم هذه الترجمة الجديدة لمعاني القرآن الكريم باللغة الفيتنامية، خدمة للناطقين بهذه اللغة، ونحمد الله سبحانه أن يسر ووفق لإنجاز هذا العمل الذي نرجو أن يكون خالصاً لوجهه الكريم وأن ينفع به، ونشكر كل من قام بأي جهد لإنجاز هذا المشروع الكبير .

وقبل الختام فإننا لندرك أن ترجمة معاني القرآن الكريم – مهما بلغت دقتها – ستكون قاصرة عن أداء المعاني العظيمة التي يدل عليها النص القرآني المعجز، وأن المعاني التي تؤديها الترجمة إنما هي حصيلة ما بلغه علم فريق العمل في فهم كتاب الله الكريم، ومعلوم أنه يعتريها ما يعتري كل عمل بشري .

وحيث نسعى دائماً إلى التطوير المستمر للترجمات، فنأمل حال وجود أي ملاحظات إرسالها من خلال نافذة الملاحظات الموجود أمام كل آية ضمن هذه الترجمة في موقع موسوعة القرآن الكريم (www.quranenc.com) ، ولأي مقترحات أو استفسارات أخرى يمكن مراسلتنا عبر البريد الإلكتروني: info@quranenc.com

ونسأل الله العون و التوفيق و السداد، و صلاح النية والعمل، وصلى الله على نبينا محمد .

Lời Giới Thiệu

Alhamdulillah (tạ ơn Allah), Đấng Chúa Tể của vũ trụ và vạn vật. Cầu xin Allah ban bình an và phúc lành cho vị Nabi của bầy tôi, Muhammad, cho gia quyến và tất cả các vị Sahabah của Người.

Kinh Qur'an là lời phán của Allah, một phép mầu trường tồn, một bằng chứng cho toàn thể loài người và loài Jinn. Nó là nguồn giáo luật quan trọng nhất của Islam, đại diện cho sự hoàn hảo, vĩ đại, phép mầu và sự hùng biện. Với nó, lập luận được thiết lập cho tất cả những người có trách nhiệm với Thượng Đế của họ. Quả thật, Allah đã ra lệnh cho chúng ta truyền đạt Kinh Qur'an cho nhân loại, Ngài phán: {Ngài đã mặc khải cho Ta Kinh Qur'an này để Ta cảnh báo các ngươi và những ai mà Nó tiếp xúc (trong loài người và loài Jinn)} (chương 6 – Al-An'am: 19); {(Kinh Qur'an) này là một thông điệp dành cho loài người, qua đó họ được cảnh báo (về sự trừng phạt khủng khiếp cho việc trái lệnh Allah)} (chương 14 – Ibrahim: 52); {Hỡi Thiên Sứ (Muhammad), Ngươi hãy truyền đạt toàn bộ thông điệp mà Thượng Đế của Ngươi đã ban xuống cho Ngươi. Nếu như Ngươi không làm vậy thì quả thật Ngươi đã không truyền đạt thông điệp của Ngài.} (chương 5 – Al-Ma'idah: 67); {… mà Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy dùng Qur'an đấu tranh chống lại họ bằng một cuộc đấu tranh mạnh mẽ.} (chương 25 – Al-Furqan: 52). Thiên Sứ của Allah nói: "Các ngươi hãy truyền đạt từ Ta dù chỉ một câu Kinh." (Al-Bukhari); "Người tốt nhất trong các ngươi là người học Qur'an và dạy Nó (cho người khác)." (Al-Bukhari).

Vì những người không nói tiếng Ả Rập tại thời điểm này chiếm hơn 90% tổng số nhân loại, nên ánh sáng, ý nghĩa, lập luận, bằng chứng và sự kỳ diệu của Qur'an sẽ không thể truyền đạt cho họ, ngoại trừ bằng cách tìm những bản dịch thành thạo bằng ngôn ngữ của họ.

Vì công việc dịch nghĩa của Kinh Qur'an còn nhiều yếu kém và thiếu xót cũng như không được quan tâm đúng mức bằng nhiều ngôn ngữ, và bởi vì muốn thực hiện một phần nhiệm vụ này, Trung tâm Dịch thuật Rowwad, phối hợp với trang web (www.islamhouse.com) trực thuộc văn phòng hướng dẫn và tuyên truyền cho cộng đồng người nước ngoài tại Rabwah, đã bắt tay vào ý tưởng giảng giải và phổ biến ý nghĩa của Kinh Qur'an thông qua một số dự án nhằm tạo ra các bản dịch chuẩn xác, đáng tin đồng thời nâng cao Kinh Sách cao quý này bằng nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Sau đó, chúng đã được in, cung cấp miễn phí và xuất bản trên trang web Bách khoa Toàn thư về Kinh Qur'an (www.quranenc.com).

Chúng tôi rất vui và vinh hạnh giới thiệu bản dịch mới "Nội dung và ý nghĩa của Kinh Qur'an" bằng Việt ngữ, như một sự phục vụ cho những người nói ngôn ngữ này. Chúng tôi xin tạ ơn Thượng Đế Toàn Năng đã phù hộ cho chúng tôi hoàn thành công việc này. Chúng tôi hi vọng tất cả nỗ lực của chúng tôi được Ngài đón nhận, xin Ngài làm cho nó được hữu ích. Chúng tôi cũng xin cảm ơn tất cả quí đạo hữu đã nỗ lực để hoàn thành dự án vĩ đại này.

Điều đáng lưu ý ở đây là chúng tôi nhận thức rõ rằng cho dù bản dịch nghĩa của Kinh Qur'an có thể chính xác đến mức nào thì vẫn không thể tránh khỏi sự thiếu sót trong việc truyền tải những ý nghĩa cao cả chứa đựng trong Kinh Qur'an nguyên bản gốc mầu nhiệm này. Quả thật, ý nghĩa được chuyển tải bởi bản dịch chỉ là sản phẩm đạt được ở mức độ hiểu biết tương đối của nhóm biên dịch về Kinh Qur'an thiêng liêng của Allah – Đấng Toàn Tri, Đấng Thông Thái. Và hãy biết rằng mọi hành động của người phàm cho dù có nỗ lực thế nào, đương nhiên, điều đạt được cũng không thể là hoàn hảo tuyệt đối Chúng tôi sẽ luôn nỗ lực, không ngừng phát triển thêm để nâng các bản dịch lên tầm chuẩn xác cao hơn nữa.

Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được sự đóng góp của quí độc giả. Nếu có bất kỳ ghi chú nào, bạn hãy điền vào ô trống ở trước mỗi câu trong bản dịch này trên trang web Bách khoa Toàn thư về Kinh Qur'an (www.quranenc.com), và nếu có bất cứ ý kiến xây dựng nào cũng như bất kỳ đề xuất hoặc thắc mắc nào khác, bạn có thể gửi thư trực tiếp cho chúng tôi qua địa chỉ email: info@quranenc.com

Cầu xin Allah hướng dẫn, phù hộ và ban cho sự thành công, cầu xin Ngài cải thiện tâm niệm và việc làm của chúng tôi. Cuối cùng cầu xin bình an và phúc lành cho vị Nabi của chúng ta, Muhammad.

Mục Lục

Al-Fatihah (Khai Đề) الفاتحة

1. Nhân danh Allah, Đấng Độ Lượng, Đấng Khoan Dung

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ١

2. Alhamdulillah (xin tạ ơn, ca ngợi và tán dương Allah), Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.

ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢

3. Đấng Độ Lượng, Đấng Khoan Dung

ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ٣

4. Đấng Toàn Quyền của Ngày Thưởng Phạt

مَٰلِكِ يَوۡمِ ٱلدِّينِ ٤

5. Duy chỉ Ngài bầy tôi thờ phượng và duy chỉ Ngài bầy tôi cầu xin phù hộ và trợ giúp.

إِيَّاكَ نَعۡبُدُ وَإِيَّاكَ نَسۡتَعِينُ ٥

6. Xin Ngài hướng dẫn bầy tôi đến với con đường ngay chính,

ٱهۡدِنَا ٱلصِّرَٰطَ ٱلۡمُسۡتَقِيمَ ٦

7. Con đường của những người đã được Ngài ban cho ân huệ, không phải con đường của những kẻ đã bị Ngài giận dữ và cũng không phải con đường của những kẻ lạc lối.

صِرَٰطَ ٱلَّذِينَ أَنۡعَمۡتَ عَلَيۡهِمۡ غَيۡرِ ٱلۡمَغۡضُوبِ
عَلَيۡهِمۡ وَلَا ٱلضَّآلِّينَ ٧

Al-Baqarah (Con Bò Cái) البقرة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. mim

الٓمٓ ١

2. Đây là Kinh Sách mà trong đó không có gì phải nghi ngờ, một nguồn hướng dẫn dành cho những người ngoan đạo.

ذَٰلِكَ ٱلۡكِتَٰبُ لَا رَيۡبَۛ فِيهِۛ هُدٗى لِّلۡمُتَّقِينَ ٢

3. Những người mà họ có đức tin vào điều vô hình, duy trì lễ nguyện Salah và chi dùng bổng lộc đã được TA ban cấp (cho con đường chính nghĩa của TA).

ٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡغَيۡبِ وَيُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ يُنفِقُونَ ٣

4. Những người mà họ có đức tin vào những điều đã được thiên khải cho Ngươi (Muhammad), cho các vị Thiên Sứ(1) trước Ngươi và có niềm tin kiên định vào Đời Sau.[i]

وَٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبۡلِكَ وَبِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ يُوقِنُونَ ٤

5. Đấy là nhóm người theo đúng chỉ đạo của Thượng Đế của họ và đó là nhóm người thành đạt.

أُوْلَٰٓئِكَ عَلَىٰ هُدٗى مِّن رَّبِّهِمۡۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٥

6. Quả thật, những ai cố ý phủ nhận đức tin thì cho dù Ngươi có cảnh báo họ hay không thì họ vẫn không tin tưởng.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ سَوَآءٌ عَلَيۡهِمۡ ءَأَنذَرۡتَهُمۡ أَمۡ لَمۡ تُنذِرۡهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ٦

7. Bởi Allah đã đóng dấu lên trái tim của họ, còn tai và mắt của họ đã bị bịt kín, rồi họ sẽ phải chịu một sự trừng phạt khủng khiếp.

خَتَمَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ وَعَلَىٰ سَمۡعِهِمۡۖ وَعَلَىٰٓ أَبۡصَٰرِهِمۡ غِشَٰوَةٞۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٧

8. Trong nhân loại, có người nói chúng tôi đã tin vào Allah và Đời Sau, nhưng thực chất họ không hề tin gì cả.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَقُولُ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَبِٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَمَا هُم بِمُؤۡمِنِينَ ٨

9. Họ lừa dối Allah và những người có đức tin nhưng thật ra họ chỉ lừa dối chính bản thân họ trong khi họ không nhận thấy điều đó.

يُخَٰدِعُونَ ٱللَّهَ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَمَا يَخۡدَعُونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمۡ وَمَا يَشۡعُرُونَ ٩

[i] (1) Thiên Sứ và Nabi đều là người đại diện cho Allah được Ngài cử phái đến với nhân loại. Tuy nhiên, Thiên Sứ có trọng trách lớn hơn Nabi, Thiên Sứ mang đến một giáo lý hoàn toàn mới, khác với giáo lý trước đó, còn Nabi là người củng cố, tái hiện lại bộ giáo luật của Thiên Sứ tiền nhiệm. Như vậy, Thiên Sứ chính là Nabi nhưng Nabi không hẳn là Thiên Sứ.

10. Trong trái tim của họ mang căn bệnh (dối trá) nên Allah làm cho căn bệnh đó của họ thêm trầm trọng, và rồi đây họ sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn về những gì họ đã lừa dối.

فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ فَزَادَهُمُ ٱللَّهُ مَرَضٗاۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمُۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡذِبُونَ ١٠

11. Khi có lời bảo họ: “Các người chớ hủy hoại trái đất!”, họ nói: “Quả thật, chúng tôi là những người cải thiện mà.”

وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ لَا تُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ قَالُوٓاْ إِنَّمَا نَحۡنُ مُصۡلِحُونَ ١١

12. Không, chính họ là những kẻ tàn phá nhưng họ lại không nhận ra điều đó.

أَلَآ إِنَّهُمۡ هُمُ ٱلۡمُفۡسِدُونَ وَلَٰكِن لَّا يَشۡعُرُونَ ١٢

13. Khi có lời bảo họ: “Các người hãy có đức tin giống như những người đã có đức tin”, họ nói: “Lẽ nào chúng tôi lại tin tưởng giống như những kẻ khờ khạo đó đã tin hay sao?” Không, chính họ mới là những kẻ khờ khạo nhưng họ không biết đấy thôi.

وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ ءَامِنُواْ كَمَآ ءَامَنَ ٱلنَّاسُ قَالُوٓاْ أَنُؤۡمِنُ كَمَآ ءَامَنَ ٱلسُّفَهَآءُۗ أَلَآ إِنَّهُمۡ هُمُ ٱلسُّفَهَآءُ وَلَٰكِن لَّا يَعۡلَمُونَ ١٣

14. Khi đối diện với những người có đức tin thì họ nói: “Chúng tôi đã có đức tin.” Nhưng khi ở cùng với những tên Shaytan của họ thì họ lại bảo: “Chúng tôi cùng phe với các người, chẳng qua chúng tôi chỉ bỡn cợt với họ mà thôi.”

وَإِذَا لَقُواْ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَإِذَا خَلَوۡاْ إِلَىٰ شَيَٰطِينِهِمۡ قَالُوٓاْ إِنَّا مَعَكُمۡ إِنَّمَا نَحۡنُ مُسۡتَهۡزِءُونَ ١٤

15. Allah cũng bỡn cợt với họ và Ngài bỏ mặc cho họ lang thang vơ vẩn trong sự thái quá của họ.

ٱللَّهُ يَسۡتَهۡزِئُ بِهِمۡ وَيَمُدُّهُمۡ فِي طُغۡيَٰنِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ١٥

16. Đó là những kẻ đã mua sự lầm lạc bằng sự chỉ đạo, do đó, cuộc đổi chác của họ chẳng mang lại lợi ích gì cho họ, và họ không được hướng dẫn.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلضَّلَٰلَةَ بِٱلۡهُدَىٰ فَمَا رَبِحَت تِّجَٰرَتُهُمۡ وَمَا كَانُواْ مُهۡتَدِينَ ١٦

17. Hình ảnh của họ giống như hình ảnh của một người nhúm lên ngọn lửa, khi ngọn lửa soi sáng mọi vật xung quanh, Allah lấy đi mất ánh sáng của họ, Ngài bỏ mặc họ trong tăm tối mù mịt, họ chẳng nhìn thấy gì.

مَثَلُهُمۡ كَمَثَلِ ٱلَّذِي ٱسۡتَوۡقَدَ نَارٗا فَلَمَّآ أَضَآءَتۡ مَا حَوۡلَهُۥ ذَهَبَ ٱللَّهُ بِنُورِهِمۡ وَتَرَكَهُمۡ فِي ظُلُمَٰتٖ لَّا يُبۡصِرُونَ ١٧

18. Điếc, câm và mù nên họ không thể quay về (với chân lý).

صُمُّۢ بُكۡمٌ عُمۡيٞ فَهُمۡ لَا يَرۡجِعُونَ ١٨

19. Hoặc (hình ảnh của họ) giống như hình ảnh của cơn mưa trút xuống từ bầu trời kèm theo bóng tối, sấm sét và tia chớp; họ lấy các ngón tay bịt đôi tai để khỏi nghe tiếng sấm sét vì sợ chết. Tuy nhiên, Allah bao vây những kẻ vô đức tin.

أَوۡ كَصَيِّبٖ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ فِيهِ ظُلُمَٰتٞ وَرَعۡدٞ وَبَرۡقٞ يَجۡعَلُونَ أَصَٰبِعَهُمۡ فِيٓ ءَاذَانِهِم مِّنَ ٱلصَّوَٰعِقِ حَذَرَ ٱلۡمَوۡتِۚ وَٱللَّهُ مُحِيطُۢ بِٱلۡكَٰفِرِينَ ١٩

20. Tia chớp gần như làm mắt họ chẳng nhìn thấy gì, mỗi khi ánh sáng lóe lên thì họ lần mò bước đi, và khi trời tối đen thì họ đứng lại. Nếu muốn, Allah đã lấy mất thính giác và thị giác của họ, bởi Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

يَكَادُ ٱلۡبَرۡقُ يَخۡطَفُ أَبۡصَٰرَهُمۡۖ كُلَّمَآ أَضَآءَ لَهُم مَّشَوۡاْ
فِيهِ وَإِذَآ أَظۡلَمَ عَلَيۡهِمۡ قَامُواْۚ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ لَذَهَبَ
بِسَمۡعِهِمۡ وَأَبۡصَٰرِهِمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٢٠

21. Hỡi nhân loại, các ngươi hãy thờ phượng Thượng Đế của các ngươi, Đấng đã tạo hóa ra các ngươi và các thế hệ trước các ngươi, mong rằng các ngươi biết kính sợ Ngài.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱعۡبُدُواْ رَبَّكُمُ ٱلَّذِي خَلَقَكُمۡ
وَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَتَّقُونَ ٢١

22. Ngài đã tạo cho các ngươi trái đất như một tấm thảm và bầu trời như một chiếc lọng che, Ngài ban nước mưa từ trên trời xuống làm mọc ra trái quả thành nguồn bổng lộc cho các ngươi. Cho nên, các ngươi chớ đừng dựng những thần linh ngang hàng với Allah trong khi các ngươi biết rõ sự thật.

ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلۡأَرۡضَ فِرَٰشٗا وَٱلسَّمَآءَ بِنَآءٗ
وَأَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَخۡرَجَ بِهِۦ مِنَ ٱلثَّمَرَٰتِ
رِزۡقٗا لَّكُمۡۖ فَلَا تَجۡعَلُواْ لِلَّهِ أَندَادٗا وَأَنتُمۡ
تَعۡلَمُونَ ٢٢

23. Còn nếu như các ngươi hoài nghi về Qur'an mà TA đã mặc khải cho người Bề Tôi của TA (Muhammad) thì các ngươi hãy mang đến một chương Kinh giống như Nó, và các ngươi hãy mời gọi các nhân chứng của các ngươi ngoài Allah đến xác nhận nếu các ngươi trung thực.

وَإِن كُنتُمۡ فِي رَيۡبٖ مِّمَّا نَزَّلۡنَا عَلَىٰ عَبۡدِنَا فَأۡتُواْ
بِسُورَةٖ مِّن مِّثۡلِهِۦ وَٱدۡعُواْ شُهَدَآءَكُم مِّن دُونِ
ٱللَّهِ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٢٣

24. Nhưng nếu các ngươi không làm được và chắc chắn các ngươi sẽ không bao giờ làm được thì các ngươi hãy sợ Hỏa Ngục, nơi mà chất đốt của Nó là con người và đá được chuẩn bị sẵn cho những kẻ vô đức tin.

فَإِن لَّمۡ تَفۡعَلُواْ وَلَن تَفۡعَلُواْ فَٱتَّقُواْ ٱلنَّارَ ٱلَّتِي
وَقُودُهَا ٱلنَّاسُ وَٱلۡحِجَارَةُۖ أُعِدَّتۡ لِلۡكَٰفِرِينَ ٢٤

25. Ngươi (Muhammad) hãy báo tin mừng cho những người có đức tin và hành thiện rằng họ sẽ được ban thưởng cho Những Ngôi Vườn Thiên Đàng, bên dưới có các dòng sông chảy. Cứ mỗi lần họ được ban cấp cho trái quả, họ đều nói: "Đây là thứ mà chúng tôi đã được ban cho trước đây" nhưng thật ra họ chỉ được ban cho những thứ giông giống mà thôi. Và trong Thiên Đàng, họ sẽ được ban cho những người vợ thuần khiết và họ sẽ ở trong đó mãi mãi.

وَبَشِّرِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أَنَّ لَهُمۡ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ كُلَّمَا رُزِقُواْ مِنۡهَا
مِن ثَمَرَةٖ رِّزۡقٗا قَالُواْ هَٰذَا ٱلَّذِي رُزِقۡنَا مِن قَبۡلُۖ
وَأُتُواْ بِهِۦ مُتَشَٰبِهٗاۖ وَلَهُمۡ فِيهَآ أَزۡوَٰجٞ مُّطَهَّرَةٞۖ وَهُمۡ
فِيهَا خَٰلِدُونَ ٢٥

26. Chắc chắn Allah không hề e ngại khi Ngài đưa ra hình ảnh thí dụ về con muỗi hay một sinh vật khác lớn hơn (hoặc nhỏ hơn). Bởi lẽ, đối với những người có đức tin, họ luôn biết rõ điều đó là chân lý đến từ Thượng Đế của họ; ngược lại, đối với những kẻ vô đức tin thì họ nói: "Allah muốn ngụ ý điều gì qua hình ảnh thí dụ này đây chứ?" Thế nên, với thí dụ này Ngài làm cho nhiều kẻ lầm lạc nhưng cũng đồng thời dẫn dắt nhiều người đi đúng

۞إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَسۡتَحۡيِۦٓ أَن يَضۡرِبَ مَثَلٗا مَّا بَعُوضَةٗ
فَمَا فَوۡقَهَاۚ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ فَيَعۡلَمُونَ أَنَّهُ ٱلۡحَقُّ
مِن رَّبِّهِمۡۖ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَيَقُولُونَ مَاذَآ أَرَادَ
ٱللَّهُ بِهَٰذَا مَثَلٗاۘ يُضِلُّ بِهِۦ كَثِيرٗا وَيَهۡدِي بِهِۦ كَثِيرٗاۚ
وَمَا يُضِلُّ بِهِۦٓ إِلَّا ٱلۡفَٰسِقِينَ ٢٦

đường. Tuy nhiên, Ngài chỉ dùng nó để làm lệch lạc những kẻ tội lỗi.

27. Những kẻ mà họ bội ước với Allah sau khi đã giao kết với Ngài, cắt đứt điều (tình máu mủ ruột thịt) mà Allah ra lệnh phải hàn gắn và tàn phá trái đất. Đó là những kẻ thất bại.

ٱلَّذِينَ يَنقُضُونَ عَهۡدَ ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مِيثَٰقِهِۦ
وَيَقۡطَعُونَ مَآ أَمَرَ ٱللَّهُ بِهِۦٓ أَن يُوصَلَ وَيُفۡسِدُونَ فِي
ٱلۡأَرۡضِۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ٢٧

28. Sao các ngươi lại vô đức tin nơi Allah trong khi Ngài đã khởi tạo các ngươi từ không là gì, rồi Ngài cho các ngươi chết, rồi Ngài phục sinh các người trở lại, sau đó các ngươi được triệu tập về trình diện Ngài?!

كَيۡفَ تَكۡفُرُونَ بِٱللَّهِ وَكُنتُمۡ أَمۡوَٰتٗا فَأَحۡيَٰكُمۡۖ ثُمَّ
يُمِيتُكُمۡ ثُمَّ يُحۡيِيكُمۡ ثُمَّ إِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٢٨

29. Ngài là Đấng đã tạo tất cả mọi thứ trên trái đất cho các ngươi. Sau đó, Ngài hướng về bầu trời và tạo chúng thành bảy tầng trời; và Ngài là Đấng biết rõ tất cả mọi thứ.

هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ لَكُم مَّا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا ثُمَّ
ٱسۡتَوَىٰٓ إِلَى ٱلسَّمَآءِ فَسَوَّىٰهُنَّ سَبۡعَ سَمَٰوَٰتٖۚ وَهُوَ
بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ٢٩

30. Ngươi hãy nhớ lại (hỡi Muhammad) khi Thượng Đế của Ngươi thông báo với các Thiên Thần: "TA sẽ đặt (con người) làm đại diện của TA trên trái đất." Các Thiên Thần nói: "Lẽ nào Ngài lại muốn tạo thêm một tên hủy diệt, gây đổ máu trên trái đất lần nữa trong khi bầy tôi vẫn luôn tụng niệm, tạ ơn và vinh danh Ngài?!" (Allah) phán: "Chắc chắn TA biết rõ những điều mà các ngươi không hề biết."

وَإِذۡ قَالَ رَبُّكَ لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ إِنِّي جَاعِلٞ فِي ٱلۡأَرۡضِ
خَلِيفَةٗۖ قَالُوٓاْ أَتَجۡعَلُ فِيهَا مَن يُفۡسِدُ فِيهَا وَيَسۡفِكُ
ٱلدِّمَآءَ وَنَحۡنُ نُسَبِّحُ بِحَمۡدِكَ وَنُقَدِّسُ لَكَۖ قَالَ إِنِّيٓ
أَعۡلَمُ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٣٠

31. Rồi Ngài đã dạy cho Adam tên gọi của tất cả mọi thứ, sau đó Ngài trưng bày mọi thứ ra trước mặt các Thiên Thần, phán: "Các ngươi hãy cho TA biết tên của các thứ này xem nếu các ngươi thật sự biết!"

وَعَلَّمَ ءَادَمَ ٱلۡأَسۡمَآءَ كُلَّهَا ثُمَّ عَرَضَهُمۡ عَلَى
ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ فَقَالَ أَنۢبِـُٔونِي بِأَسۡمَآءِ هَٰٓؤُلَآءِ إِن كُنتُمۡ
صَٰدِقِينَ ٣١

32. (Các Thiên Thần) đồng thưa: "Vinh quang thay Ngài, bầy tôi nào biết ngoài những điều mà Ngài đã dạy cho bầy tôi. Quả thật, chỉ một mình Ngài mới là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt."

قَالُواْ سُبۡحَٰنَكَ لَا عِلۡمَ لَنَآ إِلَّا مَا عَلَّمۡتَنَآۖ إِنَّكَ أَنتَ
ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡحَكِيمُ ٣٢

33. (Allah) phán bảo (Adam): "Này Adam, Ngươi hãy cho Họ biết tên gọi của chúng." Rồi khi Adam cho các Thiên Thần biết tên gọi của tất cả mọi thứ, Allah phán (với các Thiên Thần): "Chẳng phải TA đã bảo các ngươi rằng TA biết điều vô hình của các tầng trời và trái đất và TA biết rõ điều các ngươi phơi bày và giấu kín hay sao?!"

قَالَ يَٰٓـَٔادَمُ أَنۢبِئۡهُم بِأَسۡمَآئِهِمۡۖ فَلَمَّآ أَنۢبَأَهُم
بِأَسۡمَآئِهِمۡ قَالَ أَلَمۡ أَقُل لَّكُمۡ إِنِّيٓ أَعۡلَمُ غَيۡبَ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَأَعۡلَمُ مَا تُبۡدُونَ وَمَا كُنتُمۡ
تَكۡتُمُونَ ٣٣

34. Ngươi hãy nhớ lại (hỡi Muhammad) khi TA ra lệnh cho các Thiên Thần: “Các ngươi hãy quỳ lạy chào hỏi Adam”, lập tức, tất cả đều quỳ lạy ngoại trừ Iblis, hắn đã cãi lệnh và tự cao tự đại, và hắn đã trở thành một tên vô đức tin.

وَإِذۡ قُلۡنَا لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ ٱسۡجُدُواْ لِأٓدَمَ فَسَجَدُوٓاْ إِلَّآ إِبۡلِيسَ أَبَىٰ وَٱسۡتَكۡبَرَ وَكَانَ مِنَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٣٤

35. Và TA đã phán bảo (Adam): “Này Adam, Ngươi và vợ của Ngươi hãy sống trong Thiên Đàng và hai Ngươi hãy ăn thỏa thích những gì mình muốn, nhưng hai Ngươi chớ đến gần cây này kẻo hai Ngươi trở thành những kẻ làm điều sai quấy.”

وَقُلۡنَا يَٰٓـَٔادَمُ ٱسۡكُنۡ أَنتَ وَزَوۡجُكَ ٱلۡجَنَّةَ وَكُلَا مِنۡهَا رَغَدًا حَيۡثُ شِئۡتُمَا وَلَا تَقۡرَبَا هَٰذِهِ ٱلشَّجَرَةَ فَتَكُونَا مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٣٥

36. Tuy nhiên, Shaytan đã làm cho cả hai rời khỏi Thiên Đàng, hắn đã làm cho hai người họ bị trục xuất khỏi nơi đang sinh sống. Và TA đã phán bảo (vợ chồng Adam và Iblis): “Các ngươi hãy xuống trái đất mà sống, các ngươi sẽ là kẻ thù của nhau; và trên trái các ngươi sẽ có một cuộc sống tạm đến một thời hạn nhất định.”

فَأَزَلَّهُمَا ٱلشَّيۡطَٰنُ عَنۡهَا فَأَخۡرَجَهُمَا مِمَّا كَانَا فِيهِۖ وَقُلۡنَا ٱهۡبِطُواْ بَعۡضُكُمۡ لِبَعۡضٍ عَدُوّٞۖ وَلَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُسۡتَقَرّٞ وَمَتَٰعٌ إِلَىٰ حِينٖ ٣٦

37. Nhưng rồi Adam đã hối cải với Thượng Đế bằng lời lẽ học được từ Ngài, và Ngài đã tha thứ tội lỗi cho Y bởi Ngài là Đấng Hằng Chấp Nhận sự sám hối, Đấng Khoan Dung.

فَتَلَقَّىٰٓ ءَادَمُ مِن رَّبِّهِۦ كَلِمَٰتٖ فَتَابَ عَلَيۡهِۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ٣٧

38. TA phán: “Tất cả các ngươi (vợ chồng Adam và Iblis) hãy đi xuống khỏi nơi đó (Thiên Đàng). Rồi khi nào có chỉ đạo từ nơi TA đến với các ngươi, ai biết đi theo chỉ đạo của TA thì họ sẽ không lo và sẽ không buồn phiền.”

قُلۡنَا ٱهۡبِطُواْ مِنۡهَا جَمِيعٗاۖ فَإِمَّا يَأۡتِيَنَّكُم مِّنِّي هُدٗى فَمَن تَبِعَ هُدَايَ فَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٣٨

39. “Còn ai không tin tưởng và bác bỏ các Lời Mặc Khải của TA thì họ sẽ là cư dân của Hỏa Ngục, họ sẽ ở trong đó đời đời.”

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٣٩

40. Hỡi người dân Israel (tức dòng dõi của Nabi Ya’qub), các Ngươi hãy ghi nhớ các ân huệ mà TA đã đặc ân cho các ngươi và các ngươi hãy thực hiện Giao Ước của TA thì TA sẽ thực hiện Giao Ước của các ngươi, và các ngươi hãy chỉ kính sợ một mình TA thôi.

يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتِيَ ٱلَّتِيٓ أَنۡعَمۡتُ عَلَيۡكُمۡ وَأَوۡفُواْ بِعَهۡدِيٓ أُوفِ بِعَهۡدِكُمۡ وَإِيَّٰيَ فَٱرۡهَبُونِ ٤٠

41. Các ngươi hãy tin tưởng vào (Qur’an) mà TA đã mặc khải (cho Muhammad) nhằm khẳng định lại những gì đang ở nơi các ngươi (Kinh Cựu Ước, Kinh Tân Ước), bởi thế các ngươi chớ là những kẻ đầu tiên phủ nhận Nó, chớ lấy các Lời Mặc Khải của TA đem bán với cái giá ít ỏi, và các ngươi hãy chỉ kính sợ một mình TA thôi.

وَءَامِنُواْ بِمَآ أَنزَلۡتُ مُصَدِّقٗا لِّمَا مَعَكُمۡ وَلَا تَكُونُوٓاْ أَوَّلَ كَافِرِۭ بِهِۦۖ وَلَا تَشۡتَرُواْ بِـَٔايَٰتِي ثَمَنٗا قَلِيلٗا وَإِيَّٰيَ فَٱتَّقُونِ ٤١

42. Các ngươi chớ pha trộn chân lý với cái ngụy tạo, chớ cố tình che giấu chân lý trong khi các ngươi biết rõ sự thật.

وَلَا تَلۡبِسُواْ ٱلۡحَقَّ بِٱلۡبَٰطِلِ وَتَكۡتُمُواْ ٱلۡحَقَّ وَأَنتُمۡ
تَعۡلَمُونَ ٤٢

43. Các ngươi hãy duy trì lễ nguyện Salah, hãy xuất Zakah và hãy cúi mình cùng với những người cúi mình (thờ phượng Allah).

وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ وَٱرۡكَعُواْ مَعَ
ٱلرَّٰكِعِينَ ٤٣

44. Chẳng lẽ các ngươi bảo thiên hạ sống đạo đức nhưng các ngươi lại quên mất chính bản thân các ngươi trong khi các ngươi là những người đọc Kinh Sách ư? Lẽ nào các ngươi không biết suy ngẫm?

۞أَتَأۡمُرُونَ ٱلنَّاسَ بِٱلۡبِرِّ وَتَنسَوۡنَ أَنفُسَكُمۡ وَأَنتُمۡ
تَتۡلُونَ ٱلۡكِتَٰبَۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٤٤

45. Các ngươi hãy cầu xin sự phù hộ bằng tấm lòng kiên nhẫn và lễ nguyện Salah. Quả thật lễ nguyện Salah chắn hẳn là điều nặng nề và khó khăn nhưng đối với những người thực sự kính sợ (Allah thì nó không khó khăn và nặng nề chút nào).

وَٱسۡتَعِينُواْ بِٱلصَّبۡرِ وَٱلصَّلَوٰةِۚ وَإِنَّهَا لَكَبِيرَةٌ إِلَّا عَلَى
ٱلۡخَٰشِعِينَ ٤٥

46. Họ là những người luôn nghĩ rằng họ sẽ phải trở về trình diện Thượng Đế của họ.

ٱلَّذِينَ يَظُنُّونَ أَنَّهُم مُّلَٰقُواْ رَبِّهِمۡ وَأَنَّهُمۡ إِلَيۡهِ
رَٰجِعُونَ ٤٦

47. Hỡi người dân Israel, các ngươi hãy ghi nhớ ân huệ mà TA đã đặc ân cho các ngươi và quả thật TA đã ưu đãi các ngươi hơn thiên hạ.

يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتِيَ ٱلَّتِيٓ أَنۡعَمۡتُ
عَلَيۡكُمۡ وَأَنِّي فَضَّلۡتُكُمۡ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٧

48. Các ngươi hãy lo sợ cho Ngày mà không ai giúp được ai cả, không có sự can thiệp nào cũng như không có sự bồi thường nào được chấp nhận, và họ sẽ không được giúp đỡ.

وَٱتَّقُواْ يَوۡمٗا لَّا تَجۡزِي نَفۡسٌ عَن نَّفۡسٖ شَيۡـٔٗا وَلَا
يُقۡبَلُ مِنۡهَا شَفَٰعَةٞ وَلَا يُؤۡخَذُ مِنۡهَا عَدۡلٞ وَلَا هُمۡ
يُنصَرُونَ ٤٨

49. (Các ngươi hãy nhớ lại) việc TA đã giải cứu các ngươi khỏi đám quân lính của Pha-ra-ông, họ đã đàn áp các ngươi bằng cực hình man rợ, họ đã tàn sát con trai của các ngươi và tha cho con gái của các ngươi. Trong sự việc đó là sự thử thách to lớn từ Thượng Đế của các ngươi dành cho các ngươi.

وَإِذۡ نَجَّيۡنَٰكُم مِّنۡ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ يَسُومُونَكُمۡ سُوٓءَ
ٱلۡعَذَابِ يُذَبِّحُونَ أَبۡنَآءَكُمۡ وَيَسۡتَحۡيُونَ نِسَآءَكُمۡۚ
وَفِي ذَٰلِكُم بَلَآءٞ مِّن رَّبِّكُمۡ عَظِيمٞ ٤٩

50. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi TA (Allah) chẻ đôi biển (Hồng Hải) cho các ngươi (lúc Pha-ra-ông đuổi cùng giết tận các ngươi), TA đã cứu các ngươi và nhấn chìm đám quân lính của hắn trước sự chứng kiến của các ngươi.

وَإِذۡ فَرَقۡنَا بِكُمُ ٱلۡبَحۡرَ فَأَنجَيۡنَٰكُمۡ وَأَغۡرَقۡنَآ ءَالَ
فِرۡعَوۡنَ وَأَنتُمۡ تَنظُرُونَ ٥٠

51. (Các ngươi hãy nhớ lại) lúc TA hẹn gặp Musa (Môi-se) trong bốn mươi đêm, rồi trong thời gian Y đi vắng, các ngươi đã tạo ra tượng con bê để thờ phượng và các ngươi trở thành những kẻ sai quấy.

وَإِذۡ وَٰعَدۡنَا مُوسَىٰٓ أَرۡبَعِينَ لَيۡلَةٗ ثُمَّ ٱتَّخَذۡتُمُ ٱلۡعِجۡلَ
مِنۢ بَعۡدِهِۦ وَأَنتُمۡ ظَٰلِمُونَ ٥١

52. Rồi TA đã xí xóa tội lỗi đó cho các ngươi hi vọng các ngươi biết tri ân.

ثُمَّ عَفَوۡنَا عَنكُم مِّنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ لَعَلَّكُمۡ
تَشۡكُرُونَ ٥٢

53. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi TA ban cho Musa Kinh Sách (Tawrah – Kinh Cựu Ước) và Tiêu Chuẩn Phân Biệt Phúc Tội mong rằng các ngươi được hướng dẫn đúng đường.

وَإِذۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡفُرۡقَانَ لَعَلَّكُمۡ
تَهۡتَدُونَ ٥٣

54. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi Musa bảo người dân của Y: "Hỡi người dân của Ta! Quả thật các người đã tự bất công với chính mình qua việc tạo ra tượng con bê, để chuộc tội với Đấng Tạo Hóa của các người thì các người phải tự kết liễu mạng sống của các người, đó là cách tốt nhất để chuộc tội với Đấng đã tạo hóa ra các người, có thế Ngài mới chấp nhận việc sám hối của các người. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Chấp Nhận Sám Hối, Đấng Khoan Dung."

وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ إِنَّكُمۡ ظَلَمۡتُمۡ
أَنفُسَكُم بِٱتِّخَاذِكُمُ ٱلۡعِجۡلَ فَتُوبُوٓاْ إِلَىٰ بَارِئِكُمۡ
فَٱقۡتُلُوٓاْ أَنفُسَكُمۡ ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ عِندَ
بَارِئِكُمۡ فَتَابَ عَلَيۡكُمۡۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلتَّوَّابُ
ٱلرَّحِيمُ ٥٤

55. (Các ngươi hãy nhớ lại) việc các ngươi đã nói: "Này Musa, chúng tôi không thể nào tin vào Người cho đến khi chúng tôi tận mắt thấy được Allah xuất hiện." Thế là tia sét đã trừng phạt các ngươi trong lúc các ngươi chỉ biết trơ mắt ra nhìn.

وَإِذۡ قُلۡتُمۡ يَٰمُوسَىٰ لَن نُّؤۡمِنَ لَكَ حَتَّىٰ نَرَى ٱللَّهَ
جَهۡرَةٗ فَأَخَذَتۡكُمُ ٱلصَّٰعِقَةُ وَأَنتُمۡ تَنظُرُونَ ٥٥

56. Sau đó, TA đã làm các ngươi sống lại sau cái chết của các ngươi, mong rằng các ngươi biết tri ân.

ثُمَّ بَعَثۡنَٰكُم مِّنۢ بَعۡدِ مَوۡتِكُمۡ لَعَلَّكُمۡ
تَشۡكُرُونَ ٥٦

57. Và TA đã dùng mây che mát cho các ngươi, ban xuống cho các ngươi Mann (loại thức uống giống như mật ong) và chim cút, và (TA phán): "Các ngươi hãy ăn thực phẩm tốt lành mà TA đã ban cấp cho các ngươi." Thật ra họ chẳng hề gây hại được TA mà ngược lại họ đã tự làm hại chính bản thân họ.

وَظَلَّلۡنَا عَلَيۡكُمُ ٱلۡغَمَامَ وَأَنزَلۡنَا عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَنَّ
وَٱلسَّلۡوَىٰۖ كُلُواْ مِن طَيِّبَٰتِ مَا رَزَقۡنَٰكُمۡۚ وَمَا
ظَلَمُونَا وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٥٧

58. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi TA bảo: "Các ngươi hãy vào thị trấn này (Palestine), các ngươi hãy tự do ăn uống thỏa thích và các ngươi hãy vào cổng trong sự phủ phục và cầu nguyện (TA): "Xin Ngài tha thứ tội lỗi cho bầy tôi" thì TA sẽ tha thứ tội lỗi cho các ngươi và TA sẽ ban thêm công đức cho những người làm tốt (trong các ngươi).

وَإِذۡ قُلۡنَا ٱدۡخُلُواْ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةَ فَكُلُواْ مِنۡهَا حَيۡثُ
شِئۡتُمۡ رَغَدٗا وَٱدۡخُلُواْ ٱلۡبَابَ سُجَّدٗا وَقُولُواْ حِطَّةٞ
نَّغۡفِرۡ لَكُمۡ خَطَٰيَٰكُمۡۚ وَسَنَزِيدُ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٥٨

59. Tuy nhiên, những kẻ làm điều sai quấy đã thay đổi lời nói đó thành lời khác với lời đã bảo ban họ, thế là TA đã giáng tai họa từ trời xuống trừng phạt những kẻ làm điều sai quấy bởi những hành động tội lỗi của họ.

فَبَدَّلَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ قَوْلًا غَيْرَ ٱلَّذِى قِيلَ لَهُمْ
فَأَنزَلْنَا عَلَى ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ رِجْزًا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ بِمَا
كَانُوا۟ يَفْسُقُونَ ﴿٥٩﴾

60. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi Musa thỉnh cầu được ban nước uống cho người dân của Y, TA bảo: “Ngươi hãy dùng gậy của Ngươi đánh lên tảng đá”, rồi mười hai ngọn nước phún ra từ đó, mỗi bộ lạc (trong mười hai bộ lạc) đều biết được đâu là nguồn nước của mình. (Allah phán:) Các ngươi hãy ăn uống thiên lộc của Allah và chớ đừng tàn phá trái đất.

۞وَإِذِ ٱسْتَسْقَىٰ مُوسَىٰ لِقَوْمِهِۦ فَقُلْنَا ٱضْرِب
بِّعَصَاكَ ٱلْحَجَرَ ۖ فَٱنفَجَرَتْ مِنْهُ ٱثْنَتَا عَشْرَةَ عَيْنًا ۖ
قَدْ عَلِمَ كُلُّ أُنَاسٍ مَّشْرَبَهُمْ ۖ كُلُوا۟ وَٱشْرَبُوا۟ مِن رِّزْقِ
ٱللَّهِ وَلَا تَعْثَوْا۟ فِى ٱلْأَرْضِ مُفْسِدِينَ ﴿٦٠﴾

61. (Các ngươi hãy nhớ lại) việc mình đã đề nghị: “Hỡi Musa, chúng tôi không thể nào chịu nổi khi chỉ phải ăn mãi một loại thức ăn thế này, Người hãy cầu xin Thượng Đế của Người ban cho chúng tôi thực phẩm mọc ra từ đất như rau xanh, dưa leo, tỏi, đậu và hành.” Musa hỏi: “Sao, các người lại muốn lấy cái tốt đổi cái tệ kia chứ? Các người hãy đi đến bất cứ nơi nào (của Ai Cập), các người sẽ có được những thứ mà các người đòi hỏi.” Thế là sự hèn hạ, nghèo khổ đã bám lấy họ và họ phải sống trong cơn giận dữ của Allah. Họ bị như thế là vì họ đã vô đức tin nơi các Lời Mặc Khải của Allah và giết hại các vị Nabi một cách không chính đáng. Đó là bởi vì họ đã trái lệnh và vượt quá giới hạn (của Allah).

وَإِذْ قُلْتُمْ يَٰمُوسَىٰ لَن نَّصْبِرَ عَلَىٰ طَعَامٍ وَٰحِدٍ فَٱدْعُ
لَنَا رَبَّكَ يُخْرِجْ لَنَا مِمَّا تُنۢبِتُ ٱلْأَرْضُ مِنۢ بَقْلِهَا
وَقِثَّآئِهَا وَفُومِهَا وَعَدَسِهَا وَبَصَلِهَا ۖ قَالَ أَتَسْتَبْدِلُونَ
ٱلَّذِى هُوَ أَدْنَىٰ بِٱلَّذِى هُوَ خَيْرٌ ۚ ٱهْبِطُوا۟ مِصْرًا فَإِنَّ
لَكُم مَّا سَأَلْتُمْ ۗ وَضُرِبَتْ عَلَيْهِمُ ٱلذِّلَّةُ وَٱلْمَسْكَنَةُ
وَبَآءُو بِغَضَبٍ مِّنَ ٱللَّهِ ۗ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ كَانُوا۟
يَكْفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَيَقْتُلُونَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ بِغَيْرِ
ٱلْحَقِّ ۗ ذَٰلِكَ بِمَا عَصَوا۟ وَّكَانُوا۟ يَعْتَدُونَ ﴿٦١﴾

62. Quả thật, những người có đức tin (trong cộng đồng Islam) và các cộng đồng người Do Thái, người Thiên Chúa và người Sobi-un (Sabian)(2), ai trong số họ đã tin tưởng vào Allah, tin vào Đời Sau và hành thiện thì họ đã đạt được phần thưởng từ Thượng Đế của mình, họ sẽ không phải lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.[1]

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَٱلَّذِينَ هَادُوا۟ وَٱلنَّصَٰرَىٰ
وَٱلصَّٰبِـِٔينَ مَنْ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ ٱلْءَاخِرِ وَعَمِلَ
صَٰلِحًا فَلَهُمْ أَجْرُهُمْ عِندَ رَبِّهِمْ وَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ
وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٦٢﴾

63. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi TA đã nhận giao ước của các ngươi và TA đã nâng ngọn núi lên trên các ngươi mà phán: “Các ngươi hãy nắm chắc những gì TA đã ban cho các ngươi (trong Kinh Tawrah), và các ngươi hãy ghi nhớ mọi điều răn dạy trong đó hi vọng các ngươi sẽ ngoan đạo.”

وَإِذْ أَخَذْنَا مِيثَٰقَكُمْ وَرَفَعْنَا فَوْقَكُمُ ٱلطُّورَ
خُذُوا۟ مَآ ءَاتَيْنَٰكُم بِقُوَّةٍ وَٱذْكُرُوا۟ مَا فِيهِ لَعَلَّكُمْ
تَتَّقُونَ ﴿٦٣﴾

[1] (2) Sobi-un là danh từ mà người Ả-rập gọi chung tất cả những ai đã cải đạo sang tôn giáo khác, họ theo một số Thiên Sứ của Allah ở thời trước đây. Cố học giả Sheikh Al-Islam Ibnu Taimiyah nói: “Sobi-un có hai nhóm, một nhóm tin tưởng và thờ phượng Allah duy nhất, họ được nhắc ở câu 62 của chương Al-Baqarah và nhóm còn lại là nhóm đa thần, họ được nhắc ở câu 17 của chương Al-Hajj.”

64. Nhưng rồi các ngươi lại quay mặt làm ngơ, nếu Allah không ưu ái và thương xót các ngươi thì chắc chắn các ngươi đã trở thành những kẻ thất bại mất rồi.

ثُمَّ تَوَلَّيْتُم مِّنۢ بَعْدِ ذَٰلِكَۖ فَلَوْلَا فَضْلُ ٱللَّهِ
عَلَيْكُمْ وَرَحْمَتُهُۥ لَكُنتُم مِّنَ ٱلْخَٰسِرِينَ ٦٤

65. Và chắc hẳn các ngươi đã biết rõ về câu chuyện của nhóm người trong các ngươi đã phạm giới luật cấm của ngày thứ bảy, TA đã phán cho họ: “Các ngươi hãy thành loài khỉ đáng khinh!”

وَلَقَدْ عَلِمْتُمُ ٱلَّذِينَ ٱعْتَدَوْا۟ مِنكُمْ فِى ٱلسَّبْتِ
فَقُلْنَا لَهُمْ كُونُوا۟ قِرَدَةً خَٰسِـِٔينَ ٦٥

66. TA đã lấy sự trừng phạt đó làm bài học cho các thế hệ đang sống trong thời đại của họ và các thế hệ sau họ và làm lời răn dạy cho những người ngoan đạo.

فَجَعَلْنَٰهَا نَكَٰلًا لِّمَا بَيْنَ يَدَيْهَا وَمَا خَلْفَهَا
وَمَوْعِظَةً لِّلْمُتَّقِينَ ٦٦

67. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi Musa bảo người dân của Y: “Quả thật Allah đã ra lệnh cho các người cắt tiết một con bò cái.” Họ nói: “Có phải Người đùa với chúng tôi chăng?” (Musa) nói: “Ta cầu xin Allah che chở tránh khỏi việc trở thành một kẻ ngu muội (dám đùa cợt với mệnh lệnh của Ngài).”

وَإِذْ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوْمِهِۦٓ إِنَّ ٱللَّهَ يَأْمُرُكُمْ أَن تَذْبَحُوا۟
بَقَرَةًۖ قَالُوٓا۟ أَتَتَّخِذُنَا هُزُوًاۖ قَالَ أَعُوذُ بِٱللَّهِ أَنْ
أَكُونَ مِنَ ٱلْجَٰهِلِينَ ٦٧

68. Họ (yêu cầu Musa), nói: “(Nếu đúng như vậy,) Người hãy cầu nguyện Thượng Đế của Người mô tả rõ cho chúng tôi biết con bò cái đó ra sao?” (Musa) bảo: “Ngài phán rằng đó là con bò cái, không quá già cũng không quá non mà là ở giữa hai mức đó. Nào các người hãy mau thực hiện theo điều mà các người đã được lệnh!”

قَالُوا۟ ٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ يُبَيِّن لَّنَا مَا هِىَۚ قَالَ إِنَّهُۥ يَقُولُ
إِنَّهَا بَقَرَةٌ لَّا فَارِضٌ وَلَا بِكْرٌ عَوَانٌۢ بَيْنَ ذَٰلِكَۖ
فَٱفْعَلُوا۟ مَا تُؤْمَرُونَ ٦٨

69. Họ (lại yêu cầu Musa), nói: “Vậy Người hãy cầu nguyện Thượng Đế của Người trình bày rõ cho chúng tôi biết nó màu gì?” (Musa) bảo: “Ngài phán rằng đó là con bò cái vàng hung, màu của nó làm cho người nhìn thích thú.”

قَالُوا۟ ٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ يُبَيِّن لَّنَا مَا لَوْنُهَاۚ قَالَ إِنَّهُۥ
يَقُولُ إِنَّهَا بَقَرَةٌ صَفْرَآءُ فَاقِعٌ لَّوْنُهَا تَسُرُّ
ٱلنَّٰظِرِينَ ٦٩

70. Họ (lại tiếp tục yêu cầu Musa), nói: “Người hãy cầu nguyện Thượng Đế của Người trình bày chi tiết hơn nữa về nó, bởi con bò cái đều giông giống nhau, chúng tôi khó phân biệt, In-Sha-Allah(3) lần này chúng tôi sẽ được chỉ đúng.”[1]

قَالُوا۟ ٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ يُبَيِّن لَّنَا مَا هِىَ إِنَّ ٱلْبَقَرَ تَشَٰبَهَ
عَلَيْنَا وَإِنَّآ إِن شَآءَ ٱللَّهُ لَمُهْتَدُونَ ٧٠

71. (Musa) bảo: “Ngài phán rằng đó là con bò cái chưa từng cày ruộng cũng chưa từng kéo nước tưới rẫy, nó lành lặn (khỏe mạnh và không khiếm khuyết) và nó hoàn toàn vàng hung (không có một đốm trắng nào).” (Đến đây) họ mới nói: “Giờ thì Người mới trình bày rõ sự thật.” Rồi (cuối cùng) họ cũng đã cắt tiết nó sau khi gần như không muốn làm.

قَالَ إِنَّهُۥ يَقُولُ إِنَّهَا بَقَرَةٌ لَّا ذَلُولٌ تُثِيرُ ٱلْأَرْضَ وَلَا
تَسْقِى ٱلْحَرْثَ مُسَلَّمَةٌ لَّا شِيَةَ فِيهَاۚ قَالُوا۟ ٱلْـَٰٔنَ
جِئْتَ بِٱلْحَقِّۚ فَذَبَحُوهَا وَمَا كَادُوا۟ يَفْعَلُونَ ٧١

[1] (3) In-Sha-Allah nghĩa là “Nếu Allah muốn”. Đây là câu nói mà tín đồ Muslim nên nói khi muốn nói hay làm một điều gì đó ở tương lai.

72. (Các ngươi hãy nhớ lại hỡi dân Israel) khi các ngươi giết một sinh mạng nhưng các ngươi đổ thừa lẫn nhau về (vụ án mạng đó), nhưng rồi Allah cũng đã phơi bày điều bí ẩn mà các ngươi đã cố giấu giếm.

وَإِذۡ قَتَلۡتُمۡ نَفۡسٗا فَٱدَّٰرَٰٔتُمۡ فِيهَاۖ وَٱللَّهُ مُخۡرِجٞ مَّا كُنتُمۡ تَكۡتُمُونَ ٧٢

73. TA đã phán: “Các ngươi hãy lấy xương (của con bò đã cắt tiết) đánh vào nó (thi thể của nạn nhân).” Với cách đó, Allah làm cho người chết sống lại (chỉ ra kẻ sát nhân), đồng thời để Ngài trình bày cho các ngươi thấy các phép lạ của Ngài, mong rằng các ngươi biết suy nghĩ.

فَقُلۡنَا ٱضۡرِبُوهُ بِبَعۡضِهَاۚ كَذَٰلِكَ يُحۡيِ ٱللَّهُ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَيُرِيكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ لَعَلَّكُمۡ تَعۡقِلُونَ ٧٣

74. Nhưng rồi sau đó, con tim của các ngươi lại chai cứng tựa như đá hoặc cứng hơn thế. Bởi lẽ có loại đá từ đó phun ra các con sông, có loại đá nứt làm đôi cho nước chảy ra và có loại đá rơi từ trên núi xuống vì khiếp sợ Allah. Và Allah không làm ngơ trước bất cứ hành động nào của các ngươi.

ثُمَّ قَسَتۡ قُلُوبُكُم مِّنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ فَهِيَ كَٱلۡحِجَارَةِ أَوۡ أَشَدُّ قَسۡوَةٗۚ وَإِنَّ مِنَ ٱلۡحِجَارَةِ لَمَا يَتَفَجَّرُ مِنۡهُ ٱلۡأَنۡهَٰرُۚ وَإِنَّ مِنۡهَا لَمَا يَشَّقَّقُ فَيَخۡرُجُ مِنۡهُ ٱلۡمَآءُۚ وَإِنَّ مِنۡهَا لَمَا يَهۡبِطُ مِنۡ خَشۡيَةِ ٱللَّهِۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ٧٤

75. Lẽ nào các ngươi (hỡi những người có đức tin) vẫn còn hy vọng rằng họ (những người Do Thái) sẽ tin tưởng các ngươi khi một nhóm (tu sĩ) trong số họ quả thật đã nghe rõ lời phán của Allah rồi sau đó bóp méo nó sau khi họ đã hiểu rõ nó trong lúc họ biết (điều họ làm) ư?

۞أَفَتَطۡمَعُونَ أَن يُؤۡمِنُواْ لَكُمۡ وَقَدۡ كَانَ فَرِيقٞ مِّنۡهُمۡ يَسۡمَعُونَ كَلَٰمَ ٱللَّهِ ثُمَّ يُحَرِّفُونَهُۥ مِنۢ بَعۡدِ مَا عَقَلُوهُ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ٧٥

76. Mỗi khi họ gặp những người có đức tin, họ bảo: “Chúng tôi đã có đức tin” nhưng khi họ ở riêng với nhau thì lại trách móc nhau: “Tại sao các người lại tuyên bố với họ (những người có đức tin) điều mà Allah đã bảo các người (phải tin vào Muhammad) để họ có bằng chứng thưa các người trước Thượng Đế của các người, sao các người không chịu suy nghĩ?”

وَإِذَا لَقُواْ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَإِذَا خَلَا بَعۡضُهُمۡ إِلَىٰ بَعۡضٖ قَالُوٓاْ أَتُحَدِّثُونَهُم بِمَا فَتَحَ ٱللَّهُ عَلَيۡكُمۡ لِيُحَآجُّوكُم بِهِۦ عِندَ رَبِّكُمۡۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٧٦

77. Lẽ nào họ lại không biết rằng Allah luôn thông tường hết những gì họ đã cố giấu giếm và những gì họ công khai?

أَوَلَا يَعۡلَمُونَ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا يُعۡلِنُونَ ٧٧

78. Trong số họ (những người Do Thái) có những tên mù chữ không biết gì về Kinh Sách ngoại trừ điều mơ mộng viển vông và những kẻ đó chỉ toàn đoán chừng mà thôi.

وَمِنۡهُمۡ أُمِّيُّونَ لَا يَعۡلَمُونَ ٱلۡكِتَٰبَ إِلَّآ أَمَانِيَّ وَإِنۡ هُمۡ إِلَّا يَظُنُّونَ ٧٨

79. Bởi thế, thật đáng bị hủy diệt đối với những kẻ đã tự tay mình viết Kinh Sách rồi lại bảo rằng đó là Kinh Sách do Allah ban xuống hầu mang Nó đi bán với cái giá ít ỏi. Họ thật đáng bị hủy diệt bởi những gì họ đã tự tay viết và những gì họ đã tích cóp (từ việc làm đó).

فَوَيۡلٞ لِّلَّذِينَ يَكۡتُبُونَ ٱلۡكِتَٰبَ بِأَيۡدِيهِمۡ ثُمَّ يَقُولُونَ هَٰذَا مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ لِيَشۡتَرُواْ بِهِۦ ثَمَنٗا

قَلِيلًاۖ فَوَيۡلٌ لَّهُم مِّمَّا كَتَبَتۡ أَيۡدِيهِمۡ وَوَيۡلٌ لَّهُم مِّمَّا
يَكۡسِبُونَ ٧٩

80. Họ (những người Do Thái) nói: “Hỏa Ngục không chạm đến chúng tôi được lâu đâu mà chỉ vài ngày ngắn ngủi thôi.” Ngươi (hỡi Muhammad) hãy bảo họ: “Có phải các người đã nhận được lời đảm bảo từ Allah rồi chăng, nếu đúng như thế thì Allah sẽ không bao giờ bội ước; hay là các người chỉ nói cho Allah điều mà các người không biết?”

وَقَالُواْ لَن تَمَسَّنَا ٱلنَّارُ إِلَّآ أَيَّامًا مَّعۡدُودَةٗۚ قُلۡ
أَتَّخَذۡتُمۡ عِندَ ٱللَّهِ عَهۡدًا فَلَن يُخۡلِفَ ٱللَّهُ عَهۡدَهُۥٓۖ أَمۡ
تَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٨٠

81. Không đâu, ai đã tích cóp tội lỗi thì sẽ bị tội lỗi đó túm lấy họ, họ sẽ là đám cư dân của Hỏa Ngục và phải ở trong nó mãi mãi.

بَلَىٰۚ مَن كَسَبَ سَيِّئَةٗ وَأَحَٰطَتۡ بِهِۦ خَطِيٓـَٔتُهُۥ
فَأُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٨١

82. Riêng những ai có đức tin và hành thiện, họ sẽ là cư dân của Thiên Đàng, họ sẽ định cư trong đó mãi mãi.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أُوْلَٰٓئِكَ
أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٨٢

83. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi TA đã nhận giao ước từ người dân Israel các ngươi, (TA phán bảo các ngươi): “Các ngươi không được thờ phượng ai ngoài Allah, các ngươi phải hiếu thảo với cha mẹ, phải cư xử tử tế với bà con họ hàng, với trẻ mồ côi, với những người thiếu thốn, các ngươi phải nói năng nhã nhặn với mọi người, phải duy trì lễ nguyện Salah và phải xuất Zakah.” Nhưng rồi chỉ có một ít trong các ngươi tuân thủ còn đa số các ngươi đều đã ngoảnh mặt quay lưng.”

وَإِذۡ أَخَذۡنَا مِيثَٰقَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ لَا تَعۡبُدُونَ إِلَّا ٱللَّهَ
وَبِٱلۡوَٰلِدَيۡنِ إِحۡسَانٗا وَذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ
وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَقُولُواْ لِلنَّاسِ حُسۡنٗا وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ
وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ ثُمَّ تَوَلَّيۡتُمۡ إِلَّا قَلِيلٗا مِّنكُمۡ وَأَنتُم
مُّعۡرِضُونَ ٨٣

84. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi các ngươi đã giao ước với TA là không giết hại lẫn nhau, không xua đuổi nhau ra khỏi nhà cửa của các ngươi và điều đó được các ngươi đồng thống nhất và xác nhận.

وَإِذۡ أَخَذۡنَا مِيثَٰقَكُمۡ لَا تَسۡفِكُونَ دِمَآءَكُمۡ وَلَا
تُخۡرِجُونَ أَنفُسَكُم مِّن دِيَٰرِكُمۡ ثُمَّ أَقۡرَرۡتُمۡ وَأَنتُمۡ
تَشۡهَدُونَ ٨٤

85. Vậy mà các ngươi vẫn giết hại lẫn nhau, cố tình gây tội lỗi và hận thù để có cớ trục xuất người trong các ngươi rời khỏi nhà cửa của họ. Và nếu họ lọt vào tay các ngươi như tù binh thì các ngươi đòi họ chuộc mạng trong khi việc trục xuất họ là điều cấm đối với các ngươi. Chẳng lẽ các ngươi chỉ tin một phần của Kinh Sách và phủ nhận phần còn lại ư? Thế thì hình phạt dành cho những ai trong các ngươi dám làm điều đó không gì khác hơn là sự nhục nhã ở đời này; rồi vào Đời Sau, họ phải chuốc lấy cực hình khủng khiếp, và Allah không làm ngơ trước bất cứ điều gì các ngươi làm.

ثُمَّ أَنتُمۡ هَٰٓؤُلَآءِ تَقۡتُلُونَ أَنفُسَكُمۡ وَتُخۡرِجُونَ
فَرِيقٗا مِّنكُم مِّن دِيَٰرِهِمۡ تَظَٰهَرُونَ عَلَيۡهِم بِٱلۡإِثۡمِ
وَٱلۡعُدۡوَٰنِ وَإِن يَأۡتُوكُمۡ أُسَٰرَىٰ تُفَٰدُوهُمۡ وَهُوَ مُحَرَّمٌ
عَلَيۡكُمۡ إِخۡرَاجُهُمۡۚ أَفَتُؤۡمِنُونَ بِبَعۡضِ ٱلۡكِتَٰبِ
وَتَكۡفُرُونَ بِبَعۡضٖۚ فَمَا جَزَآءُ مَن يَفۡعَلُ ذَٰلِكَ
مِنكُمۡ إِلَّا خِزۡيٞ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ

يُرَدُّونَ إِلَىٰٓ أَشَدِّ ٱلۡعَذَابِۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ٨٥

86. Đó là những kẻ đã mua đời này bằng cái giá của Đời Sau. Bởi thế, sự trừng phạt dành cho họ sẽ không được giảm nhẹ và họ cũng sẽ không được ai cứu giúp.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا بِٱلۡأٓخِرَةِۖ فَلَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابُ وَلَا هُمۡ يُنصَرُونَ ٨٦

87. Quả thật, TA đã ban cho Musa Kinh Sách và đã cử các vị Thiên Sứ kế nhiệm sau Y. Và TA cũng đã ban cho Ysa (Giê-su) con trai của Maryam (Maria) một loạt phép màu rõ ràng và để Jibril (Gabriel) danh dự làm trợ thủ cho Y. Phải chăng, mỗi khi một Thiên Sứ nào đó đến gặp các ngươi (dân Israel) để thông báo về sắc lệnh của TA, khi các ngươi không thích điều gì đó thì các ngươi trở nên ngạo mạn để rồi một nhóm thì phủ nhận (các Thiên Sứ) còn một nhóm thì giết hại Họ?

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ وَقَفَّيۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِۦ بِٱلرُّسُلِۖ وَءَاتَيۡنَا عِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ ٱلۡبَيِّنَٰتِ وَأَيَّدۡنَٰهُ بِرُوحِ ٱلۡقُدُسِۗ أَفَكُلَّمَا جَآءَكُمۡ رَسُولُۢ بِمَا لَا تَهۡوَىٰٓ أَنفُسُكُمُ ٱسۡتَكۡبَرۡتُمۡ فَفَرِيقٗا كَذَّبۡتُمۡ وَفَرِيقٗا تَقۡتُلُونَ ٨٧

88. (Người Do Thái) bảo: “Con tim của chúng tôi đã bị khóa chặt rồi (không tiếp nhận thêm bất cứ điều gì nữa).” Đúng hơn là Allah đã nguyền rủa(4) họ bởi tội vô đức tin của họ nên họ chỉ tin rất ít.[1]

وَقَالُواْ قُلُوبُنَا غُلۡفُۢۚ بَل لَّعَنَهُمُ ٱللَّهُ بِكُفۡرِهِمۡ فَقَلِيلٗا مَّا يُؤۡمِنُونَ ٨٨

89. Và khi có một Kinh Sách (Qur’an) được Allah gởi đến cho họ nhằm khẳng định lại những điều ở nơi họ (trong Kinh Tawrah và Injil), và trước đó họ đã luôn mong giành chiến thắng những người vô đức tin (khi có một vị Nabi được gửi đến). Vậy mà khi điều họ thừa nhận đến với họ thì họ lại phủ nhận và bác bỏ. Cho nên Allah nguyền rủa những kẻ vô đức tin.

وَلَمَّا جَآءَهُمۡ كِتَٰبٞ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِ مُصَدِّقٞ لِّمَا مَعَهُمۡ وَكَانُواْ مِن قَبۡلُ يَسۡتَفۡتِحُونَ عَلَى ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَلَمَّا جَآءَهُم مَّا عَرَفُواْ كَفَرُواْ بِهِۦۚ فَلَعۡنَةُ ٱللَّهِ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٨٩

90. Thật tệ hại thay, chỉ vì lòng ganh tị và đố kỵ mà họ bán rẻ thân mình khi họ phủ nhận những gì được Allah thiên khải; (họ mỉa mai) rằng Allah ban hồng phúc của Ngài xuống cho bất cứ ai Ngài muốn trong số đám bề tôi của Ngài (thay vì ban xuống cho Muhammad). Thế nên họ phải chuốc lấy hết cơn thịnh nộ này đến cơn thịnh nộ khác (của Allah), và những kẻ vô đức tin sẽ bị trừng phạt một cách nhục nhã.

بِئۡسَمَا ٱشۡتَرَوۡاْ بِهِۦٓ أَنفُسَهُمۡ أَن يَكۡفُرُواْ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ بَغۡيًا أَن يُنَزِّلَ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۖ فَبَآءُو بِغَضَبٍ عَلَىٰ غَضَبٖۚ وَلِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابٞ مُّهِينٞ ٩٠

91. Khi có lời bảo họ (dân Do Thái): “Các người hãy tin vào những gì Allah ban xuống (trong Qur’an)”. Họ nói: “Chúng tôi chỉ tin vào những gì đã thiên khải cho chúng tôi (từ Tawrah) mà thôi.” Và họ bác bỏ hoàn toàn mọi điều được thiên khải sau đó trong khi Qur’an là chân lý xác nhận lại những gì đang trong tay họ. Ngươi (hỡi Muhammad) hãy hỏi họ: “Nếu thật sự các người đã có

وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ ءَامِنُواْ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ قَالُواْ نُؤۡمِنُ بِمَآ أُنزِلَ عَلَيۡنَا وَيَكۡفُرُونَ بِمَا وَرَآءَهُۥ وَهُوَ ٱلۡحَقُّ مُصَدِّقٗا لِّمَا مَعَهُمۡۗ قُلۡ فَلِمَ تَقۡتُلُونَ أَنۢبِيَآءَ ٱللَّهِ مِن قَبۡلُ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٩١

[1] (4) Allah đã trục xuất họ ra khỏi lòng thương xót và khoan dung của Ngài.

đức tin thì tại sao trước đây các người lại giết chết những vị Nabi của Allah?”

92. Và quả thật, Musa cũng đã mang đến cho các ngươi nhiều bằng chứng rõ rệt, vậy mà sau đó các ngươi vẫn mù quáng đúc tượng con bò để thờ phượng và các ngươi là những kẻ làm điều sai quấy.

۞وَلَقَدۡ جَآءَكُم مُّوسَىٰ بِٱلۡبَيِّنَٰتِ ثُمَّ ٱتَّخَذۡتُمُ
ٱلۡعِجۡلَ مِنۢ بَعۡدِهِۦ وَأَنتُمۡ ظَٰلِمُونَ ٩٢

93. (Các ngươi hãy nhớ lại) khi TA nhận lấy giao ước của các ngươi và TA đã nâng ngọn núi lên bên trên các ngươi, (TA phán): “Các ngươi hãy nắm thật chặt những điều TA đã mang đến cho các ngươi và hãy nghe theo (những điều mặc khải đó).” Họ đáp: “Chúng tôi đã nghe nhưng không làm theo.” Niềm tin vào con bò (đúc) là thần linh đã thấm sâu vào tim họ. Ngươi hãy bảo họ (hỡi Muhammad): “Thật xấu xa thay cho đức tin (lầm lạc) của các người đã sai khiến các người nếu các người có đức tin (nơi bất cứ sự việc gì).”

وَإِذۡ أَخَذۡنَا مِيثَٰقَكُمۡ وَرَفَعۡنَا فَوۡقَكُمُ ٱلطُّورَ
خُذُواْ مَآ ءَاتَيۡنَٰكُم بِقُوَّةٖ وَٱسۡمَعُواْۖ قَالُواْ سَمِعۡنَا
وَعَصَيۡنَا وَأُشۡرِبُواْ فِي قُلُوبِهِمُ ٱلۡعِجۡلَ بِكُفۡرِهِمۡۚ قُلۡ
بِئۡسَمَا يَأۡمُرُكُم بِهِۦٓ إِيمَٰنُكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٩٣

94. Ngươi hãy bảo họ (hỡi Muhammad): “Nếu các người (hỡi những người Do Thái) khẳng định cuộc sống Đời Sau là dành riêng cho các người, không dành cho bất cứ ai khác trong nhân loại, vậy thì các người hãy cầu xin được chết ngay đi, nếu các người nói thật?”

قُلۡ إِن كَانَتۡ لَكُمُ ٱلدَّارُ ٱلۡأٓخِرَةُ عِندَ ٱللَّهِ خَالِصَةٗ
مِّن دُونِ ٱلنَّاسِ فَتَمَنَّوُاْ ٱلۡمَوۡتَ إِن كُنتُمۡ
صَٰدِقِينَ ٩٤

95. Nhưng chắc chắn họ sẽ không bao giờ dám cầu xin được chết đâu bởi họ hiểu rõ những gì họ đã làm; và Allah luôn tận tường mọi hành động của những kẻ làm điều sai quấy.

وَلَن يَتَمَنَّوۡهُ أَبَدَۢا بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ
بِٱلظَّٰلِمِينَ ٩٥

96. Và chắc chắn Ngươi (Muhammad) sẽ thấy họ là những kẻ tham sống (sợ chết) nhất, (họ tham sống) hơn cả những kẻ thờ đa thần, thậm chí từng người trong bọn họ còn ước muốn được sống đến cả ngàn năm, nhưng cho dù có được sống thọ đến chừng ấy tuổi đi chăng nữa thì vẫn không thoát khỏi được sự trừng phạt (của Allah), bởi Allah luôn thấy rõ mọi điều họ làm.

وَلَتَجِدَنَّهُمۡ أَحۡرَصَ ٱلنَّاسِ عَلَىٰ حَيَوٰةٖ وَمِنَ ٱلَّذِينَ
أَشۡرَكُواْۚ يَوَدُّ أَحَدُهُمۡ لَوۡ يُعَمَّرُ أَلۡفَ سَنَةٖ وَمَا هُوَ
بِمُزَحۡزِحِهِۦ مِنَ ٱلۡعَذَابِ أَن يُعَمَّرَۗ وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ بِمَا
يَعۡمَلُونَ ٩٦

97. Ngươi (Muhammad) hãy nói với họ: “Ai đã từng là kẻ thù của (đại Thiên Thần) Jibril thì hãy biết rằng Y đã mang Qur’an đặt vào trái tim của Ngươi bằng phép của Allah nhằm xác nhận lại những điều đã được ban xuống trước đó, và Nó (Qur’an) là nguồn chỉ đạo và là tin mừng dành cho những người có đức tin.”

قُلۡ مَن كَانَ عَدُوّٗا لِّجِبۡرِيلَ فَإِنَّهُۥ نَزَّلَهُۥ عَلَىٰ
قَلۡبِكَ بِإِذۡنِ ٱللَّهِ مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيۡهِ وَهُدٗى
وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُؤۡمِنِينَ ٩٧

98. Ai từng là kẻ thù của Allah, của các Thiên Thần của Ngài, của các vị Thiên Sứ của Ngài, của (đại Thiên Thần) Jibril và (đại Thiên Thần) Mika-il (Michael) thì (hãy biết rằng) quả thật Allah là kẻ thù của những kẻ vô đức tin.

مَن كَانَ عَدُوّٗا لِّلَّهِ وَمَلَٰٓئِكَتِهِۦ وَرُسُلِهِۦ وَجِبۡرِيلَ
وَمِيكَىٰلَ فَإِنَّ ٱللَّهَ عَدُوّٞ لِّلۡكَٰفِرِينَ ٩٨

99. Quả thật, TA (Allah) đã thiên khải cho Ngươi (Muhammad) những lời mặc khải rõ ràng nhưng chỉ những kẻ phản nghịch, bất tuân mới không tin mà thôi.

وَلَقَدۡ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٖۖ وَمَا يَكۡفُرُ بِهَآ
إِلَّا ٱلۡفَٰسِقُونَ ٩٩

100. Cứ mỗi lần họ lập giao ước nào đó thì một nhóm trong số họ thường gạt bỏ nó sang một bên. Không, đúng hơn là (bởi vì) đa số bọn họ không có đức tin.

أَوَكُلَّمَا عَٰهَدُواْ عَهۡدٗا نَّبَذَهُۥ فَرِيقٞ مِّنۡهُمۚ بَلۡ
أَكۡثَرُهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ١٠٠

101. Và cứ mỗi khi một vị Thiên Sứ nào đó được Allah cử phái đến với họ để xác nhận lại những điều ở nơi họ thì một nhóm người được ban cho Kinh Sách lại gạt bỏ Kinh Sách của Allah ra sau lưng họ như thể là họ không hề hay biết gì cả.

وَلَمَّا جَآءَهُمۡ رَسُولٞ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِ مُصَدِّقٞ لِّمَا
مَعَهُمۡ نَبَذَ فَرِيقٞ مِّنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ كِتَٰبَ
ٱللَّهِ وَرَآءَ ظُهُورِهِمۡ كَأَنَّهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ١٠١

102. Họ (người Do Thái) đã đi theo những điều mà những tên Shaytan đọc (sai lệch) về quyền lực của Sulayman (Solomon). Và Sulayman đã không vô đức tin mà chính những tên Shaytan mới vô đức tin. Bọn chúng đã dạy loài người Sihr (bùa ngải, ma thuật) và những gì được ban xuống cho hai Thiên Thần Harut và Marut tại Babil (thành phố Babylon của I-rắc). Tuy nhiên, hai Thiên Thần này không hề dạy cho một ai mà không cảnh báo trước: "Quả thật chúng tôi là một sự thử thách (cám dỗ), cho nên các ngươi chớ vô đức tin." Mặc dù vậy, loài người vẫn học lấy từ hai Thiên Thần đó các loại (Sihr) dùng để chia rẽ vợ chồng, và họ đã không thể dùng nó hại được bất cứ ai trừ phi Allah cho phép. Và họ học lấy điều gây hại cho bản thân họ chứ nào mang lại lợi ích gì cho họ. Quả thật, họ đã biết rằng ai mua bán (Sihr) sẽ không được hưởng bất cứ điều tốt lành nào ở Đời Sau. Thật tồi tệ thay cho cái mà vì nó họ đã bán rẻ bản thân mình. Ôi giá như họ nhận biết được điều đó!

وَٱتَّبَعُواْ مَا تَتۡلُواْ ٱلشَّيَٰطِينُ عَلَىٰ مُلۡكِ سُلَيۡمَٰنَۖ وَمَا
كَفَرَ سُلَيۡمَٰنُ وَلَٰكِنَّ ٱلشَّيَٰطِينَ كَفَرُواْ
يُعَلِّمُونَ ٱلنَّاسَ ٱلسِّحۡرَ وَمَآ أُنزِلَ عَلَى ٱلۡمَلَكَيۡنِ
بِبَابِلَ هَٰرُوتَ وَمَٰرُوتَۚ وَمَا يُعَلِّمَانِ مِنۡ أَحَدٍ حَتَّىٰ
يَقُولَآ إِنَّمَا نَحۡنُ فِتۡنَةٞ فَلَا تَكۡفُرۡۖ فَيَتَعَلَّمُونَ مِنۡهُمَا
مَا يُفَرِّقُونَ بِهِۦ بَيۡنَ ٱلۡمَرۡءِ وَزَوۡجِهِۦۚ وَمَا هُم
بِضَآرِّينَ بِهِۦ مِنۡ أَحَدٍ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَيَتَعَلَّمُونَ مَا
يَضُرُّهُمۡ وَلَا يَنفَعُهُمۡۚ وَلَقَدۡ عَلِمُواْ لَمَنِ ٱشۡتَرَىٰهُ مَا
لَهُۥ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ مِنۡ خَلَٰقٖۚ وَلَبِئۡسَ مَا شَرَوۡاْ بِهِۦٓ
أَنفُسَهُمۡۚ لَوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ١٠٢

103. Nếu họ có đức tin và ngoan đạo thì chắc chắn họ sẽ được ban thưởng nhiều điều tốt đẹp hơn ở nơi Allah, giá như họ biết điều đó!

وَلَوۡ أَنَّهُمۡ ءَامَنُواْ وَٱتَّقَوۡاْ لَمَثُوبَةٞ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِ خَيۡرٞۚ
لَّوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ١٠٣

104. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ nói (với Thiên Sứ Muhammad) bằng tiếng Raa'ina(5), đổi lại các ngươi hãy nói (với Y) bằng tiếng Unzhurna, và các ngươi hãy lắng nghe (lời Y dạy). Còn những kẻ vô đức tin (rồi đây) sẽ phải chịu sự trừng phạt đau đớn.[1]

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَقُولُواْ رَٰعِنَا وَقُولُواْ ٱنظُرۡنَا
وَٱسۡمَعُواْۗ وَلِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١٠٤

[1] (5) Những người Do Thái thường hay dùng những tiếng hay những từ ngữ có âm tiết giông giống nhau để nhạo báng hoặc nguyền rủa Thiên Sứ Muhammad. Đã có nhiều Hadith cho biết rằng những người Do Thái mỗi khi chào Salam đến Thiên Sứ Muhammad, thay vì nói Assalam Alaykum thì họ lại nói Assaam Alaykum, Assalam có nghĩa là bằng an còn Assaam có nghĩa là cái chết, ý họ muốn dùng tiếng Assaam để nguyền rủa Người. Tương tự, khi họ muốn nói với Thiên Sứ Muhammad "hãy lắng nghe chúng tôi", thay vì họ nói "Raa'ina" thì họ lại nói "ari'na" có nghĩa là ngu ngốc, ý của họ

105. Không một người vô đức tin nào thuộc dân Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa) kể cả dân đa thần lại muốn Thượng Đế của các ngươi ban điều tốt xuống cho các ngươi bao giờ (hỡi những người có đức tin). Tuy nhiên, với lòng thương xót của Ngài, Ngài dành đặc ân cho ai Ngài muốn bởi Allah là chủ nhân của thiên ân vĩ đại.

مَّا يَوَدُّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ وَلَا
ٱلْمُشْرِكِينَ أَن يُنَزَّلَ عَلَيْكُم مِّنْ خَيْرٍ مِّن رَّبِّكُمْۚ
وَٱللَّهُ يَخْتَصُّ بِرَحْمَتِهِۦ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلْفَضْلِ
ٱلْعَظِيمِ ١٠٥

106. Bất cứ câu Kinh nào TA (Allah) xóa bỏ hoặc chỉ xóa đi giáo luật (vẫn giữ nguyên câu Kinh) cũng đều được TA mang đến câu Kinh khác tốt hơn hoặc tương đương. Lẽ nào Ngươi không biết Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ ư?

۞مَا نَنسَخْ مِنْ ءَايَةٍ أَوْ نُنسِهَا نَأْتِ بِخَيْرٍ مِّنْهَآ أَوْ
مِثْلِهَآۗ أَلَمْ تَعْلَمْ أَنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ ١٠٦

107. Lẽ nào Ngươi không biết vương quyền cai trị các tầng trời và trái đất đều thuộc về Allah hay sao? Và ngoài Allah, các ngươi sẽ không có bất cứ vị bảo hộ cũng như vị giúp đỡ nào.

أَلَمْ تَعْلَمْ أَنَّ ٱللَّهَ لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِۗ وَمَا
لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِن وَلِيٍّ وَلَا نَصِيرٍ ١٠٧

108. Hoặc có phải các ngươi (những người có đức tin) muốn đòi hỏi Thiên Sứ của các ngươi giống như Musa đã bị (người dân của mình) đòi hỏi trước đây ư? Người nào mang đức tin để đổi lấy sự vô đức tin thì quả thật y đã lạc khỏi con đường (chính đạo).

أَمْ تُرِيدُونَ أَن تَسْـَٔلُواْ رَسُولَكُمْ كَمَا سُئِلَ مُوسَىٰ
مِن قَبْلُۗ وَمَن يَتَبَدَّلِ ٱلْكُفْرَ بِٱلْإِيمَٰنِ فَقَدْ ضَلَّ
سَوَآءَ ٱلسَّبِيلِ ١٠٨

109. Rất nhiều dân Kinh Sách chỉ vì lòng ganh tị mà họ muốn kéo các ngươi trở lại tình trạng vô đức tin như trước đây, mặc dù chân lý đã phơi bày rõ ràng trước mặt họ. Nhưng thôi, các ngươi hãy lượng thứ và bỏ qua cho họ đến khi Allah ban hành sắc lệnh của Ngài xuống. Quả thật, Allah toàn năng trên tất cả mọi việc.

وَدَّ كَثِيرٌ مِّنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ لَوْ يَرُدُّونَكُم مِّنۢ بَعْدِ
إِيمَٰنِكُمْ كُفَّارًا حَسَدًا مِّنْ عِندِ أَنفُسِهِم مِّنۢ بَعْدِ
مَا تَبَيَّنَ لَهُمُ ٱلْحَقُّۖ فَٱعْفُواْ وَٱصْفَحُواْ حَتَّىٰ يَأْتِيَ ٱللَّهُ
بِأَمْرِهِۦٓۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ ١٠٩

110. Các ngươi hãy duy trì lễ nguyện Salah và xuất Zakah; và bất cứ điều (tốt) nào mà các ngươi đã gởi đi trước cho bản thân các ngươi, các ngươi sẽ tìm thấy chúng (đầy đủ) ở nơi Allah bởi quả thật Allah luôn thấy rõ mọi điều các ngươi làm.

وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَۚ وَمَا تُقَدِّمُواْ
لِأَنفُسِكُم مِّنْ خَيْرٍ تَجِدُوهُ عِندَ ٱللَّهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ بِمَا
تَعْمَلُونَ بَصِيرٌ ١١٠

111. Và họ (những người Do Thái và Thiên Chúa) nói: “Không ai được vào Thiên Đàng trừ người Do Thái hoặc Thiên Chúa.” Đó chẳng qua chỉ là mộng tưởng của họ mà thôi. Ngươi hãy bảo họ (hỡi Muhammad): “Vậy các người hãy đưa ra bằng chứng chứng minh lời nói của các người là sự thật đi nào!”

وَقَالُواْ لَن يَدْخُلَ ٱلْجَنَّةَ إِلَّا مَن كَانَ هُودًا أَوْ
نَصَٰرَىٰۗ تِلْكَ أَمَانِيُّهُمْۗ قُلْ هَاتُواْ بُرْهَٰنَكُمْ إِن
كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ١١١

---

muốn nhạo báng Người. Cho nên, Allah ra lệnh cho những người có đức tin không dùng tiếng “Raa’ina” nữa mà hãy dùng tiếng “Unzhurna” để thay thế khi nói chuyện với Thiên Sứ Muhammad.

112. Không (như lời họ nói), chỉ có những ai phủ phục Allah và là người làm tốt (trong thờ phượng cũng như trong hành thiện) thì họ mới được phần thưởng từ Thượng Đế của họ và họ sẽ không còn phải lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

بَلَىٰۚ مَنۡ أَسۡلَمَ وَجۡهَهُۥ لِلَّهِ وَهُوَ مُحۡسِنٞ فَلَهُۥٓ أَجۡرُهُۥ عِندَ رَبِّهِۦ وَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ١١٢

113. Những người Do Thái thì bảo những người Thiên Chúa chẳng có gì (làm cơ sở cho tôn giáo của mình) còn những người Thiên Chúa thì lại nói những người Do Thái chẳng có gì (làm cơ sở cho tôn giáo của mình) trong khi cả hai nhóm đều đọc cùng một Kinh Sách. Tương tự như vậy, những kẻ không hiểu biết cũng nói ra những lời giống như họ. Nhưng rồi đây vào Đời Sau, Allah sẽ phân xử giữa họ về những điều họ đã từng tranh cãi với nhau.

وَقَالَتِ ٱلۡيَهُودُ لَيۡسَتِ ٱلنَّصَٰرَىٰ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَقَالَتِ ٱلنَّصَٰرَىٰ لَيۡسَتِ ٱلۡيَهُودُ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَهُمۡ يَتۡلُونَ ٱلۡكِتَٰبَۗ كَذَٰلِكَ قَالَ ٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَ مِثۡلَ قَوۡلِهِمۡۚ فَٱللَّهُ يَحۡكُمُ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُواْ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ١١٣

114. Thế còn ai sai quấy hơn những kẻ đã ngăn cản thiên hạ tụng niệm Allah trong các Masjid(6) của Ngài cũng như không ngừng tìm mọi cách đập phá cho bằng được (các Masjid). Những kẻ đó, phải làm cho họ sợ mỗi khi họ muốn vào các Masjid. Họ phải bị hạ nhục ở trần gian này còn ở Đời Sau họ sẽ phải đối mặt với sự trừng phạt vô cùng khủng khiếp.[i]

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن مَّنَعَ مَسَٰجِدَ ٱللَّهِ أَن يُذۡكَرَ فِيهَا ٱسۡمُهُۥ وَسَعَىٰ فِي خَرَابِهَآۚ أُوْلَٰٓئِكَ مَا كَانَ لَهُمۡ أَن يَدۡخُلُوهَآ إِلَّا خَآئِفِينَۚ لَهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا خِزۡيٞ وَلَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ عَذَابٌ عَظِيمٞ ١١٤

115. Hướng đông và hướng tây đều là của Allah, cho nên, dù các ngươi có quay mặt về hướng nào đi chăng nữa thì cũng đều hướng đến Allah cả. Quả thật, Allah là Đấng Bao La, Đấng Hiểu Biết.

وَلِلَّهِ ٱلۡمَشۡرِقُ وَٱلۡمَغۡرِبُۚ فَأَيۡنَمَا تُوَلُّواْ فَثَمَّ وَجۡهُ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ وَٰسِعٌ عَلِيمٞ ١١٥

116. Họ (những người Do Thái, Thiên Chúa và đa thần) bảo rằng Allah có con trai. Thật trong sạch thay Ngài! Không phải như thế, bởi tất cả vạn vật trong các tầng trời và trái đất đều là của Ngài, tất cả đều phủ phục trước Ngài (với vai trò là những tạo vật của Ngài).

وَقَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ وَلَدٗاۗ سُبۡحَٰنَهُۥۖ بَل لَّهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ كُلّٞ لَّهُۥ قَٰنِتُونَ ١١٦

117. Ngài (Allah) đã sáng tạo ra các tầng trời và trái đất, (đối với Ngài) mỗi khi Ngài định điều gì, Ngài chỉ cần phán "Hãy thành", (ngay lập tức) nó sẽ thành (theo đúng ý của Ngài).

بَدِيعُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ وَإِذَا قَضَىٰٓ أَمۡرٗا فَإِنَّمَا يَقُولُ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ١١٧

---

[i] (6) Masjid là phiên âm của (مَسْجِدٌ) trong tiếng Ả-rập, theo nghĩa đen của từ có nghĩa là nơi quỳ lạy thờ cúng, số nhiều của tiếng này là (مَسَاجِدُ) – Masa-jid. Trong thuật ngữ Islam, Masjid được dùng để gọi ngôi nhà mà các tín đồ Muslim dâng lễ nguyện Salah tập thể trong đó. Người nói tiếng Việt khi nhắc đến ngôi nhà mà các tín đồ Muslim dâng lễ nguyện Salah tập thể thì họ thường dùng từ "thánh đường" hoặc "nhà thờ" để diễn đạt, có người kỹ hơn một chút thì kết hợp thêm cùng với từ "Hồi giáo" tức "thánh đường Hồi giáo" hoặc "nhà thờ Hồi giáo" để phân biệt với nhà thờ hoặc thánh đường của Thiên Chúa giáo. Xét về mặt ngữ nghĩa thì "nhà thờ" tương đối sát nghĩa hơn "thánh đường", còn "thánh đường" chưa thực sự chính xác bởi vì "thánh đường" có nghĩa là ngôi nhà của thần thánh trong khi Allah không phải là thần thánh mà là Đấng Tạo Hóa, Đấng Tối Cao, Đấng Đáng Được Thờ Phượng, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật. Tuy nhiên, từ "thánh đường" đã trở nên phổ biến và quen thuộc trong cộng đồng Muslim nói tiếng Việt mỗi khi nhắc đến ngôi nhà mà các tín đồ Muslim dâng lễ nguyện Salah tập thể. Bản dịch Qur'an tiếng Việt này dùng luôn tiếng phiên âm mà không chuyển ngữ với mong muốn tiếng "Masjid" trở thành tiếng đặc trưng của người Muslim nói tiếng Việt khi họ gọi ngôi nhà dâng lễ nguyện Salah tập thể của mình mục đích để khỏi nhầm lẫn với các nơi thờ cúng của người ngoại đạo.

118. Những kẻ thiếu hiểu biết (thuộc những người Do Thái, Thiên Chúa và đa thần) bảo: “Tại sao Allah lại không nói chuyện trực tiếp với chúng tôi hoặc phơi bày cho chúng tôi thấy một dấu hiệu để chứng minh?” Tương tự, những cộng đồng trước họ cũng đã nói giống như lời của họ, đúng là tất cả họ đều có con tim tương đồng nhau. Quả thật, TA đã phơi bày rõ ràng các dấu hiệu cho những người có niềm tin kiên định.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَ لَوۡلَا يُكَلِّمُنَا ٱللَّهُ أَوۡ تَأۡتِينَآ
ءَايَةٞۗ كَذَٰلِكَ قَالَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِم مِّثۡلَ قَوۡلِهِمۡۘ
تَشَٰبَهَتۡ قُلُوبُهُمۡۗ قَدۡ بَيَّنَّا ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يُوقِنُونَ ١١٨

119. Quả thật, TA (Allah) đã cử phái Ngươi (Muhammad) đến để báo tin mừng (về Thiên Đàng) và cảnh báo (về Hỏa Ngục) bằng sự thật, và Ngươi sẽ không bị chất vất về những người bạn của Hỏa Ngục.

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَٰكَ بِٱلۡحَقِّ بَشِيرٗا وَنَذِيرٗاۖ وَلَا تُسۡـَٔلُ عَنۡ
أَصۡحَٰبِ ٱلۡجَحِيمِ ١١٩

120. Những người Do Thái và những người Thiên Chúa sẽ không bao giờ bằng lòng với Ngươi (Muhammad) ngoại trừ Ngươi chịu theo tôn giáo của họ. Ngươi hãy nói với họ: “Quả thật, sự hướng dẫn của Allah mới là chỉ đạo (đúng đắn)”. Nhưng nếu như Ngươi đi theo họ sau khi Ngươi đã tiếp nhận được kiến thức thì chắc chắn Ngươi sẽ không có ai che chở và giúp đỡ cả.

وَلَن تَرۡضَىٰ عَنكَ ٱلۡيَهُودُ وَلَا ٱلنَّصَٰرَىٰ حَتَّىٰ تَتَّبِعَ
مِلَّتَهُمۡۗ قُلۡ إِنَّ هُدَى ٱللَّهِ هُوَ ٱلۡهُدَىٰۗ وَلَئِنِ ٱتَّبَعۡتَ
أَهۡوَآءَهُم بَعۡدَ ٱلَّذِي جَآءَكَ مِنَ ٱلۡعِلۡمِ مَا لَكَ مِنَ
ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٍ ١٢٠

121. Đối với những ai được ban cho Kinh Sách rồi đọc Nó theo cách mà Nó phải được đọc thì đấy là những người thực sự có đức tin nơi (Kinh Sách đó); còn ai phủ nhận Nó thì sẽ là những kẻ thất bại.

ٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ يَتۡلُونَهُۥ حَقَّ تِلَاوَتِهِۦٓ
أُوْلَٰٓئِكَ يُؤۡمِنُونَ بِهِۦۗ وَمَن يَكۡفُرۡ بِهِۦ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلۡخَٰسِرُونَ ١٢١

122. Hỡi người dân Israel, các ngươi hãy ghi nhớ ân huệ mà TA đã đặc ân cho các ngươi và quả thật TA đã ưu đãi các ngươi hơn thiên hạ.

يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتِيَ ٱلَّتِيٓ أَنۡعَمۡتُ
عَلَيۡكُمۡ وَأَنِّي فَضَّلۡتُكُمۡ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٢٢

123. Các ngươi hãy sợ Ngày mà không ai gánh chịu thay cho ai, Ngày mà sự bồi thường không được chấp nhận, sự can thiệp trở nên vô ích và không ai cứu giúp được ai.

وَٱتَّقُواْ يَوۡمٗا لَّا تَجۡزِي نَفۡسٌ عَن نَّفۡسٖ شَيۡـٔٗا وَلَا
يُقۡبَلُ مِنۡهَا عَدۡلٞ وَلَا تَنفَعُهَا شَفَٰعَةٞ وَلَا هُمۡ
يُنصَرُونَ ١٢٣

124. Ngươi (Muhammad) hãy nhớ lại khi Ibrahim (Abraham) hoàn thành tốt tất cả thử thách mà Thượng Đế của Y đã thử thách. Allah phán: “Rằng TA sẽ cử Ngươi làm một nhà lãnh đạo gương mẫu cho nhân loại.” (Ibrahim) thưa: “Và xin được như thế trong dòng tộc của bề tôi.” (Allah) đáp: “Tuy nhiên, lời hứa của TA không dành cho những kẻ sai quấy.”

۞وَإِذِ ٱبۡتَلَىٰٓ إِبۡرَٰهِـۧمَ رَبُّهُۥ بِكَلِمَٰتٖ فَأَتَمَّهُنَّۖ قَالَ إِنِّي
جَاعِلُكَ لِلنَّاسِ إِمَامٗاۖ قَالَ وَمِن ذُرِّيَّتِيۖ قَالَ لَا
يَنَالُ عَهۡدِي ٱلظَّٰلِمِينَ ١٢٤

125. Ngươi hãy nhớ lại khi TA đã chỉ định Ngôi đền (Ka’bah) linh thiêng làm một nơi an toàn cho thiên hạ tới lui thăm viếng và (TA ra lệnh cho những ai đến viếng):

وَإِذۡ جَعَلۡنَا ٱلۡبَيۡتَ مَثَابَةٗ لِّلنَّاسِ وَأَمۡنٗا وَٱتَّخِذُواْ مِن
مَّقَامِ إِبۡرَٰهِـۧمَ مُصَلّٗىۖ وَعَهِدۡنَآ إِلَىٰٓ إِبۡرَٰهِـۧمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ

"Các ngươi hãy lấy chỗ đứng của Ibrahim làm chỗ dâng lễ nguyện Salah." Và TA bắt Ibrahim và Isma'il cam kết giữ Ngôi Đền của TA luôn trong sạch cho những người đến để Tawaf (đi vòng quanh Nó), những người đến để 'Etikaf (chuyên tu trong Nó) và những người đến để lễ nguyện Salah trong Nó.

أَن طَهِّرَا بَيْتِيَ لِلطَّآئِفِينَ وَٱلْعَٰكِفِينَ وَٱلرُّكَّعِ
ٱلسُّجُودِ ١٢٥

126. Ngươi hãy nhớ lại khi Ibrahim cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài làm cho thành phố (Makkah) này được an toàn và phồn vinh, xin Ngài ban bố đủ loại trái quả làm nguồn thực phẩm cho cư dân của nó, những ai mà họ đã tin tưởng nơi Allah và Đời Sau." (Allah) phán: "Còn ai vô đức tin thì TA sẽ cho y hưởng thụ trong chốc lát rồi TA sẽ tống cổ y đến với cực hình của Hỏa Ngục, một chốn ngụ cuối cùng thật tồi tệ."

وَإِذْ قَالَ إِبْرَٰهِـۧمُ رَبِّ ٱجْعَلْ هَٰذَا بَلَدًا ءَامِنًا وَٱرْزُقْ
أَهْلَهُۥ مِنَ ٱلثَّمَرَٰتِ مَنْ ءَامَنَ مِنْهُم بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ
ٱلْءَاخِرِ ۖ قَالَ وَمَن كَفَرَ فَأُمَتِّعُهُۥ قَلِيلًا ثُمَّ أَضْطَرُّهُۥٓ
إِلَىٰ عَذَابِ ٱلنَّارِ ۖ وَبِئْسَ ٱلْمَصِيرُ ١٢٦

127. Ngươi hãy nhớ lại khi Ibrahim và Isma'il đặt nền móng cho Ngôi Đền, cả hai cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài chấp nhận việc làm này của bầy tôi, bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hiểu Biết."

وَإِذْ يَرْفَعُ إِبْرَٰهِـۧمُ ٱلْقَوَاعِدَ مِنَ ٱلْبَيْتِ وَإِسْمَٰعِيلُ
رَبَّنَا تَقَبَّلْ مِنَّآ ۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْعَلِيمُ ١٢٧

128. "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài khiến hai cha con bầy tôi thành hai người Muslim và cả dòng tộc của bầy tôi thành một cộng đồng Muslim, xin Ngài chỉ dạy cho bầy tôi những nghi thức thờ phượng và xin Ngài lượng thứ cho những lầm lỡ của bầy tôi, quả thật Ngài là Đấng Hằng Chấp Nhận Sám Hối, Đấng Khoan Dung."

رَبَّنَا وَٱجْعَلْنَا مُسْلِمَيْنِ لَكَ وَمِن ذُرِّيَّتِنَآ أُمَّةً
مُّسْلِمَةً لَّكَ وَأَرِنَا مَنَاسِكَنَا وَتُبْ عَلَيْنَآ ۖ إِنَّكَ أَنتَ
ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ١٢٨

129. "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy dựng lên trong con cháu của bầy tôi một Thiên Sứ xuất thân từ chúng để y đọc cho chúng nghe những lời thiên khải của Ngài, để y dạy chúng Kinh Sách và sự khôn ngoan, và để y thanh lọc chúng. Quả thật, Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt."

رَبَّنَا وَٱبْعَثْ فِيهِمْ رَسُولًا مِّنْهُمْ يَتْلُواْ عَلَيْهِمْ
ءَايَٰتِكَ وَيُعَلِّمُهُمُ ٱلْكِتَٰبَ وَٱلْحِكْمَةَ وَيُزَكِّيهِمْ ۚ إِنَّكَ
أَنتَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ١٢٩

130. Chỉ người nào (bất công với chính bản thân mình) bởi sự ngu muội của y mới chối bỏ tôn giáo của Ibrahim, bởi TA đã chọn Y (làm một vị lãnh đạo gương mẫu) ở đời này và ở Đời Sau chắc chắn Y sẽ thuộc hàng ngũ những người đức hạnh.

وَمَن يَرْغَبُ عَن مِّلَّةِ إِبْرَٰهِـۧمَ إِلَّا مَن سَفِهَ نَفْسَهُۥ ۚ
وَلَقَدِ ٱصْطَفَيْنَٰهُ فِى ٱلدُّنْيَا ۖ وَإِنَّهُۥ فِى ٱلْءَاخِرَةِ لَمِنَ
ٱلصَّٰلِحِينَ ١٣٠

131. Ngươi hãy nhớ lại khi Thượng Đế của Y (Ibrahim) bảo Y: "Ngươi hãy thần phục TA" thì Y liền đáp: "Bề tôi xin thần phục Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật."

إِذْ قَالَ لَهُۥ رَبُّهُۥٓ أَسْلِمْ ۖ قَالَ أَسْلَمْتُ لِرَبِّ
ٱلْعَٰلَمِينَ ١٣١

132. Ibrahim đã căn dặn các con của Y điều đó, và Ya'qub (Jacob) cũng căn dặn các con của mình như vậy, (Y nói): "Này các con, Allah đã chọn cho các con tôn giáo (Islam), vậy nên, các con hãy đừng chết trừ phi các con là những người Muslim."

وَوَصَّىٰ بِهَآ إِبۡرَٰهِـۧمُ بَنِيهِ وَيَعۡقُوبُ يَٰبَنِيَّ إِنَّ ٱللَّهَ
ٱصۡطَفَىٰ لَكُمُ ٱلدِّينَ فَلَا تَمُوتُنَّ إِلَّا وَأَنتُم
مُّسۡلِمُونَ ١٣٢

133. Hay các ngươi (hỡi người dân Israel) đã có mặt lúc Ya'qub bảo các con của Y trước lúc lâm chung khi Y hỏi: "Các con sẽ thờ phượng ai sau khi cha ra đi?" (Các con của Y) đồng trả lời: "Chúng con chỉ thờ phượng Thượng Đế của tổ tiên của cha là Ibrahim, Isma'il và Is-haq (Isaac), chúng con chỉ thờ một Thượng Đế duy nhất và chúng con là những tín đồ Muslim."

أَمۡ كُنتُمۡ شُهَدَآءَ إِذۡ حَضَرَ يَعۡقُوبَ ٱلۡمَوۡتُ إِذۡ قَالَ
لِبَنِيهِ مَا تَعۡبُدُونَ مِنۢ بَعۡدِيۖ قَالُواْ نَعۡبُدُ إِلَٰهَكَ
وَإِلَٰهَ ءَابَآئِكَ إِبۡرَٰهِـۧمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ إِلَٰهٗا
وَٰحِدٗا وَنَحۡنُ لَهُۥ مُسۡلِمُونَ ١٣٣

134. Đó là cộng đồng đã qua, họ sẽ hưởng thành quả cho những gì họ làm, còn các ngươi sẽ hưởng thành quả tùy theo công lao của các ngươi, cho nên, các ngươi sẽ không bị chất vấn về những gì họ đã làm.

تِلۡكَ أُمَّةٞ قَدۡ خَلَتۡۖ لَهَا مَا كَسَبَتۡ وَلَكُم مَّا
كَسَبۡتُمۡۖ وَلَا تُسۡـَٔلُونَ عَمَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٣٤

135. Họ (dân Kinh Sách) bảo (tín đồ Muslim): "Nếu muốn được hướng dẫn đúng đường thì các người hãy là người Do Thái hoặc tín đồ Thiên Chúa." Ngươi hãy bảo họ (hỡi Muhammad): "Không, tôn giáo thuần túy của Ibrahim (mới thực sự được hướng dẫn đúng đường) và Người không phải là kẻ thờ đa thần."

وَقَالُواْ كُونُواْ هُودًا أَوۡ نَصَٰرَىٰ تَهۡتَدُواْۗ قُلۡ بَلۡ مِلَّةَ
إِبۡرَٰهِـۧمَ حَنِيفٗاۖ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٣٥

136. Các ngươi hãy nói với họ (hỡi những người Muslim!): "Chúng tôi tin tưởng vào Allah, tin tưởng vào những gì đã được mặc khải cho chúng tôi, cho Ibrahim, cho Isma'il, cho Is-haq, cho Ya'qub, cho mười hai bộ lạc của Israel; chúng tôi tin vào những gì đã được thiên khải cho Musa, cho Ysa và cho tất cả các vị Nabi được Thượng Đế của Họ cử phái đến, chúng tôi không hề phân biệt bất cứ ai trong số Họ và chúng tôi là những tín đồ Muslim (thần phục Ngài)."

قُولُوٓاْ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡنَا وَمَآ أُنزِلَ إِلَىٰٓ
إِبۡرَٰهِـۧمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ وَٱلۡأَسۡبَاطِ
وَمَآ أُوتِيَ مُوسَىٰ وَعِيسَىٰ وَمَآ أُوتِيَ ٱلنَّبِيُّونَ مِن
رَّبِّهِمۡ لَا نُفَرِّقُ بَيۡنَ أَحَدٖ مِّنۡهُمۡ وَنَحۡنُ لَهُۥ
مُسۡلِمُونَ ١٣٦

137. Nếu như họ tin như các ngươi đã tin thì quả thật họ đã được hướng dẫn, còn nếu như họ quay lưng thì chính họ là những kẻ khơi nguồn chia rẽ và thù hận. Và một mình Allah đủ giúp Ngươi (Muhammad) đối đầu với họ bởi Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

فَإِنۡ ءَامَنُواْ بِمِثۡلِ مَآ ءَامَنتُم بِهِۦ فَقَدِ ٱهۡتَدَواْۖ وَّإِن
تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّمَا هُمۡ فِي شِقَاقٖۖ فَسَيَكۡفِيكَهُمُ ٱللَّهُۚ وَهُوَ
ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ١٣٧

138. (Đó là) tôn giáo của Allah, (các ngươi hãy bám chặt lấy tôn giáo của Ngài), bởi không có tôn giáo nào vượt trội hơn tôn giáo của Allah cả và (các ngươi hãy nói): "Chúng tôi chỉ thờ phượng riêng Ngài."

صِبۡغَةَ ٱللَّهِ وَمَنۡ أَحۡسَنُ مِنَ ٱللَّهِ صِبۡغَةٗۖ وَنَحۡنُ لَهُۥ
عَٰبِدُونَ ١٣٨

139. Ngươi hãy nói với họ: “Phải chăng các người muốn tranh luận với chúng tôi về Allah trong khi Ngài là Thượng Đế của chúng tôi và cũng là Thượng Đế của các người ư? Chúng tôi lo phần việc của chúng tôi còn các người cứ lo phần việc của các người; và chúng tôi một lòng (thờ phượng Ngài).

قُلۡ أَتُحَآجُّونَنَا فِي ٱللَّهِ وَهُوَ رَبُّنَا وَرَبُّكُمۡ وَلَنَآ
أَعۡمَٰلُنَا وَلَكُمۡ أَعۡمَٰلُكُمۡ وَنَحۡنُ لَهُۥ مُخۡلِصُونَ ١٣٩

140. Hay là các ngươi cho rằng Ibrahim, Isma’il, Is-haq, Ya’qub cũng như mười hai bộ lạc của Israel trước đây đều là Do Thái hoặc là Thiên Chúa hay sao?” Ngươi hãy nói với họ: “Phải chăng các người biết rõ hơn Allah ư?” Thế còn ai tội lỗi hơn kẻ cố tình che giấu sự thật từ nơi Allah (được khẳng định trong Kinh Sách) mà họ đang nắm giữ?! Quả thật, Allah không hề thờ ơ trước bất cứ hành động nào của các ngươi.

أَمۡ تَقُولُونَ إِنَّ إِبۡرَٰهِـۧمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ
وَيَعۡقُوبَ وَٱلۡأَسۡبَاطَ كَانُواْ هُودًا أَوۡ نَصَٰرَىٰۗ قُلۡ ءَأَنتُمۡ
أَعۡلَمُ أَمِ ٱللَّهُۗ وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن كَتَمَ شَهَٰدَةً عِندَهُۥ
مِنَ ٱللَّهِۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ١٤٠

141. Đó là cộng đồng đã qua, họ sẽ hưởng thành quả cho những gì họ làm, còn các ngươi sẽ hưởng thành quả tùy theo công lao của các ngươi, cho nên, các ngươi sẽ không bị chất vấn về những gì họ đã làm.

تِلۡكَ أُمَّةٞ قَدۡ خَلَتۡۖ لَهَا مَا كَسَبَتۡ وَلَكُم مَّا
كَسَبۡتُمۡۖ وَلَا تُسۡـَٔلُونَ عَمَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٤١

142. Những kẻ hiểu biết kém cỏi trong thiên hạ (thuộc đám người Do Thái) sẽ nói: “Điều gì khiến họ (người Muslim) phải thay đổi Qiblah(7) mà họ thường hướng về đó trước đây?” Ngươi hãy nói (hỡi Muhammad): “Hướng đông lẫn hướng tây đều thuộc về Allah, Ngài hướng dẫn ai Ngài muốn đến với con đường ngay thẳng (chính đạo).”[i]

۞سَيَقُولُ ٱلسُّفَهَآءُ مِنَ ٱلنَّاسِ مَا وَلَّىٰهُمۡ عَن
قِبۡلَتِهِمُ ٱلَّتِي كَانُواْ عَلَيۡهَاۚ قُل لِّلَّهِ ٱلۡمَشۡرِقُ وَٱلۡمَغۡرِبُۚ
يَهۡدِي مَن يَشَآءُ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ١٤٢

143. Tương tự như thế, TA (Allah) đã thiết lập các ngươi thành một cộng đồng dung hòa để các ngươi làm nhân chứng cho thiên hạ, còn Thiên Sứ (Muhammad) sẽ là nhân chứng cho các ngươi. Quả thật, việc TA thay đổi Qiblah mà các ngươi đã thường quay về đó là chỉ vì TA muốn biết rõ ai là người thật lòng theo Thiên Sứ và ai là kẻ ngoảnh mặt với Y. Mặc dù đó là một thay đổi lớn nhưng đối với những ai được Allah hướng dẫn thì không cảm thấy có gì là quá nặng nề và nghiêm trọng. Chắc chắn Allah sẽ không làm mất đi đức tin (công sức hành đạo) trước đây của các ngươi, bởi Allah là Đấng Thương Xót đối với nhân loại.

وَكَذَٰلِكَ جَعَلۡنَٰكُمۡ أُمَّةٗ وَسَطٗا لِّتَكُونُواْ شُهَدَآءَ عَلَى
ٱلنَّاسِ وَيَكُونَ ٱلرَّسُولُ عَلَيۡكُمۡ شَهِيدٗاۗ وَمَا
جَعَلۡنَا ٱلۡقِبۡلَةَ ٱلَّتِي كُنتَ عَلَيۡهَآ إِلَّا لِنَعۡلَمَ مَن
يَتَّبِعُ ٱلرَّسُولَ مِمَّن يَنقَلِبُ عَلَىٰ عَقِبَيۡهِۚ وَإِن كَانَتۡ
لَكَبِيرَةً إِلَّا عَلَى ٱلَّذِينَ هَدَى ٱللَّهُۗ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ
لِيُضِيعَ إِيمَٰنَكُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِٱلنَّاسِ لَرَءُوفٞ
رَّحِيمٞ ١٤٣

144. Quả thật, TA đã thấy Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) thường ngước mặt trên trời (với khao khát đổi Qiblah về ngôi đền Ka’bah). Cho nên, TA cho phép Ngươi chuyển Qiblah về hướng mà Ngươi hài lòng, vì

قَدۡ نَرَىٰ تَقَلُّبَ وَجۡهِكَ فِي ٱلسَّمَآءِۖ فَلَنُوَلِّيَنَّكَ قِبۡلَةٗ
تَرۡضَىٰهَاۚ فَوَلِّ وَجۡهَكَ شَطۡرَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِۚ وَحَيۡثُ

[i] (7) Qiblah là hướng mà toàn thể các tín đồ Muslim phải quay mặt về đó khi thực hiện lễ nguyện Salah. Ban đầu, Qiblah của người Muslim là Baitu Al-Maqdis – Jerusalem (Palestine). Người Muslim vẫn quay mặt về Jerusalem trong lễ nguyện Salah, cho đến khi Thiên Sứ của Allah định cư ở Madinah được 16 (hoặc 17) tháng sau khi rời bỏ Makkah thì Allah ra lệnh đổi Qiblah về ngôi đền Ka’bah – Makkah. Kể từ đó ngôi đền Ka’bah trở thành Qiblah của người Muslim cho đến Ngày Tận Thế.

vậy, Ngươi hãy quay mặt mình về hướng Masjid Haram (ở Makkah); và cho dù các ngươi ở bất cứ đâu cũng phải hướng mặt về đó (để dâng lễ Salah). Những ai đã được ban cho Kinh Sách chắc chắn đều biết rõ đó là chân lý từ nơi Thượng Đế của họ và Allah không làm ngơ trước những gì các ngươi làm.

مَا كُنتُمۡ فَوَلُّواْ وُجُوهَكُمۡ شَطۡرَهُۥۗ وَإِنَّ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ
ٱلۡكِتَٰبَ لَيَعۡلَمُونَ أَنَّهُ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّهِمۡۗ وَمَا ٱللَّهُ
بِغَٰفِلٍ عَمَّا يَعۡمَلُونَ ١٤٤

145. Dẫu cho Ngươi có trình bày tất cả bằng chứng cho dân Kinh Sách thấy thì họ cũng không theo hướng Qiblah của Ngươi và Ngươi không theo Qiblah của họ. Cả hai bên, không ai theo Qiblah của ai. Nhưng nếu như Ngươi dám chiều theo sở thích của họ sau khi Ngươi đã tiếp nhận được chân lý thì Ngươi chính là kẻ làm điều sai quấy.

وَلَئِنۡ أَتَيۡتَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ بِكُلِّ ءَايَةٖ مَّا
تَبِعُواْ قِبۡلَتَكَۚ وَمَآ أَنتَ بِتَابِعٖ قِبۡلَتَهُمۡۚ وَمَا بَعۡضُهُم
بِتَابِعٖ قِبۡلَةَ بَعۡضٖۚ وَلَئِنِ ٱتَّبَعۡتَ أَهۡوَآءَهُم مِّنۢ بَعۡدِ
مَا جَآءَكَ مِنَ ٱلۡعِلۡمِ إِنَّكَ إِذٗا لَّمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٤٥

146. Những người mà TA (Allah) ban cho Kinh Sách đều nhận biết Y (Muhammad) giống như họ nhận biết con cái của họ. Tuy nhiên, một thành phần trong số họ cố tình che giấu sự thật trong khi họ biết rõ (điều đó).

ٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ يَعۡرِفُونَهُۥ كَمَا يَعۡرِفُونَ
أَبۡنَآءَهُمۡۖ وَإِنَّ فَرِيقٗا مِّنۡهُمۡ لَيَكۡتُمُونَ ٱلۡحَقَّ وَهُمۡ
يَعۡلَمُونَ ١٤٦

147. Chân lý đến từ Thượng Đế của Ngươi nên Ngươi chớ sinh lòng hoài nghi.

ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَ فَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُمۡتَرِينَ ١٤٧

148. Mỗi một cộng đồng có một Qiblah riêng để hướng mặt về đó. Nhưng dù sao đi nữa thì các ngươi hãy thi đua nhau mà hành thiện và dẫu cho các ngươi có ở đâu thì Allah cũng triệu tập toàn bộ các ngươi về để trình diện, quả thật Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

وَلِكُلّٖ وِجۡهَةٌ هُوَ مُوَلِّيهَاۖ فَٱسۡتَبِقُواْ ٱلۡخَيۡرَٰتِۚ أَيۡنَ مَا
تَكُونُواْ يَأۡتِ بِكُمُ ٱللَّهُ جَمِيعًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ قَدِيرٞ ١٤٨

149. Cho dù Ngươi (hỡi Thiên Sứ) có đi đâu về đâu thì cũng hãy quay mặt của Ngươi về hướng Masjid Haram (khi hành lễ Salah), bởi quả thật đó là chân lý đến từ Thượng Đế của Ngươi và Allah không làm ngơ trước những gì các ngươi làm.

وَمِنۡ حَيۡثُ خَرَجۡتَ فَوَلِّ وَجۡهَكَ شَطۡرَ ٱلۡمَسۡجِدِ
ٱلۡحَرَامِۖ وَإِنَّهُۥ لَلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا
تَعۡمَلُونَ ١٤٩

150. Cho dù Ngươi có đi đâu về đâu thì cũng hãy quay mặt của Ngươi về hướng Masjid Haram, và cho dù các ngươi đang ở bất kỳ nơi đâu cũng phải hướng mặt của các ngươi về hướng đó để thiên hạ không có cớ chống lại các ngươi ngoại trừ đám người lệch lạc. Vì vậy, các ngươi chớ sợ họ mà hãy sợ TA; và để TA hoàn thiện ân huệ của TA cho các ngươi, hi vọng các ngươi được hướng dẫn đúng đường.

وَمِنۡ حَيۡثُ خَرَجۡتَ فَوَلِّ وَجۡهَكَ شَطۡرَ ٱلۡمَسۡجِدِ
ٱلۡحَرَامِۚ وَحَيۡثُ مَا كُنتُمۡ فَوَلُّواْ وُجُوهَكُمۡ شَطۡرَهُۥ
لِئَلَّا يَكُونَ لِلنَّاسِ عَلَيۡكُمۡ حُجَّةٌ إِلَّا ٱلَّذِينَ
ظَلَمُواْ مِنۡهُمۡ فَلَا تَخۡشَوۡهُمۡ وَٱخۡشَوۡنِي وَلِأُتِمَّ نِعۡمَتِي
عَلَيۡكُمۡ وَلَعَلَّكُمۡ تَهۡتَدُونَ ١٥٠

151. Tương tự, TA đã gởi đến các ngươi một vị Thiên Sứ xuất thân từ các ngươi, Y đọc cho các ngươi nghe các lời mặc khải của TA, thanh lọc các ngươi, dạy các ngươi Kinh Sách (Qur’an) và sự khôn ngoan (Sunnah), và dạy các ngươi những điều các ngươi chưa từng biết.

كَمَآ أَرۡسَلۡنَا فِيكُمۡ رَسُولٗا مِّنكُمۡ يَتۡلُواْ عَلَيۡكُمۡ
ءَايَٰتِنَا وَيُزَكِّيكُمۡ وَيُعَلِّمُكُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ
وَيُعَلِّمُكُم مَّا لَمۡ تَكُونُواْ تَعۡلَمُونَ ١٥١

152. Vì vậy, các ngươi hãy nhớ đến TA, TA sẽ nhớ đến các ngươi; các ngươi hãy tri ân TA và chớ là những kẻ phụ ơn.

فَٱذۡكُرُونِيٓ أَذۡكُرۡكُمۡ وَٱشۡكُرُواْ لِي وَلَا تَكۡفُرُونِ ١٥٢

153. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy cầu xin sự giúp đỡ (của Allah) bằng lòng kiên nhẫn và lễ nguyện Salah. Quả thật, Allah luôn bên cạnh những người kiên nhẫn.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱسۡتَعِينُواْ بِٱلصَّبۡرِ وَٱلصَّلَوٰةِۚ إِنَّ
ٱللَّهَ مَعَ ٱلصَّٰبِرِينَ ١٥٣

154. Các ngươi đừng nói với những ai đã hy sinh cho con đường chính nghĩa của Allah rằng họ đã chết bởi đích thực họ vẫn đang còn sống nhưng các ngươi không cảm nhận được mà thôi.

وَلَا تَقُولُواْ لِمَن يُقۡتَلُ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ أَمۡوَٰتُۢۚ بَلۡ
أَحۡيَآءٞ وَلَٰكِن لَّا تَشۡعُرُونَ ١٥٤

155. TA chắc chắn thử thách các ngươi với nỗi sợ hãi, với cơn đói khát, với việc mất mát tài sản, với sự nguy hại tính mạng và với việc thiệt hại trái quả (thất bát mùa màng). Tuy nhiên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy báo tin vui cho những người biết kiên nhẫn.

وَلَنَبۡلُوَنَّكُم بِشَيۡءٖ مِّنَ ٱلۡخَوۡفِ وَٱلۡجُوعِ وَنَقۡصٖ
مِّنَ ٱلۡأَمۡوَٰلِ وَٱلۡأَنفُسِ وَٱلثَّمَرَٰتِۗ وَبَشِّرِ
ٱلصَّٰبِرِينَ ١٥٥

156. Những ai mà họ khi gặp phải tai ương thì nói: “Quả thật, bầy tôi thuộc về Allah và bầy tôi phải quay về với Ngài!”(8)[1]

ٱلَّذِينَ إِذَآ أَصَٰبَتۡهُم مُّصِيبَةٞ قَالُوٓاْ إِنَّا لِلَّهِ وَإِنَّآ إِلَيۡهِ
رَٰجِعُونَ ١٥٦

157. Đó là những người sẽ được phúc lành và sự thương xót từ Thượng Đế của họ và đó là những người được hướng dẫn đúng đường.

أُوْلَٰٓئِكَ عَلَيۡهِمۡ صَلَوَٰتٞ مِّن رَّبِّهِمۡ وَرَحۡمَةٞۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلۡمُهۡتَدُونَ ١٥٧

158. Hai ngọn núi Safa và Marwah là một trong các biểu hiệu của Allah. Bởi thế, ai hành hương Hajj hoặc ‘Umrah sẽ không bị bắt tội khi Sa-‘i (đi qua lại) giữa hai ngọn núi đó, còn ai (Sa-‘i) tự nguyện thì quả thật Allah là Đấng Ghi Công, Đấng Hiểu Biết.

۞إِنَّ ٱلصَّفَا وَٱلۡمَرۡوَةَ مِن شَعَآئِرِ ٱللَّهِۖ فَمَنۡ حَجَّ
ٱلۡبَيۡتَ أَوِ ٱعۡتَمَرَ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِ أَن يَطَّوَّفَ بِهِمَاۚ
وَمَن تَطَوَّعَ خَيۡرٗا فَإِنَّ ٱللَّهَ شَاكِرٌ عَلِيمٌ ١٥٨

---

[1] (8) Đây là câu nói mà người Muslim nên nói khi gặp phải tai họa hoặc bị mất mát một thứ gì đó. Nó khẳng định đức tin nơi sự sắp đặt và an bài của Allah và thể hiện lòng kiên nhẫn trước những thiệt hại và mất mát. Nếu có thể, người Muslim nên nói câu này bằng nguyên văn lời Qur’an: إِنَّا لِلهِ وَإِنَّا إِلَيْهِ رَاجِعُوْنَ (In naa lil la wa in naa i lay hi ro ji ’un).

159. Quả thật, những ai giấu giếm những bằng chứng và sự hướng dẫn mà TA (Allah) đã thiên khải xuống sau khi TA đã trình bày rõ ràng cho thiên hạ trong Kinh Sách thì những người đó là những kẻ bị Allah và vạn vật nguyền rủa.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡتُمُونَ مَآ أَنزَلۡنَا مِنَ ٱلۡبَيِّنَٰتِ وَٱلۡهُدَىٰ مِنۢ بَعۡدِ مَا بَيَّنَّٰهُ لِلنَّاسِ فِي ٱلۡكِتَٰبِ أُوْلَٰٓئِكَ يَلۡعَنُهُمُ ٱللَّهُ وَيَلۡعَنُهُمُ ٱللَّٰعِنُونَ ١٥٩

160. Ngoại trừ, những ai biết hối cải, phục thiện và công khai sự thật thì đó là những người được TA chấp nhận sự ăn năn sám hối của họ, bởi quả thật TA là Đấng Hằng Chấp Nhận sự sám hối, Đấng Khoan Dung.

إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ وَأَصۡلَحُواْ وَبَيَّنُواْ فَأُوْلَٰٓئِكَ أَتُوبُ عَلَيۡهِمۡ وَأَنَا ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ١٦٠

161. Quả thật những ai vô đức tin và chết trong lúc họ vẫn vô đức tin như thế thì tất cả họ là những kẻ bị Allah và các vị Thiên Thần cùng toàn bộ loài người nguyền rủa.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَمَاتُواْ وَهُمۡ كُفَّارٌ أُوْلَٰٓئِكَ عَلَيۡهِمۡ لَعۡنَةُ ٱللَّهِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ وَٱلنَّاسِ أَجۡمَعِينَ ١٦١

162. (Lời nguyền rủa) mãi mãi bao trùm lấy họ, hình phạt dành cho họ không được giảm nhẹ và họ sẽ không được xem xét và buông tha.

خَٰلِدِينَ فِيهَا لَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابُ وَلَا هُمۡ يُنظَرُونَ ١٦٢

163. Thượng Đế của các ngươi vốn chỉ là một Thượng Đế duy nhất, không có Thượng Đế đích thực nào ngoài Ngài, Ngài là Đấng Độ Lượng, Đấng Khoan Dung.

وَإِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلرَّحۡمَٰنُ ٱلرَّحِيمُ ١٦٣

164. Quả thật, việc tạo hóa trời đất, việc luân chuyển nối tiếp nhau của ban đêm và ban ngày, việc những chiếc tàu băng qua đại dương chuyên chở nguồn lợi cho con người, việc Allah ban nước mưa từ trên trời xuống làm sống lại những mảnh đất đã chết khô, việc Ngài phân bố đủ loại sinh vật trên trái đất, và việc Ngài chế ngự các luồng gió cùng các đám mây khiến chúng dịch chuyển giữa khoảng rộng của trời đất, (tất cả) là những dấu hiệu (nhận biết Ngài) dành cho đám người biết suy ngẫm.

إِنَّ فِي خَلۡقِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَٱخۡتِلَٰفِ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ وَٱلۡفُلۡكِ ٱلَّتِي تَجۡرِي فِي ٱلۡبَحۡرِ بِمَا يَنفَعُ ٱلنَّاسَ وَمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مِن مَّآءٖ فَأَحۡيَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَا وَبَثَّ فِيهَا مِن كُلِّ دَآبَّةٖ وَتَصۡرِيفِ ٱلرِّيَٰحِ وَٱلسَّحَابِ ٱلۡمُسَخَّرِ بَيۡنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ١٦٤

165. Tuy nhiên, trong nhân loại có những kẻ dựng lên các thần linh để thờ phượng thay vì Allah, họ yêu thương các thần linh đó giống như yêu thương Allah; riêng những người có đức tin thì họ yêu thương Allah mãnh liệt hơn (mọi thứ). Và nếu như những kẻ sai quấy đó tận mắt nhìn thấy hình phạt thì lúc đó họ mới ngộ ra rằng tất cả quyền lực đều thuộc về Allah và Ngài quả thật rất nghiêm khắc trong sự trừng phạt.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَتَّخِذُ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَندَادٗا يُحِبُّونَهُمۡ كَحُبِّ ٱللَّهِۖ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَشَدُّ حُبّٗا لِّلَّهِۗ وَلَوۡ يَرَى ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ إِذۡ يَرَوۡنَ ٱلۡعَذَابَ أَنَّ ٱلۡقُوَّةَ لِلَّهِ جَمِيعٗا وَأَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعَذَابِ ١٦٥

166. Khi nhìn thấy hình phạt, những kẻ được thờ phượng tuyên bố vô can với tất cả những ai đã thờ phượng chúng và mọi quan hệ giữa chúng đều bị cắt đứt hoàn toàn.

إِذۡ تَبَرَّأَ ٱلَّذِينَ ٱتُّبِعُواْ مِنَ ٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُواْ وَرَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَ وَتَقَطَّعَتۡ بِهِمُ ٱلۡأَسۡبَابُ ١٦٦

167. Những kẻ thờ phượng sẽ nói: “Ôi giá như chúng tôi có cơ hội trở lại trần gian lần nữa thì chúng tôi sẽ tuyên bố vô can với họ giống như họ đã tuyên bố vô can với chúng tôi lúc này.” Như thế đó, Allah cho họ thấy hậu quả của việc làm của họ trước đây toàn là những ân hận và nuối tiếc (trong muộn màng) và họ sẽ không bao giờ thoát khỏi Hỏa Ngục.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُواْ لَوۡ أَنَّ لَنَا كَرَّةٗ فَنَتَبَرَّأَ مِنۡهُمۡ كَمَا
تَبَرَّءُواْ مِنَّاۗ كَذَٰلِكَ يُرِيهِمُ ٱللَّهُ أَعۡمَٰلَهُمۡ حَسَرَٰتٍ
عَلَيۡهِمۡۖ وَمَا هُم بِخَٰرِجِينَ مِنَ ٱلنَّارِ ١٦٧

168. Hỡi loài người, các ngươi hãy ăn những gì được phép và tốt lành trên trái đất, và các ngươi chớ đi theo lối mòn của Shaytan bởi hắn đích thực là kẻ thù công khai của các ngươi.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ كُلُواْ مِمَّا فِي ٱلۡأَرۡضِ حَلَٰلٗا طَيِّبٗا وَلَا
تَتَّبِعُواْ خُطُوَٰتِ ٱلشَّيۡطَٰنِۚ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٌ ١٦٨

169. Hắn chuyên xúi giục các ngươi làm điều xấu xa và đồi bại, hắn xúi bẩy các ngươi nói cho Allah về những điều mà các ngươi không biết.

إِنَّمَا يَأۡمُرُكُم بِٱلسُّوٓءِ وَٱلۡفَحۡشَآءِ وَأَن تَقُولُواْ عَلَى
ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ١٦٩

170. (Thế nhưng) khi có lời khuyên bảo họ (những người vô đức tin): “Các ngươi hãy noi theo những điều được Allah mặc khải.” Họ đáp: “Không, chúng tôi chỉ đi theo những gì được tổ tiên chúng tôi truyền lại.” Chẳng lẽ (họ theo) ngay cả khi tổ tiên của họ không hiểu cũng như không được hướng dẫn ư?

وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱتَّبِعُواْ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ قَالُواْ بَلۡ نَتَّبِعُ مَآ
أَلۡفَيۡنَا عَلَيۡهِ ءَابَآءَنَآۚ أَوَلَوۡ كَانَ ءَابَآؤُهُمۡ لَا يَعۡقِلُونَ
شَيۡـٔٗا وَلَا يَهۡتَدُونَ ١٧٠

171. Hình ảnh những người vô đức tin đó giống như hình ảnh của những con cừu khi (người chăn chúng kêu gọi chúng) thì chúng không nghe được gì ngoài tiếng réo và kêu vang (của y chứ không hiểu y nói gì). Họ điếc, câm và mù nên chẳng hiểu được gì.

وَمَثَلُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ كَمَثَلِ ٱلَّذِي يَنۡعِقُ بِمَا لَا
يَسۡمَعُ إِلَّا دُعَآءٗ وَنِدَآءٗۚ صُمُّۢ بُكۡمٌ عُمۡيٞ فَهُمۡ لَا
يَعۡقِلُونَ ١٧١

172. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy ăn những thực phẩm tốt sạch mà TA đã ban bố cho các ngươi; và các ngươi hãy tri ân Allah nếu các ngươi chỉ thờ phượng riêng Ngài.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُلُواْ مِن طَيِّبَٰتِ مَا رَزَقۡنَٰكُمۡ
وَٱشۡكُرُواْ لِلَّهِ إِن كُنتُمۡ إِيَّاهُ تَعۡبُدُونَ ١٧٢

173. Quả thật, Ngài (Allah) chỉ cấm các ngươi ăn xác chết, máu (phun ra ngoài cơ thể của con vật), thịt heo và những con vật được nhân danh các thần linh khác ngoài Allah (khi giết). Tuy nhiên, ai rơi vào tình huống bất đắc dĩ phải ăn (những món cấm đó) ngoài ý muốn và không quá độ thì y không bị bắt tội. Bởi Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

إِنَّمَا حَرَّمَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَيۡتَةَ وَٱلدَّمَ وَلَحۡمَ ٱلۡخِنزِيرِ
وَمَآ أُهِلَّ بِهِۦ لِغَيۡرِ ٱللَّهِۖ فَمَنِ ٱضۡطُرَّ غَيۡرَ بَاغٖ وَلَا
عَادٖ فَلَآ إِثۡمَ عَلَيۡهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ١٧٣

174. Quả thật những ai giấu giếm những gì được Allah mặc khải xuống trong Kinh Sách (báo trước về sứ mạng của Muhammad) và đem bán nó với giá cỏn con là những kẻ chỉ ăn lửa vào bụng của mình; và vào Đời Sau Allah sẽ không nói chuyện với họ, không thanh lọc (tội lỗi cho) họ và họ sẽ phải chịu hình phạt đau đớn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡتُمُونَ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ
وَيَشۡتَرُونَ بِهِۦ ثَمَنٗا قَلِيلًا أُوْلَٰٓئِكَ مَا يَأۡكُلُونَ فِي

بُطُونِهِمۡ إِلَّا ٱلنَّارَ وَلَا يُكَلِّمُهُمُ ٱللَّهُ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَلَا يُزَكِّيهِمۡ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ١٧٤

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلضَّلَٰلَةَ بِٱلۡهُدَىٰ وَٱلۡعَذَابَ بِٱلۡمَغۡفِرَةِۚ فَمَآ أَصۡبَرَهُمۡ عَلَى ٱلنَّارِ ١٧٥

175. Đó là những kẻ đã mua lấy sự lầm lạc bằng chỉ đạo, đã mua lấy sự trừng phạt bằng sự tha thứ. Họ đúng thật là can đảm khi dám đương đầu với Hỏa Ngục!

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ نَزَّلَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّۗ وَإِنَّ ٱلَّذِينَ ٱخۡتَلَفُواْ فِي ٱلۡكِتَٰبِ لَفِي شِقَاقِۭ بَعِيدٖ ١٧٦

176. (Họ bị như thế là do họ cố tình che giấu) sự thật được Allah thiên khải trong Kinh Sách; và quả thật những ai bất đồng về Kinh Sách chắc chắn là những kẻ lạc lối rất xa.

۞لَّيۡسَ ٱلۡبِرَّ أَن تُوَلُّواْ وُجُوهَكُمۡ قِبَلَ ٱلۡمَشۡرِقِ وَٱلۡمَغۡرِبِ وَلَٰكِنَّ ٱلۡبِرَّ مَنۡ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ وَٱلۡكِتَٰبِ وَٱلنَّبِيِّـۧنَ وَءَاتَى ٱلۡمَالَ عَلَىٰ حُبِّهِۦ ذَوِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينَ وَٱبۡنَ ٱلسَّبِيلِ وَٱلسَّآئِلِينَ وَفِي ٱلرِّقَابِ وَأَقَامَ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَى ٱلزَّكَوٰةَ وَٱلۡمُوفُونَ بِعَهۡدِهِمۡ إِذَا عَٰهَدُواْۖ وَٱلصَّٰبِرِينَ فِي ٱلۡبَأۡسَآءِ وَٱلضَّرَّآءِ وَحِينَ ٱلۡبَأۡسِۗ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ صَدَقُواْۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُتَّقُونَ ١٧٧

177. Sự ngoan đạo không phải ở việc các ngươi quay mặt về hướng đông hay hướng tây mà sự ngoan đạo là một người phải có đức tin nơi Allah, nơi cõi Đời Sau, nơi các vị Thiên Thần, nơi Kinh Sách và nơi các vị Nabi, đồng thời bố thí tài sản mà y yêu thích cho bà con ruột thịt, cho các trẻ mồ côi, cho những người thiếu thốn, cho những người lỡ đường, cho những người ăn xin, chuộc tự do cho nô lệ; chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, xuất Zakah, thực hiện đúng giao ước khi đã giao ước; kiên nhẫn chịu đựng trong khó khăn (đói khổ), trong biến cố (bệnh tật), và lúc chinh chiến với kẻ thù. Đó mới là những người chân thật (trong đức tin) và đó mới là những người ngoan đạo.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُتِبَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡقِصَاصُ فِي ٱلۡقَتۡلَىۖ ٱلۡحُرُّ بِٱلۡحُرِّ وَٱلۡعَبۡدُ بِٱلۡعَبۡدِ وَٱلۡأُنثَىٰ بِٱلۡأُنثَىٰۚ فَمَنۡ عُفِيَ لَهُۥ مِنۡ أَخِيهِ شَيۡءٞ فَٱتِّبَاعُۢ بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَأَدَآءٌ إِلَيۡهِ بِإِحۡسَٰنٖۗ ذَٰلِكَ تَخۡفِيفٞ مِّن رَّبِّكُمۡ وَرَحۡمَةٞۗ فَمَنِ ٱعۡتَدَىٰ بَعۡدَ ذَٰلِكَ فَلَهُۥ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١٧٨

178. Hỡi những người có đức tin, Qisas(9) đã được sắc lệnh thành luật cho các ngươi trong vấn đề giết chóc, nó được quy định một mạng đền một mạng: người tự do bằng người tự do; người nô lệ bằng người nô lệ; một người nữ bằng một người nữ. Tuy nhiên, nếu người phạm nhân nào được người anh em của mình (từ bên phía nạn nhân) xí xóa (không đòi Qisas) thì y hãy cư xử sao cho phải lẽ và y hãy bồi thường cho nạn nhân một cách tốt nhất. Đó là sự giảm nhẹ và lòng thương xót từ Thượng Đế của các ngươi. Cho nên sau các qui định được nêu trên, ai vượt quá giới hạn thì sẽ bị trừng phạt đau đớn.[1]

وَلَكُمۡ فِي ٱلۡقِصَاصِ حَيَوٰةٞ يَٰٓأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ لَعَلَّكُمۡ تَتَّقُونَ ١٧٩

179. Và trong luật Qisas, các ngươi hỡi những người hiểu biết sẽ có (một sự đảm bảo) về cuộc sống, mong rằng các ngươi sống ngay chính và ngoan đạo (qua giáo luật này).

[1] (9) Qisas là luật trả đũa mạng đền mạng hoặc gây tổn thương phải chịu sự đáp trả tương đương.

180. Các ngươi được sắc lệnh: khi ai đó trong các ngươi sắp từ trần, nếu y để lại tài sản thì y phải lập di chúc cho cha mẹ và họ hàng thân thuộc một cách hợp lý.(10) Đó là bổn phận của những người ngoan đạo.[I]

كُتِبَ عَلَيۡكُمۡ إِذَا حَضَرَ أَحَدَكُمُ ٱلۡمَوۡتُ إِن تَرَكَ
خَيۡرًا ٱلۡوَصِيَّةُ لِلۡوَٰلِدَيۡنِ وَٱلۡأَقۡرَبِينَ بِٱلۡمَعۡرُوفِۖ حَقًّا
عَلَى ٱلۡمُتَّقِينَ ١٨٠

181. Ai sửa đổi lời di chúc sau khi đã nghe rõ nó thì chỉ những kẻ sửa đổi mới phải chịu tội. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hiểu Biết.

فَمَنۢ بَدَّلَهُۥ بَعۡدَ مَا سَمِعَهُۥ فَإِنَّمَآ إِثۡمُهُۥ عَلَى ٱلَّذِينَ
يُبَدِّلُونَهُۥٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ١٨١

182. Tuy nhiên, ai sợ người để lại di chúc có sự thiên vị hoặc vi phạm điều tội lỗi (trong di chúc) nên đứng ra dàn xếp giữa họ (những người can hệ) cho phải lẽ thì y không bị bắt tội, bởi Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

فَمَنۡ خَافَ مِن مُّوصٖ جَنَفًا أَوۡ إِثۡمٗا فَأَصۡلَحَ بَيۡنَهُمۡ
فَلَآ إِثۡمَ عَلَيۡهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٨٢

183. Hỡi những người có đức tin, việc nhịn chay đã được sắc lệnh cho các ngươi giống như nó đã được sắc lệnh cho các thế hệ trước các ngươi, mong rằng các ngươi trở thành những người ngoan đạo.

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُتِبَ عَلَيۡكُمُ ٱلصِّيَامُ كَمَا
كُتِبَ عَلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَتَّقُونَ ١٨٣

184. (Nhịn chay chỉ bắt buộc trong) một số ngày nhất định. Tuy nhiên, ai trong các ngươi bị bệnh hoặc là khách lữ hành thì y hãy nhịn bù lại vào những ngày khác tương ứng với số ngày đã không nhịn. Và ai có khả năng nhịn chay nhưng không muốn nhịn thì hãy nuôi ăn một người nghèo (thay thế cho một ngày nhịn chay),(11) còn ai tự nguyện (bố thí) thì đó là điều tốt đẹp cho y. Tuy nhiên, việc các ngươi nhịn chay sẽ tốt hơn cho các ngươi nếu các ngươi biết được (giá trị của việc nhịn chay).[II]

أَيَّامٗا مَّعۡدُودَٰتٖۚ فَمَن كَانَ مِنكُم مَّرِيضًا أَوۡ عَلَىٰ
سَفَرٖ فَعِدَّةٞ مِّنۡ أَيَّامٍ أُخَرَۚ وَعَلَى ٱلَّذِينَ يُطِيقُونَهُۥ
فِدۡيَةٞ طَعَامُ مِسۡكِينٖۖ فَمَن تَطَوَّعَ خَيۡرٗا فَهُوَ خَيۡرٞ
لَّهُۥۚ وَأَن تَصُومُواْ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ١٨٤

185. Tháng Ramadan là tháng mà Qur'an được ban xuống làm nguồn hướng dẫn cho nhân loại, trình bày rõ ràng về sự hướng dẫn và là tiêu chuẩn phân biệt (phúc và tội, chân lý và ngụy tạo). Vì vậy, ai trong các ngươi chứng kiến tháng này (khi đang ở nhà) thì phải nhịn chay nguyên tháng, còn ai bị bệnh hoặc đi xa nhà thì y hãy nhịn bù lại vào những ngày khác tương ứng với số ngày đã không nhịn. Allah muốn điều dễ dàng cho các ngươi chứ không hề muốn gây khó khăn cho các ngươi; và Ngài muốn các ngươi hoàn thành tốt (việc nhịn chay) trong số ngày được quy định và Ngài muốn các ngươi tán dương sự vĩ đại của Ngài về việc Ngài đã hướng dẫn các ngươi, mong rằng các ngươi biết tri ân.

شَهۡرُ رَمَضَانَ ٱلَّذِيٓ أُنزِلَ فِيهِ ٱلۡقُرۡءَانُ هُدٗى
لِّلنَّاسِ وَبَيِّنَٰتٖ مِّنَ ٱلۡهُدَىٰ وَٱلۡفُرۡقَانِۚ فَمَن شَهِدَ
مِنكُمُ ٱلشَّهۡرَ فَلۡيَصُمۡهُۖ وَمَن كَانَ مَرِيضًا أَوۡ عَلَىٰ
سَفَرٖ فَعِدَّةٞ مِّنۡ أَيَّامٍ أُخَرَۗ يُرِيدُ ٱللَّهُ بِكُمُ ٱلۡيُسۡرَ
وَلَا يُرِيدُ بِكُمُ ٱلۡعُسۡرَ وَلِتُكۡمِلُواْ ٱلۡعِدَّةَ وَلِتُكَبِّرُواْ
ٱللَّهَ عَلَىٰ مَا هَدَىٰكُمۡ وَلَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ١٨٥

[I] (10) Câu Kinh này được ban xuống trước các câu Kinh về giáo luật chia tài sản thừa kế. Sau khi các câu Kinh về giáo luật chia tài sản thừa kế được thiên khải thì qui định lập di chúc cho cha mẹ được xóa bỏ chỉ còn lại qui định lập di chúc cho bà con họ hàng không nằm trong nhóm thừa kế.

[II] (11) Đây là qui định ban đầu về giáo luật nhịn chay. Trong qui định ban đầu này, ai muốn nhịn thì nhịn còn ai không muốn có thể dùng cách nuôi ăn mỗi ngày một người nghèo cho từng ngày nhịn chay. Sau đó, qui định này bị xóa bỏ và được thay thế bằng qui định mới, đó là tất cả những ai có khả năng đều phải nhịn chay.

186. Và khi bầy tôi của TA hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) về TA thì Ngươi hãy bảo họ rằng quả thật TA ở rất gần, TA luôn đáp lại lời cầu xin của ai cầu xin TA. Do đó, họ hãy đáp lại (lời gọi của) TA và hãy tin nơi TA, mong rằng họ được hướng dẫn đúng đường.

وَإِذَا سَأَلَكَ عِبَادِي عَنِّي فَإِنِّي قَرِيبٌۖ أُجِيبُ دَعۡوَةَ
ٱلدَّاعِ إِذَا دَعَانِۖ فَلۡيَسۡتَجِيبُواْ لِي وَلۡيُؤۡمِنُواْ بِي لَعَلَّهُمۡ
يَرۡشُدُونَ ١٨٦

187. Các ngươi được phép gần gũi vợ của các ngươi vào ban đêm (của tháng) nhịn chay,(12) họ là y phục của các ngươi và các ngươi là y phục của họ. Allah đã biết việc các ngươi thường lén lút (gần gũi họ) nên Ngài đoái thương mà lượng thứ cho các ngươi. Giờ đây các ngươi được tự do gần gũi họ và hãy tìm kiếm những gì được Allah an bày cho các ngươi. Các ngươi được tự do ăn uống trong đêm cho đến khi các ngươi phân biệt được sợi chỉ trắng với sợi chỉ đen lúc rạng đông, khi đó các ngươi lại tiếp tục cuộc nhịn chay cho đến đêm. Các ngươi chớ gần gũi vợ của các ngươi trong suốt thời gian các ngươi đang ‘Etikaf (lánh trần tu tịnh) trong các Masjid. Đấy là những giới cấm của Allah, các ngươi chớ đến gần. Như thế đó, Allah đã trình bày rõ ràng các lời mặc khải của Ngài cho nhân loại, mong rằng họ biết sợ Ngài.[I]

أُحِلَّ لَكُمۡ لَيۡلَةَ ٱلصِّيَامِ ٱلرَّفَثُ إِلَىٰ نِسَآئِكُمۡۚ هُنَّ
لِبَاسٞ لَّكُمۡ وَأَنتُمۡ لِبَاسٞ لَّهُنَّۗ عَلِمَ ٱللَّهُ أَنَّكُمۡ
كُنتُمۡ تَخۡتَانُونَ أَنفُسَكُمۡ فَتَابَ عَلَيۡكُمۡ وَعَفَا
عَنكُمۡۖ فَٱلۡـَٰٔنَ بَٰشِرُوهُنَّ وَٱبۡتَغُواْ مَا كَتَبَ ٱللَّهُ
لَكُمۡۚ وَكُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ حَتَّىٰ يَتَبَيَّنَ لَكُمُ ٱلۡخَيۡطُ
ٱلۡأَبۡيَضُ مِنَ ٱلۡخَيۡطِ ٱلۡأَسۡوَدِ مِنَ ٱلۡفَجۡرِۖ ثُمَّ أَتِمُّواْ
ٱلصِّيَامَ إِلَى ٱلَّيۡلِۚ وَلَا تُبَٰشِرُوهُنَّ وَأَنتُمۡ عَٰكِفُونَ فِي
ٱلۡمَسَٰجِدِۗ تِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِ فَلَا تَقۡرَبُوهَاۗ كَذَٰلِكَ
يُبَيِّنُ ٱللَّهُ ءَايَٰتِهِۦ لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ ١٨٧

188. Các ngươi chớ đừng ăn tài sản của nhau một cách bất chính và cũng chớ đừng lấy đó mà kiện tụng ra tòa hầu ăn tài sản của thiên hạ một cách tội lỗi trong khi các ngươi biết rõ (đó là sai trái).

وَلَا تَأۡكُلُوٓاْ أَمۡوَٰلَكُم بَيۡنَكُم بِٱلۡبَٰطِلِ وَتُدۡلُواْ
بِهَآ إِلَى ٱلۡحُكَّامِ لِتَأۡكُلُواْ فَرِيقٗا مِّنۡ أَمۡوَٰلِ ٱلنَّاسِ
بِٱلۡإِثۡمِ وَأَنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ١٨٨

189. Họ hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) về các vầng trăng lưỡi liềm. Ngươi hãy bảo họ: “Các vầng trăng lưỡi liềm là những móc thời gian để con người tính toán ngày tháng và việc thi hành Hajj.” Việc ngoan đạo không thể hiện qua hành động đi vào nhà của mình từ nóc nhà (sau khi đã vào tình trạng Ehram),(13) mà sự ngoan đạo được thể hiện ở lòng kính sợ (Allah). Cho nên, các ngươi hãy vào nhà từ các cửa chính và các ngươi hãy kính sợ Allah, mong rằng các ngươi được thành công.[II]

۞يَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡأَهِلَّةِۖ قُلۡ هِيَ مَوَٰقِيتُ لِلنَّاسِ
وَٱلۡحَجِّۗ وَلَيۡسَ ٱلۡبِرُّ بِأَن تَأۡتُواْ ٱلۡبُيُوتَ مِن ظُهُورِهَا
وَلَٰكِنَّ ٱلۡبِرَّ مَنِ ٱتَّقَىٰۗ وَأۡتُواْ ٱلۡبُيُوتَ مِنۡ أَبۡوَٰبِهَاۚ
وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ١٨٩

190. Các ngươi hãy vì chính nghĩa của Allah mà chiến đấu chống lại những kẻ khai chiến với các ngươi nhưng các ngươi chớ đừng quá mức giới hạn (sát hại phụ nữ, người già và trẻ con) bởi Allah không ưa thích những kẻ vượt quá giới hạn.

وَقَٰتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ ٱلَّذِينَ يُقَٰتِلُونَكُمۡ وَلَا
تَعۡتَدُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُعۡتَدِينَ ١٩٠

[I] (12) Luật nhịn chay được qui định lúc ban đầu là cấm người đàn ông thức dậy trong đêm Ramadan ăn uống và gần gũi vợ. Sau đó, qui định này bị xóa bỏ bởi câu Kinh này.

[II] (13) Những người Ả-rập thời tiền Islam kiêng cử vào nhà từ cửa chính, nhất là trong suốt thời gian thực hiện Hajj. Họ xem việc vào nhà theo cửa chính là hành động không ngoan đạo, họ thường đi vào nhà từ trên nóc. Islam đến xóa bỏ tập tục và quan niệm này.

191. Và các ngươi hãy giết họ (những người vô đức tin) ở bất cứ nơi đâu mà các ngươi bắt được họ và các ngươi hãy trục xuất họ ra khỏi nơi (Makkah) mà họ từng trục xuất các ngươi trước đây. Tuy nhiên, việc quấy nhiễu (lôi kéo một người có đức tin trở lại với sự vô đức tin) còn nghiêm trọng hơn cả việc giết chóc. Các ngươi chớ khai chiến với họ trong Masjid Haram trừ phi họ khai chiến trước tiên, nếu họ khai chiến trước thì các ngươi hãy giết họ. Sự đáp trả đối với những kẻ vô đức tin là như thế.

وَٱقۡتُلُوهُمۡ حَيۡثُ ثَقِفۡتُمُوهُمۡ وَأَخۡرِجُوهُم مِّنۡ حَيۡثُ
أَخۡرَجُوكُمۡۚ وَٱلۡفِتۡنَةُ أَشَدُّ مِنَ ٱلۡقَتۡلِۚ وَلَا تُقَٰتِلُوهُمۡ
عِندَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ حَتَّىٰ يُقَٰتِلُوكُمۡ فِيهِۖ فَإِن
قَٰتَلُوكُمۡ فَٱقۡتُلُوهُمۡۗ كَذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٩١

192. Nhưng nếu họ ngưng chiến thì quả thật Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

فَإِنِ ٱنتَهَوۡاْ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٩٢

193. Các ngươi hãy tiếp tục đánh họ cho đến khi nào họ chấm dứt hành động quấy nhiễu (ngăn cản mọi người đến với tôn giáo Islam) và chịu để tôn giáo của Allah được tự do. Nhưng nếu họ chịu ngưng chiến thì không còn mối hận thù nào đối với họ nữa ngoại trừ những kẻ làm điều sai quấy.

وَقَٰتِلُوهُمۡ حَتَّىٰ لَا تَكُونَ فِتۡنَةٞ وَيَكُونَ ٱلدِّينُ لِلَّهِۖ
فَإِنِ ٱنتَهَوۡاْ فَلَا عُدۡوَٰنَ إِلَّا عَلَى ٱلظَّٰلِمِينَ ١٩٣

194. Tháng cấm kỵ được bù lại bằng tháng cấm kỵ, và những hành động xâm hại vẫn phải thi hành theo luật Qisas. Bởi thế, ai xâm hại các ngươi thì các ngươi hãy đáp trả lại y giống như việc y đã xâm hại các ngươi. Nhưng các ngươi hãy kính sợ Allah, quả thật Ngài luôn ở cùng với những người biết kính sợ Ngài.

ٱلشَّهۡرُ ٱلۡحَرَامُ بِٱلشَّهۡرِ ٱلۡحَرَامِ وَٱلۡحُرُمَٰتُ قِصَاصٞۚ
فَمَنِ ٱعۡتَدَىٰ عَلَيۡكُمۡ فَٱعۡتَدُواْ عَلَيۡهِ بِمِثۡلِ مَا
ٱعۡتَدَىٰ عَلَيۡكُمۡۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ مَعَ
ٱلۡمُتَّقِينَ ١٩٤

195. Các ngươi hãy chi dùng (tài sản của các ngươi) vào con đường chính nghĩa của Allah; các ngươi chớ đẩy bản thân mình đến chỗ tự hủy bằng chính đôi tay của các ngươi; và các ngươi hãy hành thiện bởi quả thật Allah yêu thương những người hành thiện.

وَأَنفِقُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَا تُلۡقُواْ بِأَيۡدِيكُمۡ إِلَى
ٱلتَّهۡلُكَةِ وَأَحۡسِنُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٩٥

196. Và các ngươi hãy hoàn thành Hajj và ‘Umrah vì Allah. Trường hợp các ngươi bị cản trở (do bệnh hoặc một điều gì đó không thể tiếp tục hành hương) thì hãy giết một con vật tế để chịu phạt tùy theo khả năng; các ngươi không được cạo đầu cho đến khi con vật tế đã được mang đến nơi qui định. Ai trong các ngươi bị bệnh hoặc bị nấm da đầu (cần phải cạo) thì phải chịu phạt bằng cách nhịn chay (ba ngày) hoặc bố thí (thức ăn cho sáu người nghèo ở khu vực Haram) hoặc giết tế (con cừu chia thịt cho người nghèo ở khu vực Haram). Đối với ai muốn tiếp tục làm ‘Umrah rồi đến Hajj (được gọi là Hajj Tamadtua’ hoặc Hajj Qiran) thì phải giết tế tùy theo khả năng, còn ai không có khả năng giết tế thì phải nhịn chay ba ngày trong thời gian hành hương Hajj và nhịn bảy ngày còn lại sau khi trở về quê nhà, đó là mười ngày trọn vẹn. Giáo luật này chỉ đối với những ai định cư ngoài khu vực của Masjid

وَأَتِمُّواْ ٱلۡحَجَّ وَٱلۡعُمۡرَةَ لِلَّهِۚ فَإِنۡ أُحۡصِرۡتُمۡ فَمَا
ٱسۡتَيۡسَرَ مِنَ ٱلۡهَدۡيِۖ وَلَا تَحۡلِقُواْ رُءُوسَكُمۡ حَتَّىٰ
يَبۡلُغَ ٱلۡهَدۡيُ مَحِلَّهُۥۚ فَمَن كَانَ مِنكُم مَّرِيضًا أَوۡ
بِهِۦٓ أَذٗى مِّن رَّأۡسِهِۦ فَفِدۡيَةٞ مِّن صِيَامٍ أَوۡ صَدَقَةٍ أَوۡ
نُسُكٖۚ فَإِذَآ أَمِنتُمۡ فَمَن تَمَتَّعَ بِٱلۡعُمۡرَةِ إِلَى ٱلۡحَجِّ فَمَا
ٱسۡتَيۡسَرَ مِنَ ٱلۡهَدۡيِۚ فَمَن لَّمۡ يَجِدۡ فَصِيَامُ ثَلَٰثَةِ أَيَّامٖ
فِي ٱلۡحَجِّ وَسَبۡعَةٍ إِذَا رَجَعۡتُمۡۗ تِلۡكَ عَشَرَةٞ كَامِلَةٞۗ
ذَٰلِكَ لِمَن لَّمۡ يَكُنۡ أَهۡلُهُۥ حَاضِرِي ٱلۡمَسۡجِدِ

Haram. Các ngươi hãy hết lòng kính sợ Allah và hãy biết rằng quả thật Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

ٱلْحَرَامِ ۚ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ وَٱعْلَمُوٓا۟ أَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ
ٱلْعِقَابِ ١٩٦

197. Việc hành hương Hajj chỉ (được thực hiện) trong những tháng nhất định. Cho nên, ai thực hiện cuộc hành hương Hajj thì chớ dâm dục, chớ làm điều tội lỗi cũng như chớ cãi vã trong suốt thời gian hành hương. Và bất cứ việc tốt đẹp nào mà các ngươi làm, Allah đều biết rõ (Ngài sẽ ghi nhận tất cả). Và các ngươi hãy mang theo lương thực (cho chuyến đi) nhưng lương thực tốt nhất chính là Taqwa (sự ngay chính, ngoan đạo và sợ Allah). Bởi thế, các ngươi hãy Taqwa đối với TA hỡi những người hiểu biết!

ٱلْحَجُّ أَشْهُرٌ مَّعْلُومَٰتٌ ۚ فَمَن فَرَضَ فِيهِنَّ ٱلْحَجَّ فَلَا
رَفَثَ وَلَا فُسُوقَ وَلَا جِدَالَ فِى ٱلْحَجِّ ۗ وَمَا تَفْعَلُوا۟
مِنْ خَيْرٍ يَعْلَمْهُ ٱللَّهُ ۗ وَتَزَوَّدُوا۟ فَإِنَّ خَيْرَ ٱلزَّادِ
ٱلتَّقْوَىٰ ۚ وَٱتَّقُونِ يَٰٓأُو۟لِى ٱلْأَلْبَٰبِ ١٩٧

198. Các ngươi không bị bắt tội khi tìm kiếm bổng lộc từ Thượng Đế của các ngươi (qua việc mua bán trao đổi trong thời gian thực hiện Hajj). Rồi khi các ngươi rời khu vực ‘Arafat (để đến khu vực Muzdalifah) thì các ngươi hãy tụng niệm Allah tại Al-Mash’ar Al-Haram, các ngươi hãy tụng niệm Ngài theo đúng cách mà Ngài đã dạy cho các ngươi bởi trước đây các ngươi là những kẻ lầm lạc.

لَيْسَ عَلَيْكُمْ جُنَاحٌ أَن تَبْتَغُوا۟ فَضْلًا مِّن رَّبِّكُمْ ۚ
فَإِذَآ أَفَضْتُم مِّنْ عَرَفَٰتٍ فَٱذْكُرُوا۟ ٱللَّهَ عِندَ
ٱلْمَشْعَرِ ٱلْحَرَامِ ۖ وَٱذْكُرُوهُ كَمَا هَدَىٰكُمْ وَإِن كُنتُم
مِّن قَبْلِهِۦ لَمِنَ ٱلضَّآلِّينَ ١٩٨

199. Sau đó, các ngươi hãy rời khỏi (Muzdalifah) cùng với những người hành hương, đồng thời hãy cầu xin Allah tha thứ tội lỗi (cho những điều thiếu sót), quả thật Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

ثُمَّ أَفِيضُوا۟ مِنْ حَيْثُ أَفَاضَ ٱلنَّاسُ وَٱسْتَغْفِرُوا۟
ٱللَّهَ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ١٩٩

200. Khi nào các ngươi hoàn thành các nghi thức hành hương thì các ngươi hãy tụng niệm Allah giống như việc các ngươi thường hay nhắc về cha mẹ (vì hãnh diện) hoặc nhiều hơn nữa. Trong nhân loại, có những người chỉ cầu xin “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin hãy ban cho bầy tôi những điều tốt đẹp của cuộc sống trần gian” nên ở Đời Sau họ sẽ không có bất cứ điều tốt đẹp nào.

فَإِذَا قَضَيْتُم مَّنَٰسِكَكُمْ فَٱذْكُرُوا۟ ٱللَّهَ كَذِكْرِكُمْ
ءَابَآءَكُمْ أَوْ أَشَدَّ ذِكْرًا ۗ فَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَقُولُ
رَبَّنَآ ءَاتِنَا فِى ٱلدُّنْيَا وَمَا لَهُۥ فِى ٱلْءَاخِرَةِ مِنْ
خَلَٰقٍ ٢٠٠

201. Và trong nhân loại, có những người cầu xin “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy ban cho bầy tôi mọi điều tốt đẹp ở trần gian này và mọi điều tốt đẹp ở Đời Sau; và xin Ngài hãy bảo vệ bầy tôi thoát khỏi hình phạt của Hỏa Ngục”.

وَمِنْهُم مَّن يَقُولُ رَبَّنَآ ءَاتِنَا فِى ٱلدُّنْيَا حَسَنَةً وَفِى
ٱلْءَاخِرَةِ حَسَنَةً وَقِنَا عَذَابَ ٱلنَّارِ ٢٠١

202. Đây đích thực là những người sẽ hưởng được phần thưởng từ những điều tốt mà họ đã làm và Allah rất nhanh nhẹn trong phán xét.

أُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ نَصِيبٌ مِّمَّا كَسَبُوا۟ ۚ وَٱللَّهُ سَرِيعُ
ٱلْحِسَابِ ٢٠٢

203. Các ngươi hãy tụng niệm Allah vào những ngày nhất định,(14) nhưng ai vội vã rời đi sau hai ngày (ngày 11 và 12) thì không có tội và ai ở lại (cho đến ngày 13) thì cũng không có tội (bởi điều này) dành cho người ngoan đạo. Các ngươi hãy kính sợ Allah và các ngươi hãy biết rằng các ngươi phải trở về trình diện Ngài.[i]

۞وَٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ فِيٓ أَيَّامٖ مَّعۡدُودَٰتٖۚ فَمَن تَعَجَّلَ فِي
يَوۡمَيۡنِ فَلَآ إِثۡمَ عَلَيۡهِ وَمَن تَأَخَّرَ فَلَآ إِثۡمَ عَلَيۡهِۖ لِمَنِ
ٱتَّقَىٰۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّكُمۡ إِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ ٢٠٣

204. Trong thiên hạ, có người đã khiến Ngươi trầm trồ trước lời nói của y về cuộc sống trần gian, y còn mang Allah ra làm chứng cho những điều nằm trong trái tim của y trong khi y là kẻ không ngừng tranh luận (hầu phủ nhận sự thật).

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُعۡجِبُكَ قَوۡلُهُۥ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
وَيُشۡهِدُ ٱللَّهَ عَلَىٰ مَا فِي قَلۡبِهِۦ وَهُوَ أَلَدُّ ٱلۡخِصَامِ ٢٠٤

205. Và khi y quay đi, y toàn làm chuyện tội lỗi trên trái đất, y phá hoại mùa màng và giết hại vật nuôi. Và Allah không hề ưa thích hành động phá hoại.

وَإِذَا تَوَلَّىٰ سَعَىٰ فِي ٱلۡأَرۡضِ لِيُفۡسِدَ فِيهَا وَيُهۡلِكَ
ٱلۡحَرۡثَ وَٱلنَّسۡلَۚ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلۡفَسَادَ ٢٠٥

206. Rồi khi có lời khuyên bảo y “Hãy kính sợ Allah” thì y lại hãnh diện với tội lỗi mà y đã làm, y đáng bị đày vào Ngục Lửa, một chốn cư ngụ thật tồi tệ.

وَإِذَا قِيلَ لَهُ ٱتَّقِ ٱللَّهَ أَخَذَتۡهُ ٱلۡعِزَّةُ بِٱلۡإِثۡمِۚ فَحَسۡبُهُۥ
جَهَنَّمُۖ وَلَبِئۡسَ ٱلۡمِهَادُ ٢٠٦

207. Tuy nhiên, trong nhân loại, cũng có người bán thân mình để tìm kiếm sự hài lòng của Allah, và Allah rất mực thương xót đám bầy tôi của Ngài.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَشۡرِي نَفۡسَهُ ٱبۡتِغَآءَ مَرۡضَاتِ ٱللَّهِۚ
وَٱللَّهُ رَءُوفُۢ بِٱلۡعِبَادِ ٢٠٧

208. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy gia nhập hoàn toàn vào Islam và chớ đừng theo những vết chân của Shaytan, bởi quả thật hắn là kẻ thù công khai của các ngươi.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱدۡخُلُواْ فِي ٱلسِّلۡمِ كَآفَّةٗ وَلَا
تَتَّبِعُواْ خُطُوَٰتِ ٱلشَّيۡطَٰنِۚ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ٢٠٨

209. Nếu như các ngươi trượt chân (khỏi chân lý) sau khi các bằng chứng đã đến với các ngươi một cách rõ ràng thì các ngươi hãy biết rằng Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

فَإِن زَلَلۡتُم مِّنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَتۡكُمُ ٱلۡبَيِّنَٰتُ فَٱعۡلَمُوٓاْ
أَنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ٢٠٩

210. Chẳng lẽ họ (những kẻ lầm lạc) chờ đợi Allah và các vị Thiên Thần cưỡi mây đến gặp riêng họ? (Nếu sự việc đúng như thế) thì vấn đề đã được giải quyết (họ đã bị trừng phạt và vấn đề đã được kết thúc), tuy nhiên, mọi việc đều được mang về trình diện Allah (để Ngài định đoạt).

هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّآ أَن يَأۡتِيَهُمُ ٱللَّهُ فِي ظُلَلٖ مِّنَ
ٱلۡغَمَامِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَقُضِيَ ٱلۡأَمۡرُۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ
ٱلۡأُمُورُ ٢١٠

[i] (14) Đó là ba ngày 11, 12 và 13 của tháng Zdul-Hijjah được gọi là những ngày Tashreeq. Một trong nghi thức của Hajj là ở lại khu vực Mina trong suốt những ngày này.

211. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy hỏi dân Israel rằng đã bao lần TA (Allah) đã ban cho họ dấu hiệu rõ ràng (để nhận biết về sứ mạng của Thiên Sứ vậy mà họ vẫn ngoan cố bác bỏ sự thật). Đối với ai đáp lại ân huệ của Allah (bằng sự vong ân) sau khi nó đã được trình bày rõ cho y thì quả thật Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

سَلۡ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ كَمۡ ءَاتَيۡنَٰهُم مِّنۡ ءَايَةِۭ بَيِّنَةٖۗ
وَمَن يُبَدِّلۡ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَتۡهُ فَإِنَّ ٱللَّهَ
شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٢١١

212. Sự lộng lẫy, hào nhoáng của cuộc sống trần tục đã lôi cuốn những kẻ vô đức tin, đâm ra họ chê cười những người có đức tin cũng như những người sợ Đấng bên trên họ vào Ngày Phán Xét. Tuy nhiên, Allah muốn ban phát bổng lộc vô hạn cho ai tùy ý Ngài.

زُيِّنَ لِلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا وَيَسۡخَرُونَ مِنَ
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۘ وَٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ فَوۡقَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ وَٱللَّهُ
يَرۡزُقُ مَن يَشَآءُ بِغَيۡرِ حِسَابٖ ٢١٢

213. Thoạt đầu loài người vốn là một cộng đồng duy nhất (rất ngoan đạo và chỉ theo tôn giáo của ông tổ Adam, rồi họ dần dần bị lệch lạc) nên Allah lần lượt gởi đến họ các vị Nabi với sứ mạng mang tin mừng và cảnh báo. Ngài đã ban cho Họ Kinh Sách làm cơ sở chân lý để Họ phân xử mọi điều mâu thuẫn trong thiên hạ. Nhưng thật ra họ không mâu thuẫn về Nó (Kinh Sách) ngoại trừ những kẻ được ban cho (Kinh Sách) sau khi họ đã tiếp thu được các bằng chứng rõ rệt bởi lòng đố kỵ giữa họ. Do đó, dưới phép của Allah, Ngài đã phù hộ những người có đức tin đến với chân lý về những điều mà họ đã bất đồng và mâu thuẫn. Và Allah muốn hướng dẫn ai Ngài muốn đến với con đường ngay chính.

كَانَ ٱلنَّاسُ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ فَبَعَثَ ٱللَّهُ ٱلنَّبِيِّـۧنَ
مُبَشِّرِينَ وَمُنذِرِينَ وَأَنزَلَ مَعَهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّ
لِيَحۡكُمَ بَيۡنَ ٱلنَّاسِ فِيمَا ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِۚ وَمَا
ٱخۡتَلَفَ فِيهِ إِلَّا ٱلَّذِينَ أُوتُوهُ مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَتۡهُمُ
ٱلۡبَيِّنَٰتُ بَغۡيَۢا بَيۡنَهُمۡۖ فَهَدَى ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لِمَا
ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِ مِنَ ٱلۡحَقِّ بِإِذۡنِهِۦۗ وَٱللَّهُ يَهۡدِي مَن
يَشَآءُ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٍ ٢١٣

214. Hoặc lẽ nào các ngươi (hỡi những người có đức tin) nghĩ rằng các ngươi sẽ vào Thiên Đàng mà không phải trải qua những thử thách tương tự (những thử thách) mà các thế hệ trước các ngươi đã phải trải qua ư? Họ đã từng trải qua những nghịch cảnh và hoạn nạn và họ đã dao động tinh thần đến nỗi vị Thiên sứ (Muhammad) và những tín đồ cùng với Y đều phải than: "Bao giờ sự cứu giúp của Allah mới đến?" Quả thật sự cứu giúp của Allah rất gần kề!

أَمۡ حَسِبۡتُمۡ أَن تَدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ وَلَمَّا يَأۡتِكُم مَّثَلُ
ٱلَّذِينَ خَلَوۡاْ مِن قَبۡلِكُمۖ مَّسَّتۡهُمُ ٱلۡبَأۡسَآءُ وَٱلضَّرَّآءُ
وَزُلۡزِلُواْ حَتَّىٰ يَقُولَ ٱلرَّسُولُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ
مَتَىٰ نَصۡرُ ٱللَّهِۗ أَلَآ إِنَّ نَصۡرَ ٱللَّهِ قَرِيبٞ ٢١٤

215. Họ (các bằng hữu của Ngươi) hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) cần phải bố thí loại tài sản nào (và cho ai?). Ngươi hãy đáp: "Các ngươi hãy bố thí tài sản tốt sạch (kiếm được bằng con đường Halal và tốt nhất là bố thí) cho cha mẹ, cho người thân, cho trẻ mồ côi, cho người nghèo, và cho người lỡ đường. Và những điều thiện tốt mà các ngươi từng làm thì Allah đều luôn biết rõ (Ngài sẽ ghi nhận ở nơi Ngài không sót bất cứ điều gì).

يَسۡـَٔلُونَكَ مَاذَا يُنفِقُونَۖ قُلۡ مَآ أَنفَقۡتُم مِّنۡ خَيۡرٖ
فَلِلۡوَٰلِدَيۡنِ وَٱلۡأَقۡرَبِينَ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱبۡنِ
ٱلسَّبِيلِۗ وَمَا تَفۡعَلُواْ مِنۡ خَيۡرٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِهِۦ
عَلِيمٞ ٢١٥

216. Lệnh chiến đấu đã được ban hành cho các ngươi và đó là điều mà các ngươi ghét. Nhưng biết đâu điều mà các ngươi ghét lại tốt cho các ngươi còn điều mà các ngươi yêu thích lại xấu cho các ngươi; quả thật chỉ Allah

كُتِبَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡقِتَالُ وَهُوَ كُرۡهٞ لَّكُمۡۖ وَعَسَىٰٓ أَن
تَكۡرَهُواْ شَيۡـٔٗا وَهُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡۖ وَعَسَىٰٓ أَن تُحِبُّواْ

mới biết rõ (đâu là tốt và đâu là xấu) còn các ngươi chẳng biết gì.

شَيۡـٔٗا وَهُوَ شَرّٞ لَّكُمۡۚ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا
تَعۡلَمُونَ ٢١٦

217. Họ (nhân loại) hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) về việc chiến đấu trong tháng cấm kỵ.(15) Ngươi hãy trả lời họ: “Việc chiến đấu trong tháng cấm kỵ là vi phạm nghiêm trọng, nhưng việc ngăn cản con đường chính đạo của Allah, việc phủ nhận Ngài, việc cấm mọi người vào Masjid Haram cũng như việc trục xuất dân cư của (Makkah) ra khỏi (vùng đất của họ) còn nghiêm trọng hơn đối với Allah; và sự quấy nhiễu còn nghiêm trọng hơn cả sự giết chóc. Mặc dù vậy, những người đa thần vẫn không ngừng chiến đấu với các ngươi cho đến khi nào họ kéo các ngươi rời khỏi tôn giáo của các ngươi bằng mọi cách có thể. Ai trong các ngươi bỏ đạo và chết trong tình trạng vô đức tin thì mọi việc hành thiện của y bị xóa sạch ở đời này lẫn Đời Sau, họ sẽ là những người bạn của Hỏa Ngục, và họ sẽ ở trong đó mãi mãi.[i]

يَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلشَّهۡرِ ٱلۡحَرَامِ قِتَالٖ فِيهِۖ قُلۡ قِتَالٞ
فِيهِ كَبِيرٞۚ وَصَدٌّ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَكُفۡرُۢ بِهِۦ
وَٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ وَإِخۡرَاجُ أَهۡلِهِۦ مِنۡهُ أَكۡبَرُ عِندَ
ٱللَّهِۚ وَٱلۡفِتۡنَةُ أَكۡبَرُ مِنَ ٱلۡقَتۡلِۗ وَلَا يَزَالُونَ
يُقَٰتِلُونَكُمۡ حَتَّىٰ يَرُدُّوكُمۡ عَن دِينِكُمۡ إِنِ
ٱسۡتَطَٰعُواْۚ وَمَن يَرۡتَدِدۡ مِنكُمۡ عَن دِينِهِۦ فَيَمُتۡ
وَهُوَ كَافِرٞ فَأُوْلَٰٓئِكَ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا
وَٱلۡأٓخِرَةِۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا
خَٰلِدُونَ ٢١٧

218. Những người có đức tin, những người di cư và anh dũng chiến đấu vì chính nghĩa của Allah đích thực là những người đang kỳ vọng nơi lòng thương xót của Allah. Quả thật Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَٱلَّذِينَ هَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ فِي
سَبِيلِ ٱللَّهِ أُوْلَٰٓئِكَ يَرۡجُونَ رَحۡمَتَ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ
رَّحِيمٞ ٢١٨

219. Họ (những người bạn đạo của Ngươi) hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) về rượu và cờ bạc. Ngươi hãy trả lời họ: “Trong hai thứ vừa có tội lớn vừa có lợi ích cho con người nhưng tội của chúng lớn hơn lợi ích mà chúng mang lại.” Và họ hỏi Ngươi “nên bố thí loại tài sản nào”. Ngươi hãy trả lời họ: “(Các ngươi hãy bố thí) phần tài sản còn lại (sau khi các ngươi đã sử dụng cho nhu cầu cần thiết).”(16) Như thế đó Allah đã trình bày rõ cho các ngươi các lời mặc khải của Ngài mong rằng các ngươi biết suy ngẫm.[ii]

۞يَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡخَمۡرِ وَٱلۡمَيۡسِرِۖ قُلۡ فِيهِمَآ إِثۡمٞ
كَبِيرٞ وَمَنَٰفِعُ لِلنَّاسِ وَإِثۡمُهُمَآ أَكۡبَرُ مِن نَّفۡعِهِمَاۗ
وَيَسۡـَٔلُونَكَ مَاذَا يُنفِقُونَۖ قُلِ ٱلۡعَفۡوَۗ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ
ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلۡأٓيَٰتِ لَعَلَّكُمۡ تَتَفَكَّرُونَ ٢١٩

220. (Để mang lại lợi ích) ở đời này và ở Đời Sau. Họ hỏi Ngươi về trẻ mồ côi.(17) Ngươi hãy trả lời họ: “Cải thiện (đời sống) cho chúng là điều tốt nhất, nhưng nếu các ngươi hùng hạp (tài sản) với chúng thì chúng vốn là anh em (đồng đạo) với các ngươi, Allah biết rõ ai là kẻ phá hoại và ai là người muốn cải thiện. Nếu muốn, Allah thừa

فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۗ وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡيَتَٰمَىٰۖ قُلۡ
إِصۡلَاحٞ لَّهُمۡ خَيۡرٞۖ وَإِن تُخَالِطُوهُمۡ فَإِخۡوَٰنُكُمۡۚ وَٱللَّهُ

[i] (15) Islam và tôn giáo của ông tổ Ibrahim luôn tôn trọng các tháng cấm kỵ, họ sẽ không gây thù hận hoặc đánh nhau trong các tháng này. Các tháng cấm kỵ gồm tháng Muharram, Rajab, Zdul-Qa’dah và Zdul-Hijjah, (tức tháng giêng, tháng 7, tháng 11 và tháng 12 theo lịch Islam).

[ii] (16) Câu Kinh này xuống trước khi lệnh Zakah được thiên khải, sau đó Allah bắt buộc phải xuất Zakah theo định lượng và từng loại tài sản nhất định.

sức gây khó khăn cho các ngươi, bởi Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.[1]

يَعۡلَمُ ٱلۡمُفۡسِدَ مِنَ ٱلۡمُصۡلِحِۚ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ
لَأَعۡنَتَكُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٢٢٠

221. Các ngươi (những người có đức tin) chớ đừng kết hôn với những phụ nữ thờ đa thần cho đến khi nào họ đã có đức tin, bởi lẽ một người nữ nô lệ có đức tin tốt hơn một người nữ thờ đa thần ngay cả khi nữ ta có hấp dẫn và lôi cuốn các ngươi đi chăng nữa. Và các ngươi chớ đừng gả (con gái của các ngươi) cho những người đàn ông thờ đa thần cho đến khi nào họ đã có đức tin, bởi lẽ một người nam nô lệ có đức tin tốt hơn một người nam thờ đa thần ngay cả khi y có hấp dẫn và lôi cuốn các ngươi đi chăng nữa. Họ (những kẻ thờ đa thần) kêu gọi các ngươi đến với Hỏa Ngục trong khi Allah mời gọi các ngươi đến với Thiên Đàng và sự tha thứ theo phép của Ngài. Allah đã trình bày rõ ràng các lời mặc khải của Ngài cho nhân loại mong rằng họ biết lưu tâm.

وَلَا تَنكِحُواْ ٱلۡمُشۡرِكَٰتِ حَتَّىٰ يُؤۡمِنَّۚ وَلَأَمَةٞ مُّؤۡمِنَةٌ
خَيۡرٞ مِّن مُّشۡرِكَةٖ وَلَوۡ أَعۡجَبَتۡكُمۡۗ وَلَا تُنكِحُواْ
ٱلۡمُشۡرِكِينَ حَتَّىٰ يُؤۡمِنُواْۚ وَلَعَبۡدٞ مُّؤۡمِنٌ خَيۡرٞ مِّن
مُّشۡرِكٖ وَلَوۡ أَعۡجَبَكُمۡۗ أُوْلَٰٓئِكَ يَدۡعُونَ إِلَى ٱلنَّارِۖ
وَٱللَّهُ يَدۡعُوٓاْ إِلَى ٱلۡجَنَّةِ وَٱلۡمَغۡفِرَةِ بِإِذۡنِهِۦۖ وَيُبَيِّنُ
ءَايَٰتِهِۦ لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَتَذَكَّرُونَ ٢٢١

222. Họ (các bạn đạo của Ngươi) hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) về kinh nguyệt của phụ nữ. Ngươi hãy trả lời họ: “Nó gây hại (cho các ngươi khi quan hệ), cho nên các ngươi đừng đến gần vợ của các ngươi trong suốt thời gian kinh nguyệt cho đến khi nào họ đã sạch sẽ trở lại (dứt kinh). Khi nào họ đã (tắm Junub) sạch sẽ thì các ngươi hãy đến với họ như Allah đã cho phép các ngươi. Quả thật, Allah rất yêu thương những người biết ăn năn sám hối và những người giữ mình sạch sẽ.

وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡمَحِيضِۖ قُلۡ هُوَ أَذٗى فَٱعۡتَزِلُواْ
ٱلنِّسَآءَ فِي ٱلۡمَحِيضِ وَلَا تَقۡرَبُوهُنَّ حَتَّىٰ يَطۡهُرۡنَۖ
فَإِذَا تَطَهَّرۡنَ فَأۡتُوهُنَّ مِنۡ حَيۡثُ أَمَرَكُمُ ٱللَّهُۚ إِنَّ ٱللَّهَ
يُحِبُّ ٱلتَّوَّٰبِينَ وَيُحِبُّ ٱلۡمُتَطَهِّرِينَ ٢٢٢

223. Những người phụ nữ (vợ) của các ngươi là mảnh đất trồng của các ngươi. Cho nên, các ngươi hãy đến với mảnh đất trồng của các ngươi theo cách mà các ngươi thích; và các ngươi hãy (làm thiện tốt) cho bản thân mình. Các ngươi hãy kính sợ Allah và hãy biết rằng các ngươi sẽ phải trở về trình diện Ngài và Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy báo tin vui cho những người có đức tin.

نِسَآؤُكُمۡ حَرۡثٞ لَّكُمۡ فَأۡتُواْ حَرۡثَكُمۡ أَنَّىٰ شِئۡتُمۡۖ
وَقَدِّمُواْ لِأَنفُسِكُمۡۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّكُم
مُّلَٰقُوهُۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٢٢٣

224. Các ngươi chớ đừng lấy Allah ra thề thốt để làm bức màn ngăn cản các ngươi hành thiện, làm điều ngoan đạo và hòa giải giữa mọi người, bởi Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hiểu Biết.

وَلَا تَجۡعَلُواْ ٱللَّهَ عُرۡضَةٗ لِّأَيۡمَٰنِكُمۡ أَن تَبَرُّواْ وَتَتَّقُواْ
وَتُصۡلِحُواْ بَيۡنَ ٱلنَّاسِۚ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ٢٢٤

[1] (17) Theo Islam những đứa trẻ chết cha trước khi trưởng thành được xem là trẻ mồ côi, còn chết mẹ thì không được xem là mồ côi.

225. Allah không bắt tội việc các ngươi thề thốt như một thói quen trên đầu môi, nhưng Ngài sẽ bắt tội khi các ngươi (thề thốt) có chủ định trong tim của các ngươi và Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Chịu Đựng.

لَّا يُؤَاخِذُكُمُ ٱللَّهُ بِٱللَّغۡوِ فِيٓ أَيۡمَٰنِكُمۡ وَلَٰكِن
يُؤَاخِذُكُم بِمَا كَسَبَتۡ قُلُوبُكُمۡۗ وَٱللَّهُ غَفُورٌ
حَلِيمٞ ٢٢٥

226. Những ai thề thốt không giao hợp với phụ nữ (vợ) của họ nữa thì để cho y bốn tháng suy nghĩ. Nếu như y giao hợp lại (với vợ trong khoảng thời gian đó) thì chắc chắn Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

لِّلَّذِينَ يُؤۡلُونَ مِن نِّسَآئِهِمۡ تَرَبُّصُ أَرۡبَعَةِ أَشۡهُرٖۖ فَإِن
فَآءُو فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٢٢٦

227. Còn nếu họ kiên quyết li dị (vợ) thì chắc chắn Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hiểu Biết.

وَإِنۡ عَزَمُواْ ٱلطَّلَٰقَ فَإِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ٢٢٧

228. Những người vợ li dị (vì quyền lợi của bản thân) phải kiêng cữ trong ba kỳ kinh (ba tháng) và họ không được phép giấu giếm thứ mà Allah đã tạo hóa trong bụng của họ (bào thai) nếu họ có đức tin nơi Allah và Đời Sau. Và chồng của họ được quyền ưu tiên tái hợp với họ nếu cả hai muốn cải thiện cuộc sống (vợ chồng). Phụ nữ được hưởng quyền lợi giống như trách nhiệm (của họ đối với chồng) theo lẽ truyền thống (của từng nơi), tuy nhiên nam giới cao hơn phụ nữ một bậc (về trách nhiệm gánh vác gia đình). Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt

وَٱلۡمُطَلَّقَٰتُ يَتَرَبَّصۡنَ بِأَنفُسِهِنَّ ثَلَٰثَةَ قُرُوٓءٖۚ وَلَا
يَحِلُّ لَهُنَّ أَن يَكۡتُمۡنَ مَا خَلَقَ ٱللَّهُ فِيٓ أَرۡحَامِهِنَّ
إِن كُنَّ يُؤۡمِنَّ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۚ وَبُعُولَتُهُنَّ أَحَقُّ
بِرَدِّهِنَّ فِي ذَٰلِكَ إِنۡ أَرَادُوٓاْ إِصۡلَٰحٗاۚ وَلَهُنَّ مِثۡلُ ٱلَّذِي
عَلَيۡهِنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ وَلِلرِّجَالِ عَلَيۡهِنَّ دَرَجَةٞۗ وَٱللَّهُ
عَزِيزٌ حَكِيمٌ ٢٢٨

229. Việc li dị(18) chỉ được phép hai lần. (Sau mỗi lần li dị), hoặc là người chồng giữ vợ lại một cách tử tế hoặc là trả tự do cho vợ một cách tốt đẹp. Và các ngươi (hỡi những người chồng) không được phép lấy lại bất cứ gì từ tiền cưới đã trao tặng vợ, ngoại trừ trường hợp cả hai sợ bản thân không duy trì được giới luật của Allah(19) thì cả hai không mắc tội khi (người vợ) dùng tiền cưới chuộc sự tự do cho bản thân. Đó là những giới luật của Allah, các ngươi chớ đừng vi phạm. Ai vi phạm các giới luật của Allah thì họ chính là những kẻ sai quấy.[i]

ٱلطَّلَٰقُ مَرَّتَانِۖ فَإِمۡسَاكُۢ بِمَعۡرُوفٍ أَوۡ تَسۡرِيحُۢ
بِإِحۡسَٰنٖۗ وَلَا يَحِلُّ لَكُمۡ أَن تَأۡخُذُواْ مِمَّآ
ءَاتَيۡتُمُوهُنَّ شَيۡـًٔا إِلَّآ أَن يَخَافَآ أَلَّا يُقِيمَا حُدُودَ ٱللَّهِۖ
فَإِنۡ خِفۡتُمۡ أَلَّا يُقِيمَا حُدُودَ ٱللَّهِ فَلَا جُنَاحَ
عَلَيۡهِمَا فِيمَا ٱفۡتَدَتۡ بِهِۦۗ تِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِ فَلَا
تَعۡتَدُوهَاۚ وَمَن يَتَعَدَّ حُدُودَ ٱللَّهِ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلظَّٰلِمُونَ ٢٢٩

230. Nếu (người chồng) li dị vợ (lần thứ ba) thì người vợ không còn là vợ hợp pháp của y nữa cho đến khi cô vợ kết hôn với người chồng khác.(20) Sau này (người chồng

فَإِن طَلَّقَهَا فَلَا تَحِلُّ لَهُۥ مِنۢ بَعۡدُ حَتَّىٰ تَنكِحَ زَوۡجًا
غَيۡرَهُۥۗ فَإِن طَلَّقَهَا فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِمَآ أَن يَتَرَاجَعَآ

[i] (18) Theo luật Islam, việc li dị được chia thành hai loại, Raj‘i và Ba-in. Raj‘i là người chồng nói li dị vợ rồi làm lành và trở lại chung sống với vợ. Người chồng được phép tối đa hai lần ở hình thức Raj‘i, và khi người chồng tuyên bố li dị lần thứ ba thì anh ta bị cấm trở lại với vợ trừ phi người vợ của anh ta đã kết hôn với người chồng mới (kết hôn thực sự chứ không phải giả dối) rồi người chồng mới lại li dị cô ta sau đó thì anh ta mới được quay lại, và lần li dị thứ ba được gọi là Ba-in. (19) Trường hợp người vợ không chịu nổi tính xấu hay thói bạo hành của người chồng hoặc do ngoại hình xấu xí của người chồng nên người vợ sợ không làm tròn trách nhiệm đối với chồng mà Islam quy định thì người vợ được quyền đề nghị với người có thẩm quyền hủy hôn và đồng ý trả lại tiền cưới mà chồng đã trao tặng trước đây, lúc này người chồng được quyền nhận lại tiền cưới mà không phạm tội.

mới) lại li dị cô ta thì cô ta và người chồng cũ không bị tội nếu cả hai muốn quay lại với nhau, nhất là khi cả hai tin rằng sẽ duy trì được giới luật của Allah. Đó là những giới luật của Allah, Ngài trình bày rõ ràng cho những người hiểu biết.[1]

إِن ظَنَّآ أَن يُقِيمَا حُدُودَ ٱللَّهِۗ وَتِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِ
يُبَيِّنُهَا لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ٢٣٠

231. Sau khi các ngươi li dị vợ và thời hạn kiêng cữ của họ sắp kết thúc, (lúc đó,) hoặc là các ngươi chung sống trở lại tử tế với họ hoặc là các ngươi trả tự do cho họ một cách tốt đẹp; các ngươi chớ đừng cố giữ họ lại với ý định gây khó khăn cho họ, ai làm thế là đã tự bất công với chính bản thân mình và các ngươi chớ đừng lấy các lời mặc khải của Allah ra để bỡn cợt, các ngươi hãy nhớ về ân huệ của Allah đã ban cho các ngươi và những gì được thiên khải trong Kinh Sách (Qur'an) và điều khôn ngoan (Sunnah) mà Ngài dùng khuyên bảo các ngươi. Các ngươi hãy kính sợ Allah và hãy biết rằng Allah luôn biết hết mọi việc

وَإِذَا طَلَّقۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَبَلَغۡنَ أَجَلَهُنَّ فَأَمۡسِكُوهُنَّ
بِمَعۡرُوفٍ أَوۡ سَرِّحُوهُنَّ بِمَعۡرُوفٖۚ وَلَا تُمۡسِكُوهُنَّ
ضِرَارٗا لِّتَعۡتَدُواْۚ وَمَن يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ فَقَدۡ ظَلَمَ نَفۡسَهُۥۚ
وَلَا تَتَّخِذُوٓاْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ هُزُوٗاۚ وَٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ
عَلَيۡكُمۡ وَمَآ أَنزَلَ عَلَيۡكُم مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ
وَٱلۡحِكۡمَةِ يَعِظُكُم بِهِۦۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ
ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ٢٣١

232. Khi các ngươi li dị vợ (ít hơn ba lần) và thời gian kiêng cữ của vợ đã chấm dứt thì các ngươi (người đại diện bên vợ) không được cấm người chồng của họ tái hôn với họ nhất là khi cả hai tự nguyện trở lại chung sống với nhau đàng hoàng. Đó là lời khuyên dành cho những ai trong các ngươi tin vào Allah và Đời Sau, điều đó tốt lành và trong sạch hơn cho các ngươi bởi Allah luôn biết rõ còn các ngươi thì không biết gì.

وَإِذَا طَلَّقۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَبَلَغۡنَ أَجَلَهُنَّ فَلَا تَعۡضُلُوهُنَّ
أَن يَنكِحۡنَ أَزۡوَٰجَهُنَّ إِذَا تَرَٰضَوۡاْ بَيۡنَهُم بِٱلۡمَعۡرُوفِۗ
ذَٰلِكَ يُوعَظُ بِهِۦ مَن كَانَ مِنكُمۡ يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ
وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۗ ذَٰلِكُمۡ أَزۡكَىٰ لَكُمۡ وَأَطۡهَرُۚ وَٱللَّهُ
يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٢٣٢

233. Những bà mẹ (sau li dị) sẽ cho con bú trong hai năm tròn đối với (người cha nào) muốn cho con bú đủ kỳ hạn. Với khoảng ấy thời gian người cha phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền bạc và quần áo cho người mẹ một cách tử tế phù hợp (với lẽ truyền thống). Mỗi linh hồn không bị ép làm điều gì đó quá khả năng, không người mẹ nào bị làm khổ bởi đứa con của mình và cũng không người cha nào bị làm khổ bởi đứa con của y, và người thừa kế cũng phải có trách nhiệm như thế. Trường hợp hai vợ chồng đồng thuận với nhau việc thôi cho con bú trước kỳ hạn hai năm thì cả hai không mắc tội. Nếu các ngươi muốn tìm vú nuôi khác cho con bú sữa thì các ngươi cũng không bị mắc tội một khi các ngươi trả đủ tiền thù lao cho người vú nuôi đó một cách phù hợp. Các ngươi hãy kính sợ Allah và hãy biết rằng Allah thông toàn mọi việc các ngươi làm.

۞وَٱلۡوَٰلِدَٰتُ يُرۡضِعۡنَ أَوۡلَٰدَهُنَّ حَوۡلَيۡنِ كَامِلَيۡنِۖ لِمَنۡ
أَرَادَ أَن يُتِمَّ ٱلرَّضَاعَةَۚ وَعَلَى ٱلۡمَوۡلُودِ لَهُۥ رِزۡقُهُنَّ
وَكِسۡوَتُهُنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ لَا تُكَلَّفُ نَفۡسٌ إِلَّا وُسۡعَهَاۚ
لَا تُضَآرَّ وَٰلِدَةُۢ بِوَلَدِهَا وَلَا مَوۡلُودٞ لَّهُۥ بِوَلَدِهِۦۚ وَعَلَى
ٱلۡوَارِثِ مِثۡلُ ذَٰلِكَۗ فَإِنۡ أَرَادَا فِصَالًا عَن تَرَاضٖ
مِّنۡهُمَا وَتَشَاوُرٖ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِمَاۗ وَإِنۡ أَرَدتُّمۡ أَن
تَسۡتَرۡضِعُوٓاْ أَوۡلَٰدَكُمۡ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ إِذَا
سَلَّمۡتُم مَّآ ءَاتَيۡتُم بِٱلۡمَعۡرُوفِۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ
أَنَّ ٱللَّهَ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ٢٣٣

[1] (20) Sau khi Ba-in tức li dị lần thứ ba, để được trở lại sống chung với chồng cũ thì người vợ phải kết hôn với người đàn ông khác đúng với giáo luật Islam và phải trải qua giao hợp, không được phép kết hôn hình thức để hợp thức hóa việc trở lại với chồng cũ. Sau khi kết thúc hôn nhân với chồng mới do li dị hoặc chồng chết thì cô ta mới được phép kết hôn lại với chồng cũ bằng cuộc hôn lễ Islam.

234. Đối với những người chết bỏ lại vợ, bắt buộc các bà vợ phải kiêng cữ bốn tháng và mười ngày (vì quyền lợi của bản thân).(21) Sau khi hết thời gian kiêng cữ, các ngươi (những người bảo hộ các góa phụ đó) không bị mắc tội về các hành động hợp lẽ và phải đạo mà họ làm cho bản thân mình. Quả thật, Allah thông toàn mọi điều các ngươi làm.[I]

وَٱلَّذِينَ يُتَوَفَّوۡنَ مِنكُمۡ وَيَذَرُونَ أَزۡوَٰجٗا يَتَرَبَّصۡنَ
بِأَنفُسِهِنَّ أَرۡبَعَةَ أَشۡهُرٖ وَعَشۡرٗاۖ فَإِذَا بَلَغۡنَ أَجَلَهُنَّ
فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ فِيمَا فَعَلۡنَ فِيٓ أَنفُسِهِنَّ
بِٱلۡمَعۡرُوفِۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ٢٣٤

235. Các ngươi không mang tội khi nói lời ám chỉ(22) về việc đính hôn với các phụ nữ (đang trong thời gian kiêng cữ) hoặc khi các ngươi giấu kín ý định đó trong lòng. Allah biết các ngươi sẽ nghĩ đến họ nhưng các ngươi không được phép âm thầm hứa hẹn với họ ngoại trừ những câu nói thăm dò với lời lẽ lịch thiệp và đúng mực. Các ngươi không được tiến hành hôn ước với họ cho đến khi thời gian kiêng cữ của họ hoàn toàn kết thúc. Các ngươi hãy biết rằng Allah luôn hiểu rõ mọi tâm tư trong lòng của các ngươi, cho nên hãy thận trọng đối với Ngài; và các ngươi hãy biết rằng Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Chịu Đựng.[II]

وَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ فِيمَا عَرَّضۡتُم بِهِۦ مِنۡ خِطۡبَةِ
ٱلنِّسَآءِ أَوۡ أَكۡنَنتُمۡ فِيٓ أَنفُسِكُمۡۚ عَلِمَ ٱللَّهُ أَنَّكُمۡ
سَتَذۡكُرُونَهُنَّ وَلَٰكِن لَّا تُوَاعِدُوهُنَّ سِرًّا إِلَّآ أَن
تَقُولُواْ قَوۡلٗا مَّعۡرُوفٗاۚ وَلَا تَعۡزِمُواْ عُقۡدَةَ ٱلنِّكَاحِ
حَتَّىٰ يَبۡلُغَ ٱلۡكِتَٰبُ أَجَلَهُۥۚ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ
مَا فِيٓ أَنفُسِكُمۡ فَٱحۡذَرُوهُۚ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ
حَلِيمٞ ٢٣٥

236. Các ngươi không có tội khi li dị vợ trước khi động phòng hoặc chưa định phần tiền cưới bắt buộc cho họ. Tuy nhiên các ngươi phải tặng họ quà cưới thích hợp, người giàu tùy theo phương tiện của người giàu và người nghèo tùy theo phương tiện của người nghèo. Đây là trách nhiệm của những người làm tốt.

لَّا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ إِن طَلَّقۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ مَا لَمۡ
تَمَسُّوهُنَّ أَوۡ تَفۡرِضُواْ لَهُنَّ فَرِيضَةٗۚ وَمَتِّعُوهُنَّ عَلَى
ٱلۡمُوسِعِ قَدَرُهُۥ وَعَلَى ٱلۡمُقۡتِرِ قَدَرُهُۥ مَتَٰعَۢا
بِٱلۡمَعۡرُوفِۖ حَقًّا عَلَى ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٢٣٦

237. Và nếu như các ngươi li dị vợ trước khi động phòng và đã định rõ ràng phần tiền cưới thì bắt buộc các ngươi phải trả cho họ một nửa phần tiền cưới đã thống nhất. Trừ phi họ tự nguyện không nhận hoặc người giám hộ rộng lượng khước từ. Tuy nhiên, tấm lòng vị tha gần với lòng kính sợ (Allah) hơn. Các ngươi chớ đừng quên việc (Allah) đã ưu ái người này hơn người kia. Quả thật, Allah luôn thấy rõ mọi hành động của các ngươi.

وَإِن طَلَّقۡتُمُوهُنَّ مِن قَبۡلِ أَن تَمَسُّوهُنَّ وَقَدۡ فَرَضۡتُمۡ
لَهُنَّ فَرِيضَةٗ فَنِصۡفُ مَا فَرَضۡتُمۡ إِلَّآ أَن يَعۡفُونَ أَوۡ
يَعۡفُوَاْ ٱلَّذِي بِيَدِهِۦ عُقۡدَةُ ٱلنِّكَاحِۚ وَأَن تَعۡفُوٓاْ أَقۡرَبُ
لِلتَّقۡوَىٰۚ وَلَا تَنسَوُاْ ٱلۡفَضۡلَ بَيۡنَكُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِمَا
تَعۡمَلُونَ بَصِيرٌ ٢٣٧

238. Các ngươi hãy giữ gìn và duy trì các lễ nguyện Salah, nhất là cuộc lễ chính giữa (Salah ‘Asr), và các ngươi hãy đứng dâng lễ vì Allah một cách thành tâm cùng với tinh thần đầy sùng kính.

حَٰفِظُواْ عَلَى ٱلصَّلَوَٰتِ وَٱلصَّلَوٰةِ ٱلۡوُسۡطَىٰ وَقُومُواْ لِلَّهِ
قَٰنِتِينَ ٢٣٨

[I] (21) Trong suốt thời gian kiêng cữ, góa phụ không được rời khỏi nhà chồng, không được chưng diện và làm đẹp.

[II] (22) Lời ám chỉ chẳng hạn như nói: Khi nào cô mãn hạn kiêng cữ thì hãy cho tôi biết, nhưng không được nói thẳng thừng.

239. Một khi các ngươi sợ (bị tấn công hoặc điều tương tự) thì các ngươi hãy hành lễ lúc đi bộ (hành quân) hoặc trên lưng vật cưỡi (phương tiện đi lại). Đến khi các ngươi đã an toàn thì các ngươi hãy tụng niệm Allah giống như cách mà Ngài đã dạy các ngươi lúc các ngươi chưa biết.

فَإِنۡ خِفۡتُمۡ فَرِجَالًا أَوۡ رُكۡبَانٗاۖ فَإِذَآ أَمِنتُمۡ فَٱذۡكُرُواْ
ٱللَّهَ كَمَا عَلَّمَكُم مَّا لَمۡ تَكُونُواْ تَعۡلَمُونَ ٢٣٩

240. Đối với những người chết bỏ lại vợ, bắt buộc các ngươi phải để lại di chúc cấp dưỡng (nhà ở và tiền bạc) cho họ một năm và không được đuổi họ ra khỏi nhà. Trường hợp họ tự nguyện rời khỏi nhà (trước thời hạn) thì các ngươi không bị tội về các hành động mà họ làm cho bản thân mình một cách hợp lẽ và phải đạo. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.(23)[i]

وَٱلَّذِينَ يُتَوَفَّوۡنَ مِنكُمۡ وَيَذَرُونَ أَزۡوَٰجٗا وَصِيَّةٗ
لِّأَزۡوَٰجِهِم مَّتَٰعًا إِلَى ٱلۡحَوۡلِ غَيۡرَ إِخۡرَاجٖۚ فَإِنۡ
خَرَجۡنَ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ فِي مَا فَعَلۡنَ فِيٓ
أَنفُسِهِنَّ مِن مَّعۡرُوفٖۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٢٤٠

241. Những phụ nữ sau li dị vẫn còn quyền được hưởng cấp dưỡng phù hợp (theo lẽ truyền thống), đây là trách nhiệm của những người ngoan đạo.

وَلِلۡمُطَلَّقَٰتِ مَتَٰعُۢ بِٱلۡمَعۡرُوفِۖ حَقًّا عَلَى ٱلۡمُتَّقِينَ ٢٤١

242. Như thế đó, Allah đã trình bày rõ ràng cho các ngươi thấy các lời mặc khải của Ngài, mong rằng các ngươi hiểu.

كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ لَعَلَّكُمۡ
تَعۡقِلُونَ ٢٤٢

243. Phải chăng Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chưa biết đến việc có hàng ngàn người (dân Israel) đã bỏ nhà cửa ra đi vì sợ chết (bởi dịch bệnh hoặc điều gì đó). Lúc đó, Allah phán bảo họ: Các ngươi hãy chết đi (và họ liền chết hết), sau đó Ngài phục sinh tất cả họ sống trở lại. Quả thật, Allah luôn nhân từ với loài người nhưng đa số nhân loại không biết ơn (Ngài).

۞أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ خَرَجُواْ مِن دِيَٰرِهِمۡ وَهُمۡ أُلُوفٌ
حَذَرَ ٱلۡمَوۡتِ فَقَالَ لَهُمُ ٱللَّهُ مُوتُواْ ثُمَّ أَحۡيَٰهُمۡۚ إِنَّ
ٱللَّهَ لَذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ
لَا يَشۡكُرُونَ ٢٤٣

244. Các ngươi (hỡi những người có đức tin) hãy chiến đấu cho chính nghĩa của Allah và hãy biết rằng Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

وَقَٰتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ
عَلِيمٞ ٢٤٤

245. Ai cho Allah mượn một món mượn tốt đẹp (bố thí vì Allah) thì phần lãi của y sẽ được nhân lên rất nhiều lần. Quả thật, Allah muốn thu hẹp hoặc nới rộng bổng lộc là tùy ý Ngài và rồi các ngươi phải trở về trình diện Ngài.

مَّن ذَا ٱلَّذِي يُقۡرِضُ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗا فَيُضَٰعِفَهُۥ
لَهُۥٓ أَضۡعَافٗا كَثِيرَةٗۚ وَٱللَّهُ يَقۡبِضُ وَيَبۡصُۜطُ وَإِلَيۡهِ
تُرۡجَعُونَ ٢٤٥

246. Lẽ nào Ngươi (hỡi Nabi) chưa biết thông tin về nhóm thượng lưu trong đám dân Israel thời sau Musa đã đề xướng với Nabi của họ: Người hãy đề bạc cho chúng tôi một vị vua đi, chúng tôi quyết sẽ sát cánh với vị vua đó chiến đấu cho chính nghĩa của Allah. (Nabi) đáp: Ta e là

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلۡمَلَإِ مِنۢ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ مِنۢ بَعۡدِ مُوسَىٰٓ
إِذۡ قَالُواْ لِنَبِيّٖ لَّهُمُ ٱبۡعَثۡ لَنَا مَلِكٗا نُّقَٰتِلۡ فِي سَبِيلِ
ٱللَّهِۖ قَالَ هَلۡ عَسَيۡتُمۡ إِن كُتِبَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡقِتَالُ أَلَّا

---

[i] (23) Theo đa số học giả chuyên giảng giải Qur'an cho rằng giáo luật của câu Kinh này đã bị xóa và được thay thế bởi câu 234 của chương Al-Baqarah: {Đối với những người chết bỏ lại vợ, bắt buộc các bà vợ phải kiêng cữ trong bốn tháng và mười ngày.}

khi được (Allah) hạ lệnh chiến đấu thì các ngươi lại không tuân theo. Họ nói: Điều gì cấm chúng tôi đi chiến đấu vì chính nghĩa của Allah cơ chứ, trong khi kẻ thù đã trục xuất chúng tôi ra khỏi quê hương của mình và (giam giữ) con cháu của chúng tôi. Vậy mà khi họ được lệnh phải chiến đấu thì hầu hết bọn họ đã ngoảnh mặt làm ngơ ngoại trừ một số ít trong bọn họ. Quả thật, Allah biết rõ về đám người lầm lạc.

تُقَٰتِلُواْۖ قَالُواْ وَمَا لَنَآ أَلَّا نُقَٰتِلَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَقَدۡ
أُخۡرِجۡنَا مِن دِيَٰرِنَا وَأَبۡنَآئِنَاۖ فَلَمَّا كُتِبَ عَلَيۡهِمُ
ٱلۡقِتَالُ تَوَلَّوۡاْ إِلَّا قَلِيلٗا مِّنۡهُمۡۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ
بِٱلظَّٰلِمِينَ ٢٤٦

247. Và Nabi của họ bảo: Allah đã đề cử Talut lên làm vua của các ngươi. Họ (không phục) bảo: Làm sao Y xứng đáng làm vua của chúng tôi cho được trong khi chúng tôi xứng đáng hơn y kia mà, vả lại Y vốn không có nhiều tài sản. (Nabi) nói: Allah đã lựa chọn Y cho các ngươi và Ngài ban cho Y kiến thức và sức mạnh, Allah muốn ban quyền vua chúa cho ai tùy ý Ngài, bởi Allah là Đấng Bao La, Đấng Hiểu Biết.

وَقَالَ لَهُمۡ نَبِيُّهُمۡ إِنَّ ٱللَّهَ قَدۡ بَعَثَ لَكُمۡ طَالُوتَ
مَلِكٗاۚ قَالُوٓاْ أَنَّىٰ يَكُونُ لَهُ ٱلۡمُلۡكُ عَلَيۡنَا وَنَحۡنُ أَحَقُّ
بِٱلۡمُلۡكِ مِنۡهُ وَلَمۡ يُؤۡتَ سَعَةٗ مِّنَ ٱلۡمَالِۚ قَالَ إِنَّ ٱللَّهَ
ٱصۡطَفَىٰهُ عَلَيۡكُمۡ وَزَادَهُۥ بَسۡطَةٗ فِي ٱلۡعِلۡمِ وَٱلۡجِسۡمِۖ
وَٱللَّهُ يُؤۡتِي مُلۡكَهُۥ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٞ ٢٤٧

248. Và Nabi của họ bảo: Dấu hiệu chứng minh chắc chắn cho vương quyền thuộc về Y là Y sẽ mang đến cho các ngươi xem một cái rương, trong đó mang đến sự bình an và những thứ còn sót lại từ hai dòng dõi của Musa và Harun được các vị Thiên Thần hộ tống mang đến. Chắc chắn điều đó là bằng chứng rõ ràng cho các ngươi nếu các ngươi thật sự là những người có đức tin.

وَقَالَ لَهُمۡ نَبِيُّهُمۡ إِنَّ ءَايَةَ مُلۡكِهِۦٓ أَن يَأۡتِيَكُمُ
ٱلتَّابُوتُ فِيهِ سَكِينَةٞ مِّن رَّبِّكُمۡ وَبَقِيَّةٞ مِّمَّا تَرَكَ
ءَالُ مُوسَىٰ وَءَالُ هَٰرُونَ تَحۡمِلُهُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُۚ إِنَّ فِي
ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لَّكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٢٤٨

249. Khi Talut xuất binh, Y bảo quân lính: Allah thử thách các ngươi về một con sông, ai uống nước của con sông đó thì y không còn là người của Ta (tức không được xuất binh chiến đấu) còn ai không uống nước của con sông đó hoặc chỉ uống một ngụm nước bằng tay cho đỡ khát thì y là người của Ta (tức được ra chiến trường). Thế nhưng đa số quân lính uống nước của con sông đó ngoại trừ một số ít. Rồi khi Y cùng đoàn quân có đức tin còn lại qua khỏi con sông thì quân lính nói: Ngày nay làm sao chúng ta đủ lực lượng để chiến đấu với đoàn quân của Jalut (Goliath) đây. Lúc này, những người có đức tin nơi việc họ sẽ trình diện Allah (ở Đời Sau) lên tiếng: Đã có biết bao lần một lực lượng nhỏ bé đã đánh bại một lực lượng hùng mạnh khi đã được Allah phù hộ! Quả thật, Allah luôn sát cánh với những người kiên nhẫn.

فَلَمَّا فَصَلَ طَالُوتُ بِٱلۡجُنُودِ قَالَ إِنَّ ٱللَّهَ مُبۡتَلِيكُم
بِنَهَرٖ فَمَن شَرِبَ مِنۡهُ فَلَيۡسَ مِنِّي وَمَن لَّمۡ يَطۡعَمۡهُ
فَإِنَّهُۥ مِنِّيٓ إِلَّا مَنِ ٱغۡتَرَفَ غُرۡفَةَۢ بِيَدِهِۦۚ فَشَرِبُواْ
مِنۡهُ إِلَّا قَلِيلٗا مِّنۡهُمۡۚ فَلَمَّا جَاوَزَهُۥ هُوَ وَٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْ مَعَهُۥ قَالُواْ لَا طَاقَةَ لَنَا ٱلۡيَوۡمَ بِجَالُوتَ
وَجُنُودِهِۦۚ قَالَ ٱلَّذِينَ يَظُنُّونَ أَنَّهُم مُّلَٰقُواْ ٱللَّهِ كَم
مِّن فِئَةٖ قَلِيلَةٍ غَلَبَتۡ فِئَةٗ كَثِيرَةَۢ بِإِذۡنِ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ
مَعَ ٱلصَّٰبِرِينَ ٢٤٩

250. Khi đối mặt với đoàn quân của Jalut thì họ (quân của Talut) cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy gia tăng sự kiên nhẫn trong lòng bầy tôi, xin Ngài hãy giữ vững đôi chân của bầy tôi và xin hãy phù hộ bầy tôi chiến thắng trước đám người vô đức tin.”

وَلَمَّا بَرَزُواْ لِجَالُوتَ وَجُنُودِهِۦ قَالُواْ رَبَّنَآ أَفۡرِغۡ عَلَيۡنَا
صَبۡرٗا وَثَبِّتۡ أَقۡدَامَنَا وَٱنصُرۡنَا عَلَى ٱلۡقَوۡمِ
ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢٥٠

251. Cuối cùng đoàn quân có đức tin đã tiêu diệt được kẻ thù dưới sự phù hộ của Allah. Còn Dawood đã giết chết (bạo chúa) Jalut, rồi Y được Allah ban cho vương quyền và sứ mạng Nabi, ngoài ra Ngài còn dạy Y biết bao kiến thức Ngài muốn. Nếu như Allah không dùng người này để ngăn chặn (hành động phá hoại) của người kia thì trái đất sẽ loạn và rối tung, tuy nhiên Allah nhân từ với vũ trụ và vạn vật.

فَهَزَمُوهُم بِإِذۡنِ ٱللَّهِ وَقَتَلَ دَاوُۥدُ جَالُوتَ وَءَاتَىٰهُ ٱللَّهُ ٱلۡمُلۡكَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَعَلَّمَهُۥ مِمَّا يَشَآءُۗ وَلَوۡلَا دَفۡعُ ٱللَّهِ ٱلنَّاسَ بَعۡضَهُم بِبَعۡضٖ لَّفَسَدَتِ ٱلۡأَرۡضُ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ ذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢٥١

252. Đó là những lời phán của Allah, TA đọc cho Ngươi nghe bằng sự thật (hỡi Thiên Sứ Muhammad) và quả thật Ngươi đích thực là một trong các vị Thiên Sứ (của TA).

تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱللَّهِ نَتۡلُوهَا عَلَيۡكَ بِٱلۡحَقِّۚ وَإِنَّكَ لَمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٢٥٢

253. Đó là những vị Thiên Sứ; TA (Allah) đã ưu đãi một số vị này hơn một số vị kia. Trong số họ, có vị được Allah nói chuyện trực tiếp (như Thiên Sứ Musa), có vị được nâng trội hơn vài cấp bậc (như Thiên Sứ Muhammad), và TA đã ban cho Ysa con trai của Maryam một loạt phép màu rõ ràng và để Al-Ruh Al-Qudus (Jibril) làm trợ thủ cho Y. Nếu Allah muốn thì các thế hệ sống sau họ (các vị Thiên Sứ và Nabi) đã không giết chóc lẫn nhau sau khi các bằng chứng rõ ràng đã đến với họ, nhưng họ đã tranh cãi và bất đồng, cho nên, trong số họ có người tin và có người phủ nhận. Và nếu Allah muốn thì họ đã không giết chóc lẫn nhau, tuy nhiên, Allah làm những gì Ngài muốn.

۞تِلۡكَ ٱلرُّسُلُ فَضَّلۡنَا بَعۡضَهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖۘ مِّنۡهُم مَّن كَلَّمَ ٱللَّهُۖ وَرَفَعَ بَعۡضَهُمۡ دَرَجَٰتٖۚ وَءَاتَيۡنَا عِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ ٱلۡبَيِّنَٰتِ وَأَيَّدۡنَٰهُ بِرُوحِ ٱلۡقُدُسِۗ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا ٱقۡتَتَلَ ٱلَّذِينَ مِنۢ بَعۡدِهِم مِّنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَتۡهُمُ ٱلۡبَيِّنَٰتُ وَلَٰكِنِ ٱخۡتَلَفُواْ فَمِنۡهُم مَّنۡ ءَامَنَ وَمِنۡهُم مَّن كَفَرَۚ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا ٱقۡتَتَلُواْ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَفۡعَلُ مَا يُرِيدُ ٢٥٣

254. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy chi dùng từ những bổng lộc mà TA đã ban cấp cho các ngươi (vào con đường chính nghĩa của Allah) trước khi xảy ra Ngày mà sẽ không có việc mua bán đổi chác, sẽ không có tình bằng hữu (để bao che cho nhau) và cũng sẽ không có sự can thiệp nào (để biện hộ và giúp đỡ). Và những kẻ vô đức tin chính là những kẻ sai quấy.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَنفِقُواْ مِمَّا رَزَقۡنَٰكُم مِّن قَبۡلِ أَن يَأۡتِيَ يَوۡمٞ لَّا بَيۡعٞ فِيهِ وَلَا خُلَّةٞ وَلَا شَفَٰعَةٞۗ وَٱلۡكَٰفِرُونَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٢٥٤

255. Allah (là Thượng Đế), không có Thượng Đế (đích thực) nào ngoài Ngài, Đấng Hằng Sống, Đấng Bất Diệt, Ngài không ngủ và cũng không buồn ngủ. Tất cả vạn vật trong các tầng trời và tất cả vạn vật trong trái đất đều thuộc về Ngài. Không ai có quyền can thiệp (biện minh, cầu xin ân xá cho ai) trước Ngài trừ phi Ngài cho phép. Ngài biết hết mọi điều xảy ra phía trước họ và đằng sau họ, không một ai đủ năng lực biết được kiến thức của Ngài ngoại trừ điều nào Ngài muốn cho y biết. Kursi(24) (Bệ gác chân) của Ngài bao trùm hết cả các tầng trời và trái đất, và việc quản lý trời đất không làm Ngài mỏi mệt bởi Ngài là Đấng Tối Thượng, Vĩ Đại.[1]

ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلۡحَيُّ ٱلۡقَيُّومُۚ لَا تَأۡخُذُهُۥ سِنَةٞ وَلَا نَوۡمٞۚ لَّهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ مَن ذَا ٱلَّذِي يَشۡفَعُ عِندَهُۥٓ إِلَّا بِإِذۡنِهِۦۚ يَعۡلَمُ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُمۡۖ وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيۡءٖ مِّنۡ عِلۡمِهِۦٓ إِلَّا بِمَا شَآءَۚ وَسِعَ كُرۡسِيُّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَۖ وَلَا يَـُٔودُهُۥ حِفۡظُهُمَاۚ وَهُوَ ٱلۡعَلِيُّ ٱلۡعَظِيمُ ٢٥٥

[1] (24) Có lời Tafsir rằng Kursi là Ngai vương và Bệ gác chân. Và cũng có lời Tafsir rằng Kursi muốn nói trong câu Kinh này ám chỉ kiến thức của Allah, và đây là sự lựa chọn của học giả Al-Qurtubi.

256. Không có sự cưỡng bức (đức tin) trong tôn giáo. Quả thật, chân lý, lẽ đúng luôn khác biệt với điều ngụy tạo và sai trái. Cho nên, ai phủ nhận Taghut (mọi thứ được thờ phượng ngoài Allah) và có đức tin nơi Allah thì y đã nắm chắc sợi dây cứu rỗi không bao giờ đứt, bởi Allah là Đấng Hằng Nghe, Hằng Biết.

لَآ إِكۡرَاهَ فِي ٱلدِّينِۖ قَد تَّبَيَّنَ ٱلرُّشۡدُ مِنَ ٱلۡغَيِّۚ فَمَن
يَكۡفُرۡ بِٱلطَّٰغُوتِ وَيُؤۡمِنۢ بِٱللَّهِ فَقَدِ ٱسۡتَمۡسَكَ
بِٱلۡعُرۡوَةِ ٱلۡوُثۡقَىٰ لَا ٱنفِصَامَ لَهَاۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ
عَلِيمٌ ٢٥٦

257. Allah là Đấng Bảo Hộ của những người có đức tin, Ngài đưa họ ra khỏi nơi tăm tối đến với ánh sáng. Riêng những kẻ vô đức tin, đấng bảo hộ của họ là Taghut; chúng đưa họ từ nơi ánh sáng đến chỗ tối tăm. Những kẻ đó sẽ làm bạn với Hỏa Ngục, họ sẽ phải sống trong đó mãi mãi.

ٱللَّهُ وَلِيُّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ يُخۡرِجُهُم مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى
ٱلنُّورِۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَوۡلِيَآؤُهُمُ ٱلطَّٰغُوتُ
يُخۡرِجُونَهُم مِّنَ ٱلنُّورِ إِلَى ٱلظُّلُمَٰتِۗ أُوْلَٰٓئِكَ
أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٢٥٧

258. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) có thấy kẻ đã tranh luận với Ibrahim về Thượng Đế của Y, kẻ mà hắn đã được Allah ban cho vương quyền (vua Nimrud)? Khi Ibrahim nói: “Thượng Đế của tôi là Đấng làm cho sống và làm cho chết.” (Nimrud) bảo: “Ta cũng có thể làm cho sống và làm cho chết.”(25) Ibrahim nói: “Quả thật, Allah là Đấng làm cho mặt trời mọc lên ở hướng đông, vậy bệ hạ hãy làm cho nó mọc lên ở hướng tây xem nào.” Thế là kẻ vô đức tin đã bối rối (vì đuối lý). Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người sai quấy.[1]

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِي حَآجَّ إِبۡرَٰهِـۧمَ فِي رَبِّهِۦٓ أَنۡ ءَاتَىٰهُ
ٱللَّهُ ٱلۡمُلۡكَ إِذۡ قَالَ إِبۡرَٰهِـۧمُ رَبِّيَ ٱلَّذِي يُحۡيِۦ
وَيُمِيتُ قَالَ أَنَا۠ أُحۡيِۦ وَأُمِيتُۖ قَالَ إِبۡرَٰهِـۧمُ فَإِنَّ ٱللَّهَ
يَأۡتِي بِٱلشَّمۡسِ مِنَ ٱلۡمَشۡرِقِ فَأۡتِ بِهَا مِنَ ٱلۡمَغۡرِبِ
فَبُهِتَ ٱلَّذِي كَفَرَۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلظَّٰلِمِينَ ٢٥٨

259. Hoặc (Ngươi có thấy ai) giống như kẻ (‘Uzair)(26) đã đi ngang qua một ngôi làng tan hoang và điêu tàn, y bảo: “Làm thế nào Allah có thể dựng sống lại ngôi làng này sau khi nó đã chết?” Thế là Allah đã làm cho y chết trong thời gian một trăm năm rồi sau đó dựng y sống lại. Ngài hỏi Y: “Ngươi đã ngủ bao lâu rồi?” Y đáp: “Thưa, bề tôi chỉ ngủ một ngày hay một buổi gì đó.” Ngài bảo Y: “Không, ngươi đã ngủ cả một trăm năm rồi đấy. Ngươi hãy nhìn vào thức ăn và thức uống của mình đi, tất cả vẫn còn nguyên vẹn không bị ôi thiu với ngần ấy thời gian. Ngươi hãy nhìn vào con lừa của ngươi (nó đã chết thành đống xương khô), TA lấy ngươi làm một dấu hiệu lạ cho nhân loại, ngươi hãy nhìn vào những khúc xương xem TA sắp xếp chúng rồi làm cho thịt bao chúng lại như thế nào.” Do đó, sau khi mọi thứ đã được phô bày một cách rõ ràng cho y (Y đã

أَوۡ كَٱلَّذِي مَرَّ عَلَىٰ قَرۡيَةٖ وَهِيَ خَاوِيَةٌ عَلَىٰ عُرُوشِهَا
قَالَ أَنَّىٰ يُحۡيِۦ هَٰذِهِ ٱللَّهُ بَعۡدَ مَوۡتِهَاۖ فَأَمَاتَهُ ٱللَّهُ
مِاْئَةَ عَامٖ ثُمَّ بَعَثَهُۥۖ قَالَ كَمۡ لَبِثۡتَۖ قَالَ لَبِثۡتُ
يَوۡمًا أَوۡ بَعۡضَ يَوۡمٖۖ قَالَ بَل لَّبِثۡتَ مِاْئَةَ عَامٖ فَٱنظُرۡ
إِلَىٰ طَعَامِكَ وَشَرَابِكَ لَمۡ يَتَسَنَّهۡۖ وَٱنظُرۡ إِلَىٰ حِمَارِكَ
وَلِنَجۡعَلَكَ ءَايَةٗ لِّلنَّاسِۖ وَٱنظُرۡ إِلَى ٱلۡعِظَامِ كَيۡفَ
نُنشِزُهَا ثُمَّ نَكۡسُوهَا لَحۡمٗاۚ فَلَمَّا تَبَيَّنَ لَهُۥ قَالَ
أَعۡلَمُ أَنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٢٥٩

[1] (25) Vua Nimrud sau khi khẳng định với Thiên Sứ Ibrahim rằng hắn cũng làm cho sống và làm cho chết thì hắn liền ra lệnh quân lính của hắn mang hai tù nhân ra trình diện trước mặt hắn, rồi hắn ra lệnh giết chết một người và tha mạng cho một người còn lại.

nhận thức được thực tại), y liền thốt lên: "Giờ đây bề tôi đã biết rõ Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ."[1]

260. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi Ibrahim khẩn cầu (Allah): "Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài cho bề tôi thấy cách mà Ngài làm sống lại cái chết!" (Allah) phán bảo (Ibrahim): "Phải chăng Ngươi không tin?" (Ibrahim) thưa: "Bẩm không phải như vậy, bề tôi chỉ muốn củng cố tấm lòng của mình mà thôi." (Allah) phán bảo (Ibrahim): "Vậy thì Ngươi hãy bắt bốn con chim và băm chúng ra thành từng mảnh rồi trộn lại với nhau, sau đó Ngươi hãy để mỗi phần thịt của chúng trên mỗi ngọn núi. Xong, Ngươi hãy gọi chúng, chúng sẽ (trở lại thành những con chim như ban đầu) bay nhanh đến Ngươi. Và Ngươi hãy biết rằng Allah là Đấng Toàn Năng, Sáng Suốt."

وَإِذۡ قَالَ إِبۡرَٰهِـۧمُ رَبِّ أَرِنِي كَيۡفَ تُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰۖ قَالَ
أَوَلَمۡ تُؤۡمِنۖ قَالَ بَلَىٰ وَلَٰكِن لِّيَطۡمَئِنَّ قَلۡبِيۖ قَالَ
فَخُذۡ أَرۡبَعَةٗ مِّنَ ٱلطَّيۡرِ فَصُرۡهُنَّ إِلَيۡكَ ثُمَّ ٱجۡعَلۡ
عَلَىٰ كُلِّ جَبَلٖ مِّنۡهُنَّ جُزۡءٗا ثُمَّ ٱدۡعُهُنَّ يَأۡتِينَكَ سَعۡيٗاۚ
وَٱعۡلَمۡ أَنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٢٦٠

261. Hình ảnh của những người chi dùng tài sản của họ cho con đường chính nghĩa của Allah giống như hình ảnh của một hạt giống trổ ra bảy nhánh bông, mỗi nhánh bông trổ ra một trăm hạt. Và Allah sẽ nhân lên thêm nữa cho những ai Ngài muốn bởi vì Allah là Đấng Quảng Đại, Bao La, Hằng Biết hết mọi việc.

مَّثَلُ ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ كَمَثَلِ
حَبَّةٍ أَنۢبَتَتۡ سَبۡعَ سَنَابِلَ فِي كُلِّ سُنۢبُلَةٖ مِّاْئَةُ حَبَّةٖۗ
وَٱللَّهُ يُضَٰعِفُ لِمَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٌ ٢٦١

262. Những người chi dùng tài sản của họ cho con đường chính nghĩa của Allah rồi không kèm theo bất cứ lời nhắc khéo nào về sự rộng rãi của mình cũng như không làm tổn thương (đến danh dự của người được họ bố thí và trợ giúp) thì họ sẽ có được phần thưởng của họ ở nơi Thượng Đế của họ và họ sẽ không sợ hãi cũng sẽ không buồn phiền, lo âu.

ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ ثُمَّ لَا يُتۡبِعُونَ
مَآ أَنفَقُواْ مَنّٗا وَلَآ أَذٗى لَّهُمۡ أَجۡرُهُمۡ عِندَ رَبِّهِمۡ وَلَا
خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٢٦٢

263. Lời nói tử tế và lòng bao dung tốt hơn việc bố thí có kèm theo (lời lẽ hay hành động) làm tổn thương (danh dự của người được bố thí và trợ giúp). Quả thật, Allah là Đấng Giàu Có, Chịu Đựng.

۞قَوۡلٞ مَّعۡرُوفٞ وَمَغۡفِرَةٌ خَيۡرٞ مِّن صَدَقَةٖ يَتۡبَعُهَآ
أَذٗىۗ وَٱللَّهُ غَنِيٌّ حَلِيمٞ ٢٦٣

264. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ hủy hoại sự bố thí của các ngươi bởi những lời nhắc khéo về tấm lòng của các ngươi hay bởi việc làm tổn thương (danh dự của người được các ngươi bố thí và giúp đỡ). (Nếu các ngươi làm thế thì hình ảnh của các ngươi) giống như kẻ chi dùng tài sản (cho con đường chính nghĩa của Allah) chỉ muốn phô trương trước thiên hạ chứ không hề có đức tin nơi Allah và Đời Sau. Hình ảnh của kẻ này giống như hình ảnh một tảng đá to bằng phẳng trơn láng có lớp bụi phủ đầy bên trên (y cứ tưởng lớp bụi đó là mảnh đất phì nhiêu, y hồ hởi gieo hạt) nhưng rồi một cơn mưa lớn trút xuống quét sạch (lớp bụi đó đi) bỏ lại tảng đá nằm một

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُبۡطِلُواْ صَدَقَٰتِكُم بِٱلۡمَنِّ
وَٱلۡأَذَىٰ كَٱلَّذِي يُنفِقُ مَالَهُۥ رِئَآءَ ٱلنَّاسِ وَلَا يُؤۡمِنُ
بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۖ فَمَثَلُهُۥ كَمَثَلِ صَفۡوَانٍ عَلَيۡهِ
تُرَابٞ فَأَصَابَهُۥ وَابِلٞ فَتَرَكَهُۥ صَلۡدٗاۖ لَّا يَقۡدِرُونَ عَلَىٰ
شَيۡءٖ مِّمَّا كَسَبُواْۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢٦٤

[1] (26) Đại đa số học giả chuyên giảng giải Qur'an cho rằng người đàn ông trong câu Kinh này là 'Uzair, một số học giả thì bảo đó là ông Al-Khudhir và một số khác thì bảo rằng đó là người khác. (trích từ Tafsir Ibnu Al-Kathir).

mình trơ trọi. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người vô đức tin.

265. Và những người chi dùng tài sản của mình chỉ vì muốn làm hài lòng Allah cũng như chỉ vì họ tin một cách kiên định (nơi lời hứa ban thưởng của Ngài), hình ảnh của họ giống như hình ảnh của một ngôi vườn trên một gò đất màu mỡ, phì nhiêu; khi gặp được mưa lớn, ngôi vườn tăng vụ mùa gấp bội; nhưng nếu như không có cơn mưa lớn nào thì cơn mưa rươi cũng đủ làm cho ngôi vườn phát triển tươi tốt. Quả thật, Allah luôn quan sát những gì các ngươi làm.

وَمَثَلُ ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُمُ ٱبۡتِغَآءَ مَرۡضَاتِ ٱللَّهِ
وَتَثۡبِيتٗا مِّنۡ أَنفُسِهِمۡ كَمَثَلِ جَنَّةِۭ بِرَبۡوَةٍ أَصَابَهَا
وَابِلٞ فَـَٔاتَتۡ أُكُلَهَا ضِعۡفَيۡنِ فَإِن لَّمۡ يُصِبۡهَا وَابِلٞ
فَطَلّٞۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٌ ٢٦٥

266. Lẽ nào ai đó trong các ngươi lại khao khát muốn (tình trạng của y giống như một người) rằng y có một ngôi vườn chà là và nho với trái quả xum xuê, bên dưới có những dòng sông chảy, nhưng y đã đến tuổi già và con cái của y thì vẫn còn thơ dại, rồi một cơn gió mang theo cái nóng như lửa bất chợt ào đến thiêu rụi toàn bộ ngôi vườn?! Allah trình bày cho các ngươi những lời phán của Ngài đúng như thế, mong các ngươi biết suy ngẫm.

أَيَوَدُّ أَحَدُكُمۡ أَن تَكُونَ لَهُۥ جَنَّةٞ مِّن نَّخِيلٖ
وَأَعۡنَابٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ لَهُۥ فِيهَا مِن كُلِّ
ٱلثَّمَرَٰتِ وَأَصَابَهُ ٱلۡكِبَرُ وَلَهُۥ ذُرِّيَّةٞ ضُعَفَآءُ
فَأَصَابَهَآ إِعۡصَارٞ فِيهِ نَارٞ فَٱحۡتَرَقَتۡۗ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ
ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلۡأٓيَٰتِ لَعَلَّكُمۡ تَتَفَكَّرُونَ ٢٦٦

267. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah) từ những bổng lộc tốt lành mà các ngươi kiếm được cũng như từ những bổng lộc mà TA đã xuất ra cho các ngươi từ đất đai. Các ngươi chớ tìm lấy những món vật xấu để chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah), những món vật mà ngay cả bản thân các ngươi cũng không muốn nhận ngoại trừ các ngươi nhắm mắt làm ngơ. Các ngươi hãy biết rằng Allah là Đấng Giàu Có, Đáng Được Ca Tụng.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَنفِقُواْ مِن طَيِّبَٰتِ مَا كَسَبۡتُمۡ
وَمِمَّآ أَخۡرَجۡنَا لَكُم مِّنَ ٱلۡأَرۡضِۖ وَلَا تَيَمَّمُواْ
ٱلۡخَبِيثَ مِنۡهُ تُنفِقُونَ وَلَسۡتُم بِـَٔاخِذِيهِ إِلَّآ أَن
تُغۡمِضُواْ فِيهِۚ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ غَنِيٌّ حَمِيدٌ ٢٦٧

268. Shaytan làm cho các ngươi lo sợ sự nghèo khó và bảo các ngươi làm điều tội lỗi, ngược lại, Allah hứa tha thứ cho các ngươi và làm cho các ngươi phát đạt với thiên lộc của Ngài. Quả thật, Allah là Đấng Quảng đại, Bao la và Am tường mọi sự việc.

ٱلشَّيۡطَٰنُ يَعِدُكُمُ ٱلۡفَقۡرَ وَيَأۡمُرُكُم بِٱلۡفَحۡشَآءِۖ
وَٱللَّهُ يَعِدُكُم مَّغۡفِرَةٗ مِّنۡهُ وَفَضۡلٗاۗ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ
عَلِيمٞ ٢٦٨

269. (Allah) ban sự khôn ngoan cho ai Ngài muốn, và ai được ban cho sự khôn ngoan thì quả thật y đã được ban cho biết bao điều tốt đẹp; tuy nhiên, không ai hiểu được điều đó ngoại trừ những người có kiến thức và chịu suy ngẫm.

يُؤۡتِي ٱلۡحِكۡمَةَ مَن يَشَآءُۚ وَمَن يُؤۡتَ ٱلۡحِكۡمَةَ فَقَدۡ
أُوتِيَ خَيۡرٗا كَثِيرٗاۗ وَمَا يَذَّكَّرُ إِلَّآ أُوْلُواْ ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٢٦٩

270. Những gì các ngươi đã chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah) hoặc những gì các ngươi đã nguyện thực hiện, Allah chắc chắn đều biết rõ. Và những kẻ làm điều sai quấy chắc chắn sẽ không được ai giúp đỡ.

وَمَآ أَنفَقۡتُم مِّن نَّفَقَةٍ أَوۡ نَذَرۡتُم مِّن نَّذۡرٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ
يَعۡلَمُهُۥۗ وَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِنۡ أَنصَارٍ ٢٧٠

271. Nếu các ngươi công khai những món vật bố thí thì điều đó cũng tốt (bởi vì các ngươi đã công khai điều tốt); nhưng nếu các ngươi giấu kín và âm thầm trao các món vật bố thí đó đến tận tay những người nghèo thì điều đó tốt hơn cho các ngươi, nó sẽ xóa đi khỏi các ngươi những tội lỗi mà các ngươi đã phạm. Và Allah là Đấng Thông Toàn những gì các ngươi làm.

إِن تُبْدُواْ ٱلصَّدَقَٰتِ فَنِعِمَّا هِيَۖ وَإِن تُخْفُوهَا
وَتُؤْتُوهَا ٱلْفُقَرَآءَ فَهُوَ خَيْرٌ لَّكُمْۚ وَيُكَفِّرُ عَنكُم
مِّن سَيِّـَٔاتِكُمْۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرٌ ٢٧١

272. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), việc hướng dẫn họ (đến với chính đạo) không thuộc quyền của Ngươi mà chính Allah mới có quyền hướng dẫn ai Ngài muốn. Và những gì các ngươi chi dùng cho điều thiện tốt thì thật ra đó là những thứ các ngươi chi dùng cho chính bản thân các ngươi; và những gì các ngươi chi dùng là chỉ nhằm làm hài lòng Allah; và những gì các ngươi chi dùng cho điều thiện tốt thì nó sẽ được (Allah) trả lại cho các ngươi và chắc chắn các ngươi sẽ không bị đối xử thiệt thòi bất cứ thứ gì.

۞لَّيْسَ عَلَيْكَ هُدَىٰهُمْ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَهْدِى مَن
يَشَآءُۗ وَمَا تُنفِقُواْ مِنْ خَيْرٍ فَلِأَنفُسِكُمْۚ وَمَا
تُنفِقُونَ إِلَّا ٱبْتِغَآءَ وَجْهِ ٱللَّهِۚ وَمَا تُنفِقُواْ مِنْ خَيْرٍ
يُوَفَّ إِلَيْكُمْ وَأَنتُمْ لَا تُظْلَمُونَ ٢٧٢

273. (Của bố thí là dành) cho những người nghèo, nhất là những người vì con đường chính nghĩa của Allah đã bị hạn chế việc đi lại trên mặt đất (để tìm kiếm thiên lộc của Ngài). Qua tư cách và lòng tự trọng của họ, người không biết cứ tưởng rằng họ giàu có; nhưng Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) có thể nhận biết họ qua những nét biểu hiện đặc biệt trên gương mặt họ; họ không xin xỏ thiên hạ một cách trơ trẽn và thiếu lòng tự trọng. Và bất cứ món tốt nào mà các ngươi chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah), Allah chắc chắn biết rõ nó.

لِلْفُقَرَآءِ ٱلَّذِينَ أُحْصِرُواْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ لَا
يَسْتَطِيعُونَ ضَرْبًا فِى ٱلْأَرْضِ يَحْسَبُهُمُ ٱلْجَاهِلُ
أَغْنِيَآءَ مِنَ ٱلتَّعَفُّفِ تَعْرِفُهُم بِسِيمَٰهُمْ لَا يَسْـَٔلُونَ
ٱلنَّاسَ إِلْحَافًاۗ وَمَا تُنفِقُواْ مِنْ خَيْرٍ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِهِۦ
عَلِيمٌ ٢٧٣

274. Những người chi dùng tài sản của họ (cho con đường chính nghĩa của Allah) cả đêm lẫn ngày dù kín đáo hay công khai đều sẽ nhận được phần thưởng của họ nơi Thượng Đế của họ (nếu họ thành tâm vì Ngài), và họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمْوَٰلَهُم بِٱلَّيْلِ وَٱلنَّهَارِ سِرًّا وَعَلَانِيَةً
فَلَهُمْ أَجْرُهُمْ عِندَ رَبِّهِمْ وَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ وَلَا هُمْ
يَحْزَنُونَ ٢٧٤

275. Những người ăn tiền lời cho vay (vào Ngày Sau) sẽ đứng không vững giống như một kẻ bị Shaytan nhập vào người và làm cho điên cuồng. Họ bị như thế là vì họ đã nói: "Kinh doanh mua bán thật ra cũng giống như hình thức cho vay lấy lãi mà thôi". Tuy nhiên, Allah cho phép kinh doanh mua bán và cấm hình thức cho vay lấy lãi. Do đó, ai đã nhận được lệnh cảnh báo từ Thượng Đế của y và chấm dứt (việc cho vay lấy lãi) thì y được hưởng những gì đã qua (từ việc cho vay lấy lãi trước đó) và vụ việc của y sẽ do Allah quyết định. Ngược lại, người nào ngoan cố tái phạm thì sẽ làm bạn với Hỏa Ngục, họ sẽ sống trong đó mãi mãi.

ٱلَّذِينَ يَأْكُلُونَ ٱلرِّبَوٰاْ لَا يَقُومُونَ إِلَّا كَمَا يَقُومُ
ٱلَّذِى يَتَخَبَّطُهُ ٱلشَّيْطَٰنُ مِنَ ٱلْمَسِّۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ
قَالُوٓاْ إِنَّمَا ٱلْبَيْعُ مِثْلُ ٱلرِّبَوٰاْۗ وَأَحَلَّ ٱللَّهُ ٱلْبَيْعَ وَحَرَّمَ
ٱلرِّبَوٰاْۚ فَمَن جَآءَهُۥ مَوْعِظَةٌ مِّن رَّبِّهِۦ فَٱنتَهَىٰ فَلَهُۥ
مَا سَلَفَ وَأَمْرُهُۥٓ إِلَى ٱللَّهِۖ وَمَنْ عَادَ فَأُوْلَٰٓئِكَ
أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٢٧٥

276. Allah không ban phúc cho hình thức vay lãi nhưng Ngài làm phát đạt các hình thức Sadaqah (bố thí, trợ giúp). Quả thật, Allah không yêu thương những kẻ vô đức tin và tội lỗi.

يَمۡحَقُ ٱللَّهُ ٱلرِّبَوٰاْ وَيُرۡبِي ٱلصَّدَقَٰتِۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ
كُلَّ كَفَّارٍ أَثِيمٍ ٢٧٦

277. Quả thật, những người có đức tin và hành thiện, chu đáo duy trì lễ nguyện Salah và xuất Zakah thì họ sẽ nhận được ân phước của họ ở nơi Thượng Đế của họ, họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَأَقَامُواْ
ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَوُاْ ٱلزَّكَوٰةَ لَهُمۡ أَجۡرُهُمۡ عِندَ رَبِّهِمۡ وَلَا
خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٢٧٧

278. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy sợ Allah mà bỏ đi phần còn lại của tiền lời cho vay, nếu các ngươi thật sự có đức tin nơi Ngài.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَذَرُواْ مَا بَقِيَ مِنَ
ٱلرِّبَوٰٓاْ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٢٧٨

279. Nhưng nếu các ngươi không phục tùng theo mệnh lệnh thì xem như các ngươi đã khai chiến với Allah và Thiên Sứ của Ngài. Tuy nhiên, nếu các ngươi biết ăn năn hối cải thì các ngươi được thu hồi tiền vốn của mình, đây là cách các ngươi không gây bất công cho ai và cũng không bị thiệt thòi.

فَإِن لَّمۡ تَفۡعَلُواْ فَأۡذَنُواْ بِحَرۡبٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦۖ وَإِن
تُبۡتُمۡ فَلَكُمۡ رُءُوسُ أَمۡوَٰلِكُمۡ لَا تَظۡلِمُونَ وَلَا
تُظۡلَمُونَ ٢٧٩

280. (Trường hợp) người thiếu nợ gặp khó khăn không thể hoàn nợ (lúc đến kỳ hạn) thì hãy gia hạn cho y đến lúc y cảm thấy dễ dàng hơn (cho việc trả nợ); tuy nhiên, nếu các ngươi bố thí khoản nợ đó thì điều đó tốt hơn cho các ngươi nếu các ngươi biết.

وَإِن كَانَ ذُو عُسۡرَةٖ فَنَظِرَةٌ إِلَىٰ مَيۡسَرَةٖۚ وَأَن تَصَدَّقُواْ
خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٢٨٠

281. Các ngươi hãy sợ Ngày mà các ngươi được đưa trở về trình diện Allah, lúc đó mỗi linh hồn sẽ được đền bù xứng đáng về mọi điều mà nó đã từng làm (trên thế gian), và chắc chắn không một ai bị đối xử bất công.

وَٱتَّقُواْ يَوۡمٗا تُرۡجَعُونَ فِيهِ إِلَى ٱللَّهِۖ ثُمَّ تُوَفَّىٰ كُلُّ
نَفۡسٖ مَّا كَسَبَتۡ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ٢٨١

282. Hỡi những người có đức tin, khi các ngươi mượn tiền bạc của nhau đến một thời hạn ấn định thì các ngươi hãy viết khoản nợ đó ra (thành một văn bản rõ ràng), các ngươi hãy tìm một người ghi chép viết lại (đầy đủ các điều khoản thỏa thuận) giữa các ngươi với nhau một cách công bằng. Bản thân người ghi chép không được từ chối viết giống như những gì Allah đã dạy y. Cho nên, người ghi chép hãy viết, còn người mắc nợ hãy đọc ra khoản nợ (một cách chính xác), y hãy kính sợ Allah, Thượng Đế của y, và không được bớt đi bất cứ thứ gì từ khoản nợ đó. Nếu người mắc nợ là người khờ khạo hoặc nhỏ tuổi (hay già yếu) hoặc không có khả năng (đọc ra khoản nợ) thì người giám hộ của y sẽ là người đại diện đọc ra khoản nợ theo đúng sự thật và công bằng. Các ngươi hãy tìm hai người đàn ông trong các ngươi đứng ra làm nhân chứng cho giấy nợ đó, nếu không có đủ hai người đàn ông thì các ngươi tìm một người đàn ông và hai người phụ nữ mà

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا تَدَايَنتُم بِدَيۡنٍ إِلَىٰٓ أَجَلٖ
مُّسَمّٗى فَٱكۡتُبُوهُۚ وَلۡيَكۡتُب بَّيۡنَكُمۡ كَاتِبُۢ بِٱلۡعَدۡلِۚ
وَلَا يَأۡبَ كَاتِبٌ أَن يَكۡتُبَ كَمَا عَلَّمَهُ ٱللَّهُۚ
فَلۡيَكۡتُبۡ وَلۡيُمۡلِلِ ٱلَّذِي عَلَيۡهِ ٱلۡحَقُّ وَلۡيَتَّقِ ٱللَّهَ
رَبَّهُۥ وَلَا يَبۡخَسۡ مِنۡهُ شَيۡـٔٗاۚ فَإِن كَانَ ٱلَّذِي عَلَيۡهِ
ٱلۡحَقُّ سَفِيهًا أَوۡ ضَعِيفًا أَوۡ لَا يَسۡتَطِيعُ أَن يُمِلَّ هُوَ
فَلۡيُمۡلِلۡ وَلِيُّهُۥ بِٱلۡعَدۡلِۚ وَٱسۡتَشۡهِدُواْ شَهِيدَيۡنِ مِن
رِّجَالِكُمۡۖ فَإِن لَّمۡ يَكُونَا رَجُلَيۡنِ فَرَجُلٞ وَٱمۡرَأَتَانِ
مِمَّن تَرۡضَوۡنَ مِنَ ٱلشُّهَدَآءِ أَن تَضِلَّ إِحۡدَىٰهُمَا

các ngươi hài lòng để họ làm nhân chứng, (mục đích) để người phụ nữ này nhắc người phụ nữ kia (nếu một trong hai có người sai sót hay nhầm lẫn). Những người được mời làm nhân chứng không được từ chối. Các ngươi chớ ái ngại việc phải viết khoản nợ đó ra (thành văn bản) dù nó ít hay nhiều sau khi (đôi bên) đã thống nhất đến kỳ hạn. Đối với Allah (việc viết giấy nợ) là lẽ công bằng và chính xác nhất khi được đưa ra làm chứng và nhằm để ngăn chặn việc tranh chấp sau này. Trừ trường hợp các ngươi trao đổi mua bán tại chỗ (bằng tiền mặt) thì các ngươi không bị tội nếu các ngươi không viết nó ra (thành văn bản) cũng như không gọi người đứng ra làm chứng khi các ngươi thỏa thuận mua bán. Các ngươi không được làm hại đến người viết (giấy nợ) cũng như người làm chứng; nếu các ngươi làm thế thì chắc chắn đó là một hành động xấu xa và tội lỗi của các ngươi. Các ngươi hãy kính sợ Allah, Allah dạy các ngươi (những điều tốt đẹp), và Allah luôn biết rõ tất cả mọi sự việc.

فَتُذَكِّرَ إِحۡدَىٰهُمَا ٱلۡأُخۡرَىٰۚ وَلَا يَأۡبَ ٱلشُّهَدَآءُ إِذَا مَا
دُعُواْۚ وَلَا تَسۡـَٔمُوٓاْ أَن تَكۡتُبُوهُ صَغِيرًا أَوۡ كَبِيرًا إِلَىٰٓ
أَجَلِهِۦۚ ذَٰلِكُمۡ أَقۡسَطُ عِندَ ٱللَّهِ وَأَقۡوَمُ لِلشَّهَٰدَةِ
وَأَدۡنَىٰٓ أَلَّا تَرۡتَابُوٓاْ إِلَّآ أَن تَكُونَ تِجَٰرَةً حَاضِرَةً
تُدِيرُونَهَا بَيۡنَكُمۡ فَلَيۡسَ عَلَيۡكُمۡ جُنَاحٌ أَلَّا
تَكۡتُبُوهَاۗ وَأَشۡهِدُوٓاْ إِذَا تَبَايَعۡتُمۡۚ وَلَا يُضَآرَّ كَاتِبٞ
وَلَا شَهِيدٞۚ وَإِن تَفۡعَلُواْ فَإِنَّهُۥ فُسُوقُۢ بِكُمۡۗ وَٱتَّقُواْ
ٱللَّهَۖ وَيُعَلِّمُكُمُ ٱللَّهُۗ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ٢٨٢

283. Trường hợp các ngươi đi xa nhà, không tìm được người viết giùm (giấy nợ) thì chỉ cần thế chấp cho chủ nợ một tín vật. Tuy nhiên, nếu các ngươi có lòng tin lẫn nhau thì người được giao tín vật phải thực hiện (việc giao lại tín vật cho chủ nhân của nó khi được hoàn nợ) và y hãy kính sợ Allah, Thượng Đế của y. Và các ngươi không được che giấu bằng chứng; ai che giấu nó thì quả thật tấm lòng của y mang tội, bởi Allah luôn biết rõ những gì các ngươi làm.

۞وَإِن كُنتُمۡ عَلَىٰ سَفَرٖ وَلَمۡ تَجِدُواْ كَاتِبٗا فَرِهَٰنٞ
مَّقۡبُوضَةٞۖ فَإِنۡ أَمِنَ بَعۡضُكُم بَعۡضٗا فَلۡيُؤَدِّ ٱلَّذِي
ٱؤۡتُمِنَ أَمَٰنَتَهُۥ وَلۡيَتَّقِ ٱللَّهَ رَبَّهُۥۗ وَلَا تَكۡتُمُواْ
ٱلشَّهَٰدَةَۚ وَمَن يَكۡتُمۡهَا فَإِنَّهُۥٓ ءَاثِمٞ قَلۡبُهُۥۗ وَٱللَّهُ بِمَا
تَعۡمَلُونَ عَلِيمٞ ٢٨٣

284. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trong trái đất đều là của Allah, dù các ngươi bộc lộ hay giấu kín những điều trong lòng của các ngươi thì Allah vẫn xét xử các ngươi về chúng. Tuy nhiên, Ngài sẽ tha thứ cho ai Ngài muốn và sẽ trừng phạt ai Ngài muốn, bởi Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

لِّلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَإِن تُبۡدُواْ مَا
فِيٓ أَنفُسِكُمۡ أَوۡ تُخۡفُوهُ يُحَاسِبۡكُم بِهِ ٱللَّهُۖ فَيَغۡفِرُ
لِمَن يَشَآءُ وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
قَدِيرٌ ٢٨٤

285. Thiên Sứ (Muhammad) và những người có đức tin đều tin vào những điều được mặc khải xuống cho Y từ Thượng Đế của Y. Tất cả họ đều có đức tin nơi Allah, nơi các Thiên Thần của Ngài, nơi các Kinh Sách của Ngài, và nơi các vị Thiên Sứ của Ngài. Họ cùng nói câu: “Bầy tôi không phân biệt giữa các vị Thiên Sứ của Ngài, bầy tôi xin nghe và phục tùng mệnh lệnh. Xin Ngài hãy tha thứ tội lỗi cho bầy tôi hỡi Thượng Đế của bầy tôi, và bầy tôi chắc chắn phải quay trở về trình diện Ngài.”

ءَامَنَ ٱلرَّسُولُ بِمَآ أُنزِلَ إِلَيۡهِ مِن رَّبِّهِۦ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَۚ
كُلٌّ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَمَلَٰٓئِكَتِهِۦ وَكُتُبِهِۦ وَرُسُلِهِۦ لَا
نُفَرِّقُ بَيۡنَ أَحَدٖ مِّن رُّسُلِهِۦۚ وَقَالُواْ سَمِعۡنَا وَأَطَعۡنَاۖ
غُفۡرَانَكَ رَبَّنَا وَإِلَيۡكَ ٱلۡمَصِيرُ ٢٨٥

286. Allah không bắt một linh hồn nào gánh vác trách nhiệm quá khả năng của nó. Mỗi linh hồn sẽ hưởng được thành quả của điều tốt mà mình đã làm và sẽ phải gánh hậu quả về tội lỗi đã phạm. (Người có đức tin cần cầu

لَا يُكَلِّفُ ٱللَّهُ نَفۡسًا إِلَّا وُسۡعَهَاۚ لَهَا مَا كَسَبَتۡ
وَعَلَيۡهَا مَا ٱكۡتَسَبَتۡۗ رَبَّنَا لَا تُؤَاخِذۡنَآ إِن نَّسِينَآ

nguyện Allah): “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng bắt tội bầy tôi nếu bầy tôi quên hay sai sót; lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng bắt bầy tôi gánh vác nặng nề giống như Ngài đã đặt gánh nặng lên những người trước bầy tôi; lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng bắt bầy tôi gánh lấy những gì vượt quá khả năng của bầy tôi, xin Ngài hãy lượng thứ cho bầy tôi, tha thứ tội lỗi cho bầy tôi và thương xót bầy tôi, Ngài là Đấng Bảo Hộ của bầy tôi, xin Ngài phù hộ bầy tôi giành chiến thắng trước những kẻ vô đức tin.”

أَوۡ أَخۡطَأۡنَاۚ رَبَّنَا وَلَا تَحۡمِلۡ عَلَيۡنَآ إِصۡرٗا كَمَا حَمَلۡتَهُۥ
عَلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِنَاۚ رَبَّنَا وَلَا تُحَمِّلۡنَا مَا لَا طَاقَةَ
لَنَا بِهِۦۖ وَٱعۡفُ عَنَّا وَٱغۡفِرۡ لَنَا وَٱرۡحَمۡنَاۚ أَنتَ مَوۡلَىٰنَا
فَٱنصُرۡنَا عَلَى ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢٨٦

Ali 'Imran (Gia Đình 'Imran) آل عمران

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. La-m. Mi-m.

الٓمٓ ١

2. Allah (là Thượng Đế), không có Thượng Đế (đích thực) nào ngoài Ngài, Đấng Hằng Sống, Bất Diệt.

ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلۡحَيُّ ٱلۡقَيُّومُ ٢

3. Ngài đã ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) Kinh Sách (Qur’an). (Nó) là chân lý đích thực (không có gì phải hoài nghi) dùng để xác định lại những điều được ban xuống trước (Nó). Và Ngài đã ban xuống Kinh Tawrah (Cựu Ước) và Kinh Injil (Tân Ước).

نَزَّلَ عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّ مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيۡهِ
وَأَنزَلَ ٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَ ٣

4. (Kinh Tawrah và Kinh Injil) được ban xuống trước làm nguồn chỉ đạo cho nhân loại và (tiếp sau đó) Ngài ban xuống Furqan(1) (Kinh Qur’an). Quả thật, những kẻ đã phủ nhận các lời mặc khải của Allah sẽ phải gánh lấy sự trừng phạt khủng khiếp. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng toàn quyền trừng phạt (không thể kháng cự).[1]

مِن قَبۡلُ هُدٗى لِّلنَّاسِ وَأَنزَلَ ٱلۡفُرۡقَانَۗ إِنَّ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ لَهُمۡ عَذَابٞ شَدِيدٞۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٞ
ذُو ٱنتِقَامٍ ٤

5. Quả thật không có bất cứ thứ gì ở trên trái đất cũng như ở trên trời có thể ẩn khuất khỏi Allah.

إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَخۡفَىٰ عَلَيۡهِ شَيۡءٞ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فِي
ٱلسَّمَآءِ ٥

6. Ngài là Đấng đã tạo hình hài cho các ngươi trong các dạ con (của các bà mẹ) như thế nào tùy theo ý muốn của Ngài. Không có Thượng Đế (đích thực) nào khác ngoài Ngài, Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

هُوَ ٱلَّذِي يُصَوِّرُكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡحَامِ كَيۡفَ يَشَآءُۚ لَآ إِلَٰهَ
إِلَّا هُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٦

7. Ngài là Đấng đã ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) Kinh Sách (Qur’an), trong đó, có những câu Muhkam (mang ý cụ thể một cách rõ ràng), chúng là nền tảng của Kinh Sách, còn những câu khác Mushtabihah (mang ý tổng quát cho nhiều vấn đề tương đồng). Cho nên, những kẻ mà trong trái tim của họ có tư tưởng lệch lạc thường đi theo những câu mang ý tổng quát cho nhiều vấn đề tương đồng hầu (khơi dậy làn sóng) chia rẽ (cộng đồng) và suy diễn (chúng) theo ý riêng của mình; và chỉ một mình Allah mới biết rõ ý nghĩa thật sự của chúng. Ngược lại, những người thực sự có kiến thức vững chắc thì bảo: “Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào nó (Qur’an), toàn bộ (Qur’an) đều đến từ Thượng Đế của chúng tôi.” Quả thật

هُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ مِنۡهُ ءَايَٰتٞ
مُّحۡكَمَٰتٌ هُنَّ أُمُّ ٱلۡكِتَٰبِ وَأُخَرُ مُتَشَٰبِهَٰتٞۖ فَأَمَّا
ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِمۡ زَيۡغٞ فَيَتَّبِعُونَ مَا تَشَٰبَهَ مِنۡهُ
ٱبۡتِغَآءَ ٱلۡفِتۡنَةِ وَٱبۡتِغَآءَ تَأۡوِيلِهِۦۖ وَمَا يَعۡلَمُ تَأۡوِيلَهُۥٓ
إِلَّا ٱللَّهُۗ وَٱلرَّٰسِخُونَ فِي ٱلۡعِلۡمِ يَقُولُونَ ءَامَنَّا بِهِۦ
كُلّٞ مِّنۡ عِندِ رَبِّنَاۗ وَمَا يَذَّكَّرُ إِلَّآ أُوْلُواْ ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٧

[1] (1) Furqan có nghĩa là sự phân biệt, Qur’an được gọi là Furqan bởi vì Nó là chuẩn mực để phân biệt giữa cái đúng và cái sai, giữa chân lý và ngụy tạo, và giữa phúc và tội.

chỉ những người có hiểu biết vững chắc mới nắm được lời nhắc nhở (của Qur’an).

8. (Những người thực sự có kiến thức vững chắc thường cầu nguyện): “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng làm trái tim của bầy tôi lệch lạc sau khi Ngài đã hướng dẫn bầy tôi, xin Ngài hãy ban cho bầy tôi hồng phúc từ nơi Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Ban Phát.”

رَبَّنَا لَا تُزِغۡ قُلُوبَنَا بَعۡدَ إِذۡ هَدَيۡتَنَا وَهَبۡ لَنَا مِن
لَّدُنكَ رَحۡمَةًۚ إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡوَهَّابُ ٨

9. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, chắc chắn Ngài sẽ triệu tập nhân loại vào một Ngày (mà Ngài đã định), điều đó không có gì phải hoài nghi, bởi quả thật, Allah không bao giờ làm trái với điều đã hứa.”

رَبَّنَآ إِنَّكَ جَامِعُ ٱلنَّاسِ لِيَوۡمٖ لَّا رَيۡبَ فِيهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ
لَا يُخۡلِفُ ٱلۡمِيعَادَ ٩

10. Quả thật, con cái và tài sản của những kẻ vô đức tin không giúp ích được gì cho họ trước (sự trừng phạt của) Allah và họ chính là củi đốt của Hỏa Ngục.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَن تُغۡنِيَ عَنۡهُمۡ أَمۡوَٰلُهُمۡ وَلَآ
أَوۡلَٰدُهُم مِّنَ ٱللَّهِ شَيۡـٔٗاۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمۡ وَقُودُ ٱلنَّارِ ١٠

11. (Họ) giống như đồng bọn của Pha-ra-ông và những kẻ trước họ. Tất cả đều đã phủ nhận các lời mặc khải của TA nên họ đã bị Allah bắt phạt bởi tội lỗi họ đã gây ra. Quả thật, Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

كَدَأۡبِ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ وَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَذَّبُواْ
بِـَٔايَٰتِنَا فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُ بِذُنُوبِهِمۡۗ وَٱللَّهُ شَدِيدُ
ٱلۡعِقَابِ ١١

12. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với những kẻ vô đức tin: “Rồi đây các ngươi sẽ bị đánh bại (bởi những người có đức tin) và các ngươi sẽ được tập trung vào Hỏa Ngục, một nơi ở tồi tệ (dành cho các ngươi).”

قُل لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ سَتُغۡلَبُونَ وَتُحۡشَرُونَ إِلَىٰ جَهَنَّمَۖ
وَبِئۡسَ ٱلۡمِهَادُ ١٢

13. Quả thật, các ngươi đã có bằng chứng (rõ ràng) qua cuộc giao tranh giữa hai đoàn quân (tại Badr)(2), một bên là đoàn quân (Muslim) anh dũng chiến đấu vì chính nghĩa của Allah và bên còn lại là đoàn quân vô đức tin. Chúng thấy rõ quân lực của chúng đông hơn (đoàn quân Muslim) gấp bội. Tuy nhiên, Allah muốn phù hộ bất cứ ai (giành chiến thắng) là tùy ý Ngài. Quả thật, trong sự việc (số lượng ít đánh thắng số lượng đông) đó là bài học dành cho những ai biết suy ngẫm.[1]

قَدۡ كَانَ لَكُمۡ ءَايَةٞ فِي فِئَتَيۡنِ ٱلۡتَقَتَاۖ فِئَةٞ تُقَٰتِلُ فِي
سَبِيلِ ٱللَّهِ وَأُخۡرَىٰ كَافِرَةٞ يَرَوۡنَهُم مِّثۡلَيۡهِمۡ رَأۡيَ
ٱلۡعَيۡنِۚ وَٱللَّهُ يُؤَيِّدُ بِنَصۡرِهِۦ مَن يَشَآءُۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ
لَعِبۡرَةٗ لِّأُوْلِي ٱلۡأَبۡصَٰرِ ١٣

14. Nhân loại thường bị mê hoặc bởi những thú vui từ phụ nữ, con cái, kho tàng vàng bạc chất đống, giống ngựa tốt, gia súc, và đất đai trồng trọt, mặc dù đó chỉ là sự hưởng thụ (tạm bợ) của đời sống trần tục trong khi ở nơi Allah có một chỗ quay về vô cùng tốt đẹp.

زُيِّنَ لِلنَّاسِ حُبُّ ٱلشَّهَوَٰتِ مِنَ ٱلنِّسَآءِ وَٱلۡبَنِينَ
وَٱلۡقَنَٰطِيرِ ٱلۡمُقَنطَرَةِ مِنَ ٱلذَّهَبِ وَٱلۡفِضَّةِ وَٱلۡخَيۡلِ

[1] (2) Badr là tên của một khu vực cách thành phố Madinah khoảng 150 cây số về phía nam. Nơi đây đã diễn ra một cuộc giao chiến lừng danh đầu tiên của Islam mà lịch sử Islam gọi là trận chiến Badr. Trong trận chiến này, đoàn quân Muslim chỉ gồm 313 người còn đoàn quân của những kẻ thờ đa thần Quraish gồm khoảng 1000 người nhưng Allah đã ban sự chiến thắng cho những người Muslim.

ٱلۡمُسَوَّمَةِ وَٱلۡأَنۡعَٰمِ وَٱلۡحَرۡثِۗ ذَٰلِكَ مَتَٰعُ ٱلۡحَيَوٰةِ
ٱلدُّنۡيَاۖ وَٱللَّهُ عِندَهُۥ حُسۡنُ ٱلۡمَـَٔابِ ١٤

15. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Các người có muốn ta cho các người biết thứ tốt đẹp hơn những thứ đó không? Những người ngoan đạo sẽ được Thượng Đế của họ ban cho các ngôi vườn Thiên Đàng, bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ ở trong đó mãi mãi cùng với những người vợ thanh khiết và họ sẽ có được sự hài lòng của Allah. Quả thật, Allah luôn thấy rõ đám bầy tôi (của Ngài)."

۞قُلۡ أَؤُنَبِّئُكُم بِخَيۡرٖ مِّن ذَٰلِكُمۡۖ لِلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ
عِندَ رَبِّهِمۡ جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ
فِيهَا وَأَزۡوَٰجٞ مُّطَهَّرَةٞ وَرِضۡوَٰنٞ مِّنَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ
بِٱلۡعِبَادِ ١٥

16. (Những người ngoan đạo được ban cho các Ngôi Vườn Thiên Đàng muốn nói đến) là những người thường cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, quả thật bầy tôi đã có đức tin, xin Ngài hãy tha thứ tội lỗi cho bầy tôi và xin Ngài hãy cứu bầy tôi thoát khỏi sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục."

ٱلَّذِينَ يَقُولُونَ رَبَّنَآ إِنَّنَآ ءَامَنَّا فَٱغۡفِرۡ لَنَا ذُنُوبَنَا
وَقِنَا عَذَابَ ٱلنَّارِ ١٦

17. (Những người ngoan đạo được ban cho các Ngôi Vườn Thiên Đàng muốn nói đến) là những người biết kiên nhẫn chịu đựng (trước gian nan và tai họa), những người chân thật (trong lời nói và hành động), những người kiên định (trong đức tin), những người chi dùng (tài sản cho con đường chính nghĩa của Allah), và những người thường cầu xin Allah tha thứ vào lúc đêm khuya (một phần ba cuối của đêm).

ٱلصَّٰبِرِينَ وَٱلصَّٰدِقِينَ وَٱلۡقَٰنِتِينَ وَٱلۡمُنفِقِينَ
وَٱلۡمُسۡتَغۡفِرِينَ بِٱلۡأَسۡحَارِ ١٧

18. Allah đã chứng nhận không có Thượng Đế (đích thực) nào khác ngoài Ngài, các Thiên Thần và những người hiểu biết đang duy trì nền công lý cũng chứng nhận (như thế). Quả thật, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

شَهِدَ ٱللَّهُ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَأُوْلُواْ
ٱلۡعِلۡمِ قَآئِمَۢا بِٱلۡقِسۡطِۚ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلۡعَزِيزُ
ٱلۡحَكِيمُ ١٨

19. Quả thật, tôn giáo được chấp nhận nơi Allah chỉ có Islam. Những ai được ban cho Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa) đã không tranh cãi nhau (về điều này) cho đến khi họ biết rõ sự thật (Islam được mang đến không bởi một người thuộc cộng đồng của họ) thì họ mới đâm ra đố kỵ và chia rẽ. Và ai vô đức tin nơi các lời mặc khải của Allah thì quả thật Allah mau chóng tính sổ (họ).

إِنَّ ٱلدِّينَ عِندَ ٱللَّهِ ٱلۡإِسۡلَٰمُۗ وَمَا ٱخۡتَلَفَ ٱلَّذِينَ
أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَهُمُ ٱلۡعِلۡمُ بَغۡيَۢا
بَيۡنَهُمۡۗ وَمَن يَكۡفُرۡ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ فَإِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ
ٱلۡحِسَابِ ١٩

20. Nếu như bọn họ tranh cãi với Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad về chân lý mà Ngươi mang đến) thì Ngươi hãy bảo họ: "Ta và những ai theo Ta đã một lòng thần phục (Allah)." Và Ngươi hãy nói với những ai được ban cho Kinh Sách lẫn những kẻ thất học (những kẻ đa thần): "Các người có chịu quy phục Islam không?" Nếu họ quy phục Islam thì họ đã được hướng đến chính đạo, còn nếu họ

فَإِنۡ حَآجُّوكَ فَقُلۡ أَسۡلَمۡتُ وَجۡهِيَ لِلَّهِ وَمَنِ ٱتَّبَعَنِۗ
وَقُل لِّلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡأُمِّيِّـۧنَ ءَأَسۡلَمۡتُمۡۚ فَإِنۡ
أَسۡلَمُواْ فَقَدِ ٱهۡتَدَواْۖ وَّإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّمَا عَلَيۡكَ ٱلۡبَلَٰغُۗ
وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ بِٱلۡعِبَادِ ٢٠

quay lưng thì Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thật ra chỉ là người truyền đạt bức thông điệp mà thôi. Quả thật, Allah luôn thấy rõ (mọi động thái của) đám bầy tôi (của Ngài).

21. Quả thật, những kẻ vô đức tin nơi các lời mặc khải của Allah và cố tình giết chết các vị Nabi một cách bất chấp thị phi và giết luôn những ai ra lệnh duy trì công lý thì Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy báo cho họ về một sự trừng phạt đau đớn (đang chờ đợi họ).

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَيَقۡتُلُونَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ
بِغَيۡرِ حَقّٖ وَيَقۡتُلُونَ ٱلَّذِينَ يَأۡمُرُونَ بِٱلۡقِسۡطِ مِنَ
ٱلنَّاسِ فَبَشِّرۡهُم بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ٢١

22. Họ là những kẻ mà mọi việc làm (hành thiện và ngoan đạo) của họ sẽ bị xóa sạch ở trần gian lẫn Đời Sau và họ sẽ không có bất cứ ai giúp đỡ (thoát khỏi sự trừng phạt).

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ
وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٢٢

23. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), lẽ nào Ngươi không nhìn thấy những kẻ đã được ban cho Kinh Sách (trong số người Do Thái), khi họ được kêu gọi trở lại với Kinh Sách của Allah (Kinh Cựu Ước) để phân xử (tranh chấp) giữa họ, (thay vì chấp hành theo) thì một nhóm (học giả, lãnh đạo) trong số họ lại quay lưng ngoảnh đi.

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ أُوتُواْ نَصِيبٗا مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ يُدۡعَوۡنَ
إِلَىٰ كِتَٰبِ ٱللَّهِ لِيَحۡكُمَ بَيۡنَهُمۡ ثُمَّ يَتَوَلَّىٰ فَرِيقٞ
مِّنۡهُمۡ وَهُم مُّعۡرِضُونَ ٢٣

24. Như thế là vì họ nói: “Hỏa Ngục sẽ không bao giờ chạm đến chúng tôi ngoại trừ một số ngày ít ỏi” Những điều mà họ bịa đặt trong tôn giáo của họ đã đánh lừa họ.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَالُواْ لَن تَمَسَّنَا ٱلنَّارُ إِلَّآ أَيَّامٗا
مَّعۡدُودَٰتٖۖ وَغَرَّهُمۡ فِي دِينِهِم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ٢٤

25. Thế thì họ sẽ ra sao khi TA (Allah) triệu tập họ vào một Ngày không có gì phải hoài nghi về (sự diễn ra của nó), (lúc đó) mỗi linh hồn sẽ được đáp trả đầy đủ về những điều mà họ đã từng làm (dù tốt hay xấu) và họ sẽ không bị đối xử bất công.

فَكَيۡفَ إِذَا جَمَعۡنَٰهُمۡ لِيَوۡمٖ لَّا رَيۡبَ فِيهِ وَوُفِّيَتۡ كُلُّ
نَفۡسٖ مَّا كَسَبَتۡ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ٢٥

26. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Lạy Allah, Đức Vua nắm mọi vương quyền! Ngài muốn ban vương quyền cho ai và lấy lại vương quyền từ ai là tùy ý Ngài, Ngài muốn ban vinh dự cho ai và hạ nhục bất cứ ai là tùy ý Ngài. Mọi điều tốt lành đều nằm trong tay Ngài; quả thật, Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ.”

قُلِ ٱللَّهُمَّ مَٰلِكَ ٱلۡمُلۡكِ تُؤۡتِي ٱلۡمُلۡكَ مَن تَشَآءُ
وَتَنزِعُ ٱلۡمُلۡكَ مِمَّن تَشَآءُ وَتُعِزُّ مَن تَشَآءُ وَتُذِلُّ
مَن تَشَآءُۖ بِيَدِكَ ٱلۡخَيۡرُۖ إِنَّكَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٢٦

27. “Ngài nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm, Ngài rút cái sống ra từ cái chết và rút cái chết ra từ cái sống. Và Ngài ban phát bổng lộc vô kể cho ai Ngài muốn.”

تُولِجُ ٱلَّيۡلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَتُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِي ٱلَّيۡلِۖ وَتُخۡرِجُ
ٱلۡحَيَّ مِنَ ٱلۡمَيِّتِ وَتُخۡرِجُ ٱلۡمَيِّتَ مِنَ ٱلۡحَيِّۖ وَتَرۡزُقُ
مَن تَشَآءُ بِغَيۡرِ حِسَابٖ ٢٧

28. Những người có đức tin không được phép lấy những kẻ vô đức tin làm những người bảo hộ thay vì những người có đức tin. Người nào làm vậy thì Allah hoàn toàn vô can với y ngoại trừ trường hợp các ngươi lo sợ các mối họa từ

لَّا يَتَّخِذِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٱلۡكَٰفِرِينَ أَوۡلِيَآءَ مِن دُونِ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَۖ وَمَن يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ فَلَيۡسَ مِنَ ٱللَّهِ فِي

họ. Allah cảnh báo các ngươi về bản thân Ngài. Quả thật, các ngươi phải trở về trình diện Allah.

شَيۡءٍ إِلَّآ أَن تَتَّقُواْ مِنۡهُمۡ تُقَىٰةٗۗ وَيُحَذِّرُكُمُ ٱللَّهُ
نَفۡسَهُۥۗ وَإِلَى ٱللَّهِ ٱلۡمَصِيرُ ٢٨

29. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: "Dẫu các ngươi có giấu giếm hay tiết lộ bất cứ điều gì trong lòng của các ngươi thì Allah vẫn luôn biết tường tận bởi Ngài thông toàn hết mọi thứ trong các tầng trời và mọi thứ trong trái đất. Quả thật, Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ."

قُلۡ إِن تُخۡفُواْ مَا فِي صُدُورِكُمۡ أَوۡ تُبۡدُوهُ يَعۡلَمۡهُ ٱللَّهُۗ
وَيَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ
كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٢٩

30. Vào Ngày mà mỗi linh hồn sẽ đối diện với những điều thiện tốt mà y đã làm cũng như những điều tội lỗi mà y đã phạm, (mỗi linh hồn) sẽ ước ao giá như giữa y và (những điều tội lỗi) có một khoảng cách thật xa. Allah đã cảnh báo các ngươi về bản thân Ngài, tuy nhiên Allah luôn nhân từ với đám bầy tôi (của Ngài).

يَوۡمَ تَجِدُ كُلُّ نَفۡسٖ مَّا عَمِلَتۡ مِنۡ خَيۡرٖ مُّحۡضَرٗا وَمَا
عَمِلَتۡ مِن سُوٓءٖ تَوَدُّ لَوۡ أَنَّ بَيۡنَهَا وَبَيۡنَهُۥٓ أَمَدَۢا
بَعِيدٗاۗ وَيُحَذِّرُكُمُ ٱللَّهُ نَفۡسَهُۥۗ وَٱللَّهُ رَءُوفُۢ
بِٱلۡعِبَادِ ٣٠

31. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: "Nếu các người thực sự yêu thương Allah thì các người hãy theo ta rồi Allah sẽ yêu thương các người và tha thứ tội lỗi cho các người. Quả thật, Allah hằng tha thứ, hằng xót thương."

قُلۡ إِن كُنتُمۡ تُحِبُّونَ ٱللَّهَ فَٱتَّبِعُونِي يُحۡبِبۡكُمُ ٱللَّهُ
وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡ ذُنُوبَكُمۡۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٣١

32. Ngươi hãy nói với họ: "Các người hãy tuân lệnh Allah và Thiên Sứ (Muhammad), nhưng nếu các ngươi ngoảnh đi thì (các ngươi hãy biết rằng) quả thật Allah không thương yêu đám người vô đức tin."

قُلۡ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَۖ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا
يُحِبُّ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٣٢

33. Quả thật, Allah đã chọn Adam, Nuh, dòng dõi của Ibrahim và dòng dõi của 'Imran vượt trội hơn thiên hạ (trong thời đại của họ).

۞إِنَّ ٱللَّهَ ٱصۡطَفَىٰٓ ءَادَمَ وَنُوحٗا وَءَالَ إِبۡرَٰهِيمَ وَءَالَ
عِمۡرَٰنَ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ٣٣

34. Họ là con cháu lẫn nhau (cùng chung tôn giáo: chỉ tôn thờ một mình Allah duy nhất). Quả thật, Allah hằng nghe, hằng biết.

ذُرِّيَّةَۢ بَعۡضُهَا مِنۢ بَعۡضٖۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ٣٤

35. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi vợ của 'Imran cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bề tôi, bề tôi nguyện dâng hiến đứa con trong bụng của bề tôi cho Ngài để nó toàn tâm thờ phượng Ngài, xin Ngài hãy chấp nhận (sự hiến dâng này) từ bề tôi, quả thật Ngài là Đấng Hằng Nghe, Hằng Biết".

إِذۡ قَالَتِ ٱمۡرَأَتُ عِمۡرَٰنَ رَبِّ إِنِّي نَذَرۡتُ لَكَ مَا فِي
بَطۡنِي مُحَرَّرٗا فَتَقَبَّلۡ مِنِّيٓۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلسَّمِيعُ
ٱلۡعَلِيمُ ٣٥

36. Sau khi hạ sinh, (vợ của 'Imran) lại cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bề tôi, bề tôi đã hạ sinh con gái, chỉ Ngài mới biết rõ về đứa con mà bề tôi đã hạ sinh, chắc rằng con trai không giống như con gái (về mặt hành đạo), bề tôi đặt tên cho nó là Maryam, bề tôi khẩn xin Ngài phù hộ cho nó

فَلَمَّا وَضَعَتۡهَا قَالَتۡ رَبِّ إِنِّي وَضَعۡتُهَآ أُنثَىٰ وَٱللَّهُ
أَعۡلَمُ بِمَا وَضَعَتۡ وَلَيۡسَ ٱلذَّكَرُ كَٱلۡأُنثَىٰۖ وَإِنِّي

và con cháu của nó tránh khỏi lũ Shaytan đã bị nguyền rủa.”

سَمَّيۡتُهَا مَرۡيَمَ وَإِنِّيٓ أُعِيذُهَا بِكَ وَذُرِّيَّتَهَا مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ ٱلرَّجِيمِ ٣٦

37. Thế là Thượng Đế của Nữ (vợ của ‘Imran) chấp nhận sự hiến dâng của Nữ một cách tốt lành, Ngài đã phù hộ cho con gái (Maryam) của Nữ trưởng thành tốt đẹp dưới sự bảo hộ của Zakariya. Cứ mỗi lần Zakariya đi vào nội phòng (nơi hành đạo) của Maryam, Y luôn thấy bên cạnh Maryam nhiều thực phẩm (trái mùa). Y hỏi (trong ngạc nhiên): “Này Maryam, con có thức ăn này từ đâu?”. Maryam đáp: “Dạ, nó từ nơi Allah, quả thật, Allah ban phát bổng lộc vô kể cho bất kỳ ai Ngài muốn.”

فَتَقَبَّلَهَا رَبُّهَا بِقَبُولٍ حَسَنٖ وَأَنۢبَتَهَا نَبَاتًا حَسَنٗا وَكَفَّلَهَا زَكَرِيَّاۖ كُلَّمَا دَخَلَ عَلَيۡهَا زَكَرِيَّا ٱلۡمِحۡرَابَ وَجَدَ عِندَهَا رِزۡقٗاۖ قَالَ يَٰمَرۡيَمُ أَنَّىٰ لَكِ هَٰذَاۖ قَالَتۡ هُوَ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِۖ إِنَّ ٱللَّهَ يَرۡزُقُ مَن يَشَآءُ بِغَيۡرِ حِسَابٍ ٣٧

38. Từ đó (nó thôi thúc) Zakariya cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế bề tôi, xin Ngài hãy rủ lòng thương ban cho bề tôi một hậu duệ tốt đẹp, chắc chắn Ngài nghe thấy rõ lời nguyện cầu.”

هُنَالِكَ دَعَا زَكَرِيَّا رَبَّهُۥۖ قَالَ رَبِّ هَبۡ لِي مِن لَّدُنكَ ذُرِّيَّةٗ طَيِّبَةًۖ إِنَّكَ سَمِيعُ ٱلدُّعَآءِ ٣٨

39. Thế là các Thiên Thần đã gọi (Zakariya) lúc Y đang đứng cầu nguyện trong phòng tu: “Quả thật, Allah báo cho ngươi một tin vui về (việc Ngài sẽ ban cho ngươi một đứa con trai tên là) Yahya, nhằm xác nhận lại lời phán(3) từ Allah. (Yahya) sẽ là một lãnh đạo, một người trong sạch và là một vị Nabi đạo hạnh.”[1]

فَنَادَتۡهُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَهُوَ قَآئِمٞ يُصَلِّي فِي ٱلۡمِحۡرَابِ أَنَّ ٱللَّهَ يُبَشِّرُكَ بِيَحۡيَىٰ مُصَدِّقَۢا بِكَلِمَةٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَسَيِّدٗا وَحَصُورٗا وَنَبِيّٗا مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٣٩

40. (Zakariya) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, làm sao bề tôi có được đứa con trai khi mà bề tôi đã già yếu còn vợ của bề tôi thì lại là một phụ nữ hiếm muộn?” (Allah) phán: “(Sự việc sẽ xảy ra) đúng như thế bởi Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn.”

قَالَ رَبِّ أَنَّىٰ يَكُونُ لِي غُلَٰمٞ وَقَدۡ بَلَغَنِيَ ٱلۡكِبَرُ وَٱمۡرَأَتِي عَاقِرٞۖ قَالَ كَذَٰلِكَ ٱللَّهُ يَفۡعَلُ مَا يَشَآءُ ٤٠

41. (Zakariya) thỉnh cầu: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài ban cho bề tôi một dấu hiệu nhận biết (vợ bề tôi mang thai)”. (Allah) phán: “Dấu hiệu cho Ngươi là khi Ngươi không thể nói chuyện với mọi người suốt ba ngày liền ngoại trừ việc ra dấu, lúc đó Ngươi hãy tụng niệm Thượng Đế của Ngươi cho thật nhiều và hãy tán dương Ngài sáng chiều.”

قَالَ رَبِّ ٱجۡعَل لِّيٓ ءَايَةٗۖ قَالَ ءَايَتُكَ أَلَّا تُكَلِّمَ ٱلنَّاسَ ثَلَٰثَةَ أَيَّامٍ إِلَّا رَمۡزٗاۗ وَٱذۡكُر رَّبَّكَ كَثِيرٗا وَسَبِّحۡ بِٱلۡعَشِيِّ وَٱلۡإِبۡكَٰرِ ٤١

42. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi các Thiên thần bảo: “Hỡi Maryam! Quả thật, Allah đã chọn ngươi, Ngài tẩy sạch ngươi và chọn ngươi vượt trội hơn thiên hạ.”

وَإِذۡ قَالَتِ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَٰمَرۡيَمُ إِنَّ ٱللَّهَ ٱصۡطَفَىٰكِ وَطَهَّرَكِ وَٱصۡطَفَىٰكِ عَلَىٰ نِسَآءِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٢

[1] (3) “كن” – “Hãy thành!” là lời phán của Allah. Khi Ngài muốn bất cứ điều gì, Ngài chỉ cần nói “كن” thì nó sẽ thành đúng như ý của Ngài.

43. “Hỡi Maryam! Ngươi hãy hết lòng thờ phượng Thượng Đế của ngươi, ngươi hãy quỳ lạy và cúi mình cùng với những người cúi mình (thần phục Allah).”

يَٰمَرۡيَمُ ٱقۡنُتِي لِرَبِّكِ وَٱسۡجُدِي وَٱرۡكَعِي مَعَ
ٱلرَّٰكِعِينَ ٤٣

44. Đó là những nguồn tin (về Zakariya và Maryam) thuộc thể loại vô hình mà TA (Allah) đã mặc khải cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), bởi Ngươi không có mặt lúc họ cùng nhau bắt thăm xem ai trong số họ được quyền ưu tiên bảo hộ Maryam và Ngươi cũng không có mặt lúc họ tranh luận nhau về vấn đề này.

ذَٰلِكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ ٱلۡغَيۡبِ نُوحِيهِ إِلَيۡكَۚ وَمَا كُنتَ
لَدَيۡهِمۡ إِذۡ يُلۡقُونَ أَقۡلَٰمَهُمۡ أَيُّهُمۡ يَكۡفُلُ مَرۡيَمَ وَمَا
كُنتَ لَدَيۡهِمۡ إِذۡ يَخۡتَصِمُونَ ٤٤

45. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi các Thiên Thần bảo: “Này Maryam! Quả thật, Allah báo cho ngươi tin vui về lời phán từ Ngài (rằng ngươi mang thai đứa con trai), tên của nó là Masih Ysa (Giê-su), con trai của Maryam, nó sẽ được vinh danh ở đời này lẫn Đời Sau và nó sẽ là một trong số những người ở kế cận (Allah).”

إِذۡ قَالَتِ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَٰمَرۡيَمُ إِنَّ ٱللَّهَ يُبَشِّرُكِ بِكَلِمَةٖ
مِّنۡهُ ٱسۡمُهُ ٱلۡمَسِيحُ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ وَجِيهٗا فِي
ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ وَمِنَ ٱلۡمُقَرَّبِينَ ٤٥

46. “Nó sẽ nói chuyện với dân chúng khi vẫn còn nằm nôi và lúc trưởng thành và nó sẽ là một người đạo hạnh”.

وَيُكَلِّمُ ٱلنَّاسَ فِي ٱلۡمَهۡدِ وَكَهۡلٗا وَمِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٤٦

47. (Maryam) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Làm sao bề tôi có được một đứa con khi mà chưa từng có một người đàn ông nào chạm đến thân thể của bề tôi?” (Allah) phán: “(Sự việc sẽ xảy ra) đúng như thế bởi Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn. Khi Ngài quyết định một việc gì thì Ngài chỉ cần phán “Hãy thành!”, lập tức nó sẽ thành (đúng theo ý của Ngài).”

قَالَتۡ رَبِّ أَنَّىٰ يَكُونُ لِي وَلَدٞ وَلَمۡ يَمۡسَسۡنِي بَشَرٞۖ
قَالَ كَذَٰلِكِ ٱللَّهُ يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُۚ إِذَا قَضَىٰٓ أَمۡرٗا فَإِنَّمَا
يَقُولُ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ٤٧

48. “(Allah) sẽ dạy cho (Ysa) Kinh Sách, sự khôn ngoan cùng với Tawrah (Kinh Cựu Ước) và Injil (Kinh Tân Ước).”

وَيُعَلِّمُهُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَ ٤٨

49. “(Ysa) sẽ được cử làm một vị Thiên Sứ đến với người dân Israel (với bức thông điệp): ‘Quả thật, Ta đến với các người cùng với một dấu hiệu lạ từ Thượng Đế của các người. Ta có thể tạo ra cho các người một con chim từ đất sét bằng cách hà hơi vào nó để nó trở thành một con chim thật sự theo phép của Allah; ta có thể làm sáng mắt cho người mù bẩm sinh; ta có thể chữa lành cho người bệnh bạch biến; ta có thể làm cho người chết sống lại theo phép của Allah; và ta có thể cho các người biết loại thực phẩm nào các người phải ăn (liền) và loại thực phẩm nào các người dự trữ (lâu dài) trong nhà. Quả thật, trong sự việc đó là một bằng chứng cho các người (về sứ mạng của ta) nếu các người là những người có đức tin’.”

وَرَسُولًا إِلَىٰ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ أَنِّي قَدۡ جِئۡتُكُم بِـَٔايَةٖ
مِّن رَّبِّكُمۡ أَنِّيٓ أَخۡلُقُ لَكُم مِّنَ ٱلطِّينِ كَهَيۡـَٔةِ
ٱلطَّيۡرِ فَأَنفُخُ فِيهِ فَيَكُونُ طَيۡرَۢا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۖ وَأُبۡرِئُ
ٱلۡأَكۡمَهَ وَٱلۡأَبۡرَصَ وَأُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰ بِإِذۡنِ ٱللَّهِۖ
وَأُنَبِّئُكُم بِمَا تَأۡكُلُونَ وَمَا تَدَّخِرُونَ فِي
بُيُوتِكُمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لَّكُمۡ إِن كُنتُم
مُّؤۡمِنِينَ ٤٩

50. ‘Và Ta (được cử đến) để xác nhận lại những điều (đã được mặc khải) trước Ta trong Kinh Tawrah và để xóa bỏ một số điều cấm mà các người bị cấm trước đây. Ta đến với các người mang theo một bằng chứng từ Thượng Đế của các người, bởi thế, các người hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.’

وَمُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيَّ مِنَ ٱلتَّوۡرَىٰةِ وَلِأُحِلَّ لَكُم
بَعۡضَ ٱلَّذِي حُرِّمَ عَلَيۡكُمۡۚ وَجِئۡتُكُم بِـَٔايَةٖ مِّن
رَّبِّكُمۡ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ٥٠

51. ‘Allah đích thực là Thượng Đế của Ta và cũng là Thượng Đế của các người. Cho nên, các người hãy thờ phượng Ngài, đó là con đường chính đạo.’

إِنَّ ٱللَّهَ رَبِّي وَرَبُّكُمۡ فَٱعۡبُدُوهُۚ هَٰذَا صِرَٰطٞ
مُّسۡتَقِيمٞ ٥١

52. Khi Ysa nhận thấy sự vô đức tin ở nơi họ thì Y đã lên tiếng hỏi: “Ai sẽ là người phò trợ cho Ta (trong việc kêu gọi) đến với Allah?” Các tông đồ đáp: “Chúng tôi sẽ là những người phò trợ cho (tôn giáo của) Allah, chúng tôi đã có đức tin nơi Allah, và chúng tôi chứng nhận mình là những người Muslim (thần phục Allah).”

۞فَلَمَّآ أَحَسَّ عِيسَىٰ مِنۡهُمُ ٱلۡكُفۡرَ قَالَ مَنۡ
أَنصَارِيٓ إِلَى ٱللَّهِۖ قَالَ ٱلۡحَوَارِيُّونَ نَحۡنُ أَنصَارُ ٱللَّهِ
ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَٱشۡهَدۡ بِأَنَّا مُسۡلِمُونَ ٥٢

53. (Các tông đồ của Ysa cầu nguyện): “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi đã có đức tin nơi điều mà Ngài đã mặc khải và bầy tôi nguyện đi theo vị Thiên Sứ (của Ngài). Bởi vậy, xin Ngài hãy ghi tên bầy tôi cùng với những người chứng nhận (của sự thật này)”.

رَبَّنَآ ءَامَنَّا بِمَآ أَنزَلۡتَ وَٱتَّبَعۡنَا ٱلرَّسُولَ فَٱكۡتُبۡنَا
مَعَ ٱلشَّٰهِدِينَ ٥٣

54. (Những kẻ vô đức tin) đã mưu toan lập kế hoạch (hãm hại Ysa) và Allah cũng hoạch định mưu kế (của Ngài). Tuy nhiên, Allah là Đấng hoạch định mưu kế siêu việt.

وَمَكَرُواْ وَمَكَرَ ٱللَّهُۖ وَٱللَّهُ خَيۡرُ ٱلۡمَٰكِرِينَ ٥٤

55. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi Allah phán: “Hỡi Ysa, nay TA sẽ làm cho Ngươi chết (tạm), rồi mang (cả hồn lẫn xác) Ngươi lên cùng với TA và TA sẽ tẩy sạch Ngươi khỏi (mọi lời cáo buộc của) những kẻ vô đức tin và TA sẽ phù hộ cho những ai theo Ngươi cao hơn những kẻ vô đức tin cho đến Ngày Phục Sinh. Rồi đây các ngươi được đưa về trình diện TA để TA phân xử mọi điều mà các ngươi tranh chấp lẫn nhau.”

إِذۡ قَالَ ٱللَّهُ يَٰعِيسَىٰٓ إِنِّي مُتَوَفِّيكَ وَرَافِعُكَ إِلَيَّ
وَمُطَهِّرُكَ مِنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَجَاعِلُ ٱلَّذِينَ
ٱتَّبَعُوكَ فَوۡقَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِۖ ثُمَّ إِلَيَّ
مَرۡجِعُكُمۡ فَأَحۡكُمُ بَيۡنَكُمۡ فِيمَا كُنتُمۡ فِيهِ
تَخۡتَلِفُونَ ٥٥

56. “Những ai không có đức tin, TA sẽ trừng phạt họ bằng một sự trừng phạt khủng khiếp ở đời này lẫn Đời Sau và họ sẽ không được ai cứu giúp.”

فَأَمَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَأُعَذِّبُهُمۡ عَذَابٗا شَدِيدٗا فِي
ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٥٦

57. “Riêng những người có đức tin và hành thiện, họ sẽ được trả cho đầy đủ phần công lao của họ. Quả thật, Allah không ưa thích những kẻ làm điều sai quấy.”

وَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَيُوَفِّيهِمۡ
أُجُورَهُمۡۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥٧

58. Đó là những lời mặc khải mà TA (Allah) đọc cho Ngươi nghe (hỡi Thiên Sứ Muhammad) và cũng là sự nhắc nhở khôn ngoan (cho Ngươi và những ai theo Ngươi).

ذَٰلِكَ نَتۡلُوهُ عَلَيۡكَ مِنَ ٱلۡأٓيَٰتِ وَٱلذِّكۡرِ ٱلۡحَكِيمِ ٥٨

59. Quả thật, việc tạo hóa Ysa đối với Allah cũng giống như (việc Ngài đã tạo ra) Adam. Ngài đã tạo (Adam) từ đất sét rồi phán: "Hãy thành!" thế là (Adam) thành (con người hoàn chỉnh đúng như thế).

إِنَّ مَثَلَ عِيسَىٰ عِندَ ٱللَّهِ كَمَثَلِ ءَادَمَۖ خَلَقَهُۥ مِن
تُرَابٖ ثُمَّ قَالَ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ٥٩

60. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), chân lý thực sự đến từ Thượng Đế của Ngươi, cho nên, Ngươi chớ đem lòng hoài nghi.

ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَ فَلَا تَكُن مِّنَ ٱلۡمُمۡتَرِينَ ٦٠

61. Nếu có ai tranh luận với Ngươi về (việc khẳng định Ysa là Thượng Đế) sau khi Ngươi đã tiếp thu được kiến thức (đúng thực rằng Ysa chỉ là một bề tôi của Allah) thì Ngươi hãy bảo họ: "Nào, các người hãy đến đây và gọi luôn cả vợ và các con của chúng tôi cũng như cả vợ và các con của các người, rồi mỗi người trong chúng ta thật lòng cầu xin lời nguyền rủa của Allah giáng lên (đầu) những kẻ nói dối."

فَمَنۡ حَآجَّكَ فِيهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَكَ مِنَ ٱلۡعِلۡمِ
فَقُلۡ تَعَالَوۡاْ نَدۡعُ أَبۡنَآءَنَا وَأَبۡنَآءَكُمۡ وَنِسَآءَنَا
وَنِسَآءَكُمۡ وَأَنفُسَنَا وَأَنفُسَكُمۡ ثُمَّ نَبۡتَهِلۡ فَنَجۡعَل
لَّعۡنَتَ ٱللَّهِ عَلَى ٱلۡكَٰذِبِينَ ٦١

62. Đây thực sự là những câu chuyện có thật. Quả thật, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah và Allah là Đấng Toàn Năng, Sáng Suốt.

إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ ٱلۡقَصَصُ ٱلۡحَقُّۚ وَمَا مِنۡ إِلَٰهٍ إِلَّا ٱللَّهُۚ
وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٦٢

63. Cho nên, những ai ngoảnh mặt bỏ đi thì quả thật Allah luôn biết rõ về đám người hủy hoại (trái đất).

فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِٱلۡمُفۡسِدِينَ ٦٣

64. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Hỡi dân Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa), các người hãy đến với một lời phán như nhau giữa chúng tôi và các người rằng chúng ta chỉ thờ phượng một mình Allah, không tổ hợp với Ngài bất cứ ai (vật gì) và không ai trong chúng ta nhận lấy ai khác ngoài Allah làm Thượng Đế." Nhưng nếu họ ngoảnh mặt bỏ đi thì Ngươi hãy nói với họ: "Vậy thì các người hãy chứng thực rằng chúng tôi là những người Muslim (thần phục Allah)."

قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ تَعَالَوۡاْ إِلَىٰ كَلِمَةٖ سَوَآءِۭ بَيۡنَنَا
وَبَيۡنَكُمۡ أَلَّا نَعۡبُدَ إِلَّا ٱللَّهَ وَلَا نُشۡرِكَ بِهِۦ شَيۡـٔٗا
وَلَا يَتَّخِذَ بَعۡضُنَا بَعۡضًا أَرۡبَابٗا مِّن دُونِ ٱللَّهِۚ فَإِن
تَوَلَّوۡاْ فَقُولُواْ ٱشۡهَدُواْ بِأَنَّا مُسۡلِمُونَ ٦٤

65. Hỡi dân Kinh Sách, tại sao các ngươi lại tranh luận về Ibrahim trong khi Kinh Tawrah và Kinh Injil đều được mặc khải xuống sau Y? Chẳng lẽ các ngươi không hiểu ư?

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تُحَآجُّونَ فِيٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَمَآ أُنزِلَتِ
ٱلتَّوۡرَىٰةُ وَٱلۡإِنجِيلُ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِهِۦٓۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٦٥

66. Chẳng phải các ngươi thường có thói quen tranh luận về những điều mà các ngươi thực sự có kiến thức nhưng giờ sao lại tranh luận về những điều mà các ngươi không chút hiểu biết nào? Quả thật, Allah là Đấng biết (rõ sự thật) còn các ngươi thì chẳng biết gì.

هَٰٓأَنتُمۡ هَٰٓؤُلَآءِ حَٰجَجۡتُمۡ فِيمَا لَكُم بِهِۦ عِلۡمٞ
فَلِمَ تُحَآجُّونَ فِيمَا لَيۡسَ لَكُم بِهِۦ عِلۡمٞۚ وَٱللَّهُ
يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٦٦

67. Ibrahim không phải là người Do Thái cũng không phải là người Thiên Chúa mà là một người Muslim thuần túy (tôn thờ một mình Allah). Y thực sự không phải là người thờ đa thần.

مَا كَانَ إِبۡرَٰهِيمُ يَهُودِيّٗا وَلَا نَصۡرَانِيّٗا وَلَٰكِن كَانَ
حَنِيفٗا مُّسۡلِمٗا وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٦٧

68. Trong nhân loại, những người thực sự xứng đáng (cận kề) với Ibrahim nhất là những ai đã noi theo (đường lối của) Y và vị Nabi này (Muhammad) và những người có đức tin. Và Allah là Đấng Bảo Hộ của những người có đức tin.

إِنَّ أَوۡلَى ٱلنَّاسِ بِإِبۡرَٰهِيمَ لَلَّذِينَ ٱتَّبَعُوهُ وَهَٰذَا ٱلنَّبِيُّ
وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۗ وَٱللَّهُ وَلِيُّ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٦٨

69. Một nhóm trong số dân Kinh Sách đã mong muốn dẫn dắt các ngươi (những người có đức tin) rơi vào lầm lạc. Tuy nhiên, họ không khiến được ai rơi vào lầm lạc ngoại trừ chính bản thân họ nhưng họ không nhận thấy.

وَدَّت طَّآئِفَةٞ مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ لَوۡ يُضِلُّونَكُمۡ وَمَا
يُضِلُّونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمۡ وَمَا يَشۡعُرُونَ ٦٩

70. Này hỡi dân Kinh Sách, tại sao các ngươi lại phủ nhận các lời mặc khải của Allah trong khi các ngươi là nhân chứng cho chúng?

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تَكۡفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَأَنتُمۡ
تَشۡهَدُونَ ٧٠

71. Này hỡi dân Kinh Sách, tại sao các ngươi lại lấy điều ngụy tạo khoác lên điều chân lý, tại sao các ngươi lại che giấu sự thật trong khi các ngươi biết rõ về nó?

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تَلۡبِسُونَ ٱلۡحَقَّ بِٱلۡبَٰطِلِ
وَتَكۡتُمُونَ ٱلۡحَقَّ وَأَنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٧١

72. Một nhóm dân Kinh Sách bảo nhau: “Các người hãy giả vờ tin nơi những gì đã được thiên khải cho nhóm người có đức tin vào buổi sáng rồi đến chiều các người hãy phủ nhận niềm tin đó, hi vọng họ (những người Muslim) sẽ trở lại (tôn giáo đa thần trước đây).”

وَقَالَت طَّآئِفَةٞ مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ ءَامِنُواْ بِٱلَّذِيٓ
أُنزِلَ عَلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَجۡهَ ٱلنَّهَارِ وَٱكۡفُرُوٓاْ
ءَاخِرَهُۥ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٧٢

73. “Và các người hãy chỉ tin những ai theo tôn giáo của các người.” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: “Quả thật, nguồn chỉ đạo đích thực (hướng đến chân lý) là nguồn chỉ đạo của Allah. (Lẽ nào các người e sợ) ai đó được ban cho điều giống như điều đã được ban cho các người hoặc (lẽ nào các người e sợ) họ sẽ tranh luận với các người trước Thượng Đế của các người?” Ngươi hãy nói với họ: “Quả thật, mọi hồng phúc đều nằm trong tay Allah, Ngài muốn ban cho ai tùy ý Ngài. Allah là Đấng bao la, Đấng thông toàn.”

وَلَا تُؤۡمِنُوٓاْ إِلَّا لِمَن تَبِعَ دِينَكُمۡ قُلۡ إِنَّ ٱلۡهُدَىٰ
هُدَى ٱللَّهِ أَن يُؤۡتَىٰٓ أَحَدٞ مِّثۡلَ مَآ أُوتِيتُمۡ أَوۡ
يُحَآجُّوكُمۡ عِندَ رَبِّكُمۡۗ قُلۡ إِنَّ ٱلۡفَضۡلَ بِيَدِ ٱللَّهِ
يُؤۡتِيهِ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٞ ٧٣

74. Ngài đặc biệt dành hồng ân của Ngài cho người nào Ngài muốn. Quả thật, Allah có hồng ân vĩ đại.

يَخۡتَصُّ بِرَحۡمَتِهِۦ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ
ٱلۡعَظِيمِ ٧٤

75. Trong số dân Kinh Sách có người khi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) tin tưởng giao cho họ một đống (tài sản) thì họ (uy tín) hoàn lại cho Ngươi đầy đủ, tuy nhiên, trong họ cũng có người dù Ngươi chỉ giao cho họ một đồng vàng (duy

۞وَمِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ مَنۡ إِن تَأۡمَنۡهُ بِقِنطَارٖ يُؤَدِّهِۦٓ
إِلَيۡكَ وَمِنۡهُم مَّنۡ إِن تَأۡمَنۡهُ بِدِينَارٖ لَّا يُؤَدِّهِۦٓ إِلَيۡكَ

nhất) thì họ cũng quyết không hoàn lại cho Ngươi trừ phi Ngươi cố đòi cho được. Sở dĩ như thế vì họ cho rằng: “Chúng tôi không phải chịu trách nhiệm cho đám người mù chữ (dân Ả Rập)”. Họ đã nói dối cho Allah trong lúc họ biết rõ sự thật.

إِلَّا مَا دُمۡتَ عَلَيۡهِ قَآئِمٗاۗ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَالُواْ لَيۡسَ
عَلَيۡنَا فِي ٱلۡأُمِّيِّـۧنَ سَبِيلٞ وَيَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ
ٱلۡكَذِبَ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ٧٥

76. Không. (Sự thật không như họ nói) mà chỉ có những ai làm tròn giao ước và có lòng ngoan đạo thì quả thật Allah thương yêu những người ngoan đạo.

بَلَىٰۚ مَنۡ أَوۡفَىٰ بِعَهۡدِهِۦ وَٱتَّقَىٰ فَإِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ
ٱلۡمُتَّقِينَ ٧٦

77. Những kẻ bán giao ước của Allah cũng như lời thề thốt của họ (với Ngài) với giá ít ỏi thì vào Ngày Phán Xét họ sẽ không có được bất cứ thứ gì, Allah sẽ không nói chuyện với họ, không nhìn đến họ, không thanh lọc tội lỗi cho họ, và họ sẽ bị trừng phạt đau đớn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَشۡتَرُونَ بِعَهۡدِ ٱللَّهِ وَأَيۡمَٰنِهِمۡ ثَمَنٗا قَلِيلًا
أُوْلَٰٓئِكَ لَا خَلَٰقَ لَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ وَلَا يُكَلِّمُهُمُ ٱللَّهُ
وَلَا يَنظُرُ إِلَيۡهِمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَلَا يُزَكِّيهِمۡ وَلَهُمۡ
عَذَابٌ أَلِيمٞ ٧٧

78. Quả thật, một nhóm trong bọn họ đã bóp méo Kinh Sách bằng chiếc lưỡi của họ. (Cho nên khi đọc), các ngươi cứ tưởng đó là điều nằm trong Kinh Sách nhưng thực chất nó không thuộc về Kinh Sách. Họ bảo đó là điều từ nơi Allah nhưng thực chất không phải đến từ nơi Allah. Họ nói dối cho Allah trong lúc họ biết rõ (sự thật).

وَإِنَّ مِنۡهُمۡ لَفَرِيقٗا يَلۡوُۥنَ أَلۡسِنَتَهُم بِٱلۡكِتَٰبِ
لِتَحۡسَبُوهُ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَمَا هُوَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ
وَيَقُولُونَ هُوَ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ وَمَا هُوَ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ
وَيَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ٧٨

79. Không một người phàm nào được Allah ban cho Kinh Sách, sự khôn ngoan và sứ mạng Nabi lại đi bảo thiên hạ: “Mọi người hãy là bầy tôi của ta thay vì Allah”. Ngược lại, (y phải nói): “Các người hãy là những bề tôi tôn thờ Thượng Đế (Allah) bởi điều các người răn dạy cho (người khác) từ Kinh Sách cũng như những gì các người đã học được.”

مَا كَانَ لِبَشَرٍ أَن يُؤۡتِيَهُ ٱللَّهُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحُكۡمَ
وَٱلنُّبُوَّةَ ثُمَّ يَقُولَ لِلنَّاسِ كُونُواْ عِبَادٗا لِّي مِن دُونِ
ٱللَّهِ وَلَٰكِن كُونُواْ رَبَّٰنِيِّـۧنَ بِمَا كُنتُمۡ تُعَلِّمُونَ
ٱلۡكِتَٰبَ وَبِمَا كُنتُمۡ تَدۡرُسُونَ ٧٩

80. Y cũng không hề sai bảo các ngươi chọn các Thiên Thần và các vị Nabi làm các thượng đế. Lẽ nào y lại ra lệnh cho các ngươi làm điều vô đức tin sau khi các ngươi đã là tín đồ Muslim (thần phục Allah)?!

وَلَا يَأۡمُرَكُمۡ أَن تَتَّخِذُواْ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ وَٱلنَّبِيِّـۧنَ أَرۡبَابًاۚ
أَيَأۡمُرُكُم بِٱلۡكُفۡرِ بَعۡدَ إِذۡ أَنتُم مُّسۡلِمُونَ ٨٠

81. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi Allah lấy giao ước với các vị Nabi rằng: “Cho dù TA có ban cho các ngươi Kinh Sách và sự khôn ngoan ra sao nhưng một khi Thiên Sứ (Muhammad) được cử đến kế nhiệm thì bắt buộc các ngươi phải hết lòng tin tưởng Y và hết lòng phò trợ Y.” (Allah) hỏi họ: “Các ngươi có chấp nhận và đảm bảo với TA về giao ước này không?” Tất cả đều đáp: “Bầy tôi xin chấp nhận.” (Allah) phán: “Thế thì các ngươi hãy chứng nhận và TA cũng sẽ chứng nhận cùng các ngươi.”

وَإِذۡ أَخَذَ ٱللَّهُ مِيثَٰقَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ لَمَآ ءَاتَيۡتُكُم مِّن
كِتَٰبٖ وَحِكۡمَةٖ ثُمَّ جَآءَكُمۡ رَسُولٞ مُّصَدِّقٞ لِّمَا
مَعَكُمۡ لَتُؤۡمِنُنَّ بِهِۦ وَلَتَنصُرُنَّهُۥۚ قَالَ ءَأَقۡرَرۡتُمۡ
وَأَخَذۡتُمۡ عَلَىٰ ذَٰلِكُمۡ إِصۡرِيۖ قَالُوٓاْ أَقۡرَرۡنَاۚ قَالَ
فَٱشۡهَدُواْ وَأَنَا۠ مَعَكُم مِّنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ٨١

82. Cho nên, những ai quay mặt ngoảnh đi sau đó thì là những kẻ sai quấy, bất tuân.

فَمَن تَوَلَّىٰ بَعۡدَ ذَٰلِكَ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ٨٢

83. Lẽ nào họ muốn chọn lấy một tôn giáo khác tôn giáo của Allah trong khi vạn vật trong các tầng trời và trái đất dù muốn hay không cũng đều thần phục Ngài và họ sẽ phải trở về (trình diện) Ngài?!

أَفَغَيۡرَ دِينِ ٱللَّهِ يَبۡغُونَ وَلَهُۥٓ أَسۡلَمَ مَن فِي
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ طَوۡعٗا وَكَرۡهٗا وَإِلَيۡهِ يُرۡجَعُونَ ٨٣

84. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: "Chúng tôi đã tin nơi Allah, nơi những gì được thiên khải xuống cho chúng tôi, cho Ibrahim (Abraham), cho Isma'il, cho Is-haq (Isaac), cho Ya'qub (Jacob), và cho những vị Nabi (thuộc con cháu của Ya'qub); chúng tôi tin nơi những gì được thiên khải xuống cho Musa, cho Ysa cũng như toàn bộ các vị Nabi được Thượng Đế phái đến; chúng tôi không phân biệt bất cứ ai trong số họ; và chúng tôi là những tín đồ Muslim (thần phục Allah)."

قُلۡ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ عَلَيۡنَا وَمَآ أُنزِلَ عَلَىٰٓ
إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ وَٱلۡأَسۡبَاطِ
وَمَآ أُوتِيَ مُوسَىٰ وَعِيسَىٰ وَٱلنَّبِيُّونَ مِن رَّبِّهِمۡ لَا
نُفَرِّقُ بَيۡنَ أَحَدٖ مِّنۡهُمۡ وَنَحۡنُ لَهُۥ مُسۡلِمُونَ ٨٤

85. "Ai chọn lấy một tôn giáo nào khác ngoài tôn giáo Islam thì việc làm đó của y sẽ không bao giờ được (Allah) chấp nhận và ở Đời Sau y sẽ là một trong những kẻ thua thiệt."

وَمَن يَبۡتَغِ غَيۡرَ ٱلۡإِسۡلَٰمِ دِينٗا فَلَن يُقۡبَلَ مِنۡهُ وَهُوَ
فِي ٱلۡأٓخِرَةِ مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٨٥

86. Làm thế nào mà Allah lại hướng dẫn một nhóm người chối bỏ đức tin sau khi đã tin tưởng, đã xác nhận Thiên Sứ (Muhammad) là sự thật, và mọi bằng chứng rõ ràng đã đến với họ?! Quả thật, Allah không bao giờ hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

كَيۡفَ يَهۡدِي ٱللَّهُ قَوۡمٗا كَفَرُواْ بَعۡدَ إِيمَٰنِهِمۡ
وَشَهِدُوٓاْ أَنَّ ٱلرَّسُولَ حَقّٞ وَجَآءَهُمُ ٱلۡبَيِّنَٰتُۚ وَٱللَّهُ لَا
يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٨٦

87. Những kẻ đó, phần thưởng dành cho chúng là lời nguyền rủa của Allah, các Thiên Thần và toàn nhân loại.

أُوْلَٰٓئِكَ جَزَآؤُهُمۡ أَنَّ عَلَيۡهِمۡ لَعۡنَةَ ٱللَّهِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ
وَٱلنَّاسِ أَجۡمَعِينَ ٨٧

88. Chúng sẽ ở trong (Hỏa Ngục) mãi mãi, chúng không được giảm nhẹ hình phạt và cũng không được ân xá.

خَٰلِدِينَ فِيهَا لَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابُ وَلَا هُمۡ
يُنظَرُونَ ٨٨

89. Trừ những ai biết ăn năn sám hối sau đó và hành thiện thì quả thật, Allah hằng tha thứ, nhân từ.

إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ وَأَصۡلَحُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ
غَفُورٞ رَّحِيمٌ ٨٩

90. Đối với những ai đã bác bỏ đức tin sau khi đã tin tưởng rồi sự vô đức tin của y ngày càng mãnh liệt hơn (cho đến cuối đời) thì chắc chắn Allah không bao giờ chấp nhận sự ăn năn sám hối của họ (lúc họ hấp hối) và họ chính là đám người lầm lạc.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بَعۡدَ إِيمَٰنِهِمۡ ثُمَّ ٱزۡدَادُواْ كُفۡرٗا
لَّن تُقۡبَلَ تَوۡبَتُهُمۡ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلضَّآلُّونَ ٩٠

91. Quả thật, những ai vô đức tin và chết trong tình trạng vô đức tin đó thì dẫu ai đó trong số họ có mang cả trái đất đầy vàng đến để chuộc tội thì cũng không được chấp nhận. Họ sẽ phải chịu hình phạt đau đớn và sẽ không được một ai giúp đỡ.	إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَمَاتُواْ وَهُمۡ كُفَّارٞ فَلَن يُقۡبَلَ مِنۡ أَحَدِهِم مِّلۡءُ ٱلۡأَرۡضِ ذَهَبٗا وَلَوِ ٱفۡتَدَىٰ بِهِۦٓۗ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٩١
92. Các ngươi (những người có đức tin) sẽ chẳng đạt được sự ngoan đạo cho đến khi các ngươi chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah) những gì được các ngươi yêu thích nhất. Và bất cứ điều gì mà các ngươi (chi dùng cho con đường chính nghĩa của Allah) thì Allah đều biết rõ.	لَن تَنَالُواْ ٱلۡبِرَّ حَتَّىٰ تُنفِقُواْ مِمَّا تُحِبُّونَۚ وَمَا تُنفِقُواْ مِن شَيۡءٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِهِۦ عَلِيمٞ ٩٢
93. Tất cả thức ăn đều Halal cho người dân Israel ngoại trừ những gì Israel(1) tự cấm bản thân Y trước khi Kinh Tawrah được thiên khải xuống. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) bảo họ: "(Nếu không đúng như vậy) thì các người hãy mang Tawrah ra đây và hãy đọc nó lên (để kiểm chứng) nếu các người là những người nói thật."[1]	۞كُلُّ ٱلطَّعَامِ كَانَ حِلّٗا لِّبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ إِلَّا مَا حَرَّمَ إِسۡرَٰٓءِيلُ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦ مِن قَبۡلِ أَن تُنَزَّلَ ٱلتَّوۡرَىٰةُۚ قُلۡ فَأۡتُواْ بِٱلتَّوۡرَىٰةِ فَٱتۡلُوهَآ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٩٣
94. "Cho nên, ai đặt điều nói dối cho Allah sau đó thì họ chính là đám người làm điều sai quấy."	فَمَنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٩٤
95. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: "Allah đã phán sự thật, thế nên, các người hãy tuân theo tín ngưỡng thuần túy của Ibrahim bởi Người không phải là kẻ thờ đa thần."	قُلۡ صَدَقَ ٱللَّهُۗ فَٱتَّبِعُواْ مِلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۖ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٩٥
96. Quả thật, ngôi đền đầu tiên được xây dựng cho nhân loại (để thờ phượng Allah) là Ngôi Đền tại Bakkah (Makkah) hồng phúc và là sự chỉ đạo cho toàn vũ trụ và muôn loài.	إِنَّ أَوَّلَ بَيۡتٖ وُضِعَ لِلنَّاسِ لَلَّذِي بِبَكَّةَ مُبَارَكٗا وَهُدٗى لِّلۡعَٰلَمِينَ ٩٦
97. Tại đó có những chứng tích rõ ràng như chỗ đứng của Ibrahim, và ai đã vào trong đó là đã được an toàn. Và nhân loại phải đi hành hương đến ngôi đền (Ka'bah) để (thờ phượng) Allah khi có đủ khả năng cho sự việc đó. Còn ai phủ nhận (không tuân theo) thì quả thật, Allah rất giàu có vốn không cần đến vũ trụ và vạn vật.	فِيهِ ءَايَٰتُۢ بَيِّنَٰتٞ مَّقَامُ إِبۡرَٰهِيمَۖ وَمَن دَخَلَهُۥ كَانَ ءَامِنٗاۗ وَلِلَّهِ عَلَى ٱلنَّاسِ حِجُّ ٱلۡبَيۡتِ مَنِ ٱسۡتَطَاعَ إِلَيۡهِ سَبِيلٗاۚ وَمَن كَفَرَ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَنِيٌّ عَنِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٩٧
98. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Hỡi dân Kinh Sách, tại sao các người lại phủ nhận các lời mặc khải của Allah trong khi Allah là nhân chứng cho mọi điều các ngươi làm?"	قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تَكۡفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَٱللَّهُ شَهِيدٌ عَلَىٰ مَا تَعۡمَلُونَ ٩٨

[1] #_3_93 (1) Israel là tên gọi khác của Nabi Ya'qub - cầu xin bình an cho Người -.

99. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Hỡi dân Kinh Sách, tại sao các người lại ngăn chặn những người có đức tin đi theo con đường của Allah và làm cho nó cong quẹo trong khi các người là những nhân chứng (cho sự thật trong Kinh Sách của các người) và tất nhiên Allah không hề lơ là trước những gì các người làm.”

قُلْ يَـٰٓأَهْلَ ٱلْكِتَـٰبِ لِمَ تَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ
مَنْ ءَامَنَ تَبْغُونَهَا عِوَجًا وَأَنتُمْ شُهَدَآءُ ۗ وَمَا ٱللَّهُ
بِغَـٰفِلٍ عَمَّا تَعْمَلُونَ ﴿٩٩﴾

100. Hỡi những người có đức tin, nếu các ngươi tuân theo một nhóm người được ban cho Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa), chắc chắn họ sẽ kéo các ngươi trở lại vô đức tin sau khi các ngươi đã tin tưởng.

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِن تُطِيعُوا۟ فَرِيقًا مِّنَ ٱلَّذِينَ
أُوتُوا۟ ٱلْكِتَـٰبَ يَرُدُّوكُم بَعْدَ إِيمَـٰنِكُمْ كَـٰفِرِينَ ﴿١٠٠﴾

101. Sao các ngươi lại có thể phủ nhận trong khi các ngươi được đọc cho nghe các lời phán của Allah và Thiên Sứ của Ngài vẫn đang sống cùng các ngươi? Ai bám chặt vào Allah(5) thì quả thật y đã được hướng dẫn đến con đường ngay thẳng (chính đạo).[1]

وَكَيْفَ تَكْفُرُونَ وَأَنتُمْ تُتْلَىٰ عَلَيْكُمْ ءَايَـٰتُ ٱللَّهِ
وَفِيكُمْ رَسُولُهُۥ ۗ وَمَن يَعْتَصِم بِٱللَّهِ فَقَدْ هُدِىَ إِلَىٰ
صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿١٠١﴾

102. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy kính sợ Allah bằng lòng kính sợ thực sự; và các ngươi hãy đừng chết ngoại trừ các ngươi đã là những người Muslim (thần phục Allah).

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ حَقَّ تُقَاتِهِۦ وَلَا
تَمُوتُنَّ إِلَّا وَأَنتُم مُّسْلِمُونَ ﴿١٠٢﴾

103. Các ngươi (những người có đức tin) hãy bám chặt lấy sợi dây (tôn giáo Islam) của Allah và chớ đừng chia rẽ. Và các ngươi hãy nhớ lại ân huệ của Allah dành cho các ngươi: lúc các ngươi là kẻ thù của nhau, Ngài đã kết nối trái tim của các ngươi lại, nhờ ân huệ đó của Ngài mà các ngươi trở thành anh em của nhau; và lúc các ngươi ở trên bờ của hố lửa (xung đột và chiến tranh), Ngài đã giải cứu các ngươi thoát khỏi (tình trạng) đó. Như thế đấy, Allah trình bày rõ các lời mặc khải của Ngài cho các ngươi mong rằng các ngươi được hướng dẫn.

وَٱعْتَصِمُوا۟ بِحَبْلِ ٱللَّهِ جَمِيعًا وَلَا تَفَرَّقُوا۟ ۚ وَٱذْكُرُوا۟
نِعْمَتَ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ إِذْ كُنتُمْ أَعْدَآءً فَأَلَّفَ بَيْنَ
قُلُوبِكُمْ فَأَصْبَحْتُم بِنِعْمَتِهِۦٓ إِخْوَٰنًا وَكُنتُمْ عَلَىٰ
شَفَا حُفْرَةٍ مِّنَ ٱلنَّارِ فَأَنقَذَكُم مِّنْهَا ۗ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ
ٱللَّهُ لَكُمْ ءَايَـٰتِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَهْتَدُونَ ﴿١٠٣﴾

104. Trong các ngươi, cần phải có một nhóm đứng lên kêu gọi (thiên hạ) đến với điều tốt, bảo ban họ hành thiện và ngăn cản họ làm điều xấu. Những người đó là những người thành công.

وَلْتَكُن مِّنكُمْ أُمَّةٌ يَدْعُونَ إِلَى ٱلْخَيْرِ وَيَأْمُرُونَ
بِٱلْمَعْرُوفِ وَيَنْهَوْنَ عَنِ ٱلْمُنكَرِ ۚ وَأُو۟لَـٰٓئِكَ هُمُ
ٱلْمُفْلِحُونَ ﴿١٠٤﴾

105. Các ngươi chớ giống như những kẻ đã chia rẽ và bất đồng nhau (dân Kinh Sách) sau khi các bằng chứng rõ rệt đã đến với họ. Họ chắc chắn sẽ nhận lấy một sự trừng phạt khủng khiếp.

وَلَا تَكُونُوا۟ كَٱلَّذِينَ تَفَرَّقُوا۟ وَٱخْتَلَفُوا۟ مِنۢ بَعْدِ مَا
جَآءَهُمُ ٱلْبَيِّنَـٰتُ ۚ وَأُو۟لَـٰٓئِكَ لَهُمْ عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿١٠٥﴾

[1] (5) Bám chặt vào Allah là bám chặt lấy Qur’an và Sunnah của Thiên Sứ Muhammad - cầu xin Allah ban bình an và phúc lành cho Người -.

106. Vào Ngày mà có những gương mặt sẽ sáng ngời và rạng rỡ cũng như có những gương mặt sẽ tối sầm và đen sịt. Đối với những ai có gương mặt tối sầm và đen sịt thì (có lời bảo họ): “Có phải các ngươi đã vô đức tin sau khi đã tin tưởng?! Thế (thì thật đáng đời cho các ngươi), các ngươi hãy nếm lấy sự trừng phạt cho những điều mà các ngươi đã vô đức tin.”

يَوۡمَ تَبۡيَضُّ وُجُوهٞ وَتَسۡوَدُّ وُجُوهٞۚ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ٱسۡوَدَّتۡ
وُجُوهُهُمۡ أَكَفَرۡتُم بَعۡدَ إِيمَٰنِكُمۡ فَذُوقُواْ ٱلۡعَذَابَ
بِمَا كُنتُمۡ تَكۡفُرُونَ ١٠٦

107. Đối với những ai là người có gương mặt sáng ngời và rạng rỡ thì họ sẽ ở trong sự nhân từ của Allah (Thiên Đàng), họ sẽ được ở trong đó mãi mãi.

وَأَمَّا ٱلَّذِينَ ٱبۡيَضَّتۡ وُجُوهُهُمۡ فَفِي رَحۡمَةِ ٱللَّهِۖ هُمۡ
فِيهَا خَٰلِدُونَ ١٠٧

108. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), đó là những lời mặc khải của Allah, TA đọc chúng cho Ngươi nghe bằng sự thật. Quả thật, Allah không hề muốn bất cứ ai trong vũ trụ gặp điều bất công.

تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱللَّهِ نَتۡلُوهَا عَلَيۡكَ بِٱلۡحَقِّۗ وَمَا ٱللَّهُ
يُرِيدُ ظُلۡمٗا لِّلۡعَٰلَمِينَ ١٠٨

109. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trong trái đất đều thuộc về Allah; và tất cả mọi sự việc đều sẽ được đưa về trình Allah.

وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَإِلَى ٱللَّهِ
تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ ١٠٩

110. Các ngươi (những người Muslim) là một cộng đồng tốt đẹp nhất được dựng lên (để làm tấm gương) cho nhân loại. Các ngươi bảo ban mọi người hành thiện, ngăn cản mọi người làm điều xấu, và các ngươi có đức tin nơi Allah. Nếu dân Kinh Sách cũng có đức tin giống như các ngươi thì điều đó đã tốt cho họ, tuy nhiên, chỉ có số ít trong bọn họ là những người có đức tin còn đa số là những kẻ bất tuân, tội lỗi.

كُنتُمۡ خَيۡرَ أُمَّةٍ أُخۡرِجَتۡ لِلنَّاسِ تَأۡمُرُونَ
بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَتَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَتُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِۗ
وَلَوۡ ءَامَنَ أَهۡلُ ٱلۡكِتَٰبِ لَكَانَ خَيۡرٗا لَّهُمۚ مِّنۡهُمُ
ٱلۡمُؤۡمِنُونَ وَأَكۡثَرُهُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ١١٠

111. (Dân Kinh Sách) không bao giờ có thể làm hại được các ngươi ngoại trừ chút ít phiền hà (từ cái lưỡi của họ, như: nói xấu, xúc phạm, nhạo báng...). Nếu họ đánh các ngươi thì họ cũng sẽ quay lưng bỏ chạy mà thôi, rồi họ sẽ không được ai giúp đỡ cả.

لَن يَضُرُّوكُمۡ إِلَّآ أَذٗىۖ وَإِن يُقَٰتِلُوكُمۡ يُوَلُّوكُمُ ٱلۡأَدۡبَارَ
ثُمَّ لَا يُنصَرُونَ ١١١

112. Sự hèn hạ bao trùm lấy họ ở bất cứ nơi nào họ có mặt ngoại trừ họ được sự đảm bảo từ Allah hoặc từ nhân loại. Họ phải nhận lấy cơn thịnh nộ của Allah và bị sự đói nghèo đeo bám. Sở dĩ họ bị như thế là vì họ đã phủ nhận các lời mặc khải của Allah và giết hại các vị Nabi một cách vô cớ. Đó là (hậu quả) cho việc bất tuân và vượt mức giới hạn.

ضُرِبَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلذِّلَّةُ أَيۡنَ مَا ثُقِفُوٓاْ إِلَّا بِحَبۡلٖ مِّنَ
ٱللَّهِ وَحَبۡلٖ مِّنَ ٱلنَّاسِ وَبَآءُو بِغَضَبٖ مِّنَ ٱللَّهِ
وَضُرِبَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلۡمَسۡكَنَةُۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ كَانُواْ
يَكۡفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَيَقۡتُلُونَ ٱلۡأَنۢبِيَآءَ بِغَيۡرِ حَقّٖۚ
ذَٰلِكَ بِمَا عَصَواْ وَّكَانُواْ يَعۡتَدُونَ ١١٢

113. Tất nhiên, không phải họ đều giống nhau, bởi trong số đám dân Kinh Sách có những người biết tuân thủ đúng (giáo luật của Allah), họ đọc các lời phán của Allah và quỳ lạy (Ngài) thâu đêm.

۞لَيْسُواْ سَوَآءٗۗ مِّنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ أُمَّةٞ قَآئِمَةٞ يَتْلُونَ
ءَايَٰتِ ٱللَّهِ ءَانَآءَ ٱلَّيْلِ وَهُمْ يَسْجُدُونَ ١١٣

114. Họ có đức tin nơi Allah và nơi Đời Sau, họ kêu gọi bảo ban mọi người hành thiện và ngăn cản mọi người làm điều xấu, họ thường đua nhau làm điều tốt. Họ là những người đức hạnh.

يُؤْمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ ٱلْأٓخِرِ وَيَأْمُرُونَ بِٱلْمَعْرُوفِ
وَيَنْهَوْنَ عَنِ ٱلْمُنكَرِ وَيُسَٰرِعُونَ فِي ٱلْخَيْرَٰتِۖ
وَأُوْلَٰٓئِكَ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١١٤

115. Bất cứ điều tốt nào họ làm (dù nhiều hay ít) sẽ không bao giờ bị vứt bỏ (mà sẽ được đền đáp đầy đủ cho công sức của họ), bởi Allah biết rõ người ngoan đạo.

وَمَا يَفْعَلُواْ مِنْ خَيْرٖ فَلَن يُكْفَرُوهُۗ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ
بِٱلْمُتَّقِينَ ١١٥

116. Quả thật, những kẻ vô đức tin, con cái và tài sản của họ sẽ không giúp ích được gì cho họ trước (sự trừng phạt của) Allah. Họ chính là cư dân của Hỏa Ngục, họ sẽ sống trong đó mãi mãi.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَن تُغْنِيَ عَنْهُمْ أَمْوَٰلُهُمْ وَلَآ
أَوْلَٰدُهُم مِّنَ ٱللَّهِ شَيْـٔٗاۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِۖ
هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ١١٦

117. Hình ảnh chi dùng tài sản của họ trong cuộc sống trần gian này giống như hình ảnh của cơn gió mang theo khí lạnh buốt tàn phá vườn tược của những kẻ đã bất công với chính mình. Quả thật, Allah không hề bất công với họ mà chính họ đã bất công với bản thân mình.

مَثَلُ مَا يُنفِقُونَ فِي هَٰذِهِ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا كَمَثَلِ رِيحٖ
فِيهَا صِرٌّ أَصَابَتْ حَرْثَ قَوْمٖ ظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمْ
فَأَهْلَكَتْهُۚ وَمَا ظَلَمَهُمُ ٱللَّهُ وَلَٰكِنْ أَنفُسَهُمْ
يَظْلِمُونَ ١١٧

118. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng chọn ai khác ngoài các ngươi làm bạn thân tín (bởi) những kẻ đó không bỏ cơ hội chống phá các ngươi. Họ luôn mong các ngươi gặp phải điều bất trắc. Quả thật, sự hiểm độc đã xuất hiện trên cửa miệng của họ, tuy nhiên sự hiểm độc nằm trong lòng họ còn dữ tợn hơn nhiều. TA (Allah) thực sự đã trình bày rõ ràng các lời mặc khải (của TA) cho các ngươi nếu các ngươi có khối óc biết suy ngẫm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ بِطَانَةٗ مِّن
دُونِكُمْ لَا يَأْلُونَكُمْ خَبَالٗا وَدُّواْ مَا عَنِتُّمْ قَدْ
بَدَتِ ٱلْبَغْضَآءُ مِنْ أَفْوَٰهِهِمْ وَمَا تُخْفِي صُدُورُهُمْ
أَكْبَرُۚ قَدْ بَيَّنَّا لَكُمُ ٱلْأٓيَٰتِۖ إِن كُنتُمْ
تَعْقِلُونَ ١١٨

119. Phải chăng, các ngươi (những người có đức tin) lại thương yêu họ trong khi họ chẳng yêu thương gì các ngươi, các ngươi đã tin toàn bộ Kinh Sách (kể cả Kinh Sách của họ nhưng họ nào có tin vào Kinh Sách đã gởi cho Thiên Sứ của các ngươi). Khi họ gặp các ngươi, họ nói "Chúng tôi đã có đức tin" nhưng khi họ ở riêng với nhau thì họ lại bộc lộ nỗi căm hờn các ngươi đến mức cắn các ngón tay. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo họ: "Các ngươi cứ ôm lấy nỗi căm hờn đó mà chết đi. Quả thật, Allah luôn biết rõ mọi điều giấu kín trong lòng."

هَٰٓأَنتُمْ أُوْلَآءِ تُحِبُّونَهُمْ وَلَا يُحِبُّونَكُمْ وَتُؤْمِنُونَ
بِٱلْكِتَٰبِ كُلِّهِۦ وَإِذَا لَقُوكُمْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَإِذَا خَلَوْاْ
عَضُّواْ عَلَيْكُمُ ٱلْأَنَامِلَ مِنَ ٱلْغَيْظِۚ قُلْ مُوتُواْ
بِغَيْظِكُمْۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ١١٩

120. Nếu các ngươi gặp được điều tốt lành thì họ bực tức khó chịu trong lòng nhưng nếu các ngươi gặp phải điều xấu thì họ lại vui mừng. Tuy nhiên, nếu các ngươi biết kiên nhẫn và kính sợ (Alalh) thì mọi âm mưu và thủ đoạn của họ chẳng hại được các ngươi bất cứ điều gì. Quả thật, Allah bao quát hết những gì họ làm.

إِن تَمۡسَسۡكُمۡ حَسَنَةٞ تَسُؤۡهُمۡ وَإِن تُصِبۡكُمۡ سَيِّئَةٞ يَفۡرَحُواْ بِهَاۖ وَإِن تَصۡبِرُواْ وَتَتَّقُواْ لَا يَضُرُّكُمۡ كَيۡدُهُمۡ شَيۡـًٔاۗ إِنَّ ٱللَّهَ بِمَا يَعۡمَلُونَ مُحِيطٞ ١٢٠

121. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nhớ lại lúc Ngươi rời gia đình (xuất binh từ Madinah) vào buổi sáng. (Khi đến núi Uhud) Ngươi đã sắp xếp vị trí chiến đấu cho những người có đức tin, tất nhiên (tất cả mọi điều đó) Allah hằng nghe, hằng biết.

وَإِذۡ غَدَوۡتَ مِنۡ أَهۡلِكَ تُبَوِّئُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ مَقَٰعِدَ لِلۡقِتَالِۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ١٢١

122. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nhớ lại về việc hai đội quân trong các ngươi (bộ tộc Salamah và bộ tộc Harithah) đã có ý định bỏ ngũ trong khi Allah là Đấng Bảo Hộ cho cả hai đội quân đó. Bởi thế, những người có đức tin hãy phó thác cho Allah.

إِذۡ هَمَّت طَّآئِفَتَانِ مِنكُمۡ أَن تَفۡشَلَا وَٱللَّهُ وَلِيُّهُمَاۗ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ١٢٢

123. Quả thật, Allah đã ban chiến thắng cho các ngươi tại Badr trong lúc các ngươi chỉ là đội quân nhỏ yếu. Bởi vậy, các ngươi hãy kính sợ Allah, mong rằng các ngươi biết tạ ơn Ngài.

وَلَقَدۡ نَصَرَكُمُ ٱللَّهُ بِبَدۡرٖ وَأَنتُمۡ أَذِلَّةٞۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ١٢٣

124. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nhớ lại khi Ngươi nói với những người có đức tin: “Chẳng lẽ vẫn chưa đủ cho các người hay sao khi Thượng Đế của các người đã cử ba ngàn Thiên Thần xuống hỗ trợ cho các ngươi?!”

إِذۡ تَقُولُ لِلۡمُؤۡمِنِينَ أَلَن يَكۡفِيَكُمۡ أَن يُمِدَّكُمۡ رَبُّكُم بِثَلَٰثَةِ ءَالَٰفٖ مِّنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ مُنزَلِينَ ١٢٤

125. Đúng vậy, nếu các ngươi kiên nhẫn và kính sợ (Allah) thì cho dù quân địch có bất ngờ tấn công các ngươi, Thượng Đế của các ngươi chắc chắn sẽ tăng cường cho các ngươi năm ngàn Thiên Thần mang dấu hiệu đặc biệt hạ trần.

بَلَىٰٓۚ إِن تَصۡبِرُواْ وَتَتَّقُواْ وَيَأۡتُوكُم مِّن فَوۡرِهِمۡ هَٰذَا يُمۡدِدۡكُمۡ رَبُّكُم بِخَمۡسَةِ ءَالَٰفٖ مِّنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ مُسَوِّمِينَ ١٢٥

126. Chẳng qua Allah làm điều đó chỉ để báo tin mừng cho các ngươi và để làm cho các ngươi an lòng mà thôi, chứ mọi sự thắng lợi đều do Allah cả, Ngài là Đấng Quyền Năng, Sáng Suốt.

وَمَا جَعَلَهُ ٱللَّهُ إِلَّا بُشۡرَىٰ لَكُمۡ وَلِتَطۡمَئِنَّ قُلُوبُكُم بِهِۦۗ وَمَا ٱلنَّصۡرُ إِلَّا مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَكِيمِ ١٢٦

127. (Với chiến thắng đó) Ngài muốn tiêu diệt một đám người trong những kẻ vô đức tin hoặc muốn hạ nhục họ để họ phải quay về trong sự thất bại thảm hại và nhục nhã.

لِيَقۡطَعَ طَرَفٗا مِّنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَوۡ يَكۡبِتَهُمۡ فَيَنقَلِبُواْ خَآئِبِينَ ١٢٧

128. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không có bất cứ thẩm quyền nào trong vụ việc (của họ), hoặc Ngài sẽ tha thứ cho họ hoặc Ngài sẽ trừng phạt họ bởi vì họ là đám người làm điều sai quấy.

لَيۡسَ لَكَ مِنَ ٱلۡأَمۡرِ شَيۡءٌ أَوۡ يَتُوبَ عَلَيۡهِمۡ أَوۡ يُعَذِّبَهُمۡ فَإِنَّهُمۡ ظَٰلِمُونَ ١٢٨

129. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trong trái đất đều thuộc về Allah, Ngài tha thứ cho ai Ngài muốn và trừng phạt bất kỳ ai Ngài muốn, bởi Allah hằng tha thứ, khoan dung.

وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ يَغۡفِرُ لِمَن يَشَآءُ وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٢٩

130. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng ăn tiền cho vay lấy lãi, gấp đôi hay nhiều hơn, các ngươi hãy kính sợ Allah mong rằng các ngươi thành đạt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَأۡكُلُواْ ٱلرِّبَوٰٓاْ أَضۡعَٰفٗا مُّضَٰعَفَةٗۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ١٣٠

131. Các ngươi hãy sợ Hỏa Ngục, nơi được chuẩn bị cho những kẻ vô đức tin.

وَٱتَّقُواْ ٱلنَّارَ ٱلَّتِيٓ أُعِدَّتۡ لِلۡكَٰفِرِينَ ١٣١

132. Các ngươi hãy vâng lệnh Allah và Thiên Sứ (Muhammad) mong rằng các ngươi được thương xót.

وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَ لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ١٣٢

133. Các ngươi hãy mau mau đến với lòng tha thứ của Thượng Đế của các ngươi và Thiên Đàng, nơi mà khoảng rộng của nó như các tầng trời và trái đất, được chuẩn bị cho những người ngoan đạo.

۞وَسَارِعُوٓاْ إِلَىٰ مَغۡفِرَةٖ مِّن رَّبِّكُمۡ وَجَنَّةٍ عَرۡضُهَا ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ أُعِدَّتۡ لِلۡمُتَّقِينَ ١٣٣

134. Những người mà họ chi dùng (tài sản của mình cho chính nghĩa của Allah) trong lúc giàu có lẫn lúc cơ hàn, họ biết kiềm chế cơn giận và biết lượng thứ cho người khác. Quả thật Allah rất thương yêu những người làm tốt.

ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ فِي ٱلسَّرَّآءِ وَٱلضَّرَّآءِ وَٱلۡكَٰظِمِينَ ٱلۡغَيۡظَ وَٱلۡعَافِينَ عَنِ ٱلنَّاسِۗ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٣٤

135. Những người mà khi họ đã lỡ làm điều tội lỗi hoặc bất công với chính mình thì họ liền nhớ đến Allah và cầu xin Ngài tha thứ cho tội lỗi của họ (bởi vì họ biết) không ai có quyền tha thứ tội lỗi ngoại trừ Allah. Và họ không tái phạm những điều đã làm vì họ biết rõ (đó là sai trái).

وَٱلَّذِينَ إِذَا فَعَلُواْ فَٰحِشَةً أَوۡ ظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ ذَكَرُواْ ٱللَّهَ فَٱسۡتَغۡفَرُواْ لِذُنُوبِهِمۡ وَمَن يَغۡفِرُ ٱلذُّنُوبَ إِلَّا ٱللَّهُ وَلَمۡ يُصِرُّواْ عَلَىٰ مَا فَعَلُواْ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ١٣٥

136. Những người đó, phần thưởng dành cho họ là sự tha thứ từ Thượng Đế của họ cùng với những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ sống trong đó mãi mãi. Thật phúc thay về phần thưởng dành cho những người làm việc (thiện tốt).

أُوْلَٰٓئِكَ جَزَآؤُهُم مَّغۡفِرَةٞ مِّن رَّبِّهِمۡ وَجَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ وَنِعۡمَ أَجۡرُ ٱلۡعَٰمِلِينَ ١٣٦

137. Quả thật, trước các ngươi đã có những đường lối (của những kẻ vô đức tin) được thể hiện. Cho nên, các ngươi hãy đi đây đó trên trái đất để xem kết cuộc của những kẻ phủ nhận đức tin (đã bị trừng phạt thích đáng) như thế nào.

قَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلِكُمۡ سُنَنٞ فَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ١٣٧

138. (Qur’an) này đây là một sự trình bày rõ ràng cho nhân loại, Nó đồng thời là nguồn chỉ đạo và là lời răn dạy dành cho những người ngoan đạo.

هَٰذَا بَيَانٞ لِّلنَّاسِ وَهُدٗى وَمَوۡعِظَةٞ لِّلۡمُتَّقِينَ ١٣٨

139. (Do đó, các ngươi, hỡi những người có đức tin) chớ đừng yếu lòng cũng như chớ đừng buồn rầu bởi các ngươi sẽ giành chiến thắng nếu các ngươi thực sự có đức tin.

وَلَا تَهِنُواْ وَلَا تَحۡزَنُواْ وَأَنتُمُ ٱلۡأَعۡلَوۡنَ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١٣٩

140. Nếu các ngươi bị thiệt hại và tổn thất thì quả thật đám người (vô đức tin) cũng bị thiệt hại và tổn thất giống như vậy. Đó là những ngày (được và mất) mà TA (Allah) xoay chuyển giữa nhân loại để Allah biết rõ ai thực sự có đức tin và đón nhận những người tử đạo trong các ngươi. Quả thật, Allah không hề yêu thương những kẻ làm điều sai quấy.

إِن يَمۡسَسۡكُمۡ قَرۡحٞ فَقَدۡ مَسَّ ٱلۡقَوۡمَ قَرۡحٞ مِّثۡلُهُۥۚ وَتِلۡكَ ٱلۡأَيَّامُ نُدَاوِلُهَا بَيۡنَ ٱلنَّاسِ وَلِيَعۡلَمَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَيَتَّخِذَ مِنكُمۡ شُهَدَآءَۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٤٠

141. Và để Allah tẩy xóa (tội lỗi) cho những người thực sự có đức tin đồng thời tiêu diệt những kẻ vô đức tin.

وَلِيُمَحِّصَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَيَمۡحَقَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٤١

142. (Hỡi những người có đức tin,) phải chăng các ngươi nghĩ rằng các ngươi sẽ vào Thiên Đàng (mà không phải trải qua cuộc thử thách) để Allah biết rõ ai trong các ngươi là người thực sự đã chiến đấu (cho chính nghĩa của Ngài) và để Ngài biết rõ ai là những người kiên nhẫn chịu đựng ư?!

أَمۡ حَسِبۡتُمۡ أَن تَدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ وَلَمَّا يَعۡلَمِ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ جَٰهَدُواْ مِنكُمۡ وَيَعۡلَمَ ٱلصَّٰبِرِينَ ١٤٢

143. Quả thật, các ngươi đã từng mong muốn được chết (trên chiến trường như một tử đạo cho chính nghĩa của Allah) trước khi các ngươi gặp nó (cái chết). Giờ đây, các ngươi thực sự đã nhìn thấy nó trong lúc các ngươi đang đứng nhìn (trận chiến).

وَلَقَدۡ كُنتُمۡ تَمَنَّوۡنَ ٱلۡمَوۡتَ مِن قَبۡلِ أَن تَلۡقَوۡهُ فَقَدۡ رَأَيۡتُمُوهُ وَأَنتُمۡ تَنظُرُونَ ١٤٣

144. Thật ra Muhammad chỉ là một Thiên Sứ giống như bao Thiên Sứ trước Y mà thôi. Lẽ nào khi Y chết hoặc bị giết thì các ngươi lại quay gót bỏ chạy? Người nào quay gót bỏ chạy thì (điều đó) chẳng làm hại được Allah bất cứ điều gì. Quả thật, Allah sẽ ban thưởng cho những người biết tri ân (Ngài).

وَمَا مُحَمَّدٌ إِلَّا رَسُولٞ قَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلِهِ ٱلرُّسُلُۚ أَفَإِيْن مَّاتَ أَوۡ قُتِلَ ٱنقَلَبۡتُمۡ عَلَىٰٓ أَعۡقَٰبِكُمۡۚ وَمَن يَنقَلِبۡ عَلَىٰ عَقِبَيۡهِ فَلَن يَضُرَّ ٱللَّهَ شَيۡـٔٗاۗ وَسَيَجۡزِي ٱللَّهُ ٱلشَّٰكِرِينَ ١٤٤

145. Không một linh hồn nào sẽ chết trừ phi có phép của Allah, nó được ghi sẵn thời hạn một cách nhất định. Người nào ham muốn lợi lộc của trần gian này thì TA (Allah) sẽ ban cho y, và người nào ham muốn lợi lộc ở Đời Sau thì TA sẽ ban cho y. Quả thật, TA sẽ ban thưởng cho những người biết tri ân (TA).

وَمَا كَانَ لِنَفۡسٍ أَن تَمُوتَ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِ كِتَٰبٗا مُّؤَجَّلٗاۗ وَمَن يُرِدۡ ثَوَابَ ٱلدُّنۡيَا نُؤۡتِهِۦ مِنۡهَا وَمَن يُرِدۡ ثَوَابَ ٱلۡأٓخِرَةِ نُؤۡتِهِۦ مِنۡهَاۚ وَسَنَجۡزِي ٱلشَّٰكِرِينَ ١٤٥

146. Có biết bao vị Nabi cùng nhiều tín đồ ngoan đạo đã chiến đấu anh dũng trên con đường chính nghĩa của Allah, họ không yếu lòng, không nhục chí cũng như không chùn bước khi gặp gian nan. Quả thật Allah yêu thương những người kiên nhẫn chịu đựng.

وَكَأَيِّن مِّن نَّبِيّٖ قَٰتَلَ مَعَهُۥ رِبِّيُّونَ كَثِيرٞ فَمَا وَهَنُواْ لِمَآ أَصَابَهُمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَمَا ضَعُفُواْ وَمَا ٱسۡتَكَانُواْۗ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلصَّٰبِرِينَ ١٤٦

147. Họ không nói gì khác ngoài những lời: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài xí xóa tội lỗi cho bầy tôi, những sai phạm quá mức của bầy tôi, xin Ngài hãy giữ vững đôi chân của bầy tôi và phù hộ bầy tôi giành chiến thắng trước đám người vô đức tin.”

وَمَا كَانَ قَوۡلَهُمۡ إِلَّآ أَن قَالُواْ رَبَّنَا ٱغۡفِرۡ لَنَا ذُنُوبَنَا وَإِسۡرَافَنَا فِيٓ أَمۡرِنَا وَثَبِّتۡ أَقۡدَامَنَا وَٱنصُرۡنَا عَلَى ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٤٧

148. Cho nên, Allah đã ban cho họ phần thưởng ở trần gian (được thắng lợi vẻ vang) và phần thưởng tốt đẹp ở Đời Sau (Thiên Đàng vĩnh cửu). Quả thật, Allah yêu thương những người làm tốt.

فَـَٔاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ ثَوَابَ ٱلدُّنۡيَا وَحُسۡنَ ثَوَابِ ٱلۡأٓخِرَةِۗ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٤٨

149. Hỡi những người có đức tin, nếu các ngươi tuân theo những kẻ vô đức tin, họ sẽ kéo các ngươi lùi lại ở phía sau khiến các ngươi lui về thảm bại.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِن تُطِيعُواْ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يَرُدُّوكُمۡ عَلَىٰٓ أَعۡقَٰبِكُمۡ فَتَنقَلِبُواْ خَٰسِرِينَ ١٤٩

150. Ngược lại, (nếu các ngươi nghe theo Allah) thì Allah mới là Đấng Bảo Hộ đích thực của các ngươi và Ngài là Đấng Ưu Việt trong việc phù hộ giành chiến thắng.

بَلِ ٱللَّهُ مَوۡلَىٰكُمۡۖ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلنَّٰصِرِينَ ١٥٠

151. TA (Allah) sẽ gieo nỗi khiếp sợ vào con tim của họ bởi điều mà họ đã Shirk với Allah, điều mà Ngài không cho bất cứ thẩm quyền nào. Và rồi đây chỗ ở của họ chính là Hỏa Ngục, một nơi ở vô cùng tồi tệ cho đám người sai trái.

سَنُلۡقِي فِي قُلُوبِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلرُّعۡبَ بِمَآ أَشۡرَكُواْ بِٱللَّهِ مَا لَمۡ يُنَزِّلۡ بِهِۦ سُلۡطَٰنٗاۖ وَمَأۡوَىٰهُمُ ٱلنَّارُۖ وَبِئۡسَ مَثۡوَى ٱلظَّٰلِمِينَ ١٥١

152. Quả thật, Allah đã thực hiện đúng lời hứa (ban chiến thắng) của Ngài cho các ngươi. Tuy nhiên, khi các ngươi gần đánh bại họ (kẻ thù tại Uhud) dưới sự cho phép của Ngài, các ngươi không còn tự chủ dẫn đến tranh cãi và kháng lại mệnh lệnh (của Thiên Sứ) sau khi các ngươi được Ngài phơi bày cho thấy những thứ (chiến lợi phẩm) mà các ngươi ham muốn. Trong các ngươi, có người ham muốn đời sống trần tục này và có người chỉ ham muốn Đời Sau, rồi Ngài đã khiến họ (kẻ thù) đánh úp các ngươi (lúc các ngươi thu gom chiến lợi phẩm) để Ngài thử thách các ngươi. Nhưng rồi Ngài cũng đã tha thứ tội lỗi cho các ngươi (về tội nghịch lại mệnh lệnh của Thiên Sứ). Quả thật, Allah luôn nhân từ và khoan dung đối với những người có đức tin.

وَلَقَدۡ صَدَقَكُمُ ٱللَّهُ وَعۡدَهُۥٓ إِذۡ تَحُسُّونَهُم بِإِذۡنِهِۦۖ حَتَّىٰٓ إِذَا فَشِلۡتُمۡ وَتَنَٰزَعۡتُمۡ فِي ٱلۡأَمۡرِ وَعَصَيۡتُم مِّنۢ بَعۡدِ مَآ أَرَىٰكُم مَّا تُحِبُّونَۚ مِنكُم مَّن يُرِيدُ ٱلدُّنۡيَا وَمِنكُم مَّن يُرِيدُ ٱلۡأٓخِرَةَۚ ثُمَّ صَرَفَكُمۡ عَنۡهُمۡ لِيَبۡتَلِيَكُمۡۖ وَلَقَدۡ عَفَا عَنكُمۡۗ وَٱللَّهُ ذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٥٢

153. (Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy nhớ lại ngày ở Uhud) lúc các ngươi chạy lên đồi cao không quan tâm đến ai khác, mặc cho Thiên Sứ cố réo gọi các ngươi (hãy đến bên Ta, hỡi các nô lệ của Allah). Ngài (Allah) đã cho các ngươi nếm lấy đau khổ này đến đau khổ khác để các ngươi không còn buồn bã cho điều đã vụt mất (chiến lợi phẩm) cũng như nạn kiếp mà các ngươi phải trải qua. Quả thật, Allah thông toàn những gì các ngươi làm.

۞إِذۡ تُصۡعِدُونَ وَلَا تَلۡوُۥنَ عَلَىٰٓ أَحَدٖ وَٱلرَّسُولُ يَدۡعُوكُمۡ فِيٓ أُخۡرَىٰكُمۡ فَأَثَٰبَكُمۡ غَمَّۢا بِغَمّٖ لِّكَيۡلَا تَحۡزَنُواْ عَلَىٰ مَا فَاتَكُمۡ وَلَا مَآ أَصَٰبَكُمۡۗ وَٱللَّهُ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ١٥٣

154. Sau lần nạn kiếp đó, Ngài (Allah) gieo vào (tấm lòng) của các ngươi sự bằng an giúp một nhóm người (có đức tin) trong các ngươi vững lòng mà thiếp đi, còn nhóm người còn lại (nhóm giả tạo đức tin) thì cảm giác bất an cho bản thân mình, nó khiến họ suy nghĩ không đúng về Allah như những người thời tiền Islam đã từng nghĩ, họ nói: "Chẳng lẽ chúng tôi không được có bất cứ ý kiến nào trong vụ việc này ư?!" Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: "Quả thật, vụ việc này đều thuộc về một mình Allah." Họ (đám người giả tạo đức tin) đã cố giấu kín trong lòng không muốn phơi bày cho Ngươi biết, họ nói: "Giá như chúng tôi được quyền có ý kiến thì chúng tôi đã không phải bị giết chết (oan uổng) tại đây rồi." Ngươi hãy nói với họ: "Dẫu cho các ngươi có trốn trong nhà của mình thì những ai là người đã được an bày đối mặt với cái chết thì cái chết vẫn tìm đến tận giường ngủ của họ". Allah muốn thử thách tấm lòng của các ngươi và thanh lọc con tim của các ngươi. Quả thật, Allah là Đấng biết rõ mọi thứ được giấu kín trong lòng (của các ngươi).

ثُمَّ أَنزَلَ عَلَيۡكُم مِّنۢ بَعۡدِ ٱلۡغَمِّ أَمَنَةٗ نُّعَاسٗا
يَغۡشَىٰ طَآئِفَةٗ مِّنكُمۡۖ وَطَآئِفَةٞ قَدۡ أَهَمَّتۡهُمۡ أَنفُسُهُمۡ
يَظُنُّونَ بِٱللَّهِ غَيۡرَ ٱلۡحَقِّ ظَنَّ ٱلۡجَٰهِلِيَّةِۖ يَقُولُونَ هَل
لَّنَا مِنَ ٱلۡأَمۡرِ مِن شَيۡءٖۗ قُلۡ إِنَّ ٱلۡأَمۡرَ كُلَّهُۥ لِلَّهِۗ
يُخۡفُونَ فِيٓ أَنفُسِهِم مَّا لَا يُبۡدُونَ لَكَۖ يَقُولُونَ لَوۡ
كَانَ لَنَا مِنَ ٱلۡأَمۡرِ شَيۡءٞ مَّا قُتِلۡنَا هَٰهُنَاۗ قُل لَّوۡ
كُنتُمۡ فِي بُيُوتِكُمۡ لَبَرَزَ ٱلَّذِينَ كُتِبَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقَتۡلُ
إِلَىٰ مَضَاجِعِهِمۡۖ وَلِيَبۡتَلِيَ ٱللَّهُ مَا فِي صُدُورِكُمۡ
وَلِيُمَحِّصَ مَا فِي قُلُوبِكُمۡۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِذَاتِ
ٱلصُّدُورِ ١٥٤

155. Quả thật, những ai trong các ngươi quay lưng bỏ chạy vào ngày hai đoàn quân (những người có đức tin và những kẻ vô đức tin) giáp mặt nhau (tại Uhud), chẳng qua là do đã bị Shaytan gây nhiễu lòng. Tuy nhiên, họ đã được Allah quãng đại khoan hồng sau đó. Quả thật Allah hằng dung thứ, hằng chịu đựng.

إِنَّ ٱلَّذِينَ تَوَلَّوۡاْ مِنكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡتَقَى ٱلۡجَمۡعَانِ إِنَّمَا
ٱسۡتَزَلَّهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ بِبَعۡضِ مَا كَسَبُواْۖ وَلَقَدۡ عَفَا
ٱللَّهُ عَنۡهُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ حَلِيمٞ ١٥٥

156. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng cư xử như những kẻ vô đức tin và chớ như những ai đã nói với các anh em đồng đạo của mình khi họ đi xa (tìm kiếm bổng lộc đây đó) trên mặt đất hoặc xuất chinh: "Giá như họ ở lại với chúng mình thì đâu đến nỗi bị chết hoặc bị giết". Allah đã khiến điều đó (tư tưởng lệch lạc) trở thành điều tiếc nuối khôn nguôi trong lòng của họ. Quả thật, Allah là Đấng ban sự sống và cái chết. Quả thật, Ngài thấy rõ hết mọi việc các ngươi làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
وَقَالُواْ لِإِخۡوَٰنِهِمۡ إِذَا ضَرَبُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ أَوۡ كَانُواْ
غُزّٗى لَّوۡ كَانُواْ عِندَنَا مَا مَاتُواْ وَمَا قُتِلُواْ لِيَجۡعَلَ
ٱللَّهُ ذَٰلِكَ حَسۡرَةٗ فِي قُلُوبِهِمۡۗ وَٱللَّهُ يُحۡيِۦ وَيُمِيتُۗ
وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ١٥٦

157. Nếu các ngươi bị giết trên con đường chính nghĩa của Allah hoặc chết đi (do hết tuổi) thì sự tha thứ và lòng thương xót của Allah sẽ tốt hơn những gì họ tích góp.

وَلَئِن قُتِلۡتُمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ أَوۡ مُتُّمۡ لَمَغۡفِرَةٞ مِّنَ ٱللَّهِ
وَرَحۡمَةٌ خَيۡرٞ مِّمَّا يَجۡمَعُونَ ١٥٧

158. Nếu các ngươi chết đi (do hết tuổi) hoặc bị giết thì các ngươi đều được phục sinh để trình diện Allah.

وَلَئِن مُّتُّمۡ أَوۡ قُتِلۡتُمۡ لَإِلَى ٱللَّهِ تُحۡشَرُونَ ١٥٨

159. Do đó, với lòng nhân từ của Allah thì Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) nên đối xử hiền hòa với họ. Nếu Ngươi quá khắt khe với họ thì chắc chắn họ sẽ rời bỏ Ngươi. Cho nên, Ngươi hãy khoan hồng đại lượng với họ, hãy cầu xin Allah tha thứ cho họ và hãy bàn bạc tham khảo ý kiến với họ. Và khi Ngươi đã quyết định thì hãy phó thác cho Allah,

فَبِمَا رَحۡمَةٖ مِّنَ ٱللَّهِ لِنتَ لَهُمۡۖ وَلَوۡ كُنتَ فَظًّا غَلِيظَ
ٱلۡقَلۡبِ لَٱنفَضُّواْ مِنۡ حَوۡلِكَۖ فَٱعۡفُ عَنۡهُمۡ

quả thật Allah luôn thương yêu những người biết phó thác (cho Ngài).

وَٱسْتَغْفِرْ لَهُمْ وَشَاوِرْهُمْ فِى ٱلْأَمْرِ ۖ فَإِذَا عَزَمْتَ
فَتَوَكَّلْ عَلَى ٱللَّهِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلْمُتَوَكِّلِينَ ١٥٩

160. Nếu Allah phù hộ các ngươi giành chiến thắng thì chắc chắn không có thế lực nào thắng được các ngươi, còn nếu Allah bỏ mặc các ngươi thì chắc chắn không một ai có thể giúp các ngươi giành lấy chiến thắng. Vì vậy, những người có đức tin hãy phó thác cho Allah.

إِن يَنصُرْكُمُ ٱللَّهُ فَلَا غَالِبَ لَكُمْ ۖ وَإِن يَخْذُلْكُمْ
فَمَن ذَا ٱلَّذِى يَنصُرُكُم مِّنۢ بَعْدِهِۦ ۗ وَعَلَى ٱللَّهِ
فَلْيَتَوَكَّلِ ٱلْمُؤْمِنُونَ ١٦٠

161. Không một Nabi nào được phép giấu trộm chiến lợi phẩm. Người nào giấu trộm chiến lợi phẩm thì y sẽ mang vật giấu trộm đó ra trình diện Allah vào Ngày Phán Xét. Rồi đây mỗi linh hồn đều được trả lại đầy đủ cho mọi thứ mà y đã tom góp (trước đây) và không ai bị đối xử bất công.

وَمَا كَانَ لِنَبِىٍّ أَن يَغُلَّ ۚ وَمَن يَغْلُلْ يَأْتِ بِمَا غَلَّ يَوْمَ
ٱلْقِيَٰمَةِ ۚ ثُمَّ تُوَفَّىٰ كُلُّ نَفْسٍ مَّا كَسَبَتْ وَهُمْ لَا
يُظْلَمُونَ ١٦١

162. Phải chăng người theo đuổi sự hài lòng của Allah lại giống như kẻ trở về trong cơn thịnh nộ của Ngài và nơi ở của y sẽ là Ngục Lửa, một nơi ở tồi tệ?!

أَفَمَنِ ٱتَّبَعَ رِضْوَٰنَ ٱللَّهِ كَمَنۢ بَآءَ بِسَخَطٍ مِّنَ ٱللَّهِ
وَمَأْوَىٰهُ جَهَنَّمُ ۚ وَبِئْسَ ٱلْمَصِيرُ ١٦٢

163. Họ hoàn toàn khác nhau về cấp bậc ở nơi Allah. Quả thật, Allah hằng thấy mọi việc họ làm.

هُمْ دَرَجَٰتٌ عِندَ ٱللَّهِ ۗ وَٱللَّهُ بَصِيرٌۢ بِمَا يَعْمَلُونَ ١٦٣

164. Allah quả thật đã ban hồng phúc cho những người có đức tin khi Ngài đã gởi đến với họ một vị Thiên Sứ xuất thân từ họ để đọc cho họ nghe các lời mặc khải của Ngài, để thanh lọc họ, để dạy họ Kinh Sách (Qur'an) và sự khôn ngoan (Sunnah) trong khi trước đây họ hoàn toàn sống trong sự lầm lạc.

لَقَدْ مَنَّ ٱللَّهُ عَلَى ٱلْمُؤْمِنِينَ إِذْ بَعَثَ فِيهِمْ رَسُولًا
مِّنْ أَنفُسِهِمْ يَتْلُوا۟ عَلَيْهِمْ ءَايَٰتِهِۦ وَيُزَكِّيهِمْ
وَيُعَلِّمُهُمُ ٱلْكِتَٰبَ وَٱلْحِكْمَةَ وَإِن كَانُوا۟ مِن قَبْلُ
لَفِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ١٦٤

165. Lẽ nào sau khi các ngươi (những người có đức tin) bị thảm bại (tại Uhud khiến các ngươi nản lòng) mặc dầu trước đó (tại Badr) các ngươi đã đánh bại (kẻ thù) với sự thiệt hại gấp đôi, các ngươi lại nói: “Tai họa này đến từ đâu?” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo họ: “Tai họa đó là do chính bản thân các ngươi gây ra (khi các ngươi nghịch lại mệnh lệnh của Thiên Sứ rời khỏi núi Rumah).” Quả thật, Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

أَوَلَمَّآ أَصَٰبَتْكُم مُّصِيبَةٌ قَدْ أَصَبْتُم مِّثْلَيْهَا قُلْتُمْ
أَنَّىٰ هَٰذَا ۖ قُلْ هُوَ مِنْ عِندِ أَنفُسِكُمْ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ
كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ١٦٥

166. Những gì đã xảy ra với các ngươi (từ sự thiệt hại và tổn thất nặng nề) vào ngày mà hai đoàn quân chạm trán nhau (tại Uhud) là do sự cho phép của Allah để Ngài biết ai là những người có đức tin (thật sự).

وَمَآ أَصَٰبَكُمْ يَوْمَ ٱلْتَقَى ٱلْجَمْعَانِ فَبِإِذْنِ ٱللَّهِ
وَلِيَعْلَمَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ١٦٦

167. Và để Ngài biết ai là những kẻ giả tạo đức tin. Những kẻ mà khi có lời gọi họ “Các người hãy đến đây cùng chiến đấu vì con đường chính nghĩa của Allah hoặc hãy đến đây

وَلِيَعْلَمَ ٱلَّذِينَ نَافَقُوا۟ ۚ وَقِيلَ لَهُمْ تَعَالَوْا۟ قَٰتِلُوا۟ فِى
سَبِيلِ ٱللَّهِ أَوِ ٱدْفَعُوا۟ ۖ قَالُوا۟ لَوْ نَعْلَمُ قِتَالًا

để phòng thủ.” thì họ bảo “Nếu chúng tôi thật sự biết đánh trận thì chúng tôi chắc chắn đã đi theo mọi người.” (Tình trạng của) họ vào ngày hôm đó gần với sự vô đức tin hơn là có đức tin, họ chỉ thốt ra từ cửa miệng những điều không có trong lòng, tuy nhiên, Allah luôn biết rõ điều họ cố giấu giếm.

لَّٱتَّبَعۡنَٰكُمۡۗ هُمۡ لِلۡكُفۡرِ يَوۡمَئِذٍ أَقۡرَبُ مِنۡهُمۡ
لِلۡإِيمَٰنِۚ يَقُولُونَ بِأَفۡوَٰهِهِم مَّا لَيۡسَ فِي قُلُوبِهِمۡۚ
وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا يَكۡتُمُونَ ١٦٧

168. Những người mà họ nói với anh em của mình trong lúc họ ngồi ở nhà (không tham chiến): “Giá như họ nghe lời chúng mình thì đâu bị giết”. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với bọn họ: “Vậy thì các người hãy cố mà xua đuổi cái chết khỏi bản thân của các ngươi nếu các ngươi đã nói sự thật.”

ٱلَّذِينَ قَالُواْ لِإِخۡوَٰنِهِمۡ وَقَعَدُواْ لَوۡ أَطَاعُونَا مَا قُتِلُواْۗ
قُلۡ فَٱدۡرَءُواْ عَنۡ أَنفُسِكُمُ ٱلۡمَوۡتَ إِن كُنتُمۡ
صَٰدِقِينَ ١٦٨

169. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chớ đừng nghĩ rằng những người đã bị giết vì con đường chính nghĩa của Allah đã chết. Ngược lại, họ vẫn đang sống ở nơi Thượng Đế của họ và họ được ban bố bổng lộc (thật đầy đủ).

وَلَا تَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ قُتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ أَمۡوَٰتَۢاۚ بَلۡ
أَحۡيَآءٌ عِندَ رَبِّهِمۡ يُرۡزَقُونَ ١٦٩

170. Họ thực sự đang vui hưởng hồng phúc mà Allah ban cấp cho họ và họ báo tin mừng cho những ai chưa nhập đoàn với họ ở đằng sau họ rằng (những người hy sinh vì con đường chính nghĩa của Allah) sẽ không phải lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

فَرِحِينَ بِمَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ وَيَسۡتَبۡشِرُونَ
بِٱلَّذِينَ لَمۡ يَلۡحَقُواْ بِهِم مِّنۡ خَلۡفِهِمۡ أَلَّا خَوۡفٌ
عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ١٧٠

171. Họ báo tin mừng về hồng phúc và thiên ân của Allah, và rằng Allah không hề làm mất công lao của những người có đức tin.

۞يَسۡتَبۡشِرُونَ بِنِعۡمَةٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَفَضۡلٖ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَا
يُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٧١

172. Những người mà họ đáp lại lời kêu gọi của Allah và Thiên Sứ (Muhammad) sau khi đã bị thương tích (tại Uhud). Và những người làm tốt và biết kính sợ (Allah) trong số họ sẽ được phần thưởng vĩ đại.

ٱلَّذِينَ ٱسۡتَجَابُواْ لِلَّهِ وَٱلرَّسُولِ مِنۢ بَعۡدِ مَآ أَصَابَهُمُ
ٱلۡقَرۡحُۚ لِلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ مِنۡهُمۡ وَٱتَّقَوۡاْ أَجۡرٌ عَظِيمٌ ١٧٢

173. Những người mà khi thiên hạ nói với họ “Quả thật, những người (ngoại đạo) đang tập hợp tấn công các người, các người hãy nên sợ bọn họ” thì đức tin của họ tăng thêm và họ nói (một cách kiên định): “Một mình Allah đã đủ giúp chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng Bảo Hộ Ưu Việt”.

ٱلَّذِينَ قَالَ لَهُمُ ٱلنَّاسُ إِنَّ ٱلنَّاسَ قَدۡ جَمَعُواْ لَكُمۡ
فَٱخۡشَوۡهُمۡ فَزَادَهُمۡ إِيمَٰنٗا وَقَالُواْ حَسۡبُنَا ٱللَّهُ وَنِعۡمَ
ٱلۡوَكِيلُ ١٧٣

174. Rồi họ đã trở về nhà với hồng phúc và ân huệ của Allah, chẳng hề có một chút rủi ro nào chạm đến họ, và họ thực sự đi theo sự hài lòng của Allah. Quả thật, Allah sở hữu nguồn thiên lộc vĩ đại.

فَٱنقَلَبُواْ بِنِعۡمَةٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَفَضۡلٖ لَّمۡ يَمۡسَسۡهُمۡ سُوٓءٞ
وَٱتَّبَعُواْ رِضۡوَٰنَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ ذُو فَضۡلٍ عَظِيمٍ ١٧٤

175. Quả thật, đó chẳng qua là mưu kế của bọn Shaytan nhằm hù dọa đồng bọn của hắn mà thôi. Vì vậy, các ngươi chớ đừng sợ chúng mà hãy sợ TA (Allah) nếu các ngươi là những người có đức tin (thật sự).

إِنَّمَا ذَٰلِكُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ يُخَوِّفُ أَوۡلِيَآءَهُۥ فَلَا
تَخَافُوهُمۡ وَخَافُونِ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١٧٥

176. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đừng để cho bản thân bị buồn rầu trước việc những kẻ nhanh chân lao thân vào sự vô đức tin. Quả thật họ sẽ không bao giờ gây hại được Allah. Allah không muốn cho họ hưởng bất cứ gì ở Đời Sau và họ phải đối mặt với một sự trừng phạt khủng khiếp.

وَلَا يَحۡزُنكَ ٱلَّذِينَ يُسَٰرِعُونَ فِي ٱلۡكُفۡرِۚ إِنَّهُمۡ لَن يَضُرُّواْ ٱللَّهَ شَيۡـٔٗاۚ يُرِيدُ ٱللَّهُ أَلَّا يَجۡعَلَ لَهُمۡ حَظّٗا فِي ٱلۡأٓخِرَةِۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٌ ١٧٦

177. Quả thật, những kẻ đã lấy đức tin để mua sự vô đức tin sẽ chẳng bao giờ gây hại được Allah, (ngược lại) họ sẽ bị trừng phạt đau đớn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلۡكُفۡرَ بِٱلۡإِيمَٰنِ لَن يَضُرُّواْ ٱللَّهَ شَيۡـٔٗاۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١٧٧

178. Những kẻ vô có đức tin chớ đừng nghĩ rằng việc TA trì hoãn cho họ (sống thọ) là điều tốt dành cho bản thân họ. Chẳng qua TA trì hoãn (việc trừng phạt) là để cho họ gia tăng thêm tội lỗi để rồi đây họ sẽ phải chịu một sự trừng phạt nhục nhã.

وَلَا يَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَنَّمَا نُمۡلِي لَهُمۡ خَيۡرٞ لِّأَنفُسِهِمۡۚ إِنَّمَا نُمۡلِي لَهُمۡ لِيَزۡدَادُوٓاْ إِثۡمٗاۖ وَلَهُمۡ عَذَابٞ مُّهِينٞ ١٧٨

179. Allah sẽ không bỏ mặc những người có đức tin các ngươi trong hoàn cảnh mà các ngươi đang hiện sống mà Ngài sẽ tách biệt cái xấu ra khỏi cái tốt. Allah cũng không cho các ngươi biết được điều vô hình, tuy nhiên, Ngài muốn lựa chọn ai trong số các Thiên Sứ của Ngài (tiếp thu một số điều vô hình) là tùy ý Ngài. Cho nên, các ngươi hãy tin nơi Allah và các Thiên Sứ của Ngài. Nếu các ngươi có đức tin và ngoan đạo thì các ngươi được ban thưởng một phần thưởng vĩ đại.

مَّا كَانَ ٱللَّهُ لِيَذَرَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ عَلَىٰ مَآ أَنتُمۡ عَلَيۡهِ حَتَّىٰ يَمِيزَ ٱلۡخَبِيثَ مِنَ ٱلطَّيِّبِۗ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُطۡلِعَكُمۡ عَلَى ٱلۡغَيۡبِ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَجۡتَبِي مِن رُّسُلِهِۦ مَن يَشَآءُۖ فَـَٔامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦۚ وَإِن تُؤۡمِنُواْ وَتَتَّقُواْ فَلَكُمۡ أَجۡرٌ عَظِيمٞ ١٧٩

180. Những kẻ keo kiệt chớ đừng nghĩ rằng việc họ ôm trọn hết thiên lộc mà Allah đã ban cho họ (không chịu xuất Zakah) là điều tốt cho họ, ngược lại, đó là điều xấu cho họ. Rồi đây vào Ngày Phán Xét, những gì mà họ đã keo kiệt giữ lại sẽ được mang ra treo lủng lẳng trên cổ họ. Quả thật, mọi di sản trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về một mình Allah. Quả thật, Allah thông toàn mọi điều các ngươi làm.

وَلَا يَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ يَبۡخَلُونَ بِمَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ هُوَ خَيۡرٗا لَّهُمۖ بَلۡ هُوَ شَرّٞ لَّهُمۡۖ سَيُطَوَّقُونَ مَا بَخِلُواْ بِهِۦ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ وَلِلَّهِ مِيرَٰثُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ١٨٠

181. Quả thật, Allah đã nghe được lời lẽ mà những kẻ (Do Thái) đã nói: “Allah nghèo còn chúng tôi giàu.” TA (Allah) sẽ ghi lại điều mà họ đã nói cũng như việc họ giết các vị Nabi một cách vô cớ, và (rồi đây) TA sẽ phán bảo: “Các ngươi hãy nếm lấy hình phạt thiêu đốt.”

لَّقَدۡ سَمِعَ ٱللَّهُ قَوۡلَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ فَقِيرٞ وَنَحۡنُ أَغۡنِيَآءُۘ سَنَكۡتُبُ مَا قَالُواْ وَقَتۡلَهُمُ ٱلۡأَنۢبِيَآءَ بِغَيۡرِ حَقّٖ وَنَقُولُ ذُوقُواْ عَذَابَ ٱلۡحَرِيقِ ١٨١

182. Đấy là (hậu quả) cho những gì mà đôi bàn tay của các ngươi đã gửi đi trước và Allah không hề bất công với bất cứ người bề tôi nào (của Ngài).

ذَٰلِكَ بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيكُمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَيۡسَ بِظَلَّٰمٖ لِّلۡعَبِيدِ ١٨٢

183. Những kẻ đã nói: “Quả thật, Allah đã giao ước với chúng tôi rằng chúng tôi đừng nên (vội vàng) tin nơi bất cứ vị Thiên Sứ nào trừ phi vị đó mang đến trình trước chúng

ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ عَهِدَ إِلَيۡنَآ أَلَّا نُؤۡمِنَ لِرَسُولٍ حَتَّىٰ يَأۡتِيَنَا بِقُرۡبَانٖ تَأۡكُلُهُ ٱلنَّارُۗ قُلۡ قَدۡ جَآءَكُمۡ

tôi một vật hiến tế (cho Allah) và được lửa (phóng xuống từ trời) thiêu đốt nó.” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo họ: “Quả thật, các Thiên Sứ trước Ta đã đến với các người, họ đã mang đến cho các người các bằng chứng rõ rệt và luôn cả điều mà các người đã nói, nếu các người đã nói lời thật lòng thế thì tại sao các người (vẫn cố tình) sát hại họ?!”

رُسُلٌ مِّن قَبْلِي بِٱلْبَيِّنَٰتِ وَبِٱلَّذِي قُلْتُمْ فَلِمَ
قَتَلْتُمُوهُمْ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿١٨٣﴾

184. Nếu như họ (những kẻ vô đức tin) phủ nhận Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thì quả thật các vị Thiên Sứ trước Ngươi cũng đã bị phủ nhận (giống như vậy) mặc dù họ đã mang đến biết bao bằng chứng rõ rệt cùng với Kinh Zabur và Kinh Sách rõ ràng, minh bạch.

فَإِن كَذَّبُوكَ فَقَدْ كُذِّبَ رُسُلٌ مِّن قَبْلِكَ جَآءُو
بِٱلْبَيِّنَٰتِ وَٱلزُّبُرِ وَٱلْكِتَٰبِ ٱلْمُنِيرِ ﴿١٨٤﴾

185. Mỗi linh hồn đều phải nếm cái chết. Quả thật vào Ngày Phán Xét, các ngươi mới được trao cho đầy đủ phần công lao của mình. Do đó, ai được cứu khỏi Hỏa Ngục và được thu nhận vào Thiên Đàng thì y thực sự đã thành công. Và đời sống trần tục này chỉ là một sự hưởng thụ chóng tàn, đầy dối trá.

كُلُّ نَفْسٍ ذَآئِقَةُ ٱلْمَوْتِۗ وَإِنَّمَا تُوَفَّوْنَ أُجُورَكُمْ يَوْمَ
ٱلْقِيَٰمَةِۖ فَمَن زُحْزِحَ عَنِ ٱلنَّارِ وَأُدْخِلَ ٱلْجَنَّةَ فَقَدْ
فَازَۗ وَمَا ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَآ إِلَّا مَتَٰعُ ٱلْغُرُورِ ﴿١٨٥﴾

186. Tất nhiên các ngươi (những người có đức tin) phải trải qua thử thách về tài sản và thể xác của các ngươi, các ngươi phải nghe rất nhiều lời lẽ xấu xa từ những kẻ được ban cho Kinh Sách thời trước các ngươi và cả những kẻ đa thần. Tuy nhiên, nếu các ngươi biết kiên nhẫn và ngoan đạo thì đó là nguyên tố (thành công) của mọi vấn đề.

۞لَتُبْلَوُنَّ فِيٓ أَمْوَٰلِكُمْ وَأَنفُسِكُمْ وَلَتَسْمَعُنَّ مِنَ
ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْكِتَٰبَ مِن قَبْلِكُمْ وَمِنَ ٱلَّذِينَ
أَشْرَكُوٓا۟ أَذًى كَثِيرًاۚ وَإِن تَصْبِرُوا۟ وَتَتَّقُوا۟ فَإِنَّ ذَٰلِكَ
مِنْ عَزْمِ ٱلْأُمُورِ ﴿١٨٦﴾

187. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) việc TA (Allah) đã lấy giao ước với những người được ban cho Kinh Sách: “Các ngươi phải công bố Kinh Sách cho thiên hạ và tuyệt đối không được giấu giếm (những bằng chứng báo trước về Muhammad) có trong đó”. Tuy nhiên, họ đã ném lời giao ước ra sau lưng và dùng nó mua lấy phần lợi lộc ít ỏi (của trần gian). Thật tồi tệ thay cho việc đổi chác của họ.

وَإِذْ أَخَذَ ٱللَّهُ مِيثَٰقَ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْكِتَٰبَ لَتُبَيِّنُنَّهُۥ
لِلنَّاسِ وَلَا تَكْتُمُونَهُۥ فَنَبَذُوهُ وَرَآءَ ظُهُورِهِمْ
وَٱشْتَرَوْا۟ بِهِۦ ثَمَنًا قَلِيلًاۖ فَبِئْسَ مَا يَشْتَرُونَ ﴿١٨٧﴾

188. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) đừng nghĩ rằng những kẻ hớn hở vui mừng với điều được ban cho (lúc họ làm tội lỗi) và yêu thích được mọi người ca tụng về những điều mà họ không làm (là điều tốt cho họ). Ngươi cũng chớ đừng tưởng họ sẽ thoát khỏi sự trừng phạt, ngược lại, họ sẽ gặp phải sự trừng phạt đau đớn.

لَا تَحْسَبَنَّ ٱلَّذِينَ يَفْرَحُونَ بِمَآ أَتَوا۟ وَّيُحِبُّونَ أَن
يُحْمَدُوا۟ بِمَا لَمْ يَفْعَلُوا۟ فَلَا تَحْسَبَنَّهُم بِمَفَازَةٍ مِّنَ
ٱلْعَذَابِۖ وَلَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١٨٨﴾

189. Quyền thống trị và chế ngự các tầng trời và trái đất đều thuộc về một mình Allah, và Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

وَلِلَّهِ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ
قَدِيرٌ ﴿١٨٩﴾

190. Quả thật, việc tạo hóa các tầng trời và trái đất cũng như việc luân chuyển ban đêm và ban ngày là những dấu hiệu dành cho những người hiểu biết.

إِنَّ فِي خَلۡقِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَٱخۡتِلَٰفِ ٱلَّيۡلِ
وَٱلنَّهَارِ لَأٓيَٰتٖ لِّأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ ١٩٠

191. Họ là những người (thường xuyên) tụng niệm Allah lúc đứng, lúc ngồi và ngay cả lúc nằm nghiêng một bên, họ thường suy ngẫm (về quyền năng của Allah) trong việc tạo hóa các tầng trời và trái đất (khiến họ phải thốt lên): “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, Ngài đã không tạo hóa những thứ này một cách vô nghĩa. Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Xin Ngài hãy cứu bầy tôi tránh khỏi sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục.”

ٱلَّذِينَ يَذۡكُرُونَ ٱللَّهَ قِيَٰمٗا وَقُعُودٗا وَعَلَىٰ جُنُوبِهِمۡ
وَيَتَفَكَّرُونَ فِي خَلۡقِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ رَبَّنَا مَا
خَلَقۡتَ هَٰذَا بَٰطِلٗا سُبۡحَٰنَكَ فَقِنَا عَذَابَ ٱلنَّارِ ١٩١

192. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, người nào đã bị Ngài tống vào Hỏa Ngục thì đó là kẻ đã bị Ngài sỉ nhục. Quả thật, những kẻ làm điều sai trái sẽ không được ai giúp đỡ.”

رَبَّنَآ إِنَّكَ مَن تُدۡخِلِ ٱلنَّارَ فَقَدۡ أَخۡزَيۡتَهُۥۖ وَمَا
لِلظَّٰلِمِينَ مِنۡ أَنصَارٖ ١٩٢

193. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi đã nghe được Vị mời gọi kêu gọi đến với đức tin rằng hãy tin nơi Thượng Đế của các người và bầy tôi đã tin tưởng. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy tha thứ tội lỗi cho bầy tôi, xin hãy xí xóa mọi việc làm sai trái mà bầy tôi đã phạm, và xin hãy cho bầy tôi được chết cùng với những người đức hạnh.”

رَّبَّنَآ إِنَّنَا سَمِعۡنَا مُنَادِيٗا يُنَادِي لِلۡإِيمَٰنِ أَنۡ ءَامِنُواْ
بِرَبِّكُمۡ فَـَٔامَنَّاۚ رَبَّنَا فَٱغۡفِرۡ لَنَا ذُنُوبَنَا وَكَفِّرۡ عَنَّا
سَيِّـَٔاتِنَا وَتَوَفَّنَا مَعَ ٱلۡأَبۡرَارِ ١٩٣

194. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài ban cho bầy tôi những thứ mà Ngài đã hứa với bầy tôi qua (lời nói của) các vị Thiên Sứ của Ngài và xin đừng sỉ nhục bầy tôi vào Ngày Phán Xét. Quả thật, Ngài không bao giờ thất hứa.”

رَبَّنَا وَءَاتِنَا مَا وَعَدتَّنَا عَلَىٰ رُسُلِكَ وَلَا تُخۡزِنَا يَوۡمَ
ٱلۡقِيَٰمَةِۖ إِنَّكَ لَا تُخۡلِفُ ٱلۡمِيعَادَ ١٩٤

195. Thế là họ được Thượng Đế của họ đáp lại lời cầu nguyện đó, (Ngài phán): “TA nhất định không làm mất bất cứ việc hành đạo nào mà các ngươi đã từng làm, (không phân biệt) nam hay nữ, tất cả đều được ban thưởng như nhau. Cho nên, những ai đã di cư hoặc đã bị trục xuất ra khỏi nhà cửa của mình và đã chịu hoạn nạn đau khổ vì chính nghĩa của TA, và họ đã anh dũng chiến đấu và đã hi sinh thì chắc chắn họ sẽ được TA xóa bỏ hết mọi tội lỗi và được thu nhận vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, một phần thưởng xứng đáng từ Allah. Quả thật, ở nơi Allah luôn có những phần thưởng tốt nhất.”

فَٱسۡتَجَابَ لَهُمۡ رَبُّهُمۡ أَنِّي لَآ أُضِيعُ عَمَلَ عَٰمِلٖ
مِّنكُم مِّن ذَكَرٍ أَوۡ أُنثَىٰۖ بَعۡضُكُم مِّنۢ بَعۡضٖۖ
فَٱلَّذِينَ هَاجَرُواْ وَأُخۡرِجُواْ مِن دِيَٰرِهِمۡ وَأُوذُواْ فِي
سَبِيلِي وَقَٰتَلُواْ وَقُتِلُواْ لَأُكَفِّرَنَّ عَنۡهُمۡ سَيِّـَٔاتِهِمۡ
وَلَأُدۡخِلَنَّهُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ ثَوَابٗا
مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ عِندَهُۥ حُسۡنُ ٱلثَّوَابِ ١٩٥

196. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chớ đừng bị mắc lừa bởi việc đi lại hí hửng của những kẻ ngoại đạo trên mặt đất.

لَا يَغُرَّنَّكَ تَقَلُّبُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فِي ٱلۡبِلَٰدِ ١٩٦

197. (Đó chỉ là) một sự hưởng thụ tạm bợ và chóng tàn, rồi đây chốn ở của họ sẽ là Hỏa Ngục và đó là một nơi cư ngụ vô cùng tồi tệ.

مَتَٰعٞ قَلِيلٞ ثُمَّ مَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمِهَادُ ١٩٧

198. Ngược lại, những ai ngoan đạo với Thượng Đế của họ thì sẽ được ban thưởng những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ ở trong đó mãi mãi, một sự chiêu đãi đặc biệt từ nơi Allah. Quả thật, những gì ở nơi Allah là tốt nhất cho những người đức hạnh.

لَٰكِنِ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ رَبَّهُمۡ لَهُمۡ جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن
تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا نُزُلٗا مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِۗ وَمَا
عِندَ ٱللَّهِ خَيۡرٞ لِّلۡأَبۡرَارِ ١٩٨

199. Trong số những người dân Kinh Sách vẫn có người tin tưởng nơi Allah, tin tưởng vào điều đã mặc khải cho các ngươi (những người có đức tin) và tin vào điều đã được mặc khải cho họ (trước đây), họ đã hạ mình khiêm tốn trước Allah, họ không bán các lời mặc khải của Allah với cái giá ít ỏi (của trần gian). Đó là những người mà phần thưởng của họ ở nơi Thượng Đế của họ. Quả thật Allah rất nhanh chóng trong việc tính sổ (thưởng phạt).

وَإِنَّ مِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ لَمَن يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ
إِلَيۡكُمۡ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡهِمۡ خَٰشِعِينَ لِلَّهِ لَا يَشۡتَرُونَ
بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ ثَمَنٗا قَلِيلًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ أَجۡرُهُمۡ عِندَ
رَبِّهِمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلۡحِسَابِ ١٩٩

200. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy thực sự kiên nhẫn, hãy thực sự kiên trì, hãy kiên định vững chắc, và hãy kính sợ Allah, mong rằng các ngươi sẽ thành công.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱصۡبِرُواْ وَصَابِرُواْ وَرَابِطُواْ
وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ٢٠٠

An-Nisa' (Những Người Phụ Nữ) النساء

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hỡi con người, hãy kính sợ Thượng Đế của các ngươi, Đấng đã tạo hóa các ngươi từ một cá thể duy nhất (ông tổ Adam của các ngươi) và từ Y Ngài đã tạo ra người vợ (Hauwa) của Y, rồi từ hai người họ, Ngài đã rải ra khắp nơi (trên trái đất) vô số đàn ông và phụ nữ. Các ngươi hãy kính sợ Allah, Đấng mà với Ngài các ngươi đòi hỏi (quyền và lẽ phải) lẫn nhau(1) và các ngươi (hãy tôn trọng) mối quan hệ thân tộc(2), quả thật Allah luôn giám sát (mọi hành vi của) các ngươi.[I]

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱتَّقُواْ رَبَّكُمُ ٱلَّذِي خَلَقَكُم مِّن نَّفۡسٖ وَٰحِدَةٖ وَخَلَقَ مِنۡهَا زَوۡجَهَا وَبَثَّ مِنۡهُمَا رِجَالٗا كَثِيرٗا وَنِسَآءٗۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ ٱلَّذِي تَسَآءَلُونَ بِهِۦ وَٱلۡأَرۡحَامَۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلَيۡكُمۡ رَقِيبٗا ١

2. Các ngươi hãy giao lại cho trẻ mồ côi tài sản của chúng (khi chúng đã trưởng thành). Các ngươi chớ đừng (vì tham lam) mà tráo vật xấu của các ngươi để đổi lấy vật tốt của chúng. Các ngươi cũng đừng ăn chặn (tài sản của chúng bằng cách) nhập chung tài sản của chúng vào tài sản của các ngươi, quả thật việc làm đó là một đại trọng tội.

وَءَاتُواْ ٱلۡيَتَٰمَىٰٓ أَمۡوَٰلَهُمۡۖ وَلَا تَتَبَدَّلُواْ ٱلۡخَبِيثَ بِٱلطَّيِّبِۖ وَلَا تَأۡكُلُوٓاْ أَمۡوَٰلَهُمۡ إِلَىٰٓ أَمۡوَٰلِكُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ حُوبٗا كَبِيرٗا ٢

3. Nếu các ngươi lo sợ không công bằng với (phụ nữ) mồ côi (khi cưới họ làm vợ)(3) thì các ngươi hãy cưới những phụ nữ khác (ngoài họ) mà các ngươi hài lòng; (các ngươi có thể cưới) hai, ba hoặc bốn (vợ). Tuy nhiên, nếu các ngươi lo sợ không thể (đối xử) công bằng (với các bà vợ) thì các ngươi hãy nên cưới một (vợ) hoặc (các ngươi có thể ăn nằm) với những phụ nữ dưới tay của các ngươi(4). Đó là cách tốt nhất để các ngươi tránh gây bất công.[II]

وَإِنۡ خِفۡتُمۡ أَلَّا تُقۡسِطُواْ فِي ٱلۡيَتَٰمَىٰ فَٱنكِحُواْ مَا طَابَ لَكُم مِّنَ ٱلنِّسَآءِ مَثۡنَىٰ وَثُلَٰثَ وَرُبَٰعَۖ فَإِنۡ خِفۡتُمۡ أَلَّا تَعۡدِلُواْ فَوَٰحِدَةً أَوۡ مَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡۚ ذَٰلِكَ أَدۡنَىٰٓ أَلَّا تَعُولُواْ ٣

4. Các ngươi phải trao tiền cưới bắt buộc cho phụ nữ (khi kết hôn). Tuy nhiên, nếu họ vui lòng tặng lại các ngươi một phần nào (từ tiền cưới bắt buộc đó) thì các ngươi hãy vui hưởng nó một cách hữu ích.

وَءَاتُواْ ٱلنِّسَآءَ صَدُقَٰتِهِنَّ نِحۡلَةٗۚ فَإِن طِبۡنَ لَكُمۡ عَن شَيۡءٖ مِّنۡهُ نَفۡسٗا فَكُلُوهُ هَنِيٓـٔٗا مَّرِيٓـٔٗا ٤

5. Các ngươi (những người giám hộ) chớ đừng giao cho những người thiếu khôn ngoan(5) tài sản mà Allah đã cho các ngươi quyền quản lý. Các ngươi hãy dùng tài sản đó

وَلَا تُؤۡتُواْ ٱلسُّفَهَآءَ أَمۡوَٰلَكُمُ ٱلَّتِي جَعَلَ ٱللَّهُ لَكُمۡ قِيَٰمٗا وَٱرۡزُقُوهُمۡ فِيهَا وَٱكۡسُوهُمۡ وَقُولُواْ لَهُمۡ قَوۡلٗا مَّعۡرُوفٗا ٥

[I] (1) Ví dụ một người nói với một người: “Thề bởi Allah, tôi không nói dối, tôi muốn anh điều này…”; (2) Việc đoạn tuyệt quan hệ với bất cứ ai trong dòng tộc bị xem là đại tội trong Islam.

[II] (3) Sợ không trao đủ tiền cưới bắt buộc cho họ hoặc sợ đối xử không công bằng với họ vì cho họ vốn là trẻ mồ côi.; (4) Theo Islam, được quyền ăn nằm với các nữ tù binh dưới quyền kiểm soát mà không cần phải kết hôn trước và cũng không cần cho họ quyền lợi như các bà vợ. Tuy nhiên, khi họ sinh con thì lập tức họ sẽ trở thành người tự do.

cấp dưỡng cho họ, cấp quần áo cho họ và hãy nói năng tử tế với họ.[I]

6. Các ngươi hãy kiểm tra(6) các trẻ mồ côi khi chúng đã đến tuổi trưởng thành, nếu các ngươi nhận thấy chúng đã khôn ngoan thì các ngươi hãy giao lại tài sản của chúng cho chúng. Các ngươi chớ đừng tiêu xài tài sản của chúng một cách phung phí vì lo sợ chúng lấy lại tài sản sau khi đã trưởng thành. (Người giám hộ) nào đã giàu có (hoặc dư dả) thì chớ tiêu pha nó, còn (người giám hộ) nào nghèo khó thì hãy chi dùng nó một cách vừa phải (không tiêu pha lãng phí). Khi các ngươi giao lại tài sản của chúng cho chúng thì các ngươi hãy tìm những người làm nhân chứng cho cuộc giao trả đó. Quả thật, một mình Allah đã đủ thanh toán và xét xử (mọi việc làm của các ngươi).[II]

وَٱبۡتَلُواْ ٱلۡيَتَٰمَىٰ حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغُواْ ٱلنِّكَاحَ فَإِنۡ ءَانَسۡتُم
مِّنۡهُمۡ رُشۡدٗا فَٱدۡفَعُوٓاْ إِلَيۡهِمۡ أَمۡوَٰلَهُمۡۖ وَلَا تَأۡكُلُوهَآ
إِسۡرَافٗا وَبِدَارًا أَن يَكۡبَرُواْۚ وَمَن كَانَ غَنِيّٗا
فَلۡيَسۡتَعۡفِفۡۖ وَمَن كَانَ فَقِيرٗا فَلۡيَأۡكُلۡ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ
فَإِذَا دَفَعۡتُمۡ إِلَيۡهِمۡ أَمۡوَٰلَهُمۡ فَأَشۡهِدُواْ عَلَيۡهِمۡۚ وَكَفَىٰ
بِٱللَّهِ حَسِيبٗا ٦

7. Đàn ông được quyền hưởng gia tài của cha mẹ và bà con ruột thịt để lại (sau khi họ qua đời), và phụ nữ cũng được quyền hưởng gia tài của cha mẹ và bà con ruột thịt để lại (sau khi họ qua đời), dù ít hay nhiều(7). (Đó là) giáo luật bắt buộc (từ Allah).[III]

لِّلرِّجَالِ نَصِيبٞ مِّمَّا تَرَكَ ٱلۡوَٰلِدَانِ وَٱلۡأَقۡرَبُونَ
وَلِلنِّسَآءِ نَصِيبٞ مِّمَّا تَرَكَ ٱلۡوَٰلِدَانِ وَٱلۡأَقۡرَبُونَ مِمَّا
قَلَّ مِنۡهُ أَوۡ كَثُرَۚ نَصِيبٗا مَّفۡرُوضٗا ٧

8. Trong lúc các ngươi phân chia gia tài để lại, nếu có mặt của bà con họ hàng, trẻ mồ côi và người nghèo thì các ngươi hãy chia cho họ một ít (từ gia tài đó) và các ngươi hãy nói năng tử tế với họ.

وَإِذَا حَضَرَ ٱلۡقِسۡمَةَ أُوْلُواْ ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ
وَٱلۡمَسَٰكِينُ فَٱرۡزُقُوهُم مِّنۡهُ وَقُولُواْ لَهُمۡ قَوۡلٗا
مَّعۡرُوفٗا ٨

9. Những người (đứng ra chia gia tài thừa kế) cũng phải nên sợ rằng mai này (mình chết đi) bỏ lại con cái thơ dại (không ai chăm sóc và trông nom). Cho nên, họ hãy kính sợ Allah mà nói điều ngay thẳng và đúng đắn.

وَلۡيَخۡشَ ٱلَّذِينَ لَوۡ تَرَكُواْ مِنۡ خَلۡفِهِمۡ ذُرِّيَّةٗ ضِعَٰفًا
خَافُواْ عَلَيۡهِمۡ فَلۡيَتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلۡيَقُولُواْ قَوۡلٗا
سَدِيدًا ٩

10. Những kẻ ăn tài sản của trẻ mồ côi một cách bất công, thật ra là họ đang nuốt lửa vào bụng của mình; rồi đây họ sẽ sớm bị thiêu đốt trong Hỏa Ngục.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَأۡكُلُونَ أَمۡوَٰلَ ٱلۡيَتَٰمَىٰ ظُلۡمًا إِنَّمَا
يَأۡكُلُونَ فِي بُطُونِهِمۡ نَارٗاۖ وَسَيَصۡلَوۡنَ سَعِيرٗا ١٠

11. Allah quy định cho các ngươi về việc con cái của các ngươi (hưởng gia tài thừa kế) như sau: Con trai hưởng gấp đôi phần của con gái. Trường hợp (người chết bỏ lại con cái) đều là gái, nếu từ hai người trở lên thì tất cả cùng

يُوصِيكُمُ ٱللَّهُ فِيٓ أَوۡلَٰدِكُمۡۖ لِلذَّكَرِ مِثۡلُ حَظِّ
ٱلۡأُنثَيَيۡنِۚ فَإِن كُنَّ نِسَآءٗ فَوۡقَ ٱثۡنَتَيۡنِ فَلَهُنَّ ثُلُثَا مَا

[I] (5) Người thiếu khôn ngoan là tất cả những ai sử dụng tài sản không mang lại lợi ích ở trần gian và cả Đời Sau, chẳng hạn tiêu xài vào những thứ có hại như cờ bạc, rượu chè, ma túy …

[II] (6) Kiểm tra bằng cách giao cho chúng một phần tài sản của chúng để chúng chi tiêu, nếu nhận thấy chúng chi tiêu đúng mực, có mục đích tốt, chứng tỏ chúng đã trưởng thành và khôn ngoan.

[III] (7) Sở dĩ Islam quy định rõ ràng giáo luật này là bởi vì trong thời tiền Islam phụ nữ và trẻ em bị tước quyền thừa kế.

hưởng hai phần ba (2/3) gia tài để lại, còn nếu chỉ có một người duy nhất thì sẽ hưởng một nửa gia tài để lại. Nếu (người chết) có con thì cha mẹ, mỗi người hưởng một phần sáu (1/6) tài sản để lại. Nếu (người chết) không có con thì cha mẹ hưởng toàn bộ gia tài để lại, mẹ hưởng một phần ba (1/3), (còn lại là của cha). Trường hợp (người chết) có anh em thì mẹ của y hưởng một phần sáu (1/6)(8). (Tuy nhiên, việc phân chia này) được thực hiện sau khi đã hoàn tất xong phần di chúc(9) hoặc nợ. Cha mẹ của các ngươi, con cái của các ngươi, các ngươi không hề biết được ai trong số họ mới thật sự hữu ích cho các ngươi (ở trần gian và Đời Sau). (Đó là) luật định từ Allah. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Chí Minh.[i]

تَرَكَۖ وَإِن كَانَتۡ وَٰحِدَةٗ فَلَهَا ٱلنِّصۡفُۚ وَلِأَبَوَيۡهِ لِكُلِّ
وَٰحِدٖ مِّنۡهُمَا ٱلسُّدُسُ مِمَّا تَرَكَ إِن كَانَ لَهُۥ وَلَدٞۚ فَإِن
لَّمۡ يَكُن لَّهُۥ وَلَدٞ وَوَرِثَهُۥٓ أَبَوَاهُ فَلِأُمِّهِ ٱلثُّلُثُۚ فَإِن
كَانَ لَهُۥٓ إِخۡوَةٞ فَلِأُمِّهِ ٱلسُّدُسُۚ مِنۢ بَعۡدِ وَصِيَّةٖ
يُوصِي بِهَآ أَوۡ دَيۡنٍۗ ءَابَآؤُكُمۡ وَأَبۡنَآؤُكُمۡ لَا تَدۡرُونَ
أَيُّهُمۡ أَقۡرَبُ لَكُمۡ نَفۡعٗاۚ فَرِيضَةٗ مِّنَ ٱللَّهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ
كَانَ عَلِيمًا حَكِيمٗا ﴿١١﴾

12. Các ngươi (những người chồng) hưởng một nửa (1/2) gia tài mà các người vợ để lại nếu họ không có con, nếu họ có con thì các ngươi hưởng một phần tư (1/4) gia tài họ để lại; (tuy nhiên, việc phân chia này) được thực hiện sau khi đã hoàn tất xong phần di chúc hoặc nợ. Các bà vợ hưởng một phần tư (1/4) gia tài mà các ngươi để lại nếu các ngươi không có con, nếu các ngươi có con thì họ hưởng một phần tám (1/8) gia tài mà các ngươi để lại; (tuy nhiên, việc phân chia này) được thực hiện sau khi đã hoàn tất xong phần di chúc hoặc nợ. Trường hợp một người đàn ông hoặc một người phụ nữ qua đời (cả hai đều không có con cái lẫn cha mẹ) mà chỉ có một người anh (em) trai và một người chị (em) gái thì mỗi người hưởng một phần sáu (1/6); nếu số lượng anh chị em nhiều hơn (hai người) thì tất cả cùng hưởng chung một phần ba (1/3)(10), (tuy nhiên, việc phân chia này) được thực hiện sau khi đã hoàn tất xong phần di chúc hoặc nợ, miễn sao không gây thiệt thòi cho những người thừa kế. (Đó là) luật định từ Allah. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Hằng Chịu Đựng.[ii]

۞وَلَكُمۡ نِصۡفُ مَا تَرَكَ أَزۡوَٰجُكُمۡ إِن لَّمۡ يَكُن
لَّهُنَّ وَلَدٞۚ فَإِن كَانَ لَهُنَّ وَلَدٞ فَلَكُمُ ٱلرُّبُعُ مِمَّا تَرَكۡنَۚ
مِنۢ بَعۡدِ وَصِيَّةٖ يُوصِينَ بِهَآ أَوۡ دَيۡنٖۚ وَلَهُنَّ ٱلرُّبُعُ مِمَّا
تَرَكۡتُمۡ إِن لَّمۡ يَكُن لَّكُمۡ وَلَدٞۚ فَإِن كَانَ لَكُمۡ وَلَدٞ
فَلَهُنَّ ٱلثُّمُنُ مِمَّا تَرَكۡتُمۚ مِّنۢ بَعۡدِ وَصِيَّةٖ تُوصُونَ بِهَآ
أَوۡ دَيۡنٖۗ وَإِن كَانَ رَجُلٞ يُورَثُ كَلَٰلَةً أَوِ ٱمۡرَأَةٞ وَلَهُۥٓ
أَخٌ أَوۡ أُخۡتٞ فَلِكُلِّ وَٰحِدٖ مِّنۡهُمَا ٱلسُّدُسُۚ فَإِن كَانُوٓاْ
أَكۡثَرَ مِن ذَٰلِكَ فَهُمۡ شُرَكَآءُ فِي ٱلثُّلُثِۚ مِنۢ بَعۡدِ
وَصِيَّةٖ يُوصَىٰ بِهَآ أَوۡ دَيۡنٍ غَيۡرَ مُضَآرّٖۚ وَصِيَّةٗ مِّنَ
ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَلِيمٞ ﴿١٢﴾

13. Đó là giới luật của Allah. Người nào tuân lệnh Allah và Thiên Sứ (Muhammad) của Ngài thì y sẽ được thu nhận vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ ở trong đó mãi mãi, và đó là một thành tựu vĩ đại.

تِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِۚ وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ يُدۡخِلۡهُ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ
وَذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ﴿١٣﴾

[i] (8) Trường hợp này cha thừa kế hết phần còn lại và các anh em không thừa kế bất cứ gì. Sự có mặt của các anh em chỉ làm giảm phần thừa kế của mẹ từ 1/3 xuống 1/6. Nguyên nhân cho điều này là bởi vì người cha phải có trách nhiệm chu cấp và lo tiền cưới sinh cho các con trai, còn mẹ thì không có trách nhiệm này.; (9) Nếu người chết để lại di chúc, bắt buộc phải hoàn thành những điều trong di chúc (ngoại trừ những điều Haram) trước khi phân chia gia tài cho những người thừa kế. Tuy nhiên, phần trong di chúc không được quá một phần ba (1/3) gia tài để lại, và không được di chúc cho những ai nằm trong các đối tượng thừa kế.

[ii] (10) Trường hợp này chia đều như nhau không phân biệt nam và nữ.

14. Ngược lại, kẻ nào nghịch Allah và Thiên Sứ (Muhammad) của Ngài, vi phạm các giới luật của Ngài thì sẽ bị tống vào Hỏa Ngục, y sẽ ở trong đó mãi mãi và sẽ bị trừng phạt một cách nhục nhã.

وَمَن يَعۡصِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَيَتَعَدَّ حُدُودَهُۥ يُدۡخِلۡهُ
نَارًا خَٰلِدٗا فِيهَا وَلَهُۥ عَذَابٞ مُّهِينٞ ١٤

15. Những ai trong số phụ nữ của các ngươi làm điều ô uế (thông dâm) thì các ngươi hãy đưa ra bốn nhân chứng để buộc tội họ. Nếu (cả bốn nhân chứng) đều đồng xác nhận thì các ngươi hãy giam họ trong nhà cho đến chết(11) hoặc Allah sẽ mở cho họ một lối thoát khác.[I]

وَٱلَّٰتِي يَأۡتِينَ ٱلۡفَٰحِشَةَ مِن نِّسَآئِكُمۡ فَٱسۡتَشۡهِدُواْ
عَلَيۡهِنَّ أَرۡبَعَةٗ مِّنكُمۡۖ فَإِن شَهِدُواْ فَأَمۡسِكُوهُنَّ فِي
ٱلۡبُيُوتِ حَتَّىٰ يَتَوَفَّىٰهُنَّ ٱلۡمَوۡتُ أَوۡ يَجۡعَلَ ٱللَّهُ لَهُنَّ
سَبِيلٗا ١٥

16. Hai người (đàn ông và đàn bà) trong các ngươi phạm tội thông dâm thì các ngươi hãy phạt họ thật nặng(12). Tuy nhiên, khi cả hai biết ăn năn hối cải và chịu sửa mình thì các ngươi hãy bỏ mặc họ. Quả thật Allah hằng chấp nhận sự sám hối, Ngài là Đấng Khoan Dung.[II]

وَٱلَّذَانِ يَأۡتِيَٰنِهَا مِنكُمۡ فَـَٔاذُوهُمَاۖ فَإِن تَابَا
وَأَصۡلَحَا فَأَعۡرِضُواْ عَنۡهُمَآۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ تَوَّابٗا
رَّحِيمًا ١٦

17. Thật ra Allah chỉ chấp nhận sự ăn năn hối cải của những ai làm tội lỗi trong lúc không nhận thức rõ vấn đề, còn khi (họ nhận thức được sự sai trái) thì họ liền ăn năn sám hối. Đó là những người sẽ được Allah tha thứ cho họ, bởi Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

إِنَّمَا ٱلتَّوۡبَةُ عَلَى ٱللَّهِ لِلَّذِينَ يَعۡمَلُونَ ٱلسُّوٓءَ بِجَهَٰلَةٖ
ثُمَّ يَتُوبُونَ مِن قَرِيبٖ فَأُوْلَٰٓئِكَ يَتُوبُ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡۗ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ١٧

18. Ăn năn hối cải sẽ không được chấp nhận đối với những ai cứ ngoan cố làm điều tội lỗi cho tới khi sắp chết thì mới nói: "Bây giờ bề tôi xin ăn năn sám hối"; và (ăn năn hối cải) cũng không được chấp nhận đối với những người chết trong tình trạng vô đức tin. Đó là những kẻ mà TA đã chuẩn bị một hình phạt đau đớn dành cho họ.

وَلَيۡسَتِ ٱلتَّوۡبَةُ لِلَّذِينَ يَعۡمَلُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِ حَتَّىٰٓ إِذَا
حَضَرَ أَحَدَهُمُ ٱلۡمَوۡتُ قَالَ إِنِّي تُبۡتُ ٱلۡـَٰٔنَ وَلَا
ٱلَّذِينَ يَمُوتُونَ وَهُمۡ كُفَّارٌۚ أُوْلَٰٓئِكَ أَعۡتَدۡنَا لَهُمۡ
عَذَابًا أَلِيمٗا ١٨

19. Hỡi những người có đức tin, các ngươi không được thừa hưởng các phụ nữ một cách cưỡng bức(13), các ngươi cũng không được giam họ lại hầu để lấy lại phần tiền cưới mà các ngươi đã trao cho họ trừ phi họ công khai làm điều ô uế, còn không thì các ngươi phải đối xử tử tế với họ. Bởi lẽ nếu các ngươi ghét bỏ họ thì e rằng các ngươi đã ghét bỏ một thứ mà Allah đã ban cho họ bao điều tốt đẹp.[III]

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا يَحِلُّ لَكُمۡ أَن تَرِثُواْ
ٱلنِّسَآءَ كَرۡهٗاۖ وَلَا تَعۡضُلُوهُنَّ لِتَذۡهَبُواْ بِبَعۡضِ مَآ
ءَاتَيۡتُمُوهُنَّ إِلَّآ أَن يَأۡتِينَ بِفَٰحِشَةٖ مُّبَيِّنَةٖۚ
وَعَاشِرُوهُنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ فَإِن كَرِهۡتُمُوهُنَّ فَعَسَىٰٓ أَن
تَكۡرَهُواْ شَيۡـٔٗا وَيَجۡعَلَ ٱللَّهُ فِيهِ خَيۡرٗا كَثِيرٗا ١٩

[I] (11) Giáo luật bị xóa và thay thế bởi giáo luật mới, đó là ném đá đến chết.

[II] (12) Giáo luật này cũng đã bị xóa và thay thế bởi giáo luật ném đá.

[III] (13) Trước đây theo tục lệ tại Yathrib (tức Madinah) mỗi khi người đàn ông chết đi thì vợ của anh ta bị coi là món tài sản từ gia tài để lại của anh ta, cho nên chỉ cần người anh hoặc em trai hoặc cháu trai của anh ta là người trước tiên ném cái áo của mình vào người vợ của anh ta thì xem như y hưởng cô ta mà không cần phải cưới xin gì cả, y toàn quyền quyết định số phận của cô ta và không cho phép người khác cưới cô ta.

20. Khi các ngươi (những người chồng) muốn li hôn vợ (hiện tại) để cưới người vợ khác và các ngươi đã trao tặng mỗi người vợ một đống vàng thì các ngươi không được lấy lại bất cứ thứ gì từ tiền cưới đó. Lẽ nào các ngươi muốn lấy lại nó bằng cách vu khống họ hoặc công khai phạm tội ư?

وَإِنۡ أَرَدتُّمُ ٱسۡتِبۡدَالَ زَوۡجٖ مَّكَانَ زَوۡجٖ وَءَاتَيۡتُمۡ إِحۡدَىٰهُنَّ قِنطَارٗا فَلَا تَأۡخُذُواْ مِنۡهُ شَيۡـًٔاۚ أَتَأۡخُذُونَهُۥ بُهۡتَٰنٗا وَإِثۡمٗا مُّبِينٗا ٢٠

21. Làm sao mà các ngươi có thể lấy lại phần tiền cưới đó trong khi các ngươi đã ăn nằm với họ và họ đã nhận lấy lời giao ước long trọng(14) của các ngươi?![i]

وَكَيۡفَ تَأۡخُذُونَهُۥ وَقَدۡ أَفۡضَىٰ بَعۡضُكُمۡ إِلَىٰ بَعۡضٖ وَأَخَذۡنَ مِنكُم مِّيثَٰقًا غَلِيظٗا ٢١

22. Các ngươi không được kết hôn với những người phụ nữ mà cha của các ngươi đã cưới (trước đây), ngoại trừ sự việc đã xảy ra (trước lệnh cấm này). Quả thật, đó là một con đường ô uế và bẩn thỉu.

وَلَا تَنكِحُواْ مَا نَكَحَ ءَابَآؤُكُم مِّنَ ٱلنِّسَآءِ إِلَّا مَا قَدۡ سَلَفَۚ إِنَّهُۥ كَانَ فَٰحِشَةٗ وَمَقۡتٗا وَسَآءَ سَبِيلًا ٢٢

23. Các ngươi bị cấm (cưới các phụ nữ sau đây): mẹ; con gái; chị (em) gái; cô; dì; cháu gái - con anh (em) trai hoặc chị (em) gái; mẹ nuôi (đã cho bú vú); chị (em) gái nuôi bú cùng một vú; mẹ vợ; con gái riêng của vợ mà các ngươi đã ăn nằm, dù đang sống cùng nhà với các ngươi (hoặc ở riêng bên ngoài), trường hợp các ngươi chưa ăn nằm với người vợ đó thì các ngươi không có tội (nếu li hôn cô ta để cưới con riêng của cô ta); con dâu - vợ của con ruột. (Và các ngươi bị cấm) cưới hai chị em cùng lúc (hoặc hai cô cháu hoặc hai dì cháu ruột), ngoại trừ trường hợp đã lỡ xảy ra trong quá khứ. Quả thật, Allah là Đấng Nhân Từ, Đấng Khoan Dung.

حُرِّمَتۡ عَلَيۡكُمۡ أُمَّهَٰتُكُمۡ وَبَنَاتُكُمۡ وَأَخَوَٰتُكُمۡ وَعَمَّٰتُكُمۡ وَخَٰلَٰتُكُمۡ وَبَنَاتُ ٱلۡأَخِ وَبَنَاتُ ٱلۡأُخۡتِ وَأُمَّهَٰتُكُمُ ٱلَّٰتِيٓ أَرۡضَعۡنَكُمۡ وَأَخَوَٰتُكُم مِّنَ ٱلرَّضَٰعَةِ وَأُمَّهَٰتُ نِسَآئِكُمۡ وَرَبَٰٓئِبُكُمُ ٱلَّٰتِي فِي حُجُورِكُم مِّن نِّسَآئِكُمُ ٱلَّٰتِي دَخَلۡتُم بِهِنَّ فَإِن لَّمۡ تَكُونُواْ دَخَلۡتُم بِهِنَّ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ وَحَلَٰٓئِلُ أَبۡنَآئِكُمُ ٱلَّذِينَ مِنۡ أَصۡلَٰبِكُمۡ وَأَن تَجۡمَعُواْ بَيۡنَ ٱلۡأُخۡتَيۡنِ إِلَّا مَا قَدۡ سَلَفَۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ٢٣

24. Và (cấm các ngươi cưới) các phụ nữ đã có chồng ngoại trừ những nữ tù binh trong tay của các ngươi(15). Đó là lệnh cấm của Allah qui định cho các ngươi. Ngoài những phụ nữ đã liệt kê thì các ngươi được phép cưới bất kỳ phụ nữ nào khác miễn sao các ngươi hài lòng cưới họ bằng tài sản của các ngươi một cách đàng hoàng (hợp thức luật hôn nhân mà Allah qui định) chứ không bằng hình thức ô uế (tình dục ngoài hôn nhân). Một khi các ngươi đã hưởng lạc từ (vợ của các ngươi) thì các ngươi phải trao tặng cho họ phần tiền cưới bắt buộc. Tuy nhiên, các ngươi sẽ không bị tội nếu đôi bên tự nguyện (cho thêm hoặc giảm bớt phần nào) số tiền cưới bắt buộc sau

۞وَٱلۡمُحۡصَنَٰتُ مِنَ ٱلنِّسَآءِ إِلَّا مَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡۖ كِتَٰبَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡۚ وَأُحِلَّ لَكُم مَّا وَرَآءَ ذَٰلِكُمۡ أَن تَبۡتَغُواْ بِأَمۡوَٰلِكُم مُّحۡصِنِينَ غَيۡرَ مُسَٰفِحِينَۚ فَمَا ٱسۡتَمۡتَعۡتُم بِهِۦ مِنۡهُنَّ فَـَٔاتُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ فَرِيضَةٗۚ وَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ فِيمَا تَرَٰضَيۡتُم بِهِۦ مِنۢ بَعۡدِ ٱلۡفَرِيضَةِۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا حَكِيمٗا ٢٤

[i] (14) Lời giao ước long trọng là chung sống tử tế hoặc li hôn đúng mực và hợp lẽ phải (Trích từ Tafsir At-Tabari).

khi đã thống nhất trước đó. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.[1]

25. Ai trong các ngươi (do nghèo) không đủ khả năng cưới các phụ nữ tự do có đức tin thì các ngươi hãy cưới các phụ nữ nô lệ có đức tin nằm trong tay của các ngươi (hoặc trong tay người khác), Allah biết rõ đức tin của các ngươi nhất là khi các ngươi đều là tín đồ (Muslim). Do đó, các ngươi hãy cưới các nữ nô lệ đó dưới sự đồng ý từ chủ nhân của họ và các ngươi hãy trao tặng họ tiền cưới đàng hoàng đúng lễ nghĩa giống như những phụ nữ được cưới hỏi đàng hoàng chứ không như phụ nữ ngoại tình hay tình nhân lén lút. Trường hợp các nữ nô lệ đó làm điều ô nhục sau khi đã kết hôn thì họ chỉ bị trừng phạt bằng một nửa hình phạt của những phụ nữ tự do. (Việc cho phép cưới nữ nô lệ) là giải pháp dành cho những ai trong các ngươi sợ bản thân mình phạm điều tội lỗi (quan hệ tình dục không hợp thức), tuy nhiên, nếu các ngươi biết kiềm chế bản thân mình thì điều đó sẽ tốt hơn cho các ngươi. Quả thật, Allah hằng tha thứ, hằng khoan dung.

وَمَن لَّمۡ يَسۡتَطِعۡ مِنكُمۡ طَوۡلًا أَن يَنكِحَ
ٱلۡمُحۡصَنَٰتِ ٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ فَمِن مَّا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُم
مِّن فَتَيَٰتِكُمُ ٱلۡمُؤۡمِنَٰتِۚ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِإِيمَٰنِكُمۚ
بَعۡضُكُم مِّنۢ بَعۡضٖۚ فَٱنكِحُوهُنَّ بِإِذۡنِ أَهۡلِهِنَّ
وَءَاتُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِ مُحۡصَنَٰتٍ غَيۡرَ
مُسَٰفِحَٰتٖ وَلَا مُتَّخِذَٰتِ أَخۡدَانٖۚ فَإِذَآ أُحۡصِنَّ فَإِنۡ
أَتَيۡنَ بِفَٰحِشَةٖ فَعَلَيۡهِنَّ نِصۡفُ مَا عَلَى ٱلۡمُحۡصَنَٰتِ
مِنَ ٱلۡعَذَابِۚ ذَٰلِكَ لِمَنۡ خَشِيَ ٱلۡعَنَتَ مِنكُمۡۚ وَأَن
تَصۡبِرُواْ خَيۡرٞ لَّكُمۡۗ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿٢٥﴾

26. Allah muốn trình bày rõ ràng cho các ngươi hiểu (các giáo luật của Ngài) và Ngài muốn hướng dẫn các ngươi đến với các chỉ đạo (của các vị Nabi) thời trước các ngươi và Ngài muốn tha thứ cho các ngươi. Quả thật, Allah hằng biết, hằng sáng suốt.

يُرِيدُ ٱللَّهُ لِيُبَيِّنَ لَكُمۡ وَيَهۡدِيَكُمۡ سُنَنَ ٱلَّذِينَ مِن
قَبۡلِكُمۡ وَيَتُوبَ عَلَيۡكُمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ﴿٢٦﴾

27. Allah thực sự muốn tha thứ cho các ngươi nhưng những kẻ theo đuổi dục vọng thì muốn kéo các ngươi sa ngã quá mức.

وَٱللَّهُ يُرِيدُ أَن يَتُوبَ عَلَيۡكُمۡ وَيُرِيدُ ٱلَّذِينَ
يَتَّبِعُونَ ٱلشَّهَوَٰتِ أَن تَمِيلُواْ مَيۡلًا عَظِيمٗا ﴿٢٧﴾

28. Allah thực sự muốn giảm nhẹ (tội lỗi) khỏi các ngươi bởi (Ngài biết rõ) con người vốn được tạo ra yếu đuối (dễ sa ngã).

يُرِيدُ ٱللَّهُ أَن يُخَفِّفَ عَنكُمۡۚ وَخُلِقَ ٱلۡإِنسَٰنُ
ضَعِيفٗا ﴿٢٨﴾

29. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng ăn tài sản lẫn nhau một cách bất chính trừ phi đó là cuộc mua bán có sự đồng ý giữa đôi bên. Và các ngươi chớ đừng tự giết hại bản thân các ngươi bởi quả thật Allah luôn nhân từ với các ngươi.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَأۡكُلُوٓاْ أَمۡوَٰلَكُم بَيۡنَكُم
بِٱلۡبَٰطِلِ إِلَّآ أَن تَكُونَ تِجَٰرَةً عَن تَرَاضٖ مِّنكُمۡۚ
وَلَا تَقۡتُلُوٓاْ أَنفُسَكُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِكُمۡ
رَحِيمٗا ﴿٢٩﴾

30. Người nào làm thế (ăn chặn tài sản của người khác một cách bất chính) do thù hằn và bất công thì sẽ sớm bị

وَمَن يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ عُدۡوَٰنٗا وَظُلۡمٗا فَسَوۡفَ نُصۡلِيهِ
نَارٗاۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرًا ﴿٣٠﴾

[1] (15) Được phép cưới các nữ tù binh bị bắt trong chiến tranh dù cho đã có chồng nhưng phải xác định rõ là họ đã có kinh nguyệt, tránh việc không rõ con của ai sau này.

TA tống cổ vào Ngục Lửa, và điều đó đối với Allah rất dễ dàng.

31. Nếu các ngươi tránh được những đại tội đã nghiêm cấm thì TA sẽ xí xóa cho các ngươi những tội lỗi khác và sẽ thu nhận các ngươi vào một nơi cư ngụ vô cùng vinh dự (Thiên Đàng).

إِن تَجۡتَنِبُواْ كَبَآئِرَ مَا تُنۡهَوۡنَ عَنۡهُ نُكَفِّرۡ عَنكُمۡ
سَيِّـَٔاتِكُمۡ وَنُدۡخِلۡكُم مُّدۡخَلٗا كَرِيمٗا ٣١

32. Các ngươi chớ đừng thèm khát những thứ mà Allah dùng để ưu đãi người này hơn người kia. Những người đàn ông sẽ hưởng phần mà họ đã tích lũy được và những người phụ nữ cũng sẽ hưởng phần mà họ đã tích lũy được, và các ngươi hãy cầu xin Allah thiên lộc của Ngài, quả thật, Allah hằng biết tất cả mọi thứ.

وَلَا تَتَمَنَّوۡاْ مَا فَضَّلَ ٱللَّهُ بِهِۦ بَعۡضَكُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖۚ
لِّلرِّجَالِ نَصِيبٞ مِّمَّا ٱكۡتَسَبُواْۖ وَلِلنِّسَآءِ نَصِيبٞ
مِّمَّا ٱكۡتَسَبۡنَۚ وَسۡـَٔلُواْ ٱللَّهَ مِن فَضۡلِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ
كَانَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٗا ٣٢

33. Mỗi người đều được TA quy định cho phần thừa kế mà cha mẹ và họ hàng (chết) để lại; và những ai mà các ngươi đã thề thốt với nhau thì các ngươi hãy đưa cho họ phần thừa kế(16). Quả thật, Allah chứng giám cho tất cả mọi sự việc.[1]

وَلِكُلّٖ جَعَلۡنَا مَوَٰلِيَ مِمَّا تَرَكَ ٱلۡوَٰلِدَانِ وَٱلۡأَقۡرَبُونَۚ
وَٱلَّذِينَ عَقَدَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡ فَـَٔاتُوهُمۡ نَصِيبَهُمۡۚ إِنَّ
ٱللَّهَ كَانَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدًا ٣٣

34. Đàn ông là trụ cột (của gia đình) hơn phụ nữ (một bậc) bởi những gì Allah đã ban cho người này vượt trội hơn người kia (về sức lực) và bởi đàn ông phải chịu trách nhiệm chu cấp (cho gia đình) từ nguồn tài sản của họ. Cho nên, người phụ nữ đức hạnh là người biết vâng lời chồng và trông coi (tài sản của chồng) khi chồng vắng mặt dưới sự phù hộ và giúp đỡ của Allah. Còn các phụ nữ mà các ngươi lo sợ cho sự bướng bỉnh của họ (có thể dẫn đến hành vi sai trái) thì trước hết các ngươi hãy khuyên bảo họ, (nếu họ không thay đổi) thì các người hãy từ chối ăn nằm với họ, còn (nếu như sau đó họ vẫn ngoan cố) các ngươi hãy đánh đòn họ (nhưng không đánh vào vùng mặt hoặc gây thương tích); nhưng nếu họ đã chịu nghe lời các ngươi thì các ngươi chớ gây chuyện với họ. Quả thật, Allah là Đấng Tối Thượng, Đấng Vĩ Đại.

ٱلرِّجَالُ قَوَّٰمُونَ عَلَى ٱلنِّسَآءِ بِمَا فَضَّلَ ٱللَّهُ بَعۡضَهُمۡ
عَلَىٰ بَعۡضٖ وَبِمَآ أَنفَقُواْ مِنۡ أَمۡوَٰلِهِمۡۚ فَٱلصَّٰلِحَٰتُ
قَٰنِتَٰتٌ حَٰفِظَٰتٞ لِّلۡغَيۡبِ بِمَا حَفِظَ ٱللَّهُۚ وَٱلَّٰتِي
تَخَافُونَ نُشُوزَهُنَّ فَعِظُوهُنَّ وَٱهۡجُرُوهُنَّ فِي
ٱلۡمَضَاجِعِ وَٱضۡرِبُوهُنَّۖ فَإِنۡ أَطَعۡنَكُمۡ فَلَا تَبۡغُواْ
عَلَيۡهِنَّ سَبِيلًاۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيّٗا كَبِيرٗا ٣٤

35. Nếu các ngươi (những người thân của hai vợ chồng) lo sợ hai (vợ chồng) chia tay thì các ngươi hãy cử một đại diện của bên chồng và một đại diện của bên vợ đến hòa giải. Nếu cả hai (vợ chồng) thật lòng muốn hòa thuận với nhau thì Allah sẽ phù hộ cho họ hòa thuận với nhau trở lại. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Thông Toàn.

وَإِنۡ خِفۡتُمۡ شِقَاقَ بَيۡنِهِمَا فَٱبۡعَثُواْ حَكَمٗا مِّنۡ أَهۡلِهِۦ
وَحَكَمٗا مِّنۡ أَهۡلِهَآ إِن يُرِيدَآ إِصۡلَٰحٗا يُوَفِّقِ ٱللَّهُ
بَيۡنَهُمَآۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا خَبِيرٗا ٣٥

[1] (16) Thời đầu Islam, chỉ cần hai người không quan hệ thân thích thề thốt với nhau rằng cả hai sẽ thừa kế gia tài của nhau sau khi chết được xem có hiệu lực và phải được thực thi, nhưng giáo luật này đã bị xóa sau đó.

36. Các ngươi hãy thờ phượng Allah và chớ Shirk với Ngài bất cứ thứ gì; các ngươi hãy ăn ở tử tế với cha mẹ, với bà con ruột thịt, với trẻ mồ côi, với người thiếu thốn, với xóm giềng gần xa, với bạn bè, với người lỡ đường và với những nô lệ trong tay các ngươi. Quả thật, Allah không yêu thương những kẻ kiêu căng, tự phụ.

۞وَٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ وَلَا تُشۡرِكُواْ بِهِۦ شَيۡـٔٗاۖ وَبِٱلۡوَٰلِدَيۡنِ
إِحۡسَٰنٗا وَبِذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱلۡجَارِ
ذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡجَارِ ٱلۡجُنُبِ وَٱلصَّاحِبِ بِٱلۡجَنۢبِ
وَٱبۡنِ ٱلسَّبِيلِ وَمَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا
يُحِبُّ مَن كَانَ مُخۡتَالٗا فَخُورًا ٣٦

37. Những kẻ keo kiệt và xúi giục thiên hạ keo kiệt (giống như mình) và luôn che giấu những thiên lộc được Allah ban cho họ (thì hãy biết rằng) TA đã chuẩn bị cho những kẻ vô đức tin một sự trừng phạt nhục nhã.

ٱلَّذِينَ يَبۡخَلُونَ وَيَأۡمُرُونَ ٱلنَّاسَ بِٱلۡبُخۡلِ
وَيَكۡتُمُونَ مَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۗ وَأَعۡتَدۡنَا
لِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابٗا مُّهِينٗا ٣٧

38. (Và sự trừng phạt còn dành cho) những ai chi dùng tài sản của mình (cho con đường chính nghĩa của Allah) chỉ muốn phô trương cho thiên hạ thấy chứ không thực sự có đức tin nơi Allah và Đời Sau. Và người nào chọn lấy Shaytan làm bạn thì (hãy biết rằng) hắn là một người bạn xấu nhất.

وَٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُمۡ رِئَآءَ ٱلنَّاسِ وَلَا يُؤۡمِنُونَ
بِٱللَّهِ وَلَا بِٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۗ وَمَن يَكُنِ ٱلشَّيۡطَٰنُ لَهُۥ
قَرِينٗا فَسَآءَ قَرِينٗا ٣٨

39. Họ nào có thiệt thòi gì đâu nếu họ thực sự có đức tin nơi Allah và Đời Sau cũng như chi dùng những bổng lộc mà Allah đã ban cho họ (vào con đường chính nghĩa của Allah)?! Quả thật, Allah hằng biết về họ.

وَمَاذَا عَلَيۡهِمۡ لَوۡ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَأَنفَقُواْ
مِمَّا رَزَقَهُمُ ٱللَّهُۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِهِمۡ عَلِيمًا ٣٩

40. Chắc chắn Allah không hề bất công (cho ai về bất cứ điều gì) dù (điều đó) chỉ nhỏ bằng hạt nguyên tử đi chăng nữa. Nếu có được một điều tốt nào, Ngài sẽ nhân nó lên gấp bội và Ngài sẽ ban thêm một phần thưởng vĩ đại khác.

إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَظۡلِمُ مِثۡقَالَ ذَرَّةٖۖ وَإِن تَكُ حَسَنَةٗ
يُضَٰعِفۡهَا وَيُؤۡتِ مِن لَّدُنۡهُ أَجۡرًا عَظِيمٗا ٤٠

41. Thế (vào Ngày Tận Thế) sẽ như thế nào khi TA mang ra cho mỗi cộng đồng một nhân chứng và TA mang Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) ra làm nhân chứng cho đám người này (những kẻ vô đức tin)?!

فَكَيۡفَ إِذَا جِئۡنَا مِن كُلِّ أُمَّةِۭ بِشَهِيدٖ وَجِئۡنَا بِكَ
عَلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِ شَهِيدٗا ٤١

42. Vào Ngày (Phán Xét), những kẻ vô đức tin và nghịch lại Thiên Sứ (Muhammad) sẽ ước ao được biến thành (cát bụi) hòa lẫn vào đất; và không một lời nói (cũng như hành vi) nào của họ có thể giấu giếm được Allah.

يَوۡمَئِذٖ يَوَدُّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَعَصَوُاْ ٱلرَّسُولَ لَوۡ
تُسَوَّىٰ بِهِمُ ٱلۡأَرۡضُ وَلَا يَكۡتُمُونَ ٱللَّهَ حَدِيثٗا ٤٢

43. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đến gần lễ nguyện Salah trong lúc các ngươi đang say rượu cho đến khi các ngươi biết rõ điều các ngươi nói ra (tỉnh táo trở lại); các ngươi cũng chớ (dâng lễ nguyện Salah và ở trong Masjid) lúc còn trong tình trạng Junub(17) ngoại trừ việc chỉ đi ngang qua (Masjid mà thôi) cho đến khi các ngươi đã tắm rửa. Trường hợp các ngươi bị bệnh hoặc đang

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَقۡرَبُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَأَنتُمۡ
سُكَٰرَىٰ حَتَّىٰ تَعۡلَمُواْ مَا تَقُولُونَ وَلَا جُنُبًا إِلَّا
عَابِرِي سَبِيلٍ حَتَّىٰ تَغۡتَسِلُواْۚ وَإِن كُنتُم مَّرۡضَىٰٓ أَوۡ
عَلَىٰ سَفَرٍ أَوۡ جَآءَ أَحَدٞ مِّنكُم مِّنَ ٱلۡغَآئِطِ أَوۡ

trên đường đi xa hoặc ai đó trong các ngươi từ nhà vệ sinh trở ra hoặc đã ăn nằm với vợ nhưng không tìm thấy nước (để tắm) thì hãy Tayammum(18) trên đất bụi sạch bằng cách lau mặt và hai tay của các ngươi. Quả thật, Allah hằng khoan dung, hằng tha thứ.[I]

لَـٰمَسۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَلَمۡ تَجِدُواْ مَآءً فَتَيَمَّمُواْ صَعِيدًا
طَيِّبًا فَٱمۡسَحُواْ بِوُجُوهِكُمۡ وَأَيۡدِيكُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ
عَفُوًّا غَفُورًا ﴿٤٣﴾

44. Lẽ nào Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) không biết về những kẻ được ban cho (một ít) kiến thức về Kinh Sách (người Do Thái) đã (lấy nguồn chỉ đạo) mua sự lầm lạc và muốn lôi kéo các ngươi (những người có đức tin) lệch khỏi con đường (chân lý) ư?!

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ أُوتُواْ نَصِيبٗا مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ يَشۡتَرُونَ
ٱلضَّلَٰلَةَ وَيُرِيدُونَ أَن تَضِلُّواْ ٱلسَّبِيلَ ﴿٤٤﴾

45. Allah biết rõ kẻ thù của các ngươi hơn cả các ngươi (hỡi những người có đức tin). Chỉ một mình Allah thôi đã đủ sức bảo hộ và chỉ một mình Allah thôi đã đủ sức giúp (các ngươi giành chiến thắng trước kẻ thù).

وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِأَعۡدَآئِكُمۡۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَلِيّٗا وَكَفَىٰ
بِٱللَّهِ نَصِيرٗا ﴿٤٥﴾

46. Trong cộng đồng Do Thái, có những người đã cố ý bóp méo lời phán (của Allah) lệch khỏi (ý nghĩa mà Ngài đã mặc khải). Họ nói: “Chúng tôi đã nghe nhưng không tuân theo; hãy nghe nhưng hãy nghe khác đi”; và họ nói: “Raa’ina”(19) với chiếc lưỡi của họ nhằm chế nhạo tôn giáo (Islam). Phải chi họ: “Chúng tôi đã nghe và vâng lệnh” (hoặc phải chi họ nói): “Xin hãy lắng nghe (chúng tôi)” thì điều đó tốt hơn cho họ và đúng đắn hơn. Tuy nhiên, bởi sự vô đức tin của họ, Allah đã nguyền rủa(20) họ nên họ đã không có đức tin ngoại trừ một số ít.[II]

مِّنَ ٱلَّذِينَ هَادُواْ يُحَرِّفُونَ ٱلۡكَلِمَ عَن مَّوَاضِعِهِۦ
وَيَقُولُونَ سَمِعۡنَا وَعَصَيۡنَا وَٱسۡمَعۡ غَيۡرَ مُسۡمَعٖ
وَرَٰعِنَا لَيَّۢا بِأَلۡسِنَتِهِمۡ وَطَعۡنٗا فِي ٱلدِّينِۚ وَلَوۡ أَنَّهُمۡ
قَالُواْ سَمِعۡنَا وَأَطَعۡنَا وَٱسۡمَعۡ وَٱنظُرۡنَا لَكَانَ خَيۡرٗا
لَّهُمۡ وَأَقۡوَمَ وَلَٰكِن لَّعَنَهُمُ ٱللَّهُ بِكُفۡرِهِمۡ فَلَا
يُؤۡمِنُونَ إِلَّا قَلِيلٗا ﴿٤٦﴾

47. Hỡi những kẻ được ban cho Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa), các ngươi hãy tin tưởng vào điều mà TA đã mặc khải (cho Thiên Sứ Muhammad) nhằm xác nhận lại những gì đã được mặc khải ở nơi các ngươi (Kinh Cựu Ước và Tân Ước) trước khi TA đổi gương mặt của các ngươi và xoay chúng ra phía sau lưng của các ngươi hoặc TA sẽ nguyền rủa họ giống như TA đã nguyền rủa đám người của ngày thứ bảy. Quả thật, mệnh lệnh của Allah chắc chắn phải được thi hành.

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ ءَامِنُواْ بِمَا نَزَّلۡنَا
مُصَدِّقٗا لِّمَا مَعَكُم مِّن قَبۡلِ أَن نَّطۡمِسَ وُجُوهٗا
فَنَرُدَّهَا عَلَىٰٓ أَدۡبَارِهَآ أَوۡ نَلۡعَنَهُمۡ كَمَا لَعَنَّآ أَصۡحَٰبَ
ٱلسَّبۡتِۚ وَكَانَ أَمۡرُ ٱللَّهِ مَفۡعُولًا ﴿٤٧﴾

[I] (17) Junub hoặc Janabah là tình trạng chưa tẩy rửa sau khi đã quan hệ tình dục, xuất tinh và dứt kỳ kinh nguyệt. Người trong tình trạng Junub cần phải tắm theo nghi thức giáo luật thì mới được xem là sạch sẽ trở lại, lúc đó y mới được phép dâng lễ nguyện Salah, đọc Qur’an, vào Masjid, ...; (18) Tayammum là hình thức thay thế cho Wudu’ và tắm Junub trong trường hợp không có nước hoặc không thể dùng nước. Nghi thức Tayammum là dùng hai bàn tay vỗ một lần xuống mặt đất khô và sạch rồi lau toàn bộ gương mặt, sau đó bàn tay trái lau lên mu bàn tay phải và ngược lại.

[II] (19) Ý nghĩa của từ ngữ này đã được giải thích ở phần chú thích của câu 104 chương 2 – Al-Baqarah.; (20) Nguyền rủa là trục xuất khỏi lòng thương xót, khoan dung của Allah.

48. Chắc chắn Allah không tha thứ cho kẻ phạm tội Shirk với Ngài nhưng Ngài sẽ tha thứ các tội lỗi khác ngoài tội đó cho bất cứ ai Ngài muốn. Người nào phạm tội Shirk với Allah thì quả thật y đã phạm phải một đại trọng tội.

إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَغۡفِرُ أَن يُشۡرَكَ بِهِۦ وَيَغۡفِرُ مَا دُونَ
ذَٰلِكَ لِمَن يَشَآءُۚ وَمَن يُشۡرِكۡ بِٱللَّهِ فَقَدِ ٱفۡتَرَىٰٓ إِثۡمًا
عَظِيمًا ٤٨

49. Lẽ nào Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) lại không nhìn thấy những kẻ đã tự cho mình trong sạch (khỏi tội lỗi) ư? Không, chỉ Allah mới (có quyền) thanh lọc (tội lỗi) cho ai Ngài muốn (bởi Ngài biết rõ tấm lòng của y) và họ sẽ không bị đối xử bất công một chút nào.

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ يُزَكُّونَ أَنفُسَهُمۚ بَلِ ٱللَّهُ يُزَكِّي مَن
يَشَآءُ وَلَا يُظۡلَمُونَ فَتِيلًا ٤٩

50. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nhìn xem những kẻ đã nói khống về Allah như thế nào! Quả thật, chỉ cần mỗi việc đó thôi đã đủ là một tội công khai rồi.

ٱنظُرۡ كَيۡفَ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَۖ وَكَفَىٰ بِهِۦٓ
إِثۡمًا مُّبِينًا ٥٠

51. Lẽ nào Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) không nhìn thấy những kẻ được ban cho chút ít kiến thức từ Kinh Sách (Do Thái)? Họ đã tin vào các bục tượng và Taghut(21) và họ bảo những người vô đức tin: “Những người (tin vào các thần linh bục tượng) này còn được hướng dẫn đúng đường hơn cả những người (Muslim) có đức tin.”[1]

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ أُوتُواْ نَصِيبًا مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ يُؤۡمِنُونَ
بِٱلۡجِبۡتِ وَٱلطَّٰغُوتِ وَيَقُولُونَ لِلَّذِينَ كَفَرُواْ
هَٰٓؤُلَآءِ أَهۡدَىٰ مِنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ سَبِيلًا ٥١

52. Đó là những kẻ đã bị Allah nguyền rủa và ai bị Allah nguyền rủa thì sẽ không bao giờ tìm được người giúp đỡ.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَعَنَهُمُ ٱللَّهُۖ وَمَن يَلۡعَنِ ٱللَّهُ فَلَن تَجِدَ
لَهُۥ نَصِيرًا ٥٢

53. Lẽ nào họ có được một phần của vương quyền? Nếu thật sự là vậy thì chắc chắn họ sẽ không chia nó cho thiên hạ dù chỉ là một ít.

أَمۡ لَهُمۡ نَصِيبٞ مِّنَ ٱلۡمُلۡكِ فَإِذٗا لَّا يُؤۡتُونَ ٱلنَّاسَ
نَقِيرًا ٥٣

54. Hoặc lẽ nào họ đem lòng ganh tị với thiên hạ (Thiên Sứ Muhammad và các vị bạn đạo của Y) về ân huệ mà Allah ban cho họ trong khi trước đây TA đã ban cho hậu duệ của Ibrahim Kinh Sách và sự khôn ngoan và TA đã ban cho họ vương quyền vĩ đại?!

أَمۡ يَحۡسُدُونَ ٱلنَّاسَ عَلَىٰ مَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۖ
فَقَدۡ ءَاتَيۡنَآ ءَالَ إِبۡرَٰهِيمَ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ
وَءَاتَيۡنَٰهُم مُّلۡكًا عَظِيمٗا ٥٤

55. Tuy nhiên, trong số họ có người đã tin tưởng nơi Y (Thiên Sứ Muhammad) và có người thì quay lưng với Y. Và chắc chắn Hỏa Ngục đủ để trừng phạt (những kẻ vô đức tin).

فَمِنۡهُم مَّنۡ ءَامَنَ بِهِۦ وَمِنۡهُم مَّن صَدَّ عَنۡهُۚ وَكَفَىٰ
بِجَهَنَّمَ سَعِيرًا ٥٥

[1] (21) Taghut là những ai ra lệnh mọi người làm khác đi giáo luật của Allah và thờ phượng ngoài Allah.

56. Những kẻ đã phủ nhận những lời mặc khải của TA chắc chắn sẽ sớm bị TA thiêu đốt trong Ngục Lửa (vào Ngày Phán Xét). Cứ mỗi lần lớp da của họ bị thiêu cháy thì TA sẽ thay cho họ một lớp da mới để họ tiếp tục nếm lấy sự trừng phạt. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِنَا سَوۡفَ نُصۡلِيهِمۡ نَارٗا كُلَّمَا
نَضِجَتۡ جُلُودُهُم بَدَّلۡنَٰهُمۡ جُلُودًا غَيۡرَهَا لِيَذُوقُواْ
ٱلۡعَذَابَۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَزِيزًا حَكِيمٗا ٥٦

57. Ngược lại, những ai có đức tin và hành thiện, TA sẽ thu nhận họ vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ sống trong đó mãi mãi. Trong đó, họ sẽ có những người vợ luôn thanh khiết (không kinh nguyệt và mãi trinh tiết). Và TA sẽ cho họ vào ở bên dưới bóng cây mát rượi.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَنُدۡخِلُهُمۡ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ
لَّهُمۡ فِيهَآ أَزۡوَٰجٞ مُّطَهَّرَةٞۖ وَنُدۡخِلُهُمۡ ظِلّٗا ظَلِيلًا ٥٧

58. Quả thật, Allah đã ra lệnh cho các ngươi phải giao trả đầy đủ tín vật về lại cho chủ, và khi các ngươi phân xử (các vụ việc) giữa thiên hạ thì các ngươi phải phân xử công bằng. Allah thực sự đã rất nhân từ khi Ngài răn dạy các ngươi điều này. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

۞إِنَّ ٱللَّهَ يَأۡمُرُكُمۡ أَن تُؤَدُّواْ ٱلۡأَمَٰنَٰتِ إِلَىٰٓ أَهۡلِهَا
وَإِذَا حَكَمۡتُم بَيۡنَ ٱلنَّاسِ أَن تَحۡكُمُواْ بِٱلۡعَدۡلِۚ إِنَّ
ٱللَّهَ نِعِمَّا يَعِظُكُم بِهِۦٓۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ سَمِيعَۢا
بَصِيرٗا ٥٨

59. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy tuân lệnh Allah, hãy vâng lời Thiên Sứ (Muhammad) và cấp lãnh đạo của các ngươi. Trường hợp các ngươi bất đồng ý kiến nhau về một điều gì đó thì các ngươi hãy đưa điều đó trở về với Allah (Qur’an) và với Thiên Sứ (Muhammad) (tức Sunnah) nếu các ngươi thật sự có đức tin nơi Allah và Ngày Phán Xét Cuối Cùng. Đó là cách giải trình tốt nhất và đúng nhất.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَ
وَأُوْلِي ٱلۡأَمۡرِ مِنكُمۡۖ فَإِن تَنَٰزَعۡتُمۡ فِي شَيۡءٖ فَرُدُّوهُ
إِلَى ٱللَّهِ وَٱلرَّسُولِ إِن كُنتُمۡ تُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ
ٱلۡأٓخِرِۚ ذَٰلِكَ خَيۡرٞ وَأَحۡسَنُ تَأۡوِيلًا ٥٩

60. Phải chăng Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) không nhìn thấy những kẻ khẳng định họ đã có đức tin vào điều đã được mặc khải cho Ngươi và điều đã được mặc khải vào thời trước Ngươi ư? Họ muốn tìm đến Taghut (tà thần) để nhờ nó xét xử cho bọn họ trong khi họ được lệnh phải loại bỏ (tà thần). Và Shaytan luôn muốn dắt họ đi lạc thật xa.

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ يَزۡعُمُونَ أَنَّهُمۡ ءَامَنُواْ بِمَآ أُنزِلَ
إِلَيۡكَ وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبۡلِكَ يُرِيدُونَ أَن يَتَحَاكَمُوٓاْ
إِلَى ٱلطَّٰغُوتِ وَقَدۡ أُمِرُوٓاْ أَن يَكۡفُرُواْ بِهِۦۖ وَيُرِيدُ
ٱلشَّيۡطَٰنُ أَن يُضِلَّهُمۡ ضَلَٰلَۢا بَعِيدٗا ٦٠

61. Và khi có lời bảo họ: “Các người hãy đến với điều mà Allah đã mặc khải và các người hãy đến với Thiên Sứ (Muhammad để Người phân xử cho các người)”, Ngươi sẽ thấy những tên giả tạo đức tin sẽ quay lưng tránh xa Ngươi.

وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ تَعَالَوۡاْ إِلَىٰ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ وَإِلَى ٱلرَّسُولِ
رَأَيۡتَ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ يَصُدُّونَ عَنكَ صُدُودٗا ٦١

62. Là như thế nào (những kẻ giả tạo đức tin) khi gặp phải hậu quả do những gì mà đôi tay của họ đã làm rồi lại đến gặp Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thề thốt nhân danh Allah nói: “Chắc chắn chúng tôi chỉ muốn điều lành và hòa thuận mà thôi.”?!

فَكَيۡفَ إِذَآ أَصَٰبَتۡهُم مُّصِيبَةُۢ بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡ ثُمَّ
جَآءُوكَ يَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ إِنۡ أَرَدۡنَآ إِلَّآ إِحۡسَٰنٗا
وَتَوۡفِيقًا ٦٢

63. Đó là những kẻ mà Allah biết rõ điều (xấu) trong thâm tâm họ. Thế nên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy tránh xa họ, hãy cảnh báo họ và hãy nói với họ bằng lời lẽ sâu sắc và thấm thía vào bản thân họ.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ يَعۡلَمُ ٱللَّهُ مَا فِي قُلُوبِهِمۡ فَأَعۡرِضۡ
عَنۡهُمۡ وَعِظۡهُمۡ وَقُل لَّهُمۡ فِيٓ أَنفُسِهِمۡ قَوۡلَۢا بَلِيغٗا ٦٣

64. TA đã không gởi bất cứ vị Thiên Sứ nào đến (cho thiên hạ) ngoài mục đích để được phục tùng và vâng lời dưới sự ưng thuận của Allah. Tuy nhiên, nếu họ bất công với bản thân mình (bởi hành động tội lỗi) rồi họ tìm đến Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) nhờ Ngươi cầu xin Allah tha thứ và Thiên Sứ (Muhammad) cầu xin tha thứ cho họ thì họ sẽ thấy Allah hằng tha thứ, hằng khoan dung.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن رَّسُولٍ إِلَّا لِيُطَاعَ بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَلَوۡ
أَنَّهُمۡ إِذ ظَّلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ جَآءُوكَ فَٱسۡتَغۡفَرُواْ ٱللَّهَ
وَٱسۡتَغۡفَرَ لَهُمُ ٱلرَّسُولُ لَوَجَدُواْ ٱللَّهَ تَوَّابٗا رَّحِيمٗا ٦٤

65. TA xin thề với Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad), họ sẽ không có đức tin thực sự cho đến khi nào họ tự đến yêu cầu Ngươi phân xử việc tranh chấp giữa họ rồi không cảm thấy trong lòng uất ức về quyết định của Ngươi và họ hoàn toàn chịu qui phục.

فَلَا وَرَبِّكَ لَا يُؤۡمِنُونَ حَتَّىٰ يُحَكِّمُوكَ فِيمَا شَجَرَ
بَيۡنَهُمۡ ثُمَّ لَا يَجِدُواْ فِيٓ أَنفُسِهِمۡ حَرَجٗا مِّمَّا قَضَيۡتَ
وَيُسَلِّمُواْ تَسۡلِيمٗا ٦٥

66. Nếu TA ra lệnh cho họ: “Các ngươi hãy tự kết liễu hoặc hãy rời khỏi nhà cửa của các ngươi ra đi (chinh chiến)” thì họ không chịu thi hành ngoại trừ một số ít trong bọn họ; và giá như họ chịu thi hành theo lệnh phán thì điều đó đã tốt cho họ và giúp họ được kiên định hơn.

وَلَوۡ أَنَّا كَتَبۡنَا عَلَيۡهِمۡ أَنِ ٱقۡتُلُوٓاْ أَنفُسَكُمۡ أَوِ
ٱخۡرُجُواْ مِن دِيَٰرِكُم مَّا فَعَلُوهُ إِلَّا قَلِيلٞ مِّنۡهُمۡۖ وَلَوۡ
أَنَّهُمۡ فَعَلُواْ مَا يُوعَظُونَ بِهِۦ لَكَانَ خَيۡرٗا لَّهُمۡ وَأَشَدَّ
تَثۡبِيتٗا ٦٦

67. Và lúc đó chắc chắn TA đã ban cho họ một phần thưởng vĩ đại từ nơi TA.

وَإِذٗا لَّأٓتَيۡنَٰهُم مِّن لَّدُنَّآ أَجۡرًا عَظِيمٗا ٦٧

68. Và TA cũng đã hướng dẫn họ đi đúng con đường chính đạo.

وَلَهَدَيۡنَٰهُمۡ صِرَٰطٗا مُّسۡتَقِيمٗا ٦٨

69. Ai tuân lệnh Allah và Thiên Sứ (Muhammad) thì họ là những người sẽ được ở cùng với những người đã được Allah ban cho ân huệ thuộc hàng ngũ các vị Nabi, các vị Siddiq (chính trực), những người Shahid(22) và những người ngoan đạo. Thật tốt đẹp thay cho sự đồng hành với những người đó![1]

وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَ فَأُوْلَٰٓئِكَ مَعَ ٱلَّذِينَ أَنۡعَمَ
ٱللَّهُ عَلَيۡهِم مِّنَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ وَٱلصِّدِّيقِينَ وَٱلشُّهَدَآءِ
وَٱلصَّٰلِحِينَۚ وَحَسُنَ أُوْلَٰٓئِكَ رَفِيقٗا ٦٩

70. Đó là thiên ân của Allah và chỉ cần Allah là đã đủ am tường (tất cả mọi việc).

ذَٰلِكَ ٱلۡفَضۡلُ مِنَ ٱللَّهِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ عَلِيمٗا ٧٠

71. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy luôn đề cao cảnh giác (trước kẻ thù của các ngươi), các ngươi hãy xông ra trận từng nhóm hoặc toàn quân.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ خُذُواْ حِذۡرَكُمۡ فَٱنفِرُواْ ثُبَاتٍ
أَوِ ٱنفِرُواْ جَمِيعٗا ٧١

[1] (22) Shahid là những người đã anh dũng hy sinh trên con đường chiến đấu vì chính nghĩa của Allah.

72. Quả thật, trong các ngươi, có kẻ (giả tạo đức tin) đã chậm trễ ở phía sau (khi xuất chinh). Cho nên, nếu như các ngươi gặp phải tai họa (bại trận) thì hắn bảo: “Allah thực sự đã ban phúc cho tôi khi tôi đã không hiện diện cùng với họ.”

وَإِنَّ مِنكُمۡ لَمَن لَّيُبَطِّئَنَّ فَإِنۡ أَصَٰبَتۡكُم مُّصِيبَةٞ
قَالَ قَدۡ أَنۡعَمَ ٱللَّهُ عَلَيَّ إِذۡ لَمۡ أَكُن مَّعَهُمۡ
شَهِيدٗا ٧٢

73. Ngược lại, khi các ngươi được Allah ban cho ân huệ (chiến thắng và giành được chiến lợi phẩm) thì chắc chắn hắn (tỏ thái độ tiếc nuối) như thể giữa các ngươi và hắn chẳng có tình cảm kết giao nào cả, nói: “Ôi giá như tôi đã xuất binh cùng họ thì giờ đây tôi đã được thắng lợi vinh quang rồi.”

وَلَئِنۡ أَصَٰبَكُمۡ فَضۡلٞ مِّنَ ٱللَّهِ لَيَقُولَنَّ كَأَن لَّمۡ
تَكُنۢ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُۥ مَوَدَّةٞ يَٰلَيۡتَنِي كُنتُ مَعَهُمۡ
فَأَفُوزَ فَوۡزًا عَظِيمٗا ٧٣

74. Thế nên, những ai dùng cuộc sống trần gian này để mua lấy cuộc sống Đời Sau hãy anh dũng chiến đấu vì con đường chính nghĩa của Allah. Người nào anh dũng chiến đấu vì con đường chính nghĩa của Allah, dù bị giết hay giành chiến thắng, TA đều sẽ ban cho y phần thưởng vĩ đại.

۞فَلۡيُقَٰتِلۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ ٱلَّذِينَ يَشۡرُونَ ٱلۡحَيَوٰةَ
ٱلدُّنۡيَا بِٱلۡأٓخِرَةِۚ وَمَن يُقَٰتِلۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ فَيُقۡتَلۡ أَوۡ
يَغۡلِبۡ فَسَوۡفَ نُؤۡتِيهِ أَجۡرًا عَظِيمٗا ٧٤

75. Điều gì đã cấm cản các ngươi (những người có đức tin) không đi chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Allah để giải phóng cho những người đàn ông, những người phụ nữ và đám trẻ thơ đang cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin hãy giải cứu bầy tôi thoát khỏi thị trấn (Makkah) này bởi cư dân của nó là kẻ áp bức và bất công, xin Ngài hãy chỉ định ai đó đứng ra làm người bảo hộ và giúp đỡ bầy tôi.”

وَمَا لَكُمۡ لَا تُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ
وَٱلۡمُسۡتَضۡعَفِينَ مِنَ ٱلرِّجَالِ وَٱلنِّسَآءِ وَٱلۡوِلۡدَٰنِ
ٱلَّذِينَ يَقُولُونَ رَبَّنَآ أَخۡرِجۡنَا مِنۡ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةِ
ٱلظَّالِمِ أَهۡلُهَا وَٱجۡعَل لَّنَا مِن لَّدُنكَ وَلِيّٗا وَٱجۡعَل لَّنَا
مِن لَّدُنكَ نَصِيرًا ٧٥

76. Những người có đức tin thì chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Allah còn những kẻ vô đức tin thì chiến đấu cho con đường của tà thần. Do đó, các ngươi (những người có đức tin) hãy chiến đấu chống lại bè lũ của Shaytan bởi quả thật, mưu kế của Shaytan rất kém cỏi.

ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ يُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۖ وَٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ يُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِ ٱلطَّٰغُوتِ فَقَٰتِلُوٓاْ أَوۡلِيَآءَ
ٱلشَّيۡطَٰنِۖ إِنَّ كَيۡدَ ٱلشَّيۡطَٰنِ كَانَ ضَعِيفًا ٧٦

77. Phải chăng Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) không nhìn thấy những người khi có lời bảo: “Các người hãy ngưng chiến, hãy chu đáo thiết lập lễ nguyện Salah và hãy xuất Zakah”.(23) Nhưng rồi sau đó, khi có lệnh bắt buộc họ phải chiến đấu thì một thành phần trong số họ sợ thiên hạ giống như sợ Allah, thậm chí còn sợ hơn. họ than: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, tại sao Ngài lại ban lệnh chiến đấu ngay lúc này vậy, phải chi Ngài trì hoãn cho bầy tôi thêm một thời gian nữa (để bầy tôi được hưởng thụ cuộc sống).” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: “Vật chất của cuộc sống trần gian này chỉ là ít ỏi trong khi

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ قِيلَ لَهُمۡ كُفُّوٓاْ أَيۡدِيَكُمۡ وَأَقِيمُواْ
ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ فَلَمَّا كُتِبَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقِتَالُ إِذَا
فَرِيقٞ مِّنۡهُمۡ يَخۡشَوۡنَ ٱلنَّاسَ كَخَشۡيَةِ ٱللَّهِ أَوۡ أَشَدَّ
خَشۡيَةٗۚ وَقَالُواْ رَبَّنَا لِمَ كَتَبۡتَ عَلَيۡنَا ٱلۡقِتَالَ لَوۡلَآ
أَخَّرۡتَنَآ إِلَىٰٓ أَجَلٖ قَرِيبٖۗ قُلۡ مَتَٰعُ ٱلدُّنۡيَا قَلِيلٞ
وَٱلۡأٓخِرَةُ خَيۡرٞ لِّمَنِ ٱتَّقَىٰ وَلَا تُظۡلَمُونَ فَتِيلًا ٧٧

cõi Đời Sau tốt đẹp hơn dành cho người ngoan đạo; và các ngươi sẽ không bị đối xử bất công một chút nào.”[1]

78. Dẫu cho các ngươi có ở đâu thì cái chết cũng sẽ túm bắt các ngươi (khi tuổi thọ đã hết), cho dù các ngươi có ẩn náu trong thành lũy kiên cố thế nào đi nữa. Nếu họ gặp được điều tốt lành thì họ nói: “Điều (tốt) này đến từ Allah” và nếu họ gặp phải điều xấu thì họ nói: “Điều (xấu) này đến từ ngươi (Muhammad)”. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: “Cả hai điều (tốt và xấu) đều đến từ Allah”. Tuy nhiên, đám người này hầu như không hiểu bất cứ lời nói nào.

أَيۡنَمَا تَكُونُواْ يُدۡرِككُّمُ ٱلۡمَوۡتُ وَلَوۡ كُنتُمۡ فِي
بُرُوجٖ مُّشَيَّدَةٖۗ وَإِن تُصِبۡهُمۡ حَسَنَةٞ يَقُولُواْ هَٰذِهِۦ
مِنۡ عِندِ ٱللَّهِۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ سَيِّئَةٞ يَقُولُواْ هَٰذِهِۦ مِنۡ
عِندِكَۚ قُلۡ كُلّٞ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِۖ فَمَالِ هَٰٓؤُلَآءِ ٱلۡقَوۡمِ
لَا يَكَادُونَ يَفۡقَهُونَ حَدِيثٗا ٧٨

79. (Này hỡi con người), điều tốt nào gặp được là từ nơi Allah, còn điều xấu nào ngươi gặp phải là do bản thân ngươi gây nên. Và TA đã gửi Ngươi (Muhammad) đến với nhân loại làm một vị Thiên Sứ (truyền tải bức Thông Điệp của TA). Và chỉ cần một mình Allah đã đủ làm chứng (cho điều đó).

مَّآ أَصَابَكَ مِنۡ حَسَنَةٖ فَمِنَ ٱللَّهِۖ وَمَآ أَصَابَكَ مِن
سَيِّئَةٖ فَمِن نَّفۡسِكَۚ وَأَرۡسَلۡنَٰكَ لِلنَّاسِ رَسُولٗاۚ وَكَفَىٰ
بِٱللَّهِ شَهِيدٗا ٧٩

80. Ai vâng lời Thiên Sứ (Muhammad) là tuân lệnh Allah. Ai quay lưng (bất tuân Ngươi - Muhammad) thì (Ngươi hãy biết rằng) TA không gửi Ngươi đến để canh chừng họ.

مَّن يُطِعِ ٱلرَّسُولَ فَقَدۡ أَطَاعَ ٱللَّهَۖ وَمَن تَوَلَّىٰ فَمَآ
أَرۡسَلۡنَٰكَ عَلَيۡهِمۡ حَفِيظٗا ٨٠

81. (Những kẻ giả tạo đức tin) nói: “Chúng tôi tuân lệnh” nhưng khi họ rời khỏi Ngươi thì một thành phần trong bọn họ âm thầm bàn tính trong đêm làm điều khác với điều mà họ đã nói. Allah sẽ ghi chép hết mọi điều mà họ đã mưu tính trong đêm. Cho nên, Ngươi hãy lánh xa bọn họ và hãy phó thác cho Allah, quả thật, một mình Allah đã đủ làm một Đấng Phó Thác (cho Ngươi).

وَيَقُولُونَ طَاعَةٞ فَإِذَا بَرَزُواْ مِنۡ عِندِكَ بَيَّتَ طَآئِفَةٞ
مِّنۡهُمۡ غَيۡرَ ٱلَّذِي تَقُولُۖ وَٱللَّهُ يَكۡتُبُ مَا يُبَيِّتُونَۖ
فَأَعۡرِضۡ عَنۡهُمۡ وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ
وَكِيلًا ٨١

82. Tại sao họ không chịu nghiền ngẫm về Qur'an? Nếu như Nó đến từ một ai khác ngoài Allah thì chắc chắn họ đã tìm thấy trong đó rất nhiều điều mâu thuẫn, đối lập nhau.

أَفَلَا يَتَدَبَّرُونَ ٱلۡقُرۡءَانَۚ وَلَوۡ كَانَ مِنۡ عِندِ غَيۡرِ ٱللَّهِ
لَوَجَدُواْ فِيهِ ٱخۡتِلَٰفٗا كَثِيرٗا ٨٢

83. (Những kẻ giả tạo đức tin) khi thấy tin tức liên quan đến vấn đề trị an hoặc một điều gì đó lo sợ thì bọn họ liền phổ biến nó ra ngoài. Nếu bọn họ chịu đệ trình điều đó lên Thiên Sứ và lên cấp lãnh đạo thì những người có khả năng đã có thể nghiên cứu, phân tích và biết được nó đến từ đâu rồi! Quả thật, nếu như không nhờ hồng phúc và sự nhân từ của Allah dành cho các ngươi thì toàn bộ các ngươi đã đi theo Shaytan ngoại trừ một số ít.

وَإِذَا جَآءَهُمۡ أَمۡرٞ مِّنَ ٱلۡأَمۡنِ أَوِ ٱلۡخَوۡفِ أَذَاعُواْ بِهِۦۖ
وَلَوۡ رَدُّوهُ إِلَى ٱلرَّسُولِ وَإِلَىٰٓ أُوْلِي ٱلۡأَمۡرِ مِنۡهُمۡ لَعَلِمَهُ
ٱلَّذِينَ يَسۡتَنۢبِطُونَهُۥ مِنۡهُمۡۗ وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ
عَلَيۡكُمۡ وَرَحۡمَتُهُۥ لَٱتَّبَعۡتُمُ ٱلشَّيۡطَٰنَ إِلَّا قَلِيلٗا ٨٣

[1] (23) Mệnh lệnh này được ban xuống khi một số Sahabah của Thiên Sứ Muhammad ﷺ đã yêu cầu đứng lên chiến đấu nhưng không được chấp nhận bởi lúc đó Islam chưa đủ mạnh. Mãi đến khi Thiên Sứ dời cư đến Madinah thì lệnh chiến đấu mới được ban hành vì lực lượng Islam lúc bấy giờ đã vững chắc và hùng mạnh.

84. Do đó, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Allah. Ngài không bắt buộc ai ngoài Ngươi và Ngươi hãy động viên tinh thần của những người có đức tin. Có thể Allah sẽ ngăn chặn sức mạnh của những kẻ vô đức tin, bởi Allah hùng mạnh trên tất cả về sức lực và sự trừng phạt.

فَقَٰتِلۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ لَا تُكَلَّفُ إِلَّا نَفۡسَكَۚ وَحَرِّضِ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَۖ عَسَى ٱللَّهُ أَن يَكُفَّ بَأۡسَ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْۚ وَٱللَّهُ أَشَدُّ بَأۡسٗا وَأَشَدُّ تَنكِيلٗا ٨٤

85. Ai tận lực can thiệp mang lại điều tốt cho người khác thì y sẽ được ân phước cho việc đó còn ai tận lực can thiệp mang lại điều xấu cho người khác thì y phải gánh vác phần tội lỗi về việc đó. Quả thật, Allah giám sát tất cả mọi sự việc.

مَّن يَشۡفَعۡ شَفَٰعَةً حَسَنَةٗ يَكُن لَّهُۥ نَصِيبٞ مِّنۡهَاۖ
وَمَن يَشۡفَعۡ شَفَٰعَةٗ سَيِّئَةٗ يَكُن لَّهُۥ كِفۡلٞ مِّنۡهَاۗ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ مُّقِيتٗا ٨٥

86. Khi các ngươi được chào hỏi lịch thiệp thì các ngươi hãy đáp lại bằng lời chào tốt hơn hoặc bằng lời chào tương tự(24). Quả thật, Allah là Đấng thanh toán hết tất cả mọi thứ.[1]

وَإِذَا حُيِّيتُم بِتَحِيَّةٖ فَحَيُّواْ بِأَحۡسَنَ مِنۡهَآ أَوۡ رُدُّوهَآۗ
إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٍ حَسِيبًا ٨٦

87. Allah là Đấng không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ngài sẽ triệu tập toàn bộ các ngươi (loài người) vào Ngày Phán Xét, Ngày mà không có gì phải hoài nghi. Còn ai thật hơn Allah trong lời nói?!

ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ لَيَجۡمَعَنَّكُمۡ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَا
رَيۡبَ فِيهِۗ وَمَنۡ أَصۡدَقُ مِنَ ٱللَّهِ حَدِيثٗا ٨٧

88. Làm sao các ngươi (những người có đức tin) chỉ vì đám người giả tạo đức tin mà tách thành hai nhóm (đối lập) trong khi Allah đã lật đổ điều (xấu) mà họ đã làm? Lẽ nào các ngươi muốn hướng dẫn kẻ đã bị Allah làm cho lầm lạc? Quả thật, ai đã bị Allah làm cho lầm lạc thì sẽ không tìm được con đường (chân lý) cho mình.

۞فَمَا لَكُمۡ فِي ٱلۡمُنَٰفِقِينَ فِئَتَيۡنِ وَٱللَّهُ أَرۡكَسَهُم
بِمَا كَسَبُوٓاْۚ أَتُرِيدُونَ أَن تَهۡدُواْ مَنۡ أَضَلَّ ٱللَّهُۖ وَمَن
يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَلَن تَجِدَ لَهُۥ سَبِيلٗا ٨٨

89. Bọn họ (những người giả tạo đức tin) đã ao ước giá như các ngươi cũng vô đức tin giống như bọn họ để đôi bên tương đồng nhau. Do đó, các ngươi chớ đừng kết thân với họ cho đến khi họ di cư vì con đường chính nghĩa của Allah. Còn nếu bọn họ quay mặt bỏ đi thì các ngươi hãy tóm bắt và xử tử họ ở bất cứ đâu các ngươi bắt gặp được họ, và các ngươi cũng chớ đừng chọn lấy họ làm bạn hoặc làm người hỗ trợ.

وَدُّواْ لَوۡ تَكۡفُرُونَ كَمَا كَفَرُواْ فَتَكُونُونَ سَوَآءٗۖ
فَلَا تَتَّخِذُواْ مِنۡهُمۡ أَوۡلِيَآءَ حَتَّىٰ يُهَاجِرُواْ فِي سَبِيلِ
ٱللَّهِۚ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَخُذُوهُمۡ وَٱقۡتُلُوهُمۡ حَيۡثُ
وَجَدتُّمُوهُمۡۖ وَلَا تَتَّخِذُواْ مِنۡهُمۡ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرًا ٨٩

90. Ngoại trừ những ai đã kịp hội nhập vào nhóm người mà giữa các ngươi và họ có hiệp ước (ngừng chiến) hoặc những ai chủ động tìm đến các ngươi với tấm lòng (không muốn) chiến đấu với các ngươi hoặc chiến đấu với nhóm (đa thần) của họ nữa. Và nếu muốn, Allah đã để họ khống chế các ngươi. Tuy nhiên, nếu họ tự động lui quân, không

إِلَّا ٱلَّذِينَ يَصِلُونَ إِلَىٰ قَوۡمِۭ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُم مِّيثَٰقٌ
أَوۡ جَآءُوكُمۡ حَصِرَتۡ صُدُورُهُمۡ أَن يُقَٰتِلُوكُمۡ أَوۡ
يُقَٰتِلُواْ قَوۡمَهُمۡۚ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ لَسَلَّطَهُمۡ عَلَيۡكُمۡ
فَلَقَٰتَلُوكُمۡۚ فَإِنِ ٱعۡتَزَلُوكُمۡ فَلَمۡ يُقَٰتِلُوكُمۡ وَأَلۡقَوۡاْ

[1] (24) Khi được chào (السَّلَامُ عَلَيْكُم)-(Assalamu 'alaikum) thì phải đáp lại giống như vậy nói (وَعَلَيْكُمُ السَّلَامُ)-(Wa 'alaikum Salam) hoặc đáp lại với câu dài hơn bằng cách thêm (وَرَحْمَةُ اللهِ)-(Wa rahmatullah) hoặc thêm nữa (وَبَرَكَاتُهُ)-(Wa barakatuh). Lời đáp lại ít nhất là phải bằng câu chào nhưng khuyến khích đáp lại dài hơn. Câu đáp lại tốt nhất là nói toàn bộ câu (وَعَلَيْكُمُ السَّلَامُ وَرَحْمَةُ اللهِ وَبَرَكَاتُهُ).

đánh các ngươi nữa và đề nghị hòa bình với các ngươi thì Allah không cho các ngươi lý do nào chiến đấu với họ.

إِلَيۡكُمُ ٱلسَّلَمَ فَمَا جَعَلَ ٱللَّهُ لَكُمۡ عَلَيۡهِمۡ
سَبِيلٗا ٩٠

91. Một nhóm (giả tạo đức tin) khác (thể hiện đức tin trước các ngươi vì) muốn được yên ổn với các ngươi và với đám dân của họ (những kẻ đa thần Quraish), các ngươi sẽ thấy khi họ quay trở lại với đám người đa thần thì họ hào hứng và thích thú. Do đó, nếu như bọn họ không rút lui, không đề nghị hòa bình với các ngươi và không ngừng chiến đấu với các ngươi thì các ngươi hãy bắt và giết họ ở bất cứ đâu các ngươi tìm thấy họ. Đối với đám người đó, Allah cho các ngươi quyền (trừng phạt họ).

سَتَجِدُونَ ءَاخَرِينَ يُرِيدُونَ أَن يَأۡمَنُوكُمۡ وَيَأۡمَنُواْ
قَوۡمَهُمۡ كُلَّ مَا رُدُّوٓاْ إِلَى ٱلۡفِتۡنَةِ أُرۡكِسُواْ فِيهَاۚ فَإِن لَّمۡ
يَعۡتَزِلُوكُمۡ وَيُلۡقُوٓاْ إِلَيۡكُمُ ٱلسَّلَمَ وَيَكُفُّوٓاْ أَيۡدِيَهُمۡ
فَخُذُوهُمۡ وَٱقۡتُلُوهُمۡ حَيۡثُ ثَقِفۡتُمُوهُمۡۚ وَأُوْلَٰٓئِكُمۡ
جَعَلۡنَا لَكُمۡ عَلَيۡهِمۡ سُلۡطَٰنٗا مُّبِينٗا ٩١

92. Người có đức tin không được giết người có đức tin khác trừ phi chỉ vì vô ý. Ai vô ý giết chết một người có đức tin thì (sẽ chuộc tội bằng cách) phóng thích một nô lệ có đức tin và bồi thường cho gia đình nạn nhân, trừ phi họ từ chối nhận tiền bồi thường (vì lòng nhân đạo). Trường hợp người chết là người có đức tin thuộc phe kẻ thù của các ngươi thì (chuộc tội bằng cách) phóng thích một nô lệ có đức tin là đủ. Trường hợp nạn nhân là người thuộc phe mà giữa các ngươi và họ có hiệp ước (hòa bình) thì phải bồi thường cho gia đình nạn nhân đồng thời phải phóng thích một nô lệ có đức tin. Đối với phạm nhân nào không có khả năng (bồi thường hoặc phóng thích nô lệ có đức tin) thì y phải nhịn chay hai tháng liên tiếp để sám hối tạ tội với Allah. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

وَمَا كَانَ لِمُؤۡمِنٍ أَن يَقۡتُلَ مُؤۡمِنًا إِلَّا خَطَـٔٗاۚ وَمَن
قَتَلَ مُؤۡمِنًا خَطَـٔٗا فَتَحۡرِيرُ رَقَبَةٖ مُّؤۡمِنَةٖ وَدِيَةٞ
مُّسَلَّمَةٌ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِۦٓ إِلَّآ أَن يَصَّدَّقُواْۚ فَإِن كَانَ مِن
قَوۡمٍ عَدُوّٖ لَّكُمۡ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَتَحۡرِيرُ رَقَبَةٖ مُّؤۡمِنَةٖۖ
وَإِن كَانَ مِن قَوۡمِۭ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُم مِّيثَٰقٞ فَدِيَةٞ
مُّسَلَّمَةٌ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِۦ وَتَحۡرِيرُ رَقَبَةٖ مُّؤۡمِنَةٖۖ فَمَن لَّمۡ
يَجِدۡ فَصِيَامُ شَهۡرَيۡنِ مُتَتَابِعَيۡنِ تَوۡبَةٗ مِّنَ ٱللَّهِۗ وَكَانَ
ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ٩٢

93. Người nào cố tình giết một người có đức tin thì hình phạt dành cho y là Hỏa Ngục, y sẽ mãi mãi ở trong đó, Allah sẽ giận dữ với y, Ngài sẽ nguyền rủa y và chuẩn bị cho y một sự trừng phạt khủng khiếp.

وَمَن يَقۡتُلۡ مُؤۡمِنٗا مُّتَعَمِّدٗا فَجَزَآؤُهُۥ جَهَنَّمُ خَٰلِدٗا
فِيهَا وَغَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِ وَلَعَنَهُۥ وَأَعَدَّ لَهُۥ عَذَابًا
عَظِيمٗا ٩٣

94. Hỡi những người có đức tin, khi các ngươi xuất binh chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Allah thì các ngươi hãy xác định rõ đối phương trước khi tấn công (xem có phải là người Muslim hay không), và các ngươi chớ đừng đáp lại lời chào Salam của ai đó nói: “Ngươi đâu phải là người có đức tin” với ý định ham muốn lợi lộc của cuộc sống trần gian trong khi ở nơi Allah có vô số chiến lợi phẩm (tốt đẹp). Trước đây, các ngươi cũng lâm vào cảnh giống như thế, rồi các ngươi được Allah ban cho ân huệ (thành người Muslim), cho nên các ngươi hãy xác định rõ ràng (trước khi tấn công). Quả thật, Allah thông toàn mọi hành động của các ngươi.

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا ضَرَبۡتُمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ
فَتَبَيَّنُواْ وَلَا تَقُولُواْ لِمَنۡ أَلۡقَىٰٓ إِلَيۡكُمُ ٱلسَّلَٰمَ لَسۡتَ
مُؤۡمِنٗا تَبۡتَغُونَ عَرَضَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا فَعِندَ ٱللَّهِ
مَغَانِمُ كَثِيرَةٞۚ كَذَٰلِكَ كُنتُم مِّن قَبۡلُ فَمَنَّ ٱللَّهُ
عَلَيۡكُمۡ فَتَبَيَّنُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِمَا تَعۡمَلُونَ
خَبِيرٗا ٩٤

95. Trong số những người có đức tin, ngoài những người có lý do không tham chiến (các phế binh, người bệnh tật, già yếu) thì không hề ngang bằng nhau giữa những người ngồi lại ở nhà (không tham chiến) và những người đi chinh chiến cho con đường chính nghĩa của Allah bằng tài sản và sinh mạng của họ. Allah sẽ nâng cấp bậc cho những người đi chinh chiến bằng tài sản và sinh mạng của họ hơn những người ngồi lại ở nhà. Cả hai nhóm đều được hứa hẹn điều tốt đẹp. Tuy nhiên, nhóm người đi chinh chiến được Allah ưu đãi hơn nhóm người ở lại nhà bởi phần thưởng vĩ đại.

لَّا يَسۡتَوِي ٱلۡقَٰعِدُونَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ غَيۡرُ أُوْلِي
ٱلضَّرَرِ وَٱلۡمُجَٰهِدُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ
وَأَنفُسِهِمۡۚ فَضَّلَ ٱللَّهُ ٱلۡمُجَٰهِدِينَ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ
عَلَى ٱلۡقَٰعِدِينَ دَرَجَةٗۚ وَكُلّٗا وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ
وَفَضَّلَ ٱللَّهُ ٱلۡمُجَٰهِدِينَ عَلَى ٱلۡقَٰعِدِينَ أَجۡرًا
عَظِيمٗا ٩٥

96. Các cấp bậc cao cùng với sự tha thứ và lòng nhân từ đều từ nơi Ngài. Quả thật, Allah hằng tha thứ, hằng khoan dung.

دَرَجَٰتٖ مِّنۡهُ وَمَغۡفِرَةٗ وَرَحۡمَةٗۚ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا
رَّحِيمًا ٩٦

97. Quả thật, những ai bị các Thiên Thần rút hồn trong lúc họ làm điều bất công với chính mình (không chịu di cư), (các Thiên Thần) sẽ bảo họ: “Các ngươi đã sống như thế nào?” Họ đáp: “Chúng tôi luôn bị áp bức trên vùng đất này.” (Các Thiên Thần) bảo: “Phải chăng đất đai của Allah không rộng đủ để cho các ngươi di cư (lánh nạn) sao?!” Những người như thế, chỗ ở của họ sẽ là Hỏa Ngục, một nơi đến cuối cùng thật tồi tệ.

إِنَّ ٱلَّذِينَ تَوَفَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ ظَالِمِيٓ أَنفُسِهِمۡ قَالُواْ
فِيمَ كُنتُمۡۖ قَالُواْ كُنَّا مُسۡتَضۡعَفِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِۚ قَالُوٓاْ
أَلَمۡ تَكُنۡ أَرۡضُ ٱللَّهِ وَٰسِعَةٗ فَتُهَاجِرُواْ فِيهَاۚ
فَأُوْلَٰٓئِكَ مَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَسَآءَتۡ مَصِيرًا ٩٧

98. Ngoại trừ những người yếu đuối và cô thế trong số những người đàn ông, phụ nữ và trẻ con, họ không có phương tiện (để di cư) cũng như không được ai dẫn đường.

إِلَّا ٱلۡمُسۡتَضۡعَفِينَ مِنَ ٱلرِّجَالِ وَٱلنِّسَآءِ وَٱلۡوِلۡدَٰنِ لَا
يَسۡتَطِيعُونَ حِيلَةٗ وَلَا يَهۡتَدُونَ سَبِيلٗا ٩٨

99. Những người đó mới là những người may ra được Allah tha thứ cho họ bởi Allah hằng lượng thứ, khoan dung.

فَأُوْلَٰٓئِكَ عَسَى ٱللَّهُ أَن يَعۡفُوَ عَنۡهُمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ
عَفُوًّا غَفُورٗا ٩٩

100. Người nào di cư vì con đường chính nghĩa của Allah chắc chắn sẽ tìm thấy trên trái đất có nhiều chỗ lánh nạn, bao la. Người nào rời bỏ nhà cửa của mình để di cư đến với Allah và Thiên Sứ của Ngài rồi chết (trên đường) thì phần thưởng của y chắc chắn ở nơi Allah. Quả thật, Allah hằng lượng thứ, khoan dung.

۞وَمَن يُهَاجِرۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ يَجِدۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ
مُرَٰغَمٗا كَثِيرٗا وَسَعَةٗۚ وَمَن يَخۡرُجۡ مِنۢ بَيۡتِهِۦ مُهَاجِرًا
إِلَى ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ ثُمَّ يُدۡرِكۡهُ ٱلۡمَوۡتُ فَقَدۡ وَقَعَ
أَجۡرُهُۥ عَلَى ٱللَّهِۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١٠٠

101. Khi các ngươi đi xa trên trái đất, các ngươi sẽ không bị tội cho việc các ngươi rút ngắn lễ nguyện Salah (từ bốn Rak’ah thành hai Rak’ah) vì sợ bị những kẻ vô đức tin có thể tấn công. Những kẻ vô đức tin thực sự là kẻ thù công khai của các ngươi.

وَإِذَا ضَرَبۡتُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَلَيۡسَ عَلَيۡكُمۡ جُنَاحٌ أَن
تَقۡصُرُواْ مِنَ ٱلصَّلَوٰةِ إِنۡ خِفۡتُمۡ أَن يَفۡتِنَكُمُ ٱلَّذِينَ
كَفَرُوٓاْۚ إِنَّ ٱلۡكَٰفِرِينَ كَانُواْ لَكُمۡ عَدُوّٗا مُّبِينٗا ١٠١

102. Khi Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) ở cùng với họ (trên sa trường) thì Ngươi hãy làm Imam dẫn lễ nguyện Salah cho họ. Ngươi hãy để một nhóm trong số họ dâng lễ nguyện Salah cùng Ngươi và mang theo vũ khí bên mình. Khi các ngươi quỳ lạy (xong Rak'ah thứ nhất) thì họ sẽ lùi về phía sau để nhóm còn lại vẫn chưa hành lễ bước đến dâng lễ cùng Ngươi (ở Rak'ah thứ hai) và họ cần đề phòng và cũng mang theo vũ khí bên mình. Những kẻ vô đức tin vẫn luôn chờ đợi giây phút lơ là của các ngươi về vũ khí và hành trang hầu thừa cơ hội đánh úp các ngươi một trận. Các ngươi không có tội nếu các ngươi đặt vũ khí xuống vì gặp khó khăn do trời đổ mưa hoặc do đau bệnh nhưng các ngươi phải luôn đề cao cảnh giác. Chắc chắn, Allah đã chuẩn bị sẵn cho đám người vô đức tin một sự trừng phạt nhục nhã.

وَإِذَا كُنتَ فِيهِمۡ فَأَقَمۡتَ لَهُمُ ٱلصَّلَوٰةَ فَلۡتَقُمۡ طَآئِفَةٞ
مِّنۡهُم مَّعَكَ وَلۡيَأۡخُذُوٓاْ أَسۡلِحَتَهُمۡۖ فَإِذَا سَجَدُواْ
فَلۡيَكُونُواْ مِن وَرَآئِكُمۡ وَلۡتَأۡتِ طَآئِفَةٌ أُخۡرَىٰ لَمۡ
يُصَلُّواْ فَلۡيُصَلُّواْ مَعَكَ وَلۡيَأۡخُذُواْ حِذۡرَهُمۡ
وَأَسۡلِحَتَهُمۡۗ وَدَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوۡ تَغۡفُلُونَ عَنۡ
أَسۡلِحَتِكُمۡ وَأَمۡتِعَتِكُمۡ فَيَمِيلُونَ عَلَيۡكُم مَّيۡلَةٗ
وَٰحِدَةٗۚ وَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ إِن كَانَ بِكُمۡ أَذٗى مِّن
مَّطَرٍ أَوۡ كُنتُم مَّرۡضَىٰٓ أَن تَضَعُوٓاْ أَسۡلِحَتَكُمۡۖ
وَخُذُواْ حِذۡرَكُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ أَعَدَّ لِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابٗا
مُّهِينٗا ١٠٢

103. Khi các ngươi đã hoàn thành xong lễ nguyện Salah thì các ngươi hãy tụng niệm, tán dương Allah (như được truyền dạy theo Sunnah) trong mọi lúc dù đang đứng, đang ngồi hoặc đang nằm nghiêng một bên. Sau khi các ngươi được bình an (không còn sợ hãi nữa) thì các ngươi hãy thiết lập lễ nguyện Salah (cho thật chu đáo). Quả thật, lễ nguyện Salah đã được ban hành cho những người có đức tin vào giờ giấc ấn định.

فَإِذَا قَضَيۡتُمُ ٱلصَّلَوٰةَ فَٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ قِيَٰمٗا وَقُعُودٗا
وَعَلَىٰ جُنُوبِكُمۡۚ فَإِذَا ٱطۡمَأۡنَنتُمۡ فَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَۚ إِنَّ
ٱلصَّلَوٰةَ كَانَتۡ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ كِتَٰبٗا مَّوۡقُوتٗا ١٠٣

104. Các ngươi chớ đừng chậm trễ trong việc đuổi bắt địch. Nếu các ngươi đau đớn (bởi thương vong) thì bọn họ cũng bị đau đớn (bởi thương vong) tương tự như các ngươi, có điều các ngươi có niềm hy vọng nơi Allah còn bọn họ chẳng có niềm hy vọng nào. Và Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

وَلَا تَهِنُواْ فِي ٱبۡتِغَآءِ ٱلۡقَوۡمِۖ إِن تَكُونُواْ تَأۡلَمُونَ
فَإِنَّهُمۡ يَأۡلَمُونَ كَمَا تَأۡلَمُونَۖ وَتَرۡجُونَ مِنَ ٱللَّهِ مَا لَا
يَرۡجُونَۗ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمًا ١٠٤

105. TA thực sự đã ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) Thiên Kinh (Qur'an) bằng sự thật để Ngươi dùng Nó phân xử thiên hạ đúng theo điều Allah muốn; và Ngươi chớ đừng a tòng với đám người gian dối, phản bội.

إِنَّآ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّ لِتَحۡكُمَ بَيۡنَ
ٱلنَّاسِ بِمَآ أَرَىٰكَ ٱللَّهُۚ وَلَا تَكُن لِّلۡخَآئِنِينَ
خَصِيمٗا ١٠٥

106. Ngươi hãy cầu xin Allah tha thứ, quả thật Allah hằng tha thứ, hằng khoan dung.

وَٱسۡتَغۡفِرِ ٱللَّهَۖ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١٠٦

107. Ngươi chớ đừng bênh vực cho những ai gian dối phản bội bản thân, quả thật Allah không yêu thương kẻ gian dối tội lỗi.

وَلَا تُجَٰدِلۡ عَنِ ٱلَّذِينَ يَخۡتَانُونَ أَنفُسَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا
يُحِبُّ مَن كَانَ خَوَّانًا أَثِيمٗا ١٠٧

108. (Những kẻ gian dối, phản bội) tìm cách trốn thiên hạ nhưng họ không trốn được Allah, bởi Ngài luôn ở cùng (giám sát) họ khi họ âm thầm bàn bạc trong đêm điều không được Ngài hài lòng. Quả thật, Allah là Đấng thâu tóm mọi hành vi của bọn họ.

يَسۡتَخۡفُونَ مِنَ ٱلنَّاسِ وَلَا يَسۡتَخۡفُونَ مِنَ ٱللَّهِ وَهُوَ
مَعَهُمۡ إِذۡ يُبَيِّتُونَ مَا لَا يَرۡضَىٰ مِنَ ٱلۡقَوۡلِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ
بِمَا يَعۡمَلُونَ مُحِيطًا ١٠٨

109. Những người này, các ngươi có thể bênh vực cho họ trong cuộc sống trần gian này nhưng ai sẽ đứng ra bênh vực cho họ trước Allah vào Ngày Phán Xét và ai sẽ đứng ra bảo lãnh cho họ?

هَٰٓأَنتُمۡ هَٰٓؤُلَآءِ جَٰدَلۡتُمۡ عَنۡهُمۡ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
فَمَن يُجَٰدِلُ ٱللَّهَ عَنۡهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ أَم مَّن
يَكُونُ عَلَيۡهِمۡ وَكِيلٗا ١٠٩

110. Người nào làm điều xấu hoặc bất công với chính mình (bởi điều tội lỗi), sau đó (ăn năn) cầu xin Allah tha thứ thì y sẽ tìm thấy Allah hằng tha thứ, hằng khoan dung.

وَمَن يَعۡمَلۡ سُوٓءًا أَوۡ يَظۡلِمۡ نَفۡسَهُۥ ثُمَّ يَسۡتَغۡفِرِ ٱللَّهَ
يَجِدِ ٱللَّهَ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١١٠

111. Ai làm điều tội lỗi thì thật ra y chỉ tự hại bản thân mình. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

وَمَن يَكۡسِبۡ إِثۡمٗا فَإِنَّمَا يَكۡسِبُهُۥ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦۚ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ١١١

112. Người nào phạm điều sai trái hoặc tội lỗi rồi đổ tội cho người khác thì quả thật y đã mang tội vu khống và tội công khai.

وَمَن يَكۡسِبۡ خَطِيٓـَٔةً أَوۡ إِثۡمٗا ثُمَّ يَرۡمِ بِهِۦ بَرِيٓـٔٗا
فَقَدِ ٱحۡتَمَلَ بُهۡتَٰنٗا وَإِثۡمٗا مُّبِينٗا ١١٢

113. Nếu không nhờ phúc và lòng thương xót của Allah dành cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) thì chắc chắn một nhóm của họ đã đẩy Ngươi vào lầm lạc. Họ đã không làm cho ai lầm lạc ngoại trừ bản thân họ, họ đã không gây hại được Ngươi bất cứ điều gì. Allah đã ban cho Ngươi Thiên Kinh (Qur'an) và sự khôn ngoan (Sunnah) và Ngài đã dạy cho Ngươi những điều Ngươi chưa từng biết trước đây. Quả thật, ân huệ mà Allah đã ban cho Ngươi thật vĩ đại biết bao.

وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ عَلَيۡكَ وَرَحۡمَتُهُۥ لَهَمَّت طَّآئِفَةٞ
مِّنۡهُمۡ أَن يُضِلُّوكَ وَمَا يُضِلُّونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمۡۖ وَمَا
يَضُرُّونَكَ مِن شَيۡءٖۚ وَأَنزَلَ ٱللَّهُ عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ
وَٱلۡحِكۡمَةَ وَعَلَّمَكَ مَا لَمۡ تَكُن تَعۡلَمُۚ وَكَانَ فَضۡلُ
ٱللَّهِ عَلَيۡكَ عَظِيمٗا ١١٣

114. Hầu hết các cuộc mật đàm của họ chẳng có gì tốt đẹp cả ngoại trừ ai đó bảo ban việc bố thí, hành thiện hoặc hòa giải mọi người. Ai làm những điều này với mong muốn làm hài lòng Allah thì họ sẽ sớm được TA ban cho một phần thưởng thật to lớn.

۞لَّا خَيۡرَ فِي كَثِيرٖ مِّن نَّجۡوَىٰهُمۡ إِلَّا مَنۡ أَمَرَ بِصَدَقَةٍ
أَوۡ مَعۡرُوفٍ أَوۡ إِصۡلَٰحِۭ بَيۡنَ ٱلنَّاسِۚ وَمَن يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ
ٱبۡتِغَآءَ مَرۡضَاتِ ٱللَّهِ فَسَوۡفَ نُؤۡتِيهِ أَجۡرًا
عَظِيمٗا ١١٤

115. Người nào gây khó khăn, chống đối Thiên Sứ (của Allah) sau khi nguồn chỉ đạo và hướng dẫn đã được trình bày rõ cho y và y vẫn ngoan cố đi theo con đường khác với con đường của những người có đức tin, TA (Allah) sẽ bỏ mặc y đi theo cái mà y đã quay đi và TA sẽ nướng y trong Hỏa Ngục, một nơi đến cuối cùng thật tồi tệ.

وَمَن يُشَاقِقِ ٱلرَّسُولَ مِنۢ بَعۡدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُ ٱلۡهُدَىٰ
وَيَتَّبِعۡ غَيۡرَ سَبِيلِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ نُوَلِّهِۦ مَا تَوَلَّىٰ وَنُصۡلِهِۦ
جَهَنَّمَۖ وَسَآءَتۡ مَصِيرًا ١١٥

116. Chắc chắn Allah không tha thứ cho kẻ phạm tội Shirk với Ngài, tuy nhiên, Ngài sẵn sàng tha thứ các tội lỗi khác cho bất cứ ai Ngài muốn. Người nào phạm tội Shirk với Allah thì quả thật y đã lầm lạc rất xa.

إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَغۡفِرُ أَن يُشۡرَكَ بِهِۦ وَيَغۡفِرُ مَا دُونَ
ذَٰلِكَ لِمَن يَشَآءُۚ وَمَن يُشۡرِكۡ بِٱللَّهِ فَقَدۡ ضَلَّ ضَلَٰلَۢا
بَعِيدًا ١١٦

117. (Những người đa thần Makkah) chỉ cầu nguyện những nữ thần bục tượng thay vì Ngài (Allah) và họ chỉ cầu nguyện Shaytan phản nghịch.

إِن يَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦٓ إِلَّآ إِنَٰثٗا وَإِن يَدۡعُونَ إِلَّا
شَيۡطَٰنٗا مَّرِيدٗا ١١٧

118. Allah đã nguyền rủa hắn (Shaytan). Và hắn đã nói: "Bề tôi quyết sẽ bắt đi trong đám bầy tôi của Ngài một phần bắt buộc ."(25)[1]

لَّعَنَهُ ٱللَّهُۘ وَقَالَ لَأَتَّخِذَنَّ مِنۡ عِبَادِكَ نَصِيبٗا
مَّفۡرُوضٗا ١١٨

119. "Và bề tôi quyết sẽ dắt họ đi lạc (khỏi chính đạo), bề tôi quyết cám dỗ họ theo đuổi những ham muốn sai trái, bề tôi quyết xúi giục họ khiến họ cắt lỗ tai của gia súc (để cấm họ thứ Allah cho phép) và bề tôi quyết sai khiến họ thay đổi hình dạng mà Allah đã tạo". Người nào nhận lấy Shaytan làm kẻ bảo hộ thay vì Allah thì chắc chắn y đã hoàn toàn thất bại một cách rõ ràng.

وَلَأُضِلَّنَّهُمۡ وَلَأُمَنِّيَنَّهُمۡ وَلَأٓمُرَنَّهُمۡ فَلَيُبَتِّكُنَّ ءَاذَانَ
ٱلۡأَنۡعَٰمِ وَلَأٓمُرَنَّهُمۡ فَلَيُغَيِّرُنَّ خَلۡقَ ٱللَّهِۚ وَمَن يَتَّخِذِ
ٱلشَّيۡطَٰنَ وَلِيّٗا مِّن دُونِ ٱللَّهِ فَقَدۡ خَسِرَ خُسۡرَانٗا
مُّبِينٗا ١١٩

120. (Shaytan) hứa hẹn với họ và cám dỗ họ ham muốn những điều sai trái, tuy nhiên, Shaytan chỉ hứa hẹn với họ điều gian dối mà thôi.

يَعِدُهُمۡ وَيُمَنِّيهِمۡۖ وَمَا يَعِدُهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ إِلَّا
غُرُورًا ١٢٠

121. Đám người đó (những ai theo Shaytan), chỗ ở của họ sẽ là Hỏa Ngục và họ sẽ không tìm thấy con đường để thoát thân.

أُوْلَٰٓئِكَ مَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُ وَلَا يَجِدُونَ عَنۡهَا
مَحِيصٗا ١٢١

122. Riêng những ai có đức tin và hành thiện, TA (Allah) sẽ thu nhận họ vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ sống mãi mãi trong đó. Lời hứa của Allah là sự thật. Vậy còn có ai nói thật hơn Allah nữa chăng?!

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَنُدۡخِلُهُمۡ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ
وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٗاۚ وَمَنۡ أَصۡدَقُ مِنَ ٱللَّهِ قِيلٗا ١٢٢

123. (Lời hứa của Allah được thể hiện) không phải theo ước muốn của các ngươi (những người có đức tin) và cũng không phải theo ước muốn của dân Kinh Sách. Người nào làm điều xấu sẽ phải lãnh đủ hậu quả cho việc làm xấu đó, và ngoài Allah y sẽ không tìm thấy vị bảo hộ và giúp đỡ nào cả.

لَّيۡسَ بِأَمَانِيِّكُمۡ وَلَآ أَمَانِيِّ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِۗ مَن
يَعۡمَلۡ سُوٓءٗا يُجۡزَ بِهِۦ وَلَا يَجِدۡ لَهُۥ مِن دُونِ ٱللَّهِ
وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرٗا ١٢٣

[1] (25) Muqatil bin Hayyan nói: "Một phần bắt buộc có nghĩa là trong 1000 người thì 999 người bị dắt đi vào Hỏa Ngục và chỉ 1 người được vào Thiên Đàng".

124. Người nào hành thiện, dù nam hay nữ, đồng thời là người có đức tin thì sẽ được vào Thiên Đàng, họ sẽ không bị đối xử bất công một tí nào.

وَمَن يَعۡمَلۡ مِنَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِن ذَكَرٍ أَوۡ أُنثَىٰ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَأُوْلَٰٓئِكَ يَدۡخُلُونَ ٱلۡجَنَّةَ وَلَا يُظۡلَمُونَ نَقِيرٗا ١٢٤

125. Ai tốt hơn người đã dâng trọn (cả thể xác lẫn tâm hồn của mình) cho Allah đồng thời là một người đức hạnh và luôn đi theo tín ngưỡng thuần túy của Ibrahim?! Quả thật, Allah đã chọn Ibrahim làm vị Khalil(26) (của Ngài).[I]

وَمَنۡ أَحۡسَنُ دِينٗا مِّمَّنۡ أَسۡلَمَ وَجۡهَهُۥ لِلَّهِ وَهُوَ مُحۡسِنٞ وَٱتَّبَعَ مِلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۗ وَٱتَّخَذَ ٱللَّهُ إِبۡرَٰهِيمَ خَلِيلٗا ١٢٥

126. Mọi vật trong các tầng trời và mọi vật trong trái đất đều thuộc về một mình Allah và Allah là Đấng thâu tóm toàn bộ mọi vật.

وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٖ مُّحِيطٗا ١٢٦

127. Họ hỏi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) về (vấn đề của) phụ nữ. Ngươi hãy nói: "Allah đã quy định rõ cho các người về họ qua lời xướng đọc trong Thiên Kinh (Qur'an) về các phụ nữ (xuất thân là) trẻ mồ côi mà các người đã không trao đủ cho họ (quyền lợi) đã được quy định cho họ (như tiền cưới và quyền thừa kế); và (vì lòng tham chiếm đoạt tài sản của họ khiến) các người muốn cưới họ. Đối với những đứa trẻ yếu thế, các người phải đứng ra bênh vực những đứa trẻ mồ côi vì lẽ công bằng. Và mọi điều tốt mà các người đã làm, quả thật Allah đều biết rõ tận tường."

وَيَسۡتَفۡتُونَكَ فِي ٱلنِّسَآءِۖ قُلِ ٱللَّهُ يُفۡتِيكُمۡ فِيهِنَّ وَمَا يُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ فِي يَتَٰمَى ٱلنِّسَآءِ ٱلَّٰتِي لَا تُؤۡتُونَهُنَّ مَا كُتِبَ لَهُنَّ وَتَرۡغَبُونَ أَن تَنكِحُوهُنَّ وَٱلۡمُسۡتَضۡعَفِينَ مِنَ ٱلۡوِلۡدَٰنِ وَأَن تَقُومُواْ لِلۡيَتَٰمَىٰ بِٱلۡقِسۡطِۚ وَمَا تَفۡعَلُواْ مِنۡ خَيۡرٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِهِۦ عَلِيمٗا ١٢٧

128. Trường hợp người phụ nữ sợ người chồng đối xử tệ bạc hoặc bỏ rơi thì hai bên không có tội nếu chịu hòa giải với nhau(27) và việc hòa giải luôn là điều tốt. Quả thật, lòng tham và ích kỷ đã tồn tại trong bản thân của mỗi người. Tuy nhiên, nếu các ngươi làm tốt và ngoan đạo thì quả thật Allah thông toàn tất cả những gì các ngươi làm.[II]

وَإِنِ ٱمۡرَأَةٌ خَافَتۡ مِنۢ بَعۡلِهَا نُشُوزًا أَوۡ إِعۡرَاضٗا فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِمَآ أَن يُصۡلِحَا بَيۡنَهُمَا صُلۡحٗاۚ وَٱلصُّلۡحُ خَيۡرٞۗ وَأُحۡضِرَتِ ٱلۡأَنفُسُ ٱلشُّحَّۚ وَإِن تُحۡسِنُواْ وَتَتَّقُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٗا ١٢٨

129. Các ngươi (những người chồng) sẽ chẳng thể nào công bằng (tuyệt đối trong việc đối xử) với các người vợ (của các ngươi) cho dù các ngươi có cố gắng ra sao. Tuy nhiên, các ngươi cũng chớ đừng nghiêng hẳn về người (vợ) này và bỏ mặc người (vợ) kia như là một án phạt tù treo(28). Do đó, nếu (vợ chồng) các ngươi biết cải thiện và

وَلَن تَسۡتَطِيعُوٓاْ أَن تَعۡدِلُواْ بَيۡنَ ٱلنِّسَآءِ وَلَوۡ حَرَصۡتُمۡۖ فَلَا تَمِيلُواْ كُلَّ ٱلۡمَيۡلِ فَتَذَرُوهَا كَٱلۡمُعَلَّقَةِۚ وَإِن تُصۡلِحُواْ وَتَتَّقُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١٢٩

[I] (26) Khalil là người được Allah yêu thương nhất trong các vị Thiên Sứ và các vị Nabi. Trong số các vị Thiên Sứ, các vị Nabi của Allah, chỉ có hai vị được Allah chọn làm Khalil của Ngài, đó là Nabi Ibrahim và Thiên Sứ Muhammad.

[II] (27) Hòa giải bằng cách chẳng hạn như người vợ đồng ý bỏ đi một số quyền lợi của mình giống như giảm tiền trợ cấp, giảm việc ăn ngủ cùng (khi là một trong nhiều vợ của người chồng), ... Mặc dù có sự thiệt thòi nhưng như thế vẫn tốt hơn việc phải li hôn, con cái phải thiếu thốn tình thương của cha mẹ.

biết kính sợ (Allah) thì chắc chắn Allah hằng tha thứ, khoan dung.[I]

130. Còn nếu hai vợ chồng (nhất định) phải li hôn thì Allah sẽ ban cho đôi bên được giàu có với thiên lộc của Ngài, bởi Allah bao la, sáng suốt.

وَإِن يَتَفَرَّقَا يُغۡنِ ٱللَّهُ كُلّٗا مِّن سَعَتِهِۦۚ وَكَانَ ٱللَّهُ
وَٰسِعًا حَكِيمٗا ١٣٠

131. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trong trái đất đều thuộc về một mình Allah. Quả thật, TA (Allah) đã truyền lệnh đến những ai được ban cho Kinh Sách trước các ngươi và luôn cả các ngươi (hỡi tín đồ Muslim) rằng các ngươi hãy kính sợ Allah. Nếu như các ngươi vô đức tin thì vạn vật trong các tầng trời cũng như mọi vật trong trái đất vẫn thuộc về một mình Allah. Quả thật, Allah là Đấng Giàu Có, Đấng đáng được ca tụng.

وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَلَقَدۡ وَصَّيۡنَا
ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ مِن قَبۡلِكُمۡ وَإِيَّاكُمۡ أَنِ
ٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ وَإِن تَكۡفُرُواْ فَإِنَّ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ غَنِيًّا حَمِيدٗا ١٣١

132. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trong trái đất đều thuộc về một mình Allah. Và một mình Allah đã đủ chi phối và quản lý tất cả.

وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ
وَكِيلًا ١٣٢

133. Nếu muốn, Ngài thừa sức tiêu diệt toàn bộ các ngươi, hỡi con người, rồi mang đến một loại tạo vật khác (chỉ biết làm Ngài hài lòng). Quả thật, Allah thừa khả năng làm điều đó.

إِن يَشَأۡ يُذۡهِبۡكُمۡ أَيُّهَا ٱلنَّاسُ وَيَأۡتِ بِـَٔاخَرِينَۚ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ ذَٰلِكَ قَدِيرٗا ١٣٣

134. Người nào mong muốn phần thưởng của đời sống trần gian thì (hãy biết rằng) ở nơi Allah có phần thưởng của đời sống trần gian và cả Đời Sau. Quả thật, Allah hằng nghe, hằng thấy.

مَّن كَانَ يُرِيدُ ثَوَابَ ٱلدُّنۡيَا فَعِندَ ٱللَّهِ ثَوَابُ ٱلدُّنۡيَا
وَٱلۡأٓخِرَةِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ سَمِيعَۢا بَصِيرٗا ١٣٤

135. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy hiên ngang đứng lên bênh vực công lý như là những nhân chứng của Allah, cho dù điều đó có thể chống lại bản thân các ngươi hoặc chống lại cha mẹ và bà con ruột thịt của các ngươi. Dù (ai đó) giàu hay nghèo thì (các ngươi cũng đừng quan tâm) bởi Allah quan tâm đến hai người đó nhiều hơn các ngươi.(29) Cho nên, các ngươi chớ đừng chiều theo dục vọng của các ngươi để rồi các ngươi rời xa công lý. Nếu các ngươi làm trái hoặc ngoảnh mặt với (sự thật) thì (các ngươi hãy biết rằng) quả thật Allah thông toàn mọi điều các ngươi làm.[II]

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُونُواْ قَوَّٰمِينَ بِٱلۡقِسۡطِ
شُهَدَآءَ لِلَّهِ وَلَوۡ عَلَىٰٓ أَنفُسِكُمۡ أَوِ ٱلۡوَٰلِدَيۡنِ
وَٱلۡأَقۡرَبِينَۚ إِن يَكُنۡ غَنِيًّا أَوۡ فَقِيرٗا فَٱللَّهُ أَوۡلَىٰ بِهِمَاۖ
فَلَا تَتَّبِعُواْ ٱلۡهَوَىٰٓ أَن تَعۡدِلُواْۚ وَإِن تَلۡوُۥٓاْ أَوۡ تُعۡرِضُواْ
فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٗا ١٣٥

[I] (28) Người chồng không ly dị nhưng bỏ rơi hoàn toàn, làm cho người vợ đó có chồng cũng như không, người vợ đó giống như bị giam lỏng như một án tù treo vậy.

[II] (29) Chớ vì ai đó giàu có mà không dám nói lên sự thật cũng như không dám bênh vực cho điều chân lý; hoặc chớ vì thương cảm cho ai đó nghèo hèn mà không đành lòng thực thi theo lẽ công bằng. Người cầm cán cân công lý không được quan tâm đến tình trạng giàu nghèo của một ai đó trong việc phân xử và thi hành công lý. Kẻ giàu người nghèo đều được Allah quan tâm và Ngài biết rõ điều gì cải thiện cho họ.

136. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy tin nơi Allah, nơi Thiên Sứ của Ngài, nơi Kinh Sách (Qur'an) mà Ngài đã ban xuống cho Thiên Sứ của Ngài cũng như các Kinh Sách mà Ngài đã ban xuống trước đây. Người nào phủ nhận Allah, các Thiên Thần của Ngài, các Kinh Sách của Ngài, các Thiên Sứ của Ngài và Ngày Phán Xét Cuối Cùng thì quả thật y đã lầm lạc quá xa.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ ءَامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ
وَٱلۡكِتَٰبِ ٱلَّذِي نَزَّلَ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ وَٱلۡكِتَٰبِ ٱلَّذِيٓ
أَنزَلَ مِن قَبۡلُۚ وَمَن يَكۡفُرۡ بِٱللَّهِ وَمَلَٰٓئِكَتِهِۦ
وَكُتُبِهِۦ وَرُسُلِهِۦ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ فَقَدۡ ضَلَّ ضَلَٰلَۢا
بَعِيدًا ١٣٦

137. Quả thật, những ai đã có đức tin rồi phủ nhận đức tin sau đó lại có đức tin rồi phủ nhận đức tin lần nữa và sự vô đức tin càng tăng cường hơn thì chắc chắn Allah sẽ không tha thứ cho họ và sẽ không hướng dẫn họ đến con đường (chân lý).

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ثُمَّ كَفَرُواْ ثُمَّ ءَامَنُواْ ثُمَّ كَفَرُواْ
ثُمَّ ٱزۡدَادُواْ كُفۡرٗا لَّمۡ يَكُنِ ٱللَّهُ لِيَغۡفِرَ لَهُمۡ وَلَا
لِيَهۡدِيَهُمۡ سَبِيلَۢا ١٣٧

138. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy báo tin cho những kẻ giả tạo đức tin rằng bọn họ sẽ bị trừng phạt đau đớn.

بَشِّرِ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ بِأَنَّ لَهُمۡ عَذَابًا أَلِيمًا ١٣٨

139. Những ai nhận lấy những kẻ vô đức tin làm người bảo hộ thay vì những người có đức tin, lẽ nào họ muốn tìm quyền vinh ở nơi bọn người đó chăng? Quả thật, mọi quyền lực và vinh quang (thật sự) đều chỉ thuộc về một mình Allah.

ٱلَّذِينَ يَتَّخِذُونَ ٱلۡكَٰفِرِينَ أَوۡلِيَآءَ مِن دُونِ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَۚ أَيَبۡتَغُونَ عِندَهُمُ ٱلۡعِزَّةَ فَإِنَّ ٱلۡعِزَّةَ لِلَّهِ
جَمِيعٗا ١٣٩

140. Quả thật, Ngài đã ban lệnh cho các ngươi trong Thiên Kinh (Qur'an) rằng khi các ngươi nghe thấy các lời mặc khải của Allah bị phủ nhận hoặc bị chế giễu thì các ngươi chớ đừng tiếp tục ngồi cùng với bọn họ nữa cho tới khi bọn họ chuyển sang đề tài khác, còn không thì chắc chắn các ngươi cũng giống như bọn họ. Allah chắc chắn sẽ triệu tập toàn bộ những kẻ giả tạo đức tin và những kẻ vô đức tin vào trong Hỏa Ngục.

وَقَدۡ نَزَّلَ عَلَيۡكُمۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ أَنۡ إِذَا سَمِعۡتُمۡ
ءَايَٰتِ ٱللَّهِ يُكۡفَرُ بِهَا وَيُسۡتَهۡزَأُ بِهَا فَلَا تَقۡعُدُواْ
مَعَهُمۡ حَتَّىٰ يَخُوضُواْ فِي حَدِيثٍ غَيۡرِهِۦٓ إِنَّكُمۡ إِذٗا
مِّثۡلُهُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ جَامِعُ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱلۡكَٰفِرِينَ فِي
جَهَنَّمَ جَمِيعًا ١٤٠

141. Những ai đứng ngoài quan sát các ngươi, khi các ngươi được Allah ban cho sự thắng lợi thì bọn họ (liền đến để được chia phần) bảo: "Chẳng phải bọn tôi là người cùng phe với các vị hay sao?" Và khi những người vô đức tin chiếm phần thắng thì bọn họ cũng lại đến (với những kẻ vô đức tin đó), bảo: "Không phải bọn tôi đã giúp đỡ các người và ngăn cản các người khỏi tay của những người có đức tin đó sao?" Rồi đây vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, Allah sẽ phân xử giữa các ngươi (những người có đức tin và những kẻ giả tạo đức tin), và tất nhiên Allah không bao giờ mở đường cho những kẻ vô đức tin thắng được những người có đức tin.

ٱلَّذِينَ يَتَرَبَّصُونَ بِكُمۡ فَإِن كَانَ لَكُمۡ فَتۡحٞ مِّنَ
ٱللَّهِ قَالُوٓاْ أَلَمۡ نَكُن مَّعَكُمۡ وَإِن كَانَ لِلۡكَٰفِرِينَ
نَصِيبٞ قَالُوٓاْ أَلَمۡ نَسۡتَحۡوِذۡ عَلَيۡكُمۡ وَنَمۡنَعۡكُم مِّنَ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَۚ فَٱللَّهُ يَحۡكُمُ بَيۡنَكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ وَلَن
يَجۡعَلَ ٱللَّهُ لِلۡكَٰفِرِينَ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ سَبِيلًا ١٤١

142. Quả thật, những kẻ giả tạo đức tin tìm cách lừa dối Allah nhưng chính Ngài đã đánh lừa họ. Và mỗi khi họ đứng dậy hành lễ Salah thì họ chỉ đứng dậy một cách lười biếng, họ chỉ muốn phô trương cho mọi người nhìn thấy, và họ rất ít khi nhớ đến Allah.

إِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ يُخَٰدِعُونَ ٱللَّهَ وَهُوَ خَٰدِعُهُمۡ وَإِذَا
قَامُوٓاْ إِلَى ٱلصَّلَوٰةِ قَامُواْ كُسَالَىٰ يُرَآءُونَ ٱلنَّاسَ وَلَا
يَذۡكُرُونَ ٱللَّهَ إِلَّا قَلِيلٗا ١٤٢

143. Họ luôn ở trong tâm thái lưỡng lự và do dự, không biết đi theo bên này hay theo bên nọ. Người nào mà Allah đã làm cho y lầm lạc thì Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ không bao giờ tìm được cho y một con đường (đúng đắn).

مُّذَبۡذَبِينَ بَيۡنَ ذَٰلِكَ لَآ إِلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِ وَلَآ إِلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِۚ
وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَلَن تَجِدَ لَهُۥ سَبِيلٗا ١٤٣

144. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng nhận lấy những kẻ vô đức tin làm người bảo hộ thay vì những người có đức tin, chẳng lẽ các ngươi muốn Allah lấy đó làm cơ sở để trừng phạt các ngươi hay sao?!

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ ٱلۡكَٰفِرِينَ أَوۡلِيَآءَ
مِن دُونِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَۚ أَتُرِيدُونَ أَن تَجۡعَلُواْ لِلَّهِ
عَلَيۡكُمۡ سُلۡطَٰنٗا مُّبِينًا ١٤٤

145. Chắc chắn, những kẻ giả tạo đức tin sẽ bị đày xuống tận đáy của Ngục Lửa và Ngươi sẽ không bao giờ tìm được cho họ một vị cứu tinh nào.

إِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ فِي ٱلدَّرۡكِ ٱلۡأَسۡفَلِ مِنَ ٱلنَّارِ وَلَن تَجِدَ
لَهُمۡ نَصِيرًا ١٤٥

146. Ngoại trừ những ai biết ăn năn sám hối và sửa mình rồi bám chặt vào Allah, một lòng dâng trọn tôn giáo của họ cho Allah thì họ sẽ ở cùng với những người có đức tin; và Allah sẽ sớm ban cho những người có đức tin phần thưởng vĩ đại.

إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ وَأَصۡلَحُواْ وَٱعۡتَصَمُواْ بِٱللَّهِ
وَأَخۡلَصُواْ دِينَهُمۡ لِلَّهِ فَأُوْلَٰٓئِكَ مَعَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَۖ
وَسَوۡفَ يُؤۡتِ ٱللَّهُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ أَجۡرًا عَظِيمٗا ١٤٦

147. Allah không trừng phạt các ngươi khi các ngươi biết ơn và có đức tin (nơi Ngài), bởi Allah là Đấng Tri Ân, Đấng Hằng Biết.

مَّا يَفۡعَلُ ٱللَّهُ بِعَذَابِكُمۡ إِن شَكَرۡتُمۡ وَءَامَنتُمۡۚ وَكَانَ
ٱللَّهُ شَاكِرًا عَلِيمٗا ١٤٧

148. Allah không yêu thích việc la lối giữa công chúng với những lời xấu xa ngoại trừ ai đó bị đối xử bất công (thì được phép giải trình để lấy lại công bằng). Quả thật, Allah hằng nghe, hằng biết.

۞لَّا يُحِبُّ ٱللَّهُ ٱلۡجَهۡرَ بِٱلسُّوٓءِ مِنَ ٱلۡقَوۡلِ إِلَّا مَن
ظُلِمَۚ وَكَانَ ٱللَّهُ سَمِيعًا عَلِيمًا ١٤٨

149. Nếu các ngươi công khai hoặc giấu giếm việc làm tốt hoặc lượng thứ cho ai làm xấu với mình thì quả thật Allah là Đấng hằng lượng thứ, Đấng toàn năng.

إِن تُبۡدُواْ خَيۡرًا أَوۡ تُخۡفُوهُ أَوۡ تَعۡفُواْ عَن سُوٓءٖ فَإِنَّ
ٱللَّهَ كَانَ عَفُوّٗا قَدِيرًا ١٤٩

150. Quả thật, những kẻ vô đức tin nơi Allah và các Thiên Sứ của Ngài đồng thời muốn chia rẽ giữa Allah và các Thiên Sứ của Ngài; họ nói: “Chúng tôi chỉ có đức tin nơi một số Thiên Sứ và phủ nhận một số khác.” Họ muốn đi giữa con đường đó.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡفُرُونَ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦ وَيُرِيدُونَ أَن
يُفَرِّقُواْ بَيۡنَ ٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦ وَيَقُولُونَ نُؤۡمِنُ بِبَعۡضٖ
وَنَكۡفُرُ بِبَعۡضٖ وَيُرِيدُونَ أَن يَتَّخِذُواْ بَيۡنَ ذَٰلِكَ
سَبِيلًا ١٥٠

151. Họ đích thực là những kẻ vô đức tin. TA đã chuẩn bị sẵn cho những kẻ vô đức tin một sự trừng phạt nhục nhã.

أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡكَٰفِرُونَ حَقّٗاۚ وَأَعۡتَدۡنَا لِلۡكَٰفِرِينَ
عَذَابٗا مُّهِينٗا ١٥١

152. Ngược lại, những ai có đức tin nơi Allah và các Thiên Sứ của Ngài, không phân biệt bất cứ ai trong số các vị Thiên Sứ đó của Ngài thì họ là những người sớm được TA ban cho phần thưởng. Quả thật, Allah hằng tha thứ, hằng khoan dung.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦ وَلَمۡ يُفَرِّقُواْ بَيۡنَ أَحَدٖ
مِّنۡهُمۡ أُوْلَٰٓئِكَ سَوۡفَ يُؤۡتِيهِمۡ أُجُورَهُمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ
غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١٥٢

153. Người dân Kinh Sách (Do Thái) yêu cầu Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) mang xuống cho họ một quyển Kinh từ trên trời. (Điều này không lạ gì với bản tính của bọn họ) bởi trước đây, bọn họ đã từng yêu cầu Musa điều to tát hơn thế, bọn họ bảo: “Người hãy cho chúng tôi được nhìn thấy Allah”, thế là cả bọn họ bị đánh bởi lưỡi tầm sét do tội đại nghịch của họ. Sau đó bọn họ còn đúc ra một con bê để thờ sau khi đã chứng kiến biết bao bằng chứng rõ rệt. Tuy nhiên, TA (Allah) vẫn lượng thứ cho bọn họ và TA đã ban cho Musa một quyền hạn rõ rệt.

يَسۡـَٔلُكَ أَهۡلُ ٱلۡكِتَٰبِ أَن تُنَزِّلَ عَلَيۡهِمۡ كِتَٰبٗا مِّنَ
ٱلسَّمَآءِۚ فَقَدۡ سَأَلُواْ مُوسَىٰٓ أَكۡبَرَ مِن ذَٰلِكَ فَقَالُوٓاْ
أَرِنَا ٱللَّهَ جَهۡرَةٗ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلصَّٰعِقَةُ بِظُلۡمِهِمۡۚ ثُمَّ
ٱتَّخَذُواْ ٱلۡعِجۡلَ مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَتۡهُمُ ٱلۡبَيِّنَٰتُ
فَعَفَوۡنَا عَن ذَٰلِكَۚ وَءَاتَيۡنَا مُوسَىٰ سُلۡطَٰنٗا مُّبِينٗا ١٥٣

154. Và TA đã nâng ngọn núi At-Tur lên trên đầu bọn họ (để họ hoảng sợ mà hoàn thành) giao ước của họ; TA ra lệnh bọn họ hãy bước vào cửa (của Masjid Al-Aqsa) mà cúi đầu (nhưng họ lại quay lưng đi vào) và TA đã ra lệnh cho họ không được vi phạm lệnh cấm của ngày thứ bảy và TA đã lấy lời giao ước trịnh trọng của bọn họ.

وَرَفَعۡنَا فَوۡقَهُمُ ٱلطُّورَ بِمِيثَٰقِهِمۡ وَقُلۡنَا لَهُمُ ٱدۡخُلُواْ
ٱلۡبَابَ سُجَّدٗا وَقُلۡنَا لَهُمۡ لَا تَعۡدُواْ فِي ٱلسَّبۡتِ
وَأَخَذۡنَا مِنۡهُم مِّيثَٰقًا غَلِيظٗا ١٥٤

155. (TA đã nguyền rủa họ) bởi vì họ đã phản lại giao ước, phủ nhận các dấu hiệu của Allah, giết các vị Nabi một cách vô cớ và nói: “Con tim của chúng tôi đã được bao kín lại rồi”. Không, chính Allah đã đóng lên con tim của họ sự vô đức tin nên họ không có đức tin ngoại trừ một số ít.

فَبِمَا نَقۡضِهِم مِّيثَٰقَهُمۡ وَكُفۡرِهِم بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَقَتۡلِهِمُ
ٱلۡأَنۢبِيَآءَ بِغَيۡرِ حَقّٖ وَقَوۡلِهِمۡ قُلُوبُنَا غُلۡفُۢۚ بَلۡ طَبَعَ
ٱللَّهُ عَلَيۡهَا بِكُفۡرِهِمۡ فَلَا يُؤۡمِنُونَ إِلَّا قَلِيلٗا ١٥٥

156. Và (TA đã nguyền rủa họ) vì sự vô đức tin của họ cũng như vì câu nói vu khống nặng nề của họ về Maryam.

وَبِكُفۡرِهِمۡ وَقَوۡلِهِمۡ عَلَىٰ مَرۡيَمَ بُهۡتَٰنًا عَظِيمٗا ١٥٦

157. Và (TA đã nguyền rủa họ) vì lời nói của họ rằng chúng tôi đích thực đã giết chết Masih Ysa (Giê-su) con trai của Maryam, Thiên Sứ của Allah. Tuy nhiên, họ thực sự đã không giết được Y và cũng không hề đóng đinh được Y lên cây thập tự mà đó chỉ là một sự tương tự dành cho họ mà thôi. Những người tranh cãi nhau về sự việc đó đều không thoát được nỗi hoài nghi, họ đã không hề biết rõ về sự việc đó mà chỉ là sự phỏng đoán mà thôi. Họ chắc chắn đã không giết được Ysa.

وَقَوۡلِهِمۡ إِنَّا قَتَلۡنَا ٱلۡمَسِيحَ عِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ رَسُولَ
ٱللَّهِ وَمَا قَتَلُوهُ وَمَا صَلَبُوهُ وَلَٰكِن شُبِّهَ لَهُمۡۚ وَإِنَّ
ٱلَّذِينَ ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِ لَفِي شَكّٖ مِّنۡهُۚ مَا لَهُم بِهِۦ مِنۡ
عِلۡمٍ إِلَّا ٱتِّبَاعَ ٱلظَّنِّۚ وَمَا قَتَلُوهُ يَقِينَۢا ١٥٧

158. Đúng vậy, (họ đã không giết được Ysa) bởi Allah đã đưa Y lên nơi Ngài. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

بَل رَّفَعَهُ ٱللَّهُ إِلَيۡهِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا حَكِيمٗا ١٥٨

159. Tuy nhiên, không một người dân Kinh Sách nào trước khi chết lại không tin (rằng Ysa sẽ giáng trần trở lại). Và vào Ngày Phục Sinh, (Ysa) sẽ là nhân chứng cho (mọi việc làm của) họ.

وَإِن مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ إِلَّا لَيُؤۡمِنَنَّ بِهِۦ قَبۡلَ مَوۡتِهِۦۖ
وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يَكُونُ عَلَيۡهِمۡ شَهِيدٗا ١٥٩

160. Do hành vi sai trái bất công của người Do Thái và việc họ nhiều lần ngăn chặn con đường của Allah, TA đã cấm họ những thực phẩm tốt sạch mà họ đã được phép dùng (trước đó).

فَبِظُلۡمٖ مِّنَ ٱلَّذِينَ هَادُواْ حَرَّمۡنَا عَلَيۡهِمۡ طَيِّبَٰتٍ
أُحِلَّتۡ لَهُمۡ وَبِصَدِّهِمۡ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ كَثِيرٗا ١٦٠

161. Và (do tội) họ đã cho vay lấy lãi trong khi nó đã bị cấm và do việc họ ăn chặn tài sản bất chính của thiên hạ. TA đã chuẩn bị sẵn cho những kẻ vô đức tin trong bọn họ sự trừng phạt đau đớn.

وَأَخۡذِهِمُ ٱلرِّبَوٰاْ وَقَدۡ نُهُواْ عَنۡهُ وَأَكۡلِهِمۡ أَمۡوَٰلَ
ٱلنَّاسِ بِٱلۡبَٰطِلِۚ وَأَعۡتَدۡنَا لِلۡكَٰفِرِينَ مِنۡهُمۡ عَذَابًا
أَلِيمٗا ١٦١

162. Riêng những người thông thạo kiến thức trong số (những người Do Thái) và những người có đức tin đã (hết lòng) tin tưởng vào những điều được ban xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) cũng như những điều được ban xuống trước Ngươi, họ thiết lập lễ nguyện Salah, thực thi bổn phận Zakah, có đức tin nơi Allah và cõi Đời Sau, thì sẽ sớm được TA ban cho phần thưởng vĩ đại.

لَّٰكِنِ ٱلرَّٰسِخُونَ فِي ٱلۡعِلۡمِ مِنۡهُمۡ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ
يُؤۡمِنُونَ بِمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبۡلِكَۚ
وَٱلۡمُقِيمِينَ ٱلصَّلَوٰةَۚ وَٱلۡمُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ
بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ أُوْلَٰٓئِكَ سَنُؤۡتِيهِمۡ أَجۡرًا
عَظِيمًا ١٦٢

163. TA thực sự đã mặc khải cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) giống như việc TA đã mặc khải cho Nuh và các vị Nabi sau Y; và TA đã mặc khải cho Ibrahim, Isma‘il, Is-haq (Isaac), Ya’qub (Jacob), và các bộ lạc (của Israel); và TA đã mặc khải cho Ysa, Ayyub (Job), Yunus, Harun (Aaron) và Sulayman (Solomon), và TA cũng đã ban cho Dawood (David) Kinh Zabur (Thánh Thi).

۞إِنَّآ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ كَمَآ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ نُوحٖ وَٱلنَّبِيِّـۧنَ
مِنۢ بَعۡدِهِۦۚ وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ
وَيَعۡقُوبَ وَٱلۡأَسۡبَاطِ وَعِيسَىٰ وَأَيُّوبَ وَيُونُسَ
وَهَٰرُونَ وَسُلَيۡمَٰنَۚ وَءَاتَيۡنَا دَاوُۥدَ زَبُورٗا ١٦٣

164. Có một số Thiên Sứ, trước đây TA đã kể cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) nghe về Họ nhưng có một số Thiên Sứ TA đã không kể cho Ngươi nghe về Họ. Và Allah đã nói chuyện trực tiếp với Musa.

وَرُسُلٗا قَدۡ قَصَصۡنَٰهُمۡ عَلَيۡكَ مِن قَبۡلُ وَرُسُلٗا لَّمۡ
نَقۡصُصۡهُمۡ عَلَيۡكَۚ وَكَلَّمَ ٱللَّهُ مُوسَىٰ تَكۡلِيمٗا ١٦٤

165. Các vị Thiên Sứ vừa là những người báo tin mừng (cho người có đức tin) vừa là những người cảnh báo (đến những kẻ vô đức tin) để nhân loại không còn có lý do khiếu nại trước Allah sau khi các vị Thiên Sứ được phái đến (gặp họ). Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

رُّسُلٗا مُّبَشِّرِينَ وَمُنذِرِينَ لِئَلَّا يَكُونَ لِلنَّاسِ عَلَى
ٱللَّهِ حُجَّةُۢ بَعۡدَ ٱلرُّسُلِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا حَكِيمٗا ١٦٥

166. (Những người Do Thái đã phủ nhận Ngươi – Thiên Sứ Muhammad) nhưng một mình Allah đã đủ làm chứng cho những điều mà Ngài đã ban xuống cho Ngươi. Ngài đã ban Nó (Qur'an) xuống (cho Ngươi) bằng kiến thức của Ngài, và các vị Thiên Thần (của Ngài) làm chứng (cho điều đó). Quả thật, một mình Allah thôi đã đủ làm chứng (cho điều đó).

لَّٰكِنِ ٱللَّهُ يَشۡهَدُ بِمَآ أَنزَلَ إِلَيۡكَۖ أَنزَلَهُۥ بِعِلۡمِهِۦۖ
وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَشۡهَدُونَۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدًا ١٦٦

167. Chắc chắn những kẻ vô đức tin và ngăn chặn con đường chính nghĩa của Allah đã lầm lạc quá xa.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ قَدۡ
ضَلُّواْ ضَلَٰلَۢا بَعِيدًا ١٦٧

168. Chắc chắn những kẻ vô đức tin và làm điều sai quấy chẳng bao giờ được Allah tha thứ và cũng không được Ngài hướng dẫn đến với bất cứ con đường (đúng đắn) nào.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَظَلَمُواْ لَمۡ يَكُنِ ٱللَّهُ لِيَغۡفِرَ
لَهُمۡ وَلَا لِيَهۡدِيَهُمۡ طَرِيقًا ١٦٨

169. (Họ sẽ không được hướng dẫn đến bất cứ con đường nào) ngoài con đường dẫn họ đến Hỏa Ngục, nơi mà họ sẽ mãi mãi ở trong đó. Quả thật, sự việc đó thật dễ dàng đối với Allah.

إِلَّا طَرِيقَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى
ٱللَّهِ يَسِيرٗا ١٦٩

170. Hỡi nhân loại, chắc chắn Thiên Sứ (Muhammad) đã đến với các ngươi mang theo Chân Lý từ Thượng Đế của các ngươi. Bởi thế, các ngươi hãy tin nơi Y, điều đó tốt cho các ngươi, còn nếu các ngươi phủ nhận Y thì quả thật vạn vật trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về Allah. Và Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ قَدۡ جَآءَكُمُ ٱلرَّسُولُ بِٱلۡحَقِّ مِن
رَّبِّكُمۡ فَـَٔامِنُواْ خَيۡرٗا لَّكُمۡۚ وَإِن تَكۡفُرُواْ فَإِنَّ لِلَّهِ
مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا
حَكِيمٗا ١٧٠

171. Hỡi dân Kinh Sách (Thiên Chúa), các người chớ đừng thái quá trong tôn giáo của mình, chớ đừng nói về Allah ngoại trừ đúng theo chân lý. Quả thật, Masih Ysa con trai của Maryam chỉ là một Sứ Giả của Allah và (Ngài tạo ra Y từ) một lời phán được thổi vào Maryam và linh hồn từ Ngài. Cho nên các ngươi hãy tin vào Allah, tin vào các Thiên Sứ của Ngài và chớ đừng nói chúa ba ngôi, các ngươi hãy dừng lại ngay, điều đó tốt cho các ngươi. Quả thật, Allah là Đấng duy nhất, Ngài Siêu Việt vượt bên trên việc Ngài có một đứa con, vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trong trái đất đều thuộc về Ngài. Quả thật, một mình Allah thôi đã đủ điều hành và chi phối mọi thứ.

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لَا تَغۡلُواْ فِي دِينِكُمۡ وَلَا تَقُولُواْ
عَلَى ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡحَقَّۚ إِنَّمَا ٱلۡمَسِيحُ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ
رَسُولُ ٱللَّهِ وَكَلِمَتُهُۥٓ أَلۡقَىٰهَآ إِلَىٰ مَرۡيَمَ وَرُوحٞ مِّنۡهُۖ
فَـَٔامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦۖ وَلَا تَقُولُواْ ثَلَٰثَةٌۚ ٱنتَهُواْ خَيۡرٗا
لَّكُمۡۚ إِنَّمَا ٱللَّهُ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ سُبۡحَٰنَهُۥٓ أَن يَكُونَ لَهُۥ
وَلَدٞۘ لَّهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ
وَكِيلٗا ١٧١

172. Masih (Ysa) chẳng có gì phải e ngại khi là một người bề tôi của Allah, và các vị Thiên thần cận kề (Ngài) cũng vậy. Người nào xem thường việc thờ phượng Ngài và tỏ thái độ ngạo mạn thì Ngài sẽ triệu tập họ toàn bộ trình diện trước Ngài.

لَّن يَسۡتَنكِفَ ٱلۡمَسِيحُ أَن يَكُونَ عَبۡدٗا لِّلَّهِ وَلَا
ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ ٱلۡمُقَرَّبُونَۚ وَمَن يَسۡتَنكِفۡ عَنۡ عِبَادَتِهِۦ
وَيَسۡتَكۡبِرۡ فَسَيَحۡشُرُهُمۡ إِلَيۡهِ جَمِيعٗا ١٧٢

173. Đối với những ai có đức tin và hành thiện thì Ngài (Allah) sẽ ban cho họ đầy đủ phần công đức của họ và Ngài sẽ ban thêm cho họ phần thiên lộc của Ngài. Ngược lại, đối với những ai xem thường và tỏ ra ngạo mạn thì Ngài sẽ trừng phạt họ bằng hình phạt đau đớn, và họ sẽ không tìm được ai ngoài Allah làm người bảo hộ và giúp đỡ.

فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَيُوَفِّيهِمۡ
أُجُورَهُمۡ وَيَزِيدُهُم مِّن فَضۡلِهِۦۖ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ
ٱسۡتَنكَفُواْ وَٱسۡتَكۡبَرُواْ فَيُعَذِّبُهُمۡ عَذَابًا أَلِيمٗا وَلَا
يَجِدُونَ لَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرٗا ١٧٣

174. Hỡi nhân loại, quả thật đã có một bằng chứng xác thực từ Thượng Đế của các ngươi đến với các ngươi; và TA đã ban xuống cho các ngươi một nguồn ánh sáng rõ rệt (Qur’an).

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ قَدۡ جَآءَكُم بُرۡهَٰنٞ مِّن رَّبِّكُمۡ
وَأَنزَلۡنَآ إِلَيۡكُمۡ نُورٗا مُّبِينٗا ١٧٤

175. Cho nên, đối với những ai có đức tin nơi Allah và bám chặt vào (Qur’an) thì Ngài sẽ thu nhận họ vào lòng thương xót và thiên lộc của Ngài (Thiên Đàng) và Ngài sẽ hướng dẫn họ đến với Ngài trên con đường ngay chính.

فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَٱعۡتَصَمُواْ بِهِۦ
فَسَيُدۡخِلُهُمۡ فِي رَحۡمَةٖ مِّنۡهُ وَفَضۡلٖ وَيَهۡدِيهِمۡ إِلَيۡهِ
صِرَٰطٗا مُّسۡتَقِيمٗا ١٧٥

176. Họ hỏi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) về quyền thừa kế của người không cha mẹ và con cái. Ngươi hãy nói: “Allah quy định cho các ngươi như sau: Trường hợp người chết không có con cái (để thừa kế) mà chỉ có mỗi chị (em) gái ruột (hoặc chị em cùng cha) thì người này được hưởng một nửa (1/2) tài sản của y để lại. Và (anh em trai) được thừa kế tài sản của (chị em gái) chết đi nhưng không có con. Trường hợp người chết có hai chị (em) gái thì hai người này cùng hưởng hai phần ba (2/3) số tài sản mà y để lại. Trường hợp người chết có nhiều anh chị em gồm cả nam và nữ thì chia theo quy tắc nam thừa kế gấp đôi nữ.” Allah đã giảng giải rõ ràng cho các ngươi như thế để các ngươi không bị sai lạc (khi chia tài sản). Quả thật, Allah là Đấng hằng biết mọi thứ.

يَسۡتَفۡتُونَكَ قُلِ ٱللَّهُ يُفۡتِيكُمۡ فِي ٱلۡكَلَٰلَةِۚ إِنِ ٱمۡرُؤٌاْ
هَلَكَ لَيۡسَ لَهُۥ وَلَدٞ وَلَهُۥٓ أُخۡتٞ فَلَهَا نِصۡفُ مَا
تَرَكَۚ وَهُوَ يَرِثُهَآ إِن لَّمۡ يَكُن لَّهَا وَلَدٞۚ فَإِن كَانَتَا
ٱثۡنَتَيۡنِ فَلَهُمَا ٱلثُّلُثَانِ مِمَّا تَرَكَۚ وَإِن كَانُوٓاْ إِخۡوَةٗ
رِّجَالٗا وَنِسَآءٗ فَلِلذَّكَرِ مِثۡلُ حَظِّ ٱلۡأُنثَيَيۡنِۗ يُبَيِّنُ
ٱللَّهُ لَكُمۡ أَن تَضِلُّواْۗ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمُۢ ١٧٦

Al-Ma-idah (Bàn Thức Ăn) المائدة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy thực hiện đúng các giao ước. Các ngươi được phép ăn (thịt) các loại gia súc ngoại trừ những loại nào đã công bố cấm các ngươi; và các ngươi không được phép ăn thịt các thú săn trong lúc các ngươi đang trong tình trạng hãm mình (làm Hajj hoặc ‘Umrah). Quả thật, Allah quy định bất cứ điều gì Ngài muốn.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَوۡفُواْ بِٱلۡعُقُودِۚ أُحِلَّتۡ لَكُم
بَهِيمَةُ ٱلۡأَنۡعَٰمِ إِلَّا مَا يُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡ غَيۡرَ مُحِلِّي
ٱلصَّيۡدِ وَأَنتُمۡ حُرُمٌۗ إِنَّ ٱللَّهَ يَحۡكُمُ مَا يُرِيدُ ١

2. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ phạm những biểu hiệu của Allah(1), chớ phạm các tháng cấm kỵ(2), chớ phạm đến các con vật tế cũng như những con vật đeo vòng cổ (làm dấu chúng là những con vật tế) và chớ (vi phạm sự an toàn) đến những người hướng đến Ngôi Nhà Al-Haram (Ngôi Đền Ka’bah) để tìm kiếm hồng phúc và sự hài lòng của Thượng Đế của họ. Rồi khi nào các ngươi hoàn thành xong việc hành hương thì các ngươi được tự do săn bắt. Các ngươi chớ đừng vì việc bị nhóm người nào đó ngăn cản các ngươi đến Masjid Al-Haram khiến các ngươi có hành động phạm giới. Các ngươi hãy giúp nhau làm điều đạo đức và Taqwa (ngay chính, sợ Allah) và chớ tiếp tay nhau làm điều tội lỗi và gây hận thù. Các ngươi hãy kính sợ Allah, quả thật Allah thực sự nghiêm khắc trong việc trừng phạt.[1]

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُحِلُّواْ شَعَٰٓئِرَ ٱللَّهِ وَلَا
ٱلشَّهۡرَ ٱلۡحَرَامَ وَلَا ٱلۡهَدۡيَ وَلَا ٱلۡقَلَٰٓئِدَ وَلَآ ءَآمِّينَ
ٱلۡبَيۡتَ ٱلۡحَرَامَ يَبۡتَغُونَ فَضۡلٗا مِّن رَّبِّهِمۡ وَرِضۡوَٰنٗاۚ
وَإِذَا حَلَلۡتُمۡ فَٱصۡطَادُواْۚ وَلَا يَجۡرِمَنَّكُمۡ شَنَـَٔانُ قَوۡمٍ
أَن صَدُّوكُمۡ عَنِ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ أَن تَعۡتَدُواْۘ
وَتَعَاوَنُواْ عَلَى ٱلۡبِرِّ وَٱلتَّقۡوَىٰۖ وَلَا تَعَاوَنُواْ عَلَى ٱلۡإِثۡمِ
وَٱلۡعُدۡوَٰنِۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۖ إِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٢

3. Các ngươi bị cấm ăn động vật chết, máu (tiết), thịt heo, những con vật cúng tế (cho ai khác) ngoài Allah (hoặc không nhân danh Allah lúc cắt tiết), những con vật bị giết bằng cách làm cho chết ngạt, những con vật bị giết bằng cách đánh đập, những con vật bị giết bằng cách thả rơi từ trên cao xuống, những con vật bị giết bằng cách cho chúng húc nhau, những con vật bị thú dữ ăn thịt trừ phi các ngươi kịp thời cắt tiết chúng (lúc chúng vẫn chưa chết); các ngươi bị cấm ăn thịt những con vật được giết cúng tế trên đá (cho các thần linh ngoài Allah) và các ngươi bị cấm chia phần bằng hình thức xin xăm. Quả thật, tất cả những thứ (bị cấm) đó đều bẩn thỉu, ô uế. Ngày nay, những kẻ vô đức tin đã mất hết vi vọng (trong việc phá hoại) tôn giáo của các ngươi, cho nên, các ngươi chớ đừng sợ bọn họ mà hãy sợ TA. Ngày nay, TA đã hoàn chỉnh tôn giáo cho các ngươi, TA đã hoàn tất ân huệ của TA cho các ngươi, và TA đã hài lòng chọn Islam làm tôn giáo cho các ngươi. Tuy nhiên, người nào do quá đói

حُرِّمَتۡ عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَيۡتَةُ وَٱلدَّمُ وَلَحۡمُ ٱلۡخِنزِيرِ وَمَآ
أُهِلَّ لِغَيۡرِ ٱللَّهِ بِهِۦ وَٱلۡمُنۡخَنِقَةُ وَٱلۡمَوۡقُوذَةُ وَٱلۡمُتَرَدِّيَةُ
وَٱلنَّطِيحَةُ وَمَآ أَكَلَ ٱلسَّبُعُ إِلَّا مَا ذَكَّيۡتُمۡ وَمَا ذُبِحَ
عَلَى ٱلنُّصُبِ وَأَن تَسۡتَقۡسِمُواْ بِٱلۡأَزۡلَٰمِۚ ذَٰلِكُمۡ فِسۡقٌۗ
ٱلۡيَوۡمَ يَئِسَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن دِينِكُمۡ فَلَا
تَخۡشَوۡهُمۡ وَٱخۡشَوۡنِۚ ٱلۡيَوۡمَ أَكۡمَلۡتُ لَكُمۡ دِينَكُمۡ
وَأَتۡمَمۡتُ عَلَيۡكُمۡ نِعۡمَتِي وَرَضِيتُ لَكُمُ ٱلۡإِسۡلَٰمَ
دِينٗاۚ فَمَنِ ٱضۡطُرَّ فِي مَخۡمَصَةٍ غَيۡرَ مُتَجَانِفٖ لِّإِثۡمٖ
فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٣

[1] (1) Là những điều cấm đối với những người hành hương Hajj và ‘Umrah như mặc đồ may sẵn, xức dầu thơm…; (2) Các tháng cấm kỵ gồm bốn tháng là Zdul Qa’dah, Zdul Hijjah, Muharram và Rajab (tháng 11, tháng 12, tháng giêng và tháng 7 của Islam).

(phải ăn những thứ cấm kia để sinh tồn) chứ không có khuynh hướng phạm tội thì quả thật Allah là Đấng Hằng Lượng Thứ, Hằng Khoan Dung.

4. Họ (Các vị Sahabah(3)) hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thực phẩm nào họ được phép dùng, Ngươi hãy bảo họ: “Các ngươi được phép dùng những loại thực phẩm tốt sạch. Những thú săn mà các ngươi đã huấn luyện chúng đúng theo những gì Allah đã dạy các ngươi, các ngươi hãy ăn thịt những con vật mà chúng bắt được cho các ngươi, tuy nhiên, các ngươi hãy nhân danh Allah khi thả chúng.(4)” Các ngươi hãy kính sợ Allah, bởi quả thật, Allah rất nhanh chóng trong việc thanh toán (phán xét và thưởng phạt).[I]

يَسۡـَٔلُونَكَ مَاذَآ أُحِلَّ لَهُمۡۖ قُلۡ أُحِلَّ لَكُمُ ٱلطَّيِّبَٰتُ وَمَا عَلَّمۡتُم مِّنَ ٱلۡجَوَارِحِ مُكَلِّبِينَ تُعَلِّمُونَهُنَّ مِمَّا عَلَّمَكُمُ ٱللَّهُۖ فَكُلُواْ مِمَّآ أَمۡسَكۡنَ عَلَيۡكُمۡ وَٱذۡكُرُواْ ٱسۡمَ ٱللَّهِ عَلَيۡهِۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلۡحِسَابِ ﴿٤﴾

5. Ngày nay, các ngươi được phép ăn các thực phẩm tốt sạch. Và thức ăn của dân Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa)(5) Halal (được phép ăn) cho các ngươi và thức ăn của các ngươi Halal cho họ. (Các ngươi được phép cưới) những phụ nữ đoan chính (tự do) trong số những phụ nữ có đức tin và những phụ nữ đoan chính thuộc dân Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa) thời trước các ngươi với điều kiện các ngươi phải trao tặng tiền cưới đàng hoàng cho họ vì họ là vợ của các ngươi chứ không phải món đồ tình dục hay người tình lén lút. Người nào phủ nhận đức tin thì quả thật mọi việc làm (thiện tốt) của y bị xóa sạch và ở Đời Sau y sẽ là một kẻ thất bại.[II]

ٱلۡيَوۡمَ أُحِلَّ لَكُمُ ٱلطَّيِّبَٰتُۖ وَطَعَامُ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ حِلّٞ لَّكُمۡ وَطَعَامُكُمۡ حِلّٞ لَّهُمۡۖ وَٱلۡمُحۡصَنَٰتُ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ وَٱلۡمُحۡصَنَٰتُ مِنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ مِن قَبۡلِكُمۡ إِذَآ ءَاتَيۡتُمُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ مُحۡصِنِينَ غَيۡرَ مُسَٰفِحِينَ وَلَا مُتَّخِذِيٓ أَخۡدَانٖۗ وَمَن يَكۡفُرۡ بِٱلۡإِيمَٰنِ فَقَدۡ حَبِطَ عَمَلُهُۥ وَهُوَ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ﴿٥﴾

6. Hỡi những người có đức tin, khi các ngươi muốn dâng lễ nguyện Salah thì các ngươi (phải làm Wudu’ bằng cách) rửa mặt của các ngươi, hai tay của các ngươi đến khỏi cùi chỏ, các ngươi hãy (dùng hai bàn tay thấm nước) vuốt đầu của các ngươi, (sau đó) các ngươi rửa hai bàn chân của các ngươi đến mắt cá. Trường hợp các ngươi trong tình trạng Junub(6) thì các ngươi phải rửa toàn thân (tắm). Trường hợp các ngươi bị bệnh hoặc đang trên đường đi xa hoặc sau khi đại tiểu tiện hoặc sau khi chung đụng (ăn nằm) với vợ nhưng không tìm thấy nước (để tẩy rửa) thì các ngươi hãy Tayammum(7) trên đất sạch, các ngươi hãy lau mặt và hai tay của các ngươi. Allah không hề muốn gây khó khăn cho các ngươi mà Ngài chỉ muốn

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا قُمۡتُمۡ إِلَى ٱلصَّلَوٰةِ فَٱغۡسِلُواْ وُجُوهَكُمۡ وَأَيۡدِيَكُمۡ إِلَى ٱلۡمَرَافِقِ وَٱمۡسَحُواْ بِرُءُوسِكُمۡ وَأَرۡجُلَكُمۡ إِلَى ٱلۡكَعۡبَيۡنِۚ وَإِن كُنتُمۡ جُنُبٗا فَٱطَّهَّرُواْۚ وَإِن كُنتُم مَّرۡضَىٰٓ أَوۡ عَلَىٰ سَفَرٍ أَوۡ جَآءَ أَحَدٞ مِّنكُم مِّنَ ٱلۡغَآئِطِ أَوۡ لَٰمَسۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَلَمۡ تَجِدُواْ مَآءٗ فَتَيَمَّمُواْ صَعِيدٗا طَيِّبٗا فَٱمۡسَحُواْ بِوُجُوهِكُمۡ وَأَيۡدِيكُم مِّنۡهُۚ مَا يُرِيدُ ٱللَّهُ لِيَجۡعَلَ

[I] (3) Sahabah là những ai dù nam hay nữ, già hay trẻ đã gặp được Thiên Sứ một lần, tin tưởng vào Người và chết là người Muslim. Có thể tạm dịch là bạn đạo của Thiên Sứ. (4) Tất cả động vật có nanh và móng vuốt như chim ưng, đại bàng, chó, sói, linh cẩu, beo... đều được phép huấn luyện thành thú săn. Một con thú được sử dụng đi săn là con thú có thể nghe theo mệnh lệnh người chủ, nghĩa là khi người chủ ra lệnh bảo nó đi thì nó đi và khi gọi nó về thì nó sẽ trở về. Và khi thả thú săn đi săn, chỉ cần đọc “Bismillah” thì được phép ăn thịt con vật mà nó săn được (miễn sao con vật săn được thuộc những loại được phép ăn thịt); nếu con vật còn sống thì cắt tiết nó và nhân danh Allah, còn nếu con vật đã chết thì không cần cắt tiết.

[II] (5) Bao gồm cả động vật mà họ cắt tiết.

tẩy sạch các ngươi, Ngài chỉ muốn hoàn tất ân huệ của Ngài cho các ngươi, mong rằng các ngươi biết tri ân.[ı]

عَلَيۡكُم مِّنۡ حَرَجٖ وَلَٰكِن يُرِيدُ لِيُطَهِّرَكُمۡ وَلِيُتِمَّ
نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٦

7. Các ngươi hãy nhớ ân huệ của Allah đã ban cho các ngươi và (các ngươi hãy nhớ) giao ước mà các ngươi đã cam kết với Ngài khi các ngươi nói “chúng tôi xin nghe và tuân lệnh”. Các ngươi hãy kính sợ Allah, quả thật Allah hằng biết mọi điều trong lòng (của các ngươi).

وَٱذۡكُرُواْ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ وَمِيثَٰقَهُ ٱلَّذِي
وَاثَقَكُم بِهِۦٓ إِذۡ قُلۡتُمۡ سَمِعۡنَا وَأَطَعۡنَاۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ
إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٧

8. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy là những người đứng lên làm những nhân chứng cho Allah một cách công bằng. Các ngươi chớ đừng để cho lòng hận thù đối với một đám người nào đó khiến các ngươi hành động bất công, các ngươi hãy công bằng vô tư, điều đó gần với sự ngoan đạo nhất. Các ngươi hãy kính sợ Allah, quả thật, Allah là Đấng Thông Toàn mọi việc các ngươi làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُونُواْ قَوَّٰمِينَ لِلَّهِ شُهَدَآءَ
بِٱلۡقِسۡطِۖ وَلَا يَجۡرِمَنَّكُمۡ شَنَـَٔانُ قَوۡمٍ عَلَىٰٓ أَلَّا
تَعۡدِلُواْۚ ٱعۡدِلُواْ هُوَ أَقۡرَبُ لِلتَّقۡوَىٰۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ
ٱللَّهَ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ٨

9. Allah đã hứa với những người có đức tin và hành thiện rằng họ sẽ được tha thứ và được ban thưởng phần thưởng vĩ đại (Thiên Đàng).

وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُم
مَّغۡفِرَةٞ وَأَجۡرٌ عَظِيمٞ ٩

10. Và những kẻ vô đức tin và phủ nhận các lời mặc khải của TA thì sẽ là những người bạn của Hỏa Ngục.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ
ٱلۡجَحِيمِ ١٠

11. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy nhớ lại ân huệ của Allah đã ban cho các ngươi khi có một đám người muốn ra tay hãm hại các ngươi, Ngài đã ngăn họ khỏi các ngươi. Do đó, các ngươi hãy kính sợ Allah; và những người có đức tin hãy nên phó thác cho Allah.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ
إِذۡ هَمَّ قَوۡمٌ أَن يَبۡسُطُوٓاْ إِلَيۡكُمۡ أَيۡدِيَهُمۡ فَكَفَّ
أَيۡدِيَهُمۡ عَنكُمۡۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ
ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ١١

12. Quả thật, Allah đã nhận lấy giao ước của dân Israel và dựng lên trong số họ mười hai vị lãnh đạo. Allah phán bảo họ: “TA chắc chắn sẽ ở cùng với các ngươi nếu các ngươi duy trì lễ nguyện Salah, đóng Zakah, tin nơi các Thiên Sứ của TA, phò trợ Họ và cho Allah mượn(8) một cái mượn tốt thì TA sẽ bôi xóa tội lỗi cho các ngươi và thu nhận các ngươi vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy. Nhưng ai trong các ngươi vô đức tin sau

۞وَلَقَدۡ أَخَذَ ٱللَّهُ مِيثَٰقَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ وَبَعَثۡنَا مِنۡهُمُ
ٱثۡنَيۡ عَشَرَ نَقِيبٗاۖ وَقَالَ ٱللَّهُ إِنِّي مَعَكُمۡۖ لَئِنۡ أَقَمۡتُمُ
ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَيۡتُمُ ٱلزَّكَوٰةَ وَءَامَنتُم بِرُسُلِي وَعَزَّرۡتُمُوهُمۡ
وَأَقۡرَضۡتُمُ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗا لَّأُكَفِّرَنَّ عَنكُمۡ
سَيِّـَٔاتِكُمۡ وَلَأُدۡخِلَنَّكُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا

[ı] (6) Junub hoặc Janabah là tình trạng chưa tẩy rửa sau khi đã quan hệ tình dục, xuất tinh hoặc dứt kỳ kinh nguyệt.; (7) Tayammum là hình thức thay cho Wudu’ và tắm bắt buộc trong trường hợp không có nước, hiếm nước hoặc không thể sử dụng nước. Cách thức Tayammum theo đúng sự hướng dẫn của Thiên Sứ Muhammad: Vỗ hai bàn tay xuống đất khô, sạch một lần rồi lau mặt, sau đó bàn tay trái lau lên mu bàn tay phải và ngược lại.

đó thì quả thật y đã lạc khỏi con đường (ngay chính của Islam).[1]

ٱلۡأَنۡهَٰرُۚ فَمَن كَفَرَ بَعۡدَ ذَٰلِكَ مِنكُمۡ فَقَدۡ ضَلَّ
سَوَآءَ ٱلسَّبِيلِ ﴿١٢﴾

13. Bởi vì họ đã phá vỡ giao ước nên TA đã nguyền rủa họ và TA đã làm cho con tim của họ trở nên chai cứng. Họ bóp méo các lời (của Allah trong Kinh Sách bằng lời lẽ của riêng họ) và họ đã quên mất một phần mà họ được nhắc nhở trong đó. Và Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ vẫn thấy sự gian dối của họ ngoại trừ một số ít. Nhưng thôi, Ngươi hãy bỏ qua và đừng tính toán với họ; quả thật, Allah yêu thương những người làm điều tốt.

فَبِمَا نَقۡضِهِم مِّيثَٰقَهُمۡ لَعَنَّٰهُمۡ وَجَعَلۡنَا قُلُوبَهُمۡ
قَٰسِيَةٗۖ يُحَرِّفُونَ ٱلۡكَلِمَ عَن مَّوَاضِعِهِۦ وَنَسُواْ حَظّٗا
مِّمَّا ذُكِّرُواْ بِهِۦۚ وَلَا تَزَالُ تَطَّلِعُ عَلَىٰ خَآئِنَةٖ مِّنۡهُمۡ
إِلَّا قَلِيلٗا مِّنۡهُمۡۖ فَٱعۡفُ عَنۡهُمۡ وَٱصۡفَحۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ
يُحِبُّ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ﴿١٣﴾

14. Trong số những ai đã nói chúng tôi là những tín đồ Thiên Chúa, TA (Allah) đã nhận giao ước của họ, nhưng họ đã quên mất một phần mà họ được nhắc nhở trong đó. Thế là TA đã gây ra giữa họ sự hận thù và oán ghét lẫn nhau cho đến Ngày Tận Thế. Và Allah sẽ cho họ biết những gì mà họ đã từng làm.

وَمِنَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّا نَصَٰرَىٰٓ أَخَذۡنَا مِيثَٰقَهُمۡ فَنَسُواْ
حَظّٗا مِّمَّا ذُكِّرُواْ بِهِۦ فَأَغۡرَيۡنَا بَيۡنَهُمُ ٱلۡعَدَاوَةَ
وَٱلۡبَغۡضَآءَ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ وَسَوۡفَ يُنَبِّئُهُمُ ٱللَّهُ بِمَا
كَانُواْ يَصۡنَعُونَ ﴿١٤﴾

15. Hỡi người dân Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa), quả thật Thiên Sứ (Muhammad) của TA đã đến gặp các ngươi trình bày rõ ràng cho các ngươi nhiều điều mà các ngươi đã che giấu trong Kinh Sách (được ban xuống cho các ngươi) và lờ đi nhiều điều. Quả thật đã đến với các ngươi nguồn ánh sáng và Kinh Sách minh bạch (Qur'an) từ nơi Allah.

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ قَدۡ جَآءَكُمۡ رَسُولُنَا يُبَيِّنُ لَكُمۡ
كَثِيرٗا مِّمَّا كُنتُمۡ تُخۡفُونَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَيَعۡفُواْ عَن
كَثِيرٖۚ قَدۡ جَآءَكُم مِّنَ ٱللَّهِ نُورٞ وَكِتَٰبٞ مُّبِينٞ ﴿١٥﴾

16. Với (Qur'an), Allah hướng dẫn những ai đi theo sự hài lòng của Ngài đến với những con đường bình an (thoát khỏi sự trừng phạt) và đưa họ ra khỏi nơi tăm tối đến với ánh sáng theo sự ưng thuận của Ngài; và Ngài hướng dẫn họ đến con đường ngay chính.

يَهۡدِي بِهِ ٱللَّهُ مَنِ ٱتَّبَعَ رِضۡوَٰنَهُۥ سُبُلَ ٱلسَّلَٰمِ
وَيُخۡرِجُهُم مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ بِإِذۡنِهِۦ
وَيَهۡدِيهِمۡ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ﴿١٦﴾

17. Quả thật, những ai nói "Allah chính là Masih (Giê-su) con trai của Maryam (Maria)" là những kẻ vô đức tin. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: "Vậy thì ai có quyền ngăn Allah khi Ngài muốn tiêu diệt Masih con trai của Maryam và mẹ của Y cùng toàn thể loài người trên trái đất?!" Quả thật, Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa chúng, Ngài tạo ra bất cứ thứ gì Ngài muốn, và Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

لَّقَدۡ كَفَرَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ
مَرۡيَمَۚ قُلۡ فَمَن يَمۡلِكُ مِنَ ٱللَّهِ شَيۡـًٔا إِنۡ أَرَادَ أَن
يُهۡلِكَ ٱلۡمَسِيحَ ٱبۡنَ مَرۡيَمَ وَأُمَّهُۥ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ
جَمِيعٗاۗ وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَاۚ
يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ﴿١٧﴾

[1] (8) Ngụ ý chi dùng tài sản, của cải cho con đường chính nghĩa của Allah.

18. Người Do Thái cũng như tín đồ Thiên Chúa đều bảo: “Chúng tôi là những đứa con của Allah và là những người được Ngài thương yêu.” Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Nếu đúng như vậy, sao các ngươi lại bị Ngài trừng phạt bởi tội lỗi của các ngươi kia chứ?! Không, các ngươi cũng chỉ là những con người phàm tục mà Ngài đã tạo ra mà thôi. Ngài muốn tha thứ cho ai là tùy ý Ngài và muốn trừng phạt ai cũng tùy ý Ngài. Bởi Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa chúng; mọi vật đều phải quay về (trình diện) Ngài.”

وَقَالَتِ ٱلۡيَهُودُ وَٱلنَّصَٰرَىٰ نَحۡنُ أَبۡنَٰٓؤُاْ ٱللَّهِ
وَأَحِبَّٰٓؤُهُۥۚ قُلۡ فَلِمَ يُعَذِّبُكُم بِذُنُوبِكُمۖ بَلۡ أَنتُم
بَشَرٞ مِّمَّنۡ خَلَقَۚ يَغۡفِرُ لِمَن يَشَآءُ وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُۚ
وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَاۖ وَإِلَيۡهِ
ٱلۡمَصِيرُ ١٨

19. Hỡi dân Kinh Sách, quả thật Thiên Sứ (Muhammad) của TA đã đến gặp các ngươi trình bày rõ cho các ngươi về việc (ngừng gửi) các Sứ Giả trong một khoảng thời gian, kẻo các ngươi nói: “Chẳng có một (vị Sứ Giả) nào đến báo tin mừng cũng như cảnh báo chúng tôi cả!” Do đó, (Thiên Sứ Muhammad), một vị vừa báo tin mừng đồng thời vừa cảnh báo đã đến gặp các ngươi. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ قَدۡ جَآءَكُمۡ رَسُولُنَا يُبَيِّنُ لَكُمۡ
عَلَىٰ فَتۡرَةٖ مِّنَ ٱلرُّسُلِ أَن تَقُولُواْ مَا جَآءَنَا مِنۢ بَشِيرٖ
وَلَا نَذِيرٖۖ فَقَدۡ جَآءَكُم بَشِيرٞ وَنَذِيرٞۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ قَدِيرٞ ١٩

20. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhớ lại khi Musa (Môi-sê) nói với dân của mình: “Này hỡi dân ta, các người hãy nhớ về ân huệ mà Allah đa ban cho các người khi Ngài đã lựa chọn trong các người làm những vị Nabi, Ngài đã làm cho các người trở thành vua chúa(9) và Ngài đã ban cho các người những thứ(10) mà Ngài đã không ban cho bất kỳ ai trong thiên hạ (trong thời của các người).”[i]

وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ
عَلَيۡكُمۡ إِذۡ جَعَلَ فِيكُمۡ أَنۢبِيَآءَ وَجَعَلَكُم مُّلُوكٗا
وَءَاتَىٰكُم مَّا لَمۡ يُؤۡتِ أَحَدٗا مِّنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢٠

21. “Này hỡi dân ta, các người hãy đi vào vùng đất linh thiêng (Jerusalem) đã được Ngài an bày cho các người (giành chiến thắng) và các người chớ đừng quay lưng trở lui kẻo các người trở thành đám người thua thiệt (ở trần gian và cả Đời Sau).”

يَٰقَوۡمِ ٱدۡخُلُواْ ٱلۡأَرۡضَ ٱلۡمُقَدَّسَةَ ٱلَّتِي كَتَبَ ٱللَّهُ
لَكُمۡ وَلَا تَرۡتَدُّواْ عَلَىٰٓ أَدۡبَارِكُمۡ فَتَنقَلِبُواْ
خَٰسِرِينَ ٢١

22. (Người dân của Musa) đáp: “Hỡi Musa, quả thật trong (Jerusalem) đó có một đám dân có sức mạnh phi thường(11). Chúng tôi sẽ không bao giờ vào đó cho tới khi nào họ rời đi. Nếu họ rời khỏi nơi đó thì chúng tôi mới đi vào.”[ii]

قَالُواْ يَٰمُوسَىٰٓ إِنَّ فِيهَا قَوۡمٗا جَبَّارِينَ وَإِنَّا لَن
نَّدۡخُلَهَا حَتَّىٰ يَخۡرُجُواْ مِنۡهَا فَإِن يَخۡرُجُواْ مِنۡهَا فَإِنَّا
دَٰخِلُونَ ٢٢

---

[i] (9) Theo quan niệm của dân Israel, khi một người đàn ông có vợ, người hầu và nhà ở riêng thì được coi là vua chúa. (Theo Tafsir Ibnu Al-Kathir); (10) Allah đã ban cho dân Israel thức ăn sẵn từ trên trời xuống như mật ong, chim cút, được mây che mát bất cứ đâu họ ở. Đây là những thứ mà họ được Allah ưu đãi hơn các dân tộc khác trong thời đại của họ. (Theo Tafsir Ibnu Al-Kathir)

[ii] (11) Khi Musa được lệnh đi vào Jerusalem thì Người cùng dân Israel đến Jericho (một thị trấn nằm gần sông Jordan ở bờ tây thuộc các vùng lãnh thổ Palestine). Tại đây, Musa ra lệnh cho mười hai thủ lĩnh của mười hai bộ lạc Israel lẻn vào trong thị trấn xem tình hình trước. Sau khi vào trong thị trấn, cả nhóm bị đám người khổng lồ, có sức mạnh phi thường bắt bỏ vào trong tay áo cùng với số trái cây mà họ đang hái ở vườn. Họ bị dẫn đi trình diện nhà vua của đám người phi thường đó, nhà vua bảo: “Các ngươi hãy trở về nói lại với lãnh đạo của các ngươi những gì các ngươi đã nhìn thấy ở đây.” (Theo Tafsir Ibnu Al-Kathir)

23. Hai người đàn ông(12) trong số những người biết kính sợ Allah, (cả hai) được Allah ban cho ân huệ, nói: “Các người cứ việc tiến vào cổng (chính), các người chỉ cần tiến vào được bên trong thì các người chắc chắn sẽ giành chiến thắng, các người hãy phó thác cho Allah nếu các người là những người có đức tin.”[i]

قَالَ رَجُلَانِ مِنَ ٱلَّذِينَ يَخَافُونَ أَنۡعَمَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمَا
ٱدۡخُلُواْ عَلَيۡهِمُ ٱلۡبَابَ فَإِذَا دَخَلۡتُمُوهُ فَإِنَّكُمۡ
غَٰلِبُونَۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَتَوَكَّلُوٓاْ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ﴿٢٣﴾

24. (Người dân của Musa) nói: “Này Musa, quả thật chúng tôi sẽ không bao giờ đi vào khi mà họ (đám người phi thường) vẫn còn ở trong đó. Thế nên, ngươi và Thượng Đế của ngươi hãy đi (vào trong đó) mà chiến đấu còn chúng tôi sẽ ngồi (đợi) ở đây.”

قَالُواْ يَٰمُوسَىٰٓ إِنَّا لَن نَّدۡخُلَهَآ أَبَدٗا مَّا دَامُواْ فِيهَا
فَٱذۡهَبۡ أَنتَ وَرَبُّكَ فَقَٰتِلَآ إِنَّا هَٰهُنَا قَٰعِدُونَ ﴿٢٤﴾

25. (Musa) cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật bề tôi (không quản lý được ai) ngoài bản thân bề tôi và người anh em (Harun) của bề tôi. Xin Ngài hãy tách bầy tôi ra khỏi đám người bất tuân kia!”

قَالَ رَبِّ إِنِّي لَآ أَمۡلِكُ إِلَّا نَفۡسِي وَأَخِيۖ فَٱفۡرُقۡ بَيۡنَنَا
وَبَيۡنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡفَٰسِقِينَ ﴿٢٥﴾

26. Allah phán (với Musa): “Vậy thì nơi đó (vùng đất linh thiêng Jerusalem) là vùng đất cấm đối với họ trong suốt thời gian bốn mươi năm, họ phải sống lang thang khắp nơi trên trái đất. Cho nên, Ngươi (Musa) chớ đừng thương tiếc cho đám người dấy loạn đó.”

قَالَ فَإِنَّهَا مُحَرَّمَةٌ عَلَيۡهِمۡۛ أَرۡبَعِينَ سَنَةٗۛ يَتِيهُونَ فِي
ٱلۡأَرۡضِۚ فَلَا تَأۡسَ عَلَى ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡفَٰسِقِينَ ﴿٢٦﴾

27. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy đọc cho họ (dân Do Thái) nghe thông tin thật về hai đứa con trai của Adam(13), khi cả hai cùng hiến dâng lễ vật (lên Allah) thì chỉ một người trong hai người họ được chấp nhận còn người kia thì không. (Thế là Qabil tức giận nói với Habil): “Tao phải giết mày.” (Habil) đáp: “Quả thật, Allah chỉ chấp nhận từ những người ngoan đạo mà thôi.”[ii]

۞وَٱتۡلُ عَلَيۡهِمۡ نَبَأَ ٱبۡنَيۡ ءَادَمَ بِٱلۡحَقِّ إِذۡ قَرَّبَا قُرۡبَانٗا
فَتُقُبِّلَ مِنۡ أَحَدِهِمَا وَلَمۡ يُتَقَبَّلۡ مِنَ ٱلۡأٓخَرِ قَالَ
لَأَقۡتُلَنَّكَۖ قَالَ إِنَّمَا يَتَقَبَّلُ ٱللَّهُ مِنَ ٱلۡمُتَّقِينَ ﴿٢٧﴾

28. “Dù anh có ra tay giết chết tôi thì tôi cũng sẽ không ra tay giết trả lại anh bởi vì tôi thực sự sợ Allah, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.”

لَئِنۢ بَسَطتَ إِلَيَّ يَدَكَ لِتَقۡتُلَنِي مَآ أَنَا۠ بِبَاسِطٖ يَدِيَ
إِلَيۡكَ لِأَقۡتُلَكَۖ إِنِّيٓ أَخَافُ ٱللَّهَ رَبَّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٢٨﴾

[i] (12) Hai người đàn ông được đề cập là Yusha’ bin Nun và Kalab bin Yufana. Sau khi Musa qua đời thì Yusha’ bin Nun được Allah chọn làm Nabi.

[ii] (13) Nabi Adam và Hauwa’ là hai con người đầu tiên sống trên trái đất, cho nên mỗi lần bà Hauwa mang thai thì Allah đều cho bà mang song thai một trai và một gái. Nabi Adam thường gả chéo đứa con trai của cặp song sinh này với đứa con gái của cặp song sinh kia và ngược lại. Qabil và Habil đều có một đứa em gái song sinh với mình, Qabil lớn hơn Habil và đứa em gái song sinh với Qabil có nhan sắc hơn đứa em gái song sinh với Habil. Habil muốn cưới người chị song sinh với Qabil nhưng Qabil không đồng ý. Nabi Adam cũng ra lệnh bảo Habil lấy người chị song sinh với Qabil và Qabil thì lấy người em gái song sinh với Habil nhưng Qabil quyết không đồng ý. Vậy là Nabi bảo hai đứa con dâng lễ vật cho Allah, lễ vật của ai được Allah chấp nhận thì người đó được quyền cưới người mình muốn. Habil là người chăn nuôi nên đã chọn con cừu đẹp nhất, mập nhất để làm lễ vật. Qabil là người trồng trọt, với bản tính cao ngạo và không chân thành, nên đã chọn đại một nhánh cây lương thực kém nhất làm lễ vật. Cuối cùng Allah cho lửa từ trời phóng xuống đốt lấy con cừu của Habil (đó là cách Allah chấp nhận lễ vật dâng lên Ngài trong thời đó) và bỏ lại nhánh lương thực của Qabil. Thế là Qabil tức giận đòi giết Habil để được quyền cưới em gái song sinh của mình. Con cừu của Habil được nuôi ở Thiên Đàng, sau này là con vật được ban xuống làm vật tế thế mạng cho Nabi Isma’il. (Theo Tafsir Ibnu Al-Kathir)

29. “Hơn nữa, tôi muốn anh gánh tội (giết) tôi và cả tội (nghịch lại Allah) của anh (trước đó) để anh sẽ làm bạn với Hỏa Ngục, và đó là hậu quả dành cho đám người sai quấy bất công.”

إِنِّيٓ أُرِيدُ أَن تَبُوٓأَ بِإِثۡمِي وَإِثۡمِكَ فَتَكُونَ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلنَّارِۚ وَذَٰلِكَ جَزَٰٓؤُاْ ٱلظَّٰلِمِينَ ٢٩

30. Bản ngã (hướng về điều xấu trong con người của Qabil) không ngừng xúi giục y nên y đã giết(14) đứa em của mình, thế là y đã trở thành một kẻ thua thiệt.[i]

فَطَوَّعَتۡ لَهُۥ نَفۡسُهُۥ قَتۡلَ أَخِيهِ فَقَتَلَهُۥ فَأَصۡبَحَ مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٣٠

31. (Sau khi giết chết Habil, Qabil không biết phải xử trí thế nào). Rồi Allah gửi đến một con quạ(15) bới đất để cho y thấy cách chôn đi cái xác người em của y. (Nhìn thấy cảnh con quạ bới đất, Qabil) nói: “Mình thật khốn nạn, lẽ nào mình còn không bằng cả con quạ kia đến nỗi không biết cách chôn xác em của mình?!” Thế là y trở nên hối hận.[ii]

فَبَعَثَ ٱللَّهُ غُرَابٗا يَبۡحَثُ فِي ٱلۡأَرۡضِ لِيُرِيَهُۥ كَيۡفَ يُوَٰرِي سَوۡءَةَ أَخِيهِۚ قَالَ يَٰوَيۡلَتَىٰٓ أَعَجَزۡتُ أَنۡ أَكُونَ مِثۡلَ هَٰذَا ٱلۡغُرَابِ فَأُوَٰرِيَ سَوۡءَةَ أَخِيۖ فَأَصۡبَحَ مِنَ ٱلنَّٰدِمِينَ ٣١

32. Vì lẽ đó, TA (Allah) đã qui định cho con cháu Israel rằng ai giết chết một sinh mạng không phải để đền mạng (theo luật Qisas) hoặc không phải là kẻ phá hoại trái đất thì giống như y đã giết toàn bộ nhân loại; và ai cứu một mạng người thì giống như y đã cứu toàn bộ nhân loại. Quả thật, các Thiên Sứ của TA đã mang đến cho họ những bằng chứng rõ rệt nhưng rồi sau đó đa số họ vẫn là những kẻ phá hoại trên trái đất.

مِنۡ أَجۡلِ ذَٰلِكَ كَتَبۡنَا عَلَىٰ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ أَنَّهُۥ مَن قَتَلَ نَفۡسَۢا بِغَيۡرِ نَفۡسٍ أَوۡ فَسَادٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَكَأَنَّمَا قَتَلَ ٱلنَّاسَ جَمِيعٗا وَمَنۡ أَحۡيَاهَا فَكَأَنَّمَآ أَحۡيَا ٱلنَّاسَ جَمِيعٗاۚ وَلَقَدۡ جَآءَتۡهُمۡ رُسُلُنَا بِٱلۡبَيِّنَٰتِ ثُمَّ إِنَّ كَثِيرٗا مِّنۡهُم بَعۡدَ ذَٰلِكَ فِي ٱلۡأَرۡضِ لَمُسۡرِفُونَ ٣٢

33. Quả thật, hình phạt thích đáng dành cho những kẻ gây chiến với Allah và Thiên Sứ của Ngài cũng như nỗ lực phá hoại trên trái đất chỉ có việc: hoặc giết hoặc đóng đinh trên thập tự giá hoặc chặt tay này chân kia hoặc trục xuất ra khỏi lãnh thổ. Đó là một sự trừng phạt nhục nhã cho họ ở trần gian, còn ở Đời Sau họ sẽ phải chịu một sự trừng phạt khủng khiếp (hơn).

إِنَّمَا جَزَٰٓؤُاْ ٱلَّذِينَ يُحَارِبُونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَيَسۡعَوۡنَ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَسَادًا أَن يُقَتَّلُوٓاْ أَوۡ يُصَلَّبُوٓاْ أَوۡ تُقَطَّعَ أَيۡدِيهِمۡ وَأَرۡجُلُهُم مِّنۡ خِلَٰفٍ أَوۡ يُنفَوۡاْ مِنَ ٱلۡأَرۡضِۚ ذَٰلِكَ لَهُمۡ خِزۡيٞ فِي ٱلدُّنۡيَاۖ وَلَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ عَذَابٌ عَظِيمٌ ٣٣

34. Ngoại trừ kẻ nào biết ăn năn sám hối trước khi các ngươi chinh phục được họ. Các ngươi hãy biết rằng quả thật Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Khoan Dung.

إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ مِن قَبۡلِ أَن تَقۡدِرُواْ عَلَيۡهِمۡۖ فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٣٤

[i] (14) Mặc dù Qabil có ý định giết Habil nhưng hoàn toàn không biết như thế nào là giết. Lúc đó, Iblis xuất hiện lấy một con vật, đặt đầu của nó lên đá và cầm cục đá đập lên đầu con vật cho đến chết. Thế là Qabil hiểu được giết Habil như thế nào. Trích từ Tafsir Ibnu Al-Kathir.

[ii] (15) Giữa lúc Qabil không biết xử trí cái xác ra sao thì thấy hai con quạ giao chiến nhau và một trong hai con đã chết. Con quạ còn lại đã bới đất lên, tha cái xác của con quạ đã chết bỏ vào chỗ được bới và lấp đất lại. (Theo Tafsir Ibnu Al-Kathir)

35. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy kính sợ Allah, các ngươi hãy tìm phương tiện đến gần Ngài (qua việc làm đúng theo điều Ngài bảo và tránh xa điều Ngài cấm) và các ngươi hãy chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Ngài, mong rằng các ngươi thành công.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱبۡتَغُوٓاْ إِلَيۡهِ
ٱلۡوَسِيلَةَ وَجَٰهِدُواْ فِي سَبِيلِهِۦ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ٣٥

36. Những kẻ vô đức tin, cho dù họ có sở hữu mọi thứ trong trái đất và có thêm những gì giống như thế để chuộc tội hầu thoát khỏi sự trừng phạt của Ngày Phán Xét Cuối Cùng thì chắc chắn cũng sẽ không được chấp nhận, chắc chắn họ sẽ phải bị trừng phạt đau đớn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوۡ أَنَّ لَهُم مَّا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا
وَمِثۡلَهُۥ مَعَهُۥ لِيَفۡتَدُواْ بِهِۦ مِنۡ عَذَابِ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ
مَا تُقُبِّلَ مِنۡهُمۡۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٣٦

37. Họ muốn thoát khỏi Hỏa Ngục nhưng họ sẽ không thoát được khỏi nơi đó, họ sẽ bị trừng phạt đời đời kiếp kiếp.

يُرِيدُونَ أَن يَخۡرُجُواْ مِنَ ٱلنَّارِ وَمَا هُم بِخَٰرِجِينَ
مِنۡهَاۖ وَلَهُمۡ عَذَابٞ مُّقِيمٞ ٣٧

38. Đối với người trộm cắp, nam cũng như nữ (khi đã đủ bằng chứng kết tội cũng như các tình tiết không thể không thi hành bản án) thì các ngươi hãy chặt bàn tay (phải) của họ, một sự trừng phạt về tội mà họ đã phạm, một hình thức răn đe từ Allah (dành cho hành động trộm cắp). Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Anh Minh.

وَٱلسَّارِقُ وَٱلسَّارِقَةُ فَٱقۡطَعُوٓاْ أَيۡدِيَهُمَا جَزَآءَۢ بِمَا
كَسَبَا نَكَٰلٗا مِّنَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٣٨

39. Tuy nhiên, ai ăn năn sám hối sau hành động sai trái của mình và chịu sửa đổi thì chắc chắn Allah sẽ chấp nhận sự sám hối của y, quả thật Allah hằng tha thứ, hằng khoan dung.

فَمَن تَابَ مِنۢ بَعۡدِ ظُلۡمِهِۦ وَأَصۡلَحَ فَإِنَّ ٱللَّهَ يَتُوبُ
عَلَيۡهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ٣٩

40. Phải chăng Ngươi (Thiên Sứ) không biết Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất, Ngài muốn trừng phạt ai tùy ý Ngài và tha thứ cho ai cũng tùy ý Ngài?! Quả thật, Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

أَلَمۡ تَعۡلَمۡ أَنَّ ٱللَّهَ لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ
يُعَذِّبُ مَن يَشَآءُ وَيَغۡفِرُ لِمَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٤٠

41. Hỡi Thiên Sứ (Muhammad), Ngươi chớ đừng buồn rầu cho những ai đua nhau chạy đến với sự vô đức tin trong số những kẻ chỉ nói trên đầu môi 'chúng tôi đã có đức tin' còn trái tim thì không hề có đức tin. Và (Ngươi cũng đừng buồn rầu cho) đám người Do Thái, những người mà họ chỉ biết nghe theo lời giả dối của đám người khác, không chịu đến gặp Ngươi, cố ý bóp méo lời lẽ trong (Tawrah được mặc khải cho họ), họ nói: "Nếu (Muhammad) mang đến cho các ngươi những gì phù hợp với ý thích của các ngươi thì các ngươi hãy nhận lấy còn những gì khác thì hãy coi chừng."(16) Ai mà Allah muốn cho y lầm lạc thì Ngươi (Thiên Sứ) sẽ không bao giờ có thể giúp được gì cho y. Đám người đó đã không được Allah tẩy sạch tấm lòng của họ, họ sẽ bị hạ nhục ở trần

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلرَّسُولُ لَا يَحۡزُنكَ ٱلَّذِينَ يُسَٰرِعُونَ فِي
ٱلۡكُفۡرِ مِنَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِأَفۡوَٰهِهِمۡ وَلَمۡ تُؤۡمِن
قُلُوبُهُمۡۛ وَمِنَ ٱلَّذِينَ هَادُواْۛ سَمَّٰعُونَ لِلۡكَذِبِ
سَمَّٰعُونَ لِقَوۡمٍ ءَاخَرِينَ لَمۡ يَأۡتُوكَۖ يُحَرِّفُونَ ٱلۡكَلِمَ
مِنۢ بَعۡدِ مَوَاضِعِهِۦۖ يَقُولُونَ إِنۡ أُوتِيتُمۡ هَٰذَا فَخُذُوهُ
وَإِن لَّمۡ تُؤۡتَوۡهُ فَٱحۡذَرُواْۚ وَمَن يُرِدِ ٱللَّهُ فِتۡنَتَهُۥ فَلَن
تَمۡلِكَ لَهُۥ مِنَ ٱللَّهِ شَيۡـًٔاۚ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَمۡ يُرِدِ ٱللَّهُ

gian này còn ở Đời Sau họ sẽ phải chịu một sự trừng phạt khủng khiếp.[1]

أَن يُطَهِّرَ قُلُوبَهُمْۚ لَهُمْ فِي ٱلدُّنْيَا خِزْيٌۖ وَلَهُمْ فِي
ٱلْأٓخِرَةِ عَذَابٌ عَظِيمٌ ٤١

42. Họ thường nghe điều giả dối và thường ăn những thứ cấm (như đồng tiền cho vay, đồng tiền gian lận, hối lộ, ...). Nếu như họ đến gặp Ngươi (Thiên Sứ) yêu cầu Ngươi phân xử các vụ việc giữa họ) thì hoặc Ngươi phân xử cho họ hoặc Ngươi từ chối (tùy ý Ngươi). Nếu Ngươi từ chối phân xử cho họ thì điều đó chẳng gây hại gì cho Ngươi còn nếu Ngươi phân xử cho họ thì Ngươi hãy phân xử một cách vô tư và công bằng, quả thật Allah yêu thương những người công minh chính trực.

سَمَّٰعُونَ لِلْكَذِبِ أَكَّٰلُونَ لِلسُّحْتِۚ فَإِن جَآءُوكَ
فَٱحْكُم بَيْنَهُمْ أَوْ أَعْرِضْ عَنْهُمْۖ وَإِن تُعْرِضْ
عَنْهُمْ فَلَن يَضُرُّوكَ شَيْـًٔاۖ وَإِنْ حَكَمْتَ فَٱحْكُم
بَيْنَهُم بِٱلْقِسْطِۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلْمُقْسِطِينَ ٤٢

43. Sao họ yêu cầu Ngươi phân xử (các vụ việc giữa họ) trong khi ở nơi họ đã có Kinh Tawrah chứa đựng giáo luật của Allah để rồi sau đó họ lại quay lưng?! Thực chất họ không phải là những người có đức tin.

وَكَيْفَ يُحَكِّمُونَكَ وَعِندَهُمُ ٱلتَّوْرَىٰةُ فِيهَا حُكْمُ
ٱللَّهِ ثُمَّ يَتَوَلَّوْنَ مِنۢ بَعْدِ ذَٰلِكَۚ وَمَآ أُوْلَـٰٓئِكَ
بِٱلْمُؤْمِنِينَ ٤٣

44. Quả thật, TA đã ban xuống Kinh Tawrah (cho Musa – Môi-sê), trong đó có nguồn chỉ đạo và ánh sáng (cho dân Israel). Các vị Nabi phục tùng mệnh lệnh (của Allah), những người Do Thái, những tu sĩ, những người ngoan đạo mẫu mực đã dùng Nó (Tawrah) để phân xử cho những ai là người Do Thái vì họ được ủy thác việc bảo quản Kinh Sách của Allah cũng như được ủy thác làm những nhân chứng cho Nó. Thế nên, các ngươi (những người Do Thái) chớ đừng sợ hãi trước thiên hạ mà hãy kính sợ TA và chớ đừng bán những lời mặc khải của TA với cái giá ít ỏi. Những ai không phân xử theo những gì được Allah ban xuống thì họ là những kẻ vô đức tin.

إِنَّآ أَنزَلْنَا ٱلتَّوْرَىٰةَ فِيهَا هُدًى وَنُورٌۚ يَحْكُمُ بِهَا
ٱلنَّبِيُّونَ ٱلَّذِينَ أَسْلَمُواْ لِلَّذِينَ هَادُواْ وَٱلرَّبَّٰنِيُّونَ
وَٱلْأَحْبَارُ بِمَا ٱسْتُحْفِظُواْ مِن كِتَٰبِ ٱللَّهِ وَكَانُواْ
عَلَيْهِ شُهَدَآءَۚ فَلَا تَخْشَوُاْ ٱلنَّاسَ وَٱخْشَوْنِ وَلَا
تَشْتَرُواْ بِـَٔايَٰتِي ثَمَنًا قَلِيلًاۚ وَمَن لَّمْ يَحْكُم بِمَآ أَنزَلَ
ٱللَّهُ فَأُوْلَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلْكَٰفِرُونَ ٤٤

45. Và TA đã quy định cho (người Do Thái) trong (Tawrah): “Mạng phải đền mạng, mắt phải đền mắt, mũi phải đền mũi, tai phải đền tai, răng phải đền răng và các thương tích phải đền bằng các thương tích theo luật Qisas”. Tuy nhiên, người nào vì tích công đức mà lượng thứ thì đó là cách xóa tội cho chính y, và người nào không phân xử theo những gì mà Allah ban xuống thì những người đó là những kẻ sai quấy.

وَكَتَبْنَا عَلَيْهِمْ فِيهَآ أَنَّ ٱلنَّفْسَ بِٱلنَّفْسِ وَٱلْعَيْنَ
بِٱلْعَيْنِ وَٱلْأَنفَ بِٱلْأَنفِ وَٱلْأُذُنَ بِٱلْأُذُنِ وَٱلسِّنَّ
بِٱلسِّنِّ وَٱلْجُرُوحَ قِصَاصٌۚ فَمَن تَصَدَّقَ بِهِۦ فَهُوَ
كَفَّارَةٌ لَّهُۥۚ وَمَن لَّمْ يَحْكُم بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فَأُوْلَـٰٓئِكَ
هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٤٥

[1] (16) Nguyên nhân câu Kinh này được mặc khải là rằng có một đôi nam nữ Do Thái làm điều Zina, họ xúi nhau đến gặp Thiên Sứ Muhammad để Người phân xử. Thiên Sứ hỏi họ: “Các người không thấy trong Tawrah có lệnh ném đá hay sao?” Họ đáp: “Chỉ thấy lệnh công khai tội lỗi của họ và đánh roi mà thôi.” Lúc đó ông Abdullah bin Salam (một người Do Thái đã cải đạo) lên tiếng: “Các người nói dối, trong đó thực sự có lệnh bảo ném đá.” Thế là buộc họ phải mang Kinh Tawrah đến để đối chứng. Khi đọc Kinh Tawrah thì kẻ đó lại cố tình lấy tay che một câu Kinh, rồi y chỉ đọc câu Kinh ở trên và câu Kinh ở dưới. Ông Abdullah bin Salam bảo: “Này, ngươi hãy lấy tay ra.” Tên đó lấy tay ra thì quả thật câu Kinh đó phán về lệnh ném đá. Lúc này họ mới nói: “Muhammad đã nói thật, trong Tawrah có câu Kinh ném đá.” Thế là Thiên Sứ ra lệnh ném đá đôi nam nữ kia. (Theo Tafsir Ibnu Kathir.)

46. Rồi TA đã cử phái Ysa con trai của Maryam nối gót (các vị Nabi trước) xác nhận lại Kinh Tawrah đã mặc khải trước đó. TA đã ban xuống cho Y Kinh Injil (Tân Ước), trong đó chứa đựng nguồn chỉ đạo và ánh sáng, một sự chứng nhận cho những điều đã được mặc khải trong Kinh Tawrah trước. Và (Kinh Injil) là nguồn chỉ đạo đồng thời cũng là lời cảnh tỉnh cho những người ngoan đạo.

وَقَفَّيْنَا عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِم بِعِيسَى ٱبْنِ مَرْيَمَ مُصَدِّقًا لِّمَا بَيْنَ يَدَيْهِ مِنَ ٱلتَّوْرَىٰةِۖ وَءَاتَيْنَٰهُ ٱلْإِنجِيلَ فِيهِ هُدًى وَنُورٌ وَمُصَدِّقًا لِّمَا بَيْنَ يَدَيْهِ مِنَ ٱلتَّوْرَىٰةِ وَهُدًى وَمَوْعِظَةً لِّلْمُتَّقِينَ ﴿٤٦﴾

47. Cho nên, người dân của Kinh Injil (tức Thiên Chúa) hãy phân xử theo những gì được Allah đã ban xuống trong đó. Người nào không phân xử theo những điều được Allah đã ban xuống thì họ là những kẻ dấy loạn bất tuân.

وَلْيَحْكُمْ أَهْلُ ٱلْإِنجِيلِ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فِيهِۚ وَمَن لَّمْ يَحْكُم بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْفَٰسِقُونَ ﴿٤٧﴾

48. TA (Allah) đã ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ) Kinh (Qur'an) bằng sự thật. Nó chứng thực lại mọi điều có trong Kinh Sách trước đây cũng như bảo tồn (nội dung) trong các Kinh Sách đó. Do đó, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy phân xử (các vụ việc) giữa họ theo những điều mà Allah đã ban xuống, Ngươi chớ chạy theo lòng ham muốn của họ rồi ruồng bỏ chân lý đã đến với Ngươi. TA đã qui định cho mỗi (cộng đồng) trong các ngươi một hệ thống luật pháp và một lề lối riêng biệt. Nếu muốn, Ngài đã làm cho các ngươi thành một cộng đồng duy nhất, nhưng (Ngài đã không làm thế) bởi vì Ngài muốn thử thách các ngươi qua những điều đã ban xuống cho các ngươi. Do đó, các ngươi hãy đua nhau làm điều thiện tốt, (bởi lẽ rồi đây) tất cả các ngươi sẽ phải trở về trình diện Allah, rồi Ngài sẽ cho các ngươi biết rõ về những điều mà các ngươi từng bất đồng nhau.

وَأَنزَلْنَآ إِلَيْكَ ٱلْكِتَٰبَ بِٱلْحَقِّ مُصَدِّقًا لِّمَا بَيْنَ يَدَيْهِ مِنَ ٱلْكِتَٰبِ وَمُهَيْمِنًا عَلَيْهِۖ فَٱحْكُم بَيْنَهُم بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُۖ وَلَا تَتَّبِعْ أَهْوَآءَهُمْ عَمَّا جَآءَكَ مِنَ ٱلْحَقِّۚ لِكُلٍّ جَعَلْنَا مِنكُمْ شِرْعَةً وَمِنْهَاجًاۚ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَعَلَكُمْ أُمَّةً وَٰحِدَةً وَلَٰكِن لِّيَبْلُوَكُمْ فِي مَآ ءَاتَىٰكُمْۖ فَٱسْتَبِقُواْ ٱلْخَيْرَٰتِۚ إِلَى ٱللَّهِ مَرْجِعُكُمْ جَمِيعًا فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمْ فِيهِ تَخْتَلِفُونَ ﴿٤٨﴾

49. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy phân xử mọi người theo những điều mà Allah đã ban xuống và chớ đừng đi theo ý muốn của họ, Ngươi hãy coi chừng kẻo bị họ làm cho Ngươi nghịch lại với một phần những điều mà Allah đã ban xuống cho Ngươi. Nếu như họ ngoảnh mặt thì Ngươi hãy biết rằng quả thật Allah chỉ muốn trừng phạt họ về một số tội lỗi của họ. Quả thật đa số nhân loại là những kẻ bất tuân.

وَأَنِ ٱحْكُم بَيْنَهُم بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ وَلَا تَتَّبِعْ أَهْوَآءَهُمْ وَٱحْذَرْهُمْ أَن يَفْتِنُوكَ عَنۢ بَعْضِ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ إِلَيْكَۖ فَإِن تَوَلَّوْاْ فَٱعْلَمْ أَنَّمَا يُرِيدُ ٱللَّهُ أَن يُصِيبَهُم بِبَعْضِ ذُنُوبِهِمْۗ وَإِنَّ كَثِيرًا مِّنَ ٱلنَّاسِ لَفَٰسِقُونَ ﴿٤٩﴾

50. Lẽ nào họ mong muốn được phân xử theo luật lệ của thời kỳ đen tối (thời tiền Islam)?! Và ai tốt hơn Allah về việc qui định giới luật dành cho đám người có đức tin kiên định?!

أَفَحُكْمَ ٱلْجَٰهِلِيَّةِ يَبْغُونَۚ وَمَنْ أَحْسَنُ مِنَ ٱللَّهِ حُكْمًا لِّقَوْمٍ يُوقِنُونَ ﴿٥٠﴾

51. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng lấy những người Do Thái và Thiên Chúa làm đồng mình. Họ là đồng minh của nhau. Ai trong các ngươi lấy họ làm đồng minh thì y thuộc phe của họ. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ ٱلْيَهُودَ وَٱلنَّصَٰرَىٰٓ أَوْلِيَآءَۘ بَعْضُهُمْ أَوْلِيَآءُ بَعْضٍۚ وَمَن

يَتَوَلَّهُم مِّنكُمۡ فَإِنَّهُۥ مِنۡهُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلظَّٰلِمِينَ ٥١

فَتَرَى ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ يُسَٰرِعُونَ فِيهِمۡ
يَقُولُونَ نَخۡشَىٰٓ أَن تُصِيبَنَا دَآئِرَةٞۚ فَعَسَى ٱللَّهُ أَن
يَأۡتِيَ بِٱلۡفَتۡحِ أَوۡ أَمۡرٖ مِّنۡ عِندِهِۦ فَيُصۡبِحُواْ عَلَىٰ مَآ
أَسَرُّواْ فِيٓ أَنفُسِهِمۡ نَٰدِمِينَ ٥٢

52. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ nhìn thấy những kẻ mà trong con tim của họ mang chứng bệnh (giả tạo đức tin) thường tới lui giữa họ (Do Thái và Thiên Chúa), nói: “Chúng tôi sợ chúng tôi sẽ gặp phải điều không tốt lành (nếu những người Muslim sẽ giành chiến thắng và toàn quyền kiểm soát).” Bởi thế, nếu Allah ban cho (Thiên Sứ và những người có đức tin) giành thắng lợi hoặc một quyết định (tốt đẹp) nào đó từ nơi Ngài thì họ (đám người giả tạo đức tin) sẽ đâm ra tiếc nuối về những điều mà họ đã ẩn giấu trong lòng của họ.

وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَهَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ أَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ
جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ إِنَّهُمۡ لَمَعَكُمۡۚ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ
فَأَصۡبَحُواْ خَٰسِرِينَ ٥٣

53. Những người có đức tin nói: “Chẳng phải đám người (giả tạo đức tin) này đã thề rất mạnh mẽ với Allah rằng họ luôn sát cánh với các người (những người có đức tin) hay sao?! Việc hành đạo của bọn họ đã trở nên vô nghĩa thế là họ trở thành đám người thất bại.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَن يَرۡتَدَّ مِنكُمۡ عَن دِينِهِۦ
فَسَوۡفَ يَأۡتِي ٱللَّهُ بِقَوۡمٖ يُحِبُّهُمۡ وَيُحِبُّونَهُۥٓ أَذِلَّةٍ عَلَى
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ أَعِزَّةٍ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ يُجَٰهِدُونَ فِي سَبِيلِ
ٱللَّهِ وَلَا يَخَافُونَ لَوۡمَةَ لَآئِمٖۚ ذَٰلِكَ فَضۡلُ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ
مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٌ ٥٤

54. Hỡi những người có đức tin, ai trong các ngươi rời bỏ tôn giáo của mình thì Allah sẽ mang đến một nhóm người khác (thay thế các ngươi), Ngài sẽ yêu thương họ và họ cũng sẽ yêu thương Ngài; họ nhân từ đối với những người có đức tin nhưng lại rất cứng rắn đối với những kẻ vô đức tin; họ anh dũng chiến đấu vì chính nghĩa của Allah và không sợ sự trách cứ của kẻ chỉ trích. Đấy là hồng phúc của Allah, Ngài ban cho ai Ngài muốn, và Allah là Đấng Rộng Rãi Bao La, hằng biết (tất cả mọi sự việc).

إِنَّمَا وَلِيُّكُمُ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱلَّذِينَ
يُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُمۡ رَٰكِعُونَ ٥٥

55. Quả thật, đồng minh thật sự của các ngươi chỉ có Allah, Thiên Sứ (Muhammad) của Ngài và những người có đức tin, những người mà họ chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, xuất Zakah và cúi mình (thần phục Ngài).

وَمَن يَتَوَلَّ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ فَإِنَّ حِزۡبَ
ٱللَّهِ هُمُ ٱلۡغَٰلِبُونَ ٥٦

56. Ai nhận Allah, Thiên Sứ của Ngài và những người có đức tin làm đồng minh thì quả thật phe của Allah chắc chắn sẽ giành chiến thắng.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ
دِينَكُمۡ هُزُوٗا وَلَعِبٗا مِّنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ مِن
قَبۡلِكُمۡ وَٱلۡكُفَّارَ أَوۡلِيَآءَۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ إِن كُنتُم
مُّؤۡمِنِينَ ٥٧

57. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ nhận lấy những kẻ mang tôn giáo của các ngươi ra nhạo báng và giễu cợt từ những người được ban cho Kinh Sách thời trước các ngươi (Do Thái và Thiên Chúa) và những người vô đức tin làm đồng minh. Các ngươi hãy kính sợ Allah nếu các ngươi thực sự là những người có đức tin.

58. Khi các ngươi cất lời (Azan) gọi nhau đến lễ nguyện Salah thì bọn họ lấy điều đó ra nhạo báng và giễu cợt. Đó là bởi vì bọn họ là một đám người không hiểu gì cả.

وَإِذَا نَادَيْتُمْ إِلَى ٱلصَّلَوٰةِ ٱتَّخَذُوهَا هُزُوًا وَلَعِبًا ۚ ذَٰلِكَ
بِأَنَّهُمْ قَوْمٌ لَّا يَعْقِلُونَ ﴿٥٨﴾

59. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: "Hỡi người dân Kinh Sách, lẽ nào các người quấy rối chúng tôi chỉ vì chúng tôi đã tin nơi Allah, nơi những điều được ban xuống cho chúng tôi cũng như những điều đã được ban xuống trước đây. Quả thật, đa số các người là những kẻ quấy rối, bất tuân."

قُلْ يَٰٓأَهْلَ ٱلْكِتَٰبِ هَلْ تَنقِمُونَ مِنَّآ إِلَّآ أَنْ ءَامَنَّا
بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيْنَا وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبْلُ وَأَنَّ
أَكْثَرَكُمْ فَٰسِقُونَ ﴿٥٩﴾

60. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: "Các người (dân Kinh Sách) có muốn Ta báo cho các người biết một thứ còn tệ hại hơn điều đó và đáng bị trừng phạt ở nơi Allah? Đó là những kẻ mà Allah đã nguyền rủa, đã phẫn nộ, những kẻ mà Ngài biến một số tên trong bọn họ thành khỉ, heo và những kẻ mà Ngài đã khiến họ thờ phượng Taghut (tà thần). Họ là những kẻ sẽ có được một nơi cư ngụ tồi tệ nhất (ở cõi Đời Sau) là một đám người lạc xa con đường (chân lý)."

قُلْ هَلْ أُنَبِّئُكُم بِشَرٍّ مِّن ذَٰلِكَ مَثُوبَةً عِندَ ٱللَّهِ ۚ
مَن لَّعَنَهُ ٱللَّهُ وَغَضِبَ عَلَيْهِ وَجَعَلَ مِنْهُمُ ٱلْقِرَدَةَ
وَٱلْخَنَازِيرَ وَعَبَدَ ٱلطَّٰغُوتَ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ شَرٌّ مَّكَانًا
وَأَضَلُّ عَن سَوَآءِ ٱلسَّبِيلِ ﴿٦٠﴾

61. Khi họ (những kẻ giả tạo đức tin trong đám người Do Thái) đến gặp các ngươi (những người có đức tin), họ nói: "Chúng tôi đã có đức tin". Quả thật, họ đã vào (Islam) bằng sự vô đức tin và quả thật họ cũng đã trở ra giống như thế. Tất nhiên, Allah biết rõ những gì họ che giấu.

وَإِذَا جَآءُوكُمْ قَالُوٓا۟ ءَامَنَّا وَقَد دَّخَلُوا۟ بِٱلْكُفْرِ وَهُمْ
قَدْ خَرَجُوا۟ بِهِۦ ۚ وَٱللَّهُ أَعْلَمُ بِمَا كَانُوا۟ يَكْتُمُونَ ﴿٦١﴾

62. Và Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thấy đa số bọn họ hăng say lao vào tội lỗi, hăng say gieo rắc hận thù và hăng say ăn đồ cấm. Thật tồi tệ và xấu xa cho những gì họ đã làm.

وَتَرَىٰ كَثِيرًا مِّنْهُمْ يُسَٰرِعُونَ فِى ٱلْإِثْمِ وَٱلْعُدْوَٰنِ
وَأَكْلِهِمُ ٱلسُّحْتَ ۚ لَبِئْسَ مَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٦٢﴾

63. Tại sao những người thông tỏ giáo luật và các tu sĩ (Do Thái) lại không ngăn cản lời nói tội lỗi của họ cũng như việc họ ăn những thứ cấm?! Thật tồi tệ và xấu xa cho những gì họ đã làm.

لَوْلَا يَنْهَىٰهُمُ ٱلرَّبَّٰنِيُّونَ وَٱلْأَحْبَارُ عَن قَوْلِهِمُ ٱلْإِثْمَ
وَأَكْلِهِمُ ٱلسُّحْتَ ۚ لَبِئْسَ مَا كَانُوا۟ يَصْنَعُونَ ﴿٦٣﴾

64. Người Do Thái nói: "Tay của Allah đã bị xiềng xích." Tay của bọn họ mới bị xiềng xích và bọn họ bị nguyền rủa bởi điều (phạm thượng) đã nói ra. Không (giống như những gì bọn họ nói), đôi tay của Ngài đều mở rộng, Ngài muốn ban phát (thiên lộc của Ngài) như thế nào tùy ý. Và chắc chắn bọn họ sẽ càng thái quá và vô đức tin hơn nữa bởi những gì mà Thượng Đế của Ngươi đã ban xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ). TA gieo thêm vào lòng họ sự thù hận và ganh ghét cho đến Ngày Tận Thế. Cứ mỗi lần bọn họ châm ngòi cho ngọn lửa chiến tranh thì Allah dập tắt nó. Họ nỗ lực phá hoại trên trái đất; và Allah không yêu thương những kẻ phá hoại.

وَقَالَتِ ٱلْيَهُودُ يَدُ ٱللَّهِ مَغْلُولَةٌ ۚ غُلَّتْ أَيْدِيهِمْ
وَلُعِنُوا۟ بِمَا قَالُوا۟ ۘ بَلْ يَدَاهُ مَبْسُوطَتَانِ يُنفِقُ كَيْفَ
يَشَآءُ ۚ وَلَيَزِيدَنَّ كَثِيرًا مِّنْهُم مَّآ أُنزِلَ إِلَيْكَ مِن
رَّبِّكَ طُغْيَٰنًا وَكُفْرًا ۚ وَأَلْقَيْنَا بَيْنَهُمُ ٱلْعَدَٰوَةَ
وَٱلْبَغْضَآءَ إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْقِيَٰمَةِ ۚ كُلَّمَآ أَوْقَدُوا۟ نَارًا
لِّلْحَرْبِ أَطْفَأَهَا ٱللَّهُ ۚ وَيَسْعَوْنَ فِى ٱلْأَرْضِ فَسَادًا ۚ
وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلْمُفْسِدِينَ ﴿٦٤﴾

65. Giá như người dân Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa) có đức tin (nơi những điều mà Muhammad mang đến) và kính sợ (Allah) thì chắc chắn TA đã xóa tội cho họ và (vào Ngày Sau) TA sẽ thu nhận họ vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng vĩnh cửu.

وَلَوۡ أَنَّ أَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ ءَامَنُواْ وَٱتَّقَوۡاْ لَكَفَّرۡنَا عَنۡهُمۡ
سَيِّـَٔاتِهِمۡ وَلَأَدۡخَلۡنَٰهُمۡ جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ٦٥

66. Giá như họ thực thi và chấp hành theo Tawrah và Injil cũng như những gì mà Thượng Đế của họ đã ban xuống cho họ (trong Qur'an) thì chắc chắn họ đã hưởng (vô số) thiên lộc từ bên trên họ cũng như từ dưới chân của họ. Trong số họ, có một số ít đi theo chân lý còn đa số toàn làm điều thối tha (tội lỗi).

وَلَوۡ أَنَّهُمۡ أَقَامُواْ ٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡهِم
مِّن رَّبِّهِمۡ لَأَكَلُواْ مِن فَوۡقِهِمۡ وَمِن تَحۡتِ أَرۡجُلِهِمۚ
مِّنۡهُمۡ أُمَّةٞ مُّقۡتَصِدَةٞۖ وَكَثِيرٞ مِّنۡهُمۡ سَآءَ مَا
يَعۡمَلُونَ ٦٦

67. Hỡi Thiên Sứ (Muhammad), Ngươi hãy truyền đạt toàn bộ thông điệp mà Thượng Đế của Ngươi đã ban xuống cho Ngươi. Nếu như Ngươi không làm vậy thì quả thật Ngươi đã không truyền đạt thông điệp của Ngài. Allah sẽ bảo vệ Ngươi khỏi (sự hãm hại của) thiên hạ. Quả thật, Allah không bao giờ hướng dẫn đám người vô đức tin.

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلرَّسُولُ بَلِّغۡ مَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَۖ وَإِن
لَّمۡ تَفۡعَلۡ فَمَا بَلَّغۡتَ رِسَالَتَهُۥۚ وَٱللَّهُ يَعۡصِمُكَ مِنَ
ٱلنَّاسِۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٦٧

68. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Hỡi dân Kinh Sách, các người không có bất cứ cơ sở nào (cho tôn giáo của mình) cho đến khi các người tuân thủ theo Tawrah và Injil và những điều được ban xuống cho các người từ Thượng Đế của các người (Qur'an). Chắc chắn bọn họ (dân Kinh Sách) sẽ càng thái quá và vô đức tin hơn nữa qua những gì mà Thượng Đế của Ngươi đã ban xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ), cho nên Ngươi chớ thương tiếc cho đám người vô đức tin.

قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لَسۡتُمۡ عَلَىٰ شَيۡءٍ حَتَّىٰ تُقِيمُواْ
ٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكُم مِّن رَّبِّكُمۡۗ
وَلَيَزِيدَنَّ كَثِيرٗا مِّنۡهُم مَّآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَ
طُغۡيَٰنٗا وَكُفۡرٗاۖ فَلَا تَأۡسَ عَلَى ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٦٨

69. Quả thật, những người có đức tin và các cộng đồng người Do Thái, người Sabi-un(17) (Sabian) và người Thiên Chúa, ai trong số họ có đức tin nơi Allah, nơi cõi Đời Sau và hành thiện thì họ sẽ không phải lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.[1]

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَٱلَّذِينَ هَادُواْ وَٱلصَّٰبِـُٔونَ
وَٱلنَّصَٰرَىٰ مَنۡ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَعَمِلَ
صَٰلِحٗا فَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٦٩

70. Quả thật, TA đã nhận lấy giao ước trịnh trọng của dân Israel và TA đã cử phái các vị Thiên Sứ đến với họ. Tuy nhiên, cứ mỗi lần vị Thiên Sứ (của TA) đến gặp họ với những điều không phù hợp với ý muốn của họ thì họ phủ nhận một số (các vị Thiên Sứ) và giết chết một số khác.

لَقَدۡ أَخَذۡنَا مِيثَٰقَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ وَأَرۡسَلۡنَآ إِلَيۡهِمۡ
رُسُلٗاۖ كُلَّمَا جَآءَهُمۡ رَسُولُۢ بِمَا لَا تَهۡوَىٰٓ أَنفُسُهُمۡ
فَرِيقٗا كَذَّبُواْ وَفَرِيقٗا يَقۡتُلُونَ ٧٠

[1] (17) Sobi-un là danh từ mà người Ả-rập gọi chung cho tất cả những ai đã cải đạo sang tôn giáo khác, họ theo một số Thiên Sứ của Allah ở thời trước đây. Sheikh Islam Ibnu Taimiyah nói: "Sobi-un có hai nhóm, một nhóm có đức tin và thờ phượng Allah duy nhất, họ được nhắc ở câu 62 của chương Al-Baqarah và nhóm còn lại là nhóm đa thần, họ được nhắc ở câu 17 của chương Al-Hajj."

71. Họ cứ tưởng (việc hủy bỏ giao ước) không gây hại đến (họ), họ giả mù giả điếc (trước điều chân lý) rồi Allah đã tha thứ cho họ, nhưng sau đó đa số họ lại tiếp tục giả mù giả điếc. Và tất nhiên Allah thấy rõ mọi hành vi của họ.

وَحَسِبُوٓاْ أَلَّا تَكُونَ فِتۡنَةٞ فَعَمُواْ وَصَمُّواْ ثُمَّ تَابَ
ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ ثُمَّ عَمُواْ وَصَمُّواْ كَثِيرٞ مِّنۡهُمۡۚ وَٱللَّهُ
بَصِيرُۢ بِمَا يَعۡمَلُونَ ﴿٧١﴾

72. Quả thật, những ai đã nói “Allah chính là Masih con trai của Maryam” là những kẻ vô đức tin. (Bởi lẽ) Masih đã nói: “Hỡi dân Israel, các người hãy tôn thờ Allah, Thượng Đế của Ta và của các người. Ai tổ hợp thần linh cùng với Allah thì Ngài cấm kẻ đó vào Thiên Đàng và nơi ở của y sẽ là Hỏa Ngục, và đám người sai quấy sẽ không được ai giúp đỡ.”

لَقَدۡ كَفَرَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ
مَرۡيَمَۖ وَقَالَ ٱلۡمَسِيحُ يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
رَبِّي وَرَبَّكُمۡۖ إِنَّهُۥ مَن يُشۡرِكۡ بِٱللَّهِ فَقَدۡ حَرَّمَ ٱللَّهُ
عَلَيۡهِ ٱلۡجَنَّةَ وَمَأۡوَىٰهُ ٱلنَّارُۖ وَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِنۡ
أَنصَارٖ ﴿٧٢﴾

73. Quả thật, những ai đã nói “Allah là ngôi thứ ba trong thuyết Ba Ngôi(18)” là những kẻ vô đức tin, (bởi lẽ) chỉ có một Thượng Đế duy nhất (là Allah). Nếu như bọn họ không chấm dứt ngay những lời nói (phạm thượng) đó thì chắc chắn những kẻ vô đức tin trong bọn họ sẽ phải bị một sự trừng phạt đau đớn.[1]

لَّقَدۡ كَفَرَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ ثَالِثُ ثَلَٰثَةٖۘ وَمَا مِنۡ
إِلَٰهٍ إِلَّآ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۚ وَإِن لَّمۡ يَنتَهُواْ عَمَّا يَقُولُونَ
لَيَمَسَّنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿٧٣﴾

74. Sao bọn họ không chịu (thu lại lời nói) mà ăn năn sám hối với Ngài và cầu xin Ngài tha thứ trong khi Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Khoan Dung?

أَفَلَا يَتُوبُونَ إِلَى ٱللَّهِ وَيَسۡتَغۡفِرُونَهُۥۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ
رَّحِيمٞ ﴿٧٤﴾

75. Masih con trai của Maryam không là gì ngoài thân phận Thiên Sứ như bao vị Thiên Sứ trước Y và mẹ của Y cũng chỉ là một phụ nữ có niềm tin kiên định (vào Allah), cả hai đều ăn thức ăn (như bao người phàm khác). Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhìn xem TA trình bày cho bọn họ các lời mặc khải (của TA) như thế nào, rồi Ngươi hãy nhìn xem bọn họ tránh xa (chân lý) ra sao?!

مَّا ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ مَرۡيَمَ إِلَّا رَسُولٞ قَدۡ خَلَتۡ مِن
قَبۡلِهِ ٱلرُّسُلُ وَأُمُّهُۥ صِدِّيقَةٞۖ كَانَا يَأۡكُلَانِ ٱلطَّعَامَۗ
ٱنظُرۡ كَيۡفَ نُبَيِّنُ لَهُمُ ٱلۡأٓيَٰتِ ثُمَّ ٱنظُرۡ أَنَّىٰ
يُؤۡفَكُونَ ﴿٧٥﴾

76. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Lẽ nào các người lại tôn thờ ngoài Allah những thứ không thể hãm hại hoặc giúp đỡ được các người trong khi Allah là Đấng Hằng Nghe, Hằng Biết?!”

قُلۡ أَتَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَمۡلِكُ لَكُمۡ
ضَرّٗا وَلَا نَفۡعٗاۚ وَٱللَّهُ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ﴿٧٦﴾

77. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Hỡi dân Kinh Sách (Thiên Chúa), các người chớ đừng thái quá trong tôn giáo của mình một cách không đúng sự thật. Các người chớ đi theo dục vọng của đám người lầm lạc trước đây (Do Thái), họ đã làm cho nhiều người lầm lạc và họ đã lệch xa khỏi con đường (chân lý).”

قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لَا تَغۡلُواْ فِي دِينِكُمۡ غَيۡرَ
ٱلۡحَقِّ وَلَا تَتَّبِعُوٓاْ أَهۡوَآءَ قَوۡمٖ قَدۡ ضَلُّواْ مِن قَبۡلُ
وَأَضَلُّواْ كَثِيرٗا وَضَلُّواْ عَن سَوَآءِ ٱلسَّبِيلِ ﴿٧٧﴾

---

[1] (18) Thuyết Ba Ngôi gồm Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Linh (Chúa Thánh Thần).

78. Đám người vô đức tin của dân Israel đã bị nguyền rủa trên chiếc lưỡi của Dawood và Ysa con trai Maryam. Sở dĩ bọn họ bị như thế là vì họ đã bất tuân và vượt quá giới hạn.

لُعِنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۢ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ عَلَىٰ لِسَانِ
دَاوُۥدَ وَعِيسَى ٱبۡنِ مَرۡيَمَۚ ذَٰلِكَ بِمَا عَصَواْ وَّكَانُواْ
يَعۡتَدُونَ ٧٨

79. Bọn họ đã không ngăn cản nhau làm điều sai trái mà bọn họ đã từng làm. Thật xấu xa thay cho những gì bọn họ đã làm.

كَانُواْ لَا يَتَنَاهَوۡنَ عَن مُّنكَرٖ فَعَلُوهُۚ لَبِئۡسَ مَا كَانُواْ
يَفۡعَلُونَ ٧٩

80. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ thấy rằng sẽ có rất nhiều người trong bọn họ (Do Thái) cấu kết với những người vô đức tin (nhằm hãm hại tín đồ Muslim), thật xấu xa thay cho hành vi mà họ đã gởi đi trước cho bản thân mình, đó là bọn họ đã bị Allah phẫn nộ và bọn họ sẽ phải bị trừng phạt mãi mãi.

تَرَىٰ كَثِيرٗا مِّنۡهُمۡ يَتَوَلَّوۡنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ لَبِئۡسَ مَا
قَدَّمَتۡ لَهُمۡ أَنفُسُهُمۡ أَن سَخِطَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ وَفِي
ٱلۡعَذَابِ هُمۡ خَٰلِدُونَ ٨٠

81. Và nếu như bọn họ (Do Thái) có đức tin nơi Allah, nơi Nabi (Muhammad) và những gì được ban xuống cho Y thì bọn họ đã không nhận những người vô đức tin làm đồng minh. Tuy nhiên, đa số bọn họ là những kẻ bất tuân, dấy loạn.

وَلَوۡ كَانُواْ يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلنَّبِيِّ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡهِ مَا
ٱتَّخَذُوهُمۡ أَوۡلِيَآءَ وَلَٰكِنَّ كَثِيرٗا مِّنۡهُمۡ فَٰسِقُونَ ٨١

82. Chắc chắn Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ thấy kẻ thù thâm độc nhất đối với những người có đức tin chính là người Do Thái và những kẻ thờ đa thần. Và chắc chắn Ngươi sẽ thấy người có tình cảm gần gũi với người có đức tin nhất chính là những ai đã nói: “Chúng tôi là Thiên Chúa”. Đó là bởi vì trong họ có những học giả và các bậc tu hành không tự cao tự đại.

۞لَتَجِدَنَّ أَشَدَّ ٱلنَّاسِ عَدَٰوَةٗ لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱلۡيَهُودَ
وَٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْۖ وَلَتَجِدَنَّ أَقۡرَبَهُم مَّوَدَّةٗ لِّلَّذِينَ
ءَامَنُواْ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّا نَصَٰرَىٰۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّ مِنۡهُمۡ
قِسِّيسِينَ وَرُهۡبَانٗا وَأَنَّهُمۡ لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ ٨٢

83. (Những người này – chẳng hạn như vua Al-Najashi (Negus) và quần thần của ông), khi họ nghe những điều được ban xuống cho Thiên Sứ (Muhammad), Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thấy đôi mắt của họ rơi lệ khi nhận ra được chân lý, họ nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi đã tin tưởng, xin Ngài hãy ghi bầy tôi cùng với những người chứng nhận (sự thật), (đó là Muhammad và các tín đồ của Người).”

وَإِذَا سَمِعُواْ مَآ أُنزِلَ إِلَى ٱلرَّسُولِ تَرَىٰٓ أَعۡيُنَهُمۡ
تَفِيضُ مِنَ ٱلدَّمۡعِ مِمَّا عَرَفُواْ مِنَ ٱلۡحَقِّۖ يَقُولُونَ
رَبَّنَآ ءَامَنَّا فَٱكۡتُبۡنَا مَعَ ٱلشَّٰهِدِينَ ٨٣

84. “Làm sao bầy tôi lại không có đức tin nơi Allah trong khi chân lý đã thật sự đến với bầy tôi (thông qua Thiên Sứ Muhammad), bầy tôi tham được Thượng Đế của mình thu nhận vào cùng với nhóm người đức hạnh (nơi Thiên Đàng).”

وَمَا لَنَا لَا نُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَمَا جَآءَنَا مِنَ ٱلۡحَقِّ وَنَطۡمَعُ
أَن يُدۡخِلَنَا رَبُّنَا مَعَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلصَّٰلِحِينَ ٨٤

85. Bởi những điều họ cầu nguyện, Allah đã ban thưởng cho họ những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sống muôn đời trong đó. Đấy là phần thưởng dành cho người làm tốt.

فَأَثَٰبَهُمُ ٱللَّهُ بِمَا قَالُواْ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا
ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ وَذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٨٥

86. Riêng những kẻ vô đức tin và phủ nhận các lời mặc khải của TA, họ sẽ làm bạn với Hỏa Ngục.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ
ٱلۡجَحِيمِ ٨٦

87. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng tự ý cấm những thứ tốt lành mà Allah đã cho phép các ngươi. Tuy nhiên, các ngươi chớ vượt quá giới hạn, quả thật, Allah không yêu thương những kẻ vượt quá giới hạn.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُحَرِّمُواْ طَيِّبَٰتِ مَآ أَحَلَّ
ٱللَّهُ لَكُمۡ وَلَا تَعۡتَدُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ
ٱلۡمُعۡتَدِينَ ٨٧

88. Các ngươi hãy ăn những thực phẩm Halal tốt sạch mà Allah đã ban cấp cho các ngươi và các ngươi hãy kính sợ Allah, Đấng mà các ngươi thật sự có đức tin.

وَكُلُواْ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ حَلَٰلٗا طَيِّبٗاۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ
ٱلَّذِيٓ أَنتُم بِهِۦ مُؤۡمِنُونَ ٨٨

89. Allah không bắt tội các ngươi về những lời thề thốt do quen miệng mà Ngài chỉ bắt tội các ngươi về những lời thề thực sự có chủ ý. Tuy nhiên, để chuộc tội cho lời thề đã phạm(19) thì phải nuôi ăn mười người nghèo theo mức lượng trung bình mà các ngươi dùng để nuôi gia đình hoặc cấp quần áo cho họ hoặc trả tự do cho một người nô lệ (có đức tin). Đối với người nào không có khả năng thì phải nhịn chay ba ngày liên tục. Đó là cách chuộc tội cho điều đã phạm trong lời thề, và các ngươi hãy giữ lời thề của mình. Allah trình bày rõ ràng các lời mặc khải của Ngài cho các ngươi như thế, mong rằng các ngươi biết tạ ơn (Ngài).[1]

لَا يُؤَاخِذُكُمُ ٱللَّهُ بِٱللَّغۡوِ فِيٓ أَيۡمَٰنِكُمۡ وَلَٰكِن
يُؤَاخِذُكُم بِمَا عَقَّدتُّمُ ٱلۡأَيۡمَٰنَۖ فَكَفَّٰرَتُهُۥٓ إِطۡعَامُ
عَشَرَةِ مَسَٰكِينَ مِنۡ أَوۡسَطِ مَا تُطۡعِمُونَ أَهۡلِيكُمۡ
أَوۡ كِسۡوَتُهُمۡ أَوۡ تَحۡرِيرُ رَقَبَةٖۖ فَمَن لَّمۡ يَجِدۡ فَصِيَامُ
ثَلَٰثَةِ أَيَّامٖۚ ذَٰلِكَ كَفَّٰرَةُ أَيۡمَٰنِكُمۡ إِذَا حَلَفۡتُمۡۚ
وَٱحۡفَظُوٓاْ أَيۡمَٰنَكُمۡۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمۡ
ءَايَٰتِهِۦ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٨٩

90. Hỡi những người có đức tin! Quả thật (uống) rượu, cờ bạc, thờ cúng trên bàn thờ đá và xin xăm là những thứ ô uế thuộc hành vi của Shaytan. Bởi thế, các ngươi hãy tránh xa chúng mong rằng các ngươi thành đạt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّمَا ٱلۡخَمۡرُ وَٱلۡمَيۡسِرُ
وَٱلۡأَنصَابُ وَٱلۡأَزۡلَٰمُ رِجۡسٞ مِّنۡ عَمَلِ ٱلشَّيۡطَٰنِ
فَٱجۡتَنِبُوهُ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ٩٠

91. Quả thật, Shaytan chỉ muốn gieo lòng hận thù và hiềm khích giữa các ngươi qua (việc uống) rượu và cờ bạc. Thật ra (Shaytan) chỉ muốn cản trở các ngươi tưởng nhớ Allah và muốn các ngươi (sao lãng) lễ nguyện Salah mà thôi. Vậy các ngươi không chịu ngưng ư?!

إِنَّمَا يُرِيدُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَن يُوقِعَ بَيۡنَكُمُ ٱلۡعَدَٰوَةَ
وَٱلۡبَغۡضَآءَ فِي ٱلۡخَمۡرِ وَٱلۡمَيۡسِرِ وَيَصُدَّكُمۡ عَن ذِكۡرِ
ٱللَّهِ وَعَنِ ٱلصَّلَوٰةِۖ فَهَلۡ أَنتُم مُّنتَهُونَ ٩١

92. Các ngươi hãy tuân lệnh Allah, vâng lời Thiên Sứ (Muhammad) và các ngươi hãy coi chừng (chớ kháng lại lệnh của Y). Nếu như các ngươi quay lưng với Y thì các ngươi hãy biết rằng quả thật Thiên Sứ của TA chỉ có nhiệm vụ truyền đạt rõ ràng mà thôi.

وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَ وَٱحۡذَرُواْۚ فَإِن تَوَلَّيۡتُمۡ
فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَا عَلَىٰ رَسُولِنَا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ٩٢

[1] (19) Thề không làm một điều gì đó nhưng lại làm hoặc thề làm một điều gì đó nhưng lại không làm. Đó là phạm tội trong lời thề.

93. Những người có đức tin và hành thiện sẽ không bị bắt tội về những gì (Haram) mà họ đã ăn (uống) trong quá khứ (chẳng hạn như uống rượu trước khi có lệnh cấm) nếu (hiện tại) họ giữ mình (không phạm điều Haram), có đức tin và hành thiện; sau đó, họ giữ mình hơn, có đức tin nhiều hơn, rồi họ giữ mình hơn nữa và làm tốt. Quả thật, Allah thương yêu những người làm tốt(20).[I]

لَيْسَ عَلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ جُنَاحٌ
فِيمَا طَعِمُوٓا۟ إِذَا مَا ٱتَّقَوا۟ وَّءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟
ٱلصَّٰلِحَٰتِ ثُمَّ ٱتَّقَوا۟ وَّءَامَنُوا۟ ثُمَّ ٱتَّقَوا۟ وَّأَحْسَنُوا۟ۗ
وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٩٣﴾

94. Hỡi những người có đức tin, Allah chắc chắn thử thách các ngươi qua con thú săn trong tầm tay và mũi giáo của các ngươi (khi các ngươi đang trong thời gian hành hương Hajj hoặc ‘Umrah), mục đích để Allah biết rõ ai là người sợ Ngài một cách vô hình. Do đó, người nào vi phạm sau đó thì y sẽ phải chịu sự trừng phạt đau đớn.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَيَبْلُوَنَّكُمُ ٱللَّهُ بِشَىْءٍ مِّنَ
ٱلصَّيْدِ تَنَالُهُۥٓ أَيْدِيكُمْ وَرِمَاحُكُمْ لِيَعْلَمَ ٱللَّهُ
مَن يَخَافُهُۥ بِٱلْغَيْبِۚ فَمَنِ ٱعْتَدَىٰ بَعْدَ ذَٰلِكَ فَلَهُۥ
عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿٩٤﴾

95. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng giết thú săn khi các ngươi đang trong thời gian hãm mình (của nghi thức Hajj hoặc ‘Umrah). Ai trong các ngươi cố tình giết thú săn (khi đang trong tình trạng hãm mình như thế) thì hình phạt dành cho y là y phải đền một con gia súc tương đương với con thú săn mà y đã giết dưới giám sát của hai người đàn ông công bằng trong các ngươi, (con vật phải) được dắt đến Ka’bah để giết (và chia thịt cho cư dân nghèo ở đó), hoặc y phải chuộc tội bằng cách nuôi ăn(21) những người nghèo hoặc bằng cách nhịn chay tương đương với việc nuôi ăn đó, mục đích để cho y nếm hậu quả của hành vi (giết thú săn) của y. Allah sẽ lượng thứ cho việc đã qua nhưng ai tái phạm thì Allah sẽ trừng phạt y. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng toàn quyền trừng phạt (không quyền lực nào có thể kháng cự).[II]

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تَقْتُلُوا۟ ٱلصَّيْدَ وَأَنتُمْ حُرُمٌۚ
وَمَن قَتَلَهُۥ مِنكُم مُّتَعَمِّدًا فَجَزَآءٌ مِّثْلُ مَا قَتَلَ
مِنَ ٱلنَّعَمِ يَحْكُمُ بِهِۦ ذَوَا عَدْلٍ مِّنكُمْ هَدْيًۢا بَٰلِغَ
ٱلْكَعْبَةِ أَوْ كَفَّٰرَةٌ طَعَامُ مَسَٰكِينَ أَوْ عَدْلُ ذَٰلِكَ
صِيَامًا لِّيَذُوقَ وَبَالَ أَمْرِهِۦۗ عَفَا ٱللَّهُ عَمَّا سَلَفَۚ
وَمَنْ عَادَ فَيَنتَقِمُ ٱللَّهُ مِنْهُۚ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ ذُو
ٱنتِقَامٍ ﴿٩٥﴾

96. Các ngươi được phép săn bắt (động vật) trên biển và được phép dùng thức ăn của nó (xác chết trên biển) làm thực phẩm cho các ngươi và cho khách bộ hành của sa mạc. Tuy nhiên, các ngươi không được phép săn bắt động vật trên cạn lúc các ngươi đang trong (thời gian) hãm mình (của nghi thức Hajj hoặc ‘Umrah). Các ngươi hãy kính sợ Allah, Đấng mà các ngươi sẽ được triệu tập (trình diện Ngài vào Ngày Phán Xét).

أُحِلَّ لَكُمْ صَيْدُ ٱلْبَحْرِ وَطَعَامُهُۥ مَتَٰعًا لَّكُمْ
وَلِلسَّيَّارَةِۖ وَحُرِّمَ عَلَيْكُمْ صَيْدُ ٱلْبَرِّ مَا دُمْتُمْ
حُرُمًاۗ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ ٱلَّذِىٓ إِلَيْهِ تُحْشَرُونَ ﴿٩٦﴾

97. Allah đã qui định Ka’bah, Ngôi đền thiêng liêng, làm một nơi để nhân loại đến hành đạo (như Salah, hành hương Hajj và ‘Umrah); (Ngài quy định) những tháng cấm

۞ جَعَلَ ٱللَّهُ ٱلْكَعْبَةَ ٱلْبَيْتَ ٱلْحَرَامَ قِيَٰمًا لِّلنَّاسِ
وَٱلشَّهْرَ ٱلْحَرَامَ وَٱلْهَدْىَ وَٱلْقَلَٰٓئِدَۚ ذَٰلِكَ لِتَعْلَمُوٓا۟ أَنَّ

[I] (20) Những người làm tốt là những người ngoan đạo đạt đến cảnh giới Ehsan. Và Ehsan được Thiên Sứ của Allah định nghĩa rằng đó là một người thờ phượng Allah như thể y đang nhìn thấy Ngài trước mặt nhưng nếu như y không thể nhìn thấy Ngài thì y biết rằng Ngài đang nhìn thấy y.

[II] (21) Nuôi ăn người nghèo được thực hiện theo cách sau: Định giá tiền cho con thú săn bị giết rồi lấy giá tiền chia 1,2 kg (gạo), kết quả có được là số phần phải cho người nghèo. Nếu không có khả năng nuôi ăn người nghèo thì phải nhịn chay, số ngày nhịn chay tương ứng với số phần nuôi ăn, bao nhiêu phần là bấy nhiêu ngày nhịn chay.

ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَأَنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٌ ٩٧

(giết chóc)(22), (qui định) vật giết tế và việc đeo vòng cổ (lên con vật được chọn giết tế). (Ngài qui định) như thế là để các ngươi biết rằng Allah hằng biết rõ mọi thứ trong trời đất; quả thật Allah là Đấng hằng biết mọi thứ.[I]

ٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ وَأَنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٩٨

98. (Hỡi nhân loại), các ngươi hãy biết rằng Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt (những kẻ bất tuân Ngài), và (các ngươi cũng hãy biết rằng) Allah hằng tha thứ, khoan dung (đối với những ai quay về sám hối với Ngài).

مَّا عَلَى ٱلرَّسُولِ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُۗ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تُبۡدُونَ وَمَا تَكۡتُمُونَ ٩٩

99. Thiên Sứ (của Allah) chỉ có nhiệm vụ truyền đạt (thông điệp của Ngài chứ không có quyền năng hướng dẫn một ai). Và Allah là Đấng biết rõ những gì các ngươi phơi bày và những gì các ngươi che giấu.

قُل لَّا يَسۡتَوِي ٱلۡخَبِيثُ وَٱلطَّيِّبُ وَلَوۡ أَعۡجَبَكَ كَثۡرَةُ ٱلۡخَبِيثِۚ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ يَٰٓأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ١٠٠

100. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Cái xấu và cái tốt không hề ngang bằng nhau mặc dù sự phong phú của cái xấu có thể gây ấn tượng với các ngươi (bởi lẽ số nhiều không phải là bằng chứng khẳng định giá trị của một sự việc). Cho nên, các ngươi hãy kính sợ Allah, hỡi những người thông hiểu, mong rằng các ngươi thắng lợi và thành công.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَسۡـَٔلُواْ عَنۡ أَشۡيَآءَ إِن تُبۡدَ لَكُمۡ تَسُؤۡكُمۡ وَإِن تَسۡـَٔلُواْ عَنۡهَا حِينَ يُنَزَّلُ ٱلۡقُرۡءَانُ تُبۡدَ لَكُمۡ عَفَا ٱللَّهُ عَنۡهَاۗ وَٱللَّهُ غَفُورٌ حَلِيمٞ ١٠١

101. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đừng hỏi về những điều mà nếu chúng được chỉ ra cho các ngươi sẽ làm các ngươi khốn đốn. Nhưng nếu các ngươi hỏi về chúng trong lúc Kinh Qur’an được ban xuống thì chúng sẽ được trình bày rõ cho các ngươi. (Tuy nhiên) Allah đã cho qua những điều đó (khi Ngài im lặng, không đề cập chúng trong Qur’an của Ngài). Quả thật, Allah hằng tha thứ, hằng chịu đựng.

قَدۡ سَأَلَهَا قَوۡمٞ مِّن قَبۡلِكُمۡ ثُمَّ أَصۡبَحُواْ بِهَا كَٰفِرِينَ ١٠٢

102. Thật ra, trước các ngươi đã có một đám người cũng đã hỏi về những điều đó, rồi sau đó họ đã trở thành những kẻ vô đức tin bởi chúng.

مَا جَعَلَ ٱللَّهُ مِنۢ بَحِيرَةٖ وَلَا سَآئِبَةٖ وَلَا وَصِيلَةٖ وَلَا حَامٖ وَلَٰكِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَۖ وَأَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡقِلُونَ ١٠٣

103. Allah không hề quy định về Bahirah, Sa-ibah, Wasilah hay Ham gì cả(23) mà chính những kẻ vô đức tin đã bịa đặt điều giả dối cho Allah. Quả thật, đa số bọn họ chẳng hiểu gì.[II]

[I] (22) Các tháng cấm đó bao gồm: Zdul-Qa’dah, Zdul-Hijjah, Muharram, Rajab.

[II] (23) Người đa thần trước đây đã tự đặt ra những điều mê tín: Bahirah là con lạc đà cái, sữa của nó chỉ dành dâng cúng các thần linh bục tượng, không ai được phép vắt sữa của nó, hoặc là con lạc cái có tai bị chẻ làm đôi. Sa-ibah là con lạc đà cái được thả tự do, nó là con vật dành cúng cho thần linh, nó không được dùng để chuyên chở. Wasilah là con lạc đà cái dùng để cúng các thần linh, không được dùng để chuyên chở vì nó đều đẻ con cái trong hai lứa đầu. Ham là con lạc đà đực được dùng để phối giống, sau khi nó giao phối đến đủ số lần giao phối theo qui định thì nó được thả tự do, không được dùng chuyên chở, nó là vật cúng các thần linh. (Xem Tafsir Ibnu Jibril và Ibnu Al-Kathir)

104. (Những kẻ đặt điều giả dối cho Allah này), khi có lời bảo “Các ngươi hãy đến với điều mà Allah đã ban xuống (Qur’an) và đến với Thiên Sứ (Sunnah) thì họ nói: “Những gì chúng tôi thấy tổ tiên chúng tôi làm đã quá đủ cho chúng tôi.” Lẽ nào (họ đi theo tổ tiên của họ) ngay cả khi tổ tiên của họ không biết gì cũng như không được hướng dẫn ư?!

وَإِذَا قِيلَ لَهُمْ تَعَالَوْاْ إِلَىٰ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ وَإِلَى ٱلرَّسُولِ
قَالُواْ حَسْبُنَا مَا وَجَدْنَا عَلَيْهِ ءَابَآءَنَآۚ أَوَلَوْ كَانَ
ءَابَآؤُهُمْ لَا يَعْلَمُونَ شَيْـًٔا وَلَا يَهْتَدُونَ ١٠٤

105. Hỡi những người có đức tin, các ngươi phải chịu trách nhiệm cho bản thân các ngươi. Những kẻ lầm lạc sẽ không gây hại được các ngươi khi các ngươi đi đúng con đường chân lý. Rồi đây, tất cả các ngươi sẽ phải trở về trình diện Allah, Ngài sẽ cho các ngươi biết tất cả những gì các ngươi đã từng làm (trên thế gian).

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ عَلَيْكُمْ أَنفُسَكُمْۖ لَا
يَضُرُّكُم مَّن ضَلَّ إِذَا ٱهْتَدَيْتُمْۚ إِلَى ٱللَّهِ مَرْجِعُكُمْ
جَمِيعًا فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ١٠٥

106. Hỡi những người có đức tin, khi ai đó trong các ngươi lập di chúc trước lúc lâm chung (thì các ngươi) hãy để hai người đàn ông công bằng (chính trực và trung thực) trong các ngươi đứng ra làm chứng cho các ngươi hoặc để hai người khác ngoài các ngươi (không phải Muslim) làm chứng cho các ngươi trong trường hợp các ngươi đang trên đường đi xa và cái chết bất ngờ đến với các ngươi. Nếu các ngươi nghi ngờ (về sự trung thực của) hai nhân chứng thì sau lễ nguyện Salah, các ngươi hãy bắt hai người họ thề với Allah: “Chúng tôi không bán sự làm chứng với bất cứ giá trị nào ngay cả đối với bà con thân thuộc, và chúng tôi sẽ không giấu giếm bằng chứng của Allah (vì nếu chúng tôi làm thế thì) chắc chắn chúng tôi là những kẻ tội lỗi.”

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ شَهَٰدَةُ بَيْنِكُمْ إِذَا حَضَرَ
أَحَدَكُمُ ٱلْمَوْتُ حِينَ ٱلْوَصِيَّةِ ٱثْنَانِ ذَوَا عَدْلٍ
مِّنكُمْ أَوْ ءَاخَرَانِ مِنْ غَيْرِكُمْ إِنْ أَنتُمْ ضَرَبْتُمْ فِي
ٱلْأَرْضِ فَأَصَٰبَتْكُم مُّصِيبَةُ ٱلْمَوْتِۚ تَحْبِسُونَهُمَا مِنۢ
بَعْدِ ٱلصَّلَوٰةِ فَيُقْسِمَانِ بِٱللَّهِ إِنِ ٱرْتَبْتُمْ لَا نَشْتَرِي
بِهِۦ ثَمَنًا وَلَوْ كَانَ ذَا قُرْبَىٰ وَلَا نَكْتُمُ شَهَٰدَةَ ٱللَّهِ
إِنَّآ إِذًا لَّمِنَ ٱلْأٓثِمِينَ ١٠٦

107. Nếu phát hiện cả hai (nhân chứng) là kẻ tội lỗi (khai man, phạm lời thề hoặc lừa gạt) thì hãy để hai người khác (thuộc thân nhân người chết) đứng ra thế chỗ cho hai nhân chứng đã phạm tội, và yêu cầu họ thề với Allah: “Sự làm chứng của chúng tôi trung thực hơn sự làm chứng của hai người trước và chúng tôi không vi phạm. (Nếu chúng tôi vi phạm) thì chúng tôi sẽ là những kẻ làm điều sai quấy.”

فَإِنْ عُثِرَ عَلَىٰٓ أَنَّهُمَا ٱسْتَحَقَّآ إِثْمًا فَـَٔاخَرَانِ يَقُومَانِ
مَقَامَهُمَا مِنَ ٱلَّذِينَ ٱسْتَحَقَّ عَلَيْهِمُ ٱلْأَوْلَيَٰنِ
فَيُقْسِمَانِ بِٱللَّهِ لَشَهَٰدَتُنَآ أَحَقُّ مِن شَهَٰدَتِهِمَا وَمَا
ٱعْتَدَيْنَآ إِنَّآ إِذًا لَّمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٠٧

108. (Việc yêu cầu hai nhân chứng thề sau lễ nguyện Salah) là cách phù hợp nhất để có được một sự làm chứng đúng thật hoặc vì sợ lời thề bị (người thừa kế) bác bỏ sau khi họ đã thề. Các ngươi hãy kính sợ Allah và hãy nghe (lệnh của Ngài). Quả thật, Allah không bao giờ hướng dẫn đám người bất tuân.

ذَٰلِكَ أَدْنَىٰٓ أَن يَأْتُواْ بِٱلشَّهَٰدَةِ عَلَىٰ وَجْهِهَآ أَوْ يَخَافُوٓاْ
أَن تُرَدَّ أَيْمَٰنُۢ بَعْدَ أَيْمَٰنِهِمْۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱسْمَعُواْۗ
وَٱللَّهُ لَا يَهْدِي ٱلْقَوْمَ ٱلْفَٰسِقِينَ ١٠٨

109. (Hỡi nhân loại, các ngươi hãy nhớ đến) Ngày mà Allah sẽ tập kết toàn bộ các vị Thiên Sứ (của Ngài) rồi hỏi Họ: “Các cộng đồng của Các Ngươi đã đáp lại (sứ mạng của) Các Ngươi những gì?” Họ đáp: “Quả thật, bầy tôi

۞يَوْمَ يَجْمَعُ ٱللَّهُ ٱلرُّسُلَ فَيَقُولُ مَاذَآ أُجِبْتُمْۖ قَالُواْ لَا
عِلْمَ لَنَآۖ إِنَّكَ أَنتَ عَلَّٰمُ ٱلْغُيُوبِ ١٠٩

không biết gì bởi lẽ chỉ có Ngài mới là Đấng biết rõ mọi điều vô hình.”

110. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ hãy nhớ lại) khi Allah phán: “Hỡi Ysa con trai của Maryam, Ngươi hãy nhớ lại hồng ân mà TA đã ban cho Ngươi (khi TA tạo ra Ngươi từ người mẹ mà không cần đến người cha), và cho mẹ của Ngươi (khi TA chọn Nữ làm người phụ nữ tốt nhất trong thời đại của Nữ); (Ngươi hãy nhớ lại hồng ân mà TA đã ban cho Ngươi) khi TA đã cho Jibril đến phò trợ Ngươi, cho Ngươi nói chuyện được với thiên hạ lúc Ngươi vẫn còn nằm nôi và lúc Ngươi đã trưởng thành; (Ngươi hãy nhớ lại hồng ân mà TA đã ban cho Ngươi) khi TA đã dạy Ngươi chữ viết, lẽ khôn ngoan, Kinh Tawrah và Kinh Injil; (Ngươi hãy nhớ lại hồng ân mà TA đã ban cho Ngươi) khi Ngươi có thể tạo ra một con chim thật từ con chim đất sét được nắn hình bằng cách hà hơi vào nó dưới sự chấp thuận của TA, Ngươi có thể chữa khỏi bệnh mù bẩm sinh và bệnh bạch biến dưới phép của TA; (Ngươi hãy nhớ lại hồng ân mà TA đã ban cho Ngươi) khi Ngươi có thể cứu người chết sống lại dưới phép của TA; và (Ngươi hãy nhớ lại hồng ân mà TA đã ban cho Ngươi) khi TA đã bảo vệ Ngươi thoát khỏi sự hãm hại của dân Israel lúc Ngươi mang đến cho họ những bằng chứng rõ rệt nhưng những kẻ vô đức tin trong số họ bảo: “Đây rõ ràng chỉ trò ma thuật!”.

إِذۡ قَالَ ٱللَّهُ يَٰعِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ ٱذۡكُرۡ نِعۡمَتِي عَلَيۡكَ
وَعَلَىٰ وَٰلِدَتِكَ إِذۡ أَيَّدتُّكَ بِرُوحِ ٱلۡقُدُسِ تُكَلِّمُ ٱلنَّاسَ
فِي ٱلۡمَهۡدِ وَكَهۡلٗاۖ وَإِذۡ عَلَّمۡتُكَ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ
وَٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَۖ وَإِذۡ تَخۡلُقُ مِنَ ٱلطِّينِ كَهَيۡـَٔةِ
ٱلطَّيۡرِ بِإِذۡنِي فَتَنفُخُ فِيهَا فَتَكُونُ طَيۡرَۢا بِإِذۡنِيۖ
وَتُبۡرِئُ ٱلۡأَكۡمَهَ وَٱلۡأَبۡرَصَ بِإِذۡنِيۖ وَإِذۡ تُخۡرِجُ ٱلۡمَوۡتَىٰ
بِإِذۡنِيۖ وَإِذۡ كَفَفۡتُ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ عَنكَ إِذۡ جِئۡتَهُم
بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡهُمۡ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا
سِحۡرٞ مُّبِينٞ ١١٠

111. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ hãy nhớ lại) khi TA (Allah) mặc khải cho các tông đồ (của Ysa) phán bảo: “Các ngươi hãy có đức tin nơi TA và nơi vị Thiên Sứ của TA. Họ nói: “Bầy tôi đã có đức tin và xin Ngài hãy chứng giám rằng bầy tôi là những tín đồ Muslim.”

وَإِذۡ أَوۡحَيۡتُ إِلَى ٱلۡحَوَارِيِّـۧنَ أَنۡ ءَامِنُواْ بِي وَبِرَسُولِي
قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَٱشۡهَدۡ بِأَنَّنَا مُسۡلِمُونَ ١١١

112. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ hãy nhớ lại) khi các tông đồ (của Ysa) nói: “Hỡi Ysa con trai của Maryam, Thượng Đế của Người có thể ban xuống cho chúng tôi một bàn thức ăn từ trên trời không?! (Ysa) bảo: “Các người hãy kính sợ Allah (mà bỏ đi yêu cầu quá đáng đó) nếu các người là những người có đức tin.”

إِذۡ قَالَ ٱلۡحَوَارِيُّونَ يَٰعِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ هَلۡ يَسۡتَطِيعُ
رَبُّكَ أَن يُنَزِّلَ عَلَيۡنَا مَآئِدَةٗ مِّنَ ٱلسَّمَآءِۖ قَالَ ٱتَّقُواْ
ٱللَّهَ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١١٢

113. (Các tông đồ) nói (với Ysa): “Chúng tôi muốn ăn từ chiếc bàn đầy thức ăn đó để con tim của chúng tôi vững tin hơn (về quyền năng của Allah) cũng như để biết rõ Người đã nói thật với chúng tôi; và chúng tôi sẽ là những nhân chứng cho chiếc bàn ăn đó.”

قَالُواْ نُرِيدُ أَن نَّأۡكُلَ مِنۡهَا وَتَطۡمَئِنَّ قُلُوبُنَا وَنَعۡلَمَ
أَن قَدۡ صَدَقۡتَنَا وَنَكُونَ عَلَيۡهَا مِنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ١١٣

114. Ysa con trai của Maryam khẩn cầu: “Lạy Allah, Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy ban xuống cho bầy tôi một chiếc bàn đầy thức ăn từ trên trời để làm một bàn tiệc mừng vui cho bầy tôi như là một phép màu của Ngài cho bầy tôi từ người đầu tiên cho đến người cuối cùng, xin

قَالَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ ٱللَّهُمَّ رَبَّنَآ أَنزِلۡ عَلَيۡنَا
مَآئِدَةٗ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ تَكُونُ لَنَا عِيدٗا لِّأَوَّلِنَا

Ngài hãy ban bổng lộc cho bầy tôi bởi Ngài là Đấng Ban bổng lộc tốt nhất.”

وَءَاخِرِنَا وَءَايَةٗ مِّنكَۖ وَٱرۡزُقۡنَا وَأَنتَ خَيۡرُ
ٱلرَّٰزِقِينَ ١١٤

115. Allah phán: “TA sẽ ban nó (bàn thức ăn) xuống cho các ngươi. Tuy nhiên, nếu ai trong các ngươi vô đức tin sau đó thì chắc chắn TA sẽ trừng phạt kẻ đó bằng một sự trừng phạt mà TA chưa từng trừng phạt ai trên đời này.”

قَالَ ٱللَّهُ إِنِّي مُنَزِّلُهَا عَلَيۡكُمۡۖ فَمَن يَكۡفُرۡ بَعۡدُ
مِنكُمۡ فَإِنِّيٓ أُعَذِّبُهُۥ عَذَابٗا لَّآ أُعَذِّبُهُۥٓ أَحَدٗا مِّنَ
ٱلۡعَٰلَمِينَ ١١٥

116. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ hãy nhớ lại) khi Allah phán bảo: “Hỡi Ysa con trai của Maryam, phải chăng nhà Ngươi đã bảo thiên hạ ‘các người hãy tôn vinh Ta và mẹ của Ta như hai thượng đế thay vì Allah’ đúng không? (Ysa) thưa: “Thật vinh quang và tối cao thay Ngài, làm sao bề tôi dám nói ra điều mà bề tôi không có thẩm quyền. Nếu như bề tôi thực sự đã nói như thế thì chắc chắn Ngài đã biết bởi vì Ngài biết rõ những gì trong bản thân bề tôi còn bề tôi thì không biết những điều trong bản thân Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng thông toàn mọi điều vô hình.”

وَإِذۡ قَالَ ٱللَّهُ يَٰعِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ ءَأَنتَ قُلۡتَ
لِلنَّاسِ ٱتَّخِذُونِي وَأُمِّيَ إِلَٰهَيۡنِ مِن دُونِ ٱللَّهِۖ قَالَ
سُبۡحَٰنَكَ مَا يَكُونُ لِيٓ أَنۡ أَقُولَ مَا لَيۡسَ لِي بِحَقٍّۚ
إِن كُنتُ قُلۡتُهُۥ فَقَدۡ عَلِمۡتَهُۥۚ تَعۡلَمُ مَا فِي نَفۡسِي
وَلَآ أَعۡلَمُ مَا فِي نَفۡسِكَۚ إِنَّكَ أَنتَ عَلَّٰمُ
ٱلۡغُيُوبِ ١١٦

117. “Bề tôi chỉ nói với họ những gì Ngài đã ra lệnh cho bề tôi, (đó là): ‘Các người hãy thờ phượng Allah, Thượng Đế của Ta và Thượng Đế của các người.’ Bề tôi là nhân chứng cho họ trong suốt thời gian bề tôi còn sống bên họ, nhưng sau khi Ngài đưa bề tôi lên cùng với Ngài thì Ngài là Đấng Giám Sát họ và Ngài làm chứng cho tất cả mọi việc.”

مَا قُلۡتُ لَهُمۡ إِلَّا مَآ أَمَرۡتَنِي بِهِۦٓ أَنِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ رَبِّي
وَرَبَّكُمۡۚ وَكُنتُ عَلَيۡهِمۡ شَهِيدٗا مَّا دُمۡتُ فِيهِمۡۖ فَلَمَّا
تَوَفَّيۡتَنِي كُنتَ أَنتَ ٱلرَّقِيبَ عَلَيۡهِمۡۚ وَأَنتَ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ شَهِيدٌ ١١٧

118. “Nếu Ngài trừng phạt họ thì bởi vì họ vốn dĩ là đám bầy tôi của Ngài nhưng nếu Ngài lượng thứ cho họ thì bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Sáng Suốt.”

إِن تُعَذِّبۡهُمۡ فَإِنَّهُمۡ عِبَادُكَۖ وَإِن تَغۡفِرۡ لَهُمۡ فَإِنَّكَ
أَنتَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ١١٨

119. (Allah) phán (với Ysa): “Đây là ngày mà những người trung thực sẽ được hưởng lợi từ sự trung thực của họ. Họ sẽ có được những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có dòng sông chảy, họ sẽ sống trong đó đời đời, Allah sẽ hài lòng về họ và họ cũng sẽ hài lòng về Ngài. Đó là sự thành tựu vĩ đại.”

قَالَ ٱللَّهُ هَٰذَا يَوۡمُ يَنفَعُ ٱلصَّٰدِقِينَ صِدۡقُهُمۡۚ لَهُمۡ
جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ
رَّضِيَ ٱللَّهُ عَنۡهُمۡ وَرَضُواْ عَنۡهُۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ
ٱلۡعَظِيمُ ١١٩

120. Quyền thống trị và chế ngự các tầng trời và trái đất và vạn vật trong trời đất đều thuộc về một mình Allah. Và Ngài là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

لِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا فِيهِنَّۚ وَهُوَ عَلَىٰ
كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرُۢ ١٢٠

Al-An'am (Những Con Súc Vật) الأنعام

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alhamdulillah, Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và làm ra bóng tối (ban đêm) và ánh sáng (ban ngày). Tuy nhiên, những kẻ vô đức tin cứ ngang nhiên dựng lên các đối tác ngang vai cùng với Thượng Đế của họ.

ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَجَعَلَ
ٱلظُّلُمَٰتِ وَٱلنُّورَۖ ثُمَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِرَبِّهِمۡ
يَعۡدِلُونَ ١

2. (Hỡi nhân loại!) Ngài là Đấng đã tạo hóa (Adam, cha của) các ngươi từ đất sét, rồi Ngài ấn định thời hạn (cho mỗi người các ngươi trên trần gian), và Ngài ấn định một thời hạn khác nữa (cho các ngươi nơi cõi mộ), điều đó thuộc về riêng Ngài (không ai biết rõ thời hạn của nó ngoại trừ một mình Ngài). Tuy nhiên, các ngươi vẫn hoài nghi (về Sự Phục Sinh).

هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَكُم مِّن طِينٖ ثُمَّ قَضَىٰٓ أَجَلٗاۖ وَأَجَلٞ
مُّسَمًّى عِندَهُۥۖ ثُمَّ أَنتُمۡ تَمۡتَرُونَ ٢

3. Ngài chính là Allah (Đấng đáng được thờ phượng) trong các tầng trời và trái đất, Ngài biết điều thầm kín và điều công khai của các ngươi, và Ngài biết rõ mọi điều các ngươi làm.

وَهُوَ ٱللَّهُ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَفِي ٱلۡأَرۡضِ يَعۡلَمُ سِرَّكُمۡ
وَجَهۡرَكُمۡ وَيَعۡلَمُ مَا تَكۡسِبُونَ ٣

4. (Những kẻ thờ đa thần), bất cứ dấu hiệu nào trong các dấu hiệu của Thượng Đế đến với họ thì họ đều quay mặt ngoảnh đi.

وَمَا تَأۡتِيهِم مِّنۡ ءَايَةٖ مِّنۡ ءَايَٰتِ رَبِّهِمۡ إِلَّا كَانُواْ
عَنۡهَا مُعۡرِضِينَ ٤

5. Quả thật, họ đã phủ nhận Chân Lý khi Nó đến với họ. Rồi đây họ sẽ biết rõ (chân tướng) về điều mà họ đã chế giễu.

فَقَدۡ كَذَّبُواْ بِٱلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَهُمۡ فَسَوۡفَ يَأۡتِيهِمۡ
أَنۢبَٰٓؤُاْ مَا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٥

6. Lẽ nào họ không thấy TA (Allah) đã hủy diệt biết bao thế hệ trước họ? TA (đã hủy diệt trước họ rất nhiều cộng đồng) mà TA đã cho định cư (vững chắc) trên trái đất, (sự vững chắc) mà TA không cho các ngươi định cư (giống như thế). TA đã gửi từ trên trời xuống dòng nước (mưa rào) trừng phạt họ, TA đã tạo ra những dòng sông chảy (mạnh) bên dưới họ, TA đã hủy diệt họ toàn bộ vì tội lỗi của họ và TA đã tạo ra sau họ các thế hệ khác.

أَلَمۡ يَرَوۡاْ كَمۡ أَهۡلَكۡنَا مِن قَبۡلِهِم مِّن قَرۡنٖ مَّكَّنَّٰهُمۡ
فِي ٱلۡأَرۡضِ مَا لَمۡ نُمَكِّن لَّكُمۡ وَأَرۡسَلۡنَا ٱلسَّمَآءَ
عَلَيۡهِم مِّدۡرَارٗا وَجَعَلۡنَا ٱلۡأَنۡهَٰرَ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهِمۡ
فَأَهۡلَكۡنَٰهُم بِذُنُوبِهِمۡ وَأَنشَأۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِمۡ قَرۡنًا
ءَاخَرِينَ ٦

7. Dẫu TA có ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ) một Kinh Sách bằng văn bản trên các trang viết mà họ có thể sờ nó bằng tay thì chắc chắn những kẻ vô đức tin vẫn sẽ nói: “Đây rõ ràng chỉ là một trò ma thuật.”

وَلَوۡ نَزَّلۡنَا عَلَيۡكَ كِتَٰبٗا فِي قِرۡطَاسٖ فَلَمَسُوهُ
بِأَيۡدِيهِمۡ لَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا سِحۡرٞ
مُّبِينٞ ٧

8. (Những kẻ vô đức tin này) nói: “Sao không phái một Thiên Thần xuống cùng với Y (Muhammad)?!” Nhưng nếu như TA (Allah) phái xuống một Thiên Thần (theo đúng yêu cầu của họ) thì vấn đề đã được giải quyết xong, (họ đã bị hủy diệt ngay khi không có đức tin) chứ làm gì có chuyện trì hoãn dành cho họ.

وَقَالُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ مَلَكٞۖ وَلَوۡ أَنزَلۡنَا مَلَكٗا لَّقُضِيَ
ٱلۡأَمۡرُ ثُمَّ لَا يُنظَرُونَ ٨

9. Và nếu TA có gửi xuống một Thiên Thần (làm Sứ Giả) thì TA vẫn sẽ phải làm cho y (xuất hiện như) một người đàn ông (phàm tục, bởi lẽ họ không thể gặp trực diện nguyên hình của Thiên Thần). Và (lúc đó) họ cũng sẽ hoài nghi giống như họ thường hoài nghi.

وَلَوۡ جَعَلۡنَٰهُ مَلَكٗا لَّجَعَلۡنَٰهُ رَجُلٗا وَلَلَبَسۡنَا عَلَيۡهِم
مَّا يَلۡبِسُونَ ٩

10. Quả thật, các Sứ Giả trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã từng bị giễu cợt và nhạo báng nhưng (sự trừng phạt) sẽ vây hãm những kẻ chế giễu bởi những điều mà họ đã thường bỡn cợt và trêu đùa.

وَلَقَدِ ٱسۡتُهۡزِئَ بِرُسُلٖ مِّن قَبۡلِكَ فَحَاقَ بِٱلَّذِينَ
سَخِرُواْ مِنۡهُم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ١٠

11. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ vô đức tin thường nhạo báng): “Các người hãy đi chu du khắp trái đất rồi nhìn xem những kẻ phủ nhận đó đã có kết cuộc như thế nào?!”

قُلۡ سِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ ثُمَّ ٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلۡمُكَذِّبِينَ ١١

12. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy hỏi họ: “Vạn vật trong các tầng trời và trái đất nằm dưới quyền thống trị của ai?” Ngươi hãy nói: “(Tất cả nằm dưới quyền thống trị) của Allah” Ngài đã qui định cho chính Ngài lòng nhân từ. Rồi đây vào Ngày Phán Xét, TA chắc chắn sẽ triệu tập tất cả các ngươi lại, điều đó không có gì phải hoài nghi. Và những người gây thiệt cho bản thân (vào Ngày đó) không hề có đức tin.

قُل لِّمَن مَّا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ قُل لِّلَّهِۚ كَتَبَ عَلَىٰ
نَفۡسِهِ ٱلرَّحۡمَةَۚ لَيَجۡمَعَنَّكُمۡ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَا
رَيۡبَ فِيهِۚ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ فَهُمۡ لَا
يُؤۡمِنُونَ ١٢

13. Mọi vật ẩn mình vào ban đêm và ban ngày đều nằm dưới quyền chi phối của riêng Ngài và Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

۞وَلَهُۥ مَا سَكَنَ فِي ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ
ٱلۡعَلِيمُ ١٣

14. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ đa thần): “Lẽ nào Ta lại chọn lấy ai khác ngoài Allah làm đấng bảo hộ trong khi Ngài là Đấng đã tạo hóa trời đất, là Đấng nuôi dưỡng (vạn vật) chứ không phải là vật được nuôi dưỡng?!" Ngươi hãy bảo: “Quả thật, Ta được lệnh phải là người đầu tiên thần phục (Allah) và không được trở thành kẻ đa thần.”

قُلۡ أَغَيۡرَ ٱللَّهِ أَتَّخِذُ وَلِيّٗا فَاطِرِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ
وَهُوَ يُطۡعِمُ وَلَا يُطۡعَمُۗ قُلۡ إِنِّيٓ أُمِرۡتُ أَنۡ أَكُونَ
أَوَّلَ مَنۡ أَسۡلَمَۖ وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٤

15. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Quả thật, Ta rất sợ hình phạt của Ngày Vĩ Đại nếu Ta nghịch lại Thượng Đế của Ta.”

قُلۡ إِنِّيٓ أَخَافُ إِنۡ عَصَيۡتُ رَبِّي عَذَابَ يَوۡمٍ
عَظِيمٖ ١٥

16. Ai được (Allah) cứu khỏi nó (hình phạt) vào Ngày hôm đó thì quả thật y đã được Ngài thương xót, và đó là một thành tựu vẻ vang.

مَّن يُصۡرَفۡ عَنۡهُ يَوۡمَئِذٖ فَقَدۡ رَحِمَهُۥۚ وَذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡمُبِينُ ١٦

17. Nếu Allah giáng tai họa lên ngươi (hỡi con người) thì chẳng ai có thể giúp ngươi thoát khỏi tai hoạ đó ngoại trừ một mình Ngài còn nếu Ngài ban cho Ngươi điều tốt lành thì Ngài vốn dĩ là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

وَإِن يَمۡسَسۡكَ ٱللَّهُ بِضُرّٖ فَلَا كَاشِفَ لَهُۥٓ إِلَّا هُوَۖ وَإِن يَمۡسَسۡكَ بِخَيۡرٖ فَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ١٧

18. Ngài là Đấng Thống Trị bên trên đám bầy tôi của Ngài và Ngài là Đấng Sáng Suốt, Đấng Thông Toàn.

وَهُوَ ٱلۡقَاهِرُ فَوۡقَ عِبَادِهِۦۚ وَهُوَ ٱلۡحَكِيمُ ٱلۡخَبِيرُ ١٨

19. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần phủ nhận Ngươi): “Sự chứng nhận nào là lớn nhất (cho sự thật về sứ mạng của Ta)?!” Ngươi hãy nói: “Allah là Đấng chứng giám giữa Ta và các ngươi. Ngài đã mặc khải cho Ta Kinh Qur’an này để Ta cảnh báo các ngươi và những ai mà Nó tiếp xúc (trong loài người và loài Jinn). Lẽ nào các ngươi chứng nhận bên cạnh Allah có các thần linh khác nữa ư?!” Ngươi hãy nói: “Còn Ta không chứng nhận điều đó.” Ngươi hãy nói: “Quả thật, chỉ có Ngài (Allah) là Thượng Đế duy nhất và Ta vô can với những gì các ngươi tổ hợp cùng với Ngài.”

قُلۡ أَيُّ شَيۡءٍ أَكۡبَرُ شَهَٰدَةٗۖ قُلِ ٱللَّهُۖ شَهِيدُۢ بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡۚ وَأُوحِيَ إِلَيَّ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانُ لِأُنذِرَكُم بِهِۦ وَمَنۢ بَلَغَۚ أَئِنَّكُمۡ لَتَشۡهَدُونَ أَنَّ مَعَ ٱللَّهِ ءَالِهَةً أُخۡرَىٰۚ قُل لَّآ أَشۡهَدُۚ قُلۡ إِنَّمَا هُوَ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞ وَإِنَّنِي بَرِيٓءٞ مِّمَّا تُشۡرِكُونَ ١٩

20. Những ai mà TA đã ban cho Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa) biết rõ về Y (Muhammad) giống như họ biết rõ ràng về con cái của họ. (Đó là) những người gây thiệt cho bản thân (vì đã đưa bản thân vào Hỏa Ngục), và họ không hề có đức tin.

ٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ يَعۡرِفُونَهُۥ كَمَا يَعۡرِفُونَ أَبۡنَآءَهُمُۘ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ فَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ٢٠

21. Còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều giả dối cho Allah hoặc còn ai sai quấy hơn kẻ đã phủ nhận các lời mặc khải của Ngài?! Chắc chắn những kẻ sai quấy không bao giờ thành đạt.

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوۡ كَذَّبَ بِـَٔايَٰتِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٢١

22. Vào Ngày (Phán Xét), TA sẽ triệu tập họ toàn bộ, rồi TA sẽ hỏi những kẻ đa thần: “Đâu rồi những thần linh mà các ngươi đã từng khẳng định (rằng chúng là các đối tác ngang vai cùng với Allah)?!”

وَيَوۡمَ نَحۡشُرُهُمۡ جَمِيعٗا ثُمَّ نَقُولُ لِلَّذِينَ أَشۡرَكُوٓاْ أَيۡنَ شُرَكَآؤُكُمُ ٱلَّذِينَ كُنتُمۡ تَزۡعُمُونَ ٢٢

23. Rồi họ không còn lời nào để chạy tội ngoại trừ phải nói: “Xin thề với Allah, Thượng Đế của bầy tôi, trước đây bầy tôi không phải là những người đa thần.”

ثُمَّ لَمۡ تَكُن فِتۡنَتُهُمۡ إِلَّآ أَن قَالُواْ وَٱللَّهِ رَبِّنَا مَا كُنَّا مُشۡرِكِينَ ٢٣

24. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhìn xem bọn họ đã dối trá với chính họ như thế nào?! Và những gì mà họ bịa đặt đã bỏ mặc họ.

ٱنظُرۡ كَيۡفَ كَذَبُواْ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡۚ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ٢٤

25. (Những người đa thần), trong số họ có người đã (giả vờ) tìm đến lắng nghe Ngươi (xướng đọc Qur'an) nhưng TA đã bọc kín con tim của họ lại khiến họ không hiểu được Nó và (TA làm cho) tai của họ (như thể) có một vật cản trong đó (khiến họ khó nghe được điều lợi). Và cho dù họ có tận mắt nhìn thấy tất cả các dấu hiệu thì họ cũng không có đức tin, (sự vô đức tin của họ) đến mức khi họ đến gặp Ngươi thì họ sẽ tranh luận với Ngươi, và những kẻ vô đức tin nói: "Đây chỉ là những câu chuyện cổ tích của người xưa."

وَمِنْهُم مَّن يَسْتَمِعُ إِلَيْكَۖ وَجَعَلْنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمْ
أَكِنَّةً أَن يَفْقَهُوهُ وَفِيٓ ءَاذَانِهِمْ وَقْرًاۚ وَإِن يَرَوْاْ كُلَّ
ءَايَةٖ لَّا يُؤْمِنُواْ بِهَاۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُوكَ يُجَٰدِلُونَكَ
يَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِنْ هَٰذَآ إِلَّآ أَسَٰطِيرُ
ٱلْأَوَّلِينَ ٢٥

26. Họ lánh xa Y (Thiên Sứ) và ngăn cản (người khác tin) vào Y, và họ không thể hủy hoại được ai ngoại trừ chính bản thân họ, tuy nhiên họ không nhận thấy điều đó.

وَهُمْ يَنْهَوْنَ عَنْهُ وَيَنْـَٔوْنَ عَنْهُۖ وَإِن يُهْلِكُونَ إِلَّآ
أَنفُسَهُمْ وَمَا يَشْعُرُونَ ٢٦

27. Nếu như Ngươi (Thiên Sứ) thấy được cảnh lúc họ (những người vô đức tin) bị bắt đứng trên lửa (của Hỏa Ngục), (Ngươi sẽ thấy) họ than: "Ước gì chúng mình được trở lại (cuộc sống trần gian), chúng mình sẽ không phủ nhận các lời mặc khải của Thượng Đế của chúng mình và chúng mình sẽ là những người có đức tin."

وَلَوْ تَرَىٰٓ إِذْ وُقِفُواْ عَلَى ٱلنَّارِ فَقَالُواْ يَٰلَيْتَنَا نُرَدُّ وَلَا
نُكَذِّبَ بِـَٔايَٰتِ رَبِّنَا وَنَكُونَ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ٢٧

28. Không đâu, (họ sẽ không có đức tin như lời đã nói), những gì mà họ giấu giếm trước đây sẽ lộ ra. Cho dù họ được cho trở lại (cuộc sống trần gian) thì họ sẽ vẫn tái phạm những điều cấm bởi quả thật họ là những kẻ gian dối.

بَلْ بَدَا لَهُم مَّا كَانُواْ يُخْفُونَ مِن قَبْلُۖ وَلَوْ رُدُّواْ
لَعَادُواْ لِمَا نُهُواْ عَنْهُ وَإِنَّهُمْ لَكَٰذِبُونَ ٢٨

29. (Những kẻ thờ đa thần này) nói: "Thật ra, chẳng có cuộc sống nào ngoài cuộc sống của chúng ta trên trần gian này, chúng ta sẽ không được phục sinh trở lại (cho việc phán xét và thưởng phạt)."

وَقَالُوٓاْ إِنْ هِيَ إِلَّا حَيَاتُنَا ٱلدُّنْيَا وَمَا نَحْنُ
بِمَبْعُوثِينَ ٢٩

30. Nếu như Ngươi (Thiên Sứ) thấy cảnh (những người vô đức tin) bị bắt đứng trình diện trước Thượng Đế của họ (thì Ngươi sẽ thấy tình trạng tồi tệ của họ) khi (Allah) bảo họ: "Lẽ nào điều này (sự Phục Sinh) không phải là sự thật?" Họ đáp: "Thưa Thượng Đế của bầy tôi, nó là sự thật." (Allah) phán: "Vậy thì các ngươi hãy nếm lấy hình phạt bởi những gì mà các ngươi đã từng phủ nhận."

وَلَوْ تَرَىٰٓ إِذْ وُقِفُواْ عَلَىٰ رَبِّهِمْۚ قَالَ أَلَيْسَ هَٰذَا
بِٱلْحَقِّۚ قَالُواْ بَلَىٰ وَرَبِّنَاۚ قَالَ فَذُوقُواْ ٱلْعَذَابَ بِمَا
كُنتُمْ تَكْفُرُونَ ٣٠

31. Những kẻ phủ nhận việc gặp Allah chắc chắn sẽ thua thiệt. Mãi đến khi Giờ Tận Thế bất ngờ xảy đến với họ thì họ mới nói: "Thật khổ thân cho chúng ta về điều mà chúng ta đã thường làm ngơ!" Họ phải mang trên lưng tội lỗi của mình. Thật tồi tệ cho tội lỗi mà họ phải gánh lấy!

قَدْ خَسِرَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِلِقَآءِ ٱللَّهِۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَتْهُمُ
ٱلسَّاعَةُ بَغْتَةٗ قَالُواْ يَٰحَسْرَتَنَا عَلَىٰ مَا فَرَّطْنَا فِيهَا
وَهُمْ يَحْمِلُونَ أَوْزَارَهُمْ عَلَىٰ ظُهُورِهِمْۚ أَلَا سَآءَ مَا
يَزِرُونَ ٣١

32. Cuộc sống trần gian này chỉ là trò vui chơi và thú tiêu khiển (ngắn ngủi cho những ai không muốn làm hài lòng Allah), và cõi Đời Sau thực sự tốt đẹp (trường tồn) cho những người ngoan đạo (luôn cố gắng làm Allah hài lòng). Lẽ nào các ngươi không hiểu (hỡi những kẻ đa thần)?!

وَمَا ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَآ إِلَّا لَعِبٞ وَلَهۡوٞۖ وَلَلدَّارُ ٱلۡأٓخِرَةُ
خَيۡرٞ لِّلَّذِينَ يَتَّقُونَۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٣٢

33. TA thực sự biết rõ những gì họ nói làm Ngươi (Thiên Sứ) buồn rầu. Quả thật họ không phủ nhận Ngươi, tuy nhiên, những kẻ sai quấy thường chống đối các Lời Mặc Khải của Allah.

قَدۡ نَعۡلَمُ إِنَّهُۥ لَيَحۡزُنُكَ ٱلَّذِي يَقُولُونَۖ فَإِنَّهُمۡ لَا
يُكَذِّبُونَكَ وَلَٰكِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ
يَجۡحَدُونَ ٣٣

34. Quả thật, các vị Thiên Sứ trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) cũng đã bị phủ nhận nhưng Họ đã kiên nhẫn chịu đựng trước sự phủ nhận và gây hại (của những kẻ phủ nhận chống đối) cho đến khi TA (Allah) mang đến cho Họ sự chiến thắng. Quả thật, lời (hứa ban cho sự chiến thắng) của Allah không hề thay đổi. Ngươi đích thực đã nhận được các nguồn tin của các vị Thiên Sứ (trước Ngươi).

وَلَقَدۡ كُذِّبَتۡ رُسُلٞ مِّن قَبۡلِكَ فَصَبَرُواْ عَلَىٰ مَا
كُذِّبُواْ وَأُوذُواْ حَتَّىٰٓ أَتَىٰهُمۡ نَصۡرُنَاۚ وَلَا مُبَدِّلَ
لِكَلِمَٰتِ ٱللَّهِۚ وَلَقَدۡ جَآءَكَ مِن نَّبَإِيْ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٣٤

35. Nếu sự quay lưng của (những kẻ đa thần) là điều trở ngại lớn cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thì với khả năng của Ngươi, hãy đào một đường hầm dưới đất hoặc hãy bắt một cái thang lên trời để mang đến cho họ một dấu hiệu (để thuyết phục họ). Quả thật, nếu Allah muốn thì chắc chắn Ngài đã tập hợp toàn bộ họ đi trên chính đạo. Cho nên, Ngươi chớ là kẻ ngu muội.(1)[i]

وَإِن كَانَ كَبُرَ عَلَيۡكَ إِعۡرَاضُهُمۡ فَإِنِ ٱسۡتَطَعۡتَ أَن
تَبۡتَغِيَ نَفَقٗا فِي ٱلۡأَرۡضِ أَوۡ سُلَّمٗا فِي ٱلسَّمَآءِ فَتَأۡتِيَهُم
بِـَٔايَةٖۚ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَمَعَهُمۡ عَلَى ٱلۡهُدَىٰۚ فَلَا
تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡجَٰهِلِينَ ٣٥

36. Quả thật chỉ những ai nghe (và hiểu được lời nói) mới đáp lại (lời kêu gọi của Ngươi – hỡi Thiên Sứ), còn (những kẻ vô đức tin là) những kẻ đã chết (bởi trái tim của họ đã chết), rồi đây (vào Ngày Phán Xét) Allah sẽ phục sinh họ và họ sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.

۞إِنَّمَا يَسۡتَجِيبُ ٱلَّذِينَ يَسۡمَعُونَۘ وَٱلۡمَوۡتَىٰ يَبۡعَثُهُمُ
ٱللَّهُ ثُمَّ إِلَيۡهِ يُرۡجَعُونَ ٣٦

[i] (1) Thiên Sứ thấy rằng mặc dù đã dành một thời gian dài để khuyên nhủ người dân của mình nhưng họ hầu như không đáp lại lời kêu gọi của Người. Kết quả là đôi khi Người mong muốn sự xuất hiện một dấu hiệu lạ nào đó từ nơi Thượng Đế sẽ làm suy yếu sự ngoan cố của người dân và khiến họ chấp nhận sự hướng dẫn của Người. Câu Kinh này thể hiện phản ứng của Thượng Đế đối với mong muốn của Thiên Sứ. Người được bảo đừng nôn nóng. Người phải kiên trì phấn đấu và tiếp tục làm tròn sứ mạng phù hợp với chỉ thị của Allah. Allah thừa khả năng ban xuống những dấu hiệu lạ và thừa khả năng hướng dẫn toàn bộ đến chính đạo nhưng Ngài đã không coi đó là phương pháp thích hợp để hoàn thành cuộc cách mạng trí tuệ và đạo đức cần thiết hoặc cho sự phát triển của một nền văn minh lành mạnh. Nếu Thiên Sứ không thể kiên nhẫn chịu đựng thái độ bướng bỉnh và sự quay lưng của người dân của Người, và nếu Người nghĩ cần phải làm cho họ chứng kiến một dấu hiệu lạ hữu hình của Thượng Đế, thì Người hãy tập trung tất cả sức mạnh và cố gắng để đào một cái hầm dưới đất hoặc bắt một cái thang lên trời và mang đến một phép lạ đủ mạnh để thay đổi đức tin của những kẻ vô đức tin. Tuy nhiên, Thiên Sứ được cho biết rằng về vấn đề này, Người không nên mong đợi Thượng Đế thực hiện ước muốn của mình, vì những điều như vậy không có chỗ trong kế hoạch của Ngài. Cho nên, Thiên Sứ chớ đâm ra thoái chí và mất kiên nhẫn giống như một kẻ ngu muội.

37. (Những kẻ đa thần) nói: “Sao Y (Muhammad) không được ban cho một phép lạ từ Thượng Đế của mình (để làm minh chứng cho sứ mạng của Y cơ chứ?) Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói: “Chắc chắn Allah thừa khả năng ban xuống một phép lạ (theo ý muốn của họ) nhưng đa số bọn họ lại không biết (Allah chỉ ban phép lạ xuống theo mục đích Ngài muốn chứ không theo ý của họ).

وَقَالُواْ لَوۡلَا نُزِّلَ عَلَيۡهِ ءَايَةٞ مِّن رَّبِّهِۦۚ قُلۡ إِنَّ ٱللَّهَ قَادِرٌ عَلَىٰٓ أَن يُنَزِّلَ ءَايَةٗ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٧

38. Bất cứ loài động vật nào sống trên trái đất và (bất cứ) loài chim nào bay bằng đôi cánh của chúng cũng đều (sống thành) những cộng đồng giống như các ngươi (hỡi con người). TA đã không bỏ sót bất cứ điều gì trong quyển Kinh (Mẹ - Lawhu Al-Mahfuzh). Rồi đây, tất cả đều được triệu tập trình diện Thượng Đế của họ (để Ngài xét xử và thưởng phạt).

وَمَا مِن دَآبَّةٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا طَٰٓئِرٖ يَطِيرُ بِجَنَاحَيۡهِ إِلَّآ أُمَمٌ أَمۡثَالُكُمۚ مَّا فَرَّطۡنَا فِي ٱلۡكِتَٰبِ مِن شَيۡءٖۚ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّهِمۡ يُحۡشَرُونَ ٣٨

39. Những ai phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA, (hình ảnh của họ giống như) kẻ vừa điếc vừa câm mắc kẹt trong bóng tối. Allah muốn đẩy ai vào lầm lạc là tùy ý Ngài và Ngài muốn hướng dẫn ai đến con đường ngay chính cũng tùy ý Ngài.

وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا صُمّٞ وَبُكۡمٞ فِي ٱلظُّلُمَٰتِۗ مَن يَشَإِ ٱللَّهُ يُضۡلِلۡهُ وَمَن يَشَأۡ يَجۡعَلۡهُ عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٣٩

40. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần này): “Nếu các ngươi nói thật (rằng các thần linh của các người có thể mang lại điều lợi và đẩy lùi điều dữ) thì các người hãy cho ta biết nếu hình phạt của Allah túm lấy các người hoặc Giờ Tận Thế (bất ngờ) xảy đến, có phải các người sẽ cầu xin ai khác ngoài Allah chứ?!”

قُلۡ أَرَءَيۡتَكُمۡ إِنۡ أَتَىٰكُمۡ عَذَابُ ٱللَّهِ أَوۡ أَتَتۡكُمُ ٱلسَّاعَةُ أَغَيۡرَ ٱللَّهِ تَدۡعُونَ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٤٠

41. “Không đâu, (vào lúc nguy cấp đó) chắc chắn các người chỉ cầu xin mỗi mình (Allah) mà thôi. Nếu Ngài muốn, Ngài sẽ lấy khỏi các người (những tai họa) mà các người cầu xin Ngài và các ngươi sẽ quên bẵng (các thần linh) mà các người tổ hợp (cùng với Allah).”

بَلۡ إِيَّاهُ تَدۡعُونَ فَيَكۡشِفُ مَا تَدۡعُونَ إِلَيۡهِ إِن شَآءَ وَتَنسَوۡنَ مَا تُشۡرِكُونَ ٤١

42. Quả thật TA đã gởi đến các thế hệ trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ) các vị Sứ Giả (nhưng tất cả đã bị người dân phủ nhận) thế là TA đã trừng phạt họ bằng sự đói khổ và bệnh tật mong họ biết hạ mình (thần phục TA).

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَآ إِلَىٰٓ أُمَمٖ مِّن قَبۡلِكَ فَأَخَذۡنَٰهُم بِٱلۡبَأۡسَآءِ وَٱلضَّرَّآءِ لَعَلَّهُمۡ يَتَضَرَّعُونَ ٤٢

43. Đáng lẽ ra họ phải biết hạ mình (thần phục TA) khi tai họa của TA giáng xuống họ, tuy nhiên, con tim của họ đã chai sạn và Shaytan đã trang hoàng những điều (tội lỗi) họ làm trở nên đẹp đẽ đối với họ.

فَلَوۡلَآ إِذۡ جَآءَهُم بَأۡسُنَا تَضَرَّعُواْ وَلَٰكِن قَسَتۡ قُلُوبُهُمۡ وَزَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٤٣

44. Cho nên, khi họ quên bẵng những điều họ được nhắc nhở thì TA mở toang cho họ các cánh cửa (phồn vinh) về mọi thứ (trong cuộc sống trần tục của họ) mãi đến khi họ chỉ biết vui và tự hào về những gì mà họ được ban cho thì

فَلَمَّا نَسُواْ مَا ذُكِّرُواْ بِهِۦ فَتَحۡنَا عَلَيۡهِمۡ أَبۡوَٰبَ كُلِّ شَيۡءٍ حَتَّىٰٓ إِذَا فَرِحُواْ بِمَآ أُوتُوٓاْ أَخَذۡنَٰهُم بَغۡتَةٗ فَإِذَا هُم مُّبۡلِسُونَ ٤٤

lúc đó TA bất ngờ trừng phạt họ khiến họ trở nên tuyệt vọng.

45. Thế là (tất cả) đám người có hành vi sai trái đều đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Alhamdulillah, Thượng Đế của toàn vũ trụ và vạn vật.

فَقُطِعَ دَابِرُ ٱلۡقَوۡمِ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْۚ وَٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ
ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٥

46. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ đa thần): “Các người hãy cho ta biết nếu Allah lấy đi thính giác và thị giác của các người đồng thời đóng dấu lên con tim của các người (để các người không thể nhận thức được gì nữa) thì thần linh nào ngoài Allah có thể phục hồi những thứ đó cho các người?” Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy xem TA đã trình bày rõ ràng các lời mặc khải (của TA) như thế nào, vậy mà họ vẫn ngoảnh mặt quay đi!

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِنۡ أَخَذَ ٱللَّهُ سَمۡعَكُمۡ وَأَبۡصَٰرَكُمۡ وَخَتَمَ
عَلَىٰ قُلُوبِكُم مَّنۡ إِلَٰهٌ غَيۡرُ ٱللَّهِ يَأۡتِيكُم بِهِۗ ٱنظُرۡ
كَيۡفَ نُصَرِّفُ ٱلۡأٓيَٰتِ ثُمَّ هُمۡ يَصۡدِفُونَ ٤٦

47. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ đa thần): “Các người hãy cho ta biết nếu hình phạt của Allah đến với các người một cách bất ngờ hoặc một cách công khai (thì liệu các người có thoát được không)? Chắc chắn những kẻ làm điều sai quấy đều sẽ bị tiêu diệt toàn bộ.”

قُلۡ أَرَءَيۡتَكُمۡ إِنۡ أَتَىٰكُمۡ عَذَابُ ٱللَّهِ بَغۡتَةً أَوۡ
جَهۡرَةً هَلۡ يُهۡلَكُ إِلَّا ٱلۡقَوۡمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٤٧

48. TA (Allah) đã không cử phái các vị Thiên Sứ đến ngoại trừ vì mục đích báo tin mừng (về Thiên Đàng cho những người có đức tin) và cảnh báo (về Hỏa Ngục cho những kẻ vô đức tin). Do đó, ai có đức tin và cải thiện bản thân thì họ sẽ không phải lo sợ cũng sẽ không phải buồn phiền.

وَمَا نُرۡسِلُ ٱلۡمُرۡسَلِينَ إِلَّا مُبَشِّرِينَ وَمُنذِرِينَۖ فَمَنۡ
ءَامَنَ وَأَصۡلَحَ فَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ
يَحۡزَنُونَ ٤٨

49. Những ai phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA thì sự trừng phạt sẽ chạm đến họ bởi những điều mà họ đã bất tuân và dấy loạn.

وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا يَمَسُّهُمُ ٱلۡعَذَابُ بِمَا كَانُواْ
يَفۡسُقُونَ ٤٩

50. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Ta không hề nói với các người rằng Ta nắm giữ các kho tàng của Allah, Ta không hề nói với các ngươi rằng Ta biết điều vô hình, và Ta cũng không hề nói với các người rằng Ta chính là Thiên Thần, (mà Ta chỉ nói với các ngươi rằng) Ta chỉ làm theo điều được mặc khải cho Ta mà thôi.” Ngươi hãy nói (với họ): “Lẽ nào người mù và người sáng mắt lại ngang bằng nhau ư? Lẽ nào các người không suy ngẫm?!”

قُل لَّآ أَقُولُ لَكُمۡ عِندِي خَزَآئِنُ ٱللَّهِ وَلَآ أَعۡلَمُ
ٱلۡغَيۡبَ وَلَآ أَقُولُ لَكُمۡ إِنِّي مَلَكٌۖ إِنۡ أَتَّبِعُ إِلَّا مَا
يُوحَىٰٓ إِلَيَّۚ قُلۡ هَلۡ يَسۡتَوِي ٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡبَصِيرُۚ أَفَلَا
تَتَفَكَّرُونَ ٥٠

51. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy lấy (Qur’an) cảnh báo những ai biết sợ việc họ sẽ bị triệu tập trình diện Thượng Đế của họ, (và rằng) chắc chắn họ sẽ không được ai ngoài Ngài bảo hộ và can thiệp, mong rằng họ biết kính sợ (Allah).

وَأَنذِرۡ بِهِ ٱلَّذِينَ يَخَافُونَ أَن يُحۡشَرُوٓاْ إِلَىٰ رَبِّهِمۡ لَيۡسَ
لَهُم مِّن دُونِهِۦ وَلِيّٞ وَلَا شَفِيعٞ لَّعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ ٥١

52. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) chớ đừng xua đuổi những người (nghèo khổ) cầu nguyện Thượng Đế của họ vào sáng tối bằng chân tâm (muốn Ngài hài lòng). (Bởi lẽ) Ngươi không gánh tội thay cho họ về bất cứ điều gì (họ phạm) và họ cũng không gánh tội thay cho Ngươi về bất cứ điều gì (Ngươi phạm). Cho nên, việc Ngươi xua đuổi họ sẽ khiến Ngươi trở thành kẻ sai quấy bất công.

وَلَا تَطۡرُدِ ٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ رَبَّهُم بِٱلۡغَدَوٰةِ وَٱلۡعَشِيِّ
يُرِيدُونَ وَجۡهَهُۥۖ مَا عَلَيۡكَ مِنۡ حِسَابِهِم مِّن شَيۡءٖ
وَمَا مِنۡ حِسَابِكَ عَلَيۡهِم مِّن شَيۡءٖ فَتَطۡرُدَهُمۡ
فَتَكُونَ مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥٢

53. Như thế đó, TA đã dùng những người này thử thách những người kia để (những kẻ vô đức tin giàu có) nói (về những người nghèo có đức tin): “Lẽ nào những kẻ (nghèo khổ) này được Allah đặc ân hơn chúng ta sao?” Chẳng phải Allah mới là Đấng biết rõ ai là người tri ân (Ngài) hay sao?!

وَكَذَٰلِكَ فَتَنَّا بَعۡضَهُم بِبَعۡضٖ لِّيَقُولُوٓاْ أَهَٰٓؤُلَآءِ مَنَّ
ٱللَّهُ عَلَيۡهِم مِّنۢ بَيۡنِنَآۗ أَلَيۡسَ ٱللَّهُ بِأَعۡلَمَ
بِٱلشَّٰكِرِينَ ٥٣

54. Khi những người có đức tin nơi những Lời Mặc Khải của TA đến gặp Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thì Ngươi hãy nói với họ: “Chào bằng an đến các người, Thượng Đế của các người đã qui định cho bản thân Ngài lòng nhân từ: rằng ai trong các người lỡ làm điều tội lỗi vì thiếu hiểu biết rồi sau đó ăn năn hối cải và sửa mình thì quả thật Ngài là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.”

وَإِذَا جَآءَكَ ٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِـَٔايَٰتِنَا فَقُلۡ سَلَٰمٌ
عَلَيۡكُمۡۖ كَتَبَ رَبُّكُمۡ عَلَىٰ نَفۡسِهِ ٱلرَّحۡمَةَ أَنَّهُۥ مَنۡ
عَمِلَ مِنكُمۡ سُوٓءَۢا بِجَهَٰلَةٖ ثُمَّ تَابَ مِنۢ بَعۡدِهِۦ
وَأَصۡلَحَ فَأَنَّهُۥ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥٤

55. TA trình bày rõ các Lời Mặc Khải (của TA) như thế đó và để con đường của những kẻ tội lỗi trở nên rõ ràng.

وَكَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ وَلِتَسۡتَبِينَ سَبِيلُ
ٱلۡمُجۡرِمِينَ ٥٥

56. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Ta bị cấm thờ phượng những thứ mà các ngươi cầu nguyện ngoài Allah.” Ngươi hãy nói: “Ta không làm theo ham muốn của các ngươi. (Nếu Ta làm theo ham muốn của các ngươi) thì chắc chắn Ta đã lầm lạc và lúc đó Ta sẽ không còn được hướng dẫn nữa.”

قُلۡ إِنِّي نُهِيتُ أَنۡ أَعۡبُدَ ٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِ
ٱللَّهِۚ قُل لَّآ أَتَّبِعُ أَهۡوَآءَكُمۡ قَدۡ ضَلَلۡتُ إِذٗا وَمَآ أَنَا۠
مِنَ ٱلۡمُهۡتَدِينَ ٥٦

57. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những người đa thần): “Ta quả thật đang ở trên bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của Ta còn các người thì đã phủ nhận nó. Cái (hình phạt) mà các người hối thúc không nằm ở nơi Ta, mọi quyết định đều chỉ thuộc về một mình Allah, Ngài nói sự thật (và phán quyết trên sự thật) và Ngài là Đấng phân biệt (giữa điều chân lý và ngụy tạo) tốt nhất."

قُلۡ إِنِّي عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي وَكَذَّبۡتُم بِهِۦۚ مَا عِندِي مَا
تَسۡتَعۡجِلُونَ بِهِۦٓۚ إِنِ ٱلۡحُكۡمُ إِلَّا لِلَّهِۖ يَقُصُّ ٱلۡحَقَّۖ
وَهُوَ خَيۡرُ ٱلۡفَٰصِلِينَ ٥٧

58. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với họ): “Nếu cái (hình phạt) mà các người hối thúc nằm ở nơi Ta thì vấn đề giữa Ta và các người chắc chắn đã được giải quyết. Quả thật, Allah biết rõ (khi nào trừng phạt và khi nào tạm tha cho) những kẻ làm điều sai quấy.”

قُل لَّوۡ أَنَّ عِندِي مَا تَسۡتَعۡجِلُونَ بِهِۦ لَقُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ
بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡۗ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِٱلظَّٰلِمِينَ ٥٨

59. Mọi chìa khóa (kho tàng) của cõi vô hình đều nằm ở nơi (Allah), không ai biết rõ chúng ngoại trừ một mình Ngài. Ngài biết rõ mọi vật trên đất liền cũng như trong biển cả, không một chiếc lá nào rơi rụng cũng như không một hạt nào trong bóng tối của lòng đất mà Ngài không biết, cái xanh tươi hay sự khô héo, tất cả đều được ghi sẵn trong một quyển sổ định mệnh (Lawhu Al-Mahfuzh) rõ ràng.

۞وَعِندَهُۥ مَفَاتِحُ ٱلۡغَيۡبِ لَا يَعۡلَمُهَآ إِلَّا هُوَۚ وَيَعۡلَمُ
مَا فِي ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِۚ وَمَا تَسۡقُطُ مِن وَرَقَةٍ إِلَّا يَعۡلَمُهَا
وَلَا حَبَّةٖ فِي ظُلُمَٰتِ ٱلۡأَرۡضِ وَلَا رَطۡبٖ وَلَا يَابِسٍ
إِلَّا فِي كِتَٰبٖ مُّبِينٖ ٥٩

60. Ngài là Đấng rút hồn các ngươi vào ban đêm (lúc ngủ) và Ngài biết rõ từng hành vi của các ngươi vào ban ngày. Rồi vào ban ngày, Ngài trả hồn lại cho các ngươi (lúc thức dậy) để các ngươi tiếp tục sống đến hết tuổi thọ đã định. Sau đó, các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Ngài, rồi Ngài sẽ cho các ngươi biết những gì mà các ngươi đã làm.

وَهُوَ ٱلَّذِي يَتَوَفَّىٰكُم بِٱلَّيۡلِ وَيَعۡلَمُ مَا جَرَحۡتُم
بِٱلنَّهَارِ ثُمَّ يَبۡعَثُكُمۡ فِيهِ لِيُقۡضَىٰٓ أَجَلٞ مُّسَمّٗىۖ ثُمَّ
إِلَيۡهِ مَرۡجِعُكُمۡ ثُمَّ يُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ
تَعۡمَلُونَ ٦٠

61. Ngài là Đấng Thống Trị bên trên đám bầy tôi của Ngài và Ngài gởi đến các ngươi (hỡi nhân loại) các vị Thiên Thần ghi chép (mọi hành vi của các ngươi) cho đến khi ai đó trong các ngươi đối diện với cái chết (lúc y hết tuổi thọ) thì các Thiên Thần của TA sẽ bắt hồn y và Họ không bao giờ lơ là (trong nhiệm vụ).

وَهُوَ ٱلۡقَاهِرُ فَوۡقَ عِبَادِهِۦۖ وَيُرۡسِلُ عَلَيۡكُمۡ حَفَظَةً
حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَ أَحَدَكُمُ ٱلۡمَوۡتُ تَوَفَّتۡهُ رُسُلُنَا وَهُمۡ
لَا يُفَرِّطُونَ ٦١

62. Sau đó, (tất cả linh hồn) đều được đưa trở về trình diện Allah, Đấng Chủ Nhân đích thực của họ. Quả thật, mọi phán quyết đều thuộc về một mình Ngài và Ngài rất nhanh chóng trong việc xét xử và thưởng phạt.

ثُمَّ رُدُّوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ مَوۡلَىٰهُمُ ٱلۡحَقِّۚ أَلَا لَهُ ٱلۡحُكۡمُ وَهُوَ
أَسۡرَعُ ٱلۡحَٰسِبِينَ ٦٢

63. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Ai sẽ giải cứu các người (được bình an) khỏi các bóng tối của đất liền và biển cả khi các người hạ mình âm thầm thành khẩn khấn vái: nếu Ngài cứu bầy tôi khỏi nạn kiếp này thì chắc chắn bầy tôi sẽ là những người biết ơn?”

قُلۡ مَن يُنَجِّيكُم مِّن ظُلُمَٰتِ ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ
تَدۡعُونَهُۥ تَضَرُّعٗا وَخُفۡيَةٗ لَّئِنۡ أَنجَىٰنَا مِنۡ هَٰذِهِۦ
لَنَكُونَنَّ مِنَ ٱلشَّٰكِرِينَ ٦٣

64. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Allah giải cứu các người (bình an) khỏi nạn kiếp đó và tất cả mọi tai họa khác nhưng rồi sau đó các người vẫn Shirk (tổ hợp các thần linh) với Ngài.”

قُلِ ٱللَّهُ يُنَجِّيكُم مِّنۡهَا وَمِن كُلِّ كَرۡبٖ ثُمَّ أَنتُمۡ
تُشۡرِكُونَ ٦٤

65. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “(Allah) thừa khả năng gửi hình phạt đến các người từ bên trên các người hoặc từ dưới chân các người hoặc làm cho các người xung đột bè phái và để các người nếm mùi của sự sát phạt lẫn nhau.” Ngươi nhìn xem, TA đã giảng giải các lời mặc khải của TA bằng nhiều cách với hy vọng họ hiểu được (thông điệp).

قُلۡ هُوَ ٱلۡقَادِرُ عَلَىٰٓ أَن يَبۡعَثَ عَلَيۡكُمۡ عَذَابٗا مِّن
فَوۡقِكُمۡ أَوۡ مِن تَحۡتِ أَرۡجُلِكُمۡ أَوۡ يَلۡبِسَكُمۡ
شِيَعٗا وَيُذِيقَ بَعۡضَكُم بَأۡسَ بَعۡضٍۗ ٱنظُرۡ كَيۡفَ
نُصَرِّفُ ٱلۡأٓيَٰتِ لَعَلَّهُمۡ يَفۡقَهُونَ ٦٥

66. Nhưng người dân của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã phủ nhận nó trong khi nó là sự thật. Ngươi hãy nói: “Ta không được cử đến để trông chừng các người (mà Ta chỉ là người cảnh báo các người về sự trừng phạt khủng khiếp mà thôi).”

وَكَذَّبَ بِهِۦ قَوۡمُكَ وَهُوَ ٱلۡحَقُّۚ قُل لَّسۡتُ عَلَيۡكُم
بِوَكِيلٖ ٦٦

67. Tất cả mọi nguồn tin (cảnh báo) đều đã được ấn định thời khắc và các người sẽ sớm biết thôi.

لِّكُلِّ نَبَإٖ مُّسۡتَقَرّٞۚ وَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٦٧

68. Khi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thấy những kẻ (vô đức tin) nhạo báng các Lời Mặc Khải của TA thì Ngươi hãy tránh xa họ cho đến khi nào họ chuyển sang chủ đề khác. Còn nếu Ngươi bị Shaytan làm cho quên mà ngồi cùng với họ thì sau khi nhớ lại, Ngươi chớ đừng tiếp tục ngồi cùng với đám người sai quấy đó nữa.

وَإِذَا رَأَيۡتَ ٱلَّذِينَ يَخُوضُونَ فِيٓ ءَايَٰتِنَا فَأَعۡرِضۡ
عَنۡهُمۡ حَتَّىٰ يَخُوضُواْ فِي حَدِيثٍ غَيۡرِهِۦۚ وَإِمَّا
يُنسِيَنَّكَ ٱلشَّيۡطَٰنُ فَلَا تَقۡعُدۡ بَعۡدَ ٱلذِّكۡرَىٰ مَعَ
ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٦٨

69. Những người ngoan đạo không hề có bất cứ trách nhiệm nào cho hành động và việc làm của họ, tuy nhiên, (những người ngoan đạo) hãy nhắc nhở họ mong rằng họ sẽ ngoan đạo (kính sợ Allah.)

وَمَا عَلَى ٱلَّذِينَ يَتَّقُونَ مِنۡ حِسَابِهِم مِّن شَيۡءٖ
وَلَٰكِن ذِكۡرَىٰ لَعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ ٦٩

70. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy mặc kệ những kẻ đã mang tôn giáo của họ ra làm trò đùa và thú tiêu khiển và bị mê hoặc bởi cuộc sống (hào nhoáng) của trần gian. Ngươi hãy nhắc nhở họ bằng Qur'an vì bản thân họ có thể bị hủy hoại bởi những tội lỗi họ đã làm, (và họ cần biết rằng) sẽ không có ai ngoài Allah đứng ra bảo hộ cũng như can thiệp cho họ. Cho dù họ có dâng mọi thứ tương đương với (tội đã phạm) để xin được chuộc tội thì cũng sẽ không được chấp nhận. Họ là những kẻ sẽ phải bị hủy hoại bởi những tội lỗi đã làm. (Rồi đây), họ sẽ được cho uống một loại nước sôi cực nóng cùng với hình phạt đau đớn bởi vì họ đã vô đức tin.

وَذَرِ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ دِينَهُمۡ لَعِبٗا وَلَهۡوٗا وَغَرَّتۡهُمُ
ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَاۚ وَذَكِّرۡ بِهِۦٓ أَن تُبۡسَلَ نَفۡسُۢ بِمَا
كَسَبَتۡ لَيۡسَ لَهَا مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلِيّٞ وَلَا شَفِيعٞ
وَإِن تَعۡدِلۡ كُلَّ عَدۡلٖ لَّا يُؤۡخَذۡ مِنۡهَآۗ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ
أُبۡسِلُواْ بِمَا كَسَبُواْۖ لَهُمۡ شَرَابٞ مِّنۡ حَمِيمٖ وَعَذَابٌ
أَلِيمُۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡفُرُونَ ٧٠

71. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Lẽ nào chúng tôi lại cầu xin ngoài Allah những thứ hoàn toàn không mang lợi cũng chẳng gây hại cho chúng tôi để rồi chúng tôi bị đẩy trở về với (sự vô đức tin) sau khi Allah đã hướng dẫn chúng tôi ư? (Lẽ nào chúng tôi lại) giống như một kẻ bị các Shaytan cám dỗ dẫn đi lang thang trên trái đất trong lúc những người bạn của y cố réo gọi y đến với sự chỉ đạo: Anh hãy đến đây với chúng tôi (nhưng y cứ ngoảnh đi)?” Ngươi hãy nói: “Thật ra sự hướng dẫn của Allah mới thực sự là nguồn chỉ đạo đúng đắn và chúng tôi được lệnh phải thần phục Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.”

قُلۡ أَنَدۡعُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَنفَعُنَا وَلَا يَضُرُّنَا
وَنُرَدُّ عَلَىٰٓ أَعۡقَابِنَا بَعۡدَ إِذۡ هَدَىٰنَا ٱللَّهُ كَٱلَّذِي
ٱسۡتَهۡوَتۡهُ ٱلشَّيَٰطِينُ فِي ٱلۡأَرۡضِ حَيۡرَانَ لَهُۥٓ أَصۡحَٰبٞ
يَدۡعُونَهُۥٓ إِلَى ٱلۡهُدَى ٱئۡتِنَاۗ قُلۡ إِنَّ هُدَى ٱللَّهِ هُوَ
ٱلۡهُدَىٰۖ وَأُمِرۡنَا لِنُسۡلِمَ لِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٧١

72. “(Và chúng tôi được lệnh): Các ngươi hãy thiết lập lễ nguyện Salah và kính sợ Ngài bởi Ngài là Đấng mà các ngươi phải trở về (trình diện vào Ngày Phán Xét.)”

وَأَنۡ أَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَٱتَّقُوهُۚ وَهُوَ ٱلَّذِيٓ إِلَيۡهِ
تُحۡشَرُونَ ٧٢

73. Ngài là Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất vì chân lý. Vào Ngày mà Ngài phán (khi muốn điều gì đó) “Hãy thành” thì nó lập tức sẽ thành, (đó là Ngày Tận Thế, Allah phán bảo các ngươi hãy đứng dậy thì tất cả nhân loại đều đứng dậy). Lời phán của Ngài là sự thật. Ngài nắm toàn quyền trong Ngày mà tiếng còi được thổi lên. Ngài biết điều vô hình và hữu hình và Ngài là Đấng Chí Minh, Đấng Thông Toàn.

وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّۖ وَيَوۡمَ
يَقُولُ كُن فَيَكُونُۚ قَوۡلُهُ ٱلۡحَقُّۚ وَلَهُ ٱلۡمُلۡكُ يَوۡمَ
يُنفَخُ فِي ٱلصُّورِۚ عَٰلِمُ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِۚ وَهُوَ
ٱلۡحَكِيمُ ٱلۡخَبِيرُ ٧٣

74. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ - hãy nhớ lại) khi Ibrahim thưa với cha của Y – Azar, nói: “Sao cha lại nhận các bục tượng làm thần linh? Quả thật, con thấy cha và người dân của cha rõ ràng đang trong sự lầm lạc.”

۞وَإِذۡ قَالَ إِبۡرَٰهِيمُ لِأَبِيهِ ءَازَرَ أَتَتَّخِذُ أَصۡنَامًا ءَالِهَةً
إِنِّيٓ أَرَىٰكَ وَقَوۡمَكَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٧٤

75. Tương tự (như việc cho Ibrahim thấy sự lầm lạc của cha Y và người dân), TA cho Ibrahim thấy thêm việc chi phối các tầng trời và trái đất (để Y nhận thức được quyền năng vô biên của Allah) và để cho Y trở thành một người có đức tin kiên định.

وَكَذَٰلِكَ نُرِيٓ إِبۡرَٰهِيمَ مَلَكُوتَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ
وَلِيَكُونَ مِنَ ٱلۡمُوقِنِينَ ٧٥

76. Khi đêm xuống, (Ibrahim) thấy một vì sao, Y bảo: “Đây là Thượng Đế của Ta.” Nhưng khi vì sao lặn khuất, Y bảo: “Ta không thích những thứ lặn khuất.”

فَلَمَّا جَنَّ عَلَيۡهِ ٱلَّيۡلُ رَءَا كَوۡكَبٗاۖ قَالَ هَٰذَا رَبِّيۖ فَلَمَّآ
أَفَلَ قَالَ لَآ أُحِبُّ ٱلۡأٓفِلِينَ ٧٦

77. Khi thấy mặt trăng mọc lên, (Ibrahim) bảo: “Đây là Thượng Đế của Ta.” Nhưng khi mặt trăng lặn khuất, Y bảo: “Nếu Thượng Đế của Ta không hướng dẫn Ta thì Ta chắc chắn đã trở thành kẻ lầm lạc.”

فَلَمَّا رَءَا ٱلۡقَمَرَ بَازِغٗا قَالَ هَٰذَا رَبِّيۖ فَلَمَّآ أَفَلَ قَالَ
لَئِن لَّمۡ يَهۡدِنِي رَبِّي لَأَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ
ٱلضَّآلِّينَ ٧٧

78. Khi thấy mặt trời mọc lên, (Ibrahim) bảo: “Đây mới thật là Thượng Đế của Ta, vị này lớn nhất.” Nhưng khi mặt trời lặn khuất, Y nói: “Này hỡi người dân, Ta hoàn toàn vô can với mọi thứ mà các người tổ hợp (với Allah).”

فَلَمَّا رَءَا ٱلشَّمۡسَ بَازِغَةٗ قَالَ هَٰذَا رَبِّي هَٰذَآ أَكۡبَرُۖ
فَلَمَّآ أَفَلَتۡ قَالَ يَٰقَوۡمِ إِنِّي بَرِيٓءٞ مِّمَّا تُشۡرِكُونَ ٧٨

79. “Ta toàn tâm hướng mặt mình về Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và Ta không là kẻ thờ đa thần.”

إِنِّي وَجَّهۡتُ وَجۡهِيَ لِلَّذِي فَطَرَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ
حَنِيفٗاۖ وَمَآ أَنَا۠ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٧٩

80. Người dân của Y tranh cãi với Y. Y bảo: “Lẽ nào các người tranh cãi với Ta về Allah trong khi Ngài đã hướng dẫn Ta? Ta không sợ những thứ mà các người tổ hợp với Ngài (bởi lẽ chắc chắn chúng sẽ không thể hại được Ta) ngoại trừ điều nào mà Thượng Đế của Ta đã muốn. Kiến

وَحَآجَّهُۥ قَوۡمُهُۥۚ قَالَ أَتُحَٰٓجُّوٓنِّي فِي ٱللَّهِ وَقَدۡ هَدَىٰنِۚ
وَلَآ أَخَافُ مَا تُشۡرِكُونَ بِهِۦٓ إِلَّآ أَن يَشَآءَ رَبِّي شَيۡـٔٗاۚ
وَسِعَ رَبِّي كُلَّ شَيۡءٍ عِلۡمًاۚ أَفَلَا تَتَذَكَّرُونَ ٨٠

thức của Thượng Đế Ta bao trùm tất cả mọi thứ. Lẽ nào các người vẫn chưa giác ngộ ư?!"

81. "Tại sao Ta lại phải sợ những thứ mà các người tổ hợp (với Allah) trong khi các người không sợ việc các người đã tổ hợp với Allah những thứ mà Ngài đã không cho các người bất cứ thẩm quyền nào? Cho nên, trong hai nhóm, nhóm nào xứng đáng được an toàn (khỏi sự trừng phạt của Allah) nếu các người (thật sự) biết rõ?"

وَكَيۡفَ أَخَافُ مَآ أَشۡرَكۡتُمۡ وَلَا تَخَافُونَ أَنَّكُمۡ
أَشۡرَكۡتُم بِٱللَّهِ مَا لَمۡ يُنَزِّلۡ بِهِۦ عَلَيۡكُمۡ سُلۡطَٰنٗاۚ
فَأَيُّ ٱلۡفَرِيقَيۡنِ أَحَقُّ بِٱلۡأَمۡنِۖ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٨١

82. Những người có đức tin và không làm bẩn (đức tin thuần túy của mình) bởi điều sai trái (Shirk) thì họ là những người được bình an và được hướng dẫn đúng đường.

ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَلَمۡ يَلۡبِسُوٓاْ إِيمَٰنَهُم بِظُلۡمٍ أُوْلَٰٓئِكَ
لَهُمُ ٱلۡأَمۡنُ وَهُم مُّهۡتَدُونَ ٨٢

83. (Cho nên, trong hai nhóm, nhóm nào xứng đáng được an toàn (khỏi sự trừng phạt của Allah) nếu các người (thật sự) biết rõ?) Đó là lập luận mà TA đã ban cho Ibrahim để Y đối đáp với người dân của Y. TA muốn nâng cấp bậc cho ai là tùy ý TA. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ) là Đấng Sáng Suốt, Đấng Hằng Biết.

وَتِلۡكَ حُجَّتُنَآ ءَاتَيۡنَٰهَآ إِبۡرَٰهِيمَ عَلَىٰ قَوۡمِهِۦۚ نَرۡفَعُ
دَرَجَٰتٖ مَّن نَّشَآءُۗ إِنَّ رَبَّكَ حَكِيمٌ عَلِيمٞ ٨٣

84. TA đã ban cho (Ibrahim) (đứa con trai) Is-haq (Isaac) và (đứa cháu nội) Ya'qub (Jacob). Cả hai đều được TA hướng dẫn (đến với chính đạo). Trước đây, Nuh (Nô-ê) cũng đã được TA hướng dẫn, và cả trong dòng dõi của Y như Dawood (David), Sulayman (Solomon), Ayyub (Job), Yusuf (Joseph), Musa, Harun (Aaron); TA ban thưởng cho những người làm tốt như thế.

وَوَهَبۡنَا لَهُۥٓ إِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَۚ كُلًّا هَدَيۡنَاۚ وَنُوحًا
هَدَيۡنَا مِن قَبۡلُۖ وَمِن ذُرِّيَّتِهِۦ دَاوُۥدَ وَسُلَيۡمَٰنَ
وَأَيُّوبَ وَيُوسُفَ وَمُوسَىٰ وَهَٰرُونَۚ وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي
ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٨٤

85. (TA đã hướng dẫn) Zakariya (Zacharias), Yahya, Ysa, Ilyas (Elias), tất cả đều là những người đức hạnh.

وَزَكَرِيَّا وَيَحۡيَىٰ وَعِيسَىٰ وَإِلۡيَاسَۖ كُلّٞ مِّنَ
ٱلصَّٰلِحِينَ ٨٥

86. (TA đã hướng dẫn) Isma'il, Al-Yasa' (Elisha), Yunus, Lut, tất cả đều được TA ban phúc hơn thiên hạ.

وَإِسۡمَٰعِيلَ وَٱلۡيَسَعَ وَيُونُسَ وَلُوطٗاۚ وَكُلّٗا فَضَّلۡنَا عَلَى
ٱلۡعَٰلَمِينَ ٨٦

87. Và trong số cha mẹ, con cái và anh em của họ cũng được TA phù hộ và hướng dẫn theo Chính Đạo.

وَمِنۡ ءَابَآئِهِمۡ وَذُرِّيَّٰتِهِمۡ وَإِخۡوَٰنِهِمۡۖ وَٱجۡتَبَيۡنَٰهُمۡ
وَهَدَيۡنَٰهُمۡ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٨٧

88. Đó là chỉ đạo của Allah, Ngài đã dùng nó để hướng dẫn ai Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài. Nhưng nếu họ Shirk thì mọi việc làm (ngoan đạo và hành thiện) của họ trở nên hoài công vô ích.

ذَٰلِكَ هُدَى ٱللَّهِ يَهۡدِي بِهِۦ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۚ
وَلَوۡ أَشۡرَكُواْ لَحَبِطَ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٨٨

89. Đó là những (vị Sứ Giả và Nabi) đã được TA ban cho Kinh Sách, sự thông thái và sứ mạng tiên tri. Cho nên, nếu như đám dân này (của Ngươi – hỡi Thiên Sứ) phủ nhận (cả ba điều này) thì chắc chắn TA sẽ ban các điều này cho một đám người khác (những người Muhajir và dân Ansar và những ai đi theo họ đến ngày Tận Thế), họ sẽ không phủ nhận.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحُكۡمَ وَٱلنُّبُوَّةَۚ
فَإِن يَكۡفُرۡ بِهَا هَٰٓؤُلَآءِ فَقَدۡ وَكَّلۡنَا بِهَا قَوۡمٗا لَّيۡسُواْ
بِهَا بِكَٰفِرِينَ ٨٩

90. Đó là những người đã được Allah ban cho sự chỉ đạo, cho nên, các ngươi hãy noi theo sự chỉ đạo của họ. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Ta không hề yêu cầu các người trả tiền thù lao cho Ta về (Qur'an). Quả thật, Nó là Thông Điệp Nhắc Nhở dành cho thiên hạ (loài người và loài Jinn)."

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ هَدَى ٱللَّهُۖ فَبِهُدَىٰهُمُ ٱقۡتَدِهۡۗ قُل لَّآ
أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ أَجۡرًاۖ إِنۡ هُوَ إِلَّا ذِكۡرَىٰ
لِلۡعَٰلَمِينَ ٩٠

91. (Những kẻ đa thần) đã đánh giá Allah không đúng về Ngài khi bọn họ bảo: "Allah đã không ban xuống bất cứ gì cho người phàm cả." Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy hỏi họ: "Vậy ai đã ban xuống Kinh (Tawrah), Kinh Sách mà Musa đã mang đến như một nguồn ánh sáng và sự chỉ đạo cho nhân loại? (Tuy nhiên), các người (những người Do Thái) chỉ phơi bày ra một số (điều phù hợp với ý muốn của các người) trên các miếng da thuộc và giấu đi nhiều điều (nghịch lại với dục vọng của các người). Các người đã được dạy cho những điều mà cả các người và cha mẹ của các người đã không từng biết." Ngươi hãy nói: "Allah (đã ban xuống)." Rồi Ngươi hãy mặc kệ bọn họ vui đùa trong sự lầm lạc đó.

وَمَا قَدَرُواْ ٱللَّهَ حَقَّ قَدۡرِهِۦٓ إِذۡ قَالُواْ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ
عَلَىٰ بَشَرٖ مِّن شَيۡءٖۗ قُلۡ مَنۡ أَنزَلَ ٱلۡكِتَٰبَ ٱلَّذِي
جَآءَ بِهِۦ مُوسَىٰ نُورٗا وَهُدٗى لِّلنَّاسِۖ تَجۡعَلُونَهُۥ
قَرَاطِيسَ تُبۡدُونَهَا وَتُخۡفُونَ كَثِيرٗاۖ وَعُلِّمۡتُم مَّا لَمۡ
تَعۡلَمُوٓاْ أَنتُمۡ وَلَآ ءَابَآؤُكُمۡۖ قُلِ ٱللَّهُۖ ثُمَّ ذَرۡهُمۡ فِي
خَوۡضِهِمۡ يَلۡعَبُونَ ٩١

92. Kinh (Qur'an) này, TA đã ban Nó xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) như là một hồng phúc, Nó xác nhận lại những điều (đã ban xuống) trước Nó, và để cho Ngươi dùng cảnh báo (người dân) của thành phố mẹ (Makkah) và những ai xung quanh đó. Những ai có đức tin nơi Đời Sau sẽ có đức tin nơi Nó và họ luôn chu đáo giữ gìn lễ nguyện Salah của họ.

وَهَٰذَا كِتَٰبٌ أَنزَلۡنَٰهُ مُبَارَكٞ مُّصَدِّقُ ٱلَّذِي بَيۡنَ
يَدَيۡهِ وَلِتُنذِرَ أُمَّ ٱلۡقُرَىٰ وَمَنۡ حَوۡلَهَاۚ وَٱلَّذِينَ
يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ يُؤۡمِنُونَ بِهِۦۖ وَهُمۡ عَلَىٰ صَلَاتِهِمۡ
يُحَافِظُونَ ٩٢

93. Còn ai sai trái hơn kẻ đã đặt điều dối trá cho Allah hoặc kẻ đã nói "Tôi đã nhận được sự mặc khải" nhưng thực chất y chẳng được mặc khải bất cứ điều gì! Và (còn ai sai quấy hơn) kẻ đã nói: "Ta sẽ ban xuống điều giống như điều Allah đã ban xuống"! Và phải chi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) có thể nhìn thấy cảnh tượng của những kẻ làm điều sai quấy giẫy giụa đau đớn vào lúc sắp chết khi các Thiên Thần đưa tay rút hồn của họ, bảo: "Hãy ra khỏi thể xác của các ngươi, ngày hôm nay các ngươi phải chịu sự trừng phạt nhục nhã bởi những điều mà các ngươi đã nói không đúng về Allah cũng như bởi việc các ngươi ngạo mạn trước các lời mặc khải của Ngài."

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوۡ قَالَ
أُوحِيَ إِلَيَّ وَلَمۡ يُوحَ إِلَيۡهِ شَيۡءٞ وَمَن قَالَ سَأُنزِلُ
مِثۡلَ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُۗ وَلَوۡ تَرَىٰٓ إِذِ ٱلظَّٰلِمُونَ فِي
غَمَرَٰتِ ٱلۡمَوۡتِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ بَاسِطُوٓاْ أَيۡدِيهِمۡ أَخۡرِجُوٓاْ
أَنفُسَكُمُۖ ٱلۡيَوۡمَ تُجۡزَوۡنَ عَذَابَ ٱلۡهُونِ بِمَا كُنتُمۡ
تَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ غَيۡرَ ٱلۡحَقِّ وَكُنتُمۡ عَنۡ ءَايَٰتِهِۦ
تَسۡتَكۡبِرُونَ ٩٣

94. Quả thật, các ngươi phải một mình trở về trình diện TA giống như TA đã tạo hóa các ngươi lần đầu. Các ngươi phải bỏ lại sau lưng mọi thứ mà TA đã ban cấp cho các ngươi (trên trần gian), và TA không thấy bên cạnh các ngươi những kẻ can thiệp nào mà các ngươi đã từng khẳng định rằng chúng là đối tác (của Allah). Quả thật, mối quan hệ giữa các ngươi bị cắt đứt hoàn toàn và (những thần linh) mà các ngươi đã từng khẳng định sẽ bỏ các ngươi mất dạng.

وَلَقَدۡ جِئۡتُمُونَا فُرَٰدَىٰ كَمَا خَلَقۡنَٰكُمۡ أَوَّلَ مَرَّةٖ
وَتَرَكۡتُم مَّا خَوَّلۡنَٰكُمۡ وَرَآءَ ظُهُورِكُمۡۖ وَمَا نَرَىٰ
مَعَكُمۡ شُفَعَآءَكُمُ ٱلَّذِينَ زَعَمۡتُمۡ أَنَّهُمۡ فِيكُمۡ
شُرَكَٰٓؤُاْۚ لَقَد تَّقَطَّعَ بَيۡنَكُمۡ وَضَلَّ عَنكُم مَّا
كُنتُمۡ تَزۡعُمُونَ ٩٤

95. Quả thật, Allah là Đấng đã chẻ hạt giống và hạt chà là (để chúng nẩy mầm). Ngài rút cái sống ra từ cái chết và rút cái chết ra từ cái sống. Đó là Allah (Thượng Đế của các ngươi). Thế các ngươi ngoảnh đi đâu (hỡi những kẻ đa thần)?

۞إِنَّ ٱللَّهَ فَالِقُ ٱلۡحَبِّ وَٱلنَّوَىٰۖ يُخۡرِجُ ٱلۡحَيَّ مِنَ
ٱلۡمَيِّتِ وَمُخۡرِجُ ٱلۡمَيِّتِ مِنَ ٱلۡحَيِّۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُۖ فَأَنَّىٰ
تُؤۡفَكُونَ ٩٥

96. Ngài chẻ (ánh sáng) của bình minh (từ bóng tối của ban đêm), Ngài tạo ra ban đêm để nghỉ ngơi, mặt trời và mặt trăng bơi theo quỹ đạo riêng (của chúng). Đó là sự sắp đặt và an bày của Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

فَالِقُ ٱلۡإِصۡبَاحِ وَجَعَلَ ٱلَّيۡلَ سَكَنٗا وَٱلشَّمۡسَ
وَٱلۡقَمَرَ حُسۡبَانٗاۚ ذَٰلِكَ تَقۡدِيرُ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡعَلِيمِ ٩٦

97. Ngài là Đấng đã tạo ra cho các ngươi các vì sao, dựa vào chúng các ngươi có thể xác định được phương hướng trong các bóng tối của đất liền và biển cả. Quả thật, TA đã giải thích các dấu hiệu (của TA) cho đám người hiểu biết.

وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلنُّجُومَ لِتَهۡتَدُواْ بِهَا فِي
ظُلُمَٰتِ ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِۗ قَدۡ فَصَّلۡنَا ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ
يَعۡلَمُونَ ٩٧

98. Ngài là Đấng đã tạo hóa các ngươi từ một cơ thể duy nhất (Adam). (Ngài đã tạo cho các ngươi) một chỗ định cư (trong tử cung của người mẹ) và một nơi lưu trữ (xương sống của người cha). Quả thật, TA đã giải thích các dấu hiệu (của TA) cho đám người thông hiểu.

وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنشَأَكُم مِّن نَّفۡسٖ وَٰحِدَةٖ فَمُسۡتَقَرّٞ
وَمُسۡتَوۡدَعٞۗ قَدۡ فَصَّلۡنَا ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَفۡقَهُونَ ٩٨

99. Ngài là Đấng đã ban nước (mưa) từ trên trời xuống. (Với nước mưa đó), TA (Allah) cho mọc ra đủ loại cây cối và thảo mộc; cho mọc ra những cộng xanh trổ hạt kết chồng lên nhau (như bông lúa); (cho mọc ra cây chà là), từ thân và nhánh của nó trổ ra trái từng chùm cao thấp; và cho mọc ra những vườn nho, vườn ô liu, vườn lựu, (ô liu và lựu tuy lá) giống nhau nhưng (trái) lại khác nhau. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhìn ngắm trái quả của chúng lúc mới trổ và lúc chín mọng, quả thật trong sự việc đó là các dấu hiệu dành cho đám người có đức tin.

وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَخۡرَجۡنَا بِهِۦ
نَبَاتَ كُلِّ شَيۡءٖ فَأَخۡرَجۡنَا مِنۡهُ خَضِرٗا نُّخۡرِجُ مِنۡهُ
حَبّٗا مُّتَرَاكِبٗا وَمِنَ ٱلنَّخۡلِ مِن طَلۡعِهَا قِنۡوَانٞ دَانِيَةٞ
وَجَنَّٰتٖ مِّنۡ أَعۡنَابٖ وَٱلزَّيۡتُونَ وَٱلرُّمَّانَ مُشۡتَبِهٗا
وَغَيۡرَ مُتَشَٰبِهٍۗ ٱنظُرُوٓاْ إِلَىٰ ثَمَرِهِۦٓ إِذَآ أَثۡمَرَ وَيَنۡعِهِۦٓۚ
إِنَّ فِي ذَٰلِكُمۡ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٩٩

100. Tuy nhiên, (những kẻ đa thần) đã tôn loài Jinn làm các thần linh cùng với Allah trong khi Ngài tạo ra chúng. Họ đã gán cho Ngài những đứa con trai và những đứa con gái một cách không hiểu biết. Vinh quang thay Ngài, Ngài tối cao vượt xa những gì họ đã gán cho Ngài.

وَجَعَلُواْ لِلَّهِ شُرَكَآءَ ٱلۡجِنَّ وَخَلَقَهُمۡۖ وَخَرَقُواْ لَهُۥ بَنِينَ
وَبَنَٰتِۭ بِغَيۡرِ عِلۡمٖۚ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا
يَصِفُونَ ١٠٠

101. Ngài đã tạo các tầng trời và trái đất. Làm sao Ngài có thể có con trong khi Ngài không có bạn đời, và (làm sao lại qui cho Ngài có con) trong khi Ngài là Đấng đã tạo ra tất cả vạn vật và Ngài là Đấng Hằng Biết mọi thứ.

بَدِيعُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ أَنَّىٰ يَكُونُ لَهُۥ وَلَدٞ وَلَمۡ
تَكُن لَّهُۥ صَٰحِبَةٞۖ وَخَلَقَ كُلَّ شَيۡءٖۖ وَهُوَ بِكُلِّ شَيۡءٍ
عَلِيمٞ ١٠١

102. Đó là Allah, Thượng Đế của các ngươi (hỡi nhân loại). Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ngài là Đấng tạo hóa tất cả vạn vật nên các ngươi hãy thờ phượng riêng Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng bảo hộ và trông coi tất cả mọi thứ.

ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ خَٰلِقُ كُلِّ شَيۡءٖ
فَٱعۡبُدُوهُۚ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ وَكِيلٞ ١٠٢

103. Không một ánh nhìn nào bắt kịp được Ngài trong lúc Ngài bắt kịp mọi ánh nhìn, bởi Ngài là Đấng Tinh Tế, Đấng Thông Toàn.

لَّا تُدۡرِكُهُ ٱلۡأَبۡصَٰرُ وَهُوَ يُدۡرِكُ ٱلۡأَبۡصَٰرَۖ وَهُوَ
ٱللَّطِيفُ ٱلۡخَبِيرُ ١٠٣

104. (Hỡi nhân loại,) quả thật, các bằng chứng từ nơi Thượng Đế của các ngươi đã đến với các ngươi. Do đó, người nào nhìn thấy được thì tốt cho bản thân y còn người nào mù lòa (không nhìn thấy) thì bất lợi cho y; và Ta (Muhammad) không phải là người giám hộ và trông coi các ngươi.

قَدۡ جَآءَكُم بَصَآئِرُ مِن رَّبِّكُمۡۖ فَمَنۡ أَبۡصَرَ
فَلِنَفۡسِهِۦۖ وَمَنۡ عَمِيَ فَعَلَيۡهَاۚ وَمَآ أَنَا۠ عَلَيۡكُم
بِحَفِيظٖ ١٠٤

105. Như thế đó, TA giải thích rõ ràng các Lời Mặc Khải (của TA) để (những kẻ đa thần khỏi) nói rằng Ngươi (Thiên Sứ) đã học (được điều đó từ dân Kinh Sách) và để TA làm sáng tỏ vấn đề cho đám người hiểu biết.

وَكَذَٰلِكَ نُصَرِّفُ ٱلۡأٓيَٰتِ وَلِيَقُولُواْ دَرَسۡتَ وَلِنُبَيِّنَهُۥ
لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ١٠٥

106. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy đi theo những gì được mặc khải cho Ngươi từ Thượng Đế của Ngươi, Đấng mà không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài, và Ngươi hãy tránh xa những kẻ đa thần.

ٱتَّبِعۡ مَآ أُوحِيَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ
وَأَعۡرِضۡ عَنِ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٠٦

107. Nếu Allah muốn, không ai trong số họ phạm phải Shirk; và TA đã không phái Ngươi (Thiên Sứ) đến để giám hộ và trông chừng họ. Quả thật, Ngươi không phải là người trông chừng (các hành động và việc làm) của họ.

وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَآ أَشۡرَكُواْۗ وَمَا جَعَلۡنَٰكَ عَلَيۡهِمۡ
حَفِيظٗاۖ وَمَآ أَنتَ عَلَيۡهِم بِوَكِيلٖ ١٠٧

108. Các ngươi (những người có đức tin) chớ đừng xúc phạm (thần linh) mà họ cầu nguyện ngoài Allah, bởi lẽ (như thế) thì họ (có cớ) xúc phạm Allah một cách thiếu hiểu biết. Như thế đó, mỗi cộng đồng, TA tô điểm cho hành vi của họ (để họ tưởng đó là tốt), rồi sau đó họ sẽ trở về trình diện Thượng Đế của họ, và Ngài sẽ cho họ biết những gì họ đã từng làm.

وَلَا تَسُبُّواْ ٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ فَيَسُبُّواْ ٱللَّهَ
عَدۡوَۢا بِغَيۡرِ عِلۡمٖۗ كَذَٰلِكَ زَيَّنَّا لِكُلِّ أُمَّةٍ عَمَلَهُمۡ ثُمَّ
إِلَىٰ رَبِّهِم مَّرۡجِعُهُم فَيُنَبِّئُهُم بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٠٨

109. (Những kẻ đa thần) đã thề thốt bằng sự thề thốt trịnh trọng rằng nếu như (Muhammad) mang một dấu hiệu lạ đến cho họ thì chắc chắn họ sẽ có đức tin. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Quả thật, các dấu hiệu lạ đều ở nơi Allah.” (Hỡi những người có đức tin), các ngươi có biết không ngay cả khi các dấu hiệu lạ xuất hiện, họ cũng sẽ không có đức tin.

وَأَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ لَئِن جَآءَتۡهُمۡ ءَايَةٞ
لَّيُؤۡمِنُنَّ بِهَاۚ قُلۡ إِنَّمَا ٱلۡأٓيَٰتُ عِندَ ٱللَّهِۖ وَمَا يُشۡعِرُكُمۡ
أَنَّهَآ إِذَا جَآءَتۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ١٠٩

110. TA lật trở con tim và cái nhìn của họ (lệch khỏi chân lý) giống như việc họ đã không tin (nơi Qur’an) lần đầu; và TA bỏ mặc họ lang thang trong sự thái quá của họ.

وَنُقَلِّبُ أَفۡـِٔدَتَهُمۡ وَأَبۡصَٰرَهُمۡ كَمَا لَمۡ يُؤۡمِنُواْ بِهِۦٓ
أَوَّلَ مَرَّةٖ وَنَذَرُهُمۡ فِي طُغۡيَٰنِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ١١٠

111. Dẫu TA có phái các vị Thiên Thần xuống gặp họ, cho người chết nói chuyện được với họ và tập trung tất cả mọi thứ (mà họ yêu cầu) trước mặt họ thì họ vẫn sẽ không tin tưởng trừ phi Allah muốn (hướng dẫn họ), bởi đa số bọn họ là những kẻ ngu muội.

۞وَلَوۡ أَنَّنَا نَزَّلۡنَآ إِلَيۡهِمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ وَكَلَّمَهُمُ ٱلۡمَوۡتَىٰ
وَحَشَرۡنَا عَلَيۡهِمۡ كُلَّ شَيۡءٖ قُبُلٗا مَّا كَانُواْ لِيُؤۡمِنُوٓاْ إِلَّآ
أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ يَجۡهَلُونَ ١١١

112. Như thế đó, TA (Allah) đã tạo cho mỗi vị Nabi một kẻ thù Shaytan từ loài người và loài Jinn. Bọn chúng truyền cảm hứng cho nhau bằng những lời lẽ hoa mỹ hầu lừa gạt (thiên hạ). Nhưng nếu như Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) muốn (khác đi) thì bọn chúng không thể làm được điều đó. Vì vậy, Ngươi cứ mặc kệ bọn chúng với những điều mà chúng bịa đặt.

وَكَذَٰلِكَ جَعَلۡنَا لِكُلِّ نَبِيٍّ عَدُوّٗا شَيَٰطِينَ ٱلۡإِنسِ
وَٱلۡجِنِّ يُوحِي بَعۡضُهُمۡ إِلَىٰ بَعۡضٖ زُخۡرُفَ ٱلۡقَوۡلِ
غُرُورٗاۚ وَلَوۡ شَآءَ رَبُّكَ مَا فَعَلُوهُۖ فَذَرۡهُمۡ وَمَا
يَفۡتَرُونَ ١١٢

113. Cứ để (lời lẽ hoa mỹ đó) mê hoặc trái tim của những kẻ vô đức tin nơi Đời Sau, cứ để họ hả hê với nó và cứ để họ tha hồ tích lũy những điều (tội lỗi) mà họ ham muốn kiếm chác.

وَلِتَصۡغَىٰٓ إِلَيۡهِ أَفۡـِٔدَةُ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ
وَلِيَرۡضَوۡهُ وَلِيَقۡتَرِفُواْ مَا هُم مُّقۡتَرِفُونَ ١١٣

114. (Hỡi Thiên Sứ, Ngươi hãy nói với những kẻ đa thần:) “Lẽ nào Ta lại phải tìm một giáo luật nào đó ngoài (giáo luật của) Allah để phân xử (giữa Ta và các ngươi) trong lúc Ngài là Đấng đã ban xuống cho các ngươi Kinh Sách (Qur’an) chứa đựng những lời giải thích cặn kẽ?” Những kẻ đã được TA ban cho Kinh Sách (Do Thái và Thiên Chúa) đều biết rõ rằng Nó (Qur’an) đích thực là (Kinh Sách) được ban xuống từ Thượng Đế của Ngươi, vì vậy, Ngươi chớ đừng là kẻ hoài nghi (về điều mà TA đã mặc khải cho Ngươi).

أَفَغَيۡرَ ٱللَّهِ أَبۡتَغِي حَكَمٗا وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ إِلَيۡكُمُ
ٱلۡكِتَٰبَ مُفَصَّلٗاۚ وَٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ
يَعۡلَمُونَ أَنَّهُۥ مُنَزَّلٞ مِّن رَّبِّكَ بِٱلۡحَقِّۖ فَلَا تَكُونَنَّ
مِنَ ٱلۡمُمۡتَرِينَ ١١٤

115. Lời phán của Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã hoàn tất trọn vẹn về chân lý và công lý. Không ai có thể thay đổi lời nói của Ngài. Và Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

وَتَمَّتۡ كَلِمَتُ رَبِّكَ صِدۡقٗا وَعَدۡلٗاۚ لَّا مُبَدِّلَ
لِكَلِمَٰتِهِۦۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ١١٥

116. Nếu Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hùa theo số đông người trên trái đất thì chắc chắn bọn họ sẽ đưa Ngươi lệch khỏi con đường (ngay chính) của Allah, bởi lẽ họ chỉ làm theo sự phỏng đoán và họ chỉ đoán chừng mà thôi.

وَإِن تُطِعۡ أَكۡثَرَ مَن فِي ٱلۡأَرۡضِ يُضِلُّوكَ عَن سَبِيلِ
ٱللَّهِۚ إِن يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّ وَإِنۡ هُمۡ إِلَّا يَخۡرُصُونَ ﴿١١٦﴾

117. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) biết rõ ai là kẻ lạc khỏi con đường của Ngài và Ngài biết rõ ai là người được hướng dẫn đúng đường.

إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ مَن يَضِلُّ عَن سَبِيلِهِۦۖ وَهُوَ
أَعۡلَمُ بِٱلۡمُهۡتَدِينَ ﴿١١٧﴾

118. Bởi thế, các ngươi (hỡi nhân loại) hãy ăn thịt (những con vật) được nhân danh Allah (lúc cắt tiết) nếu như các ngươi thực sự có đức tin nơi các Lời Mặc Khải (của Ngài).

فَكُلُواْ مِمَّا ذُكِرَ ٱسۡمُ ٱللَّهِ عَلَيۡهِ إِن كُنتُم بِـَٔايَٰتِهِۦ
مُؤۡمِنِينَ ﴿١١٨﴾

119. Sao các ngươi (hỡi những người có đức tin) không ăn thịt (những con vật) được nhân danh Allah (lúc cắt tiết)? Quả thật, Ngài đã trình bày cụ thể cho các ngươi những thực phẩm mà Ngài đã cấm các ngươi dùng ngoại trừ vì nhu cầu sống còn. Quả thật, có rất nhiều người dẫn (người khác) đi lạc do dục vọng của họ chứ không do kiến thức hiểu biết. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) luôn biết rõ những kẻ vượt quá giới hạn.

وَمَا لَكُمۡ أَلَّا تَأۡكُلُواْ مِمَّا ذُكِرَ ٱسۡمُ ٱللَّهِ عَلَيۡهِ
وَقَدۡ فَصَّلَ لَكُم مَّا حَرَّمَ عَلَيۡكُمۡ إِلَّا مَا
ٱضۡطُرِرۡتُمۡ إِلَيۡهِۗ وَإِنَّ كَثِيرٗا لَّيُضِلُّونَ بِأَهۡوَآئِهِم بِغَيۡرِ
عِلۡمٍۚ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ بِٱلۡمُعۡتَدِينَ ﴿١١٩﴾

120. Các ngươi (hỡi nhân loại) cứ tha hồ làm điều tội lỗi một cách công khai hay kín đáo. (Rồi đây), chắc chắn những kẻ làm điều tội lỗi sẽ được đáp trả xứng đáng cho những tội lỗi mà họ đã phạm.

وَذَرُواْ ظَٰهِرَ ٱلۡإِثۡمِ وَبَاطِنَهُۥٓۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡسِبُونَ
ٱلۡإِثۡمَ سَيُجۡزَوۡنَ بِمَا كَانُواْ يَقۡتَرِفُونَ ﴿١٢٠﴾

121. Các ngươi (hỡi những người Muslim) chớ ăn thịt (những con vật) không được nhân danh Allah (lúc cắt tiết), bởi đó là (hành động) bất tuân. Quả thật, những tên Shaytan thường truyền cảm hứng cho các đồng minh của chúng để tranh luận với các ngươi. Nếu các ngươi nghe theo chúng thì chắc chắn các ngươi sẽ trở thành những kẻ đa thần.

وَلَا تَأۡكُلُواْ مِمَّا لَمۡ يُذۡكَرِ ٱسۡمُ ٱللَّهِ عَلَيۡهِ وَإِنَّهُۥ
لَفِسۡقٞۗ وَإِنَّ ٱلشَّيَٰطِينَ لَيُوحُونَ إِلَىٰٓ أَوۡلِيَآئِهِمۡ
لِيُجَٰدِلُوكُمۡۖ وَإِنۡ أَطَعۡتُمُوهُمۡ إِنَّكُمۡ لَمُشۡرِكُونَ ﴿١٢١﴾

122. Lẽ nào một người đã chết (do chưa được hướng dẫn về tâm linh) rồi được TA cứu sống lại và ban cho ánh sáng nhờ đó y có thể bước đi thanh thản giữa thiên hạ lại ngang bằng với một kẻ mắc kẹt trong bóng tối không thể nào thoát ra được?! Như thế đó, những việc làm tội lỗi của những kẻ vô đức tin luôn thu hút họ.

أَوَمَن كَانَ مَيۡتٗا فَأَحۡيَيۡنَٰهُ وَجَعَلۡنَا لَهُۥ نُورٗا يَمۡشِي
بِهِۦ فِي ٱلنَّاسِ كَمَن مَّثَلُهُۥ فِي ٱلظُّلُمَٰتِ لَيۡسَ
بِخَارِجٖ مِّنۡهَاۚ كَذَٰلِكَ زُيِّنَ لِلۡكَٰفِرِينَ مَا كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ﴿١٢٢﴾

123. Cũng như thế, TA (Allah) đã đặt trong mỗi thị trấn những tên tội phạm lớn nhất của nó để chúng hoạch định âm mưu trong đó. Tuy nhiên, chúng chỉ mưu hại chính bản thân chúng trong lúc chúng không nhận thấy (điều đó).

وَكَذَٰلِكَ جَعَلۡنَا فِي كُلِّ قَرۡيَةٍ أَكَٰبِرَ مُجۡرِمِيهَا
لِيَمۡكُرُواْ فِيهَاۖ وَمَا يَمۡكُرُونَ إِلَّا بِأَنفُسِهِمۡ وَمَا
يَشۡعُرُونَ ﴿١٢٣﴾

124. Cứ mỗi khi có một dấu hiệu nào đó được mang đến trình bày cho chúng thì chúng nói: “Bọn ta không bao giờ tin cho đến khi nào bọn ta được ban cho giống như các vị Thiên Sứ của Allah.” Allah biết rõ nhất đâu là nơi phù hợp để Ngài đặt Bức Thông Điệp của Ngài. (Rồi đây) những kẻ tội lỗi sẽ bị hạ nhục ở nơi Allah và sẽ phải chịu sự trừng phạt khắc nghiệt bởi những gì mà họ đã âm mưu.

وَإِذَا جَآءَتۡهُمۡ ءَايَةٞ قَالُواْ لَن نُّؤۡمِنَ حَتَّىٰ نُؤۡتَىٰ مِثۡلَ
مَآ أُوتِيَ رُسُلُ ٱللَّهِۘ ٱللَّهُ أَعۡلَمُ حَيۡثُ يَجۡعَلُ رِسَالَتَهُۥۗ
سَيُصِيبُ ٱلَّذِينَ أَجۡرَمُواْ صَغَارٌ عِندَ ٱللَّهِ وَعَذَابٞ
شَدِيدُۢ بِمَا كَانُواْ يَمۡكُرُونَ ١٢٤

125. Do đó, người nào mà Allah muốn hướng dẫn y thì Ngài sẽ mở lòng ngực của y để y tiếp nhận Islam còn người nào mà Ngài muốn làm cho y lầm lạc thì Ngài sẽ làm cho lòng ngực của y trở nên chặt cứng và khó khăn như thể y đang đi lên trời. Allah đặt sự ô uế lên những kẻ vô đức tin như thế đấy.

فَمَن يُرِدِ ٱللَّهُ أَن يَهۡدِيَهُۥ يَشۡرَحۡ صَدۡرَهُۥ لِلۡإِسۡلَٰمِۖ
وَمَن يُرِدۡ أَن يُضِلَّهُۥ يَجۡعَلۡ صَدۡرَهُۥ ضَيِّقًا حَرَجٗا
كَأَنَّمَا يَصَّعَّدُ فِي ٱلسَّمَآءِۚ كَذَٰلِكَ يَجۡعَلُ ٱللَّهُ
ٱلرِّجۡسَ عَلَى ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ ١٢٥

126. Đây là con đường thẳng tắp (chính đạo) của Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ). Quả thật, TA đã giải trình rõ ràng các Lời Mặc Khải (của TA) cho đám người biết lưu tâm.

وَهَٰذَا صِرَٰطُ رَبِّكَ مُسۡتَقِيمٗاۗ قَدۡ فَصَّلۡنَا ٱلۡأٓيَٰتِ
لِقَوۡمٖ يَذَّكَّرُونَ ١٢٦

127. Họ sẽ có được ngôi nhà bằng an (Thiên Đàng) nơi Thượng Đế của họ. Ngài là Đấng Bảo Hộ của họ do những điều (tốt đẹp) mà họ đã làm (trên thế gian).

۞لَهُمۡ دَارُ ٱلسَّلَٰمِ عِندَ رَبِّهِمۡۖ وَهُوَ وَلِيُّهُم بِمَا كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ١٢٧

128. (Hỡi Thiên Sứ, Ngươi hãy nghĩ đến) Ngày (mà Allah) triệu tập tất cả (hai loài: con người và Jinn) và phán: “Hỡi loài Jinn, quả thật các ngươi đã dẫn nhiều (linh hồn) trong loài người (đi lạc).” Những tên đầu sỏ trong loài người nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, tất cả bầy tôi đã tận hưởng lẫn nhau(2) nhưng rồi bầy tôi đã mãn kỳ hạn mà Ngài đã ấn định cho bầy tôi.” (Allah) phán: “Vậy thì Ngục Lửa là nơi cư ngụ muôn đời cho tất cả các ngươi trừ phi Allah muốn khác hơn.” Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) là Đấng Chí Minh, Đấng Hằng Biết.[1]

وَيَوۡمَ يَحۡشُرُهُمۡ جَمِيعٗا يَٰمَعۡشَرَ ٱلۡجِنِّ قَدِ ٱسۡتَكۡثَرۡتُم
مِّنَ ٱلۡإِنسِۖ وَقَالَ أَوۡلِيَآؤُهُم مِّنَ ٱلۡإِنسِ رَبَّنَا ٱسۡتَمۡتَعَ
بَعۡضُنَا بِبَعۡضٖ وَبَلَغۡنَآ أَجَلَنَا ٱلَّذِيٓ أَجَّلۡتَ لَنَاۚ قَالَ
ٱلنَّارُ مَثۡوَىٰكُمۡ خَٰلِدِينَ فِيهَآ إِلَّا مَا شَآءَ ٱللَّهُۗ إِنَّ
رَبَّكَ حَكِيمٌ عَلِيمٞ ١٢٨

129. Như thế đó, TA khiến những kẻ làm điều sai quấy kết thân với nhau bởi những điều (tội lỗi) mà chúng đã làm.

وَكَذَٰلِكَ نُوَلِّي بَعۡضَ ٱلظَّٰلِمِينَ بَعۡضَۢا بِمَا كَانُواْ
يَكۡسِبُونَ ١٢٩

130. Hỡi loài Jinn và loài người, lẽ nào đã không có các vị Thiên Sứ xuất thân từ trong các ngươi đến xướng đọc cho các ngươi nghe các Lời Mặc Khải của TA và cảnh báo các ngươi về sự trình diện của Ngày (Phán Xử) hôm nay? Họ nói: “Bầy tôi xin làm chứng cho bản thân mình (rằng đích thực có các vị Thiên Sứ đã đến).” Tuy nhiên, đời sống trần

يَٰمَعۡشَرَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِ أَلَمۡ يَأۡتِكُمۡ رُسُلٞ مِّنكُمۡ
يَقُصُّونَ عَلَيۡكُمۡ ءَايَٰتِي وَيُنذِرُونَكُمۡ لِقَآءَ
يَوۡمِكُمۡ هَٰذَاۚ قَالُواْ شَهِدۡنَا عَلَىٰٓ أَنفُسِنَاۖ وَغَرَّتۡهُمُ

[1] (2) Loài người thờ phượng Jinn, đổi lại, loài người được thỏa mãn mọi ham muốn, dục vọng của bản thân dưới sự giúp đỡ của Jinn.

gian đã đánh lừa chúng (nên giờ đây) chúng tự xác nhận chính chúng từng là những kẻ vô đức tin.

ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا وَشَهِدُوا۟ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمْ أَنَّهُمْ كَانُوا۟
كَـٰفِرِينَ ١٣٠

131. (Việc gởi Thiên Sứ đến) như thế là để Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không tiêu diệt các thị trấn một cách bất công trong lúc cư dân của chúng không biết gì.

ذَٰلِكَ أَن لَّمْ يَكُن رَّبُّكَ مُهْلِكَ ٱلْقُرَىٰ بِظُلْمٍ
وَأَهْلُهَا غَـٰفِلُونَ ١٣١

132. Tất cả sẽ (chịu sự trừng phạt) với các mức độ tương ứng theo (tội lỗi) mà họ đã làm. Và Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không phải không biết những điều họ làm.

وَلِكُلٍّ دَرَجَـٰتٌ مِّمَّا عَمِلُوا۟ ۚ وَمَا رَبُّكَ بِغَـٰفِلٍ عَمَّا
يَعْمَلُونَ ١٣٢

133. Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) là Đấng Giàu Có về lòng nhân từ. Nếu muốn, Ngài sẽ tiêu diệt các ngươi (những kẻ nghịch lại Ngài) và sẽ mang đến một thế hệ khác sau các ngươi giống như việc Ngài đã tạo ra các ngươi từ một đám dân khác.

وَرَبُّكَ ٱلْغَنِىُّ ذُو ٱلرَّحْمَةِ ۚ إِن يَشَأْ يُذْهِبْكُمْ
وَيَسْتَخْلِفْ مِنۢ بَعْدِكُم مَّا يَشَآءُ كَمَآ أَنشَأَكُم
مِّن ذُرِّيَّةِ قَوْمٍ ءَاخَرِينَ ١٣٣

134. (Hỡi những kẻ vô đức tin,) những điều mà các ngươi được hứa (từ sự phục sinh, sự phán xét và sự thưởng phạt) chắc chắn sẽ xảy ra, và các ngươi chắc chắn sẽ không bao giờ trốn thoát.

إِنَّ مَا تُوعَدُونَ لَـَٔاتٍ ۖ وَمَآ أَنتُم بِمُعْجِزِينَ ١٣٤

135. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Hỡi dân Ta, các ngươi cứ ở trên tình trạng (vô đức tin và lầm lạc) của các ngươi còn Ta sẽ vẫn làm (theo sứ mạng của mình). Rồi đây các ngươi sẽ biết ai sẽ có được kết quả tốt đẹp (ở Đời Sau). Quả thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ không bao giờ thành đạt.”

قُلْ يَـٰقَوْمِ ٱعْمَلُوا۟ عَلَىٰ مَكَانَتِكُمْ إِنِّى عَامِلٌ ۖ فَسَوْفَ
تَعْلَمُونَ مَن تَكُونُ لَهُۥ عَـٰقِبَةُ ٱلدَّارِ ۗ إِنَّهُۥ لَا يُفْلِحُ
ٱلظَّـٰلِمُونَ ١٣٥

136. (Những kẻ đa thần) đã tự bịa ra việc phải cúng tế cho Allah một phần nông sản và thú nuôi mà (Allah) đã tạo ra cho chúng, chúng nói theo ý của chúng: “Đây là của Allah còn đây là của những thần linh của chúng tôi.” Những gì dành cho các thần linh của chúng là để khỏi đến được với Allah (qua việc chia cho người nghèo, người khó khăn), còn phần của Allah thì sẽ đến được với các thần linh của chúng. Thật xấu xa và tội lỗi cho cách mà chúng đã hành xử.

وَجَعَلُوا۟ لِلَّهِ مِمَّا ذَرَأَ مِنَ ٱلْحَرْثِ وَٱلْأَنْعَـٰمِ نَصِيبًا
فَقَالُوا۟ هَـٰذَا لِلَّهِ بِزَعْمِهِمْ وَهَـٰذَا لِشُرَكَآئِنَا ۖ فَمَا كَانَ
لِشُرَكَآئِهِمْ فَلَا يَصِلُ إِلَى ٱللَّهِ ۖ وَمَا كَانَ لِلَّهِ فَهُوَ
يَصِلُ إِلَىٰ شُرَكَآئِهِمْ ۗ سَآءَ مَا يَحْكُمُونَ ١٣٦

137. Tương tự, những thần linh (Shaytan) đã làm nhiều kẻ đa thần thích thú trong việc sát hại con cái của chúng mục đích là để đẩy chúng đến sự hủy diệt và làm xáo trộn tôn giáo của chúng. Tuy nhiên, nếu Allah muốn khác đi thì chúng đã không làm điều đó. Nhưng thôi, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy cứ mặc chúng với điều mà chúng bịa đặt.

وَكَذَٰلِكَ زَيَّنَ لِكَثِيرٍ مِّنَ ٱلْمُشْرِكِينَ قَتْلَ أَوْلَـٰدِهِمْ
شُرَكَآؤُهُمْ لِيُرْدُوهُمْ وَلِيَلْبِسُوا۟ عَلَيْهِمْ دِينَهُمْ ۖ وَلَوْ
شَآءَ ٱللَّهُ مَا فَعَلُوهُ ۖ فَذَرْهُمْ وَمَا يَفْتَرُونَ ١٣٧

138. (Những kẻ đa thần) nói theo ý của chúng: “Đây là thú nuôi và nông sản bị cấm sử dụng ngoại trừ những ai mà bọn ta cho phép. Còn đây là những thú vật(3) bị cấm dùng để chuyên chở, và đây là thú nuôi không được nhân danh Allah lúc cắt tiết.” (Đó toàn là) sự bịa đặt cho (Allah). Rồi đây, Ngài sẽ đáp trả lại chúng (sự trừng phạt xứng đáng) bởi những gì chúng đã bịa đặt.[1]

وَقَالُواْ هَٰذِهِۦٓ أَنۡعَٰمٞ وَحَرۡثٌ حِجۡرٞ لَّا يَطۡعَمُهَآ إِلَّا
مَن نَّشَآءُ بِزَعۡمِهِمۡ وَأَنۡعَٰمٌ حُرِّمَتۡ ظُهُورُهَا وَأَنۡعَٰمٞ
لَّا يَذۡكُرُونَ ٱسۡمَ ٱللَّهِ عَلَيۡهَا ٱفۡتِرَآءً عَلَيۡهِۚ
سَيَجۡزِيهِم بِمَا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ١٣٨

139. Chúng bảo: “Những gì trong bụng của những con thú nuôi này (nếu sinh ra còn sống) là dành riêng cho nam giới chúng ta và là điều cấm đối với các bà vợ của chúng ta, còn nếu sinh ra đã chết thì tất cả cùng hưởng chung.” Rồi đây, (Allah) sẽ đáp trả chúng (sự trừng phạt xứng đáng) cho sự bịa đặt của chúng. Quả thật, Allah là Đấng Anh Minh, Đấng Toàn Tri.

وَقَالُواْ مَا فِي بُطُونِ هَٰذِهِ ٱلۡأَنۡعَٰمِ خَالِصَةٞ لِّذُكُورِنَا
وَمُحَرَّمٌ عَلَىٰٓ أَزۡوَٰجِنَاۖ وَإِن يَكُن مَّيۡتَةٗ فَهُمۡ فِيهِ
شُرَكَآءُۚ سَيَجۡزِيهِمۡ وَصۡفَهُمۡۚ إِنَّهُۥ حَكِيمٌ عَلِيمٞ ١٣٩

140. Những ai đã giết con cái của mình trong sự dại dột và điên rồ cũng như tự cấm mình dùng những thứ mà Allah đã ban cấp cho họ - một sự bịa đặt cho Allah - đích thực là những kẻ thua thiệt. Họ thực sự đã đi lạc đường và không được hướng dẫn.

قَدۡ خَسِرَ ٱلَّذِينَ قَتَلُوٓاْ أَوۡلَٰدَهُمۡ سَفَهَۢا بِغَيۡرِ عِلۡمٖ
وَحَرَّمُواْ مَا رَزَقَهُمُ ٱللَّهُ ٱفۡتِرَآءً عَلَى ٱللَّهِۚ قَدۡ ضَلُّواْ
وَمَا كَانُواْ مُهۡتَدِينَ ١٤٠

141. Ngài (Allah) là Đấng đã tạo ra các loại vườn tược, có vườn là những loại cây thân leo trên giàn và có vườn là những loại cây không cần giàn; (Ngài là Đấng đã tạo ra) cây chà là, các loại cây trồng cho trái quả khác nhau; (Ngài là Đấng đã tạo ra) cây ô liu, cây lựu (có lá) giống nhau nhưng trái lại khác nhau. Các ngươi (hỡi con người) hãy ăn trái quả của chúng khi đã chín và các ngươi hãy xuất phần thuế (Zakah) vào ngày các ngươi thu hoạch; và các ngươi chớ phung phí bởi quả thật (Allah) không yêu thương những kẻ phung phí.

۞وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنشَأَ جَنَّٰتٖ مَّعۡرُوشَٰتٖ وَغَيۡرَ
مَعۡرُوشَٰتٖ وَٱلنَّخۡلَ وَٱلزَّرۡعَ مُخۡتَلِفًا أُكُلُهُۥ
وَٱلزَّيۡتُونَ وَٱلرُّمَّانَ مُتَشَٰبِهٗا وَغَيۡرَ مُتَشَٰبِهٖۚ كُلُواْ مِن
ثَمَرِهِۦٓ إِذَآ أَثۡمَرَ وَءَاتُواْ حَقَّهُۥ يَوۡمَ حَصَادِهِۦۖ وَلَا
تُسۡرِفُوٓاْۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُسۡرِفِينَ ١٤١

142. Và trong các loại thú nuôi, có loại dùng để chuyên chở và có loại dùng để ăn thịt. Các ngươi (hỡi con người) hãy ăn những thứ mà Allah đã ban cấp cho các ngươi nhưng chớ đi theo bước chân của Shaytan, bởi quả thật (Shaytan) chính là kẻ thù công khai của các ngươi.

وَمِنَ ٱلۡأَنۡعَٰمِ حَمُولَةٗ وَفَرۡشٗاۚ كُلُواْ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ
وَلَا تَتَّبِعُواْ خُطُوَٰتِ ٱلشَّيۡطَٰنِۚ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ
مُّبِينٞ ١٤٢

143. (Allah đã tạo ra cho các ngươi) tám loại thú nuôi gồm đực cái, cừu hai con đực cái và dê hai con đực cái. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy hỏi (những kẻ đa thần): “(Allah) cấm ăn hai con đực hay hai con cái hoặc Ngài cấm luôn cả (con đực và cái) nằm trong bụng hai con cái? Các ngươi hãy nói cho Ta biết bằng kiến thức đúng thật nếu các ngươi là người chân thật.”

ثَمَٰنِيَةَ أَزۡوَٰجٖۖ مِّنَ ٱلضَّأۡنِ ٱثۡنَيۡنِ وَمِنَ ٱلۡمَعۡزِ ٱثۡنَيۡنِۗ
قُلۡ ءَآلذَّكَرَيۡنِ حَرَّمَ أَمِ ٱلۡأُنثَيَيۡنِ أَمَّا ٱشۡتَمَلَتۡ عَلَيۡهِ
أَرۡحَامُ ٱلۡأُنثَيَيۡنِۖ نَبِّـُٔونِي بِعِلۡمٍ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ١٤٣

[1] (3) Những kẻ đa thần trước đây đã tự quy định về thú nuôi, như Bahirah, Sa-ibah, Wasilah và Ham. (Xem lại chương 5 - Al-Ma-idah, câu 103).

144. Và lạc đà hai con đực cái và bò hai con đực cái. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy hỏi (những kẻ đa thần): “(Allah) cấm ăn hai con đực hay hai con cái hoặc Ngài cấm luôn cả (con đực và cái) nằm trong bụng hai con cái? Hoặc lẽ nào chính các ngươi là những kẻ tận mắt chứng kiến Allah ban hành lệnh cấm này sao? Vậy còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều dối trá rồi gán cho Allah hầu kéo thiên hạ đi lạc một cách thiếu hiểu biết. Chắc chắn Allah không bao giờ hướng dẫn đám người sai quấy.

وَمِنَ ٱلۡإِبِلِ ٱثۡنَيۡنِ وَمِنَ ٱلۡبَقَرِ ٱثۡنَيۡنِۗ قُلۡ ءَآلذَّكَرَيۡنِ
حَرَّمَ أَمِ ٱلۡأُنثَيَيۡنِ أَمَّا ٱشۡتَمَلَتۡ عَلَيۡهِ أَرۡحَامُ
ٱلۡأُنثَيَيۡنِۖ أَمۡ كُنتُمۡ شُهَدَآءَ إِذۡ وَصَّىٰكُمُ ٱللَّهُ بِهَٰذَاۚ
فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبٗا لِّيُضِلَّ
ٱلنَّاسَ بِغَيۡرِ عِلۡمٍۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلظَّٰلِمِينَ ١٤٤

145. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Ta không thấy trong những điều được mặc khải cho Ta có khoản nào cấm (tín đồ Muslim) ăn ngoại trừ động vật chết; hoặc máu tuôn ra (khỏi cơ thể con vật); hoặc thịt heo (lợn) vì nó là loài vật ô uế, không sạch; hoặc những con vật được dâng cúng (các thần linh) ngoài Allah.” Tuy nhiên, ai rơi vào tình huống bất đắc dĩ phải ăn (những món cấm đó) ngoài ý muốn và không quá độ thì quả thật, Thượng Đế của Ngươi hằng tha thứ, hằng khoan dung.

قُل لَّآ أَجِدُ فِي مَآ أُوحِيَ إِلَيَّ مُحَرَّمًا عَلَىٰ طَاعِمٖ
يَطۡعَمُهُۥٓ إِلَّآ أَن يَكُونَ مَيۡتَةً أَوۡ دَمٗا مَّسۡفُوحًا أَوۡ
لَحۡمَ خِنزِيرٖ فَإِنَّهُۥ رِجۡسٌ أَوۡ فِسۡقًا أُهِلَّ لِغَيۡرِ ٱللَّهِ
بِهِۦۚ فَمَنِ ٱضۡطُرَّ غَيۡرَ بَاغٖ وَلَا عَادٖ فَإِنَّ رَبَّكَ
غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٤٥

146. Đối với những người Do Thái, TA đã cấm ăn tất cả động vật có móng (liền nhau như lạc đà, đà điểu) và TA cấm họ dùng mỡ bò, mỡ cừu và dê ngoại trừ mỡ dính ở lưng hoặc ở ruột hoặc mỡ dính ở xương. Đó là hình phạt TA dành cho họ bởi hành vi sai trái mà họ đã làm. Quả thật, TA luôn nói sự thật.

وَعَلَى ٱلَّذِينَ هَادُواْ حَرَّمۡنَا كُلَّ ذِي ظُفُرٖۖ وَمِنَ ٱلۡبَقَرِ
وَٱلۡغَنَمِ حَرَّمۡنَا عَلَيۡهِمۡ شُحُومَهُمَآ إِلَّا مَا حَمَلَتۡ
ظُهُورُهُمَآ أَوِ ٱلۡحَوَايَآ أَوۡ مَا ٱخۡتَلَطَ بِعَظۡمٖۚ ذَٰلِكَ
جَزَيۡنَٰهُم بِبَغۡيِهِمۡۖ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ١٤٦

147. Nếu như họ phủ nhận Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thì Ngươi hãy nói: “Thượng Đế của các ngươi có lòng thương xót bao la. Tuy nhiên, đám người tội lỗi sẽ không thể tránh khỏi sự trừng phạt của Ngài.”

فَإِن كَذَّبُوكَ فَقُل رَّبُّكُمۡ ذُو رَحۡمَةٖ وَٰسِعَةٖ وَلَا يُرَدُّ
بَأۡسُهُۥ عَنِ ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ١٤٧

148. Những kẻ thờ đa thần sẽ nói: “Nếu như Allah muốn thì bọn ta và cả tổ tiên của bọn ta chắc chắn đã không thể tổ hợp với Ngài. Quả thật Ngài đã không cấm bọn ta bất cứ điều gì.” Tương tự, những kẻ thời trước họ cũng đã phủ nhận (chân lý) cho đến khi bọn họ nếm lấy sự trừng phạt của TA. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với những kẻ thờ đa thần này: “Các ngươi có cơ sở nào (cho điều các người đã nói) hay không, (nếu có) thì các ngươi hãy mang nó đến trình bày cho Ta xem! Thật ra các ngươi chỉ làm theo sự phỏng đoán và tưởng tượng, thật ra các ngươi chỉ là những kẻ khéo bịa chuyện mà thôi.”

سَيَقُولُ ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ لَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَآ أَشۡرَكۡنَا وَلَآ
ءَابَآؤُنَا وَلَا حَرَّمۡنَا مِن شَيۡءٖۚ كَذَٰلِكَ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ
مِن قَبۡلِهِمۡ حَتَّىٰ ذَاقُواْ بَأۡسَنَاۗ قُلۡ هَلۡ عِندَكُم مِّنۡ
عِلۡمٖ فَتُخۡرِجُوهُ لَنَآۖ إِن تَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّ وَإِنۡ أَنتُمۡ
إِلَّا تَخۡرُصُونَ ١٤٨

149. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Chỉ một mình Allah mới có bằng chứng chắc chắn, nếu Ngài thực sự muốn thì chắc chắn Ngài đã hướng dẫn toàn bộ các ngươi.”

قُلۡ فَلِلَّهِ ٱلۡحُجَّةُ ٱلۡبَٰلِغَةُۖ فَلَوۡ شَآءَ لَهَدَىٰكُمۡ
أَجۡمَعِينَ ١٤٩

150. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Nào, các ngươi hãy đưa ra các nhân chứng của các ngươi về việc Allah đã cấm điều này.” Nếu họ chứng nhận thì Ngươi chớ đừng chứng nhận cùng với họ, Ngươi chớ đừng hùa theo sở thích của những kẻ đã phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA cũng như chớ hùa theo những kẻ vô đức tin nơi Đời Sau bởi họ đã tôn thờ cùng với Thượng Đế của họ (các thần linh khác).

قُلْ هَلُمَّ شُهَدَآءَكُمُ ٱلَّذِينَ يَشْهَدُونَ أَنَّ ٱللَّهَ حَرَّمَ
هَٰذَاۖ فَإِن شَهِدُواْ فَلَا تَشْهَدْ مَعَهُمْۚ وَلَا تَتَّبِعْ أَهْوَآءَ
ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَٱلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ بِٱلْأٓخِرَةِ
وَهُم بِرَبِّهِمْ يَعْدِلُونَ ١٥٠

151. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với thiên hạ): “(Này hỡi mọi người) hãy cùng đến đây, Ta sẽ đọc cho các ngươi những điều mà Thượng Đế của các ngươi đã cấm các ngươi, đó là: các ngươi không được tổ hợp với Ngài bất cứ thứ gì; các ngươi hãy hiếu thảo với cha mẹ; các ngươi không được giết con cái của các ngươi vì sợ cái nghèo bởi TA (Allah) mới là Đấng Cung Dưỡng cho các ngươi và bọn chúng; các ngươi không được đến gần những hành vi ô uế (tình dục ngoài hôn nhân) dù công khai hay kín đáo; các ngươi không được giết một sinh mạng mà Allah đã qui định bất khả xâm phạm trừ phi vì lý do chính đáng.(4) Đó là những điều cấm mà Ngài đã sắc lệnh cho các ngươi mong rằng các ngươi hiểu (mà tuân thủ chấp hành).”[1]

۞قُلْ تَعَالَوْاْ أَتْلُ مَا حَرَّمَ رَبُّكُمْ عَلَيْكُمْۖ أَلَّا
تُشْرِكُواْ بِهِۦ شَيْـًٔاۖ وَبِٱلْوَٰلِدَيْنِ إِحْسَٰنًاۖ وَلَا تَقْتُلُوٓاْ
أَوْلَٰدَكُم مِّنْ إِمْلَٰقٍ نَّحْنُ نَرْزُقُكُمْ وَإِيَّاهُمْۖ وَلَا
تَقْرَبُواْ ٱلْفَوَٰحِشَ مَا ظَهَرَ مِنْهَا وَمَا بَطَنَۖ وَلَا
تَقْتُلُواْ ٱلنَّفْسَ ٱلَّتِي حَرَّمَ ٱللَّهُ إِلَّا بِٱلْحَقِّۚ ذَٰلِكُمْ
وَصَّىٰكُم بِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ١٥١

152. “Các ngươi không được đến gần tài sản của trẻ mồ côi trừ phi các ngươi muốn cải thiện đời sống cho chúng đến khi chúng lớn khôn (tự quản lý được tải sản riêng); các ngươi hãy đong, đo và cân cho đúng; TA không bắt bất cứ linh hồn nào làm quá khả năng của nó; khi các ngươi nói thì các ngươi hãy nói lời lẽ công bằng cho dù (lời lẽ công bằng đó có nghịch lại) với bà con ruột thịt (của các ngươi); các ngươi hãy thực hiện cho đúng giao ước của Allah. Đó là những điều lệnh mà Ngài đã ban hành cho các ngươi mong rằng các ngươi ghi nhớ (mà tuân thủ chấp hành).”

وَلَا تَقْرَبُواْ مَالَ ٱلْيَتِيمِ إِلَّا بِٱلَّتِي هِيَ أَحْسَنُ حَتَّىٰ
يَبْلُغَ أَشُدَّهُۥۚ وَأَوْفُواْ ٱلْكَيْلَ وَٱلْمِيزَانَ بِٱلْقِسْطِۖ لَا
نُكَلِّفُ نَفْسًا إِلَّا وُسْعَهَاۖ وَإِذَا قُلْتُمْ فَٱعْدِلُواْ وَلَوْ كَانَ
ذَا قُرْبَىٰۖ وَبِعَهْدِ ٱللَّهِ أَوْفُواْۚ ذَٰلِكُمْ وَصَّىٰكُم بِهِۦ
لَعَلَّكُمْ تَذَكَّرُونَ ١٥٢

153. (Các ngươi hãy biết) rằng đây là con đường ngay chính của TA, vì vậy, các ngươi hãy đi theo nó và chớ đi theo những con đường khác để rồi các ngươi đi lạc xa khỏi con đường của Ngài. Đó là những điều mà Ngài đã khuyên bảo các ngươi mong rằng các ngươi biết ngoan đạo (với Ngài).

وَأَنَّ هَٰذَا صِرَٰطِي مُسْتَقِيمًا فَٱتَّبِعُوهُۖ وَلَا تَتَّبِعُواْ
ٱلسُّبُلَ فَتَفَرَّقَ بِكُمْ عَن سَبِيلِهِۦۚ ذَٰلِكُمْ
وَصَّىٰكُم بِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ١٥٣

154. Rồi TA đã ban cho Musa Kinh Sách (Tawrah), hoàn thành (ân huệ của TA) cho người đã làm điều tốt và (Kinh Sách đó là) một sự giảng giải chi tiết về tất cả mọi thứ, và (trong đó) còn có sự chỉ đạo và lòng thương xót (của TA),

ثُمَّ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ تَمَامًا عَلَى ٱلَّذِيٓ أَحْسَنَ
وَتَفْصِيلًا لِّكُلِّ شَيْءٍ وَهُدًى وَرَحْمَةً لَّعَلَّهُم بِلِقَآءِ
رَبِّهِمْ يُؤْمِنُونَ ١٥٤

[1] (4) Lý do chính đáng: áp dụng luật tử hình đối với kẻ sát nhân, kẻ phạm tội Zina sau hôn nhân, và kẻ phản đạo cũng như những kẻ phạm tội nghiêm trọng khác.

mong rằng họ có đức tin nơi cuộc gặp gỡ với Thượng Đế của họ.

155. Và Kinh (Qur'an) này đây, TA ban Nó xuống (và Nó là) một hồng phúc (vĩ đại). Bởi thế, các ngươi hãy theo Nó và các ngươi hãy kính sợ (TA) mong rằng các ngươi được thương xót.

وَهَٰذَا كِتَٰبٌ أَنزَلۡنَٰهُ مُبَارَكٞ فَٱتَّبِعُوهُ وَٱتَّقُواْ
لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ١٥٥

156. (Việc TA ban Kinh Qur'an xuống là) để cho các ngươi (hỡi những kẻ đa thần Ả-rập) không nói: "Quả thật Kinh Sách (Tawrah và Injil) chỉ được ban xuống cho hai nhóm người (Do thái và Thiên Chúa) trước chúng tôi, còn chúng tôi đối với việc học hỏi Kinh Sách của họ thì không biết gì (bởi nó được ban xuống không bằng tiếng nói của chúng tôi)."

أَن تَقُولُوٓاْ إِنَّمَآ أُنزِلَ ٱلۡكِتَٰبُ عَلَىٰ طَآئِفَتَيۡنِ مِن
قَبۡلِنَا وَإِن كُنَّا عَن دِرَاسَتِهِمۡ لَغَٰفِلِينَ ١٥٦

157. Hoặc để các ngươi không nói: "Nếu như chúng tôi cũng được ban cho Kinh Sách (giống như những người Do Thái và Thiên Chúa), chắc chắn chúng tôi đã được hướng dẫn hơn họ." Cho nên, (giờ đây) một bằng chứng, một nguồn chỉ đạo và một hồng phúc từ Thượng Đế của các ngươi quả thật đã đến với các ngươi. Vì vậy, còn ai sai trái hơn kẻ đã phủ nhận và quay lưng với các Lời Mặc Khải của Allah? TA (Allah) sẽ trừng phạt những kẻ quay lưng với các Lời Mặc Khải của TA với hình phạt tồi tệ nhất vì tội chúng đã quay lưng.

أَوۡ تَقُولُواْ لَوۡ أَنَّآ أُنزِلَ عَلَيۡنَا ٱلۡكِتَٰبُ لَكُنَّآ أَهۡدَىٰ
مِنۡهُمۡۚ فَقَدۡ جَآءَكُم بَيِّنَةٞ مِّن رَّبِّكُمۡ وَهُدٗى
وَرَحۡمَةٞۚ فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن كَذَّبَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَصَدَفَ
عَنۡهَاۗ سَنَجۡزِي ٱلَّذِينَ يَصۡدِفُونَ عَنۡ ءَايَٰتِنَا سُوٓءَ
ٱلۡعَذَابِ بِمَا كَانُواْ يَصۡدِفُونَ ١٥٧

158. Lẽ nào họ đang chờ đợi các Thiên Thần (đảm nhận việc rút hồn) đến gặp họ? Hay lẽ nào họ muốn đích thân Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đến gặp riêng họ? Hay lẽ nào họ muốn xuất hiện một vài dấu hiệu từ Thượng Đế của Ngươi? (Hãy biết rằng) vào Ngày mà một vài dấu hiệu của Thượng Đế của Ngươi xuất hiện (để báo trước cho Giờ Tận Thế), đức tin của một người (vào thời điểm đó) sẽ không giúp ích được gì cho linh hồn đã không có đức tin trước đó hoặc đã không tích lũy điều tốt nào trong đức tin của mình. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ thờ đa thần phủ nhận Giờ Tận Thế): "Các ngươi hãy chờ đợi, quả thật Ta cũng đang chờ đợi (giống các ngươi)."

هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّآ أَن تَأۡتِيَهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ أَوۡ يَأۡتِيَ رَبُّكَ
أَوۡ يَأۡتِيَ بَعۡضُ ءَايَٰتِ رَبِّكَۗ يَوۡمَ يَأۡتِي بَعۡضُ ءَايَٰتِ
رَبِّكَ لَا يَنفَعُ نَفۡسًا إِيمَٰنُهَا لَمۡ تَكُنۡ ءَامَنَتۡ مِن
قَبۡلُ أَوۡ كَسَبَتۡ فِيٓ إِيمَٰنِهَا خَيۡرٗاۗ قُلِ ٱنتَظِرُوٓاْ إِنَّا
مُنتَظِرُونَ ١٥٨

159. Quả thật, những kẻ đã phân chia tôn giáo và thành lập giáo phái riêng (như những người Do Thái và Thiên Chúa) thì Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hoàn toàn vô can với mọi hành động (lầm lạc) của họ. Vấn đề của họ chỉ liên quan đến Allah, rồi Ngài sẽ cho họ biết về mọi thứ mà họ đã từng làm.

إِنَّ ٱلَّذِينَ فَرَّقُواْ دِينَهُمۡ وَكَانُواْ شِيَعٗا لَّسۡتَ مِنۡهُمۡ فِي
شَيۡءٍۚ إِنَّمَآ أَمۡرُهُمۡ إِلَى ٱللَّهِ ثُمَّ يُنَبِّئُهُم بِمَا كَانُواْ
يَفۡعَلُونَ ١٥٩

160. Ai mang việc tốt lành đến (trình diện Allah vào Ngày Phán Xét) thì y sẽ được nhân lên mười phần phước (cho việc tốt đó), còn ai mang việc xấu đến (trình diện Ngài) thì y chỉ bị trừng phạt tương ứng với điều xấu mà y đã làm; và họ sẽ không bị đối xử bất công.

مَن جَآءَ بِٱلۡحَسَنَةِ فَلَهُۥ عَشۡرُ أَمۡثَالِهَاۖ وَمَن جَآءَ
بِٱلسَّيِّئَةِ فَلَا يُجۡزَىٰٓ إِلَّا مِثۡلَهَا وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ١٦٠

161. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Quả thật, Ta được Thượng Đế của Ta hướng dẫn đến với con đường ngay chính, một tôn giáo đúng đắn, tín ngưỡng thuần túy của Ibrahim; và (Ibrahim) không phải là kẻ thờ đa thần.”

قُلۡ إِنَّنِي هَدَىٰنِي رَبِّيٓ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ دِينٗا قِيَمٗا
مِّلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۚ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٦١

162. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Quả thật, lễ nguyện Salah của Ta, việc giết tế của Ta, cuộc sống và cái chết của Ta đều dành trọn cho một mình Allah, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.”

قُلۡ إِنَّ صَلَاتِي وَنُسُكِي وَمَحۡيَايَ وَمَمَاتِي لِلَّهِ رَبِّ
ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٦٢

163. “(Allah) không có đối tác ngang vai. Đó là điều mà Ta được lệnh và Ta là một tín đồ Muslim đầu tiên.”

لَا شَرِيكَ لَهُۥۖ وَبِذَٰلِكَ أُمِرۡتُ وَأَنَا۠ أَوَّلُ
ٱلۡمُسۡلِمِينَ ١٦٣

164. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Lẽ nào Ta phải đi tìm một thượng đế nào khác ngoài Allah trong lúc Ngài đích thực là Thượng Đế của vạn vật? Tất cả mỗi linh hồn chỉ phải chịu trách nhiệm cho việc mình đã làm, không ai phải gánh tội cho ai. Rồi đây các ngươi sẽ phải trở về trình diện Thượng Đế của các ngươi để Ngài cho các ngươi biết về những gì mà các ngươi đã từng tranh cãi.”

قُلۡ أَغَيۡرَ ٱللَّهِ أَبۡغِي رَبّٗا وَهُوَ رَبُّ كُلِّ شَيۡءٖۚ وَلَا
تَكۡسِبُ كُلُّ نَفۡسٍ إِلَّا عَلَيۡهَاۚ وَلَا تَزِرُ وَازِرَةٞ وِزۡرَ
أُخۡرَىٰۚ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّكُم مَّرۡجِعُكُمۡ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا
كُنتُمۡ فِيهِ تَخۡتَلِفُونَ ١٦٤

165. Và (Allah) là Đấng đã để các ngươi thành những đại diện (của Ngài) trên trái đất. Ngài đã nâng nhóm người này vượt trội hơn nhóm người kia mục đích để thử thách các ngươi bằng những thứ mà Ngài đã ban cho các ngươi. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) rất nhanh trong việc trừng phạt nhưng quả thật Ngài cũng là Đấng hằng lượng thứ, đầy lòng nhân từ.

وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَكُمۡ خَلَٰٓئِفَ ٱلۡأَرۡضِ وَرَفَعَ
بَعۡضَكُمۡ فَوۡقَ بَعۡضٖ دَرَجَٰتٖ لِّيَبۡلُوَكُمۡ فِي مَآ
ءَاتَىٰكُمۡۗ إِنَّ رَبَّكَ سَرِيعُ ٱلۡعِقَابِ وَإِنَّهُۥ لَغَفُورٞ
رَّحِيمُۢ ١٦٥

Al-'Araf (Các Gò Cao) الأعراف

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. Mim. Sad

الٓمٓصٓ ١

2. Kinh (Qur’an) đã được ban xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ). Vì vậy, chớ đừng để lòng ngực của Ngươi có sự khó khăn (hay sự hoài nghi) về Nó. (Nó được bạn xuống cho Ngươi) là để Ngươi cảnh báo (nhân loại) và nhắc nhở những người có đức tin.

كِتَٰبٌ أُنزِلَ إِلَيۡكَ فَلَا يَكُن فِي صَدۡرِكَ حَرَجٞ
مِّنۡهُ لِتُنذِرَ بِهِۦ وَذِكۡرَىٰ لِلۡمُؤۡمِنِينَ ٢

3. Các ngươi (hỡi con người) hãy đi theo những điều đã được ban xuống cho các ngươi từ Thượng Đế của các ngươi và các ngươi chớ đừng đi theo những kẻ bảo hộ ngoài (Allah). (Các ngươi được khuyên bảo như thế) nhưng tiếc thay các ngươi chẳng mấy lưu tâm.

ٱتَّبِعُواْ مَآ أُنزِلَ إِلَيۡكُم مِّن رَّبِّكُمۡ وَلَا تَتَّبِعُواْ مِن
دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَۗ قَلِيلٗا مَّا تَذَكَّرُونَ ٣

4. Đã không biết bao thị trấn bị TA hủy diệt (do tội lỗi của dân chúng). Sự trừng phạt của TA đã đến với họ một cách bất ngờ vào ban đêm hoặc ban ngày lúc họ đang nghỉ trưa.

وَكَم مِّن قَرۡيَةٍ أَهۡلَكۡنَٰهَا فَجَآءَهَا بَأۡسُنَا بَيَٰتًا أَوۡ هُمۡ
قَآئِلُونَ ٤

5. Cho nên, khi hình phạt của TA đến với họ thì họ chỉ biết nói: “Quả thật, bầy tôi là những kẻ làm điều sai quấy.”

فَمَا كَانَ دَعۡوَىٰهُمۡ إِذۡ جَآءَهُم بَأۡسُنَآ إِلَّآ أَن قَالُوٓاْ إِنَّا
كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٥

6. Rồi đây (vào Ngày Phán Xét) TA chắc chắn sẽ tra hỏi những ai tiếp nhận được Thông Điệp và TA chắc chắn cũng sẽ tra hỏi các Thiên Sứ.

فَلَنَسۡـَٔلَنَّ ٱلَّذِينَ أُرۡسِلَ إِلَيۡهِمۡ وَلَنَسۡـَٔلَنَّ
ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٦

7. TA chắc chắn sẽ kể lại cho họ nghe mọi thứ mà họ đã từng làm (trên thế gian) bằng sự hiểu biết (của TA) bởi TA không hề vắng mặt (bất cứ lúc nào).

فَلَنَقُصَّنَّ عَلَيۡهِم بِعِلۡمٖۖ وَمَا كُنَّا غَآئِبِينَ ٧

8. Việc cân đo (các việc làm tốt xấu) của Ngày hôm đó là sự thật. Vì vậy, ai mà (các việc làm thiện tốt của y) có trọng lượng nặng hơn (trọng lượng các việc làm xấu của y) thì họ sẽ là những người chiến thắng.

وَٱلۡوَزۡنُ يَوۡمَئِذٍ ٱلۡحَقُّۚ فَمَن ثَقُلَتۡ مَوَٰزِينُهُۥ
فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٨

9. Còn ai mà (các việc làm thiện tốt của y) có trọng lượng nhẹ hơn (trọng lượng các việc làm xấu của y) thì họ sẽ là những kẻ thiệt thân do đã chối bỏ các Lời Mặc Khải của TA.

وَمَنۡ خَفَّتۡ مَوَٰزِينُهُۥ فَأُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ
أَنفُسَهُم بِمَا كَانُواْ بِـَٔايَٰتِنَا يَظۡلِمُونَ ٩

10. Quả thật, TA (Allah) đã định cư các ngươi (loài người) trên trái đất và đã tạo cho các ngươi biết bao phương tiện để sinh sống. Tuy nhiên, các ngươi rất ít tri ân (TA)!

وَلَقَدۡ مَكَّنَّٰكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَجَعَلۡنَا لَكُمۡ فِيهَا مَعَٰيِشَۗ قَلِيلٗا مَّا تَشۡكُرُونَ ١٠

11. Quả thật, TA (Allah) đã tạo hóa các ngươi (hỡi loài người) rồi ban cho các ngươi hình thể. TA đã ra lệnh cho các Thiên Thần quỳ lạy chào Adam (tổ tiên của các ngươi). Tất cả (các Thiên Thần) đều quỳ lạy ngoại trừ Iblis, hắn không chịu quỳ lạy.

وَلَقَدۡ خَلَقۡنَٰكُمۡ ثُمَّ صَوَّرۡنَٰكُمۡ ثُمَّ قُلۡنَا لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ ٱسۡجُدُواْ لِأٓدَمَ فَسَجَدُوٓاْ إِلَّآ إِبۡلِيسَ لَمۡ يَكُن مِّنَ ٱلسَّٰجِدِينَ ١١

12. (Allah) phán bảo (Iblis): “Điều gì đã cản nhà ngươi không chịu quỳ lạy khi TA ban lệnh cho ngươi (hỡi Iblis)?” Hắn nói: “Vì bề tôi tốt hơn Y (Adam), Ngài tạo bề tôi từ lửa và Ngài tạo Y từ đất sét.”

قَالَ مَا مَنَعَكَ أَلَّا تَسۡجُدَ إِذۡ أَمَرۡتُكَۖ قَالَ أَنَا۠ خَيۡرٞ مِّنۡهُ خَلَقۡتَنِي مِن نَّارٖ وَخَلَقۡتَهُۥ مِن طِينٖ ١٢

13. (Allah) phán: “Nhà ngươi hãy xuống khỏi đó (Thiên Đàng), nhà ngươi không được ngạo mạn trong đó. Nhà ngươi hãy đi ra, nhà ngươi quả là một tên đáng khinh.”

قَالَ فَٱهۡبِطۡ مِنۡهَا فَمَا يَكُونُ لَكَ أَن تَتَكَبَّرَ فِيهَا فَٱخۡرُجۡ إِنَّكَ مِنَ ٱلصَّٰغِرِينَ ١٣

14. (Iblis) khẩn cầu: “Xin Ngài hãy tạm tha cho bề tôi được sống cho đến Ngày Phục Sinh.”

قَالَ أَنظِرۡنِيٓ إِلَىٰ يَوۡمِ يُبۡعَثُونَ ١٤

15. (Allah) phán: “Được, nhà ngươi sẽ được tạm tha (cho đến ngày tiếng còi đầu tiên được cất lên).”

قَالَ إِنَّكَ مِنَ ٱلۡمُنظَرِينَ ١٥

16. (Iblis) nói: “Vì Ngài xua đuổi bề tôi, bề tôi quyết sẽ lôi kéo chúng (con cháu của Adam) lệch khỏi con đường ngay chính của Ngài.”

قَالَ فَبِمَآ أَغۡوَيۡتَنِي لَأَقۡعُدَنَّ لَهُمۡ صِرَٰطَكَ ٱلۡمُسۡتَقِيمَ ١٦

17. “Bề tôi quyết sẽ tấn công chúng từ phía đằng trước, đằng sau, bên phải và bên trái, rồi Ngài sẽ thấy đa số bọn chúng là những kẻ không biết ơn (Ngài).”

ثُمَّ لَأٓتِيَنَّهُم مِّنۢ بَيۡنِ أَيۡدِيهِمۡ وَمِنۡ خَلۡفِهِمۡ وَعَنۡ أَيۡمَٰنِهِمۡ وَعَن شَمَآئِلِهِمۡۖ وَلَا تَجِدُ أَكۡثَرَهُمۡ شَٰكِرِينَ ١٧

18. (Allah) phán: “Nhà ngươi hãy cút ra khỏi đó (Thiên Đàng), thứ đáng khinh và đáng tống cổ đi nơi khác. Ai trong bọn họ đi theo nhà ngươi thì tất cả sẽ bị TA nhét đầy vào Hỏa Ngục.”

قَالَ ٱخۡرُجۡ مِنۡهَا مَذۡءُومٗا مَّدۡحُورٗاۖ لَّمَن تَبِعَكَ مِنۡهُمۡ لَأَمۡلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنكُمۡ أَجۡمَعِينَ ١٨

19. (Allah) phán: “Này Adam, Ngươi và vợ của Ngươi hãy sống trong Thiên Đàng, hai Ngươi hãy ăn thỏa thích những gì mình muốn, nhưng hai Ngươi chớ đừng đến gần cây này kẻo hai Ngươi trở thành những kẻ làm điều sai quấy.”

وَيَٰٓـَٔادَمُ ٱسۡكُنۡ أَنتَ وَزَوۡجُكَ ٱلۡجَنَّةَ فَكُلَا مِنۡ حَيۡثُ شِئۡتُمَا وَلَا تَقۡرَبَا هَٰذِهِ ٱلشَّجَرَةَ فَتَكُونَا مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٩

20. Tuy nhiên, Shaytan (Iblis) đã thì thầm xúi giục hai người hầu làm cho hai người họ lộ ra phần đáng xấu hổ của mình, hắn nói: “Sở dĩ Thượng Đế cấm hai người đến gần cái ‘Cây’ này là vì không muốn hai người trở thành Thiên Thần hoặc trở thành người sống bất tử ấy thôi!”

فَوَسْوَسَ لَهُمَا ٱلشَّيْطَٰنُ لِيُبْدِيَ لَهُمَا مَا وُۥرِيَ عَنْهُمَا مِن سَوْءَٰتِهِمَا وَقَالَ مَا نَهَىٰكُمَا رَبُّكُمَا عَنْ هَٰذِهِ ٱلشَّجَرَةِ إِلَّآ أَن تَكُونَا مَلَكَيْنِ أَوْ تَكُونَا مِنَ ٱلْخَٰلِدِينَ ﴿٢٠﴾

21. Hắn đã thề thốt với hai người họ, bảo: “Thật ra ta chỉ là một người cố vấn thật lòng cho hai người thôi.”

وَقَاسَمَهُمَآ إِنِّي لَكُمَا لَمِنَ ٱلنَّٰصِحِينَ ﴿٢١﴾

22. Thế là hắn đã dụ dỗ được hai người họ thông qua sự lường gạt và lừa dối. Ngay sau khi hai người họ nếm (trái của) ‘Cây cấm’ đó thì phần xấu hổ của cả hai liền lộ ra, hai người phải lượm lá cây trong Thiên Đàng che kín thân thể của mình lại. (Lúc đó), Thượng Đế gọi hai người họ, phán: “Chẳng phải TA đã cấm hai ngươi đến gần cái Cây đó và bảo hai ngươi rằng Shaytan là kẻ thù công khai của hai ngươi đó sao?!”

فَدَلَّىٰهُمَا بِغُرُورٍۚ فَلَمَّا ذَاقَا ٱلشَّجَرَةَ بَدَتْ لَهُمَا سَوْءَٰتُهُمَا وَطَفِقَا يَخْصِفَانِ عَلَيْهِمَا مِن وَرَقِ ٱلْجَنَّةِۖ وَنَادَىٰهُمَا رَبُّهُمَآ أَلَمْ أَنْهَكُمَا عَن تِلْكُمَا ٱلشَّجَرَةِ وَأَقُل لَّكُمَآ إِنَّ ٱلشَّيْطَٰنَ لَكُمَا عَدُوٌّ مُّبِينٌ ﴿٢٢﴾

23. Cả hai đồng thưa: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, quả thật bầy tôi đã bất công với chính bản thân mình, nếu Ngài không tha thứ và đoái thương bầy tôi thì chắc chắn bầy tôi sẽ trở thành những kẻ thua thiệt.”

قَالَا رَبَّنَا ظَلَمْنَآ أَنفُسَنَا وَإِن لَّمْ تَغْفِرْ لَنَا وَتَرْحَمْنَا لَنَكُونَنَّ مِنَ ٱلْخَٰسِرِينَ ﴿٢٣﴾

24. (Allah) phán: “Cả ba nhà ngươi (Adam, Hauwa và Iblis) hãy (rời khỏi Thiên Đàng) đi xuống (trái đất), các ngươi sẽ là kẻ thù của nhau. Trên trái đất, các ngươi sẽ có một nơi cư ngụ và phương tiện sinh sống cho đến thời hạn ấn định.”

قَالَ ٱهْبِطُواْ بَعْضُكُمْ لِبَعْضٍ عَدُوٌّۖ وَلَكُمْ فِي ٱلْأَرْضِ مُسْتَقَرٌّ وَمَتَٰعٌ إِلَىٰ حِينٍ ﴿٢٤﴾

25. (Allah) phán: “Các ngươi sẽ sống trên trái đất và chết ở đó và cũng từ đó các ngươi sẽ được phục sinh trở lại.”

قَالَ فِيهَا تَحْيَوْنَ وَفِيهَا تَمُوتُونَ وَمِنْهَا تُخْرَجُونَ ﴿٢٥﴾

26. Hỡi con cháu của Adam (loài người), quả thật, TA đã ban xuống cho các ngươi y phục để các ngươi che đậy phần xấu hổ của mình và để các ngươi làm đẹp; tuy nhiên, y phục tốt nhất là lòng Taqwa(1). Đấy là một trong các dấu hiệu của Allah, mong rằng họ biết lưu tâm.[1]

يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ قَدْ أَنزَلْنَا عَلَيْكُمْ لِبَاسًا يُوَٰرِي سَوْءَٰتِكُمْ وَرِيشًاۖ وَلِبَاسُ ٱلتَّقْوَىٰ ذَٰلِكَ خَيْرٌۚ ذَٰلِكَ مِنْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ لَعَلَّهُمْ يَذَّكَّرُونَ ﴿٢٦﴾

27. Hỡi con cháu Adam (loài người), các ngươi chớ để Shaytan lừa gạt các ngươi giống như hắn đã từng (lường gạt và) trục xuất cha mẹ của các ngươi ra khỏi Thiên Đàng. Hắn đã lột y phục của hai người họ để cả hai lộ ra phần xấu hổ của cơ thể. Quả thật, hắn và bộ lạc của hắn nhìn thấy các ngươi trong khi các ngươi không nhìn thấy chúng. Quả thật, TA đã để những tên Shaytan làm những vị bảo hộ cho những kẻ vô đức tin.

يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ لَا يَفْتِنَنَّكُمُ ٱلشَّيْطَٰنُ كَمَآ أَخْرَجَ أَبَوَيْكُم مِّنَ ٱلْجَنَّةِ يَنزِعُ عَنْهُمَا لِبَاسَهُمَا لِيُرِيَهُمَا سَوْءَٰتِهِمَآۚ إِنَّهُۥ يَرَىٰكُمْ هُوَ وَقَبِيلُهُۥ مِنْ حَيْثُ لَا

[1] (1) Sự ngay chính, ngoan đạo và kính sợ Allah.

تَرَوۡنَهُمۡۗ إِنَّا جَعَلۡنَا ٱلشَّيَٰطِينَ أَوۡلِيَآءَ لِلَّذِينَ لَا
يُؤۡمِنُونَ ٢٧

28. Mỗi lần (những kẻ đa thần) làm điều ố uế (như thờ bục tượng, đi vòng quanh ngôi đền Ka'bah với thân thể trần truồng, ...), chúng bảo: “Chúng tôi đã thấy ông bà của mình làm như thế, và Allah đã ra lệnh cho chúng tôi làm như vậy.” Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Quả thật, Allah không hề bảo làm điều ô uế. Lẽ nào các ngươi cáo buộc cho Allah những điều mà các ngươi không biết?!”

وَإِذَا فَعَلُواْ فَٰحِشَةٗ قَالُواْ وَجَدۡنَا عَلَيۡهَآ ءَابَآءَنَا وَٱللَّهُ
أَمَرَنَا بِهَاۗ قُلۡ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَأۡمُرُ بِٱلۡفَحۡشَآءِۖ أَتَقُولُونَ
عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٢٨

29. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Thượng Đế của Ta chỉ sai bảo toàn điều công lý; (Ngài bảo) các ngươi phải hướng mặt (về Allah) trong mỗi nơi thờ phượng; (Ngài bảo) các ngươi hãy chân thành cầu nguyện Ngài. (Rồi đây các ngươi sẽ được phục sinh để trở về với Ngài) giống như việc Ngài đã khởi tạo các ngươi lúc ban đầu.”

قُلۡ أَمَرَ رَبِّي بِٱلۡقِسۡطِۖ وَأَقِيمُواْ وُجُوهَكُمۡ عِندَ كُلِّ
مَسۡجِدٖ وَٱدۡعُوهُ مُخۡلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَۚ كَمَا بَدَأَكُمۡ
تَعُودُونَ ٢٩

30. (Allah đã làm cho nhân loại thành hai nhóm:) một nhóm được Ngài hướng dẫn đúng đường và một nhóm bị lầm lạc. (Nhóm lầm lạc là) bởi vì họ đã chọn lấy Shaytan làm những kẻ bảo hộ thay vì Allah và họ tưởng rằng mình đã được hướng dẫn đúng đường.

فَرِيقًا هَدَىٰ وَفَرِيقًا حَقَّ عَلَيۡهِمُ ٱلضَّلَٰلَةُۚ إِنَّهُمُ
ٱتَّخَذُواْ ٱلشَّيَٰطِينَ أَوۡلِيَآءَ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَيَحۡسَبُونَ
أَنَّهُم مُّهۡتَدُونَ ٣٠

31. Hỡi con cháu của Adam (loài người), các ngươi hãy mặc y phục chỉnh tề khi đến Masjid và các ngươi hãy ăn, uống thỏa thích nhưng không được phung phí, bởi lẽ Allah không yêu thương những kẻ phung phí.

۞يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ خُذُواْ زِينَتَكُمۡ عِندَ كُلِّ مَسۡجِدٖ
وَكُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ وَلَا تُسۡرِفُوٓاْۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ
ٱلۡمُسۡرِفِينَ ٣١

32. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ đa thần): “Ai đã cấm những thứ làm đẹp cũng như các loại (thực phẩm tốt sạch mà Allah đã tạo ra cho đám bề tôi của Ngài?” Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Tất cả những thứ đó là dành cho những người có đức tin ở cuộc sống trần tục này và dành riêng cho họ ở Đời Sau.” Như thế đó, TA (Allah) đã giải thích rõ các Lời Mặc Khải của TA cho nhóm người hiểu biết.

قُلۡ مَنۡ حَرَّمَ زِينَةَ ٱللَّهِ ٱلَّتِيٓ أَخۡرَجَ لِعِبَادِهِۦ
وَٱلطَّيِّبَٰتِ مِنَ ٱلرِّزۡقِۚ قُلۡ هِيَ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ فِي
ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا خَالِصَةٗ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ كَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ
ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ٣٢

33. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Quả thật, Thượng Đế của Ta chỉ cấm những điều ô uế dù công khai hay kín đáo; chỉ cấm điều tội lỗi và áp bức (người khác) một cách bất công; Ngài chỉ cấm việc tổ hợp (các thần linh) cùng với Allah trong thờ phượng, điều mà Ngài không ban xuống (cho ai) bất cứ thẩm quyền nào; và Ngài chỉ cấm các ngươi nói về Allah khi các ngươi không biết gì (về Ngài).”

قُلۡ إِنَّمَا حَرَّمَ رَبِّيَ ٱلۡفَوَٰحِشَ مَا ظَهَرَ مِنۡهَا وَمَا
بَطَنَ وَٱلۡإِثۡمَ وَٱلۡبَغۡيَ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَأَن تُشۡرِكُواْ بِٱللَّهِ
مَا لَمۡ يُنَزِّلۡ بِهِۦ سُلۡطَٰنٗا وَأَن تَقُولُواْ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا
تَعۡلَمُونَ ٣٣

34. Mỗi cộng đồng đều có một thời hạn nhất định. Cho nên, khi thời hạn ấn định đã đến, họ sẽ không thể trì hoãn thêm bất cứ giờ (khắc) nào cũng như không thể ra đi sớm hơn.

وَلِكُلِّ أُمَّةٍ أَجَلٌۖ فَإِذَا جَآءَ أَجَلُهُمۡ لَا يَسۡتَأۡخِرُونَ
سَاعَةٗ وَلَا يَسۡتَقۡدِمُونَ ٣٤

35. Hỡi con cháu Adam, khi các Sứ Giả xuất thân từ các ngươi đến gặp các ngươi thuật lại các Lời Mặc Khải của TA cho các ngươi nghe, người nào ngoan đạo và cải thiện bản thân thì họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ إِمَّا يَأۡتِيَنَّكُمۡ رُسُلٞ مِّنكُمۡ يَقُصُّونَ
عَلَيۡكُمۡ ءَايَٰتِي فَمَنِ ٱتَّقَىٰ وَأَصۡلَحَ فَلَا خَوۡفٌ
عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٣٥

36. Ngược lại, những ai phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA và ngạo mạn xem thường chúng thì sẽ là những người bạn của Hỏa Ngục, họ sẽ ở trong đó muôn đời.

وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَٱسۡتَكۡبَرُواْ عَنۡهَآ أُوْلَٰٓئِكَ
أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٣٦

37. Bởi thế, còn ai sai quấy hơn kẻ cáo buộc điều dối trá cho Allah hoặc phủ nhận các Lời Mặc Khải của Ngài. Những kẻ đó chỉ hưởng được phần (lộc) đã an bày cho họ trong quyển Kinh Mẹ (Lawhu Al-Mahfuzh) cho tới khi các Sứ Giả (Thiên Thần) của TA đến rút hồn họ. (Lúc đó, các Thiên Thần sẽ hỏi họ), nói: “Đâu rồi những thần linh mà các ngươi đã cầu nguyện ngoài Allah?” Họ đáp “Chúng đã bỏ chúng tôi đi mất” và họ tự xác nhận mình chính là những kẻ vô đức tin.

فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوۡ كَذَّبَ
بِـَٔايَٰتِهِۦٓۚ أُوْلَٰٓئِكَ يَنَالُهُمۡ نَصِيبُهُم مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِۖ حَتَّىٰٓ
إِذَا جَآءَتۡهُمۡ رُسُلُنَا يَتَوَفَّوۡنَهُمۡ قَالُوٓاْ أَيۡنَ مَا كُنتُمۡ
تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِۖ قَالُواْ ضَلُّواْ عَنَّا وَشَهِدُواْ عَلَىٰٓ
أَنفُسِهِمۡ أَنَّهُمۡ كَانُواْ كَٰفِرِينَ ٣٧

38. (Các Thiên Thần) bảo: “Các ngươi (hỡi những kẻ đa thần) hãy đi vào Hỏa Ngục cùng với các cộng đồng loài Jinn và loài người thuộc các thế hệ trước các ngươi.” Cứ mỗi lần một cộng đồng mới đi vào thì nó liền nguyền rủa cộng đồng đã vào trước đó. Đến khi tất cả cùng gặp mặt nhau trong Hỏa Ngục thì nhóm vào sau (thuộc tầng lớp đi theo) lên tiếng đổ tội cho nhóm vào trước (thuộc tầng lớp lãnh đạo), nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, chính đám người này đã lôi kéo làm bầy tôi đi lạc, khẩn xin Ngài trừng phạt họ gấp đôi trong Hỏa Ngục.” (Allah) phán: “Tất cả đều bị trừng phạt gấp đôi như nhau nhưng các ngươi không biết đó thôi.”

قَالَ ٱدۡخُلُواْ فِيٓ أُمَمٖ قَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلِكُم مِّنَ
ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِ فِي ٱلنَّارِۖ كُلَّمَا دَخَلَتۡ أُمَّةٞ لَّعَنَتۡ
أُخۡتَهَاۖ حَتَّىٰٓ إِذَا ٱدَّارَكُواْ فِيهَا جَمِيعٗا قَالَتۡ أُخۡرَىٰهُمۡ
لِأُولَىٰهُمۡ رَبَّنَا هَٰٓؤُلَآءِ أَضَلُّونَا فَـَٔاتِهِمۡ عَذَابٗا ضِعۡفٗا
مِّنَ ٱلنَّارِۖ قَالَ لِكُلّٖ ضِعۡفٞ وَلَٰكِن لَّا تَعۡلَمُونَ ٣٨

39. Nhóm vào trước lên tiếng đáp lại nhóm vào sau: “Thật ra các ngươi cũng đâu có gì tốt hơn bọn ta đây, thôi các ngươi hãy nếm lấy sự trừng phạt bởi những gì các ngươi đã tích lũy.”

وَقَالَتۡ أُولَىٰهُمۡ لِأُخۡرَىٰهُمۡ فَمَا كَانَ لَكُمۡ عَلَيۡنَا مِن
فَضۡلٖ فَذُوقُواْ ٱلۡعَذَابَ بِمَا كُنتُمۡ تَكۡسِبُونَ ٣٩

40. Quả thật, những kẻ phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA (Allah) và ngạo mạn với chúng, sẽ không có cổng trời nào được mở ra cho họ, và họ sẽ không vào được Thiên Đàng trừ phi con lạc đà chui qua được cái lỗ của chiếc kim may. TA trừng phạt những kẻ tội lỗi đúng như thế đó.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَٱسۡتَكۡبَرُواْ عَنۡهَا لَا تُفَتَّحُ
لَهُمۡ أَبۡوَٰبُ ٱلسَّمَآءِ وَلَا يَدۡخُلُونَ ٱلۡجَنَّةَ حَتَّىٰ يَلِجَ
ٱلۡجَمَلُ فِي سَمِّ ٱلۡخِيَاطِۚ وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي
ٱلۡمُجۡرِمِينَ ٤٠

41. Họ sẽ có những chiếc giường lửa cùng với những tấm phủ bằng lửa bên trên. TA trừng phạt đám người sai quấy đúng như thế đó.

لَهُم مِّن جَهَنَّمَ مِهَادٌ وَمِن فَوۡقِهِمۡ غَوَاشٖۚ وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلظَّٰلِمِينَ ٤١

42. Riêng những người có đức tin và hành thiện – TA (Allah) không bắt linh hồn gánh vác quá khả năng của nó –, họ sẽ là những người bạn của Thiên Đàng, họ sẽ ở trong đó mãi mãi.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَا نُكَلِّفُ نَفۡسًا إِلَّا وُسۡعَهَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٤٢

43. TA sẽ xóa khỏi lòng của họ sự ghen tỵ và thù hằn, sẽ có những con sông chảy bên dưới họ, và họ sẽ nói: “Alhamdulillah, Đấng đã hướng dẫn bầy tôi đến với (hồng phúc) này, nếu không nhờ Allah hướng dẫn thì bầy tôi đã không được hướng dẫn đúng đường. Các vị Thiên Sứ của Thượng Đế của bầy tôi quả thật đã mang đến điều chân lý.” Rồi họ được hô gọi, bảo: “Đó là Thiên Đàng, các ngươi sẽ được thừa hưởng Nó bởi những điều (tốt đẹp) mà các ngươi đã làm.

وَنَزَعۡنَا مَا فِي صُدُورِهِم مِّنۡ غِلّٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهِمُ ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ وَقَالُواْ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِي هَدَىٰنَا لِهَٰذَا وَمَا كُنَّا لِنَهۡتَدِيَ لَوۡلَآ أَنۡ هَدَىٰنَا ٱللَّهُۖ لَقَدۡ جَآءَتۡ رُسُلُ رَبِّنَا بِٱلۡحَقِّۖ وَنُودُوٓاْ أَن تِلۡكُمُ ٱلۡجَنَّةُ أُورِثۡتُمُوهَا بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٤٣

44. Cư dân Thiên Đàng gọi cư dân Hỏa Ngục, hỏi: “Chúng tôi thực sự đã thấy những gì mà Thượng Đế của chúng tôi đã hứa với chúng tôi (trước đây), nó đã xảy ra thật, vậy các người đã thấy những gì mà Thượng Đế của các người đã hứa với các người (trước đây) không, nó đã xảy ra thật không?” Họ đáp: “Đúng là sự thật.” Thế rồi vị (Thiên Thần) hô gọi lớn tiếng hô vang giữa họ: “Allah nguyền rủa những kẻ làm điều sai quấy.”

وَنَادَىٰٓ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِ أَصۡحَٰبَ ٱلنَّارِ أَن قَدۡ وَجَدۡنَا مَا وَعَدَنَا رَبُّنَا حَقّٗا فَهَلۡ وَجَدتُّم مَّا وَعَدَ رَبُّكُمۡ حَقّٗاۖ قَالُواْ نَعَمۡۚ فَأَذَّنَ مُؤَذِّنُۢ بَيۡنَهُمۡ أَن لَّعۡنَةُ ٱللَّهِ عَلَى ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٤

45. Những ai mà họ ngăn cản con đường chính đạo của Allah cũng như mong muốn làm nó trở nên cong quẹo và không có đức tin ở nơi Đời Sau.

ٱلَّذِينَ يَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَيَبۡغُونَهَا عِوَجٗا وَهُم بِٱلۡأٓخِرَةِ كَٰفِرُونَ ٤٥

46. Giữa họ (cư dân Thiên Đàng và cư dân Hỏa Ngục) là một vách ngăn cách (được gọi là các gò cao). Trên các gò cao (này), có những người(2) biết rõ từng người của họ (cư dân Thiên Đàng và cư dân Hỏa Ngục) qua các dấu vết (trên gương mặt) của họ. (Những người trên các gò cao này) gọi những người bạn của Thiên Đàng, chúc: “Mong bằng an cho quí vị.” (Những người trên các gò cao) vẫn chưa được vào trong đó (Thiên Đàng) nhưng họ thèm khát được vào.[1]

وَبَيۡنَهُمَا حِجَابٞۚ وَعَلَى ٱلۡأَعۡرَافِ رِجَالٞ يَعۡرِفُونَ كُلَّۢا بِسِيمَىٰهُمۡۚ وَنَادَوۡاْ أَصۡحَٰبَ ٱلۡجَنَّةِ أَن سَلَٰمٌ عَلَيۡكُمۡۚ لَمۡ يَدۡخُلُوهَا وَهُمۡ يَطۡمَعُونَ ٤٦

[1] (2) Những người trên các gò cao là những người mà các việc làm thiện tốt và ngoan đạo của họ ngang bằng với các việc làm tội lỗi của họ. Hoặc Allah sẽ trừng phạt họ trong Hỏa Ngục bởi tội lỗi của họ hoặc Ngài sẽ cho họ vào Thiên Đàng bởi lòng thương xót và nhân từ của Ngài.

47. Khi họ (những người trên các gò cao) nhìn về phía những người bạn của Hỏa Ngục thì họ liền cầu khẩn: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng nhập bầy tôi cùng với đám người làm điều sai quấy đó."

۞وَإِذَا صُرِفَتۡ أَبۡصَٰرُهُمۡ تِلۡقَآءَ أَصۡحَٰبِ ٱلنَّارِ قَالُواْ رَبَّنَا لَا تَجۡعَلۡنَا مَعَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٧

48. Những người của các gò cao gọi những người (của Hỏa Ngục) mà họ nhận biết được qua nét đặc trưng (trên gương mặt) của họ: "Những gì mà các ngươi tom góp (từ tài sản, quyền lực, con cái) cũng như những gì mà các ngươi từng tự hào và kiêu ngạo về chúng có giúp ích được gì cho các ngươi không?!"

وَنَادَىٰٓ أَصۡحَٰبُ ٱلۡأَعۡرَافِ رِجَالٗا يَعۡرِفُونَهُم بِسِيمَىٰهُمۡ قَالُواْ مَآ أَغۡنَىٰ عَنكُمۡ جَمۡعُكُمۡ وَمَا كُنتُمۡ تَسۡتَكۡبِرُونَ ٤٨

49. (Allah phán với những kẻ vô đức tin:) "Có phải các ngươi đã thề thốt rằng những người (có đức tin này) sẽ không được lòng khoan dung của Allah?" (Allah phán bảo những người có đức tin:) "Các ngươi hãy bước vào Thiên Đàng, các ngươi sẽ không còn lo sợ và cũng sẽ không buồn phiền."

أَهَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ أَقۡسَمۡتُمۡ لَا يَنَالُهُمُ ٱللَّهُ بِرَحۡمَةٍۚ ٱدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ لَا خَوۡفٌ عَلَيۡكُمۡ وَلَآ أَنتُمۡ تَحۡزَنُونَ ٤٩

50. Những người bạn của Hỏa Ngục réo gọi những người bạn của Thiên Đàng, van xin: "Xin quí vị hãy rót xuống cho chúng tôi một ít nước hoặc bất cứ món lộc nào mà Allah đã ban cấp cho quí vị." (Những người bạn của Thiên Đàng) đáp: "Quả thật, Allah đã cấm hai thứ đó đối với những kẻ vô đức tin."

وَنَادَىٰٓ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِ أَصۡحَٰبَ ٱلۡجَنَّةِ أَنۡ أَفِيضُواْ عَلَيۡنَا مِنَ ٱلۡمَآءِ أَوۡ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُۚ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ حَرَّمَهُمَا عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٥٠

51. Những người đã lấy tôn giáo của mình làm phương tiện để giải trí, mua vui và bị đời sống trần tục này đánh lừa thì ngày hôm nay, TA quên lãng họ giống như họ đã từng quên lãng ngày trình diện này của họ và vì họ đã chối bỏ các Lời Mặc Khải của TA.

ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ دِينَهُمۡ لَهۡوٗا وَلَعِبٗا وَغَرَّتۡهُمُ ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَاۚ فَٱلۡيَوۡمَ نَنسَىٰهُمۡ كَمَا نَسُواْ لِقَآءَ يَوۡمِهِمۡ هَٰذَا وَمَا كَانُواْ بِـَٔايَٰتِنَا يَجۡحَدُونَ ٥١

52. Quả thật, TA đã mang đến cho họ quyển Kinh (Qur'an), TA đã giải thích Nó rõ ràng bằng kiến thức (của TA), (và Nó là) nguồn chỉ đạo và là hồng phúc dành cho đám người có đức tin.

وَلَقَدۡ جِئۡنَٰهُم بِكِتَٰبٖ فَصَّلۡنَٰهُ عَلَىٰ عِلۡمٍ هُدٗى وَرَحۡمَةٗ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٥٢

53. Lẽ nào (những kẻ vô đức tin) lại chờ đợi biến cố xảy ra như (Qur'an) đã cảnh báo? Vào Ngày mà biến cố xảy ra như đã cảnh báo, những kẻ đã phớt lờ nó trước đây sẽ nói: "Quả thật, các Thiên Sứ của Thượng Đế của chúng tôi đã mang đến sự thật, vậy chúng tôi có được người biện hộ nào đứng ra biện hộ cho chúng tôi không hoặc có thể nào chúng tôi được trả về (cuộc sống trần gian) để chúng tôi có cơ hội làm khác với việc mà chúng tôi đã từng làm." Quả thật, họ đã làm thiệt thân của chính mình và những thứ mà họ đã bịa đặt gian dối đã bỏ mặc họ đi mất dạng.

هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّا تَأۡوِيلَهُۥۚ يَوۡمَ يَأۡتِي تَأۡوِيلُهُۥ يَقُولُ ٱلَّذِينَ نَسُوهُ مِن قَبۡلُ قَدۡ جَآءَتۡ رُسُلُ رَبِّنَا بِٱلۡحَقِّ فَهَل لَّنَا مِن شُفَعَآءَ فَيَشۡفَعُواْ لَنَآ أَوۡ نُرَدُّ فَنَعۡمَلَ غَيۡرَ ٱلَّذِي كُنَّا نَعۡمَلُۚ قَدۡ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ٥٣

54. Quả thật, Thượng Đế của các ngươi (loài người) chính là Allah, Ngài đã tạo các tầng trời và trái đất trong sáu ngày, rồi Ngài an vị trên Ngai Vương (của Ngài). Ngài luân chuyển ngày đêm một cách nhanh chóng; mặt trời, mặt trăng và các tinh tú đều vận hành theo mệnh lệnh của Ngài. Việc tạo hóa và quyền chi phối là của riêng một mình Ngài. Thật phúc thay Allah, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.

إِنَّ رَبَّكُمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِى خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ فِى
سِتَّةِ أَيَّامٍ ثُمَّ ٱسْتَوَىٰ عَلَى ٱلْعَرْشِ يُغْشِى ٱلَّيْلَ
ٱلنَّهَارَ يَطْلُبُهُۥ حَثِيثًا وَٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَ وَٱلنُّجُومَ
مُسَخَّرَٰتٍۭ بِأَمْرِهِۦٓ أَلَا لَهُ ٱلْخَلْقُ وَٱلْأَمْرُ تَبَارَكَ ٱللَّهُ
رَبُّ ٱلْعَٰلَمِينَ ٥٤

55. Các ngươi (hỡi những người có đức tin) hãy cầu nguyện Thượng Đế của các ngươi trong sự khiêm nhường và riêng tư (âm thầm, kín đáo). Quả thật, Ngài không yêu thương những kẻ vượt quá giới hạn.

ٱدْعُوا۟ رَبَّكُمْ تَضَرُّعًا وَخُفْيَةً إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ
ٱلْمُعْتَدِينَ ٥٥

56. Các ngươi chớ đừng hủy hoại trái đất sau khi nó đã được cải thiện. Các ngươi hãy cầu nguyện Ngài bằng nỗi sợ hãi và niềm hy vọng. Quả thật, lòng thương xót của Allah luôn gần kề với những người làm tốt.

وَلَا تُفْسِدُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ بَعْدَ إِصْلَٰحِهَا وَٱدْعُوهُ
خَوْفًا وَطَمَعًا إِنَّ رَحْمَتَ ٱللَّهِ قَرِيبٌ مِّنَ
ٱلْمُحْسِنِينَ ٥٦

57. Ngài là Đấng gởi các luồng gió báo trước tin mừng về lòng khoan dung của Ngài. Đến khi nào các đám mây nặng trịch (do chứa nước) tập trung lại, TA chuyển chúng đến mảnh đất chết khô, TA ban mưa xuống làm mọc ra đủ loại trái quả (hoa màu). Tương tự, TA sẽ làm người chết sống lại như thế, mong rằng các ngươi lưu tâm.

وَهُوَ ٱلَّذِى يُرْسِلُ ٱلرِّيَٰحَ بُشْرًۢا بَيْنَ يَدَىْ رَحْمَتِهِۦ
حَتَّىٰٓ إِذَآ أَقَلَّتْ سَحَابًا ثِقَالًا سُقْنَٰهُ لِبَلَدٍ مَّيِّتٍ
فَأَنزَلْنَا بِهِ ٱلْمَآءَ فَأَخْرَجْنَا بِهِۦ مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ
كَذَٰلِكَ نُخْرِجُ ٱلْمَوْتَىٰ لَعَلَّكُمْ تَذَكَّرُونَ ٥٧

58. Mảnh đất tốt sẽ mọc ra cây cối (dồi dào và tươi tốt) dưới sự cho phép của Allah, còn mảnh đất xấu chỉ mọc ra cây cối thưa thớt và khẳng khiu. Như thế đó, TA giải thích rõ ràng các Lời Mặc Khải (của TA) cho nhóm người biết tri ân.

وَٱلْبَلَدُ ٱلطَّيِّبُ يَخْرُجُ نَبَاتُهُۥ بِإِذْنِ رَبِّهِۦ وَٱلَّذِى
خَبُثَ لَا يَخْرُجُ إِلَّا نَكِدًا كَذَٰلِكَ نُصَرِّفُ ٱلْءَايَٰتِ
لِقَوْمٍ يَشْكُرُونَ ٥٨

59. Quả thật, TA (Allah) đã cử phái Nuh (Nô-ê) đến với người dân của Y. Y đã bảo (dân của mình): “Này hỡi dân ta, các người hãy thờ phượng một mình Allah thôi, các người không hề có thần linh nào khác ngoài Ngài. Ta thực sự lo sợ giùm cho các người về sự trừng phạt vào một ngày vĩ đại!”

لَقَدْ أَرْسَلْنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوْمِهِۦ فَقَالَ يَٰقَوْمِ ٱعْبُدُوا۟
ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنْ إِلَٰهٍ غَيْرُهُۥٓ إِنِّىٓ أَخَافُ عَلَيْكُمْ
عَذَابَ يَوْمٍ عَظِيمٍ ٥٩

60. Những tên lãnh đạo và cầm quyền trong đám dân của (Nuh) bảo Y: “Bọn ta thấy ngươi mới thực sự là kẻ lầm lạc.”

قَالَ ٱلْمَلَأُ مِن قَوْمِهِۦٓ إِنَّا لَنَرَىٰكَ فِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ٦٠

61. (Nuh) đáp: “Hỡi người dân của Ta, Ta không phải là kẻ lầm lạc. Ta đích thực chính là Thiên Sứ do Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật cử phái đến.”

قَالَ يَٰقَوْمِ لَيْسَ بِى ضَلَٰلَةٌ وَلَٰكِنِّى رَسُولٌ مِّن رَّبِّ
ٱلْعَٰلَمِينَ ٦١

62. “Ta truyền đạt lại cho các người các thông điệp của Thượng Đế Ta. Ta là người đến khuyên răn các người, bởi lẽ Ta biết từ nơi Allah những điều mà các người không biết.”

أُبَلِّغُكُمۡ رِسَٰلَٰتِ رَبِّي وَأَنصَحُ لَكُمۡ وَأَعۡلَمُ مِنَ ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٦٢

63. “Phải chăng các người ngạc nhiên về việc lời nhắc nhở của Thượng Đế của các người do một người xuất thân từ các người mang đến hầu để các người ngoan đạo và được thương xót ư?!”

أَوَعَجِبۡتُمۡ أَن جَآءَكُمۡ ذِكۡرٞ مِّن رَّبِّكُمۡ عَلَىٰ رَجُلٖ مِّنكُمۡ لِيُنذِرَكُمۡ وَلِتَتَّقُواْ وَلَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ٦٣

64. Người dân (của Nuh) đã phủ nhận Y nên TA đã cứu Y và những ai theo Y trên con tàu. TA đã nhấn chìm những kẻ phủ nhận các dấu hiệu của TA, quả thật họ là đám người mù quáng.

فَكَذَّبُوهُ فَأَنجَيۡنَٰهُ وَٱلَّذِينَ مَعَهُۥ فِي ٱلۡفُلۡكِ وَأَغۡرَقۡنَا ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمًا عَمِينَ ٦٤

65. Về người dân ‘Ad, (TA đã cử) Hud, người anh em của họ đến với họ. (Hud) nói: “Này hỡi dân ta, các người hãy thờ phượng một mình Allah thôi, các người không hề có thần linh nào khác ngoài Ngài. Lẽ nào các người không kính sợ Ngài?”

۞وَإِلَىٰ عَادٍ أَخَاهُمۡ هُودٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥٓۚ أَفَلَا تَتَّقُونَ ٦٥

66. Những tên lãnh đạo và cầm quyền trong đám dân của (Hud) bảo Y: “Bọn ta thấy ngươi là kẻ điên rồ. Bọn ta nghĩ ngươi là một tên nói dối.”

قَالَ ٱلۡمَلَأُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَوۡمِهِۦٓ إِنَّا لَنَرَىٰكَ فِي سَفَاهَةٖ وَإِنَّا لَنَظُنُّكَ مِنَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٦٦

67. (Hud) đáp: “Hỡi người dân của Ta, Ta không phải là kẻ điên rồ. Ta đích thực là Sứ Giả do Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật cử phái đến.”

قَالَ يَٰقَوۡمِ لَيۡسَ بِي سَفَاهَةٞ وَلَٰكِنِّي رَسُولٞ مِّن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦٧

68. “Ta truyền đạt lại cho các người các thông điệp của Thượng Đế Ta. Ta là người khuyên răn chân thành cho các người.”

أُبَلِّغُكُمۡ رِسَٰلَٰتِ رَبِّي وَأَنَا۠ لَكُمۡ نَاصِحٌ أَمِينٌ ٦٨

69. “Phải chăng các người ngạc nhiên về việc lời nhắc nhở của Thượng Đế của các người do một người xuất thân từ các người mang đến cảnh báo các người ư? Các người hãy nhớ lại khi Ngài làm cho các người kế vị sau người dân của Nuh và ban thêm cho các người (ân huệ) qua việc tạo cho các ngươi có dáng vóc to lớn và vạm vỡ. Các người hãy nhớ đến hồng phúc mà Allah đã ban cho các người hi vọng các người là những người thành đạt.”

أَوَعَجِبۡتُمۡ أَن جَآءَكُمۡ ذِكۡرٞ مِّن رَّبِّكُمۡ عَلَىٰ رَجُلٖ مِّنكُمۡ لِيُنذِرَكُمۡۚ وَٱذۡكُرُوٓاْ إِذۡ جَعَلَكُمۡ خُلَفَآءَ مِنۢ بَعۡدِ قَوۡمِ نُوحٖ وَزَادَكُمۡ فِي ٱلۡخَلۡقِ بَصۜۡطَةٗۖ فَٱذۡكُرُوٓاْ ءَالَآءَ ٱللَّهِ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ٦٩

70. (Người dân của Hud) nói: “(Này Hud), ngươi đến là để bảo bọn ta chỉ tôn thờ một mình Allah duy nhất và từ bỏ hết các thần linh mà tổ tiên bọn ta đã tôn thờ trước đây đúng không? Vậy thì ngươi hãy mang đến điều (hình phạt) mà ngươi đã cảnh báo bọn ta xem nào, nếu như ngươi là kẻ nói thật.”

قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا لِنَعۡبُدَ ٱللَّهَ وَحۡدَهُۥ وَنَذَرَ مَا كَانَ يَعۡبُدُ ءَابَآؤُنَا فَأۡتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٧٠

71. (Nuh) nói: “Chắc chắn sự trừng phạt và cơn thịnh nộ của Thượng Đế của các người sẽ giáng xuống các người. Lẽ nào các người lại tranh luận với ta về những cái tên (thần linh) do chính các người và tổ tiên của các người bịa ra chứ Allah không hề ban cho bất cứ thẩm quyền nào? Vậy thì các người hãy chờ xem, Ta cũng sẽ chờ xem cùng với các người.”

قَالَ قَدۡ وَقَعَ عَلَيۡكُم مِّن رَّبِّكُمۡ رِجۡسٞ وَغَضَبٌۖ
أَتُجَٰدِلُونَنِي فِيٓ أَسۡمَآءٖ سَمَّيۡتُمُوهَآ أَنتُمۡ وَءَابَآؤُكُم
مَّا نَزَّلَ ٱللَّهُ بِهَا مِن سُلۡطَٰنٖۚ فَٱنتَظِرُوٓاْ إِنِّي مَعَكُم
مِّنَ ٱلۡمُنتَظِرِينَ ٧١

72. Thế rồi TA đã cứu vớt (Hud) cùng với những ai đi theo Y bằng lòng thương xót nơi TA và TA đã loại bỏ toàn bộ những kẻ đã phủ nhận các dấu hiệu của TA vì chúng đã không có đức tin.

فَأَنجَيۡنَٰهُ وَٱلَّذِينَ مَعَهُۥ بِرَحۡمَةٖ مِّنَّا وَقَطَعۡنَا دَابِرَ
ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَاۖ وَمَا كَانُواْ مُؤۡمِنِينَ ٧٢

73. Về người dân Thamud, (TA đã cử) Saleh, người anh em của họ đến với họ. (Saleh) nói: “Hỡi dân ta, các người hãy thờ phượng một mình Allah thôi, các người không hề có thần linh nào khác ngoài Ngài. Quả thật, một bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của các người đã đến với các người. Đây là con lạc đà cái của Allah, một dấu hiệu dành cho các người. Cho nên, các người hãy để nó được tự do ăn trên đất của Allah và chớ đừng đụng chạm đến nó bằng bất cứ điều xấu nào kẻo các người bị trừng phạt đau đớn.”

وَإِلَىٰ ثَمُودَ أَخَاهُمۡ صَٰلِحٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥۖ قَدۡ جَآءَتۡكُم بَيِّنَةٞ مِّن
رَّبِّكُمۡۖ هَٰذِهِۦ نَاقَةُ ٱللَّهِ لَكُمۡ ءَايَةٗۖ فَذَرُوهَا
تَأۡكُلۡ فِيٓ أَرۡضِ ٱللَّهِۖ وَلَا تَمَسُّوهَا بِسُوٓءٖ
فَيَأۡخُذَكُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٧٣

74. “Các người hãy nhớ lại khi Ngài làm cho các người kế vị sau người dân của ‘Ad và ban cho các người cuộc sống (hưởng thụ) trên trái đất khi các người đào đất làm lâu đài và đục núi làm nhà. Các người hãy nhớ về các hồng ân của Allah và chớ đừng tàn phá trên trái đất.”

وَٱذۡكُرُوٓاْ إِذۡ جَعَلَكُمۡ خُلَفَآءَ مِنۢ بَعۡدِ عَادٖ
وَبَوَّأَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ تَتَّخِذُونَ مِن سُهُولِهَا قُصُورٗا
وَتَنۡحِتُونَ ٱلۡجِبَالَ بُيُوتٗاۖ فَٱذۡكُرُوٓاْ ءَالَآءَ ٱللَّهِ وَلَا
تَعۡثَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُفۡسِدِينَ ٧٤

75. Những tên lãnh đạo và cầm quyền đầy kiêu ngạo trong đám dân của (Saleh) nói với những người yếu thế có đức tin: “Các người có biết chắc Saleh là Sứ Giả được Thượng Đế của Y gửi đến không?” (Những người yếu thế) đáp: “Chúng tôi tin vào điều mà Người mang đến.”

قَالَ ٱلۡمَلَأُ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ مِن قَوۡمِهِۦ لِلَّذِينَ
ٱسۡتُضۡعِفُواْ لِمَنۡ ءَامَنَ مِنۡهُمۡ أَتَعۡلَمُونَ أَنَّ صَٰلِحٗا
مُّرۡسَلٞ مِّن رَّبِّهِۦۚ قَالُوٓاْ إِنَّا بِمَآ أُرۡسِلَ بِهِۦ
مُؤۡمِنُونَ ٧٥

76. Những tên kiêu ngạo kia bảo: “Bọn ta phủ nhận điều mà các người đã tin.”

قَالَ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُوٓاْ إِنَّا بِٱلَّذِيٓ ءَامَنتُم بِهِۦ
كَٰفِرُونَ ٧٦

77. Vì vậy, họ đã sát hại con lạc đà cái bất chấp lệnh cấm của Thượng Đế của họ và (thách thức) bảo: “Này Saleh, ngươi hãy mang đến (hình phạt) mà ngươi đã dọa bọn ta xem nào nếu ngươi thực sự là Sứ Giả.”

فَعَقَرُواْ ٱلنَّاقَةَ وَعَتَوۡاْ عَنۡ أَمۡرِ رَبِّهِمۡ وَقَالُواْ يَٰصَٰلِحُ
ٱئۡتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ إِن كُنتَ مِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٧٧

78. Thế là một trận động đất dữ dội đã bắt phạt họ vào buổi sáng khiến họ trở thành những cái xác trong chính ngôi nhà của họ.

فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلرَّجۡفَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دَارِهِمۡ جَٰثِمِينَ ٧٨

79. Rồi (Saleh) rời bỏ họ, nói: "Này người dân của Ta, quả thật, Ta đã truyền đạt cho các người bức thông điệp của Thượng Đế của Ta và Ta cũng đã khuyên bảo các người, nhưng các người vốn không ưa thích lời khuyên bảo bao giờ."

فَتَوَلَّىٰ عَنۡهُمۡ وَقَالَ يَٰقَوۡمِ لَقَدۡ أَبۡلَغۡتُكُمۡ رِسَالَةَ رَبِّي
وَنَصَحۡتُ لَكُمۡ وَلَٰكِن لَّا تُحِبُّونَ ٱلنَّٰصِحِينَ ٧٩

80. Và Lut, khi Y bảo người dân của mình: "Phải chăng các người làm điều đồi bại mà chưa từng ai trên đời này đã làm trước đây?"

وَلُوطًا إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦٓ أَتَأۡتُونَ ٱلۡفَٰحِشَةَ مَا
سَبَقَكُم بِهَا مِنۡ أَحَدٖ مِّنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٨٠

81. "Các người tìm đến đàn ông để giải tỏa nhục dục thay vì với phụ nữ. Không, các người thực sự là một đám người vượt quá giới hạn."

إِنَّكُمۡ لَتَأۡتُونَ ٱلرِّجَالَ شَهۡوَةٗ مِّن دُونِ ٱلنِّسَآءِۚ بَلۡ
أَنتُمۡ قَوۡمٞ مُّسۡرِفُونَ ٨١

82. Câu trả lời của đám dân của (Lut) không gì khác ngoài lời: "Mọi người hãy trục xuất chúng (Lut và những người có đức tin) ra khỏi thị trấn của các người, bởi chúng là những người muốn giữ mình trong sạch!"

وَمَا كَانَ جَوَابَ قَوۡمِهِۦٓ إِلَّآ أَن قَالُوٓاْ أَخۡرِجُوهُم مِّن
قَرۡيَتِكُمۡۖ إِنَّهُمۡ أُنَاسٞ يَتَطَهَّرُونَ ٨٢

83. Bởi thế, TA đã giải cứu (Lut) và gia đình của Y ngoại trừ vợ của Y. Ả nằm trong đám người bị tiêu diệt kia.

فَأَنجَيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥٓ إِلَّا ٱمۡرَأَتَهُۥ كَانَتۡ مِنَ
ٱلۡغَٰبِرِينَ ٨٣

84. TA đã trừng phạt họ bằng một trận mưa kinh hoàng. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhìn xem hậu quả của đám người tội lỗi đã xảy ra thế nào?

وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهِم مَّطَرٗاۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلۡمُجۡرِمِينَ ٨٤

85. Về người dân Madyan (Madian), (TA đã cử) Shu'aib, người anh em của họ đến với họ. (Shu'aib) nói: "Hỡi người dân của Ta, các người hãy thờ phượng một mình Allah thôi, các người không hề có thần linh nào khác ngoài Ngài. Quả thật, một bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của các người đã đến với các người. Cho nên, các người hãy đong đo cho đúng, cân cho đủ, các người chớ đừng gian lận thiên hạ bất cứ điều gì, và chớ đừng tàn phá trái đất (bằng tội lỗi) sau khi nó đã được lập trật tự. Điều đó tốt nhất cho các người nếu các người là những người có đức tin."

وَإِلَىٰ مَدۡيَنَ أَخَاهُمۡ شُعَيۡبٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥۖ قَدۡ جَآءَتۡكُم بَيِّنَةٞ مِّن
رَّبِّكُمۡۖ فَأَوۡفُواْ ٱلۡكَيۡلَ وَٱلۡمِيزَانَ وَلَا تَبۡخَسُواْ
ٱلنَّاسَ أَشۡيَآءَهُمۡ وَلَا تُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ بَعۡدَ
إِصۡلَٰحِهَاۚ ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٨٥

86. "Các người chớ đừng ngồi trên tất cả các nẻo đường mà hăm dọa (giết chóc) và ngăn chặn con đường chính nghĩa của Allah đối với ai đã tin tưởng, và tìm cách bẻ cong con đường đó (của Ngài). Các người hãy nhớ lại khi trước đây các người (với số lượng) ít ỏi rồi được Ngài gia

وَلَا تَقۡعُدُواْ بِكُلِّ صِرَٰطٖ تُوعِدُونَ وَتَصُدُّونَ عَن
سَبِيلِ ٱللَّهِ مَنۡ ءَامَنَ بِهِۦ وَتَبۡغُونَهَا عِوَجٗاۚ وَٱذۡكُرُوٓاْ

tăng số lượng thêm đông, các người hãy nhìn xem những kẻ tàn phá đã có kết cuộc như thế nào?”

إِذۡ كُنتُمۡ قَلِيلٗا فَكَثَّرَكُمۡۖ وَٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ٨٦

87. “Nếu như một nhóm trong các người đã tin tưởng vào điều mà Ta mang đến và nhóm còn lại thì không tin tưởng thì các người (những người vô đức tin) hãy kiên nhẫn cho đến khi Allah phân xử giữa chúng ta, bởi lẽ Ngài là vị Thẩm Phán Ưu Việt.”

وَإِن كَانَ طَآئِفَةٞ مِّنكُمۡ ءَامَنُواْ بِٱلَّذِيٓ أُرۡسِلۡتُ بِهِۦ وَطَآئِفَةٞ لَّمۡ يُؤۡمِنُواْ فَٱصۡبِرُواْ حَتَّىٰ يَحۡكُمَ ٱللَّهُ بَيۡنَنَاۚ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلۡحَٰكِمِينَ ٨٧

88. Những tên lãnh đạo kiêu căng trong đám dân của Y nói: “Này Shu’aib, chắc chắn bọn ta sẽ đuổi Ngươi và những kẻ có đức tin cùng với Ngươi ra khỏi thị trấn của bọn ta hoặc các ngươi phải trở lại tín ngưỡng của bọn ta.” (Shu’aib) đáp: “Ngay cả khi chúng tôi không thích ư?”

۞قَالَ ٱلۡمَلَأُ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ مِن قَوۡمِهِۦ لَنُخۡرِجَنَّكَ يَٰشُعَيۡبُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَكَ مِن قَرۡيَتِنَآ أَوۡ لَتَعُودُنَّ فِي مِلَّتِنَاۚ قَالَ أَوَلَوۡ كُنَّا كَٰرِهِينَ ٨٨

89. “Chắc chắn chúng tôi (sẽ là những kẻ) đã đặt điều nói dối cho Allah nếu chúng tôi trở lại tín ngưỡng của các người sau khi Allah đã cứu chúng tôi khỏi nó. Chúng tôi không trở lại với nó trừ phi Allah – Thượng Đế của chúng tôi muốn (khác đi). Thượng Đế của chúng tôi có kiến thức bao trùm tất cả mọi thứ, chúng tôi nguyện phó thác cho Ngài. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy phân xử giữa bầy tôi và đám dân của bầy tôi bằng công lý, bởi Ngài là Đấng phân xử ưu việt nhất.”

قَدِ ٱفۡتَرَيۡنَا عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا إِنۡ عُدۡنَا فِي مِلَّتِكُم بَعۡدَ إِذۡ نَجَّىٰنَا ٱللَّهُ مِنۡهَاۚ وَمَا يَكُونُ لَنَآ أَن نَّعُودَ فِيهَآ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ رَبُّنَاۚ وَسِعَ رَبُّنَا كُلَّ شَيۡءٍ عِلۡمًاۚ عَلَى ٱللَّهِ تَوَكَّلۡنَاۚ رَبَّنَا ٱفۡتَحۡ بَيۡنَنَا وَبَيۡنَ قَوۡمِنَا بِٱلۡحَقِّ وَأَنتَ خَيۡرُ ٱلۡفَٰتِحِينَ ٨٩

90. Những tên lãnh đạo vô đức tin trong đám dân của Y nói: “Nếu như các ngươi đi theo Shu’aib thì chắc chắn các ngươi sẽ thất bại.”

وَقَالَ ٱلۡمَلَأُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَوۡمِهِۦ لَئِنِ ٱتَّبَعۡتُمۡ شُعَيۡبًا إِنَّكُمۡ إِذٗا لَّخَٰسِرُونَ ٩٠

91. Thế là một trận động đất kinh hoàng đã bắt lấy chúng khiến chúng trở thành những cái xác trong chính ngôi nhà của chúng.

فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلرَّجۡفَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دَارِهِمۡ جَٰثِمِينَ ٩١

92. Những kẻ đã phủ nhận Shu’aib giống như họ đã chưa từng sống nơi đó bao giờ; những kẻ đã phủ nhận Shu’aib là những kẻ đã thất bại.

ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ شُعَيۡبٗا كَأَن لَّمۡ يَغۡنَوۡاْ فِيهَاۚ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ شُعَيۡبٗا كَانُواْ هُمُ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٩٢

93. Vậy là (Shu’aib) rời bỏ họ ra đi, nói: “Này người dân của Ta! Quả thật, Ta đã truyền đạt cho các người thông điệp của Thượng Đế của Ta và Ta cũng đã khuyên bảo các người. Làm sao Ta có thể đau buồn cho đám người vô đức tin!”

فَتَوَلَّىٰ عَنۡهُمۡ وَقَالَ يَٰقَوۡمِ لَقَدۡ أَبۡلَغۡتُكُمۡ رِسَٰلَٰتِ رَبِّي وَنَصَحۡتُ لَكُمۡۖ فَكَيۡفَ ءَاسَىٰ عَلَىٰ قَوۡمٖ كَٰفِرِينَ ٩٣

94. Không một thị trấn nào (phủ nhận) vị Nabi được TA cử phái đến với họ mà TA lại không bắt dân cư của nó nếm trải đau khổ và bệnh tật, mong là (qua sự việc đó) họ biết hạ mình (thần phục TA).

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا فِي قَرۡيَةٖ مِّن نَّبِيٍّ إِلَّآ أَخَذۡنَآ أَهۡلَهَا
بِٱلۡبَأۡسَآءِ وَٱلضَّرَّآءِ لَعَلَّهُمۡ يَضَّرَّعُونَ ٩٤

95. Rồi TA đã thay điều xấu thành điều tốt đẹp cho đến khi họ được hưng thịnh thì lại nói: “Trước đây tổ tiên của chúng tôi cũng đã từng trải qua gian khổ và sung sướng thế này.” Thế là TA bất ngờ bắt phạt họ trong lúc họ không hay biết.

ثُمَّ بَدَّلۡنَا مَكَانَ ٱلسَّيِّئَةِ ٱلۡحَسَنَةَ حَتَّىٰ عَفَواْ وَّقَالُواْ
قَدۡ مَسَّ ءَابَآءَنَا ٱلضَّرَّآءُ وَٱلسَّرَّآءُ فَأَخَذۡنَٰهُم بَغۡتَةٗ
وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ٩٥

96. Nếu như cư dân của các thị trấn có đức tin và kính sợ (TA) thì chắc chắn TA đã mở ra cho họ các phúc lành từ trời đất. Tuy nhiên, họ đã phủ nhận đức tin nên TA đã bắt phạt họ về những gì mà họ đã làm.

وَلَوۡ أَنَّ أَهۡلَ ٱلۡقُرَىٰٓ ءَامَنُواْ وَٱتَّقَوۡاْ لَفَتَحۡنَا عَلَيۡهِم
بَرَكَٰتٖ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ وَلَٰكِن كَذَّبُواْ
فَأَخَذۡنَٰهُم بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ٩٦

97. Phải chăng cư dân của các thị trấn cảm thấy an toàn khi sự trừng phạt của TA (bất ngờ) chụp bắt họ vào ban đêm lúc họ đang say giấc?!

أَفَأَمِنَ أَهۡلُ ٱلۡقُرَىٰٓ أَن يَأۡتِيَهُم بَأۡسُنَا بَيَٰتٗا وَهُمۡ
نَآئِمُونَ ٩٧

98. Phải chăng họ cảm thấy an toàn khi sự trừng phạt của TA (bất ngờ) túm bắt họ lúc mặt trời lên cao khi họ đang vui chơi?!

أَوَأَمِنَ أَهۡلُ ٱلۡقُرَىٰٓ أَن يَأۡتِيَهُم بَأۡسُنَا ضُحٗى وَهُمۡ
يَلۡعَبُونَ ٩٨

99. Phải chăng họ cảm thấy an toàn trước kế hoạch (trừng phạt bí mật) của Allah?! Không ai cảm thấy an toàn trước kế hoạch của Allah ngoại trừ đám người thua thiệt.

أَفَأَمِنُواْ مَكۡرَ ٱللَّهِۚ فَلَا يَأۡمَنُ مَكۡرَ ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡقَوۡمُ
ٱلۡخَٰسِرُونَ ٩٩

100. Lẽ nào không là bài học cho những kẻ thừa kế trái đất sau khi cư dân (của các thị trấn trước đây đã bị tiêu diệt)? Nếu muốn, TA có thể tiêu diệt chúng bởi tội lỗi của chúng, TA có thể niêm kín con tim của chúng để chúng không nghe được (chân lý).

أَوَلَمۡ يَهۡدِ لِلَّذِينَ يَرِثُونَ ٱلۡأَرۡضَ مِنۢ بَعۡدِ أَهۡلِهَآ أَن
لَّوۡ نَشَآءُ أَصَبۡنَٰهُم بِذُنُوبِهِمۡۚ وَنَطۡبَعُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ
فَهُمۡ لَا يَسۡمَعُونَ ١٠٠

101. Đó là những thị trấn (của Nuh, Hud, Saleh, Lut, Shu’aib) mà TA đã kể cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) về thông tin của họ. Quả thật, các Sứ Giả xuất thân từ họ đã đến gặp họ với bằng chứng rõ ràng nhưng họ đã không có đức tin nơi những điều mà họ đã phủ nhận trước đó. Như thế đó, Allah đã niêm kín con tim của đám người vô đức tin.

تِلۡكَ ٱلۡقُرَىٰ نَقُصُّ عَلَيۡكَ مِنۡ أَنۢبَآئِهَاۚ وَلَقَدۡ
جَآءَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَمَا كَانُواْ لِيُؤۡمِنُواْ بِمَا
كَذَّبُواْ مِن قَبۡلُۚ كَذَٰلِكَ يَطۡبَعُ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِ
ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٠١

102. TA không thấy đa số bọn họ giữ đúng giao ước mà TA chỉ thấy đa số bọn họ là những kẻ dấy loạn, bất tuân.

وَمَا وَجَدۡنَا لِأَكۡثَرِهِم مِّنۡ عَهۡدٖۖ وَإِن وَجَدۡنَآ
أَكۡثَرَهُمۡ لَفَٰسِقِينَ ١٠٢

103. Rồi sau bọn họ, TA đã phái Musa mang những phép lạ của TA đến gặp Pha-ra-ông và quần thần của hắn nhưng chúng đã phủ nhận các phép lạ đó. Thế nên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy xem hậu quả của những kẻ đại nghịch đã xảy ra thế nào!

ثُمَّ بَعَثۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِم مُّوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ
وَمَلَإِيْهِۦ فَظَلَمُواْ بِهَاۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلۡمُفۡسِدِينَ ١٠٣

104. Musa nói: “Hỡi Pha-ra-ông, quả thật Ta chính là Sứ Giả của Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.”

وَقَالَ مُوسَىٰ يَٰفِرۡعَوۡنُ إِنِّي رَسُولٞ مِّن رَّبِّ
ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٠٤

105. “Ta chỉ được phép nói sự thật về Allah. Quả thật, Ta mang đến cho quí ngài bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của quí ngài, vì vậy, hãy cho người dân Israel đi theo Ta.”

حَقِيقٌ عَلَىٰٓ أَن لَّآ أَقُولَ عَلَى ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡحَقَّۚ قَدۡ
جِئۡتُكُم بِبَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّكُمۡ فَأَرۡسِلۡ مَعِيَ بَنِيٓ
إِسۡرَٰٓءِيلَ ١٠٥

106. (Pha-ra-ông) bảo: “Nếu Ngươi mang đến một dấu hiệu lạ thì Ngươi hãy trưng bày nó ra xem nếu Ngươi nói thật!”

قَالَ إِن كُنتَ جِئۡتَ بِـَٔايَةٖ فَأۡتِ بِهَآ إِن كُنتَ مِنَ
ٱلصَّٰدِقِينَ ١٠٦

107. Thế là (Musa) ném chiếc gậy của Y xuống, nó lập tức biến thành một con rắn thực sự.

فَأَلۡقَىٰ عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ ثُعۡبَانٞ مُّبِينٞ ١٠٧

108. Và khi Y rút bàn tay của Y ra (sau khi áp nó bên sườn trong chiếc áo), nó trở nên trắng sáng trước mặt những người chứng kiến.

وَنَزَعَ يَدَهُۥ فَإِذَا هِيَ بَيۡضَآءُ لِلنَّٰظِرِينَ ١٠٨

109. Các quần thần của Pha-ra-ông lên tiếng bảo: “Rõ ràng tên này là một phù thủy tài giỏi.”

قَالَ ٱلۡمَلَأُ مِن قَوۡمِ فِرۡعَوۡنَ إِنَّ هَٰذَا لَسَٰحِرٌ
عَلِيمٞ ١٠٩

110. “Hắn muốn đuổi quí ngài ra khỏi lãnh thổ của quí ngài.” (Pha-ra-ông bảo:) “Vậy các khanh có ý xử trí hắn ra sao?”

يُرِيدُ أَن يُخۡرِجَكُم مِّنۡ أَرۡضِكُمۡۖ فَمَاذَا
تَأۡمُرُونَ ١١٠

111. (Các quần thần của Pha-ra-ông) thưa: “Hãy tạm tha cho hắn và người anh em của hắn, hãy cho người cáo thị tập hợp các pháp sư trong các thành phố lại.”

قَالُوٓاْ أَرۡجِهۡ وَأَخَاهُ وَأَرۡسِلۡ فِي ٱلۡمَدَآئِنِ حَٰشِرِينَ ١١١

112. “Tất cả những nhà phù thủy tài giỏi sẽ đến trình diện bệ hạ.”

يَأۡتُوكَ بِكُلِّ سَٰحِرٍ عَلِيمٖ ١١٢

113. (Thế là) các phù thủy đến trình diện Pha-ra-ông, tâu: “Nếu chúng thần thắng thì chúng thần có được ban thưởng không?”

وَجَآءَ ٱلسَّحَرَةُ فِرۡعَوۡنَ قَالُوٓاْ إِنَّ لَنَا لَأَجۡرًا إِن كُنَّا
نَحۡنُ ٱلۡغَٰلِبِينَ ١١٣

114. (Pha-ra-ông) bảo: “Chắc chắn có, nhất định lúc đó các ngươi sẽ trở thành các cận thần của ta.”

قَالَ نَعَمْ وَإِنَّكُمْ لَمِنَ ٱلْمُقَرَّبِينَ ١١٤

115. Các nhà phù thủy nói: “Này Musa! Ngươi ném (bửu bối của Ngươi) xuống trước hay bọn ta sẽ là những người ném xuống trước”.

قَالُواْ يَٰمُوسَىٰٓ إِمَّآ أَن تُلْقِيَ وَإِمَّآ أَن نَّكُونَ نَحْنُ
ٱلْمُلْقِينَ ١١٥

116. (Musa) bảo: “Các người hãy ném xuống trước!” Thế là những tên phù thủy ném bửu bối của mình xuống. (Với trò ảo thuật), họ đã làm hoa mắt và gây ra nỗi sợ hãi cho mọi người. Họ thực sự đã mang đến một trò ảo thuật vĩ đại.

قَالَ أَلْقُواْۖ فَلَمَّآ أَلْقَوْاْ سَحَرُوٓاْ أَعْيُنَ ٱلنَّاسِ
وَٱسْتَرْهَبُوهُمْ وَجَآءُو بِسِحْرٍ عَظِيمٖ ١١٦

117. Rồi TA đã mặc khải cho Musa: “Hãy ném cây gậy của Ngươi xuống!” (Musa ném cây gậy của Y xuống), ngay lập tức, nó nuốt chửng toàn bộ những gì mà (các nhà phù thủy) đang làm giả.

*وَأَوْحَيْنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنْ أَلْقِ عَصَاكَۖ فَإِذَا هِيَ
تَلْقَفُ مَا يَأْفِكُونَ ١١٧

118. Sự thật đã được thiết lập, mọi thứ mà họ đã làm giả trở nên vô hiệu.

فَوَقَعَ ٱلْحَقُّ وَبَطَلَ مَا كَانُواْ يَعْمَلُونَ ١١٨

119. Vậy là chúng (Pha-ra-ông và quần thần của hắn) đã thua cuộc và bị xem thường.

فَغُلِبُواْ هُنَالِكَ وَٱنقَلَبُواْ صَٰغِرِينَ ١١٩

120. Các nhà phù thủy đã quỳ xuống phủ phục (khi chứng kiến sự thật).

وَأُلْقِيَ ٱلسَّحَرَةُ سَٰجِدِينَ ١٢٠

121. Họ nói: “Chúng tôi đã có đức tin nơi Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.”

قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِرَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ١٢١

122. “Thượng Đế của Musa và Harun.”

رَبِّ مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ١٢٢

123. Pha-ra-ông (tức giận) quát: “Các ngươi dám có đức tin nơi hắn (Musa) trước khi ta cho phép các ngươi ư? Rõ ràng đây là âm mưu mà các ngươi đã thông đồng với nhau trong thành phố hầu trục xuất cư dân của nó đi nơi khác. Các ngươi sẽ sớm biết (hậu quả việc làm này của các ngươi).”

قَالَ فِرْعَوْنُ ءَامَنتُم بِهِۦ قَبْلَ أَنْ ءَاذَنَ لَكُمْۖ إِنَّ
هَٰذَا لَمَكْرٞ مَّكَرْتُمُوهُ فِي ٱلْمَدِينَةِ لِتُخْرِجُواْ مِنْهَآ
أَهْلَهَاۖ فَسَوْفَ تَعْلَمُونَ ١٢٣

124. “Ta chắc chắn sẽ chặt tay này và chân kia của các ngươi, rồi ta chắc chắn sẽ đóng đinh toàn bộ các ngươi trên thập tự giá.”

لَأُقَطِّعَنَّ أَيْدِيَكُمْ وَأَرْجُلَكُم مِّنْ خِلَٰفٖ ثُمَّ
لَأُصَلِّبَنَّكُمْ أَجْمَعِينَ ١٢٤

125. (Các nhà phù thủy) trả lời (Pha-ra-ông): “Dù gì chúng tôi cũng sẽ trở về trình diện Thượng Đế của chúng tôi, (cho nên, chúng tôi không quan tâm việc ngài sẽ làm gì chúng tôi).”

قَالُوٓاْ إِنَّآ إِلَىٰ رَبِّنَا مُنقَلِبُونَ ١٢٥

126. “Ngài không oán giận chúng tôi ngoại trừ vì chúng tôi đã có đức tin nơi các dấu hiệu của Thượng Đế chúng tôi khi chúng đến với chúng tôi. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài xối lên bầy tôi sự kiên nhẫn và xin hãy để bầy tôi chết như những tín đồ Muslim.”

وَمَا تَنقِمُ مِنَّآ إِلَّآ أَنۡ ءَامَنَّا بِـَٔايَٰتِ رَبِّنَا لَمَّا جَآءَتۡنَاۚ
رَبَّنَآ أَفۡرِغۡ عَلَيۡنَا صَبۡرٗا وَتَوَفَّنَا مُسۡلِمِينَ ١٢٦

127. Đám quần thần của Pha-ra-ông lên tiếng nói: “Lẽ nào bệ hạ để mặc Musa và đám dân của Y tự do làm loạn trong xứ và ruồng bỏ bệ hạ cũng như thần linh của bệ hạ?” (Pha-ra-ông) nói: “Ta sẽ giết con trai của chúng và tha mạng cho phụ nữ của chúng (để làm nô lệ cho ta), chắc chắn ta đây luôn có quyền lực bên trên bọn chúng.”

وَقَالَ ٱلۡمَلَأُ مِن قَوۡمِ فِرۡعَوۡنَ أَتَذَرُ مُوسَىٰ وَقَوۡمَهُۥ
لِيُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَيَذَرَكَ وَءَالِهَتَكَۚ قَالَ سَنُقَتِّلُ
أَبۡنَآءَهُمۡ وَنَسۡتَحۡيِۦ نِسَآءَهُمۡ وَإِنَّا فَوۡقَهُمۡ قَٰهِرُونَ ١٢٧

128. Musa nói với người dân của mình: “Mọi người hãy cầu cứu Allah và hãy kiên nhẫn. Quả thật, trái đất này là của Allah, Ngài muốn ban quyền thừa kế cho ai trong đám bầy tôi của Ngài là tùy ý Ngài; và kết cuộc (tốt đẹp) sẽ thuộc về những người ngoan đạo (sợ Allah).”

قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِ ٱسۡتَعِينُواْ بِٱللَّهِ وَٱصۡبِرُوٓاْۖ إِنَّ
ٱلۡأَرۡضَ لِلَّهِ يُورِثُهَا مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۖ وَٱلۡعَٰقِبَةُ
لِلۡمُتَّقِينَ ١٢٨

129. (Người dân thưa với Musa) nói: “Chúng tôi bị đàn áp trước và sau khi Người đến.” (Musa) nói: “Có lẽ, Thượng Đế của các người sẽ tiêu diệt kẻ thù của các người và cho các người nối nghiệp họ trên vùng đất này, và Ngài muốn xem các người sẽ hành động như thế nào (tri ân hay vong ơn Ngài).”

قَالُوٓاْ أُوذِينَا مِن قَبۡلِ أَن تَأۡتِيَنَا وَمِنۢ بَعۡدِ مَا جِئۡتَنَاۚ
قَالَ عَسَىٰ رَبُّكُمۡ أَن يُهۡلِكَ عَدُوَّكُمۡ
وَيَسۡتَخۡلِفَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرَ كَيۡفَ
تَعۡمَلُونَ ١٢٩

130. Quả thật, TA đã trừng phạt đám thuộc hạ của Pha-ra-ông bằng những năm hạn hán và mất mùa, mong là qua đó họ biết lưu tâm (mà tỉnh ngộ).

وَلَقَدۡ أَخَذۡنَآ ءَالَ فِرۡعَوۡنَ بِٱلسِّنِينَ وَنَقۡصٖ مِّنَ
ٱلثَّمَرَٰتِ لَعَلَّهُمۡ يَذَّكَّرُونَ ١٣٠

131. (Đám thuộc hạ của Pha-ra-ông), khi gặp được điều tốt lành, chúng bảo: “Đây là phần mà chúng tôi đáng có”, còn khi gặp phải điều xấu, chúng lại đổ lỗi cho Musa và những ai theo Y đã mang đến điều xui xẻo. Quả thật, những điều xui xẻo mà chúng gặp phải đều do Allah an bài nhưng đa số bọn chúng không biết.

فَإِذَا جَآءَتۡهُمُ ٱلۡحَسَنَةُ قَالُواْ لَنَا هَٰذِهِۦۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ
سَيِّئَةٞ يَطَّيَّرُواْ بِمُوسَىٰ وَمَن مَّعَهُۥٓۗ أَلَآ إِنَّمَا طَٰٓئِرُهُمۡ
عِندَ ٱللَّهِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ١٣١

132. (Đám quần thần của Pha-ra-ông) nói với (Musa): “Cho dù ngươi có mang đến bất cứ phép lạ nào để làm mê hoặc bọn ta thì bọn ta cũng không có đức tin nơi Ngươi.”

وَقَالُواْ مَهۡمَا تَأۡتِنَا بِهِۦ مِنۡ ءَايَةٖ لِّتَسۡحَرَنَا بِهَا فَمَا
نَحۡنُ لَكَ بِمُؤۡمِنِينَ ١٣٢

133. Vì vậy, TA (Allah) đã gởi xuống bọn chúng lũ lụt, châu chấu, chấy (rận), cóc và máu (trừng phạt bọn chúng). (Tất cả đều là) các dấu hiệu rõ ràng, từng nạn kiếp tiếp nối nhau (xảy đến với chúng), tuy nhiên, chúng vẫn kiêu căng, ngạo mạn và chúng là đám người tội lỗi.

فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمُ ٱلطُّوفَانَ وَٱلۡجَرَادَ وَٱلۡقُمَّلَ
وَٱلضَّفَادِعَ وَٱلدَّمَ ءَايَٰتٖ مُّفَصَّلَٰتٖ فَٱسۡتَكۡبَرُواْ
وَكَانُواْ قَوۡمٗا مُّجۡرِمِينَ ١٣٣

134. Cứ mỗi khi đối diện với hình phạt thì chúng (liền hạ mình nài nỉ Musa) nói: “Này Musa, ngươi hãy khẩn cầu Thượng Đế của ngươi cho bọn ta qua những gì mà Ngài đã hứa với ngươi. Nếu ngươi giải được kiếp nạn này cho bọn ta, chắc chắn bọn ta sẽ có đức tin nơi ngươi và chắc chắn bọn ta sẽ để cho dân Israel ra đi theo ngươi.”

وَلَمَّا وَقَعَ عَلَيۡهِمُ ٱلرِّجۡزُ قَالُواْ يَٰمُوسَى ٱدۡعُ لَنَا رَبَّكَ
بِمَا عَهِدَ عِندَكَۖ لَئِن كَشَفۡتَ عَنَّا ٱلرِّجۡزَ لَنُؤۡمِنَنَّ
لَكَ وَلَنُرۡسِلَنَّ مَعَكَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ١٣٤

135. Nhưng sau khi TA (Allah) gỡ bỏ hình phạt khỏi chúng đến một thời hạn khác thì ngay lập tức chúng lật lọng (lời đã hứa).

فَلَمَّا كَشَفۡنَا عَنۡهُمُ ٱلرِّجۡزَ إِلَىٰٓ أَجَلٍ هُم بَٰلِغُوهُ إِذَا
هُمۡ يَنكُثُونَ ١٣٥

136. Do đó, TA đã trừng phạt một số bọn chúng bằng cách nhấn chìm chúng trong biển (hồng hải) bởi chúng đã phủ nhận các dấu hiệu của TA và chúng là đám người thờ ơ (với chân lý).

فَٱنتَقَمۡنَا مِنۡهُمۡ فَأَغۡرَقۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡيَمِّ بِأَنَّهُمۡ كَذَّبُواْ
بِـَٔايَٰتِنَا وَكَانُواْ عَنۡهَا غَٰفِلِينَ ١٣٦

137. Rồi TA cho đám người yếu thế thừa kế vùng đất (Sham) nơi mà từ đông sang tây đều được TA ban phúc. Lời tốt đẹp mà Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã hứa với dân Israel do bởi họ đã kiên nhẫn chịu đựng đã được hoàn thành. Và TA đã phá tan bao công trình mà Pha-ra-ông và đám thuộc hạ của hắn đã xây cất và gầy dựng.

وَأَوۡرَثۡنَا ٱلۡقَوۡمَ ٱلَّذِينَ كَانُواْ يُسۡتَضۡعَفُونَ مَشَٰرِقَ
ٱلۡأَرۡضِ وَمَغَٰرِبَهَا ٱلَّتِي بَٰرَكۡنَا فِيهَاۖ وَتَمَّتۡ كَلِمَتُ
رَبِّكَ ٱلۡحُسۡنَىٰ عَلَىٰ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ بِمَا صَبَرُواْۖ وَدَمَّرۡنَا
مَا كَانَ يَصۡنَعُ فِرۡعَوۡنُ وَقَوۡمُهُۥ وَمَا كَانُواْ
يَعۡرِشُونَ ١٣٧

138. TA đã cho dân Israel bình an băng qua biển (hồng hải). Sau đó, họ đi ngang qua một đám người đang thờ phượng các bục tượng (thần linh), họ bảo: “Này Musa, xin Người hãy tạo cho chúng tôi một thần linh (để chúng tôi có thần linh) giống như họ.” (Musa) đáp: “Các ngươi thật đúng là đám người ngu muội!”

وَجَٰوَزۡنَا بِبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱلۡبَحۡرَ فَأَتَوۡاْ عَلَىٰ قَوۡمٖ
يَعۡكُفُونَ عَلَىٰٓ أَصۡنَامٖ لَّهُمۡۚ قَالُواْ يَٰمُوسَى ٱجۡعَل لَّنَآ
إِلَٰهٗا كَمَا لَهُمۡ ءَالِهَةٞۚ قَالَ إِنَّكُمۡ قَوۡمٞ تَجۡهَلُونَ ١٣٨

139. Quả thật, (những kẻ thờ phượng các bục tượng) này sẽ bị hủy diệt về điều chúng đang làm, và mọi việc làm của chúng là thứ vô giá trị.

إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ مُتَبَّرٞ مَّا هُمۡ فِيهِ وَبَٰطِلٞ مَّا كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ١٣٩

140. (Musa) nói với (người dân Israel): “Lẽ nào Ta lại chọn cho các ngươi một thần linh khác ngoài Allah trong khi Ngài đã ban hồng phúc cho các ngươi hơn thiên hạ?!”

قَالَ أَغَيۡرَ ٱللَّهِ أَبۡغِيكُمۡ إِلَٰهٗا وَهُوَ فَضَّلَكُمۡ عَلَى
ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٤٠

141. (Các ngươi hãy nhớ lại) việc TA đã giải cứu các ngươi khỏi đám quân lính của Pha-ra-ông, họ đã đàn áp các ngươi bằng cực hình man rợ, họ đã tàn sát con trai của các ngươi và tha cho con gái của các ngươi. Trong sự việc đó là sự thử thách to lớn từ Thượng Đế của các ngươi dành cho các ngươi.

وَإِذۡ أَنجَيۡنَٰكُم مِّنۡ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ يَسُومُونَكُمۡ سُوٓءَ
ٱلۡعَذَابِ يُقَتِّلُونَ أَبۡنَآءَكُمۡ وَيَسۡتَحۡيُونَ نِسَآءَكُمۡۚ
وَفِي ذَٰلِكُم بَلَآءٞ مِّن رَّبِّكُمۡ عَظِيمٞ ١٤١

142. TA (Allah) đã hẹn gặp Musa trong ba mươi đêm (tại núi Sinai) và TA đã gia hạn thêm mười đêm. Vì vậy, thời hạn (cho cuộc gặp gỡ) của Thượng Đế của Y được hoàn thành trong bốn mươi đêm. (Trước khi đi) Musa đã căn dặn Harun, người anh (em) của mình: "Hãy thay ta quản lý người dân của ta, hãy chấn chỉnh và cải thiện họ và chớ đừng đi theo những kẻ thối nát."

۞وَوَٰعَدۡنَا مُوسَىٰ ثَلَٰثِينَ لَيۡلَةٗ وَأَتۡمَمۡنَٰهَا بِعَشۡرٖ فَتَمَّ مِيقَٰتُ رَبِّهِۦٓ أَرۡبَعِينَ لَيۡلَةٗۚ وَقَالَ مُوسَىٰ لِأَخِيهِ هَٰرُونَ ٱخۡلُفۡنِي فِي قَوۡمِي وَأَصۡلِحۡ وَلَا تَتَّبِعۡ سَبِيلَ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ١٤٢

143. Khi Musa đến điểm hẹn gặp TA và Thượng Đế của Y tiếp chuyện với Y. (Musa) đã khẩn cầu: "Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài cho bề tôi được nhìn thấy Ngài." (Allah) phán: "Ngươi không thể nào nhìn thấy được TA. Tuy nhiên, Ngươi hãy nhìn vào ngọn núi kia, nếu như nó vẫn còn nguyên vẹn tại vị trí của nó thì lúc đó Ngươi sẽ nhìn thấy được TA." Nhưng khi Thượng Đế của Y hiện ra, ngọn núi liền vỡ tan (do ánh sáng của Ngài) còn Musa thì té xuống bất tỉnh. Sau khi tỉnh lại, (Musa) liền nói: "Quang Vinh và Tối Cao thay Ngài, bề tôi xin sám hối với Ngài và bề tôi là người đầu tiên có đức tin (nơi Ngài)."

وَلَمَّا جَآءَ مُوسَىٰ لِمِيقَٰتِنَا وَكَلَّمَهُۥ رَبُّهُۥ قَالَ رَبِّ أَرِنِيٓ أَنظُرۡ إِلَيۡكَۚ قَالَ لَن تَرَىٰنِي وَلَٰكِنِ ٱنظُرۡ إِلَى ٱلۡجَبَلِ فَإِنِ ٱسۡتَقَرَّ مَكَانَهُۥ فَسَوۡفَ تَرَىٰنِيۚ فَلَمَّا تَجَلَّىٰ رَبُّهُۥ لِلۡجَبَلِ جَعَلَهُۥ دَكّٗا وَخَرَّ مُوسَىٰ صَعِقٗاۚ فَلَمَّآ أَفَاقَ قَالَ سُبۡحَٰنَكَ تُبۡتُ إِلَيۡكَ وَأَنَا۠ أَوَّلُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٤٣

144. (Allah) phán: "Này Musa, quả thật, TA đã chọn Ngươi (và ban hồng phúc cho Ngươi) hơn ai khác trong nhân loại qua Bức Thông Điệp và Lời Phán của TA. Cho nên, Ngươi hãy nhận lấy điều mà TA đã ban cho Ngươi và Ngươi hãy là người biết tri ân."

قَالَ يَٰمُوسَىٰٓ إِنِّي ٱصۡطَفَيۡتُكَ عَلَى ٱلنَّاسِ بِرِسَٰلَٰتِي وَبِكَلَٰمِي فَخُذۡ مَآ ءَاتَيۡتُكَ وَكُن مِّنَ ٱلشَّٰكِرِينَ ١٤٤

145. TA đã ghi cho (Musa) trên những tấm (gỗ, đá) những lời răn và chi tiết về mọi thứ. (TA phán bảo Musa): "Ngươi hãy nhận lấy (những lời răn này) bằng tất cả sức mạnh của Ngươi, và Ngươi hãy ra lệnh cho người dân của Ngươi tận dụng những lời răn tốt nhất, (rồi) TA sẽ cho Ngươi thấy ngôi nhà của những kẻ bất tuân."

وَكَتَبۡنَا لَهُۥ فِي ٱلۡأَلۡوَاحِ مِن كُلِّ شَيۡءٖ مَّوۡعِظَةٗ وَتَفۡصِيلٗا لِّكُلِّ شَيۡءٖ فَخُذۡهَا بِقُوَّةٖ وَأۡمُرۡ قَوۡمَكَ يَأۡخُذُواْ بِأَحۡسَنِهَاۚ سَأُوْرِيكُمۡ دَارَ ٱلۡفَٰسِقِينَ ١٤٥

146. TA sẽ khiến cho những kẻ kiêu căng, ngạo mạn bất chấp lẽ phải trên trái đất quay lưng với các dấu hiệu của TA. Nếu chúng nhìn thấy bất kỳ dấu hiệu nào, chúng cũng không có đức tin; nếu chúng nhìn thấy con đường chân lý, chúng sẽ không lấy đó làm con đường (đúng đắn để đi); nhưng nếu chúng nhìn thấy con đường lệch lạc, chúng sẽ lấy đó làm con đường (như một lối đi tốt đẹp). Sở dĩ như thế là bởi vì chúng đã phủ nhận các dấu hiệu của TA và đã thường thờ ơ và tỏ ra lơ là.

سَأَصۡرِفُ عَنۡ ءَايَٰتِيَ ٱلَّذِينَ يَتَكَبَّرُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَإِن يَرَوۡاْ كُلَّ ءَايَةٖ لَّا يُؤۡمِنُواْ بِهَا وَإِن يَرَوۡاْ سَبِيلَ ٱلرُّشۡدِ لَا يَتَّخِذُوهُ سَبِيلٗا وَإِن يَرَوۡاْ سَبِيلَ ٱلۡغَيِّ يَتَّخِذُوهُ سَبِيلٗاۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَكَانُواْ عَنۡهَا غَٰفِلِينَ ١٤٦

147. Những kẻ đã phủ nhận các dấu hiệu của TA cũng như cuộc gặp gỡ (TA) ở Đời Sau thì mọi việc làm (tốt đẹp) của chúng đều không có giá trị. Chắc chắn chúng sẽ được đền đáp đúng với những gì chúng đã làm!

وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَلِقَآءِ ٱلۡأٓخِرَةِ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡۚ هَلۡ يُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٤٧

148. Và người dân của Musa, sau khi Y (rời đi trình diện Allah), đã làm ra từ đồ trang sức của họ một con bê có thân hình (rỗng bên trong) phát ra được âm thanh (như tiếng rống của bò). Lẽ nào họ không nhận thức được (con bê đó) không thể nói chuyện với họ và cũng không thể hướng dẫn họ đến con đường (chính đạo)?! Họ đã lấy (con bê đó làm thần linh của họ) và thế là họ đã trở thành những kẻ làm điều sai quấy.

وَٱتَّخَذَ قَوۡمُ مُوسَىٰ مِنۢ بَعۡدِهِۦ مِنۡ حُلِيِّهِمۡ عِجۡلٗا
جَسَدٗا لَّهُۥ خُوَارٌۚ أَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّهُۥ لَا يُكَلِّمُهُمۡ وَلَا
يَهۡدِيهِمۡ سَبِيلًاۘ ٱتَّخَذُوهُ وَكَانُواْ ظَٰلِمِينَ ١٤٨

149. Khi họ hối hận về việc đã làm và thấy rằng mình đã đi lạc, họ nói: “Nếu như Thượng Đế của bầy tôi không thương xót bầy tôi và tha thứ cho bầy tôi thì chắc chắn bầy tôi sẽ nằm trong số những kẻ thua thiệt.”

وَلَمَّا سُقِطَ فِيٓ أَيۡدِيهِمۡ وَرَأَوۡاْ أَنَّهُمۡ قَدۡ ضَلُّواْ قَالُواْ
لَئِن لَّمۡ يَرۡحَمۡنَا رَبُّنَا وَيَغۡفِرۡ لَنَا لَنَكُونَنَّ مِنَ
ٱلۡخَٰسِرِينَ ١٤٩

150. Khi Musa trở về với người dân của mình, tức giận và đau buồn, nói: “Thật tồi tệ cho việc các người đã nghịch lại Ta sau khi Ta rời đi khỏi các người, sao các người lại nôn nóng về mệnh lệnh của Thượng Đế của các người chứ?” Rồi (Musa) ném các tấm (ghi các lời răn) xuống và nắm lấy đầu của người anh (em) của Y kéo lại gần mình. (Harun) nói: “Này con trai của mẹ ta, người dân quả thật đã đàn áp ta và suýt giết ta, cho nên, chớ đừng trách phạt ta làm kẻ thù vui mừng và chớ đừng liệt ta vào đám người sai trái kia.”

وَلَمَّا رَجَعَ مُوسَىٰٓ إِلَىٰ قَوۡمِهِۦ غَضۡبَٰنَ أَسِفٗا قَالَ
بِئۡسَمَا خَلَفۡتُمُونِي مِنۢ بَعۡدِيٓۖ أَعَجِلۡتُمۡ أَمۡرَ رَبِّكُمۡۖ
وَأَلۡقَى ٱلۡأَلۡوَاحَ وَأَخَذَ بِرَأۡسِ أَخِيهِ يَجُرُّهُۥٓ إِلَيۡهِۚ قَالَ
ٱبۡنَ أُمَّ إِنَّ ٱلۡقَوۡمَ ٱسۡتَضۡعَفُونِي وَكَادُواْ يَقۡتُلُونَنِي فَلَا
تُشۡمِتۡ بِيَ ٱلۡأَعۡدَآءَ وَلَا تَجۡعَلۡنِي مَعَ ٱلۡقَوۡمِ
ٱلظَّٰلِمِينَ ١٥٠

151. (Musa) cầu nguyện (Allah): “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài hãy tha thứ cho bề tôi và người anh (em) của bề tôi, xin Ngài hãy thương xót bầy tôi bởi Ngài là Đấng có lòng thương xót nhất.”

قَالَ رَبِّ ٱغۡفِرۡ لِي وَلِأَخِي وَأَدۡخِلۡنَا فِي رَحۡمَتِكَۖ
وَأَنتَ أَرۡحَمُ ٱلرَّٰحِمِينَ ١٥١

152. Những kẻ đã lấy con bê (làm thần linh) chắc chắn sẽ phải gánh chịu cơn thịnh nộ của Thượng Đế của chúng và chắc chắn sẽ bị hạ nhục trong cuộc sống trần gian này. TA trừng phạt những kẻ bịa đặt điều gian dối đúng như thế.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ ٱلۡعِجۡلَ سَيَنَالُهُمۡ غَضَبٞ مِّن رَّبِّهِمۡ
وَذِلَّةٞ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۚ وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُفۡتَرِينَ ١٥٢

153. Riêng những ai đã làm điều tội lỗi rồi quay đầu sám hối sau đó và có đức tin (thì họ sẽ thấy) Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

وَٱلَّذِينَ عَمِلُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ ثُمَّ تَابُواْ مِنۢ بَعۡدِهَا
وَءَامَنُوٓاْ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعۡدِهَا لَغَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٥٣

154. Rồi khi cơn giận đã nguôi ngoai, Musa nhặt lại các tấm (ghi các lời răn), và trong các tấm (ghi các lời răn) đó có sự hướng dẫn và hồng phúc cho những người kính sợ Thượng Đế của họ.

وَلَمَّا سَكَتَ عَن مُّوسَى ٱلۡغَضَبُ أَخَذَ ٱلۡأَلۡوَاحَۖ وَفِي
نُسۡخَتِهَا هُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّلَّذِينَ هُمۡ لِرَبِّهِمۡ يَرۡهَبُونَ ١٥٤

155. Musa đã lựa chọn bảy mươi người trong số người dân của Y đưa chúng đến chỗ hẹn của TA.(3) Rồi khi trận động đất bắt phạt chúng. (Musa) cầu nguyện: “Lạy

وَٱخۡتَارَ مُوسَىٰ قَوۡمَهُۥ سَبۡعِينَ رَجُلٗا لِّمِيقَٰتِنَاۖ فَلَمَّآ
أَخَذَتۡهُمُ ٱلرَّجۡفَةُ قَالَ رَبِّ لَوۡ شِئۡتَ أَهۡلَكۡتَهُم مِّن

قَبْلُ وَإِيَّٰيَ أَتُهْلِكُنَا بِمَا فَعَلَ ٱلسُّفَهَآءُ مِنَّآ إِنْ هِيَ
إِلَّا فِتْنَتُكَ تُضِلُّ بِهَا مَن تَشَآءُ وَتَهْدِي مَن تَشَآءُ
أَنتَ وَلِيُّنَا فَٱغْفِرْ لَنَا وَٱرْحَمْنَا وَأَنتَ خَيْرُ
ٱلْغَٰفِرِينَ ١٥٥

Thượng Đế của bề tôi, nếu muốn Ngài có thể đã tiêu diệt họ và cả bề tôi trước khi đến đây. Lẽ nào Ngài lại tiêu diệt bầy tôi bởi hành động của những kẻ ngu ngốc trong bầy tôi? Chẳng qua đó chỉ là sự thử thách mà Ngài đã dùng nó để làm lạc đường kẻ nào Ngài muốn và hướng dẫn ai đi đúng đường Ngài muốn. Ngài là Đấng Bảo Hộ của bầy tôi, xin Ngài hãy tha thứ cho bầy tôi và thương xót bầy tôi, bởi Ngài là Đấng Tha Thứ tốt nhất!”[1]

۞وَٱكْتُبْ لَنَا فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنْيَا حَسَنَةً وَفِي ٱلْأٓخِرَةِ
إِنَّا هُدْنَآ إِلَيْكَ قَالَ عَذَابِيٓ أُصِيبُ بِهِۦ مَنْ أَشَآءُ
وَرَحْمَتِي وَسِعَتْ كُلَّ شَيْءٍ فَسَأَكْتُبُهَا لِلَّذِينَ
يَتَّقُونَ وَيُؤْتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَٱلَّذِينَ هُم بِـَٔايَٰتِنَا
يُؤْمِنُونَ ١٥٦

156. “Xin Ngài an bài cho bầy tôi những điều tốt đẹp ở trần gian và ở Đời Sau, quả thật bầy tôi nguyện quay về sám hối với Ngài.” (Allah) phán: “Hình phạt của TA, (TA dùng nó) để trừng trị kẻ nào TA muốn, tuy nhiên, lòng thương xót của TA bao trùm tất cả mọi thứ. Vì vậy, TA sẽ an bài những điều tốt đẹp cho những người ngoan đạo và xuất Zakah và những người có đức tin nơi các Lời Mặc Khải của TA.”

ٱلَّذِينَ يَتَّبِعُونَ ٱلرَّسُولَ ٱلنَّبِيَّ ٱلْأُمِّيَّ ٱلَّذِي يَجِدُونَهُۥ
مَكْتُوبًا عِندَهُمْ فِي ٱلتَّوْرَىٰةِ وَٱلْإِنجِيلِ يَأْمُرُهُم
بِٱلْمَعْرُوفِ وَيَنْهَىٰهُمْ عَنِ ٱلْمُنكَرِ وَيُحِلُّ لَهُمُ
ٱلطَّيِّبَٰتِ وَيُحَرِّمُ عَلَيْهِمُ ٱلْخَبَٰٓئِثَ وَيَضَعُ عَنْهُمْ
إِصْرَهُمْ وَٱلْأَغْلَٰلَ ٱلَّتِي كَانَتْ عَلَيْهِمْ فَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟
بِهِۦ وَعَزَّرُوهُ وَنَصَرُوهُ وَٱتَّبَعُوا۟ ٱلنُّورَ ٱلَّذِيٓ أُنزِلَ
مَعَهُۥٓ أُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ١٥٧

157. Những người mà họ đi theo vị Sứ Giả (Muhammad), vị Nabi mù chữ, vị mà họ tìm thấy Y được nhắc đến trong Tawrah (Cựu Ước) và Injil (Tân Ước) của họ. Y ra lệnh cho họ làm điều thiện và ngăn cấm họ làm điều xấu, Y cho phép họ dùng những thứ tốt lành và cấm họ dùng những thứ ô uế, Y trút bỏ gánh nặng và xiềng xích đang đè nặng lên họ. Vì vậy, những ai có đức tin nơi Y, ủng hộ Y, giúp đỡ Y và đi theo Ánh Sáng đã được ban xuống cho Y là những người thành công.

قُلْ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنِّي رَسُولُ ٱللَّهِ إِلَيْكُمْ جَمِيعًا
ٱلَّذِي لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ
يُحْيِۦ وَيُمِيتُ فَـَٔامِنُوا۟ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِ ٱلنَّبِيِّ ٱلْأُمِّيِّ
ٱلَّذِي يُؤْمِنُ بِٱللَّهِ وَكَلِمَٰتِهِۦ وَٱتَّبِعُوهُ لَعَلَّكُمْ
تَهْتَدُونَ ١٥٨

158. (Hỡi Thiên Sứ!) Ngươi hãy nói: “Hỡi nhân loại! Ta đích thực là Sứ Giả của Allah được cử phái đến cho tất cả các ngươi. Ngài là Đấng thống trị các tầng trời và trái đất, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài, Ngài là Đấng làm cho sống và làm cho chết. Vì vậy, các ngươi (hỡi nhân loại) hãy có đức tin nơi Allah và nơi Sứ Giả của Ngài, một vị Nabi mù chữ có đức tin nơi Ngài và nơi các lời Mặc Khải của Ngài. Các ngươi hãy đi theo Y để may ra các ngươi được hướng dẫn (đúng đường).”

وَمِن قَوْمِ مُوسَىٰٓ أُمَّةٌ يَهْدُونَ بِٱلْحَقِّ وَبِهِۦ
يَعْدِلُونَ ١٥٩

159. Trong đám dân của Musa (Israel) có một cộng đồng hướng dẫn đúng sự thật và phân xét công bằng dựa trên sự thật.

[1] (3) Khi đến chỗ hẹn, họ đòi được tận mắt nhìn thấy Allah, họ nói với Musa: “Này Musa, chúng tôi không thể nào tin vào Người cho đến khi chúng tôi tận mắt thấy được Allah xuất hiện.” Vậy là Allah cho trận động đất bắt lấy họ. (Xem câu 55 chương 2 – Al-Baqarah)

160. TA đã chia (dân Israel) thành mười hai bộ lạc. TA đã mặc khải cho Musa khi Y cầu xin ban nước cho người dân của mình bằng lời phán: “Ngươi hãy đánh cây gậy của mình lên tảng đá!” (Sau khi Musa đánh gậy lên tảng đá), nó liền phun ra mười hai ngọn suối, mỗi bộ lạc đều biết nguồn nước uống của mình. TA đã dùng mây che mát cho họ và ban xuống cho họ Mann (loại thức uống giống như mật ong) và chim cút (với lời phán): “Các ngươi hãy ăn thực phẩm tốt lành mà TA đã ban cấp cho các ngươi!” (Nhưng họ không biết hài lòng và tri ân), và họ không gây thiệt hại cho TA (về điều đó) mà ngược lại họ chỉ gây thiệt hại cho chính bản thân mình.

وَقَطَّعۡنَٰهُمُ ٱثۡنَتَيۡ عَشۡرَةَ أَسۡبَاطًا أُمَمٗاۚ وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ
مُوسَىٰٓ إِذِ ٱسۡتَسۡقَىٰهُ قَوۡمُهُۥٓ أَنِ ٱضۡرِب بِّعَصَاكَ
ٱلۡحَجَرَۖ فَٱنۢبَجَسَتۡ مِنۡهُ ٱثۡنَتَا عَشۡرَةَ عَيۡنٗاۖ قَدۡ عَلِمَ
كُلُّ أُنَاسٖ مَّشۡرَبَهُمۡۚ وَظَلَّلۡنَا عَلَيۡهِمُ ٱلۡغَمَٰمَ وَأَنزَلۡنَا
عَلَيۡهِمُ ٱلۡمَنَّ وَٱلسَّلۡوَىٰۖ كُلُواْ مِن طَيِّبَٰتِ مَا
رَزَقۡنَٰكُمۡۚ وَمَا ظَلَمُونَا وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ
يَظۡلِمُونَ ١٦٠

161. (Hỡi Thiên Sứ, Ngươi hãy nhớ lại khi Allah phán bảo dân Israel): “Các ngươi hãy vào thị trấn (Jerusalem) này, các ngươi hãy tự do ăn (thực phẩm) bất cứ nơi nào của thị trấn tùy thích và các ngươi hãy cầu nguyện (TA): ‘Xin Ngài tha thứ tội lỗi cho bầy tôi’ và các ngươi hãy vào cổng trong sự phủ phục, TA sẽ tha thứ tội lỗi cho các ngươi, và TA sẽ ban thêm (phần thưởng) cho những người làm tốt.”

وَإِذۡ قِيلَ لَهُمُ ٱسۡكُنُواْ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةَ وَكُلُواْ مِنۡهَا
حَيۡثُ شِئۡتُمۡ وَقُولُواْ حِطَّةٞ وَٱدۡخُلُواْ ٱلۡبَابَ سُجَّدٗا
نَّغۡفِرۡ لَكُمۡ خَطِيٓـَٰٔتِكُمۡۚ سَنَزِيدُ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٦١

162. Tuy nhiên, những kẻ làm điều sai quấy đã thay đổi lời phán đã được truyền cho họ, vì vậy, TA đã giáng tai họa từ trời xuống trừng phạt chúng bởi những điều sai quấy mà chúng đã làm.

فَبَدَّلَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنۡهُمۡ قَوۡلًا غَيۡرَ ٱلَّذِي قِيلَ لَهُمۡ
فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ رِجۡزٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ بِمَا كَانُواْ
يَظۡلِمُونَ ١٦٢

163. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ) hãy hỏi (dân Do Thái) về một thị trấn nằm ven biển đã vi phạm (giới cấm) của ngày thứ bảy - khi cá của họ đến với họ một cách công khai vào ngày thứ bảy của họ, còn vào ngày ngoài ngày thứ bảy thì chúng không đến với họ. Như thế đó, TA (Allah) đã thử thách họ bởi những điều mà họ đã bất tuân và dấy loạn.(2)[1]

وَسۡـَٔلۡهُمۡ عَنِ ٱلۡقَرۡيَةِ ٱلَّتِي كَانَتۡ حَاضِرَةَ ٱلۡبَحۡرِ إِذۡ
يَعۡدُونَ فِي ٱلسَّبۡتِ إِذۡ تَأۡتِيهِمۡ حِيتَانُهُمۡ يَوۡمَ سَبۡتِهِمۡ
شُرَّعٗا وَيَوۡمَ لَا يَسۡبِتُونَ لَا تَأۡتِيهِمۡۚ كَذَٰلِكَ نَبۡلُوهُم
بِمَا كَانُواْ يَفۡسُقُونَ ١٦٣

164. (Ngươi – hỡi Thiên Sứ hãy nhớ lại khi một nhóm trong số họ khuyên can nhóm người vi phạm giới cấm vào ngày thứ bảy) thì một nhóm (khác) trong số họ nói: “Tại sao các người lại đi khuyên can một đám người mà Allah muốn hủy diệt hoặc muốn trừng phạt họ bằng hình phạt khủng khiếp?” (Nhóm người đó) bảo: “Chúng tôi muốn có lý do trước Thượng Đế của các người (rằng chúng tôi đã hết trách nhiệm) và hy vọng họ biết kính sợ (Allah)!”

وَإِذۡ قَالَتۡ أُمَّةٞ مِّنۡهُمۡ لِمَ تَعِظُونَ قَوۡمًا ٱللَّهُ مُهۡلِكُهُمۡ
أَوۡ مُعَذِّبُهُمۡ عَذَابٗا شَدِيدٗاۖ قَالُواْ مَعۡذِرَةً إِلَىٰ رَبِّكُمۡ
وَلَعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ ١٦٤

[1] #_7_163 (2) Do một nhóm những người Do Thái đã bất tuân Allah nên Ngài đã trừng phạt họ bằng cách Ngài cho đàn cá từ biển kéo nhau lội vào bờ chỉ vào ngày thứ bảy còn những ngày khác thì không có con cá nào và Ngài cấm họ săn bắt cá vào ngày thứ bảy. Tuy nhiên, chứng nào tật náy, với bản chất gian xảo, họ không bắt cá vào ngày thứ bảy mà vào ngày hôm đó, họ đào ao và giăng lưới giữ đàn cá lại để qua ngày chủ nhật hôm sau họ mới bắt. Thế là Allah đã biến họ thành loài khỉ.

165. Do đó, khi họ (đám người vi phạm giới cấm của ngày thứ bảy) quên đi mọi lời nhắc nhở, TA cứu vớt những người ngăn cản (người khác) làm điều sai trái và bắt phạt những kẻ làm điều sai quấy bằng hình phạt khủng khiếp bởi những gì mà họ đã bất tuân.

فَلَمَّا نَسُواْ مَا ذُكِّرُواْ بِهِۦٓ أَنجَيۡنَا ٱلَّذِينَ يَنۡهَوۡنَ عَنِ
ٱلسُّوٓءِ وَأَخَذۡنَا ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ بِعَذَابِۭ بَـِٔيسِۭ بِمَا
كَانُواْ يَفۡسُقُونَ ١٦٥

166. Cho nên, khi bọn họ công khai làm điều cấm thì TA phán bảo họ: "Đám người các ngươi hãy biến thành loài khỉ hèn hạ!"

فَلَمَّا عَتَوۡاْ عَن مَّا نُهُواْ عَنۡهُ قُلۡنَا لَهُمۡ كُونُواْ قِرَدَةً
خَٰسِـِٔينَ ١٦٦

167. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ hãy nhớ lại) khi Thượng Đế của Ngươi tuyên bố rằng Ngài chắc chắn sẽ phục sinh bọn họ vào Ngày Tận Thế, kẻ tội lỗi trong số họ sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi rất nhanh chóng trong việc trừng phạt, song Ngài là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

وَإِذۡ تَأَذَّنَ رَبُّكَ لَيَبۡعَثَنَّ عَلَيۡهِمۡ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ مَن
يَسُومُهُمۡ سُوٓءَ ٱلۡعَذَابِۗ إِنَّ رَبَّكَ لَسَرِيعُ ٱلۡعِقَابِ
وَإِنَّهُۥ لَغَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٦٧

168. TA đã chia cắt họ (Do Thái) thành các cộng đồng sống rải rác trên trái đất. Trong số họ, có những người lương thiện và cũng có những kẻ không như thế. TA đã thử thách họ cả điều tốt lẫn điều xấu hi vọng họ biết quay về (với chân lý).

وَقَطَّعۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ أُمَمٗاۖ مِّنۡهُمُ ٱلصَّٰلِحُونَ وَمِنۡهُمۡ
دُونَ ذَٰلِكَۖ وَبَلَوۡنَٰهُم بِٱلۡحَسَنَٰتِ وَٱلسَّيِّـَٔاتِ لَعَلَّهُمۡ
يَرۡجِعُونَ ١٦٨

169. Rồi sau họ, có một thế hệ thừa hưởng Kinh Sách (Tawrah). Tuy nhiên, thế hệ này nhận lấy món lợi (của trần gian cho việc bóp méo Kinh Sách) và chúng bảo: "Rồi chúng ta sẽ được tha thứ thôi." (Cứ như thế), nếu có món lợi tương tự đến với chúng (một lần nữa) thì chúng cũng sẽ liền nhận nó (giống như thế). Lẽ nào giao ước trong Kinh Sách không ràng buộc họ rằng họ chỉ được phép nói sự thật về Allah và lẽ nào họ đã không đọc những điều răn trong đó?! Quả thật, ngôi nhà ở cõi Đời Sau tốt đẹp hơn cho những người ngoan đạo, lẽ nào các ngươi không hiểu được (điều đó)?!

فَخَلَفَ مِنۢ بَعۡدِهِمۡ خَلۡفٞ وَرِثُواْ ٱلۡكِتَٰبَ
يَأۡخُذُونَ عَرَضَ هَٰذَا ٱلۡأَدۡنَىٰ وَيَقُولُونَ سَيُغۡفَرُ لَنَا
وَإِن يَأۡتِهِمۡ عَرَضٞ مِّثۡلُهُۥ يَأۡخُذُوهُۚ أَلَمۡ يُؤۡخَذۡ عَلَيۡهِم
مِّيثَٰقُ ٱلۡكِتَٰبِ أَن لَّا يَقُولُواْ عَلَى ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡحَقَّ
وَدَرَسُواْ مَا فِيهِۗ وَٱلدَّارُ ٱلۡأٓخِرَةُ خَيۡرٞ لِّلَّذِينَ يَتَّقُونَۚ
أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ١٦٩

170. Những ai nắm chặt Kinh Sách (Tawrah) và thiết lập lễ nguyện Salah (một cách chu đáo) thì chắc chắn TA (Allah) không làm mất phần thưởng của những người ngoan đạo.

وَٱلَّذِينَ يُمَسِّكُونَ بِٱلۡكِتَٰبِ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ إِنَّا لَا
نُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُصۡلِحِينَ ١٧٠

171. Và (Ngươi - hỡi Thiên Sứ, hãy nhớ lại) khi TA nhấc ngọn núi lên bên trên (dân Israel) tựa như nó là tán che (trên đầu của họ) và họ tưởng nó sẽ rơi xuống đè họ. (TA) phán bảo: "Các ngươi hãy nắm chặt những gì TA đã ban cho các ngươi và các ngươi hãy ghi nhớ các điều răn dạy trong đó, mong rằng các ngươi sẽ ngoan đạo."

۞وَإِذۡ نَتَقۡنَا ٱلۡجَبَلَ فَوۡقَهُمۡ كَأَنَّهُۥ ظُلَّةٞ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُۥ
وَاقِعُۢ بِهِمۡ خُذُواْ مَآ ءَاتَيۡنَٰكُم بِقُوَّةٖ وَٱذۡكُرُواْ مَا
فِيهِ لَعَلَّكُمۡ تَتَّقُونَ ١٧١

172. (Ngươi - Thiên Sứ Muhammad – hãy nhớ lại) khi Thượng Đế của Ngươi bắt con cháu của Adam, hậu duệ của họ được tạo ra từ các xương sống của họ, xác nhận đối với chính bản thân họ (trước câu hỏi): "Có phải TA là

وَإِذۡ أَخَذَ رَبُّكَ مِنۢ بَنِيٓ ءَادَمَ مِن ظُهُورِهِمۡ ذُرِّيَّتَهُمۡ
وَأَشۡهَدَهُمۡ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡ أَلَسۡتُ بِرَبِّكُمۡۖ قَالُواْ بَلَىٰ

Thượng Đế của các ngươi?” Họ đáp: “Bẩm, đúng vậy (Ngài chính là Thượng Đế của bầy tôi). Bầy tôi xin xác nhận.” (Việc TA hỏi các ngươi như thế là bởi vì e rằng) vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, các ngươi sẽ nói: “Bầy tôi thực sự đã không biết điều này.”

شَهِدۡنَآۚ أَن تَقُولُواْ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ إِنَّا كُنَّا عَنۡ هَٰذَا
غَٰفِلِينَ ﴿١٧٢﴾

173. Hoặc các ngươi sẽ nói: “Quả thật chỉ tại trước đó cha mẹ của bầy tôi thờ phượng nhiều thần linh còn bầy tôi chỉ là hậu duệ đi theo sau họ mà thôi. Lẽ nào Ngài sẽ hủy diệt bầy tôi bởi những điều do những kẻ ngụy tạo đã làm?!”

أَوۡ تَقُولُوٓاْ إِنَّمَآ أَشۡرَكَ ءَابَآؤُنَا مِن قَبۡلُ وَكُنَّا ذُرِّيَّةٗ
مِّنۢ بَعۡدِهِمۡۖ أَفَتُهۡلِكُنَا بِمَا فَعَلَ ٱلۡمُبۡطِلُونَ ﴿١٧٣﴾

174. TA (Allah) đã trình bày rõ các Lời Mặc Khải như thế đó, mong rằng chúng sẽ quay về (với chính đạo).

وَكَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ وَلَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ﴿١٧٤﴾

175. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy xướng đọc cho họ nghe chuyện về một người đàn ông(5) mà TA đã ban cho y (kiến thức về) một vài Dấu Hiệu của TA nhưng y đã gạt bỏ chúng nên Shaytan đã bám theo y, thế là y trở thành kẻ lầm lạc.[i]

وَٱتۡلُ عَلَيۡهِمۡ نَبَأَ ٱلَّذِيٓ ءَاتَيۡنَٰهُ ءَايَٰتِنَا فَٱنسَلَخَ مِنۡهَا
فَأَتۡبَعَهُ ٱلشَّيۡطَٰنُ فَكَانَ مِنَ ٱلۡغَاوِينَ ﴿١٧٥﴾

176. Nếu TA muốn, TA có thể nâng y lên (với kiến thức về các Dấu Hiệu của TA mà TA đã ban cho y). Tuy nhiên, y cứ muốn bấu víu mãi (cuộc sống trên) trái đất và theo đuổi dục vọng của bản thân. Hình ảnh của y giống như hình ảnh của con chó: dù Ngươi đánh đuổi nó hoặc không đánh đuổi nó thì nó vẫn cứ lè lưỡi ra. Đó là hình ảnh thí dụ về đám người phủ nhận các dấu hiệu của TA. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy kể lại những câu chuyện đó mong rằng họ sẽ suy ngẫm (về bản thân của họ).

وَلَوۡ شِئۡنَا لَرَفَعۡنَٰهُ بِهَا وَلَٰكِنَّهُۥٓ أَخۡلَدَ إِلَى ٱلۡأَرۡضِ
وَٱتَّبَعَ هَوَىٰهُۚ فَمَثَلُهُۥ كَمَثَلِ ٱلۡكَلۡبِ إِن تَحۡمِلۡ عَلَيۡهِ
يَلۡهَثۡ أَوۡ تَتۡرُكۡهُ يَلۡهَثۚ ذَّٰلِكَ مَثَلُ ٱلۡقَوۡمِ ٱلَّذِينَ
كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَاۚ فَٱقۡصُصِ ٱلۡقَصَصَ لَعَلَّهُمۡ
يَتَفَكَّرُونَ ﴿١٧٦﴾

177. Thật tồi tệ cho hình ảnh của đám người đã phủ nhận các dấu hiệu của TA và chính họ đã làm hại bản thân mình.

سَآءَ مَثَلًا ٱلۡقَوۡمُ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَأَنفُسَهُمۡ
كَانُواْ يَظۡلِمُونَ ﴿١٧٧﴾

178. Ai đã được Allah hướng dẫn sẽ đi đúng đường (đến chân lý) còn ai đã bị Ngài làm cho lầm lạc thì đó là những kẻ thất bại.

مَن يَهۡدِ ٱللَّهُ فَهُوَ ٱلۡمُهۡتَدِيۖ وَمَن يُضۡلِلۡ فَأُوْلَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ﴿١٧٨﴾

179. Quả thật, TA (Allah) đã tạo cho Hỏa Ngục đa số loài Jinn và con người. Họ có trái tim nhưng không hiểu, họ có đôi mắt nhưng không nhìn thấy, họ có đôi tai nhưng không nghe được. Họ giống như loài súc vật, thậm chí còn tệ

وَلَقَدۡ ذَرَأۡنَا لِجَهَنَّمَ كَثِيرٗا مِّنَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِۖ لَهُمۡ
قُلُوبٞ لَّا يَفۡقَهُونَ بِهَا وَلَهُمۡ أَعۡيُنٞ لَّا يُبۡصِرُونَ بِهَا

---

[i] (5) Người đàn ông được đề cấp đến thuộc dân Israel có tên gọi là Bal-‘am bin Ba-‘ura. Trong số kiến thức về các Dấu Hiệu của Allah mà Ngài đã ban cho ông ta có kiến thức về các đại danh của Ngài. Người đàn ông này đã biết được một đại danh đặc biệt của Allah. Khi ông ta cầu xin Allah bằng đại danh đó của Ngài, bất cứ điều gì ông ta cầu xin đều được Ngài chấp nhận và đáp lại. Tuy nhiên, vì quá tham vật chất thế gian nên ông ta đã trở thành một kẻ lầm lạc. Có lời nói rằng: Người đàn ông tên Bal’am bin Ba-‘ura này thuộc dân Israel vào thời của Nabi Musa. Allah đã ban cho ông ta kiến thức về các Dấu Hiệu của Ngài. Nabi Musa phái ông ta đi kêu gọi một vị vua của Madyan. Vị vua này đã trọng đãi ông ta và ban cho ông ta nhiều đặc ân khiến ông ta quên mất sứ mạng và trở thành một kẻ lầm lạc.

hơn nữa là đằng khác. Họ là những kẻ thờ ơ và vô tâm (với Đời Sau).

وَلَهُمْ ءَاذَانٌ لَّا يَسْمَعُونَ بِهَآۚ أُوْلَـٰٓئِكَ كَٱلْأَنْعَـٰمِ بَلْ هُمْ أَضَلُّۚ أُوْلَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلْغَـٰفِلُونَ ﴿١٧٩﴾

180. Allah có các tên gọi tốt đẹp nhất, bởi thế, các ngươi hãy cầu nguyện Ngài với những tên gọi đó. Các ngươi hãy mặc kệ những kẻ bóp méo các tên gọi của Ngài, rồi đây chúng sẽ nhận lấy hậu quả cho những điều chúng làm.

وَلِلَّهِ ٱلْأَسْمَآءُ ٱلْحُسْنَىٰ فَٱدْعُوهُ بِهَاۖ وَذَرُواْ ٱلَّذِينَ يُلْحِدُونَ فِىٓ أَسْمَـٰٓئِهِۦۚ سَيُجْزَوْنَ مَا كَانُواْ يَعْمَلُونَ ﴿١٨٠﴾

181. Trong số những người TA đã tạo, có một nhóm người hướng dẫn (người khác) bằng chân lý và dựa vào đó mà đối xử công bằng (với mọi người).

وَمِمَّنْ خَلَقْنَآ أُمَّةٌ يَهْدُونَ بِٱلْحَقِّ وَبِهِۦ يَعْدِلُونَ ﴿١٨١﴾

182. Những kẻ phủ nhận các dấu hiệu của TA, TA sẽ cuốn chúng vào con đường hủy diệt nhưng chúng lại không biết.

وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَـٰتِنَا سَنَسْتَدْرِجُهُم مِّنْ حَيْثُ لَا يَعْلَمُونَ ﴿١٨٢﴾

183. TA tạm tha cho chúng, quả thật kế hoạch của TA rất chắc chắn.

وَأُمْلِى لَهُمْۚ إِنَّ كَيْدِى مَتِينٌ ﴿١٨٣﴾

184. Lẽ nào chúng vẫn không chịu suy ngẫm?! Người bạn của chúng (Muhammad) không phải là một gã điên mà đích thực là một vị cảnh báo công khai.

أَوَلَمْ يَتَفَكَّرُواْۗ مَا بِصَاحِبِهِم مِّن جِنَّةٍۚ إِنْ هُوَ إِلَّا نَذِيرٌ مُّبِينٌ ﴿١٨٤﴾

185. Lẽ nào chúng không quan sát thấy sự thống trị trời đất và mọi thứ mà Allah đã tạo ra? Có thể tuổi thọ của họ đã sắp kết thúc. Thế còn lời nói nào ngoài (Qur'an) mà họ sẽ tin đây!

أَوَلَمْ يَنظُرُواْ فِى مَلَكُوتِ ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَمَا خَلَقَ ٱللَّهُ مِن شَىْءٍ وَأَنْ عَسَىٰٓ أَن يَكُونَ قَدِ ٱقْتَرَبَ أَجَلُهُمْۖ فَبِأَىِّ حَدِيثٍۭ بَعْدَهُۥ يُؤْمِنُونَ ﴿١٨٥﴾

186. Ai mà Allah làm cho lầm lạc sẽ không được ai hướng dẫn và Ngài sẽ bỏ mặc họ chơ vơ, vất vưởng trong sự thái quá của họ.

مَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَلَا هَادِىَ لَهُۥۚ وَيَذَرُهُمْ فِى طُغْيَـٰنِهِمْ يَعْمَهُونَ ﴿١٨٦﴾

187. (Những kẻ phủ nhận Đời Sau) hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) về Ngày Tận Thế bao giờ xảy đến. Ngươi hãy nói: "Chỉ Thượng Đế của Ta mới biết rõ, không ai có thể tiết lộ thời khắc đó ngoại trừ một mình Ngài." (Thời khắc đó) sẽ rất nặng nề đối với (vạn vật) trong các tầng trời và trái đất. Nó sẽ đến với các ngươi một cách bất ngờ. Chúng hỏi Ngươi như thể Ngươi rất đỗi quen thuộc với thời khắc đó lắm vậy. Ngươi hãy nói với chúng: "Chỉ Thượng Đế của Ta mới biết rõ, tuy nhiên, đa số nhân loại lại không biết (điều đó)."

يَسْـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلسَّاعَةِ أَيَّانَ مُرْسَىٰهَاۖ قُلْ إِنَّمَا عِلْمُهَا عِندَ رَبِّىۖ لَا يُجَلِّيهَا لِوَقْتِهَآ إِلَّا هُوَۚ ثَقُلَتْ فِى ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِۚ لَا تَأْتِيكُمْ إِلَّا بَغْتَةًۗ يَسْـَٔلُونَكَ كَأَنَّكَ حَفِىٌّ عَنْهَاۖ قُلْ إِنَّمَا عِلْمُهَا عِندَ ٱللَّهِ وَلَـٰكِنَّ أَكْثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعْلَمُونَ ﴿١٨٧﴾

188. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Ta không có quyền năng chi phối điều lợi hoặc điều hại cho bản thân mình ngoại trừ những gì Allah muốn. Nếu Ta thực sự biết điều vô hình thì Ta đã thu gom cho bản thân mình nhiều điều tốt đẹp và đã không có bất kỳ điều xấu nào chạm đến Ta. Quả thật, Ta chỉ là một người cảnh báo (về Hỏa Ngục) và một người báo tin mừng (về Thiên Đàng) cho những người có đức tin."

قُل لَّآ أَمۡلِكُ لِنَفۡسِي نَفۡعٗا وَلَا ضَرًّا إِلَّا مَا شَآءَ ٱللَّهُۚ
وَلَوۡ كُنتُ أَعۡلَمُ ٱلۡغَيۡبَ لَٱسۡتَكۡثَرۡتُ مِنَ ٱلۡخَيۡرِ وَمَا
مَسَّنِيَ ٱلسُّوٓءُۚ إِنۡ أَنَا۠ إِلَّا نَذِيرٞ وَبَشِيرٞ لِّقَوۡمٖ
يُؤۡمِنُونَ ١٨٨

189. "Ngài là Đấng đã tạo ra các ngươi (hỡi nhân loại) từ một cá thể duy nhất (Adam), rồi từ (xương sườn của) Y Ngài tạo ra cho Y người vợ (Hauwa) để Y sống yên bình cùng với vợ của mình. Thế là (theo quy luật) khi người chồng ôm phủ lấy người vợ của mình thì người vợ mang thai, nhưng (trong thời gian đầu người vợ chưa cảm nhận được vì) cái thai còn nhẹ). Đến khi cái thai trở nên nặng nề thì cả hai vợ chồng (thường) cầu nguyện Allah, Thượng Đế của hai người: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, nếu Ngài ban cho bầy tôi một đứa con tốt lành (về mọi mặt) thì bầy tôi chắc chắn vô cùng biết ơn (Ngài)."

۞هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَكُم مِّن نَّفۡسٖ وَٰحِدَةٖ وَجَعَلَ
مِنۡهَا زَوۡجَهَا لِيَسۡكُنَ إِلَيۡهَاۖ فَلَمَّا تَغَشَّىٰهَا حَمَلَتۡ
حَمۡلًا خَفِيفٗا فَمَرَّتۡ بِهِۦۖ فَلَمَّآ أَثۡقَلَت دَّعَوَا ٱللَّهَ
رَبَّهُمَا لَئِنۡ ءَاتَيۡتَنَا صَٰلِحٗا لَّنَكُونَنَّ مِنَ
ٱلشَّٰكِرِينَ ١٨٩

190. Tuy nhiên, khi Ngài ban cho hai vợ chồng họ đứa con tốt lành (như họ cầu mong) thì họ lại dựng lên những thần linh ngang vai với Ngài(6) về đứa con mà Ngài đã ban cho vợ chồng họ. Nhưng Allah luôn Tối Thượng vượt bên trên mọi thứ mà họ qui cho Ngài.[1]

فَلَمَّآ ءَاتَىٰهُمَا صَٰلِحٗا جَعَلَا لَهُۥ شُرَكَآءَ فِيمَآ
ءَاتَىٰهُمَاۚ فَتَعَٰلَى ٱللَّهُ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ١٩٠

191. Lẽ nào chúng (những kẻ tổ hợp thần linh cùng với Allah) tổ hợp cùng với Ngài những thứ không tạo ra được bất cứ vật gì trong khi những thứ đó lại là những tạo vật được (Allah) tạo ra?!

أَيُشۡرِكُونَ مَا لَا يَخۡلُقُ شَيۡـٔٗا وَهُمۡ يُخۡلَقُونَ ١٩١

192. (Những thứ mà chúng tổ hợp cùng với Allah) không thể giúp đỡ chúng cũng không thể tự giúp mình.

وَلَا يَسۡتَطِيعُونَ لَهُمۡ نَصۡرٗا وَلَآ أَنفُسَهُمۡ
يَنصُرُونَ ١٩٢

193. Nếu các ngươi (những kẻ thờ phượng các thần linh ngoài Allah) có gọi chúng đến với nguồn chỉ đạo thì chúng cũng không theo các ngươi, dù các ngươi có gọi chúng hay các ngươi im lặng thì cũng bằng thừa mà thôi.

وَإِن تَدۡعُوهُمۡ إِلَى ٱلۡهُدَىٰ لَا يَتَّبِعُوكُمۡۚ سَوَآءٌ
عَلَيۡكُمۡ أَدَعَوۡتُمُوهُمۡ أَمۡ أَنتُمۡ صَٰمِتُونَ ١٩٣

[1] (6) Có Hadith ghi lại rằng, trong những đợt con trai đầu, Adam đặt tên là 'Abidullah và 'Abdullah (nghĩa là nô lệ của Allah) nhưng tất cả đều chết yểu, thừa cơ hội nên Iblis đến xúi vợ chồng Adam và Hauwa, bảo: "Nếu hai ngươi đặt tên con trai mình bằng tên khác với cái tên đã từng đặt trước đây thì nó sẽ sống khỏe." Thế là khi có con trai, Adam đã đặt tên là 'Abdul Harith (nô lệ của Harith) và đứa con đó lại sống khỏe mạnh. (Trích từ Tafstr At-Tabari). Tuy nhiên, có nhiều Tafsir rằng, sự tổ hợp mà Allah muốn nói đến trong câu Kinh là ám chỉ một số cộng đồng loài người chứ không phải Adam và Hauwa.

194. Thật ra những thứ mà các ngươi cầu nguyện ngoài Allah cũng chỉ là những bề tôi (của Allah) giống như các ngươi mà thôi. Do đó, các ngươi cứ hãy cầu nguyện đến chúng xem chúng có đáp lại lời nguyện cầu của các ngươi không nếu các ngươi nói thật!

إِنَّ ٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ عِبَادٌ أَمۡثَالُكُمۡۖ فَٱدۡعُوهُمۡ فَلۡيَسۡتَجِيبُواْ لَكُمۡ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ١٩٤

195. Lẽ nào (những thứ được thờ phượng ngoài Allah) có chân biết đi, có tay biết cầm nắm, có mắt nhìn thấy, hoặc có tai có thể nghe được? Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Các người cứ hãy cầu nguyện những thứ mà các người đã tổ hợp (cùng với Allah), rồi các người hãy cùng nhau lên kế hoạch hãm hại Ta xem nào, đừng để Ta có thời gian nghĩ ngơi gì cả!”

أَلَهُمۡ أَرۡجُلٞ يَمۡشُونَ بِهَآۖ أَمۡ لَهُمۡ أَيۡدٖ يَبۡطِشُونَ بِهَآۖ أَمۡ لَهُمۡ أَعۡيُنٞ يُبۡصِرُونَ بِهَآۖ أَمۡ لَهُمۡ ءَاذَانٞ يَسۡمَعُونَ بِهَاۗ قُلِ ٱدۡعُواْ شُرَكَآءَكُمۡ ثُمَّ كِيدُونِ فَلَا تُنظِرُونِ ١٩٥

196. “Quả thật, Đấng Bảo Hộ của Ta chính là Allah, Đấng đã ban xuống Kinh (Qur’an cho Ta) và Ngài bảo hộ những người đức hạnh và lương thiện.”

إِنَّ وَلِـِّۧيَ ٱللَّهُ ٱلَّذِي نَزَّلَ ٱلۡكِتَٰبَۖ وَهُوَ يَتَوَلَّى ٱلصَّٰلِحِينَ ١٩٦

197. “Còn những thứ mà các ngươi cầu nguyện ngoài Ngài không có khả năng giúp đỡ các ngươi và cũng không thể tự giúp bản thân chúng.”

وَٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ لَا يَسۡتَطِيعُونَ نَصۡرَكُمۡ وَلَآ أَنفُسَهُمۡ يَنصُرُونَ ١٩٧

198. Dẫu các ngươi (hỡi những kẻ thờ cúng bục tượng) có kêu gọi chúng (các thần linh của các ngươi) đến với nguồn chỉ đạo thì chúng cũng không nghe. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ thấy (các thần linh của những kẻ đa thần đó) hướng mắt về Ngươi nhưng thật ra chúng không nhìn thấy gì cả.

وَإِن تَدۡعُوهُمۡ إِلَى ٱلۡهُدَىٰ لَا يَسۡمَعُواْۖ وَتَرَىٰهُمۡ يَنظُرُونَ إِلَيۡكَ وَهُمۡ لَا يُبۡصِرُونَ ١٩٨

199. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy lượng thứ, hãy bảo ban điều đúng và hãy tránh xa những kẻ ngu dốt.

خُذِ ٱلۡعَفۡوَ وَأۡمُرۡ بِٱلۡعُرۡفِ وَأَعۡرِضۡ عَنِ ٱلۡجَٰهِلِينَ ١٩٩

200. Nếu như có sự quấy nhiễu từ Shaytan (vào tâm trí Ngươi) thì Ngươi hãy cầu xin Allah phù hộ che chở, quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe, Hằng Biết.

وَإِمَّا يَنزَغَنَّكَ مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ نَزۡغٞ فَٱسۡتَعِذۡ بِٱللَّهِۚ إِنَّهُۥ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ٢٠٠

201. Quả thật, những người ngoan đạo (sợ Allah) khi có nhóm Shaytan nào đó đến quấy nhiễu, họ liền nhớ (đến Allah) thì họ sẽ thấy (ánh sáng chỉ đạo trở lại).

إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ إِذَا مَسَّهُمۡ طَٰٓئِفٞ مِّنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ تَذَكَّرُواْ فَإِذَا هُم مُّبۡصِرُونَ ٢٠١

202. Những anh em của (Shaytan) không ngừng tìm cách lôi kéo họ đi lạc, và chúng sẽ không bỏ ngang (ý đồ đó).

وَإِخۡوَٰنُهُمۡ يَمُدُّونَهُمۡ فِي ٱلۡغَيِّ ثُمَّ لَا يُقۡصِرُونَ ٢٠٢

203. Khi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không mang đến cho họ (những kẻ đa thần) một dấu hiệu lạ thì họ bảo: “Sao ngươi không tự bịa ra một dấu hiệu lạ nào đó đi?!” Ngươi hãy nói: “Quả thật, Ta chỉ làm theo điều đã được Thượng Đế của Ta mặc khải cho Ta. Đây (Qur’an) là bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của các người. Nó là nguồn chỉ đạo và là hồng ân cho đám người có đức tin.”

وَإِذَا لَمۡ تَأۡتِهِم بِـَٔايَةٖ قَالُواْ لَوۡلَا ٱجۡتَبَيۡتَهَاۚ قُلۡ إِنَّمَآ
أَتَّبِعُ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيَّ مِن رَّبِّيۚ هَٰذَا بَصَآئِرُ مِن رَّبِّكُمۡ
وَهُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٢٠٣

204. Khi Qur’an được xướng đọc, các ngươi hãy lắng nghe và hãy giữ yên lặng, mong rằng các ngươi được (Allah) thương xót.

وَإِذَا قُرِئَ ٱلۡقُرۡءَانُ فَٱسۡتَمِعُواْ لَهُۥ وَأَنصِتُواْ لَعَلَّكُمۡ
تُرۡحَمُونَ ٢٠٤

205. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhớ đến Thượng Đế của Ngươi trong lòng bằng sự hạ mình (và bằng lời tụng niệm) nhỏ khẽ, không to tiếng, vào sáng chiều, và Ngươi chớ đừng như những kẻ lơ là, thờ ơ (không nhớ tới Allah)!

وَٱذۡكُر رَّبَّكَ فِي نَفۡسِكَ تَضَرُّعٗا وَخِيفَةٗ وَدُونَ
ٱلۡجَهۡرِ مِنَ ٱلۡقَوۡلِ بِٱلۡغُدُوِّ وَٱلۡأٓصَالِ وَلَا تَكُن مِّنَ
ٱلۡغَٰفِلِينَ ٢٠٥

206. Quả thật (các Thiên Thần) ở nơi Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không hề tự cao tự đại trước việc thờ phượng Ngài; Họ luôn tán dương và quỳ lạy Ngài.

إِنَّ ٱلَّذِينَ عِندَ رَبِّكَ لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ عَنۡ عِبَادَتِهِۦ
وَيُسَبِّحُونَهُۥ وَلَهُۥ يَسۡجُدُونَ۩ ٢٠٦

Al-Anfal (Chiến Lợi Phẩm) الأنفال

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Họ (các vị Sahabah) hỏi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) về chiến lợi phẩm. Ngươi hãy bảo họ: “Chiến lợi phẩm thuộc về Allah và Thiên Sứ (của Ngài). Vì vậy, các ngươi (những người có đức tin) hãy kính sợ Allah và hãy cư xử hài hòa giữa các ngươi; và các ngươi hãy tuân lệnh Allah và Thiên Sứ của Ngài nếu các ngươi thực sự là những người có đức tin.”

يَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡأَنفَالِۖ قُلِ ٱلۡأَنفَالُ لِلَّهِ وَٱلرَّسُولِۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَصۡلِحُواْ ذَاتَ بَيۡنِكُمۡۖ وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١

2. Quả thật, những người có đức tin là những người mà khi nghe nhắc đến Allah thì con tim của họ sợ hãi, còn khi nghe xướng đọc các Lời Mặc Khải của Ngài thì họ tăng thêm đức tin và họ hoàn toàn phó thác cho Thượng Đế của họ.

إِنَّمَا ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِرَ ٱللَّهُ وَجِلَتۡ قُلُوبُهُمۡ وَإِذَا تُلِيَتۡ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُهُۥ زَادَتۡهُمۡ إِيمَٰنٗا وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ يَتَوَكَّلُونَ ٢

3. (Những người có đức tin) là những người chu đáo duy trì lễ nguyện Salah và chi dùng bổng lộc mà TA ban cấp (cho con đường chính nghĩa của TA).

ٱلَّذِينَ يُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ يُنفِقُونَ ٣

4. Những người đó mới là những người có đức tin đích thực. (Rồi đây) họ sẽ có được những cấp bậc vinh dự ở nơi Thượng Đế của họ, cùng với sự tha thứ và bổng lộc dồi dào (từ nơi Ngài).

أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ حَقّٗاۚ لَّهُمۡ دَرَجَٰتٌ عِندَ رَبِّهِمۡ وَمَغۡفِرَةٞ وَرِزۡقٞ كَرِيمٞ ٤

5. Tương tự (như mệnh lệnh chia chiến lợi phẩm), việc Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã ra lệnh cho Ngươi rời khỏi nhà (đi chinh chiến với kẻ thù) là điều đúng đắn. Tuy nhiên, có một nhóm tín đồ có đức tin lại ghét (việc cùng Ngươi đi chinh chiến).

كَمَآ أَخۡرَجَكَ رَبُّكَ مِنۢ بَيۡتِكَ بِٱلۡحَقِّ وَإِنَّ فَرِيقٗا مِّنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ لَكَٰرِهُونَ ٥

6. Họ tranh luận với Ngươi về sự đúng đắn (của việc đi chinh chiến) sau khi nó đã được trình bày rõ ràng (cho họ). (Họ lo sợ) như thể họ đang bị dẫn đến cái chết và họ đang nhìn thấy (cảnh chết trước mặt họ).

يُجَٰدِلُونَكَ فِي ٱلۡحَقِّ بَعۡدَ مَا تَبَيَّنَ كَأَنَّمَا يُسَاقُونَ إِلَى ٱلۡمَوۡتِ وَهُمۡ يَنظُرُونَ ٦

7. (Các ngươi - những người có đức tin hãy nhớ lại) việc Allah đã hứa với các ngươi (về sự thắng lợi) cho dù các ngươi đối đầu với đoàn nào trong hai đoàn (của địch). (Tuy nhiên), trong thâm tâm, các ngươi mong được chạm trán với (đoàn thương buôn) không trang bị vũ khí (vì các ngươi lo lắng cho kết cuộc xấu) còn Allah thì lại muốn khẳng định sự thật bằng Lời Phán của Ngài đồng thời Ngài muốn chặt đứt gốc rễ của những kẻ vô đức tin.

وَإِذۡ يَعِدُكُمُ ٱللَّهُ إِحۡدَى ٱلطَّآئِفَتَيۡنِ أَنَّهَا لَكُمۡ وَتَوَدُّونَ أَنَّ غَيۡرَ ذَاتِ ٱلشَّوۡكَةِ تَكُونُ لَكُمۡ وَيُرِيدُ ٱللَّهُ أَن يُحِقَّ ٱلۡحَقَّ بِكَلِمَٰتِهِۦ وَيَقۡطَعَ دَابِرَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٧

8. Mục đích để Ngài chứng minh (với các ngươi) rằng chân lý vẫn là chân lý và sự ngụy tạo vẫn là sự ngụy tạo, dẫu cho những kẻ tội lỗi căm ghét (điều đó).

لِيُحِقَّ ٱلۡحَقَّ وَيُبۡطِلَ ٱلۡبَٰطِلَ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٨

9. (Các ngươi - những người có đức tin, hãy nhớ lại lúc ở Badr) khi các ngươi cầu xin Thượng Đế của các ngươi (cứu giúp). Ngài đã đáp lại lời cầu nguyện của các ngươi (với lời phán): “Chắc chắn TA sẽ trợ giúp các ngươi với một ngàn Thiên Thần xếp thành hàng (phía sau các ngươi).”

إِذۡ تَسۡتَغِيثُونَ رَبَّكُمۡ فَٱسۡتَجَابَ لَكُمۡ أَنِّي مُمِدُّكُم بِأَلۡفٖ مِّنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ مُرۡدِفِينَ ٩

10. Quả thật, Allah làm điều đó chẳng qua chỉ để (tinh thần của) các ngươi phấn khởi và làm cho các ngươi an lòng, chứ mọi sự thắng lợi đều do Allah cả, Ngài là Đấng Quyền Năng, Đấng Sáng Suốt.

وَمَا جَعَلَهُ ٱللَّهُ إِلَّا بُشۡرَىٰ وَلِتَطۡمَئِنَّ بِهِۦ قُلُوبُكُمۡۚ وَمَا ٱلنَّصۡرُ إِلَّا مِنۡ عِندِ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ١٠

11. (Các ngươi - những người có đức tin, hãy nhớ lại lúc ở Badr) khi Ngài (Allah) làm cho các ngươi ngủ thiếp đi một giấc để trấn an (nỗi sợ hãi của các ngươi) và Ngài cho mưa từ trời xuống để thanh lọc các ngươi, để tẩy sạch vết bẩn của Shaytan, để củng cố tấm lòng của các ngươi thêm kiên cường và để giữ vững bàn chân của các ngươi.

إِذۡ يُغَشِّيكُمُ ٱلنُّعَاسَ أَمَنَةٗ مِّنۡهُ وَيُنَزِّلُ عَلَيۡكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ لِّيُطَهِّرَكُم بِهِۦ وَيُذۡهِبَ عَنكُمۡ رِجۡزَ ٱلشَّيۡطَٰنِ وَلِيَرۡبِطَ عَلَىٰ قُلُوبِكُمۡ وَيُثَبِّتَ بِهِ ٱلۡأَقۡدَامَ ١١

12. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ, hãy nhớ lại) khi Thượng Đế của Ngươi đã mặc khải cho các Thiên Thần: “Quả thật, TA luôn bên cạnh các ngươi, vì vậy, các ngươi hãy làm vững lòng những người có đức tin. TA sẽ gieo nỗi sợ hãi vào lòng của những kẻ vô đức tin. Do đó, các ngươi hãy đánh vào cổ và hãy đánh từng ngón tay của chúng.”

إِذۡ يُوحِي رَبُّكَ إِلَى ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ أَنِّي مَعَكُمۡ فَثَبِّتُواْ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۚ سَأُلۡقِي فِي قُلُوبِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلرُّعۡبَ فَٱضۡرِبُواْ فَوۡقَ ٱلۡأَعۡنَاقِ وَٱضۡرِبُواْ مِنۡهُمۡ كُلَّ بَنَانٖ ١٢

13. Sở dĩ chúng bị hậu quả như thế là do chúng đã chống đối Allah và Thiên Sứ của Ngài. Và kẻ nào dám chống đối Allah và Thiên Sứ của Ngài (thì hãy biết rằng) quả thật Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng trị.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ شَآقُّواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥۚ وَمَن يُشَاقِقِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَإِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ١٣

14. Đó là (hình phạt) dành cho các ngươi (hỡi những kẻ chống đối Allah và Thiên Sứ của Ngài). Bởi thế, các ngươi hãy nếm lấy nó và (các ngươi hãy nên biết) rằng những kẻ vô đức tin chắc chắn sẽ phải bị trừng phạt nơi Hỏa Ngục (vào Đời Sau).

ذَٰلِكُمۡ فَذُوقُوهُ وَأَنَّ لِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابَ ٱلنَّارِ ١٤

15. Hỡi những người có đức tin, khi các ngươi chạm trán với kẻ thù nơi sa trường thì các ngươi chớ quay lưng bỏ chạy.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا لَقِيتُمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ زَحۡفٗا فَلَا تُوَلُّوهُمُ ٱلۡأَدۡبَارَ ١٥

16. Ai quay lưng bỏ chạy vào ngày (chạm trán) đó, trừ phi chỉ để dụ địch vào bẫy hoặc chỉ để rút lui về nhập với đoàn quân của mình, bằng không, chắc chắn y sẽ phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Allah và nơi ở của y chắc chắn sẽ là Hỏa Ngục, một nơi ở vô cùng tồi tệ.

وَمَن يُوَلِّهِمۡ يَوۡمَئِذٖ دُبُرَهُۥٓ إِلَّا مُتَحَرِّفٗا لِّقِتَالٍ أَوۡ
مُتَحَيِّزًا إِلَىٰ فِئَةٖ فَقَدۡ بَآءَ بِغَضَبٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَمَأۡوَىٰهُ
جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ١٦

17. (Thật ra) các ngươi (hỡi những người có đức tin) không giết chúng (những kẻ đa thần tại Badr) mà chính Allah đã giết chúng, và không phải Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã ném khi Ngươi ném (một nắm đất tại Badr) mà chính Allah đã ném (làm cho họ mờ mắt). (Việc Ngài để các ngươi với số lượng quân binh ít chạm trán với địch có số lượng quân binh nhiều và hùng mạnh hơn) là để Ngài thử thách những người có đức tin bằng một sự thử thách tốt đẹp từ nơi Ngài. Quả thật, Allah hằng nghe, hằng biết.

فَلَمۡ تَقۡتُلُوهُمۡ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ قَتَلَهُمۡۚ وَمَا رَمَيۡتَ إِذۡ
رَمَيۡتَ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ رَمَىٰ وَلِيُبۡلِيَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ مِنۡهُ
بَلَآءً حَسَنًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ١٧

18. (Sự thắng lợi) đó của các ngươi là do Allah đã làm suy giảm kế hoạch của những kẻ vô đức tin.

ذَٰلِكُمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ مُوهِنُ كَيۡدِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٨

19. Nếu các ngươi (những kẻ đa thần) yêu cầu sự phân định rạch ròi thì nó đã xảy ra với các ngươi (tại Badr). Tuy nhiên, nếu các ngươi dừng lại thì sẽ tốt hơn cho các ngươi, còn nếu các ngươi tái diễn (việc tấn công) thì TA (Allah) cũng sẽ tái diễn (việc phù hộ họ chiến thắng và các ngươi vẫn tiếp tục thất bại) và lực lượng của các ngươi không giúp ích được gì cho các ngươi dẫu các ngươi có đông bao nhiêu đi chăng nữa, bởi quả thật Allah luôn sát cánh với những người có đức tin.

إِن تَسۡتَفۡتِحُواْ فَقَدۡ جَآءَكُمُ ٱلۡفَتۡحُۖ وَإِن تَنتَهُواْ
فَهُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡۖ وَإِن تَعُودُواْ نَعُدۡ وَلَن تُغۡنِيَ
عَنكُمۡ فِئَتُكُمۡ شَيۡـٔٗا وَلَوۡ كَثُرَتۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ مَعَ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٩

20. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy tuân lệnh Allah và Thiên Sứ của Ngài, các ngươi chớ đừng quay lưng với Y trong khi các ngươi vẫn đang nghe (các câu Kinh Qur'an được đọc cho các ngươi).

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَلَا تَوَلَّوۡاْ
عَنۡهُ وَأَنتُمۡ تَسۡمَعُونَ ٢٠

21. Các ngươi chớ đừng hành xử như những kẻ chỉ biết nói: "Chúng tôi đã nghe" nhưng thật ra họ không nghe.

وَلَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ قَالُواْ سَمِعۡنَا وَهُمۡ لَا
يَسۡمَعُونَ ٢١

22. Quả thật, loài vật xấu xa nhất đối với Allah là kẻ điếc, câm không hiểu gì.

۞إِنَّ شَرَّ ٱلدَّوَآبِّ عِندَ ٱللَّهِ ٱلصُّمُّ ٱلۡبُكۡمُ ٱلَّذِينَ لَا
يَعۡقِلُونَ ٢٢

23. Nếu Allah biết ở họ thực sự có điều tốt thì chắc chắn Ngài đã cho họ nghe (nhưng họ chẳng có điều tốt đẹp nào nên) cho dù Ngài có cho họ nghe (chân lý) thì họ vẫn ngoảnh đi.

وَلَوۡ عَلِمَ ٱللَّهُ فِيهِمۡ خَيۡرٗا لَّأَسۡمَعَهُمۡۖ وَلَوۡ أَسۡمَعَهُمۡ
لَتَوَلَّواْ وَّهُم مُّعۡرِضُونَ ٢٣

24. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy đáp lại lời mời gọi của Allah và Thiên Sứ (của Ngài) khi Y mời gọi các ngươi đến với điều giúp các ngươi sống (tốt lành). Các ngươi hãy biết rằng Allah can thiệp giữa một người và trái tim của y và rồi đây các ngươi sẽ phải quay về trình diện Ngài.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱسۡتَجِيبُواْ لِلَّهِ وَلِلرَّسُولِ إِذَا دَعَاكُمۡ لِمَا يُحۡيِيكُمۡۖ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَحُولُ بَيۡنَ ٱلۡمَرۡءِ وَقَلۡبِهِۦ وَأَنَّهُۥٓ إِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ ٢٤

25. Các ngươi (hỡi những người có đức tin) hãy coi chừng tai họa (của Allah giáng xuống) bởi lẽ không chỉ riêng những kẻ tội lỗi trong các ngươi sẽ phải hứng chịu (mà ngay cả các ngươi cũng phải vạ lây). Các ngươi hãy biết rằng Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

وَٱتَّقُواْ فِتۡنَةٗ لَّا تُصِيبَنَّ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنكُمۡ خَآصَّةٗۖ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٢٥

26. (Hỡi những người có đức tin), các ngươi hãy nhớ lại lúc các ngươi còn ở vùng đất (Makkah) chỉ là một nhóm thiểu số yếu thế luôn lo sợ bị vây bắt thủ tiêu. Thế rồi (Allah) đã ban cho các ngươi một nơi lánh nạn, tăng cường sức mạnh cho các ngươi qua sự trợ giúp của Ngài và ban cho các ngươi bổng lộc tốt sạch, mong rằng các ngươi biết tạ ơn (Ngài).

وَٱذۡكُرُوٓاْ إِذۡ أَنتُمۡ قَلِيلٞ مُّسۡتَضۡعَفُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ تَخَافُونَ أَن يَتَخَطَّفَكُمُ ٱلنَّاسُ فَـَٔاوَىٰكُمۡ وَأَيَّدَكُم بِنَصۡرِهِۦ وَرَزَقَكُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٢٦

27. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi đừng lừa dối Allah và Sứ Giả (Muhammad), và các ngươi chớ gian lận những tín vật được ủy thác cho các ngươi trong lúc các ngươi biết rõ (đó là lừa dối và bất tín).

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَخُونُواْ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَ وَتَخُونُوٓاْ أَمَٰنَٰتِكُمۡ وَأَنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٢٧

28. Các ngươi hãy biết rằng tài sản và con cái của các ngươi thật ra chỉ là một sự thử thách, nhưng ở nơi Allah chắc chắn sẽ có một phần thưởng vĩ đại.

وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَآ أَمۡوَٰلُكُمۡ وَأَوۡلَٰدُكُمۡ فِتۡنَةٞ وَأَنَّ ٱللَّهَ عِندَهُۥٓ أَجۡرٌ عَظِيمٞ ٢٨

29. Hỡi những người có đức tin, nếu các ngươi sợ Allah, Ngài sẽ phú cho các ngươi tiêu chuẩn phân biệt (lẽ phải) đồng thời sẽ xóa tội lỗi của các ngươi và tha thứ cho các ngươi. Quả thật, Allah có vô vàn thiên ân vĩ đại.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِن تَتَّقُواْ ٱللَّهَ يَجۡعَل لَّكُمۡ فُرۡقَانٗا وَيُكَفِّرۡ عَنكُمۡ سَيِّـَٔاتِكُمۡ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡۗ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ٢٩

30. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ Muhammad, hãy nhớ lại) khi những kẻ vô đức tin mưu định giam cầm Ngươi hoặc sát hại Ngươi hoặc trục xuất Ngươi ra khỏi xứ. Chúng hoạch định mưu kế và Allah cũng hoạch định (mưu kế của Ngài), tuy nhiên, Allah là Đấng hoạch định ưu việt.

وَإِذۡ يَمۡكُرُ بِكَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لِيُثۡبِتُوكَ أَوۡ يَقۡتُلُوكَ أَوۡ يُخۡرِجُوكَۚ وَيَمۡكُرُونَ وَيَمۡكُرُ ٱللَّهُۖ وَٱللَّهُ خَيۡرُ ٱلۡمَٰكِرِينَ ٣٠

31. (Những kẻ đa thần), khi các Lời Mặc khải của TA được xướng đọc cho chúng thì chúng bảo: “Thật ra chúng tôi đã từng nghe (những điều này). Nếu chúng tôi muốn, chúng tôi có thể sáng tác những lời tương tự. Đây chẳng qua chỉ là những câu chuyện cổ tích thời xưa.”

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا قَالُواْ قَدۡ سَمِعۡنَا لَوۡ نَشَآءُ لَقُلۡنَا مِثۡلَ هَٰذَآ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّآ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٣١

32. (Ngươi - hỡi Thiên Sứ Muhammad, hãy nhớ lại) khi chúng (những kẻ đa thần) cầu nguyện (mang tính thách thức): "Lạy Allah, nếu như điều (mà Muhammad mang đến) là sự thật thì xin Ngài hãy cho trận mưa đá từ trên trời trút xuống đè chúng tôi hoặc xin Ngài hãy mang đến cho chúng tôi một hình phạt đau đớn!"

وَإِذۡ قَالُواْ ٱللَّهُمَّ إِن كَانَ هَٰذَا هُوَ ٱلۡحَقَّ مِنۡ عِندِكَ فَأَمۡطِرۡ عَلَيۡنَا حِجَارَةٗ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ أَوِ ٱئۡتِنَا بِعَذَابٍ أَلِيمٖ ٣٢

33. (Quả thật), Allah không trừng phạt (cộng đồng của Ngươi) khi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) vẫn đang sống giữa bọn họ, và Allah cũng không trừng phạt họ khi họ vẫn còn cầu xin (TA) tha thứ.

وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُعَذِّبَهُمۡ وَأَنتَ فِيهِمۡۚ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ مُعَذِّبَهُمۡ وَهُمۡ يَسۡتَغۡفِرُونَ ٣٣

34. Sao Allah không trừng phạt chúng (những kẻ đa thần) khi mà chúng ngăn cản (thiên hạ) vào Masjid Haram (Makkah). Chúng đâu phải là những người bảo quản Nó. Quả thật, chỉ những người ngoan đạo (sợ Allah) mới là những người bảo quản Nó. Tuy nhiên, đa số bọn chúng không biết (điều đó).

وَمَا لَهُمۡ أَلَّا يُعَذِّبَهُمُ ٱللَّهُ وَهُمۡ يَصُدُّونَ عَنِ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ وَمَا كَانُوٓاْ أَوۡلِيَآءَهُۥٓۚ إِنۡ أَوۡلِيَآؤُهُۥٓ إِلَّا ٱلۡمُتَّقُونَ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٤

35. Lễ nguyện Salah của chúng (những kẻ đa thần) tại Ngôi Đền (Ka'bah) không gì hơn ngoài việc huýt sáo và vỗ tay. Vì vậy, các ngươi hãy nếm lấy hình phạt bởi những gì các ngươi đã phủ nhận.

وَمَا كَانَ صَلَاتُهُمۡ عِندَ ٱلۡبَيۡتِ إِلَّا مُكَآءٗ وَتَصۡدِيَةٗۚ فَذُوقُواْ ٱلۡعَذَابَ بِمَا كُنتُمۡ تَكۡفُرُونَ ٣٥

36. Quả thật, những kẻ vô đức tin thường chi dùng tài sản của chúng vào việc ngăn chặn con đường chính đạo của Allah. Vì vậy, chúng sẽ tiếp tục chi dùng tài sản của chúng (vào việc đó), rồi đây chúng sẽ phải hối tiếc và cuối cùng chúng sẽ thất bại. Quả thật, những kẻ vô đức tin sẽ bị đày vào Hỏa Ngục (ở Đời Sau).

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُمۡ لِيَصُدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۚ فَسَيُنفِقُونَهَا ثُمَّ تَكُونُ عَلَيۡهِمۡ حَسۡرَةٗ ثُمَّ يُغۡلَبُونَۗ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِلَىٰ جَهَنَّمَ يُحۡشَرُونَ ٣٦

37. Mục đích để Allah tách biệt (những kẻ vô đức tin) bẩn thỉu ra khỏi (những người có đức tin) tốt lành và để Ngài nhập chung tất cả những kẻ bẩn thỉu lại thành một đống chất chồng lên nhau trong Hỏa Ngục. Chúng là những kẻ thất bại và thua thiệt.

لِيَمِيزَ ٱللَّهُ ٱلۡخَبِيثَ مِنَ ٱلطَّيِّبِ وَيَجۡعَلَ ٱلۡخَبِيثَ بَعۡضَهُۥ عَلَىٰ بَعۡضٖ فَيَرۡكُمَهُۥ جَمِيعٗا فَيَجۡعَلَهُۥ فِي جَهَنَّمَۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ٣٧

38. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo những kẻ vô đức tin nếu chúng biết dừng lại (việc ngăn chặn Islam và có đức tin nơi Allah) thì tội lỗi của chúng trong quá khứ sẽ được tha thứ, còn nếu chúng tiếp tục ngoan cố thì quả thật tiền lệ của các dân tộc [nổi loạn] trước đây (sẽ là sự cảnh báo dành cho chúng)."

قُل لِّلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِن يَنتَهُواْ يُغۡفَرۡ لَهُم مَّا قَدۡ سَلَفَ وَإِن يَعُودُواْ فَقَدۡ مَضَتۡ سُنَّتُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٣٨

39. Các ngươi (những người có đức tin) hãy tiếp tục đánh chúng cho đến khi nào chúng chấm dứt hành động quấy nhiễu (ngăn cản mọi người đến với tôn giáo Islam) và cho đến khi tôn giáo hoàn toàn thuộc về (một mình) Allah. Nhưng nếu chúng chịu dừng lại thì chắc chắn Allah hằng thấy rõ mọi hành động của chúng.

وَقَٰتِلُوهُمۡ حَتَّىٰ لَا تَكُونَ فِتۡنَةٞ وَيَكُونَ ٱلدِّينُ كُلُّهُۥ لِلَّهِۚ فَإِنِ ٱنتَهَوۡاْ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِمَا يَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ٣٩

40. Còn nếu chúng từ chối thì các ngươi hãy biết rằng Allah chính là Đấng Bảo Hộ của các ngươi. Đấng Bảo Hộ ưu việt, Đấng Trợ Giúp ưu việt.

وَإِن تَوَلَّوۡاْ فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ مَوۡلَىٰكُمۡۚ نِعۡمَ ٱلۡمَوۡلَىٰ
وَنِعۡمَ ٱلنَّصِيرُ ٤٠

41. Các ngươi (những người có đức tin) hãy biết rằng bất cứ thứ gì (từ chiến lợi phẩm) mà các ngươi thu được trên chiến trường thì (các ngươi phải chia thành 5 phần, trong đó bốn phần là của những người tham chiến), một phần năm còn lại là của Allah, của Thiên Sứ (Muhammad), của dòng họ (của Thiên Sứ)(1), của trẻ mồ côi, của người nghèo và người lỡ đường, nếu các ngươi có đức tin nơi Allah và nơi những gì TA đã mặc khải cho người bề tôi (Muhammad) của TA vào ngày phân biệt (giữa chính và tà), ngày mà hai phe (những người Muslim và những kẻ đa thần Quraish) gặp nhau (tại Badr). Quả thật, Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.[1]

۞وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَا غَنِمۡتُم مِّن شَيۡءٖ فَأَنَّ لِلَّهِ خُمُسَهُۥ
وَلِلرَّسُولِ وَلِذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱبۡنِ
ٱلسَّبِيلِ إِن كُنتُمۡ ءَامَنتُم بِٱللَّهِ وَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَىٰ
عَبۡدِنَا يَوۡمَ ٱلۡفُرۡقَانِ يَوۡمَ ٱلۡتَقَى ٱلۡجَمۡعَانِۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ
كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ٤١

42. Các ngươi (những người có đức tin) hãy nhớ lại lúc các ngươi ở phía bên này gần (thung lũng Badr) và họ (những kẻ đa thần Quraish) ở phía bên kia cách xa (thung lũng) hơn, còn đoàn khách thương thì ở vị trí thấp hơn các ngươi (đang di chuyển về hướng biển đỏ). Nếu như các ngươi đã hẹn giao chiến (với chúng từ trước) thì chắc chắn các ngươi đã gặp phải sự thất bại. Tuy nhiên, (cuộc giao chiến đã diễn ra) là bởi vì Allah muốn hoàn thành một vấn đề đã được định sẵn, (đó là) để ai tới số chết thì phải chết theo bằng chứng rõ ràng và ai vẫn còn sống thì sẽ sống theo bằng chứng rõ ràng. Quả thật, Allah hằng nghe, hằng biết.

إِذۡ أَنتُم بِٱلۡعُدۡوَةِ ٱلدُّنۡيَا وَهُم بِٱلۡعُدۡوَةِ ٱلۡقُصۡوَىٰ
وَٱلرَّكۡبُ أَسۡفَلَ مِنكُمۡۚ وَلَوۡ تَوَاعَدتُّمۡ لَٱخۡتَلَفۡتُمۡ فِي
ٱلۡمِيعَٰدِ وَلَٰكِن لِّيَقۡضِيَ ٱللَّهُ أَمۡرٗا كَانَ مَفۡعُولٗا
لِّيَهۡلِكَ مَنۡ هَلَكَ عَنۢ بَيِّنَةٖ وَيَحۡيَىٰ مَنۡ حَيَّ عَنۢ
بَيِّنَةٖۗ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَسَمِيعٌ عَلِيمٌ ٤٢

43. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), Ngươi hãy nhớ lại việc Allah đã cho Ngươi nằm mơ thấy số lượng của quân địch chỉ là số ít. Nếu Ngài cho Ngươi thấy chúng là một lực lượng đông đảo thì chắc chắn các ngươi đã yếu lòng và lo sợ, chắc chắn các ngươi đã tranh cãi nhau về việc (có nên giao chiến với quân địch hay không). Tuy nhiên, Allah đã phù hộ cho các ngươi được bình an. Quả thật, Ngài biết rõ những điều nằm trong lòng (của mọi người).

إِذۡ يُرِيكَهُمُ ٱللَّهُ فِي مَنَامِكَ قَلِيلٗاۖ وَلَوۡ أَرَىٰكَهُمۡ
كَثِيرٗا لَّفَشِلۡتُمۡ وَلَتَنَٰزَعۡتُمۡ فِي ٱلۡأَمۡرِ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ
سَلَّمَۚ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٤٣

44. Các ngươi (những người có đức tin) hãy nhớ lại khi (Allah) đã làm cho các ngươi thấy (quân địch) chỉ gồm một lực lượng ít ỏi trong mắt của các ngươi (để các ngươi can đảm giao chiến với chúng), đồng thời Ngài làm cho (chúng thấy) các ngươi chỉ là một lực lượng rất ít trong mắt của chúng (khiến chúng khinh thường và chủ quan), mục đích để Allah hoàn thành sự việc đã được định sẵn. Quả thật, mọi sự việc đều được đưa về trình Allah.

وَإِذۡ يُرِيكُمُوهُمۡ إِذِ ٱلۡتَقَيۡتُمۡ فِيٓ أَعۡيُنِكُمۡ قَلِيلٗا
وَيُقَلِّلُكُمۡ فِيٓ أَعۡيُنِهِمۡ لِيَقۡضِيَ ٱللَّهُ أَمۡرٗا كَانَ
مَفۡعُولٗاۗ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ ٤٤

[1] (1) Dòng họ của Thiên Sứ là những người thuộc con cháu của ông cố Hashim và ông nội Al-Muttalib của Người.

45. Hỡi những người có đức tin, khi các ngươi chạm trán với một toán nào đó (của địch) thì các ngươi hãy đứng vững (không bỏ chạy) và hãy tụng niệm Allah thật nhiều, mong rằng các ngươi thành công.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا لَقِيتُمۡ فِئَةٗ فَٱثۡبُتُواْ وَٱذۡكُرُواْ
ٱللَّهَ كَثِيرٗا لَّعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ٤٥

46. Các ngươi hãy tuân lệnh Allah và Sứ Giả của Ngài; các ngươi đừng bất đồng và tranh cãi nhau kẻo các ngươi mất đi sức mạnh và trở nên hèn yếu. Các ngươi hãy kiên nhẫn, bởi quả thật Allah ở cùng với những người kiên nhẫn.

وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَلَا تَنَٰزَعُواْ فَتَفۡشَلُواْ
وَتَذۡهَبَ رِيحُكُمۡۖ وَٱصۡبِرُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ مَعَ
ٱلصَّٰبِرِينَ ٤٦

47. Các ngươi đừng giống như những kẻ (đa thần) rời xứ sở (Makkah) của chúng với dáng điệu ngạo mạn và thái độ xấc xược, muốn phô trương uy thế và sức mạnh cho thiên hạ thấy và muốn ngăn cản (thiên hạ) khỏi con đường của Allah. Tuy nhiên, Allah bao quát tất cả những gì chúng làm.

وَلَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ خَرَجُواْ مِن دِيَٰرِهِم بَطَرٗا
وَرِئَآءَ ٱلنَّاسِ وَيَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ بِمَا
يَعۡمَلُونَ مُحِيطٞ ٤٧

48. Các ngươi (những người có đức tin) hãy nhớ lại việc Shaytan đã làm cho việc làm của (những kẻ đa thần) trở nên đẹp đẽ đối với chúng và hắn nói với chúng: “Ngày hôm nay, không ai trong thiên hạ có thể thắng được các người và ta sẽ luôn bên cạnh các người.” Thế nhưng, khi hai phe (Muslim và những kẻ đa thần) chạm trán nhau thì hắn lại quay lưng bỏ chạy và nói với (những kẻ đa thần): “Thật ra ta đây không dính líu gì với các người, ta thực sự thấy thứ mà các người không nhìn thấy, ta thực sự sợ Allah, bởi Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.”

وَإِذۡ زَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ وَقَالَ لَا غَالِبَ
لَكُمُ ٱلۡيَوۡمَ مِنَ ٱلنَّاسِ وَإِنِّي جَارٞ لَّكُمۡۖ فَلَمَّا
تَرَآءَتِ ٱلۡفِئَتَانِ نَكَصَ عَلَىٰ عَقِبَيۡهِ وَقَالَ إِنِّي
بَرِيٓءٞ مِّنكُمۡ إِنِّيٓ أَرَىٰ مَا لَا تَرَوۡنَ إِنِّيٓ أَخَافُ ٱللَّهَۚ
وَٱللَّهُ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٤٨

49. Các ngươi (những người có đức tin) hãy nhớ lại khi những kẻ giả tạo đức tin và những kẻ mà trong con tim của chúng mang chứng bệnh (hoài nghi) nói: “Đám người (Muslim) này, tôn giáo của họ đã lừa họ (rằng họ sẽ thắng kẻ thù trong khi họ với lực lượng ít ỏi còn kẻ thù thì đông và mạnh)”. Tuy nhiên, người nào phó thác cho Allah thì (sẽ thấy) Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

إِذۡ يَقُولُ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ وَٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ غَرَّ
هَٰٓؤُلَآءِ دِينُهُمۡۗ وَمَن يَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِ فَإِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ
حَكِيمٞ ٤٩

50. Giá như Ngươi (hỡi Thiên Sứ) thấy được cảnh tượng khi các Thiên Thần bắt hồn những kẻ vô đức tin bằng cách đánh vào mặt và lưng của chúng; và (các Thiên Thần bảo chúng): “Các ngươi hãy nếm lấy hình phạt của Lửa thiêu đốt!”

وَلَوۡ تَرَىٰٓ إِذۡ يَتَوَفَّى ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ
يَضۡرِبُونَ وُجُوهَهُمۡ وَأَدۡبَٰرَهُمۡ وَذُوقُواْ عَذَابَ
ٱلۡحَرِيقِ ٥٠

51. Đấy là (hậu quả) cho những gì mà đôi bàn tay của các ngươi đã gửi đi trước và Allah không hề bất công với bất cứ người bề tôi nào (của Ngài).

ذَٰلِكَ بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيكُمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَيۡسَ بِظَلَّٰمٖ
لِّلۡعَبِيدِ ٥١

52. (Cung cách của chúng) giống như cung cách của Pha-ra-ông và những kẻ trước chúng. Tất cả đều đã phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA nên Allah đã bắt phạt chúng bởi tội lỗi của chúng. Thật vậy, Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

كَدَأۡبِ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ وَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَفَرُواْ
بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُ بِذُنُوبِهِمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ قَوِيّٞ
شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٥٢

53. Đấy là (hậu quả), bởi Allah không thay đổi hồng ân mà Ngài đã ban cho đám người nào đó cho đến khi họ tự thay đổi bản thân mình (từ tình trạng có đức tin và biết ơn trở thành sự vô đức tin và vong ơn). Thật vậy, Allah hằng nghe, hằng biết.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ لَمۡ يَكُ مُغَيِّرٗا نِّعۡمَةً أَنۡعَمَهَا عَلَىٰ قَوۡمٍ
حَتَّىٰ يُغَيِّرُواْ مَا بِأَنفُسِهِمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ٥٣

54. (Cung cách của chúng) giống như cung cách của Pha-ra-ông và những kẻ trước chúng. Tất cả đều đã phủ nhận các Lời Mặc Khải của Thượng Đế của chúng nên TA đã tiêu diệt chúng bởi tội lỗi của chúng. TA đã nhấn chìm thuộc hạ của Pha-ra-ông bởi vì tất cả bọn chúng đều là những kẻ sai quấy.

كَدَأۡبِ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ وَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَذَّبُواْ
بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ فَأَهۡلَكۡنَٰهُم بِذُنُوبِهِمۡ وَأَغۡرَقۡنَآ ءَالَ
فِرۡعَوۡنَۚ وَكُلّٞ كَانُواْ ظَٰلِمِينَ ٥٤

55. Đối với Allah, loài vật xấu nhất là những kẻ vô ơn, không có đức tin.

إِنَّ شَرَّ ٱلدَّوَآبِّ عِندَ ٱللَّهِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَهُمۡ لَا
يُؤۡمِنُونَ ٥٥

56. (Chúng là) những kẻ mà Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) đã giao ước với chúng nhưng rồi chúng lại đơn phương phá vỡ giao ước hết lần này đến lần khác và chúng không sợ (Allah).

ٱلَّذِينَ عَٰهَدتَّ مِنۡهُمۡ ثُمَّ يَنقُضُونَ عَهۡدَهُمۡ فِي كُلِّ
مَرَّةٖ وَهُمۡ لَا يَتَّقُونَ ٥٦

57. Nếu như Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) gặp chúng trong trận chiến thì các ngươi hãy đánh bại chúng để làm bài học cảnh cáo cho những ai sau chúng, mong là chúng biết ghi nhớ.

فَإِمَّا تَثۡقَفَنَّهُمۡ فِي ٱلۡحَرۡبِ فَشَرِّدۡ بِهِم مَّنۡ خَلۡفَهُمۡ
لَعَلَّهُمۡ يَذَّكَّرُونَ ٥٧

58. Còn nếu như Ngươi lo sợ đám người nào đó bội ước trước thì Ngươi hãy ném (giao ước của chúng) lại cho chúng bởi lẽ Allah thực sự không yêu thương những kẻ bội ước.

وَإِمَّا تَخَافَنَّ مِن قَوۡمٍ خِيَانَةٗ فَٱنۢبِذۡ إِلَيۡهِمۡ عَلَىٰ سَوَآءٍۚ
إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلۡخَآئِنِينَ ٥٨

59. Những kẻ vô đức tin đừng tưởng sẽ thoát được sự trừng phạt của Allah, chắc chắn bọn chúng không bao giờ ngăn cản được (hình phạt của) Ngài.

وَلَا يَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ سَبَقُوٓاْۚ إِنَّهُمۡ لَا
يُعۡجِزُونَ ٥٩

60. Các ngươi (những người có đức tin) hãy chuẩn bị chống lại chúng bằng bất cứ thứ gì có thể, từ sức mạnh và các con chiến mã, để cho kẻ thù của Allah và kẻ thù của các ngươi cũng như những kẻ khác ngoài chúng mà các ngươi không biết nhưng Allah thì biết rõ về chúng kinh hồn khiếp vía. Và bất cứ thứ gì các ngươi đã chi dùng cho con đường chính nghĩa của Allah đều sẽ được Ngài bù

وَأَعِدُّواْ لَهُم مَّا ٱسۡتَطَعۡتُم مِّن قُوَّةٖ وَمِن رِّبَاطِ
ٱلۡخَيۡلِ تُرۡهِبُونَ بِهِۦ عَدُوَّ ٱللَّهِ وَعَدُوَّكُمۡ وَءَاخَرِينَ
مِن دُونِهِمۡ لَا تَعۡلَمُونَهُمُ ٱللَّهُ يَعۡلَمُهُمۡۚ وَمَا تُنفِقُواْ

đắp lại cho các ngươi, và tất nhiên các ngươi sẽ không bị đối xử bất công.

مِن شَيۡءٖ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ يُوَفَّ إِلَيۡكُمۡ وَأَنتُمۡ لَا
تُظۡلَمُونَ ٦٠

61. Nhưng nếu kẻ thù muốn nghị hòa với các ngươi thì Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nghị hòa với chúng; và các ngươi hãy phó thác cho Allah, quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

۞وَإِن جَنَحُواْ لِلسَّلۡمِ فَٱجۡنَحۡ لَهَا وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۚ
إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٦١

62. Nếu như chúng muốn (lợi dụng sự nghị hòa) để lừa Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thì quả thật một mình Allah đã đủ giúp Ngươi. Ngài là Đấng sẽ hỗ trợ cho Ngươi với sự giúp đỡ của Ngài và với những người có đức tin.

وَإِن يُرِيدُوٓاْ أَن يَخۡدَعُوكَ فَإِنَّ حَسۡبَكَ ٱللَّهُۚ هُوَ
ٱلَّذِيٓ أَيَّدَكَ بِنَصۡرِهِۦ وَبِٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٦٢

63. Ngài đã liên kết con tim của (những người có đức tin) lại với nhau. Cho dù Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có chi dùng hết mọi thứ trên trái đất thì cũng không thể liên kết được trái tim của họ. Chính Allah đã liên kết và mang họ lại với nhau. Thật vậy, Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

وَأَلَّفَ بَيۡنَ قُلُوبِهِمۡۚ لَوۡ أَنفَقۡتَ مَا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا
مَّآ أَلَّفۡتَ بَيۡنَ قُلُوبِهِمۡ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ أَلَّفَ بَيۡنَهُمۡۚ
إِنَّهُۥ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٦٣

64. Hỡi Nabi (Muhammad), một mình Allah đã đủ giúp cho Ngươi và cho những người có đức tin theo Ngươi.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ حَسۡبُكَ ٱللَّهُ وَمَنِ ٱتَّبَعَكَ مِنَ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٦٤

65. Hỡi Nabi (Muhammad), Ngươi hãy động viên những người có đức tin đi chinh chiến. Nếu trong các ngươi có hai mươi người kiên định (trong chiến đấu) thì chắc chắn sẽ đánh bại hai trăm người và nếu trong các ngươi có một trăm người (kiên định trong chiến đấu) thì chắc chắn sẽ đánh bại một ngàn người vô đức tin bởi chúng là đám người không hiểu.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ حَرِّضِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ عَلَى ٱلۡقِتَالِۚ إِن
يَكُن مِّنكُمۡ عِشۡرُونَ صَٰبِرُونَ يَغۡلِبُواْ مِاْئَتَيۡنِۚ
وَإِن يَكُن مِّنكُم مِّاْئَةٞ يَغۡلِبُوٓاْ أَلۡفٗا مِّنَ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ لَّا يَفۡقَهُونَ ٦٥

66. Giờ đây, Allah đã giảm (khó khăn) cho các ngươi bởi Ngài biết trong các ngươi có sự yếu ớt. Vì vậy, nếu trong các ngươi có một trăm người kiên định (trong chiến đấu) thì chắc chắn sẽ đánh bại hai trăm người, và nếu trong các ngươi có một ngàn người (kiên định trong chiến đấu) thì chắc chắn sẽ đánh bại hai ngàn người dưới sự cho phép của Allah. Quả thật, Allah luôn ở cùng những người kiên định.

ٱلۡـَٰٔنَ خَفَّفَ ٱللَّهُ عَنكُمۡ وَعَلِمَ أَنَّ فِيكُمۡ ضَعۡفٗاۚ
فَإِن يَكُن مِّنكُم مِّاْئَةٞ صَابِرَةٞ يَغۡلِبُواْ مِاْئَتَيۡنِۚ
وَإِن يَكُن مِّنكُمۡ أَلۡفٞ يَغۡلِبُوٓاْ أَلۡفَيۡنِ بِإِذۡنِ ٱللَّهِۗ
وَٱللَّهُ مَعَ ٱلصَّٰبِرِينَ ٦٦

67. Là một vị Nabi, Y không nên giữ lại các tù binh (trong chiến tranh) mà (hãy giết hết bọn chúng) không chừa tên nào sống trên trái đất.(2) Các ngươi muốn vật chất của

مَا كَانَ لِنَبِيٍّ أَن يَكُونَ لَهُۥٓ أَسۡرَىٰ حَتَّىٰ يُثۡخِنَ فِي
ٱلۡأَرۡضِۚ تُرِيدُونَ عَرَضَ ٱلدُّنۡيَا وَٱللَّهُ يُرِيدُ ٱلۡأٓخِرَةَۗ
وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٦٧

trần gian còn Allah muốn (cuộc sống) Đời Sau. Quả thật Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.[1]

68. Nếu như Allah đã không an bày trước trong quyển Kinh nơi Ngài thì chắc chắn các ngươi sẽ gặp phải sự trừng phạt khủng khiếp cho việc các ngươi đã nhận lấy (tiền chuộc mạng và thả các tù binh).

لَّوۡلَا كِتَٰبٞ مِّنَ ٱللَّهِ سَبَقَ لَمَسَّكُمۡ فِيمَآ أَخَذۡتُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٦٨

69. Tuy nhiên, (sự việc đã xong), giờ các ngươi hãy thụ hưởng những gì hợp pháp, tốt sạch mà các ngươi đã thu được từ chiến lợi phẩm. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

فَكُلُواْ مِمَّا غَنِمۡتُمۡ حَلَٰلٗا طَيِّبٗاۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٦٩

70. Hỡi Nabi (Muhammad), Ngươi hãy nói với những tù binh đang trong tay của các ngươi: "Nếu như Allah thấy được điều tốt trong con tim của các ngươi thì Ngài sẽ ban cho các ngươi những thứ tốt đẹp hơn những gì các ngươi đã bị tịch thu và sẽ tha thứ cho các ngươi. Thật vậy, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ."

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ قُل لِّمَن فِيٓ أَيۡدِيكُم مِّنَ ٱلۡأَسۡرَىٰٓ إِن يَعۡلَمِ ٱللَّهُ فِي قُلُوبِكُمۡ خَيۡرٗا يُؤۡتِكُمۡ خَيۡرٗا مِّمَّآ أُخِذَ مِنكُمۡ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٧٠

71. Còn nếu như (những kẻ thờ đa thần ở Makkah) có ý lừa Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thì (Ngươi hãy biết rằng) quả thật trước đây chúng cũng đã từng lừa Allah như thế. Vì vậy, Ngài đã giúp các ngươi đánh bại chúng. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Sáng Suốt.

وَإِن يُرِيدُواْ خِيَانَتَكَ فَقَدۡ خَانُواْ ٱللَّهَ مِن قَبۡلُ فَأَمۡكَنَ مِنۡهُمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ٧١

72. Quả thật, những người có đức tin và (vì đức tin của mình) đã di cư(3) và đã chiến đấu bằng tài sản và tính mạng của mình cho con đường chính nghĩa của Allah, cũng như những người đã cho họ chỗ tị nạn và giúp đỡ họ. Những người đó là đồng minh bảo vệ lẫn nhau. Còn những người có đức tin nhưng không di cư thì các ngươi (những người có đức tin) không có bất cứ trách nhiệm nào trong việc bảo vệ họ cho đến khi họ di cư cùng các ngươi. Trường hợp họ yêu cầu các ngươi trợ giúp họ về mặt tôn giáo (vì kẻ thù đàn áp họ) thì các ngươi hãy giúp đỡ họ, ngoại trừ giữa các ngươi và kẻ thù của họ có giao

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱلَّذِينَ ءَاوَواْ وَّنَصَرُوٓاْ أُوْلَٰٓئِكَ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٖۚ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَلَمۡ يُهَاجِرُواْ مَا لَكُم مِّن وَلَٰيَتِهِم مِّن شَيۡءٍ حَتَّىٰ يُهَاجِرُواْۚ وَإِنِ ٱسۡتَنصَرُوكُمۡ فِي ٱلدِّينِ فَعَلَيۡكُمُ ٱلنَّصۡرُ إِلَّا عَلَىٰ قَوۡمِۭ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُم مِّيثَٰقٞۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ٧٢

[1] (2) Mệnh lệnh trong câu Kinh này đã bị xóa và được thế bằng mệnh lệnh trong câu 4 của chương 47 – Muhammad: "Vì vậy, khi các ngươi (hỡi những người có đức tin) giáp mặt với những kẻ vô đức tin (trong trận chiến) thì các ngươi hãy đánh vào cổ của chúng cho đến khi các ngươi thắng được chúng, rồi các ngươi hãy trói chặt chúng lại; sau đó, hoặc các ngươi trả tự do hoặc các ngươi bắt chúng chuộc mạng cho đến khi cuộc chiến chấm dứt. Đó (là lệnh của Allah). Và nếu muốn, Allah có thể đích thân trừng phạt chúng, tuy nhiên, Ngài muốn dùng người này để thử thách người kia. Và những ai bị giết vì con đường của Allah thì Ngài sẽ không bao giờ làm mất công lao của họ." Thật ra, nguyên nhân câu Kinh 67 trên được mặc khải xuống là: Sau khi những người có đức tin đã giành chiến thắng những kẻ thờ đa thần Quraish trong trận Badr. Những người có đức tin đã bắt được 70 người từ phe địch làm tù binh. Thiên Sứ của Allah đã tham khảo ý kiến các vị Sahabah về việc xử trí những tù binh này như thế nào. Ông Abu Bakr thì cho rằng nên lấy tiền chuộc và thả họ. Ông Umar thì bảo rằng nên chém đầu họ tất cả để gieo nỗi sợ hãi cho kẻ thù như một sự cảnh cáo. Và cuối cùng Thiên Sứ đã lấy ý kiến của ông Abu Bakr và đã xử trí các tù binh theo ý kiến này. Thế là Allah đã mặc khải xuống câu Kinh 67 trên để khẳng định quan điểm của ông 'Umar là đúng và hợp lý trong thời điểm đó; bởi lẽ trong trận chiến Badr lực lượng của Islam vẫn còn ít, nếu xử trí các tù binh bằng cách nhận tiền chuộc và thả họ thì sẽ là bất lợi cho Islam.

ước (thì các ngươi không được vi phạm giao ước). Quả thật, Allah nhìn thấy hết những gì của các ngươi làm.[1]

73. Những kẻ vô đức tin là đồng minh của nhau. Nếu các ngươi (những người có đức tin) không thực hiện (việc bảo vệ lẫn nhau) thì e rằng sự áp bức và bất công sẽ đầy rẫy khắp nơi trên trái đất và sự thối nát sẽ to lớn.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٍۚ إِلَّا تَفۡعَلُوهُ
تَكُن فِتۡنَةٞ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَفَسَادٞ كَبِيرٞ ٧٣

74. Những người có đức tin và (vì đức tin của mình) đã di cư và đã chiến đấu bằng tài sản và tính mạng của mình cho con đường chính nghĩa của Allah, cũng như những người đã cho họ chỗ tị nạn và giúp đỡ họ. Những người đó là những người có đức tin thực sự, họ sẽ được sự tha thứ và bổng lộc dồi dào (ở nơi Thiên Đàng).

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ
وَٱلَّذِينَ ءَاوَواْ وَّنَصَرُوٓاْ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ حَقّٗاۚ
لَّهُم مَّغۡفِرَةٞ وَرِزۡقٞ كَرِيمٞ ٧٤

75. Những người có đức tin sau đó và đã di cư và đã chiến đấu cùng các ngươi (những người có đức tin) thì họ là những người cùng phe với các ngươi. Và trong Kinh Sách của Allah, bà con ruột thịt xứng đáng hưởng tài sản thừa kế của nhau hơn (những người là anh em trong đạo). Quả thật, Allah hằng biết tất cả mọi thứ.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنۢ بَعۡدُ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ مَعَكُمۡ
فَأُوْلَٰٓئِكَ مِنكُمۡۚ وَأُوْلُواْ ٱلۡأَرۡحَامِ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلَىٰ
بِبَعۡضٖ فِي كِتَٰبِ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمُۢ ٧٥

[1] (3) Di cư trong Islam còn gọi là Hijrah có nghĩa là dời cư từ vùng đất những người vô đức tin đến với vùng đất Islam. Cuộc Hijrah chỉ bắt buộc khi những người Muslim gặp sự khó khăn trong việc sinh hoạt thờ phượng Allah cũng như bị áp bức từ phía những người ngoại đạo.

At-Tawbah (Sự Sám Hối) التوبة

1. (Hỡi những người có đức tin, đây là một tuyên bố về) sự chấm dứt (hiệp ước) từ Allah và Thiên Sứ của Ngài đến những kẻ đa thần mà các ngươi đã ký kết.

بَرَآءَةٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦٓ إِلَى ٱلَّذِينَ عَٰهَدتُّم مِّنَ
ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١

2. Vì vậy, trong thời hạn bốn tháng(1), các ngươi (những người đa thần) được tự do đi lại trong xứ và các ngươi phải biết là các ngươi không thể thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah và chắc chắn Allah sẽ hạ nhục những kẻ vô đức tin.[1]

فَسِيحُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ أَرۡبَعَةَ أَشۡهُرٖ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّكُمۡ
غَيۡرُ مُعۡجِزِي ٱللَّهِ وَأَنَّ ٱللَّهَ مُخۡزِي ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢

3. Và (đó là) một thông báo từ Allah và Thiên Sứ của Ngài đến mọi người vào ngày Đại Lễ hành hương Hajj rằng Allah và Thiên Sứ của Ngài chấm dứt (hiệp ước) với những người đa thần. Vì vậy, nếu các ngươi (những người đa thần) biết hối cải thì điều đó tốt cho các ngươi, còn nếu các ngươi quay lưng bỏ đi thì các ngươi hãy biết rằng các ngươi không thể thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah. Và Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy báo tin cho những người vô đức tin về sự trừng phạt đau đớn (đang chờ họ phía trước).

وَأَذَٰنٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦٓ إِلَى ٱلنَّاسِ يَوۡمَ ٱلۡحَجِّ
ٱلۡأَكۡبَرِ أَنَّ ٱللَّهَ بَرِيٓءٞ مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ وَرَسُولُهُۥۚ
فَإِن تُبۡتُمۡ فَهُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡۖ وَإِن تَوَلَّيۡتُمۡ فَٱعۡلَمُوٓاْ
أَنَّكُمۡ غَيۡرُ مُعۡجِزِي ٱللَّهِۗ وَبَشِّرِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ٣

4. Ngoại trừ những người đa thần nào mà các ngươi đã ký kết hiệp ước với họ, rồi sau đó họ không vi phạm (hiệp ước) bất cứ điều gì đối với các ngươi và họ cũng không tiếp tay bất cứ ai chống lại các ngươi thì các ngươi hãy tuân thủ hiệp ước với họ cho đến khi kết thúc thời hạn của họ. Quả thật, Allah yêu thương những người ngoan đạo.

إِلَّا ٱلَّذِينَ عَٰهَدتُّم مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ثُمَّ لَمۡ يَنقُصُوكُمۡ
شَيۡـٔٗا وَلَمۡ يُظَٰهِرُواْ عَلَيۡكُمۡ أَحَدٗا فَأَتِمُّوٓاْ إِلَيۡهِمۡ
عَهۡدَهُمۡ إِلَىٰ مُدَّتِهِمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُتَّقِينَ ٤

5. Rồi khi các tháng cấm (giết chóc) đã hết, các ngươi hãy giết những kẻ thờ đa thần ở bất cứ đâu các ngươi tìm thấy chúng, hãy túm bắt chúng, vây hãm và mai phục chúng và hãy đánh chúng. Tuy nhiên, nếu như chúng biết ăn năn, dâng lễ nguyện Salah và xuất Zakah thì các ngươi hãy thôi việc đánh giết chúng. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

فَإِذَا ٱنسَلَخَ ٱلۡأَشۡهُرُ ٱلۡحُرُمُ فَٱقۡتُلُواْ ٱلۡمُشۡرِكِينَ حَيۡثُ
وَجَدتُّمُوهُمۡ وَخُذُوهُمۡ وَٱحۡصُرُوهُمۡ وَٱقۡعُدُواْ لَهُمۡ كُلَّ
مَرۡصَدٖۚ فَإِن تَابُواْ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَوُاْ ٱلزَّكَوٰةَ
فَخَلُّواْ سَبِيلَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥

6. Nếu có người đa thần nào đến xin Ngươi (hỡi Thiên Sứ) chỗ tị nạn thì Ngươi hãy che chở y để y có thể nghe lời phán của Allah, sau đó đưa y đến nơi an toàn. Đó là bởi vì họ là những người không hiểu biết gì.

وَإِنۡ أَحَدٞ مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٱسۡتَجَارَكَ فَأَجِرۡهُ حَتَّىٰ
يَسۡمَعَ كَلَٰمَ ٱللَّهِ ثُمَّ أَبۡلِغۡهُ مَأۡمَنَهُۥۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ
لَّا يَعۡلَمُونَ ٦

[1] (1) Bốn tháng kể từ tháng Shauwal, Zdul-Qa'dah, Zdul-Hijjah và Muharram. Có lời nói rằng bốn tháng là tính từ ngày mồng 9 hoặc 10 tháng Zdul-Hijjah (12), tháng Muharram (1), tháng Safar (2), tháng Rabi'a Al-Awwal (3) và mười ngày đầu của tháng Rabi'a Al-Akhir (4).

7. Làm sao những người đa thần (xứng đáng) có được hiệp ước ở nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài, ngoại trừ những ai mà các ngươi (những người có đức tin) đã thỏa hiệp với họ tại (Hudaibiyah) gần Masjid Haram. Vì vậy, khi họ vẫn ngay thẳng với các ngươi thì các ngươi hãy ngay thẳng lại với họ. Thật vậy, Allah yêu thương những người ngoan đạo.

كَيْفَ يَكُونُ لِلْمُشْرِكِينَ عَهْدٌ عِندَ ٱللَّهِ وَعِندَ
رَسُولِهِۦٓ إِلَّا ٱلَّذِينَ عَٰهَدتُّمْ عِندَ ٱلْمَسْجِدِ ٱلْحَرَامِ ۖ
فَمَا ٱسْتَقَٰمُوا۟ لَكُمْ فَٱسْتَقِيمُوا۟ لَهُمْ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ
ٱلْمُتَّقِينَ ﴿٧﴾

8. Làm sao (có thể có một hiệp ước) khi mà, nếu chúng giành được quyền thống trị đối với các ngươi thì chúng sẽ chẳng thèm coi trọng các ngươi về mối quan hệ họ hàng hay hiệp ước được ký kết? Chúng chỉ làm hài lòng các ngươi bằng miệng mồm của chúng còn lòng dạ của chúng thì không hề. Thật vậy, đa số bọn chúng là những kẻ dấy loạn, bất tuân.

كَيْفَ وَإِن يَظْهَرُوا۟ عَلَيْكُمْ لَا يَرْقُبُوا۟ فِيكُمْ إِلًّا
وَلَا ذِمَّةً ۚ يُرْضُونَكُم بِأَفْوَٰهِهِمْ وَتَأْبَىٰ قُلُوبُهُمْ
وَأَكْثَرُهُمْ فَٰسِقُونَ ﴿٨﴾

9. Chúng đã bán các Lời Mặc Khải của Allah với cái giá ít ỏi hòng ngăn chặn con đường của Ngài. Thật xấu xa cho những gì chúng đã làm.

ٱشْتَرَوْا۟ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ ثَمَنًا قَلِيلًا فَصَدُّوا۟ عَن سَبِيلِهِۦٓ ۚ
إِنَّهُمْ سَآءَ مَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٩﴾

10. Chúng chẳng hề coi trọng mối quan hệ họ hàng cũng như hiệp ước được ký kết với người có đức tin. Chúng là những kẻ vi phạm những ràng buộc (của hiệp ước).

لَا يَرْقُبُونَ فِى مُؤْمِنٍ إِلًّا وَلَا ذِمَّةً ۚ وَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلْمُعْتَدُونَ ﴿١٠﴾

11. Tuy nhiên, nếu chúng ăn năn hối cải, dâng lễ nguyện Salah và xuất Zakah thì chúng vẫn là anh em của các ngươi trong tôn giáo. Và TA (Allah) đã giảng giải các Lời Mặc Khải (của TA) cho đám người hiểu biết.

فَإِن تَابُوا۟ وَأَقَامُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَوُا۟ ٱلزَّكَوٰةَ فَإِخْوَٰنُكُمْ
فِى ٱلدِّينِ ۗ وَنُفَصِّلُ ٱلْءَايَٰتِ لِقَوْمٍ يَعْلَمُونَ ﴿١١﴾

12. Nếu chúng phá vỡ lời thề sau hiệp ước của chúng và phỉ báng tôn giáo của các ngươi (hỡi những người có đức tin) thì các ngươi hãy đánh những tên đầu đảng vô đức tin. Thật vậy, chẳng có lời thề nào (thiêng liêng) đối với chúng cả, (chỉ có chinh chiến với chúng) thì chúng mới có thể dừng lại (hành động quấy nhiễu của chúng).

وَإِن نَّكَثُوٓا۟ أَيْمَٰنَهُم مِّنۢ بَعْدِ عَهْدِهِمْ وَطَعَنُوا۟ فِى
دِينِكُمْ فَقَٰتِلُوٓا۟ أَئِمَّةَ ٱلْكُفْرِ ۙ إِنَّهُمْ لَآ أَيْمَٰنَ لَهُمْ
لَعَلَّهُمْ يَنتَهُونَ ﴿١٢﴾

13. Lẽ nào các ngươi không muốn đánh đám người đã phá vỡ lời thề của chúng, quyết trục xuất Thiên Sứ (của Allah) và khởi sự tấn công các ngươi trước? Phải chăng các ngươi sợ bọn chúng? (Các ngươi hãy biết rằng) Allah mới đáng để cho các ngươi sợ nếu các ngươi thực sự là những người có đức tin.

أَلَا تُقَٰتِلُونَ قَوْمًا نَّكَثُوٓا۟ أَيْمَٰنَهُمْ وَهَمُّوا۟ بِإِخْرَاجِ
ٱلرَّسُولِ وَهُم بَدَءُوكُمْ أَوَّلَ مَرَّةٍ ۚ أَتَخْشَوْنَهُمْ ۚ فَٱللَّهُ
أَحَقُّ أَن تَخْشَوْهُ إِن كُنتُم مُّؤْمِنِينَ ﴿١٣﴾

14. Các ngươi hãy đánh chúng! Allah sẽ trừng phạt chúng bằng chính bàn tay của các ngươi. Ngài sẽ hạ nhục chúng và phù hộ cho các ngươi chiến thắng chúng; và Ngài sẽ chữa lành tấm lòng của những người có đức tin.

قَٰتِلُوهُمْ يُعَذِّبْهُمُ ٱللَّهُ بِأَيْدِيكُمْ وَيُخْزِهِمْ
وَيَنصُرْكُمْ عَلَيْهِمْ وَيَشْفِ صُدُورَ قَوْمٍ مُّؤْمِنِينَ ﴿١٤﴾

15. Ngài sẽ loại bỏ cơn giận dữ khỏi trái tim của (những người có đức tin). Allah quay lại tha thứ cho ai là tùy ý Ngài. Quả thật, Allah biết và khôn ngoan.

وَيُذۡهِبۡ غَيۡظَ قُلُوبِهِمۡۗ وَيَتُوبُ ٱللَّهُ عَلَىٰ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ١٥

16. Hoặc phải chăng các ngươi (những người có đức tin) tưởng rằng các ngươi được yên thân trong khi (Allah chưa thử thách các ngươi) để biết ai trong các ngươi là những người thực sự hết lòng chiến đấu (cho con đường chính nghĩa của Allah) và không nhận bất cứ ai ngoài Allah cũng như Thiên Sứ của Ngài và những người có đức tin làm người thân tín? Quả thật, Allah thông toàn những gì các ngươi làm.

أَمۡ حَسِبۡتُمۡ أَن تُتۡرَكُواْ وَلَمَّا يَعۡلَمِ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ جَٰهَدُواْ مِنكُمۡ وَلَمۡ يَتَّخِذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلَا رَسُولِهِۦ وَلَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَلِيجَةٗۚ وَٱللَّهُ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ١٦

17. Những người đa thần không có tư cách làm việc bảo quản các Masjid của Allah (khi mà) chúng đã xác nhận chúng là những kẻ vô đức tin (nơi Ngài). Chúng là những kẻ mà việc làm (thiện tốt) của chúng đã trở nên vô giá trị (nơi Allah) và chúng sẽ phải ở đời đời trong Hỏa Ngục.

مَا كَانَ لِلۡمُشۡرِكِينَ أَن يَعۡمُرُواْ مَسَٰجِدَ ٱللَّهِ شَٰهِدِينَ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِم بِٱلۡكُفۡرِۚ أُوْلَٰٓئِكَ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ وَفِي ٱلنَّارِ هُمۡ خَٰلِدُونَ ١٧

18. Quả thật, chỉ những người có đức tin nơi Allah và nơi Đời Sau, thiết lập lễ nguyện Salah, xuất Zakah và chỉ sợ một mình Allah mới là những người có tư cách làm công việc bảo quản các Masjid của Allah. Họ là những người được hướng dẫn.

إِنَّمَا يَعۡمُرُ مَسَٰجِدَ ٱللَّهِ مَنۡ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَأَقَامَ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَى ٱلزَّكَوٰةَ وَلَمۡ يَخۡشَ إِلَّا ٱللَّهَۖ فَعَسَىٰٓ أُوْلَٰٓئِكَ أَن يَكُونُواْ مِنَ ٱلۡمُهۡتَدِينَ ١٨

19. Có phải các ngươi (những người đa thần) cho rằng việc phục vụ nước uống cho người hành hương Hajj và việc quản lý Masjid Haram (Makkah) ngang bằng với những ai có đức tin nơi Allah và nơi Ngày Sau đồng thời chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Allah ư? Đối với Allah, họ không hề ngang bằng nhau. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người sai quấy.

۞أَجَعَلۡتُمۡ سِقَايَةَ ٱلۡحَآجِّ وَعِمَارَةَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ كَمَنۡ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَجَٰهَدَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۚ لَا يَسۡتَوُۥنَ عِندَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٩

20. Những người có đức tin, di cư và chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Allah bằng tài sản và sinh mạng của họ sẽ có cấp bậc vĩ đại ở nơi Allah. Họ thực sự là những người thành đạt.

ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ أَعۡظَمُ دَرَجَةً عِندَ ٱللَّهِۚ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَآئِزُونَ ٢٠

21. Thượng Đế của họ báo tin mừng cho họ về lòng thương xót và sự hài lòng từ nơi Ngài cùng với những Ngôi Vườn Thiên Đàng. Trong đó, họ sẽ có được niềm hạnh phúc vĩnh cửu.

يُبَشِّرُهُمۡ رَبُّهُم بِرَحۡمَةٖ مِّنۡهُ وَرِضۡوَٰنٖ وَجَنَّٰتٖ لَّهُمۡ فِيهَا نَعِيمٞ مُّقِيمٌ ٢١

22. Họ sẽ sống trong đó mãi mãi. Quả thật, ở nơi Allah có phần thưởng vô cùng vĩ đại.

خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ عِندَهُۥٓ أَجۡرٌ عَظِيمٞ ٢٢

23. Hỡi những người có đức tin, các ngươi đừng lấy cha ông và anh em của các ngươi làm đồng minh của các ngươi nếu họ thích sự vô đức tin (nơi Allah) hơn có đức tin (nơi Ngài). Người nào trong các ngươi lấy họ làm đồng minh thì là những kẻ sai quấy.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُوٓاْ ءَابَآءَكُمۡ
وَإِخۡوَٰنَكُمۡ أَوۡلِيَآءَ إِنِ ٱسۡتَحَبُّواْ ٱلۡكُفۡرَ عَلَى
ٱلۡإِيمَٰنِۚ وَمَن يَتَوَلَّهُم مِّنكُمۡ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلظَّٰلِمُونَ ٢٣

24. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những người có đức tin): “Nếu cha mẹ, con cái, anh em, vợ chồng và người thân của các ngươi, cũng như tài sản mà các ngươi đã tom góp được và cả việc buôn bán kinh doanh mà các ngươi sợ phải thất bại và những ngôi nhà mà các ngươi hài lòng, là những thứ yêu quý đối với các ngươi hơn cả việc (tuân lệnh và vâng phục) Allah và Thiên Sứ của Ngài, hơn cả việc chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Ngài thì các ngươi hãy đợi cho tới khi Allah ban hành mệnh lệnh của Ngài xuống. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người bất tuân.”

قُلۡ إِن كَانَ ءَابَآؤُكُمۡ وَأَبۡنَآؤُكُمۡ وَإِخۡوَٰنُكُمۡ
وَأَزۡوَٰجُكُمۡ وَعَشِيرَتُكُمۡ وَأَمۡوَٰلٌ ٱقۡتَرَفۡتُمُوهَا
وَتِجَٰرَةٞ تَخۡشَوۡنَ كَسَادَهَا وَمَسَٰكِنُ تَرۡضَوۡنَهَآ
أَحَبَّ إِلَيۡكُم مِّنَ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَجِهَادٖ فِي سَبِيلِهِۦ
فَتَرَبَّصُواْ حَتَّىٰ يَأۡتِيَ ٱللَّهُ بِأَمۡرِهِۦۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي
ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡفَٰسِقِينَ ٢٤

25. Quả thật, TA (Allah) đã giúp các ngươi giành thắng lợi từ rất nhiều trận chiến, (trong đó có trận Hunain). Và vào ngày (chạm trán với địch tại) Hunain, các ngươi đã tự mãn về lực lượng đông mạnh của mình nhưng (sự đông mạnh đó) không giúp ích được gì cho các ngươi. (Lúc đó), đất đai tuy rộng lớn nhưng đã trở nên chật hẹp đối với các ngươi, rồi các ngươi buộc phải tháo lui.

لَقَدۡ نَصَرَكُمُ ٱللَّهُ فِي مَوَاطِنَ كَثِيرَةٖ وَيَوۡمَ حُنَيۡنٍ إِذۡ
أَعۡجَبَتۡكُمۡ كَثۡرَتُكُمۡ فَلَمۡ تُغۡنِ عَنكُمۡ شَيۡـٔٗا
وَضَاقَتۡ عَلَيۡكُمُ ٱلۡأَرۡضُ بِمَا رَحُبَتۡ ثُمَّ وَلَّيۡتُم
مُّدۡبِرِينَ ٢٥

26. Nhưng rồi Allah đã ban xuống từ nơi Ngài sự trầm tĩnh cho Thiên Sứ của Ngài và những người có đức tin, và Ngài cũng đã gửi xuống một đoàn Thiên Binh mà các ngươi không nhìn thấy (để chi viện cho các ngươi); Ngài đã trừng phạt những kẻ vô đức tin. Đấy là phần thưởng của những kẻ vô đức tin.

ثُمَّ أَنزَلَ ٱللَّهُ سَكِينَتَهُۥ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ وَعَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
وَأَنزَلَ جُنُودٗا لَّمۡ تَرَوۡهَا وَعَذَّبَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ
وَذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢٦

27. Rồi sau đó, Allah quay lại chấp nhận sự sám hối đối với ai Ngài muốn, bởi lẽ, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

ثُمَّ يَتُوبُ ٱللَّهُ مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ عَلَىٰ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ
غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٢٧

28. Hỡi những người có đức tin, quả thật những kẻ thờ đa thần là ô uế (bởi sự vô đức tin, lối sống ngu muội và bất công). Vì vậy, chúng không được phép đến gần Masjid Haram kể từ năm sau. Nếu các ngươi sợ nghèo đói thì Allah sẽ ban sự giàu có cho các ngươi từ nguồn thiên lộc nơi Ngài, nếu Ngài muốn. Quả thật, Allah hằng biết và sáng suốt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّمَا ٱلۡمُشۡرِكُونَ نَجَسٞ فَلَا
يَقۡرَبُواْ ٱلۡمَسۡجِدَ ٱلۡحَرَامَ بَعۡدَ عَامِهِمۡ هَٰذَاۚ وَإِنۡ
خِفۡتُمۡ عَيۡلَةٗ فَسَوۡفَ يُغۡنِيكُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦٓ إِن
شَآءَۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ٢٨

29. Các ngươi hãy đánh những kẻ vô đức tin nơi Allah và Đời Sau, cũng như những kẻ không coi là điều cấm đối với những gì mà Allah và Thiên Sứ của Ngài đã cấm đoán và không theo tôn giáo chân lý (Islam) thuộc những người được ban cho Kinh sách (Do Thái và Thiên Chúa) cho đến khi chúng qui thuận và chịu trả Jizyah(2).[1]

قَٰتِلُواْ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَلَا بِٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَلَا
يُحَرِّمُونَ مَا حَرَّمَ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَلَا يَدِينُونَ دِينَ
ٱلۡحَقِّ مِنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ حَتَّىٰ يُعۡطُواْ ٱلۡجِزۡيَةَ
عَن يَدٖ وَهُمۡ صَٰغِرُونَ ٢٩

30. Người Do Thái thì nói ‘Uzair (Ezra) là con trai của Allah, còn Thiên Chúa thì bảo Masih (Ysa tức Giê-su) là con trai của Allah. Đó chỉ là lời từ miệng của họ. Họ bắt chước câu nói của những người vô đức tin trước họ. Allah sẽ hủy diệt bọn họ. Làm sao mà họ lầm lạc đến vậy?

وَقَالَتِ ٱلۡيَهُودُ عُزَيۡرٌ ٱبۡنُ ٱللَّهِ وَقَالَتِ ٱلنَّصَٰرَى
ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ ٱللَّهِۖ ذَٰلِكَ قَوۡلُهُم بِأَفۡوَٰهِهِمۡۖ يُضَٰهِـُٔونَ
قَوۡلَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَبۡلُۚ قَٰتَلَهُمُ ٱللَّهُۖ أَنَّىٰ
يُؤۡفَكُونَ ٣٠

31. Họ đã đưa các học giả và các tu sĩ của họ và cả Masih (Ysa) con trai của Maryam lên làm thượng đế thay vì Allah trong khi họ đều được lệnh chỉ thờ phượng một Thượng Đế (Allah) duy nhất. Quả thật không có Thượng Đế đích thực nào ngoài (Allah). Thật vậy, (Allah) trong sạch và tối cao vượt bên trên những gì mà họ đã tổ hợp với Ngài.

ٱتَّخَذُوٓاْ أَحۡبَارَهُمۡ وَرُهۡبَٰنَهُمۡ أَرۡبَابٗا مِّن دُونِ ٱللَّهِ
وَٱلۡمَسِيحَ ٱبۡنَ مَرۡيَمَ وَمَآ أُمِرُوٓاْ إِلَّا لِيَعۡبُدُوٓاْ إِلَٰهٗا
وَٰحِدٗاۖ لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ سُبۡحَٰنَهُۥ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٣١

32. Họ muốn dập tắt Ánh Sáng của Allah bằng miệng mồm của họ nhưng Allah không cho phép (điều đó), ngược lại, Ngài sẽ luôn hoàn thiện Ánh Sáng của Ngài mặc cho những kẻ vô đức tin căm ghét.

يُرِيدُونَ أَن يُطۡفِـُٔواْ نُورَ ٱللَّهِ بِأَفۡوَٰهِهِمۡ وَيَأۡبَى ٱللَّهُ
إِلَّآ أَن يُتِمَّ نُورَهُۥ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡكَٰفِرُونَ ٣٢

33. Ngài là Đấng đã phái Thiên Sứ (Muhammad) của Ngài mang nguồn chỉ đạo và tôn giáo chân lý (Islam) đến để thể hiện nó trên tất cả tôn giáo mặc cho những kẻ đa thần căm ghét (điều đó).

هُوَ ٱلَّذِيٓ أَرۡسَلَ رَسُولَهُۥ بِٱلۡهُدَىٰ وَدِينِ ٱلۡحَقِّ
لِيُظۡهِرَهُۥ عَلَى ٱلدِّينِ كُلِّهِۦ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡمُشۡرِكُونَ ٣٣

34. Hỡi những người có đức tin, quả thật nhiều học giả (Do Thái) và tu sĩ (Thiên Chúa) ăn tài sản của thiên hạ một cách bất chính và ngăn chặn con đường chính nghĩa của Allah. Những kẻ dự trữ vàng và bạc, không chịu chi dùng cho con đường chính nghĩa của Allah thì hãy báo với họ về một sự trừng phạt đau đớn.

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّ كَثِيرٗا مِّنَ ٱلۡأَحۡبَارِ
وَٱلرُّهۡبَانِ لَيَأۡكُلُونَ أَمۡوَٰلَ ٱلنَّاسِ بِٱلۡبَٰطِلِ
وَيَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۗ وَٱلَّذِينَ يَكۡنِزُونَ
ٱلذَّهَبَ وَٱلۡفِضَّةَ وَلَا يُنفِقُونَهَا فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ
فَبَشِّرۡهُم بِعَذَابٍ أَلِيمٖ ٣٤

35. Vào Ngày (Phán Xét, vàng bạc mà họ dự trữ) sẽ được nung đỏ trong lửa Hỏa Ngục và mang đến đóng vào trán, hông và lưng của họ, (và họ được bảo): “Đây chính là những thứ mà các ngươi đã dự trữ cho bản thân, vì vậy, các ngươi hãy nếm lấy thứ mà các ngươi đã dự trữ.”

يَوۡمَ يُحۡمَىٰ عَلَيۡهَا فِي نَارِ جَهَنَّمَ فَتُكۡوَىٰ بِهَا
جِبَاهُهُمۡ وَجُنُوبُهُمۡ وَظُهُورُهُمۡۖ هَٰذَا مَا كَنَزۡتُمۡ
لِأَنفُسِكُمۡ فَذُوقُواْ مَا كُنتُمۡ تَكۡنِزُونَ ٣٥

[1] (2) Một loại thuế thân đánh trên các công dân không phải Muslim sống dưới chính quyền Islam.

36. Quả thật, số tháng (trong một năm) mà Allah đã qui định trong Quyển Sổ Mẹ (Lawhul Mahfuzh) nơi Ngài kể từ ngày khởi tạo các tầng trời và trái đất là mười hai tháng, trong đó có bốn tháng cấm kỵ. Đấy là một tôn giáo đúng đắn, vì vậy các ngươi chớ bất công đối với bản thân mình (bằng những hành động vi phạm các điều cấm) trong những tháng cấm kỵ này. (Ngoài những tháng cấm đó), các ngươi hãy đánh toàn bộ những kẻ đa thần giống như chúng đánh toàn bộ các ngươi. Các ngươi hãy biết rằng Allah luôn ở cùng những người ngoan đạo.

إِنَّ عِدَّةَ ٱلشُّهُورِ عِندَ ٱللَّهِ ٱثۡنَا عَشَرَ شَهۡرٗا فِي
كِتَٰبِ ٱللَّهِ يَوۡمَ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ مِنۡهَآ
أَرۡبَعَةٌ حُرُمٞۚ ذَٰلِكَ ٱلدِّينُ ٱلۡقَيِّمُۚ فَلَا تَظۡلِمُواْ فِيهِنَّ
أَنفُسَكُمۡۚ وَقَٰتِلُواْ ٱلۡمُشۡرِكِينَ كَآفَّةٗ كَمَا
يُقَٰتِلُونَكُمۡ كَآفَّةٗۚ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلۡمُتَّقِينَ ٣٦

37. Quả thật, việc dời tháng cấm kỵ (từ tháng này đến tháng kia) chỉ làm tăng thêm sự vô đức tin, theo đó những kẻ vô đức tin càng thêm lầm lạc. Có năm, chúng cho phép dời tháng cấm kỵ và có năm chúng cấm dời mục đích để bù cho đủ số tháng mà Allah đã cấm. Bằng cách này, chúng cho phép làm những điều Allah đã cấm. Việc làm điên rồ của chúng đã làm chúng thích thú và hài lòng. Quả thật, Allah không hướng dẫn những kẻ vô đức tin.

إِنَّمَا ٱلنَّسِيٓءُ زِيَادَةٞ فِي ٱلۡكُفۡرِۖ يُضَلُّ بِهِ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ يُحِلُّونَهُۥ عَامٗا وَيُحَرِّمُونَهُۥ عَامٗا لِّيُوَاطِـُٔواْ
عِدَّةَ مَا حَرَّمَ ٱللَّهُ فَيُحِلُّواْ مَا حَرَّمَ ٱللَّهُۚ زُيِّنَ لَهُمۡ
سُوٓءُ أَعۡمَٰلِهِمۡۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٣٧

38. Hỡi những người có đức tin, tại sao khi được bảo ra đi chinh chiến cho con đường chính nghĩa của Allah thì các ngươi lại ngồi lì dưới đất như thế? Lẽ nào các ngươi đã hài lòng với đời sống trần tục này hơn Đời Sau? (Các ngươi hãy biết rằng) vật chất của trần gian này so với Đời Sau chỉ là ít ỏi.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَا لَكُمۡ إِذَا قِيلَ لَكُمُ
ٱنفِرُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ ٱثَّاقَلۡتُمۡ إِلَى ٱلۡأَرۡضِۚ أَرَضِيتُم
بِٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا مِنَ ٱلۡأٓخِرَةِۚ فَمَا مَتَٰعُ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
فِي ٱلۡأٓخِرَةِ إِلَّا قَلِيلٌ ٣٨

39. Trừ phi các ngươi ra đi chinh chiến, bằng không, (Allah) sẽ trừng trị các ngươi với sự trừng phạt đau đớn và Ngài sẽ cho một nhóm người khác thay thế các ngươi và các ngươi sẽ không thể gây hại được Ngài bất cứ điều gì. Quả thật, Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

إِلَّا تَنفِرُواْ يُعَذِّبۡكُمۡ عَذَابًا أَلِيمٗا وَيَسۡتَبۡدِلۡ قَوۡمًا
غَيۡرَكُمۡ وَلَا تَضُرُّوهُ شَيۡـٔٗاۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
قَدِيرٌ ٣٩

40. Nếu các ngươi không giúp (Thiên Sứ Muhammad khi Y kêu gọi các ngươi ra đi chinh chiến cùng Y, điều đó cũng chẳng sao cả). Bởi quả thật, Allah đã giúp Y khi những kẻ vô đức tin (Quraish) quyết đuổi Y ra khỏi (Makkah). Y là người thứ hai trong số hai người (trốn) trong hang núi. Y nói với người bạn đồng hành của mình (Abu Bakr): “Anh đừng lo sợ, quả thật Allah đang ở cùng với chúng ta.” Allah đã ban xuống sự trầm tĩnh cho Y và trợ giúp Y với một đoàn Thiên Binh mà các ngươi không nhìn thấy. Allah đã hạ thấp lời nói của những kẻ vô đức tin xuống bên dưới và đưa lời phán của Ngài lên cao. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

إِلَّا تَنصُرُوهُ فَقَدۡ نَصَرَهُ ٱللَّهُ إِذۡ أَخۡرَجَهُ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ ثَانِيَ ٱثۡنَيۡنِ إِذۡ هُمَا فِي ٱلۡغَارِ إِذۡ يَقُولُ
لِصَٰحِبِهِۦ لَا تَحۡزَنۡ إِنَّ ٱللَّهَ مَعَنَاۖ فَأَنزَلَ ٱللَّهُ
سَكِينَتَهُۥ عَلَيۡهِ وَأَيَّدَهُۥ بِجُنُودٖ لَّمۡ تَرَوۡهَا وَجَعَلَ
كَلِمَةَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلسُّفۡلَىٰۗ وَكَلِمَةُ ٱللَّهِ هِيَ ٱلۡعُلۡيَاۗ
وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ٤٠

41. Các ngươi (hỡi những người có đức tin) hãy ra đi chinh chiến dù thuận lợi hay khó khăn. Các ngươi hãy chiến đấu bằng tài sản và sinh mạng của các ngươi cho con đường chính nghĩa của Allah, điều đó tốt cho các ngươi, nếu các ngươi đã hiểu được (giá trị của nó).

ٱنفِرُواْ خِفَافٗا وَثِقَالٗا وَجَٰهِدُواْ بِأَمۡوَٰلِكُمۡ
وَأَنفُسِكُمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن
كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٤١

42. Nếu (những kẻ giả tạo đức tin) thấy có một mối lợi gần kề trước mắt và một chuyến đi dễ dàng thì chúng đã theo Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad), nhưng quảng đường viễn chinh (đến Tabuk) quá xa (và chông gai) đối với chúng. Chúng sẽ thề thốt nhân danh Allah, nói: "Nếu chúng tôi có khả năng chắc chắn chúng tôi đã ra đi chinh chiến cùng các người". Chúng đã hủy hoại đi linh hồn của chúng (bằng sự thề thốt đó của chúng) bởi Allah biết rõ chúng là những kẻ nói dối.

لَوۡ كَانَ عَرَضٗا قَرِيبٗا وَسَفَرٗا قَاصِدٗا لَّٱتَّبَعُوكَ
وَلَٰكِنۢ بَعُدَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلشُّقَّةُۚ وَسَيَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ لَوِ
ٱسۡتَطَعۡنَا لَخَرَجۡنَا مَعَكُمۡ يُهۡلِكُونَ أَنفُسَهُمۡ وَٱللَّهُ
يَعۡلَمُ إِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ٤٢

43. Allah đã tha thứ cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad). (Nhưng) tại sao Ngươi lại cho phép chúng (ở lại nhà)? (Ngươi không nên làm thế) cho đến khi sự việc hiện rõ cho Ngươi thấy ai là những người trung thực và ai là những kẻ nói dối.

عَفَا ٱللَّهُ عَنكَ لِمَ أَذِنتَ لَهُمۡ حَتَّىٰ يَتَبَيَّنَ لَكَ ٱلَّذِينَ
صَدَقُواْ وَتَعۡلَمَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٤٣

44. Những người (thực sự) có đức tin nơi Allah và Đời Sau sẽ không xin phép Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) được miễn tham gia chinh chiến bằng tài sản và sinh mang của họ. Thật vậy, Allah biết rõ những người ngoan đạo.

لَا يَسۡتَـٔۡذِنُكَ ٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ أَن
يُجَٰهِدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ
بِٱلۡمُتَّقِينَ ٤٤

45. Quả thật, chỉ những kẻ không có đức tin nơi Allah và Đời Sau mới đến xin phép Ngươi được miễn tham chiến, bởi vì trái tim của chúng vẫn luôn hoài nghi nên chúng cứ do dự, băn khoăn suy tính.

إِنَّمَا يَسۡتَـٔۡذِنُكَ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ
ٱلۡأٓخِرِ وَٱرۡتَابَتۡ قُلُوبُهُمۡ فَهُمۡ فِي رَيۡبِهِمۡ
يَتَرَدَّدُونَ ٤٥

46. Nếu chúng thực sự có ý định ra đi chinh chiến thì chắc chắn chúng đã chuẩn bị tốt (cho cuộc viễn chinh). Tuy nhiên, vì Allah không thích chúng ra đi chinh chiến (cùng Ngươi – Thiên Sứ Muhammad) nên Ngài đã giữ chúng lại và chúng được bảo: "Các người hãy ở lại cùng những người ở lại."

*وَلَوۡ أَرَادُواْ ٱلۡخُرُوجَ لَأَعَدُّواْ لَهُۥ عُدَّةٗ وَلَٰكِن كَرِهَ
ٱللَّهُ ٱنۢبِعَاثَهُمۡ فَثَبَّطَهُمۡ وَقِيلَ ٱقۡعُدُواْ مَعَ
ٱلۡقَٰعِدِينَ ٤٦

47. Dẫu cho chúng có ra đi chinh chiến cùng với các ngươi (những người có đức tin) thì chúng cũng chẳng giúp thêm được gì cho các ngươi ngoại trừ sự gây rối và tìm cách làm loạn hàng ngũ của các ngươi; và trong các ngươi có người sẽ lắng nghe (lời xúi bẩy của) chúng. Quả thật, Allah biết rõ về những kẻ làm điều sai quấy.

لَوۡ خَرَجُواْ فِيكُم مَّا زَادُوكُمۡ إِلَّا خَبَالٗا وَلَأَوۡضَعُواْ
خِلَٰلَكُمۡ يَبۡغُونَكُمُ ٱلۡفِتۡنَةَ وَفِيكُمۡ سَمَّٰعُونَ لَهُمۡۗ
وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِٱلظَّٰلِمِينَ ٤٧

48. Thật vậy, trước đó chúng đã mong muốn gây rối và muốn đảo lộn các công việc của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), cho tới khi sự thật đã đến cũng như mệnh lệnh của Allah đã được thể hiện thì chúng càng tức tối.

لَقَدِ ٱبۡتَغَوُاْ ٱلۡفِتۡنَةَ مِن قَبۡلُ وَقَلَّبُواْ لَكَ ٱلۡأُمُورَ حَتَّىٰ
جَآءَ ٱلۡحَقُّ وَظَهَرَ أَمۡرُ ٱللَّهِ وَهُمۡ كَٰرِهُونَ ٤٨

49. Trong số chúng có kẻ nói (với Ngươi – Thiên Sứ Muhammad): "Xin cho tôi được miễn tham chiến, vì tôi sợ phải bị thử thách (bởi sắc đẹp của phụ nữ La Mã)." Chẳng phải bọn chúng đã rơi vào vòng thử thách đó sao?! Quả thật, Hỏa Ngục chắc chắn sẽ vây hãm những kẻ vô đức tin.

وَمِنۡهُم مَّن يَقُولُ ٱئۡذَن لِّي وَلَا تَفۡتِنِّيٓۚ أَلَا فِي ٱلۡفِتۡنَةِ
سَقَطُواْۗ وَإِنَّ جَهَنَّمَ لَمُحِيطَةُۢ بِٱلۡكَٰفِرِينَ ٤٩

50. Nếu Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) gặp điều tốt thì chúng buồn rầu, còn nếu Ngươi gặp điều xấu thì chúng nói: "Thật ra, chúng tôi đã xử trí vấn đề của chúng tôi từ trước (nên không gặp phải điều xấu nào)", rồi chúng quay đi trong niềm vui sướng.

إِن تُصِبۡكَ حَسَنَةٞ تَسُؤۡهُمۡۖ وَإِن تُصِبۡكَ مُصِيبَةٞ
يَقُولُواْ قَدۡ أَخَذۡنَآ أَمۡرَنَا مِن قَبۡلُ وَيَتَوَلَّواْ وَّهُمۡ
فَرِحُونَ ٥٠

51. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với chúng): "Chẳng có điều gì gây hại được bọn ta ngoài những gì Allah đã an bày cho bọn ta, Ngài là Đấng Bảo Hộ của bọn ta. Vì vậy, những người có đức tin hãy phó thác cho Allah."

قُل لَّن يُصِيبَنَآ إِلَّا مَا كَتَبَ ٱللَّهُ لَنَا هُوَ مَوۡلَىٰنَاۚ
وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٥١

52. Ngươi hãy nói (với chúng): "Có phải các ngươi đang mong chờ một trong hai điều tốt nhất (chiến thắng hoặc hi sinh trên sa trường) xảy đến với bọn ta? Còn bọn ta thì đang mong chờ Allah giáng xuống các ngươi sự trừng phạt từ nơi Ngài hoặc (sự trừng phạt) dưới tay của bọn ta. Vì vậy, các ngươi hãy mong chờ và bọn ta cũng mong chờ cùng với các ngươi."

قُلۡ هَلۡ تَرَبَّصُونَ بِنَآ إِلَّآ إِحۡدَى ٱلۡحُسۡنَيَيۡنِۖ وَنَحۡنُ
نَتَرَبَّصُ بِكُمۡ أَن يُصِيبَكُمُ ٱللَّهُ بِعَذَابٖ مِّنۡ
عِندِهِۦٓ أَوۡ بِأَيۡدِينَاۖ فَتَرَبَّصُوٓاْ إِنَّا مَعَكُم
مُّتَرَبِّصُونَ ٥٢

53. Ngươi hãy nói (với chúng): "Các ngươi cứ chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah), dù là tự nguyện hay gượng ép, nó cũng không được chấp nhận, bởi vì các ngươi là đám người dấy loạn, bất tuân."

قُلۡ أَنفِقُواْ طَوۡعًا أَوۡ كَرۡهٗا لَّن يُتَقَبَّلَ مِنكُمۡ إِنَّكُمۡ
كُنتُمۡ قَوۡمٗا فَٰسِقِينَ ٥٣

54. Nguyên nhân mà việc chi dùng tài sản của chúng không được chấp nhận là vì chúng đã vô đức tin nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài, vì chúng đến với lễ nguyện Salah chỉ bằng sự lười biếng và chúng chi dùng (tài sản của chúng cho con đường chính nghĩa của Allah) chỉ là miễn cưỡng.

وَمَا مَنَعَهُمۡ أَن تُقۡبَلَ مِنۡهُمۡ نَفَقَٰتُهُمۡ إِلَّآ أَنَّهُمۡ
كَفَرُواْ بِٱللَّهِ وَبِرَسُولِهِۦ وَلَا يَأۡتُونَ ٱلصَّلَوٰةَ إِلَّا
وَهُمۡ كُسَالَىٰ وَلَا يُنفِقُونَ إِلَّا وَهُمۡ كَٰرِهُونَ ٥٤

55. Vì vậy, đừng để cho tài sản và con cái của chúng làm Ngươi trầm trồ (hỡi Thiên Sứ Muhammad). Thật ra, Allah chỉ muốn dùng những thứ đó để trừng phạt chúng trong đời sống trần tục này và để cho linh hồn của chúng ra đi (lúc chết) trong tình trạng là những kẻ vô đức tin.

فَلَا تُعۡجِبۡكَ أَمۡوَٰلُهُمۡ وَلَآ أَوۡلَٰدُهُمۡۚ إِنَّمَا يُرِيدُ ٱللَّهُ
لِيُعَذِّبَهُم بِهَا فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَتَزۡهَقَ أَنفُسُهُمۡ وَهُمۡ
كَٰفِرُونَ ٥٥

56. Chúng thề thốt nhân danh Allah rằng chúng thuộc phe của các ngươi (những người có đức tin) nhưng chúng không thuộc phe của các ngươi, mà chúng là một đám người nhát gan.

وَيَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ إِنَّهُمۡ لَمِنكُمۡ وَمَا هُم مِّنكُمۡ
وَلَٰكِنَّهُمۡ قَوۡمٞ يَفۡرَقُونَ ٥٦

57. Nếu chúng tìm được một nơi ẩn náu hoặc những hang động hoặc bất kỳ nơi nào có thể vào (trú ẩn) thì chúng đã quay đi chạy thật nhanh đến đó.

لَوۡ يَجِدُونَ مَلۡجَـًٔا أَوۡ مَغَٰرَٰتٍ أَوۡ مُدَّخَلٗا لَّوَلَّوۡاْ إِلَيۡهِ
وَهُمۡ يَجۡمَحُونَ ٥٧

58. Trong bọn chúng có kẻ đã chỉ trích Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) về việc phân chia của bố thí. Nếu chúng được chia phần (như mong muốn) thì chúng hài lòng còn nếu chúng không được chia phần (như mong muốn) thì chúng tức giận.

وَمِنۡهُم مَّن يَلۡمِزُكَ فِي ٱلصَّدَقَٰتِ فَإِنۡ أُعۡطُواْ مِنۡهَا
رَضُواْ وَإِن لَّمۡ يُعۡطَوۡاْ مِنۡهَآ إِذَا هُمۡ يَسۡخَطُونَ ٥٨

59. Phải chi chúng biết hài lòng với những gì mà Allah và Thiên Sứ của Ngài đã chia phần cho chúng và nói: "Allah đã đủ cho chúng ta, rồi đây Allah sẽ ban thêm cho chúng ta thiên lộc nơi Ngài và Thiên Sứ của Ngài (cũng vậy, Người sẽ chia cho chúng ta những thiên lộc mà Allah ban cho Người). Quả thật, chúng ta đặt niềm hy vọng nơi Allah." (Nếu chúng làm thế là đã tốt cho chúng).

وَلَوۡ أَنَّهُمۡ رَضُواْ مَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَقَالُواْ
حَسۡبُنَا ٱللَّهُ سَيُؤۡتِينَا ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ وَرَسُولُهُۥٓ إِنَّآ
إِلَى ٱللَّهِ رَٰغِبُونَ ٥٩

60. Quả thật, của bố thí (Zakah) chỉ dành cho người nghèo, người thiếu thốn, người thu gom và quản lý, người có trái tim thiện cảm (với Islam), nô lệ (bao gồm tù binh), người mắc nợ, dành phục vụ cho con đường chính nghĩa của Allah, và cho người lỡ đường. Một nghĩa vụ bắt buộc (được áp đặt) từ nơi Allah. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Sáng Suốt.

۞إِنَّمَا ٱلصَّدَقَٰتُ لِلۡفُقَرَآءِ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱلۡعَٰمِلِينَ
عَلَيۡهَا وَٱلۡمُؤَلَّفَةِ قُلُوبُهُمۡ وَفِي ٱلرِّقَابِ وَٱلۡغَٰرِمِينَ
وَفِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱبۡنِ ٱلسَّبِيلِۖ فَرِيضَةٗ مِّنَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ
عَلِيمٌ حَكِيمٞ ٦٠

61. Trong bọn chúng (những kẻ giả tạo đức tin) có kẻ đã xúc phạm Nabi (Muhammad). Chúng nói rằng Y là kẻ chỉ biết nghe theo chứ không phân biệt đúng sai. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với chúng): "(Vị Thiên Sứ của Allah) chỉ nghe những điều tốt cho các ngươi, Y tin nơi Allah và tin (những gì mà) những người có đức tin đã cho Y biết; và Y là một hồng phúc dành cho những ai có đức tin. Còn những kẻ nào xúc phạm Thiên Sứ của Allah chắc chắn sẽ bị trừng phạt đau đớn."

وَمِنۡهُمُ ٱلَّذِينَ يُؤۡذُونَ ٱلنَّبِيَّ وَيَقُولُونَ هُوَ أُذُنٞۚ قُلۡ
أُذُنُ خَيۡرٖ لَّكُمۡ يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَيُؤۡمِنُ لِلۡمُؤۡمِنِينَ
وَرَحۡمَةٞ لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنكُمۡۚ وَٱلَّذِينَ يُؤۡذُونَ رَسُولَ
ٱللَّهِ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٦١

62. (Hỡi những người có đức tin), chúng thề nhân danh Allah với các ngươi để làm hài lòng các ngươi trong khi (đáng lẽ ra) chúng phải làm hài lòng Allah và Thiên Sứ của Ngài nếu chúng đúng thật là những người có đức tin.

يَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ لَكُمۡ لِيُرۡضُوكُمۡ وَٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥٓ أَحَقُّ
أَن يُرۡضُوهُ إِن كَانُواْ مُؤۡمِنِينَ ٦٢

63. Phải chăng chúng không biết rằng kẻ nào đối đầu với Allah và Thiên Sứ của Ngài thì kẻ đó sẽ bị trừng phạt trong Hỏa Ngục và sẽ ở trong đó mãi mãi? Đó là sự nhục nhã vô cùng to lớn.

أَلَمۡ يَعۡلَمُوٓاْ أَنَّهُۥ مَن يُحَادِدِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَأَنَّ لَهُۥ
نَارَ جَهَنَّمَ خَٰلِدٗا فِيهَاۚ ذَٰلِكَ ٱلۡخِزۡيُ ٱلۡعَظِيمُ ٦٣

64. Những tên giả tạo đức tin đang e ngại về việc có một chương Kinh Qur’an được mặc khải xuống vạch trần những gì đang giấu kín trong trái tim của chúng. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với chúng): “Các người cứ tiếp tục nhạo báng đi, rồi đây Allah sẽ phơi bày mọi thứ mà các người từng lo lắng.”

يَحۡذَرُ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ أَن تُنَزَّلَ عَلَيۡهِمۡ سُورَةٞ تُنَبِّئُهُم بِمَا
فِي قُلُوبِهِمۡۚ قُلِ ٱسۡتَهۡزِءُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ مُخۡرِجٞ مَّا
تَحۡذَرُونَ ٦٤

65. Nếu như Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hỏi bọn chúng (sao lại phỉ báng tôn giáo) thì bọn chúng chắc chắn sẽ đáp: “Thật ra chúng tôi chỉ trò chuyện cho vui thôi.” Ngươi hãy nói (với chúng): “Các ngươi lại dám chế giễu Allah, các Lời Mặc Khải của Ngài và Thiên Sứ của Ngài ư?”

وَلَئِن سَأَلۡتَهُمۡ لَيَقُولُنَّ إِنَّمَا كُنَّا نَخُوضُ وَنَلۡعَبُۚ قُلۡ
أَبِٱللَّهِ وَءَايَٰتِهِۦ وَرَسُولِهِۦ كُنتُمۡ تَسۡتَهۡزِءُونَ ٦٥

66. Các ngươi (những kẻ giả tạo đức tin) chớ đừng cố biện minh. Quả thật, các ngươi đã vô đức tin sau khi đã tin tưởng. Nếu TA (Allah) lượng thứ bỏ qua cho một nhóm trong các ngươi thì TA cũng sẽ trừng phạt một nhóm khác, bởi chúng là những kẻ xấu xa tội lỗi.”

لَا تَعۡتَذِرُواْ قَدۡ كَفَرۡتُم بَعۡدَ إِيمَٰنِكُمۡۚ إِن نَّعۡفُ
عَن طَآئِفَةٖ مِّنكُمۡ نُعَذِّبۡ طَآئِفَةَۢ بِأَنَّهُمۡ كَانُواْ
مُجۡرِمِينَ ٦٦

67. Những kẻ giả tạo đức tin, nam cũng như nữ, đều giống nhau. Chúng kêu nhau làm điều sai và cấm cản nhau làm điều đúng, chúng giữ chặt (tài sản) trong tay (không muốn chi dùng cho con đường chính nghĩa của Allah). Chúng đã quên Allah, vì vậy, Ngài đã quên chúng. Thật vậy, những kẻ giả tạo đức tin là những kẻ dấy loạn, bất tuân.

ٱلۡمُنَٰفِقُونَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتُ بَعۡضُهُم مِّنۢ بَعۡضٖۚ يَأۡمُرُونَ
بِٱلۡمُنكَرِ وَيَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡمَعۡرُوفِ وَيَقۡبِضُونَ أَيۡدِيَهُمۡۚ
نَسُواْ ٱللَّهَ فَنَسِيَهُمۡۚ إِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ هُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ٦٧

68. Allah đã hứa với những kẻ giả tạo đức tin cả nam lẫn nữ cũng như những kẻ vô đức tin Lửa của Hỏa Ngục, chúng sẽ mãi mãi sống trong đó. (Hỏa Ngục) đã đủ cho chúng. Allah nguyền rủa chúng và chúng sẽ phải chịu sự trừng phạt vĩnh viễn.

وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتِ وَٱلۡكُفَّارَ نَارَ
جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ هِيَ حَسۡبُهُمۡۚ وَلَعَنَهُمُ ٱللَّهُۖ وَلَهُمۡ
عَذَابٞ مُّقِيمٞ ٦٨

69. (Hỡi những người giả tạo đức tin,) các ngươi giống những kẻ trước các ngươi. Chúng hơn các ngươi về sức mạnh, tài sản và đông con, chúng đã hưởng thụ những thứ được ghi cho chúng. Vì vậy, các ngươi cứ hưởng thụ những thứ được ghi cho các ngươi giống như những kẻ trước các ngươi, và các ngươi cứ tiếp tục nhạo báng giống như những kẻ trước các ngươi đã nhạo báng. Đó là những kẻ mà việc làm (thiện tốt) của chúng không có kết quả gì ở trần gian cũng như ở Đời Sau và chúng thực sự là những kẻ thất bại.

كَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكُمۡ كَانُوٓاْ أَشَدَّ مِنكُمۡ قُوَّةٗ
وَأَكۡثَرَ أَمۡوَٰلٗا وَأَوۡلَٰدٗا فَٱسۡتَمۡتَعُواْ بِخَلَٰقِهِمۡ
فَٱسۡتَمۡتَعۡتُم بِخَلَٰقِكُمۡ كَمَا ٱسۡتَمۡتَعَ ٱلَّذِينَ مِن
قَبۡلِكُم بِخَلَٰقِهِمۡ وَخُضۡتُمۡ كَٱلَّذِي خَاضُوٓاْۚ أُوْلَٰٓئِكَ
حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلۡخَٰسِرُونَ ٦٩

70. Lẽ nào chúng chưa nghe về câu chuyện của những kẻ trước chúng ư? Đám dân của Nuh (Nô-ê), đám dân ‘Ad, đám dân Thamud, đám dân của Ibrahim, đám dân ở Madyan và các thị trấn bị lật ngược (đám dân của Lut), các Sứ Giả (của Allah) đã được cử phái đến gặp chúng với những bằng chứng rõ ràng (nhưng chúng đều phủ nhận Họ). Vì vậy, không phải Allah bất công với chúng mà chính chúng đã bất công với bản thân mình.

أَلَمۡ يَأۡتِهِمۡ نَبَأُ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ قَوۡمِ نُوحٖ وَعَادٖ
وَثَمُودَ وَقَوۡمِ إِبۡرَٰهِيمَ وَأَصۡحَٰبِ مَدۡيَنَ
وَٱلۡمُؤۡتَفِكَٰتِۚ أَتَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِۖ فَمَا كَانَ ٱللَّهُ
لِيَظۡلِمَهُمۡ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٧٠

71. Những người có đức tin nam và nữ là đồng minh của nhau. Họ kêu gọi nhau làm điều đúng và ngăn cản nhau làm sai, họ thiết lập lễ nguyện Salah, xuất Zakah và tuân lệnh Allah và Thiên Sứ của Ngài. Họ là những người sẽ được Allah thương xót. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتُ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٖۚ
يَأۡمُرُونَ بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَيَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَيُقِيمُونَ
ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَيُطِيعُونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓۚ
أُوْلَٰٓئِكَ سَيَرۡحَمُهُمُ ٱللَّهُۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٧١

72. Allah đã hứa với những người có đức tin nam và nữ những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, nơi họ sẽ sống vĩnh viễn, họ sẽ ở trong những ngôi nhà đẹp (đầy tiện nghi) bên trong các khu vườn vĩnh cửu; và họ sẽ được sự hài lòng của Allah, (một phần thưởng) lớn nhất. Đó là sự thành công vĩ đại.

وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن
تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا وَمَسَٰكِنَ طَيِّبَةٗ فِي
جَنَّٰتِ عَدۡنٖۚ وَرِضۡوَٰنٞ مِّنَ ٱللَّهِ أَكۡبَرُۚ ذَٰلِكَ هُوَ
ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ٧٢

73. Hỡi Nabi (Muhammad), Ngươi hãy chiến đấu chống lại những kẻ vô đức tin và những kẻ giả tạo đức tin, Ngươi hãy cứng rắn và quyết liệt với chúng. (Rồi đây, chắc chắn) nơi ở của chúng sẽ là Hỏa Ngục, một đích đến thật tồi tệ.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ جَٰهِدِ ٱلۡكُفَّارَ وَٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱغۡلُظۡ
عَلَيۡهِمۡۚ وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ٧٣

74. (Những kẻ giả tạo đức tin) thề với Allah rằng chúng đã không nói (bất cứ điều gì chống lại Thiên Sứ của Allah) trong khi chúng thực sự đã nói lời lẽ vô đức tin và chúng thực sự đã vô đức tin sau khi (chúng giả vờ) gia nhập Islam. Chúng có ý định (mưu hại Thiên Sứ của Allah) nhưng không thành. (Chẳng lẽ) chúng căm thù chỉ vì Allah và Thiên Sứ của Ngài làm cho chúng giàu có hơn từ thiên lộc của Ngài (chăng?). Nếu chúng quay đầu sám hối thì tốt cho chúng, còn nếu chúng quay lưng bỏ đi thì Allah sẽ trừng phạt chúng bằng sự trừng phạt đau đớn trên đời này và cả Đời Sau và trên trái đất này sẽ không có ai cứu giúp được chúng.

يَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ مَا قَالُواْ وَلَقَدۡ قَالُواْ كَلِمَةَ ٱلۡكُفۡرِ
وَكَفَرُواْ بَعۡدَ إِسۡلَٰمِهِمۡ وَهَمُّواْ بِمَا لَمۡ يَنَالُواْۚ وَمَا نَقَمُوٓاْ
إِلَّآ أَنۡ أَغۡنَىٰهُمُ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ مِن فَضۡلِهِۦۚ فَإِن
يَتُوبُواْ يَكُ خَيۡرٗا لَّهُمۡۖ وَإِن يَتَوَلَّوۡاْ يُعَذِّبۡهُمُ ٱللَّهُ
عَذَابًا أَلِيمٗا فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۚ وَمَا لَهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ
مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٖ ٧٤

75. Trong bọn chúng có kẻ đã giao ước với Allah: “Nếu Ngài ban cho bầy tôi thiên lộc thì chắc chắn bầy tôi sẽ chi dùng nó (cho con đường chính nghĩa của Allah) và chắc chắn bầy tôi sẽ là những người đức hạnh.”

۞وَمِنۡهُم مَّنۡ عَٰهَدَ ٱللَّهَ لَئِنۡ ءَاتَىٰنَا مِن فَضۡلِهِۦ
لَنَصَّدَّقَنَّ وَلَنَكُونَنَّ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٧٥

76. Vậy mà khi Ngài ban cho chúng thiên lộc của Ngài thì chúng lại keo kiệt, chúng quay lưng và lật lộng (như chưa hề giao ước).

فَلَمَّآ ءَاتَىٰهُم مِّن فَضۡلِهِۦ بَخِلُواْ بِهِۦ وَتَوَلَّواْ وَّهُم
مُّعۡرِضُونَ ٧٦

77. Bởi sự giả tạo trong lòng chúng, bởi chúng đã bội ước với Allah và bởi những điều chúng đã thường dối gạt Ngài nên Ngài đã trừng phạt chúng cho đến Ngày chúng sẽ gặp lại Ngài.

فَأَعۡقَبَهُمۡ نِفَاقٗا فِي قُلُوبِهِمۡ إِلَىٰ يَوۡمِ يَلۡقَوۡنَهُۥ بِمَآ
أَخۡلَفُواْ ٱللَّهَ مَا وَعَدُوهُ وَبِمَا كَانُواْ يَكۡذِبُونَ ٧٧

78. Lẽ nào chúng không biết rằng Allah biết rõ bí mật và những cuộc trò chuyện riêng tư của chúng? Lẽ nào chúng không biết rằng Allah biết rõ mọi điều vô hình?

أَلَمۡ يَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ سِرَّهُمۡ وَنَجۡوَىٰهُمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ
عَلَّٰمُ ٱلۡغُيُوبِ ٧٨

79. Những kẻ gièm pha các tín đồ rộng rãi và mạnh tay (đóng góp tài sản) cho việc từ thiện, (chê cười) những ai đóng góp tùy khả năng của họ bằng những lời chế giễu thì Allah chế giễu chúng lại và (rồi đây) chúng sẽ phại chịu một sự trừng phạt đau đớn.

ٱلَّذِينَ يَلۡمِزُونَ ٱلۡمُطَّوِّعِينَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ فِي
ٱلصَّدَقَٰتِ وَٱلَّذِينَ لَا يَجِدُونَ إِلَّا جُهۡدَهُمۡ
فَيَسۡخَرُونَ مِنۡهُمۡ سَخِرَ ٱللَّهُ مِنۡهُمۡ وَلَهُمۡ عَذَابٌ
أَلِيمٌ ٧٩

80. Dù Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) có cầu xin (Allah) tha thứ cho chúng hoặc không cầu xin, (hoặc) thậm chí Ngươi có cầu xin cho chúng đến bảy mươi lần thì Allah cũng không tha thứ cho chúng. Đó là bởi vì chúng đã vô đức tin nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người dấy loạn, bất tuân.

ٱسۡتَغۡفِرۡ لَهُمۡ أَوۡ لَا تَسۡتَغۡفِرۡ لَهُمۡ إِن تَسۡتَغۡفِرۡ لَهُمۡ
سَبۡعِينَ مَرَّةٗ فَلَن يَغۡفِرَ ٱللَّهُ لَهُمۡۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ
كَفَرُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلۡفَٰسِقِينَ ٨٠

81. Những kẻ ở lại nhà vui mừng cho việc chúng không ra đi tham chiến cùng với Thiên Sứ của Allah (trong trận Tabuk). Chúng ghét việc đóng góp tiền của và công sức của chúng cho cuộc chiến đấu vì chính nghĩa của Allah. Chúng nói (với đồng bọn của chúng): “Các người đừng ra đi dưới cái nóng thế này!” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Lửa của Hỏa Ngục còn nóng dữ dội hơn, nếu chúng thực sự biết!”

فَرِحَ ٱلۡمُخَلَّفُونَ بِمَقۡعَدِهِمۡ خِلَٰفَ رَسُولِ ٱللَّهِ
وَكَرِهُوٓاْ أَن يُجَٰهِدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ فِي سَبِيلِ
ٱللَّهِ وَقَالُواْ لَا تَنفِرُواْ فِي ٱلۡحَرِّۗ قُلۡ نَارُ جَهَنَّمَ أَشَدُّ
حَرّٗاۚ لَّوۡ كَانُواْ يَفۡقَهُونَ ٨١

82. Vì vậy, hãy để chúng cười chút ít (trong cuộc sống tạm bợ này) bởi vì (rồi đây) chúng sẽ phải khóc rất nhiều (ở Đời Sau), một sự bù đắp (thích đáng) cho những gì chúng đã tích lũy.

فَلۡيَضۡحَكُواْ قَلِيلٗا وَلۡيَبۡكُواْ كَثِيرٗا جَزَآءَۢ بِمَا كَانُواْ
يَكۡسِبُونَ ٨٢

83. Nếu Allah cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) trở về gặp lại một nhóm trong bọn chúng, chúng sẽ xin Ngươi cho chúng ra đi chinh chiến cùng với Ngươi, Ngươi hãy nói (với chúng): “Kể từ nay các ngươi sẽ không bao giờ được phép chinh chiến cùng Ta nữa và cũng không bao giờ được cùng Ta đánh kẻ thù, bởi lẽ ngay từ đầu các ngươi đã hài lòng với việc ngồi ở nhà. Vì vậy, các ngươi cứ hãy tiếp tục ngồi ở nhà cùng với những kẻ ở lại.”

فَإِن رَّجَعَكَ ٱللَّهُ إِلَىٰ طَآئِفَةٍ مِّنْهُمْ فَٱسْتَـْٔذَنُوكَ
لِلْخُرُوجِ فَقُل لَّن تَخْرُجُوا۟ مَعِىَ أَبَدًا وَلَن تُقَـٰتِلُوا۟
مَعِىَ عَدُوًّا ۖ إِنَّكُمْ رَضِيتُم بِٱلْقُعُودِ أَوَّلَ مَرَّةٍ
فَٱقْعُدُوا۟ مَعَ ٱلْخَـٰلِفِينَ ﴿٨٣﴾

84. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) không được dâng lễ nguyện Salah cho bất cứ ai chết đi trong bọn chúng và Ngươi không được đứng bên mộ của y. Quả thật, chúng đã vô đức tin nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài, và chúng đã chết trong tình trạng bất tuân.

وَلَا تُصَلِّ عَلَىٰٓ أَحَدٍ مِّنْهُم مَّاتَ أَبَدًا وَلَا تَقُمْ عَلَىٰ
قَبْرِهِۦٓ ۖ إِنَّهُمْ كَفَرُوا۟ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَمَاتُوا۟ وَهُمْ
فَـٰسِقُونَ ﴿٨٤﴾

85. Và Ngươi đừng để cho tài sản và con cái của chúng làm Ngươi trầm trồ (hỡi Thiên Sứ Muhammad). Thật ra, Allah chỉ muốn dùng những thứ đó để trừng phạt chúng trong đời sống trần tục này và để cho linh hồn của chúng ra đi (lúc chết) trong tình trạng là những kẻ vô đức tin.

وَلَا تُعْجِبْكَ أَمْوَٰلُهُمْ وَأَوْلَـٰدُهُمْ ۚ إِنَّمَا يُرِيدُ ٱللَّهُ أَن
يُعَذِّبَهُم بِهَا فِى ٱلدُّنْيَا وَتَزْهَقَ أَنفُسُهُمْ وَهُمْ
كَـٰفِرُونَ ﴿٨٥﴾

86. Khi có một chương Kinh nào đó được mặc khải xuống (truyền lệnh) rằng hãy có đức tin nơi Allah và hãy chiến đấu cùng với Thiên Sứ của Ngài thì những kẻ giàu có trong bọn chúng lại đến xin phép Ngươi (được miễn tham chiến), chúng nói: “Xin Người hãy để chúng tôi được phép ở lại cùng với những người ở lại.”

وَإِذَآ أُنزِلَتْ سُورَةٌ أَنْ ءَامِنُوا۟ بِٱللَّهِ وَجَـٰهِدُوا۟ مَعَ
رَسُولِهِ ٱسْتَـْٔذَنَكَ أُو۟لُوا۟ ٱلطَّوْلِ مِنْهُمْ وَقَالُوا۟ ذَرْنَا
نَكُن مَّعَ ٱلْقَـٰعِدِينَ ﴿٨٦﴾

87. Chúng hài lòng với việc chúng được ở lại cùng với những người ở lại nhà. Trái tim của chúng đã bị đóng dấu niêm phong nên chúng không nhận thức được (điều gì là tốt cho chúng).

رَضُوا۟ بِأَن يَكُونُوا۟ مَعَ ٱلْخَوَالِفِ وَطُبِعَ عَلَىٰ قُلُوبِهِمْ
فَهُمْ لَا يَفْقَهُونَ ﴿٨٧﴾

88. Ngược lại, Thiên Sứ (Muhammad) và những người có đức tin đã cùng Y chiến đấu bằng tài sản và sinh mạng của mình là những người sẽ hưởng được những điều tốt đẹp, và họ là những người thành công.

لَـٰكِنِ ٱلرَّسُولُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ مَعَهُۥ جَـٰهَدُوا۟
بِأَمْوَٰلِهِمْ وَأَنفُسِهِمْ ۚ وَأُو۟لَـٰٓئِكَ لَهُمُ ٱلْخَيْرَٰتُ ۖ وَأُو۟لَـٰٓئِكَ
هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ﴿٨٨﴾

89. Allah đã chuẩn bị sẵn cho họ những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy. Họ sẽ sống muôn đời trong đó. Đấy là một thắng lợi vĩ đại.

أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُمْ جَنَّـٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَـٰرُ
خَـٰلِدِينَ فِيهَا ۚ ذَٰلِكَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿٨٩﴾

90. Trong số những người Ả-rập du mục, có người đến xin phép (Thiên Sứ Muhammad) cho họ được miễn tham chiến nhưng có một số đã nói dối Allah và Thiên Sứ của Ngài để được ở lại nhà. Rồi đây những kẻ vô đức tin trong số họ sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn.

وَجَآءَ ٱلْمُعَذِّرُونَ مِنَ ٱلْأَعْرَابِ لِيُؤْذَنَ لَهُمْ وَقَعَدَ
ٱلَّذِينَ كَذَبُوا۟ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ ۚ سَيُصِيبُ ٱلَّذِينَ
كَفَرُوا۟ مِنْهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿٩٠﴾

91. Những người yếu đuối, những người bệnh tật và những người không có gì để đóng góp cho cuộc chiến, họ không có tội (khi họ ở lại nhà) miễn sao họ thật lòng với Allah và Thiên Sứ của Ngài. Bởi lẽ không có lý do gì để trách tội những người làm tốt cả. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

لَّيۡسَ عَلَى ٱلضُّعَفَآءِ وَلَا عَلَى ٱلۡمَرۡضَىٰ وَلَا عَلَى
ٱلَّذِينَ لَا يَجِدُونَ مَا يُنفِقُونَ حَرَجٌ إِذَا نَصَحُواْ لِلَّهِ
وَرَسُولِهِۦۚ مَا عَلَى ٱلۡمُحۡسِنِينَ مِن سَبِيلٖۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ
رَّحِيمٞ ٩١

92. Và cũng không mang tội đối với những ai đến gặp Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) để xin Ngươi phương tiện di chuyển và Ngươi đã bảo họ “Ta không có gì để làm phương tiện chuyên chở các ngươi cả!”, và họ quay về buồn bã trong nước mắt vì không có gì để đóng góp cho trận chiến.

وَلَا عَلَى ٱلَّذِينَ إِذَا مَآ أَتَوۡكَ لِتَحۡمِلَهُمۡ قُلۡتَ لَآ أَجِدُ
مَآ أَحۡمِلُكُمۡ عَلَيۡهِ تَوَلَّواْ وَّأَعۡيُنُهُمۡ تَفِيضُ مِنَ
ٱلدَّمۡعِ حَزَنًا أَلَّا يَجِدُواْ مَا يُنفِقُونَ ٩٢

93. Quả thật, chỉ những người giàu (có khả năng và phương tiện cho cuộc viễn chinh) nhưng lại đến gặp Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) xin được miễn tham chiến mới là những kẻ đáng trách tội. Chúng hài lòng với việc chúng được ở lại cùng với những người ở lại nhà. Allah đã đóng dấu niêm phong trái tim của chúng nên chúng không biết được (điều gì là tốt cho chúng).

۞إِنَّمَا ٱلسَّبِيلُ عَلَى ٱلَّذِينَ يَسۡتَـٔۡذِنُونَكَ وَهُمۡ أَغۡنِيَآءُۚ
رَضُواْ بِأَن يَكُونُواْ مَعَ ٱلۡخَوَالِفِ وَطَبَعَ ٱللَّهُ عَلَىٰ
قُلُوبِهِمۡ فَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٩٣

94. (Những kẻ giả tạo đức tin) sẽ đến cáo lỗi với các ngươi (hỡi những người Muslim) khi các ngươi trở về gặp lại chúng (từ chiến địa). Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với chúng): “Các ngươi chớ đừng biện minh, chúng tôi sẽ không bao giờ tin các ngươi, Allah đã cho chúng tôi biết về sự thật của các ngươi. Và Allah và Thiên Sứ của Ngài sẽ quan sát những việc làm của các ngươi. Sau đó, các ngươi được đưa trở lại trình diện Đấng biết mọi điều vô hình và hữu hình, Ngài sẽ cho các ngươi biết rõ về những gì mà các ngươi đã từng làm.”

يَعۡتَذِرُونَ إِلَيۡكُمۡ إِذَا رَجَعۡتُمۡ إِلَيۡهِمۡۚ قُل لَّا تَعۡتَذِرُواْ
لَن نُّؤۡمِنَ لَكُمۡ قَدۡ نَبَّأَنَا ٱللَّهُ مِنۡ أَخۡبَارِكُمۡۚ
وَسَيَرَى ٱللَّهُ عَمَلَكُمۡ وَرَسُولُهُۥ ثُمَّ تُرَدُّونَ إِلَىٰ
عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ
تَعۡمَلُونَ ٩٤

95. (Những kẻ giả tạo đức tin) sẽ thề với Allah trước các ngươi (những người có đức tin) khi các ngươi trở về gặp lại chúng để các ngươi khỏi khiển trách chúng. Vì vậy, các ngươi hãy để chúng yên, chúng thực sự là những kẻ bẩn thỉu, rồi đây nơi ở của chúng sẽ là Hỏa Ngục, một sự đền đáp thích đáng cho những gì mà chúng đã kiếm được.

سَيَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ لَكُمۡ إِذَا ٱنقَلَبۡتُمۡ إِلَيۡهِمۡ لِتُعۡرِضُواْ
عَنۡهُمۡۖ فَأَعۡرِضُواْ عَنۡهُمۡۖ إِنَّهُمۡ رِجۡسٞۖ وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُ
جَزَآءَۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ٩٥

96. Chúng thề (như thế) với các ngươi là để làm hài lòng các ngươi thôi. Dù các ngươi có hài lòng với chúng nhưng chắc chắn Allah không hài lòng với đám người bất tuân, dấy loạn.

يَحۡلِفُونَ لَكُمۡ لِتَرۡضَوۡاْ عَنۡهُمۡۖ فَإِن تَرۡضَوۡاْ عَنۡهُمۡ
فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يَرۡضَىٰ عَنِ ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡفَٰسِقِينَ ٩٦

97. Dân Ả-rập du mục là những kẻ vô đức tin và giả tạo hơn (bất cứ ai khác), họ hầu như không biết gì đến giới luật mà Allah đã truyền xuống cho Sứ Giả của Ngài. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Chí Minh.

ٱلۡأَعۡرَابُ أَشَدُّ كُفۡرٗا وَنِفَاقٗا وَأَجۡدَرُ أَلَّا يَعۡلَمُواْ
حُدُودَ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ عَلَىٰ رَسُولِهِۦۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ
حَكِيمٞ ٩٧

98. Trong số những người Ả-rập du mục, có những kẻ coi việc chi dùng tài sản (cho con đường chính nghĩa của Allah) là một thứ tiền phạt và chúng luôn mong chờ các ngươi (những người có đức tin) gặp phải điều bất hạnh, nhưng chính chúng sẽ gặp phải điều bất hạnh đó. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

وَمِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ مَن يَتَّخِذُ مَا يُنفِقُ مَغۡرَمٗا وَيَتَرَبَّصُ
بِكُمُ ٱلدَّوَآئِرَۚ عَلَيۡهِمۡ دَآئِرَةُ ٱلسَّوۡءِۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ
عَلِيمٞ ٩٨

99. Tuy nhiên, trong đám dân Ả-rập du mục, cũng có những người có đức tin nơi Allah, nơi Đời Sau và coi việc chi dùng tài sản (cho con đường chính nghĩa của Allah) là phương tiện để đến gần Allah và để có được lời cầu xin phúc lành của Thiên Sứ (Muhammad). Không nghi ngờ gì nữa, đó là một phương tiện đến gần (Allah) dành cho họ! Allah sẽ thu nhận họ vào lòng thương xót của Ngài, quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

وَمِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ مَن يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ
وَيَتَّخِذُ مَا يُنفِقُ قُرُبَٰتٍ عِندَ ٱللَّهِ وَصَلَوَٰتِ
ٱلرَّسُولِۚ أَلَآ إِنَّهَا قُرۡبَةٞ لَّهُمۡۚ سَيُدۡخِلُهُمُ ٱللَّهُ فِي
رَحۡمَتِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٩٩

100. Những người tiên phong (trong đức tin) thuộc Muhajirin (những người di cư từ Makkah đến Madinah tị nạn) và Ansar (dân Madinah) và những ai theo đường lối tốt đẹp của họ, Allah hài lòng với họ và họ hài lòng với Ngài. Ngài đã chuẩn bị cho họ những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có những dòng sông chảy, nơi họ sẽ sống mãi mãi. Đó là một thắng lợi vĩ đại.

وَٱلسَّٰبِقُونَ ٱلۡأَوَّلُونَ مِنَ ٱلۡمُهَٰجِرِينَ وَٱلۡأَنصَارِ
وَٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُوهُم بِإِحۡسَٰنٖ رَّضِيَ ٱللَّهُ عَنۡهُمۡ وَرَضُواْ
عَنۡهُ وَأَعَدَّ لَهُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي تَحۡتَهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ
خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ١٠٠

101. Trong những người Ả-rập du mục sống xung quanh các ngươi cũng như một số dân bản địa Madinah là những kẻ giả tạo đức tin. Chúng đã quen với thói giả tạo, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không biết chúng (nhưng) TA biết chúng. TA sẽ trừng phạt chúng hai lần (một lần ở trần gian và một lần nơi cõi mộ), sau đó, chúng sẽ được đưa trở lại về chịu sự trừng phạt khủng khiếp (ở Đời Sau).

وَمِمَّنۡ حَوۡلَكُم مِّنَ ٱلۡأَعۡرَابِ مُنَٰفِقُونَۖ وَمِنۡ أَهۡلِ
ٱلۡمَدِينَةِ مَرَدُواْ عَلَى ٱلنِّفَاقِ لَا تَعۡلَمُهُمۡۖ نَحۡنُ نَعۡلَمُهُمۡۚ
سَنُعَذِّبُهُم مَّرَّتَيۡنِ ثُمَّ يُرَدُّونَ إِلَىٰ عَذَابٍ عَظِيمٖ ١٠١

102. Một số khác (trong Madinah) đã thừa nhận tội lỗi của họ, họ đã trộn những việc làm tốt cùng với hành động xấu khác và họ hy vọng Allah sẽ tha thứ cho họ. Thật vậy, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

وَءَاخَرُونَ ٱعۡتَرَفُواْ بِذُنُوبِهِمۡ خَلَطُواْ عَمَلٗا صَٰلِحٗا
وَءَاخَرَ سَيِّئًا عَسَى ٱللَّهُ أَن يَتُوبَ عَلَيۡهِمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ
غَفُورٞ رَّحِيمٌ ١٠٢

103. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy lấy tài sản mà họ Sadaqah để tẩy sạch và thanh lọc họ. Ngươi hãy cầu nguyện phúc lành cho họ, quả thật lời cầu nguyện phúc lành của Ngươi là một sự bằng an cho họ. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

خُذۡ مِنۡ أَمۡوَٰلِهِمۡ صَدَقَةٗ تُطَهِّرُهُمۡ وَتُزَكِّيهِم بِهَا
وَصَلِّ عَلَيۡهِمۡۖ إِنَّ صَلَوٰتَكَ سَكَنٞ لَّهُمۡۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ
عَلِيمٌ ١٠٣

104. Lẽ nào (những người không tham chiến) không biết rằng Allah sẽ chấp nhận sự sám hối (thật lòng) của đám bầy tôi của Ngài và chấp nhận các việc làm Sadaqah (vì Ngài) và rằng Allah là Đấng Hằng Chấp Nhận sự sám hối, Đấng Nhân Từ ư?

أَلَمۡ يَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ هُوَ يَقۡبَلُ ٱلتَّوۡبَةَ عَنۡ عِبَادِهِۦ
وَيَأۡخُذُ ٱلصَّدَقَٰتِ وَأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ١٠٤

105. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với (những người không tham chiến): “Các ngươi hãy làm (việc thiện), vì Allah sẽ nhìn thấy việc làm của các ngươi, Thiên Sứ của ngài và những người có đức tin (cũng sẽ nhìn thấy). Rồi đây, các ngươi sẽ được đưa trở về với Đấng biết điều vô hình và hữu hình, Ngài sẽ cho các ngươi biết về những gì các ngươi đã làm.”

وَقُلِ ٱعۡمَلُواْ فَسَيَرَى ٱللَّهُ عَمَلَكُمۡ وَرَسُولُهُۥ
وَٱلۡمُؤۡمِنُونَۖ وَسَتُرَدُّونَ إِلَىٰ عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ
فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٠٥

106. Còn những người không tham chiến khác (mặc dù không có lý do chính đáng) đang chờ đợi(3) phán quyết của Allah, hoặc là Ngài sẽ trừng phạt họ hoặc là Ngài chấp nhận sự sám hối của họ, bởi lẽ, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.[1]

وَءَاخَرُونَ مُرۡجَوۡنَ لِأَمۡرِ ٱللَّهِ إِمَّا يُعَذِّبُهُمۡ وَإِمَّا
يَتُوبُ عَلَيۡهِمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ١٠٦

107. Những kẻ (giả tạo đức tin) đã xây dựng Masjid với ý đồ gây tổn hại (những người Muslim), thể hiện sự bất tuân và gây chia rẽ giữa những người có đức tin và để làm nơi đóng quân cho những ai đã từng gây chiến với Allah và Thiên Sứ của Ngài trước đây. Và chúng thề, tuyên bố: “Chúng tôi chỉ có ý định làm điều tốt mà thôi”. Nhưng Allah xác nhận rằng chúng đích thực là những kẻ nói dối.

وَٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مَسۡجِدٗا ضِرَارٗا وَكُفۡرٗا وَتَفۡرِيقَۢا بَيۡنَ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَإِرۡصَادٗا لِّمَنۡ حَارَبَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ مِن
قَبۡلُۚ وَلَيَحۡلِفُنَّ إِنۡ أَرَدۡنَآ إِلَّا ٱلۡحُسۡنَىٰۖ وَٱللَّهُ يَشۡهَدُ
إِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ١٠٧

108. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chớ đứng (lễ nguyện Salah) trong đó. Quả thật, Masjid (Quba’) được xây dựng dựa trên nền tảng kính sợ (Allah) ngay từ ngày đầu tiên xứng đáng hơn để Ngươi đứng (lễ nguyện Salah) trong đó. Bên trong (Masjid này), có những người đàn ông yêu thích thanh tẩy bản thân, và Allah yêu thương những người thanh tẩy (bản thân khỏi những thứ dơ bẩn và tội lỗi).

لَا تَقُمۡ فِيهِ أَبَدٗاۚ لَّمَسۡجِدٌ أُسِّسَ عَلَى ٱلتَّقۡوَىٰ مِنۡ
أَوَّلِ يَوۡمٍ أَحَقُّ أَن تَقُومَ فِيهِۚ فِيهِ رِجَالٞ يُحِبُّونَ أَن
يَتَطَهَّرُواْۚ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلۡمُطَّهِّرِينَ ١٠٨

109. Một người đặt nền tảng tòa nhà của mình trên lòng kính sợ Allah và sự hài lòng của Ngài tốt hơn hay kẻ đặt nền tảng tòa nhà của mình trên một bờ rạn nứt chỉ chờ sụp xuống lửa của Hỏa Ngục? Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

أَفَمَنۡ أَسَّسَ بُنۡيَٰنَهُۥ عَلَىٰ تَقۡوَىٰ مِنَ ٱللَّهِ وَرِضۡوَٰنٍ
خَيۡرٌ أَم مَّنۡ أَسَّسَ بُنۡيَٰنَهُۥ عَلَىٰ شَفَا جُرُفٍ هَارٖ
فَٱنۡهَارَ بِهِۦ فِي نَارِ جَهَنَّمَۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلظَّٰلِمِينَ ١٠٩

[1] (3) Đó là ba người đàn ông gồm Ka’ab bin Malik, Murarah bin Al-Rabi’a và Hilaal bin Umaiyah. Cả ba đã không tham chiến trận Tabuk nhưng không có lý do ngăn cản họ tham chiến. Tuy nhiên, họ là những người trung thực trong lời nói và hành động của mình.

110. Ngôi Masjid mà (những kẻ giả tạo đức tin) đã xây dựng sẽ không ngừng trở thành (nguyên nhân) gây ra sự hoài nghi trong lòng của chúng cho đến khi trái tim của chúng ngừng đập. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

لَا يَزَالُ بُنۡيَٰنُهُمُ ٱلَّذِي بَنَوۡاْ رِيبَةٗ فِي قُلُوبِهِمۡ إِلَّآ أَن
تَقَطَّعَ قُلُوبُهُمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿١١٠﴾

111. Thật vậy, Allah đã mua từ những người có đức tin mạng sống và tài sản của họ (để đổi lấy) việc họ sẽ có được Thiên Đàng (của Ngài). Họ chiến đấu vì con đường chính nghĩa của Allah, họ giết và bị giết. (Đó là) một lời hứa thực sự (ràng buộc) đối với Ngài trong Tawrah (Kinh Cựu Ước), trong Injil (Kinh Tân Ước) và cả trong Qur'an. Và ai là người trung thực với giao ước của mình hơn Allah? Vì vậy, các ngươi hãy vui mừng về cuộc giao dịch mà các ngươi đã ký kết với Ngài, và đó là một thành tựu vĩ đại.

۞إِنَّ ٱللَّهَ ٱشۡتَرَىٰ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ أَنفُسَهُمۡ وَأَمۡوَٰلَهُم
بِأَنَّ لَهُمُ ٱلۡجَنَّةَۚ يُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ فَيَقۡتُلُونَ
وَيُقۡتَلُونَۖ وَعۡدًا عَلَيۡهِ حَقّٗا فِي ٱلتَّوۡرَىٰةِ وَٱلۡإِنجِيلِ
وَٱلۡقُرۡءَانِۚ وَمَنۡ أَوۡفَىٰ بِعَهۡدِهِۦ مِنَ ٱللَّهِۚ فَٱسۡتَبۡشِرُواْ
بِبَيۡعِكُمُ ٱلَّذِي بَايَعۡتُم بِهِۦۚ وَذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ
ٱلۡعَظِيمُ ﴿١١١﴾

112. (Những người đạt được thành tựu vĩ đại đó là) những người ăn năn sám hối (với Allah), những người thờ phượng (Ngài), những người ca ngợi tán dương (Ngài), những người nhịn chay, những người cúi mình và quỳ lạy (trong Salah), những người bảo ban làm điều tốt và ngăn cản làm điều sai trái, và những người tuân theo các giới hạn của Allah. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy báo tin mừng cho những người có đức tin.

ٱلتَّٰٓئِبُونَ ٱلۡعَٰبِدُونَ ٱلۡحَٰمِدُونَ ٱلسَّٰٓئِحُونَ
ٱلرَّٰكِعُونَ ٱلسَّٰجِدُونَ ٱلۡأٓمِرُونَ بِٱلۡمَعۡرُوفِ
وَٱلنَّاهُونَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَٱلۡحَٰفِظُونَ لِحُدُودِ ٱللَّهِۗ
وَبَشِّرِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿١١٢﴾

113. Nabi và những người có đức tin không được cầu xin (Allah) tha thứ cho những kẻ đa thần ngay cả khi chúng là họ hàng sau khi đã rõ rằng chúng là bạn đồng hành của Hỏa Ngục.

مَا كَانَ لِلنَّبِيِّ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَن يَسۡتَغۡفِرُواْ
لِلۡمُشۡرِكِينَ وَلَوۡ كَانُوٓاْ أُوْلِي قُرۡبَىٰ مِنۢ بَعۡدِ مَا تَبَيَّنَ
لَهُمۡ أَنَّهُمۡ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَحِيمِ ﴿١١٣﴾

114. Thật ra việc cầu xin tha thứ của Ibrahim cho cha của Y trước kia chẳng qua chỉ vì lời hứa mà Y đã hứa với cha mình. Nhưng khi (Ibrahim) đã rõ rằng cha của mình là kẻ thù của Allah, Y đã tách mình ra khỏi ông ta. Thật vậy, Ibrahim là người năng cầu nguyện (Allah) và có lòng kiên nhẫn chịu đựng.

وَمَا كَانَ ٱسۡتِغۡفَارُ إِبۡرَٰهِيمَ لِأَبِيهِ إِلَّا عَن مَّوۡعِدَةٖ
وَعَدَهَآ إِيَّاهُ فَلَمَّا تَبَيَّنَ لَهُۥٓ أَنَّهُۥ عَدُوّٞ لِّلَّهِ تَبَرَّأَ مِنۡهُۚ
إِنَّ إِبۡرَٰهِيمَ لَأَوَّٰهٌ حَلِيمٞ ﴿١١٤﴾

115. Allah không để một dân tộc nào đi lạc sau khi Ngài đã hướng dẫn họ (đến với chân lý) cho đến khi Ngài trình bày rõ cho họ biết những gì họ nên tránh. Quả thật, Allah biết tất cả mọi thứ.

وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُضِلَّ قَوۡمَۢا بَعۡدَ إِذۡ هَدَىٰهُمۡ حَتَّىٰ
يُبَيِّنَ لَهُم مَّا يَتَّقُونَۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٌ ﴿١١٥﴾

116. Quả thật, quyền thống trị các tầng trời và trái đất đều thuộc về một mình Allah, Ngài làm cho sống và làm cho chết. Và các ngươi không có bất kỳ vị bảo hộ hay vị cứu tinh nào ngoài Allah.

إِنَّ ٱللَّهَ لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ يُحۡيِۦ وَيُمِيتُۚ
وَمَا لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٖ ﴿١١٦﴾

117. Thật vậy, Allah đã tha thứ cho Nabi (Muhammad), Muhajirin (những người đến Madinah tị nạn) và Ansar (những người bản địa Madinah). Họ là những người đã theo Nabi trong thời khắc khó khăn sau khi trái tim của một nhóm trong số họ gần như nghiêng về (sự hoài nghi) nhưng rồi Allah cũng đã tha thứ cho họ, bởi vì Ngài nhân từ và thương xót họ.

لَّقَد تَّابَ ٱللَّهُ عَلَى ٱلنَّبِيِّ وَٱلۡمُهَٰجِرِينَ وَٱلۡأَنصَارِ
ٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُوهُ فِي سَاعَةِ ٱلۡعُسۡرَةِ مِنۢ بَعۡدِ مَا كَادَ
يَزِيغُ قُلُوبُ فَرِيقٖ مِّنۡهُمۡ ثُمَّ تَابَ عَلَيۡهِمۡۚ إِنَّهُۥ بِهِمۡ
رَءُوفٞ رَّحِيمٞ ١١٧

118. (Cuối cùng, Allah cũng đã tha thứ) cho ba người (Ka'ab, Murarah và Hilal) đã không tham chiến (trận Tabuk, nhưng đã rất hối hận về lỗi lầm của họ). (Họ đã cảm thấy nặng lòng) đến mức trái đất tuy rộng bao la nhưng lại chật hẹp đối với linh hồn của họ và họ nhận thấy không còn chỗ nào để chạy trốn khỏi Allah trừ phi phải chạy đến tạ tội với Ngài. Rồi Ngài đã mở cho họ cơ hội sám hối để họ có dịp ăn năn. Thật vậy, Allah là Đấng Hằng Chấp Nhận sự sám hối, Đấng Nhân Từ.

وَعَلَى ٱلثَّلَٰثَةِ ٱلَّذِينَ خُلِّفُواْ حَتَّىٰٓ إِذَا ضَاقَتۡ عَلَيۡهِمُ
ٱلۡأَرۡضُ بِمَا رَحُبَتۡ وَضَاقَتۡ عَلَيۡهِمۡ أَنفُسُهُمۡ وَظَنُّوٓاْ
أَن لَّا مَلۡجَأَ مِنَ ٱللَّهِ إِلَّآ إِلَيۡهِ ثُمَّ تَابَ عَلَيۡهِمۡ
لِيَتُوبُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ١١٨

119. Hỡi những người có đức tin, hãy kính sợ Allah và hãy ở cùng với những người chân thật.

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَكُونُواْ مَعَ
ٱلصَّـٰدِقِينَ ١١٩

120. Người dân Madinah và những người Ả Rập du mục sống lân cận không được ở lại, bỏ mặc Thiên Sứ của Allah (ra đi chinh chiến một mình) và cũng không được quý mạng sống của mình hơn mạng sống của Y. Bởi lẽ, mọi khó khăn như đói khát, gian khổ mà họ gặp phải vì con đường chính nghĩa của Allah cũng như mỗi vùng đất mà họ bước qua làm cho những kẻ vô đức tin phẫn nộ và căm thù và việc họ giành được thắng lợi từ kẻ thù, đều được ghi nhận cho họ như một hành động ngoan đạo và thiện tốt. Thật vậy, Allah không làm mất phần thưởng của những người làm điều tốt.

مَا كَانَ لِأَهۡلِ ٱلۡمَدِينَةِ وَمَنۡ حَوۡلَهُم مِّنَ ٱلۡأَعۡرَابِ أَن
يَتَخَلَّفُواْ عَن رَّسُولِ ٱللَّهِ وَلَا يَرۡغَبُواْ بِأَنفُسِهِمۡ عَن
نَّفۡسِهِۦۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ لَا يُصِيبُهُمۡ ظَمَأٞ وَلَا نَصَبٞ
وَلَا مَخۡمَصَةٞ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَا يَطَـُٔونَ مَوۡطِئٗا
يَغِيظُ ٱلۡكُفَّارَ وَلَا يَنَالُونَ مِنۡ عَدُوّٖ نَّيۡلًا إِلَّا كُتِبَ
لَهُم بِهِۦ عَمَلٞ صَٰلِحٌۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُضِيعُ أَجۡرَ
ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٢٠

121. Bất kỳ một khoản chi tiêu nào, dù nhỏ hay lớn, mà họ chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah), hoặc bất kỳ một thung lũng nào mà họ đi qua thì đều được ghi nhận để Allah ban thưởng cho họ tốt hơn điều mà họ đã từng làm.

وَلَا يُنفِقُونَ نَفَقَةٗ صَغِيرَةٗ وَلَا كَبِيرَةٗ وَلَا يَقۡطَعُونَ
وَادِيًا إِلَّا كُتِبَ لَهُمۡ لِيَجۡزِيَهُمُ ٱللَّهُ أَحۡسَنَ مَا كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ١٢١

122. Không bắt buộc những người có đức tin phải ra đi chinh chiến cùng một lúc. Nếu mỗi nhóm cử một thành phần đại diện (ở lại) tiếp thu và học hỏi kiến thức tôn giáo và cảnh báo người dân của mình khi họ trở về, mong rằng mọi người nhận thức được những điều nên tránh.

۞وَمَا كَانَ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ لِيَنفِرُواْ كَآفَّةٗۚ فَلَوۡلَا نَفَرَ مِن
كُلِّ فِرۡقَةٖ مِّنۡهُمۡ طَآئِفَةٞ لِّيَتَفَقَّهُواْ فِي ٱلدِّينِ وَلِيُنذِرُواْ
قَوۡمَهُمۡ إِذَا رَجَعُوٓاْ إِلَيۡهِمۡ لَعَلَّهُمۡ يَحۡذَرُونَ ١٢٢

123. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy chiến đấu với những kẻ vô đức tin đang sinh sống ở gần với các ngươi, mục đích để chúng thấy được sự cứng rắn và sức mạnh của các ngươi (mà không có hành động xấu gây nhiễu loạn đến các ngươi). Các ngươi hãy biết rằng Allah luôn ở cùng với những người ngoan đạo.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قَٰتِلُواْ ٱلَّذِينَ يَلُونَكُم مِّنَ
ٱلۡكُفَّارِ وَلۡيَجِدُواْ فِيكُمۡ غِلۡظَةٗۚ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ
مَعَ ٱلۡمُتَّقِينَ ١٢٣

124. Bất cứ khi nào có một chương Kinh được ban xuống (cho Thiên Sứ Muhammad) thì (trong số những kẻ giả tạo đức tin) có những người nói: “Ai trong quí vị gia tăng thêm đức tin bởi những lời này?” Tuy nhiên, đối với những người có đức tin, điều đó đã làm cho họ gia tăng thêm đức tin và họ rất đỗi vui mừng.

وَإِذَا مَآ أُنزِلَتۡ سُورَةٞ فَمِنۡهُم مَّن يَقُولُ أَيُّكُمۡ
زَادَتۡهُ هَٰذِهِۦٓ إِيمَٰنٗاۚ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ فَزَادَتۡهُمۡ
إِيمَٰنٗا وَهُمۡ يَسۡتَبۡشِرُونَ ١٢٤

125. Nhưng đối với những kẻ mang trong lòng chứng bệnh (giả tạo đức tin) thì điều đó chỉ làm chúng thêm xấu xa (ngoài) sự xấu xa của chúng, và chúng sẽ chết trong tình trạng vô đức tin.

وَأَمَّا ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ فَزَادَتۡهُمۡ رِجۡسًا إِلَىٰ
رِجۡسِهِمۡ وَمَاتُواْ وَهُمۡ كَٰفِرُونَ ١٢٥

126. Phải chăng chúng không thấy rằng chúng đã gặp họa mỗi năm đến một hoặc hai lần ư? Nhưng rồi chúng không ăn năn cũng không nhớ.

أَوَلَا يَرَوۡنَ أَنَّهُمۡ يُفۡتَنُونَ فِي كُلِّ عَامٖ مَّرَّةً أَوۡ مَرَّتَيۡنِ
ثُمَّ لَا يَتُوبُونَ وَلَا هُمۡ يَذَّكَّرُونَ ١٢٦

127. Bất cứ khi nào một chương Kinh được ban xuống thì chúng nhìn nhau, (nói): “Có ai nhìn thấy các người không?” và sau đó chúng quay đi. Allah đã gạt bỏ trái tim của chúng (khỏi chân lý) bởi vì chúng là đám người không hiểu.

وَإِذَا مَآ أُنزِلَتۡ سُورَةٞ نَّظَرَ بَعۡضُهُمۡ إِلَىٰ بَعۡضٍ هَلۡ
يَرَىٰكُم مِّنۡ أَحَدٖ ثُمَّ ٱنصَرَفُواْۚ صَرَفَ ٱللَّهُ قُلُوبَهُم
بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ لَّا يَفۡقَهُونَ ١٢٧

128. Quả thật, đã có một Thiên Sứ xuất thân từ trong các ngươi đến gặp các ngươi. Y đau buồn cho những gì các ngươi đã chịu đựng và Y đã quan tâm lo lắng cho các ngươi. Y đại lượng và nhân từ đối với những người có đức tin.

لَقَدۡ جَآءَكُمۡ رَسُولٞ مِّنۡ أَنفُسِكُمۡ عَزِيزٌ عَلَيۡهِ مَا
عَنِتُّمۡ حَرِيصٌ عَلَيۡكُم بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ رَءُوفٞ
رَّحِيمٞ ١٢٨

129. Nếu như chúng ngoảnh đi thì Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Allah đã đủ đối với Ta, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ta phó thác cho Ngài. Quả thật, Ngài là Chủ Nhân của chiếc ngai vương vĩ đại.”

فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَقُلۡ حَسۡبِيَ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ عَلَيۡهِ
تَوَكَّلۡتُۖ وَهُوَ رَبُّ ٱلۡعَرۡشِ ٱلۡعَظِيمِ ١٢٩

Yunus (Nabi Yunus) يونس

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. Ra. Đây là những câu của Kinh Sách chí minh (Qur’an).

الٓرۚ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡحَكِيمِ ١

2. Có phải con người lấy làm ngạc nhiên khi TA (Allah) đã mặc khải (Kinh Sách) xuống cho một người đàn ông (xuất thân) từ họ để cảnh báo nhân loại (về hình phạt của Allah) và báo tin mừng cho những người có đức tin rằng họ sẽ được (phần thưởng tốt đẹp) ở nơi Thượng Đế của họ về những gì mà họ gửi đi trước. (Tuy nhiên), những kẻ vô đức tin lại nói: “Rõ ràng đây là một tên phù thủy.”

أَكَانَ لِلنَّاسِ عَجَبًا أَنۡ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ رَجُلٖ مِّنۡهُمۡ أَنۡ
أَنذِرِ ٱلنَّاسَ وَبَشِّرِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَنَّ لَهُمۡ قَدَمَ صِدۡقٍ
عِندَ رَبِّهِمۡۗ قَالَ ٱلۡكَٰفِرُونَ إِنَّ هَٰذَا لَسَٰحِرٞ
مُّبِينٌ ٢

3. Thật vậy, Thượng Đế của các ngươi (hỡi những kẻ ngạc nhiên) là Allah, Đấng đã tạo ra các tầng trời và trái đất trong sáu ngày, rồi Ngài ngự trị trên ngai vương. Ngài điều hành và sắp xếp mọi công việc. Không có bất cứ ai can thiệp (cho ai) ngoại trừ có sự cho phép của Ngài. Đó là Allah, Thượng Đế của các ngươi, vì vậy các ngươi hãy tôn thờ Ngài, lẽ nào các ngươi không lưu tâm?!

إِنَّ رَبَّكُمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ فِي
سِتَّةِ أَيَّامٖ ثُمَّ ٱسۡتَوَىٰ عَلَى ٱلۡعَرۡشِۖ يُدَبِّرُ ٱلۡأَمۡرَۖ مَا
مِن شَفِيعٍ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِ إِذۡنِهِۦۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡ
فَٱعۡبُدُوهُۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ٣

4. Rồi tất cả các ngươi phải trở về trình diện Ngài, lời hứa của Allah là sự thật. Thật vậy, Ngài đã bắt đầu (quá trình) tạo hóa rồi Ngài sẽ lặp lại nó để Ngài có thể ban thưởng cho những ai đã tin tưởng và hành thiện theo lẽ công bằng. Riêng đối với những kẻ vô đức tin, chúng sẽ được chiêu đãi bằng một loại nước sôi và một hình phạt đau đớn cho những điều mà chúng đã từng phủ nhận.

إِلَيۡهِ مَرۡجِعُكُمۡ جَمِيعٗاۖ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقًّاۚ إِنَّهُۥ يَبۡدَؤُاْ
ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥ لِيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ
ٱلصَّٰلِحَٰتِ بِٱلۡقِسۡطِۚ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَهُمۡ شَرَابٞ
مِّنۡ حَمِيمٖ وَعَذَابٌ أَلِيمُۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡفُرُونَ ٤

5. Ngài là Đấng đã tạo ra mặt trời chiếu sáng (chói lọi) và mặt trăng mang ánh sáng (dịu mát) và Ngài sắp đặt cho nó xuất hiện tại các vị trí khác nhau để các ngươi nhận biết được số lượng năm tháng và tính toán (thời gian). Allah đã tạo ra điều này vì chân lý. Ngài giải thích rõ các dấu hiệu (của Ngài) cho nhóm người hiểu biết.

هُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ ٱلشَّمۡسَ ضِيَآءٗ وَٱلۡقَمَرَ نُورٗا
وَقَدَّرَهُۥ مَنَازِلَ لِتَعۡلَمُواْ عَدَدَ ٱلسِّنِينَ وَٱلۡحِسَابَۚ مَا
خَلَقَ ٱللَّهُ ذَٰلِكَ إِلَّا بِٱلۡحَقِّۚ يُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ
يَعۡلَمُونَ ٥

6. Quả thật, trong sự luân phiên của đêm và ngày, và trong những gì mà Allah đã tạo ra trong các tầng trời và trái đất đều là những dấu hiệu (chứng minh quyền năng của Allah) dành cho những người ngoan đạo (ngay chính, sợ Allah).

إِنَّ فِي ٱخۡتِلَٰفِ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ وَمَا خَلَقَ ٱللَّهُ فِي
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَتَّقُونَ ٦

7. Những kẻ không mong đợi cuộc gặp gỡ với TA (- Allah, ở Đời Sau) và hài lòng với cuộc sống thế giới này và cảm thấy an nhiên ở đó cũng như những kẻ thờ ơ với các lời phán của TA.

إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يَرۡجُونَ لِقَآءَنَا وَرَضُواْ بِٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
وَٱطۡمَأَنُّواْ بِهَا وَٱلَّذِينَ هُمۡ عَنۡ ءَايَٰتِنَا غَٰفِلُونَ ٧

8. Chúng là những kẻ mà chỗ ở sẽ là Hỏa Ngục do hậu quả của những điều mà chúng đã tích lũy.

أُوْلَـٰٓئِكَ مَأْوَىٰهُمُ ٱلنَّارُ بِمَا كَانُواْ يَكْسِبُونَ ٨

9. Thật vậy, những người có đức tin và hành thiện, Thượng Đế của họ sẽ hướng dẫn họ (đến với sự hài lòng của Ngài) bằng đức tin của họ, (và Ngài sẽ thu nhận họ vào) các Ngôi Vườn Thiên Đàng hạnh phúc), bên dưới có những dòng sông chảy.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّـٰلِحَـٰتِ يَهْدِيهِمْ رَبُّهُم
بِإِيمَـٰنِهِمْ تَجْرِى مِن تَحْتِهِمُ ٱلْأَنْهَـٰرُ فِى جَنَّـٰتِ
ٱلنَّعِيمِ ٩

10. Lời cầu nguyện của họ trong Thiên Đàng (sẽ là) “Lạy Allah, Ngài là Đấng Vinh Quang và Tối Cao!” và lời chào của họ với nhau (sẽ là) “Salam” – (Chào an lành!) và lời cầu nguyện cuối cùng của họ (sẽ là) “Alhamdulilla-hi Rabbil-a-lami-n” - (Ca ngợi, tán dương và tạ ơn Allah, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.)

دَعْوَىٰهُمْ فِيهَا سُبْحَـٰنَكَ ٱللَّهُمَّ وَتَحِيَّتُهُمْ فِيهَا سَلَـٰمٌ
وَءَاخِرُ دَعْوَىٰهُمْ أَنِ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلْعَـٰلَمِينَ ١٠

11. Nếu như Allah vội vàng đáp lại điều xấu mà con người (yêu cầu) giống như việc con người muốn Ngài đáp lại điều tốt (khi họ cầu xin Ngài) thì chắc chắn tuổi thọ của họ đã phải kết thúc. Tuy nhiên, TA bỏ mặc những kẻ không mong đợi cuộc gặp gỡ với TA sống lang thang một cách mù quáng.

۞وَلَوْ يُعَجِّلُ ٱللَّهُ لِلنَّاسِ ٱلشَّرَّ ٱسْتِعْجَالَهُم بِٱلْخَيْرِ
لَقُضِىَ إِلَيْهِمْ أَجَلُهُمْ فَنَذَرُ ٱلَّذِينَ لَا يَرْجُونَ لِقَآءَنَا
فِى طُغْيَـٰنِهِمْ يَعْمَهُونَ ١١

12. Con người khi gặp hoạn nạn, y van vái cầu khẩn TA cứu giúp (trong mọi tư thế) nằm, ngồi hoặc đứng. Nhưng khi TA giúp y thoát khỏi cơn nguy nạn, y (làm ngơ) bước đi như thể y chưa bao giờ từng cầu khẩn TA cứu giúp y thoát nạn. Như thế đó, những gì mà những kẻ tội lỗi đã làm lại tỏ ra đẹp mắt đối với chúng.

وَإِذَا مَسَّ ٱلْإِنسَـٰنَ ٱلضُّرُّ دَعَانَا لِجَنۢبِهِۦٓ أَوْ قَاعِدًا أَوْ
قَآئِمًا فَلَمَّا كَشَفْنَا عَنْهُ ضُرَّهُۥ مَرَّ كَأَن لَّمْ يَدْعُنَآ
إِلَىٰ ضُرٍّ مَّسَّهُۥ كَذَٰلِكَ زُيِّنَ لِلْمُسْرِفِينَ مَا كَانُواْ
يَعْمَلُونَ ١٢

13. TA đã tiêu diệt những thế hệ trước các ngươi (hỡi những kẻ đa thần) khi mà chúng làm điều sai quấy. Các Sứ Giả của chúng đã đến với chúng với những bằng chứng rõ ràng nhưng chúng không tin. TA đáp trả những kẻ tội lỗi đúng như thế.

وَلَقَدْ أَهْلَكْنَا ٱلْقُرُونَ مِن قَبْلِكُمْ لَمَّا ظَلَمُواْ
وَجَآءَتْهُمْ رُسُلُهُم بِٱلْبَيِّنَـٰتِ وَمَا كَانُواْ لِيُؤْمِنُواْ
كَذَٰلِكَ نَجْزِى ٱلْقَوْمَ ٱلْمُجْرِمِينَ ١٣

14. Sau đó, TA đã để các ngươi (loài người) thành những người kế thừa trái đất này sau chúng để quan sát các ngươi hành động thế nào (nếu các ngươi làm tốt sẽ được tốt còn nếu các người làm điều xấu sẽ bị điều xấu).

ثُمَّ جَعَلْنَـٰكُمْ خَلَـٰٓئِفَ فِى ٱلْأَرْضِ مِنۢ بَعْدِهِمْ
لِنَنظُرَ كَيْفَ تَعْمَلُونَ ١٤

15. Khi các Lời Mặc Khải của TA được xướng đọc rõ ràng cho họ nghe, những kẻ không mong đợi cuộc gặp gỡ với TA nói: “Ngươi (hỡi Muhammad) hãy mang đến cho bọn ta một quyển Qur’an khác quyển này hoặc hãy thay đổi nó đi!”. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Ta không thể thay đổi Nó theo ý mình. Ta chỉ làm theo những gì đã được mặc khải cho Ta. Nếu Ta nghịch lại Thượng Đế của Ta, Ta thực sự sợ hình phạt của Ngày Khủng Khiếp.”

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَاتُنَا بَيِّنَٰتٖ قَالَ ٱلَّذِينَ لَا
يَرۡجُونَ لِقَآءَنَا ٱئۡتِ بِقُرۡءَانٍ غَيۡرِ هَٰذَآ أَوۡ بَدِّلۡهُۚ قُلۡ
مَا يَكُونُ لِيٓ أَنۡ أُبَدِّلَهُۥ مِن تِلۡقَآيِٕ نَفۡسِيٓۖ إِنۡ
أَتَّبِعُ إِلَّا مَا يُوحَىٰٓ إِلَيَّۖ إِنِّيٓ أَخَافُ إِنۡ عَصَيۡتُ رَبِّي
عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ١٥

16. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Nếu Allah muốn, Ta đã không đọc Nó (Qur’an) cho các ngươi nghe và Ngài cũng không cho các ngươi biết về Nó. Rõ ràng Ta đã sống một quãng đời với các ngươi trước khi Nó được ban xuống, sao các ngươi lại không hiểu?!

قُل لَّوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا تَلَوۡتُهُۥ عَلَيۡكُمۡ وَلَآ أَدۡرَىٰكُم
بِهِۦۖ فَقَدۡ لَبِثۡتُ فِيكُمۡ عُمُرٗا مِّن قَبۡلِهِۦٓۚ أَفَلَا
تَعۡقِلُونَ ١٦

17. Vì vậy, ai sai quấy hơn kẻ bịa ra một lời nói dối về Allah hoặc phủ nhận các dấu hiệu của Ngài?! Chắc chắn, những kẻ tội lỗi sẽ không thành công.

فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوۡ كَذَّبَ
بِـَٔايَٰتِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ١٧

18. (Những kẻ đa thần) tôn thờ ngoài Allah những thứ không gây hại cho họ cũng không mang lợi cho họ và họ nói: “Đây là những vị đại diện can thiệp cho chúng tôi trước Allah”. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Có phải các người muốn cho Allah biết điều mà (các người tưởng rằng) Ngài không biết chuyện gì xảy ra trong các tầng trời và trái đất?” Allah Vinh Quang và Tối Cao vượt bên trên mọi thứ mà chúng tổ hợp (với Ngài).

وَيَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَضُرُّهُمۡ وَلَا يَنفَعُهُمۡ
وَيَقُولُونَ هَٰٓؤُلَآءِ شُفَعَٰٓؤُنَا عِندَ ٱللَّهِۚ قُلۡ أَتُنَبِّـُٔونَ
ٱللَّهَ بِمَا لَا يَعۡلَمُ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ
سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ١٨

19. Thật ra, trước đây loài người vốn là một cộng đồng duy nhất (chỉ thờ phượng một mình Allah), nhưng rồi họ chia rẽ. Nếu không phải vì lời phán trước đây của Thượng Đế Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thì mọi tranh chấp của họ đã được giải quyết xong.

وَمَا كَانَ ٱلنَّاسُ إِلَّآ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ فَٱخۡتَلَفُواْۚ وَلَوۡلَا
كَلِمَةٞ سَبَقَتۡ مِن رَّبِّكَ لَقُضِيَ بَيۡنَهُمۡ فِيمَا فِيهِ
يَخۡتَلِفُونَ ١٩

20. (Những kẻ đa thần) nói: “Tại sao Thượng Đế của Y (Muhammad) không ban xuống cho Y một dấu hiệu lạ nào đó (chứng minh sứ mạng của Y là thật.” Ngươi hãy nói: “Quả thật, những điều vô hình đều thuộc về kiến thức của Allah, vì vậy, các người hãy chờ đợi, quả thật Ta cũng chờ đợi cùng các người.”

وَيَقُولُونَ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ ءَايَةٞ مِّن رَّبِّهِۦۖ فَقُلۡ إِنَّمَا
ٱلۡغَيۡبُ لِلَّهِ فَٱنتَظِرُوٓاْ إِنِّي مَعَكُم مِّنَ
ٱلۡمُنتَظِرِينَ ٢٠

21. Khi mà TA (Allah) cho con người nếm trải hồng phúc (của TA) sau cơn nguy nạn, ngay lập tức họ âm mưu chống lại các Lời Mặc Khải của TA. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Allah nhanh hơn trong chiến lược.” Quả thật, các Sứ Giả của TA (các Thiên Thần ghi chép) luôn ghi chép hết mọi thứ mà các người âm mưu.”

وَإِذَآ أَذَقۡنَا ٱلنَّاسَ رَحۡمَةٗ مِّنۢ بَعۡدِ ضَرَّآءَ مَسَّتۡهُمۡ إِذَا
لَهُم مَّكۡرٞ فِيٓ ءَايَاتِنَاۚ قُلِ ٱللَّهُ أَسۡرَعُ مَكۡرًاۚ إِنَّ رُسُلَنَا
يَكۡتُبُونَ مَا تَمۡكُرُونَ ٢١

22. (Allah), chính Ngài là Đấng làm cho các ngươi có thể đi lại trên đất liền và ngoài biển cả và khi các ngươi ở trên tàu. Con tàu đưa họ vượt trùng dương với làn gió nhẹ, họ vui mừng với chuyến đi. Bỗng một cơn cuồng phong nổi lên, những làn sóng (khổng lồ) từ khắp nơi ập đến, họ nghĩ mình sẽ bị chết chìm trong trận giông tố này, họ liền chân thành khấn vái Allah: "Nếu Ngài cứu bầy tôi khỏi đại nạn này, chắc chắn bầy tôi sẽ là những người biết ơn Ngài."

هُوَ ٱلَّذِى يُسَيِّرُكُمْ فِى ٱلْبَرِّ وَٱلْبَحْرِ ۖ حَتَّىٰٓ إِذَا كُنتُمْ
فِى ٱلْفُلْكِ وَجَرَيْنَ بِهِم بِرِيحٍ طَيِّبَةٍ وَفَرِحُوا۟ بِهَا
جَآءَتْهَا رِيحٌ عَاصِفٌ وَجَآءَهُمُ ٱلْمَوْجُ مِن كُلِّ
مَكَانٍ وَظَنُّوٓا۟ أَنَّهُمْ أُحِيطَ بِهِمْ دَعَوُا۟ ٱللَّهَ مُخْلِصِينَ
لَهُ ٱلدِّينَ لَئِنْ أَنجَيْتَنَا مِنْ هَٰذِهِۦ لَنَكُونَنَّ مِنَ
ٱلشَّٰكِرِينَ ٢٢

23. Nhưng sau khi Ngài cứu họ (khỏi cơn nguy nạn) thì họ lại gieo rắc tội lỗi trên trái đất bất chấp công lý. Hỡi nhân loại, thật ra tội lỗi đó chỉ hại bản thân các ngươi thôi, (đó chỉ là) sự hưởng thụ tạm bợ của đời sống thế tục, rồi đây các ngươi sẽ trở về trình diện TA. Lúc đó, TA sẽ cho các ngươi biết về mọi thứ mà các ngươi đã từng làm.

فَلَمَّآ أَنجَىٰهُمْ إِذَا هُمْ يَبْغُونَ فِى ٱلْأَرْضِ بِغَيْرِ ٱلْحَقِّ ۗ
يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّمَا بَغْيُكُمْ عَلَىٰٓ أَنفُسِكُم ۖ مَّتَٰعَ
ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۖ ثُمَّ إِلَيْنَا مَرْجِعُكُمْ فَنُنَبِّئُكُم بِمَا
كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ٢٣

24. Quả thật, hình ảnh đời sống trần tục này chỉ giống như một cơn mưa mà TA ban từ trời xuống làm cây cối trên đất hấp thụ, (cho ra) đủ loại cây trái hoa màu cung cấp lương thực cho con người và gia súc, cho đến khi mảnh đất được trang điểm và đẹp đẽ khiến các chủ nhân của nó nghĩ rằng mình có khả năng thu hoạch tốt vụ mùa thì mệnh lệnh (hủy hoại mùa màng) của TA được ban xuống đêm ngày. TA đã làm cho mùa gặt như thể nó chưa phát triển ngày hôm qua. Như thế đó, TA đã giải thích chi tiết các dấu hiệu cho nhóm người biết suy ngẫm.

إِنَّمَا مَثَلُ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا كَمَآءٍ أَنزَلْنَٰهُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ
فَٱخْتَلَطَ بِهِۦ نَبَاتُ ٱلْأَرْضِ مِمَّا يَأْكُلُ ٱلنَّاسُ
وَٱلْأَنْعَٰمُ حَتَّىٰٓ إِذَآ أَخَذَتِ ٱلْأَرْضُ زُخْرُفَهَا وَٱزَّيَّنَتْ
وَظَنَّ أَهْلُهَآ أَنَّهُمْ قَٰدِرُونَ عَلَيْهَآ أَتَىٰهَآ أَمْرُنَا لَيْلًا
أَوْ نَهَارًا فَجَعَلْنَٰهَا حَصِيدًا كَأَن لَّمْ تَغْنَ بِٱلْأَمْسِ ۚ
كَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلْءَايَٰتِ لِقَوْمٍ يَتَفَكَّرُونَ ٢٤

25. Allah mời gọi (con người) đến với Ngôi Nhà Bằng An (Thiên Đàng) và hướng dẫn bất cứ ai Ngài muốn đến với con đường ngay chính (đó là tôn giáo Islam).

وَٱللَّهُ يَدْعُوٓا۟ إِلَىٰ دَارِ ٱلسَّلَٰمِ وَيَهْدِى مَن يَشَآءُ إِلَىٰ
صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ٢٥

26. Những người làm tốt sẽ có được phần thưởng tốt và hơn thế nữa. Không có bóng tối nào bao phủ khuôn mặt của họ, cũng không có sự sỉ nhục. Họ là những người bạn của Thiên Đàng, họ sẽ sống trong đó mãi mãi.

۞ لِّلَّذِينَ أَحْسَنُوا۟ ٱلْحُسْنَىٰ وَزِيَادَةٌ ۖ وَلَا يَرْهَقُ
وُجُوهَهُمْ قَتَرٌ وَلَا ذِلَّةٌ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلْجَنَّةِ ۖ هُمْ
فِيهَا خَٰلِدُونَ ٢٦

27. Những kẻ làm điều xấu sẽ nhận lại điều xấu tương ứng với nó và sự sỉ nhục sẽ bao trùm chúng. Chúng sẽ không có một ai bảo vệ trước Allah. Gương mặt của chúng như thể bị bao phủ bởi bóng tối của màn đêm – thật đen tối. Chúng là những người bạn của Hỏa Ngục, chúng sẽ sống trong đó mãi mãi.

وَٱلَّذِينَ كَسَبُوا۟ ٱلسَّيِّـَٔاتِ جَزَآءُ سَيِّئَةٍۭ بِمِثْلِهَا
وَتَرْهَقُهُمْ ذِلَّةٌ ۖ مَّا لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِنْ عَاصِمٍ ۖ كَأَنَّمَآ
أُغْشِيَتْ وُجُوهُهُمْ قِطَعًا مِّنَ ٱلَّيْلِ مُظْلِمًا ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ
أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِ ۖ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٢٧

28. Vào Ngày mà TA sẽ triệu tập tất cả (loài người), rồi TA phán với những kẻ đa thần: “Các ngươi và thần linh mà các ngươi tổ hợp hãy ở yên vị trí của mình.” Sau đó, TA sẽ tách chúng ra và các thần linh của chúng sẽ nói: “Các ngươi không từng thờ phượng bọn ta.”

وَيَوۡمَ نَحۡشُرُهُمۡ جَمِيعٗا ثُمَّ نَقُولُ لِلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ
مَكَانَكُمۡ أَنتُمۡ وَشُرَكَآؤُكُمۡۚ فَزَيَّلۡنَا بَيۡنَهُمۡۖ وَقَالَ
شُرَكَآؤُهُم مَّا كُنتُمۡ إِيَّانَا تَعۡبُدُونَ ٢٨

29. “Allah đã đủ làm nhân chứng cho bọn ta và các ngươi, và bọn ta đã không biết gì về sự thờ phượng của các ngươi.”

فَكَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدَۢا بَيۡنَنَا وَبَيۡنَكُمۡ إِن كُنَّا عَنۡ
عِبَادَتِكُمۡ لَغَٰفِلِينَ ٢٩

30. (Vào Ngày vĩ đại đó), mọi linh hồn sẽ chứng kiến hậu quả của những điều mà nó đã từng làm và (những kẻ đa thần) sẽ được đưa về với Allah, Đấng Bảo Hộ đích thực của chúng. Và những gì mà chúng đã bịa đặt trước đây sẽ bỏ chúng đi mất.

هُنَالِكَ تَبۡلُواْ كُلُّ نَفۡسٖ مَّآ أَسۡلَفَتۡۚ وَرُدُّوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ
مَوۡلَىٰهُمُ ٱلۡحَقِّۖ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ٣٠

31. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy hỏi (những kẻ đa thần phủ nhận Allah): “Ai ban lộc cho các ngươi từ trời đất? Ai chi phối thính giác và thị giác của các ngươi? Ai đưa cái sống ra từ cái chết và đưa cái chết ra từ cái sống? Và ai điều hành, sắp xếp mọi hoạt động (của vũ trụ)?” Chúng sẽ nói: “Allah”. Vì vậy, Ngươi hãy nói với chúng: “Vậy tại sao các ngươi không sợ (Ngài)?”

قُلۡ مَن يَرۡزُقُكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ أَمَّن يَمۡلِكُ
ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ وَمَن يُخۡرِجُ ٱلۡحَيَّ مِنَ ٱلۡمَيِّتِ
وَيُخۡرِجُ ٱلۡمَيِّتَ مِنَ ٱلۡحَيِّ وَمَن يُدَبِّرُ ٱلۡأَمۡرَۚ
فَسَيَقُولُونَ ٱللَّهُۚ فَقُلۡ أَفَلَا تَتَّقُونَ ٣١

32. Đấy là Allah, Thượng Đế đích thực của các ngươi. Thế nên bất cứ điều gì ngoài chân lý đều lầm lạc, vậy các ngươi lạc hướng đi đâu?

فَذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمُ ٱلۡحَقُّۖ فَمَاذَا بَعۡدَ ٱلۡحَقِّ إِلَّا
ٱلضَّلَٰلُۖ فَأَنَّىٰ تُصۡرَفُونَ ٣٢

33. Lời nói của Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) về những kẻ bất tuân, dấy loạn đúng như thế, rằng chúng sẽ không có đức tin.

كَذَٰلِكَ حَقَّتۡ كَلِمَتُ رَبِّكَ عَلَى ٱلَّذِينَ فَسَقُوٓاْ أَنَّهُمۡ
لَا يُؤۡمِنُونَ ٣٣

34. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Các thần linh mà các ngươi thờ phượng ngoài Allah có khả năng khởi tạo (vũ trụ) và tái tạo nó không?” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Allah khởi tạo (vũ trụ) và tái tạo nó trở lại.” Vậy sao các ngươi vẫn còn xa lánh (chân lý)?”

قُلۡ هَلۡ مِن شُرَكَآئِكُم مَّن يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ
يُعِيدُهُۥۚ قُلِ ٱللَّهُ يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥۖ فَأَنَّىٰ
تُؤۡفَكُونَ ٣٤

35. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy hỏi chúng: “Có thần linh nào của các ngươi hướng dẫn đến chân lý không?” Ngươi hãy nói: “Allah hướng dẫn đến chân lý.” Vậy Đấng hướng dẫn đến chân lý đáng được tuân theo hơn hay một kẻ không thể hướng dẫn trừ phi được hướng dẫn? Các ngươi cư xử và đánh giá sao thế?

قُلۡ هَلۡ مِن شُرَكَآئِكُم مَّن يَهۡدِيٓ إِلَى ٱلۡحَقِّۚ قُلِ
ٱللَّهُ يَهۡدِي لِلۡحَقِّۗ أَفَمَن يَهۡدِيٓ إِلَى ٱلۡحَقِّ أَحَقُّ أَن
يُتَّبَعَ أَمَّن لَّا يَهِدِّيٓ إِلَّآ أَن يُهۡدَىٰۖ فَمَا لَكُمۡ كَيۡفَ
تَحۡكُمُونَ ٣٥

36. Và hầu hết (những kẻ đa thần) chỉ đi theo giả định. Thật vậy, giả định không thay thế được gì cho sự thật. Quả thật, Allah biết rõ những điều chúng làm.

وَمَا يَتَّبِعُ أَكۡثَرُهُمۡ إِلَّا ظَنًّاۚ إِنَّ ٱلظَّنَّ لَا يُغۡنِي مِنَ
ٱلۡحَقِّ شَيۡـًٔاۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِمَا يَفۡعَلُونَ ٣٦

37. Qur’an này không thể nào do ai khác ngoài Allah làm ra. Nó xác nhận lại những gì trước Nó và giải thích chi tiết về Kinh Thánh trước đây (như Tawrah, Injil, Zabur…), không có gì phải hoài nghi rằng Nó đến từ Đấng Chúa Tể của vũ trụ và vạn vật.

وَمَا كَانَ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانُ أَن يُفۡتَرَىٰ مِن دُونِ ٱللَّهِ
وَلَٰكِن تَصۡدِيقَ ٱلَّذِي بَيۡنَ يَدَيۡهِ وَتَفۡصِيلَ
ٱلۡكِتَٰبِ لَا رَيۡبَ فِيهِ مِن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٣٧

38. Hoặc có phải (những kẻ đa thần) bảo Y (Muhammad) đã bịa đặt ra (Qur’an)? Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Vậy các ngươi hãy mang đến một chương Kinh giống như thế và hãy gọi bất cứ ai ngoài Allah đến giúp đỡ, nếu các ngươi nói thật!”

أَمۡ يَقُولُونَ ٱفۡتَرَىٰهُۖ قُلۡ فَأۡتُواْ بِسُورَةٖ مِّثۡلِهِۦ وَٱدۡعُواْ
مَنِ ٱسۡتَطَعۡتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٣٨

39. Đúng hơn, chúng đã phủ nhận những gì mà chúng không thể bao hàm với sự hiểu biết của chúng và chúng chưa đạt được lời giải thích của nó. Tương tự như thế, những kẻ trước chúng cũng đã phủ nhận. Cho nên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy xem kết cuộc của những kẻ làm điều sai quấy đã diễn ra thế nào!

بَلۡ كَذَّبُواْ بِمَا لَمۡ يُحِيطُواْ بِعِلۡمِهِۦ وَلَمَّا يَأۡتِهِمۡ
تَأۡوِيلُهُۥۚ كَذَٰلِكَ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۖ فَٱنظُرۡ
كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلظَّٰلِمِينَ ٣٩

40. Trong số (những kẻ đa thần) có người đã tin tưởng vào (Qur’an) và có người không tin tưởng vào Nó. Tuy nhiên, Thượng Đế của Ngươi (Muhammad) biết rõ những kẻ dấy loạn bất tuân.

وَمِنۡهُم مَّن يُؤۡمِنُ بِهِۦ وَمِنۡهُم مَّن لَّا يُؤۡمِنُ بِهِۦۚ
وَرَبُّكَ أَعۡلَمُ بِٱلۡمُفۡسِدِينَ ٤٠

41. Nếu như chúng phủ nhận Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) thì Ngươi hãy nói: “Ta chịu trách nhiệm cho hành động của Ta và các ngươi chịu trách nhiệm cho hành động của các ngươi, các ngươi không liên can đến việc làm của Ta và Ta không liên can đến việc làm của các ngươi.”

وَإِن كَذَّبُوكَ فَقُل لِّي عَمَلِي وَلَكُمۡ عَمَلُكُمۡۖ أَنتُم
بَرِيٓـُٔونَ مِمَّآ أَعۡمَلُ وَأَنَا۠ بَرِيٓءٞ مِّمَّا تَعۡمَلُونَ ٤١

42. Trong số (những kẻ đa thần) có người đến (giả vờ) nghe Ngươi (Thiên Sứ) xướng đọc (Qur’an). (Nhưng Ngươi – hỡi Thiên Sứ Muhammad, hãy biết rằng) làm sao Ngươi có thể làm cho người điếc nghe được cũng như làm sao Ngươi có thể hướng dẫn (đám người) khi chúng không hiểu gì?

وَمِنۡهُم مَّن يَسۡتَمِعُونَ إِلَيۡكَۚ أَفَأَنتَ تُسۡمِعُ ٱلصُّمَّ وَلَوۡ
كَانُواْ لَا يَعۡقِلُونَ ٤٢

43. Trong số (những kẻ đa thần) có người hướng mắt nhìn Ngươi (Thiên Sứ Muhammad). Nhưng làm sao Ngươi có thể hướng dẫn được người mù khi họ không nhìn thấy?

وَمِنۡهُم مَّن يَنظُرُ إِلَيۡكَۚ أَفَأَنتَ تَهۡدِي ٱلۡعُمۡيَ وَلَوۡ
كَانُواْ لَا يُبۡصِرُونَ ٤٣

44. Thật vậy, Allah đã không bất công với con người về bất cứ điều gì, nhưng chính con người lại bất công với bản thân mình.

إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَظۡلِمُ ٱلنَّاسَ شَيۡـٔٗا وَلَٰكِنَّ ٱلنَّاسَ
أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٤٤

45. Vào Ngày mà (Allah) sẽ tập hợp (nhân loại), họ (cảm giác) như thể họ chỉ ở lại (thế gian) một giờ trong ngày. Và họ sẽ nhận biết nhau. Quả thật, những kẻ phủ nhận cuộc gặp gỡ với Allah sẽ thất bại và họ là những kẻ đã không được hướng dẫn.

وَيَوۡمَ يَحۡشُرُهُمۡ كَأَن لَّمۡ يَلۡبَثُوٓاْ إِلَّا سَاعَةٗ مِّنَ ٱلنَّهَارِ
يَتَعَارَفُونَ بَيۡنَهُمۡۚ قَدۡ خَسِرَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِلِقَآءِ ٱللَّهِ
وَمَا كَانُواْ مُهۡتَدِينَ ٤٥

46. Cho dù TA cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thấy một vài (hình phạt) mà TA đã hứa với chúng hay TA làm cho Ngươi chết đi thì đằng nào chúng cũng phải trở về trình diện TA. Rồi đây Allah sẽ là nhân chứng cho những gì chúng đã từng làm.

وَإِمَّا نُرِيَنَّكَ بَعۡضَ ٱلَّذِي نَعِدُهُمۡ أَوۡ نَتَوَفَّيَنَّكَ
فَإِلَيۡنَا مَرۡجِعُهُمۡ ثُمَّ ٱللَّهُ شَهِيدٌ عَلَىٰ مَا يَفۡعَلُونَ ٤٦

47. Mỗi cộng đồng (dân tộc, quốc gia) đều có một Sứ Giả (được Allah phái đến). Vì vậy, khi sứ giả của họ đến, mọi việc tranh chấp giữa họ sẽ được giải quyết một cách công bằng và họ sẽ không bị đối xử bất công.

وَلِكُلِّ أُمَّةٖ رَّسُولٞۖ فَإِذَا جَآءَ رَسُولُهُمۡ قُضِيَ بَيۡنَهُم
بِٱلۡقِسۡطِ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ٤٧

48. (Những kẻ vô đức tin) nói: “Bao giờ lời hứa (về sự trừng phạt) này sẽ xảy ra nếu các ngươi nói thật?”

وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٤٨

49. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Ta không có quyền năng quyết định điều hại hay điều lợi cho bản thân ngoại trừ điều nào Allah muốn. Mỗi cộng đồng đều có một thời hạn nhất định, một khi thời hạn của họ đến thì họ sẽ không thể nán lại hay đi sớm hơn một thời khắc nào.”

قُل لَّآ أَمۡلِكُ لِنَفۡسِي ضَرّٗا وَلَا نَفۡعًا إِلَّا مَا شَآءَ
ٱللَّهُۗ لِكُلِّ أُمَّةٍ أَجَلٌۚ إِذَا جَآءَ أَجَلُهُمۡ فَلَا يَسۡتَـٔۡخِرُونَ
سَاعَةٗ وَلَا يَسۡتَقۡدِمُونَ ٤٩

50. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với chúng: “Các ngươi hãy nghĩ xem, nếu (Allah) ban hình phạt xuống các người vào ban đêm hoặc ban ngày thì hình phạt nào sẽ là cái mà những tên tội lỗi thúc giục nó mau đến?!”

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِنۡ أَتَىٰكُمۡ عَذَابُهُۥ بَيَٰتًا أَوۡ نَهَارٗا مَّاذَا
يَسۡتَعۡجِلُ مِنۡهُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٥٠

51. “Phải chăng sau khi hình phạt thật sự giáng xuống thì các ngươi mới tin hay sao? Lẽ nào bây giờ các ngươi mới tin trong khi trước đây các ngươi đã mong nó mau đến?

أَثُمَّ إِذَا مَا وَقَعَ ءَامَنتُم بِهِۦٓۚ ءَآلۡـَٰٔنَ وَقَدۡ كُنتُم بِهِۦ
تَسۡتَعۡجِلُونَ ٥١

52. Sau đó, có lời phán bảo với những tên làm điều sai quấy: “Các ngươi hãy nếm lấy sự trừng phạt muôn đời. Các ngươi được đền bù bởi những gì các ngươi đã kiếm được.”

ثُمَّ قِيلَ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ ذُوقُواْ عَذَابَ ٱلۡخُلۡدِ هَلۡ
تُجۡزَوۡنَ إِلَّا بِمَا كُنتُمۡ تَكۡسِبُونَ ٥٢

53. (Những kẻ đa thần) hỏi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad): “Có phải (hình phạt mà Ngươi cảnh báo) là sự thật không?” Ngươi hãy đáp: “Xin thề với Thượng Đế của Ta, chắc chắn đó là sự thật và các ngươi sẽ không thoát.”

۞وَيَسۡتَنۢبِـُٔونَكَ أَحَقٌّ هُوَۖ قُلۡ إِي وَرَبِّيٓ إِنَّهُۥ لَحَقّٞۖ
وَمَآ أَنتُم بِمُعۡجِزِينَ ٥٣

54. Nếu mỗi linh hồn làm điều sai quấy có tất cả mọi thứ trên trái đất thì chắc chắn nó sẽ dùng để chuộc tội; và (những kẻ làm điều sai quấy) sẽ hối hận khi nhìn thấy hình phạt. (Tuy nhiên), chúng sẽ được (Allah) phân xử bằng công lý và chúng sẽ không bị đối xử bất công.

وَلَوۡ أَنَّ لِكُلِّ نَفۡسٖ ظَلَمَتۡ مَا فِي ٱلۡأَرۡضِ لَٱفۡتَدَتۡ
بِهِۦۗ وَأَسَرُّواْ ٱلنَّدَامَةَ لَمَّا رَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَۖ وَقُضِيَ بَيۡنَهُم
بِٱلۡقِسۡطِ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ٥٤

55. Lẽ nào mọi thứ trong các tầng trời và trái đất không thuộc về một mình Allah?! Lẽ nào lời hứa của Allah không phải là sự thật?! Tuy nhiên, hầu hết (những kẻ vô đức tin) không biết mà thôi.

أَلَآ إِنَّ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ أَلَآ إِنَّ وَعۡدَ
ٱللَّهِ حَقّٞ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٥٥

56. Ngài làm cho sống và làm cho chết và các ngươi sẽ được đưa về trình diện Ngài trở lại (để Ngài xét xử và thưởng phạt).

هُوَ يُحۡيِۦ وَيُمِيتُ وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٥٦

57. Hỡi con người! Thật vậy, lời răn (Qur'an) từ Thượng Đế đã đến với các ngươi. Nó là một phương thức chữa tâm bệnh của các ngươi, là một nguồn chỉ đạo và là lòng thương xót dành cho những người có đức tin.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ قَدۡ جَآءَتۡكُم مَّوۡعِظَةٞ مِّن رَّبِّكُمۡ
وَشِفَآءٞ لِّمَا فِي ٱلصُّدُورِ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٥٧

58. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với nhân loại): "Với hồng phúc của Allah và lòng thương xót của Ngài, các ngươi hãy vui hưởng." Điều đó tốt hơn những gì mà họ đã tích lũy và tom góp được.

قُلۡ بِفَضۡلِ ٱللَّهِ وَبِرَحۡمَتِهِۦ فَبِذَٰلِكَ فَلۡيَفۡرَحُواْ هُوَ
خَيۡرٞ مِّمَّا يَجۡمَعُونَ ٥٨

59. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), Ngươi hãy nói (với những kẻ đa thần): "Các ngươi có xem lại việc các ngươi tự ý cấm và cho phép dùng các bổng lộc mà Allah đã ban xuống cho các ngươi không?" Ngươi hãy nói với chúng: "Phải chăng Allah đã cho phép các ngươi (quyền hạn đó) hay các ngươi chỉ bịa đặt rồi nói khống cho Allah?

قُلۡ أَرَءَيۡتُم مَّآ أَنزَلَ ٱللَّهُ لَكُم مِّن رِّزۡقٖ فَجَعَلۡتُم
مِّنۡهُ حَرَامٗا وَحَلَٰلٗا قُلۡ ءَآللَّهُ أَذِنَ لَكُمۡۖ أَمۡ عَلَى ٱللَّهِ
تَفۡتَرُونَ ٥٩

60. Những kẻ bịa đặt lời nói khống cho Allah có suy nghĩ gì về số phận của mình vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng? Quả thật, Allah có đầy đủ hồng phúc dành cho loài người nhưng hầu hết họ không biết ơn.

وَمَا ظَنُّ ٱلَّذِينَ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ يَوۡمَ
ٱلۡقِيَٰمَةِۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ
أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَشۡكُرُونَ ٦٠

61. Không một hành động nào của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), không một đoạn Qur'an nào Ngươi xướng đọc và không một hành động nào các ngươi (những người có đức tin) làm mà lại không nằm dưới sự chứng kiến của TA (Allah). Không gì có thể nằm ngoài tầm kiểm soát của Thượng Đế của Ngươi, dù một vật có sức nặng bằng trọng lượng hạt nguyên tử nằm dưới đất hay trong bầu trời hoặc thậm chí nhỏ hơn hay lớn hơn thế thì cũng đều được ghi chép rõ ràng trong Quyển Kinh (Lưu Trữ - Quyển Kinh Mẹ).

وَمَا تَكُونُ فِي شَأۡنٖ وَمَا تَتۡلُواْ مِنۡهُ مِن قُرۡءَانٖ وَلَا
تَعۡمَلُونَ مِنۡ عَمَلٍ إِلَّا كُنَّا عَلَيۡكُمۡ شُهُودًا إِذۡ
تُفِيضُونَ فِيهِۚ وَمَا يَعۡزُبُ عَن رَّبِّكَ مِن مِّثۡقَالِ ذَرَّةٖ
فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فِي ٱلسَّمَآءِ وَلَآ أَصۡغَرَ مِن ذَٰلِكَ وَلَآ
أَكۡبَرَ إِلَّا فِي كِتَٰبٖ مُّبِينٍ ٦١

62. (Không có gì phải hoài nghi rằng) những vị Wali của Allah sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

أَلَآ إِنَّ أَوۡلِيَآءَ ٱللَّهِ لَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ (٦٢)

63. (Họ là) những người có đức tin và kính sợ Allah.

ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَكَانُواْ يَتَّقُونَ (٦٣)

64. Họ sẽ được báo cho tin mừng ngay trong cuộc sống trần gian này và cả Đời Sau. Lời phán của Allah sẽ không bao giờ thay đổi. Đó là một thành tựu vĩ đại.

لَهُمُ ٱلۡبُشۡرَىٰ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَفِي ٱلۡأٓخِرَةِۚ لَا تَبۡدِيلَ لِكَلِمَٰتِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ (٦٤)

65. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi chớ để cho lời nói của (những kẻ xúc phạm tôn giáo) làm Ngươi buồn rầu. Quả thật, danh dự và quyền lực hoàn toàn thuộc về một mình Allah. Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Toàn Tri.

وَلَا يَحۡزُنكَ قَوۡلُهُمۡۘ إِنَّ ٱلۡعِزَّةَ لِلَّهِ جَمِيعًاۚ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ (٦٥)

66. (Không có gì phải hoài nghi rằng) bất cứ ai trên các tầng trời và bất cứ ai trên trái đất đều là (tạo vật) của Allah. Những kẻ cầu khấn các thần linh khác ngoài Allah thực sự không đi theo các đối tác của Ngài (bởi vì Ngài không hề có bất cứ đối tác nào cả). Chúng chỉ đi theo sự phỏng đoán và giả định, chúng chỉ giỏi đặt điều dối gian.

أَلَآ إِنَّ لِلَّهِ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَمَا يَتَّبِعُ ٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ شُرَكَآءَۚ إِن يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّ وَإِنۡ هُمۡ إِلَّا يَخۡرُصُونَ (٦٦)

67. (Allah) là Đấng đã tạo ra ban đêm cho (con người) nghỉ ngơi và ban ngày để họ quan sát (được mọi vật)? Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu cho đám người biết lắng nghe.

هُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ لِتَسۡكُنُواْ فِيهِ وَٱلنَّهَارَ مُبۡصِرًاۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَسۡمَعُونَ (٦٧)

68. (Một nhóm những kẻ đa thần) nói: “Allah có con trai”. Thật trong sạch và tối cao thay Ngài, Ngài là Đấng Miễn Cần. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trong trái đất đều thuộc về một mình Ngài. Các ngươi (những kẻ đa thần) chẳng có bằng chứng nào cho điều đã nói. Lẽ nào các ngươi nói ra những điều mà các ngươi không biết?!

قَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ وَلَدٗاۗ سُبۡحَٰنَهُۥۖ هُوَ ٱلۡغَنِيُّۖ لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ إِنۡ عِندَكُم مِّن سُلۡطَٰنِۭ بِهَٰذَآۚ أَتَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ (٦٨)

69. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Những ai đặt điều gian dối cho Allah sẽ không thành công.”

قُلۡ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ لَا يُفۡلِحُونَ (٦٩)

70. (Những hưởng thụ mà chúng có được trên cuộc sống này chỉ) là một sự hưởng thụ (tạm bợ ngắn ngủi) của cuộc sống thế tục. Rồi đây, chúng sẽ phải trở về trình diện TA, rồi TA sẽ cho chúng nếm trải hình phạt nghiêm khắc về những gì mà chúng đã từng phủ nhận.

مَتَٰعٞ فِي ٱلدُّنۡيَا ثُمَّ إِلَيۡنَا مَرۡجِعُهُمۡ ثُمَّ نُذِيقُهُمُ ٱلۡعَذَابَ ٱلشَّدِيدَ بِمَا كَانُواْ يَكۡفُرُونَ (٧٠)

71. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy kể cho (những kẻ đa thần) nghe về thông tin của Nuh, khi Y bảo người dân của mình: “Hỡi dân của Ta! Nếu địa vị của Ta cũng như sự nhắc nhở của Ta về các dấu hiệu của Allah trở thành gánh nặng cho các người thì Ta xin phó thác cho Allah. Vậy các người hãy quyết theo kế hoạch của các người, các người hãy kêu gọi các thần linh của các người đến hỗ trợ công việc của các người, rồi các người chớ để cho kế hoạch của các người có điều gì sơ suất, sau đó hãy (dùng nó) xử trí Ta và chớ cho Ta thời gian nghỉ ngơi.”

۞وَٱتۡلُ عَلَيۡهِمۡ نَبَأَ نُوحٍ إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ إِن كَانَ كَبُرَ عَلَيۡكُم مَّقَامِي وَتَذۡكِيرِي بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ فَعَلَى ٱللَّهِ تَوَكَّلۡتُ فَأَجۡمِعُوٓاْ أَمۡرَكُمۡ وَشُرَكَآءَكُمۡ ثُمَّ لَا يَكُنۡ أَمۡرُكُمۡ عَلَيۡكُمۡ غُمَّةٗ ثُمَّ ٱقۡضُوٓاْ إِلَيَّ وَلَا تُنظِرُونِ ٧١

72. “Nhưng nếu các người quay lưng lại (với lời khuyên của Ta) thì (các người hãy biết rằng) Ta đã không đòi các người thù lao. Quả thật, phần thưởng của Ta là ở nơi Allah và Ta được lệnh phải là một người Muslim (thần phục Ngài).”

فَإِن تَوَلَّيۡتُمۡ فَمَا سَأَلۡتُكُم مِّنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَى ٱللَّهِۖ وَأُمِرۡتُ أَنۡ أَكُونَ مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ٧٢

73. Tuy nhiên, (người dân của Nuh) đã chối bỏ (Nuh). Vì vậy, TA đã giải cứu Y và cả những người (tin tưởng) cùng Y trên con tàu và TA đã để tất cả họ trở thành những người thừa kế. TA đã nhấn chìm những kẻ đã phủ nhận các dấu hiệu của TA. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nhìn xem hậu quả ra sao đối với những kẻ đã được cảnh báo.

فَكَذَّبُوهُ فَنَجَّيۡنَٰهُ وَمَن مَّعَهُۥ فِي ٱلۡفُلۡكِ وَجَعَلۡنَٰهُمۡ خَلَٰٓئِفَ وَأَغۡرَقۡنَا ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَاۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُنذَرِينَ ٧٣

74. Rồi sau (Nuh), TA đã gởi rất nhiều Sứ Giả đến với người dân của Họ. (Các vị Sứ Giả này) đến với người dân của mình với những bằng chứng rõ ràng, nhưng họ đã không tin vào điều mà họ đã phủ nhận trước đó. Vì vậy, TA niêm kín con tim của những kẻ vượt quá giới hạn.

ثُمَّ بَعَثۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِۦ رُسُلًا إِلَىٰ قَوۡمِهِمۡ فَجَآءُوهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَمَا كَانُواْ لِيُؤۡمِنُواْ بِمَا كَذَّبُواْ بِهِۦ مِن قَبۡلُۚ كَذَٰلِكَ نَطۡبَعُ عَلَىٰ قُلُوبِ ٱلۡمُعۡتَدِينَ ٧٤

75. Tiếp theo sau họ, TA đã cử phái Musa và Harun đến gặp Pha-ra-ông và các quân thần của hắn cùng với các dấu hiệu của TA nhưng bọn chúng cư xử kiêu ngạo và chúng là đám người tội lỗi.

ثُمَّ بَعَثۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِم مُّوسَىٰ وَهَٰرُونَ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦ بِـَٔايَٰتِنَا فَٱسۡتَكۡبَرُواْ وَكَانُواْ قَوۡمٗا مُّجۡرِمِينَ ٧٥

76. Khi cả hai mang chân lý từ nơi TA đến gặp bọn chúng thì bọn chúng bảo: “Thật ra, đây rõ ràng là trò ma thuật.”

فَلَمَّا جَآءَهُمُ ٱلۡحَقُّ مِنۡ عِندِنَا قَالُوٓاْ إِنَّ هَٰذَا لَسِحۡرٞ مُّبِينٞ ٧٦

77. Musa nói: “Các người nói về sự thật như thế khi nó đến với các người ư? Lẽ nào đây lại là trò ma thuật? Quả thật, những tên dùng trò ma thuật không thể nào thành công!”

قَالَ مُوسَىٰٓ أَتَقُولُونَ لِلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَكُمۡۖ أَسِحۡرٌ هَٰذَا وَلَا يُفۡلِحُ ٱلسَّٰحِرُونَ ٧٧

78. (Đám thuộc hạ của Pha-ra-ông) nói (với Musa): “Có phải ngươi mang điều này đến để lôi kéo bọn ta rời bỏ những gì mà bọn ta thấy được ở tổ tiên của bọn ta (đã làm trước đây) để rồi hai ngươi có thể hùng bá trong lãnh thổ này? Không, bọn ta sẽ không tin hai ngươi.”

قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا لِتَلۡفِتَنَا عَمَّا وَجَدۡنَا عَلَيۡهِ ءَابَآءَنَا وَتَكُونَ لَكُمَا ٱلۡكِبۡرِيَآءُ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا نَحۡنُ لَكُمَا بِمُؤۡمِنِينَ ٧٨

79. Pha-ra-ông nói (với đám thuộc hạ): “Các ngươi hãy triệu tập cho ta tất cả các vị pháp sư uyên bác.”

وَقَالَ فِرۡعَوۡنُ ٱئۡتُونِي بِكُلِّ سَٰحِرٍ عَلِيمٖ ٧٩

80. Vì vậy, khi các pháp sư đến, Musa nói với họ: “Các vị cứ ném xuống bất cứ thứ gì các vị muốn ném.”

فَلَمَّا جَآءَ ٱلسَّحَرَةُ قَالَ لَهُم مُّوسَىٰٓ أَلۡقُواْ مَآ أَنتُم مُّلۡقُونَ ٨٠

81. Khi họ đã ném, Musa nói: “Những gì các vị mang đến chỉ là trò ma thuật. Chắc chắn Allah sẽ phá tan nó, bởi quả thật Ngài không để cho hành động của đám người dấy loạn bất tuân được thành công.”

فَلَمَّآ أَلۡقَوۡاْ قَالَ مُوسَىٰ مَا جِئۡتُم بِهِ ٱلسِّحۡرُۖ إِنَّ ٱللَّهَ سَيُبۡطِلُهُۥٓ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُصۡلِحُ عَمَلَ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ٨١

82. Allah thiết lập chân lý bằng các lời phán của Ngài cho dù những kẻ tội phạm không thích (điều đó).

وَيُحِقُّ ٱللَّهُ ٱلۡحَقَّ بِكَلِمَٰتِهِۦ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٨٢

83. Nhưng không ai tin Musa, ngoại trừ (một số) con cháu thuộc người dân của Y, vì sợ Pha-ra-ông và đám thuộc hạ của hắn bắt bớ. Quả thật, Pha-ra-ông đã kiêu ngạo trong lãnh thổ (Ai Cập) và hắn quả thật là một kẻ tàn bạo ác bá.

فَمَآ ءَامَنَ لِمُوسَىٰٓ إِلَّا ذُرِّيَّةٞ مِّن قَوۡمِهِۦ عَلَىٰ خَوۡفٖ مِّن فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِمۡ أَن يَفۡتِنَهُمۡۚ وَإِنَّ فِرۡعَوۡنَ لَعَالٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَإِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلۡمُسۡرِفِينَ ٨٣

84. Musa nói: “Hỡi dân của Ta, nếu các người thật sự tin tưởng nơi Allah thì hãy phó thác cho Ngài nếu các người là tín đồ Muslim (thần phục Ngài).”

وَقَالَ مُوسَىٰ يَٰقَوۡمِ إِن كُنتُمۡ ءَامَنتُم بِٱللَّهِ فَعَلَيۡهِ تَوَكَّلُوٓاْ إِن كُنتُم مُّسۡلِمِينَ ٨٤

85. Vậy là, người dân nói: “Bầy tôi nguyện phó thác cho Allah. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng biến bầy tôi thành một phương tiện thử thách cho những kẻ tàn bạo ác bá.”

فَقَالُواْ عَلَى ٱللَّهِ تَوَكَّلۡنَا رَبَّنَا لَا تَجۡعَلۡنَا فِتۡنَةٗ لِّلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٨٥

86. “Với lòng thương xót của Ngài, xin Ngài giải cứu bầy tôi khỏi đám người vô đức tin.”

وَنَجِّنَا بِرَحۡمَتِكَ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٨٦

87. TA đã mặc khải cho Musa và người anh (em) của Y: “Hai ngươi hãy để người dân của mình định cư ở Ai Cập trong những ngôi nhà, hãy dựng những ngôi nhà của các ngươi hướng về Qiblah (Đền Aqsa ở Palestine), rồi hãy dâng lễ nguyện Salah trong đó và hãy báo tin mừng cho những người có đức tin.

وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰ وَأَخِيهِ أَن تَبَوَّءَا لِقَوۡمِكُمَا بِمِصۡرَ بُيُوتٗا وَٱجۡعَلُواْ بُيُوتَكُمۡ قِبۡلَةٗ وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٨٧

88. Musa cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, Ngài đã ban cho Pha-ra-ông và các tên đầu sỏ của hắn sự huy hoàng và phú quý trong cuộc sống trần tục này. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, nhờ đó mà chúng đã dắt thiên hạ lạc khỏi con đường của Ngài. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài phá hủy tài sản của họ và niêm kín con tim của họ để họ không tin tưởng cho đến khi họ đối diện với hình phạt đau đớn.”

وَقَالَ مُوسَىٰ رَبَّنَآ إِنَّكَ ءَاتَيۡتَ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَأَهُۥ زِينَةٗ وَأَمۡوَٰلٗا فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا رَبَّنَا لِيُضِلُّواْ عَن سَبِيلِكَۖ رَبَّنَا ٱطۡمِسۡ عَلَىٰٓ أَمۡوَٰلِهِمۡ وَٱشۡدُدۡ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ فَلَا يُؤۡمِنُواْ حَتَّىٰ يَرَوُاْ ٱلۡعَذَابَ ٱلۡأَلِيمَ ٨٨

89. (Allah) phán: “Lời cầu xin của hai anh em ngươi được TA chấp nhận. Vì vậy, hai ngươi hãy đi thẳng (trên chân lý) và chớ đừng chạy theo con đường của những kẻ không biết.”

قَالَ قَدۡ أُجِيبَت دَّعۡوَتُكُمَا فَٱسۡتَقِيمَا وَلَا تَتَّبِعَآنِّ سَبِيلَ ٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَ ٨٩

90. TA đã đưa dân Israel băng qua biển (Hồng Hải), Pha-ra-ông và quân lính của hắn truy đuổi họ với lòng đầy câm phẫn và hận thù. Rồi đến khi (Pha-ra-ông) bị nhấn chìm dưới biển thì hắn mới nói: “Bề tôi đã tin rằng quả thật không có Thượng Đế nào ngoài Đấng mà dân Israel đã tin, và bề tôi xin là một người Muslim (thần phục Ngài).”

۞وَجَٰوَزۡنَا بِبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱلۡبَحۡرَ فَأَتۡبَعَهُمۡ فِرۡعَوۡنُ وَجُنُودُهُۥ بَغۡيٗا وَعَدۡوًاۖ حَتَّىٰٓ إِذَآ أَدۡرَكَهُ ٱلۡغَرَقُ قَالَ ءَامَنتُ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا ٱلَّذِيٓ ءَامَنَتۡ بِهِۦ بَنُوٓاْ إِسۡرَٰٓءِيلَ وَأَنَا۠ مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ٩٠

91. (Allah phán:) “Bây giờ (nhà ngươi mới tin ư?) Chẳng phải trước đó ngươi vẫn còn đại nghịch và là một kẻ dấy loạn kia mà?”

ءَآلۡـَٰٔنَ وَقَدۡ عَصَيۡتَ قَبۡلُ وَكُنتَ مِنَ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ٩١

92. Vì vậy, ngày nay TA (Allah) giữ thân xác của ngươi (Pha-ra-ông) lại để làm một dấu hiệu cho những ai sống sau ngươi. Tuy nhiên, hầu hết nhân loại đối với các dấu hiệu của TA vẫn lơ là và không chú ý đến.

فَٱلۡيَوۡمَ نُنَجِّيكَ بِبَدَنِكَ لِتَكُونَ لِمَنۡ خَلۡفَكَ ءَايَةٗۚ وَإِنَّ كَثِيرٗا مِّنَ ٱلنَّاسِ عَنۡ ءَايَٰتِنَا لَغَٰفِلُونَ ٩٢

93. Quả thật, TA đã định cư dân Israel tại một nơi tốt lành (của vùng đất Sham hồng phúc) và ban phát cho họ bổng lộc tốt sạch. Họ đã không bất đồng nhau mãi đến khi nguồn kiến thức (Qur’an) đến với họ (xác nhận lại sứ mạng của Muhammad đã được nhắc đến trong Tawrah). Rồi đây, vào Ngày Phán Xét, Thượng Đế của Ngươi (Muhammad) sẽ phân xử giữa họ về những điều mà họ đã từng tranh chấp và bất đồng.

وَلَقَدۡ بَوَّأۡنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ مُبَوَّأَ صِدۡقٖ وَرَزَقۡنَٰهُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ فَمَا ٱخۡتَلَفُواْ حَتَّىٰ جَآءَهُمُ ٱلۡعِلۡمُۚ إِنَّ رَبَّكَ يَقۡضِي بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُواْ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ٩٣

94. Cho nên, nếu như Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hoài nghi về những gì mà TA đã mặc khải cho Ngươi thì Ngươi hãy hỏi những ai đọc Kinh Sách thời trước Ngươi (như người Do Thái và Thiên Chúa). Quả thật, đó là chân lý từ Thượng Đế của Ngươi được mang đến cho Ngươi. Vì vậy, Ngươi chớ là kẻ sinh lòng hoài nghi.

فَإِن كُنتَ فِي شَكّٖ مِّمَّآ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ فَسۡـَٔلِ ٱلَّذِينَ يَقۡرَءُونَ ٱلۡكِتَٰبَ مِن قَبۡلِكَۚ لَقَدۡ جَآءَكَ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَ فَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُمۡتَرِينَ ٩٤

95. Ngươi chớ đừng trở thành kẻ phủ nhận các dấu hiệu của Allah để rồi Ngươi trở thành một trong số những kẻ thất bại và thua thiệt.

وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ فَتَكُونَ مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٩٥

96. Thật vậy, những ai mà Lời của Thượng Đế Ngươi (đã phán rằng chúng là những kẻ vô đức tin) thì chắc chắn sẽ không bao giờ có đức tin.

إِنَّ ٱلَّذِينَ حَقَّتۡ عَلَيۡهِمۡ كَلِمَتُ رَبِّكَ لَا يُؤۡمِنُونَ ٩٦

97. Và cho dù mọi dấu hiệu được trưng bày cho chúng (thì chúng vẫn không tin) cho đến khi chúng nhìn thấy hình phạt đau đớn.

وَلَوۡ جَآءَتۡهُمۡ كُلُّ ءَايَةٍ حَتَّىٰ يَرَوُاْ ٱلۡعَذَابَ ٱلۡأَلِيمَ ٩٧

98. (Trước đây) chưa từng có thị trấn nào đã có đức tin mà đức tin của nó giúp ích được dân chúng (sau khi lệnh trừng phạt đã được tuyên bố) ngoại trừ đám dân của Yunus. Khi họ đã có đức tin, TA đã giải thoát họ khỏi hình phạt nhục nhã trong cuộc sống trần gian này và cho họ tiếp tục sống hưởng lạc đến một thời hạn ấn định.

فَلَوۡلَا كَانَتۡ قَرۡيَةٌ ءَامَنَتۡ فَنَفَعَهَآ إِيمَٰنُهَآ إِلَّا قَوۡمَ يُونُسَ لَمَّآ ءَامَنُواْ كَشَفۡنَا عَنۡهُمۡ عَذَابَ ٱلۡخِزۡيِ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَمَتَّعۡنَٰهُمۡ إِلَىٰ حِينٖ ٩٨

99. (Và thực sự) nếu như Thượng Đế của Ngươi (Muhammad) muốn, chắc chắc tất cả loài người trên trái đất này đều có đức tin. Lẽ nào Ngươi muốn ép buộc nhân loại trở thành những người có đức tin ư?!

وَلَوۡ شَآءَ رَبُّكَ لَأٓمَنَ مَن فِي ٱلۡأَرۡضِ كُلُّهُمۡ جَمِيعًاۚ أَفَأَنتَ تُكۡرِهُ ٱلنَّاسَ حَتَّىٰ يَكُونُواْ مُؤۡمِنِينَ ٩٩

100. Không một linh hồn nào có đức tin nếu như không có phép của Allah và Ngài sẽ làm ô uế những ai không chịu dùng não bộ của mình để hiểu (chân lý).

وَمَا كَانَ لِنَفۡسٍ أَن تُؤۡمِنَ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَيَجۡعَلُ ٱلرِّجۡسَ عَلَى ٱلَّذِينَ لَا يَعۡقِلُونَ ١٠٠

101. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Các ngươi hãy quan sát những gì trong trời đất!” Quả thật, đối với đám người vô đức tin thì cho dù có xuất hiện thêm các dấu hiệu lạ hoặc sự cảnh báo cũng vô ích đối với chúng.

قُلِ ٱنظُرُواْ مَاذَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَمَا تُغۡنِي ٱلۡأٓيَٰتُ وَٱلنُّذُرُ عَن قَوۡمٖ لَّا يُؤۡمِنُونَ ١٠١

102. Phải chăng chúng chờ đợi (sự trừng phạt đã xảy ra) trong những ngày của những người đã đi trước chúng? Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với chúng): “Vậy các ngươi hãy cứ chờ đợi, quả thật Ta cũng sẽ chờ đợi cùng các ngươi.”

فَهَلۡ يَنتَظِرُونَ إِلَّا مِثۡلَ أَيَّامِ ٱلَّذِينَ خَلَوۡاْ مِن قَبۡلِهِمۡۚ قُلۡ فَٱنتَظِرُوٓاْ إِنِّي مَعَكُم مِّنَ ٱلۡمُنتَظِرِينَ ١٠٢

103. Sau khi (hình phạt giáng xuống), TA đã giải cứu các Sứ Giả của TA cùng với những người đã tin tưởng. Đó là trách nhiệm của TA trong việc giải cứu những người có đức tin.

ثُمَّ نُنَجِّي رُسُلَنَا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۚ كَذَٰلِكَ حَقًّا عَلَيۡنَا نُنجِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٠٣

104. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Hỡi nhân loại, nếu các ngươi hoài nghi về tôn giáo của Ta, Ta không thờ phượng các thần linh mà các ngươi thờ phượng ngoài Allah. Ta chỉ thờ phượng một mình Allah, Đấng làm cho các người chết, và Ta được lệnh phải trở thành một người có đức tin.”

قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِن كُنتُمۡ فِي شَكّٖ مِّن دِينِي فَلَآ أَعۡبُدُ ٱلَّذِينَ تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلَٰكِنۡ أَعۡبُدُ ٱللَّهَ ٱلَّذِي يَتَوَفَّىٰكُمۡۖ وَأُمِرۡتُ أَنۡ أَكُونَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٠٤

105. Và Ngươi hãy hướng mặt mình về tôn giáo thuần túy (chân lý) và chớ đừng bao giờ trở thành một trong những kẻ đa thần.

وَأَنۡ أَقِمۡ وَجۡهَكَ لِلدِّينِ حَنِيفٗا وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ
ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٠٥

106. Ngươi chớ đừng cầu nguyện ngoài Allah những thứ không mang lợi cũng chẳng gây hại được Ngươi. Nếu như Ngươi làm vậy, Ngươi thực sự là một trong những kẻ làm điều sai quấy.

وَلَا تَدۡعُ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَنفَعُكَ وَلَا يَضُرُّكَۖ
فَإِن فَعَلۡتَ فَإِنَّكَ إِذٗا مِّنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٠٦

107. Nếu Allah muốn điều hại chạm đến Ngươi thì chẳng có ai có khả năng loại bỏ nó khỏi Ngươi ngoại trừ Ngài, còn nếu Ngài muốn điều tốt lành cho Ngươi thì cũng chẳng có ai ngăn cản được thiên lộc đó (của Ngài). Ngài ban nó cho bất cứ ai Ngài muốn trong đám bề tôi của Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

وَإِن يَمۡسَسۡكَ ٱللَّهُ بِضُرّٖ فَلَا كَاشِفَ لَهُۥٓ إِلَّا هُوَۖ
وَإِن يُرِدۡكَ بِخَيۡرٖ فَلَا رَآدَّ لِفَضۡلِهِۦۚ يُصِيبُ بِهِۦ مَن
يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۚ وَهُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ١٠٧

108. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Hỡi loài người, quả thật, chân lý đã đến với các ngươi từ Thượng Đế của các ngươi. Vì vậy, ai được hướng dẫn thì thật ra y đã được hướng dẫn cho linh hồn mình, còn ai lạc lối thì việc lạc đó chỉ bất lợi cho linh hồn của y. Và Ta không phải là người phải chịu trách nhiệm cho các ngươi.”

قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ قَدۡ جَآءَكُمُ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكُمۡۖ
فَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ فَإِنَّمَا يَهۡتَدِي لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن ضَلَّ
فَإِنَّمَا يَضِلُّ عَلَيۡهَاۖ وَمَآ أَنَا۠ عَلَيۡكُم بِوَكِيلٖ ١٠٨

109. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy làm theo những gì đã được mặc khải cho Ngươi và Ngươi hãy kiên nhẫn chịu đựng cho đến khi Allah (thiết lập) cuộc phán xét. Quả thật, Ngài là Đấng Phân Xử ưu việt nhất.

وَٱتَّبِعۡ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيۡكَ وَٱصۡبِرۡ حَتَّىٰ يَحۡكُمَ ٱللَّهُۚ وَهُوَ
خَيۡرُ ٱلۡحَٰكِمِينَ ١٠٩

Hud (Nabi Hud) هود

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. Ra. (Đây là) một Kinh Sách chứa đựng những câu mang ý tổng quát rồi sau đó được trình bày chi tiết bởi Đấng Sáng Suốt, Đấng Thông Toàn.

الٓرۚ كِتَٰبٌ أُحۡكِمَتۡ ءَايَٰتُهُۥ ثُمَّ فُصِّلَتۡ مِن لَّدُنۡ
حَكِيمٍ خَبِيرٍ ١

2. (Thông qua một Sứ Giả - Muhammad, nói): "Các ngươi (hỡi loài người) không được thờ phượng (bất cứ thứ gì khác) ngoài Allah. Quả thật, Ta là một vị cảnh báo và mang tin mừng được cử phái đến với các ngươi."

أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّا ٱللَّهَۚ إِنَّنِي لَكُم مِّنۡهُ نَذِيرٞ
وَبَشِيرٞ ٢

3. "Các ngươi hãy cầu xin Thượng Đế của các ngươi tha thứ tội lỗi cho các người, các ngươi hãy quay về sám hối với Ngài, Ngài sẽ ban cho các ngươi hưởng thụ cuộc sống tốt lành cho đến một thời hạn ấn định và Ngài sẽ ban thưởng xứng đáng cho từng người (dựa theo việc tốt của y). Nhưng nếu các ngươi quay bỏ đi, Ta thực sự lo sợ cho các ngươi về hình phạt vào Ngày Vĩ Đại."

وَأَنِ ٱسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّكُمۡ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيۡهِ يُمَتِّعۡكُم
مَّتَٰعًا حَسَنًا إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى وَيُؤۡتِ كُلَّ ذِي فَضۡلٖ
فَضۡلَهُۥۖ وَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٖ
كَبِيرٍ ٣

4. "Các ngươi phải trở về trình diện Allah và Ngài là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ."

إِلَى ٱللَّهِ مَرۡجِعُكُمۡۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ٤

5. (Những kẻ giả tạo đức tin) cố khép lòng mình hầu lẫn trốn khỏi Ngài (nhưng chúng hãy biết rằng) ngay cả khi chúng phủ áo che thân mình thì Allah vẫn biết những gì chúng che giấu và những gì chúng công khai phơi bày. Thật vậy, Ngài biết hết mọi điều thầm kín trong lòng (chúng).

أَلَآ إِنَّهُمۡ يَثۡنُونَ صُدُورَهُمۡ لِيَسۡتَخۡفُواْ مِنۡهُۚ أَلَا حِينَ
يَسۡتَغۡشُونَ ثِيَابَهُمۡ يَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا يُعۡلِنُونَۚ
إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٥

6. Không một sinh vật nào trên trái đất mà Allah không cung cấp bổng lộc cho nó. Ngài biết rõ nơi chúng cư ngụ và nơi chúng sẽ chết. Tất cả đều được ghi chép rõ ràng trong Quyển Kinh (Mẹ - Lawhu Al-Mahfuzh).

۞وَمَا مِن دَآبَّةٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ إِلَّا عَلَى ٱللَّهِ رِزۡقُهَا
وَيَعۡلَمُ مُسۡتَقَرَّهَا وَمُسۡتَوۡدَعَهَاۚ كُلّٞ فِي كِتَٰبٖ
مُّبِينٖ ٦

7. Chính Ngài là Đấng đã tạo ra trời đất trong sáu ngày và Ngai Vương của Ngài ở bên trên mặt nước để Ngài thử thách các ngươi (loài người) xem ai trong các ngươi tốt nhất trong việc làm của mình. Nếu Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) nói rằng các ngươi sẽ được dựng sống lại sau khi chết (để chịu trách nhiệm cho mọi hành động đã làm) thì những kẻ vô đức tin chắc chắn sẽ nói: "(Qur'an) này rõ ràng chỉ là trò ma thuật."

وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ
وَكَانَ عَرۡشُهُۥ عَلَى ٱلۡمَآءِ لِيَبۡلُوَكُمۡ أَيُّكُمۡ أَحۡسَنُ
عَمَلٗاۗ وَلَئِن قُلۡتَ إِنَّكُم مَّبۡعُوثُونَ مِنۢ بَعۡدِ ٱلۡمَوۡتِ
لَيَقُولَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا سِحۡرٞ مُّبِينٞ ٧

8. Nếu TA (Allah) trì hoãn việc trừng phạt chúng đến một thời hạn qui định thì chắc chắn chúng sẽ lên tiếng (giễu cợt): “Điều gì đã cản nó xảy ra lúc này chứ?” Không nghi ngờ gì nữa, vào Ngày mà sự trừng phạt đến với chúng, chúng sẽ không bao giờ thoát được, chúng sẽ bị bao vây bởi những gì mà chúng đã từng chế nhạo.

وَلَئِنۡ أَخَّرۡنَا عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابَ إِلَىٰٓ أُمَّةٖ مَّعۡدُودَةٖ
لَّيَقُولُنَّ مَا يَحۡبِسُهُۥٓۗ أَلَا يَوۡمَ يَأۡتِيهِمۡ لَيۡسَ مَصۡرُوفًا
عَنۡهُمۡ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٨

9. Và nếu như TA có cho con người nếm trải lòng thương xót từ TA và sau đó TA tước nó khỏi y, chắc chắn y sẽ tuyệt vọng và vô ơn.

وَلَئِنۡ أَذَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ مِنَّا رَحۡمَةٗ ثُمَّ نَزَعۡنَٰهَا مِنۡهُ إِنَّهُۥ
لَيَـُٔوسٞ كَفُورٞ ٩

10. Nhưng nếu TA cho (con người) nếm trải phú quý sau tai họa (nghèo khó, bệnh tật) thì chắc chắn y sẽ nói: “Những điều xấu đã đi mất” rồi chắc chắn y sẽ vui mừng một cách tự đắc.

وَلَئِنۡ أَذَقۡنَٰهُ نَعۡمَآءَ بَعۡدَ ضَرَّآءَ مَسَّتۡهُ لَيَقُولَنَّ
ذَهَبَ ٱلسَّيِّـَٔاتُ عَنِّيٓۚ إِنَّهُۥ لَفَرِحٞ فَخُورٌ ١٠

11. Ngoại trừ những ai biết kiên nhẫn và hành thiện thì đó là những người có được sự tha thứ và phần thưởng vĩ đại.

إِلَّا ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُم
مَّغۡفِرَةٞ وَأَجۡرٞ كَبِيرٞ ١١

12. Có lẽ Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) bỏ qua một vài điều đã được mặc khải cho Ngươi và lòng Ngươi cảm thấy căng thẳng bởi sự việc đó, vì chúng nói: “Sao không có một kho báu hay một Thiên Thần nào được gửi xuống cùng với Y (Muhammad).” (Vì vậy, Ngươi – Muhammad, chớ bỏ qua những điều đã được mặc khải cho Ngươi, bởi lẽ) thật ra Ngươi chỉ là một người cảnh báo, (một người truyền đạt thông điệp) mà thôi, còn Allah mới chính là Đấng sắp đặt và quyết định mọi thứ.

فَلَعَلَّكَ تَارِكُۢ بَعۡضَ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيۡكَ وَضَآئِقُۢ بِهِۦ
صَدۡرُكَ أَن يَقُولُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ كَنزٌ أَوۡ جَآءَ
مَعَهُۥ مَلَكٌۚ إِنَّمَآ أَنتَ نَذِيرٞۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
وَكِيلٌ ١٢

13. Hay chúng nói: “Y đã bịa ra Nó (Qur’an).” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Vậy các ngươi hãy mang đến mười chương Kinh giống như Nó đã được bịa ra xem nào và các ngươi hãy kêu gọi bất cứ ai ngoài Allah đến hỗ trợ các ngươi, nếu các ngươi nói thật!”

أَمۡ يَقُولُونَ ٱفۡتَرَىٰهُۖ قُلۡ فَأۡتُواْ بِعَشۡرِ سُوَرٖ مِّثۡلِهِۦ
مُفۡتَرَيَٰتٖ وَٱدۡعُواْ مَنِ ٱسۡتَطَعۡتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ إِن
كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ١٣

14. Cho nên, nếu như chúng không thực hiện được yêu cầu của các ngươi (những người có đức tin) đưa ra thì các ngươi hãy biết rằng thực ra Nó (Qur’an) được mặc khải bằng kiến thức của Allah và rằng không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Vậy sao các ngươi không là những người Muslim (thần phục Ngài)?!

فَإِلَّمۡ يَسۡتَجِيبُواْ لَكُمۡ فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَآ أُنزِلَ بِعِلۡمِ ٱللَّهِ
وَأَن لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ فَهَلۡ أَنتُم مُّسۡلِمُونَ ١٤

15. Ai ham muốn đời sống trần tục này cũng như sự hào nhoáng của nó, TA sẽ ban cho họ đầy đủ phần công lao của họ trong đó, và họ sẽ không bị cắt giảm bất cứ điều gì ở nơi đó.

مَن كَانَ يُرِيدُ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا وَزِينَتَهَا نُوَفِّ إِلَيۡهِمۡ
أَعۡمَٰلَهُمۡ فِيهَا وَهُمۡ فِيهَا لَا يُبۡخَسُونَ ١٥

16. Đó là những kẻ sẽ không có gì ở Đời Sau ngoại trừ Hỏa Ngục, và những gì chúng đã làm nơi (trần gian) đều sẽ tiêu tan và những việc thiện tốt mà chúng đã từng làm đều sẽ không có giá trị.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَيۡسَ لَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ إِلَّا ٱلنَّارُۖ
وَحَبِطَ مَا صَنَعُواْ فِيهَا وَبَٰطِلٞ مَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٦

17. Lẽ nào (Thiên Sứ Muhammad) là một người (đứng) trên bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của mình và có một nhân chứng (Jibril) từ Ngài xướng đọc Nó (Qur’an) cho Y cũng như trước đó đã có (một sự xác nhận từ) Kinh Sách của Musa (Tawrah) – một nguồn hướng dẫn, một hồng phúc, (lại ngang bằng) với kẻ thuộc các giáo phái vô đức tin, kẻ mà Hỏa Ngục là điểm hẹn của hắn?! Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chớ hoài nghi về (Qur’an), bởi lẽ Nó là sự thật từ Thượng Đế của Ngươi, nhưng đa số nhân loại không có đức tin.

أَفَمَن كَانَ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّهِۦ وَيَتۡلُوهُ شَاهِدٞ مِّنۡهُ
وَمِن قَبۡلِهِۦ كِتَٰبُ مُوسَىٰٓ إِمَامٗا وَرَحۡمَةًۚ أُوْلَٰٓئِكَ
يُؤۡمِنُونَ بِهِۦۚ وَمَن يَكۡفُرۡ بِهِۦ مِنَ ٱلۡأَحۡزَابِ فَٱلنَّارُ
مَوۡعِدُهُۥۚ فَلَا تَكُ فِي مِرۡيَةٖ مِّنۡهُۚ إِنَّهُ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَ
وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يُؤۡمِنُونَ ١٧

18. Còn ai sai quấy hơn kẻ bịa ra lời nói dối cho Allah. Đó là những kẻ sẽ bị bắt trình diện trước Thượng Đế của chúng và các nhân chứng sẽ nói: “Đây là những kẻ đã nói dối cho Thượng Đế của chúng.” Không nghi ngờ gì nữa rằng Allah nguyền rủa những kẻ làm điều sai quấy.

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ
يُعۡرَضُونَ عَلَىٰ رَبِّهِمۡ وَيَقُولُ ٱلۡأَشۡهَٰدُ هَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ
كَذَبُواْ عَلَىٰ رَبِّهِمۡۚ أَلَا لَعۡنَةُ ٱللَّهِ عَلَى ٱلظَّٰلِمِينَ ١٨

19. (Đó là) những kẻ ngăn cản (mọi người) khỏi con đường của Allah và tìm cách làm cho nó cong quẹo và phủ nhận Đời Sau.

ٱلَّذِينَ يَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَيَبۡغُونَهَا عِوَجٗا
وَهُم بِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ كَٰفِرُونَ ١٩

20. Những kẻ đó không thể chạy trốn (khỏi hình phạt của Allah) trên trái đất này và ngoài Allah chúng chẳng có vị bảo hộ nào và hình phạt sẽ tăng lên gấp bội dành cho chúng. Quả thật, chúng đã không thể nghe và thấy được (chân lý).

أُوْلَٰٓئِكَ لَمۡ يَكُونُواْ مُعۡجِزِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا كَانَ
لَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِنۡ أَوۡلِيَآءَۘ يُضَٰعَفُ لَهُمُ ٱلۡعَذَابُۚ
مَا كَانُواْ يَسۡتَطِيعُونَ ٱلسَّمۡعَ وَمَا كَانُواْ يُبۡصِرُونَ ٢٠

21. Chúng là những kẻ đã làm thua thiệt bản thân mình và những điều chúng bịa đặt đã bỏ chúng đi mất dạng.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا
كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ٢١

22. Chắc chắn ở Đời Sau chúng sẽ là những kẻ thua cuộc.

لَا جَرَمَ أَنَّهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ هُمُ ٱلۡأَخۡسَرُونَ ٢٢

23. Quả thật, những người có đức tin, hành thiện, và hạ mình khiêm tốn trước Thượng Đế của họ sẽ là những người bạn của Thiên Đàng, họ sẽ sống trong đó mãi mãi.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَأَخۡبَتُوٓاْ إِلَىٰ
رَبِّهِمۡ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٢٣

24. Hình ảnh của hai nhóm người (có đức tin và vô đức tin) giống như hình ảnh của một kẻ vừa mù vừa điếc và một người nhìn thấy và nghe được, hai người này có ngang bằng nhau không? Vậy các ngươi không lấy đó làm bài học để ghi nhớ ư?

۞مَثَلُ ٱلۡفَرِيقَيۡنِ كَٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡأَصَمِّ وَٱلۡبَصِيرِ
وَٱلسَّمِيعِۚ هَلۡ يَسۡتَوِيَانِ مَثَلًاۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ٢٤

25. Quả thật, TA (Allah) đã cử phái Nuh (Nô-ê) đến với người dân của mình, Y nói: “Ta đích thực là một người cảnh báo được phái đến cho các ngươi!”

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوۡمِهِۦٓ إِنِّي لَكُمۡ نَذِيرٞ مُّبِينٌ ٢٥

26. “Các ngươi không được thờ phượng ai khác ngoài Allah. Quả thật, Ta lo sợ cho các ngươi về sự trừng phạt vào một Ngày đau đớn.”

أَن لَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّا ٱللَّهَۖ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٍ أَلِيمٖ ٢٦

27. Tuy nhiên, những tên lãnh đạo vô đức tin trong đám dân của (Nuh) nói (với Y): “Bọn ta thấy ngươi cũng chỉ là một người phàm giống như bọn ta và bọn ta thấy những kẻ đi theo ngươi chỉ toàn là những tên thấp hèn và ngu đần trong bọn ta. Và bọn ta thấy các ngươi chẳng có bất kỳ công đức nào trội hơn bọn ta cả. Đúng hơn, bọn ta cho rằng các ngươi là những kẻ nói dối.”

فَقَالَ ٱلۡمَلَأُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَوۡمِهِۦ مَا نَرَىٰكَ إِلَّا بَشَرٗا مِّثۡلَنَا وَمَا نَرَىٰكَ ٱتَّبَعَكَ إِلَّا ٱلَّذِينَ هُمۡ أَرَاذِلُنَا بَادِيَ ٱلرَّأۡيِ وَمَا نَرَىٰ لَكُمۡ عَلَيۡنَا مِن فَضۡلِۭ بَلۡ نَظُنُّكُمۡ كَٰذِبِينَ ٢٧

28. (Nuh) nói: “Này hỡi người dân của Ta, các ngươi có xem xét: nếu Ta có bằng chứng rõ ràng từ nơi Thượng Đế của Ta và Ngài ban cho Ta lòng thương xót nơi Ngài (khi chọn Ta làm Sứ Giả) nhưng các ngươi lại không nhận thấy (hồng phúc đó), thì lẽ nào Ta lại ép buộc các ngươi chấp nhận nó trong khi các ngươi không thích điều đó?”

قَالَ يَٰقَوۡمِ أَرَءَيۡتُمۡ إِن كُنتُ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي وَءَاتَىٰنِي رَحۡمَةٗ مِّنۡ عِندِهِۦ فَعُمِّيَتۡ عَلَيۡكُمۡ أَنُلۡزِمُكُمُوهَا وَأَنتُمۡ لَهَا كَٰرِهُونَ ٢٨

29. “Này hỡi người dân của Ta! Ta không đòi các ngươi tiền bạc (cho việc kêu gọi này), bởi lẽ phần thưởng của Ta là do Allah ban cấp, và Ta không có quyền xua đuổi những người có đức tin (nghèo khổ). Quả thật, họ sẽ trở về trình diện Thượng Đế của họ. Tuy nhiên, Ta thấy rằng các ngươi mới là đám người ngu muội.”

وَيَٰقَوۡمِ لَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مَالًاۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَى ٱللَّهِۚ وَمَآ أَنَا۠ بِطَارِدِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْۚ إِنَّهُم مُّلَٰقُواْ رَبِّهِمۡ وَلَٰكِنِّيٓ أَرَىٰكُمۡ قَوۡمٗا تَجۡهَلُونَ ٢٩

30. “Này hỡi người dân của Ta! Ai sẽ bảo vệ Ta khỏi (sự trừng phạt của) Allah nếu Ta xua đuổi họ, lẽ nào các ngươi không lưu ý đến điều đó ư?”

وَيَٰقَوۡمِ مَن يَنصُرُنِي مِنَ ٱللَّهِ إِن طَرَدتُّهُمۡۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ٣٠

31. “Ta không nói với các ngươi rằng Ta có các kho tàng của Allah hay biết về điều vô hình, Ta không nói rằng Ta là một Thiên thần, và Ta cũng không nói với những người (nghèo) mà cặp mắt của các ngươi khinh khi rằng họ sẽ không bao giờ được Allah ban cho điều tốt đẹp, bởi lẽ Allah biết rõ nhất về những gì bên trong bản thân họ. (Nếu Ta nói như thế) thì quả thật Ta chính là kẻ làm điều sai quấy.”

وَلَآ أَقُولُ لَكُمۡ عِندِي خَزَآئِنُ ٱللَّهِ وَلَآ أَعۡلَمُ ٱلۡغَيۡبَ وَلَآ أَقُولُ إِنِّي مَلَكٞ وَلَآ أَقُولُ لِلَّذِينَ تَزۡدَرِيٓ أَعۡيُنُكُمۡ لَن يُؤۡتِيَهُمُ ٱللَّهُ خَيۡرًاۖ ٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا فِيٓ أَنفُسِهِمۡ إِنِّيٓ إِذٗا لَّمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٣١

32. (Người dân của Nuh) nói: “Này Nuh, Ngươi đã tranh luận với bọn ta quá nhiều. Vậy, Ngươi hãy mang đến những gì mà Ngươi đe dọa bọn ta xem nào, nếu Ngươi là người nói thật!”

قَالُواْ يَٰنُوحُ قَدۡ جَٰدَلۡتَنَا فَأَكۡثَرۡتَ جِدَٰلَنَا فَأۡتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٣٢

33. (Nuh) nói với chúng: “Quả thật, chỉ có Allah mới có thể mang (sự trừng phạt) đến nếu Ngài muốn, và (lúc đó, chắc chắn) các ngươi sẽ không thoát được.”

قَالَ إِنَّمَا يَأۡتِيكُم بِهِ ٱللَّهُ إِن شَآءَ وَمَآ أَنتُم
بِمُعۡجِزِينَ ٣٣

34. “Nếu như Allah muốn làm cho các ngươi lầm lạc thì lời khuyên của Ta sẽ không mang lại lợi ích gì cho các ngươi, mặc dù Ta thực sự muốn khuyên các ngươi điều tốt đẹp. Quả thật, Ngài là Thượng Đế của các ngươi và rồi các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.”

وَلَا يَنفَعُكُمۡ نُصۡحِيٓ إِنۡ أَرَدتُّ أَنۡ أَنصَحَ لَكُمۡ
إِن كَانَ ٱللَّهُ يُرِيدُ أَن يُغۡوِيَكُمۡۚ هُوَ رَبُّكُمۡ وَإِلَيۡهِ
تُرۡجَعُونَ ٣٤

35. Hay chúng nói: “(Nuh) đã bịa ra (tôn giáo) rồi cho rằng là của Allah.” Ngươi (hỡi Nuh) hãy nói với chúng: “Nếu Ta bịa ra thì một mình Ta chịu tội nhưng Ta không dính líu với tội lỗi mà các ngươi phạm.”

أَمۡ يَقُولُونَ ٱفۡتَرَىٰهُۖ قُلۡ إِنِ ٱفۡتَرَيۡتُهُۥ فَعَلَيَّ إِجۡرَامِي
وَأَنَا۠ بَرِيٓءٞ مِّمَّا تُجۡرِمُونَ ٣٥

36. Rồi (Allah) đã mặc khải đến Nuh: “Sẽ không còn ai trong đám dân của Ngươi có đức tin ngoại trừ những người đã có đức tin (trước đó). Vì vậy, Ngươi đừng buồn về những gì chúng làm.”

وَأُوحِيَ إِلَىٰ نُوحٍ أَنَّهُۥ لَن يُؤۡمِنَ مِن قَوۡمِكَ إِلَّا مَن
قَدۡ ءَامَنَ فَلَا تَبۡتَئِسۡ بِمَا كَانُواْ يَفۡعَلُونَ ٣٦

37. “Ngươi hãy đóng một con tàu dưới sự quan sát của TA và hãy tuân theo lời mặc khải của TA. Ngươi chớ cầu xin gì thêm cho những kẻ làm điều sai quấy, chắc chắn bọn chúng sẽ bị nhấn chìm.”

وَٱصۡنَعِ ٱلۡفُلۡكَ بِأَعۡيُنِنَا وَوَحۡيِنَا وَلَا تُخَٰطِبۡنِي فِي
ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ إِنَّهُم مُّغۡرَقُونَ ٣٧

38. Vậy là (Nuh) đóng tàu (theo lệnh truyền của Allah). Mỗi khi những tên lãnh đạo trong đám dân của Y đi ngang qua, chúng đều buông lời chế nhạo Y. Nuh nói với chúng: “Các ngươi chế nhạo Ta, rồi đây Ta sẽ chế nhạo lại các ngươi giống như những gì các ngươi chế nhạo Ta.”

وَيَصۡنَعُ ٱلۡفُلۡكَ وَكُلَّمَا مَرَّ عَلَيۡهِ مَلَأٞ مِّن قَوۡمِهِۦ
سَخِرُواْ مِنۡهُۚ قَالَ إِن تَسۡخَرُواْ مِنَّا فَإِنَّا نَسۡخَرُ
مِنكُمۡ كَمَا تَسۡخَرُونَ ٣٨

39. “Rồi đây, các ngươi sẽ biết ai sẽ phải nhận một sự trừng phạt nhục nhã (trên cõi trần) và ai sẽ phải chịu một hình phạt lâu dài (ở Đời Sau).”

فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ مَن يَأۡتِيهِ عَذَابٞ يُخۡزِيهِ وَيَحِلُّ
عَلَيۡهِ عَذَابٞ مُّقِيمٌ ٣٩

40. Mãi đến khi lệnh của TA được ban hành với dấu hiệu nước sẽ phun lên từ lò lửa. TA bảo (Nuh): “Ngươi hãy mang lên tàu tất cả mỗi loài vật một cặp (đực và cái) và gia đình Ngươi cùng những người có đức tin, trừ những kẻ mà lời hứa trừng phạt đã định cho chúng.” Tuy nhiên, số lượng những người có đức tin cùng với Y thật quá ít.”

حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَ أَمۡرُنَا وَفَارَ ٱلتَّنُّورُ قُلۡنَا ٱحۡمِلۡ فِيهَا
مِن كُلّٖ زَوۡجَيۡنِ ٱثۡنَيۡنِ وَأَهۡلَكَ إِلَّا مَن سَبَقَ عَلَيۡهِ
ٱلۡقَوۡلُ وَمَنۡ ءَامَنَۚ وَمَآ ءَامَنَ مَعَهُۥٓ إِلَّا قَلِيلٞ ٤٠

41. (Nuh) bảo (những người có đức tin và gia đình của Y): “Mọi người hãy nhân danh Allah mà lên tàu mặc kệ nó đậu hay trôi, quả thật, Thượng Đế của Ta là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.”

۞وَقَالَ ٱرۡكَبُواْ فِيهَا بِسۡمِ ٱللَّهِ مَجۡرٜىٰهَا وَمُرۡسَىٰهَآۚ إِنَّ
رَبِّي لَغَفُورٞ رَّحِيمٞ ٤١

42. Con tàu đưa họ trôi đi giữa những con sóng to như những quả núi. Nhìn thấy con trai đứng ở đằng xa, Nuh hô gọi: “Này con trai của Ta, con hãy mau lên tàu cùng bọn ta. Con đừng ở cùng với những kẻ vô đức tin.”

وَهِيَ تَجۡرِي بِهِمۡ فِي مَوۡجٖ كَٱلۡجِبَالِ وَنَادَىٰ نُوحٌ ٱبۡنَهُۥ وَكَانَ فِي مَعۡزِلٖ يَٰبُنَيَّ ٱرۡكَب مَّعَنَا وَلَا تَكُن مَّعَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٤٢

43. (Đứa con trai của Nuh) đáp: “Con sẽ leo lên đỉnh núi, nó sẽ giúp con tránh được dòng nước (của trận lụt này).” (Nuh) nói: “Ngày hôm nay sẽ không một thứ gì có thể bảo vệ con khỏi sắc lệnh của Allah trừ những ai mà Ngài thương xót.” (Bỗng lúc ấy), những con sóng ập đến chia cắt hai cha con và đứa con trai (của Nuh) nằm trong số những kẻ bị nhấn chìm (trong dòng nước).

قَالَ سَـَٔاوِيٓ إِلَىٰ جَبَلٖ يَعۡصِمُنِي مِنَ ٱلۡمَآءِۚ قَالَ لَا عَاصِمَ ٱلۡيَوۡمَ مِنۡ أَمۡرِ ٱللَّهِ إِلَّا مَن رَّحِمَۚ وَحَالَ بَيۡنَهُمَا ٱلۡمَوۡجُ فَكَانَ مِنَ ٱلۡمُغۡرَقِينَ ٤٣

44. (Sau khi tất cả mọi thứ bị nhấn chìm, Allah) phán: “Hỡi đất, hãy nuốt nước của ngươi lại. Hỡi bầu trời, hãy ngưng mưa của ngươi lại.” Vậy là nước rút xuống và sự việc đã xong. Con tàu (của Nuh) đậu trên núi Al-Judi. Và có lời bảo: “Thật đáng đời cho những kẻ làm điều sai trái!"

وَقِيلَ يَٰٓأَرۡضُ ٱبۡلَعِي مَآءَكِ وَيَٰسَمَآءُ أَقۡلِعِي وَغِيضَ ٱلۡمَآءُ وَقُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ وَٱسۡتَوَتۡ عَلَى ٱلۡجُودِيِّۖ وَقِيلَ بُعۡدٗا لِّلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٤

45. Nuh cầu xin Thượng Đế của Y: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật, con trai của bề tôi thuộc về gia đình của bề tôi. Lời của Ngài là sự thật và Ngài là Đấng Thẩm Phán Công Bằng nhất.”

وَنَادَىٰ نُوحٞ رَّبَّهُۥ فَقَالَ رَبِّ إِنَّ ٱبۡنِي مِنۡ أَهۡلِي وَإِنَّ وَعۡدَكَ ٱلۡحَقُّ وَأَنتَ أَحۡكَمُ ٱلۡحَٰكِمِينَ ٤٥

46. (Allah) phán: “Này Nuh, nó thực sự không thuộc gia đình của Ngươi. Quả thật việc làm của nó không tốt. Vì vậy, Ngươi đừng cầu xin TA về những điều Ngươi không biết, TA khuyên Ngươi (nên dừng lại việc cầu xin) kẻo Ngươi trở thành một trong những kẻ ngu muội.”

قَالَ يَٰنُوحُ إِنَّهُۥ لَيۡسَ مِنۡ أَهۡلِكَۖ إِنَّهُۥ عَمَلٌ غَيۡرُ صَٰلِحٖۖ فَلَا تَسۡـَٔلۡنِ مَا لَيۡسَ لَكَ بِهِۦ عِلۡمٌۖ إِنِّيٓ أَعِظُكَ أَن تَكُونَ مِنَ ٱلۡجَٰهِلِينَ ٤٦

47. (Nuh) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, bề tôi xin Ngài che chở bề tôi tránh khỏi việc đòi hỏi Ngài về những điều bề tôi không biết. Nếu Ngài không tha thứ và thương xót bề tôi thì chắc chắn bề tôi sẽ nằm trong số những kẻ thua thiệt.”

قَالَ رَبِّ إِنِّيٓ أَعُوذُ بِكَ أَنۡ أَسۡـَٔلَكَ مَا لَيۡسَ لِي بِهِۦ عِلۡمٞۖ وَإِلَّا تَغۡفِرۡ لِي وَتَرۡحَمۡنِيٓ أَكُن مِّنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٤٧

48. (Allah) phán: “Hỡi Nuh, Ngươi hãy xuống tàu bằng sự bình an và phúc lành từ nơi TA. TA ban bằng an và phúc lành cho Ngươi và cho những cộng đồng từ thế hệ con cháu của những ai cùng Ngươi. Riêng những cộng đồng (vô đức tin), TA sẽ cho chúng chìm trong lạc thú (của trần gian) rồi chúng sẽ bị trừng phạt đau đớn (ở Đời Sau).”

قِيلَ يَٰنُوحُ ٱهۡبِطۡ بِسَلَٰمٖ مِّنَّا وَبَرَكَٰتٍ عَلَيۡكَ وَعَلَىٰٓ أُمَمٖ مِّمَّن مَّعَكَۚ وَأُمَمٞ سَنُمَتِّعُهُمۡ ثُمَّ يَمَسُّهُم مِّنَّا عَذَابٌ أَلِيمٞ ٤٨

49. (Câu chuyện về Nuh) là một nguồn tin vô hình mà TA đã mặc khải cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad). Ngươi và người dân của mình chưa từng biết về câu chuyện này trước đây. Vì vậy, Ngươi hãy kiên nhẫn, quả thật kết cục tốt đẹp chỉ dành cho những người ngoan đạo, sợ Allah.

تِلۡكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ ٱلۡغَيۡبِ نُوحِيهَآ إِلَيۡكَۖ مَا كُنتَ تَعۡلَمُهَآ أَنتَ وَلَا قَوۡمُكَ مِن قَبۡلِ هَٰذَاۖ فَٱصۡبِرۡۖ إِنَّ ٱلۡعَٰقِبَةَ لِلۡمُتَّقِينَ ٤٩

50. Người dân ‘Ad, (TA đã cử) Hud, người anh em của chúng đến với chúng. (Hud) nói: “Hỡi người dân của Ta! Các ngươi hãy thờ phượng một mình Allah, các ngươi không hề có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Các ngươi chỉ là những kẻ bịa ra (các thần linh theo dục vọng và sự tưởng tượng của các ngươi).”

وَإِلَىٰ عَادٍ أَخَاهُمۡ هُودٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥٓۖ إِنۡ أَنتُمۡ إِلَّا مُفۡتَرُونَ ٥٠

51. “Hỡi người dân của Ta! Ta không đòi hỏi các ngươi thù lao cho việc kêu gọi này, bởi lẽ phần thưởng của Ta là ở nơi Đấng đã tạo ra Ta. Lẽ nào các ngươi không hiểu?!”

يَٰقَوۡمِ لَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ أَجۡرًاۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَى ٱلَّذِي فَطَرَنِيٓۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٥١

52. “Hỡi người dân của Ta! Các ngươi hãy cầu xin Thượng Đế của các ngươi tha thứ và các ngươi hãy ăn năn sám hối với Ngài, Ngài sẽ ban nước mưa từ trời xuống cho các ngươi, Ngài sẽ gia tăng sức mạnh hiện có của các ngươi. Và các ngươi chớ đừng quay đi thành những tên tội lỗi.”

وَيَٰقَوۡمِ ٱسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّكُمۡ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيۡهِ يُرۡسِلِ ٱلسَّمَآءَ عَلَيۡكُم مِّدۡرَارٗا وَيَزِدۡكُمۡ قُوَّةً إِلَىٰ قُوَّتِكُمۡ وَلَا تَتَوَلَّوۡاْ مُجۡرِمِينَ ٥٢

53. (Người dân của Hud) nói với Y: “Này Hud, ngươi đã không mang đến cho bọn ta bằng chứng nào (thuyết phục cả) và bọn ta không vì lời nói của ngươi mà từ bỏ các thần linh của bọn ta, và bọn ta không tin ngươi.”

قَالُواْ يَٰهُودُ مَا جِئۡتَنَا بِبَيِّنَةٖ وَمَا نَحۡنُ بِتَارِكِيٓ ءَالِهَتِنَا عَن قَوۡلِكَ وَمَا نَحۡنُ لَكَ بِمُؤۡمِنِينَ ٥٣

54. “Bọn ta chỉ nói với ngươi rằng có thể một số thần linh của bọn ta sẽ mang đến điều xấu cho ngươi”. (Hud) nói với chúng: “Vậy thì Ta xin Allah làm chứng và các ngươi cũng hãy làm chứng rằng Ta không can hệ với những gì các ngươi thờ phượng.”

إِن نَّقُولُ إِلَّا ٱعۡتَرَىٰكَ بَعۡضُ ءَالِهَتِنَا بِسُوٓءٖۗ قَالَ إِنِّيٓ أُشۡهِدُ ٱللَّهَ وَٱشۡهَدُوٓاْ أَنِّي بَرِيٓءٞ مِّمَّا تُشۡرِكُونَ ٥٤

55. “Ngoài Ngài. Các ngươi hãy cùng nhau lên kế hoạch hãm hại ta và đừng để cho Ta yên thân.”

مِن دُونِهِۦۖ فَكِيدُونِي جَمِيعٗا ثُمَّ لَا تُنظِرُونِ ٥٥

56. “Quả thật, Ta xin phó thác cho Allah, Thượng Đế của Ta và Thượng Đế của các ngươi. (Các ngươi hãy biết rằng) không một sinh vật nào (sống trên trái đất này) mà Ngài không nắm quyền quản lý chúng. Quả thật, Thượng Đế của Ta ở trên con đường ngay chính (chân lý).”

إِنِّي تَوَكَّلۡتُ عَلَى ٱللَّهِ رَبِّي وَرَبِّكُمۚ مَّا مِن دَآبَّةٍ إِلَّا هُوَ ءَاخِذُۢ بِنَاصِيَتِهَآۚ إِنَّ رَبِّي عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٥٦

57. “Nếu các ngươi quay đi thì quả thật Ta cũng đã truyền đạt những gì mà Ta được phái mang đến cho các ngươi. Thượng Đế của Ta sẽ mang đến một nhóm người khác thay thế các ngươi, các ngươi sẽ không gây hại cho Ngài bất cứ điều gì. Quả thật, Thượng Đế của Ta là Đấng giám sát tất cả mọi thứ.”

فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَقَدۡ أَبۡلَغۡتُكُم مَّآ أُرۡسِلۡتُ بِهِۦٓ إِلَيۡكُمۡۚ وَيَسۡتَخۡلِفُ رَبِّي قَوۡمًا غَيۡرَكُمۡ وَلَا تَضُرُّونَهُۥ شَيۡـًٔاۚ إِنَّ رَبِّي عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٍ حَفِيظٞ ٥٧

58. Khi lệnh (trừng phạt) của TA đến, TA đã giải cứu Hud và những ai đã tin tưởng cùng Y bởi lòng thương xót nơi TA, và TA đã giải cứu họ thoát khỏi sự trừng phạt kinh hoàng.

وَلَمَّا جَآءَ أَمۡرُنَا نَجَّيۡنَا هُودٗا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ بِرَحۡمَةٖ مِّنَّا وَنَجَّيۡنَٰهُم مِّنۡ عَذَابٍ غَلِيظٖ ٥٨

59. Đó là đám dân ‘Ad. Chúng đã chống lại các dấu hiệu của Thượng Đế của chúng, nghịch lại các Sứ Giả của Ngài, và tuân theo lệnh của từng tên xấc xược ương ngạnh.

وَتِلْكَ عَادٌۖ جَحَدُواْ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمْ وَعَصَوْاْ رُسُلَهُۥ
وَٱتَّبَعُوٓاْ أَمْرَ كُلِّ جَبَّارٍ عَنِيدٖ ﴿٥٩﴾

60. Sự nguyền rủa đeo bám chúng suốt đời sống thế tục và cả Đời Sau. (Đó là kết quả cho việc) người dân ‘Ad đã phủ nhận Thượng Đế của chúng. (Đó là kết quả cho việc) dân tộc ‘Ad, đám dân của Hud bị tống khứ đi xa (khỏi lòng thương xót của Allah).

وَأُتْبِعُواْ فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنْيَا لَعْنَةٗ وَيَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِۗ أَلَآ إِنَّ
عَادٗا كَفَرُواْ رَبَّهُمْۗ أَلَا بُعْدٗا لِّعَادٖ قَوْمِ هُودٖ ﴿٦٠﴾

61. Người dân Thamud, (TA đã cử) Saleh, người anh em của chúng đến với chúng. (Saleh) nói: “Hỡi người dân của ta, các ngươi hãy thờ phượng một mình Allah, các ngươi không hề có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Ngài đã tạo các ngươi từ đất và Ngài cho các ngươi quản lý nó. Vì vậy, các ngươi hãy cầu xin Ngài tha thứ và hãy quay về sám hối với Ngài. Quả thật, Thượng Đế của Ta rất gần, Ngài luôn đáp lại lời cầu xin (của những ai cầu xin Ngài).”

۞وَإِلَىٰ ثَمُودَ أَخَاهُمْ صَٰلِحٗاۚ قَالَ يَٰقَوْمِ ٱعْبُدُواْ ٱللَّهَ
مَا لَكُم مِّنْ إِلَٰهٍ غَيْرُهُۥۖ هُوَ أَنشَأَكُم مِّنَ ٱلْأَرْضِ
وَٱسْتَعْمَرَكُمْ فِيهَا فَٱسْتَغْفِرُوهُ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيْهِۚ إِنَّ رَبِّي
قَرِيبٞ مُّجِيبٞ ﴿٦١﴾

62. (Người dân của Saleh) nói: “Này Saleh, trước đây ngươi là người được kỳ vọng nhất trong bọn ta, lẽ nào ngươi lại cấm bọn ta tôn thờ những thần linh mà ông cha của bọn ta đã tôn thờ? Quả thật, bọn ta cảm thấy hoài nghi về điều mà ngươi đang kêu gọi bọn ta đến với nó.”

قَالُواْ يَٰصَٰلِحُ قَدْ كُنتَ فِينَا مَرْجُوّٗا قَبْلَ هَٰذَآۖ
أَتَنْهَىٰنَآ أَن نَّعْبُدَ مَا يَعْبُدُ ءَابَآؤُنَا وَإِنَّنَا لَفِي شَكّٖ
مِّمَّا تَدْعُونَآ إِلَيْهِ مُرِيبٖ ﴿٦٢﴾

63. (Saleh) nói với chúng: “Hỡi người dân của Ta! Các ngươi có xem xét: nếu Ta có bằng chứng rõ ràng từ nơi Thượng Đế của Ta và Ngài ban cho Ta lòng thương xót nơi Ngài (khi chọn Ta làm Sứ Giả) thì ai sẽ giúp Ta thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah nếu Ta bất tuân Ngài. Vì vậy, các ngươi chỉ làm cho Ta thêm thua thiệt.”

قَالَ يَٰقَوْمِ أَرَءَيْتُمْ إِن كُنتُ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي
وَءَاتَىٰنِي مِنْهُ رَحْمَةٗ فَمَن يَنصُرُنِي مِنَ ٱللَّهِ إِنْ
عَصَيْتُهُۥۖ فَمَا تَزِيدُونَنِي غَيْرَ تَخْسِيرٖ ﴿٦٣﴾

64. “Hỡi người dân của Ta, đây là con lạc đà của Allah, một dấu hiệu dành cho các ngươi. Vì vậy, các ngươi hãy để mặc nó tự do ăn uống trên đất của Allah, các ngươi chớ đừng chạm đến nó bất cứ điều hại nào, nếu không các ngươi sẽ phải chịu một sự trừng phạt gần kề.”

وَيَٰقَوْمِ هَٰذِهِۦ نَاقَةُ ٱللَّهِ لَكُمْ ءَايَةٗۖ فَذَرُوهَا تَأْكُلْ
فِيٓ أَرْضِ ٱللَّهِۖ وَلَا تَمَسُّوهَا بِسُوٓءٖ فَيَأْخُذَكُمْ
عَذَابٞ قَرِيبٞ ﴿٦٤﴾

65. Nhưng chúng đã giết nó. (Saleh) nói với chúng: “Các ngươi hãy tận hưởng (cuộc sống) trong nhà mình ba ngày, (rồi sự trừng phạt của Allah sẽ đến với các ngươi). Đó là lời hứa (chắc chắn), không giả dối.”

فَعَقَرُوهَا فَقَالَ تَمَتَّعُواْ فِي دَارِكُمْ ثَلَٰثَةَ أَيَّامٖۖ ذَٰلِكَ
وَعْدٌ غَيْرُ مَكْذُوبٖ ﴿٦٥﴾

66. Vì vậy, khi lệnh (trừng phạt) của TA đến, TA đã giải cứu Saleh và những ai đã tin tưởng cùng Y bởi lòng thương xót nơi TA, và TA đã giải thoát họ khỏi sự nhục nhã của ngày hôm đó. Thật vậy, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) là Đấng Toàn Lực, Đấng Quyền Năng.

فَلَمَّا جَآءَ أَمْرُنَا نَجَّيْنَا صَٰلِحٗا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ
بِرَحْمَةٖ مِّنَّا وَمِنْ خِزْيِ يَوْمِئِذٍۚ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ ٱلْقَوِيُّ
ٱلْعَزِيزُ ﴿٦٦﴾

67. Một tiếng thét đã hủy diệt những kẻ làm điều sai quấy, sáng ra chúng (là những xác chết) nằm sấp trong những ngôi nhà của mình.

وَأَخَذَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ ٱلصَّيۡحَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دِيَٰرِهِمۡ جَٰثِمِينَ ٦٧

68. Như thể chúng chưa bao giờ được thịnh vượng ở đó. (Đó là kết quả cho việc) người dân Thamud đã phủ nhận Thượng Đế của chúng. (Đó là kết quả cho việc) đám dân Thamud bị tống khứ đi xa (khỏi lòng thương xót của Allah).

كَأَن لَّمۡ يَغۡنَوۡاْ فِيهَآۗ أَلَآ إِنَّ ثَمُودَاْ كَفَرُواْ رَبَّهُمۡۗ أَلَا بُعۡدٗا لِّثَمُودَ ٦٨

69. Quả thật, các Sứ Giả (Thiên Thần) của TA đã đến gặp Ibrahim báo tin mừng (về đứa con trai – Is-haaq). (Các Sứ Giả) nói: “Salam – chào bằng an”. (Ibrahim) đáp lại: “Salam”. (Sau khi chào Salam, Ibrahim) liền mang ra một con bê nướng (tiếp đãi họ).

وَلَقَدۡ جَآءَتۡ رُسُلُنَآ إِبۡرَٰهِيمَ بِٱلۡبُشۡرَىٰ قَالُواْ سَلَٰمٗاۖ قَالَ سَلَٰمٞۖ فَمَا لَبِثَ أَن جَآءَ بِعِجۡلٍ حَنِيذٖ ٦٩

70. Nhưng khi thấy họ không đưa tay chạm đến thức ăn, (Ibrahim) nghi ngờ về họ và cảm thấy sợ hãi. (Thấy vậy, các Thiên Thần) nói: “Ngươi đừng sợ, thực ra, chúng tôi được phái đến với đám dân của Lut.”

فَلَمَّا رَءَآ أَيۡدِيَهُمۡ لَا تَصِلُ إِلَيۡهِ نَكِرَهُمۡ وَأَوۡجَسَ مِنۡهُمۡ خِيفَةٗۚ قَالُواْ لَا تَخَفۡ إِنَّآ أُرۡسِلۡنَآ إِلَىٰ قَوۡمِ لُوطٖ ٧٠

71. Vợ của Y (Sarah) đang đứng, nữ mỉm cười. Sau đó, TA báo cho nữ biết tin mừng về đứa con trai Is-haaq và sau Is-haaq là Ya’qub.

وَٱمۡرَأَتُهُۥ قَآئِمَةٞ فَضَحِكَتۡ فَبَشَّرۡنَٰهَا بِإِسۡحَٰقَ وَمِن وَرَآءِ إِسۡحَٰقَ يَعۡقُوبَ ٧١

72. (Nghe các Thiên Thần báo tin mừng, nữ Sarah) nói: “Khốn cho tôi! Làm sao tôi có thể sinh con trong khi tôi là một bà già còn chồng tôi là một ông lão kia chứ? Đây thực sự là một điều hết sức kỳ lạ.”

قَالَتۡ يَٰوَيۡلَتَىٰٓ ءَأَلِدُ وَأَنَا۠ عَجُوزٞ وَهَٰذَا بَعۡلِي شَيۡخًاۖ إِنَّ هَٰذَا لَشَيۡءٌ عَجِيبٞ ٧٢

73. (Các Thiên Thần) nói: “Lẽ nào ngươi cảm thấy kỳ lạ về lệnh của Allah? Cầu mong lòng thương xót và hồng phúc của Ngài cho các ngươi hỡi người nhà (của Ibrahim). Quả thật, Ngài là Đấng Đáng Ca Tụng, Đấng Chí Tôn.”

قَالُوٓاْ أَتَعۡجَبِينَ مِنۡ أَمۡرِ ٱللَّهِۖ رَحۡمَتُ ٱللَّهِ وَبَرَكَٰتُهُۥ عَلَيۡكُمۡ أَهۡلَ ٱلۡبَيۡتِۚ إِنَّهُۥ حَمِيدٞ مَّجِيدٞ ٧٣

74. Sau khi trong lòng hết sợ và nhận được tin mừng, Ibrahim quay sang tranh luận với (các Sứ Giả) của TA về đám dân của Lut.

فَلَمَّا ذَهَبَ عَنۡ إِبۡرَٰهِيمَ ٱلرَّوۡعُ وَجَآءَتۡهُ ٱلۡبُشۡرَىٰ يُجَٰدِلُنَا فِي قَوۡمِ لُوطٍ ٧٤

75. Quả thật, Ibrahim là người chịu đựng, năng cầu nguyện và sám hối (với Allah).

إِنَّ إِبۡرَٰهِيمَ لَحَلِيمٌ أَوَّٰهٞ مُّنِيبٞ ٧٥

76. (Các Thiên Thần nói với Ibrahim): “Này Ibrahim, Ngươi hãy từ bỏ việc này - (việc cầu xin cho đám dân của Lut), bởi lệnh (trừng phạt) của Thượng Đế của Ngươi đã được ban hành, chúng chắc chắn sẽ phải chịu sự trừng phạt, không thể nào tránh khỏi.”

يَٰٓإِبۡرَٰهِيمُ أَعۡرِضۡ عَنۡ هَٰذَآۖ إِنَّهُۥ قَدۡ جَآءَ أَمۡرُ رَبِّكَۖ وَإِنَّهُمۡ ءَاتِيهِمۡ عَذَابٌ غَيۡرُ مَرۡدُودٖ ٧٦

77. Khi các Sứ Giả (Thiên Thần) của TA đến gặp Lut, Y đau buồn cho người dân của mình và cảm thấy bất lực (trong việc cứu giúp họ tránh khỏi sự trừng phạt), Y nói: “Hôm nay sẽ là một ngày kinh hoàng.”

وَلَمَّا جَآءَتۡ رُسُلُنَا لُوطٗا سِيٓءَ بِهِمۡ وَضَاقَ بِهِمۡ ذَرۡعٗا
وَقَالَ هَٰذَا يَوۡمٌ عَصِيبٞ ﴿٧٧﴾

78. Người dân của (Lut) vội kéo đến gặp Y bởi vì trước đó chúng thường quen làm điều xấu (khi thấy khách lạ). (Lut) nói với chúng: “Hỡi người dân của Ta, đây là những đứa con gái của Ta, chúng trong sạch hơn cho các ngươi. Các ngươi hãy kính sợ Allah và đừng làm điều ô uế đối với khách của Ta. Lẽ nào trong các ngươi không có một người đàn ông nào biết lẽ phải?”

وَجَآءَهُۥ قَوۡمُهُۥ يُهۡرَعُونَ إِلَيۡهِ وَمِن قَبۡلُ كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ هَٰٓؤُلَآءِ بَنَاتِي هُنَّ
أَطۡهَرُ لَكُمۡۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلَا تُخۡزُونِ فِي ضَيۡفِيٓۖ
أَلَيۡسَ مِنكُمۡ رَجُلٞ رَّشِيدٞ ﴿٧٨﴾

79. (Đám dân của Lut) nói: “Quả thật, ngươi đã biết rõ rằng bọn ta không cần những đứa con gái của Ngươi và Ngươi cũng biết quá rõ bọn ta muốn gì.”

قَالُواْ لَقَدۡ عَلِمۡتَ مَا لَنَا فِي بَنَاتِكَ مِنۡ حَقّٖ وَإِنَّكَ
لَتَعۡلَمُ مَا نُرِيدُ ﴿٧٩﴾

80. (Lut) nói: “Giá như Ta có đủ sức mạnh để trừng trị các ngươi hoặc Ta sẽ nhờ đến một thế lực khác để trợ giúp.”

قَالَ لَوۡ أَنَّ لِي بِكُمۡ قُوَّةً أَوۡ ءَاوِيٓ إِلَىٰ رُكۡنٖ
شَدِيدٖ ﴿٨٠﴾

81. (Các Thiên Thần) nói (với Lut): “Này Lut, thật ra chúng tôi là những Sứ Giả của Thượng Đế của Ngươi, chúng sẽ không bao giờ hại được Ngươi. Vì vậy, Ngươi và gia đình hãy rời đi trong đêm và đừng để bất cứ ai trong các ngươi ngoảnh nhìn lại, ngoại trừ vợ của Ngươi, ả ta sẽ bị trừng phạt giống như chúng. Quả thật, giờ hẹn của chúng là buổi sáng, chẳng phải buổi sáng là rất gần đó sao?”

قَالُواْ يَٰلُوطُ إِنَّا رُسُلُ رَبِّكَ لَن يَصِلُوٓاْ إِلَيۡكَۖ فَأَسۡرِ
بِأَهۡلِكَ بِقِطۡعٖ مِّنَ ٱلَّيۡلِ وَلَا يَلۡتَفِتۡ مِنكُمۡ أَحَدٌ
إِلَّا ٱمۡرَأَتَكَۖ إِنَّهُۥ مُصِيبُهَا مَآ أَصَابَهُمۡۚ إِنَّ مَوۡعِدَهُمُ
ٱلصُّبۡحُۚ أَلَيۡسَ ٱلصُّبۡحُ بِقَرِيبٖ ﴿٨١﴾

82. Vì vậy, khi lệnh (trừng phạt) của TA được ban hành, TA đã lật ngược (thị trấn của chúng) và TA trút xuống trận mưa đá cứng như đất sét nung, lớp này chồng lên lớp kia.

فَلَمَّا جَآءَ أَمۡرُنَا جَعَلۡنَا عَٰلِيَهَا سَافِلَهَا وَأَمۡطَرۡنَا
عَلَيۡهَا حِجَارَةٗ مِّن سِجِّيلٖ مَّنضُودٖ ﴿٨٢﴾

83. (Mỗi viên đá) được Thượng Đế của Ngươi đánh dấu. Và sự trừng phạt không hề xa xôi đối với những kẻ làm điều sai quấy.

مُّسَوَّمَةً عِندَ رَبِّكَۖ وَمَا هِيَ مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ بِبَعِيدٖ ﴿٨٣﴾

84. Người dân Madyan, (TA đã cử) Shu’aib, người anh em của chúng đến với chúng. (Shu’aib) nói: “Hỡi người dân của ta, các ngươi hãy thờ phượng một mình Allah, các ngươi không hề có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Các ngươi đừng đong đo và cân thiếu. Quả thật, Ta thấy các ngươi đang thịnh vượng nhưng Ta thực sự lo sợ cho các ngươi về sự trừng phạt của Ngày bao trùm tất cả.”

۞وَإِلَىٰ مَدۡيَنَ أَخَاهُمۡ شُعَيۡبٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥۖ وَلَا تَنقُصُواْ ٱلۡمِكۡيَالَ
وَٱلۡمِيزَانَۖ إِنِّيٓ أَرَىٰكُم بِخَيۡرٖ وَإِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ
عَذَابَ يَوۡمٖ مُّحِيطٖ ﴿٨٤﴾

85. “Hỡi người dân của Ta! Các ngươi hãy đong đo và cân cho đủ và chớ gian lận để chiếm đoạt của người và đừng phá hại trái đất.”

وَيَٰقَوۡمِ أَوۡفُواْ ٱلۡمِكۡيَالَ وَٱلۡمِيزَانَ بِٱلۡقِسۡطِۖ وَلَا
تَبۡخَسُواْ ٱلنَّاسَ أَشۡيَآءَهُمۡ وَلَا تَعۡثَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ
مُفۡسِدِينَ ٨٥

86. “Thứ còn lại ở nơi Allah tốt hơn cho các ngươi, nếu các ngươi là những người có đức tin. Và Ta không phải là người bảo vệ cho các ngươi.”

بَقِيَّتُ ٱللَّهِ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَۚ وَمَآ أَنَا۠
عَلَيۡكُم بِحَفِيظٖ ٨٦

87. (Người dân của Shu’aib) nói: “Này Shu’aib, lẽ nào lễ nguyện Salah của ngươi đã chỉ thị ngươi buộc bọn ta phải bỏ những thần linh mà ông cha của bọn ta đã thờ phượng hoặc buộc bọn ta không được tự do chi tiêu tài sản của bọn ta thế nào tùy ý? Quả thật (trước kia) ngươi thực sự là một kẻ chịu đựng, có tư duy đúng đắn?!”

قَالُواْ يَٰشُعَيۡبُ أَصَلَوٰتُكَ تَأۡمُرُكَ أَن نَّتۡرُكَ مَا يَعۡبُدُ
ءَابَآؤُنَآ أَوۡ أَن نَّفۡعَلَ فِيٓ أَمۡوَٰلِنَا مَا نَشَٰٓؤُاْۖ إِنَّكَ لَأَنتَ
ٱلۡحَلِيمُ ٱلرَّشِيدُ ٨٧

88. (Shu’aib) nói: “Hỡi người dân của Ta! Các ngươi có xem xét: nếu Ta có bằng chứng rõ ràng từ nơi Thượng Đế của Ta và Ngài ban cho Ta bổng lộc tốt đẹp từ nơi Ngài. Ta không muốn làm khác với các ngươi cũng như không muốn cấm cản các người bất cứ gì, Ta chỉ muốn cải thiện các ngươi hết sức có thể. Và sự thành công của Ta đều là nhờ Allah, Ta phó thác cho Ngài và quay về sám hối với Ngài.”

قَالَ يَٰقَوۡمِ أَرَءَيۡتُمۡ إِن كُنتُ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي
وَرَزَقَنِي مِنۡهُ رِزۡقًا حَسَنٗاۚ وَمَآ أُرِيدُ أَنۡ أُخَالِفَكُمۡ
إِلَىٰ مَآ أَنۡهَىٰكُمۡ عَنۡهُۚ إِنۡ أُرِيدُ إِلَّا ٱلۡإِصۡلَٰحَ مَا
ٱسۡتَطَعۡتُۚ وَمَا تَوۡفِيقِيٓ إِلَّا بِٱللَّهِۚ عَلَيۡهِ تَوَكَّلۡتُ وَإِلَيۡهِ
أُنِيبُ ٨٨

89. “Hỡi người dân của Ta! Các ngươi đừng để việc các ngươi bất hòa với Ta khiến các ngươi phải chịu sự trừng phạt giống như những gì xảy ra với người dân của Nuh hoặc người dân của Hud hoặc người dân của Saleh, và người dân của Lut không cách xa các ngươi bao lâu.”

وَيَٰقَوۡمِ لَا يَجۡرِمَنَّكُمۡ شِقَاقِيٓ أَن يُصِيبَكُم مِّثۡلُ مَآ
أَصَابَ قَوۡمَ نُوحٍ أَوۡ قَوۡمَ هُودٍ أَوۡ قَوۡمَ صَٰلِحٖۚ وَمَا قَوۡمُ
لُوطٖ مِّنكُم بِبَعِيدٖ ٨٩

90. “Các ngươi hãy cầu xin Thượng Đế của các ngươi tha thứ cho các ngươi và hãy quay về sám hối với Ngài. Thật vậy, Thượng Đế của Ta là Đấng Nhân Từ, Đấng Tràn Đầy Yêu Thương (đối với những ai quay về với Ngài).”

وَٱسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّكُمۡ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيۡهِۚ إِنَّ رَبِّي رَحِيمٞ
وَدُودٞ ٩٠

91. (Người dân của Shu’aib) nói: “Này Shu’aib, bọn ta không hiểu nhiều những gì ngươi nói, và thực tế bọn ta thấy ngươi là kẻ yếu hèn trong bọn ta, nếu không vì nể trọng dòng họ của ngươi thì bọn ta đã ném đá giết ngươi, bởi lẽ ngươi đối với bọn ta chẳng có một sự tôn trọng nào cả.”

قَالُواْ يَٰشُعَيۡبُ مَا نَفۡقَهُ كَثِيرٗا مِّمَّا تَقُولُ وَإِنَّا
لَنَرَىٰكَ فِينَا ضَعِيفٗاۖ وَلَوۡلَا رَهۡطُكَ لَرَجَمۡنَٰكَۖ وَمَآ
أَنتَ عَلَيۡنَا بِعَزِيزٖ ٩١

92. (Shu’aib) nói: “Hỡi người dân của Ta! Lẽ nào dòng họ của Ta đối với các ngươi lại được tôn trọng hơn cả Allah nữa ư? Lẽ nào các ngươi đặt Ngài sau lưng các ngươi (trong sự lơ là) như thế ư? Quả thật, Thượng Đế của Ta là Đấng bao quát hết những gì các ngươi làm.”

قَالَ يَٰقَوۡمِ أَرَهۡطِيٓ أَعَزُّ عَلَيۡكُم مِّنَ ٱللَّهِ
وَٱتَّخَذۡتُمُوهُ وَرَآءَكُمۡ ظِهۡرِيًّاۖ إِنَّ رَبِّي بِمَا تَعۡمَلُونَ
مُحِيطٞ ٩٢

93. “Hỡi người dân của Ta! Các ngươi hãy cứ làm công việc của các ngươi, còn Ta sẽ làm công việc của Ta. Rồi đây các ngươi sẽ biết ai sẽ bị sự trừng phạt hạ nhục y và ai sẽ là kẻ nói dối. Các ngươi hãy chờ xem, Ta cũng chờ xem (kết quả) cùng với các ngươi.”

وَيَٰقَوۡمِ ٱعۡمَلُواْ عَلَىٰ مَكَانَتِكُمۡ إِنِّي عَٰمِلٞۖ سَوۡفَ
تَعۡلَمُونَ مَن يَأۡتِيهِ عَذَابٞ يُخۡزِيهِ وَمَنۡ هُوَ كَٰذِبٞۖ
وَٱرۡتَقِبُوٓاْ إِنِّي مَعَكُمۡ رَقِيبٞ ٩٣

94. Khi lệnh (trừng phạt) của TA được ban hành, TA giải cứu Shu’aib và những người có đức tin theo Y bằng lòng thương xót từ nơi TA. Một tiếng thét đã hủy diệt những kẻ làm điều sai quấy, sáng ra chúng (là những xác chết) nằm sấp trong những ngôi nhà của mình.

وَلَمَّا جَآءَ أَمۡرُنَا نَجَّيۡنَا شُعَيۡبٗا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ
بِرَحۡمَةٖ مِّنَّا وَأَخَذَتِ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ ٱلصَّيۡحَةُ
فَأَصۡبَحُواْ فِي دِيَٰرِهِمۡ جَٰثِمِينَ ٩٤

95. Như thể chúng chưa bao giờ được thịnh vượng ở đó. Há chẳng phải người dân Madyan đáng bị tống khứ đi xa (khỏi lòng thương xót của Allah) giống như người dân Thamud đã bị tống khứ đi xa (khỏi lòng thương xót của Ngài)?

كَأَن لَّمۡ يَغۡنَوۡاْ فِيهَآۗ أَلَا بُعۡدٗا لِّمَدۡيَنَ كَمَا بَعِدَتۡ
ثَمُودُ ٩٥

96. Quả thật, TA đã phái Musa mang các phép lạ của TA cùng với một thẩm quyền rõ ràng.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَا وَسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٍ ٩٦

97. Đến gặp Pha-ra-ông và quần thần của hắn, nhưng chúng nghe theo lệnh của Pha-ra-ông. Và lệnh Pha-ra-ông không đúng với chân lý.

إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦ فَٱتَّبَعُوٓاْ أَمۡرَ فِرۡعَوۡنَۖ وَمَآ أَمۡرُ
فِرۡعَوۡنَ بِرَشِيدٖ ٩٧

98. Trong Ngày Phán Xét, (Pha-ra-ông) sẽ dẫn đầu đám dân của hắn vào Hỏa Ngục. Thật là một nơi tồi tệ mà chúng dắt nhau đi vào.

يَقۡدُمُ قَوۡمَهُۥ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فَأَوۡرَدَهُمُ ٱلنَّارَۖ وَبِئۡسَ
ٱلۡوِرۡدُ ٱلۡمَوۡرُودُ ٩٨

99. Sự nguyền rủa đeo bám chúng suốt cuộc đời này và cả Đời Sau. Thật xấu xa cho món quà chúng được ban tặng.

وَأُتۡبِعُواْ فِي هَٰذِهِۦ لَعۡنَةٗ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ بِئۡسَ ٱلرِّفۡدُ
ٱلۡمَرۡفُودُ ٩٩

100. Đó là thông tin về các thị trấn mà TA (Allah) kể cho Ngươi nghe (hỡi Thiên Sứ Muhammad), trong đó có một số (thị trấn) vẫn còn lưu lại chứng tích và một số khác thì không còn dấu vết.

ذَٰلِكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ ٱلۡقُرَىٰ نَقُصُّهُۥ عَلَيۡكَۖ مِنۡهَا قَآئِمٞ
وَحَصِيدٞ ١٠٠

101. TA đã không bất công với chúng mà chính chúng đã bất công với bản thân mình. Các thần linh mà chúng cầu nguyện ngoài Allah không giúp ích được gì cho chúng khi lệnh (trừng phạt) của Thượng Đế Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) được ban hành, ngược lại, (các thần linh đó) chỉ mang lại cho chúng sự hủy hoại.

وَمَا ظَلَمۡنَٰهُمۡ وَلَٰكِن ظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡۖ فَمَآ أَغۡنَتۡ عَنۡهُمۡ ءَالِهَتُهُمُ ٱلَّتِي يَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مِن شَيۡءٖ لَّمَّا جَآءَ أَمۡرُ رَبِّكَۖ وَمَا زَادُوهُمۡ غَيۡرَ تَتۡبِيبٖ ١٠١

102. Như thế đó, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) đã trừng phạt các thị trấn khi chúng làm điều sai quấy. Quả thật sự trừng phạt của Ngài rất đau đớn và khủng khiếp.

وَكَذَٰلِكَ أَخۡذُ رَبِّكَ إِذَآ أَخَذَ ٱلۡقُرَىٰ وَهِيَ ظَٰلِمَةٌۚ إِنَّ أَخۡذَهُۥٓ أَلِيمٞ شَدِيدٌ ١٠٢

103. Quả thật, trong sự việc đó là dấu hiệu (cảnh báo) cho những ai sợ hãi về sự trừng phạt ở Đời Sau. Đó là ngày mà tất cả nhân loại sẽ được triệu tập, và đó là ngày mà tất cả sẽ được chứng kiến (sự thật).

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّمَنۡ خَافَ عَذَابَ ٱلۡأٓخِرَةِۚ ذَٰلِكَ يَوۡمٞ مَّجۡمُوعٞ لَّهُ ٱلنَّاسُ وَذَٰلِكَ يَوۡمٞ مَّشۡهُودٞ ١٠٣

104. TA không trì hoãn ngày đó ngoại trừ một thời hạn đã định.

وَمَا نُؤَخِّرُهُۥٓ إِلَّا لِأَجَلٖ مَّعۡدُودٖ ١٠٤

105. Vào Ngày đó, không một linh hồn nào được phép nói ngoại trừ có sự cho phép của Ngài. Và trong số họ, có người bất hạnh và có người hạnh phúc.

يَوۡمَ يَأۡتِ لَا تَكَلَّمُ نَفۡسٌ إِلَّا بِإِذۡنِهِۦۚ فَمِنۡهُمۡ شَقِيّٞ وَسَعِيدٞ ١٠٥

106. Đối với những kẻ bất hạnh, chúng sẽ ở trong Ngục Lửa mà thở dài, gào thét.

فَأَمَّا ٱلَّذِينَ شَقُواْ فَفِي ٱلنَّارِ لَهُمۡ فِيهَا زَفِيرٞ وَشَهِيقٌ ١٠٦

107. Chúng sẽ ở trong đó lâu bằng thời gian mà trời đất hãy còn tồn tại ngoại trừ Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) muốn khác đi. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi làm bất cứ điều gì Ngài muốn.

خَٰلِدِينَ فِيهَا مَا دَامَتِ ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ إِلَّا مَا شَآءَ رَبُّكَۚ إِنَّ رَبَّكَ فَعَّالٞ لِّمَا يُرِيدُ ١٠٧

108. Còn đối với những người hạnh phúc, họ sẽ ở trong Thiên Đàng, họ sẽ ở trong đó lâu bằng thời gian mà trời đất hãy còn tồn tại ngoại trừ Thượng Đế của Ngươi muốn khác đi, một sự ban thưởng không giới hạn.

۞وَأَمَّا ٱلَّذِينَ سُعِدُواْ فَفِي ٱلۡجَنَّةِ خَٰلِدِينَ فِيهَا مَا دَامَتِ ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ إِلَّا مَا شَآءَ رَبُّكَۖ عَطَآءً غَيۡرَ مَجۡذُوذٖ ١٠٨

109. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) đừng hoài nghi về những gì mà những kẻ (đa thần) này đang thờ phượng (là sự lầm lạc). Chúng chỉ thờ phượng giống như ông cha của chúng đã thờ phượng trước đây. Chắc chắn TA sẽ trả lại đầy đủ cho chúng, không thiếu sót một điều gì

فَلَا تَكُ فِي مِرۡيَةٖ مِّمَّا يَعۡبُدُ هَٰٓؤُلَآءِۚ مَا يَعۡبُدُونَ إِلَّا كَمَا يَعۡبُدُ ءَابَآؤُهُم مِّن قَبۡلُۚ وَإِنَّا لَمُوَفُّوهُمۡ نَصِيبَهُمۡ غَيۡرَ مَنقُوصٖ ١٠٩

110. Quả thật, TA đã ban cho Musa Kinh Sách, nhưng đã có những tranh cãi và bất đồng trong đó. Nếu không vì một lời phán của Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã được tuyên bố từ trước thì sự việc tranh cãi và bất đồng giữa chúng đã được giải quyết. Thật vậy, những kẻ vô đức tin vẫn cứ hoài nghi về (Qur'an).

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ فَٱخۡتُلِفَ فِيهِۚ وَلَوۡلَا
كَلِمَةٞ سَبَقَتۡ مِن رَّبِّكَ لَقُضِيَ بَيۡنَهُمۡۚ وَإِنَّهُمۡ لَفِي
شَكّٖ مِّنۡهُ مُرِيبٖ ١١٠

111. Và chắc chắn mỗi (người có đức tin và kẻ vô đức tin), Thượng Đế của Ngươi sẽ đền bù đầy đủ cho họ dựa theo các việc làm của họ. Quả thật, Ngài thông toàn những gì họ làm.

وَإِنَّ كُلّٗا لَّمَّا لَيُوَفِّيَنَّهُمۡ رَبُّكَ أَعۡمَٰلَهُمۡۚ إِنَّهُۥ بِمَا
يَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ١١١

112. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy đi đúng hướng như Ngươi đã được lệnh. Ngươi và những ai quay đầu sám hối cùng Ngươi chớ đừng vi phạm giới luật. Quả thật, Ngài (Allah) luôn thấy rõ những gì các ngươi làm.

فَٱسۡتَقِمۡ كَمَآ أُمِرۡتَ وَمَن تَابَ مَعَكَ وَلَا تَطۡغَوۡاْۚ
إِنَّهُۥ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ١١٢

113. Các ngươi (tín đồ Muslim) chớ đừng nghiêng về phía những kẻ làm điều sai quấy, kẻo Lửa (của Hỏa Ngục) sẽ chạm các ngươi, và ngoài Allah các ngươi sẽ không có bất kỳ người bảo hộ nào và các ngươi sẽ không được ai cứu giúp.

وَلَا تَرۡكَنُوٓاْ إِلَى ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ فَتَمَسَّكُمُ ٱلنَّارُ وَمَا
لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِنۡ أَوۡلِيَآءَ ثُمَّ لَا تُنصَرُونَ ١١٣

114. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy duy trì các lễ nguyện Salah ở hai đầu của ban ngày và ở một số giờ của ban đêm. Thật vậy, những việc làm thiện tốt giúp loại bỏ những điều xấu. Đó là lời nhắc nhở dành cho những người biết lưu tâm.

وَأَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ طَرَفَيِ ٱلنَّهَارِ وَزُلَفٗا مِّنَ ٱلَّيۡلِۚ إِنَّ
ٱلۡحَسَنَٰتِ يُذۡهِبۡنَ ٱلسَّيِّـَٔاتِۚ ذَٰلِكَ ذِكۡرَىٰ
لِلذَّٰكِرِينَ ١١٤

115. Ngươi hãy kiên nhẫn, bởi thực sự Allah không để mất phần thưởng của những người làm tốt.

وَٱصۡبِرۡ فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١١٥

116. Giá như các thế hệ trước các ngươi có được những người khôn ngoan biết ngăn chặn điều thối nát xảy ra trên trái đất. Tuy nhiên, ít thay số người như thế đã được TA giải cứu khỏi (sự trừng phạt giáng lên) cộng đồng của họ. Ngược lại, những kẻ làm điều sai quấy vẫn chạy theo lạc thú (trong cuộc sống thế tục) để rồi chúng trở thành những tên tội đồ.

فَلَوۡلَا كَانَ مِنَ ٱلۡقُرُونِ مِن قَبۡلِكُمۡ أُوْلُواْ بَقِيَّةٖ
يَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡفَسَادِ فِي ٱلۡأَرۡضِ إِلَّا قَلِيلٗا مِّمَّنۡ
أَنجَيۡنَا مِنۡهُمۡۗ وَٱتَّبَعَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مَآ أُتۡرِفُواْ فِيهِ
وَكَانُواْ مُجۡرِمِينَ ١١٦

117. Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) không tiêu diệt các thị trấn một cách bất công khi mà cư dân của chúng vẫn là những người tốt.

وَمَا كَانَ رَبُّكَ لِيُهۡلِكَ ٱلۡقُرَىٰ بِظُلۡمٖ وَأَهۡلُهَا
مُصۡلِحُونَ ١١٧

118. Nếu Thượng Đế của Ngươi muốn, chắc chắn Ngài đã làm cho nhân loại thành một cộng đồng duy nhất (nhưng Ngài đã không muốn thế). Vì vậy, nhân loại vẫn không ngừng bất đồng lẫn nhau.

وَلَوۡ شَآءَ رَبُّكَ لَجَعَلَ ٱلنَّاسَ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗۖ وَلَا يَزَالُونَ
مُخۡتَلِفِينَ ١١٨

119. Ngoại trừ những ai mà Thượng Đế của Ngươi thương xót, và vì thế mà Ngài đã tạo ra họ. Và lời phán của Thượng Đế của Ngươi đã được tuyên bố: “TA chắc chắn sẽ nhét đầy Hỏa Ngục với loài Jinn và loài người.”	إِلَّا مَن رَّحِمَ رَبُّكَۚ وَلِذَٰلِكَ خَلَقَهُمْۗ وَتَمَّتْ كَلِمَةُ رَبِّكَ لَأَمْلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنَ ٱلْجِنَّةِ وَٱلنَّاسِ أَجْمَعِينَ ١١٩
120. Tất cả thông tin về các vị Sứ Giả mà TA đã kể cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) là nhằm làm con tim của Ngươi thêm vững chắc. Chắc chắn, chân lý và lời nhắc đã đến được với Ngươi qua các câu chuyện này và là lời cảnh báo dành cho những người có đức tin.	وَكُلًّا نَّقُصُّ عَلَيْكَ مِنْ أَنۢبَآءِ ٱلرُّسُلِ مَا نُثَبِّتُ بِهِۦ فُؤَادَكَۚ وَجَآءَكَ فِي هَٰذِهِ ٱلْحَقُّ وَمَوْعِظَةٌ وَذِكْرَىٰ لِلْمُؤْمِنِينَ ١٢٠
121. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với những kẻ vô đức tin: “Các ngươi hãy cứ làm công việc của các ngươi, còn Ta cứ làm công việc của Ta.”	وَقُل لِّلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ ٱعْمَلُواْ عَلَىٰ مَكَانَتِكُمْ إِنَّا عَٰمِلُونَ ١٢١
122. “Các ngươi hãy đợi xem (kết quả), bọn ta cũng đợi xem (kết quả cùng các ngươi).”	وَٱنتَظِرُوٓاْ إِنَّا مُنتَظِرُونَ ١٢٢
123. (Mọi điều) vô hình trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về một mình Allah. Mọi thứ đều được đưa trở về trình diện Ngài. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy thờ phượng một mình Ngài và hãy phó thác cho Ngài. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi không làm ngơ về những gì các ngươi làm.	وَلِلَّهِ غَيْبُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَإِلَيْهِ يُرْجَعُ ٱلْأَمْرُ كُلُّهُۥ فَٱعْبُدْهُ وَتَوَكَّلْ عَلَيْهِۚ وَمَا رَبُّكَ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعْمَلُونَ ١٢٣

Yusuf (Nabi Yusuf) يوسف

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. Ra. Đây là những câu của một Kinh Sách rõ ràng (không có sự mơ hồ, khó hiểu).

الٓرۚ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ١

2. Quả thật, TA (Allah) đã ban Nó xuống dưới dạng Qur’an (một bài đọc) bằng tiếng Ả-rập mà các ngươi có thể hiểu.

إِنَّآ أَنزَلۡنَٰهُ قُرۡءَٰنًا عَرَبِيّٗا لَّعَلَّكُمۡ تَعۡقِلُونَ ٢

3. (Này Thiên Sứ Muhammad), qua những điều TA mặc khải cho Ngươi trong Qur’an này, TA kể cho Ngươi nghe một câu chuyện hay nhất mà Ngươi chưa từng biết đến trước đây.

نَحۡنُ نَقُصُّ عَلَيۡكَ أَحۡسَنَ ٱلۡقَصَصِ بِمَآ أَوۡحَيۡنَآ
إِلَيۡكَ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانَ وَإِن كُنتَ مِن قَبۡلِهِۦ لَمِنَ
ٱلۡغَٰفِلِينَ ٣

4. (Câu chuyện bắt đầu) khi Yusuf (còn là một đứa trẻ) nói với Cha của mình (Ya’qub): “Thưa Cha, quả thật con đã thấy (trong giấc mơ) mười một ngôi sao cùng với mặt trời và cả mặt trăng nữa, con thấy chúng quỳ lạy con.”

إِذۡ قَالَ يُوسُفُ لِأَبِيهِ يَٰٓأَبَتِ إِنِّي رَأَيۡتُ أَحَدَ عَشَرَ
كَوۡكَبٗا وَٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَ رَأَيۡتُهُمۡ لِي سَٰجِدِينَ ٤

5. (Ya’qub) bảo (Yusuf, con trai nhỏ của mình): “Này con trai, con đừng kể lại điều con đã thấy trong giấc mơ cho các anh của con. (Cha sợ do lòng ganh tị), các anh của con có thể lên kế hoạch làm những điều không tốt đối với con, bởi quả thật Shaytan là kẻ thù công khai của con người.”

قَالَ يَٰبُنَيَّ لَا تَقۡصُصۡ رُءۡيَاكَ عَلَىٰٓ إِخۡوَتِكَ فَيَكِيدُواْ
لَكَ كَيۡدًاۖ إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ لِلۡإِنسَٰنِ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ٥

6. “(Việc con nhìn thấy những gì trong giấc mơ) như thế, có nghĩa là Thượng Đế của con đã lựa chọn con. Rồi đây Ngài sẽ dạy con cách giải mã giấc mơ và Ngài sẽ hoàn thiện ân huệ của Ngài cho con và cho dòng dõi của Ya’qub giống như Ngài đã hoàn thiện ân huệ của Ngài cho các tổ phụ của con trước đây, Ibrahim và Is-haaq. Thật vậy, Thượng Đế của con là Đấng Hiểu Biết, Đấng Thông Thái.”

وَكَذَٰلِكَ يَجۡتَبِيكَ رَبُّكَ وَيُعَلِّمُكَ مِن تَأۡوِيلِ
ٱلۡأَحَادِيثِ وَيُتِمُّ نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكَ وَعَلَىٰٓ ءَالِ يَعۡقُوبَ
كَمَآ أَتَمَّهَا عَلَىٰٓ أَبَوَيۡكَ مِن قَبۡلُ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡحَٰقَۚ
إِنَّ رَبَّكَ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ٦

7. Quả thật, trong câu chuyện của Yusuf và các anh của Y là những bài học cho những ai hỏi tìm (chân lý).

۞لَّقَدۡ كَانَ فِي يُوسُفَ وَإِخۡوَتِهِۦٓ ءَايَٰتٞ
لِّلسَّآئِلِينَ ٧

8. Khi (các anh cùng cha khác mẹ của Yusuf) nói (với nhau): “Yusuf và đứa em của nó được cha yêu thương nhiều hơn anh em bọn mình mặc dù anh em bọn mình đông và mạnh hơn, rõ ràng cha của chúng ta đã sai lầm.”

إِذۡ قَالُواْ لَيُوسُفُ وَأَخُوهُ أَحَبُّ إِلَىٰٓ أَبِينَا مِنَّا وَنَحۡنُ
عُصۡبَةٌ إِنَّ أَبَانَا لَفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ٨

9. (Một người trong bọn chúng nói): “Hãy giết chết Yusuf hoặc hãy đem nó đi bỏ ở một nơi khác, (có như vậy) các người mới giành được sự yêu thương trọn vẹn của cha, (có như vậy) sau này các người mới hy vọng trở thành những người tốt (trong mắt cha).”

ٱقْتُلُوا۟ يُوسُفَ أَوِ ٱطْرَحُوهُ أَرْضًا يَخْلُ لَكُمْ وَجْهُ
أَبِيكُمْ وَتَكُونُوا۟ مِنۢ بَعْدِهِۦ قَوْمًا صَٰلِحِينَ ٩

10. Một người khác trong bọn chúng nói: “Đừng giết Yusuf. Nếu các người thực sự muốn loại trừ nó thì hãy đem nó đi bỏ xuống đáy giếng; một số đoàn khách thương sẽ nhặt nó (và mang nó đi nơi khác).”

قَالَ قَآئِلٌ مِّنْهُمْ لَا تَقْتُلُوا۟ يُوسُفَ وَأَلْقُوهُ فِى غَيَٰبَتِ
ٱلْجُبِّ يَلْتَقِطْهُ بَعْضُ ٱلسَّيَّارَةِ إِن كُنتُمْ فَٰعِلِينَ ١٠

11. (Nhất trí đem Yusuf đi bỏ, chúng đến gặp Ya’qub) nói: “Thưa Cha của chúng con, sao cha lại không tin tưởng mà giao Yusuf cho chúng con (trông chừng), quả thật chúng con luôn mong điều (tốt đẹp) cho nó kia mà.”

قَالُوا۟ يَٰٓأَبَانَا مَا لَكَ لَا تَأْمَ۫نَّا عَلَىٰ يُوسُفَ وَإِنَّا لَهُۥ
لَنَٰصِحُونَ ١١

12. “Ngày mai, cha hãy yên tâm để em nó ra ngoài chơi cùng chúng con, chắc chắn chúng con sẽ trông chừng và bảo vệ em thật tốt.”

أَرْسِلْهُ مَعَنَا غَدًا يَرْتَعْ وَيَلْعَبْ وَإِنَّا لَهُۥ
لَحَٰفِظُونَ ١٢

13. (Ya’qub) nói: “Thật vậy, cha cảm thấy buồn khi các con đưa em đi chơi xa (vì cha không thể chịu được khi rời xa nó); hơn nữa, cha sợ rằng sói sẽ ăn thịt nó khi các con lơ là do (mải mê vui chơi).”

قَالَ إِنِّى لَيَحْزُنُنِىٓ أَن تَذْهَبُوا۟ بِهِۦ وَأَخَافُ أَن
يَأْكُلَهُ ٱلذِّئْبُ وَأَنتُمْ عَنْهُ غَٰفِلُونَ ١٣

14. Chúng đáp: “Nếu sói ăn thịt em trong khi chúng con đông và mạnh thế này thì chúng con quả là một đám người thất bại.”

قَالُوا۟ لَئِنْ أَكَلَهُ ٱلذِّئْبُ وَنَحْنُ عُصْبَةٌ إِنَّآ إِذًا
لَّخَٰسِرُونَ ١٤

15. Vậy là chúng đã đưa (Yusuf) ra đi, chúng đồng lòng bỏ Y xuống đáy giếng. TA đã mặc khải cho (Yusuf): “(Sau này, vào một ngày nào đó) Ngươi chắc chắn sẽ cho chúng biết về việc làm này của chúng và chúng sẽ không nhận ra (Ngươi).”

فَلَمَّا ذَهَبُوا۟ بِهِۦ وَأَجْمَعُوٓا۟ أَن يَجْعَلُوهُ فِى غَيَٰبَتِ
ٱلْجُبِّ ۚ وَأَوْحَيْنَآ إِلَيْهِ لَتُنَبِّئَنَّهُم بِأَمْرِهِمْ هَٰذَا وَهُمْ لَا
يَشْعُرُونَ ١٥

16. Rồi vào đầu hôm, chúng đến gặp cha của chúng, khóc lóc.

وَجَآءُوٓ أَبَاهُمْ عِشَآءً يَبْكُونَ ١٦

17. Chúng nói: “Thưa Cha của chúng con, chúng con đã cùng nhau chạy đua và bỏ lại Yusuf ở chỗ đồ đạc của chúng con, thế là một con sói đã ăn thịt nó. Có lẽ cha không tin chúng con mặc dù chúng con nói thật.”

قَالُوا۟ يَٰٓأَبَانَآ إِنَّا ذَهَبْنَا نَسْتَبِقُ وَتَرَكْنَا يُوسُفَ عِندَ
مَتَٰعِنَا فَأَكَلَهُ ٱلذِّئْبُ ۖ وَمَآ أَنتَ بِمُؤْمِنٍ لَّنَا وَلَوْ
كُنَّا صَٰدِقِينَ ١٧

18. Rồi chúng mang ra chiếc áo của (Yusuf) được bôi máu giả (cho Ya’qub xem). (Ya’qub) nói: “Không, chính các ngươi đã ngụy tạo và bày trò. Vì vậy sự kiên nhẫn là cách tốt nhất, và Allah là Đấng mà Ta cầu xin sự trợ giúp về điều mà các ngươi mô tả.”

وَجَآءُو عَلَىٰ قَمِيصِهِۦ بِدَمٍ كَذِبٍ ۚ قَالَ بَلْ سَوَّلَتْ
لَكُمْ أَنفُسُكُمْ أَمْرًا ۖ فَصَبْرٌ جَمِيلٌ ۖ وَٱللَّهُ ٱلْمُسْتَعَانُ
عَلَىٰ مَا تَصِفُونَ ١٨

19. Rồi có một đoàn khách thương đến (dừng chân gần cái giếng). Họ cử một người đi lấy nước cho họ. Người đó thả cái gàu xuống giếng, (khi kéo chiếc gầu lên), y hô to: “Tin tốt! (Kéo được) một cậu bé đây này!” Rồi họ đã giấu Yusuf (như một món hàng). Và Allah biết hết những gì họ làm.

وَجَآءَتۡ سَيَّارَةٞ فَأَرۡسَلُواْ وَارِدَهُمۡ فَأَدۡلَىٰ دَلۡوَهُۥۖ قَالَ يَٰبُشۡرَىٰ هَٰذَا غُلَٰمٞۚ وَأَسَرُّوهُ بِضَٰعَةٗۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِمَا يَعۡمَلُونَ ١٩

20. (Sau đó, đoàn khách thương) đã bán (Yusuf) với vài đồng bạc lẻ bởi vì đối với họ (Yusuf) chẳng có giá trị gì cả.

وَشَرَوۡهُ بِثَمَنِۢ بَخۡسٖ دَرَٰهِمَ مَعۡدُودَةٖ وَكَانُواْ فِيهِ مِنَ ٱلزَّٰهِدِينَ ٢٠

21. Một người Ai Cập đã mua Yusuf, y nói với vợ của mình: “Nàng hãy chăm sóc tốt đứa trẻ này, có thể nó sẽ có lợi cho chúng ta hoặc chúng ta sẽ nhận nó làm con trai.” Như thế đó, TA đã định cư Yusuf ở một vùng đất (xa lạ) để TA dạy Y cách giải mã giấc mơ. Quả thật, Allah là Đấng toàn quyền định đoạt công việc của Ngài, nhưng hầu hết nhân loại không biết.

وَقَالَ ٱلَّذِي ٱشۡتَرَىٰهُ مِن مِّصۡرَ لِٱمۡرَأَتِهِۦٓ أَكۡرِمِي مَثۡوَىٰهُ عَسَىٰٓ أَن يَنفَعَنَآ أَوۡ نَتَّخِذَهُۥ وَلَدٗاۚ وَكَذَٰلِكَ مَكَّنَّا لِيُوسُفَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلِنُعَلِّمَهُۥ مِن تَأۡوِيلِ ٱلۡأَحَادِيثِۚ وَٱللَّهُ غَالِبٌ عَلَىٰٓ أَمۡرِهِۦ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٢١

22. Và khi Yusuf trưởng thành, TA đã ban cho Y sự khôn ngoan và nguồn kiến thức. Đó là cách mà TA đãi ngộ những người làm tốt.

وَلَمَّا بَلَغَ أَشُدَّهُۥٓ ءَاتَيۡنَٰهُ حُكۡمٗا وَعِلۡمٗاۚ وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٢٢

23. Người phụ nữ mà (Yusuf) đang tá túc trong nhà của ả đã tìm cách quyến rũ Y. Ả đã đóng chặt các cửa phòng và mời gọi (Yusuf): “Nào, hãy đến đây cùng ta!” (Yusuf) nói: “Tôi cầu xin Allah che chở (tránh khỏi điều tội lỗi). Quả thật, ông chủ của tôi đã cư xử rất tử tế với tôi và quả thật kẻ làm điều sai quấy sẽ không thành công.

وَرَٰوَدَتۡهُ ٱلَّتِي هُوَ فِي بَيۡتِهَا عَن نَّفۡسِهِۦ وَغَلَّقَتِ ٱلۡأَبۡوَٰبَ وَقَالَتۡ هَيۡتَ لَكَۚ قَالَ مَعَاذَ ٱللَّهِۖ إِنَّهُۥ رَبِّيٓ أَحۡسَنَ مَثۡوَايَۖ إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٢٣

24. Quả thật, (người phụ nữ đó) thực sự ham muốn (thân xác của) Y và Y cũng gần động lòng với nữ ta nếu như Y không nhìn thấy bằng chứng của Thượng Đế của Y. Bằng cách đó, TA đã cứu Y thoát khỏi hành động sai trái và vô luân. Thật vậy, Y là một trong đám bầy tôi chính trực của TA.

وَلَقَدۡ هَمَّتۡ بِهِۦۖ وَهَمَّ بِهَا لَوۡلَآ أَن رَّءَا بُرۡهَٰنَ رَبِّهِۦۚ كَذَٰلِكَ لِنَصۡرِفَ عَنۡهُ ٱلسُّوٓءَ وَٱلۡفَحۡشَآءَۚ إِنَّهُۥ مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُخۡلَصِينَ ٢٤

25. Cả hai cùng chạy ra cửa (Yusuf thì muốn thoát thân, còn người phụ nữ kia thì muốn ngăn Y lại). Nữ ta đã kéo rách áo của (Yusuf) từ sau lưng. Cả hai cùng giáp mặt người chồng của nữ ta tại cửa, (lúc đó) nữ ta liền nói: “Đâu là hình phạt dành cho kẻ có ý định xấu với vợ của chàng? Hoặc là hắn phải vào tù hoặc là hắn phải chịu sự trừng phạt đau đớn!”

وَٱسۡتَبَقَا ٱلۡبَابَ وَقَدَّتۡ قَمِيصَهُۥ مِن دُبُرٖ وَأَلۡفَيَا سَيِّدَهَا لَدَا ٱلۡبَابِۚ قَالَتۡ مَا جَزَآءُ مَنۡ أَرَادَ بِأَهۡلِكَ سُوٓءًا إِلَّآ أَن يُسۡجَنَ أَوۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٢٥

26. (Yusuf) nói: “Chính bà đã quyến rũ tôi.” Và một nhân chứng(1) thuộc người nhà của nữ ta đã làm chứng, nói: “Nếu áo của (Yusuf) bị rách từ phía trước thì bà ấy là người nói thật và Y là kẻ nói dối.”[1]

قَالَ هِيَ رَٰوَدَتۡنِي عَن نَّفۡسِيۚ وَشَهِدَ شَاهِدٞ مِّنۡ أَهۡلِهَآ إِن كَانَ قَمِيصُهُۥ قُدَّ مِن قُبُلٖ فَصَدَقَتۡ وَهُوَ مِنَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٢٦

27. “Còn nếu áo của Y bị rách từ phía sau thì bà ấy là kẻ nói dối và Y là người nói thật.”

وَإِن كَانَ قَمِيصُهُۥ قُدَّ مِن دُبُرٖ فَكَذَبَتۡ وَهُوَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٢٧

28. Vì vậy, khi người chồng nhìn thấy áo của Yusuf bị rách phía sau lưng thì y nói: “Rõ ràng đây là trò của các nàng. Quả thật, trò của các nàng thật nghiêm trọng.”

فَلَمَّا رَءَا قَمِيصَهُۥ قُدَّ مِن دُبُرٖ قَالَ إِنَّهُۥ مِن كَيۡدِكُنَّۖ إِنَّ كَيۡدَكُنَّ عَظِيمٞ ٢٨

29. “Này Yusuf, hãy bỏ qua chuyện này. Còn nàng hãy cầu xin tha thứ cho tội lỗi của mình, bởi quả thật nàng chính là người đã sai.”

يُوسُفُ أَعۡرِضۡ عَنۡ هَٰذَاۚ وَٱسۡتَغۡفِرِي لِذَنۢبِكِۖ إِنَّكِ كُنتِ مِنَ ٱلۡخَاطِـِٔينَ ٢٩

30. Các phụ nữ trong thành phố nói: “Vợ của một vị quan lớn lại đi quyến rũ chàng thanh niên trẻ của mình, chắc có lẽ nó đã làm cho bà ấy mê đắm bằng tình yêu! Quả thật, chúng ta thấy bà ta là một kẻ lầm lạc rõ ràng.”

۞وَقَالَ نِسۡوَةٞ فِي ٱلۡمَدِينَةِ ٱمۡرَأَتُ ٱلۡعَزِيزِ تُرَٰوِدُ فَتَىٰهَا عَن نَّفۡسِهِۦۖ قَدۡ شَغَفَهَا حُبًّاۖ إِنَّا لَنَرَىٰهَا فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٣٠

31. Vì vậy, khi nghe những lời đàm tiếu của họ, nữ ta đã cho mời họ đến và chuẩn bị cho họ một bữa tiệc và đưa cho mỗi người một con dao. Sau đó, nữ ta bảo (Yusuf): “Hãy đi ra trình diện các quí bà.” Khi họ nhìn thấy (Yusuf), họ sững sờ (trước diện mạo tuấn tú của Y) và đã cắt tay của mình (mà không hay biết do mải mê nhìn ngắm Y), và họ nói: “Allah hoàn hảo! Đây không phải là người phàm mà là một Thiên Thần quí phái.”

فَلَمَّا سَمِعَتۡ بِمَكۡرِهِنَّ أَرۡسَلَتۡ إِلَيۡهِنَّ وَأَعۡتَدَتۡ لَهُنَّ مُتَّكَـٔٗا وَءَاتَتۡ كُلَّ وَٰحِدَةٖ مِّنۡهُنَّ سِكِّينٗا وَقَالَتِ ٱخۡرُجۡ عَلَيۡهِنَّۖ فَلَمَّا رَأَيۡنَهُۥٓ أَكۡبَرۡنَهُۥ وَقَطَّعۡنَ أَيۡدِيَهُنَّ وَقُلۡنَ حَٰشَ لِلَّهِ مَا هَٰذَا بَشَرًا إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا مَلَكٞ كَرِيمٞ ٣١

32. (Lúc bấy giờ) nữ ta lên tiếng: “Đấy là người mà quí bà đã chỉ trích tôi (rằng tôi đã quyến rũ cậu ta”. Quả thật, tôi đã tìm cách quyến rũ cậu ta nhưng cậu ta đã quyết từ chối. Nếu cậu ta không làm theo những gì tôi ra lệnh cho cậu ta thì cậu ta chắc chắn sẽ bị bỏ tù và sẽ là kẻ bị hạ nhục.”

قَالَتۡ فَذَٰلِكُنَّ ٱلَّذِي لُمۡتُنَّنِي فِيهِۖ وَلَقَدۡ رَٰوَدتُّهُۥ عَن نَّفۡسِهِۦ فَٱسۡتَعۡصَمَۖ وَلَئِن لَّمۡ يَفۡعَلۡ مَآ ءَامُرُهُۥ لَيُسۡجَنَنَّ وَلَيَكُونٗا مِّنَ ٱلصَّٰغِرِينَ ٣٢

[1] (1) Có lời Tafsir rằng nhân chứng đó chính là một đứa trẻ còn nằm nôi, Allah đã cho đứa bé đó nói chuyện. Và đó là phép màu của Ngài.

33. (Yusuf) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, chốn lao tù đối với bề tôi còn yêu thích hơn điều mà họ mời gọi bề tôi đến với nó. Nếu Ngài không giải cứu bề tôi khỏi âm mưu của những người phụ nữ kia, bề tôi có thể sẽ động lòng với họ và (lúc đó) bề tôi sẽ trở thành một kẻ ngu muội.”

قَالَ رَبِّ ٱلسِّجۡنُ أَحَبُّ إِلَيَّ مِمَّا يَدۡعُونَنِيٓ إِلَيۡهِۖ وَإِلَّا تَصۡرِفۡ عَنِّي كَيۡدَهُنَّ أَصۡبُ إِلَيۡهِنَّ وَأَكُن مِّنَ ٱلۡجَٰهِلِينَ ٣٣

34. Vì vậy, Thượng Đế của Y đã đáp lại (lời cầu khẩn của) Y. Ngài đã giải thoát Y khỏi âm mưu của các nữ kia. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

فَٱسۡتَجَابَ لَهُۥ رَبُّهُۥ فَصَرَفَ عَنۡهُ كَيۡدَهُنَّۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٣٤

35. Rồi khi họ đã thấy các bằng chứng chứng minh (Yusuf) vô tội (nhưng họ cho rằng tốt hơn là) nên bỏ tù Y trong một thời gian.

ثُمَّ بَدَا لَهُم مِّنۢ بَعۡدِ مَا رَأَوُاْ ٱلۡأٓيَٰتِ لَيَسۡجُنُنَّهُۥ حَتَّىٰ حِينٖ ٣٥

36. Và có hai thanh niên cùng vào tù với (Yusuf). Một trong hai nói: “Quả thật, tôi thấy trong giấc mơ của mình rằng tôi đang ép rượu.” và người còn lại nói: “Còn tôi thấy trong giấc mơ của mình rằng tôi đội bánh mì trên đầu và con chim đang mổ ăn nó.” (Cả hai nói:) “Xin anh hãy giải mã giấc mơ đó cho chúng tôi, chúng tôi thực sự thấy anh là người tốt.”

وَدَخَلَ مَعَهُ ٱلسِّجۡنَ فَتَيَانِۖ قَالَ أَحَدُهُمَآ إِنِّيٓ أَرَىٰنِيٓ أَعۡصِرُ خَمۡرٗاۖ وَقَالَ ٱلۡأٓخَرُ إِنِّيٓ أَرَىٰنِيٓ أَحۡمِلُ فَوۡقَ رَأۡسِي خُبۡزٗا تَأۡكُلُ ٱلطَّيۡرُ مِنۡهُۖ نَبِّئۡنَا بِتَأۡوِيلِهِۦٓۖ إِنَّا نَرَىٰكَ مِنَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٣٦

37. (Yusuf) nói: “Trước khi thức ăn được mang đến cho hai cậu, tôi sẽ cho hai người biết ý nghĩa của hai giấc mơ đó. (Sở dĩ, tôi biết cách giải mã giấc mơ không phải là do tôi sử dụng bùa thuật) mà là do Thượng Đế của tôi đã dạy, và do tôi đã từ bỏ tín ngưỡng của cộng đồng không có đức tin nơi Allah và nơi Đời Sau.”

قَالَ لَا يَأۡتِيكُمَا طَعَامٞ تُرۡزَقَانِهِۦٓ إِلَّا نَبَّأۡتُكُمَا بِتَأۡوِيلِهِۦ قَبۡلَ أَن يَأۡتِيَكُمَاۚ ذَٰلِكُمَا مِمَّا عَلَّمَنِي رَبِّيٓۚ إِنِّي تَرَكۡتُ مِلَّةَ قَوۡمٖ لَّا يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَهُم بِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ كَٰفِرُونَ ٣٧

38. “Tôi đã theo tín ngưỡng của ông cha của tôi: Ibrahim, Is-haaq và Ya’qub. Tất cả chúng tôi không tổ hợp với Allah bất cứ thứ gì. Đấy là hồng phúc mà Allah đã ban cho chúng tôi và toàn nhân loại nhưng hầu hết nhân loại không biết ơn (Ngài).”

وَٱتَّبَعۡتُ مِلَّةَ ءَابَآءِيٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَۚ مَا كَانَ لَنَآ أَن نُّشۡرِكَ بِٱللَّهِ مِن شَيۡءٖۚ ذَٰلِكَ مِن فَضۡلِ ٱللَّهِ عَلَيۡنَا وَعَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَشۡكُرُونَ ٣٨

39. “Này hai người bạn tù của tôi, nhiều Thượng Đế khác nhau tốt hơn hay chỉ một mình Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Thống Trị tốt hơn?”

يَٰصَٰحِبَيِ ٱلسِّجۡنِ ءَأَرۡبَابٞ مُّتَفَرِّقُونَ خَيۡرٌ أَمِ ٱللَّهُ ٱلۡوَٰحِدُ ٱلۡقَهَّارُ ٣٩

40. “Những thứ mà các anh đang thờ phượng chỉ là những tên gọi do chính các anh và ông cha của các anh đã đặt cho chúng, chứ Allah đã không ban xuống bất kỳ thẩm quyền nào cho chúng cả. Mọi xét xử và định đoạt đều thuộc về một mình Allah. Ngài đã ra lệnh cho các anh chỉ thờ phượng duy nhất một mình Ngài. Đó là tôn giáo chính trực nhưng hầu hết nhân loại không biết.”

مَا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِهِۦٓ إِلَّآ أَسۡمَآءٗ سَمَّيۡتُمُوهَآ أَنتُمۡ
وَءَابَآؤُكُم مَّآ أَنزَلَ ٱللَّهُ بِهَا مِن سُلۡطَٰنٍۚ إِنِ
ٱلۡحُكۡمُ إِلَّا لِلَّهِ أَمَرَ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّآ إِيَّاهُۚ ذَٰلِكَ ٱلدِّينُ
ٱلۡقَيِّمُ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٤٠

41. “Này hai người bạn tù của tôi, một trong hai anh sẽ trở thành người hầu rót rượu cho chủ của mình và người còn lại sẽ bị đóng đinh trên thập tự giá và bị chim mổ trên đầu. Vấn đề mà hai anh muốn biết đã được định đoạt như vậy.”

يَٰصَٰحِبَيِ ٱلسِّجۡنِ أَمَّآ أَحَدُكُمَا فَيَسۡقِي رَبَّهُۥ خَمۡرٗاۖ
وَأَمَّا ٱلۡأٓخَرُ فَيُصۡلَبُ فَتَأۡكُلُ ٱلطَّيۡرُ مِن رَّأۡسِهِۦۚ
قُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ ٱلَّذِي فِيهِ تَسۡتَفۡتِيَانِ ٤١

42. (Yusuf) nói với người mà Y nghĩ anh ta sẽ được sống trong hai người bạn tù: “Anh hãy nhắc đến tôi trước chủ nhân của anh.” Tuy nhiên, Shaytan đã khiến cho người bạn tù đó quên mất việc nhắc (đến Yusuf) trước chủ nhân của mình. Vì vậy, Yusuf phải ở lại trong tù thêm vài năm.

وَقَالَ لِلَّذِي ظَنَّ أَنَّهُۥ نَاجٖ مِّنۡهُمَا ٱذۡكُرۡنِي عِندَ
رَبِّكَ فَأَنسَىٰهُ ٱلشَّيۡطَٰنُ ذِكۡرَ رَبِّهِۦ فَلَبِثَ فِي
ٱلسِّجۡنِ بِضۡعَ سِنِينَ ٤٢

43. Và (sau đó) nhà vua (của Ai Cập) nói (với quần thần của mình): “Quả thật, (trong giấc mơ) trẫm thấy bảy con bò béo tròn bị bảy con bò gầy nhom ăn thịt, (và trẫm thấy) bảy bông lúa xanh tươi và bảy bông lúa khô héo. Này các khanh, hãy cho trẫm biết ý nghĩa về những điều mà trẫm thấy trong giấc mơ, nếu như các khanh là những người biết giải mã giấc mơ.”

وَقَالَ ٱلۡمَلِكُ إِنِّيٓ أَرَىٰ سَبۡعَ بَقَرَٰتٖ سِمَانٖ يَأۡكُلُهُنَّ
سَبۡعٌ عِجَافٞ وَسَبۡعَ سُنۢبُلَٰتٍ خُضۡرٖ وَأُخَرَ يَابِسَٰتٖۖ
يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَأُ أَفۡتُونِي فِي رُءۡيَٰيَ إِن كُنتُمۡ لِلرُّءۡيَا
تَعۡبُرُونَ ٤٣

44. Họ nói: “(Đó chỉ là) một sự hỗn độn của những giấc mơ (không đúng sự thật) và chúng thần không biết giải mã (cho những giấc mơ hỗn độn như vậy).”

قَالُوٓاْ أَضۡغَٰثُ أَحۡلَٰمٖۖ وَمَا نَحۡنُ بِتَأۡوِيلِ ٱلۡأَحۡلَٰمِ
بِعَٰلِمِينَ ٤٤

45. Một trong hai người bạn tù đã thoát được (án tử) sực nhớ đến (Yusuf) sau một thời gian dài quên lãng, y tâu (với nhà vua): “Thần sẽ cho bệ hạ biết ý nghĩa của giấc mơ, xin bệ hạ cho phép thần đi gặp (Yusuf).”

وَقَالَ ٱلَّذِي نَجَا مِنۡهُمَا وَٱدَّكَرَ بَعۡدَ أُمَّةٍ أَنَا۠ أُنَبِّئُكُم
بِتَأۡوِيلِهِۦ فَأَرۡسِلُونِ ٤٥

46. (Đến gặp Yusuf, y nói): “Hỡi người bạn chân thật, mong anh hãy giải thích cho tôi biết về (ý nghĩa của giấc mơ): bảy con bò béo tròn bị bảy con bò gầy nhom ăn thịt và bảy bông lúa xanh tươi cùng với bảy bông lúa khô héo. Có lẽ sau khi tôi trở về (kể lại) cho mọi người nghe, họ sẽ biết đến anh.”

يُوسُفُ أَيُّهَا ٱلصِّدِّيقُ أَفۡتِنَا فِي سَبۡعِ بَقَرَٰتٖ سِمَانٖ
يَأۡكُلُهُنَّ سَبۡعٌ عِجَافٞ وَسَبۡعِ سُنۢبُلَٰتٍ خُضۡرٖ
وَأُخَرَ يَابِسَٰتٖ لَّعَلِّيٓ أَرۡجِعُ إِلَى ٱلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ
يَعۡلَمُونَ ٤٦

47. (Yusuf) nói: “Các người hãy trồng liên tiếp trong bảy năm. Những gì thu hoạch được, các người hãy để nguyên nhánh bông mà dự trữ, chỉ trừ một ít để ăn.”

قَالَ تَزۡرَعُونَ سَبۡعَ سِنِينَ دَأَبٗا فَمَا حَصَدتُّمۡ فَذَرُوهُ
فِي سُنۢبُلِهِۦٓ إِلَّا قَلِيلٗا مِّمَّا تَأۡكُلُونَ ٤٧

48. “Sau đó, sẽ xảy ra bảy năm (hạn hán) liên tục, các người hãy ăn những gì mà các người đã dự trữ trước đây, ngoại trừ một ít các người sẽ phải cất giữ cẩn thận (để gieo trồng vào thời gian sau đó).”

ثُمَّ يَأۡتِي مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ سَبۡعٞ شِدَادٞ يَأۡكُلۡنَ مَا قَدَّمۡتُمۡ لَهُنَّ إِلَّا قَلِيلٗا مِّمَّا تُحۡصِنُونَ ٤٨

49. “Rồi sau đó, sẽ là một năm dân chúng được mưa và trong năm đó mọi người sẽ ép được nước trái cây (ô liu và nho).”

ثُمَّ يَأۡتِي مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ عَامٞ فِيهِ يُغَاثُ ٱلنَّاسُ وَفِيهِ يَعۡصِرُونَ ٤٩

50. Nhà vua nói: “Các thần hãy đưa người giải mã giấc mơ đến gặp trẫm.” Nhưng khi sứ giả đến, Yusuf nói: “Anh hãy về tâu lại với chủ nhân của anh, hỏi ngài ấy về việc các quí bà đã cắt tay họ (thì sẽ xử trí) thế nào? Quả thật, Thượng Đế của ta biết rõ âm mưu của các quí bà đó.”

وَقَالَ ٱلۡمَلِكُ ٱئۡتُونِي بِهِۦۖ فَلَمَّا جَآءَهُ ٱلرَّسُولُ قَالَ ٱرۡجِعۡ إِلَىٰ رَبِّكَ فَسۡـَٔلۡهُ مَا بَالُ ٱلنِّسۡوَةِ ٱلَّٰتِي قَطَّعۡنَ أَيۡدِيَهُنَّۚ إِنَّ رَبِّي بِكَيۡدِهِنَّ عَلِيمٞ ٥٠

51. Nhà vua phán: “Sự tình như thế nào về việc các quí bà đã tìm cách quyến rũ Yusuf?” Họ nói: “Allah là Đấng Hoàn Hảo! Chúng thần không hề biết bất cứ điều xấu nào về (Yusuf) cả. (Lúc này) vợ của vị đại quan thú tội, nói: “Giờ đây sự thật đã rõ ràng, chính thần là người đã tìm cách quyến rũ (Yusuf), còn (Yusuf) vốn dĩ là một người ngay thẳng và trung thực.”

قَالَ مَا خَطۡبُكُنَّ إِذۡ رَٰوَدتُّنَّ يُوسُفَ عَن نَّفۡسِهِۦۚ قُلۡنَ حَٰشَ لِلَّهِ مَا عَلِمۡنَا عَلَيۡهِ مِن سُوٓءٖۚ قَالَتِ ٱمۡرَأَتُ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡـَٰٔنَ حَصۡحَصَ ٱلۡحَقُّ أَنَا۠ رَٰوَدتُّهُۥ عَن نَّفۡسِهِۦ وَإِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٥١

52. “Đó là vì thần muốn để cho phu quân của thần biết rằng thần không phản bội ông ấy khi ông ấy vắng mặt. Tuy nhiên, Allah không hướng dẫn kế hoạch của những kẻ phản bội.”

ذَٰلِكَ لِيَعۡلَمَ أَنِّي لَمۡ أَخُنۡهُ بِٱلۡغَيۡبِ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي كَيۡدَ ٱلۡخَآئِنِينَ ٥٢

53. “Thần không cho mình vô tội. Quả thật, dục vọng (của con người) thôi thúc điều xấu ngoại trừ ai đó được Thượng Đế thương xót. Quả thật, Thượng Đế là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.”

۞وَمَآ أُبَرِّئُ نَفۡسِيٓۚ إِنَّ ٱلنَّفۡسَ لَأَمَّارَةُۢ بِٱلسُّوٓءِ إِلَّا مَا رَحِمَ رَبِّيٓۚ إِنَّ رَبِّي غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥٣

54. Nhà vua hạ lệnh cho các quần thần: “Các khanh hãy dẫn Yusuf đến gặp trẫm. Trẫm sẽ để Y làm việc riêng cho trẫm.” Sau khi nói chuyện với Yusuf, (nhà vua thấy được sự hiểu biết và trí tuệ của Y), nhà vua nói với Y: “Quả thật, từ ngày hôm nay, ngươi là người có địa vị cao và được tín nhiệm ở nơi ta.”

وَقَالَ ٱلۡمَلِكُ ٱئۡتُونِي بِهِۦٓ أَسۡتَخۡلِصۡهُ لِنَفۡسِيۖ فَلَمَّا كَلَّمَهُۥ قَالَ إِنَّكَ ٱلۡيَوۡمَ لَدَيۡنَا مَكِينٌ أَمِينٞ ٥٤

55. (Yusuf) nói: “Xin bệ hạ để hạ thần phụ trách cai quản kho lương thực của đất nước (Ai Cập), chắc chắn, thần sẽ là một người bảo quản hiểu biết (đáng tin).”

قَالَ ٱجۡعَلۡنِي عَلَىٰ خَزَآئِنِ ٱلۡأَرۡضِۖ إِنِّي حَفِيظٌ عَلِيمٞ ٥٥

56. Bằng cách này, TA (Allah) đã định cư Yusuf ở vùng đất đó (Ai Cập) để Y sống ở bất cứ nơi nào Y muốn. TA ban lòng thương xót của TA cho bất cứ ai TA muốn, và chắc chắn TA sẽ không để mất phần thưởng của những người làm tốt.

وَكَذَٰلِكَ مَكَّنَّا لِيُوسُفَ فِي ٱلۡأَرۡضِ يَتَبَوَّأُ مِنۡهَا حَيۡثُ يَشَآءُۚ نُصِيبُ بِرَحۡمَتِنَا مَن نَّشَآءُۖ وَلَا نُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٥٦

57. Và phần thưởng ở Đời Sau chắc chắn sẽ tốt hơn cho những người có đức tin và ngoan đạo.

وَلَأَجۡرُ ٱلۡأٓخِرَةِ خَيۡرٞ لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَكَانُواْ يَتَّقُونَ ٥٧

58. Các anh (cùng cha khác mẹ) của Yusuf đến (Ai Cập để tìm kiếm lương thực). Khi họ vào trình diện, Yusuf đã nhận ra họ nhưng họ không nhận ra Yusuf.

وَجَآءَ إِخۡوَةُ يُوسُفَ فَدَخَلُواْ عَلَيۡهِ فَعَرَفَهُمۡ وَهُمۡ لَهُۥ
مُنكِرُونَ ٥٨

59. Sau khi đã chuẩn bị xong phần lương thực cho họ, Yusuf nói (với họ): “Các người hãy dắt đứa em trai đang ở với cha của các người đến gặp ta. Các người không thấy rằng ta là người toàn quyền đong đo lương thực và là người hiếu khách sao?!”

وَلَمَّا جَهَّزَهُم بِجَهَازِهِمۡ قَالَ ٱئۡتُونِي بِأَخٖ لَّكُم مِّنۡ
أَبِيكُمۡۚ أَلَا تَرَوۡنَ أَنِّيٓ أُوفِي ٱلۡكَيۡلَ وَأَنَا۠ خَيۡرُ
ٱلۡمُنزِلِينَ ٥٩

60. “Nếu các người không đưa nó đến gặp ta thì các người sẽ không nhận được bất kỳ lượng thóc nào từ ta và cũng sẽ không được đến gần ta.”

فَإِن لَّمۡ تَأۡتُونِي بِهِۦ فَلَا كَيۡلَ لَكُمۡ عِندِي وَلَا
تَقۡرَبُونِ ٦٠

61. (Các anh của Yusuf) nói: “Chúng tôi sẽ cố gắng khuyên cha của nó (không giữ nó lại) và chúng tôi thực sự sẽ làm (điều đó).”

قَالُواْ سَنُرَٰوِدُ عَنۡهُ أَبَاهُ وَإِنَّا لَفَٰعِلُونَ ٦١

62. (Yusuf) nói với những người hầu của mình: “Các ngươi hãy bỏ hàng hóa (mà họ đã trao đổi) vào túi yên của họ. Có lẽ họ sẽ nhận ra nó (được trả lại cho họ) khi họ trở về với gia đình, hy vọng họ sẽ quay lại.”

وَقَالَ لِفِتۡيَٰنِهِ ٱجۡعَلُواْ بِضَٰعَتَهُمۡ فِي رِحَالِهِمۡ لَعَلَّهُمۡ
يَعۡرِفُونَهَآ إِذَا ٱنقَلَبُوٓاْ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِمۡ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٦٢

63. Sau khi trở về, (các anh của Yusuf) nói với cha của mình: “Thưa cha của chúng con, họ không cân thóc cho chúng con (trừ phi chúng con đưa em của chúng con theo cùng). Vì vậy, xin cha hãy để em đi cùng chúng con, có như vậy, chúng con mới nhận số thóc theo qui định. Chúng con chắc chắn sẽ bảo vệ em cẩn thận.”

فَلَمَّا رَجَعُوٓاْ إِلَىٰٓ أَبِيهِمۡ قَالُواْ يَٰٓأَبَانَا مُنِعَ مِنَّا ٱلۡكَيۡلُ
فَأَرۡسِلۡ مَعَنَآ أَخَانَا نَكۡتَلۡ وَإِنَّا لَهُۥ لَحَٰفِظُونَ ٦٣

64. (Ya’qub) nói: “Chẳng lẽ ta lại tin các con giống như ta đã từng tin các con về đứa em (Yusuf) của các con trước đây ư?! (Ta sẽ không giao em cho các con lần nữa) bởi chỉ có Allah mới là Đấng Bảo Vệ tốt nhất và Ngài là Đấng Nhân Từ nhất.”

قَالَ هَلۡ ءَامَنُكُمۡ عَلَيۡهِ إِلَّا كَمَآ أَمِنتُكُمۡ عَلَىٰٓ
أَخِيهِ مِن قَبۡلُ فَٱللَّهُ خَيۡرٌ حَٰفِظٗاۖ وَهُوَ أَرۡحَمُ
ٱلرَّٰحِمِينَ ٦٤

65. Và khi họ mở hành lý ra thì thấy hàng hóa (đổi thóc) của họ được trả lại cho họ. Họ nói với cha của mình: “Cha ơi, chúng ta còn mong gì nữa? (Cha hãy nhìn xem), ngay cả hàng hóa (đổi thóc) của chúng con cũng đã được trả lại cho chúng con. (Vì vậy), chúng con cần đi ngay bây giờ để mang thóc về cho gia đình. Chúng con sẽ bảo vệ em cẩn thận và chúng con sẽ dẫn thêm một con lạc đà khác nữa để việc vận chuyển thóc được dễ dàng.”

وَلَمَّا فَتَحُواْ مَتَٰعَهُمۡ وَجَدُواْ بِضَٰعَتَهُمۡ رُدَّتۡ إِلَيۡهِمۡۖ
قَالُواْ يَٰٓأَبَانَا مَا نَبۡغِيۖ هَٰذِهِۦ بِضَٰعَتُنَا رُدَّتۡ إِلَيۡنَاۖ
وَنَمِيرُ أَهۡلَنَا وَنَحۡفَظُ أَخَانَا وَنَزۡدَادُ كَيۡلَ بَعِيرٖۖ ذَٰلِكَ
كَيۡلٞ يَسِيرٞ ٦٥

66. (Ya'qub) nói: "Ta sẽ không để em đi cùng các con cho đến khi nào các con cho ta một lời thề long trọng nhân danh Allah rằng các con sẽ đưa em trở về bình an, trừ (trường hợp) các con bị bao vây (trước những gì mà Allah đã an bài)." Rồi sau khi chúng đã thề, (Ya'qub) nói: "Allah chứng giám những gì chúng ta đã nói."

قَالَ لَنۡ أُرۡسِلَهُۥ مَعَكُمۡ حَتَّىٰ تُؤۡتُونِ مَوۡثِقٗا مِّنَ ٱللَّهِ لَتَأۡتُنَّنِي بِهِۦٓ إِلَّآ أَن يُحَاطَ بِكُمۡۖ فَلَمَّآ ءَاتَوۡهُ مَوۡثِقَهُمۡ قَالَ ٱللَّهُ عَلَىٰ مَا نَقُولُ وَكِيلٞ ٦٦

67. (Ya'qub) căn dặn: "Này các con, các con đừng vào thành chung một cổng mà hãy vào thành từ nhiều cổng khác nhau. Cha không thể giúp gì được cho các con chống lại (lệnh) của Allah (khi Ngài đã an bài cho các con). Quả thật, quyền định đoạt thuộc về một mình Allah. Cha xin phó thác cho Ngài. Và những ai phó thác cho Ngài hãy phó thác cho Ngài!"

وَقَالَ يَٰبَنِيَّ لَا تَدۡخُلُواْ مِنۢ بَابٖ وَٰحِدٖ وَٱدۡخُلُواْ مِنۡ أَبۡوَٰبٖ مُّتَفَرِّقَةٖۖ وَمَآ أُغۡنِي عَنكُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن شَيۡءٍۖ إِنِ ٱلۡحُكۡمُ إِلَّا لِلَّهِۖ عَلَيۡهِ تَوَكَّلۡتُۖ وَعَلَيۡهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُتَوَكِّلُونَ ٦٧

68. Rồi họ vào thành đúng theo những gì cha của họ đã căn dặn, và lời dặn dò đó đã không giúp gì được cho họ trước (sự an bài của) Allah. Thật ra, (lời căn dặn) chỉ thể hiện một sự bất an trong lòng của Ya'qub mà Y muốn loại bỏ. Ya'qub thực sự là người có kiến thức về những gì TA (Allah) đã dạy Y, nhưng hầu hết nhân loại không biết.

وَلَمَّا دَخَلُواْ مِنۡ حَيۡثُ أَمَرَهُمۡ أَبُوهُم مَّا كَانَ يُغۡنِي عَنۡهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن شَيۡءٍ إِلَّا حَاجَةٗ فِي نَفۡسِ يَعۡقُوبَ قَضَىٰهَاۚ وَإِنَّهُۥ لَذُو عِلۡمٖ لِّمَا عَلَّمۡنَٰهُ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٦٨

69. Khi họ vào trình diện, Yusuf tiếp riêng đứa em ruột của mình, nói: "Quả thật, Ta chính là anh ruột của em. Vì vậy, em chớ đừng buồn về những gì mà (các anh của chúng ta) đã làm trước đây."

وَلَمَّا دَخَلُواْ عَلَىٰ يُوسُفَ ءَاوَىٰٓ إِلَيۡهِ أَخَاهُۖ قَالَ إِنِّيٓ أَنَا۠ أَخُوكَ فَلَا تَبۡتَئِسۡ بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٦٩

70. Sau khi đã chuẩn bị đủ lượng thóc (như đã hứa) cho họ, (Yusuf) bỏ dụng cụ lường thóc (bằng vàng) vào túi hành lý của đứa em ruột, rồi cho một người hô hoán: "Hỡi đoàn lữ khách, các người thực sự là những tên trộm."

فَلَمَّا جَهَّزَهُم بِجَهَازِهِمۡ جَعَلَ ٱلسِّقَايَةَ فِي رَحۡلِ أَخِيهِ ثُمَّ أَذَّنَ مُؤَذِّنٌ أَيَّتُهَا ٱلۡعِيرُ إِنَّكُمۡ لَسَٰرِقُونَ ٧٠

71. (Các anh của Yusuf) quay lại, hỏi: "Quí ngài đã mất gì?"

قَالُواْ وَأَقۡبَلُواْ عَلَيۡهِم مَّاذَا تَفۡقِدُونَ ٧١

72. (Những người hô hoán) nói: "Chúng tôi mất một cái lường thóc của nhà vua." (Và người đứng đầu của họ nói thêm): "Ai mang nó trả lại thì sẽ được thưởng số thóc bằng sức chở của một con lạc đà, ta đảm bảo điều đó."

قَالُواْ نَفۡقِدُ صُوَاعَ ٱلۡمَلِكِ وَلِمَن جَآءَ بِهِۦ حِمۡلُ بَعِيرٖ وَأَنَا۠ بِهِۦ زَعِيمٞ ٧٢

73. (Các anh của Yusuf) nói: "Thề bởi Allah, quả thật, các ngài đều biết rằng chúng tôi không đến để hành động đồi bại ở vùng đất này, và chúng tôi không phải là những kẻ trộm."

قَالُواْ تَٱللَّهِ لَقَدۡ عَلِمۡتُم مَّا جِئۡنَا لِنُفۡسِدَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا كُنَّا سَٰرِقِينَ ٧٣

74. (Những người hô hoán) nói: "Vậy hình phạt sẽ là gì nếu các ngươi là những kẻ nói dối?"

قَالُواْ فَمَا جَزَٰٓؤُهُۥٓ إِن كُنتُمۡ كَٰذِبِينَ ٧٤

75. (Các anh của Yusuf) nói: “Hình phạt dành cho kẻ mà (vật bị mất trộm) được tìm thấy trong hành lý của y là bỏ tù y. Đó là hình phạt mà chúng tôi dùng để trừng phạt đối với những kẻ làm điều sai trái.”

قَالُواْ جَزَٰٓؤُهُۥ مَن وُجِدَ فِي رَحۡلِهِۦ فَهُوَ جَزَٰٓؤُهُۥۚ
كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلظَّٰلِمِينَ ٧٥

76. Vậy là (Yusuf) bắt đầu lục xét túi của họ trước khi lục xét chiếc túi của đứa em ruột. Rồi Y lấy nó (cái lường thóc) ra từ chiếc túi của đứa em. TA đã lập kế hoạch cho Yusuf (để Y giữ lại đứa em) đúng như thế, bởi vì Y không thể giữ lại nó theo luật của nhà vua (Ai Cập: hình phạt cho tội trộm cắp là bị đánh và phạt tiền) ngoại trừ Allah muốn khác đi. TA muốn nâng cao địa vị cho ai là tùy ý TA, và (TA là) Đấng Hiểu Biết vượt bên trên tất cả những ai được ban cho kiến thức.

فَبَدَأَ بِأَوۡعِيَتِهِمۡ قَبۡلَ وِعَآءِ أَخِيهِ ثُمَّ ٱسۡتَخۡرَجَهَا مِن
وِعَآءِ أَخِيهِۚ كَذَٰلِكَ كِدۡنَا لِيُوسُفَۖ مَا كَانَ لِيَأۡخُذَ
أَخَاهُ فِي دِينِ ٱلۡمَلِكِ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُۚ نَرۡفَعُ
دَرَجَٰتٖ مَّن نَّشَآءُۗ وَفَوۡقَ كُلِّ ذِي عِلۡمٍ عَلِيمٞ ٧٦

77. (Các anh của Yusuf) nói: “Nếu nó trộm thì (chẳng có gì phải ngạc nhiên), bởi vì quả thật anh của nó trước đây cũng đã trộm (như vậy).” Yusuf giữ nguyên phản ứng của mình và không tiết lộ sự thật cho họ, Y chỉ nói với chính mình: “Các ngươi còn xấu xa hơn thế, và Allah biết rõ nhất (sự thật) về những điều mà các ngươi cáo buộc.”

۞قَالُوٓاْ إِن يَسۡرِقۡ فَقَدۡ سَرَقَ أَخٞ لَّهُۥ مِن قَبۡلُۚ
فَأَسَرَّهَا يُوسُفُ فِي نَفۡسِهِۦ وَلَمۡ يُبۡدِهَا لَهُمۡۚ قَالَ أَنتُمۡ
شَرّٞ مَّكَانٗاۖ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا تَصِفُونَ ٧٧

78. (Các anh của Yusuf) nói: “Bẩm đại quan, thú thật nó còn có người cha già (đang mong ngóng). Vì vậy, xin đại quan hãy bắt giữ một người trong chúng tôi thay thế nó. Quả thật, chúng tôi thấy đại quan là một người đức hạnh, tốt bụng.”

قَالُواْ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡعَزِيزُ إِنَّ لَهُۥٓ أَبٗا شَيۡخٗا كَبِيرٗا فَخُذۡ
أَحَدَنَا مَكَانَهُۥٓۖ إِنَّا نَرَىٰكَ مِنَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٧٨

79. (Yusuf) nói: “Cầu xin Allah che chở khỏi (việc bắt oan người). Chúng tôi chỉ bắt giữ người mà chúng tôi tìm thấy đồ của chúng tôi ở nơi y, nếu không chúng tôi thực sự là những kẻ làm điều sai quấy.”

قَالَ مَعَاذَ ٱللَّهِ أَن نَّأۡخُذَ إِلَّا مَن وَجَدۡنَا مَتَٰعَنَا
عِندَهُۥٓ إِنَّآ إِذٗا لَّظَٰلِمُونَ ٧٩

80. Sau khi hết hi vọng với (Yusuf), họ đến một góc và bàn riêng với nhau. Người anh cả nói: “Chắc các em vẫn còn nhớ cha của các em đã nhận lấy lời thề của các em trước Allah (rằng phải đưa em trở về bình an), và hơn nữa trước đây các em đã không làm tròn trách nhiệm với Yusuf? Vì vậy, anh sẽ không rời khỏi vùng đất (Ai Cập) này cho đến khi cha cho phép anh về hoặc Allah sẽ phân xử chuyện này giúp anh (có thể mang nó về), bởi Ngài là Đấng phân xử ưu việt.”

فَلَمَّا ٱسۡتَيۡـَٔسُواْ مِنۡهُ خَلَصُواْ نَجِيّٗاۖ قَالَ كَبِيرُهُمۡ أَلَمۡ
تَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ أَبَاكُمۡ قَدۡ أَخَذَ عَلَيۡكُم مَّوۡثِقٗا مِّنَ
ٱللَّهِ وَمِن قَبۡلُ مَا فَرَّطتُمۡ فِي يُوسُفَۖ فَلَنۡ أَبۡرَحَ
ٱلۡأَرۡضَ حَتَّىٰ يَأۡذَنَ لِيٓ أَبِيٓ أَوۡ يَحۡكُمَ ٱللَّهُ لِيۖ وَهُوَ
خَيۡرُ ٱلۡحَٰكِمِينَ ٨٠

81. “Các em hãy trở về gặp cha và nói: “Thưa cha của chúng con, con trai của cha thực sự đã phạm tội trộm cắp (và đã bị bắt giữ lại). Chúng con không khẳng định như thế cho đến khi chúng con đã biết rõ (việc nó bị bắt quả tang) và chúng con không có khả năng giám sát những điều vô hình.”

ٱرۡجِعُوٓاْ إِلَىٰٓ أَبِيكُمۡ فَقُولُواْ يَٰٓأَبَانَآ إِنَّ ٱبۡنَكَ سَرَقَ
وَمَا شَهِدۡنَآ إِلَّا بِمَا عَلِمۡنَا وَمَا كُنَّا لِلۡغَيۡبِ
حَٰفِظِينَ ٨١

82. "(Để xác minh sự thật), cha có thể hỏi người dân nơi chúng con đã tá túc, cha cũng có thể hỏi đoàn lữ hành cùng trở về với chúng con. Chúng con hoàn toàn trung thực."

وَسۡـَٔلِ ٱلۡقَرۡيَةَ ٱلَّتِي كُنَّا فِيهَا وَٱلۡعِيرَ ٱلَّتِيٓ أَقۡبَلۡنَا فِيهَاۖ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ٨٢

83. (Ya'qub) nói: "Không đúng như vậy, linh hồn của các ngươi đã bày chuyện cho các ngươi. Giờ ta chỉ còn biết kiên nhẫn và chịu đựng, mong Allah sẽ mang tất cả chúng nó về cho ta, bởi Ngài là Đấng Hiểu Biết, Đấng Sáng Suốt."

قَالَ بَلۡ سَوَّلَتۡ لَكُمۡ أَنفُسُكُمۡ أَمۡرٗاۖ فَصَبۡرٞ جَمِيلٌۖ عَسَى ٱللَّهُ أَن يَأۡتِيَنِي بِهِمۡ جَمِيعًاۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡحَكِيمُ ٨٣

84. Rồi (Ya'qub) quay lưng về phía họ và nói: "Thật tội cho Yusuf!" Đôi mắt của Y đã biến thành màu trắng đục (do đã khóc quá nhiều) vì đau buồn, và Y đã cố kìm nén nỗi đau.

وَتَوَلَّىٰ عَنۡهُمۡ وَقَالَ يَٰٓأَسَفَىٰ عَلَىٰ يُوسُفَ وَٱبۡيَضَّتۡ عَيۡنَاهُ مِنَ ٱلۡحُزۡنِ فَهُوَ كَظِيمٞ ٨٤

85. (Các con) khuyên (Ya'qub): "Xin thề với Allah, việc cha đau buồn vì nhớ nhung Yusuf thế này sẽ khiến cha ngã bệnh hoặc sẽ chết sớm."

قَالُواْ تَٱللَّهِ تَفۡتَؤُاْ تَذۡكُرُ يُوسُفَ حَتَّىٰ تَكُونَ حَرَضًا أَوۡ تَكُونَ مِنَ ٱلۡهَٰلِكِينَ ٨٥

86. (Ya'qub) nói: "Cha chỉ than thở về nỗi u sầu và buồn phiền của mình với Allah, và cha biết được ở nơi Allah những điều mà các con không biết."

قَالَ إِنَّمَآ أَشۡكُواْ بَثِّي وَحُزۡنِيٓ إِلَى ٱللَّهِ وَأَعۡلَمُ مِنَ ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٨٦

87. "Này các con của cha, hãy đi dò la tin tức của Yusuf và em trai của nó. Các con chớ đừng tuyệt vọng về lòng nhân từ của Allah, bởi lẽ, không ai tuyệt vọng về lòng nhân từ của Allah ngoại trừ đám người vô đức tin."

يَٰبَنِيَّ ٱذۡهَبُواْ فَتَحَسَّسُواْ مِن يُوسُفَ وَأَخِيهِ وَلَا تَاْيۡـَٔسُواْ مِن رَّوۡحِ ٱللَّهِۖ إِنَّهُۥ لَا يَاْيۡـَٔسُ مِن رَّوۡحِ ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡقَوۡمُ ٱلۡكَٰفِرُونَ ٨٧

88. Khi (các anh của Yusuf) đi vào trình diện Y, họ nói: "Bẩm đại quan, gia đình của chúng tôi gặp phải khó khăn và thiếu thốn, chúng tôi chỉ mang theo một ít hàng hóa không mấy giá trị, mong được đại quan đong thóc cho và xin hãy bố thí thêm cho chúng tôi. Quả thật, Allah luôn ban thưởng cho người hành thiện."

فَلَمَّا دَخَلُواْ عَلَيۡهِ قَالُواْ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡعَزِيزُ مَسَّنَا وَأَهۡلَنَا ٱلضُّرُّ وَجِئۡنَا بِبِضَٰعَةٖ مُّزۡجَىٰةٖ فَأَوۡفِ لَنَا ٱلۡكَيۡلَ وَتَصَدَّقۡ عَلَيۡنَآۖ إِنَّ ٱللَّهَ يَجۡزِي ٱلۡمُتَصَدِّقِينَ ٨٨

89. (Yusuf) nói: "Các ngươi còn nhớ mình đã từng làm gì với Yusuf và người em của nó trong lúc các ngươi nông nổi không?"

قَالَ هَلۡ عَلِمۡتُم مَّا فَعَلۡتُم بِيُوسُفَ وَأَخِيهِ إِذۡ أَنتُمۡ جَٰهِلُونَ ٨٩

90. (Tất cả ngạc nhiên) hỏi: "Lẽ nào đại quan đây chính là Yusuf?" (Yusuf) đáp: "Đúng, em đây là Yusuf và đây (Binyamin) em của em. Quả thật, Allah đã đối xử rất tốt với chúng em, bởi lẽ, đối với ai có lòng kính sợ và kiên nhẫn thì chắc chắn Allah không bao giờ làm mất công đức của những người làm tốt."

قَالُوٓاْ أَءِنَّكَ لَأَنتَ يُوسُفُۖ قَالَ أَنَا۠ يُوسُفُ وَهَٰذَآ أَخِيۖ قَدۡ مَنَّ ٱللَّهُ عَلَيۡنَآۖ إِنَّهُۥ مَن يَتَّقِ وَيَصۡبِرۡ فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٩٠

91. (Các anh của Yusuf) nói: “Xin thề với Allah, chắc chắn em đã được Allah đối đãi tốt hơn các anh, quả thật, trước đây các anh là những người sai trái.”

قَالُواْ تَٱللَّهِ لَقَدۡ ءَاثَرَكَ ٱللَّهُ عَلَيۡنَا وَإِن كُنَّا
لَخَٰطِـِٔينَ ٩١

92. (Yusuf) nói: “Hôm nay, chẳng còn gì để trách móc các anh nữa, Allah sẽ tha thứ tội lỗi cho các anh, bởi Ngài là Đấng Khoan Dung nhất.”

قَالَ لَا تَثۡرِيبَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡيَوۡمَۖ يَغۡفِرُ ٱللَّهُ لَكُمۡۖ
وَهُوَ أَرۡحَمُ ٱلرَّٰحِمِينَ ٩٢

93. “Các anh hãy lấy chiếc áo này của em mang về ném vào mặt của cha, rồi mắt của cha sẽ nhìn thấy trở lại. Sau đó, các anh hãy đưa hết gia đình của các anh đến đây với em.”

ٱذۡهَبُواْ بِقَمِيصِي هَٰذَا فَأَلۡقُوهُ عَلَىٰ وَجۡهِ أَبِي يَأۡتِ
بَصِيرٗا وَأۡتُونِي بِأَهۡلِكُمۡ أَجۡمَعِينَ ٩٣

94. Khi đoàn lữ hành vừa rời (Ai Cập) thì (Ya’qub) cha của họ liền bảo: “Cha thực sự đã ngửi thấy mùi hương của Yusuf. Các con đừng bảo cha lú lẫn.”

وَلَمَّا فَصَلَتِ ٱلۡعِيرُ قَالَ أَبُوهُمۡ إِنِّي لَأَجِدُ رِيحَ
يُوسُفَۖ لَوۡلَآ أَن تُفَنِّدُونِ ٩٤

95. (Các con) nói với (Ya’qub): “Xin thề với Allah, chắc chắn cha vẫn bị chuyện trước đây ám ảnh.”

قَالُواْ تَٱللَّهِ إِنَّكَ لَفِي ضَلَٰلِكَ ٱلۡقَدِيمِ ٩٥

96. Khi mà người báo tin mừng đến rồi ném chiếc áo của (Yusuf) vào mặt của (Ya’qub), cặp mắt của Y liền nhìn thấy trở lại. (Lúc đó, Ya’qub) liền nói (với các con của mình): “Chẳng phải cha đã nói với các con rằng cha thực sự biết ở nơi Allah những gì các con không biết đó sao?”

فَلَمَّآ أَن جَآءَ ٱلۡبَشِيرُ أَلۡقَىٰهُ عَلَىٰ وَجۡهِهِۦ فَٱرۡتَدَّ
بَصِيرٗاۖ قَالَ أَلَمۡ أَقُل لَّكُمۡ إِنِّيٓ أَعۡلَمُ مِنَ ٱللَّهِ مَا لَا
تَعۡلَمُونَ ٩٦

97. (Các con của Ya’qub) nói: “Thưa Cha của chúng con, xin cha hãy cầu xin (Allah) tha thứ tội lỗi cho chúng con. Quả thật, chúng con là những kẻ sai trái.”

قَالُواْ يَٰٓأَبَانَا ٱسۡتَغۡفِرۡ لَنَا ذُنُوبَنَآ إِنَّا كُنَّا خَٰطِـِٔينَ ٩٧

98. (Ya’qub) nói: “Cha sẽ cầu xin Thượng Đế của cha tha thứ cho các con, bởi quả thật, Ngài là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.”

قَالَ سَوۡفَ أَسۡتَغۡفِرُ لَكُمۡ رَبِّيٓۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡغَفُورُ
ٱلرَّحِيمُ ٩٨

99. (Sau đó, Ya’qub và cả gia đình đến Ai Cập với Yusuf). Khi họ vào trình diện Yusuf, Y liền ôm chầm lấy cha mẹ của mình và nói với (các anh và gia đình của họ): “Hãy vào Ai Cập bình an, Insha Allah (nếu Allah muốn).”

فَلَمَّا دَخَلُواْ عَلَىٰ يُوسُفَ ءَاوَىٰٓ إِلَيۡهِ أَبَوَيۡهِ وَقَالَ
ٱدۡخُلُواْ مِصۡرَ إِن شَآءَ ٱللَّهُ ءَامِنِينَ ٩٩

100. Rồi (Yusuf) mời cha mẹ lên ngồi trên vương vị của mình và tất cả đồng quỳ xuống trước Y. (Yusuf) nói: "Thưa cha của con. Đây chính là ý nghĩa của giấc mộng mà con đã nhìn thấy trước đây, Thượng Đế của con đã biến nó thành hiện thực. Ngài đã đối xử tốt với con khi đưa con ra khỏi tù giam cũng như đưa cha và cả gia đình từ vùng quê (Palestine) đến (Ai Cập này) đoàn tụ với con, sau khi chúng con đã bị Shaytan gây ra (sự hận thù) giữa con và các anh. Quả thật, Thượng Đế của con rất tinh tế với mọi điều Ngài muốn, quả thật Ngài là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt."

وَرَفَعَ أَبَوَيۡهِ عَلَى ٱلۡعَرۡشِ وَخَرُّواْ لَهُۥ سُجَّدٗاۖ وَقَالَ
يَٰٓأَبَتِ هَٰذَا تَأۡوِيلُ رُءۡيَٰيَ مِن قَبۡلُ قَدۡ جَعَلَهَا رَبِّي
حَقّٗاۖ وَقَدۡ أَحۡسَنَ بِيٓ إِذۡ أَخۡرَجَنِي مِنَ ٱلسِّجۡنِ وَجَآءَ
بِكُم مِّنَ ٱلۡبَدۡوِ مِنۢ بَعۡدِ أَن نَّزَغَ ٱلشَّيۡطَٰنُ بَيۡنِي
وَبَيۡنَ إِخۡوَتِيٓۚ إِنَّ رَبِّي لَطِيفٞ لِّمَا يَشَآءُۚ إِنَّهُۥ هُوَ
ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡحَكِيمُ ١٠٠

101. "Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật, Ngài đã ban cho bề tôi vương quyền và đã dạy cho bề tôi cách giải mộng. Lạy Đấng đã tạo ra các tầng trời và trái đất, Đấng Bảo Hộ cho bề tôi ở trần gian này và cả ở Đời Sau, xin Ngài ban cho bề tôi được chết là một người Muslim và xin Ngài thu nhận bề tôi vào cùng với nhóm người đức hạnh của Ngài."

۞رَبِّ قَدۡ ءَاتَيۡتَنِي مِنَ ٱلۡمُلۡكِ وَعَلَّمۡتَنِي مِن تَأۡوِيلِ
ٱلۡأَحَادِيثِۚ فَاطِرَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ أَنتَ وَلِيِّۦ فِي
ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۖ تَوَفَّنِي مُسۡلِمٗا وَأَلۡحِقۡنِي
بِٱلصَّٰلِحِينَ ١٠١

102. Đó (câu chuyện về Yusuf) là nguồn tin vô hình mà TA đã mặc khải cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad). Ngươi không có mặt lúc họ (các anh của Yusuf) tập trung lại bàn bạc kế hoạch (hãm hại Yusuf).

ذَٰلِكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ ٱلۡغَيۡبِ نُوحِيهِ إِلَيۡكَۖ وَمَا كُنتَ
لَدَيۡهِمۡ إِذۡ أَجۡمَعُوٓاْ أَمۡرَهُمۡ وَهُمۡ يَمۡكُرُونَ ١٠٢

103. Đa số nhân loại sẽ không có đức tin cho dù Ngươi đã cố gắng (tìm cách cho họ tin tưởng).

وَمَآ أَكۡثَرُ ٱلنَّاسِ وَلَوۡ حَرَصۡتَ بِمُؤۡمِنِينَ ١٠٣

104. Ngươi không đòi hỏi họ tiền thù lao (cho việc truyền đạt Qur'an). Và (Qur'an) chỉ là lời nhắc nhở cho toàn nhân loại.

وَمَا تَسۡـَٔلُهُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۚ إِنۡ هُوَ إِلَّا ذِكۡرٞ
لِّلۡعَٰلَمِينَ ١٠٤

105. (Quả thật), có biết bao dấu hiệu trong các tầng trời và trái đất mà họ lướt qua trong khi họ quay đi.

وَكَأَيِّن مِّنۡ ءَايَةٖ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ يَمُرُّونَ
عَلَيۡهَا وَهُمۡ عَنۡهَا مُعۡرِضُونَ ١٠٥

106. Đa số họ đã không có đức tin nơi Allah mà chỉ toàn là những kẻ đa thần.

وَمَا يُؤۡمِنُ أَكۡثَرُهُم بِٱللَّهِ إِلَّا وَهُم مُّشۡرِكُونَ ١٠٦

107. Lẽ nào họ lại cảm thấy an tâm khi hình phạt của Allah bao trùm lấy họ (ở cuộc sống trần gian này) hoặc giờ khắc tận thế bất ngờ xảy đến trong lúc họ hoàn toàn không hay biết?

أَفَأَمِنُوٓاْ أَن تَأۡتِيَهُمۡ غَٰشِيَةٞ مِّنۡ عَذَابِ ٱللَّهِ أَوۡ
تَأۡتِيَهُمُ ٱلسَّاعَةُ بَغۡتَةٗ وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ١٠٧

108. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Đây là đường lối mà ta mời gọi mọi người đến với Allah dựa trên kiến thức rõ ràng và cũng là đường lối của những ai noi theo ta. Vinh quang và tối cao thay Allah, ta không phải là kẻ đa thần."

قُلۡ هَٰذِهِۦ سَبِيلِيٓ أَدۡعُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِۚ عَلَىٰ بَصِيرَةٍ أَنَا۠
وَمَنِ ٱتَّبَعَنِيۖ وَسُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ وَمَآ أَنَا۠ مِنَ
ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٠٨

109. Tất cả Thiên Sứ mà TA (Allah) đã cử phái trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) cũng đều là những người đàn ông (phàm tục giống như Ngươi) được TA mặc khải cho họ, họ cũng xuất thân từ dân chúng của các thị trấn. Sao (những kẻ phủ nhận sứ mạng của Ngươi) không chịu đi khắp nơi trên trái đất để xem những kẻ trước chúng đã phải chịu hậu quả thế nào? (Quả thật,) cuộc sống ở Đời Sau tốt đẹp hơn cho những ai có lòng kính sợ, lẽ nào các ngươi vẫn không hiểu ư?!

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ إِلَّا رِجَالٗا نُّوحِيٓ إِلَيۡهِم مِّنۡ
أَهۡلِ ٱلۡقُرَىٰٓۗ أَفَلَمۡ يَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرُواْ كَيۡفَ
كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۗ وَلَدَارُ ٱلۡأٓخِرَةِ خَيۡرٞ
لِّلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ١٠٩

110. (Lời cảnh báo trừng phạt của các Sứ Giả dành cho những kẻ chống đối đã được Allah tạm hoãn) đến nỗi các Sứ Giả cũng bị rơi vào tuyệt vọng, còn những kẻ chống đối luôn tưởng rằng các Sứ Giả chỉ nói dối, thì lúc đó sự giúp đỡ của TA đã đến với Họ. TA đã giải cứu (các Sứ Giả và) những ai TA muốn và (không thế lực nào) cản ngăn được lệnh trừng phạt của TA đối với đám người tội lỗi.

حَتَّىٰٓ إِذَا ٱسۡتَيۡـَٔسَ ٱلرُّسُلُ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُمۡ قَدۡ كُذِبُواْ
جَآءَهُمۡ نَصۡرُنَا فَنُجِّيَ مَن نَّشَآءُۖ وَلَا يُرَدُّ بَأۡسُنَا عَنِ
ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ١١٠

111. Quả thât, trong các câu chuyện của (Yusuf và các Sứ Giả khác) là những bài học cho những người thông hiểu. (Qur'an) không phải là lời bịa đặt mà là một sự xác nhận lại những điều đã xảy ra trước Nó và là một sự trình bày chi tiết (về các giới luật và giáo điều), là một chỉ đạo và hồng ân cho những người có đức tin.

لَقَدۡ كَانَ فِي قَصَصِهِمۡ عِبۡرَةٞ لِّأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِۗ مَا كَانَ
حَدِيثٗا يُفۡتَرَىٰ وَلَٰكِن تَصۡدِيقَ ٱلَّذِي بَيۡنَ يَدَيۡهِ
وَتَفۡصِيلَ كُلِّ شَيۡءٖ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٗ لِّقَوۡمٖ
يُؤۡمِنُونَ ١١١

Ar-R'ad (Sấm Sét) الرعد

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. Mim. Ra. Đó là những câu Kinh của Kinh Sách (Qur'an). Và những gì đã được ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) từ Thượng Đế của Ngươi là chân lý nhưng hầu hết nhân loại lại không tin.

الٓمٓرۚ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِۗ وَٱلَّذِيٓ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن
رَّبِّكَ ٱلۡحَقُّ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يُؤۡمِنُونَ ١

2. Allah là Đấng đã dựng lên các tầng trời không cần trụ chống mà các ngươi (có thể) nhìn thấy. Sau đó, Ngài đưa chính mình lên ngôi an vị trên chiếc Ngai Vương. Ngài chế ngự mặt trời và mặt trăng, mỗi cái chạy (theo quỹ đạo riêng của nó) trong thời hạn được qui định cho chúng. Ngài điều hành mọi hoạt động của vạn vật (trên trời và dưới đất). Ngài trình bày chi tiết các dấu hiệu mong rằng các ngươi có niềm tin tuyệt đối về cuộc gặp gỡ với Thượng Đế của các ngươi (ở Đời Sau).

ٱللَّهُ ٱلَّذِي رَفَعَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ بِغَيۡرِ عَمَدٖ تَرَوۡنَهَاۖ ثُمَّ
ٱسۡتَوَىٰ عَلَى ٱلۡعَرۡشِۖ وَسَخَّرَ ٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَۖ كُلّٞ
يَجۡرِي لِأَجَلٖ مُّسَمّٗىۚ يُدَبِّرُ ٱلۡأَمۡرَ يُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ
لَعَلَّكُم بِلِقَآءِ رَبِّكُمۡ تُوقِنُونَ ٢

3. Và Ngài là Đấng đã trải rộng mặt đất và đặt lên nó những quả núi vững chắc và sông ngòi; và từ mỗi loại trái quả Ngài tạo ra từng cặp, đực và cái; và chính Ngài là Đấng lấy ban đêm bao phủ ban ngày. Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu dành cho nhóm người biết suy ngẫm.

وَهُوَ ٱلَّذِي مَدَّ ٱلۡأَرۡضَ وَجَعَلَ فِيهَا رَوَٰسِيَ وَأَنۡهَٰرٗاۖ
وَمِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ جَعَلَ فِيهَا زَوۡجَيۡنِ ٱثۡنَيۡنِۖ يُغۡشِي
ٱلَّيۡلَ ٱلنَّهَارَۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ٣

4. Trên trái đất có những vùng đất nối liền nhau. Trên đó, có những vườn nho, những cánh đồng, và có cây chà là: một số mọc thành cụm từ một gốc, một số mọc đơn lẻ. Chúng được tưới từ cùng một loại nước, nhưng TA làm cho một số loại trái quả này vượt trội hơn một số loại trái quả khác về hương vị và chất lượng. Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu dành cho nhóm người thông hiểu.

وَفِي ٱلۡأَرۡضِ قِطَعٞ مُّتَجَٰوِرَٰتٞ وَجَنَّٰتٞ مِّنۡ أَعۡنَٰبٖ
وَزَرۡعٞ وَنَخِيلٞ صِنۡوَانٞ وَغَيۡرُ صِنۡوَانٖ يُسۡقَىٰ بِمَآءٖ
وَٰحِدٖ وَنُفَضِّلُ بَعۡضَهَا عَلَىٰ بَعۡضٖ فِي ٱلۡأُكُلِۚ إِنَّ فِي
ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ٤

5. (Này Muhammad!) Nếu Ngươi ngạc nhiên (về điều gì đó) thì lời của (những kẻ phủ nhận sự Phục Sinh) đáng để Ngươi ngạc nhiên hơn khi chúng nói: "Lẽ nào khi bọn ta đã biến thành cát bụi, bọn ta sẽ được dựng sống trở lại trong một sự tạo hóa mới?" Đó là những kẻ đã phủ nhận Thượng Đế của chúng. Chúng sẽ bị gông cùm trên cổ. Chúng là những kẻ đồng hành của Hỏa Ngục, chúng sẽ ở trong đó mãi mãi.

۞وَإِن تَعۡجَبۡ فَعَجَبٞ قَوۡلُهُمۡ أَءِذَا كُنَّا تُرَٰبًا أَءِنَّا
لَفِي خَلۡقٖ جَدِيدٍۗ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِرَبِّهِمۡۖ
وَأُوْلَٰٓئِكَ ٱلۡأَغۡلَٰلُ فِيٓ أَعۡنَاقِهِمۡۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ
ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٥

6. Chúng nôn nóng hối thúc Ngươi mang tai hoạ đến với chúng trước khi (bọn chúng tận hưởng hết) điều tốt (mà Allah đã an bài cho chúng), mặc dù những kẻ theo đường lối tương tự trước chúng đã gặp phải những hình phạt (từ Allah). Quả thật, Thượng Đế của Ngươi hằng tha thứ cho con người bất chấp hành đồng sai trái của họ, tuy nhiên, Thượng Đế của Ngươi rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

وَيَسۡتَعۡجِلُونَكَ بِٱلسَّيِّئَةِ قَبۡلَ ٱلۡحَسَنَةِ وَقَدۡ خَلَتۡ
مِن قَبۡلِهِمُ ٱلۡمَثُلَٰتُۗ وَإِنَّ رَبَّكَ لَذُو مَغۡفِرَةٖ لِّلنَّاسِ
عَلَىٰ ظُلۡمِهِمۡۖ وَإِنَّ رَبَّكَ لَشَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٦

7. Những người vô đức tin nói: “Tại sao Y (Muhammad) không có được một phép lạ nào từ Thượng Đế của Y cơ chứ?” Quả thật, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chỉ là một người cảnh báo; và mỗi một cộng đồng (dân tộc) đều có một người hướng dẫn.

وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ ءَايَةٞ مِّن
رَّبِّهِۦٓۗ إِنَّمَآ أَنتَ مُنذِرٞۖ وَلِكُلِّ قَوۡمٍ هَادٍ ٧

8. Allah biết rõ về bào thai mà mỗi cá thể cái (từ con người và động vật) đang mang và biết rõ tình trạng thiếu và dư (ngày tháng của các bào thai) trong các dạ con, bởi lẽ tất cả mọi thứ ở nơi Ngài đều được định lượng.

ٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تَحۡمِلُ كُلُّ أُنثَىٰ وَمَا تَغِيضُ ٱلۡأَرۡحَامُ
وَمَا تَزۡدَادُۚ وَكُلُّ شَيۡءٍ عِندَهُۥ بِمِقۡدَارٍ ٨

9. (Ngài là) Đấng biết điều không thể nhìn thấy và những điều có thể nhìn thấy. Ngài là Đấng Vĩ Đại, Đấng Tối Cao.

عَٰلِمُ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ ٱلۡكَبِيرُ ٱلۡمُتَعَالِ ٩

10. Dù ai đó trong các ngươi nói khẽ hoặc lớn tiếng, dù ẩn mình trong bóng đêm hay vênh váo đứng giữa ban ngày, tất cả (đối với Allah) đều như nhau.

سَوَآءٞ مِّنكُم مَّنۡ أَسَرَّ ٱلۡقَوۡلَ وَمَن جَهَرَ بِهِۦ وَمَنۡ
هُوَ مُسۡتَخۡفِۭ بِٱلَّيۡلِ وَسَارِبُۢ بِٱلنَّهَارِ ١٠

11. Bởi vì phía trước và phía sau y đều có một đội ngũ (Thiên Thần) nối tiếp nhau canh chừng y theo sắc lệnh của Allah. Quả thật, Allah sẽ không thay đổi tình trạng của một nhóm người cho tới khi chính họ thay đổi những gì trong bản thân họ. Và một khi Allah muốn nhóm người nào đó bị tai họa thì chắc chắn không cách nào đẩy lùi nó, và ngoài Ngài chắc chắn sẽ không có người bảo hộ nào có thể che chở được họ.

لَهُۥ مُعَقِّبَٰتٞ مِّنۢ بَيۡنِ يَدَيۡهِ وَمِنۡ خَلۡفِهِۦ يَحۡفَظُونَهُۥ
مِنۡ أَمۡرِ ٱللَّهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُغَيِّرُ مَا بِقَوۡمٍ حَتَّىٰ يُغَيِّرُواْ
مَا بِأَنفُسِهِمۡۗ وَإِذَآ أَرَادَ ٱللَّهُ بِقَوۡمٖ سُوٓءٗا فَلَا مَرَدَّ لَهُۥۚ
وَمَا لَهُم مِّن دُونِهِۦ مِن وَالٍ ١١

12. Ngài là Đấng trưng bày cho các ngươi (hỡi con người) nhìn thấy tia chớp khiến các ngươi vừa sợ hãi và vừa hi vọng và Ngài đã tạo ra những đám mây nặng trĩu (chứa nước mưa).

هُوَ ٱلَّذِي يُرِيكُمُ ٱلۡبَرۡقَ خَوۡفٗا وَطَمَعٗا وَيُنشِئُ
ٱلسَّحَابَ ٱلثِّقَالَ ١٢

13. Sấm sét tôn cao (Allah) với lời ca ngợi Ngài (theo cách riêng của nó) và các Thiên Thần tôn cao Ngài bằng nỗi sợ đối với Ngài. Và Ngài dùng sấm sét đánh những kẻ nào Ngài muốn; và chúng không ngừng tranh luận về Allah. Quả thật, Ngài rất mạnh bạo trong kế hoạch (trừng phạt những kẻ chống đối).

وَيُسَبِّحُ ٱلرَّعۡدُ بِحَمۡدِهِۦ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ مِنۡ خِيفَتِهِۦ
وَيُرۡسِلُ ٱلصَّوَٰعِقَ فَيُصِيبُ بِهَا مَن يَشَآءُ وَهُمۡ
يُجَٰدِلُونَ فِي ٱللَّهِ وَهُوَ شَدِيدُ ٱلۡمِحَالِ ١٣

14. Sự cầu nguyện chỉ xứng đáng thuộc về một mình (Allah) bởi (các thần linh bục tượng) mà (những kẻ đa thần) cầu nguyện ngoài Ngài đều không đáp lại chúng bất cứ thứ gì. (Hình ảnh cầu xin, khấn vái đó) chẳng khác nào hình ảnh của một người (đang khát) đưa hai bàn tay ra hứng nước đưa vào miệng nhưng nước không thể đến miệng của y được. Thật vậy, sự cầu nguyện của những kẻ vô đức tin chỉ đưa họ lún sâu vào lầm lạc.

لَهُۥ دَعۡوَةُ ٱلۡحَقِّۚ وَٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ لَا يَسۡتَجِيبُونَ لَهُم بِشَيۡءٍ إِلَّا كَبَٰسِطِ كَفَّيۡهِ إِلَى ٱلۡمَآءِ لِيَبۡلُغَ فَاهُ وَمَا هُوَ بِبَٰلِغِهِۦۚ وَمَا دُعَآءُ ٱلۡكَٰفِرِينَ إِلَّا فِي ضَلَٰلٖ ١٤

15. Bất cứ ai trong các tầng trời và trái đất đều phủ phục quỳ lạy Allah, dù muốn hay không, ngay cả bóng của họ (cũng làm như vậy đối với Ngài) sáng chiều.

وَلِلَّهِ يَسۡجُدُ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ طَوۡعٗا وَكَرۡهٗا وَظِلَٰلُهُم بِٱلۡغُدُوِّ وَٱلۡأٓصَالِ۩ ١٥

16. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với (những kẻ đa thần): "Ai là Chủ Nhân của các tầng trời và trái đất?" Ngươi hãy nói: "(Đó là) Allah". Ngươi hãy nói với chúng: "Thế tại sao các ngươi lại chọn lấy những thần linh khác ngoài Ngài làm đấng bảo hộ cho các ngươi trong khi chúng không có khả năng tự định đoạt điều lợi cũng như điều hại cho bản thân chúng?" Ngươi hãy nói với chúng: "Phải chăng người mù và người sáng mắt lại ngang bằng nhau ư? Hoặc phải chăng ánh sáng và bóng tối lại ngang bằng nhau ư? Hay là các ngươi tự bịa ra các thần linh rồi tôn lên ngang bằng với Allah với niềm tin rằng (các thần linh đó) cũng có khả năng tạo ra (những thứ) giống tạo vật của Ngài ư?" Vì vậy, việc tạo hóa đối với (những kẻ đa thần) đều giống nhau. Ngươi hãy nói với chúng: "Chính Allah mới là Đấng Tạo Hóa ra mọi thứ, Ngài là Đấng Duy Nhất, Đấng Chí Tôn."

قُلۡ مَن رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ قُلِ ٱللَّهُۚ قُلۡ أَفَٱتَّخَذۡتُم مِّن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَ لَا يَمۡلِكُونَ لِأَنفُسِهِمۡ نَفۡعٗا وَلَا ضَرّٗاۚ قُلۡ هَلۡ يَسۡتَوِي ٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡبَصِيرُ أَمۡ هَلۡ تَسۡتَوِي ٱلظُّلُمَٰتُ وَٱلنُّورُۗ أَمۡ جَعَلُواْ لِلَّهِ شُرَكَآءَ خَلَقُواْ كَخَلۡقِهِۦ فَتَشَٰبَهَ ٱلۡخَلۡقُ عَلَيۡهِمۡۚ قُلِ ٱللَّهُ خَٰلِقُ كُلِّ شَيۡءٖ وَهُوَ ٱلۡوَٰحِدُ ٱلۡقَهَّٰرُ ١٦

17. Ngài ban mưa từ trên trời xuống, các thung lũng dồn nước tạo thành dòng chảy theo định lượng của chúng, dòng chảy mang theo những bọt nước trên bề mặt. Và từ những khoáng chất được nấu trong lò lửa để thu lấy kim loại làm đồ trang sức hay làm các vật dụng thì cũng có một lớp bọt tương tự. Đó là hình ảnh mà Allah đưa ra làm thí dụ cho điều chân lý và sự nguy tạo. Đối với bọt nước thì nó sẽ tan biến (vì không tồn tại bền lâu) còn đối với những gì hữu ích cho nhân loại thì sẽ còn bền vững trên mặt đất. Tương tự như thế, Allah thường đưa ra những hình ảnh thí dụ (cho nhân loại hiểu về chân lý và sự nguy tạo).

أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَسَالَتۡ أَوۡدِيَةُۢ بِقَدَرِهَا فَٱحۡتَمَلَ ٱلسَّيۡلُ زَبَدٗا رَّابِيٗاۖ وَمِمَّا يُوقِدُونَ عَلَيۡهِ فِي ٱلنَّارِ ٱبۡتِغَآءَ حِلۡيَةٍ أَوۡ مَتَٰعٖ زَبَدٞ مِّثۡلُهُۥۚ كَذَٰلِكَ يَضۡرِبُ ٱللَّهُ ٱلۡحَقَّ وَٱلۡبَٰطِلَۚ فَأَمَّا ٱلزَّبَدُ فَيَذۡهَبُ جُفَآءٗۖ وَأَمَّا مَا يَنفَعُ ٱلنَّاسَ فَيَمۡكُثُ فِي ٱلۡأَرۡضِۚ كَذَٰلِكَ يَضۡرِبُ ٱللَّهُ ٱلۡأَمۡثَالَ ١٧

18. Những người đáp lại (lời mời gọi của) Thượng Đế của họ sẽ được (phần thưởng) tốt đẹp (Thiên Đàng). Ngược lại, những người không đáp lại (lời mời gọi của) Thượng Đế của họ, cho dù họ có tất cả mọi thứ (tài sản) trên trái đất và (những tài sản khác) giống như vậy để chuộc bản thân (khỏi sự trừng phạt thì cũng vô ích). Họ chắc chắn sẽ nhận lấy một sự phán quyết thật xấu và chỗ ở của họ sẽ là Hỏa Ngục, một chốn ở vô cùng tồi tệ.

لِلَّذِينَ ٱسۡتَجَابُواْ لِرَبِّهِمُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ وَٱلَّذِينَ لَمۡ يَسۡتَجِيبُواْ لَهُۥ لَوۡ أَنَّ لَهُم مَّا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا وَمِثۡلَهُۥ مَعَهُۥ لَٱفۡتَدَوۡاْ بِهِۦٓۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ سُوٓءُ ٱلۡحِسَابِ وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمِهَادُ ١٨

19. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Lẽ nào một người biết những gì được ban xuống cho Ngươi là chân lý (rồi y tin và đi theo) lại giống như một kẻ mù (không nhìn thấy được chân lý)? Quả thật, chỉ những người hiểu biết mới nhận thức và tiếp thu được (điều đó).

۞أَفَمَن يَعۡلَمُ أَنَّمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَ ٱلۡحَقُّ
كَمَنۡ هُوَ أَعۡمَىٰٓۚ إِنَّمَا يَتَذَكَّرُ أُوْلُواْ ٱلۡأَلۡبَٰبِ ١٩

20. Những người thực hiện đúng giao ước với Allah và không phá vỡ giao ước (của Ngài);

ٱلَّذِينَ يُوفُونَ بِعَهۡدِ ٱللَّهِ وَلَا يَنقُضُونَ ٱلۡمِيثَٰقَ ٢٠

21. Những người hàn gắn (quan hệ thân tộc), điều mà Allah đã ra lệnh, họ sợ Thượng Đế của họ và sợ một sự phán quyết xấu (về việc làm của họ);

وَٱلَّذِينَ يَصِلُونَ مَآ أَمَرَ ٱللَّهُ بِهِۦٓ أَن يُوصَلَ
وَيَخۡشَوۡنَ رَبَّهُمۡ وَيَخَافُونَ سُوٓءَ ٱلۡحِسَابِ ٢١

22. Và những người kiên nhẫn chịu đựng vì sắc diện của Thượng Đế họ, họ chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, chi dùng từ nguồn bổng lộc mà TA (Allah) ban cấp (cho con đường chính nghĩa của TA) một cách thầm kín và công khai, họ dùng điều thiện để bôi xóa điều xấu. (Những người vừa được mô tả), họ là những người sẽ có được kết cuộc tốt đẹp đáng ca ngợi (ở Đời Sau).

وَٱلَّذِينَ صَبَرُواْ ٱبۡتِغَآءَ وَجۡهِ رَبِّهِمۡ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ
وَأَنفَقُواْ مِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ سِرّٗا وَعَلَانِيَةٗ وَيَدۡرَءُونَ
بِٱلۡحَسَنَةِ ٱلسَّيِّئَةَ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ عُقۡبَى ٱلدَّارِ ٢٢

23. Những Ngôi Vườn Vĩnh Cửu (nơi Thiên Đàng), họ sẽ đi vào đó cùng với những người ngoan đạo trong số cha mẹ, vợ chồng và con cháu của họ. Và các Thiên Thần đi vào chúc mừng họ từ mỗi cánh cổng.

جَنَّٰتُ عَدۡنٖ يَدۡخُلُونَهَا وَمَن صَلَحَ مِنۡ ءَابَآئِهِمۡ
وَأَزۡوَٰجِهِمۡ وَذُرِّيَّٰتِهِمۡۖ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَدۡخُلُونَ عَلَيۡهِم
مِّن كُلِّ بَابٖ ٢٣

24. “Sự bằng an và phúc lành dành cho quí vị bởi những gì mà quí vị đã kiên nhẫn chịu đựng (trên thế gian). Thật là một kết cục tốt đẹp và hồng phúc!”

سَلَٰمٌ عَلَيۡكُم بِمَا صَبَرۡتُمۡۚ فَنِعۡمَ عُقۡبَى ٱلدَّارِ ٢٤

25. Ngược lại, những kẻ phá vỡ giao ước của Allah sau khi đã nhận lấy giao ước của Ngài, những kẻ cắt đứt (quan hệ dòng tộc) - điều mà Allah đã ra lệnh phải hàn gắn, và những kẻ làm điều thối tha trên trái đất. Chúng là những kẻ sẽ bị sự nguyền rủa (của Allah) và sẽ nhận một kết cục vô cùng tồi tệ.

وَٱلَّذِينَ يَنقُضُونَ عَهۡدَ ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مِيثَٰقِهِۦ
وَيَقۡطَعُونَ مَآ أَمَرَ ٱللَّهُ بِهِۦٓ أَن يُوصَلَ وَيُفۡسِدُونَ فِي
ٱلۡأَرۡضِ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمُ ٱللَّعۡنَةُ وَلَهُمۡ سُوٓءُ ٱلدَّارِ ٢٥

26. Allah nới rộng bổng lộc cho ai Ngài muốn và thu hẹp bổng lộc đối với ai là tuỳ ý Ngài. (Những kẻ vô đức tin), chúng vui với cuộc sống trần gian trong khi cuộc sống trần gian này so với cuộc sống Đời Sau chỉ là một sự hưởng thụ (ngắn ngủi, chóng tàn).

ٱللَّهُ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُۚ وَفَرِحُواْ
بِٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَمَا ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا فِي ٱلۡأٓخِرَةِ إِلَّا
مَتَٰعٞ ٢٦

27. Những kẻ vô đức tin nói: “Tại sao không có một dấu lạ nào từ Thượng Đế của Y được ban xuống cho Y kia chứ?” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Quả thật, Allah muốn làm cho ai lầm lạc là tuỳ ý Ngài nhưng Ngài sẽ hướng dẫn người nào biết ăn năn sám hối với Ngài.”

وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ ءَايَةٞ مِّن
رَّبِّهِۦۚ قُلۡ إِنَّ ٱللَّهَ يُضِلُّ مَن يَشَآءُ وَيَهۡدِيٓ إِلَيۡهِ مَنۡ
أَنَابَ ٢٧

28. (Đó là) những người có đức tin và con tim của họ tìm thấy sự an bình trong sự tụng niệm (tưởng nhớ) Allah. Quả thật, với sự tụng niệm (tưởng nhớ) Allah, các con tim sẽ tìm thấy sự an bình và thanh thản!

ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَتَطْمَئِنُّ قُلُوبُهُم بِذِكْرِ ٱللَّهِ ۗ أَلَا بِذِكْرِ
ٱللَّهِ تَطْمَئِنُّ ٱلْقُلُوبُ ﴿٢٨﴾

29. Những người có đức tin và hành thiện sẽ được hạnh phúc và một kết cục viên mãn.

ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ طُوبَىٰ لَهُمْ وَحُسْنُ
مَـَٔابٍ ﴿٢٩﴾

30. Tương tự như việc TA (Allah) đã cử phái các Sứ Giả đến với các cộng động của họ trước đây, TA cử Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đến với cộng đồng của Ngươi để Ngươi xướng đọc cho chúng nghe những gì TA đã mặc khải cho Ngươi; tuy nhiên, chúng đã vô đức tin nơi Đấng Ar-Rahman (Đấng Độ Lượng). Ngươi hãy nói với chúng: "Ngài là Thượng Đế của Ta, Đấng không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Ta phó thác cho Ngài và Ta quay về sám hối với Ngài."

كَذَٰلِكَ أَرْسَلْنَٰكَ فِىٓ أُمَّةٍ قَدْ خَلَتْ مِن قَبْلِهَآ أُمَمٌ
لِّتَتْلُوَا۟ عَلَيْهِمُ ٱلَّذِىٓ أَوْحَيْنَآ إِلَيْكَ وَهُمْ يَكْفُرُونَ
بِٱلرَّحْمَٰنِ ۚ قُلْ هُوَ رَبِّى لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ عَلَيْهِ تَوَكَّلْتُ
وَإِلَيْهِ مَتَابِ ﴿٣٠﴾

31. Cho dù Qur'an này có thể dời được núi, hoặc có thể làm vỡ trái đất thành từng mảnh nhỏ, hoặc có thể làm cho người chết nói chuyện được (thì những kẻ vô đức tin vẫn bác bỏ sự thật). (Thật ra để hiển thị những dấu lạ như vậy không khó chút nào) bởi tất cả mọi việc đều thuộc về một mình Allah. Phải chăng những ai có đức tin vẫn không nhận thức được rằng, nếu Allah muốn thì Ngài đã hướng dẫn toàn thể loài người (theo đúng chính đạo mà không cần phải ban xuống bất cứ phép lạ nào)? Và tai họa tiếp tục giáng xuống những kẻ không tin vì những hành vi sai trái của chúng, hoặc tai họa sẽ đến những địa điểm gần nơi ở của chúng. Điều này sẽ tiếp tục cho đến khi lời hứa (trừng phạt) của Allah được thể hiện. Chắc chắn, Allah không thất hứa trong Lời Hứa của Ngài.

وَلَوْ أَنَّ قُرْءَانًا سُيِّرَتْ بِهِ ٱلْجِبَالُ أَوْ قُطِّعَتْ بِهِ
ٱلْأَرْضُ أَوْ كُلِّمَ بِهِ ٱلْمَوْتَىٰ ۗ بَل لِّلَّهِ ٱلْأَمْرُ جَمِيعًا ۗ أَفَلَمْ
يَا۟يْـَٔسِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ أَن لَّوْ يَشَآءُ ٱللَّهُ لَهَدَى ٱلنَّاسَ
جَمِيعًا ۗ وَلَا يَزَالُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ تُصِيبُهُم بِمَا صَنَعُوا۟
قَارِعَةٌ أَوْ تَحُلُّ قَرِيبًا مِّن دَارِهِمْ حَتَّىٰ يَأْتِىَ وَعْدُ ٱللَّهِ ۚ
إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُخْلِفُ ٱلْمِيعَادَ ﴿٣١﴾

32. Quả thật, các Sứ Giả trước Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) cũng đã từng bị chế nhạo nhưng TA tạm tha cho những kẻ vô đức tin đó, rồi cuối cùng TA đã bắt phạt chúng. Vì vậy, (Ngươi hãy nhìn xem) sự trừng phạt của TA khủng khiếp thế nào!

وَلَقَدِ ٱسْتُهْزِئَ بِرُسُلٍ مِّن قَبْلِكَ فَأَمْلَيْتُ لِلَّذِينَ
كَفَرُوا۟ ثُمَّ أَخَذْتُهُمْ ۖ فَكَيْفَ كَانَ عِقَابِ ﴿٣٢﴾

33. Vậy Đấng (cung dưỡng cho vạn vật và) giám sát từng linh hồn về những gì nó làm (lại không đáng được thờ phượng hơn những thần linh bục tượng) ư? Tuy nhiên, (những kẻ vô đức tin) đã dựng lên những đối tác ngang vai với Allah. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: "Các ngươi hãy kể ra xem tên các thần linh mà các ngươi dựng lên cùng với Allah! Hay có phải các ngươi muốn cho Ngài biết về điều gì đó mà Ngài không biết trên trái đất này? Hoặc phải chăng các ngươi chỉ tùy tiện thốt ra những lời sáo rỗng?" Không, kế hoạch của những kẻ vô đức tin có vẻ đã thu hút chúng và chúng đã bị ngăn cản đến với con đường (chính đạo). Quả thật, ai mà Allah làm cho trệch hướng thì chắc chắn sẽ không có người hướng dẫn.

أَفَمَنْ هُوَ قَآئِمٌ عَلَىٰ كُلِّ نَفْسِۭ بِمَا كَسَبَتْۗ وَجَعَلُواْ لِلَّهِ شُرَكَآءَ قُلْ سَمُّوهُمْۚ أَمْ تُنَبِّـُٔونَهُۥ بِمَا لَا يَعْلَمُ فِي ٱلْأَرْضِ أَم بِظَٰهِرٖ مِّنَ ٱلْقَوْلِۗ بَلْ زُيِّنَ لِلَّذِينَ كَفَرُواْ مَكْرُهُمْ وَصُدُّواْ عَنِ ٱلسَّبِيلِۗ وَمَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنْ هَادٖ ٣٣

34. Chúng sẽ bị trừng phạt ở cuộc sống trần gian này (và cả ở Đời Sau), nhưng sự trừng phạt ở Đời Sau còn khủng khiếp hơn. Và chúng sẽ không được ai cứu giúp.

لَّهُمْ عَذَابٞ فِي ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَاۖ وَلَعَذَابُ ٱلْأٓخِرَةِ أَشَقُّۖ وَمَا لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن وَاقٖ ٣٤

35. Hình ảnh Thiên Đàng mà những người ngoan đạo được hứa là (những Ngôi Vườn) bên dưới có các dòng sông chảy, (trong đó), trái quả không dứt mùa và bóng râm vĩnh cửu. Đó là kết cục của những người ngoan đạo; còn kết cục của những kẻ vô đức tin chính là Hoả Ngục.

۞مَّثَلُ ٱلْجَنَّةِ ٱلَّتِي وُعِدَ ٱلْمُتَّقُونَۖ تَجْرِي مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُۖ أُكُلُهَا دَآئِمٞ وَظِلُّهَاۚ تِلْكَ عُقْبَى ٱلَّذِينَ ٱتَّقَواْۚ وَّعُقْبَى ٱلْكَٰفِرِينَ ٱلنَّارُ ٣٥

36. Những người (có đức tin trong số những người) mà TA (Allah) đã ban cho họ Kinh Sách (Tawrah và Injil) vui mừng về những điều đã được ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), nhưng trong số các phe (đối lập) có những kẻ phủ nhận một phần của Nó. Vì vậy, Ngươi hãy nói: "Quả thật, ta chỉ được lệnh thờ phượng một mình Allah, không tổ hợp với Ngài (bất cứ điều gì), với Ngài ta cầu nguyện, và với Ngài ta trở về trình diện."

وَٱلَّذِينَ ءَاتَيْنَٰهُمُ ٱلْكِتَٰبَ يَفْرَحُونَ بِمَآ أُنزِلَ إِلَيْكَۖ وَمِنَ ٱلْأَحْزَابِ مَن يُنكِرُ بَعْضَهُۥۚ قُلْ إِنَّمَآ أُمِرْتُ أَنْ أَعْبُدَ ٱللَّهَ وَلَآ أُشْرِكَ بِهِۦٓۚ إِلَيْهِ أَدْعُواْ وَإِلَيْهِ مَـَٔابِ ٣٦

37. Tương tự (như việc TA đã ban xuống cho các Sứ Giả trước Ngươi các Kinh Sách bằng tiếng nói của họ), TA ban (Qur'an) xuống cho Ngươi như một bộ luật bằng tiếng Ả-rập. Nếu Ngươi thực sự làm theo mong muốn của chúng (dân Kinh Sách) sau khi Ngươi đã tiếp thu được kiến thức thì sẽ không ai là đồng minh ủng hộ Ngươi chống lại Allah và cũng sẽ không ai có sức mạnh bảo vệ Ngươi (khỏi sự trừng phạt của Ngài).

وَكَذَٰلِكَ أَنزَلْنَٰهُ حُكْمًا عَرَبِيّٗاۚ وَلَئِنِ ٱتَّبَعْتَ أَهْوَآءَهُم بَعْدَ مَا جَآءَكَ مِنَ ٱلْعِلْمِ مَا لَكَ مِنَ ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا وَاقٖ ٣٧

38. Quả thật, TA đã cử phái các Sứ Giả đến trước Ngươi và TA ban cho họ vợ con. Và không một Sứ Giả nào có quyền năng mang đến một phép lạ ngoại trừ có sự cho phép của Allah. Mỗi thời đại đều có một Kinh Sách (được mặc khải riêng).

وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا رُسُلٗا مِّن قَبْلِكَ وَجَعَلْنَا لَهُمْ أَزْوَٰجٗا وَذُرِّيَّةٗۚ وَمَا كَانَ لِرَسُولٍ أَن يَأْتِيَ بِـَٔايَةٍ إِلَّا بِإِذْنِ ٱللَّهِۗ لِكُلِّ أَجَلٖ كِتَابٞ ٣٨

39. Allah xóa bỏ hoặc giữ lại bất cứ điều gì Ngài muốn, và ở nơi Ngài có Quyển Kinh Mẹ, (đó là Al-Lawhu Al-Mahfuzh).

يَمْحُوا۟ ٱللَّهُ مَا يَشَآءُ وَيُثْبِتُ ۖ وَعِندَهُۥٓ أُمُّ
ٱلْكِتَٰبِ ﴿٣٩﴾

40. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Cho dù TA cho Ngươi thấy một phần (hình phạt) mà TA đã hứa trừng phạt chúng hoặc làm cho Ngươi chết (trước khi điều đó xảy ra) thì thật ra Ngươi cũng chỉ là một người truyền đạt (Thông Điệp) còn việc thanh toán bọn chúng là nhiệm vụ của TA.

وَإِن مَّا نُرِيَنَّكَ بَعْضَ ٱلَّذِى نَعِدُهُمْ أَوْ نَتَوَفَّيَنَّكَ
فَإِنَّمَا عَلَيْكَ ٱلْبَلَٰغُ وَعَلَيْنَا ٱلْحِسَابُ ﴿٤٠﴾

41. Lẽ nào chúng (những kẻ vô đức tin) không thấy rằng việc TA đến đất đai của chúng rồi thu hẹp các biên giới của nó ở mọi phía (qua việc cho người Muslim chinh phục và lan rộng Islam)? Quả thật, Allah là Đấng định đoạt, và không ai có quyền đảo ngược sự định đoạt của Ngài, và Ngài rất nhanh chóng trong việc thanh toán.

أَوَلَمْ يَرَوْا۟ أَنَّا نَأْتِى ٱلْأَرْضَ نَنقُصُهَا مِنْ أَطْرَافِهَا ۚ
وَٱللَّهُ يَحْكُمُ لَا مُعَقِّبَ لِحُكْمِهِۦ ۚ وَهُوَ سَرِيعُ
ٱلْحِسَابِ ﴿٤١﴾

42. Quả thật, trước chúng cũng có những kẻ đã hoạch định mưu đồ (để hãm hại các vị Sứ Giả được cử đến) nhưng mọi kế hoạch đều do Allah (an bài và định đoạt), Ngài biết rõ những gì mỗi linh hồn đã làm. Rồi đây, những kẻ vô đức tin sẽ biết kết cục của ai là tốt.

وَقَدْ مَكَرَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ فَلِلَّهِ ٱلْمَكْرُ جَمِيعًا ۖ
يَعْلَمُ مَا تَكْسِبُ كُلُّ نَفْسٍ ۗ وَسَيَعْلَمُ ٱلْكُفَّٰرُ لِمَنْ
عُقْبَى ٱلدَّارِ ﴿٤٢﴾

43. Những kẻ vô đức tin nói: “Ngươi (Muhammad) không phải là (Sứ Giả) được (Allah) cử đến.” Ngươi hãy nói với chúng: “Một mình Allah đã đủ làm nhân chứng giữa ta và các ngươi; và những ai có kiến thức về Kinh Sách cũng vậy.”

وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَسْتَ مُرْسَلًا ۚ قُلْ كَفَىٰ بِٱللَّهِ
شَهِيدًۢا بَيْنِى وَبَيْنَكُمْ وَمَنْ عِندَهُۥ عِلْمُ
ٱلْكِتَٰبِ ﴿٤٣﴾

Ibrahim (Nabi Ibrahim) ابراهيم

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. Ra. (Đây là) Kinh Sách mà TA (Allah) đã ban xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) để Ngươi có thể đưa nhân loại từ chốn tăm tối ra ánh sáng bằng sự cho phép của Thượng Đế của họ, hầu đi đến con đường của Đấng Toàn Năng, Đấng Đáng Ca Tụng.

الٓرۚ كِتَٰبٌ أَنزَلۡنَٰهُ إِلَيۡكَ لِتُخۡرِجَ ٱلنَّاسَ مِنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ بِإِذۡنِ رَبِّهِمۡ إِلَىٰ صِرَٰطِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَمِيدِ ١

2. Allah là Đấng mà vạn vật trong các tầng trời cũng như vạn vật trong trái đất đều thuộc về một mình Ngài. Và thật khốn khổ cho những kẻ vô đức tin vì sẽ bị trừng phạt bằng một sự trừng phạt khủng khiếp!

ٱللَّهِ ٱلَّذِي لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَوَيۡلٞ لِّلۡكَٰفِرِينَ مِنۡ عَذَابٖ شَدِيدٍ ٢

3. (Chúng là) những kẻ yêu cuộc sống trần tục hơn cuộc sống ở Đời Sau và ngăn (thiên hạ) đến với con đường của Allah cũng như không ngừng tìm cách làm cong nó. Đó là những kẻ đi lạc rất xa.

ٱلَّذِينَ يَسۡتَحِبُّونَ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا عَلَى ٱلۡأٓخِرَةِ وَيَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَيَبۡغُونَهَا عِوَجًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ فِي ضَلَٰلِۭ بَعِيدٖ ٣

4. Không một Sứ Giả nào đã được TA cử phái đến mà lại không nói bằng ngôn ngữ của người dân mình, mục đích để Y trình bày rõ ràng (Thông Điệp) cho họ. (Và sau khi Thông Điệp được trình bày), Allah làm trệch hướng đối với bất cứ ai Ngài muốn và hướng dẫn bất kỳ ai là tùy ý Ngài, bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن رَّسُولٍ إِلَّا بِلِسَانِ قَوۡمِهِۦ لِيُبَيِّنَ لَهُمۡۖ فَيُضِلُّ ٱللَّهُ مَن يَشَآءُ وَيَهۡدِي مَن يَشَآءُۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٤

5. Quả thật, TA đã phái Musa (Môi-sê) đến mang theo các phép lạ của TA (để chứng minh sứ mạng của Y) với lệnh phán: "Ngươi hãy đưa người dân của Ngươi từ nơi tối tăm đến với ánh sáng, và Ngươi hãy nhắc nhở họ về những ngày (mà họ đã được hưởng thụ ân huệ) của Allah." Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu dành cho tất cả những ai biết kiên nhẫn, biết tri ân.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَآ أَنۡ أَخۡرِجۡ قَوۡمَكَ مِنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ وَذَكِّرۡهُم بِأَيَّىٰمِ ٱللَّهِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّكُلِّ صَبَّارٖ شَكُورٖ ٥

6. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nhớ khi Musa nói với người dân của mình: "Các ngươi hãy nhớ lại ân huệ của Allah đối với các ngươi khi Ngài đã giải thoát các ngươi khỏi (sự tàn ác) của Pha-ra-ông: chúng hành hạ các ngươi bằng những hình phạt man rợ, chúng tàn sát toàn bộ các con trai của các ngươi và chừa lại mạng sống cho phụ nữ của các ngươi (để làm nô lệ cho hắn). Và trong sự việc đó là một cuộc thử thách lớn lao từ Thượng Đế của các ngươi."

وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ إِذۡ أَنجَىٰكُم مِّنۡ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ يَسُومُونَكُمۡ سُوٓءَ ٱلۡعَذَابِ وَيُذَبِّحُونَ أَبۡنَآءَكُمۡ وَيَسۡتَحۡيُونَ نِسَآءَكُمۡۚ وَفِي ذَٰلِكُم بَلَآءٞ مِّن رَّبِّكُمۡ عَظِيمٞ ٦

7. (Musa nói với người dân của mình): "Các ngươi hãy nhớ khi Thượng Đế của các ngươi đã tuyên bố: Nếu các ngươi biết ơn, TA chắc chắn sẽ ban thêm cho các ngươi; nhưng nếu các ngươi vô ơn (đối với các ân huệ của TA) thì quả thật, sự trừng phạt của TA rất khủng khiếp."

وَإِذۡ تَأَذَّنَ رَبُّكُمۡ لَئِن شَكَرۡتُمۡ لَأَزِيدَنَّكُمۡۖ وَلَئِن
كَفَرۡتُمۡ إِنَّ عَذَابِي لَشَدِيدٞ ٧

8. Và Musa nói: "Nếu các ngươi và tất cả loài người trên trái đất vô ơn thì (các ngươi hãy biết rằng) Allah là Đấng Miễn Cần, Đấng Đáng Ca tụng."

وَقَالَ مُوسَىٰٓ إِن تَكۡفُرُوٓاْ أَنتُمۡ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ
جَمِيعٗا فَإِنَّ ٱللَّهَ لَغَنِيٌّ حَمِيدٌ ٨

9. (Hỡi những kẻ vô đức tin!) Lẽ nào các ngươi chưa nghe thông tin về các thế hệ trước các ngươi? Đám dân của Nuh, đám dân 'Ad (của Hud), đám dân Thamud (của Saleh) và những ai sau chúng? Allah biết rõ về họ hơn ai hết. Khi các Sứ Giả của chúng đến gặp chúng cùng với các bằng chứng rõ ràng thì chúng lại đưa tay lên miệng, nói: "Quả thật, bọn ta không tin vào điều mà các ngươi được cử phái đến, và bọn ta thực sự hoài nghi về điều mà các ngươi kêu gọi bọn ta đến với nó."

أَلَمۡ يَأۡتِكُمۡ نَبَؤُاْ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكُمۡ قَوۡمِ نُوحٖ وَعَادٖ
وَثَمُودَ وَٱلَّذِينَ مِنۢ بَعۡدِهِمۡ لَا يَعۡلَمُهُمۡ إِلَّا ٱللَّهُۚ
جَآءَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَرَدُّوٓاْ أَيۡدِيَهُمۡ فِيٓ
أَفۡوَٰهِهِمۡ وَقَالُوٓاْ إِنَّا كَفَرۡنَا بِمَآ أُرۡسِلۡتُم بِهِۦ وَإِنَّا لَفِي
شَكّٖ مِّمَّا تَدۡعُونَنَآ إِلَيۡهِ مُرِيبٖ ٩

10. Các Sứ Giả của chúng nói với chúng: "Lẽ nào các người lại hoài nghi về Allah, Đấng đã sáng tạo ra các tầng trời và trái đất? Ngài kêu gọi các người (tin nơi Ngài) để Ngài tha thứ tội lỗi cho các người và để các người tiếp tục sống hết tuổi thọ đã được ấn định." Chúng đáp: "Các ngươi thật ra cũng chỉ là con người phàm tục như bọn ta. Các ngươi muốn ngăn cản bọn ta thờ phượng những thần linh mà ông bà cha mẹ của bọn ta đã thờ phượng ư? Vậy thì các ngươi hãy cho bọn ta xem một thẩm quyền rõ ràng (để khẳng định sứ mạng của các ngươi là thật đi nào)."

۞قَالَتۡ رُسُلُهُمۡ أَفِي ٱللَّهِ شَكّٞ فَاطِرِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِۖ يَدۡعُوكُمۡ لِيَغۡفِرَ لَكُم مِّن ذُنُوبِكُمۡ
وَيُؤَخِّرَكُمۡ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗىۚ قَالُوٓاْ إِنۡ أَنتُمۡ إِلَّا بَشَرٞ
مِّثۡلُنَا تُرِيدُونَ أَن تَصُدُّونَا عَمَّا كَانَ يَعۡبُدُ ءَابَآؤُنَا
فَأۡتُونَا بِسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٖ ١٠

11. Các Sứ Giả của chúng nói với chúng: "Đúng vậy, chúng tôi vốn cũng chỉ là những người phàm như các người, tuy nhiên, Allah muốn ban ân huệ cho người nào trong đám bầy tôi của Ngài là tùy ý Ngài. Và chúng tôi không thể mang đến cho các người bất cứ thẩm quyền nào trừ khi Allah cho phép, và những người có đức tin hãy phó thác cho Allah."

قَالَتۡ لَهُمۡ رُسُلُهُمۡ إِن نَّحۡنُ إِلَّا بَشَرٞ مِّثۡلُكُمۡ
وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَمُنُّ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۖ وَمَا
كَانَ لَنَآ أَن نَّأۡتِيَكُم بِسُلۡطَٰنٍ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَعَلَى
ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ١١

12. (Các Sứ Giả nói tiếp:) "Làm sao chúng tôi lại không phó thác cho Allah trong khi Ngài đã hướng dẫn các con đường (tốt đẹp và đúng đắn) cho chúng tôi. Chắc chắn chúng tôi sẽ kiên nhẫn chịu đựng trước bất kỳ tác hại nào mà các người gây ra cho chúng tôi. Và hãy phó cho Allah hỡi những người muốn phó thác!"

وَمَا لَنَآ أَلَّا نَتَوَكَّلَ عَلَى ٱللَّهِ وَقَدۡ هَدَىٰنَا سُبُلَنَاۚ
وَلَنَصۡبِرَنَّ عَلَىٰ مَآ ءَاذَيۡتُمُونَاۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ
ٱلۡمُتَوَكِّلُونَ ١٢

13. Những kẻ vô đức tin nói với các Sứ Giả của chúng: “Bọn ta chắc chắn sẽ đuổi các ngươi ra khỏi xứ của bọn ta, hoặc các ngươi phải trở lại với tín ngưỡng của bọn ta.” Vì vậy, Thượng Đế của chúng mặc khải (cho các Sứ Giả của Ngài) thông báo đến chúng (lời phán của Ngài): “TA chắc chắn sẽ hủy diệt những kẻ làm điều sai quấy.”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لِرُسُلِهِمۡ لَنُخۡرِجَنَّكُم مِّنۡ
أَرۡضِنَآ أَوۡ لَتَعُودُنَّ فِي مِلَّتِنَاۖ فَأَوۡحَىٰٓ إِلَيۡهِمۡ رَبُّهُمۡ
لَنُهۡلِكَنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٣

14. (Và sau khi bọn chúng đã bị tiêu diệt), chắc chắn TA sẽ định cư các ngươi (các Sứ Giả và những ai theo họ) sống trên vùng đất đó. Đó là (phần thưởng) dành cho những người sợ uy danh và thế lực của TA cũng như lời cảnh báo (của TA).

وَلَنُسۡكِنَنَّكُمُ ٱلۡأَرۡضَ مِنۢ بَعۡدِهِمۡۚ ذَٰلِكَ لِمَنۡ
خَافَ مَقَامِي وَخَافَ وَعِيدِ ١٤

15. (Các Sứ Giả) cầu xin (Thượng Đế của họ) phù hộ họ giành chiến thắng trước kẻ thù và tất cả những kẻ xấc xược, kiêu ngạo (không tin vào Allah – Đấng Duy Nhất) đều rơi vào thảm bại.

وَٱسۡتَفۡتَحُواْ وَخَابَ كُلُّ جَبَّارٍ عَنِيدٖ ١٥

16. (Vào Ngày Sau) trước mặt (mỗi tên xấc xược và kiêu ngạo đó) là Hoả Ngục và sẽ được cho uống loại nước mủ tanh hôi (chảy ra từ vết thương của cư dân nơi đó).

مِّن وَرَآئِهِۦ جَهَنَّمُ وَيُسۡقَىٰ مِن مَّآءٖ صَدِيدٖ ١٦

17. Y sẽ uống từng ngụm một nhưng rất khó nuốt. Cái chết sẽ đến với y từ khắp mọi nơi nhưng y sẽ không chết và phía trước y vẫn còn một sự trừng phạt khắc nghiệt đang chờ.

يَتَجَرَّعُهُۥ وَلَا يَكَادُ يُسِيغُهُۥ وَيَأۡتِيهِ ٱلۡمَوۡتُ مِن كُلِّ
مَكَانٖ وَمَا هُوَ بِمَيِّتٖۖ وَمِن وَرَآئِهِۦ عَذَابٌ
غَلِيظٞ ١٧

18. Hình ảnh của những kẻ vô đức tin nơi Thượng Đế của chúng (vào Ngày Sau), việc làm thiện tốt của chúng giống như đống tro bị gió thổi mạnh vào một ngày giông tố. Chúng sẽ không tìm thấy phần thưởng cho những việc làm thiện tốt của chúng. Đó là một sự lạc lối quá xa.

مَّثَلُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِرَبِّهِمۡۖ أَعۡمَٰلُهُمۡ كَرَمَادٍ
ٱشۡتَدَّتۡ بِهِ ٱلرِّيحُ فِي يَوۡمٍ عَاصِفٖۖ لَّا يَقۡدِرُونَ مِمَّا
كَسَبُواْ عَلَىٰ شَيۡءٖۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلضَّلَٰلُ ٱلۡبَعِيدُ ١٨

19. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không thấy rằng Allah đã tạo ra các tầng trời và trái đất mang một giá trị và ý nghĩa đích thực sao? Nếu muốn, Ngài có thể bỏ các ngươi (loài người) và tạo ra một tạo vật mới (thay thế toàn bộ các ngươi).

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّۚ إِن
يَشَأۡ يُذۡهِبۡكُمۡ وَيَأۡتِ بِخَلۡقٖ جَدِيدٖ ١٩

20. Và điều đó đối với Allah chẳng có gì khó khăn cả.

وَمَا ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ بِعَزِيزٖ ٢٠

21. Và tất cả sẽ cùng nhau đi ra (khỏi mộ) trình diện trước Allah (để Ngài phán xét). Những kẻ yếu thế sẽ nói với những tên cao ngạo: "Quả thật, chúng tôi đã đi theo các người, vậy các người có thể giúp chúng tôi tránh được sự trừng phạt của Allah không?" Những tên cao ngạo đáp: "Nếu Allah đã hướng dẫn bọn ta (đến với sự cứu rỗi) thì chắc chắn bọn ta cũng đã hướng dẫn các người (như thế). Bây giờ tất cả chúng ta đều giống nhau, cho dù chúng ta có khóc lóc kêu than hay nhẫn nại chịu đựng thì chúng ta vẫn không có lối thoát."

وَبَرَزُواْ لِلَّهِ جَمِيعًا فَقَالَ ٱلضُّعَفَٰٓؤُاْ لِلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُوٓاْ إِنَّا كُنَّا لَكُمۡ تَبَعًا فَهَلۡ أَنتُم مُّغۡنُونَ عَنَّا مِنۡ عَذَابِ ٱللَّهِ مِن شَيۡءٖۚ قَالُواْ لَوۡ هَدَىٰنَا ٱللَّهُ لَهَدَيۡنَٰكُمۡۖ سَوَآءٌ عَلَيۡنَآ أَجَزِعۡنَآ أَمۡ صَبَرۡنَا مَا لَنَا مِن مَّحِيصٖ ٢١

22. Sau khi cuộc xét xử kết thúc, (dân Thiên Đàng và dân Hoả Ngục được vào đúng nơi của mình), Shaytan (Iblis) sẽ nói: "Quả thật, Allah đã giữ đúng lời hứa với các ngươi, và ta cũng đã hứa với các ngươi nhưng tất cả đều là sự lừa dối. Thật ra, ta chẳng có quyền lực gì đối với các ngươi ngoại trừ việc ta có thể mời gọi các ngươi và các ngươi đã đáp lại sự mời gọi của ta. Vì vậy, các ngươi đừng trách ta mà hãy tự trách chính mình. Ta không thể giúp được các ngươi và các ngươi cũng không thể giúp được ta. Ta phủ nhận tất cả mọi thứ mà các ngươi đã gán cho ta là đối tác (của Allah) trước đây. Quả thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ phải chịu sự trừng phạt đau đớn."

وَقَالَ ٱلشَّيۡطَٰنُ لَمَّا قُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ إِنَّ ٱللَّهَ وَعَدَكُمۡ وَعۡدَ ٱلۡحَقِّ وَوَعَدتُّكُمۡ فَأَخۡلَفۡتُكُمۡۖ وَمَا كَانَ لِيَ عَلَيۡكُم مِّن سُلۡطَٰنٍ إِلَّآ أَن دَعَوۡتُكُمۡ فَٱسۡتَجَبۡتُمۡ لِيۖ فَلَا تَلُومُونِي وَلُومُوٓاْ أَنفُسَكُمۖ مَّآ أَنَا۠ بِمُصۡرِخِكُمۡ وَمَآ أَنتُم بِمُصۡرِخِيَّ إِنِّي كَفَرۡتُ بِمَآ أَشۡرَكۡتُمُونِ مِن قَبۡلُۗ إِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٢٢

23. Những người có đức tin và hành thiện sẽ được vào Thiên Đàng, bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ sống trong đó mãi mãi theo sự cho phép của Thượng Đế của họ; lời chào của họ ở nơi đó sẽ là Salam (chào bình an).

وَأُدۡخِلَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا بِإِذۡنِ رَبِّهِمۡۖ تَحِيَّتُهُمۡ فِيهَا سَلَٰمٌ ٢٣

24. Ngươi (Thiên sứ Muhammad) không thấy Allah đã đưa ra hình ảnh thí dụ về lời nói tốt lành (Tawhid) sao? Nó giống như một loại cây tốt, rễ của nó cố định vững chắc và cành của nó vươn lên trời.

أَلَمۡ تَرَ كَيۡفَ ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا كَلِمَةٗ طَيِّبَةٗ كَشَجَرَةٖ طَيِّبَةٍ أَصۡلُهَا ثَابِتٞ وَفَرۡعُهَا فِي ٱلسَّمَآءِ ٢٤

25. Nó luôn kết trái trong mọi mùa theo phép của Thượng Đế của nó. Allah đưa ra các hình ảnh thí dụ cho nhân loại, mong rằng họ lưu tâm.

تُؤۡتِيٓ أُكُلَهَا كُلَّ حِينِۭ بِإِذۡنِ رَبِّهَاۗ وَيَضۡرِبُ ٱللَّهُ ٱلۡأَمۡثَالَ لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَتَذَكَّرُونَ ٢٥

26. Còn hình ảnh thí dụ về lời nói xấu (Shirk) giống như một loại cây xấu, bị bật gốc khỏi mặt đất, không có bất kỳ sự ổn định nào.

وَمَثَلُ كَلِمَةٍ خَبِيثَةٖ كَشَجَرَةٍ خَبِيثَةٍ ٱجۡتُثَّتۡ مِن فَوۡقِ ٱلۡأَرۡضِ مَا لَهَا مِن قَرَارٖ ٢٦

27. Allah giữ vững lời nói của những người có đức tin trên cõi đời này và ở Đời Sau. Và Allah bỏ mặc những kẻ làm điều sai quấy đi lạc. Và Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn.

يُثَبِّتُ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱلۡقَوۡلِ ٱلثَّابِتِ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَفِي ٱلۡأٓخِرَةِۖ وَيُضِلُّ ٱللَّهُ ٱلظَّٰلِمِينَۚ وَيَفۡعَلُ ٱللَّهُ مَا يَشَآءُ ٢٧

28. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không thấy những kẻ đã đánh đổi ân huệ của Allah bằng sự vô ơn với Ngài và đẩy cộng đồng của mình rơi vào sự diệt vong sao?	۞أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ بَدَّلُواْ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ كُفۡرٗا وَأَحَلُّواْ قَوۡمَهُمۡ دَارَ ٱلۡبَوَارِ ٢٨
29. (Sự diệt vong đó chính là) Hoả Ngục, nơi mà chúng sẽ bị thiêu đốt, và (đó là) một chốn định cư tồi tệ và khốn khổ.	جَهَنَّمَ يَصۡلَوۡنَهَاۖ وَبِئۡسَ ٱلۡقَرَارُ ٢٩
30. (Sở dĩ chúng bị thiêu đốt trong Hoả Ngục) là do chúng đã dựng lên những thần linh ngang vai với Allah hầu lôi kéo thiên hạ đi lạc khỏi con đường của Ngài. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), Ngươi hãy nói với chúng: “Các ngươi hãy cứ tận hưởng (một thời gian), vì rồi đây điểm đến cuối cùng của các ngươi sẽ là Hỏa Ngục.”	وَجَعَلُواْ لِلَّهِ أَندَادٗا لِّيُضِلُّواْ عَن سَبِيلِهِۦۗ قُلۡ تَمَتَّعُواْ فَإِنَّ مَصِيرَكُمۡ إِلَى ٱلنَّارِ ٣٠
31. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo đám bầy tôi có đức tin của TA rằng họ hãy dâng lễ nguyện Salah và chi dùng bổng lộc mà TA đã ban cấp cho họ (cho con đường chính nghĩa của TA) một cách thầm kín và công khai trước khi đến Ngày sẽ không còn việc mua bán trao đổi cũng như bất kỳ tình bạn nào.	قُل لِّعِبَادِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ يُقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُنفِقُواْ مِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ سِرّٗا وَعَلَانِيَةٗ مِّن قَبۡلِ أَن يَأۡتِيَ يَوۡمٞ لَّا بَيۡعٞ فِيهِ وَلَا خِلَٰلٌ ٣١
32. Allah là Đấng đã tạo ra trời đất và cho mưa từ trên trời xuống làm mọc ra cây trái để cung cấp nguồn bổng lộc cho các ngươi. Chính Ngài là Đấng đã chế ngự cho các ngươi những con tàu có thể chạy trên biển cả theo mệnh lệnh của Ngài; và cũng chính Ngài đã chế ngự cho các ngươi những dòng sông (để các ngươi sử dụng).	ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَأَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَخۡرَجَ بِهِۦ مِنَ ٱلثَّمَرَٰتِ رِزۡقٗا لَّكُمۡۖ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلۡفُلۡكَ لِتَجۡرِيَ فِي ٱلۡبَحۡرِ بِأَمۡرِهِۦۖ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلۡأَنۡهَٰرَ ٣٢
33. Và chính Ngài đã chế ngự cho các ngươi mặt trời, mặt trăng khi cả hai di chuyển theo quỹ đạo nhất định (của chúng) và chính Ngài đã chế ngự cho các ngươi ban đêm và ban ngày (để các ngươi nghỉ ngơi và tìm kế sinh nhai).	وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَ دَآئِبَيۡنِۖ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ ٣٣
34. Chính Ngài đã ban cho các ngươi tất cả mọi thứ mà các ngươi đã đòi hỏi và cầu xin Ngài. (Quả thật), nếu các ngươi đếm những ân huệ của Allah thì chắc chắn các ngươi không thể nào đếm hết được. Thật vậy, con người (nói chung) thường bất công và vô ơn nhất.	وَءَاتَىٰكُم مِّن كُلِّ مَا سَأَلۡتُمُوهُۚ وَإِن تَعُدُّواْ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ لَا تُحۡصُوهَآۗ إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ لَظَلُومٞ كَفَّارٞ ٣٤
35. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy nhớ khi Ibrahim cầu xin (Allah sau khi Y để vợ là Hajar và con trai là Isma’il ở lại Makkah), nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài làm cho vùng đất này thành chốn an bình và xin Ngài bảo vệ bề tôi cùng con cháu của bề tôi tránh xa việc thờ phượng bục tượng.”	وَإِذۡ قَالَ إِبۡرَٰهِيمُ رَبِّ ٱجۡعَلۡ هَٰذَا ٱلۡبَلَدَ ءَامِنٗا وَٱجۡنُبۡنِي وَبَنِيَّ أَن نَّعۡبُدَ ٱلۡأَصۡنَامَ ٣٥

36. “Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật các thần linh bục tượng đã làm lầm lạc rất nhiều người. Vì vậy, ai tuân theo bề tôi thì y là tín đồ của bề tôi, còn ai nghịch lại bề tôi thì quả thật Ngài là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.”

رَبِّ إِنَّهُنَّ أَضۡلَلۡنَ كَثِيرٗا مِّنَ ٱلنَّاسِۖ فَمَن تَبِعَنِي فَإِنَّهُۥ مِنِّيۖ وَمَنۡ عَصَانِي فَإِنَّكَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٣٦

37. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, bề tôi đã để một số con cháu của bề tôi định cư trong một thung lũng hoang vu gần Ngôi Nhà Thiêng Liêng của Ngài (Ka’bah). Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài phù hộ chúng thành những người luôn duy trì lễ nguyện Salah; xin Ngài hướng trái tim của một số nhân loại hướng đến chúng, xin Ngài ban bố bổng lộc cho chúng từ hoa quả, cây trái, để chúng có thể biết ơn (Ngài).”

رَّبَّنَآ إِنِّيٓ أَسۡكَنتُ مِن ذُرِّيَّتِي بِوَادٍ غَيۡرِ ذِي زَرۡعٍ عِندَ بَيۡتِكَ ٱلۡمُحَرَّمِ رَبَّنَا لِيُقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ فَٱجۡعَلۡ أَفۡـِٔدَةٗ مِّنَ ٱلنَّاسِ تَهۡوِيٓ إِلَيۡهِمۡ وَٱرۡزُقۡهُم مِّنَ ٱلثَّمَرَٰتِ لَعَلَّهُمۡ يَشۡكُرُونَ ٣٧

38. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, Ngài thực sự biết những gì bầy tôi giấu giếm và những gì bầy tôi phơi bày. Quả thật, không một thứ gì có thể che giấu được Ngài dù ở dưới đất hay ở trên trời.”

رَبَّنَآ إِنَّكَ تَعۡلَمُ مَا نُخۡفِي وَمَا نُعۡلِنُۗ وَمَا يَخۡفَىٰ عَلَى ٱللَّهِ مِن شَيۡءٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فِي ٱلسَّمَآءِ ٣٨

39. “Alhamdulillah, Đấng đã ban cho bề tôi trong tuổi già hai đứa con trai, Isma’il và Is-haq. Quả thật, Thượng Đế của bề tôi là Đấng Hằng Nghe lời cầu nguyện (của đám bề tôi của Ngài).”

ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِي وَهَبَ لِي عَلَى ٱلۡكِبَرِ إِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَۚ إِنَّ رَبِّي لَسَمِيعُ ٱلدُّعَآءِ ٣٩

40. “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài phù hộ bề tôi duy trì lễ nguyện Salah và cả con cháu của bề tôi. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài chấp nhận lời cầu nguyện này.”

رَبِّ ٱجۡعَلۡنِي مُقِيمَ ٱلصَّلَوٰةِ وَمِن ذُرِّيَّتِيۚ رَبَّنَا وَتَقَبَّلۡ دُعَآءِ ٤٠

41. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài tha thứ tội lỗi cho bề tôi, cho cha mẹ của bề tôi và cho những người có đức tin vào Ngày Phán Xét được thiết lập.”

رَبَّنَا ٱغۡفِرۡ لِي وَلِوَٰلِدَيَّ وَلِلۡمُؤۡمِنِينَ يَوۡمَ يَقُومُ ٱلۡحِسَابُ ٤١

42. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi đừng bao giờ nghĩ rằng Allah không để ý đến những việc làm xấu xa của những kẻ sai trái. Thật ra, Ngài chỉ tạm tha cho chúng đến Ngày mà những con mắt sẽ mở to nhìn (trong nỗi sợ hãi và kinh hoàng).

وَلَا تَحۡسَبَنَّ ٱللَّهَ غَٰفِلًا عَمَّا يَعۡمَلُ ٱلظَّٰلِمُونَۚ إِنَّمَا يُؤَخِّرُهُمۡ لِيَوۡمٖ تَشۡخَصُ فِيهِ ٱلۡأَبۡصَٰرُ ٤٢

43. (Sau khi nhân loại trở dậy từ mộ), họ kinh hãi chạy nhanh về phía trước (theo tiếng gọi), đầu ngẩng cao, không chớp mắt, và trái tim của họ thì trống rỗng.

مُهۡطِعِينَ مُقۡنِعِي رُءُوسِهِمۡ لَا يَرۡتَدُّ إِلَيۡهِمۡ طَرۡفُهُمۡۖ وَأَفۡـِٔدَتُهُمۡ هَوَآءٞ ٤٣

44. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy cảnh báo nhân loại về Ngày mà sự trừng phạt sẽ đến với họ. Lúc đó, những kẻ làm điều sai quấy sẽ khẩn cầu: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài trì hoãn cho bầy tôi thêm một thời gian ngắn nữa, chắc chắn bầy tôi sẽ đáp lại lời kêu gọi của Ngài và đi theo các vị Sứ Giả (của Ngài).” (Allah phán): “Chẳng phải các ngươi đã từng thề thốt khẳng định rằng các ngươi sẽ không suy tàn (chết) đó sao?”

وَأَنذِرِ ٱلنَّاسَ يَوۡمَ يَأۡتِيهِمُ ٱلۡعَذَابُ فَيَقُولُ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ رَبَّنَآ أَخِّرۡنَآ إِلَىٰٓ أَجَلٖ قَرِيبٖ نُّجِبۡ دَعۡوَتَكَ وَنَتَّبِعِ ٱلرُّسُلَۗ أَوَلَمۡ تَكُونُوٓاْ أَقۡسَمۡتُم مِّن قَبۡلُ مَا لَكُم مِّن زَوَالٖ ﴿٤٤﴾

45. “Các ngươi đã dừng chân tại các ngôi nhà của những kẻ thời trước, những kẻ đã bất công với chính bản thân chúng (như dân ‘Ad, dân Thamud…). Các ngươi đã thấy rõ cách TA đã trừng trị chúng, và thậm chí TA đã giải thích cho các ngươi tất cả điều này bằng cách đưa ra các hình ảnh thí dụ.”

وَسَكَنتُمۡ فِي مَسَٰكِنِ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ وَتَبَيَّنَ لَكُمۡ كَيۡفَ فَعَلۡنَا بِهِمۡ وَضَرَبۡنَا لَكُمُ ٱلۡأَمۡثَالَ ﴿٤٥﴾

46. (Tại nơi dừng chân tội lỗi đó) chúng đã bàn bạc kế hoạch (để loại trừ Thiên Sứ Muhammad và Islam), và kế hoạch đó của chúng đã bị Allah thâu tóm, mặc dù kế hoạch đó của chúng dữ dội làm chấn động cả núi non.

وَقَدۡ مَكَرُواْ مَكۡرَهُمۡ وَعِندَ ٱللَّهِ مَكۡرُهُمۡ وَإِن كَانَ مَكۡرُهُمۡ لِتَزُولَ مِنۡهُ ٱلۡجِبَالُ ﴿٤٦﴾

47. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đừng bao giờ nghĩ rằng Allah sẽ thất hứa với các Sứ Giả của Ngài. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng toàn quyền trừng phạt (không thể kháng cự).

فَلَا تَحۡسَبَنَّ ٱللَّهَ مُخۡلِفَ وَعۡدِهِۦ رُسُلَهُۥٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٞ ذُو ٱنتِقَامٖ ﴿٤٧﴾

48. (Ngươi hãy cảnh báo chúng về) Ngày mà trái đất sẽ được thay thế bằng một trái đất khác và các tầng trời cũng vậy, và (tất cả nhân loại) đều được triệu tập đứng trình diện trước Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Thống Trị (không thể cưỡng lại).

يَوۡمَ تُبَدَّلُ ٱلۡأَرۡضُ غَيۡرَ ٱلۡأَرۡضِ وَٱلسَّمَٰوَٰتُۖ وَبَرَزُواْ لِلَّهِ ٱلۡوَٰحِدِ ٱلۡقَهَّارِ ﴿٤٨﴾

49. Vào Ngày hôm đó, Ngươi sẽ thấy những kẻ tội lỗi bị trói (tay chân) bằng xích (dính vào cổ).

وَتَرَى ٱلۡمُجۡرِمِينَ يَوۡمَئِذٖ مُّقَرَّنِينَ فِي ٱلۡأَصۡفَادِ ﴿٤٩﴾

50. Quần áo của chúng sẽ là dầu hắc và gương mặt của chúng sẽ bị bao phủ bởi Lửa.

سَرَابِيلُهُم مِّن قَطِرَانٖ وَتَغۡشَىٰ وُجُوهَهُمُ ٱلنَّارُ ﴿٥٠﴾

51. (Tất cả những gì xảy ra trong Ngày Hôm đó là) để Allah thưởng phạt cho mỗi linh hồn về những gì nó kiếm được (trên thế gian). Quả thật, Allah rất nhanh chóng trong việc thanh toán.

لِيَجۡزِيَ ٱللَّهُ كُلَّ نَفۡسٖ مَّا كَسَبَتۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلۡحِسَابِ ﴿٥١﴾

52. (Kinh Qur’an) này là một thông điệp dành cho loài người, qua đó họ được cảnh báo (về sự trừng phạt khủng khiếp cho việc trái lệnh Allah), và qua đó họ có thể biết rằng Ngài là một Thượng Đế duy nhất và để những người hiểu biết có thể lưu tâm chú ý.

هَٰذَا بَلَٰغٞ لِّلنَّاسِ وَلِيُنذَرُواْ بِهِۦ وَلِيَعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَا هُوَ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞ وَلِيَذَّكَّرَ أُوْلُواْ ٱلۡأَلۡبَٰبِ ﴿٥٢﴾

Al-Hijr (Vùng Núi Hijr) الحجر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. Lam. Ra. Đây là những câu của Kinh Sách, và một Qur'an rõ ràng.

الٓرۚ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ وَقُرۡءَانٖ مُّبِينٖ ١

2. Có lẽ (chẳng bao lâu nữa sẽ đến lúc) những kẻ vô đức tin ước ao phải chi chúng là những tín đồ Muslim.

رُّبَمَا يَوَدُّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوۡ كَانُواْ مُسۡلِمِينَ ٢

3. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), Ngươi hãy để chúng ăn uống và tận hưởng, hãy để hy vọng hão huyền làm cho chúng vui sướng, vì rồi đây chúng sẽ biết.

ذَرۡهُمۡ يَأۡكُلُواْ وَيَتَمَتَّعُواْ وَيُلۡهِهِمُ ٱلۡأَمَلُۖ فَسَوۡفَ
يَعۡلَمُونَ ٣

4. TA (Allah) đã không tiêu diệt bất kỳ thị trấn nào ngoại trừ điều đó đã được ấn định từ trước.

وَمَآ أَهۡلَكۡنَا مِن قَرۡيَةٍ إِلَّا وَلَهَا كِتَابٞ مَّعۡلُومٞ ٤

5. Không một cộng đồng nào ra đi trước kỳ hạn của nó và (cũng không một cộng đồng nào) có thể trì hoãn thêm.

مَّا تَسۡبِقُ مِنۡ أُمَّةٍ أَجَلَهَا وَمَا يَسۡتَـٔۡخِرُونَ ٥

6. (Những kẻ vô đức tin tại Makkah) nói với (Sứ Giả Muhammad): "Này kẻ tự xưng mình nhận được Thông Điệp, ngươi thực sự là một tên điên."

وَقَالُواْ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِي نُزِّلَ عَلَيۡهِ ٱلذِّكۡرُ إِنَّكَ
لَمَجۡنُونٞ ٦

7. "Tại sao ngươi không mang các Thiên Thần đến gặp bọn ta nếu ngươi là một người nói thật?"

لَّوۡ مَا تَأۡتِينَا بِٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٧

8. TA (Allah) chỉ phái các Thiên Thần xuống vì một lý do chính đáng, và (một khi họ đã xuống) thì (những kẻ vô đức tin) sẽ không được tạm tha (mà sự trừng phạt sẽ được thi hành lập tức).

مَا نُنَزِّلُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ إِلَّا بِٱلۡحَقِّ وَمَا كَانُوٓاْ إِذٗا
مُّنظَرِينَ ٨

9. Thật vậy, chính TA đã ban Thông Điệp Nhắc Nhở (Qur'an) xuống và chính TA sẽ bảo quản Nó.

إِنَّا نَحۡنُ نَزَّلۡنَا ٱلذِّكۡرَ وَإِنَّا لَهُۥ لَحَٰفِظُونَ ٩

10. Quả thật, trước Ngươi (Muhammad), TA cũng đã phái các Sứ Giả đến giữa các giáo phái của các cộng đồng thời xưa.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ فِي شِيَعِ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٠

11. Và không một Sứ Giả nào đến mà lại không bị họ nhạo báng và giễu cợt.

وَمَا يَأۡتِيهِم مِّن رَّسُولٍ إِلَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ١١

12. Cũng như thế, TA đã gieo nó vào tấm lòng của những kẻ tội lỗi.

كَذَٰلِكَ نَسۡلُكُهُۥ فِي قُلُوبِ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ١٢

13. Chúng không tin Nó (Qur'an), và tiền lệ của những cộng đồng xưa đã trôi qua.	لَا يُؤْمِنُونَ بِهِۦ وَقَدْ خَلَتْ سُنَّةُ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿١٣﴾
14. Cho dù TA có mở riêng một cửa trời dành cho chúng tự do lên xuống,	وَلَوْ فَتَحْنَا عَلَيْهِم بَابًا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ فَظَلُّواْ فِيهِ يَعْرُجُونَ ﴿١٤﴾
15. Thì chúng vẫn nói: "Chắc chắn mắt của chúng ta chỉ bị lóa. Không, chúng ta đã bị trúng bùa."	لَقَالُوٓاْ إِنَّمَا سُكِّرَتْ أَبْصَٰرُنَا بَلْ نَحْنُ قَوْمٌ مَّسْحُورُونَ ﴿١٥﴾
16. Quả thật, TA (Allah) đã đặt trong bầu trời các chòm sao và đã làm đẹp nó cho những người quan sát, ngắm nhìn.	وَلَقَدْ جَعَلْنَا فِى ٱلسَّمَآءِ بُرُوجًا وَزَيَّنَّٰهَا لِلنَّٰظِرِينَ ﴿١٦﴾
17. Và TA bảo vệ nó khỏi (sự xâm nhập lén lút của) từng tên Shaytan bị trục xuất (khỏi lòng thương xót của TA).	وَحَفِظْنَٰهَا مِن كُلِّ شَيْطَٰنٍ رَّجِيمٍ ﴿١٧﴾
18. Ngoại trừ tên (Shaytan) nào lén nghe trộm thì sẽ bị truy đuổi bởi một chùm lửa đỏ rực.	إِلَّا مَنِ ٱسْتَرَقَ ٱلسَّمْعَ فَأَتْبَعَهُۥ شِهَابٌ مُّبِينٌ ﴿١٨﴾
19. Và trái đất, TA đã trải rộng nó (như một tấm thảm) và đã đặt lên nó những ngọn núi vững chắc, và TA cho mọc lên trên nó đủ loại cây cối một cách cân bằng theo định lượng.	وَٱلْأَرْضَ مَدَدْنَٰهَا وَأَلْقَيْنَا فِيهَا رَوَٰسِىَ وَأَنۢبَتْنَا فِيهَا مِن كُلِّ شَىْءٍ مَّوْزُونٍ ﴿١٩﴾
20. Trên trái đất, TA đã tạo ra những phương tiện sống cho các ngươi (loài người) và cho cả những ai (sinh vật) mà các ngươi không có trách nhiệm nuôi dưỡng.	وَجَعَلْنَا لَكُمْ فِيهَا مَعَٰيِشَ وَمَن لَّسْتُمْ لَهُۥ بِرَٰزِقِينَ ﴿٢٠﴾
21. Bất kỳ thứ gì, kho tài nguyên của nó cũng đều nằm ở nơi TA, nhưng TA chỉ ban nó xuống theo một định lượng rõ ràng.	وَإِن مِّن شَىْءٍ إِلَّا عِندَنَا خَزَآئِنُهُۥ وَمَا نُنَزِّلُهُۥٓ إِلَّا بِقَدَرٍ مَّعْلُومٍ ﴿٢١﴾
22. Chính TA đã gởi đi những luồng gió gieo tinh, ban mưa từ trên trời xuống cho các ngươi để các ngươi sử dụng mặc dù các ngươi không phải là chủ nhân giữ kho chứa của nó.	وَأَرْسَلْنَا ٱلرِّيَٰحَ لَوَٰقِحَ فَأَنزَلْنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَسْقَيْنَٰكُمُوهُ وَمَآ أَنتُمْ لَهُۥ بِخَٰزِنِينَ ﴿٢٢﴾
23. Quả thật, TA là Đấng làm cho sống và làm cho chết, và chính TA là Đấng thừa kế duy nhất của tất cả.	وَإِنَّا لَنَحْنُ نُحْىِۦ وَنُمِيتُ وَنَحْنُ ٱلْوَٰرِثُونَ ﴿٢٣﴾

24. Và chắc chắn TA luôn biết rõ ai là người đã qua đời và ai là người còn sống trong các ngươi.

وَلَقَدۡ عَلِمۡنَا ٱلۡمُسۡتَقۡدِمِينَ مِنكُمۡ وَلَقَدۡ عَلِمۡنَا ٱلۡمُسۡتَـٔۡخِرِينَ ٢٤

25. Thật vậy, Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), Ngài sẽ triệu tập họ lại (để phán xét và thưởng phạt). Quả thật, Ngài là Đấng Chí Minh, Đấng Hiểu Biết.

وَإِنَّ رَبَّكَ هُوَ يَحۡشُرُهُمۡۚ إِنَّهُۥ حَكِيمٌ عَلِيمٞ ٢٥

26. Quả thật, TA đã tạo ra con người (Adam) từ đất sét thuộc một loại bùn đen đã biến đổi.

وَلَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ مِن صَلۡصَٰلٖ مِّنۡ حَمَإٖ مَّسۡنُونٖ ٢٦

27. Và Jann (tổ tiên loài Jinn), TA đã tạo ra Y trước (Adam) từ ngọn lửa rực cháy.

وَٱلۡجَآنَّ خَلَقۡنَٰهُ مِن قَبۡلُ مِن نَّارِ ٱلسَّمُومِ ٢٧

28. Hãy nhớ lại (hỡi Thiên Sứ Muhammad) khi Thượng Đế của Ngươi tuyên bố với các Thiên Thần: “TA sẽ tạo ra một con người (Adam) từ đất sét thuộc một loại bùn đen đã biến đổi.

وَإِذۡ قَالَ رَبُّكَ لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ إِنِّي خَٰلِقُۢ بَشَرٗا مِّن صَلۡصَٰلٖ مِّنۡ حَمَإٖ مَّسۡنُونٖ ٢٨

29. “Khi TA hoàn thành việc tạo hình cho Y và thổi linh hồn của TA vào Y thì các ngươi hãy cúi xuống quỳ lạy (chào) Y.”

فَإِذَا سَوَّيۡتُهُۥ وَنَفَخۡتُ فِيهِ مِن رُّوحِي فَقَعُواْ لَهُۥ سَٰجِدِينَ ٢٩

30. Vì vậy, tất cả các Thiên Thần đều đã cúi xuống quỳ lạy.

فَسَجَدَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ كُلُّهُمۡ أَجۡمَعُونَ ٣٠

31. Ngoại trừ Iblis, hắn đã từ chối tham gia cùng với những Thiên Thần quỳ lạy.

إِلَّآ إِبۡلِيسَ أَبَىٰٓ أَن يَكُونَ مَعَ ٱلسَّٰجِدِينَ ٣١

32. (Allah) hỏi: “Này Iblis, sao ngươi lại không tham gia cùng với những Thiên Thần quỳ lạy?”

قَالَ يَٰٓإِبۡلِيسُ مَا لَكَ أَلَّا تَكُونَ مَعَ ٱلسَّٰجِدِينَ ٣٢

33. (Iblis) đáp: “Bề tôi sẽ không quỳ lạy trước một con người mà Ngài đã tạo ra từ đất sét thuộc một loại bùn đen đã biến đổi.”

قَالَ لَمۡ أَكُن لِّأَسۡجُدَ لِبَشَرٍ خَلَقۡتَهُۥ مِن صَلۡصَٰلٖ مِّنۡ حَمَإٖ مَّسۡنُونٖ ٣٣

34. (Allah) phán: “Vậy thì ngươi hãy đi ra khỏi đó (Thiên Đàng), ngươi là một kẻ bị trục xuất.”

قَالَ فَٱخۡرُجۡ مِنۡهَا فَإِنَّكَ رَجِيمٞ ٣٤

35. “Và ngươi sẽ bị nguyền rủa cho đến Ngày Thưởng Phạt.”

وَإِنَّ عَلَيۡكَ ٱللَّعۡنَةَ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلدِّينِ ٣٥

36. (Iblis) khẩn cầu: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài tạm tha cho bề tôi cho đến Ngày mà (loài người) được phục sinh.”

قَالَ رَبِّ فَأَنظِرۡنِيٓ إِلَىٰ يَوۡمِ يُبۡعَثُونَ ٣٦

37. (Allah) phán: “Vậy, ngươi được tạm tha,”

قَالَ فَإِنَّكَ مِنَ ٱلۡمُنظَرِينَ ٣٧

38. “Cho đến Ngày của Thời Khắc (Tận Thế) được ấn định.”

إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡوَقۡتِ ٱلۡمَعۡلُومِ ٣٨

39. (Iblis) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, vì Ngài đã đặt bề tôi vào lỗi lầm, bề tôi quyết sẽ làm cho (sự bất tuân) trở nên hấp dẫn đối với chúng (loài người) trên trái đất, bề tôi quyết sẽ đánh lừa tất cả bọn chúng rơi vào lầm lạc.”

قَالَ رَبِّ بِمَآ أَغۡوَيۡتَنِي لَأُزَيِّنَنَّ لَهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ
وَلَأُغۡوِيَنَّهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٣٩

40. “Ngoại trừ những bề tôi nào của Ngài có tấm lòng chân tâm (thờ phượng Ngài) trong bọn chúng.”

إِلَّا عِبَادَكَ مِنۡهُمُ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ٤٠

41. (Allah) phán: “Đây là con đường (Islam) thẳng tắp dẫn đến nơi TA.”

قَالَ هَٰذَا صِرَٰطٌ عَلَيَّ مُسۡتَقِيمٌ ٤١

42. “Đối với những bề tôi chân chính của Ta, ngươi sẽ không thể sử dụng quyền lực nào, quyền lực của ngươi sẽ chỉ có hiệu lực với những kẻ lầm lạc, muốn theo các ngươi.”

إِنَّ عِبَادِي لَيۡسَ لَكَ عَلَيۡهِمۡ سُلۡطَٰنٌ إِلَّا مَنِ
ٱتَّبَعَكَ مِنَ ٱلۡغَاوِينَ ٤٢

43. “Và Hỏa Ngục, chắc chắn là điểm hẹn cho toàn thể bọn chúng (hội ngộ cùng ngươi).”

وَإِنَّ جَهَنَّمَ لَمَوۡعِدُهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٤٣

44. “Nó có bảy cổng, đi vào mỗi cổng sẽ là một nhóm (tội phạm) nhất định trong bọn chúng.”

لَهَا سَبۡعَةُ أَبۡوَٰبٖ لِّكُلِّ بَابٖ مِّنۡهُمۡ جُزۡءٞ مَّقۡسُومٌ ٤٤

45. “Quả thật, những người ngoan đạo sẽ ở giữa những khu vườn và suối nước (nơi Thiên Đàng).”

إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي جَنَّٰتٖ وَعُيُونٍ ٤٥

46. (Họ được nghinh đón với lời): "Hãy vào (Thiên Đàng) một cách bình yên và an toàn!”

ٱدۡخُلُوهَا بِسَلَٰمٍ ءَامِنِينَ ٤٦

47. “TA sẽ tẩy sạch bộ ngực của họ khỏi tất cả các dấu vết của sự oán hận và thù hằn, và họ sẽ ngồi trên những chiếc ghế dài đối mặt nhau như anh em.”

وَنَزَعۡنَا مَا فِي صُدُورِهِم مِّنۡ غِلٍّ إِخۡوَٰنًا عَلَىٰ سُرُرٖ
مُّتَقَٰبِلِينَ ٤٧

48. “(Trong Thiên Đàng), họ sẽ không phải đối mặt với bất cứ sự mệt mỏi nào và cũng không bao giờ bị đuổi ra (khỏi đó).”

لَا يَمَسُّهُمۡ فِيهَا نَصَبٞ وَمَا هُم مِّنۡهَا بِمُخۡرَجِينَ ٤٨

49. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy thông báo cho các bề tôi của TA biết rằng TA thực sự là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

۞نَبِّئۡ عِبَادِيٓ أَنِّيٓ أَنَا ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ٤٩

50. Nhưng sự trừng phạt của TA lại rất đau đớn.

وَأَنَّ عَذَابِي هُوَ ٱلۡعَذَابُ ٱلۡأَلِيمُ ٥٠

51. Và Ngươi hãy nói cho họ biết về (câu chuyện của) những vị khách (Thiên Thần) của Ibrahim.

وَنَبِّئۡهُمۡ عَن ضَيۡفِ إِبۡرَٰهِيمَ ٥١

52. Khi họ vào gặp Y, họ chào Salam. Y nói: “Quả thật, việc các vị (xuất hiện đường đột) làm chúng tôi có cảm giác lo sợ.”

إِذۡ دَخَلُواْ عَلَيۡهِ فَقَالُواْ سَلَٰمٗا قَالَ إِنَّا مِنكُمۡ
وَجِلُونَ ٥٢

53. Họ nói: “Ngươi đừng sợ, vì chúng tôi đến để báo tin mừng cho ngươi về một đứa con trai đầy sự hiểu biết.”

قَالُواْ لَا تَوۡجَلۡ إِنَّا نُبَشِّرُكَ بِغُلَٰمٍ عَلِيمٖ ٥٣

54. (Ibrahim) nói (trong ngạc nhiên): “Các vị báo tin mừng cho tôi trong lúc tôi đã già thế này ư? Vậy thì (tôi thắc mắc) các vị báo tin mừng đó cho tôi theo phương diện nào?”

قَالَ أَبَشَّرۡتُمُونِي عَلَىٰٓ أَن مَّسَّنِيَ ٱلۡكِبَرُ فَبِمَ
تُبَشِّرُونَ ٥٤

55. (Các vị khách) nói: “Chúng tôi báo tin mừng cho ngươi là sự thật, vì vậy, ngươi chớ đừng là kẻ tuyệt vọng.”

قَالُواْ بَشَّرۡنَٰكَ بِٱلۡحَقِّ فَلَا تَكُن مِّنَ ٱلۡقَٰنِطِينَ ٥٥

56. (Ibrahim) nói: “Chỉ những kẻ lầm lạc mới tuyệt vọng nơi lòng nhân từ của Thượng Đế của mình.”

قَالَ وَمَن يَقۡنَطُ مِن رَّحۡمَةِ رَبِّهِۦٓ إِلَّا ٱلضَّآلُّونَ ٥٦

57. (Ibrahim) hỏi: “Vậy công việc của các vị (ở đây) là gì, hỡi các Sứ Giả (của Allah)?”

قَالَ فَمَا خَطۡبُكُمۡ أَيُّهَا ٱلۡمُرۡسَلُونَ ٥٧

58. Họ nói: “Chúng tôi được phái đến (để trừng phạt) đám người tội lỗi (dân của Lut).”

قَالُوٓاْ إِنَّآ أُرۡسِلۡنَآ إِلَىٰ قَوۡمٖ مُّجۡرِمِينَ ٥٨

59. “Trừ người nhà của Lut, chúng tôi phải giải cứu họ tất cả.”

إِلَّآ ءَالَ لُوطٍ إِنَّا لَمُنَجُّوهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٥٩

60. “Ngoại trừ vợ của Y, (Allah ra lệnh rằng): “TA đã định đoạt cho nữ ta ở lại cùng đám người bị trừng phạt.”

إِلَّا ٱمۡرَأَتَهُۥ قَدَّرۡنَآ إِنَّهَا لَمِنَ ٱلۡغَٰبِرِينَ ٦٠

61. Và khi các Sứ Giả đến gia đình Lut.

فَلَمَّا جَآءَ ءَالَ لُوطٍ ٱلۡمُرۡسَلُونَ ٦١

62. (Lut) bảo: “Quả thật, các vị là những vị khách lạ mặt.”

قَالَ إِنَّكُمۡ قَوۡمٞ مُّنكَرُونَ ٦٢

63. (Các Sứ Giả) đáp: “Không, chúng tôi đến với ngươi mang theo điều (trừng phạt) mà (đám dân của ngươi) đã hoài nghi.”

قَالُواْ بَلۡ جِئۡنَٰكَ بِمَا كَانُواْ فِيهِ يَمۡتَرُونَ ٦٣

64. “Và chúng tôi đến gặp ngươi là sự thật và chúng tôi rất trung thực (với điều đã thông báo).”

وَأَتَيۡنَٰكَ بِٱلۡحَقِّ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ٦٤

65. “Vì vậy, ngươi hãy đưa người nhà rời khỏi đây trong đêm khuya. Ngươi hãy đi đằng sau họ và không để bất cứ ai trong các ngươi ngoái đầu lại nhìn phía sau, các ngươi cứ hãy tiếp tục đi đến nơi mà các ngươi được chỉ định.”

فَأَسۡرِ بِأَهۡلِكَ بِقِطۡعٖ مِّنَ ٱلَّيۡلِ وَٱتَّبِعۡ أَدۡبَٰرَهُمۡ وَلَا
يَلۡتَفِتۡ مِنكُمۡ أَحَدٞ وَٱمۡضُواْ حَيۡثُ تُؤۡمَرُونَ ٦٥

66. TA (Allah) đã truyền (sắc lệnh) cho Y (Lut) về vấn đề đó: rằng những (tội nhân) đó sẽ bị loại bỏ vào sáng sớm.

وَقَضَيۡنَآ إِلَيۡهِ ذَٰلِكَ ٱلۡأَمۡرَ أَنَّ دَابِرَ هَٰٓؤُلَآءِ مَقۡطُوعٞ
مُّصۡبِحِينَ ٦٦

67. Và người dân thành phố (Sodom) đến gặp (Lut) vui mừng.

وَجَآءَ أَهۡلُ ٱلۡمَدِينَةِ يَسۡتَبۡشِرُونَ ٦٧

68. Lut nói với chúng: “Quả thật, đây là những vị khách của Ta, vì vậy, các ngươi đừng làm cho ta xấu hổ.”

قَالَ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ ضَيۡفِي فَلَا تَفۡضَحُونِ ٦٨

69. “Các ngươi hãy kính sợ Allah và chớ đừng làm nhục ta.”

وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلَا تُخۡزُونِ ٦٩

70. (Đám dân của Lut) nói: “Chẳng phải bọn ta đã cấm Ngươi tiếp đón người lạ đó sao?”

قَالُوٓاْ أَوَلَمۡ نَنۡهَكَ عَنِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٧٠

71. (Lut) nói: “Đây là những đứa con gái của ta, (hãy kết hôn với chúng) nếu các ngươi muốn hành động (để giải toả sinh lý).”

قَالَ هَٰٓؤُلَآءِ بَنَاتِيٓ إِن كُنتُمۡ فَٰعِلِينَ ٧١

72. (Allah phán:) Thề bởi sinh mạng của Ngươi (hỡi Lut) rằng bọn chúng đang lang thang một cách mù quáng trong cơn say.

لَعَمۡرُكَ إِنَّهُمۡ لَفِي سَكۡرَتِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ٧٢

73. Vì vậy, một tiếng thét đã túm bắt chúng lúc mặt trời mọc.

فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلصَّيۡحَةُ مُشۡرِقِينَ ٧٣

74. Rồi TA đã lật ngược thành phố của chúng và đổ lên chúng một trận mưa đá cứng như đất sét nung.

فَجَعَلۡنَا عَٰلِيَهَا سَافِلَهَا وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهِمۡ حِجَارَةٗ
مِّن سِجِّيلٍ ٧٤

75. Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu dành cho những người biết suy ngẫm.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّلۡمُتَوَسِّمِينَ ٧٥

76. Thật vậy, (các thành phố bị lật ngược) vẫn hãy còn nằm trên những con đường qua lại (giữa Makkah và Syria).	وَإِنَّهَا لَبِسَبِيلٖ مُّقِيمٍ ٧٦
77. Quả thật, trong sự việc đó là dấu hiệu dành cho những người có đức tin.	إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٧٧
78. Quả thật, đám dân của Aykah(1) cũng là những kẻ làm điều sai quấy.[I]	وَإِن كَانَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡأَيۡكَةِ لَظَٰلِمِينَ ٧٨
79. Vì vậy, TA đã trừng phạt chúng. Và thực sự cả hai thị trấn đó vẫn còn (để lại dấu tích) trên một con đường thông thoáng.	فَٱنتَقَمۡنَا مِنۡهُمۡ وَإِنَّهُمَا لَبِإِمَامٖ مُّبِينٖ ٧٩
80. Quả thật, đám dân của thành phố đá(2) đã phủ nhận các vị Sứ Giả (được gửi đến với họ).[II]	وَلَقَدۡ كَذَّبَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡحِجۡرِ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٨٠
81. TA đã gửi đến chúng các dấu hiệu của TA nhưng chúng ngoảnh mặt quay đi.	وَءَاتَيۡنَٰهُمۡ ءَايَٰتِنَا فَكَانُواْ عَنۡهَا مُعۡرِضِينَ ٨١
82. Chúng đã đục núi làm nhà ở và luôn cảm thấy an toàn (trong các ngôi nhà của chúng).	وَكَانُواْ يَنۡحِتُونَ مِنَ ٱلۡجِبَالِ بُيُوتًا ءَامِنِينَ ٨٢
83. Nhưng một tiếng thét dữ dội đã túm bắt chúng vào lúc sáng sớm.	فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلصَّيۡحَةُ مُصۡبِحِينَ ٨٣
84. Và những gì mà chúng tích lũy được không thể giúp ích được gì cho chúng.	فَمَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ٨٤
85. TA đã tạo ra trời đất và vạn vật là vì chân lý. Chắc chắn Giờ Khắc Tận Thế sẽ đến, vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nhân từ bỏ qua cho chúng (bất chấp những hành vi sai trái của chúng).	وَمَا خَلَقۡنَا ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَآ إِلَّا بِٱلۡحَقِّۗ وَإِنَّ ٱلسَّاعَةَ لَأٓتِيَةٞۖ فَٱصۡفَحِ ٱلصَّفۡحَ ٱلۡجَمِيلَ ٨٥
86. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng Tạo Hoá, Đấng Toàn Tri.	إِنَّ رَبَّكَ هُوَ ٱلۡخَلَّٰقُ ٱلۡعَلِيمُ ٨٦

[I] (1) Aykah là khu rừng nhiệt đới mà người dân của Nabi Shu'aib tôn thành nơi thiêng liêng để thờ phượng. Ngày nay, nó thuộc phía tây bắc giáp tỉnh Tabuk của Ả-rập Xê-út.

[II] (2) Một thành phố của người dân Thamud thuộc cộng đồng Nabi Saleh. Thành phố này được gọi là thành phố đá hoặc đồng bằng đá do những ngôi nhà trong thành phố đều được đục từ núi. Ngày nay, nó là địa phận của lãnh thổ của Jordan.

87. TA thực sự đã ban cho Ngươi bảy câu Kinh lặp đi lặp lại (chương Al-Fatihah) và Qur’an vĩ đại.

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَٰكَ سَبۡعٗا مِّنَ ٱلۡمَثَانِي وَٱلۡقُرۡءَانَ
ٱلۡعَظِيمَ ٨٧

88. Ngươi chớ đừng mở rộng tầm mắt của Ngươi về phía những thứ mà TA đã để cho một số (hạng người) vô đức tin tận hưởng (tạm thời trên cõi trần này), Ngươi cũng chớ đừng buồn phiền về việc chúng (không có đức tin), ngược lại, Ngươi hãy hướng sự quan tâm của Ngươi đến những người có đức tin.

لَا تَمُدَّنَّ عَيۡنَيۡكَ إِلَىٰ مَا مَتَّعۡنَا بِهِۦٓ أَزۡوَٰجٗا مِّنۡهُمۡ
وَلَا تَحۡزَنۡ عَلَيۡهِمۡ وَٱخۡفِضۡ جَنَاحَكَ لِلۡمُؤۡمِنِينَ ٨٨

89. Ngươi hãy nói với chúng: “Thật ra, Ta chỉ là một người cảnh báo rõ ràng (về sự trừng phạt).”

وَقُلۡ إِنِّيٓ أَنَا ٱلنَّذِيرُ ٱلۡمُبِينُ ٨٩

90. Giống như việc TA đã từng cảnh báo với những kẻ đã chia rẽ tôn giáo của chúng.

كَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَى ٱلۡمُقۡتَسِمِينَ ٩٠

91. Đó là những kẻ đã phân chia Qur’an thành nhiều phần (chúng nói: đây là ma thuật, hoặc bói toán hoặc thơ ca).

ٱلَّذِينَ جَعَلُواْ ٱلۡقُرۡءَانَ عِضِينَ ٩١

92. Thề bởi Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad), chắc chắn TA sẽ thẩm tra tất cả bọn chúng.

فَوَرَبِّكَ لَنَسۡـَٔلَنَّهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٩٢

93. Về mọi hành động (tội lỗi) mà chúng đã làm (ở trần gian).

عَمَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٩٣

94. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy công bố những gì Ngươi đã được truyền và hãy quay lưng với những kẻ đa thần.

فَٱصۡدَعۡ بِمَا تُؤۡمَرُ وَأَعۡرِضۡ عَنِ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٩٤

95. TA chắc chắc thừa sức giúp Ngươi đối phó với những kẻ nhạo báng.

إِنَّا كَفَيۡنَٰكَ ٱلۡمُسۡتَهۡزِءِينَ ٩٥

96. Những kẻ mà chúng đã dựng lên cùng Allah một thần linh khác (để tôn thờ), rồi đây chúng sẽ biết.

ٱلَّذِينَ يَجۡعَلُونَ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَۚ فَسَوۡفَ
يَعۡلَمُونَ ٩٦

97. TA thực sự biết rõ lòng của Ngươi buồn phiền bởi những gì chúng nói.

وَلَقَدۡ نَعۡلَمُ أَنَّكَ يَضِيقُ صَدۡرُكَ بِمَا يَقُولُونَ ٩٧

98. Tuy nhiên, Ngươi hãy tán dương Thượng Đế của Ngươi và hãy là một người phủ phục (Allah trong lễ nguyện Salah).

فَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ وَكُن مِّنَ ٱلسَّٰجِدِينَ ٩٨

99. Và Ngươi hãy thờ phượng Thượng Đế của Ngươi cho tới khi sự kiên định (cái chết) đến với Ngươi.	وَٱعۡبُدۡ رَبَّكَ حَتَّىٰ يَأۡتِيَكَ ٱلۡيَقِينُ ٩٩

An-Nahl (Con Ong) النحل

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Lệnh (trừng phạt) của Allah đang đến gần, vì vậy, các ngươi (những người vô đức tin) chớ đừng nóng vội hối thúc. Vinh Quang thay Allah, Ngài Tối Cao vượt bên trên mọi thứ mà chúng qui cho Ngài.

أَتَىٰٓ أَمۡرُ ٱللَّهِ فَلَا تَسۡتَعۡجِلُوهُۚ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ١

2. Ngài phái các Thiên Thần xuống, theo mệnh lệnh của Ngài, truyền đạt Lời Mặc Khải đến cho người nào Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài (và nói với họ): "Các ngươi (hỡi các Sứ Giả) hãy cảnh báo (loài người) rằng không có Thượng Đế đích thực nào ngoài TA, vì vậy hãy kính sợ riêng TA".

يُنَزِّلُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ بِٱلرُّوحِ مِنۡ أَمۡرِهِۦ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦٓ أَنۡ أَنذِرُوٓاْ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنَا۠ فَٱتَّقُونِ ٢

3. Ngài đã tạo ra trời đất vì chân lý. Ngài Tối Cao vượt bên trên những gì họ tổ hợp (với Ngài).

خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّۚ تَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٣

4. Ngài đã tạo ra con người từ một giọt tinh dịch, nhưng rồi y lại trở thành một kẻ công khai chống đối (Ngài).

خَلَقَ ٱلۡإِنسَٰنَ مِن نُّطۡفَةٖ فَإِذَا هُوَ خَصِيمٞ مُّبِينٞ ٤

5. Và gia súc, chính Ngài đã tạo ra chúng. Chúng là nguồn cung cấp quần áo, thực phẩm và nhiều nguồn lợi khác cho các ngươi.

وَٱلۡأَنۡعَٰمَ خَلَقَهَاۗ لَكُمۡ فِيهَا دِفۡءٞ وَمَنَٰفِعُ وَمِنۡهَا تَأۡكُلُونَ ٥

6. Và các ngươi tìm thấy vẻ đẹp ở nơi chúng khi các ngươi lùa chúng về chuồng vào buổi chiều tối và khi các ngươi lùa chúng ra đồng vào buổi sớm mai.

وَلَكُمۡ فِيهَا جَمَالٌ حِينَ تُرِيحُونَ وَحِينَ تَسۡرَحُونَ ٦

7. Chúng còn giúp các ngươi vận chuyển đồ nặng đến vùng đất (xa xôi) mà các ngươi không thể đến được ngoại trừ phải trải qua nhiều khó khăn, vất vả của bản thân. Thật vậy, Thượng Đế của các ngươi đã thương xót và nhân từ (đối với các ngươi) rất nhiều.

وَتَحۡمِلُ أَثۡقَالَكُمۡ إِلَىٰ بَلَدٖ لَّمۡ تَكُونُواْ بَٰلِغِيهِ إِلَّا بِشِقِّ ٱلۡأَنفُسِۚ إِنَّ رَبَّكُمۡ لَرَءُوفٞ رَّحِيمٞ ٧

8. Ngựa, la và lừa, (Ngài đã tạo ra chúng cho các ngươi) để các ngươi cưỡi và trang trí; và (quả thật) Ngài tạo ra nhiều thứ (cho các ngươi) mà các ngươi thậm chí không biết.

وَٱلۡخَيۡلَ وَٱلۡبِغَالَ وَٱلۡحَمِيرَ لِتَرۡكَبُوهَا وَزِينَةٗۚ وَيَخۡلُقُ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٨

9. Trách nhiệm của Allah là chỉ (cho các ngươi) con đường chính đạo, nhưng vẫn tồn tại những con đường chệch hướng. Và (dĩ nhiên), nếu muốn, Ngài có thể hướng dẫn tất cả các ngươi.

وَعَلَى ٱللَّهِ قَصۡدُ ٱلسَّبِيلِ وَمِنۡهَا جَآئِرٞۚ وَلَوۡ شَآءَ لَهَدَىٰكُمۡ أَجۡمَعِينَ ٩

10. Chính Ngài là Đấng đã ban nước mưa từ trên trời xuống để các ngươi uống, tưới tiêu cây trồng và chăn nuôi gia súc.

هُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗۖ لَّكُم مِّنۡهُ شَرَابٞ
وَمِنۡهُ شَجَرٞ فِيهِ تُسِيمُونَ ١٠

11. Cũng nguồn nước mưa đó, Ngài làm mọc ra các loại cây trồng, ô liu, chà là, nho và tất cả loại trái cây. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu dành cho nhóm người biết suy ngẫm.

يُنۢبِتُ لَكُم بِهِ ٱلزَّرۡعَ وَٱلزَّيۡتُونَ وَٱلنَّخِيلَ
وَٱلۡأَعۡنَٰبَ وَمِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ
يَتَفَكَّرُونَ ١١

12. Chính Ngài đã chế ngự cho các ngươi ban đêm, ban ngày, mặt trời, mặt trăng; và các vì sao phải tuân theo mệnh lệnh của Ngài. Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu dành cho nhóm người thông hiểu.

وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ وَٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَۖ
وَٱلنُّجُومُ مُسَخَّرَٰتُۢ بِأَمۡرِهِۦٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ
لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ١٢

13. Và những thứ mang các sắc thái khác nhau mà Ngài đã tạo ra trên trái đất cho các ngươi cũng là những dấu hiệu cho những người biết lưu tâm.

وَمَا ذَرَأَ لَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُخۡتَلِفًا أَلۡوَٰنُهُۥٓۚ إِنَّ فِي
ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ يَذَّكَّرُونَ ١٣

14. Ngài là Đấng đã chế ngự biển cả cho các ngươi (khai thác) thịt tươi sống để ăn và khai thác đồ trang sức để đeo, mặc. Và ngươi (hỡi con người) thấy những con tàu cày xới (những con sóng vượt trùng dương), qua đó, các ngươi có thể tìm kiếm thiên lộc của Ngài, và qua đó, các ngươi có thể tạ ơn (Ngài).

وَهُوَ ٱلَّذِي سَخَّرَ ٱلۡبَحۡرَ لِتَأۡكُلُواْ مِنۡهُ لَحۡمٗا طَرِيّٗا
وَتَسۡتَخۡرِجُواْ مِنۡهُ حِلۡيَةٗ تَلۡبَسُونَهَاۖ وَتَرَى ٱلۡفُلۡكَ
مَوَاخِرَ فِيهِ وَلِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦ وَلَعَلَّكُمۡ
تَشۡكُرُونَ ١٤

15. Chính Ngài đã đặt những ngọn núi vững chắc trên trái đất để nó không rung chuyển với các ngươi, và chính Ngài đã tạo ra những con sông và những con đường để các ngươi có thể tìm thấy đường đi của mình.

وَأَلۡقَىٰ فِي ٱلۡأَرۡضِ رَوَٰسِيَ أَن تَمِيدَ بِكُمۡ وَأَنۡهَٰرٗا
وَسُبُلٗا لَّعَلَّكُمۡ تَهۡتَدُونَ ١٥

16. Và (Ngài đã đặt) những cột mốc (trên trái đất làm dấu dẫn đường con người); và với các vì sao (trên bầu trời) họ cũng có thể tìm thấy con đường của họ.

وَعَلَٰمَٰتٖۚ وَبِٱلنَّجۡمِ هُمۡ يَهۡتَدُونَ ١٦

17. Vậy, Đấng tạo ra có giống với kẻ không tạo ra không? Lẽ nào các ngươi (hỡi con người) vẫn không chịu tỉnh ngộ?

أَفَمَن يَخۡلُقُ كَمَن لَّا يَخۡلُقُۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ١٧

18. Nếu các ngươi đếm ân huệ của Allah, chắc chắn các ngươi sẽ không đếm hết được. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

وَإِن تَعُدُّواْ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ لَا تُحۡصُوهَآۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَغَفُورٞ
رَّحِيمٞ ١٨

19. Allah biết rõ những gì các ngươi che giấu và những gì các ngươi tiết lộ.

وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تُسِرُّونَ وَمَا تُعۡلِنُونَ ١٩

20. Những (thần linh) mà (những kẻ đa thần) cầu nguyện ngoài Allah không tạo ra bất kỳ thứ gì, ngược lại, chính chúng là những vật được tạo ra.

وَٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ لَا يَخۡلُقُونَ شَيۡـٔٗا وَهُمۡ يُخۡلَقُونَ ٢٠

21. (Trên thực tế, các thần linh đó là những vật giống) cái xác chết không có sự sống, và chúng thậm chí không biết bao giờ chúng sẽ được cho sống lại.

أَمۡوَٰتٌ غَيۡرُ أَحۡيَآءٖۖ وَمَا يَشۡعُرُونَ أَيَّانَ يُبۡعَثُونَ ٢١

22. Thượng Đế của các ngươi (hỡi loài người) là một Đấng duy nhất. Tuy nhiên, trái tim của những kẻ không tin vào Đời Sau đang ngập tràn trong việc khước từ Lẽ thật, và chúng là những kẻ kiêu ngạo.

إِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۚ فَٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ قُلُوبُهُم مُّنكِرَةٞ وَهُم مُّسۡتَكۡبِرُونَ ٢٢

23. Chẳng có gì phải hoài nghi rằng Allah biết rõ những gì chúng che giấu và những gì chúng tiết lộ. Thật vậy, Allah không yêu thương những kẻ kiêu ngạo.

لَا جَرَمَ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا يُعۡلِنُونَۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُسۡتَكۡبِرِينَ ٢٣

24. Khi chúng được hỏi: “Thượng Đế của các người đã mặc khải điều gì?” Chúng đáp: “Chỉ là những câu chuyện về thời xa xưa!”

وَإِذَا قِيلَ لَهُم مَّاذَآ أَنزَلَ رَبُّكُمۡ قَالُوٓاْ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٢٤

25. Để chúng gánh trọn tội lỗi của chúng vào Ngày Phán Xét và gánh luôn cả tội lỗi của những kẻ chúng đã dắt đi lạc mà không hay biết. Thật tồi tệ cho điều mà chúng phải gánh chịu?!

لِيَحۡمِلُوٓاْ أَوۡزَارَهُمۡ كَامِلَةٗ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَمِنۡ أَوۡزَارِ ٱلَّذِينَ يُضِلُّونَهُم بِغَيۡرِ عِلۡمٍۗ أَلَا سَآءَ مَا يَزِرُونَ ٢٥

26. Quả thật, những kẻ trước chúng đã âm mưu theo cách tương tự, nhưng Allah đã nhổ toàn bộ cấu trúc âm mưu của chúng khỏi nền móng của nó để mái nhà rơi vào chúng, và rồi sự trừng phạt (của Allah) bất ngờ xảy đến với chúng từ nơi chúng không nhận ra.

قَدۡ مَكَرَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ فَأَتَى ٱللَّهُ بُنۡيَٰنَهُم مِّنَ ٱلۡقَوَاعِدِ فَخَرَّ عَلَيۡهِمُ ٱلسَّقۡفُ مِن فَوۡقِهِمۡ وَأَتَىٰهُمُ ٱلۡعَذَابُ مِنۡ حَيۡثُ لَا يَشۡعُرُونَ ٢٦

27. Rồi vào Ngày Phán Xét, (Allah) sẽ hạ nhục chúng, phán: “Đâu là ‘những đối tác’ của TA mà các ngươi đã thường tranh chấp với (các bề tôi có đức tin của TA)?” Những người được ban cho kiến thức sẽ nói: “Chắc chắn ngày nay sự sĩ nhục và khốn khổ sẽ dành cho những kẻ vô đức tin!”

ثُمَّ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يُخۡزِيهِمۡ وَيَقُولُ أَيۡنَ شُرَكَآءِيَ ٱلَّذِينَ كُنتُمۡ تُشَٰٓقُّونَ فِيهِمۡۚ قَالَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ إِنَّ ٱلۡخِزۡيَ ٱلۡيَوۡمَ وَٱلسُّوٓءَ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢٧

28. Những kẻ mà các Thiên Thần rút hồn chúng trong lúc chúng đang làm điều sai trái. Lúc đó, chúng mới chịu phục, nói: “Chúng tôi không làm bất kỳ điều xấu nào.” (Các Thiên Thần trả lời chúng: “Không. Quả thật, Allah biết rõ những gì các ngươi từng làm.”

ٱلَّذِينَ تَتَوَفَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ ظَالِمِيٓ أَنفُسِهِمۡۖ فَأَلۡقَوُاْ ٱلسَّلَمَ مَا كُنَّا نَعۡمَلُ مِن سُوٓءِۭۚ بَلَىٰٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٢٨

29. “Vì vậy, các ngươi hãy vào các cổng Hỏa Ngục để sống muôn đời trong đó. Thật tồi tệ cho một nơi ở của những kẻ tự cao, kiêu ngạo!”

فَٱدۡخُلُوٓاْ أَبۡوَٰبَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ فَلَبِئۡسَ مَثۡوَى ٱلۡمُتَكَبِّرِينَ ٢٩

30. Và khi có lời hỏi những người ngoan đạo: “Thượng Đế của các ngươi đã mặc khải điều gì?” Họ đáp: “Điều tốt.” Những người làm điều tốt trong cuộc sống trần gian này sẽ được điều tốt và Đời Sau, chỗ ở của họ sẽ tốt hơn. Và thật phúc lành cho ngôi nhà của những người ngoan đạo!

۞وَقِيلَ لِلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ مَاذَآ أَنزَلَ رَبُّكُمۡۚ قَالُواْ خَيۡرٗاۗ
لِّلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٞۚ وَلَدَارُ ٱلۡأٓخِرَةِ
خَيۡرٞۚ وَلَنِعۡمَ دَارُ ٱلۡمُتَّقِينَ ٣٠

31. Đó là những Ngôi Vườn Thiên Đàng vĩnh cửu mà họ sẽ vào, bên dưới có các dòng sông chảy. Trong đó, họ sẽ có bất cứ thứ gì họ ước muốn. Allah ban thưởng cho những người ngoan đạo đúng như thế.

جَنَّٰتُ عَدۡنٖ يَدۡخُلُونَهَا تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ
لَهُمۡ فِيهَا مَا يَشَآءُونَۚ كَذَٰلِكَ يَجۡزِي ٱللَّهُ
ٱلۡمُتَّقِينَ ٣١

32. Những người mà các Thiên Thần rút hồn họ lúc họ đang trong tình trạng trong sạch, (các Thiên Thần) sẽ nói với họ: “Chào bình an đến quí vị, quí vị hãy vào Thiên Đàng bởi những gì quí vị đã từng làm (ở trần gian).”

ٱلَّذِينَ تَتَوَفَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ طَيِّبِينَ يَقُولُونَ سَلَٰمٌ
عَلَيۡكُمُ ٱدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٣٢

33. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Có phải (những kẻ đa thần) đang chờ đợi các Thiên Thần xuất hiện trước mặt chúng hoặc (chúng đang chờ đợi) lệnh (trừng phạt) của Thượng Đế của Ngươi đến? Những kẻ trước chúng đã hành động với sự ngoan cố tương tự. Và Allah không làm hại chúng mà chính chúng đã tự hại bản thân mình.

هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّآ أَن تَأۡتِيَهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ أَوۡ يَأۡتِيَ أَمۡرُ
رَبِّكَۚ كَذَٰلِكَ فَعَلَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ وَمَا ظَلَمَهُمُ
ٱللَّهُ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٣٣

34. Vì vậy, chúng phải chịu hậu quả cho việc xấu mà chúng đã làm và những điều mà chúng nhạo báng sẽ trở lại bao vây chúng.

فَأَصَابَهُمۡ سَيِّـَٔاتُ مَا عَمِلُواْ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ
يَسۡتَهۡزِءُونَ ٣٤

35. Những kẻ tổ hợp thần linh (cùng với Allah) nói: “Nếu như Allah muốn, chúng tôi và cả tổ phụ của chúng tôi đã không thờ phượng ngoài Ngài bất cứ thứ gì, và chúng tôi đã không cấm bất cứ điều gì nếu không có lệnh của Ngài.” Những kẻ trước chúng đã hành động với sự ngoan cố tương tự. Tuy nhiên, các Sứ Giả (của Allah) chỉ có nhiệm vụ truyền đạt (Thông Điệp của Ngài) một cách rõ ràng mà thôi.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ لَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا عَبَدۡنَا مِن
دُونِهِۦ مِن شَيۡءٖ نَّحۡنُ وَلَآ ءَابَآؤُنَا وَلَا حَرَّمۡنَا مِن
دُونِهِۦ مِن شَيۡءٖۚ كَذَٰلِكَ فَعَلَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ
فَهَلۡ عَلَى ٱلرُّسُلِ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ٣٥

36. Quả thật, TA (Allah) đã gửi đến mỗi cộng đồng một vị Sứ Giả (để nói với họ): “Các ngươi hãy thờ phượng một mình Allah và tránh xa tà thần.” Tuy nhiên, trong số họ có người được Allah hướng dẫn và có người không tránh khỏi sự lầm lạc. Vì vậy, các ngươi hãy đi chu du khắp trái đất để quan sát hậu quả của những kẻ phủ nhận (đã bị trừng phạt) như thế nào!

وَلَقَدۡ بَعَثۡنَا فِي كُلِّ أُمَّةٖ رَّسُولًا أَنِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
وَٱجۡتَنِبُواْ ٱلطَّٰغُوتَۖ فَمِنۡهُم مَّنۡ هَدَى ٱللَّهُ وَمِنۡهُم
مَّنۡ حَقَّتۡ عَلَيۡهِ ٱلضَّلَٰلَةُۚ فَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ
فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ٣٦

37. (Hỡi Muhammad), cho dù Ngươi có cố chỉ cho chúng con đường đúng đắn đến đâu, Allah cũng không hướng dẫn những kẻ mà Ngài để cho chúng đi lạc đường; và chắc chắn chúng sẽ không có ai giúp đỡ.

إِن تَحۡرِصۡ عَلَىٰ هُدَىٰهُمۡ فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي مَن
يُضِلُّۖ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٣٧

38. (Những người phủ nhận sự Phục Sinh) đã thề với Allah bằng lời thề long trọng rằng Allah sẽ không phục sinh một ai đã chết. Không, lời hứa của Allah là sự thật, nhưng hầu hết nhân loại không biết điều đó.

وَأَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ لَا يَبۡعَثُ ٱللَّهُ مَن
يَمُوتُۚ بَلَىٰ وَعۡدًا عَلَيۡهِ حَقّٗا وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ
لَا يَعۡلَمُونَ ٣٨

39. (Allah sẽ phục sinh loài người từ cõi chết) để Ngài chứng minh cho họ thấy thực tế về những điều mà họ đã từng tranh cãi, và để những kẻ vô đức tin có thể biết rằng chúng chính là những kẻ nói dối.

لِيُبَيِّنَ لَهُمُ ٱلَّذِي يَخۡتَلِفُونَ فِيهِ وَلِيَعۡلَمَ ٱلَّذِينَ
كَفَرُوٓاْ أَنَّهُمۡ كَانُواْ كَٰذِبِينَ ٣٩

40. (Các ngươi hãy biết rằng) quả thật, khi muốn điều gì đó xảy ra, TA chỉ cần phán với lời: “Hãy thành!” thì nó sẽ thành đúng như vậy.

إِنَّمَا قَوۡلُنَا لِشَيۡءٍ إِذَآ أَرَدۡنَٰهُ أَن نَّقُولَ لَهُۥ كُن
فَيَكُونُ ٤٠

41. Đối với những người đã vì Allah rời bỏ nhà cửa (của mình) sau khi chịu đựng sự đàn áp, TA (Allah) chắc chắn sẽ cấp cho họ một nơi ở tốt trên thế gian này; và chắc chắn phần thưởng ở Đời Sau sẽ còn lớn hơn, giá mà họ có thể biết điều đó.

وَٱلَّذِينَ هَاجَرُواْ فِي ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا ظُلِمُواْ
لَنُبَوِّئَنَّهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٗۖ وَلَأَجۡرُ ٱلۡأٓخِرَةِ أَكۡبَرُۚ لَوۡ
كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ٤١

42. (Họ) là những người đã kiên nhẫn chịu đựng và phó thác cho Thượng Đế của họ.

ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ يَتَوَكَّلُونَ ٤٢

43. (Này hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Các Sứ Giả mà TA đã cử phái trước Ngươi đều là những người đàn ông (phàm tục) được TA mặc khải. Vì vậy, các ngươi hãy hỏi những người hiểu biết nếu các ngươi không biết.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ إِلَّا رِجَالٗا نُّوحِيٓ إِلَيۡهِمۡۖ
فَسۡـَٔلُوٓاْ أَهۡلَ ٱلذِّكۡرِ إِن كُنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٤٣

44. (Các Sứ Giả mà TA cử phái trước Ngươi) đều mang đến các bằng chứng rõ ràng cùng với các Kinh Sách (minh bạch). Và TA cũng đã ban cho Ngươi Lời Nhắc Nhở (Qur’an) để Ngươi trình bày cho nhân loại biết những gì đã được ban xuống cho họ và mong rằng họ có thể suy ngẫm (mà tự phản ánh).

بِٱلۡبَيِّنَٰتِ وَٱلزُّبُرِۗ وَأَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ٱلذِّكۡرَ لِتُبَيِّنَ لِلنَّاسِ
مَا نُزِّلَ إِلَيۡهِمۡ وَلَعَلَّهُمۡ يَتَفَكَّرُونَ ٤٤

45. Phải chăng những kẻ đã mưu đồ (ngăn cản con đường của Allah) lại cảm thấy yên tâm rằng Allah sẽ không làm cho đất nuốt chửng chúng hoặc hình phạt sẽ không xảy đến với chúng trong lúc chúng không hay biết ư?

أَفَأَمِنَ ٱلَّذِينَ مَكَرُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ أَن يَخۡسِفَ ٱللَّهُ بِهِمُ
ٱلۡأَرۡضَ أَوۡ يَأۡتِيَهُمُ ٱلۡعَذَابُ مِنۡ حَيۡثُ لَا
يَشۡعُرُونَ ٤٥

46. Hoặc (chẳng lẽ chúng yên tâm) rằng Ngài sẽ không đột ngột bắt phạt chúng khi chúng đang đi đi lại lại và chúng hoàn toàn bất lực?

أَوۡ يَأۡخُذَهُمۡ فِي تَقَلُّبِهِمۡ فَمَا هُم بِمُعۡجِزِينَ ٤٦

47. Hoặc (chẳng lẽ chúng yên tâm) rằng Ngài sẽ không bắt phạt chúng dần dần trong nỗi sợ? Tuy nhiên, Thượng Đế của các ngươi là Đấng Thương Xót, Đấng Nhân Từ.

أَوۡ يَأۡخُذَهُمۡ عَلَىٰ تَخَوُّفٖ فَإِنَّ رَبَّكُمۡ لَرَءُوفٞ
رَّحِيمٞ ٤٧

أَوَلَمْ يَرَوْاْ إِلَىٰ مَا خَلَقَ ٱللَّهُ مِن شَيْءٖ يَتَفَيَّؤُاْ ظِلَٰلُهُۥ
عَنِ ٱلْيَمِينِ وَٱلشَّمَآئِلِ سُجَّدٗا لِّلَّهِ وَهُمْ دَٰخِرُونَ ٤٨

48. Lẽ nào (những kẻ vô đức tin) không quan sát những gì Allah đã tạo ra? Bóng của chúng đổ sang phải và sang trái, chúng phủ phục hoàn toàn phục tùng Allah.

وَلِلَّهِ يَسْجُدُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلْأَرْضِ مِن
دَآبَّةٖ وَٱلْمَلَٰٓئِكَةُ وَهُمْ لَا يَسْتَكْبِرُونَ ٤٩

49. Mọi sinh vật trong các tầng trời và trái đất và cả các Thiên Thần đều phủ phục Allah và tất cả đều không kiêu ngạo.

يَخَافُونَ رَبَّهُم مِّن فَوْقِهِمْ وَيَفْعَلُونَ مَا
يُؤْمَرُونَ۩ ٥٠

50. Chúng kính sợ Thượng Đế của chúng ở trên chúng, và chúng luôn làm theo những gì mà chúng được truyền lệnh.

۞وَقَالَ ٱللَّهُ لَا تَتَّخِذُوٓاْ إِلَٰهَيْنِ ٱثْنَيْنِۖ إِنَّمَا هُوَ إِلَٰهٞ
وَٰحِدٞ فَإِيَّٰيَ فَٱرْهَبُونِ ٥١

51. Allah phán bảo (với toàn bộ đám bề tôi của Ngài): “Các ngươi đừng nhận lấy hai thần linh để thờ phượng, bởi quả thật chỉ có một Thượng Đế duy nhất. Vì vậy, các ngươi hãy chỉ sợ riêng TA.”

وَلَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَلَهُ ٱلدِّينُ وَاصِبًاۚ
أَفَغَيْرَ ٱللَّهِ تَتَّقُونَ ٥٢

52. Vạn vật trong trời đất đều thuộc về Ngài và việc thờ phượng Ngài là điều bắt buộc. Lẽ nào các ngươi lại sợ ai khác ngoài Allah?

وَمَا بِكُم مِّن نِّعْمَةٖ فَمِنَ ٱللَّهِۖ ثُمَّ إِذَا مَسَّكُمُ
ٱلضُّرُّ فَإِلَيْهِ تَجْـَٔرُونَ ٥٣

53. Mọi ân huệ mà các ngươi (hỡi con người) có được đều do Allah ban cho. Rồi khi nghịch cảnh chạm đến các ngươi, các ngươi khóc than cầu cứu với Ngài.

ثُمَّ إِذَا كَشَفَ ٱلضُّرَّ عَنكُمْ إِذَا فَرِيقٞ مِّنكُم
بِرَبِّهِمْ يُشْرِكُونَ ٥٤

54. Sau đó, khi Ngài loại bỏ nghịch cảnh khỏi các ngươi, ngay lập tức một thành phần trong các ngươi lại dựng lên những thần linh khác cùng với Thượng Đế.

لِيَكْفُرُواْ بِمَآ ءَاتَيْنَٰهُمْۚ فَتَمَتَّعُواْ فَسَوْفَ
تَعْلَمُونَ ٥٥

55. (Chúng làm như thế) là để phủ nhận mọi ân huệ mà TA đã ban cho chúng. Vì vậy, các ngươi hãy tận hưởng một lúc, rồi đây các ngươi sẽ biết.

وَيَجْعَلُونَ لِمَا لَا يَعْلَمُونَ نَصِيبٗا مِّمَّا رَزَقْنَٰهُمْۗ
تَٱللَّهِ لَتُسْـَٔلُنَّ عَمَّا كُنتُمْ تَفْتَرُونَ ٥٦

56. Chúng trích một phần từ nguồn bổng lộc mà TA đã ban cho chúng để dành riêng cho những kẻ (thần linh bục tượng) mà chúng không biết. Thề với Allah, rồi đây các ngươi chắc chắn sẽ bị tra hỏi về những gì các ngươi đã bịa ra.

وَيَجْعَلُونَ لِلَّهِ ٱلْبَنَٰتِ سُبْحَٰنَهُۥ وَلَهُم مَّا
يَشْتَهُونَ ٥٧

57. Chúng gán (các Thiên Thần) là những đứa con gái của Allah - thật trong sạch và tối cao thay Ngài - còn chúng thì gán cho bản thân chúng những gì chúng thực sự mong muốn.

58. Khi ai đó trong số chúng nhận được tin báo (sự ra đời của) một đứa con gái thì gương mặt của y trở nên tối sầm và y cố nén đau buồn.

وَإِذَا بُشِّرَ أَحَدُهُم بِٱلۡأُنثَىٰ ظَلَّ وَجۡهُهُۥ مُسۡوَدّٗا وَهُوَ
كَظِيمٞ ٥٨

59. Y tránh mặt giấu mình với mọi người vì tin xấu vừa nhận được, y đắn đo không biết nên giữ đứa bé lại một cách nhục nhã hay nên chôn sống nó xuống đất? Thật xấu xa cho những điều mà chúng qui định!

يَتَوَٰرَىٰ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ مِن سُوٓءِ مَا بُشِّرَ بِهِۦٓۚ أَيُمۡسِكُهُۥ
عَلَىٰ هُونٍ أَمۡ يَدُسُّهُۥ فِي ٱلتُّرَابِۗ أَلَا سَآءَ مَا
يَحۡكُمُونَ ٥٩

60. Những kẻ không tin vào Đời Sau xứng đáng bị coi là thuộc tính xấu xa trong khi Allah là thuộc tính cao nhất. Ngài là Đấng quyền năng nhất, Đấng thông thái nhất.

لِلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ مَثَلُ ٱلسَّوۡءِۖ وَلِلَّهِ ٱلۡمَثَلُ
ٱلۡأَعۡلَىٰۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٦٠

61. Nếu Allah muốn bắt phạt loài người về hành động sai trái của họ, chắc chắn Ngài sẽ không chừa bất kỳ sinh vật nào còn sống (trên trái đất). Nhưng Ngài lại tạm hoãn cho họ sống đến một thời hạn đã ấn định; và khi thời hạn ấn định của họ đã đến, họ không có quyền trì hoãn thêm một giây phút nào và cũng sẽ không thể gấp rút nó sớm hơn.

وَلَوۡ يُؤَاخِذُ ٱللَّهُ ٱلنَّاسَ بِظُلۡمِهِم مَّا تَرَكَ عَلَيۡهَا مِن
دَآبَّةٖ وَلَٰكِن يُؤَخِّرُهُمۡ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗىۖ فَإِذَا جَآءَ
أَجَلُهُمۡ لَا يَسۡتَـٔۡخِرُونَ سَاعَةٗ وَلَا يَسۡتَقۡدِمُونَ ٦١

62. Chúng (những kẻ đa thần) gán cho Allah điều mà chính chúng không thích, và lưỡi của chúng khẳng định lời nói dối rằng chúng sẽ có được điều tốt nhất (đang chờ đợi chúng). Không gì phải hoài nghi rằng Hỏa Ngục sẽ là chốn ngụ dành cho chúng và chắc chắn chúng sẽ bị bỏ quên (trong đó).

وَيَجۡعَلُونَ لِلَّهِ مَا يَكۡرَهُونَۚ وَتَصِفُ أَلۡسِنَتُهُمُ
ٱلۡكَذِبَ أَنَّ لَهُمُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ لَا جَرَمَ أَنَّ لَهُمُ ٱلنَّارَ
وَأَنَّهُم مُّفۡرَطُونَ ٦٢

63. Thề bởi Allah, quả thật, TA đã gửi các Sứ Giả đến các cộng đồng thời trước Ngươi (Thiên Sứ Muhammad). Nhưng Shaytan đã làm cho những việc làm của chúng trở nên hấp dẫn đối với chúng. (Vì vậy, chúng không để ý đến lời kêu gọi của các Sứ Giả), và ngày nay Shaytan là đồng minh của chúng và chúng sẽ phải chịu một hình phạt đau đớn.

تَٱللَّهِ لَقَدۡ أَرۡسَلۡنَآ إِلَىٰٓ أُمَمٖ مِّن قَبۡلِكَ فَزَيَّنَ لَهُمُ
ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَهُوَ وَلِيُّهُمُ ٱلۡيَوۡمَ وَلَهُمۡ عَذَابٌ
أَلِيمٞ ٦٣

64. TA đã ban Kinh Sách (Qur'an) xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) để Ngươi có thể giải thích cho chúng sự thật liên quan đến những gì chúng đang tranh chấp và rằng (Qur'an) có thể dùng như một sự hướng dẫn và lòng thương xót dành cho những ai tin vào nó.

وَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ إِلَّا لِتُبَيِّنَ لَهُمُ ٱلَّذِي
ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٗ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٦٤

65. Allah đã ban nước mưa từ trên trời xuống làm sống lại đất đai đã chết khô. Quả thật, trong sự việc đó là các dấu hiệu dành cho đám người biết lắng nghe.

وَٱللَّهُ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَحۡيَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ
مَوۡتِهَآۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ يَسۡمَعُونَ ٦٥

66. Chắc chắn có một bài học dành cho các ngươi ở nơi gia súc: TA ban nguồn thức uống cho các ngươi từ trong bụng của chúng, nằm giữa phân và máu, một nguồn sữa tươi tinh khiết, tạo cảm giác ngon miệng cho người uống.

وَإِنَّ لَكُمۡ فِي ٱلۡأَنۡعَٰمِ لَعِبۡرَةٗۖ نُّسۡقِيكُم مِّمَّا فِي
بُطُونِهِۦ مِنۢ بَيۡنِ فَرۡثٖ وَدَمٖ لَّبَنًا خَالِصٗا سَآئِغٗا
لِّلشَّٰرِبِينَ ٦٦

67. Và (một bài học) từ trái của cây chà là và nho, các ngươi tạo ra chất say và nguồn thực phẩm bổ dưỡng. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu dành cho nhóm người thông hiểu.

وَمِن ثَمَرَٰتِ ٱلنَّخِيلِ وَٱلۡأَعۡنَٰبِ تَتَّخِذُونَ مِنۡهُ
سَكَرٗا وَرِزۡقًا حَسَنًاۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ
يَعۡقِلُونَ ٦٧

68. Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã mặc khải cho loài ong mật: "Ngươi hãy xây tổ trên núi, trên cây và trên những vật mà (con người) dựng lên thành giàn."

وَأَوۡحَىٰ رَبُّكَ إِلَى ٱلنَّحۡلِ أَنِ ٱتَّخِذِي مِنَ ٱلۡجِبَالِ
بُيُوتٗا وَمِنَ ٱلشَّجَرِ وَمِمَّا يَعۡرِشُونَ ٦٨

69. "Sau đó, ngươi hãy ăn từ mọi loại trái quả và tiếp tục di chuyển trên các con đường của Thượng Đế của ngươi mà ngươi đã thành thục." Từ trong bụng của (ong mật) có một thứ đồ uống mang nhiều màu sắc, trong đó có sự chữa lành bệnh cho loài người. Quả thật, trong sự việc đó là dấu hiệu cho một đám người biết suy ngẫm.

ثُمَّ كُلِي مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ فَٱسۡلُكِي سُبُلَ رَبِّكِ ذُلُلٗاۚ
يَخۡرُجُ مِنۢ بُطُونِهَا شَرَابٞ مُّخۡتَلِفٌ أَلۡوَٰنُهُۥ فِيهِ
شِفَآءٞ لِّلنَّاسِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ٦٩

70. (Hỡi con người!) Chính Allah đã tạo ra các ngươi và sau đó Ngài khiến các ngươi chết. Trong các ngươi, có người được cho sống đến tuổi già đến mức lú lẫn không còn biết gì sau khi đã biết rất nhiều. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Toàn Năng.

وَٱللَّهُ خَلَقَكُمۡ ثُمَّ يَتَوَفَّىٰكُمۡۚ وَمِنكُم مَّن يُرَدُّ إِلَىٰٓ
أَرۡذَلِ ٱلۡعُمُرِ لِكَيۡ لَا يَعۡلَمَ بَعۡدَ عِلۡمٖ شَيۡـًٔاۚ إِنَّ ٱللَّهَ
عَلِيمٞ قَدِيرٞ ٧٠

71. Allah đã ưu đãi người này vượt trội hơn người kia trong các ngươi về bổng lộc. Nhưng những kẻ được ưu ái hơn về bổng lộc không chịu chia sẻ bổng lộc của mình với những nô lệ dưới quyền vì sợ rằng họ trở thành những người chia sẻ bình đẳng với mình trong phương diện đó? Có phải chúng đang phủ nhận ân huệ của Allah?!

وَٱللَّهُ فَضَّلَ بَعۡضَكُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖ فِي ٱلرِّزۡقِۚ فَمَا
ٱلَّذِينَ فُضِّلُواْ بِرَآدِّي رِزۡقِهِمۡ عَلَىٰ مَا مَلَكَتۡ
أَيۡمَٰنُهُمۡ فَهُمۡ فِيهِ سَوَآءٌۚ أَفَبِنِعۡمَةِ ٱللَّهِ يَجۡحَدُونَ ٧١

72. Chính Allah đã tạo ra cho các ngươi những người bạn đời từ đồng loại của các ngươi; và từ những người bạn đời của các ngươi, Ngài đã tạo ra cho các ngươi con cái và cháu chắt; và Ngài ban cho các ngươi nguồn thực phẩm tốt sạch. Lý nào họ lại tin tưởng vào những thứ ngụy tạo và phủ nhận ân huệ của Allah?!

وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّنۡ أَنفُسِكُمۡ أَزۡوَٰجٗا وَجَعَلَ
لَكُم مِّنۡ أَزۡوَٰجِكُم بَنِينَ وَحَفَدَةٗ وَرَزَقَكُم مِّنَ
ٱلطَّيِّبَٰتِۚ أَفَبِٱلۡبَٰطِلِ يُؤۡمِنُونَ وَبِنِعۡمَتِ ٱللَّهِ هُمۡ
يَكۡفُرُونَ ٧٢

73. (Những kẻ thờ đa thần) tôn thờ ngoài Allah những thứ (thần linh) không có quyền hành ban bố bất cứ thứ gì từ các tầng trời và trái đất; và (thực tế) chúng không thể.

وَيَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَمۡلِكُ لَهُمۡ رِزۡقٗا مِّنَ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ شَيۡـٔٗا وَلَا يَسۡتَطِيعُونَ ٧٣

74. Vì vậy, các ngươi (hỡi con người) chớ đừng đưa ra hình ảnh so sánh với Allah, bởi quả thật, Allah biết còn các ngươi thì không biết.

فَلَا تَضۡرِبُواْ لِلَّهِ ٱلۡأَمۡثَالَۚ إِنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٧٤

75. Allah đưa ra một ví dụ về hai người: một người là nô lệ thuộc sở hữu của người khác và không có quyền đối với bất cứ điều gì; và một người được TA ban phát cho bổng lộc tốt, y tự do chi dùng (cho con đường chính nghĩa của TA) một cách thầm kín và công khai. Vậy hai người này có ngang bằng nhau không? Alhamdulillah! Tuy nhiên, đa số (nhân loại) lại không biết.

۞ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلًا عَبۡدٗا مَّمۡلُوكٗا لَّا يَقۡدِرُ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَمَن رَّزَقۡنَٰهُ مِنَّا رِزۡقًا حَسَنٗا فَهُوَ يُنفِقُ مِنۡهُ سِرّٗا وَجَهۡرًاۖ هَلۡ يَسۡتَوُۥنَۚ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٧٥

76. Allah đưa ra một hình ảnh thí dụ khác về hai người: một người bị câm và không có khả năng trên bất cứ điều gì; y là gánh nặng cho chủ của mình, bất cứ nơi nào chủ của y chỉ đạo y, y không mang lại bất kỳ điều tốt nào. Liệu một người như vậy có thể ngang hàng với một người thực thi công lý và đi theo con đường đúng đắn không?

وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا رَّجُلَيۡنِ أَحَدُهُمَآ أَبۡكَمُ لَا يَقۡدِرُ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَهُوَ كَلٌّ عَلَىٰ مَوۡلَىٰهُ أَيۡنَمَا يُوَجِّههُّ لَا يَأۡتِ بِخَيۡرٍ هَلۡ يَسۡتَوِي هُوَ وَمَن يَأۡمُرُ بِٱلۡعَدۡلِ وَهُوَ عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٧٦

77. Allah có đầy đủ kiến thức về sự thật ngoài tầm nhận thức của trời đất. Và Giờ Tận Thế sẽ diễn ra nhanh như một cái nháy mắt hoặc nhanh hơn thế. Quả thật, Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

وَلِلَّهِ غَيۡبُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَمَآ أَمۡرُ ٱلسَّاعَةِ إِلَّا كَلَمۡحِ ٱلۡبَصَرِ أَوۡ هُوَ أَقۡرَبُۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٧٧

78. Chính Allah đã mang các ngươi (hỡi con người) ra khỏi bụng mẹ của các ngươi trong tình trạng không biết một điều gì. Rồi sau đó, Ngài ban cho các ngươi thính giác, thị giác và trái tim suy nghĩ, mong rằng các ngươi có thể biết tạ ơn.

وَٱللَّهُ أَخۡرَجَكُم مِّنۢ بُطُونِ أُمَّهَٰتِكُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ شَيۡـٔٗا وَجَعَلَ لَكُمُ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ وَٱلۡأَفۡـِٔدَةَ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٧٨

79. Lẽ nào (Những kẻ đa thần) không nhìn thấy những con chim đang bay lượn trong bầu trời? Không một thế lực nào (đủ khả năng) giữ cho chúng (không bị rơi xuống) ngoại trừ Allah! Quả thật, trong sự việc đó là các dấu hiệu dành cho đám người có đức tin.

أَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَى ٱلطَّيۡرِ مُسَخَّرَٰتٖ فِي جَوِّ ٱلسَّمَآءِ مَا يُمۡسِكُهُنَّ إِلَّا ٱللَّهُۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٧٩

80. Chính Allah đã ban cho các ngươi những ngôi nhà để các ngươi nghỉ ngơi và Ngài đã ban sự nghỉ ngơi cho các ngươi trong những chiếc lều được làm từ da của gia súc mà các ngươi dễ dàng mang theo trong ngày di chuyển và trong ngày dừng chân. Từ lông, tóc của chúng, Ngài đã ban cho các ngươi đồ đạc và vật dụng trong một thời gian.

وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّنۢ بُيُوتِكُمۡ سَكَنٗا وَجَعَلَ لَكُم مِّن جُلُودِ ٱلۡأَنۡعَٰمِ بُيُوتٗا تَسۡتَخِفُّونَهَا يَوۡمَ ظَعۡنِكُمۡ وَيَوۡمَ إِقَامَتِكُمۡ وَمِنۡ أَصۡوَافِهَا وَأَوۡبَارِهَا وَأَشۡعَارِهَآ أَثَٰثٗا وَمَتَٰعًا إِلَىٰ حِينٖ ٨٠

81. Chính Allah đã ban bóng mát cho các ngươi từ một số thứ mà Ngài đã tạo ra (như cây cối); Ngài đã tạo cho các ngươi từ những quả núi những cái hang (để làm nơi trú ẩn); Ngài đã ban cho các ngươi những bộ quần áo bảo vệ khỏi nắng nóng cũng như những chiếc áo giáp bảo vệ các ngươi trong trận chiến. Như thế đó, Ngài hoàn thành ân huệ của Ngài cho các ngươi, mong các ngươi có thể phục tùng Ngài.

وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّمَّا خَلَقَ ظِلَٰلٗا وَجَعَلَ لَكُم
مِّنَ ٱلۡجِبَالِ أَكۡنَٰنٗا وَجَعَلَ لَكُمۡ سَرَٰبِيلَ تَقِيكُمُ
ٱلۡحَرَّ وَسَرَٰبِيلَ تَقِيكُم بَأۡسَكُمۡۚ كَذَٰلِكَ يُتِمُّ
نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تُسۡلِمُونَ ٨١

82. Nếu chúng quay đi thì thật ra nhiệm vụ của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chỉ là truyền đạt (thông điệp) rõ ràng.

فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّمَا عَلَيۡكَ ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ٨٢

83. (Những kẻ đa thần) nhận ra các ân huệ của Allah nhưng từ chối thừa nhận chúng, và hầu hết chúng là những kẻ vô ơn.

يَعۡرِفُونَ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ ثُمَّ يُنكِرُونَهَا وَأَكۡثَرُهُمُ
ٱلۡكَٰفِرُونَ ٨٣

84. Vào Ngày Phục Sinh, mỗi cộng đồng đều được TA đưa ra một nhân chứng. Lúc đó, những kẻ vô đức tin không được phép (biện minh) cũng như không được cáo lỗi sửa mình.

وَيَوۡمَ نَبۡعَثُ مِن كُلِّ أُمَّةٖ شَهِيدٗا ثُمَّ لَا يُؤۡذَنُ لِلَّذِينَ
كَفَرُواْ وَلَا هُمۡ يُسۡتَعۡتَبُونَ ٨٤

85. Khi những kẻ làm điều sai quấy nhìn thấy hình phạt, nó sẽ không được giảm nhẹ cho họ và họ cũng không được tạm nghỉ xả hơi.

وَإِذَا رَءَا ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ ٱلۡعَذَابَ فَلَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمۡ
وَلَا هُمۡ يُنظَرُونَ ٨٥

86. Khi những kẻ đa thần nhìn thấy các thần linh ngụy tạo mà chúng đã dựng lên thành đối tác (ngang hàng với Allah), chúng nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, đây là những thần linh mà bầy tôi đã cầu nguyện ngoài Ngài trước đây.” (Các thần linh ngụy tạo đó) phản bác lại chúng, nói: “Các ngươi là những tên nói dối.”

وَإِذَا رَءَا ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ شُرَكَآءَهُمۡ قَالُواْ رَبَّنَا هَٰٓؤُلَآءِ
شُرَكَآؤُنَا ٱلَّذِينَ كُنَّا نَدۡعُواْ مِن دُونِكَۖ فَأَلۡقَوۡاْ إِلَيۡهِمُ
ٱلۡقَوۡلَ إِنَّكُمۡ لَكَٰذِبُونَ ٨٦

87. Vào Ngày hôm đó, (những kẻ đa thần) sẽ qui phục trước Allah và mọi thứ (thần linh) mà chúng bịa ra sẽ biến mất.

وَأَلۡقَوۡاْ إِلَى ٱللَّهِ يَوۡمَئِذٍ ٱلسَّلَمَۖ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ
يَفۡتَرُونَ ٨٧

88. Đối với những kẻ không tin và ngăn cản (người khác) khỏi con đường của Allah, TA sẽ thêm sự trừng phạt chồng lên sự trừng phạt bởi những điều thối nát mà chúng đã làm.

ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ زِدۡنَٰهُمۡ
عَذَابٗا فَوۡقَ ٱلۡعَذَابِ بِمَا كَانُواْ يُفۡسِدُونَ ٨٨

89. Vào Ngày Phục Sinh, mỗi cộng đồng đều được TA đưa ra một nhân chứng chống lại họ; và TA đưa Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) ra làm nhân chứng cho toàn bộ nhân chứng này. TA đã ban xuống cho Ngươi Kinh (Qur’an) như một lời giải thích rõ ràng cho tất cả mọi điều, như là một sự hướng dẫn, sự thương xót, và là nguồn báo tin vui cho những người Muslim (thần phục Allah).

وَيَوۡمَ نَبۡعَثُ فِي كُلِّ أُمَّةٖ شَهِيدًا عَلَيۡهِم مِّنۡ أَنفُسِهِمۡۖ
وَجِئۡنَا بِكَ شَهِيدًا عَلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِۚ وَنَزَّلۡنَا عَلَيۡكَ
ٱلۡكِتَٰبَ تِبۡيَٰنٗا لِّكُلِّ شَيۡءٖ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٗ وَبُشۡرَىٰ
لِلۡمُسۡلِمِينَ ٨٩

90. Quả thật, Allah ra lệnh phải công bằng, phải sống tốt đẹp và phải giúp đỡ họ hàng thân tộc, và Ngài nghiêm cấm tất cả những hành vi vô luân, sai trái và áp bức. Ngài răn dạy các ngươi mong rằng các ngươi có thể lưu tâm.

۞إِنَّ ٱللَّهَ يَأۡمُرُ بِٱلۡعَدۡلِ وَٱلۡإِحۡسَٰنِ وَإِيتَآيِٕ ذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَيَنۡهَىٰ عَنِ ٱلۡفَحۡشَآءِ وَٱلۡمُنكَرِ وَٱلۡبَغۡيِۚ يَعِظُكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَذَكَّرُونَ ٩٠

91. (Hỡi những người có đức tin!) Các ngươi hãy thực hiện giao ước với Allah khi các ngươi đã cam kết với Ngài, các ngươi chớ đừng vi phạm lời thề của các ngươi sau khi các ngươi đã trịnh trọng (nhân danh Allah). Quả thật, Allah biết mọi việc các ngươi làm.

وَأَوۡفُواْ بِعَهۡدِ ٱللَّهِ إِذَا عَٰهَدتُّمۡ وَلَا تَنقُضُواْ ٱلۡأَيۡمَٰنَ بَعۡدَ تَوۡكِيدِهَا وَقَدۡ جَعَلۡتُمُ ٱللَّهَ عَلَيۡكُمۡ كَفِيلًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا تَفۡعَلُونَ ٩١

92. Các ngươi chớ đừng giống như hình ảnh người phụ nữ tháo tung cuộn chỉ sau khi đã cố gắng se chặt. Các ngươi dùng lời thề như một công cụ lừa dối lẫn nhau để một người có thể có lợi thế hơn người kia. Thật ra Allah chỉ thử thách các ngươi thông qua điều đó. Rồi đây vào Ngày Phán Xét, Ngài sẽ trình bày rõ cho các ngươi biết về mọi điều các ngươi từng tranh cãi nhau.

وَلَا تَكُونُواْ كَٱلَّتِي نَقَضَتۡ غَزۡلَهَا مِنۢ بَعۡدِ قُوَّةٍ أَنكَٰثٗا تَتَّخِذُونَ أَيۡمَٰنَكُمۡ دَخَلَۢا بَيۡنَكُمۡ أَن تَكُونَ أُمَّةٌ هِيَ أَرۡبَىٰ مِنۡ أُمَّةٍۚ إِنَّمَا يَبۡلُوكُمُ ٱللَّهُ بِهِۦۚ وَلَيُبَيِّنَنَّ لَكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ مَا كُنتُمۡ فِيهِ تَخۡتَلِفُونَ ٩٢

93. Nếu muốn, chắc chắn Allah có thể làm cho các ngươi thành một cộng đồng duy nhất. Tuy nhiên, Ngài làm cho ai đi lạc là tùy ý Ngài và Ngài hướng dẫn ai cũng là tùy ý Ngài. Và chắc chắn tất cả các ngươi sẽ bị tra hỏi về những gì các ngươi đã làm.

وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَعَلَكُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَلَٰكِن يُضِلُّ مَن يَشَآءُ وَيَهۡدِي مَن يَشَآءُۚ وَلَتُسۡـَٔلُنَّ عَمَّا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٩٣

94. Các ngươi đừng biến những lời thề của các ngươi thành một phương tiện để lừa dối nhau. Nếu không, chân của các ngươi có thể trượt sau khi nó đã vững vàng, và các ngươi sẽ phải nếm trải hậu quả xấu (trên cõi trần này) vì cản trở mọi người đi theo con đường của Allah, và (ở Đời Sau) các ngươi sẽ phải chịu một sự trừng phạt khủng khiếp.

وَلَا تَتَّخِذُوٓاْ أَيۡمَٰنَكُمۡ دَخَلَۢا بَيۡنَكُمۡ فَتَزِلَّ قَدَمُۢ بَعۡدَ ثُبُوتِهَا وَتَذُوقُواْ ٱلسُّوٓءَ بِمَا صَدَدتُّمۡ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَكُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٩٤

95. Các ngươi đừng bán Giao Ước của Allah với một cái giá ít ỏi. Quả thật, những gì ở nơi Allah là tốt nhất cho các ngươi, giá như các ngươi có thể biết.

وَلَا تَشۡتَرُواْ بِعَهۡدِ ٱللَّهِ ثَمَنٗا قَلِيلًاۚ إِنَّمَا عِندَ ٱللَّهِ هُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٩٥

96. Những gì ở nơi các ngươi đều sẽ tiêu tan nhưng những gì ở nơi Allah đều sẽ còn mãi. Và TA (Allah) chắc chắn sẽ trao cho những người hết lòng kiên nhẫn một phần thưởng tốt hơn những gì họ đã từng làm.

مَا عِندَكُمۡ يَنفَدُ وَمَا عِندَ ٱللَّهِ بَاقٖۗ وَلَنَجۡزِيَنَّ ٱلَّذِينَ صَبَرُوٓاْ أَجۡرَهُم بِأَحۡسَنِ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٩٦

97. Bất cứ ai hành thiện, dù nam hay nữ, trong lúc y là một người có đức tin, TA chắc chắn sẽ ban cho y một cuộc sống tốt đẹp; và TA chắc chắn sẽ ban cho (những người như thế) một phần thưởng tốt hơn những gì họ đã từng làm..

مَنۡ عَمِلَ صَٰلِحٗا مِّن ذَكَرٍ أَوۡ أُنثَىٰ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ
فَلَنُحۡيِيَنَّهُۥ حَيَوٰةٗ طَيِّبَةٗۖ وَلَنَجۡزِيَنَّهُمۡ أَجۡرَهُم
بِأَحۡسَنِ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٩٧

98. Vì vậy, bất cứ khi nào Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) xướng đọc Qur'an thì Ngươi hãy cầu xin Allah che chở khỏi Shaytan, kẻ bị trục xuất (khỏi lòng thương xót của Ngài).

فَإِذَا قَرَأۡتَ ٱلۡقُرۡءَانَ فَٱسۡتَعِذۡ بِٱللَّهِ مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ
ٱلرَّجِيمِ ٩٨

99. Thật vậy, (Shaytan) không có quyền hạn nào đối với những người đã tin tưởng và phó thác cho Thượng Đế của họ.

إِنَّهُۥ لَيۡسَ لَهُۥ سُلۡطَٰنٌ عَلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ
يَتَوَكَّلُونَ ٩٩

100. Quả thật, (Shaytan) chỉ có quyền lực đối với những ai coi hắn như một đấng bảo hộ và những ai dựng các đối tác (cùng với Allah).

إِنَّمَا سُلۡطَٰنُهُۥ عَلَى ٱلَّذِينَ يَتَوَلَّوۡنَهُۥ وَٱلَّذِينَ هُم بِهِۦ
مُشۡرِكُونَ ١٠٠

101. Khi TA thay thế một câu Kinh (trong Qur'an) bằng một câu Kinh khác – và Allah biết rõ nhất về những gì Ngài ban xuống – chúng nói: "Thật ra, Ngươi (Muhammad) chỉ là một tên đặt điều nói dối." Nhưng không, thực tế là hầu hết bọn chúng không biết.

وَإِذَا بَدَّلۡنَآ ءَايَةٗ مَّكَانَ ءَايَةٖ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا يُنَزِّلُ
قَالُوٓاْ إِنَّمَآ أَنتَ مُفۡتَرِۭۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ١٠١

102. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: "Kinh (Qur'an) được Ruh (Đại Thiên Thần Jibril) mang xuống từ Thượng Đế của Y bằng Chân Lý để củng cố (tấm lòng của) những người đã tin tưởng, và nó như là một nguồn hướng dẫn và là một nguồn báo tin vui cho những người Muslim (thần phục Allah)."

قُلۡ نَزَّلَهُۥ رُوحُ ٱلۡقُدُسِ مِن رَّبِّكَ بِٱلۡحَقِّ لِيُثَبِّتَ
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهُدٗى وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُسۡلِمِينَ ١٠٢

103. Quả thật, TA biết rằng họ nói (về Ngươi – hỡi Thiên Sứ Muhammad): "Thật ra, một người phàm đã dạy Y (Qur'an)" mặc dù rằng người mà chúng ác ý ám chỉ là tiếng nước ngoài trong khi (Qur'an) này lại bằng ngôn ngữ Ả-rập rõ ràng trong sáng.

وَلَقَدۡ نَعۡلَمُ أَنَّهُمۡ يَقُولُونَ إِنَّمَا يُعَلِّمُهُۥ بَشَرٞۗ لِّسَانُ
ٱلَّذِي يُلۡحِدُونَ إِلَيۡهِ أَعۡجَمِيّٞ وَهَٰذَا لِسَانٌ عَرَبِيّٞ
مُّبِينٌ ١٠٣

104. Những kẻ đã không tin tưởng vào những Lời Mặc Khải của Allah, chắc chắn Allah sẽ không hướng dẫn chúng (đi đúng chính đạo) và chúng sẽ phải đối mặt với một sự trừng phạt đau đớn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ لَا يَهۡدِيهِمُ ٱللَّهُ
وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ١٠٤

105. (Không phải Muhammad bịa ra lời nói dối), mà thật ra những kẻ không tin vào các Lời Phán của Allah mới là những kẻ bịa ra lời nói dối. Chúng mới thực sự là những kẻ gian dối.

إِنَّمَا يَفۡتَرِي ٱلۡكَذِبَ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِۖ
وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡكَٰذِبُونَ ١٠٥

106. Bất cứ ai không tin vào Allah sau khi đã tin tưởng do bị cưỡng ép nhưng trong tâm y vẫn hãy còn đức tin vững chắc (thì y vẫn là một người có đức tin). Tuy nhiên, những ai mà lòng ngực của họ sẵn sàng chấp nhận sự vô đức tin thì sẽ phải gánh chịu cơn thịnh nộ của Allah và sẽ phải đối mặt với một sự trừng phạt khủng khiếp.

مَن كَفَرَ بِٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ إِيمَٰنِهِۦٓ إِلَّا مَنۡ أُكۡرِهَ
وَقَلۡبُهُۥ مُطۡمَئِنُّۢ بِٱلۡإِيمَٰنِ وَلَٰكِن مَّن شَرَحَ
بِٱلۡكُفۡرِ صَدۡرٗا فَعَلَيۡهِمۡ غَضَبٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَلَهُمۡ
عَذَابٌ عَظِيمٞ ١٠٦

107. Đó là bởi vì chúng yêu thích cuộc sống trần gian này hơn (cuộc sống) Đời Sau, và Allah không hướng dẫn nhóm người vô đức tin.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمُ ٱسۡتَحَبُّواْ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا عَلَى ٱلۡأٓخِرَةِ وَأَنَّ
ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٠٧

108. Đó là những kẻ mà Allah đã niêm kín con tim, thính giác và thị giác của chúng (khiến chúng không thể nhận thức, nghe và nhìn thấy chân lý) và đó là những kẻ thờ ơ.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ طَبَعَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ وَسَمۡعِهِمۡ
وَأَبۡصَٰرِهِمۡۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡغَٰفِلُونَ ١٠٨

109. Không hoài nghi gì nữa rằng chắc chắc chúng sẽ là những kẻ thua cuộc ở Đời Sau.

لَا جَرَمَ أَنَّهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ١٠٩

110. Và chắc chắn Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ là Đấng Tha Thứ và Nhân Từ Nhất đối với những người rời bỏ nhà cửa sau khi họ bị đàn áp nhưng rồi sau đó họ đã đấu tranh anh dũng và kiên nhẫn chịu đựng (mọi thử thách).

ثُمَّ إِنَّ رَبَّكَ لِلَّذِينَ هَاجَرُواْ مِنۢ بَعۡدِ مَا فُتِنُواْ ثُمَّ
جَٰهَدُواْ وَصَبَرُوٓاْ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعۡدِهَا لَغَفُورٞ
رَّحِيمٞ ١١٠

111. Trong Ngày (Phán Xét cuối cùng), tất cả mỗi linh hồn chỉ tự biện hộ cho chính mình và tất cả mỗi linh hồn đều được trao trả đầy đủ mọi thứ đã từng làm và họ không bị đối xử bất công.

*يَوۡمَ تَأۡتِي كُلُّ نَفۡسٖ تُجَٰدِلُ عَن نَّفۡسِهَا وَتُوَفَّىٰ كُلُّ
نَفۡسٖ مَّا عَمِلَتۡ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ١١١

112. Allah đưa ra một hình ảnh ví dụ về (người dân) một thị trấn an ninh, bình yên, và được ban cho nguồn bổng lộc dồi dào từ khắp mọi nơi. Nhưng sau đó người dân trong thị trấn đã phủ nhận ân huệ của Allah, vì vậy Allah khiến họ đói và sợ hãi vì những hành động xấu xa của họ.

وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا قَرۡيَةٗ كَانَتۡ ءَامِنَةٗ مُّطۡمَئِنَّةٗ
يَأۡتِيهَا رِزۡقُهَا رَغَدٗا مِّن كُلِّ مَكَانٖ فَكَفَرَتۡ بِأَنۡعُمِ
ٱللَّهِ فَأَذَٰقَهَا ٱللَّهُ لِبَاسَ ٱلۡجُوعِ وَٱلۡخَوۡفِ بِمَا كَانُواْ
يَصۡنَعُونَ ١١٢

113. Quả thật, đã có một Sứ Giả đến với họ, Y xuất thân từ trong số họ. Nhưng họ từ chối Y và cho rằng Y là kẻ nói dối. Vì vậy, sự trừng phạt đã túm bắt họ trong lúc họ làm điều sai trái.

وَلَقَدۡ جَآءَهُمۡ رَسُولٞ مِّنۡهُمۡ فَكَذَّبُوهُ فَأَخَذَهُمُ
ٱلۡعَذَابُ وَهُمۡ ظَٰلِمُونَ ١١٣

114. Do đó, các ngươi (hỡi những người có đức tin) hãy ăn những thực phẩm Halal tốt sạch và hãy biết ơn về ân huệ của Allah nếu như các ngươi thực sự chỉ thờ phượng riêng Ngài.

فَكُلُواْ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ حَلَٰلٗا طَيِّبٗا وَٱشۡكُرُواْ
نِعۡمَتَ ٱللَّهِ إِن كُنتُمۡ إِيَّاهُ تَعۡبُدُونَ ١١٤

115. Quả thật, Ngài chỉ cấm các ngươi ăn động vật chết, máu (tiết), thịt heo và những con vật cúng tế (cho ai khác) ngoài Allah. Tuy nhiên, người nào do quá đói (phải ăn những thứ cấm kia để sinh tồn) chứ không có khuynh hướng phạm tội thì quả thật Allah là Đấng Hằng Lượng Thứ, Đấng Hằng Khoan Dung.

إِنَّمَا حَرَّمَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَيۡتَةَ وَٱلدَّمَ وَلَحۡمَ ٱلۡخِنزِيرِ
وَمَآ أُهِلَّ لِغَيۡرِ ٱللَّهِ بِهِۦۖ فَمَنِ ٱضۡطُرَّ غَيۡرَ بَاغٖ وَلَا
عَادٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١١٥

116. Các ngươi đừng nói sai sự thật bằng cách để cho lưỡi của các ngươi tuyên bố: “Điều này được phép và điều kia không được phép” như một sự bịa đặt những lời nói dối rồi đổ thừa cho Allah. Quả thật, những kẻ bịa đặt lời nói dối rồi đổ thừa cho Allah sẽ không thành công.

وَلَا تَقُولُواْ لِمَا تَصِفُ أَلۡسِنَتُكُمُ ٱلۡكَذِبَ هَٰذَا
حَلَٰلٞ وَهَٰذَا حَرَامٞ لِّتَفۡتَرُواْ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَۚ إِنَّ
ٱلَّذِينَ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ لَا يُفۡلِحُونَ ١١٦

117. (Đó chỉ là) một sự tận hưởng ít ỏi và rồi đây (vào Đời Sau) chúng sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn.

مَتَٰعٞ قَلِيلٞ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١١٧

118. Và TA đã cấm người Do Thái những điều mà TA đã kể cho Ngươi nghe trước đây (hỡi Thiên Sứ Muhammad). Và TA không bất công với chúng mà chính chúng tự bất công với bản thân mình.

وَعَلَى ٱلَّذِينَ هَادُواْ حَرَّمۡنَا مَا قَصَصۡنَا عَلَيۡكَ مِن
قَبۡلُۖ وَمَا ظَلَمۡنَٰهُمۡ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ
يَظۡلِمُونَ ١١٨

119. Nhưng đối với những ai vì thiếu hiểu biết mà làm điều sai trái và sau đó biết ăn năn sửa chữa bản thân thì quả thật Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sau lần sai phạm đó hằng tha thứ, hằng khoan dung.

ثُمَّ إِنَّ رَبَّكَ لِلَّذِينَ عَمِلُواْ ٱلسُّوٓءَ بِجَهَٰلَةٖ ثُمَّ تَابُواْ
مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ وَأَصۡلَحُوٓاْ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعۡدِهَا
لَغَفُورٞ رَّحِيمٌ ١١٩

120. Thật vậy, Ibrahim là một tấm gương mẫu mực về (đạo đức) và tín ngưỡng thuần tuý trong việc thờ phượng Allah, và Y không phải là kẻ thờ đa thần.

إِنَّ إِبۡرَٰهِيمَ كَانَ أُمَّةٗ قَانِتٗا لِّلَّهِ حَنِيفٗا وَلَمۡ يَكُ مِنَ
ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٢٠

121. Y luôn biết ơn ân huệ của (Allah), Ngài đã chọn Y và hướng dẫn Y đến với con đường ngay chính (Islam).

شَاكِرٗا لِّأَنۡعُمِهِۚ ٱجۡتَبَىٰهُ وَهَدَىٰهُ إِلَىٰ صِرَٰطٖ
مُّسۡتَقِيمٖ ١٢١

122. Và TA đã ban cho Y điều tốt đẹp ở trần gian và ở Đời Sau Y sẽ ở trong số những người người đức hạnh.

وَءَاتَيۡنَٰهُ فِي ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٗۖ وَإِنَّهُۥ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ لَمِنَ
ٱلصَّٰلِحِينَ ١٢٢

123. Sau đó, TA đã mặc khải cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad): “Hãy đi theo tín ngưỡng thuần túy của Ibrahim bởi Y không phải là một kẻ thờ đa thần.”

ثُمَّ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ أَنِ ٱتَّبِعۡ مِلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۖ وَمَا
كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٢٣

124. Quả thật, ngày Sa-bat (ngày thứ bảy) chỉ được qui định cho những kẻ đã tranh cãi về nó. Và quả thật, vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ phân xử giữa chúng về những gì chúng đã tranh chấp.

إِنَّمَا جُعِلَ ٱلسَّبۡتُ عَلَى ٱلَّذِينَ ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِۚ وَإِنَّ
رَبَّكَ لَيَحۡكُمُ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُواْ فِيهِ
يَخۡتَلِفُونَ ١٢٤

125. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy mời gọi đến với con đường Thượng Đế của Ngươi bằng sự khôn ngoan, và lời khuyên tốt đẹp; và Ngươi hãy tranh luận với họ theo cách tốt nhất có thể. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi biết rõ nhất ai là kẻ lệch xa khỏi con đường của Ngài và Ngài biết rõ nhất ai là người được hướng dẫn (đúng đường).

ٱدۡعُ إِلَىٰ سَبِيلِ رَبِّكَ بِٱلۡحِكۡمَةِ وَٱلۡمَوۡعِظَةِ ٱلۡحَسَنَةِۖ
وَجَٰدِلۡهُم بِٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُۚ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ بِمَن
ضَلَّ عَن سَبِيلِهِۦ وَهُوَ أَعۡلَمُ بِٱلۡمُهۡتَدِينَ ١٢٥

126. (Hỡi những người có đức tin!) Nếu các ngươi trả đũa (kẻ thù của các ngươi) thì hãy trả đũa tương đương với những gì mà các ngươi đã bị hại. Tuy nhiên, nếu các ngươi nhẫn nhịn (bỏ qua mặc dù có khả năng đáp trả) thì đó là điều tốt nhất cho những người kiên nhẫn.

وَإِنۡ عَاقَبۡتُمۡ فَعَاقِبُواْ بِمِثۡلِ مَا عُوقِبۡتُم بِهِۦۖ وَلَئِن
صَبَرۡتُمۡ لَهُوَ خَيۡرٞ لِّلصَّٰبِرِينَ ١٢٦

127. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy kiên nhẫn chịu đựng bởi sự nhẫn nhịn của Ngươi vốn dĩ là vì Allah. Và Ngươi chớ buồn rầu cho chúng và cũng chớ đừng đau khổ về những gì chúng âm mưu.

وَٱصۡبِرۡ وَمَا صَبۡرُكَ إِلَّا بِٱللَّهِۚ وَلَا تَحۡزَنۡ عَلَيۡهِمۡ وَلَا
تَكُ فِي ضَيۡقٖ مِّمَّا يَمۡكُرُونَ ١٢٧

128. Quả thật, Allah luôn bên cạnh những người kính sợ Ngài và những người làm tốt.

إِنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَواْ وَّٱلَّذِينَ هُم مُّحۡسِنُونَ ١٢٨

Al-Isra' (Đi Trong Đêm) الإسراء

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Quang vinh và trong sạch thay Đấng đã đưa Người Bề Tôi của Ngài (Thiên Sứ Muhammad) du hành trong đêm từ Masjid Al-Haram (tại Makkah) đến Masjid Al-Aqsa (tại Jerusalem), một vùng đất mà TA (Allah) đã ban phúc, mục đích để TA phô bày cho Y thấy những Dấu Hiệu của TA. Quả thật Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

سُبۡحَٰنَ ٱلَّذِيٓ أَسۡرَىٰ بِعَبۡدِهِۦ لَيۡلٗا مِّنَ ٱلۡمَسۡجِدِ
ٱلۡحَرَامِ إِلَى ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡأَقۡصَا ٱلَّذِي بَٰرَكۡنَا حَوۡلَهُۥ
لِنُرِيَهُۥ مِنۡ ءَايَٰتِنَآۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡبَصِيرُ ١

2. TA đã ban cho Musa (Môi-sê) Kinh Sách (Tawrah) và dùng Nó làm nguồn chỉ đạo cho người dân Israel (với mệnh lệnh): “Các ngươi không được nhận ai (vật gì) ngoài TA làm Đấng Bảo Hộ.”

وَءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ وَجَعَلۡنَٰهُ هُدٗى لِّبَنِيٓ
إِسۡرَٰٓءِيلَ أَلَّا تَتَّخِذُواْ مِن دُونِي وَكِيلٗا ٢

3. (Các ngươi) là đám hậu duệ được TA (Allah) cứu vớt cùng với Nuh (trên chiếc thuyền trong trận đại hồng thủy). Quả thật, Y (Nuh) là một người bề tôi biết ơn.

ذُرِّيَّةَ مَنۡ حَمَلۡنَا مَعَ نُوحٍۚ إِنَّهُۥ كَانَ عَبۡدٗا
شَكُورٗا ٣

4. TA đã sắc lệnh cho người dân Israel trong Kinh Sách rằng các ngươi sẽ hai lần làm tội ác trên trái đất và các ngươi sẽ trở nên cao ngạo và hống hách.

وَقَضَيۡنَآ إِلَىٰ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ فِي ٱلۡكِتَٰبِ لَتُفۡسِدُنَّ فِي
ٱلۡأَرۡضِ مَرَّتَيۡنِ وَلَتَعۡلُنَّ عُلُوّٗا كَبِيرٗا ٤

5. Khi lời hứa đầu tiên trong hai lời hứa đó đến, TA (Allah) sẽ gởi một đám bề tôi của TA có sức mạnh hùng hậu đến tàn phá nhà cửa của các ngươi. Và lời hứa (của TA) chắc chắn phải được thể hiện.

فَإِذَا جَآءَ وَعۡدُ أُولَىٰهُمَا بَعَثۡنَا عَلَيۡكُمۡ عِبَادٗا لَّنَآ
أُوْلِي بَأۡسٖ شَدِيدٖ فَجَاسُواْ خِلَٰلَ ٱلدِّيَارِۚ وَكَانَ وَعۡدٗا
مَّفۡعُولٗا ٥

6. Sau đó, TA ban cho các ngươi (hỡi dân Israel) nhiều tài sản và đông con cái trở lại (sau khi các ngươi biết ăn năn hối cải) và TA nhân số lượng các ngươi đông đúc hơn (kẻ thù).

ثُمَّ رَدَدۡنَا لَكُمُ ٱلۡكَرَّةَ عَلَيۡهِمۡ وَأَمۡدَدۡنَٰكُم بِأَمۡوَٰلٖ
وَبَنِينَ وَجَعَلۡنَٰكُمۡ أَكۡثَرَ نَفِيرًا ٦

7. Nếu các ngươi (dân Israel) làm điều tốt thì thật ra chỉ tốt cho bản thân các ngươi, còn nếu các ngươi làm điều xấu thì các ngươi phải gặp điều xấu trở lại. Rồi khi lời hứa lần sau đến, (TA dựng lên một đám bề tôi khác) làm xấu mặt các ngươi và họ đi vào Masjid (Al-Aqsa) giống như lần đầu tiên họ đi vào và họ tàn phá hầu như toàn bộ.

إِنۡ أَحۡسَنتُمۡ أَحۡسَنتُمۡ لِأَنفُسِكُمۡۖ وَإِنۡ أَسَأۡتُمۡ فَلَهَاۚ
فَإِذَا جَآءَ وَعۡدُ ٱلۡأٓخِرَةِ لِيَسُـُٔواْ وُجُوهَكُمۡ وَلِيَدۡخُلُواْ
ٱلۡمَسۡجِدَ كَمَا دَخَلُوهُ أَوَّلَ مَرَّةٖ وَلِيُتَبِّرُواْ مَا عَلَوۡاْ
تَتۡبِيرًا ٧

8. Mong rằng Thượng Đế của các ngươi (dân Israel) đoái hoài đến các ngươi (khi các ngươi biết ăn năn và sám hối). Còn nếu các ngươi (ngoan cố) tái phạm (lần ba hoặc hơn nữa) thì TA (Allah) sẽ vẫn tiếp tục (trừng phạt các ngươi) và TA đã chuẩn bị sẵn Ngục Lửa để nhốt những kẻ vô đức tin.

عَسَىٰ رَبُّكُمۡ أَن يَرۡحَمَكُمۡۚ وَإِنۡ عُدتُّمۡ عُدۡنَاۘ
وَجَعَلۡنَا جَهَنَّمَ لِلۡكَٰفِرِينَ حَصِيرًا ٨

9. Qur'an này đích thực hướng dẫn (nhân loại) đến với điều chân chính nhất đồng thời báo tin mừng cho những người có đức tin và hành thiện rằng họ sẽ được phần thưởng vô cùng to lớn (nơi Allah).

إِنَّ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانَ يَهۡدِي لِلَّتِي هِيَ أَقۡوَمُ وَيُبَشِّرُ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٱلَّذِينَ يَعۡمَلُونَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أَنَّ لَهُمۡ أَجۡرًا
كَبِيرًا ٩

10. Riêng những ai không có đức tin nơi Đời Sau, TA đã chuẩn bị sẵn cho họ một hình phạt đau đớn.

وَأَنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ أَعۡتَدۡنَا لَهُمۡ عَذَابًا
أَلِيمًا ١٠

11. Con người thường vội vã cầu xin điều xấu (cho bản thân, tài sản hoặc cho con cái của mình) giống như y vội vã cầu xin điều tốt vậy; con người vốn thật hấp tấp và nóng vội.

وَيَدۡعُ ٱلۡإِنسَٰنُ بِٱلشَّرِّ دُعَآءَهُۥ بِٱلۡخَيۡرِۖ وَكَانَ ٱلۡإِنسَٰنُ
عَجُولًا ١١

12. TA (Allah) tạo ban đêm và ban ngày thành hai dấu hiệu (chứng minh quyền năng của TA như kéo dài ban ngày và thu ngắn ban đêm và ngược lại…), rồi TA xóa đi (ánh sáng) của dấu hiệu ban đêm (để các ngươi - con người - ngủ nghỉ) và TA làm cho dấu hiệu ban ngày sáng tỏ để các ngươi tìm kiếm thiên lộc của Thượng Đế của các ngươi và để các ngươi nhận biết năm tháng, tính toán mùa vụ; và tất cả mọi thứ đều được TA phân giải chi tiết.

وَجَعَلۡنَا ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ ءَايَتَيۡنِۖ فَمَحَوۡنَآ ءَايَةَ ٱلَّيۡلِ
وَجَعَلۡنَآ ءَايَةَ ٱلنَّهَارِ مُبۡصِرَةً لِّتَبۡتَغُواْ فَضۡلًا مِّن
رَّبِّكُمۡ وَلِتَعۡلَمُواْ عَدَدَ ٱلسِّنِينَ وَٱلۡحِسَابَۚ وَكُلَّ
شَيۡءٖ فَصَّلۡنَٰهُ تَفۡصِيلًا ١٢

13. Tất cả mỗi người đều bị TA cột quyển sổ (ghi chép việc làm thiện ác vào cổ của y) và vào Đời Sau quyển sổ đó được mở sẵn (đặt trước mặt y).

وَكُلَّ إِنسَٰنٍ أَلۡزَمۡنَٰهُ طَٰٓئِرَهُۥ فِي عُنُقِهِۦۖ وَنُخۡرِجُ لَهُۥ
يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ كِتَٰبًا يَلۡقَىٰهُ مَنشُورًا ١٣

14. (Có lệnh bảo): “Ngươi hãy tự đọc quyển sổ của ngươi đi! Ngày hôm nay, chính ngươi tự thanh toán bản thân mình.”

ٱقۡرَأۡ كِتَٰبَكَ كَفَىٰ بِنَفۡسِكَ ٱلۡيَوۡمَ عَلَيۡكَ حَسِيبًا ١٤

15. Ai đi theo chỉ đạo thì việc theo đó có lợi cho bản thân y; còn ai lầm lạc thì y chỉ làm hại bản thân mình mà thôi. Không ai gánh chịu tội lỗi của người khác. Và TA không bao giờ trừng phạt (một ai) cho đến khi TA đã cử phái (đến với họ) một vị Thiên Sứ (cảnh báo trước).

مَّنِ ٱهۡتَدَىٰ فَإِنَّمَا يَهۡتَدِي لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن ضَلَّ فَإِنَّمَا
يَضِلُّ عَلَيۡهَاۚ وَلَا تَزِرُ وَازِرَةٞ وِزۡرَ أُخۡرَىٰۗ وَمَا كُنَّا
مُعَذِّبِينَ حَتَّىٰ نَبۡعَثَ رَسُولًا ١٥

16. Trước khi TA (Allah) muốn tiêu diệt một thị trấn nào đó thì TA ra lệnh cho thị dân nào của nó sống sung túc (hãy thần phục TA và sống lương thiện), tuy nhiên, họ ngoan cố làm điều thối nát (cho đến khi số lượng người a tòng với tội lỗi nhiều hơn người ngoan đạo) thì lúc đó họ xứng đáng bị trừng phạt, và lúc đó TA mới tiêu diệt họ toàn bộ.

وَإِذَآ أَرَدۡنَآ أَن نُّهۡلِكَ قَرۡيَةً أَمَرۡنَا مُتۡرَفِيهَا فَفَسَقُواْ
فِيهَا فَحَقَّ عَلَيۡهَا ٱلۡقَوۡلُ فَدَمَّرۡنَٰهَا تَدۡمِيرٗا ﴿١٦﴾

17. Đã biết bao thế hệ sau Nuh (Noah) bị TA tiêu diệt (chẳng hạn như ‘Ad, Thamud, …) và Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đủ biết, đủ thấy tội lỗi của đám bề tôi của Ngài.

وَكَمۡ أَهۡلَكۡنَا مِنَ ٱلۡقُرُونِ مِنۢ بَعۡدِ نُوحٖۗ وَكَفَىٰ
بِرَبِّكَ بِذُنُوبِ عِبَادِهِۦ خَبِيرَۢا بَصِيرٗا ﴿١٧﴾

18. Ai muốn đời sống chớp nhoáng (của thế giới trần tục này) thì TA sẽ sớm ban cho đối với người nào TA muốn, nhưng rồi đây (ở Đời Sau) TA sẽ quẳng y vào Ngục Lửa, Nó sẽ nướng y một cách nhục nhã đáng khinh.

مَّن كَانَ يُرِيدُ ٱلۡعَاجِلَةَ عَجَّلۡنَا لَهُۥ فِيهَا مَا نَشَآءُ
لِمَن نُّرِيدُ ثُمَّ جَعَلۡنَا لَهُۥ جَهَنَّمَ يَصۡلَىٰهَا مَذۡمُومٗا
مَّدۡحُورٗا ﴿١٨﴾

19. Còn ai muốn Đời Sau, cố gắng hành đạo và hết lòng tin tưởng thì công sức cũng như những nỗ lực của họ sẽ được đền đáp xứng đáng.

وَمَنۡ أَرَادَ ٱلۡأٓخِرَةَ وَسَعَىٰ لَهَا سَعۡيَهَا وَهُوَ مُؤۡمِنٞ
فَأُوْلَٰٓئِكَ كَانَ سَعۡيُهُم مَّشۡكُورٗا ﴿١٩﴾

20. Cả hai, nhóm này cũng như nhóm kia đều được Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) ban bố cho (thiên lộc của Ngài) và sự ban bố của Thượng Đế của Ngươi không giới hạn (với bất cứ ai dù là ngoan đạo hay hư đốn).

كُلّٗا نُّمِدُّ هَٰٓؤُلَآءِ وَهَٰٓؤُلَآءِ مِنۡ عَطَآءِ رَبِّكَۚ وَمَا
كَانَ عَطَآءُ رَبِّكَ مَحۡظُورًا ﴿٢٠﴾

21. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nhìn xem việc TA đã ưu đãi người này hơn người kia (về bổng lộc và địa vị) như thế nào, tuy nhiên, ở Đời Sau thì cấp bậc đó còn cao hơn và được ưu đãi lớn hơn.

ٱنظُرۡ كَيۡفَ فَضَّلۡنَا بَعۡضَهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖۚ وَلَلۡأٓخِرَةُ
أَكۡبَرُ دَرَجَٰتٖ وَأَكۡبَرُ تَفۡضِيلٗا ﴿٢١﴾

22. Ngươi (hỡi người bề tôi) chớ dựng lên cùng với Allah một thần linh nào khác, kẻo ngươi sẽ phải ngồi (trong Hỏa Ngục) một cách hèn hạ đáng khinh.

لَّا تَجۡعَلۡ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ فَتَقۡعُدَ مَذۡمُومٗا
مَّخۡذُولٗا ﴿٢٢﴾

23. Và Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sắc lệnh cho các ngươi phải thờ phượng duy nhất một mình Ngài và phải đối xử tử tế với cha mẹ. Nếu một trong hai người họ hoặc cả hai sống chung với các ngươi đến tuổi già thì các ngươi chớ buông tiếng ‘uf’ (âm thanh biểu hiện sự bất kính) với hai người họ, và chớ xua đuổi hai người họ, mà các ngươi phải ăn nói với hai người họ bằng lời lẽ đầy tôn kính.

۞وَقَضَىٰ رَبُّكَ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّآ إِيَّاهُ وَبِٱلۡوَٰلِدَيۡنِ
إِحۡسَٰنًاۚ إِمَّا يَبۡلُغَنَّ عِندَكَ ٱلۡكِبَرَ أَحَدُهُمَآ أَوۡ
كِلَاهُمَا فَلَا تَقُل لَّهُمَآ أُفّٖ وَلَا تَنۡهَرۡهُمَا وَقُل لَّهُمَا
قَوۡلٗا كَرِيمٗا ﴿٢٣﴾

24. Các ngươi hãy đối xử khiêm nhường bằng lòng nhân từ đối với họ, và các ngươi hãy cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài rủ lòng thương xót cha mẹ của bề tôi giống như hai người họ đã thương yêu, nuôi nấng và chăm sóc bề tôi lúc hãy còn bé.”

وَٱخۡفِضۡ لَهُمَا جَنَاحَ ٱلذُّلِّ مِنَ ٱلرَّحۡمَةِ وَقُل رَّبِّ
ٱرۡحَمۡهُمَا كَمَا رَبَّيَانِي صَغِيرٗا ٢٤

25. Thượng Đế của các ngươi (hỡi con người) luôn hiểu thấu đáo mọi tâm tư nằm sâu trong lòng các ngươi. Nếu các ngươi là những người đạo hạnh thì quả thật Ngài sẵn sàng tha thứ cho những ai biết quay về sám hối.

رَّبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِمَا فِي نُفُوسِكُمۡۚ إِن تَكُونُواْ
صَٰلِحِينَ فَإِنَّهُۥ كَانَ لِلۡأَوَّٰبِينَ غَفُورٗا ٢٥

26. Ngươi (hỡi người có đức tin) hãy trao tặng phần quà (xứng đáng) cho họ hàng ruột thịt, cho người thiếu thốn khó khăn và cho khách lỡ đường nhưng chớ đừng hoang phí.

وَءَاتِ ذَا ٱلۡقُرۡبَىٰ حَقَّهُۥ وَٱلۡمِسۡكِينَ وَٱبۡنَ ٱلسَّبِيلِ
وَلَا تُبَذِّرۡ تَبۡذِيرًا ٢٦

27. Quả thật, những kẻ hoang phí là anh em của Shaytan và Shaytan đối với Thượng Đế của hắn luôn là kẻ vong ơn.

إِنَّ ٱلۡمُبَذِّرِينَ كَانُوٓاْ إِخۡوَٰنَ ٱلشَّيَٰطِينِۖ وَكَانَ
ٱلشَّيۡطَٰنُ لِرَبِّهِۦ كَفُورٗا ٢٧

28. Còn (khi họ đến xin Ngươi hỡi Thiên Sứ Muhammad) nhưng Ngươi không (có gì) cho họ vì cũng đang hi vọng vào lòng thương xót (sự ban bố bổng lộc) từ Thượng Đế của Ngươi thì ngươi hãy nói với họ bằng lời lẽ nhẹ nhàng và tử tế.

وَإِمَّا تُعۡرِضَنَّ عَنۡهُمُ ٱبۡتِغَآءَ رَحۡمَةٖ مِّن رَّبِّكَ تَرۡجُوهَا
فَقُل لَّهُمۡ قَوۡلٗا مَّيۡسُورٗا ٢٨

29. Ngươi chớ siết chặt bàn tay của mình vào cổ (như một kẻ keo kiệt) và cũng chớ đừng vung thẳng tay (một cách hoang phí) để rồi ngươi bị chê bai và trở nên bần cùng.

وَلَا تَجۡعَلۡ يَدَكَ مَغۡلُولَةً إِلَىٰ عُنُقِكَ وَلَا تَبۡسُطۡهَا
كُلَّ ٱلۡبَسۡطِ فَتَقۡعُدَ مَلُومٗا مَّحۡسُورًا ٢٩

30. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi muốn nới rộng hay thu hẹp bổng lộc cho ai tùy ý Ngài, bởi Ngài luôn thông toàn về đám bầy tôi của Ngài.

إِنَّ رَبَّكَ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُۚ إِنَّهُۥ كَانَ
بِعِبَادِهِۦ خَبِيرَۢا بَصِيرٗا ٣٠

31. Các ngươi chớ đừng giết con cái của mình vì sợ nghèo khổ (ở tương lai), (bởi) chính TA (Allah) mới là Đấng ban phát bổng lộc cho chúng và cho cả các ngươi. Quả thật, việc giết chúng là một đại trọng tội.

وَلَا تَقۡتُلُوٓاْ أَوۡلَٰدَكُمۡ خَشۡيَةَ إِمۡلَٰقٖۖ نَّحۡنُ نَرۡزُقُهُمۡ
وَإِيَّاكُمۡۚ إِنَّ قَتۡلَهُمۡ كَانَ خِطۡـٔٗا كَبِيرٗا ٣١

32. Các ngươi chớ đến gần Zina (tình dục ngoài hôn nhân), bởi quả thật đó là hành vi ô uế và là một con đường xấu xa.

وَلَا تَقۡرَبُواْ ٱلزِّنَىٰٓۖ إِنَّهُۥ كَانَ فَٰحِشَةٗ وَسَآءَ سَبِيلٗا ٣٢

33. Các ngươi không được giết hại bất cứ một sinh mạng nào mà Allah đã cấm ngoại trừ với lý do chính đáng (theo giáo luật). Đối với người bị giết oan thì người thân của y được TA ban cho thẩm quyền (đòi lại công bằng: yêu cầu đền mạng hoặc tha mạng và nhận bồi thường hoặc không nhận bồi thường theo giáo luật), nhưng chớ vượt quá mức giới hạn trong việc giết chóc (như phanh thây chẳng hạn) bởi y sẽ được (luật pháp Islam) giúp đỡ.

وَلَا تَقۡتُلُواْ ٱلنَّفۡسَ ٱلَّتِي حَرَّمَ ٱللَّهُ إِلَّا بِٱلۡحَقِّۗ وَمَن قُتِلَ مَظۡلُومٗا فَقَدۡ جَعَلۡنَا لِوَلِيِّهِۦ سُلۡطَٰنٗا فَلَا يُسۡرِف فِّي ٱلۡقَتۡلِۖ إِنَّهُۥ كَانَ مَنصُورٗا ٣٣

34. Các ngươi chớ đến gần tài sản của trẻ mồ côi(1) ngoại trừ vì mục đích tốt đẹp cho đến khi chúng trưởng thành. Các ngươi hãy thực hiện đúng theo giao ước (với Allah hoặc với con người), quả thật cuộc giao ước sẽ bị tra hỏi.[1]

وَلَا تَقۡرَبُواْ مَالَ ٱلۡيَتِيمِ إِلَّا بِٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُ حَتَّىٰ يَبۡلُغَ أَشُدَّهُۥۚ وَأَوۡفُواْ بِٱلۡعَهۡدِۖ إِنَّ ٱلۡعَهۡدَ كَانَ مَسۡـُٔولٗا ٣٤

35. Các ngươi hãy đong cho đủ và cân cho đúng. Điều đó tốt đẹp (cho các ngươi ở đời này) và tốt đẹp cả Đời Sau.

وَأَوۡفُواْ ٱلۡكَيۡلَ إِذَا كِلۡتُمۡ وَزِنُواْ بِٱلۡقِسۡطَاسِ ٱلۡمُسۡتَقِيمِۚ ذَٰلِكَ خَيۡرٞ وَأَحۡسَنُ تَأۡوِيلٗا ٣٥

36. Và ngươi (hỡi con người) chớ đừng làm chứng cho điều gì đó mà ngươi không biết rõ về nó, bởi lẽ tất cả (mọi giác quan từ) cái nghe, cái nhìn và cả con tim đều phải chịu trách nhiệm cho sự làm chứng đó.

وَلَا تَقۡفُ مَا لَيۡسَ لَكَ بِهِۦ عِلۡمٌۚ إِنَّ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡبَصَرَ وَٱلۡفُؤَادَ كُلُّ أُوْلَٰٓئِكَ كَانَ عَنۡهُ مَسۡـُٔولٗا ٣٦

37. Và ngươi cũng chớ bước đi với dáng điệu ngạo mạn trên mặt đất, bởi chắc chắn các ngươi chẳng thể chẻ đôi được trái đất và cũng chẳng thể đứng cao bằng núi được.

وَلَا تَمۡشِ فِي ٱلۡأَرۡضِ مَرَحًاۖ إِنَّكَ لَن تَخۡرِقَ ٱلۡأَرۡضَ وَلَن تَبۡلُغَ ٱلۡجِبَالَ طُولٗا ٣٧

38. Đối với Thượng Đế của ngươi (hỡi con người), tất cả những điều đó đều xấu và đáng ghét.

كُلُّ ذَٰلِكَ كَانَ سَيِّئُهُۥ عِندَ رَبِّكَ مَكۡرُوهٗا ٣٨

39. (Với những gì TA đã trình bày cho ngươi – hỡi con người), đó là sự khôn ngoan mà TA đã thiên khải cho ngươi, cho nên ngươi chớ dựng lên một thần linh nào đó cùng với Allah kẻo ngươi bị ném vào Ngục Lửa, bị sỉ nhục và bị bỏ xó.

ذَٰلِكَ مِمَّآ أَوۡحَىٰٓ إِلَيۡكَ رَبُّكَ مِنَ ٱلۡحِكۡمَةِۗ وَلَا تَجۡعَلۡ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ فَتُلۡقَىٰ فِي جَهَنَّمَ مَلُومٗا مَّدۡحُورًا ٣٩

40. Lẽ nào Thượng Đế của các ngươi (hỡi người đa thần) đã đặc ân cho các ngươi với những đứa con trai còn Ngài thì chọn lấy các vị Thiên Thần làm những đứa con gái của Ngài hay sao? Các ngươi quả thật đã thốt ra lời lẽ xúc phạm vô cùng nghiêm trọng.

أَفَأَصۡفَىٰكُمۡ رَبُّكُم بِٱلۡبَنِينَ وَٱتَّخَذَ مِنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ إِنَٰثًاۚ إِنَّكُمۡ لَتَقُولُونَ قَوۡلًا عَظِيمٗا ٤٠

41. Quả thật TA (Allah) đã giảng giải rõ ràng trong Qur'an này để họ lưu tâm, tuy nhiên, nó chẳng thêm thắt gì cho họ ngoại trừ sự xa lánh (chân lý).

وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَا فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ لِيَذَّكَّرُواْ وَمَا يَزِيدُهُمۡ إِلَّا نُفُورٗا ٤١

[1] (1) Theo giáo luật Islam trẻ mồ côi là trẻ chết cha khi chưa trưởng thành.

42. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo (người đa thần): “Nếu thực sự có các thần linh khác cùng với Ngài (Allah) giống như các người tuyên bố thì chắc chắn các thần linh đó đã tìm đường đến trình diện Đấng Chủ Nhân của chiếc ngai vương.”

قُل لَّوۡ كَانَ مَعَهُۥٓ ءَالِهَةٞ كَمَا يَقُولُونَ إِذٗا لَّٱبۡتَغَوۡاْ إِلَىٰ
ذِي ٱلۡعَرۡشِ سَبِيلٗا ٤٢

43. Vinh quang và trong sạch thay Ngài, Ngài tối cao và vĩ đại vượt xa những điều họ nói.

سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يَقُولُونَ عُلُوّٗا كَبِيرٗا ٤٣

44. Bảy tầng trời và trái đất cùng tất cả vạn vật giữa trời đất đều tán dương Ngài (Allah), không một vật thể nào lại không tán dương, ca ngợi Ngài, chỉ có điều các ngươi không hiểu được lời tán dương của chúng mà thôi. Quả thật, Ngài hằng chịu đựng, hằng tha thứ.

تُسَبِّحُ لَهُ ٱلسَّمَٰوَٰتُ ٱلسَّبۡعُ وَٱلۡأَرۡضُ وَمَن فِيهِنَّۚ وَإِن
مِّن شَيۡءٍ إِلَّا يُسَبِّحُ بِحَمۡدِهِۦ وَلَٰكِن لَّا تَفۡقَهُونَ
تَسۡبِيحَهُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ حَلِيمًا غَفُورٗا ٤٤

45. Khi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) xướng đọc Qur’an, TA (Allah) đặt một bức màn vô hình ngăn cách giữa Ngươi và những kẻ vô đức tin nơi Đời Sau.

وَإِذَا قَرَأۡتَ ٱلۡقُرۡءَانَ جَعَلۡنَا بَيۡنَكَ وَبَيۡنَ ٱلَّذِينَ لَا
يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ حِجَابٗا مَّسۡتُورٗا ٤٥

46. TA trùm kín con tim của họ khiến họ không hiểu được nó (Qur’an) và TA làm cho đôi tai của họ bị điếc (không nghe được lời hữu ích), nên khi Ngươi nhắc về Thượng Đế của Ngươi duy nhất trong Qur’an (mà không nhắc đến những thần linh khác của họ) thì họ liền quay lưng bỏ đi.

وَجَعَلۡنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ أَكِنَّةً أَن يَفۡقَهُوهُ وَفِيٓ ءَاذَانِهِمۡ
وَقۡرٗاۚ وَإِذَا ذَكَرۡتَ رَبَّكَ فِي ٱلۡقُرۡءَانِ وَحۡدَهُۥ وَلَّوۡاْ عَلَىٰٓ
أَدۡبَٰرِهِمۡ نُفُورٗا ٤٦

47. TA biết rõ việc họ (những tên lãnh đạo của những người đa thần) tập trung lắng nghe nó (Qur’an), họ không nghe để hiểu (chân lý mà là để tìm sơ hở) nhất là lúc họ họp kín với nhau, khi mà những kẻ sai quấy tuyên bố: “Các ngươi (hỡi mọi người) chỉ đang đi theo một kẻ đã bị bùa ếm.”

نَّحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا يَسۡتَمِعُونَ بِهِۦٓ إِذۡ يَسۡتَمِعُونَ إِلَيۡكَ
وَإِذۡ هُمۡ نَجۡوَىٰٓ إِذۡ يَقُولُ ٱلظَّٰلِمُونَ إِن تَتَّبِعُونَ إِلَّا
رَجُلٗا مَّسۡحُورًا ٤٧

48. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy xem cách họ ví Ngươi, (đó là lý do khiến) họ lầm lạc không thể tìm được lối (đến với chân lý).

ٱنظُرۡ كَيۡفَ ضَرَبُواْ لَكَ ٱلۡأَمۡثَالَ فَضَلُّواْ فَلَا
يَسۡتَطِيعُونَ سَبِيلٗا ٤٨

49. Và họ bảo: “Lẽ nào sau khi chúng tôi trở thành những khúc xương và mảnh vụn thì chúng tôi sẽ lại được phục sinh thành một tạo hóa mới ư?!”

وَقَالُوٓاْ أَءِذَا كُنَّا عِظَٰمٗا وَرُفَٰتًا أَءِنَّا لَمَبۡعُوثُونَ خَلۡقٗا
جَدِيدٗا ٤٩

50. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Dẫu cho các người có trở thành đá hay sắt”

۞قُلۡ كُونُواْ حِجَارَةً أَوۡ حَدِيدًا ٥٠

51. “Hoặc trở thành bất cứ vật thể nào mà trong lòng của các ngươi cho là lớn nhất (thì chắc chắn cũng sẽ được dựng cho sống lại.” Rồi họ sẽ lại bảo: “Ai sẽ làm chúng tôi sống lại?” Ngươi hãy bảo họ: “Chính Đấng đã tạo hóa các người ban đầu (từ cái không là gì sẽ làm các người sống lại).” Rồi họ sẽ lắc đầu (tỏ vẻ ngao ngán) với Ngươi và hỏi: “Vậy khi nào điều đó xảy ra?” Ngươi hãy bảo họ: “Ta e rằng điều đó rất gần kề.”

أَوۡ خَلۡقٗا مِّمَّا يَكۡبُرُ فِي صُدُورِكُمۡۚ فَسَيَقُولُونَ مَن
يُعِيدُنَاۖ قُلِ ٱلَّذِي فَطَرَكُمۡ أَوَّلَ مَرَّةٖۚ فَسَيُنۡغِضُونَ
إِلَيۡكَ رُءُوسَهُمۡ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هُوَۖ قُلۡ عَسَىٰٓ أَن
يَكُونَ قَرِيبٗا ٥١

52. “(Đó là) Ngày mà Ngài gọi các người (từ cõi mộ) rồi các người sẽ liền (đứng dậy) đáp lại lời gọi bằng lời tạ ơn Ngài và (khi ấy) các người cứ tưởng chừng mình sống (ở trần gian) chỉ trong chốc lát.”

يَوۡمَ يَدۡعُوكُمۡ فَتَسۡتَجِيبُونَ بِحَمۡدِهِۦ وَتَظُنُّونَ إِن
لَّبِثۡتُمۡ إِلَّا قَلِيلٗا ٥٢

53. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo đám bầy tôi của TA chỉ nói điều tốt đẹp kẻo Shaytan thừa cơ hội (nhảy vào) chia rẽ bọn họ, bởi quả thật Shaytan vốn là kẻ thù công khai của loài người.

وَقُل لِّعِبَادِي يَقُولُواْ ٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُۚ إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ
يَنزَغُ بَيۡنَهُمۡۚ إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ كَانَ لِلۡإِنسَٰنِ عَدُوّٗا
مُّبِينٗا ٥٣

54. Thượng Đế của các ngươi (hỡi con người) biết rõ về (mọi hành động của) các ngươi, nếu muốn Ngài sẽ nhân từ với các ngươi và nếu muốn Ngài sẽ trừng phạt các ngươi; và TA (Allah) không gởi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đến với họ với vai trò là người bảo hộ.

رَّبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِكُمۡۖ إِن يَشَأۡ يَرۡحَمۡكُمۡ أَوۡ إِن يَشَأۡ
يُعَذِّبۡكُمۡۚ وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ عَلَيۡهِمۡ وَكِيلٗا ٥٤

55. Thượng Đế của Ngươi biết rõ những ai ở trong các tầng trời và trái đất. Quả thật, TA (Allah) đã ưu ái một số vị Nabi này hơn một số vị khác và TA đã ban cho Dawood Kinh Zabur (Sách Thánh Thi).

وَرَبُّكَ أَعۡلَمُ بِمَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَلَقَدۡ
فَضَّلۡنَا بَعۡضَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ عَلَىٰ بَعۡضٖۖ وَءَاتَيۡنَا دَاوُۥدَ
زَبُورٗا ٥٥

56. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo (những kẻ thờ đa thần): “Các người hãy cầu nguyện những gì mà các người đã khẳng định chúng là thần linh ngoài Allah, rồi các người sẽ thấy chúng không có khả năng giải nạn cho các người và cũng không thể chuyển nạn kiếp cho người khác được”.

قُلِ ٱدۡعُواْ ٱلَّذِينَ زَعَمۡتُم مِّن دُونِهِۦ فَلَا يَمۡلِكُونَ
كَشۡفَ ٱلضُّرِّ عَنكُمۡ وَلَا تَحۡوِيلًا ٥٦

57. Những thần linh mà họ khấn vái cũng tìm mọi cách (thi đua) xem ai trong số họ được gần Ngài hơn, họ cũng hy vọng nơi lòng thương xót của Ngài đồng thời cũng sợ sự trừng phạt của Ngài. Quả thật, hình phạt của Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) là thứ đáng phải khiếp sợ.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ يَبۡتَغُونَ إِلَىٰ رَبِّهِمُ ٱلۡوَسِيلَةَ
أَيُّهُمۡ أَقۡرَبُ وَيَرۡجُونَ رَحۡمَتَهُۥ وَيَخَافُونَ عَذَابَهُۥٓۚ إِنَّ
عَذَابَ رَبِّكَ كَانَ مَحۡذُورٗا ٥٧

58. Không một ngôi làng (hay thị trấn) nào mà sẽ không bị TA (Allah) tiêu diệt hoặc trừng phạt bằng một cực hình đau đớn trước Ngày Tận Thế. (Bởi) đó là điều (đã được ghi) trong Quyển Sổ Mẹ (Al-Lawhu Al-Mahfuzh).

وَإِن مِّن قَرۡيَةٍ إِلَّا نَحۡنُ مُهۡلِكُوهَا قَبۡلَ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ
أَوۡ مُعَذِّبُوهَا عَذَابٗا شَدِيدٗاۚ كَانَ ذَٰلِكَ فِي ٱلۡكِتَٰبِ
مَسۡطُورٗا ٥٨

59. Nguyên nhân khiến TA (Allah) không gởi những dấu hiệu lạ xuống (theo yêu cầu của những kẻ đa thần) là bởi vì các thế hệ trước đây đã phủ nhận chúng, (điển hình) như TA đã gởi xuống cho đám dân Thamud con lạc đà làm minh chứng nhưng họ lại sát hại nó. Và TA gởi các dấu hiệu lạ xuống chỉ nhằm mục đích răn đe.

وَمَا مَنَعَنَآ أَن نُّرۡسِلَ بِٱلۡأٓيَٰتِ إِلَّآ أَن كَذَّبَ بِهَا
ٱلۡأَوَّلُونَۚ وَءَاتَيۡنَا ثَمُودَ ٱلنَّاقَةَ مُبۡصِرَةٗ فَظَلَمُواْ بِهَاۚ
وَمَا نُرۡسِلُ بِٱلۡأٓيَٰتِ إِلَّا تَخۡوِيفٗا ٥٩

60. (Ngươi, hỡi Thiên Sứ Muhammad, hãy nhớ lại) việc TA đã nói với Ngươi rằng Thượng Đế của Ngươi đã thâu tóm toàn bộ nhân loại (trong tay Ngài), việc TA đã cho Ngươi nhìn thấy những điều xảy ra (trong đêm Isra' và Me'raj) cũng như việc nhắc đến loại cây đáng nguyền rủa trong Qur'an (Zaqqum), (tất cả) đều chỉ nhằm mục đích thử thách nhân loại (xem ai tin và ai không tin). TA muốn làm cho họ sợ, tuy nhiên, nó không thêm thắt được gì cho họ ngoại trừ sự ngông cuồng quá mức.

وَإِذۡ قُلۡنَا لَكَ إِنَّ رَبَّكَ أَحَاطَ بِٱلنَّاسِۚ وَمَا جَعَلۡنَا
ٱلرُّءۡيَا ٱلَّتِيٓ أَرَيۡنَٰكَ إِلَّا فِتۡنَةٗ لِّلنَّاسِ وَٱلشَّجَرَةَ
ٱلۡمَلۡعُونَةَ فِي ٱلۡقُرۡءَانِۚ وَنُخَوِّفُهُمۡ فَمَا يَزِيدُهُمۡ إِلَّا
طُغۡيَٰنٗا كَبِيرٗا ٦٠

61. (Ngươi hãy nhớ lại) khi TA phán bảo các Thiên Thần hãy cúi đầu quỳ lạy (chào) Adam thì tất cả đều cúi đầu quỳ lạy ngoại trừ Iblis, hắn bảo: "Chẳng lẽ bề tôi phải quỳ lạy một kẻ chỉ được Ngài tạo ra từ đất sét ư?"

وَإِذۡ قُلۡنَا لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ ٱسۡجُدُواْ لِأٓدَمَ فَسَجَدُوٓاْ إِلَّآ
إِبۡلِيسَ قَالَ ءَأَسۡجُدُ لِمَنۡ خَلَقۡتَ طِينٗا ٦١

62. (Iblis) đòi (Allah): "Ngài thấy sao? Kẻ mà Ngài ban cho vinh dự hơn bề tôi này đây, nếu Ngài gia hạn cho bề tôi sống đến Ngày Phục Sinh, chắc chắn bề tôi sẽ cám dỗ con cháu của Y lầm lạc ngoại trừ một số ít."

قَالَ أَرَءَيۡتَكَ هَٰذَا ٱلَّذِي كَرَّمۡتَ عَلَيَّ لَئِنۡ أَخَّرۡتَنِ
إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَأَحۡتَنِكَنَّ ذُرِّيَّتَهُۥٓ إِلَّا قَلِيلٗا ٦٢

63. (Allah) phán: "Ngươi hãy cút đi, ai theo ngươi trong số họ, chắc chắn phần thưởng dành (chung) cho các ngươi chính là Ngục Lửa, một phần thưởng xứng đáng."

قَالَ ٱذۡهَبۡ فَمَن تَبِعَكَ مِنۡهُمۡ فَإِنَّ جَهَنَّمَ جَزَآؤُكُمۡ
جَزَآءٗ مَّوۡفُورٗا ٦٣

64. "Ngươi cứ tận hết sức của ngươi lôi kéo (bất cứ) ai trong số họ (con người) bằng âm thanh (quyến rũ) của ngươi, ngươi có thể dùng luôn cả kỵ binh và bộ binh của ngươi, ngươi có thể chia sẽ cùng họ về tiền bạc, con cái (xúi giục họ tiêu tiền vào điều tội lỗi, xúi giục họ làm Zina) và ngươi hãy hứa hẹn với họ." Tuy nhiên, Shaytan chỉ hứa hão với họ mà thôi.

وَٱسۡتَفۡزِزۡ مَنِ ٱسۡتَطَعۡتَ مِنۡهُم بِصَوۡتِكَ وَأَجۡلِبۡ
عَلَيۡهِم بِخَيۡلِكَ وَرَجِلِكَ وَشَارِكۡهُمۡ فِي ٱلۡأَمۡوَٰلِ
وَٱلۡأَوۡلَٰدِ وَعِدۡهُمۡۚ وَمَا يَعِدُهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ إِلَّا
غُرُورًا ٦٤

65. "Chắc chắn với đám bầy tôi (ngoan đạo) của TA thì ngươi (Iblis) không có thẩm quyền (dụ dỗ) được họ và chỉ cần Thượng Đế của ngươi đủ làm Đấng Bảo Hộ cho họ."

إِنَّ عِبَادِي لَيۡسَ لَكَ عَلَيۡهِمۡ سُلۡطَٰنٞۚ وَكَفَىٰ بِرَبِّكَ
وَكِيلٗا ٦٥

66. Thượng Đế của các ngươi (con người) là Đấng đã chế ngự cho các ngươi tàu thuyền lênh đênh trên biển để các ngươi tìm kiếm bổng lộc của Ngài, quả thật Ngài đối với các ngươi rất nhân từ.

رَّبُّكُمُ ٱلَّذِي يُزۡجِي لَكُمُ ٱلۡفُلۡكَ فِي ٱلۡبَحۡرِ
لِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ كَانَ بِكُمۡ رَحِيمٗا ٦٦

67. Khi các ngươi gặp điều dữ trên biển (như mưa to gió lớn) thì các thần linh mà các ngươi thường cầu xin khấn vái chúng lại không thấy tăm tích, chỉ có mỗi mình Ngài (Allah) (với các ngươi). Nhưng rồi sau khi Ngài cứu các ngươi (bình an) trở về đất liền thì các ngươi lại ngoảnh mặt quay lưng (với Ngài). Con người quả thật thường vong ân.

وَإِذَا مَسَّكُمُ ٱلضُّرُّ فِي ٱلۡبَحۡرِ ضَلَّ مَن تَدۡعُونَ إِلَّآ
إِيَّاهُۖ فَلَمَّا نَجَّىٰكُمۡ إِلَى ٱلۡبَرِّ أَعۡرَضۡتُمۡۚ وَكَانَ ٱلۡإِنسَٰنُ
كَفُورًا ٦٧

68. Lẽ nào sau khi lên bờ, các ngươi tưởng mình sẽ an toàn khỏi việc Ngài làm cho (đất) sụp xuống (nuốt chửng các ngươi) hoặc khỏi việc Ngài gởi xuống trận mưa đá trừng phạt các ngươi rồi các ngươi không tìm được ai giúp đỡ?

أَفَأَمِنتُمۡ أَن يَخۡسِفَ بِكُمۡ جَانِبَ ٱلۡبَرِّ أَوۡ يُرۡسِلَ
عَلَيۡكُمۡ حَاصِبٗا ثُمَّ لَا تَجِدُواْ لَكُمۡ وَكِيلًا ٦٨

69. Hay các ngươi tưởng mình sẽ an toàn khỏi việc Ngài đẩy các ngươi trở lại (biển khơi) lần nữa rồi Ngài gởi cơn giông tố đến nhấn chìm các ngươi bởi sự vong ơn của các ngươi; rồi các ngươi không tìm thấy ai chống trả được TA?

أَمۡ أَمِنتُمۡ أَن يُعِيدَكُمۡ فِيهِ تَارَةً أُخۡرَىٰ فَيُرۡسِلَ
عَلَيۡكُمۡ قَاصِفٗا مِّنَ ٱلرِّيحِ فَيُغۡرِقَكُم بِمَا
كَفَرۡتُمۡ ثُمَّ لَا تَجِدُواْ لَكُمۡ عَلَيۡنَا بِهِۦ تَبِيعٗا ٦٩

70. Quả thật, TA đã ưu đãi cho con cháu của Adam (khi TA ra lệnh bảo các Thiên Thần quỳ lạy chào ông tổ Adam của họ) và TA đã chuyên chở họ trên đất liền (bằng động vật cũng như các phương tiện khác) và trên biển khơi (bằng tàu bè), TA đã cấp cho họ biết bao bổng lộc tốt đẹp, và TA đã làm cho họ vượt trội hơn nhiều tạo vật khác mà TA đã tạo.

۞وَلَقَدۡ كَرَّمۡنَا بَنِيٓ ءَادَمَ وَحَمَلۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ
وَرَزَقۡنَٰهُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ وَفَضَّلۡنَٰهُمۡ عَلَىٰ كَثِيرٖ مِّمَّنۡ
خَلَقۡنَا تَفۡضِيلٗا ٧٠

71. Vào một Ngày (Ngày Tận Thế) TA (Allah) sẽ gọi từng nhóm một cùng với lãnh đạo của họ (ra trình diện), thế nên những ai được trao cho quyển sổ (ghi chép tội phước) của mình bằng tay phải thì họ sẽ (mừng rỡ) đọc quyển sổ của mình và họ không bị đối xử bất công.

يَوۡمَ نَدۡعُواْ كُلَّ أُنَاسِۭ بِإِمَٰمِهِمۡۖ فَمَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ
بِيَمِينِهِۦ فَأُوْلَٰٓئِكَ يَقۡرَءُونَ كِتَٰبَهُمۡ وَلَا يُظۡلَمُونَ
فَتِيلٗا ٧١

72. Ai là kẻ mù lòa ở đời này (không chấp nhận chân lý) thì sẽ mù lòa ở Đời Sau và là kẻ lầm lạc nhất.

وَمَن كَانَ فِي هَٰذِهِۦٓ أَعۡمَىٰ فَهُوَ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ أَعۡمَىٰ
وَأَضَلُّ سَبِيلٗا ٧٢

73. Họ (người đa thần) gần như kéo được Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) rời xa điều mà TA (Allah) đã mặc khải cho Ngươi và xúi giục Ngươi bịa ra một điều khác chống lại TA. Và nếu được như thế thì chắc chắn họ sẽ nhận Ngươi làm một người thân tín.

وَإِن كَادُواْ لَيَفۡتِنُونَكَ عَنِ ٱلَّذِيٓ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ
لِتَفۡتَرِيَ عَلَيۡنَا غَيۡرَهُۥۖ وَإِذٗا لَّٱتَّخَذُوكَ خَلِيلٗا ٧٣

74. Và nếu TA không giữ vững đức tin của Ngươi (thêm kiên định) thì suýt nữa Ngươi đã xiêu lòng nghe theo họ.

وَلَوۡلَآ أَن ثَبَّتۡنَٰكَ لَقَدۡ كِدتَّ تَرۡكَنُ إِلَيۡهِمۡ شَيۡـٔٗا قَلِيلًا ٧٤

75. (Nếu Ngươi nghe theo họ) thì chắc chắn TA đã cho Ngươi nếm gấp đôi hình phạt ở đời này và gấp đôi hình phạt của Đời Sau, rồi Ngươi không thể tìm ra ai đó giúp đỡ Ngươi chống lại TA được.

إِذٗا لَّأَذَقۡنَٰكَ ضِعۡفَ ٱلۡحَيَوٰةِ وَضِعۡفَ ٱلۡمَمَاتِ ثُمَّ لَا تَجِدُ لَكَ عَلَيۡنَا نَصِيرٗا ٧٥

76. Họ (Quraish) đã tìm đủ mọi cách để trục xuất Ngươi khỏi vùng đất đó (Makkah) (nhưng mọi kế hoạch của họ đều bất thành), và nếu (họ thành công trong việc trục xuất Ngươi) thì họ cũng chỉ được ở lại đó sau khi (Ngươi rời đi) một thời gian ngắn ngủi mà thôi.

وَإِن كَادُواْ لَيَسۡتَفِزُّونَكَ مِنَ ٱلۡأَرۡضِ لِيُخۡرِجُوكَ مِنۡهَاۖ وَإِذٗا لَّا يَلۡبَثُونَ خِلَٰفَكَ إِلَّا قَلِيلٗا ٧٦

77. (Đó là) đường lối(2) (mà TA) đã quy định cho các vị Thiên Sứ trong số các vị Thiên Sứ của TA được TA cử phái đến trước Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) và Ngươi sẽ không tìm thấy sự thay đổi trong đường lối của TA.[I]

سُنَّةَ مَن قَدۡ أَرۡسَلۡنَا قَبۡلَكَ مِن رُّسُلِنَاۖ وَلَا تَجِدُ لِسُنَّتِنَا تَحۡوِيلًا ٧٧

78. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy chu đáo dâng lễ nguyện Salah lúc mặt trời nghiêng bóng cho đến đêm tối(3) và Ngươi hãy đọc Qur'an lúc hừng đông(4) bởi quả thật, việc đọc Qur'an lúc hừng đông được (hai nhóm Thiên Thần ban đêm và ban ngày) chứng giám.[II]

أَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ لِدُلُوكِ ٱلشَّمۡسِ إِلَىٰ غَسَقِ ٱلَّيۡلِ وَقُرۡءَانَ ٱلۡفَجۡرِۖ إِنَّ قُرۡءَانَ ٱلۡفَجۡرِ كَانَ مَشۡهُودٗا ٧٨

79. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy thức một phần trong đêm để Tahajjud(5), một việc làm thêm dành cho Ngươi(6), mong rằng Ngươi sẽ được Thượng Đế của Ngươi nâng Ngươi lên một vị trí vinh dự đáng ca ngợi.[III]

وَمِنَ ٱلَّيۡلِ فَتَهَجَّدۡ بِهِۦ نَافِلَةٗ لَّكَ عَسَىٰٓ أَن يَبۡعَثَكَ رَبُّكَ مَقَامٗا مَّحۡمُودٗا ٧٩

80. Ngươi hãy cầu xin: "Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài đưa bề tôi vào (Madinah) bằng lối vào chân chính, xin Ngài đưa bề tôi ra khỏi (Makkah) bằng lối ra chân chính và xin Ngài ban cho bề tôi sức mạnh giúp bề tôi chiến thắng được (kẻ thù).

وَقُل رَّبِّ أَدۡخِلۡنِي مُدۡخَلَ صِدۡقٖ وَأَخۡرِجۡنِي مُخۡرَجَ صِدۡقٖ وَٱجۡعَل لِّي مِن لَّدُنكَ سُلۡطَٰنٗا نَّصِيرٗا ٨٠

[I] (2) Đường lối muốn nói trong câu Kinh là một định luật không đổi của Allah rằng bất cứ nhóm người nào dám trục xuất vị Thiên Sứ hoặc vị Nabi nào được Ngài cử phái đến với họ thì sẽ bị tiêu diệt sau khi vị Thiên Sứ hoặc vị Nabi đó bị đuổi đi.

[II] (3) Đó là thời gian cho các lễ nguyện Salah: Zhuhr, 'Asr, Maghrib và 'Isha'. (4) Việc đọc Qur'an lúc hừng đông ám chỉ lễ nguyện Salah Fajr.

[III] (5) Đa số học giả nói rằng Tahajjud là lễ nguyện Salah Sunnah trong đêm từ sau lễ nguyện Salah 'Isha' trở đi cho đến Azdaan Fajr. Một số học giả cho rằng Tahajjud là lễ nguyện Salah Sunnah sau khi ngủ thức dậy trong đêm. Tuy nhiên, tất cả đều đồng thuận rằng lễ nguyện Salah Sunnah càng khuya càng tốt, đặc biệt là vào một phần ba cuối của đêm. (6) Có hai luồng quan điểm: một luồng quan điểm giảng giải rằng lễ nguyện Salah trong đêm là Wajib (bắt buộc) dành riêng cho mỗi mình Thiên Sứ Muhammad; còn luồng quan điểm thứ hai thì nói rằng lễ nguyện Salah trong đêm là Sunnah (khuyến khích) dành riêng cho Thiên Sứ Muhammad bởi vì Người đã được tha thứ tất cả tội lội trước đây cũng như sau này, riêng đối với các tín đồ của Người thì các lễ nguyện Salah Sunnah sẽ bôi xóa các tội lỗi của họ.

81. Ngươi hãy nói (với người đa thần): “Chân lý đã đến thì điều ngụy tạo phải tan biến. Quả thật, mọi điều ngụy tạo đều tiêu tan (vì không đứng vững trước chân lý).

وَقُلۡ جَآءَ ٱلۡحَقُّ وَزَهَقَ ٱلۡبَٰطِلُۚ إِنَّ ٱلۡبَٰطِلَ كَانَ
زَهُوقٗا ٨١

82. TA (Allah) ban xuống trong Qur’an phương thuốc chữa lành (bệnh tật) và hồng phúc cho những người có đức tin, tuy nhiên, nó không thêm thắt được gì cho những kẻ sai quấy ngoại trừ sự thua thiệt.

وَنُنَزِّلُ مِنَ ٱلۡقُرۡءَانِ مَا هُوَ شِفَآءٞ وَرَحۡمَةٞ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ
وَلَا يَزِيدُ ٱلظَّٰلِمِينَ إِلَّا خَسَارٗا ٨٢

83. Con người khi được TA (Allah) ban cho ân huệ thì quay lưng và rời xa (TA) còn khi gặp điều xấu thì oán than, tuyệt vọng (nơi lòng thương xót của TA).

وَإِذَآ أَنۡعَمۡنَا عَلَى ٱلۡإِنسَٰنِ أَعۡرَضَ وَنَـَٔا بِجَانِبِهِۦ وَإِذَا
مَسَّهُ ٱلشَّرُّ كَانَ يَـُٔوسٗا ٨٣

84. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Mỗi người hành động theo tín ngưỡng và đường lối của riêng mình, và Thượng Đế của các người mới biết rõ ai được hướng dẫn đúng đường.”

قُلۡ كُلّٞ يَعۡمَلُ عَلَىٰ شَاكِلَتِهِۦ فَرَبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِمَنۡ هُوَ
أَهۡدَىٰ سَبِيلٗا ٨٤

85. (Dân Kinh Sách) hỏi Ngươi về linh hồn, Ngươi hãy trả lời họ: “Linh hồn thuộc về kiến thức Thượng Đế của Ta, còn kiến thức mà các ngươi được ban cho chỉ là ít ỏi”.

وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلرُّوحِۖ قُلِ ٱلرُّوحُ مِنۡ أَمۡرِ رَبِّي وَمَآ
أُوتِيتُم مِّنَ ٱلۡعِلۡمِ إِلَّا قَلِيلٗا ٨٥

86. Nếu muốn, TA (Allah) lấy đi hết những gì đã thiên khải cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), rồi Ngươi sẽ không tìm được một vị bảo hộ nào giúp Ngươi ngăn cản TA (về điều này).

وَلَئِن شِئۡنَا لَنَذۡهَبَنَّ بِٱلَّذِيٓ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ ثُمَّ لَا تَجِدُ
لَكَ بِهِۦ عَلَيۡنَا وَكِيلًا ٨٦

87. Nhưng vì lòng thương xót của Thượng Đế Ngươi (nên Ngài đã không lấy nó đi), quả thật hồng phúc mà Ngài đã ban cho Ngươi vô cùng to lớn.

إِلَّا رَحۡمَةٗ مِّن رَّبِّكَۚ إِنَّ فَضۡلَهُۥ كَانَ عَلَيۡكَ
كَبِيرٗا ٨٧

88. Ngươi hãy nói với họ: “Dẫu cho loài người lẫn loài Jinn (ma quỉ) có hợp sức với nhau để sáng tác ra một kinh sách giống như kinh Qur’an này đây thì chắc chắn họ cũng không thể mang đến một quyển giống như nó ngay cả họ có nỗ lực và cố gắng đến mấy đi chăng nữa.”

قُل لَّئِنِ ٱجۡتَمَعَتِ ٱلۡإِنسُ وَٱلۡجِنُّ عَلَىٰٓ أَن يَأۡتُواْ بِمِثۡلِ
هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ لَا يَأۡتُونَ بِمِثۡلِهِۦ وَلَوۡ كَانَ بَعۡضُهُمۡ
لِبَعۡضٖ ظَهِيرٗا ٨٨

89. Quả thật, TA (Allah) đã trình bày cho nhân loại trong Qur’an này đủ các hình ảnh thí dụ, tuy nhiên, đa số nhân loại phủ nhận và vô đức tin.

وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَا لِلنَّاسِ فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ مِن كُلِّ مَثَلٖ
فَأَبَىٰٓ أَكۡثَرُ ٱلنَّاسِ إِلَّا كُفُورٗا ٨٩

90. (Những kẻ đa thần) nói (với Thiên Sứ Muhammad): “Bọn ta sẽ không bao giờ tin Ngươi trừ phi Ngươi làm nguồn nước phụt lên từ đất (Makkah này) cho bọn ta.”

وَقَالُواْ لَن نُّؤۡمِنَ لَكَ حَتَّىٰ تَفۡجُرَ لَنَا مِنَ ٱلۡأَرۡضِ
يَنۢبُوعًا ٩٠

91. “Hoặc Ngươi tạo cho riêng Ngươi một ngôi vườn chà là và một ngôi vườn nho rồi giữa chúng Ngươi làm ra những dòng sông chảy tràn đầy nước.”

أَوۡ تَكُونَ لَكَ جَنَّةٞ مِّن نَّخِيلٖ وَعِنَبٖ فَتُفَجِّرَ
ٱلۡأَنۡهَٰرَ خِلَٰلَهَا تَفۡجِيرًا ٩١

92. “Hoặc Ngươi làm bầu trời trút hình phạt xuống (hành hạ bọn ta) giống như Ngươi luôn khẳng định hoặc Ngươi hãy gọi Allah và cả Thiên Thần xuất hiện (cho bọn ta tận mắt nhìn thấy).”

أَوۡ تُسۡقِطَ ٱلسَّمَآءَ كَمَا زَعَمۡتَ عَلَيۡنَا كِسَفًا أَوۡ
تَأۡتِيَ بِٱللَّهِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ قَبِيلًا ٩٢

93. “Hoặc Ngươi sở hữu một ngôi nhà bằng vàng hoặc Ngươi thăng thiên lên trời và tất nhiên bọn ta không bao giờ tin vào việc thăng thiên đó của Ngươi cho đến khi Ngươi mang xuống cho bọn ta một Kinh Sách mà bọn ta có thể đọc được.” Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy đáp lại họ: “Quang vinh và trong sạch thay Thượng Đế của Ta, chẳng phải Ta vốn cũng chỉ là một người phàm được cử làm Thiên Sứ (của Allah) đó sao?!”

أَوۡ يَكُونَ لَكَ بَيۡتٞ مِّن زُخۡرُفٍ أَوۡ تَرۡقَىٰ فِي
ٱلسَّمَآءِ وَلَن نُّؤۡمِنَ لِرُقِيِّكَ حَتَّىٰ تُنَزِّلَ عَلَيۡنَا كِتَٰبٗا
نَّقۡرَؤُهُۥۗ قُلۡ سُبۡحَانَ رَبِّي هَلۡ كُنتُ إِلَّا بَشَرٗا
رَّسُولٗا ٩٣

94. Chẳng có điều gì ngăn cản loài người tin tưởng khi sự Chỉ Đạo đến với họ ngoài việc họ thắc mắc: “Lẽ nào Allah lại phái một người phàm làm Sứ Giả (của Ngài) ư?!”

وَمَا مَنَعَ ٱلنَّاسَ أَن يُؤۡمِنُوٓاْ إِذۡ جَآءَهُمُ ٱلۡهُدَىٰٓ إِلَّآ
أَن قَالُوٓاْ أَبَعَثَ ٱللَّهُ بَشَرٗا رَّسُولٗا ٩٤

95. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy đáp (lại họ): “Nếu như trên mặt đất có các vị Thiên Thần ung dung đi lại thì chắc chắn TA (Allah) đã phái một Thiên Thần từ trên trời xuống làm Sứ Giả rồi.”

قُل لَّوۡ كَانَ فِي ٱلۡأَرۡضِ مَلَٰٓئِكَةٞ يَمۡشُونَ مُطۡمَئِنِّينَ
لَنَزَّلۡنَا عَلَيۡهِم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ مَلَكٗا رَّسُولٗا ٩٥

96. Ngươi hãy bảo họ: “Một mình Allah đã đủ làm nhân chứng giữa Ta và các người, quả thật Ngài am tường và thông toàn hết (mọi tình trạng) của đám bầy tôi của Ngài.”

قُلۡ كَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدَۢا بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ
بِعِبَادِهِۦ خَبِيرَۢا بَصِيرٗا ٩٦

97. (Cho nên) ai được Allah phù hộ (hướng đến chân lý) thì xem như y đã được hướng dẫn, còn ai bị bỏ mặc cho lầm lạc thì Ngươi (Thiên Sứ) sẽ không thấy bất cứ ai có thể hướng dẫn họ (đến với chân lý) ngoài Ngài. Rồi vào Ngày Phán Xét. TA (Allah) sẽ phục sinh họ trở lại với gương mặt mù, câm và điếc, chỗ ngụ của họ sẽ là Hỏa Ngục. Mỗi lần ngọn lửa giảm xuống thì TA sẽ tăng nó lên để trừng phạt họ.

وَمَن يَهۡدِ ٱللَّهُ فَهُوَ ٱلۡمُهۡتَدِۖ وَمَن يُضۡلِلۡ فَلَن تَجِدَ
لَهُمۡ أَوۡلِيَآءَ مِن دُونِهِۦۖ وَنَحۡشُرُهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ عَلَىٰ
وُجُوهِهِمۡ عُمۡيٗا وَبُكۡمٗا وَصُمّٗاۖ مَّأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ كُلَّمَا
خَبَتۡ زِدۡنَٰهُمۡ سَعِيرٗا ٩٧

98. Đó là sự trừng phạt dành cho họ bởi họ đã phủ nhận các dấu hiệu của TA (Allah) và bảo: “Lẽ nào sau khi bọn ta trở thành xương khô và đã rã mục thì bọn ta lại được cho sống trở lại lần nữa ư?!”

ذَٰلِكَ جَزَآؤُهُم بِأَنَّهُمۡ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَقَالُوٓاْ أَءِذَا
كُنَّا عِظَٰمٗا وَرُفَٰتًا أَءِنَّا لَمَبۡعُوثُونَ خَلۡقٗا جَدِيدٗا ٩٨

99. Lẽ nào họ (những kẻ phủ nhận việc phục sinh) không thấy rằng Allah là Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất thừa khả năng tạo hóa (con người lần nữa) giống như họ (lúc ban đầu) hay sao? Ngài đã ấn định tuổi thọ cho họ, điều mà không có gì phải ngờ vực, tuy nhiên, những kẻ làm điều sai quấy chỉ ngoan cố phủ nhận nó mà thôi.

۞أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّ ٱللَّهَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ قَادِرٌ عَلَىٰٓ أَن يَخۡلُقَ مِثۡلَهُمۡ وَجَعَلَ لَهُمۡ أَجَلٗا لَّا رَيۡبَ فِيهِ فَأَبَى ٱلظَّٰلِمُونَ إِلَّا كُفُورٗا ٩٩

100. Ngươi (Thiên Sứ) hãy bảo họ: “Nếu các ngươi nắm giữ các kho bổng lộc của Thượng Đế của Ta thì chắc chắn các ngươi sẽ giữ hết cho riêng mình (không bao giờ ban phát ra) do sợ (nghèo khổ) bởi lẽ con người vốn keo kiệt.”

قُل لَّوۡ أَنتُمۡ تَمۡلِكُونَ خَزَآئِنَ رَحۡمَةِ رَبِّيٓ إِذٗا لَّأَمۡسَكۡتُمۡ خَشۡيَةَ ٱلۡإِنفَاقِۚ وَكَانَ ٱلۡإِنسَٰنُ قَتُورٗا ١٠٠

101. Quả thật, TA (Allah) đã ban cho Musa (Môi-sê) chín phép lạ rõ rệt(7). Ngươi (Thiên Sứ) hãy hỏi người dân Israel xem (có phải) khi Y (Musa) mang (các phép lạ đó) đến trình họ thì Pha-ra-ông đã bảo Y: “Này Musa, quả thật ta đoán Ngươi chính là tên phù thủy”.[I]

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَىٰ تِسۡعَ ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٖۖ فَسۡـَٔلۡ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ إِذۡ جَآءَهُمۡ فَقَالَ لَهُۥ فِرۡعَوۡنُ إِنِّي لَأَظُنُّكَ يَٰمُوسَىٰ مَسۡحُورٗا ١٠١

102. (Musa) đã nói với (Pha-ra-ông): “Chắc chắn ngài biết rõ không ai có đủ khả năng ban những thứ này xuống hiện rõ trước mắt (như thế này) ngoại trừ Thượng Đế của các tầng trời và trái đất và quả thật, tôi nghĩ rằng ngài, hỡi Pha-ra-ông, sắp bị tiêu diệt.”

قَالَ لَقَدۡ عَلِمۡتَ مَآ أَنزَلَ هَٰٓؤُلَآءِ إِلَّا رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ بَصَآئِرَ وَإِنِّي لَأَظُنُّكَ يَٰفِرۡعَوۡنُ مَثۡبُورٗا ١٠٢

103. Thế là hắn (Pha-ra-ông) muốn loại trừ họ (Musa và dân Israel) ra khỏi vùng đất (Ai Cập), (nhưng hắn chưa kịp) thì TA đã nhấn chìm hắn cùng tất cả quân lính của hắn.

فَأَرَادَ أَن يَسۡتَفِزَّهُم مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ فَأَغۡرَقۡنَٰهُ وَمَن مَّعَهُۥ جَمِيعٗا ١٠٣

104. Và TA (Allah) đã phán bảo với dân Israel sau (khi tiêu diệt) hắn: “Các ngươi hãy định cư tại vùng đất (Sham)(8) cho đến khi lời hứa sau cùng xảy đến, TA sẽ tập trung các ngươi lại, trộn lẫn với nhau.”[II]

وَقُلۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِۦ لِبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱسۡكُنُواْ ٱلۡأَرۡضَ فَإِذَا جَآءَ وَعۡدُ ٱلۡأٓخِرَةِ جِئۡنَا بِكُمۡ لَفِيفٗا ١٠٤

105. Chỉ vì chân lý mà TA đã thiên khải Nó (Qur’an) xuống (cho Thiên Sứ Muhammad) và cũng vì chân lý mà Nó được bảo vệ (không bị mai một, chỉnh sửa), và TA (Allah) chỉ cử Ngươi đến làm người mang tin mừng và cảnh báo mà thôi.

وَبِٱلۡحَقِّ أَنزَلۡنَٰهُ وَبِٱلۡحَقِّ نَزَلَۗ وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ إِلَّا مُبَشِّرٗا وَنَذِيرٗا ١٠٥

106. Và TA đã chia Nó (Qur’an) ra từng phần để Ngươi (Thiên Sứ) có thể đọc cho nhân loại nghe theo từng giai đoạn (của sự kiện xảy ra) và TA đã lần lượt thiên khải Nó xuống từng ít một (trong suốt 23 năm).

وَقُرۡءَانٗا فَرَقۡنَٰهُ لِتَقۡرَأَهُۥ عَلَى ٱلنَّاسِ عَلَىٰ مُكۡثٖ وَنَزَّلۡنَٰهُ تَنزِيلٗا ١٠٦

[I] (7) Cây gậy, bàn tay, hạn hán, mất mùa, lũ lụt, nạn cào cào, nạn chấy rận, nạn ếch nhái và máu.

[II] (8) Vùng đất Sham ngày nay được chia thành 4 quốc gia, gồm: Palestine, Syria, Jordan và Li Băng.

107. Ngươi (Thiên Sứ) hãy bảo họ: “Dù cho các người có tin hay không tin nơi Nó (Qur’an) thì quả thật đối với người được ban cho kiến thức (qua việc học được Kinh Sách) trước Nó chắc chắn sẽ cúi đầu quỳ lạy mỗi khi Nó được xướng đọc cho họ nghe.

قُلْ ءَامِنُوا۟ بِهِۦٓ أَوْ لَا تُؤْمِنُوٓا۟ ۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ
مِن قَبْلِهِۦٓ إِذَا يُتْلَىٰ عَلَيْهِمْ يَخِرُّونَ لِلْأَذْقَانِ
سُجَّدًا ١٠٧

108. Họ sẽ nói: “Trong sạch và vinh quang thay Thượng Đế của bầy tôi, quả thật lời hứa của Thượng Đế của bầy tôi đã hoàn tất.”

وَيَقُولُونَ سُبْحَـٰنَ رَبِّنَآ إِن كَانَ وَعْدُ رَبِّنَا
لَمَفْعُولًا ١٠٨

109. Họ sẽ úp mặt quỳ lạy trong tiếng khóc và nó làm cho họ tăng thêm lòng thành kính.

وَيَخِرُّونَ لِلْأَذْقَانِ يَبْكُونَ وَيَزِيدُهُمْ خُشُوعًا ۩ ١٠٩

110. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo họ: “Dẫu cho các người có cầu xin Allah hay cầu xin Đấng Độ Lượng thì tất cả đều là các tên tốt đẹp của Ngài.” Và Ngươi chớ đừng quá to tiếng trong lễ nguyện Salah cũng như đừng quá khẽ mà Ngươi hãy ở giữa hai mức độ đó.

قُلِ ٱدْعُوا۟ ٱللَّهَ أَوِ ٱدْعُوا۟ ٱلرَّحْمَـٰنَ ۖ أَيًّا مَّا تَدْعُوا۟ فَلَهُ
ٱلْأَسْمَآءُ ٱلْحُسْنَىٰ ۚ وَلَا تَجْهَرْ بِصَلَاتِكَ وَلَا تُخَافِتْ
بِهَا وَٱبْتَغِ بَيْنَ ذَٰلِكَ سَبِيلًا ١١٠

111. Và Ngươi hãy nói: “Alhamdulillah, Đấng đã không nhận bất cứ ai làm con trai (của Ngài) cũng như không có đối tác chia sẻ trong vương quyền; Ngài không yếu đuối để cần đến vị bảo hộ. Hãy tán dương sự vĩ đại của Ngài.”

وَقُلِ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى لَمْ يَتَّخِذْ وَلَدًا وَلَمْ يَكُن لَّهُۥ
شَرِيكٌ فِى ٱلْمُلْكِ وَلَمْ يَكُن لَّهُۥ وَلِىٌّ مِّنَ ٱلذُّلِّ ۖ
وَكَبِّرْهُ تَكْبِيرًۢا ١١١

Al-Kahf (Cái Hang) الكهف

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alhamdulillah, Đấng đã ban xuống Kinh Sách cho người bề tôi của Ngài và không làm cho Nó quanh co.

ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ عَلَىٰ عَبۡدِهِ ٱلۡكِتَٰبَ وَلَمۡ
يَجۡعَل لَّهُۥ عِوَجَاۜ ١

2. (Một quyển Kinh) ngay thẳng, rõ ràng, dùng để cảnh báo về sự trừng phạt nghiêm khắc và để báo tin mừng đến những người có đức tin, những người làm việc thiện tốt rằng họ sẽ được ban cho phần thưởng tốt đẹp (Thiên Đàng).

قَيِّمٗا لِّيُنذِرَ بَأۡسٗا شَدِيدٗا مِّن لَّدُنۡهُ وَيُبَشِّرَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
ٱلَّذِينَ يَعۡمَلُونَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أَنَّ لَهُمۡ أَجۡرًا حَسَنٗا ٢

3. Họ sẽ ở trong đó mãi mãi.

مَّٰكِثِينَ فِيهِ أَبَدٗا ٣

4. Và để cảnh báo những kẻ đã nói Allah có một đứa con trai.

وَيُنذِرَ ٱلَّذِينَ قَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ وَلَدٗا ٤

5. Họ và cha mẹ của họ không hề có một chút kiến thức nào về điều đó cả. Thật nghiêm trọng thay cho lời nói từ cửa miệng của họ. Họ thực sự chỉ nói điều giả dối.

مَّا لَهُم بِهِۦ مِنۡ عِلۡمٖ وَلَا لِأٓبَآئِهِمۡۚ كَبُرَتۡ كَلِمَةٗ
تَخۡرُجُ مِنۡ أَفۡوَٰهِهِمۡۚ إِن يَقُولُونَ إِلَّا كَذِبٗا ٥

6. Có lẽ Ngươi (Muhammad) khổ tâm, đau buồn khiến bản thân chết dần chết mòn trên lối mòn của họ nếu họ không có đức tin vào Lời Nói này (Qur'an).

فَلَعَلَّكَ بَٰخِعٞ نَّفۡسَكَ عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِمۡ إِن لَّمۡ يُؤۡمِنُواْ
بِهَٰذَا ٱلۡحَدِيثِ أَسَفًا ٦

7. Quả thật, TA (Allah) đã tạo ra những gì trên trái đất là để tô điểm, trang hoàng mục đích thử thách họ xem ai trong số họ là người làm tốt nhất.

إِنَّا جَعَلۡنَا مَا عَلَى ٱلۡأَرۡضِ زِينَةٗ لَّهَا لِنَبۡلُوَهُمۡ أَيُّهُمۡ
أَحۡسَنُ عَمَلٗا ٧

8. Và (rồi đây) TA chắc chắn sẽ làm cho nó thành đồi trọc, chẳng còn gì.

وَإِنَّا لَجَٰعِلُونَ مَا عَلَيۡهَا صَعِيدٗا جُرُزًا ٨

9. Hoặc có phải Ngươi (Muhammad) đã nghĩ rằng những người bạn của hang núi và bia ký là một trong các dấu hiệu lạ của TA?!

أَمۡ حَسِبۡتَ أَنَّ أَصۡحَٰبَ ٱلۡكَهۡفِ وَٱلرَّقِيمِ كَانُواْ مِنۡ
ءَايَٰتِنَا عَجَبًا ٩

10. (Ngươi hãy nhớ lại) khi nhóm thanh niên ẩn náu trong hang núi, họ cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy thương xót bầy tôi và xin Ngài hãy sắp xếp vụ việc của bầy tôi theo hướng tốt đẹp."

إِذۡ أَوَى ٱلۡفِتۡيَةُ إِلَى ٱلۡكَهۡفِ فَقَالُواْ رَبَّنَآ ءَاتِنَا مِن
لَّدُنكَ رَحۡمَةٗ وَهَيِّئۡ لَنَا مِنۡ أَمۡرِنَا رَشَدٗا ١٠

11. Thế là TA (Allah) đã bịt tai họ lại trong hang núi nhiều năm dài (để họ không nghe thấy gì và ngủ say).

فَضَرَبۡنَا عَلَىٰٓ ءَاذَانِهِمۡ فِي ٱلۡكَهۡفِ سِنِينَ عَدَدٗا ١١

12. Sau đó, TA đánh thức họ dậy để xem ai trong hai nhóm của họ tính toán chính xác nhất về thời gian mà họ đã ở lại (trong hang núi).

ثُمَّ بَعَثۡنَٰهُمۡ لِنَعۡلَمَ أَيُّ ٱلۡحِزۡبَيۡنِ أَحۡصَىٰ لِمَا لَبِثُوٓاْ
أَمَدٗا ١٢

13. TA kể cho Ngươi (Muhammad) nghe thông tin của họ bằng sự thật. Quả thật, họ là một nhóm thanh niên có đức tin nơi Thượng Đế của họ và TA đã ban thêm cho họ sự hướng dẫn.

نَّحۡنُ نَقُصُّ عَلَيۡكَ نَبَأَهُم بِٱلۡحَقِّۚ إِنَّهُمۡ فِتۡيَةٌ ءَامَنُواْ
بِرَبِّهِمۡ وَزِدۡنَٰهُمۡ هُدٗى ١٣

14. Và TA đã giữ vững trái tim của họ (trong đức tin) khi họ đứng cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, Thượng Đế của các tầng trời và trái đất, bầy tôi sẽ không bao giờ khấn vái cầu xin bất cứ thần linh nào khác ngoài Ngài. (Nếu như bầy tôi làm như thế) thì quả thật bầy tôi đã quá sai quấy.”

وَرَبَطۡنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ إِذۡ قَامُواْ فَقَالُواْ رَبُّنَا رَبُّ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ لَن نَّدۡعُوَاْ مِن دُونِهِۦٓ إِلَٰهٗاۖ لَّقَدۡ
قُلۡنَآ إِذٗا شَطَطًا ١٤

15. “Đám dân của bầy tôi, những người này, đã tôn thờ những thần linh khác ngoài Ngài nhưng họ không có bằng chứng rõ ràng nào (cho việc làm đó của họ). Bởi vậy còn ai sai quấy hơn những kẻ đã bịa đặt điều dối trá cho Allah?!”

هَٰٓؤُلَآءِ قَوۡمُنَا ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةٗۖ لَّوۡلَا يَأۡتُونَ
عَلَيۡهِم بِسُلۡطَٰنِۭ بَيِّنٖۖ فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى
ٱللَّهِ كَذِبٗا ١٥

16. (Nhóm thanh niên bảo nhau): “Và khi các anh rời bỏ họ và những thần linh mà họ thờ phượng ngoài Allah thì các anh hãy chạy đến hang núi mà ẩn náu rồi Thượng Đế của các anh sẽ thương xót các anh và sắp xếp vụ việc của các anh theo hướng dễ dàng và tốt đẹp.”

وَإِذِ ٱعۡتَزَلۡتُمُوهُمۡ وَمَا يَعۡبُدُونَ إِلَّا ٱللَّهَ فَأۡوُۥٓاْ إِلَى
ٱلۡكَهۡفِ يَنشُرۡ لَكُمۡ رَبُّكُم مِّن رَّحۡمَتِهِۦ وَيُهَيِّئۡ
لَكُم مِّنۡ أَمۡرِكُم مِّرۡفَقٗا ١٦

17. Và Ngươi (Muhammad) thấy mặt trời khi nó mọc thì nó mọc lệch về phía bên phải cái hang của họ rồi khi nó lặn thì nó đi ngang qua họ về phía bên trái trong lúc họ nằm ngủ tại khoảng trống giữa hang. Đó là một trong những dấu lạ của Allah. Người nào được Allah hướng dẫn thì y sẽ tìm thấy nguồn chỉ đạo còn người nào bị Ngài làm cho lầm lạc thì sẽ không bao giờ tìm thấy vị bảo hộ hướng dẫn đúng đường.

۞وَتَرَى ٱلشَّمۡسَ إِذَا طَلَعَت تَّزَٰوَرُ عَن كَهۡفِهِمۡ
ذَاتَ ٱلۡيَمِينِ وَإِذَا غَرَبَت تَّقۡرِضُهُمۡ ذَاتَ ٱلشِّمَالِ
وَهُمۡ فِي فَجۡوَةٖ مِّنۡهُۚ ذَٰلِكَ مِنۡ ءَايَٰتِ ٱللَّهِۗ مَن يَهۡدِ
ٱللَّهُ فَهُوَ ٱلۡمُهۡتَدِۖ وَمَن يُضۡلِلۡ فَلَن تَجِدَ لَهُۥ وَلِيّٗا
مُّرۡشِدٗا ١٧

18. (Khi nhìn thấy họ) Ngươi cứ ngỡ họ đang thức nhưng kỳ thật họ đang ngủ. Và TA lật trở họ sang bên phải rồi sang bên trái, và con chó của họ thì (vẫn trong tư thế) duỗi hai chân trước ra trên bậc thềm (của cái hang như đang canh gác). Nếu Ngươi nhìn thấy cảnh tượng đó của họ thì chắc chắn Ngươi sẽ tháo chạy và sẽ rất kinh hãi trước hình ảnh của họ.

وَتَحۡسَبُهُمۡ أَيۡقَاظٗا وَهُمۡ رُقُودٞۚ وَنُقَلِّبُهُمۡ ذَاتَ ٱلۡيَمِينِ
وَذَاتَ ٱلشِّمَالِۖ وَكَلۡبُهُم بَٰسِطٞ ذِرَاعَيۡهِ بِٱلۡوَصِيدِۚ لَوِ
ٱطَّلَعۡتَ عَلَيۡهِمۡ لَوَلَّيۡتَ مِنۡهُمۡ فِرَارٗا وَلَمُلِئۡتَ مِنۡهُمۡ
رُعۡبٗا ١٨

19. Và tương tự như thế, TA đã đánh thức họ dậy để họ hỏi nhau. Một người trong bọn họ nói: “Các anh đã ngủ được bao lâu rồi?” Họ bảo: “Có lẽ chúng ta đã ngủ được một ngày hay một buổi gì đó.” Rồi họ lại nói: “Thượng Đế của các anh biết rõ hơn hết rằng các anh đã ngủ được bao lâu; thôi, các anh hãy cử một người cầm số tiền này của các anh xuống phố tìm mua thức ăn mang về cho các anh và anh ta hãy nhớ chú ý cẩn thận chớ để ai đó phát giác.”

وَكَذَٰلِكَ بَعَثۡنَٰهُمۡ لِيَتَسَآءَلُواْ بَيۡنَهُمۡۚ قَالَ قَآئِلٞ مِّنۡهُمۡ
كَمۡ لَبِثۡتُمۡۖ قَالُواْ لَبِثۡنَا يَوۡمًا أَوۡ بَعۡضَ يَوۡمٖۚ قَالُواْ
رَبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِمَا لَبِثۡتُمۡ فَٱبۡعَثُوٓاْ أَحَدَكُم
بِوَرِقِكُمۡ هَٰذِهِۦٓ إِلَى ٱلۡمَدِينَةِ فَلۡيَنظُرۡ أَيُّهَآ أَزۡكَىٰ
طَعَامٗا فَلۡيَأۡتِكُم بِرِزۡقٖ مِّنۡهُ وَلۡيَتَلَطَّفۡ وَلَا
يُشۡعِرَنَّ بِكُمۡ أَحَدًا ١٩

20. “Quả thật, nếu họ phát hiện ra các anh, họ sẽ ném đá giết các anh, hoặc sẽ bắt các anh trở lại với tín ngưỡng của họ và nếu như thế thì các anh sẽ không bao giờ thành đạt.”

إِنَّهُمۡ إِن يَظۡهَرُواْ عَلَيۡكُمۡ يَرۡجُمُوكُمۡ أَوۡ يُعِيدُوكُمۡ فِي
مِلَّتِهِمۡ وَلَن تُفۡلِحُوٓاْ إِذًا أَبَدٗا ٢٠

21. Và như thế (với cách đó) TA đã cho lộ tung tích của họ (nhóm thanh niên trong hang núi) để họ (thiên hạ) biết rằng lời hứa của Allah là sự thật và rằng giờ Tận Thế (cũng là sự thật) không có gì phải ngờ vực. (Ngươi hãy nhớ lại) lúc họ (người dân trong thành phố) tranh cãi nhau về vụ việc của họ (nhóm thanh niên trong hang núi). Một số bảo: “Các người hãy xây lên chỗ của họ một tượng đài, Thượng Đế của họ biết rõ về họ.” Những người chiếm ưu thế trong cuộc tranh cãi nói: “Chúng ta chắc chắn sẽ xây một Masjid bên trên chỗ của họ.”

وَكَذَٰلِكَ أَعۡثَرۡنَا عَلَيۡهِمۡ لِيَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞ
وَأَنَّ ٱلسَّاعَةَ لَا رَيۡبَ فِيهَآ إِذۡ يَتَنَٰزَعُونَ بَيۡنَهُمۡ
أَمۡرَهُمۡۖ فَقَالُواْ ٱبۡنُواْ عَلَيۡهِم بُنۡيَٰنٗاۖ رَّبُّهُمۡ أَعۡلَمُ بِهِمۡۚ
قَالَ ٱلَّذِينَ غَلَبُواْ عَلَىٰٓ أَمۡرِهِمۡ لَنَتَّخِذَنَّ عَلَيۡهِم
مَّسۡجِدٗا ٢١

22. (Một số người) sẽ nói: “(Nhóm thanh niên trong hang núi) gồm ba người, con chó của họ nữa là bốn.” Một số khác sẽ nói: “Họ gồm năm người, con chó của họ nữa là sáu.” Toàn là lời nói vô căn cứ! Và một số khác thì bảo: “Họ gồm bảy người, con chó của họ nữa là tám.” Ngươi (Muhammad) hãy nói: “Thượng Đế của ta biết rõ nhất về số lượng của họ, chỉ ít người biết về họ. Do đó, chớ tranh cãi về họ trừ phi thực sự biết rõ sự việc và cũng chớ hỏi một ai về chuyện của họ.”

سَيَقُولُونَ ثَلَٰثَةٞ رَّابِعُهُمۡ كَلۡبُهُمۡ وَيَقُولُونَ خَمۡسَةٞ
سَادِسُهُمۡ كَلۡبُهُمۡ رَجۡمَۢا بِٱلۡغَيۡبِۖ وَيَقُولُونَ سَبۡعَةٞ
وَثَامِنُهُمۡ كَلۡبُهُمۡۚ قُل رَّبِّيٓ أَعۡلَمُ بِعِدَّتِهِم مَّا يَعۡلَمُهُمۡ
إِلَّا قَلِيلٞۗ فَلَا تُمَارِ فِيهِمۡ إِلَّا مِرَآءٗ ظَٰهِرٗا وَلَا
تَسۡتَفۡتِ فِيهِم مِّنۡهُمۡ أَحَدٗا ٢٢

23. Và Ngươi (Muhammad) chớ nói về bất cứ điều gì: “Quả thật tôi sẽ làm điều đó vào ngày mai.”

وَلَا تَقُولَنَّ لِشَاْيۡءٍ إِنِّي فَاعِلٞ ذَٰلِكَ غَدًا ٢٣

24. Trừ phi (Ngươi kèm theo lời): “Insha-Allah – Nếu Allah muốn”. Và Ngươi hãy tụng niệm Thượng Đế của Ngươi lúc Ngươi đã quên và Ngươi hãy nói: “Có thể Thượng Đế của Ta sẽ hướng dẫn Ta đến gần với chân lý hơn điều này.”

إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُۚ وَٱذۡكُر رَّبَّكَ إِذَا نَسِيتَ وَقُلۡ
عَسَىٰٓ أَن يَهۡدِيَنِ رَبِّي لِأَقۡرَبَ مِنۡ هَٰذَا رَشَدٗا ٢٤

25. Và họ (nhóm thanh niên ẩn náu trong hang núi) đã lưu lại trong cái hang của họ ba trăm lẻ chín năm.

وَلَبِثُواْ فِي كَهۡفِهِمۡ ثَلَٰثَ مِاْئَةٖ سِنِينَ وَٱزۡدَادُواْ
تِسۡعٗا ٢٥

26. Ngươi (Muhammad) hãy nói: "Allah biết rõ nhất họ đã lưu lại bao lâu (trong cái hang đó), những điều vô hình của các tầng trời và trái đất đều nằm trong sự hiểu biết của Ngài, Ngài nhìn thấy và nghe tất cả. Họ không có Đấng Bảo Hộ nào khác ngoài Ngài và không có ai (vật gì) chia sẻ với Ngài trong luật lệ của Ngài.

قُلِ ٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا لَبِثُواْۖ لَهُۥ غَيۡبُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِۖ أَبۡصِرۡ بِهِۦ وَأَسۡمِعۡۚ مَا لَهُم مِّن دُونِهِۦ مِن
وَلِيّٖ وَلَا يُشۡرِكُ فِي حُكۡمِهِۦٓ أَحَدٗا ٢٦

27. Ngươi (Muhammad) hãy xướng đọc những gì được mặc khải cho Ngươi từ Kinh Sách nơi Thượng Đế của Ngươi. Không ai có thể thay đổi các lời phán của Ngài và Ngươi sẽ không bao giờ tìm thấy được chỗ nương tựa nào khác ngoài Ngài.

وَٱتۡلُ مَآ أُوحِيَ إِلَيۡكَ مِن كِتَابِ رَبِّكَۖ لَا مُبَدِّلَ
لِكَلِمَٰتِهِۦ وَلَن تَجِدَ مِن دُونِهِۦ مُلۡتَحَدٗا ٢٧

28. Ngươi (Muhammad) hãy kiên nhẫn cùng với những người thường cầu nguyện Thượng Đế của họ sáng chiều với mong muốn làm đẹp lòng Ngài. Ngươi chớ đừng không ngó ngàng gì tới họ chỉ vì thèm muốn vẻ hào nhoáng của cuộc sống trần tục, và Ngươi cũng chớ đừng nghe theo kẻ mà TA (Allah) đã đóng chặt trái tim của y khỏi sự tưởng nhớ đến TA và chỉ biết chạy theo dục vọng của bản thân và hành động của y thường quá mức giới hạn.

وَٱصۡبِرۡ نَفۡسَكَ مَعَ ٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ رَبَّهُم بِٱلۡغَدَوٰةِ
وَٱلۡعَشِيِّ يُرِيدُونَ وَجۡهَهُۥۖ وَلَا تَعۡدُ عَيۡنَاكَ عَنۡهُمۡ
تُرِيدُ زِينَةَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ وَلَا تُطِعۡ مَنۡ أَغۡفَلۡنَا
قَلۡبَهُۥ عَن ذِكۡرِنَا وَٱتَّبَعَ هَوَىٰهُ وَكَانَ أَمۡرُهُۥ فُرُطٗا ٢٨

29. Ngươi (Muhammad) hãy nói: "Chân lý thực sự đến từ nơi Thượng Đế của các người. Bởi thế, ai muốn tin thì hãy tin còn ai muốn vô đức tin thì cứ phủ nhận." Quả thật, TA (Allah) đã chuẩn bị cho những kẻ làm điều sai quấy Ngục Lửa có rào bao quanh nhốt họ lại. Nếu họ van xin (nước để làm dịu đi một chút cơn nóng) thì họ sẽ được ban cho một loại nước giống như dầu sôi, nó (sẽ được đổ lên người họ) lột hết da mặt của họ. Ôi, loại nước uống thật khủng khiếp và nơi trú ngụ thật tồi tệ!

وَقُلِ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكُمۡۖ فَمَن شَآءَ فَلۡيُؤۡمِن وَمَن
شَآءَ فَلۡيَكۡفُرۡۚ إِنَّآ أَعۡتَدۡنَا لِلظَّٰلِمِينَ نَارًا أَحَاطَ بِهِمۡ
سُرَادِقُهَاۚ وَإِن يَسۡتَغِيثُواْ يُغَاثُواْ بِمَآءٖ كَٱلۡمُهۡلِ يَشۡوِي
ٱلۡوُجُوهَۚ بِئۡسَ ٱلشَّرَابُ وَسَآءَتۡ مُرۡتَفَقًا ٢٩

30. Riêng những người có đức tin và hành thiện, chắc chắn TA (Allah) sẽ không làm mất đi công lao của những ai làm tốt.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ إِنَّا لَا نُضِيعُ
أَجۡرَ مَنۡ أَحۡسَنَ عَمَلًا ٣٠

31. Những người đó sẽ được ban cho các Ngôi Vườn Thiên Đàng vĩnh cửu, bên dưới có các dòng sông chảy, trong đó họ sẽ được cho đeo các vòng vàng và sẽ được cho mặc y phục màu xanh lục từ gấm lụa được thêu trổ tuyệt đẹp, trong đó họ sẽ được ngồi tựa mình trên những chiếc tràng kỷ. Ôi, một phần thưởng thật đầy ân huệ và một nơi trú ngụ vô cùng tốt đẹp!

أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ جَنَّٰتُ عَدۡنٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهِمُ ٱلۡأَنۡهَٰرُ
يُحَلَّوۡنَ فِيهَا مِنۡ أَسَاوِرَ مِن ذَهَبٖ وَيَلۡبَسُونَ ثِيَابًا
خُضۡرٗا مِّن سُندُسٖ وَإِسۡتَبۡرَقٖ مُّتَّكِـِٔينَ فِيهَا عَلَى
ٱلۡأَرَآئِكِۚ نِعۡمَ ٱلثَّوَابُ وَحَسُنَتۡ مُرۡتَفَقٗا ٣١

32. Và Ngươi (Muhammad) hãy đưa ra cho họ một hình ảnh thí dụ về hai người đàn ông. Một trong hai được TA ban cho hai ngôi vườn nho, cả hai ngôi vườn được TA bao quanh bằng các cây chà là và chính giữa hai ngôi vườn được TA đặt cho một miếng rẫy.

۞وَٱضۡرِبۡ لَهُم مَّثَلٗا رَّجُلَيۡنِ جَعَلۡنَا لِأَحَدِهِمَا
جَنَّتَيۡنِ مِنۡ أَعۡنَٰبٖ وَحَفَفۡنَٰهُمَا بِنَخۡلٖ وَجَعَلۡنَا
بَيۡنَهُمَا زَرۡعٗا ٣٢

33. Cả hai ngôi vườn đều xum xuê trĩu quả, không có bất cứ một trái lép nào; và TA đã cho phún ra một dòng sông chính giữa hai ngôi vườn đó.	كِلْتَا ٱلْجَنَّتَيْنِ ءَاتَتْ أُكُلَهَا وَلَمْ تَظْلِم مِّنْهُ شَيْـًٔا ۚ وَفَجَّرْنَا خِلَٰلَهُمَا نَهَرًا ﴿٣٣﴾
34. Y (chủ của hai ngôi vườn) được mùa trái quả. Y tranh luận với người bạn của mình trong lúc trò chuyện, nói (một cách đầy kiêu ngạo): “Tôi nhiều hơn anh về tài sản và mạnh hơn anh vì được đông con cái.”	وَكَانَ لَهُۥ ثَمَرٌ فَقَالَ لِصَٰحِبِهِۦ وَهُوَ يُحَاوِرُهُۥٓ أَنَا۠ أَكْثَرُ مِنكَ مَالًا وَأَعَزُّ نَفَرًا ﴿٣٤﴾
35. Y vào ngôi vườn của mình và tự làm bản thân mình sai quấy khi nói: “Tôi nghĩ rằng ngôi vườn này sẽ không thể nào tiêu tan được.”	وَدَخَلَ جَنَّتَهُۥ وَهُوَ ظَالِمٌ لِّنَفْسِهِۦ قَالَ مَآ أَظُنُّ أَن تَبِيدَ هَٰذِهِۦٓ أَبَدًا ﴿٣٥﴾
36. “Và tôi cũng nghĩ rằng giờ tận thế sẽ không xảy đến. Và nếu tôi thực sự được đưa trở về với Thượng Đế của mình thì chắc chắn tôi cũng sẽ tìm được điều tốt đẹp hơn ngôi vườn này.”	وَمَآ أَظُنُّ ٱلسَّاعَةَ قَآئِمَةً وَلَئِن رُّدِدتُّ إِلَىٰ رَبِّى لَأَجِدَنَّ خَيْرًا مِّنْهَا مُنقَلَبًا ﴿٣٦﴾
37. Người bạn của y tranh luận với y, nói: “Phải chăng anh đã không có đức tin nơi Đấng đã tạo hóa ra anh từ đất bụi rồi từ tinh dịch rồi sau đó Ngài đã làm cho anh thành một người đàn ông hoàn chỉnh?!”	قَالَ لَهُۥ صَاحِبُهُۥ وَهُوَ يُحَاوِرُهُۥٓ أَكَفَرْتَ بِٱلَّذِى خَلَقَكَ مِن تُرَابٍ ثُمَّ مِن نُّطْفَةٍ ثُمَّ سَوَّىٰكَ رَجُلًا ﴿٣٧﴾
38. “Riêng đối với tôi thì Ngài là Allah, là Thượng Đế của tôi, tôi sẽ không Shirk (gán ghép đối tác) với Thượng Đế của tôi bất kỳ ai.”	لَّٰكِنَّا۠ هُوَ ٱللَّهُ رَبِّى وَلَآ أُشْرِكُ بِرَبِّىٓ أَحَدًا ﴿٣٨﴾
39. “Phải chi khi bước vào ngôi vườn của mình, anh nói: ‘Masha-Allah! – Đây là những gì Allah muốn! Không có sức mạnh nào ngoài Allah (thì có lẽ sẽ tốt cho anh). Nếu anh thấy tôi ít hơn anh về tài sản và con cái,”	وَلَوْلَآ إِذْ دَخَلْتَ جَنَّتَكَ قُلْتَ مَا شَآءَ ٱللَّهُ لَا قُوَّةَ إِلَّا بِٱللَّهِ ۚ إِن تَرَنِ أَنَا۠ أَقَلَّ مِنكَ مَالًا وَوَلَدًا ﴿٣٩﴾
40. “Thì biết đâu (sau này) Thượng Đế của tôi sẽ ban cho tôi thứ tốt đẹp hơn ngôi vườn của anh; biết đâu Ngài sẽ gửi từ trên trời xuống những lưỡi tầm sét tàn phá ngôi vườn của anh, biến nó thành mảnh đất trơ trụi,”	فَعَسَىٰ رَبِّىٓ أَن يُؤْتِيَنِ خَيْرًا مِّن جَنَّتِكَ وَيُرْسِلَ عَلَيْهَا حُسْبَانًا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ فَتُصْبِحَ صَعِيدًا زَلَقًا ﴿٤٠﴾
41. “Hoặc nguồn nước của ngôi vườn sẽ cạn mất khiến anh không thể nào tìm được nguồn nước trở lại.”	أَوْ يُصْبِحَ مَآؤُهَا غَوْرًا فَلَن تَسْتَطِيعَ لَهُۥ طَلَبًا ﴿٤١﴾
42. Thế rồi mùa màng trái quả của y bị tàn phá toàn bộ, lúc đó, y xoa hai lòng bàn tay (tỏ vẻ tiếc nuối và xót) cho những gì đã chi tiêu vào ngôi vườn (từ công sức và tiền bạc); và (trước cảnh) toàn bộ những giàn nho ngã rạp nằm ngổn ngang, y (hối hận) nói: “Ôi, phải chi mình đã không Shirk với Thượng Đế của mình!”	وَأُحِيطَ بِثَمَرِهِۦ فَأَصْبَحَ يُقَلِّبُ كَفَّيْهِ عَلَىٰ مَآ أَنفَقَ فِيهَا وَهِىَ خَاوِيَةٌ عَلَىٰ عُرُوشِهَا وَيَقُولُ يَٰلَيْتَنِى لَمْ أُشْرِكْ بِرَبِّىٓ أَحَدًا ﴿٤٢﴾

43. Và ngoài Allah, y không có một phái đảng nào giúp đỡ y và y cũng không tự cứu lấy được mình.	وَلَمۡ تَكُن لَّهُۥ فِئَةٞ يَنصُرُونَهُۥ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَمَا كَانَ مُنتَصِرًا ﴿٤٣﴾
44. Ở kia (Ngày Phán Xét Cuối Cùng), quyền bảo hộ chỉ thuộc về một mình Allah, Đấng Chân Lý. Ngài là Đấng ban thưởng tốt nhất và cũng là Đấng ban cho kết quả cuối cùng tốt nhất.	هُنَالِكَ ٱلۡوَلَٰيَةُ لِلَّهِ ٱلۡحَقِّۚ هُوَ خَيۡرٞ ثَوَابٗا وَخَيۡرٌ عُقۡبٗا ﴿٤٤﴾
45. Và Ngươi (Muhammad) hãy đưa ra hình ảnh thí dụ về đời sống trần tục rằng nó giống như nước mưa mà TA (Allah) đã ban từ trên trời xuống làm cho cây cối, thảo mộc trên mặt đất mọc lên tươi tốt nhưng rồi sau đó nó dần dần trở thành những cọng rạ khô héo để những cơn gió thổi chúng bay đi khắp nơi. Và Allah là Đấng Định Đoạt tất cả mọi thứ.	وَٱضۡرِبۡ لَهُم مَّثَلَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا كَمَآءٍ أَنزَلۡنَٰهُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ فَٱخۡتَلَطَ بِهِۦ نَبَاتُ ٱلۡأَرۡضِ فَأَصۡبَحَ هَشِيمٗا تَذۡرُوهُ ٱلرِّيَٰحُۗ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ مُّقۡتَدِرًا ﴿٤٥﴾
46. Của cải và con cái là những thứ trang hoàng của đời sống trần tục này (rồi sẽ sớm mất đi) và chỉ những việc làm ngoan đạo và thiện tốt mới còn mãi, chỉ có những việc làm ngoan đạo và thiện tốt mới được hưởng phần thưởng tốt đẹp nhất ở nơi Allah và mới là niềm hy vọng tốt đẹp nhất.	ٱلۡمَالُ وَٱلۡبَنُونَ زِينَةُ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ وَٱلۡبَٰقِيَٰتُ ٱلصَّٰلِحَٰتُ خَيۡرٌ عِندَ رَبِّكَ ثَوَابٗا وَخَيۡرٌ أَمَلٗا ﴿٤٦﴾
47. Vào Ngày mà TA sẽ di chuyển các quả núi đi mất dạng và Ngươi (Muhammad) sẽ thấy mặt đất trống trải bằng phẳng, và TA sẽ triệu tập họ lại và không bỏ sót bất kỳ một ai.	وَيَوۡمَ نُسَيِّرُ ٱلۡجِبَالَ وَتَرَى ٱلۡأَرۡضَ بَارِزَةٗ وَحَشَرۡنَٰهُمۡ فَلَمۡ نُغَادِرۡ مِنۡهُمۡ أَحَدٗا ﴿٤٧﴾
48. Họ sẽ được dẫn ra đứng thành hàng trình diện trước Thượng Đế của Ngươi. TA (Allah) chắc chắn sẽ mang các ngươi đến giống như TA đã tạo hóa các ngươi lần đầu. Tuy nhiên, các ngươi đã cho rằng TA không bao giờ thực hiện được lời hứa này với các ngươi.	وَعُرِضُواْ عَلَىٰ رَبِّكَ صَفّٗا لَّقَدۡ جِئۡتُمُونَا كَمَا خَلَقۡنَٰكُمۡ أَوَّلَ مَرَّةِۭۚ بَلۡ زَعَمۡتُمۡ أَلَّن نَّجۡعَلَ لَكُم مَّوۡعِدٗا ﴿٤٨﴾
49. Và quyển sổ (ghi chép các việc làm) sẽ được mang ra đặt trước mặt. Rồi Ngươi (Muhammad) sẽ thấy những kẻ tội lỗi hoảng sợ về những điều được ghi trong đó. Và họ sẽ than: “Ôi, thật khổ thân! Quyển sổ gì như thế này! Sao nó ghi không sót một điều gì dù nhỏ hay lớn vậy.” Và họ sẽ nhìn thấy trước mặt họ tất cả những điều mà mình đã làm. Và Thượng Đế của Ngươi sẽ không đối xử bất công đối với một ai.	وَوُضِعَ ٱلۡكِتَٰبُ فَتَرَى ٱلۡمُجۡرِمِينَ مُشۡفِقِينَ مِمَّا فِيهِ وَيَقُولُونَ يَٰوَيۡلَتَنَا مَالِ هَٰذَا ٱلۡكِتَٰبِ لَا يُغَادِرُ صَغِيرَةٗ وَلَا كَبِيرَةً إِلَّآ أَحۡصَىٰهَاۚ وَوَجَدُواْ مَا عَمِلُواْ حَاضِرٗاۗ وَلَا يَظۡلِمُ رَبُّكَ أَحَدٗا ﴿٤٩﴾

50. Và khi TA phán với các Thiên Thần: “Các ngươi hãy cúi đầu quỳ lạy Adam” thì tất cả đều cúi xuống quỳ lạy ngoại trừ Iblis thuộc loài Jinn. Nó đã nghịch lại mệnh lệnh Thượng Đế của nó. Vậy phải chăng các ngươi chấp nhận nó và con cháu của nó làm kẻ bảo hộ của các ngươi thay vì TA trong lúc chúng là kẻ thù của các ngươi ư?! Thật xấu xa và tệ hại thay cho việc đổi chác của những kẻ làm điều sai quấy!

وَإِذۡ قُلۡنَا لِلۡمَلَـٰٓئِكَةِ ٱسۡجُدُواْ لِأٓدَمَ فَسَجَدُوٓاْ إِلَّآ
إِبۡلِيسَ كَانَ مِنَ ٱلۡجِنِّ فَفَسَقَ عَنۡ أَمۡرِ رَبِّهِۦٓۗ
أَفَتَتَّخِذُونَهُۥ وَذُرِّيَّتَهُۥٓ أَوۡلِيَآءَ مِن دُونِي وَهُمۡ لَكُمۡ
عَدُوُّۢۚ بِئۡسَ لِلظَّـٰلِمِينَ بَدَلٗا ٥٠

51. TA đã không bắt chúng (Jinn) chứng kiến việc tạo hóa các tầng trời và trái đất và cũng không bắt chúng chứng kiến ngay cả việc tạo hóa ra bản thân chúng; và TA đã không lấy những kẻ dẫn thiên hạ đi lạc lối làm người ủng hộ.

۞مَّآ أَشۡهَدتُّهُمۡ خَلۡقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَلَا خَلۡقَ
أَنفُسِهِمۡ وَمَا كُنتُ مُتَّخِذَ ٱلۡمُضِلِّينَ عَضُدٗا ٥١

52. Vào Ngày mà Ngài sẽ bảo (những kẻ thờ các thần linh ngoài Allah): “Các ngươi hãy gọi các thần linh mà các ngươi đã khẳng định chúng là những vị đối tác của TA đến!” Họ đã gọi chúng nhưng chúng không trả lời. Thế là TA đặt bức màn phân cách giữa họ.

وَيَوۡمَ يَقُولُ نَادُواْ شُرَكَآءِيَ ٱلَّذِينَ زَعَمۡتُمۡ فَدَعَوۡهُمۡ
فَلَمۡ يَسۡتَجِيبُواْ لَهُمۡ وَجَعَلۡنَا بَيۡنَهُم مَّوۡبِقٗا ٥٢

53. Những kẻ tội lỗi nhìn thấy Hỏa Ngục thì họ biết chắc rằng mình sẽ phải sa vào đó và sẽ không thể nào tìm thấy một lối thoát để trốn khỏi nơi đó.

وَرَءَا ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٱلنَّارَ فَظَنُّوٓاْ أَنَّهُم مُّوَاقِعُوهَا وَلَمۡ
يَجِدُواْ عَنۡهَا مَصۡرِفٗا ٥٣

54. Quả thật TA (Allah) đã trình bày cho nhân loại trong Qur’an này đủ các hình ảnh thí dụ, tuy nhiên, con người thường hay tranh cãi về rất nhiều vấn đề.

وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَا فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ لِلنَّاسِ مِن كُلِّ مَثَلٖۚ
وَكَانَ ٱلۡإِنسَٰنُ أَكۡثَرَ شَيۡءٖ جَدَلٗا ٥٤

55. Chẳng có gì ngăn cản (đa số) nhân loại tin tưởng và cầu xin Thượng Đế của họ tha thứ ngoại trừ (họ mong đợi một trong hai điều), hoặc là đường lối của những người đi trước (từ các hình phạt mà họ đã hứng chịu) sẽ xảy đến hoặc là sự trừng phạt giáng xuống trực diện họ.

وَمَا مَنَعَ ٱلنَّاسَ أَن يُؤۡمِنُوٓاْ إِذۡ جَآءَهُمُ ٱلۡهُدَىٰ
وَيَسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّهُمۡ إِلَّآ أَن تَأۡتِيَهُمۡ سُنَّةُ ٱلۡأَوَّلِينَ أَوۡ
يَأۡتِيَهُمُ ٱلۡعَذَابُ قُبُلٗا ٥٥

56. Và TA (Allah) chỉ gửi các vị Sứ Giả đến để báo tin mừng và cảnh cáo (nhân loại) mà thôi. Tuy nhiên, những kẻ vô đức tin thường dùng sự ngụy tạo đầy sai quấy làm luận cứ để tranh cãi hầu đánh đổ Chân Lý. Họ đã lấy các lời mặc khải của TA cũng như những gì được cảnh cáo làm trò bỡn cợt, trêu đùa.

وَمَا نُرۡسِلُ ٱلۡمُرۡسَلِينَ إِلَّا مُبَشِّرِينَ وَمُنذِرِينَۚ
وَيُجَٰدِلُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِٱلۡبَٰطِلِ لِيُدۡحِضُواْ بِهِ
ٱلۡحَقَّۖ وَٱتَّخَذُوٓاْ ءَايَٰتِي وَمَآ أُنذِرُواْ هُزُوٗا ٥٦

57. Còn ai sai quấy hơn kẻ khi được nhắc cho các lời phán từ Thượng Đế của y thì y quay mặt lánh xa và quên mất những gì mà bàn tay của y đã gửi đi trước (từ tội lỗi của y)! Quả thật, TA (Allah) đã phủ kín trái tim của họ để họ không thể hiểu và tiếp thu Nó (Qur'an) và TA đã làm cho tai của họ trở nên điếc (không nghe thấy gì), cho nên nếu Ngươi (Muhammad) có kêu gọi họ đến với Chỉ Đạo thì họ cũng sẽ không bao giờ được hướng dẫn.

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن ذُكِّرَ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِۦ فَأَعۡرَضَ عَنۡهَا
وَنَسِيَ مَا قَدَّمَتۡ يَدَاهُۚ إِنَّا جَعَلۡنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ
أَكِنَّةً أَن يَفۡقَهُوهُ وَفِيٓ ءَاذَانِهِمۡ وَقۡرٗاۖ وَإِن تَدۡعُهُمۡ
إِلَى ٱلۡهُدَىٰ فَلَن يَهۡتَدُوٓاْ إِذًا أَبَدٗا ٥٧

58. Và Thượng Đế của Ngươi (Muhammad) là Đấng Tha Thứ tràn đầy lòng thương xót. Nếu Ngài bắt tội họ với những gì mà họ đã phạm thì chắc chắn Ngài sẽ nhanh chóng giáng hình phạt xuống họ. Nhưng vì lời hứa (trừng phạt) dành cho họ (đã được ấn định ở Đời Sau), lúc đó chắc chắn họ sẽ không bao giờ tìm thấy nơi nào để thoát nạn.

وَرَبُّكَ ٱلۡغَفُورُ ذُو ٱلرَّحۡمَةِۖ لَوۡ يُؤَاخِذُهُم بِمَا كَسَبُواْ
لَعَجَّلَ لَهُمُ ٱلۡعَذَابَۚ بَل لَّهُم مَّوۡعِدٞ لَّن يَجِدُواْ مِن
دُونِهِۦ مَوۡئِلٗا ٥٨

59. Các thị trấn đó (dân 'Ad, Thamud,...), TA đã hủy diệt họ khi họ làm điều sai quấy và TA đã ấn định giờ hẹn cho việc hủy diệt họ

وَتِلۡكَ ٱلۡقُرَىٰٓ أَهۡلَكۡنَٰهُمۡ لَمَّا ظَلَمُواْ وَجَعَلۡنَا
لِمَهۡلِكِهِم مَّوۡعِدٗا ٥٩

60. Và (hãy nhớ lại) khi Musa nói với cậu bé (học trò cùng đồng hành) của Y: "Ta vẫn phải tiếp tục cuộc hành trình cho đến khi tới được nơi tiếp giáp của hai vùng biển bằng không chẳng biết đến bao giờ Ta mới tới đó được".

وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِفَتَىٰهُ لَآ أَبۡرَحُ حَتَّىٰٓ أَبۡلُغَ مَجۡمَعَ
ٱلۡبَحۡرَيۡنِ أَوۡ أَمۡضِيَ حُقُبٗا ٦٠

61. Nhưng khi hai thầy trò đến được nơi tiếp giáp của hai vùng biển thì cả hai đã quên mất con cá của họ, nó đã nhảy xuống biển lội đi mất như đi trong đường hầm.

فَلَمَّا بَلَغَا مَجۡمَعَ بَيۡنِهِمَا نَسِيَا حُوتَهُمَا فَٱتَّخَذَ
سَبِيلَهُۥ فِي ٱلۡبَحۡرِ سَرَبٗا ٦١

62. Cho nên, khi hai thầy trò họ đi quá nơi hẹn, (Musa) bảo cậu học trò: "Con hãy dọn bữa trưa của chúng ta ra đi, quả thật chúng ta đã thấm mệt bởi một chuyến đi dài!"

فَلَمَّا جَاوَزَا قَالَ لِفَتَىٰهُ ءَاتِنَا غَدَآءَنَا لَقَدۡ لَقِينَا مِن
سَفَرِنَا هَٰذَا نَصَبٗا ٦٢

63. (Cậu học trò) nói: "Thưa thầy, thầy có nhớ lúc chúng ta đến được mũi đá không, con đã quên mất chuyện con cá, Shaytan đã làm con quên nói với thầy về chuyện con cá, con cá đã tìm cách nhảy xuống biển một cách thật kỳ diệu".

قَالَ أَرَءَيۡتَ إِذۡ أَوَيۡنَآ إِلَى ٱلصَّخۡرَةِ فَإِنِّي نَسِيتُ
ٱلۡحُوتَ وَمَآ أَنسَىٰنِيهُ إِلَّا ٱلشَّيۡطَٰنُ أَنۡ أَذۡكُرَهُۥۚ وَٱتَّخَذَ
سَبِيلَهُۥ فِي ٱلۡبَحۡرِ عَجَبٗا ٦٣

64. (Musa) bảo: "Đấy chính là địa điểm mà chúng ta cần tìm". Vậy là hai thầy trò lần theo lối cũ mà quay trở lại nơi hẹn.

قَالَ ذَٰلِكَ مَا كُنَّا نَبۡغِۚ فَٱرۡتَدَّا عَلَىٰٓ ءَاثَارِهِمَا
قَصَصٗا ٦٤

65. Họ đã gặp được một người bề tôi (Al-Khudhir) của TA, người mà TA đã ban cho Y hồng ân và đã dạy Y kiến thức từ nơi TA.

فَوَجَدَا عَبۡدٗا مِّنۡ عِبَادِنَآ ءَاتَيۡنَٰهُ رَحۡمَةٗ مِّنۡ عِندِنَا
وَعَلَّمۡنَٰهُ مِن لَّدُنَّا عِلۡمٗا ٦٥

66. Musa nói với Y (Al-Khudhir): “Tôi có thể theo Ông để Ông dạy Tôi điều đúng đắn mà Ông đã được (Allah) chỉ dạy hay không?

قَالَ لَهُۥ مُوسَىٰ هَلۡ أَتَّبِعُكَ عَلَىٰٓ أَن تُعَلِّمَنِ مِمَّا
عُلِّمۡتَ رُشۡدٗا ٦٦

67. (Al-Khudhir) nói: “Chắc chắn Ngươi sẽ không bao giờ có thể kiên nhẫn được cùng với Ta đâu.”

قَالَ إِنَّكَ لَن تَسۡتَطِيعَ مَعِيَ صَبۡرٗا ٦٧

68. “Làm sao Ngươi có thể kiên nhẫn trên điều mà Ngươi không có kiến thức về nó (điều ẩn bên trong sự việc) được chứ?!”

وَكَيۡفَ تَصۡبِرُ عَلَىٰ مَا لَمۡ تُحِطۡ بِهِۦ خُبۡرٗا ٦٨

69. (Musa) nói: “Insha-Allah, Ông sẽ thấy Tôi nhẫn nại và Tôi sẽ không cãi lại Ông bất cứ việc gì.”

قَالَ سَتَجِدُنِيٓ إِن شَآءَ ٱللَّهُ صَابِرٗا وَلَآ أَعۡصِي لَكَ
أَمۡرٗا ٦٩

70. (Al-Khudhir) bảo: “Thôi được, nếu Ngươi đi theo Ta thì ngươi chớ hỏi Ta về bất cứ điều gì cho tới khi Ta tự nói ra điều đó cho Ngươi biết.”

قَالَ فَإِنِ ٱتَّبَعۡتَنِي فَلَا تَسۡـَٔلۡنِي عَن شَيۡءٍ حَتَّىٰٓ
أُحۡدِثَ لَكَ مِنۡهُ ذِكۡرٗا ٧٠

71. Thế là hai người họ ra đi cho đến khi cả hai lên một con thuyền thì (Al-Khudhir) đột nhiên đục cái lỗ làm thủng nó. (Musa) liền nói: “Sao Ông lại đục thủng con thuyền nhấn chìm mọi người trên nó chứ? Quả thật, Ông đã làm một việc quá ư là sai trái.”

فَٱنطَلَقَا حَتَّىٰٓ إِذَا رَكِبَا فِي ٱلسَّفِينَةِ خَرَقَهَاۖ قَالَ
أَخَرَقۡتَهَا لِتُغۡرِقَ أَهۡلَهَا لَقَدۡ جِئۡتَ شَيۡـًٔا إِمۡرٗا ٧١

72. (Al-Khudhir) nói: “Chẳng phải Ta đã bảo rằng Ngươi không bao giờ có thể kiên nhẫn được cùng với Ta sao?”

قَالَ أَلَمۡ أَقُلۡ إِنَّكَ لَن تَسۡتَطِيعَ مَعِيَ صَبۡرٗا ٧٢

73. (Musa) nói: “Xin Ông chớ bắt tội vì điều tôi đã lỡ trót quên và xin Ông chớ đừng nghiêm khắc cho việc (học hỏi) của Tôi.”

قَالَ لَا تُؤَاخِذۡنِي بِمَا نَسِيتُ وَلَا تُرۡهِقۡنِي مِنۡ أَمۡرِي
عُسۡرٗا ٧٣

74. Rồi hai người họ lại tiếp tục lên đường, cho đến khi cả hai gặp được một cậu bé thì (Al-Khudhir) đã giết chết cậu bé đó. (Musa) nói: “Sao Ông lại giết một mạng người vô tội như vậy chứ? Quả thật Ông đã làm một điều quá ư là tội lỗi.”

فَٱنطَلَقَا حَتَّىٰٓ إِذَا لَقِيَا غُلَٰمٗا فَقَتَلَهُۥ قَالَ أَقَتَلۡتَ
نَفۡسٗا زَكِيَّةَۢ بِغَيۡرِ نَفۡسٖ لَّقَدۡ جِئۡتَ شَيۡـٔٗا
نُّكۡرٗا ٧٤

75. (Al-Khudhir) nói: “Chẳng phải Ta đã bảo rằng Ngươi không bao giờ có thể kiên nhẫn được cùng với Ta sao?”

۞قَالَ أَلَمۡ أَقُل لَّكَ إِنَّكَ لَن تَسۡتَطِيعَ مَعِيَ صَبۡرٗا ٧٥

76. (Musa) nói: “Sau lần này, nếu Tôi còn thắc mắc bất cứ điều gì thì Ông hãy không cho tôi đi cùng Ông nữa, bởi lúc đó Ông chắc chắn có đủ lý do để không chấp nhận (lời khẩn xin) của Tôi.”

قَالَ إِن سَأَلۡتُكَ عَن شَيۡءِۭ بَعۡدَهَا فَلَا تُصَٰحِبۡنِيۖ قَدۡ
بَلَغۡتَ مِن لَّدُنِّي عُذۡرٗا ٧٦

77. Vậy là hai người họ lại tiếp tục đi, mãi cho tới khi đến được một thị trấn, hai người hỏi xin thức ăn của thị dân nơi đó nhưng họ đã từ chối tiếp đãi hai người. Rồi hai người họ thấy trong thị trấn có một bức tường sắp ngã, (Al-Khudhair) đã liền dựng nó đứng thẳng trở lại. (Musa) lên tiếng: “Nếu muốn, Ông có thể đòi thị dân trả công về việc này mà!”

فَٱنطَلَقَا حَتَّىٰٓ إِذَآ أَتَيَآ أَهۡلَ قَرۡيَةٍ ٱسۡتَطۡعَمَآ أَهۡلَهَا
فَأَبَوۡاْ أَن يُضَيِّفُوهُمَا فَوَجَدَا فِيهَا جِدَارٗا يُرِيدُ أَن
يَنقَضَّ فَأَقَامَهُۥۖ قَالَ لَوۡ شِئۡتَ لَتَّخَذۡتَ عَلَيۡهِ
أَجۡرٗا ٧٧

78. (Al-Khudhir) nói: “Đây là lúc Ta và Ngươi phải chia tay. Bây giờ Ta trình bày cho Ngươi biết ý nghĩa về những điều mà Ngươi đã không thể nhẫn nại.”

قَالَ هَٰذَا فِرَاقُ بَيۡنِي وَبَيۡنِكَۚ سَأُنَبِّئُكَ بِتَأۡوِيلِ مَا لَمۡ
تَسۡتَطِع عَّلَيۡهِ صَبۡرًا ٧٨

79. “Đối với con thuyền, đó là tài sản của những người nghèo lao động trên biển. Sở dĩ Ta muốn làm cho nó hư đi là bởi vì phía sau những người nghèo đó có một ông vua thường hay dùng cường quyền để chiếm đoạt tất cả các con thuyền (lành lặn và tốt).

أَمَّا ٱلسَّفِينَةُ فَكَانَتۡ لِمَسَٰكِينَ يَعۡمَلُونَ فِي ٱلۡبَحۡرِ
فَأَرَدتُّ أَنۡ أَعِيبَهَا وَكَانَ وَرَآءَهُم مَّلِكٞ يَأۡخُذُ كُلَّ
سَفِينَةٍ غَصۡبٗا ٧٩

80. “Còn đối với đứa trẻ, bởi vì cha mẹ của nó là những người có đức tin, ta sợ rằng sự thái quá và vô đức tin của nó (đối với Allah) sẽ khiến cha mẹ của nó phạm tội.”

وَأَمَّا ٱلۡغُلَٰمُ فَكَانَ أَبَوَاهُ مُؤۡمِنَيۡنِ فَخَشِينَآ أَن
يُرۡهِقَهُمَا طُغۡيَٰنٗا وَكُفۡرٗا ٨٠

81. “Vì thế, Ta mong rằng Thượng Đế của cha mẹ nó sẽ ban lại cho hai người họ một đứa con trai khác trong sạch và gần hơn với sự khoan dung (của Allah).”

فَأَرَدۡنَآ أَن يُبۡدِلَهُمَا رَبُّهُمَا خَيۡرٗا مِّنۡهُ زَكَوٰةٗ وَأَقۡرَبَ
رُحۡمٗا ٨١

82. “Riêng đối với bức tường, bởi vì đó là tài sản của hai đứa trẻ mồ côi trong thị trấn và bên dưới bức tường là một kho tàng của chúng (do cha chúng để lại cho chúng) và cha của chúng là một người ngoan đạo nên Thượng Đế của Ngươi muốn rằng khi hai đứa trẻ ấy trưởng thành chúng sẽ lấy kho tàng của chúng ra, như là một Hồng Ân của Thượng Đế của Ngươi. Và thực sự Ta đã không tự ý hành động những việc làm đó. Đó là ý nghĩa về những điều mà Ngươi đã không thể nhẫn nại được.”

وَأَمَّا ٱلۡجِدَارُ فَكَانَ لِغُلَٰمَيۡنِ يَتِيمَيۡنِ فِي ٱلۡمَدِينَةِ
وَكَانَ تَحۡتَهُۥ كَنزٞ لَّهُمَا وَكَانَ أَبُوهُمَا صَٰلِحٗا فَأَرَادَ
رَبُّكَ أَن يَبۡلُغَآ أَشُدَّهُمَا وَيَسۡتَخۡرِجَا كَنزَهُمَا رَحۡمَةٗ
مِّن رَّبِّكَۚ وَمَا فَعَلۡتُهُۥ عَنۡ أَمۡرِيۚ ذَٰلِكَ تَأۡوِيلُ مَا لَمۡ
تَسۡطِع عَّلَيۡهِ صَبۡرٗا ٨٢

83. Và họ hỏi Ngươi (Muhammad) về Zdul-Qarnain(1). Ngươi hãy bảo họ: “Ta sẽ đọc cho các người nghe về một phần câu chuyện của Người.”[1]

وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَن ذِي ٱلۡقَرۡنَيۡنِۖ قُلۡ سَأَتۡلُواْ عَلَيۡكُم
مِّنۡهُ ذِكۡرًا ٨٣

84. Quả thật, TA (Allah) đã để Y (Zdul-Qarnain) định cư trên trái đất và TA đã ban cho Y đầy đủ phương tiện cần thiết về mọi mặt.

إِنَّا مَكَّنَّا لَهُۥ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَءَاتَيۡنَٰهُ مِن كُلِّ شَيۡءٖ
سَبَبٗا ٨٤

[1] (1) Zdul-Qarnain có nghĩa là người có hai chiếc sừng. Ông được cho là một vị vua công bằng và Qur'an cho biết rằng ông chuyên đi kêu gọi thiên hạ tôn thờ Allah và thực thi theo luật lệ của Ngài. Có một số Tafsir cho rằng Zdul-Qarnain là một vị Nabi. Tuy nhiên, theo lời giảng giải đúng nhất, Zdul-Qarnain chỉ là một vị vua và một nhà kêu gọi đến với tôn giáo của Allah.

85. Thế là Y dùng các phương tiện được ban cho ra đi (hướng về phía tây để thi hành điều công lý).

فَأَتۡبَعَ سَبَبًا ٨٥

86. (Y ra đi) cho đến khi tới được một nơi ở hướng mặt trời lặn. Y thấy mặt trời như đang lặn xuống một dòng suối đục ngầu và Y bắt gặp một đám dân (vô đức tin) sống nơi đó. TA (Allah) phán bảo Y: “Này hỡi Zdul-Qarnain! (Ngươi được phép lựa chọn): hoặc ngươi trừng phạt họ hoặc ngươi đối xử nhân đạo với họ.”

حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغَ مَغۡرِبَ ٱلشَّمۡسِ وَجَدَهَا تَغۡرُبُ فِي
عَيۡنٍ حَمِئَةٖ وَوَجَدَ عِندَهَا قَوۡمٗاۗ قُلۡنَا يَٰذَا ٱلۡقَرۡنَيۡنِ
إِمَّآ أَن تُعَذِّبَ وَإِمَّآ أَن تَتَّخِذَ فِيهِمۡ حُسۡنٗا ٨٦

87. (Zdul-Qarnain) bảo: “Đối với ai làm điều sai quấy thì Ta sẽ trừng trị y rồi y sẽ được đưa trở về trình diện Thượng Đế của y để Ngài trừng phạt y với hình phạt vô cùng khủng khiếp.”

قَالَ أَمَّا مَن ظَلَمَ فَسَوۡفَ نُعَذِّبُهُۥ ثُمَّ يُرَدُّ إِلَىٰ رَبِّهِۦ
فَيُعَذِّبُهُۥ عَذَابٗا نُّكۡرٗا ٨٧

88. “Còn đối với ai có đức tin và làm việc thiện tốt thì y sẽ được một phần thưởng tốt đẹp và Ta sẽ nói chuyện với y về mệnh lệnh của Ta bằng lời lẽ nhẹ nhàng và tử tế.”

وَأَمَّا مَنۡ ءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَلَهُۥ جَزَآءً ٱلۡحُسۡنَىٰۖ
وَسَنَقُولُ لَهُۥ مِنۡ أَمۡرِنَا يُسۡرٗا ٨٨

89. Rồi Y (Zdul-Qarnain) lại đi hướng đến một nơi khác (về phía đông).

ثُمَّ أَتۡبَعَ سَبَبًا ٨٩

90. (Y ra đi) cho đến khi tới được một nơi ở hướng mặt trời mọc và Y thấy mặt trời mọc lên trên một đám dân mà TA (Allah) đã không ban cho họ bất kỳ một tấm phủ nào để che chắn (cái nóng) của nó (tức không nhà cửa, không cây cối).

حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغَ مَطۡلِعَ ٱلشَّمۡسِ وَجَدَهَا تَطۡلُعُ عَلَىٰ
قَوۡمٖ لَّمۡ نَجۡعَل لَّهُم مِّن دُونِهَا سِتۡرٗا ٩٠

91. Giống như thế, TA thực sự đã quán triệt mọi điều ở nơi Y.

كَذَٰلِكَۖ وَقَدۡ أَحَطۡنَا بِمَا لَدَيۡهِ خُبۡرٗا ٩١

92. Rồi Y lại đi hướng đến một nơi khác (ở giữa phía đông và phía tây).

ثُمَّ أَتۡبَعَ سَبَبًا ٩٢

93. (Y ra đi) cho đến khi tới được một nơi giữa hai ngọn núi và thấy gần hai ngọn núi có một đám dân hầu như không hiểu được tiếng nói (của người ngoài).

حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغَ بَيۡنَ ٱلسَّدَّيۡنِ وَجَدَ مِن دُونِهِمَا قَوۡمٗا
لَّا يَكَادُونَ يَفۡقَهُونَ قَوۡلٗا ٩٣

94. Họ nói: “Hỡi Zdul-Qarnain! Quả thật, Yajuj và Majuj là những kẻ tàn phá trên trái đất. Liệu chúng tôi sẽ dâng lễ vật cho ngài để ngài giúp chúng tôi dựng lên một bức tường thành ngăn cách giữa chúng tôi với bọn họ được không?”

قَالُواْ يَٰذَا ٱلۡقَرۡنَيۡنِ إِنَّ يَأۡجُوجَ وَمَأۡجُوجَ مُفۡسِدُونَ
فِي ٱلۡأَرۡضِ فَهَلۡ نَجۡعَلُ لَكَ خَرۡجًا عَلَىٰٓ أَن تَجۡعَلَ
بَيۡنَنَا وَبَيۡنَهُمۡ سَدّٗا ٩٤

95. (Zdul-Qarnain) bảo: “Những gì mà Thượng Đế của Ta ban cho Ta còn tốt hơn. Do đó, các người chỉ cần giúp Ta sức lực thôi, Ta sẽ dựng một bức tường thành ngăn cách các người khỏi bọn họ.”

قَالَ مَا مَكَّنِّي فِيهِ رَبِّي خَيۡرٞ فَأَعِينُونِي بِقُوَّةٍ أَجۡعَلۡ
بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُمۡ رَدۡمًا ٩٥

96. “Các người hãy mang đến cho Ta những thỏi sắt.” (Thế là họ mang thỏi sắt đến) cho tới khi lắp bằng chỗ trũng của hai sườn núi, Y (Zdul-Qarnain) bảo: “Các người hãy thổi.” Cho đến khi Y làm cho những thỏi sắt thành lửa, Y bảo: “Các người hãy mang đến cho Ta loại đồng nấu chảy để Ta đổ lên nó.”

ءَاتُونِي زُبَرَ ٱلۡحَدِيدِۖ حَتَّىٰٓ إِذَا سَاوَىٰ بَيۡنَ ٱلصَّدَفَيۡنِ
قَالَ ٱنفُخُواْۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَعَلَهُۥ نَارٗا قَالَ ءَاتُونِيٓ أُفۡرِغۡ
عَلَيۡهِ قِطۡرٗا ٩٦

97. Vậy là chúng (Ya’juj và Ma’juj) không thể trèo qua bức tường thành và cũng không thể đào thủng nó.

فَمَا ٱسۡطَٰعُوٓاْ أَن يَظۡهَرُوهُ وَمَا ٱسۡتَطَٰعُواْ لَهُۥ نَقۡبٗا ٩٧

98. (Zdul-Qarnain) bảo: “Đây là hồng phúc từ Thượng Đế của Ta. Tuy nhiên, một khi Lời Hứa của Thượng Đế của Ta đã đến thì Ngài sẽ làm cho nó (bức tường thành) ngã đổ. Và Lời hứa của Thượng Đế của Ta là sự thật.”

قَالَ هَٰذَا رَحۡمَةٞ مِّن رَّبِّيۖ فَإِذَا جَآءَ وَعۡدُ رَبِّي جَعَلَهُۥ
دَكَّآءَۖ وَكَانَ وَعۡدُ رَبِّي حَقّٗا ٩٨

99. Và vào Ngày hôm đó, TA (Allah) sẽ để cho họ nổi lên như làn sóng chồng lên nhau, và tiếng còi hụ sẽ được thổi lên và TA sẽ tập trung tất cả bọn họ.

۞وَتَرَكۡنَا بَعۡضَهُمۡ يَوۡمَئِذٖ يَمُوجُ فِي بَعۡضٖۖ وَنُفِخَ فِي
ٱلصُّورِ فَجَمَعۡنَٰهُمۡ جَمۡعٗا ٩٩

100. Và vào Ngày hôm đó, TA sẽ phơi bày Hỏa Ngục cho những kẻ vô đức tin nhìn thấy tận mắt.

وَعَرَضۡنَا جَهَنَّمَ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡكَٰفِرِينَ عَرۡضًا ١٠٠

101. Những kẻ mà cặp mắt của họ bị che khỏi Lời Nhắc Nhở của TA, và họ đã không thể nghe được (Nó).

ٱلَّذِينَ كَانَتۡ أَعۡيُنُهُمۡ فِي غِطَآءٍ عَن ذِكۡرِي وَكَانُواْ
لَا يَسۡتَطِيعُونَ سَمۡعًا ١٠١

102. Phải chăng những kẻ vô đức tin nghĩ rằng họ được quyền nhận đám bầy tôi của TA làm những kẻ bảo hộ thay vì TA hay sao? Quả thật, TA đã chuẩn bị Hỏa Ngục làm chốn định cư cho những kẻ vô đức tin.

أَفَحَسِبَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَن يَتَّخِذُواْ عِبَادِي مِن
دُونِيٓ أَوۡلِيَآءَۚ إِنَّآ أَعۡتَدۡنَا جَهَنَّمَ لِلۡكَٰفِرِينَ نُزُلٗا ١٠٢

103. Ngươi (Muhammad) hãy nói: “(Hỡi nhân loại), có phải các người muốn chúng tôi cho các người biết ai là những kẻ thất bại nhất trong việc làm và hành động ư?”

قُلۡ هَلۡ نُنَبِّئُكُم بِٱلۡأَخۡسَرِينَ أَعۡمَٰلًا ١٠٣

104. “(Đó là) những kẻ đã phí mất công sức nơi cuộc sống trần gian nhưng cứ tưởng rằng họ đang được điều tốt lành trong việc làm và hành động của họ.”

ٱلَّذِينَ ضَلَّ سَعۡيُهُمۡ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَهُمۡ يَحۡسَبُونَ
أَنَّهُمۡ يُحۡسِنُونَ صُنۡعًا ١٠٤

105. Những kẻ đó chính là những kẻ đã phủ nhận các dấu hiệu của Thượng Đế của họ cũng như đã phủ nhận việc gặp gỡ lại Ngài. Cho nên, việc làm của họ đã trở thành vô nghĩa. Vì thế vào Ngày Phục Sinh, TA (Allah) sẽ không trả cho họ bất cứ giá trị nào.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ وَلِقَآئِهِۦ
فَحَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ فَلَا نُقِيمُ لَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ
وَزۡنٗا ١٠٥

106. Phần thưởng Hỏa Ngục dành cho họ như thế là bởi vì họ đã vô đức tin và bởi vì họ đã chế nhạo các lời mặc khải cũng như các vị Sứ Giả của TA.

ذَٰلِكَ جَزَآؤُهُمۡ جَهَنَّمُ بِمَا كَفَرُواْ وَٱتَّخَذُوٓاْ ءَايَٰتِي
وَرُسُلِي هُزُوًا ١٠٦

107. Quả thật, những ai có đức tin và hành thiện thì sẽ được ân thưởng các Ngôi Vườn Firdaws (nơi Thiên Đàng) làm chốn cư ngụ.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ كَانَتۡ لَهُمۡ جَنَّٰتُ ٱلۡفِرۡدَوۡسِ نُزُلًا ١٠٧

108. Họ sẽ sống trong đó đời đời và sẽ không mong chuyển đến nơi khác.

خَٰلِدِينَ فِيهَا لَا يَبۡغُونَ عَنۡهَا حِوَلٗا ١٠٨

109. Ngươi (Muhammad) hãy nói: "Nếu lấy nước biển làm mực (để viết) những Lời Phán của Thượng Đế của Ta thì chắc chắn nước biển sẽ cạn hết trước khi dứt Lời Phán của Thượng Đế của Ta và dẫu cho chúng ta có mang đến những đại dương khác tương tự đi chăng nữa."

قُل لَّوۡ كَانَ ٱلۡبَحۡرُ مِدَادٗا لِّكَلِمَٰتِ رَبِّي لَنَفِدَ ٱلۡبَحۡرُ قَبۡلَ أَن تَنفَدَ كَلِمَٰتُ رَبِّي وَلَوۡ جِئۡنَا بِمِثۡلِهِۦ مَدَدٗا ١٠٩

110. Ngươi (Muhammad) hãy nói: "Ta thật ra cũng chỉ là một người phàm giống như các người nhưng Ta được mặc khải cho biết rằng quả thật Thượng Đế của các người chỉ có một Đấng Duy nhất. Bởi thế, ai mong được gặp gỡ Thượng Đế của y thì hãy làm việc thiện tốt và ngoan đạo; và chớ đừng dựng một ai (vật gì) làm đối tác của Ngài trong việc thờ phượng Ngài."

قُلۡ إِنَّمَآ أَنَا۠ بَشَرٞ مِّثۡلُكُمۡ يُوحَىٰٓ إِلَيَّ أَنَّمَآ إِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ فَمَن كَانَ يَرۡجُواْ لِقَآءَ رَبِّهِۦ فَلۡيَعۡمَلۡ عَمَلٗا صَٰلِحٗا وَلَا يُشۡرِكۡ بِعِبَادَةِ رَبِّهِۦٓ أَحَدَۢا ١١٠

Maryam (Maria) مريم

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Kaf. Ha. Ya. 'Ain. Sad.

كٓهيعٓصٓ ١

2. Nhắc lại hồng ân Thượng Đế của Ngươi được ban cho người bề tôi của Ngài, Zakariya(1).[1]

ذِكۡرُ رَحۡمَتِ رَبِّكَ عَبۡدَهُۥ زَكَرِيَّآ ٢

3. Khi Y âm thầm thành tâm khẩn nguyện Thượng Đế của Y.

إِذۡ نَادَىٰ رَبَّهُۥ نِدَآءً خَفِيّٗا ٣

4. Y khấn: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Quả thật, bề tôi đã yếu xương cốt, mái đầu thì đã bạc nhiều, nhưng lạy Thượng Đế, bề tôi vẫn không hề nản lòng trong việc cầu xin Ngài.”

قَالَ رَبِّ إِنِّي وَهَنَ ٱلۡعَظۡمُ مِنِّي وَٱشۡتَعَلَ ٱلرَّأۡسُ شَيۡبٗا
وَلَمۡ أَكُنۢ بِدُعَآئِكَ رَبِّ شَقِيّٗا ٤

5. “Và bề tôi thật sự lo lắng cho dòng dõi của bề tôi sau khi bề tôi (chết đi) trong lúc vợ của bề tôi lại là một người phụ nữ hiếm muộn. Bởi thế, xin Ngài ban cho bề tôi một đứa con từ nơi Ngài để tiếp tục dòng dõi.”

وَإِنِّي خِفۡتُ ٱلۡمَوَٰلِيَ مِن وَرَآءِي وَكَانَتِ ٱمۡرَأَتِي عَاقِرٗا
فَهَبۡ لِي مِن لَّدُنكَ وَلِيّٗا ٥

6. “Nó sẽ kế thừa bề tôi và kế thừa dòng dõi của Ya’qub (Jacob), và lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài làm cho Nó thành người bề tôi được Ngài hài lòng.”

يَرِثُنِي وَيَرِثُ مِنۡ ءَالِ يَعۡقُوبَۖ وَٱجۡعَلۡهُ رَبِّ
رَضِيّٗا ٦

7. Này hỡi Zakariya! Quả thật, TA (Allah) báo tin mừng cho Ngươi về một đứa con trai; tên của Nó là Yahya, cái tên mà từ trước đến nay TA chưa hề đặt cho ai.

يَٰزَكَرِيَّآ إِنَّا نُبَشِّرُكَ بِغُلَٰمٍ ٱسۡمُهُۥ يَحۡيَىٰ لَمۡ نَجۡعَل لَّهُۥ
مِن قَبۡلُ سَمِيّٗا ٧

8. Y thưa: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Làm sao bề tôi có thể có con khi mà vợ của bề tôi là một người phụ nữ hiếm muộn, hơn nữa bề tôi đã tuổi già sức yếu”.

قَالَ رَبِّ أَنَّىٰ يَكُونُ لِي غُلَٰمٞ وَكَانَتِ ٱمۡرَأَتِي عَاقِرٗا
وَقَدۡ بَلَغۡتُ مِنَ ٱلۡكِبَرِ عِتِيّٗا ٨

9. (Thiên Thần) nói: “Thượng Đế của Ngươi đã phán đúng như thế: Chuyện đó rất đơn giản đối với TA. Quả thật TA đã tạo ra Ngươi trước đây trong lúc Ngươi không là gì cả.”

قَالَ كَذَٰلِكَ قَالَ رَبُّكَ هُوَ عَلَيَّ هَيِّنٞ وَقَدۡ خَلَقۡتُكَ
مِن قَبۡلُ وَلَمۡ تَكُ شَيۡـٔٗا ٩

10. (Zakariya) thưa: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài làm cho bề tôi một dấu hiệu (về tin mừng đó).” (Allah) phán: “Dấu hiệu của Ngươi sẽ là: Ngươi sẽ không nói chuyện được với mọi người trong ba đêm liền (mặc dầu Ngươi hãy còn khỏe mạnh bình thường).”

قَالَ رَبِّ ٱجۡعَل لِّيٓ ءَايَةٗۖ قَالَ ءَايَتُكَ أَلَّا تُكَلِّمَ
ٱلنَّاسَ ثَلَٰثَ لَيَالٖ سَوِيّٗا ١٠

[1] (1) Zakariya là một vị Nabi trong các vị Nabi của Allah, Người là cha của Nabi Yahya. Trong The Bible (Kinh Thánh), Zakariya được ghi là Zacharias (phiên âm tiếng Việt: Gia-ca-ri-a).

11. Rồi (Zakariya) bước ra khỏi phòng cầu nguyện đến gặp người dân của Y và ra dấu bảo họ tán dương (Allah) sáng chiều.

فَخَرَجَ عَلَىٰ قَوۡمِهِۦ مِنَ ٱلۡمِحۡرَابِ فَأَوۡحَىٰٓ إِلَيۡهِمۡ أَن
سَبِّحُواْ بُكۡرَةٗ وَعَشِيّٗا ١١

12. Này hỡi Yahya! Ngươi hãy nhận lấy Kinh Sách bằng sức mạnh, và TA đã ban cho Ngươi sự khôn ngoan mặc dầu Ngươi hãy còn nhỏ tuổi.

يَٰيَحۡيَىٰ خُذِ ٱلۡكِتَٰبَ بِقُوَّةٖۖ وَءَاتَيۡنَٰهُ ٱلۡحُكۡمَ
صَبِيّٗا ١٢

13. TA đã thương xót Y bằng lòng nhân từ nơi TA và thanh lọc Y trong sạch; và Y là một người ngay chính, ngoan đạo.

وَحَنَانٗا مِّن لَّدُنَّا وَزَكَوٰةٗۖ وَكَانَ تَقِيّٗا ١٣

14. Y hiếu thảo với cha mẹ và không ngạo mạn cũng không phản nghịch.

وَبَرَّۢا بِوَٰلِدَيۡهِ وَلَمۡ يَكُن جَبَّارًا عَصِيّٗا ١٤

15. Và sự bình an được ban cho Y vào ngày Y sinh ra đời, vào ngày Y chết đi và vào ngày Y được phục sinh trở lại!

وَسَلَٰمٌ عَلَيۡهِ يَوۡمَ وُلِدَ وَيَوۡمَ يَمُوتُ وَيَوۡمَ يُبۡعَثُ
حَيّٗا ١٥

16. Và Ngươi (Muhammad) hãy nhớ lại trong Kinh Sách về Maryam khi Nữ rời gia đình đi lánh mặt tại một nơi về phía Đông.

وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ مَرۡيَمَ إِذِ ٱنتَبَذَتۡ مِنۡ أَهۡلِهَا
مَكَانٗا شَرۡقِيّٗا ١٦

17. Nữ che một bức màn để họ không nhìn thấy (trong lúc Nữ thờ phượng Thượng Đế của Nữ). Thế là TA cử Đại Thiên Thần Jibril của TA đến gặp Nữ. (Jibril) hiện ra trước mặt Nữ trên hình hài của một người đàn ông phàm tục toàn diện.

فَٱتَّخَذَتۡ مِن دُونِهِمۡ حِجَابٗا فَأَرۡسَلۡنَآ إِلَيۡهَا رُوحَنَا
فَتَمَثَّلَ لَهَا بَشَرٗا سَوِيّٗا ١٧

18. (Trước sự xuất hiện của người lạ), Nữ (lo sợ) nói: “Tôi cầu xin Đấng Độ Lượng che chở khỏi ông. (Xin ông chớ lại gần tôi) nếu ông thực sự là người ngoan đạo.”

قَالَتۡ إِنِّيٓ أَعُوذُ بِٱلرَّحۡمَٰنِ مِنكَ إِن كُنتَ تَقِيّٗا ١٨

19. (Jibril) liền bảo: “Ta thật ra là một vị Sứ Giả của Thượng Đế của Nữ, (Ta đến báo cho Nữ biết rằng Ngài) sẽ ban cho Nữ một đứa con trai thanh khiết.”

قَالَ إِنَّمَآ أَنَا۠ رَسُولُ رَبِّكِ لِأَهَبَ لَكِ غُلَٰمٗا زَكِيّٗا ١٩

20. (Maryam không khỏi ngạc nhiên) nói: “Làm sao tôi có thể có được một đứa con trai khi mà chưa từng có một người phàm nào chạm đến người tôi. Hơn nữa, tôi đâu phải là một người phụ nữ hư đốn.”

قَالَتۡ أَنَّىٰ يَكُونُ لِي غُلَٰمٞ وَلَمۡ يَمۡسَسۡنِي بَشَرٞ وَلَمۡ
أَكُ بَغِيّٗا ٢٠

21. (Jibril) bảo: “Thượng Đế của Nữ đã phán đúng như thế: Việc đó rất đơn giản đối với TA. Và chắc chắn TA sẽ làm cho đứa con trai đó thành một dấu hiệu lạ cho nhân loại và là một hồng ân từ nơi TA. Đó là điều đã được định đoạt.”

قَالَ كَذَٰلِكِ قَالَ رَبُّكِ هُوَ عَلَيَّ هَيِّنٞۖ وَلِنَجۡعَلَهُۥٓ ءَايَةٗ
لِّلنَّاسِ وَرَحۡمَةٗ مِّنَّاۚ وَكَانَ أَمۡرٗا مَّقۡضِيّٗا ٢١

22. Thế rồi Nữ đã thụ thai và tạm lánh mặt ở một nơi xa.

۞فَحَمَلَتۡهُ فَٱنتَبَذَتۡ بِهِۦ مَكَانٗا قَصِيّٗا ٢٢

23. Rồi những cơn đau đẻ đã đưa Nữ đến dưới một thân cây chà là. Nữ (rên rỉ:) “Phải chi mình chết phứt cho xong trước việc này và bị quên bẵng đi!”

فَأَجَآءَهَا ٱلۡمَخَاضُ إِلَىٰ جِذۡعِ ٱلنَّخۡلَةِ قَالَتۡ
يَٰلَيۡتَنِي مِتُّ قَبۡلَ هَٰذَا وَكُنتُ نَسۡيٗا مَّنسِيّٗا ٢٣

24. (Lúc đó, bỗng có tiếng) gọi Nữ từ bên dưới bảo: “Mẹ chớ buồn phiền. Chắc chắn Thượng Đế của mẹ sẽ tạo một mạch nước bên dưới mẹ.”

فَنَادَىٰهَا مِن تَحۡتِهَآ أَلَّا تَحۡزَنِي قَدۡ جَعَلَ رَبُّكِ تَحۡتَكِ
سَرِيّٗا ٢٤

25. “Và mẹ hãy lắc thân cây chà là về phía mẹ, trái chín tươi sẽ rụng xuống ngay chỗ mẹ.”

وَهُزِّيٓ إِلَيۡكِ بِجِذۡعِ ٱلنَّخۡلَةِ تُسَٰقِطۡ عَلَيۡكِ رُطَبٗا
جَنِيّٗا ٢٥

26. “Mẹ hãy ăn, hãy uống và hãy vui lên. Nhưng khi thấy một người phàm nào thì mẹ hãy nói: quả thật tôi đã nguyện nhịn chay với Đấng Ar-Rahman (Đấng Độ Lượng), cho nên ngày hôm nay tôi nhất định không nói chuyện với bất kỳ ai.”

فَكُلِي وَٱشۡرَبِي وَقَرِّي عَيۡنٗاۖ فَإِمَّا تَرَيِنَّ مِنَ ٱلۡبَشَرِ
أَحَدٗا فَقُولِيٓ إِنِّي نَذَرۡتُ لِلرَّحۡمَٰنِ صَوۡمٗا فَلَنۡ أُكَلِّمَ
ٱلۡيَوۡمَ إِنسِيّٗا ٢٦

27. Rồi Nữ ẳm đứa con về nhà gặp lại người dân của mình (sau khi đã hạ sinh). Thấy thế, người dân bảo: “Này Maryam! Cô thực sự đã mang về một điều quá ư là tồi tệ.”

فَأَتَتۡ بِهِۦ قَوۡمَهَا تَحۡمِلُهُۥۖ قَالُواْ يَٰمَرۡيَمُ لَقَدۡ جِئۡتِ
شَيۡـٔٗا فَرِيّٗا ٢٧

28. “Này em gái của Harun! Cha của cô không phải là một kẻ xấu và mẹ của cô cũng chẳng phải là một phụ nữ hư đốn.”

يَٰٓأُخۡتَ هَٰرُونَ مَا كَانَ أَبُوكِ ٱمۡرَأَ سَوۡءٖ وَمَا كَانَتۡ
أُمُّكِ بَغِيّٗا ٢٨

29. Rồi (Maryam) lấy tay chỉ vào đứa bé. (Người dân) liền bảo: “Làm sao mà bọn ta có thể nói chuyện được với một đứa bé còn nằm trong nôi chứ?”

فَأَشَارَتۡ إِلَيۡهِۖ قَالُواْ كَيۡفَ نُكَلِّمُ مَن كَانَ فِي ٱلۡمَهۡدِ
صَبِيّٗا ٢٩

30. (Ngay lúc đó, đứa bé) lên tiếng: “Quả thật Ta là một người bề tôi của Allah. Ngài ban cho Ta Kinh Sách và chọn Ta làm một vị Nabi.”

قَالَ إِنِّي عَبۡدُ ٱللَّهِ ءَاتَىٰنِيَ ٱلۡكِتَٰبَ وَجَعَلَنِي نَبِيّٗا ٣٠

31. “Ngài ban phúc cho Ta bất cứ nơi nào Ta có mặt và ra lệnh cho Ta phải dâng lễ nguyện Salah và đóng Zakah suốt thời gian Ta sống trên đời.”

وَجَعَلَنِي مُبَارَكًا أَيۡنَ مَا كُنتُ وَأَوۡصَٰنِي بِٱلصَّلَوٰةِ
وَٱلزَّكَوٰةِ مَا دُمۡتُ حَيّٗا ٣١

32. “(Ngài ra lệnh cho Ta) phải hiếu thảo với mẹ của Ta; và Ngài không chỉ định Ta thành kẻ ngạo mạn và vô phúc.”

وَبَرَّۢا بِوَٰلِدَتِي وَلَمۡ يَجۡعَلۡنِي جَبَّارٗا شَقِيّٗا ٣٢

33. “Và sự bình an được ban cho Ta vào ngày Ta sinh ra đời, vào ngày Ta chết đi và vào ngày Ta được phục sinh trở lại!”

وَٱلسَّلَٰمُ عَلَيَّ يَوۡمَ وُلِدتُّ وَيَوۡمَ أَمُوتُ وَيَوۡمَ أُبۡعَثُ
حَيّٗا ٣٣

34. Đó là Ysa con trai của Maryam, lời nói thật mà (những kẻ lầm lạc) hãy còn hoài nghi.

ذَٰلِكَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَۖ قَوۡلَ ٱلۡحَقِّ ٱلَّذِي فِيهِ
يَمۡتَرُونَ ٣٤

35. (Thật không phù hợp với Quyền Năng Siêu Việt) của Allah khi cho rằng Ngài có một đứa con trai. Thật quang vinh và trong sạch thay Ngài! (Đối với Ngài), một khi Ngài định đoạt điều gì, Ngài chỉ cần phán với nó “Hãy thành!” thì nó sẽ lập tức thành (đúng như ý của Ngài).

مَا كَانَ لِلَّهِ أَن يَتَّخِذَ مِن وَلَدٖۖ سُبۡحَٰنَهُۥٓۚ إِذَا قَضَىٰٓ
أَمۡرٗا فَإِنَّمَا يَقُولُ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ٣٥

36. (Ysa bảo): “Quả thật, Allah là Thượng Đế của Ta và cũng là Thượng Đế của các người. Bởi vậy, các người hãy tôn thờ Ngài. Đây mới chính là con đường ngay thẳng (dẫn đến sự hài lòng của Ngài).”

وَإِنَّ ٱللَّهَ رَبِّي وَرَبُّكُمۡ فَٱعۡبُدُوهُۚ هَٰذَا صِرَٰطٞ
مُّسۡتَقِيمٞ ٣٦

37. Tuy nhiên, những nhóm phái đã bất đồng với nhau (về sự việc của Ysa). Bởi thế, sẽ thật khốn khổ cho những kẻ vô đức tin khi chứng kiến (những gì xảy ra) trong Ngày Trọng Đại!

فَٱخۡتَلَفَ ٱلۡأَحۡزَابُ مِنۢ بَيۡنِهِمۡۖ فَوَيۡلٞ لِّلَّذِينَ
كَفَرُواْ مِن مَّشۡهَدِ يَوۡمٍ عَظِيمٍ ٣٧

38. Vào Ngày mà họ sẽ đến trình diện TA, họ sẽ được cho nghe và thấy rõ (mọi thứ của Ngày Hôm Đó). Nhưng ngày hôm nay những kẻ làm điều sai quấy vẫn cứ (thản nhiên) công khai lầm lạc.

أَسۡمِعۡ بِهِمۡ وَأَبۡصِرۡ يَوۡمَ يَأۡتُونَنَا لَٰكِنِ ٱلظَّٰلِمُونَ
ٱلۡيَوۡمَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٣٨

39. Ngươi (hỡi Muhammad), hãy cảnh báo họ về Ngày Hối Tiếc khi sự việc đã được quyết định trong lúc họ vẫn còn thờ ơ và không có đức tin.

وَأَنذِرۡهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡحَسۡرَةِ إِذۡ قُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ وَهُمۡ فِي غَفۡلَةٖ
وَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ٣٩

40. Quả thật TA (Allah) sẽ thừa hưởng trái đất và những ai sống trên đó và họ sẽ được đưa trở về trình diện TA.

إِنَّا نَحۡنُ نَرِثُ ٱلۡأَرۡضَ وَمَنۡ عَلَيۡهَا وَإِلَيۡنَا
يُرۡجَعُونَ ٤٠

41. Và Ngươi (Muhammad) hãy nhớ lại trong Kinh Sách (Qur’an được ban xuống cho Ngươi) về Ibrahim. Y đích thực là một người tuyệt đối tin tưởng, một vị Nabi (của Allah).

وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ إِبۡرَٰهِيمَۚ إِنَّهُۥ كَانَ صِدِّيقٗا
نَّبِيًّا ٤١

42. Khi Y nói với cha của mình: “Thưa cha! Tại sao cha lại thờ những vật không thể nghe, không thể thấy và cũng chẳng mang lợi về cho cha?”

إِذۡ قَالَ لِأَبِيهِ يَٰٓأَبَتِ لِمَ تَعۡبُدُ مَا لَا يَسۡمَعُ وَلَا
يُبۡصِرُ وَلَا يُغۡنِي عَنكَ شَيۡـٔٗا ٤٢

43. “Thưa cha! Quả thật con đã lĩnh hội được kiến thức mà cha không có; thế nên, con xin cha hãy nghe con, con sẽ dẫn cha đến một con đường ngay thẳng.”

يَٰٓأَبَتِ إِنِّي قَدۡ جَآءَنِي مِنَ ٱلۡعِلۡمِ مَا لَمۡ يَأۡتِكَ
فَٱتَّبِعۡنِيٓ أَهۡدِكَ صِرَٰطٗا سَوِيّٗا ٤٣

44. “Thưa cha! Cha đừng thờ cúng Shaytan nữa, quả thật, Shaytan chính là một tên phản nghịch đã từng chống đối Đấng Độ Lượng.”

يَٰٓأَبَتِ لَا تَعۡبُدِ ٱلشَّيۡطَٰنَۖ إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ كَانَ لِلرَّحۡمَٰنِ
عَصِيّٗا ٤٤

45. “Thưa cha! Con lo sợ Đấng Độ Lượng sẽ trừng phạt cha để rồi cha trở thành bạn của Shaytan (cùng hội cùng thuyền với nó trong sự trừng phạt của Ngài).”

يَٰٓأَبَتِ إِنِّيٓ أَخَافُ أَن يَمَسَّكَ عَذَابٞ مِّنَ ٱلرَّحۡمَٰنِ
فَتَكُونَ لِلشَّيۡطَٰنِ وَلِيّٗا ٤٥

46. (Cha của Ibrahim) bảo: “Này Ibrahim, hẳn mày ghét những thần linh của tao lắm thì phải! Nếu mày không dừng lại, tao sẽ ném đá giết chết mày; mày hãy mau cút đi đâu đó cho khuất mắt tao, hãy đi cho thật lâu (và đừng nói chuyện với tao nữa).”

قَالَ أَرَاغِبٌ أَنتَ عَنۡ ءَالِهَتِي يَٰٓإِبۡرَٰهِيمُۖ لَئِن لَّمۡ
تَنتَهِ لَأَرۡجُمَنَّكَۖ وَٱهۡجُرۡنِي مَلِيّٗا ٤٦

47. (Ibrahim) nói: “Chào bằng an tạm biệt cha. Con sẽ cầu nguyện Thượng Đế của con tha thứ cho cha. Quả thật, Ngài Hằng Rộng Lượng với con.”

قَالَ سَلَٰمٌ عَلَيۡكَۖ سَأَسۡتَغۡفِرُ لَكَ رَبِّيٓۖ إِنَّهُۥ كَانَ بِي
حَفِيّٗا ٤٧

48. (Ibrahim) nói với người dân: “Tôi xin từ biệt các người và những kẻ mà các người cầu nguyện ngoài Allah; còn tôi sẽ chỉ cầu nguyện Thượng Đế của tôi; tôi hy vọng sẽ không đến nỗi vô phúc qua việc cầu nguyện Thượng Đế của tôi.”

وَأَعۡتَزِلُكُمۡ وَمَا تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَأَدۡعُواْ رَبِّي
عَسَىٰٓ أَلَّآ أَكُونَ بِدُعَآءِ رَبِّي شَقِيّٗا ٤٨

49. Rồi khi Ibrahim đã từ biệt họ và những vật mà họ thờ phượng ngoài Allah, TA đã ban cho Y (một đứa con trai tên) Ishaq (Isaac) và (một đứa cháu trai tên) Ya’qub (Jacob); và cả hai đều đã được TA chọn làm Nabi.

فَلَمَّا ٱعۡتَزَلَهُمۡ وَمَا يَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَهَبۡنَا لَهُۥٓ
إِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَۖ وَكُلّٗا جَعَلۡنَا نَبِيّٗا ٤٩

50. Và TA đã ban hồng ân cho họ (con cháu của Ibrahim) và làm vinh danh họ qua tiếng nói trung thực.

وَوَهَبۡنَا لَهُم مِّن رَّحۡمَتِنَا وَجَعَلۡنَا لَهُمۡ لِسَانَ صِدۡقٍ
عَلِيّٗا ٥٠

51. Và Ngươi (Muhammad) hãy nhắc lại trong Kinh Sách (Qur’an được ban xuống cho Ngươi) về Musa. Quả thật, Y là một người thành tâm, là một Sứ Giả và là một Nabi.

وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ مُوسَىٰٓۚ إِنَّهُۥ كَانَ مُخۡلَصٗا وَكَانَ
رَسُولٗا نَّبِيّٗا ٥١

52. TA đã gọi Y từ phía bên phải của ngọn núi và đưa Y xích lại gần để (TA) nói nhỏ.

وَنَٰدَيۡنَٰهُ مِن جَانِبِ ٱلطُّورِ ٱلۡأَيۡمَنِ وَقَرَّبۡنَٰهُ
نَجِيّٗا ٥٢

53. TA đã ban thêm hồng phúc của TA cho Y bằng việc chọn người em trai của Y, Harun, làm một vị Nabi (phò tá cho Y).

وَوَهَبۡنَا لَهُۥ مِن رَّحۡمَتِنَآ أَخَاهُ هَٰرُونَ نَبِيّٗا ٥٣

54. Và Ngươi (Muhammad) hãy nhắc lại trong Kinh Sách (Qur'an được ban xuống cho Ngươi) về Isma'il. Quả thật, Y là một người trung thực, giữ lời hứa; và là một Sứ Giả, một vị Nabi.

وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ إِسۡمَٰعِيلَۚ إِنَّهُۥ كَانَ صَادِقَ
ٱلۡوَعۡدِ وَكَانَ رَسُولٗا نَّبِيّٗا ٥٤

55. Y đã thường bảo ban người nhà dâng lễ nguyện Salah và đóng Zakah, và Y là người được Thượng Đế của Y hài lòng.

وَكَانَ يَأۡمُرُ أَهۡلَهُۥ بِٱلصَّلَوٰةِ وَٱلزَّكَوٰةِ وَكَانَ عِندَ رَبِّهِۦ
مَرۡضِيّٗا ٥٥

56. Và Ngươi (Muhammad) hãy nhớ lại trong Kinh Sách (Qur'an được ban xuống cho Ngươi) về Idris (Enoch). Quả thật, Y là một người tin tưởng tuyệt đối, là một vị Nabi.

وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ إِدۡرِيسَۚ إِنَّهُۥ كَانَ صِدِّيقٗا
نَّبِيّٗا ٥٦

57. TA đã đưa Y lên một nơi trên cao.

وَرَفَعۡنَٰهُ مَكَانًا عَلِيًّا ٥٧

58. Những người đó đều là những người đã được Allah ban ân trong số các vị Nabi xuất thân từ con cháu của Adam, từ những người đã được TA chuyên chở trên chiếc tàu cùng với Nuh, từ con cháu của Ibrahim, của Israel, và từ những người đã được TA hướng dẫn và chọn lọc. Khi những lời mặc khải của Đấng Độ Lượng được đọc lên cho họ nghe thì họ phủ phục quỳ lạy và bật khóc.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ أَنۡعَمَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِم مِّنَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ مِن
ذُرِّيَّةِ ءَادَمَ وَمِمَّنۡ حَمَلۡنَا مَعَ نُوحٖ وَمِن ذُرِّيَّةِ
إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡرَٰٓءِيلَ وَمِمَّنۡ هَدَيۡنَا وَٱجۡتَبَيۡنَآۚ إِذَا تُتۡلَىٰ
عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُ ٱلرَّحۡمَٰنِ خَرُّواْۤ سُجَّدٗا وَبُكِيّٗا۩ ٥٨

59. Nhưng thời sau họ là một hậu thế bỏ bê lễ nguyện Salah và chạy theo dục vọng thấp hèn, nên họ sẽ phải đối diện với Ghaiya (tên của thung lũng trong Hỏa Ngục).

۞فَخَلَفَ مِنۢ بَعۡدِهِمۡ خَلۡفٌ أَضَاعُواْ ٱلصَّلَوٰةَ
وَٱتَّبَعُواْ ٱلشَّهَوَٰتِۖ فَسَوۡفَ يَلۡقَوۡنَ غَيًّا ٥٩

60. Trừ những ai biết ăn năn sám hối, có đức tin, và làm việc thiện tốt thì sẽ vào Thiên Đàng và sẽ không bị đối xử bất công bất cứ điều gì.

إِلَّا مَن تَابَ وَءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَأُوْلَٰٓئِكَ
يَدۡخُلُونَ ٱلۡجَنَّةَ وَلَا يُظۡلَمُونَ شَيۡـٔٗا ٦٠

61. Các Ngôi Vườn Thiên Đàng Vĩnh Cửu mà Đấng Độ Lượng đã hứa với các bề tôi của Ngài tuy vô hình nhưng Lời Hứa của Ngài là điều chắc chắn sẽ được thể hiện.

جَنَّٰتِ عَدۡنٍ ٱلَّتِي وَعَدَ ٱلرَّحۡمَٰنُ عِبَادَهُۥ بِٱلۡغَيۡبِۚ
إِنَّهُۥ كَانَ وَعۡدُهُۥ مَأۡتِيّٗا ٦١

62. Trong Thiên Đàng, họ sẽ không còn nghe thấy bất cứ lời lẽ khiếm nhã và thô tục nào mà toàn chỉ là những lời chúc tụng "Bằng an". Và trong đó, họ sẽ được ban cho đầy đủ bổng lộc cả sáng lẫn chiều.

لَّا يَسۡمَعُونَ فِيهَا لَغۡوًا إِلَّا سَلَٰمٗاۖ وَلَهُمۡ رِزۡقُهُمۡ فِيهَا
بُكۡرَةٗ وَعَشِيّٗا ٦٢

63. Đó là Thiên Đàng, nơi mà TA sẽ cho những người ngoan đạo trong đám bề tôi của TA thừa hưởng.

تِلۡكَ ٱلۡجَنَّةُ ٱلَّتِي نُورِثُ مِنۡ عِبَادِنَا مَن كَانَ
تَقِيّٗا ٦٣

64. (Này Jibril, Ngươi hãy nói với Muhammad): “Chúng tôi (các Thiên Thần) chỉ xuống trần theo Mệnh Lệnh của Thượng Đế của Ngươi. Điều gì trước chúng tôi và điều gì sau chúng tôi và cả những gì ở giữa hai phần đó đều thuộc quyền định đoạt của Ngài. Và Thượng Đế của Ngươi không hề quên (bất cứ điều gì).”

وَمَا نَتَنَزَّلُ إِلَّا بِأَمۡرِ رَبِّكَۖ لَهُۥ مَا بَيۡنَ أَيۡدِينَا وَمَا
خَلۡفَنَا وَمَا بَيۡنَ ذَٰلِكَۚ وَمَا كَانَ رَبُّكَ نَسِيّٗا ٦٤

65. Ngài là Thượng Đế của các tầng trời, trái đất và những gì giữa chúng. Bởi thế, các ngươi hãy thờ phượng Ngài, và các ngươi hãy kiên nhẫn trong việc thờ phượng Ngài. Quả thật, không có một ai (vật gì) sánh vai với Ngài (trong thờ phượng).

رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا فَٱعۡبُدۡهُ
وَٱصۡطَبِرۡ لِعِبَٰدَتِهِۦۚ هَلۡ تَعۡلَمُ لَهُۥ سَمِيّٗا ٦٥

66. Và con người (vô đức tin nơi sự phục sinh) lên tiếng (bỡn cợt): “Chẳng lẽ khi chết rồi tôi sẽ được dựng sống lại thật ư?”

وَيَقُولُ ٱلۡإِنسَٰنُ أَءِذَا مَا مِتُّ لَسَوۡفَ أُخۡرَجُ حَيًّا ٦٦

67. Chẳng lẽ con người không nhớ rằng chính TA đã tạo hóa ra y trước đây trong lúc y không là gì cả đó sao?

أَوَلَا يَذۡكُرُ ٱلۡإِنسَٰنُ أَنَّا خَلَقۡنَٰهُ مِن قَبۡلُ وَلَمۡ يَكُ
شَيۡـٔٗا ٦٧

68. Thề bởi Thượng Đế của Ngươi (hỡi Muhammad), chắc chắn TA sẽ triệu tập họ lại và cả những tên Shaytan; rồi TA sẽ mang họ ra quỳ gối xung quanh Hỏa Ngục (một cách nhục nhã).

فَوَرَبِّكَ لَنَحۡشُرَنَّهُمۡ وَٱلشَّيَٰطِينَ ثُمَّ لَنُحۡضِرَنَّهُمۡ
حَوۡلَ جَهَنَّمَ جِثِيّٗا ٦٨

69. Rồi TA sẽ lôi cổ từng tên cầm đầu bướng bỉnh nhất từ trong mỗi nhóm phái đã chống đối Đấng Độ Lượng (ra trình diện TA).

ثُمَّ لَنَنزِعَنَّ مِن كُلِّ شِيعَةٍ أَيُّهُمۡ أَشَدُّ عَلَى ٱلرَّحۡمَٰنِ
عِتِيّٗا ٦٩

70. Rồi TA là Đấng biết rõ nhất ai trong bọn họ là kẻ đáng bị nướng (trong Hỏa Ngục).

ثُمَّ لَنَحۡنُ أَعۡلَمُ بِٱلَّذِينَ هُمۡ أَوۡلَىٰ بِهَا صِلِيّٗا ٧٠

71. Và chắc chắn không ai trong các ngươi (hỡi nhân loại) tránh khỏi việc đi qua chiếc cầu Sirat (được bắt ngang qua Hỏa Ngục). Quyết định của Thượng Đế của Ngươi chắc chắn sẽ phải được thể hiện.

وَإِن مِّنكُمۡ إِلَّا وَارِدُهَاۚ كَانَ عَلَىٰ رَبِّكَ حَتۡمٗا
مَّقۡضِيّٗا ٧١

72. Rồi TA sẽ cứu rỗi những ai ngoan đạo và bỏ mặc những kẻ làm điều sai quấy quỳ gối trong đó (Hỏa Ngục).

ثُمَّ نُنَجِّي ٱلَّذِينَ ٱتَّقَواْ وَّنَذَرُ ٱلظَّٰلِمِينَ فِيهَا
جِثِيّٗا ٧٢

73. Và khi những Lời Mặc Khải Minh Bạch của TA được đọc cho họ nghe, những kẻ vô đức tin bảo những người có đức tin: “Trong hai nhóm chúng ta, nhóm nào là nhóm có địa vị tốt và đáng kính trọng nhất (trong thành phố Makkah này)?”

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٖ قَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
لِلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَيُّ ٱلۡفَرِيقَيۡنِ خَيۡرٞ مَّقَامٗا وَأَحۡسَنُ
نَدِيّٗا ٧٣

74. Trước họ đã có không biết bao thế hệ giàu có và hào nhoáng hơn đã bị TA hủy diệt.

وَكَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم مِّن قَرۡنٍ هُمۡ أَحۡسَنُ أَثَٰثٗا وَرِءۡيٗا ﴿٧٤﴾

75. Ngươi (Muhammad) hãy nói: “Những ai lầm lạc, Đấng Độ Lượng sẽ mở rộng (sự lầm lạc) thêm cho họ mãi tới khi họ nhìn thấy điều mà họ đã được hứa, hoặc sẽ là hình phạt hoặc sẽ là Giờ Khắc Tận thế; lúc đó họ sẽ biết ai là kẻ có địa vị tồi tệ nhất và có quân lực yếu nhất.”

قُلۡ مَن كَانَ فِي ٱلضَّلَٰلَةِ فَلۡيَمۡدُدۡ لَهُ ٱلرَّحۡمَٰنُ مَدًّاۚ حَتَّىٰٓ إِذَا رَأَوۡاْ مَا يُوعَدُونَ إِمَّا ٱلۡعَذَابَ وَإِمَّا ٱلسَّاعَةَ فَسَيَعۡلَمُونَ مَنۡ هُوَ شَرّٞ مَّكَانٗا وَأَضۡعَفُ جُندٗا ﴿٧٥﴾

76. Allah sẽ ban thêm nguồn chỉ đạo cho những ai được hướng dẫn đúng đường. Và những việc làm thiện tốt sẽ mang lại phần thưởng tốt đẹp nhất cũng như sẽ mang lại kết quả phúc lành nhất ở nơi Thượng Đế của Ngươi (Muhammad).

وَيَزِيدُ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ٱهۡتَدَوۡاْ هُدٗىۗ وَٱلۡبَٰقِيَٰتُ ٱلصَّٰلِحَٰتُ خَيۡرٌ عِندَ رَبِّكَ ثَوَابٗا وَخَيۡرٞ مَّرَدًّا ﴿٧٦﴾

77. (Chắc có lẽ) Ngươi (hỡi Muhammad,) đã thấy kẻ vô đức tin nơi những Lời Mặc Khải của TA khẳng định: “Chắc chắn tôi sẽ được ban cấp của cải và con cái (sau khi được phục sinh)”.

أَفَرَءَيۡتَ ٱلَّذِي كَفَرَ بِـَٔايَٰتِنَا وَقَالَ لَأُوتَيَنَّ مَالٗا وَوَلَدًا ﴿٧٧﴾

78. Há y đã nhìn thấu điều vô hình hay phải chẳng y đã nhận được một Lời Cam Kết nào đó từ nơi Đấng Độ Lượng?

أَطَّلَعَ ٱلۡغَيۡبَ أَمِ ٱتَّخَذَ عِندَ ٱلرَّحۡمَٰنِ عَهۡدٗا ﴿٧٨﴾

79. Sự việc chắc chắn không phải như thế! TA sẽ cho ghi sổ điều mà y nói và sẽ tăng thêm hình phạt đối với y.

كَلَّاۚ سَنَكۡتُبُ مَا يَقُولُ وَنَمُدُّ لَهُۥ مِنَ ٱلۡعَذَابِ مَدّٗا ﴿٧٩﴾

80. TA sẽ thừa kế y về những gì y nói và y sẽ phải đến trình diện TA đơn độc một mình.

وَنَرِثُهُۥ مَا يَقُولُ وَيَأۡتِينَا فَرۡدٗا ﴿٨٠﴾

81. Họ (những kẻ đa thần) đã nhận lấy các thần linh khác ngoài Allah mục đích nhờ chúng phù hộ cho họ có được quyền uy và thế lực.

وَٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ ءَالِهَةٗ لِّيَكُونُواْ لَهُمۡ عِزّٗا ﴿٨١﴾

82. Sự việc chắc chắn không như họ đã tưởng! Những thần linh đó sẽ phủ nhận sự thờ phượng của họ và chúng sẽ trở thành những kẻ chống lại họ.

كَلَّاۚ سَيَكۡفُرُونَ بِعِبَادَتِهِمۡ وَيَكُونُونَ عَلَيۡهِمۡ ضِدًّا ﴿٨٢﴾

83. Chẳng lẽ Ngươi (Muhammad) không thấy việc TA đã gửi những tên Shaytan đến với những kẻ vô đức tin hầu xúi giục họ làm điều phản nghịch hay sao?

أَلَمۡ تَرَ أَنَّآ أَرۡسَلۡنَا ٱلشَّيَٰطِينَ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ تَؤُزُّهُمۡ أَزّٗا ﴿٨٣﴾

84. Cho nên, Ngươi (Muhammad) chớ vội (cầu mong sự trừng phạt) giáng lên họ. Thật ra TA chỉ gia hạn cho họ một số ngày nhất định mà thôi.

فَلَا تَعۡجَلۡ عَلَيۡهِمۡۖ إِنَّمَا نَعُدُّ لَهُمۡ عَدّٗا ﴿٨٤﴾

85. Vào Ngày mà TA sẽ triệu tập những người ngoan đạo thành một phái đoàn đến trình diện Đấng Độ Lượng.

يَوۡمَ نَحۡشُرُ ٱلۡمُتَّقِينَ إِلَى ٱلرَّحۡمَٰنِ وَفۡدٗا ٨٥

86. TA sẽ lùa những kẻ tội lỗi đến Hỏa Ngục như một đàn thú.

وَنَسُوقُ ٱلۡمُجۡرِمِينَ إِلَىٰ جَهَنَّمَ وِرۡدٗا ٨٦

87. Họ không có quyền can thiệp cho nhau ngoại trừ người nào đã nhận từ Đấng Độ Lượng sự Giao Ước (đức tin nơi Ngài và nơi vị Thiên Sứ của Ngài).

لَّا يَمۡلِكُونَ ٱلشَّفَٰعَةَ إِلَّا مَنِ ٱتَّخَذَ عِندَ ٱلرَّحۡمَٰنِ
عَهۡدٗا ٨٧

88. Và họ (Do Thái, Thiên Chúa và một số kẻ đa thần) nói: “Đấng Độ Lượng đã có một đứa con trai.”

وَقَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱلرَّحۡمَٰنُ وَلَدٗا ٨٨

89. Quả thật các ngươi (hỡi những kẻ đã nói lời đó) đã mang đến một điều sàm bậy quá mức.

لَّقَدۡ جِئۡتُمۡ شَيۡـًٔا إِدّٗا ٨٩

90. Các tầng trời gần như muốn vỡ tung, trái đất gần như muốn nứt ra làm hai và những quả núi gần như muốn sụp đổ từ lời nói đó.

تَكَادُ ٱلسَّمَٰوَٰتُ يَتَفَطَّرۡنَ مِنۡهُ وَتَنشَقُّ ٱلۡأَرۡضُ وَتَخِرُّ
ٱلۡجِبَالُ هَدًّا ٩٠

91. Họ đã bịa đặt cho Đấng Độ Lượng có con trai.

أَن دَعَوۡاْ لِلرَّحۡمَٰنِ وَلَدٗا ٩١

92. Và thật không hợp lẽ chút nào khi cho rằng Đấng Độ Lượng có một đứa con trai.

وَمَا يَنۢبَغِي لِلرَّحۡمَٰنِ أَن يَتَّخِذَ وَلَدًا ٩٢

93. Bởi quả thật tất cả những ai trong các tầng trời và trái đất đều đến trình diện Đấng Độ Lượng như một người bề tôi.

إِن كُلُّ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ إِلَّآ ءَاتِي ٱلرَّحۡمَٰنِ
عَبۡدٗا ٩٣

94. Quả thật, Ngài đã kiểm kê và đánh số họ một cách chính xác, (không điều gì của họ che giấu được Ngài).

لَّقَدۡ أَحۡصَىٰهُمۡ وَعَدَّهُمۡ عَدّٗا ٩٤

95. Và vào Ngày Phục Sinh, từng người đơn lẻ đến trình diện Ngài.

وَكُلُّهُمۡ ءَاتِيهِ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فَرۡدًا ٩٥

96. Quả thật, những người có đức tin và làm điều thiện tốt sẽ được Đấng Độ Lượng yêu thương.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَيَجۡعَلُ لَهُمُ
ٱلرَّحۡمَٰنُ وُدّٗا ٩٦

97. Quả thật, TA làm cho Nó (Qur’an) thành dễ dàng với chiếc lưỡi của Ngươi (Muhammad) là để Ngươi dùng Nó báo tin mừng cho những người ngoan đạo và cảnh báo đám người hay tranh cãi (hầu phủ nhận sự thật).

فَإِنَّمَا يَسَّرۡنَٰهُ بِلِسَانِكَ لِتُبَشِّرَ بِهِ ٱلۡمُتَّقِينَ وَتُنذِرَ
بِهِۦ قَوۡمٗا لُّدّٗا ٩٧

98. Đã có không biết bao thế hệ trước họ đã bị TA hủy diệt. Chắc chắn Ngươi không tìm thấy một người nào của bọn họ hoặc nghe một lời xầm xì nào của họ.

وَكَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم مِّن قَرۡنٍ هَلۡ تُحِسُّ مِنۡهُم مِّنۡ
أَحَدٍ أَوۡ تَسۡمَعُ لَهُمۡ رِكۡزَۢا ٩٨

Taha طه

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ta. Ha.	طه ﴿١﴾
2. (Hỡi Muhammad), TA (Allah) ban Qur'an xuống cho Ngươi không phải để làm Ngươi buồn khổ.	مَآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡقُرۡءَانَ لِتَشۡقَىٰٓ ﴿٢﴾
3. Mà để làm lời nhắc nhở cho những ai biết sợ (TA).	إِلَّا تَذۡكِرَةٗ لِّمَن يَخۡشَىٰ ﴿٣﴾
4. Nó được Mặc Khải từ Đấng đã tạo hóa trái đất và các tầng trời cao.	تَنزِيلٗا مِّمَّنۡ خَلَقَ ٱلۡأَرۡضَ وَٱلسَّمَٰوَٰتِ ٱلۡعُلَى ﴿٤﴾
5. (Đó là) Đấng Độ Lượng an vị trên chiếc Ngai Vương.	ٱلرَّحۡمَٰنُ عَلَى ٱلۡعَرۡشِ ٱسۡتَوَىٰ ﴿٥﴾
6. Đấng mà mọi vật trong các tầng trời và mọi vật trên trái đất cũng như vạn vật nằm giữa chúng và những gì nằm sâu dưới lòng đất đều là của Ngài.	لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا وَمَا تَحۡتَ ٱلثَّرَىٰ ﴿٦﴾
7. Dẫu Ngươi (Muhammad) có nói lớn tiếng (hay nhỏ tiếng) thì Ngài vẫn luôn biết rõ những điều bí mật và thầm kín.	وَإِن تَجۡهَرۡ بِٱلۡقَوۡلِ فَإِنَّهُۥ يَعۡلَمُ ٱلسِّرَّ وَأَخۡفَى ﴿٧﴾
8. Allah là Đấng mà Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ngài mang những tên gọi tốt đẹp nhất.	ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ لَهُ ٱلۡأَسۡمَآءُ ٱلۡحُسۡنَىٰ ﴿٨﴾
9. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), Ngươi có biết về câu chuyện của Musa (Moses) không?	وَهَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ مُوسَىٰٓ ﴿٩﴾
10. Khi (Musa) nhìn thấy một ngọn lửa (ở đằng xa), Y bảo gia đình của mình: "Mọi người hãy tạm dừng chân ở đây. Ta sẽ đến chỗ ngọn lửa biết đâu có thể mang về cho mọi người một cục than hồng hoặc biết đâu có thể tìm thấy nơi đống lửa đó một nguồn Chỉ Đạo."	إِذۡ رَءَا نَارٗا فَقَالَ لِأَهۡلِهِ ٱمۡكُثُوٓاْ إِنِّيٓ ءَانَسۡتُ نَارٗا لَّعَلِّيٓ ءَاتِيكُم مِّنۡهَا بِقَبَسٍ أَوۡ أَجِدُ عَلَى ٱلنَّارِ هُدٗى ﴿١٠﴾
11. Nhưng khi Y tiến đến ngọn lửa thì bỗng có tiếng gọi: "Này hỡi Musa!"	فَلَمَّآ أَتَىٰهَا نُودِيَ يَٰمُوسَىٰٓ ﴿١١﴾
12. "Quả thật TA là Thượng Đế của Ngươi. Nào, Ngươi hãy cởi giày của Ngươi ra bởi đích thực Ngươi đang ở nơi thung lũng Tuwa linh thiêng."	إِنِّيٓ أَنَا۠ رَبُّكَ فَٱخۡلَعۡ نَعۡلَيۡكَ إِنَّكَ بِٱلۡوَادِ ٱلۡمُقَدَّسِ طُوٗى ﴿١٢﴾
13. "Và TA đã chọn Ngươi. Vì vậy, Ngươi hãy lắng nghe điều mặc khải."	وَأَنَا ٱخۡتَرۡتُكَ فَٱسۡتَمِعۡ لِمَا يُوحَىٰٓ ﴿١٣﴾

14. “Quả thật, TA là Allah. Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài TA cả. Cho nên, Ngươi hãy thờ phụng TA và hãy dâng lễ nguyện Salah để tưởng nhớ TA.”

إِنَّنِيٓ أَنَا ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنَا۠ فَٱعۡبُدۡنِي وَأَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ
لِذِكۡرِيٓ ١٤

15. “Quả thật Giờ Tận Thế đang tiến đến nhưng TA giữ kín nó để cho mỗi linh hồn sẽ được ân thưởng tùy theo sự nỗ lực và phấn đấu của nó.”

إِنَّ ٱلسَّاعَةَ ءَاتِيَةٌ أَكَادُ أُخۡفِيهَا لِتُجۡزَىٰ كُلُّ نَفۡسِۭ
بِمَا تَسۡعَىٰ ١٥

16. “Vì vậy, Ngươi chớ để cho ai không có đức tin nơi Giờ Tận Thế và theo đuổi dục vọng của bản thân làm cho Ngươi xao lãng nó để rồi Ngươi sẽ bị hủy diệt.”

فَلَا يَصُدَّنَّكَ عَنۡهَا مَن لَّا يُؤۡمِنُ بِهَا وَٱتَّبَعَ هَوَىٰهُ
فَتَرۡدَىٰ ١٦

17. (Allah phán bảo Musa:) “Vật gì trong tay phải của Ngươi vậy, hỡi Musa?”

وَمَا تِلۡكَ بِيَمِينِكَ يَٰمُوسَىٰ ١٧

18. (Musa) nói: “Thưa, đó là chiếc gậy của bề tôi, bề tôi thường dùng nó để chống khi đi lại, bề tôi cũng dùng nó để đập rụng lá cây cho đàn cừu của bề tôi và bề tôi dùng nó cho nhiều việc khác nữa.”

قَالَ هِيَ عَصَايَ أَتَوَكَّؤُاْ عَلَيۡهَا وَأَهُشُّ بِهَا عَلَىٰ
غَنَمِي وَلِيَ فِيهَا مَـَٔارِبُ أُخۡرَىٰ ١٨

19. (Allah) phán bảo: Này Musa, Ngươi hãy ném chiếc gậy của Ngươi xuống!

قَالَ أَلۡقِهَا يَٰمُوسَىٰ ١٩

20. Musa ném chiếc gậy xuống, nó liền biến thành một con rắn bò nhanh nhẹn.

فَأَلۡقَىٰهَا فَإِذَا هِيَ حَيَّةٞ تَسۡعَىٰ ٢٠

21. (Allah) phán bảo (Musa): “Ngươi hãy cầm lấy nó và đừng sợ. TA sẽ làm cho nó trở lại nguyên trạng ban đầu.”

قَالَ خُذۡهَا وَلَا تَخَفۡۖ سَنُعِيدُهَا سِيرَتَهَا ٱلۡأُولَىٰ ٢١

22. “Giờ Ngươi hãy áp bàn tay của Ngươi sát vào ba sườn của Ngươi, nó sẽ hiện ra trắng toát, không có gì đau đớn cả. (Đó là) một phép lạ khác nữa (mà TA ban cho Ngươi).”

وَٱضۡمُمۡ يَدَكَ إِلَىٰ جَنَاحِكَ تَخۡرُجۡ بَيۡضَآءَ مِنۡ غَيۡرِ
سُوٓءٍ ءَايَةً أُخۡرَىٰ ٢٢

23. “TA muốn trưng bày cho Ngươi thấy một số phép mầu vĩ đại của TA.”

لِنُرِيَكَ مِنۡ ءَايَٰتِنَا ٱلۡكُبۡرَى ٢٣

24. “Ngươi hãy đi gặp Pha-ra-ông. Hắn thực sự đã ngông cuồng quá mức.”

ٱذۡهَبۡ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ إِنَّهُۥ طَغَىٰ ٢٤

25. (Musa) thưa: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài nới rộng lòng ngực của bề tôi.”

قَالَ رَبِّ ٱشۡرَحۡ لِي صَدۡرِي ٢٥

26. “Xin Ngài làm cho công việc của bề tôi được thuận lợi.”

وَيَسِّرۡ لِيٓ أَمۡرِي ٢٦

27. “Xin Ngài tháo cái gút (ngọng) ra khỏi chiếc lưỡi của bề tôi.”

وَٱحۡلُلۡ عُقۡدَةٗ مِّن لِّسَانِي ٢٧

28. “Để họ có thể hiểu được lời nói của bề tôi (khi bề tôi truyền đạt).”

يَفۡقَهُواْ قَوۡلِي ٢٨

29. “Và xin Ngài chỉ định từ gia đình của bề tôi một người phò tá cho bề tôi (trong công việc này).”

وَٱجۡعَل لِّي وَزِيرٗا مِّنۡ أَهۡلِي ٢٩

30. “Harun, người anh em của bề tôi.”

هَٰرُونَ أَخِي ٣٠

31. “Xin Ngài tăng cường sức mạnh cho bề tôi qua người anh em của bề tôi.”

ٱشۡدُدۡ بِهِۦٓ أَزۡرِي ٣١

32. “Và xin Ngài hãy để người anh em của bề tôi chia sẻ công việc cùng với bề tôi.”

وَأَشۡرِكۡهُ فِيٓ أَمۡرِي ٣٢

33. “Để cả hai bề tôi có thể tán dương Ngài thật nhiều.”

كَيۡ نُسَبِّحَكَ كَثِيرٗا ٣٣

34. “Cũng như để tưởng nhớ Ngài thật nhiều.”

وَنَذۡكُرَكَ كَثِيرًا ٣٤

35. “Quả thật Ngài luôn quan sát thấy bầy tôi.”

إِنَّكَ كُنتَ بِنَا بَصِيرٗا ٣٥

36. (Allah) phán: “Hỡi Musa, quả thật những điều Ngươi yêu cầu đã được chấp thuận.”

قَالَ قَدۡ أُوتِيتَ سُؤۡلَكَ يَٰمُوسَىٰ ٣٦

37. “Quả thật, TA (Allah) đã ban ân huệ cho Ngươi (Musa) trong một lần khác.”

وَلَقَدۡ مَنَنَّا عَلَيۡكَ مَرَّةً أُخۡرَىٰٓ ٣٧

38. “Khi TA mặc khải cho mẹ của Ngươi những gì được mặc khải (về việc bảo vệ Ngươi khỏi kế hoạch giết chóc của Pha-ra-ông):”

إِذۡ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰٓ أُمِّكَ مَا يُوحَىٰٓ ٣٨

39. “Ngươi hãy đặt nó (Musa) vào chiếc rương và hãy thả nó xuống sông; dòng sông sẽ đẩy nó dạt vào bờ; kẻ thù của TA và cũng là kẻ thù của hắn (Pha-ra-ông) sẽ vớt lấy nó.” TA đã ban cho Ngươi (Musa) tình thương từ nơi TA và để Ngươi được nuôi dưỡng dưới mắt của TA.

أَنِ ٱقۡذِفِيهِ فِي ٱلتَّابُوتِ فَٱقۡذِفِيهِ فِي ٱلۡيَمِّ فَلۡيُلۡقِهِ
ٱلۡيَمُّ بِٱلسَّاحِلِ يَأۡخُذۡهُ عَدُوّٞ لِّي وَعَدُوّٞ لَّهُۥۚ وَأَلۡقَيۡتُ
عَلَيۡكَ مَحَبَّةٗ مِّنِّي وَلِتُصۡنَعَ عَلَىٰ عَيۡنِيٓ ٣٩

40. “Khi người chị của Ngươi lẽo đẽo đi theo và nói: Quí ngài có muốn tôi chỉ cho quí ngài một người chăm sóc tốt cho đứa bé không? Thế là TA đã mang Ngươi trả lại cho mẹ của Ngươi để đôi mắt của mẹ Ngươi trở lại vui tươi và không buồn lo nữa. Và Ngươi đã giết chết một người nhưng TA đã cứu Ngươi ra khỏi cảnh nguy khốn đó và TA đã thử thách Ngươi với một sự thử thách lớn. Ngươi đã phải sống lưu vong nhiều năm cùng với người dân Madyan, rồi (giờ đây) Ngươi đến đây như đã định, hỡi Musa!”

إِذۡ تَمۡشِيٓ أُخۡتُكَ فَتَقُولُ هَلۡ أَدُلُّكُمۡ عَلَىٰ مَن
يَكۡفُلُهُۥۖ فَرَجَعۡنَٰكَ إِلَىٰٓ أُمِّكَ كَيۡ تَقَرَّ عَيۡنُهَا وَلَا
تَحۡزَنَۚ وَقَتَلۡتَ نَفۡسٗا فَنَجَّيۡنَٰكَ مِنَ ٱلۡغَمِّ وَفَتَنَّٰكَ
فُتُونٗاۚ فَلَبِثۡتَ سِنِينَ فِيٓ أَهۡلِ مَدۡيَنَ ثُمَّ جِئۡتَ عَلَىٰ
قَدَرٖ يَٰمُوسَىٰ ٤٠

41. “TA đã chọn Ngươi cho công việc rao truyền Bức Thông Điệp của TA.”

وَٱصۡطَنَعۡتُكَ لِنَفۡسِي ٤١

42. “(Này Musa), Ngươi và người anh em của Ngươi hãy lên đường mang theo các phép lạ của TA, và cả hai chớ đừng xao lãng việc tưởng nhớ TA.”

ٱذۡهَبۡ أَنتَ وَأَخُوكَ بِـَٔايَٰتِي وَلَا تَنِيَا فِي ذِكۡرِي ٤٢

43. “Hai ngươi hãy đi gặp Pha-ra-ông. Quả thật, hắn đã ngông cuồng quá mức.”

ٱذۡهَبَآ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ إِنَّهُۥ طَغَىٰ ٤٣

44. “Tuy nhiên, hai ngươi hãy ăn nói với hắn bằng lời lẽ nhã nhặn mong rằng hắn sẽ lưu ý đến lời cảnh tỉnh hoặc sẽ biết kính sợ.”

فَقُولَا لَهُۥ قَوۡلٗا لَّيِّنٗا لَّعَلَّهُۥ يَتَذَكَّرُ أَوۡ يَخۡشَىٰ ٤٤

45. Cả hai (Musa và Harun) thưa: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Quả thật, bầy tôi sợ rằng hắn (Pha-ra-ông) sẽ có hành động quá quắt hoặc tàn bạo với bầy tôi.”

قَالَا رَبَّنَآ إِنَّنَا نَخَافُ أَن يَفۡرُطَ عَلَيۡنَآ أَوۡ أَن
يَطۡغَىٰ ٤٥

46. (Allah) phán: “Hai ngươi đừng sợ! Quả thật TA luôn ở cùng với hai ngươi. TA nghe và thấy (hết mọi việc).”

قَالَ لَا تَخَافَآۖ إِنَّنِي مَعَكُمَآ أَسۡمَعُ وَأَرَىٰ ٤٦

47. “Nào, hai ngươi hãy đi gặp hắn và bảo: Quả thật chúng tôi là Sứ Giả của Thượng Đế của ngài. Xin ngài hãy để cho con cháu của Israel ra đi với chúng tôi và xin ngài đừng trừng phạt họ (bằng việc tàn sát những đứa con trai của họ). Chúng tôi thực sự đến gặp ngài với một phép lạ từ Thượng Đế của ngài. Và sự bằng an đến với ai đi theo chỉ đạo.”

فَأۡتِيَاهُ فَقُولَآ إِنَّا رَسُولَا رَبِّكَ فَأَرۡسِلۡ مَعَنَا بَنِيٓ
إِسۡرَٰٓءِيلَ وَلَا تُعَذِّبۡهُمۡۖ قَدۡ جِئۡنَٰكَ بِـَٔايَةٖ مِّن رَّبِّكَۖ
وَٱلسَّلَٰمُ عَلَىٰ مَنِ ٱتَّبَعَ ٱلۡهُدَىٰٓ ٤٧

48. “Chúng tôi thực sự đã được mặc khải cho biết rằng sự trừng phạt sẽ giáng xuống những ai phủ nhận và quay lưng (với những gì mà các vị Thiên Sứ của Ngài mang đến).”

إِنَّا قَدۡ أُوحِيَ إِلَيۡنَآ أَنَّ ٱلۡعَذَابَ عَلَىٰ مَن كَذَّبَ
وَتَوَلَّىٰ ٤٨

49. (Pha-ra-ông) nói: “Thế ai là Thượng Đế của hai ngươi, hỡi Musa?”

قَالَ فَمَن رَّبُّكُمَا يَٰمُوسَىٰ ٤٩

50. Musa đáp: Thượng Đế của chúng tôi là Đấng đã ban cho vạn vật hình thể rồi hướng dẫn.

قَالَ رَبُّنَا ٱلَّذِيٓ أَعۡطَىٰ كُلَّ شَيۡءٍ خَلۡقَهُۥ ثُمَّ
هَدَىٰ ٥٠

51. (Pha-ra-ông) bảo: “Thế đối với những người (phủ nhận) thuộc thế hệ trước thì sao?”

قَالَ فَمَا بَالُ ٱلۡقُرُونِ ٱلۡأُولَىٰ ٥١

52. (Musa) đáp: “Sự việc đó thuộc về kiến thức ở nơi Thượng Đế của Tôi được ghi chép trong Kinh Sách được lưu trữ ở nơi Ngài; Thượng Đế của Tôi không nhầm lẫn cũng không hề quên.”

قَالَ عِلۡمُهَا عِندَ رَبِّي فِي كِتَٰبٖۖ لَّا يَضِلُّ رَبِّي وَلَا
يَنسَى ٥٢

53. (Ngài là) Đấng đã làm trái đất thành một nơi an cư cho các ngươi, Đấng đã mở ra cho các ngươi những con đường thông thương qua lại trên trái đất và đã ban nước mưa từ trên trời xuống cho các ngươi; TA dùng nó để làm mọc ra đủ loại cây cối và thảo mộc, từng cặp khác nhau.

ٱلَّذِى جَعَلَ لَكُمُ ٱلْأَرْضَ مَهْدًا وَسَلَكَ لَكُمْ فِيهَا
سُبُلًا وَأَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَخْرَجْنَا بِهِۦٓ أَزْوَٰجًا
مِّن نَّبَاتٍ شَتَّىٰ ٥٣

54. Các ngươi hãy ăn và nuôi gia súc của các ngươi. Quả thật, trong sự việc đó là các dấu hiệu cho những người thông hiểu.

كُلُوا۟ وَٱرْعَوْا۟ أَنْعَٰمَكُمْ ۗ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ لِّأُو۟لِى
ٱلنُّهَىٰ ٥٤

55. Từ đất bụi TA đã tạo hóa các ngươi, TA sẽ hoàn các ngươi trở lại thành đất bụi và cũng từ đất bụi TA sẽ đưa các ngươi trở ra một lần nữa.

۞ مِنْهَا خَلَقْنَٰكُمْ وَفِيهَا نُعِيدُكُمْ وَمِنْهَا
نُخْرِجُكُمْ تَارَةً أُخْرَىٰ ٥٥

56. Và quả thật TA đã phơi bày cho hắn (Pha-ra-ông) thấy tất cả phép lạ và bằng chứng của TA nhưng hắn đã phủ nhận và chối bỏ.

وَلَقَدْ أَرَيْنَٰهُ ءَايَٰتِنَا كُلَّهَا فَكَذَّبَ وَأَبَىٰ ٥٦

57. Hắn bảo: "Này Musa, có phải ngươi mang các pháp thuật này đến với ý định muốn đuổi bọn ta ra khỏi lãnh thổ của bọn ta đúng không?"

قَالَ أَجِئْتَنَا لِتُخْرِجَنَا مِنْ أَرْضِنَا بِسِحْرِكَ
يَٰمُوسَىٰ ٥٧

58. "Bọn ta cũng có thể mang đến pháp thuật tương tự để so tài với Ngươi. Nào, Ngươi hãy định một điểm hẹn tại một nơi cho bọn ta và Ngươi, bọn ta và Ngươi chớ đừng lỡ hẹn!"

فَلَنَأْتِيَنَّكَ بِسِحْرٍ مِّثْلِهِۦ فَٱجْعَلْ بَيْنَنَا وَبَيْنَكَ
مَوْعِدًا لَّا نُخْلِفُهُۥ نَحْنُ وَلَآ أَنتَ مَكَانًا سُوًى ٥٨

59. (Musa) nói: "Hẹn quí ngài vào Ngày Đại Hội và quí ngài hãy triệu tập dân chúng vào lúc mặt trời đã lên cao khoảng một sào."

قَالَ مَوْعِدُكُمْ يَوْمُ ٱلزِّينَةِ وَأَن يُحْشَرَ ٱلنَّاسُ
ضُحًى ٥٩

60. Vậy là Pha-ra-ông lui về, tính toán kế hoạch rồi đến nơi hẹn.

فَتَوَلَّىٰ فِرْعَوْنُ فَجَمَعَ كَيْدَهُۥ ثُمَّ أَتَىٰ ٦٠

61. Musa bảo họ (những pháp sư của Pha-ra-ông): "Quí ngài hãy coi chừng, chớ đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah sợ rằng Ngài sẽ tiêu diệt quí ngài bằng một hình phạt. Quả thật kẻ ngụy tạo chắc chắn sẽ thất bại."

قَالَ لَهُم مُّوسَىٰ وَيْلَكُمْ لَا تَفْتَرُوا۟ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا
فَيُسْحِتَكُم بِعَذَابٍ ۖ وَقَدْ خَابَ مَنِ ٱفْتَرَىٰ ٦١

62. Rồi họ bàn cãi với nhau về công việc của họ và giấu kín cuộc mật nghị.

فَتَنَٰزَعُوٓا۟ أَمْرَهُم بَيْنَهُمْ وَأَسَرُّوا۟ ٱلنَّجْوَىٰ ٦٢

63. Họ bảo nhau: "Hai tên này đúng thật là hai tên phù thủy, chúng muốn dùng pháp thuật để đuổi các người ra khỏi lãnh thổ của các người và chúng muốn xóa bỏ lối sống cao quý của các người."

قَالُوٓا۟ إِنْ هَٰذَٰنِ لَسَٰحِرَٰنِ يُرِيدَانِ أَن يُخْرِجَاكُم
مِّنْ أَرْضِكُم بِسِحْرِهِمَا وَيَذْهَبَا بِطَرِيقَتِكُمُ
ٱلْمُثْلَىٰ ٦٣

64. "Bởi thế, các người hãy hợp sức của các người lại trong kế hoạch rồi tiến lên sắp xếp theo đội ngũ chỉnh tề. Hôm nay, ai cao tay hơn chắc chắn sẽ là kẻ chiến thắng."

فَأَجۡمِعُواْ كَيۡدَكُمۡ ثُمَّ ٱئۡتُواْ صَفّٗاۚ وَقَدۡ أَفۡلَحَ ٱلۡيَوۡمَ
مَنِ ٱسۡتَعۡلَىٰ ٦٤

65. (Những tên pháp sư của Pha-ra-ông) nói (với Musa): "Này Musa, ngươi ném xuống trước hay bọn ta là người đầu tiên ném xuống?"

قَالُواْ يَٰمُوسَىٰٓ إِمَّآ أَن تُلۡقِيَ وَإِمَّآ أَن نَّكُونَ أَوَّلَ مَنۡ
أَلۡقَىٰ ٦٥

66. (Musa) đáp: "Không, quí vị hãy ném xuống trước." Thế là bằng pháp thuật, họ đã gây ảo giác làm cho Musa nhìn thấy những sợi dây cũng như những chiếc gậy của họ đang cử động.

قَالَ بَلۡ أَلۡقُواْۖ فَإِذَا حِبَالُهُمۡ وَعِصِيُّهُمۡ يُخَيَّلُ إِلَيۡهِ مِن
سِحۡرِهِمۡ أَنَّهَا تَسۡعَىٰ ٦٦

67. Musa đâm ra sợ hãi trong lòng trước (những gì họ thể hiện).

فَأَوۡجَسَ فِي نَفۡسِهِۦ خِيفَةٗ مُّوسَىٰ ٦٧

68. TA (Allah) phán bảo (Musa): "Ngươi đừng sợ! Chắc chắn Ngươi cao tay hơn."

قُلۡنَا لَا تَخَفۡ إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡأَعۡلَىٰ ٦٨

69. "Ngươi hãy ném chiếc gậy trong tay phải của ngươi xuống, nó sẽ nuốt hết những vật mà họ đã làm ra. Quả thật, vật mà họ đã làm chẳng qua chỉ là trò ảo thuật. Và nhà ảo thuật sẽ không thành công dù từ đâu đến đi chăng nữa."

وَأَلۡقِ مَا فِي يَمِينِكَ تَلۡقَفۡ مَا صَنَعُوٓاْۖ إِنَّمَا صَنَعُواْ
كَيۡدُ سَٰحِرٖۖ وَلَا يُفۡلِحُ ٱلسَّاحِرُ حَيۡثُ أَتَىٰ ٦٩

70. Thế rồi những tên pháp sư hạ mình xuống phủ phục. Họ nói: "Chúng tôi tin tưởng nơi Thượng Đế của Harun và Musa."

فَأُلۡقِيَ ٱلسَّحَرَةُ سُجَّدٗا قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِرَبِّ هَٰرُونَ
وَمُوسَىٰ ٧٠

71. (Thấy thế, Pha-ra-ông giận dữ) quát: "Các ngươi bạo gan dám tin nơi hắn trước khi ta cho phép các ngươi ư? Chính hắn là tên cầm đầu của các ngươi nên hắn đã dạy các ngươi pháp thuật! Chắc chắn ta sẽ cho chặt tay và chân của các ngươi mỗi bên một cái; chắc chắn ta sẽ đóng đinh các ngươi trên thân cây chà là để các ngươi biết ai trong hai bên sẽ trừng phạt dữ dội và lâu hơn."

قَالَ ءَامَنتُمۡ لَهُۥ قَبۡلَ أَنۡ ءَاذَنَ لَكُمۡۖ إِنَّهُۥ لَكَبِيرُكُمُ
ٱلَّذِي عَلَّمَكُمُ ٱلسِّحۡرَۖ فَلَأُقَطِّعَنَّ أَيۡدِيَكُمۡ
وَأَرۡجُلَكُم مِّنۡ خِلَٰفٖ وَلَأُصَلِّبَنَّكُمۡ فِي جُذُوعِ
ٱلنَّخۡلِ وَلَتَعۡلَمُنَّ أَيُّنَآ أَشَدُّ عَذَابٗا وَأَبۡقَىٰ ٧١

72. (Các tên pháp sư của Pha-ra-ông) đáp: "(Giờ) chúng tôi sẽ không bao giờ xem ngài trọng hơn những bằng chứng rõ rệt đã đến với chúng tôi và cũng không xem ngài trọng hơn Đấng đã sáng tạo ra chúng tôi. Cho nên, ngài cứ quyết định làm điều gì ngài muốn; bởi quả thật, ngài cũng chỉ có thể định đoạt điều gì liên quan đến đời sống trần tục này mà thôi!"

قَالُواْ لَن نُّؤۡثِرَكَ عَلَىٰ مَا جَآءَنَا مِنَ ٱلۡبَيِّنَٰتِ وَٱلَّذِي
فَطَرَنَاۖ فَٱقۡضِ مَآ أَنتَ قَاضٍۖ إِنَّمَا تَقۡضِي هَٰذِهِ
ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَآ ٧٢

73. “Quả thật, chúng tôi đã tin nơi Thượng Đế của chúng tôi. Chúng tôi mong rằng Ngài sẽ tha thứ cho chúng tôi về tội lỗi của chúng tôi và những hành vi phù phép của trò ảo thuật mà ngài đã bắt ép chúng tôi làm. Bởi vì Allah là Đấng Ưu Việt và Vĩnh Cửu.”

إِنَّآ ءَامَنَّا بِرَبِّنَا لِيَغۡفِرَ لَنَا خَطَٰيَٰنَا وَمَآ أَكۡرَهۡتَنَا
عَلَيۡهِ مِنَ ٱلسِّحۡرِۗ وَٱللَّهُ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰٓ ٧٣

74. Quả thật, người nào đến trình diện Thượng Đế của y như một kẻ tội lỗi thì chắc chắn Hỏa Ngục sẽ dành cho y, y sẽ không thể chết và cũng sẽ không thể sống trong đó.

إِنَّهُۥ مَن يَأۡتِ رَبَّهُۥ مُجۡرِمٗا فَإِنَّ لَهُۥ جَهَنَّمَ لَا يَمُوتُ
فِيهَا وَلَا يَحۡيَىٰ ٧٤

75. Còn người nào đến trình diện Ngài như một người có đức tin và hành thiện thì họ sẽ là những người được ban thưởng cấp bậc ưu hạng.

وَمَن يَأۡتِهِۦ مُؤۡمِنٗا قَدۡ عَمِلَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَأُوْلَٰٓئِكَ
لَهُمُ ٱلدَّرَجَٰتُ ٱلۡعُلَىٰ ٧٥

76. Những Ngôi Vườn Thiên Đàng Vĩnh Cửu, bên dưới có các dòng sông chảy. Họ sẽ sống mãi trong đó. Và đó là phần thưởng của những ai đã thanh lọc bản thân mình (khỏi vết bẩn của tội lỗi).

جَنَّٰتُ عَدۡنٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ
وَذَٰلِكَ جَزَآءُ مَن تَزَكَّىٰ ٧٦

77. Quả thật, TA đã mặc khải cho Musa: “Ngươi hãy đưa các bầy tôi của TA ra đi trong đêm và Ngươi hãy đánh (chiếc gậy của Ngươi xuống) để làm thành một con đường khô ráo cho họ băng qua biển. Ngươi chớ sợ bị đuổi kịp và cũng chớ lo (bị chết chìm).”

وَلَقَدۡ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنۡ أَسۡرِ بِعِبَادِي فَٱضۡرِبۡ
لَهُمۡ طَرِيقٗا فِي ٱلۡبَحۡرِ يَبَسٗا لَّا تَخَٰفُ دَرَكٗا وَلَا
تَخۡشَىٰ ٧٧

78. Rồi Pha-ra-ông cùng quân lính của hắn đuổi theo họ (Musa và người dân Israel) nhưng sóng biển đã bao phủ và nhấn chìm toàn bộ (Pha-ra-ông và quân lính của hắn).

فَأَتۡبَعَهُمۡ فِرۡعَوۡنُ بِجُنُودِهِۦ فَغَشِيَهُم مِّنَ ٱلۡيَمِّ مَا
غَشِيَهُمۡ ٧٨

79. Pha-ra-ông đã đưa dân chúng của hắn lạc lối và đã không hướng dẫn họ.

وَأَضَلَّ فِرۡعَوۡنُ قَوۡمَهُۥ وَمَا هَدَىٰ ٧٩

80. Hỡi dân Israel! TA (Allah) đã giải cứu các ngươi khỏi kẻ thù của các ngươi, TA đã giao ước với các ngươi ở phía bên phải của ngọn núi At-Tur, và TA đã ban Al-man (loại thức uống như mật ong) và chim cút xuống cho các ngươi.

يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ قَدۡ أَنجَيۡنَٰكُم مِّنۡ عَدُوِّكُمۡ
وَوَٰعَدۡنَٰكُمۡ جَانِبَ ٱلطُّورِ ٱلۡأَيۡمَنَ وَنَزَّلۡنَا
عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَنَّ وَٱلسَّلۡوَىٰ ٨٠

81. Các ngươi hãy dùng các món thực phẩm tốt lành mà TA đã ban cấp cho các ngươi và các ngươi chớ quá mức trong sự việc đó để rồi cơn giận của TA sẽ giáng lên các ngươi; và người nào mà cơn giận của TA giáng nhằm phải y thì chắc chắn y sẽ bị diệt vong.

كُلُواْ مِن طَيِّبَٰتِ مَا رَزَقۡنَٰكُمۡ وَلَا تَطۡغَوۡاْ فِيهِ
فَيَحِلَّ عَلَيۡكُمۡ غَضَبِيۖ وَمَن يَحۡلِلۡ عَلَيۡهِ غَضَبِي
فَقَدۡ هَوَىٰ ٨١

82. Nhưng TA chắc chắn sẽ tha thứ cho những ai biết ăn năn sám hối và có đức tin đồng thời làm việc thiện tốt rồi theo đúng sự hướng dẫn.

وَإِنِّي لَغَفَّارٞ لِّمَن تَابَ وَءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا ثُمَّ
ٱهۡتَدَىٰ ٨٢

83. (Allah phán bảo khi Musa đến): “Điều gì làm Ngươi vội vã đến đây trước người dân của Ngươi, hỡi Musa?”

۞وَمَآ أَعۡجَلَكَ عَن قَوۡمِكَ يَٰمُوسَىٰ ٨٣

84. (Musa) thưa: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, họ theo sát dấu chân của bề tôi; bề tôi nhanh chóng đến trình diện Ngài để mong Ngài hài lòng.”

قَالَ هُمۡ أُوْلَآءِ عَلَىٰٓ أَثَرِي وَعَجِلۡتُ إِلَيۡكَ رَبِّ لِتَرۡضَىٰ ٨٤

85. (Allah) phán: “Quả thật, TA đã thử thách đám dân của Ngươi sau khi Ngươi ra đi bỏ lại họ, và tên Samiri đã dắt họ lạc lối.”

قَالَ فَإِنَّا قَدۡ فَتَنَّا قَوۡمَكَ مِنۢ بَعۡدِكَ وَأَضَلَّهُمُ ٱلسَّامِرِيُّ ٨٥

86. Thế là Musa quay trở về gặp người dân của Y trong tâm trạng vừa tức giận vừa buồn lo. Y bảo: “Này hỡi dân ta! Chẳng lẽ Thượng Đế của các người đã không hứa với các người một lời hứa tốt đẹp hay sao? Phải chăng lời hứa của Ngài đã quá lâu đối với các người hay là các người muốn cơn tức giận của Thượng Đế của các người sẽ giáng xuống các người nên các người đã phản lại lời hứa với Ta?”

فَرَجَعَ مُوسَىٰٓ إِلَىٰ قَوۡمِهِۦ غَضۡبَٰنَ أَسِفٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ أَلَمۡ يَعِدۡكُمۡ رَبُّكُمۡ وَعۡدًا حَسَنًاۚ أَفَطَالَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡعَهۡدُ أَمۡ أَرَدتُّمۡ أَن يَحِلَّ عَلَيۡكُمۡ غَضَبٞ مِّن رَّبِّكُمۡ فَأَخۡلَفۡتُم مَّوۡعِدِي ٨٦

87. Họ đáp: “Chúng tôi nào đâu bội ước với Người nhưng vì chúng tôi bị bắt vác nặng nữ trang của toàn dân cho nên chúng tôi đã ném chúng (vào lò nấu kim loại) theo đề xuất của Samiri.”

قَالُواْ مَآ أَخۡلَفۡنَا مَوۡعِدَكَ بِمَلۡكِنَا وَلَٰكِنَّا حُمِّلۡنَآ أَوۡزَارٗا مِّن زِينَةِ ٱلۡقَوۡمِ فَقَذَفۡنَٰهَا فَكَذَٰلِكَ أَلۡقَى ٱلسَّامِرِيُّ ٨٧

88. Thế là y đúc ra cho họ một con bò tơ, thân hình của nó phát ra tiếng rống. Rồi họ bảo: “Đây là thần linh của các người và là thần linh của Musa nhưng (Musa) đã quên.”

فَأَخۡرَجَ لَهُمۡ عِجۡلٗا جَسَدٗا لَّهُۥ خُوَارٞ فَقَالُواْ هَٰذَآ إِلَٰهُكُمۡ وَإِلَٰهُ مُوسَىٰ فَنَسِيَ ٨٨

89. Há họ đã không nhận thấy nó (con bò được đúc kia) không trả lời họ được tiếng nào, nó không thể hãm hại được họ và cũng không mang lợi gì được cho họ?

أَفَلَا يَرَوۡنَ أَلَّا يَرۡجِعُ إِلَيۡهِمۡ قَوۡلٗا وَلَا يَمۡلِكُ لَهُمۡ ضَرّٗا وَلَا نَفۡعٗا ٨٩

90. Và quả thật Harun đã bảo họ trước đó: “Hỡi dân ta! Các người chỉ bị thử thách bởi nó và quả thật Thượng Đế của các người là Đấng Độ Lượng. Bởi thế, các người hãy nghe theo Ta và tuân lệnh Ta.”

وَلَقَدۡ قَالَ لَهُمۡ هَٰرُونُ مِن قَبۡلُ يَٰقَوۡمِ إِنَّمَا فُتِنتُم بِهِۦۖ وَإِنَّ رَبَّكُمُ ٱلرَّحۡمَٰنُ فَٱتَّبِعُونِي وَأَطِيعُوٓاْ أَمۡرِي ٩٠

91. Họ nói: “Chúng tôi sẽ không bao giờ ngưng thờ nó (con bò) cho tới khi Musa trở về gặp chúng tôi.”

قَالُواْ لَن نَّبۡرَحَ عَلَيۡهِ عَٰكِفِينَ حَتَّىٰ يَرۡجِعَ إِلَيۡنَا مُوسَىٰ ٩١

92. (Musa) bảo (người anh em của Y): “Này Harun! Điều gì cản anh ngăn họ khi thấy họ lầm lạc?”

قَالَ يَٰهَٰرُونُ مَا مَنَعَكَ إِذۡ رَأَيۡتَهُمۡ ضَلُّوٓاْ ٩٢

93. “Sao anh không tuân theo Tôi? Có phải anh đã làm trái lệnh Tôi đúng không?”

أَلَّا تَتَّبِعَنِۖ أَفَعَصَيۡتَ أَمۡرِي ٩٣

94. (Harun) đáp: “Hỡi em trai của Ta! Em chớ nắm râu và đầu của Ta! Quả thật, Ta đã sợ việc em sẽ nói ‘Ta đã gây chia rẽ giữa con cháu của Israel và đã không thi hành lời dặn của em’.”

قَالَ يَبۡنَؤُمَّ لَا تَأۡخُذۡ بِلِحۡيَتِي وَلَا بِرَأۡسِيٓۖ إِنِّي
خَشِيتُ أَن تَقُولَ فَرَّقۡتَ بَيۡنَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ وَلَمۡ
تَرۡقُبۡ قَوۡلِي ٩٤

95. (Musa) bảo (Samiri): “Này Samiri, mục đích của ngươi là gì?”

قَالَ فَمَا خَطۡبُكَ يَٰسَٰمِرِيُّ ٩٥

96. (Samiri) nói: “Tôi đã thấy điều mà họ không thấy. Cho nên, tôi đã hốt một nắm (đất) nơi dấu chân (ngựa) của Thiên Sứ (Jibril) và ném nó (lên con bò đúc). Tâm trí của tôi đã xúi giục tôi như thế.”

قَالَ بَصُرۡتُ بِمَا لَمۡ يَبۡصُرُواْ بِهِۦ فَقَبَضۡتُ قَبۡضَةٗ
مِّنۡ أَثَرِ ٱلرَّسُولِ فَنَبَذۡتُهَا وَكَذَٰلِكَ سَوَّلَتۡ لِي
نَفۡسِي ٩٦

97. (Musa) nói với (Samiri): “Ngươi hãy cút đi! Quả thật trong suốt cuộc đời này, ngươi sẽ nói “Chớ chạm đến mình tôi!”, (một hình phạt dành cho ngươi), và ngươi sẽ gặp một sự hứa hẹn (ở Ngày Sau về sự trừng phạt khủng khiếp) mà ngươi sẽ không bao giờ tránh khỏi. Và bây giờ ngươi hãy mở to mắt ra nhìn thần linh của ngươi, vật mà ngươi đã thờ cúng (ngoài Allah); chắc chắn bọn ta sẽ đốt nó thành tro rồi vãi tung nó xuống biển.”

قَالَ فَٱذۡهَبۡ فَإِنَّ لَكَ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ أَن تَقُولَ لَا
مِسَاسَۖ وَإِنَّ لَكَ مَوۡعِدٗا لَّن تُخۡلَفَهُۥۖ وَٱنظُرۡ إِلَىٰٓ
إِلَٰهِكَ ٱلَّذِي ظَلۡتَ عَلَيۡهِ عَاكِفٗاۖ لَّنُحَرِّقَنَّهُۥ ثُمَّ
لَنَنسِفَنَّهُۥ فِي ٱلۡيَمِّ نَسۡفًا ٩٧

98. Quả thật, Thượng Đế của các ngươi chỉ có một mình Allah, Ngài là Đấng mà ngoài Ngài không có một Thượng Đế đích thực nào khác. Và sự Hiểu Biết của Ngài bao quát hết mọi thứ.

إِنَّمَآ إِلَٰهُكُمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِي لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ وَسِعَ كُلَّ
شَيۡءٍ عِلۡمٗا ٩٨

99. Tương tự, TA (Allah) kể lại cho Ngươi (Muhammad) một vài thông tin về các sự việc xảy ra trước đây. Và quả thật, chính TA đã ban cho Ngươi từ nơi TA (Kinh Qur’an) làm Lời Nhắc Nhở.

كَذَٰلِكَ نَقُصُّ عَلَيۡكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ مَا قَدۡ سَبَقَۚ وَقَدۡ
ءَاتَيۡنَٰكَ مِن لَّدُنَّا ذِكۡرٗا ٩٩

100. Ai lánh xa Nó (Kinh Qur’an này) thì sẽ gánh nặng tội lỗi vào Ngày Phán Xét.

مَّنۡ أَعۡرَضَ عَنۡهُ فَإِنَّهُۥ يَحۡمِلُ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وِزۡرًا ١٠٠

101. Họ sẽ mãi mãi ở trong (sự trừng phạt) đó. Thật tồi tệ cho họ vào Ngày Phán Xét khi phải gánh nặng tội lỗi.

خَٰلِدِينَ فِيهِۖ وَسَآءَ لَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ حِمۡلٗا ١٠١

102. Ngày mà tiếng Còi sẽ được hụ lên; Ngày đó, TA sẽ triệu tập những kẻ tội lỗi và họ trở nên xanh mặt (vì sợ hãi).

يَوۡمَ يُنفَخُ فِي ٱلصُّورِۚ وَنَحۡشُرُ ٱلۡمُجۡرِمِينَ يَوۡمَئِذٖ
زُرۡقٗا ١٠٢

103. Họ xầm xì bàn tán: “Các anh ở lại (cõi Barzakh) chỉ khoảng chừng mười ngày thôi đúng không?”

يَتَخَٰفَتُونَ بَيۡنَهُمۡ إِن لَّبِثۡتُمۡ إِلَّا عَشۡرٗا ١٠٣

104. TA biết rõ những điều họ xầm xì bàn tán. Và một người có óc suy đoán tốt nhất trong bọn họ bảo: “Có thể các anh đã ở lại (nơi cõi Barzakh này) chỉ khoảng một ngày thôi.”

نَّحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا يَقُولُونَ إِذۡ يَقُولُ أَمۡثَلُهُمۡ طَرِيقَةً إِن
لَّبِثۡتُمۡ إِلَّا يَوۡمٗا ١٠٤

105. Và họ hỏi Ngươi (Muhammad) về những quả núi. Ngươi hãy nói: “Thượng Đế của Ta sẽ bứng chúng lên và làm cho chúng thành bụi bay tứ tán.”

وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡجِبَالِ فَقُلۡ يَنسِفُهَا رَبِّي نَسۡفٗا ١٠٥

106. Rồi Ngài sẽ để cho nó (mặt đất) thành bình địa.

فَيَذَرُهَا قَاعٗا صَفۡصَفٗا ١٠٦

107. Nơi đó, ngươi (hỡi người quan sát) sẽ thấy không có gì quanh co và lồi lõm.

لَّا تَرَىٰ فِيهَا عِوَجٗا وَلَآ أَمۡتٗا ١٠٧

108. Vào Ngày đó, nhân loại sẽ đi theo vị Hô Gọi (đến nơi triệu tập), không ai có quyền không nghe theo, và những tiếng nói sẽ tắt lịm đi trước Đấng Độ Lượng cho nên (lúc đó) sẽ không còn nghe thấy gì ngoài tiếng xầm xì.

يَوۡمَئِذٖ يَتَّبِعُونَ ٱلدَّاعِيَ لَا عِوَجَ لَهُۥۖ وَخَشَعَتِ
ٱلۡأَصۡوَاتُ لِلرَّحۡمَٰنِ فَلَا تَسۡمَعُ إِلَّا هَمۡسٗا ١٠٨

109. Vào Ngày đó, sự can thiệp sẽ trở nên vô ích ngoại trừ ai được Đấng Độ Lượng cho phép và được Ngài chấp thuận cho y mở lời (can thiệp).

يَوۡمَئِذٖ لَّا تَنفَعُ ٱلشَّفَٰعَةُ إِلَّا مَنۡ أَذِنَ لَهُ ٱلرَّحۡمَٰنُ
وَرَضِيَ لَهُۥ قَوۡلٗا ١٠٩

110. Ngài (Allah) biết rõ điều gì trước họ (nhân loại) và điều gì sau họ nhưng họ thì không biết một tí gì về chúng cả.

يَعۡلَمُ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُمۡ وَلَا يُحِيطُونَ بِهِۦ
عِلۡمٗا ١١٠

111. Những gương mặt sẽ gục xuống trước Đấng Hằng Sống, Đấng Chi Phối và Nuôi Dưỡng; và ai gánh nặng tội lỗi trên lưng chắc chắn sẽ thua thiệt.

۞وَعَنَتِ ٱلۡوُجُوهُ لِلۡحَيِّ ٱلۡقَيُّومِۖ وَقَدۡ خَابَ مَنۡ حَمَلَ
ظُلۡمٗا ١١١

112. Ai làm việc thiện tốt và có đức tin thì sẽ không lo sợ bị đối xử bất công và mất phần.

وَمَن يَعۡمَلۡ مِنَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَلَا يَخَافُ
ظُلۡمٗا وَلَا هَضۡمٗا ١١٢

113. Và TA (Allah) đã ban Qur’an xuống bằng tiếng Ả-rập đúng như thế và TA đã giảng giải cặn kẽ trong đó những lời cảnh báo mong rằng họ biết sợ (TA) hoặc Nó sẽ làm cho họ lưu tâm.

وَكَذَٰلِكَ أَنزَلۡنَٰهُ قُرۡءَانًا عَرَبِيّٗا وَصَرَّفۡنَا فِيهِ مِنَ
ٱلۡوَعِيدِ لَعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ أَوۡ يُحۡدِثُ لَهُمۡ ذِكۡرٗا ١١٣

114. Allah là Đấng Tối Cao, Đức Vua Đích Thực. Và Ngươi (Muhammad) chớ hấp tấp với Qur'an trước khi việc mặc khải Nó sẽ hoàn tất cho Ngươi, mà Ngươi hãy cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài ban thêm kiến thức cho bề tôi.”

فَتَعَٰلَى ٱللَّهُ ٱلۡمَلِكُ ٱلۡحَقُّۗ وَلَا تَعۡجَلۡ بِٱلۡقُرۡءَانِ مِن
قَبۡلِ أَن يُقۡضَىٰٓ إِلَيۡكَ وَحۡيُهُۥۖ وَقُل رَّبِّ زِدۡنِي
عِلۡمٗا ١١٤

115. Và quả thật, TA đã giao ước với Adam trước đây nhưng Y đã quên (nên đã ăn cây cấm); và TA thấy Y không cương quyết (trong việc duy trì giao ước).

وَلَقَدۡ عَهِدۡنَآ إِلَىٰٓ ءَادَمَ مِن قَبۡلُ فَنَسِيَ وَلَمۡ نَجِدۡ لَهُۥ
عَزۡمٗا ١١٥

116. Và Ngươi (Muhammad) hãy nhớ lại khi TA phán với các Thiên Thần: “Các ngươi hãy quỳ lạy trước Adam!” Họ liền quỳ lạy ngoại trừ Iblis, hắn đã từ chối (một cách ngạo mạn.)

وَإِذۡ قُلۡنَا لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ ٱسۡجُدُواْ لِأٓدَمَ فَسَجَدُوٓاْ إِلَّآ
إِبۡلِيسَ أَبَىٰ ١١٦

117. Thế là TA phán bảo (Adam): “Hỡi Adam! Quả thật đây là kẻ thù của Ngươi và vợ của Ngươi. Vì vậy, chớ để cho hắn đưa hai ngươi ra khỏi Thiên Đàng để rồi Ngươi sẽ chịu đau khổ.”

فَقُلۡنَا يَٰٓـَٔادَمُ إِنَّ هَٰذَا عَدُوّٞ لَّكَ وَلِزَوۡجِكَ فَلَا
يُخۡرِجَنَّكُمَا مِنَ ٱلۡجَنَّةِ فَتَشۡقَىٰٓ ١١٧

118. “Quả thật, trong đó (Thiên Đàng) Ngươi sẽ không đói và cũng không trần truồng.”

إِنَّ لَكَ أَلَّا تَجُوعَ فِيهَا وَلَا تَعۡرَىٰ ١١٨

119. Quả thật trong đó Ngươi sẽ không khát và cũng không chịu cảnh nóng nực.

وَأَنَّكَ لَا تَظۡمَؤُاْ فِيهَا وَلَا تَضۡحَىٰ ١١٩

120. Nhưng Shaytan đã thì thào với Y. Hắn bảo: “Hỡi Adam! Ngươi có muốn ta đưa ngươi đến Cây Vĩnh Cửu và một vương quốc sẽ không bao giờ điêu tàn không?”

فَوَسۡوَسَ إِلَيۡهِ ٱلشَّيۡطَٰنُ قَالَ يَٰٓـَٔادَمُ هَلۡ أَدُلُّكَ عَلَىٰ
شَجَرَةِ ٱلۡخُلۡدِ وَمُلۡكٖ لَّا يَبۡلَىٰ ١٢٠

121. Vậy là cả hai đã ăn trái của cây đó. Bởi thế phần kín đáo của hai người họ đã lộ ra. Lập tức hai người vội khâu lá cây của Thiên Đàng để che kín thân lại. Do Adam bất tuân Thượng Đế của Y nên đã lầm lạc.

فَأَكَلَا مِنۡهَا فَبَدَتۡ لَهُمَا سَوۡءَٰتُهُمَا وَطَفِقَا
يَخۡصِفَانِ عَلَيۡهِمَا مِن وَرَقِ ٱلۡجَنَّةِۚ وَعَصَىٰٓ ءَادَمُ
رَبَّهُۥ فَغَوَىٰ ١٢١

122. Rồi Thượng Đế của Y chọn Y. Ngài đã quay lại tha thứ và hướng dẫn Y.

ثُمَّ ٱجۡتَبَٰهُ رَبُّهُۥ فَتَابَ عَلَيۡهِ وَهَدَىٰ ١٢٢

123. (Allah) phán với (Adam và Hauwa’): “Cả hai ngươi (và Iblis) hãy đi xuống khỏi đó (Thiên Đàng), thù hằn lẫn nhau. Nhưng nếu có Chỉ Đạo từ TA đến cho các ngươi, ai theo Chỉ Đạo của TA thì sẽ không lầm lạc cũng không bất hạnh.”

قَالَ ٱهۡبِطَا مِنۡهَا جَمِيعَۢاۖ بَعۡضُكُمۡ لِبَعۡضٍ عَدُوّٞۖ
فَإِمَّا يَأۡتِيَنَّكُم مِّنِّي هُدٗى فَمَنِ ٱتَّبَعَ هُدَايَ فَلَا
يَضِلُّ وَلَا يَشۡقَىٰ ١٢٣

124. “Và ai quay lưng với thông điệp nhắc nhở của TA thì chắc chắn sẽ sống một cuộc sống eo hẹp (bất an, khổ tâm) và vào Ngày Phán Xét TA sẽ phục sinh y trở thành mù lòa.”

وَمَنۡ أَعۡرَضَ عَن ذِكۡرِي فَإِنَّ لَهُۥ مَعِيشَةٗ ضَنكٗا
وَنَحۡشُرُهُۥ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ أَعۡمَىٰ ١٢٤

125. (Kẻ quay lưng với thông điệp nhắc nhở) sẽ nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, tại sao Ngài dựng bề tôi sống lại mù lòa trong lúc trước đây bề tôi hãy còn nhìn thấy.”

قَالَ رَبِّ لِمَ حَشَرۡتَنِيٓ أَعۡمَىٰ وَقَدۡ كُنتُ بَصِيرٗا ١٢٥

126. (Allah) phán: “Như thế đó! TA đã mang đến cho ngươi các Lời Mặc Khải của TA nhưng ngươi đã quên Nó; và Ngày nay ngươi bị bỏ quên trở lại giống như thế.”

قَالَ كَذَٰلِكَ أَتَتۡكَ ءَايَٰتُنَا فَنَسِيتَهَاۖ وَكَذَٰلِكَ ٱلۡيَوۡمَ
تُنسَىٰ ١٢٦

127. Và TA đáp trả xứng đáng cho ai vượt quá mức giới hạn và không tin tưởng nơi các Lời Mặc Khải của Thượng Đế của y đúng như thế. Và chắc chắn sự trừng phạt ở Đời Sau sẽ khắc nghiệt và dai dẳng hơn.

وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي مَنۡ أَسۡرَفَ وَلَمۡ يُؤۡمِنۢ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِۦۚ
وَلَعَذَابُ ٱلۡأٓخِرَةِ أَشَدُّ وَأَبۡقَىٰٓ ١٢٧

128. Há không là một Chỉ Đạo cho họ hay sao việc TA đã tiêu diệt không biết bao nhiêu thế hệ trước họ, chủ nhân của các căn nhà mà họ đang bước đi? Quả thật nơi sự việc đó là những dấu hiệu cho những người biết suy ngẫm.

أَفَلَمۡ يَهۡدِ لَهُمۡ كَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم مِّنَ ٱلۡقُرُونِ
يَمۡشُونَ فِي مَسَٰكِنِهِمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّأُوْلِي
ٱلنُّهَىٰ ١٢٨

129. Nếu không vì một Lời phán của Thượng Đế của Ngươi đã được tuyên bố và một thời hạn đã được ấn định thì chắc chắn (hình phạt) đã xảy ra (cho họ) rồi.

وَلَوۡلَا كَلِمَةٞ سَبَقَتۡ مِن رَّبِّكَ لَكَانَ لِزَامٗا وَأَجَلٞ
مُّسَمّٗى ١٢٩

130. Thế nên, Ngươi (Muhammad) hãy kiên nhẫn với những lời của họ và Ngươi hãy tán dương, ca ngợi Thượng Đế của Ngươi trước lúc mặt trời mọc cũng như trước lúc mặt trời lặn; và Ngươi hãy tán dương Ngài vào các thời khắc của ban đêm, vào giờ giấc đầu và cuối của ban ngày mong rằng Ngươi sẽ hài lòng (với phần thưởng từ nơi Allah).

فَٱصۡبِرۡ عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ قَبۡلَ
طُلُوعِ ٱلشَّمۡسِ وَقَبۡلَ غُرُوبِهَاۖ وَمِنۡ ءَانَآيِٕ ٱلَّيۡلِ
فَسَبِّحۡ وَأَطۡرَافَ ٱلنَّهَارِ لَعَلَّكَ تَرۡضَىٰ ١٣٠

131. Và Ngươi (Muhammad) chớ trố mắt nhìn những thứ mà TA đã ban cấp cho họ hưởng thụ, sự lộng lẫy hào nhoáng của đời sống trần tục chỉ là những thứ mà TA dùng để thử thách họ mà thôi. Quả thật, những thiên lộc từ nơi Thượng Đế của Ngươi mới tốt lành và bền vững.

وَلَا تَمُدَّنَّ عَيۡنَيۡكَ إِلَىٰ مَا مَتَّعۡنَا بِهِۦٓ أَزۡوَٰجٗا مِّنۡهُمۡ
زَهۡرَةَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا لِنَفۡتِنَهُمۡ فِيهِۚ وَرِزۡقُ رَبِّكَ خَيۡرٞ
وَأَبۡقَىٰ ١٣١

132. Ngươi hãy ra lệnh cho người nhà của Ngươi dâng lễ nguyện Salah và Ngươi hãy kiên nhẫn. TA không đòi hỏi Ngươi bổng lộc; Chính TA cung cấp nó cho Ngươi. Và kết cuộc tốt đẹp chỉ dành cho những người ngoan đạo.

وَأۡمُرۡ أَهۡلَكَ بِٱلصَّلَوٰةِ وَٱصۡطَبِرۡ عَلَيۡهَاۖ لَا نَسۡـَٔلُكَ
رِزۡقٗاۖ نَّحۡنُ نَرۡزُقُكَۗ وَٱلۡعَٰقِبَةُ لِلتَّقۡوَىٰ ١٣٢

133. (Những kẻ vô đức tin) nói: “Tại sao (Muhammad) không mang đến cho chúng ta một bằng chứng từ Thượng Đế của Y?” Chẳng lẽ những điều ghi trong các Tờ Kinh trước (Tawrah và Injil) đã không là một bằng chứng rõ rệt cho họ ư?

وَقَالُواْ لَوۡلَا يَأۡتِينَا بِـَٔايَةٖ مِّن رَّبِّهِۦٓۚ أَوَلَمۡ تَأۡتِهِم بَيِّنَةُ مَا
فِي ٱلصُّحُفِ ٱلۡأُولَىٰ ١٣٣

134. Nếu TA (Allah) hủy diệt họ bằng sự trừng phạt trước khi (Qur'an được mặc khải) thì chắc chắn họ sẽ nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Sao Ngài không cử một Sứ Giả đến với bầy tôi để bầy tôi có dịp tuân theo các Lời Mặc Khải của Ngài trước khi bầy tôi bị hạ nhục và bị trừng phạt?”	وَلَوۡ أَنَّآ أَهۡلَكۡنَٰهُم بِعَذَابٖ مِّن قَبۡلِهِۦ لَقَالُواْ رَبَّنَا لَوۡلَآ أَرۡسَلۡتَ إِلَيۡنَا رَسُولٗا فَنَتَّبِعَ ءَايَٰتِكَ مِن قَبۡلِ أَن نَّذِلَّ وَنَخۡزَىٰ ١٣٤
135. Ngươi (Muhammad) hãy nói (với những kẻ phủ nhận này): “Tất cả đều mong đợi (sự phán xét của Allah); cho nên các ngươi hãy cứ chờ đợi. Rồi đây các ngươi sẽ sớm biết ai mới là người đi theo con đường bằng phẳng và được hướng dẫn đúng đường.”	قُلۡ كُلّٞ مُّتَرَبِّصٞ فَتَرَبَّصُواْۖ فَسَتَعۡلَمُونَ مَنۡ أَصۡحَٰبُ ٱلصِّرَٰطِ ٱلسَّوِيِّ وَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ ١٣٥

Al-Ambiya' (Các Vị Nabi) الأنبياء

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Việc xét xử nhân loại (vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng) đang đến gần nhưng họ vẫn ngoảnh mặt làm ngơ.

ٱقۡتَرَبَ لِلنَّاسِ حِسَابُهُمۡ وَهُمۡ فِي غَفۡلَةٖ مُّعۡرِضُونَ ١

2. Bất cứ điều nhắc nhở mới nào từ Thượng Đế của họ đến với họ, họ đều chỉ nghe nó với thái độ bỡn cợt.

مَا يَأۡتِيهِم مِّن ذِكۡرٖ مِّن رَّبِّهِم مُّحۡدَثٍ إِلَّا ٱسۡتَمَعُوهُ وَهُمۡ يَلۡعَبُونَ ٢

3. Trái tim của họ thờ ơ. Những kẻ sai quấy đã hội đàm bí mật: "Chẳng phải kẻ này cũng chỉ là một người phàm giống như các người sao? Chẳng lẽ các người bị mê hoặc bởi pháp thuật của hắn trong lúc các người nhận thức rõ (rằng hắn cũng chỉ là người phàm ư)?"

لَاهِيَةٗ قُلُوبُهُمۡۗ وَأَسَرُّواْ ٱلنَّجۡوَى ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ هَلۡ هَٰذَآ إِلَّا بَشَرٞ مِّثۡلُكُمۡۖ أَفَتَأۡتُونَ ٱلسِّحۡرَ وَأَنتُمۡ تُبۡصِرُونَ ٣

4. (Thiên Sứ Muhammad) bảo họ: "Thượng Đế của Ta biết rõ từng lời nói trong các tầng trời và trái đất bởi Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết."

قَالَ رَبِّي يَعۡلَمُ ٱلۡقَوۡلَ فِي ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٤

5. (Họ bối rối về những gì Thiên Sứ Muhammad mang đến, có lúc) họ bảo: "Toàn là những giấc mộng lộn xộn" (Có lúc họ bảo): "Không, hắn chỉ bịa đặt ra mà thôi" (Và có lúc họ lại bảo): "Không, hắn là một nhà thơ; chúng ta hãy bảo hắn mang đến cho chúng ta một phép lạ giống như những cái đã được ban cấp cho các vị Thiên Sứ trước kia (nếu như hắn nói thật)."

بَلۡ قَالُوٓاْ أَضۡغَٰثُ أَحۡلَٰمِۭ بَلِ ٱفۡتَرَىٰهُ بَلۡ هُوَ شَاعِرٞ فَلۡيَأۡتِنَا بِـَٔايَةٖ كَمَآ أُرۡسِلَ ٱلۡأَوَّلُونَ ٥

6. Trước họ, các thị trấn đã bị TA tiêu diệt đều đã không có đức tin. Chẳng lẽ họ sẽ có đức tin hay sao?

مَآ ءَامَنَتۡ قَبۡلَهُم مِّن قَرۡيَةٍ أَهۡلَكۡنَٰهَآۖ أَفَهُمۡ يُؤۡمِنُونَ ٦

7. Và trước Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), những Sứ Giả mà TA đã cử đến đều là những người đàn ông phàm tục được TA mặc khải. Cho nên, các ngươi hãy hỏi những người của Kinh Sách nếu các ngươi không biết.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا قَبۡلَكَ إِلَّا رِجَالٗا نُّوحِيٓ إِلَيۡهِمۡۖ فَسۡـَٔلُوٓاْ أَهۡلَ ٱلذِّكۡرِ إِن كُنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٧

8. Và TA đã không làm cho họ (các Sứ Giả của TA) thành một cơ thể không ăn uống và họ cũng không phải là những người bất tử.

وَمَا جَعَلۡنَٰهُمۡ جَسَدٗا لَّا يَأۡكُلُونَ ٱلطَّعَامَ وَمَا كَانُواْ خَٰلِدِينَ ٨

9. Rồi TA đã hoàn tất Lời hứa đối với họ. TA đã cứu sống họ và những ai mà TA muốn. Và TA đã tiêu diệt những kẻ tội lỗi và phản nghịch.

ثُمَّ صَدَقۡنَٰهُمُ ٱلۡوَعۡدَ فَأَنجَيۡنَٰهُمۡ وَمَن نَّشَآءُ وَأَهۡلَكۡنَا ٱلۡمُسۡرِفِينَ ٩

10. Quả thật, TA đã ban xuống cho các ngươi một Kinh Sách (Qur'an), trong đó, là nguồn nhắc nhở cho các ngươi. Thế chẳng lẽ các ngươi không hiểu (điều đó) ư?

لَقَدۡ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكُمۡ كِتَٰبٗا فِيهِ ذِكۡرُكُمۡۚ أَفَلَا
تَعۡقِلُونَ ١٠

11. Đã biết bao thị trấn bị TA tiêu diệt vì đã làm điều sai quấy, và sau họ, TA đã tạo ra một đám người khác!

وَكَمۡ قَصَمۡنَا مِن قَرۡيَةٖ كَانَتۡ ظَالِمَةٗ وَأَنشَأۡنَا بَعۡدَهَا
قَوۡمًا ءَاخَرِينَ ١١

12. (Những kẻ bị tiêu diệt đó), khi họ thấy sự trừng phạt của TA thì họ sợ hãi bỏ chạy tán loạn.

فَلَمَّآ أَحَسُّواْ بَأۡسَنَآ إِذَا هُم مِّنۡهَا يَرۡكُضُونَ ١٢

13. Các ngươi đừng bỏ chạy, hãy trở lại với những thứ mà các ngươi đã sống xa hoa và những mái nhà tiện nghi của các ngươi, mong rằng các ngươi sẽ bị tra hỏi.

لَا تَرۡكُضُواْ وَٱرۡجِعُوٓاْ إِلَىٰ مَآ أُتۡرِفۡتُمۡ فِيهِ
وَمَسَٰكِنِكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تُسۡـَٔلُونَ ١٣

14. Họ kêu than: "Ôi thật khốn khổ thay! Chúng tôi thực sự là những kẻ đã làm điều sai quấy (vì đã vô đức tin nơi Allah)."

قَالُواْ يَٰوَيۡلَنَآ إِنَّا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ١٤

15. Tiếng kêu than của họ vẫn dai dẳng mãi cho tới khi TA san bằng họ như một cánh đồng sau mùa gặt hái.

فَمَا زَالَت تِّلۡكَ دَعۡوَىٰهُمۡ حَتَّىٰ جَعَلۡنَٰهُمۡ حَصِيدًا
خَٰمِدِينَ ١٥

16. TA không tạo hóa các tầng trời và trái đất cũng như vạn vật giữa chúng để chơi vui (một cách vô ích).

وَمَا خَلَقۡنَا ٱلسَّمَآءَ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا لَٰعِبِينَ ١٦

17. Nếu TA muốn có một thú tiêu khiển và TA thực sự muốn làm điều đó thì chắc chắn TA đã lấy nó từ nơi TA.

لَوۡ أَرَدۡنَآ أَن نَّتَّخِذَ لَهۡوٗا لَّٱتَّخَذۡنَٰهُ مِن لَّدُنَّآ إِن كُنَّا
فَٰعِلِينَ ١٧

18. Không! TA lấy Chân Lý chọi sự ngụy tạo, Chân Lý đập mạnh vào sự ngụy tạo làm cho sự ngụy tạo vỡ tan. Thật khốn thay cho các ngươi về những điều mà các ngươi đã mô tả (không đúng về TA)!

بَلۡ نَقۡذِفُ بِٱلۡحَقِّ عَلَى ٱلۡبَٰطِلِ فَيَدۡمَغُهُۥ فَإِذَا هُوَ
زَاهِقٞۚ وَلَكُمُ ٱلۡوَيۡلُ مِمَّا تَصِفُونَ ١٨

19. Bất cứ ai trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về Ngài (Allah). Và bất cứ ai ở nơi Ngài (các Thiên Thần) đều không ngạo mạn và không biết mệt mỏi trong việc thờ phượng Ngài.

وَلَهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَمَنۡ عِندَهُۥ لَا
يَسۡتَكۡبِرُونَ عَنۡ عِبَادَتِهِۦ وَلَا يَسۡتَحۡسِرُونَ ١٩

20. Họ không ngừng ca tụng và tán dương Ngài cả đêm lẫn ngày (không biết chán nản).

يُسَبِّحُونَ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ لَا يَفۡتُرُونَ ٢٠

21. Họ (những kẻ thờ đa thần) đã tôn thờ (ngoài Allah) các thần linh từ trái đất trong khi chúng không có bất cứ quyền năng phục sinh nào.

أَمِ ٱتَّخَذُوٓاْ ءَالِهَةٗ مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ هُمۡ يُنشِرُونَ ٢١

22. Nếu trong các tầng trời và trái đất thực sự có những thần linh khác ngoài Allah thì các tầng trời và trái đất chắc chắn sẽ sụp đổ. Cho nên, Allah, Thượng Đế của Chiếc Ngai Vương, tối cao và trong sạch khỏi những điều mà họ đã mô tả (về Ngài).

لَوۡ كَانَ فِيهِمَآ ءَالِهَةٌ إِلَّا ٱللَّهُ لَفَسَدَتَاۚ فَسُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ
رَبِّ ٱلۡعَرۡشِ عَمَّا يَصِفُونَ ٢٢

23. Ngài sẽ không bị ai chất vấn về việc Ngài làm còn họ mới là những kẻ sẽ bị Ngài chất vấn.

لَا يُسۡـَٔلُ عَمَّا يَفۡعَلُ وَهُمۡ يُسۡـَٔلُونَ ٢٣

24. Họ đã thờ phượng những thần linh khác ngoài Ngài (Allah). Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy bảo họ: “Các người hãy đưa ra bằng chứng của các người (về việc các thần linh đó đáng được thờ phượng) xem nào! Còn đây (Kinh Sách được ban xuống cho Ta) là Bức Thông Điệp nhắc nhở cho người nào theo Ta và là điều nhắc nhở cho những người trước Ta.” Không! Đa số bọn họ đều không biết sự thật nên họ đã quay lưng với nó.

أَمِ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةٗۖ قُلۡ هَاتُواْ بُرۡهَٰنَكُمۡۖ
هَٰذَا ذِكۡرُ مَن مَّعِيَ وَذِكۡرُ مَن قَبۡلِيۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا
يَعۡلَمُونَ ٱلۡحَقَّۖ فَهُم مُّعۡرِضُونَ ٢٤

25. Không một Sứ Giả nào được cử phái đến trước Ngươi mà lại không được TA mặc khải cho y rằng không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài TA nên chỉ hãy thờ phượng riêng một mình TA.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ مِن رَّسُولٍ إِلَّا نُوحِيٓ إِلَيۡهِ
أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنَا۠ فَٱعۡبُدُونِ ٢٥

26. (Những kẻ thờ đa thần) nói: “(Các Thiên Thần) là những đứa con gái của Đấng Độ Lượng.” Ngài tối cao và trong sạch khỏi những điều họ nói! Không! Tất cả đều là những bề tôi vinh dự (của Ngài).

وَقَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱلرَّحۡمَٰنُ وَلَدٗاۗ سُبۡحَٰنَهُۥۚ بَلۡ عِبَادٞ
مُّكۡرَمُونَ ٢٦

27. Họ không dám qua mặt Ngài bất cứ lời nói nào và họ chỉ luôn làm theo mệnh lệnh của Ngài.

لَا يَسۡبِقُونَهُۥ بِٱلۡقَوۡلِ وَهُم بِأَمۡرِهِۦ يَعۡمَلُونَ ٢٧

28. Ngài biết điều gì trước họ và điều gì sau họ và họ không can thiệp giùm cho ai được ngoại trừ cho người nào mà Ngài ưng thuận. Và họ luôn sợ Ngài.

يَعۡلَمُ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُمۡ وَلَا يَشۡفَعُونَ إِلَّا
لِمَنِ ٱرۡتَضَىٰ وَهُم مِّنۡ خَشۡيَتِهِۦ مُشۡفِقُونَ ٢٨

29. Trong số họ, ai dám tự xưng “ta là thần linh ngoài Ngài” thì sẽ bị TA trừng phạt bằng Hoả Ngục. TA trừng phạt những kẻ làm điều sai quấy tương tự như thế.

*وَمَن يَقُلۡ مِنۡهُمۡ إِنِّيٓ إِلَٰهٞ مِّن دُونِهِۦ فَذَٰلِكَ نَجۡزِيهِ
جَهَنَّمَۚ كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلظَّٰلِمِينَ ٢٩

30. Lẽ nào những kẻ vô đức tin không nhận thấy rằng các tầng trời và trái đất quyện lại với nhau trước khi TA chẻ chúng ra làm đôi hay sao? Và TA đã tạo mọi sinh vật từ nước, lẽ nào chúng không tin ư?

أَوَلَمۡ يَرَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَنَّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ كَانَتَا
رَتۡقٗا فَفَتَقۡنَٰهُمَاۖ وَجَعَلۡنَا مِنَ ٱلۡمَآءِ كُلَّ شَيۡءٍ حَيٍّۚ
أَفَلَا يُؤۡمِنُونَ ٣٠

31. TA đã đặt trên trái đất những quả núi kiên cố để giữ trái đất không rung chuyển với họ (cư dân của trái đất) và TA đã làm ra nơi trái đất các con đường, mong rằng họ được hướng dẫn.

وَجَعَلۡنَا فِي ٱلۡأَرۡضِ رَوَٰسِيَ أَن تَمِيدَ بِهِمۡ وَجَعَلۡنَا
فِيهَا فِجَاجٗا سُبُلٗا لَّعَلَّهُمۡ يَهۡتَدُونَ ٣١

32. TA đã làm bầu trời như một cái lọng che được canh giữ kỹ càng. Nhưng họ (những kẻ thờ đa thần) ngoảnh mặt làm ngơ trước những dấu hiệu của nó.

وَجَعَلۡنَا ٱلسَّمَآءَ سَقۡفٗا مَّحۡفُوظٗاۖ وَهُمۡ عَنۡ ءَايَٰتِهَا
مُعۡرِضُونَ ٣٢

33. Ngài (Allah) là Đấng đã tạo hóa ban đêm và ban ngày, mặt trời và mặt trăng, mỗi vật đều bơi trong quỹ đạo (được định sẵn).

وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ وَٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَۖ كُلّٞ
فِي فَلَكٖ يَسۡبَحُونَ ٣٣

34. Trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ), TA đã không làm cho một người phàm nào sống bất tử cả. Lẽ nào Ngươi chết đi thì chúng vẫn sống bất tử ư?

وَمَا جَعَلۡنَا لِبَشَرٖ مِّن قَبۡلِكَ ٱلۡخُلۡدَۖ أَفَإِيْن مِّتَّ فَهُمُ
ٱلۡخَٰلِدُونَ ٣٤

35. Mỗi một linh hồn đều phải nếm cái chết; TA thử thách các ngươi với điều xấu và điều tốt. Và các ngươi đều sẽ được đưa trở về trình diện TA.

كُلُّ نَفۡسٖ ذَآئِقَةُ ٱلۡمَوۡتِۗ وَنَبۡلُوكُم بِٱلشَّرِّ وَٱلۡخَيۡرِ
فِتۡنَةٗۖ وَإِلَيۡنَا تُرۡجَعُونَ ٣٥

36. Khi những kẻ vô đức tin thấy Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad), họ chỉ muốn chế giễu Ngươi: "Đây có phải là kẻ đã miệt thị những thần linh của các người đúng không?" Và khi nghe nhắc đến Đấng Độ Lượng thì họ trở nên vô đức tin.

وَإِذَا رَءَاكَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِن يَتَّخِذُونَكَ إِلَّا هُزُوًا
أَهَٰذَا ٱلَّذِي يَذۡكُرُ ءَالِهَتَكُمۡ وَهُم بِذِكۡرِ ٱلرَّحۡمَٰنِ هُمۡ
كَٰفِرُونَ ٣٦

37. Con người được tạo ra vốn nôn nóng. TA sẽ sớm cho các ngươi (hỡi những kẻ thờ đa thần) thấy những bằng chứng (sự trừng phạt) của TA. Cho nên, các ngươi không cần giục nó mau đến làm gì.

خُلِقَ ٱلۡإِنسَٰنُ مِنۡ عَجَلٖۚ سَأُوْرِيكُمۡ ءَايَٰتِي فَلَا
تَسۡتَعۡجِلُونِ ٣٧

38. Họ (những kẻ vô đức tin) nói với (những người Muslim): "Bao giờ lời hứa này sẽ xảy ra nếu các người nói thật?"

وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٣٨

39. Nếu những kẻ vô đức tin biết được thời khắc mà họ không thể đưa mặt và lưng của họ tránh khỏi Hỏa Ngục cũng như không được ai giúp đỡ (thì chắc chắn họ sẽ không giục sự trừng phạt mau đến).

لَوۡ يَعۡلَمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ حِينَ لَا يَكُفُّونَ عَن
وُجُوهِهِمُ ٱلنَّارَ وَلَا عَن ظُهُورِهِمۡ وَلَا هُمۡ
يُنصَرُونَ ٣٩

40. Chắc chắn (sự trừng phạt) sẽ xảy đến với họ một cách bất ngờ khiến họ bàng hoàng không kịp trở tay và chắc chắn họ không được trì hoãn thêm bất cứ thời khắc nào nữa.

بَلۡ تَأۡتِيهِم بَغۡتَةٗ فَتَبۡهَتُهُمۡ فَلَا يَسۡتَطِيعُونَ رَدَّهَا وَلَا
هُمۡ يُنظَرُونَ ٤٠

41. Quả thật, các Sứ Giả trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã từng bị giễu cợt và nhạo báng nhưng (sự trừng phạt) sẽ vây hãm những kẻ chế giễu bởi những điều mà họ đã thường bỡn cợt và trêu đùa.

وَلَقَدِ ٱسۡتُهۡزِئَ بِرُسُلٖ مِّن قَبۡلِكَ فَحَاقَ بِٱلَّذِينَ
سَخِرُواْ مِنۡهُم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٤١

42. Ngươi hãy bảo họ (hỡi Thiên Sứ Muhammad!): “Ai sẽ canh giữ an toàn cho các người cả đêm lẫn ngày khỏi Đấng Độ Lượng (khi Ngài giáng xuống sự trừng phạt)?” Không, trước Lời Nhắc Nhở của Thượng Đế của họ, họ luôn ngoảnh mặt quay đi.

قُلۡ مَن يَكۡلَؤُكُم بِٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ مِنَ ٱلرَّحۡمَٰنِۚ بَلۡ هُمۡ
عَن ذِكۡرِ رَبِّهِم مُّعۡرِضُونَ ٤٢

43. Hay lẽ nào họ có những thần linh ngoài TA đứng ra che chở họ tránh khỏi (sự trừng phạt của) TA? (Những thần linh đó) sẽ không thể tự cứu lấy mình và cũng không tự bảo vệ bản thân tránh khỏi TA được.

أَمۡ لَهُمۡ ءَالِهَةٞ تَمۡنَعُهُم مِّن دُونِنَاۚ لَا يَسۡتَطِيعُونَ نَصۡرَ
أَنفُسِهِمۡ وَلَا هُم مِّنَّا يُصۡحَبُونَ ٤٣

44. Không! TA chỉ để mặc những kẻ (vô đức tin) này và cha mẹ của họ hưởng lạc cho đến khi tuổi thọ của họ dài thêm mà thôi. Lẽ nào họ đã không thấy việc TA đã đến tận đất đai của họ và thu hẹp dần ranh giới của nó lại? Lẽ nào họ sẽ chiến thắng?

بَلۡ مَتَّعۡنَا هَٰٓؤُلَآءِ وَءَابَآءَهُمۡ حَتَّىٰ طَالَ عَلَيۡهِمُ
ٱلۡعُمُرُۗ أَفَلَا يَرَوۡنَ أَنَّا نَأۡتِي ٱلۡأَرۡضَ نَنقُصُهَا مِنۡ
أَطۡرَافِهَآۚ أَفَهُمُ ٱلۡغَٰلِبُونَ ٤٤

45. Ngươi hãy nói (hỡi Thiên Sứ Muhammad!): “Quả thật, ta chỉ cảnh báo các người (hỡi nhân loại) theo Lời Mặc Khải.” Tuy nhiên, kẻ điếc sẽ không nghe được tiếng gọi dù y có được cảnh báo đi chăng nữa.

قُلۡ إِنَّمَآ أُنذِرُكُم بِٱلۡوَحۡيِۚ وَلَا يَسۡمَعُ ٱلصُّمُّ ٱلدُّعَآءَ
إِذَا مَا يُنذَرُونَ ٤٥

46. Nhưng nếu có một làn hơi trừng phạt của Thượng Đế của Ngươi chạm đến họ thì chắc chắn họ sẽ kêu than: “Ôi, thật khổ thân chúng tôi! Chúng tôi thực sự đã là những kẻ sai quấy.”

وَلَئِن مَّسَّتۡهُمۡ نَفۡحَةٞ مِّنۡ عَذَابِ رَبِّكَ لَيَقُولُنَّ
يَٰوَيۡلَنَآ إِنَّا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٤٦

47. Rồi đây TA sẽ thiết lập các bàn cân công lý vào Ngày Phán Xét. Lúc đó sẽ không có một linh hồn nào bị đối xử bất công về bất cứ điều gì, cho dù một điều gì đó chỉ bằng sức nặng của một hạt cải thì TA cũng sẽ mang nó ra (để phân xử công minh). Và một mình TA thôi đủ thanh toán (các việc làm của đám bầy tôi của TA).

وَنَضَعُ ٱلۡمَوَٰزِينَ ٱلۡقِسۡطَ لِيَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ فَلَا تُظۡلَمُ
نَفۡسٞ شَيۡـٔٗاۖ وَإِن كَانَ مِثۡقَالَ حَبَّةٖ مِّنۡ خَرۡدَلٍ أَتَيۡنَا
بِهَاۗ وَكَفَىٰ بِنَا حَٰسِبِينَ ٤٧

48. Quả thật, TA đã ban cho Musa và Harun (Kinh Tawrah) làm tiêu chuẩn phân biệt đúng sai, làm nguồn anh sáng (để hướng dẫn) và làm một thông điệp nhắc nhở cho những người ngoan đạo.

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ٱلۡفُرۡقَانَ وَضِيَآءٗ
وَذِكۡرٗا لِّلۡمُتَّقِينَ ٤٨

49. (Đó là) những người sợ Thượng Đế của họ dù không nhìn thấy Ngài và khiếp sợ Giờ Tận Thế.

ٱلَّذِينَ يَخۡشَوۡنَ رَبَّهُم بِٱلۡغَيۡبِ وَهُم مِّنَ ٱلسَّاعَةِ
مُشۡفِقُونَ ٤٩

50. Đây (Qur’an) là nguồn nhắc nhở ân phúc mà TA đã ban xuống. Lẽ nào các ngươi lại phủ nhận Nó?

وَهَٰذَا ذِكۡرٞ مُّبَارَكٌ أَنزَلۡنَٰهُۚ أَفَأَنتُمۡ لَهُۥ مُنكِرُونَ ٥٠

51. Quả thật trước đây TA đã ban cho Ibrahim sự nhận thức đúng sai và TA biết rõ về Y.

۞وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَآ إِبۡرَٰهِيمَ رُشۡدَهُۥ مِن قَبۡلُ وَكُنَّا بِهِۦ
عَٰلِمِينَ ٥١

52. Khi Y nói với cha và người dân của Y: "Đây, những thứ hình tượng mà các người sùng bái là gì chứ?"

إِذۡ قَالَ لِأَبِيهِ وَقَوۡمِهِۦ مَا هَٰذِهِ ٱلتَّمَاثِيلُ ٱلَّتِيٓ أَنتُمۡ
لَهَا عَٰكِفُونَ ﴿٥٢﴾

53. Họ bảo: "Bọn ta thấy cha mẹ của bọn ta thờ cúng chúng."

قَالُواْ وَجَدۡنَآ ءَابَآءَنَا لَهَا عَٰبِدِينَ ﴿٥٣﴾

54. (Ibrahim) bảo: "Các người và cha mẹ của các người, tất cả, thật sự đều đã lầm lạc một cách quá rõ ràng."

قَالَ لَقَدۡ كُنتُمۡ أَنتُمۡ وَءَابَآؤُكُمۡ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ﴿٥٤﴾

55. Họ nói: "Ngươi nói thật hay đùa giỡn với bọn ta đấy?"

قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا بِٱلۡحَقِّ أَمۡ أَنتَ مِنَ ٱللَّٰعِبِينَ ﴿٥٥﴾

56. (Ibrahim) nói: "Đúng vậy, Thượng Đế của các người là Thượng Đế của các tầng trời và trái đất, Đấng đã sáng tạo ra chúng (còn những gì các người thờ phượng chẳng có bất cứ quyền năng nào trong sự việc đó cả). Và tôi là một trong những người làm chứng cho điều đó."

قَالَ بَل رَّبُّكُمۡ رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ ٱلَّذِي
فَطَرَهُنَّ وَأَنَا۠ عَلَىٰ ذَٰلِكُم مِّنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ﴿٥٦﴾

57. (Ibrahim) nói (trong lòng): "Thề bởi Allah, chắc chắn tôi sẽ lên kế hoạch đập phá những bức tượng của các người sau khi các người quay đi."

وَتَٱللَّهِ لَأَكِيدَنَّ أَصۡنَٰمَكُم بَعۡدَ أَن تُوَلُّواْ
مُدۡبِرِينَ ﴿٥٧﴾

58. (Đúng như kế hoạch) Ibrahim đã đập phá chúng, chỉ chừa lại bức tượng lớn nhất, (Y làm thế) để mong họ trở lại (hỏi nó về những điều mà Y đã làm).

فَجَعَلَهُمۡ جُذَٰذًا إِلَّا كَبِيرٗا لَّهُمۡ لَعَلَّهُمۡ إِلَيۡهِ
يَرۡجِعُونَ ﴿٥٨﴾

59. (Khi họ quay lại, nhìn thấy các bức tượng đã bị đập phá tan tành), họ nói: "Ai đã làm điều này với những thần linh của chúng ta? Hắn thật là một kẻ sai quấy quá mức mà."

قَالُواْ مَن فَعَلَ هَٰذَا بِـَٔالِهَتِنَآ إِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٥٩﴾

60. Một số trong bọn họ bảo: "Chúng tôi có nghe một thanh niên tên Ibrahim đã nói chuyện ra vẻ khinh miệt họ (các thần linh của chúng ta)."

قَالُواْ سَمِعۡنَا فَتٗى يَذۡكُرُهُمۡ يُقَالُ لَهُۥٓ إِبۡرَٰهِيمُ ﴿٦٠﴾

61. (Những kẻ cầm quyền trong bọn họ) bảo: "Vậy thì bắt nó đưa ra trước công chúng để người dân chứng kiến (điều tội lỗi mà nó đã làm)."

قَالُواْ فَأۡتُواْ بِهِۦ عَلَىٰٓ أَعۡيُنِ ٱلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ
يَشۡهَدُونَ ﴿٦١﴾

62. (Thế rồi họ bắt Ibrahim đến) và bảo: "Này Ibrahim! Có phải mầy đã làm điều này với các thần linh của bọn tao đúng không?"

قَالُوٓاْ ءَأَنتَ فَعَلۡتَ هَٰذَا بِـَٔالِهَتِنَا يَٰٓإِبۡرَٰهِيمُ ﴿٦٢﴾

63. Ibrahim (thản nhiên) đáp: "Không! Bức tượng lớn nhất này của chúng đã làm đấy chứ. Các người hãy hỏi chúng xem nếu chúng nói chuyện được."

قَالَ بَلۡ فَعَلَهُۥ كَبِيرُهُمۡ هَٰذَا فَسۡـَٔلُوهُمۡ إِن كَانُواْ
يَنطِقُونَ ﴿٦٣﴾

64. (Lúc đó) họ quay nhìn nhau (trong hổ thẹn vì biết bản thân mình đã thờ phượng những thứ vô dụng) rồi bảo nhau: “Các người mới thực sự là những kẻ sai.”

فَرَجَعُوٓاْ إِلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡ فَقَالُوٓاْ إِنَّكُمۡ أَنتُمُ
ٱلظَّٰلِمُونَ ٦٤

65. Rồi họ gục đầu (nói với Ibrahim trong xấu hổ): “Chắc chắn ngươi đã biết rõ những bức tượng này không nói chuyện được!”

ثُمَّ نُكِسُواْ عَلَىٰ رُءُوسِهِمۡ لَقَدۡ عَلِمۡتَ مَا هَٰٓؤُلَآءِ
يَنطِقُونَ ٦٥

66. Ibrahim (nhân cơ hội) liền bảo: “Sao các người lại tôn thờ ngoài Allah những vật chẳng mang lại lợi ích cũng chẳng hãm hại được gì đến các ngươi?”

قَالَ أَفَتَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَنفَعُكُمۡ شَيۡـٔٗا
وَلَا يَضُرُّكُمۡ ٦٦

67. “Thật đáng xấu hổ thay cho các người và cho những vật mà các người tôn thờ ngoài Allah! Lẽ nào các người không hiểu ra vấn đề?”

أُفّٖ لَّكُمۡ وَلِمَا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِۚ أَفَلَا
تَعۡقِلُونَ ٦٧

68. (Không còn lý để tranh luận), họ nói: “Các người hãy bắt nó thiêu sống để giúp những thần linh của các người (đòi lại công bằng) nếu các người thực sự muốn (trừng phạt nó).”

قَالُواْ حَرِّقُوهُ وَٱنصُرُوٓاْ ءَالِهَتَكُمۡ إِن كُنتُمۡ
فَٰعِلِينَ ٦٨

69. (Sau khi họ ném Ibrahim vào trong hố lửa), TA phán: “Hỡi Lửa! Ngươi hãy nguội mát và bằng an cho Ibrahim”

قُلۡنَا يَٰنَارُ كُونِي بَرۡدٗا وَسَلَٰمًا عَلَىٰٓ إِبۡرَٰهِيمَ ٦٩

70. Họ muốn mưu hại Ibrahim nhưng TA đã làm cho họ thất bại.

وَأَرَادُواْ بِهِۦ كَيۡدٗا فَجَعَلۡنَٰهُمُ ٱلۡأَخۡسَرِينَ ٧٠

71. TA đã giải cứu Y (Ibrahim) và Lut và đưa họ đến một vùng đất mà TA đã ban phúc cho muôn loài.

وَنَجَّيۡنَٰهُ وَلُوطًا إِلَى ٱلۡأَرۡضِ ٱلَّتِي بَٰرَكۡنَا فِيهَا
لِلۡعَٰلَمِينَ ٧١

72. TA đã ban cho Ibrahim (đứa con trai) Is-haq và (đứa cháu nội) Ya’qub như một món quà; và tất cả họ đều được TA làm thành những người ngoan đạo.

وَوَهَبۡنَا لَهُۥٓ إِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ نَافِلَةٗۖ وَكُلّٗا جَعَلۡنَا
صَٰلِحِينَ ٧٢

73. Và TA đã làm cho họ thành các vị Imam (lãnh tụ) hướng dẫn theo Mệnh Lệnh của TA và TA đã mặc khải bảo họ làm việc thiện, dâng lễ nguyện Salah, đóng Zakah và thờ phượng chỉ riêng TA.

وَجَعَلۡنَٰهُمۡ أَئِمَّةٗ يَهۡدُونَ بِأَمۡرِنَا وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡهِمۡ فِعۡلَ
ٱلۡخَيۡرَٰتِ وَإِقَامَ ٱلصَّلَوٰةِ وَإِيتَآءَ ٱلزَّكَوٰةِۖ وَكَانُواْ لَنَا
عَٰبِدِينَ ٧٣

74. Và Lut, TA đã ban cho Y khả năng phán xét (trong việc phân xử tranh chấp) và kiến thức; và TA đã giải cứu Y ra khỏi thị trấn (Sodom) mà dân cư đã từng làm những điều ô uế. Quả thật, họ là một đám dân xấu xa, bất tuân.

وَلُوطًا ءَاتَيۡنَٰهُ حُكۡمٗا وَعِلۡمٗا وَنَجَّيۡنَٰهُ مِنَ ٱلۡقَرۡيَةِ
ٱلَّتِي كَانَت تَّعۡمَلُ ٱلۡخَبَٰٓئِثَۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمَ سَوۡءٖ
فَٰسِقِينَ ٧٤

75. TA đã thương xót Lut (khi cứu Y khỏi sự trừng phạt mà TA đã giáng xuống đám dân của Y), bởi quả thật Y là một người ngoan đạo.	وَأَدۡخَلۡنَٰهُ فِي رَحۡمَتِنَآۖ إِنَّهُۥ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٧٥
76. Và Nuh, Y đã cầu nguyện trước đó nên TA đã đáp lời nguyện cầu của Y, TA đã cứu Y và gia đình của Y thoát khỏi cuộc đại nạn.	وَنُوحًا إِذۡ نَادَىٰ مِن قَبۡلُ فَٱسۡتَجَبۡنَا لَهُۥ فَنَجَّيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥ مِنَ ٱلۡكَرۡبِ ٱلۡعَظِيمِ ٧٦
77. TA đã cứu Y thoát khỏi đám dân đã phủ nhận các bằng chứng của TA. Quả thật họ là một đám dân tội lỗi nên TA đã nhấn chìm họ toàn bộ.	وَنَصَرۡنَٰهُ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمَ سَوۡءٖ فَأَغۡرَقۡنَٰهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٧٧
78. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi Dawood và Sulayman xét xử vụ một đám rẫy đã bị đàn cừu của một đám dân đột nhập vào tàn phá trong đêm. TA đã chứng kiến việc xét xử của họ.	وَدَاوُۥدَ وَسُلَيۡمَٰنَ إِذۡ يَحۡكُمَانِ فِي ٱلۡحَرۡثِ إِذۡ نَفَشَتۡ فِيهِ غَنَمُ ٱلۡقَوۡمِ وَكُنَّا لِحُكۡمِهِمۡ شَٰهِدِينَ ٧٨
79. TA đã làm cho Sulayman thông hiểu vấn đề triệt để hơn (Dawood) trong lúc cả hai đều được TA ban cho khả năng suy luận khôn ngoan và nguồn kiến thức vững chắc (về các giáo luật). Và TA đã bắt núi non lẫn chim chóc tán dương TA cùng với Dawood. Chính TA đã làm ra (những sự việc đó).	فَفَهَّمۡنَٰهَا سُلَيۡمَٰنَۚ وَكُلًّا ءَاتَيۡنَا حُكۡمٗا وَعِلۡمٗاۚ وَسَخَّرۡنَا مَعَ دَاوُۥدَ ٱلۡجِبَالَ يُسَبِّحۡنَ وَٱلطَّيۡرَۚ وَكُنَّا فَٰعِلِينَ ٧٩
80. TA đã dạy Y (Dawood) cách làm áo giáp cho các ngươi để các ngươi tự bảo vệ trong những cuộc giao chiến. Thế các ngươi (hỡi nhân loại) biết ơn TA chăng?	وَعَلَّمۡنَٰهُ صَنۡعَةَ لَبُوسٖ لَّكُمۡ لِتُحۡصِنَكُم مِّنۢ بَأۡسِكُمۡۖ فَهَلۡ أَنتُمۡ شَٰكِرُونَ ٨٠
81. Đối với Sulayman, TA đã bắt những luồng gió mạnh di chuyển theo mệnh lệnh của Y đến vùng đất mà TA đã ban phúc. Quả thật, TA là Đấng Thông Toàn mọi thứ.	وَلِسُلَيۡمَٰنَ ٱلرِّيحَ عَاصِفَةٗ تَجۡرِي بِأَمۡرِهِۦٓ إِلَى ٱلۡأَرۡضِ ٱلَّتِي بَٰرَكۡنَا فِيهَاۚ وَكُنَّا بِكُلِّ شَيۡءٍ عَٰلِمِينَ ٨١
82. Trong đám Shaytan (thuộc loài Jinn), có những tên (phụ trách công việc) lặn xuống biển cũng như các công việc khác để phục vụ cho Y (Sulayman). Chính TA là Đấng Trông Chừng (những tên Shaytan đó).	وَمِنَ ٱلشَّيَٰطِينِ مَن يَغُوصُونَ لَهُۥ وَيَعۡمَلُونَ عَمَلٗا دُونَ ذَٰلِكَۖ وَكُنَّا لَهُمۡ حَٰفِظِينَ ٨٢
83. Và Ayyub, Y khẩn nguyện Thượng Đế của Y: "Bề tôi đã gặp nạn và Ngài là Đấng Nhân Từ nhất."	۞وَأَيُّوبَ إِذۡ نَادَىٰ رَبَّهُۥٓ أَنِّي مَسَّنِيَ ٱلضُّرُّ وَأَنتَ أَرۡحَمُ ٱلرَّٰحِمِينَ ٨٣
84. TA đã đáp lời khẩn nguyện của Y, TA đã giải thoát Y khỏi nỗi thống khổ mà Y đã chịu đựng, và TA đã phục hồi cho Y gia đình của Y và đã ban thêm cho Y số lượng tương tự giống như họ bởi sự nhân từ và lòng thương xót từ nơi TA. Và đó là điều nhắc nhở cho những người thờ phượng TA.	فَٱسۡتَجَبۡنَا لَهُۥ فَكَشَفۡنَا مَا بِهِۦ مِن ضُرّٖۖ وَءَاتَيۡنَٰهُ أَهۡلَهُۥ وَمِثۡلَهُم مَّعَهُمۡ رَحۡمَةٗ مِّنۡ عِندِنَا وَذِكۡرَىٰ لِلۡعَٰبِدِينَ ٨٤

85. Và Isma'il, Idris và Zdul-Kifli. Tất cả đều là những người kiên nhẫn và chịu đựng.

وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِدۡرِيسَ وَذَا ٱلۡكِفۡلِۖ كُلّٞ مِّنَ
ٱلصَّٰبِرِينَ ٨٥

86. TA đã thương xót họ bởi họ thực sự là những người ngoan đạo.

وَأَدۡخَلۡنَٰهُمۡ فِي رَحۡمَتِنَآۖ إِنَّهُم مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٨٦

87. Và Zdan-nun (Yunus tức Jonah), khi Y nổi giận bỏ đi và đã nghĩ rằng TA sẽ không làm gì Y. Nhưng Y (đã kịp nhận ra lỗi lầm và liền sám hối ngay khi bị TA nhốt Y vào trong bụng cá voi), từ trong các bóng tối, Y khẩn nguyện: “Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài; Quang vinh thay Ngài! Bề tôi thực sự đã sai quấy.”

وَذَا ٱلنُّونِ إِذ ذَّهَبَ مُغَٰضِبٗا فَظَنَّ أَن لَّن نَّقۡدِرَ
عَلَيۡهِ فَنَادَىٰ فِي ٱلظُّلُمَٰتِ أَن لَّآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنتَ
سُبۡحَٰنَكَ إِنِّي كُنتُ مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٨٧

88. TA đã đáp lại sự cầu xin của Y và cứu Y khỏi nạn kiếp đó; và tương tự, TA sẽ giải cứu những người có đức tin giống như vậy.

فَٱسۡتَجَبۡنَا لَهُۥ وَنَجَّيۡنَٰهُ مِنَ ٱلۡغَمِّۚ وَكَذَٰلِكَ نُـۨجِي
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٨٨

89. Và Zakariya, Y khẩn cầu Thượng Đế của Y: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài đừng bỏ mặc bề tôi một mình đơn độc (không con cái nối dõi) và Ngài là Đấng để lại di sản tốt nhất.”

وَزَكَرِيَّآ إِذۡ نَادَىٰ رَبَّهُۥ رَبِّ لَا تَذَرۡنِي فَرۡدٗا وَأَنتَ
خَيۡرُ ٱلۡوَٰرِثِينَ ٨٩

90. TA đã đáp lời khẩn cầu của Y và đã ban cho Y (một đứa con trai) Yahya. TA cũng đã chữa lành bệnh cho người vợ của Y. Quả thật họ là những người thường tranh nhau làm phúc. Họ thường cầu nguyện TA bằng niềm hy vọng và lòng kính sợ. Và họ là những người hạ mình kính cẩn trước TA.

فَٱسۡتَجَبۡنَا لَهُۥ وَوَهَبۡنَا لَهُۥ يَحۡيَىٰ وَأَصۡلَحۡنَا لَهُۥ
زَوۡجَهُۥٓۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ يُسَٰرِعُونَ فِي ٱلۡخَيۡرَٰتِ وَيَدۡعُونَنَا
رَغَبٗا وَرَهَبٗاۖ وَكَانُواْ لَنَا خَٰشِعِينَ ٩٠

91. Và (Maryam), Nữ là người đã giữ trọn trinh tiết. TA đã cử Ruh của TA (đại Thiên Thần Jibril) đến thổi (linh hồn) vào (bụng) của Nữ (để Nữ mang thai), TA đã làm cho Nữ và đứa con trai của Nữ thành một dấu hiệu lạ cho nhân loại.

وَٱلَّتِيٓ أَحۡصَنَتۡ فَرۡجَهَا فَنَفَخۡنَا فِيهَا مِن رُّوحِنَا
وَجَعَلۡنَٰهَا وَٱبۡنَهَآ ءَايَةٗ لِّلۡعَٰلَمِينَ ٩١

92. Thật ra cộng đồng này của các ngươi (hỡi nhân loại) là một cộng đồng thống nhất (đều thờ phượng và thần phục Allah) và TA là Thượng Đế của các ngươi nên các ngươi hãy chỉ thờ phượng riêng TA.

إِنَّ هَٰذِهِۦٓ أُمَّتُكُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَأَنَا۠ رَبُّكُمۡ
فَٱعۡبُدُونِ ٩٢

93. Nhưng họ (nhân loại) đã chia rẽ thành các nhóm phái. (Rồi đây) tất cả sẽ trở lại trình diện TA (để TA xét xử).

وَتَقَطَّعُوٓاْ أَمۡرَهُم بَيۡنَهُمۡۖ كُلٌّ إِلَيۡنَا رَٰجِعُونَ ٩٣

94. Do đó, người nào làm điều thiện tốt và có đức tin thì công sức của y sẽ không bị phủ nhận và chính TA sẽ ghi công lao cho y.

فَمَن يَعۡمَلۡ مِنَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَلَا
كُفۡرَانَ لِسَعۡيِهِۦ وَإِنَّا لَهُۥ كَٰتِبُونَ ٩٤

95. Và một lệnh cấm đã được ban hành cho (dân của) mỗi thị trấn mà TA đã tiêu diệt rằng họ sẽ không trở lại (thế gian để được quay lại sám hối).

وَحَرَٰمٌ عَلَىٰ قَرۡيَةٍ أَهۡلَكۡنَٰهَآ أَنَّهُمۡ لَا يَرۡجِعُونَ ٩٥

96. Cho tới khi Ya'juj và Ma'juj được thả ra và chúng sẽ ồ ạt tràn xuống từ mỗi ngọn đồi.

حَتَّىٰٓ إِذَا فُتِحَتۡ يَأۡجُوجُ وَمَأۡجُوجُ وَهُم مِّن كُلِّ
حَدَبٍ يَنسِلُونَ ٩٦

97. (Lúc đó) lời hứa thật sự (Giờ Tận Thế) đang đến gần. Rồi khi Nó đến, cặp mắt của những kẻ vô đức tin sẽ mở to trừng trừng (trước cảnh tượng kinh hãi), (họ sẽ than): "Ôi thật khổ thân chúng tôi! Chúng tôi thực sự đã thờ ơ với điều này. Không! Chúng tôi là những kẻ sai quấy."

وَٱقۡتَرَبَ ٱلۡوَعۡدُ ٱلۡحَقُّ فَإِذَا هِيَ شَٰخِصَةٌ أَبۡصَٰرُ
ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يَٰوَيۡلَنَا قَدۡ كُنَّا فِي غَفۡلَةٖ مِّنۡ هَٰذَا
بَلۡ كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٩٧

98. Quả thật, các ngươi (hỡi những kẻ thờ đa thần) và những vật mà các ngươi thờ phượng ngoài Allah sẽ là chất đốt của Hỏa Ngục, nơi mà các ngươi sẽ phải đi vào.

إِنَّكُمۡ وَمَا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ حَصَبُ جَهَنَّمَ
أَنتُمۡ لَهَا وَٰرِدُونَ ٩٨

99. Nếu những vật (được thờ phượng) này là những thần linh thực sự thì chúng sẽ không vào đó nhưng tất cả sẽ đi vào ở trong đó mãi mãi.

لَوۡ كَانَ هَٰٓؤُلَآءِ ءَالِهَةٗ مَّا وَرَدُوهَاۖ وَكُلّٞ فِيهَا
خَٰلِدُونَ ٩٩

100. Trong đó, họ sẽ rên rỉ và sẽ không nghe thấy gì.

لَهُمۡ فِيهَا زَفِيرٞ وَهُمۡ فِيهَا لَا يَسۡمَعُونَ ١٠٠

101. (Những kẻ thờ đa thần bảo: quả thật Ysa và các Thiên Thần đều sẽ vào Hỏa Ngục, nên Allah phán): Quả thật, những ai mà TA đã khẳng định họ tốt thì sẽ được đưa ra xa khỏi đó.

إِنَّ ٱلَّذِينَ سَبَقَتۡ لَهُم مِّنَّا ٱلۡحُسۡنَىٰٓ أُوْلَٰٓئِكَ عَنۡهَا
مُبۡعَدُونَ ١٠١

102. Họ sẽ không nghe thấy một tiếng xì xào nào của (Hỏa Ngục) và họ sẽ mãi mãi (sống trong Thiên Đàng) hưởng thụ những gì mà bản thân họ đã từng mong ước.

لَا يَسۡمَعُونَ حَسِيسَهَاۖ وَهُمۡ فِي مَا ٱشۡتَهَتۡ أَنفُسُهُمۡ
خَٰلِدُونَ ١٠٢

103. Họ sẽ không còn sợ hãi; và các Thiên Thần sẽ nghênh đón họ: "Đây là Ngày mà qúi vị đã được hứa."

لَا يَحۡزُنُهُمُ ٱلۡفَزَعُ ٱلۡأَكۡبَرُ وَتَتَلَقَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ
هَٰذَا يَوۡمُكُمُ ٱلَّذِي كُنتُمۡ تُوعَدُونَ ١٠٣

104. Ngày mà TA sẽ cuốn tròn bầu trời giống như các tờ kinh được cuốn tròn cho những quyển Kinh; TA sẽ tái lập nó lại giống như TA đã khởi tạo nó lần đầu, một Lời Hứa ràng buộc TA phải thực hiện. TA chắc chắn sẽ làm điều đó.

يَوۡمَ نَطۡوِي ٱلسَّمَآءَ كَطَيِّ ٱلسِّجِلِّ لِلۡكُتُبِۚ كَمَا
بَدَأۡنَآ أَوَّلَ خَلۡقٖ نُّعِيدُهُۥۚ وَعۡدًا عَلَيۡنَآۚ إِنَّا كُنَّا
فَٰعِلِينَ ١٠٤

105. Quả thật TA đã ghi trong Kinh Zabur sau quyển Kinh Mẹ (Al-Lawhu Al-Mahfuzh) rằng trái đất sẽ do những bề tôi ngoan đạo của TA thừa hưởng.

وَلَقَدۡ كَتَبۡنَا فِي ٱلزَّبُورِ مِنۢ بَعۡدِ ٱلذِّكۡرِ أَنَّ ٱلۡأَرۡضَ
يَرِثُهَا عِبَادِيَ ٱلصَّٰلِحُونَ ١٠٥

106. Quả thật, trong cái này (Qur'an) là một Thông Điệp gởi đến nhóm người thờ phượng đích thực.	إِنَّ فِي هَٰذَا لَبَلَٰغًا لِّقَوۡمٍ عَٰبِدِينَ ١٠٦
107. TA (Allah) cử Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đến chỉ để mang lại hồng phúc cho vũ trụ và muôn loài.	وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ إِلَّا رَحۡمَةً لِّلۡعَٰلَمِينَ ١٠٧
108. Ngươi hãy bảo họ: "Quả thật Ta được mặc khải cho biết Thượng Đế của các người chỉ là một Thượng Đế duy nhất. Thế các người sẽ không là những người thần phục Ngài sao?"	قُلۡ إِنَّمَا يُوحَىٰٓ إِلَيَّ أَنَّمَآ إِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ فَهَلۡ أَنتُم مُّسۡلِمُونَ ١٠٨
109. Nhưng nếu họ ngoảnh mặt bỏ đi thì Ngươi hãy bảo họ: "Ta đã thông báo đều cho các người; và Ta thực sự không biết điều mà các người đã được hứa đang đến gần hay vẫn còn ở xa."	فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَقُلۡ ءَاذَنتُكُمۡ عَلَىٰ سَوَآءٖۖ وَإِنۡ أَدۡرِيٓ أَقَرِيبٌ أَم بَعِيدٞ مَّا تُوعَدُونَ ١٠٩
110. "Quả thật, Ngài biết lời lẽ mà các người đã hô hào lớn tiếng và biết điều mà các người giấu kín."	إِنَّهُۥ يَعۡلَمُ ٱلۡجَهۡرَ مِنَ ٱلۡقَوۡلِ وَيَعۡلَمُ مَا تَكۡتُمُونَ ١١٠
111. "Ta thực sự không biết liệu đó là một sự thử thách hay là một sự hưởng thụ ngắn ngủi dành cho các người."	وَإِنۡ أَدۡرِي لَعَلَّهُۥ فِتۡنَةٞ لَّكُمۡ وَمَتَٰعٌ إِلَىٰ حِينٖ ١١١
112. Y (Muhammad) cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài phân xử bằng Chân Lý." Và (Y nói với những kẻ thờ đa thần): "Thượng Đế của chúng tôi, Đấng Độ Lượng sẽ giúp chúng tôi đối phó với những điều mà các người đã qui cho Ngài."	قَٰلَ رَبِّ ٱحۡكُم بِٱلۡحَقِّۗ وَرَبُّنَا ٱلرَّحۡمَٰنُ ٱلۡمُسۡتَعَانُ عَلَىٰ مَا تَصِفُونَ ١١٢

Al-Hajj (Hành Hương Hajj) الحج

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hỡi nhân loại! Các ngươi hãy ngoan đạo đối với Thượng Đế của các ngươi bởi lẽ cơn chấn động của Giờ Tận Thế sẽ là một điều kinh hoàng vô cùng khủng khiếp.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱتَّقُواْ رَبَّكُمۡۚ إِنَّ زَلۡزَلَةَ ٱلسَّاعَةِ شَيۡءٌ عَظِيمٞ ١

2. Ngày mà các ngươi sẽ thấy mỗi bà mẹ sẽ quên mất đứa con đang bú và mỗi người phụ nữ mang thai sẽ trút bỏ gánh nặng của mình (sẩy thai) và Ngươi sẽ thấy nhân loại như đang say rượu nhưng thực chất họ không say (do rượu) mà là do sự trừng phạt khủng khiếp của Allah.

يَوۡمَ تَرَوۡنَهَا تَذۡهَلُ كُلُّ مُرۡضِعَةٍ عَمَّآ أَرۡضَعَتۡ وَتَضَعُ كُلُّ ذَاتِ حَمۡلٍ حَمۡلَهَا وَتَرَى ٱلنَّاسَ سُكَٰرَىٰ وَمَا هُم بِسُكَٰرَىٰ وَلَٰكِنَّ عَذَابَ ٱللَّهِ شَدِيدٞ ٢

3. Trong nhân loại có kẻ tranh luận về Allah một cách không hiểu biết và y chỉ đi theo từng tên Shaytan phản nghịch.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُجَٰدِلُ فِي ٱللَّهِ بِغَيۡرِ عِلۡمٖ وَيَتَّبِعُ كُلَّ شَيۡطَٰنٖ مَّرِيدٖ ٣

4. (Những tên Shaytan phản nghịch) được quy định rằng ai làm bạn với chúng, chúng sẽ đưa người đó đi lạc (khỏi con đường chân lý) và sẽ dẫn y đến hình phạt nơi Hỏa Ngục.

كُتِبَ عَلَيۡهِ أَنَّهُۥ مَن تَوَلَّاهُ فَأَنَّهُۥ يُضِلُّهُۥ وَيَهۡدِيهِ إِلَىٰ عَذَابِ ٱلسَّعِيرِ ٤

5. Hỡi nhân loại! Nếu các ngươi hoài nghi về sự phục sinh thì (các ngươi hãy biết rằng) quả thật TA đã tạo hóa các ngươi từ đất bụi rồi từ tinh dịch rồi từ một hòn máu đặc rồi từ một miếng thịt, (sau đó TA làm cho nó) thành một cơ thể hoàn chỉnh hoặc không thành (sẩy thai) mục đích để TA trưng bày cho các ngươi thấy (quyền năng của TA). Và TA đặt trong các dạ con những gì TA muốn đến một thời hạn ấn định; sau đó TA cho các ngươi ra đời thành những đứa bé; rồi để các ngươi trưởng thành; và trong các ngươi có người bị cho chết sớm và có người được cho sống đến tuổi già không còn biết gì sau khi đã biết rất nhiều. Và ngươi (hỡi con người) thấy đất đai nứt nẻ chết khô nhưng khi TA ban nước mưa xuống tưới lên nó thì nó cựa mình sống lại và mọc lên đủ loại cây cối từng cặp.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِن كُنتُمۡ فِي رَيۡبٖ مِّنَ ٱلۡبَعۡثِ فَإِنَّا خَلَقۡنَٰكُم مِّن تُرَابٖ ثُمَّ مِن نُّطۡفَةٖ ثُمَّ مِنۡ عَلَقَةٖ ثُمَّ مِن مُّضۡغَةٖ مُّخَلَّقَةٖ وَغَيۡرِ مُخَلَّقَةٖ لِّنُبَيِّنَ لَكُمۡۚ وَنُقِرُّ فِي ٱلۡأَرۡحَامِ مَا نَشَآءُ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى ثُمَّ نُخۡرِجُكُمۡ طِفۡلٗا ثُمَّ لِتَبۡلُغُوٓاْ أَشُدَّكُمۡۖ وَمِنكُم مَّن يُتَوَفَّىٰ وَمِنكُم مَّن يُرَدُّ إِلَىٰٓ أَرۡذَلِ ٱلۡعُمُرِ لِكَيۡلَا يَعۡلَمَ مِنۢ بَعۡدِ عِلۡمٖ شَيۡـٔٗاۚ وَتَرَى ٱلۡأَرۡضَ هَامِدَةٗ فَإِذَآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡهَا ٱلۡمَآءَ ٱهۡتَزَّتۡ وَرَبَتۡ وَأَنۢبَتَتۡ مِن كُلِّ زَوۡجِۭ بَهِيجٖ ٥

6. Đó là bởi vì Allah là Chân Lý tuyệt đối, chắc chắn Ngài làm cho người chết sống lại và chắc chắn Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡحَقُّ وَأَنَّهُۥ يُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَأَنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٦

7. Quả thật, Giờ Tận Thế đang đến, điều đó không có gì phải hoài nghi, và Allah sẽ phục sinh tất cả những ai trong mộ.

وَأَنَّ ٱلسَّاعَةَ ءَاتِيَةٞ لَّا رَيۡبَ فِيهَا وَأَنَّ ٱللَّهَ يَبۡعَثُ مَن فِي ٱلۡقُبُورِ ٧

8. Trong nhân loại có kẻ (vô đức tin) đã tranh luận về Allah không một chút hiểu biết nào cũng như không có sự chỉ đạo hay bất cứ một kinh sách rõ ràng nào cả.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُجَٰدِلُ فِي ٱللَّهِ بِغَيۡرِ عِلۡمٖ وَلَا
هُدٗى وَلَا كِتَٰبٖ مُّنِيرٖ ٨

9. Y quay người sang một bên (thể hiện sự tự cao tự đại) hầu làm cho (thiên hạ) lạc khỏi con đường của Allah. Y sẽ bị hạ nhục ở thế gian này; và vào Ngày Phục Sinh, TA sẽ cho y nếm hình phạt của lửa cháy bùng (nơi Hỏa Ngục).

ثَانِيَ عِطۡفِهِۦ لِيُضِلَّ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۖ لَهُۥ فِي ٱلدُّنۡيَا
خِزۡيٞۖ وَنُذِيقُهُۥ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ عَذَابَ ٱلۡحَرِيقِ ٩

10. (Y sẽ được bảo): “(Hình phạt) đó là do những điều mà bàn tay của ngươi đã gởi đi trước, bởi Allah không hề đối xử bất công với bầy tôi của Ngài.”

ذَٰلِكَ بِمَا قَدَّمَتۡ يَدَاكَ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَيۡسَ بِظَلَّٰمٖ
لِّلۡعَبِيدِ ١٠

11. Trong nhân loại có kẻ thờ phượng Allah trong sự hoài nghi. Nếu gặp điều lành thì y sẽ an lòng (tiếp tục thờ phượng Ngài), còn nếu gặp điều dữ thì y sẽ quay mặt đi (không thờ phượng Ngài nữa); thế là y thất bại cả đời này lẫn Đời Sau. Đó thật sự là một thất bại hiển nhiên.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَعۡبُدُ ٱللَّهَ عَلَىٰ حَرۡفٖۖ فَإِنۡ أَصَابَهُۥ
خَيۡرٌ ٱطۡمَأَنَّ بِهِۦۖ وَإِنۡ أَصَابَتۡهُ فِتۡنَةٌ ٱنقَلَبَ عَلَىٰ
وَجۡهِهِۦ خَسِرَ ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةَۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡخُسۡرَانُ
ٱلۡمُبِينُ ١١

12. Y cầu nguyện ngoài Allah những kẻ không gây hại cũng không mang lợi gì cho y. Đó là vì y đi lạc quá xa.

يَدۡعُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَضُرُّهُۥ وَمَا لَا يَنفَعُهُۥۚ
ذَٰلِكَ هُوَ ٱلضَّلَٰلُ ٱلۡبَعِيدُ ١٢

13. Y (chỉ) cầu nguyện đến kẻ gây hại cho y chứ (thực chất) chẳng hề mang lợi gì cho y cả. Thật là một tên chủ xấu xa, một người bạn đồng hành tồi tệ!

يَدۡعُواْ لَمَن ضَرُّهُۥٓ أَقۡرَبُ مِن نَّفۡعِهِۦۚ لَبِئۡسَ ٱلۡمَوۡلَىٰ
وَلَبِئۡسَ ٱلۡعَشِيرُ ١٣

14. Allah chắc chắn sẽ thu nhận những người có đức tin và hành thiện vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng, bên dưới có các dòng sông chảy. Quả thật, Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn (không ai có quyền can thiệp).

إِنَّ ٱللَّهَ يُدۡخِلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۚ إِنَّ ٱللَّهَ يَفۡعَلُ مَا
يُرِيدُ ١٤

15. Kẻ nào nghĩ rằng Allah sẽ không bao giờ giúp đỡ (Thiên Sứ của Ngài) ở đời này và ở Đời Sau thì y hãy cột một sợi dây vào trần nhà mà tự thắt cổ, để cho y xem liệu kế hoạch của y sẽ làm tiêu tan điều khiến y tức giận chăng?

مَن كَانَ يَظُنُّ أَن لَّن يَنصُرَهُ ٱللَّهُ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ
فَلۡيَمۡدُدۡ بِسَبَبٍ إِلَى ٱلسَّمَآءِ ثُمَّ لۡيَقۡطَعۡ فَلۡيَنظُرۡ هَلۡ
يُذۡهِبَنَّ كَيۡدُهُۥ مَا يَغِيظُ ١٥

16. Tương tự, TA đã ban Nó (Qur’an) xuống với những câu rõ ràng, rành mạch, và rằng Allah sẽ hướng dẫn người nào Ngài muốn.

وَكَذَٰلِكَ أَنزَلۡنَٰهُ ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٖ وَأَنَّ ٱللَّهَ يَهۡدِي مَن
يُرِيدُ ١٦

17. Những người có đức tin, những người Do Thái, những người Sabian, những người Thiên Chúa, những tín đồ Bái Hỏa giáo và những người thờ đa thần, vào Ngày Phục Sinh, chắc chắn Allah sẽ phân xét giữa họ. Quả thật, Allah là Đấng chứng giám tất cả mọi sự việc.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَٱلَّذِينَ هَادُواْ وَٱلصَّٰبِـِٔينَ
وَٱلنَّصَٰرَىٰ وَٱلۡمَجُوسَ وَٱلَّذِينَ أَشۡرَكُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ
يَفۡصِلُ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
شَهِيدٌ ١٧

18. Lẽ nào Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không thấy rằng Allah là Đấng mà bất cứ ai trong các tầng trời và bất cứ ai trong trái đất cùng với mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, núi non, cây cối, thú vật và đa số nhân loại đều phải phủ phục quỳ lạy? Tuy nhiên, vẫn có nhiều kẻ đáng bị Ngài trừng phạt. Và ai bị Allah hạ nhục chắc chắn sẽ không tìm thấy một ai có thể làm cho y vinh danh. Quả thật, Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn (không ai có quyền can thiệp).

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يَسۡجُدُ لَهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِي
ٱلۡأَرۡضِ وَٱلشَّمۡسُ وَٱلۡقَمَرُ وَٱلنُّجُومُ وَٱلۡجِبَالُ
وَٱلشَّجَرُ وَٱلدَّوَآبُّ وَكَثِيرٞ مِّنَ ٱلنَّاسِۖ وَكَثِيرٌ حَقَّ
عَلَيۡهِ ٱلۡعَذَابُۗ وَمَن يُهِنِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن مُّكۡرِمٍۚ
إِنَّ ٱللَّهَ يَفۡعَلُ مَا يَشَآءُ۩ ١٨

19. Hai nhóm này (những người có đức tin và những kẻ vô đức tin) tranh luận nhau về Thượng Đế của họ. Rồi đây, những kẻ vô đức tin sẽ mặc áo từ Lửa, và từ trên đầu của họ, một loại nước cực sôi sẽ được xối lên.

۞هَٰذَانِ خَصۡمَانِ ٱخۡتَصَمُواْ فِي رَبِّهِمۡۖ فَٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ قُطِّعَتۡ لَهُمۡ ثِيَابٞ مِّن نَّارٖ يُصَبُّ مِن فَوۡقِ
رُءُوسِهِمُ ٱلۡحَمِيمُ ١٩

20. (Nước cực sôi đó) sẽ làm tan chảy nội tạng và làn da của họ.

يُصۡهَرُ بِهِۦ مَا فِي بُطُونِهِمۡ وَٱلۡجُلُودُ ٢٠

21. Họ sẽ bị đánh bằng những cây búa sắt.

وَلَهُم مَّقَٰمِعُ مِنۡ حَدِيدٖ ٢١

22. Mỗi khi họ muốn lẩn trốn khỏi hình phạt đau đớn đó thì sẽ bị bắt trở lại, (và được bảo): "Các ngươi hãy nếm lấy hình phạt của sự thiêu đốt!"

كُلَّمَآ أَرَادُوٓاْ أَن يَخۡرُجُواْ مِنۡهَا مِنۡ غَمٍّ أُعِيدُواْ فِيهَا
وَذُوقُواْ عَذَابَ ٱلۡحَرِيقِ ٢٢

23. Chắn chắn Allah sẽ thu nhận những người có đức tin và hành thiện vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng, bên dưới có các dòng sông chảy; trong đó, họ sẽ được đeo những chiếc vòng vàng và ngọc trai; và y phục của họ sẽ là tơ lụa gấm vóc.

إِنَّ ٱللَّهَ يُدۡخِلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ يُحَلَّوۡنَ فِيهَا مِنۡ
أَسَاوِرَ مِن ذَهَبٖ وَلُؤۡلُؤٗاۖ وَلِبَاسُهُمۡ فِيهَا حَرِيرٞ ٢٣

24. Bởi (trên trần gian), họ đã được hướng dẫn đến những lời nói tốt đẹp và họ đã được hướng dẫn đến con đường của Đấng Đáng Ca Tụng (con đường Islam).

وَهُدُوٓاْ إِلَى ٱلطَّيِّبِ مِنَ ٱلۡقَوۡلِ وَهُدُوٓاْ إِلَىٰ صِرَٰطِ
ٱلۡحَمِيدِ ٢٤

25. Quả thật những kẻ vô đức tin và ngăn người khác vào con đường của Allah (Islam) cũng như ngăn người khác vào Masjid Al-Haram nơi mà TA đã làm ra thành của chung cho mọi người (đến thờ phượng TA), cho dân cư của nó cũng như cho du khách thập phương, (sẽ nếm lấy hình phạt đau đớn). Và ai muốn làm điều sai quấy trong đó thì TA sẽ cho nếm một hình phạt đau đớn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَيَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ
وَٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ ٱلَّذِي جَعَلۡنَٰهُ لِلنَّاسِ سَوَآءً
ٱلۡعَٰكِفُ فِيهِ وَٱلۡبَادِۚ وَمَن يُرِدۡ فِيهِ بِإِلۡحَادِۭ بِظُلۡمٖ
نُّذِقۡهُ مِنۡ عَذَابٍ أَلِيمٖ ٢٥

26. (Ngươi hỡi Thiên Sứ Muhammad hãy nhớ lại) khi TA chỉ định cho Ibrahim địa điểm xây dựng Ngôi Đền, (TA đã phán bảo Y): "Ngươi không được Shirk với TA bất cứ thứ gì và Ngươi hãy giữ Ngôi Đền của TA trong sạch cho những người đi Towaf và cho những người đứng, cúi mình và quỳ lạy (trong lễ nguyện Salah)."

وَإِذۡ بَوَّأۡنَا لِإِبۡرَٰهِيمَ مَكَانَ ٱلۡبَيۡتِ أَن لَّا تُشۡرِكۡ بِي
شَيۡـٔٗا وَطَهِّرۡ بَيۡتِيَ لِلطَّآئِفِينَ وَٱلۡقَآئِمِينَ وَٱلرُّكَّعِ
ٱلسُّجُودِ ٢٦

27. "Ngươi hãy thông báo kêu gọi nhân loại đến hành hương(1) (Ngôi Đền mà Ngươi đã xây). Họ sẽ đi bộ hoặc cưỡi từng con lạc đà gầy yếu đến với Ngươi từ mọi nẻo đường."[1]

وَأَذِّن فِي ٱلنَّاسِ بِٱلۡحَجِّ يَأۡتُوكَ رِجَالٗا وَعَلَىٰ كُلِّ
ضَامِرٖ يَأۡتِينَ مِن كُلِّ فَجٍّ عَمِيقٖ ٢٧

28. "Mục đích để họ chứng kiến những điều lợi được ban cấp cho họ (từ sự tha thứ và phần thưởng ở nơi Allah), để họ tụng niệm tên của Allah trong một số ngày nhất định và trên những vật nuôi (được mang đi tế) mà Ngài đã ban cấp cho họ. Họ hãy ăn thịt của chúng và phân phát cho những người nghèo."

لِّيَشۡهَدُواْ مَنَٰفِعَ لَهُمۡ وَيَذۡكُرُواْ ٱسۡمَ ٱللَّهِ فِيٓ أَيَّامٖ
مَّعۡلُومَٰتٍ عَلَىٰ مَا رَزَقَهُم مِّنۢ بَهِيمَةِ ٱلۡأَنۡعَٰمِۖ فَكُلُواْ
مِنۡهَا وَأَطۡعِمُواْ ٱلۡبَآئِسَ ٱلۡفَقِيرَ ٢٨

29. "Rồi để họ kết thúc tình trạng "Ehram' của họ, để họ thực hiện lời thề nguyện của họ và để họ đi vòng quanh Ngôi Đền cổ."

ثُمَّ لۡيَقۡضُواْ تَفَثَهُمۡ وَلۡيُوفُواْ نُذُورَهُمۡ وَلۡيَطَّوَّفُواْ
بِٱلۡبَيۡتِ ٱلۡعَتِيقِ ٢٩

30. Đó (là điều các ngươi được lệnh), người nào tôn trọng những giới cấm của Allah thì là điều tốt cho y ở nơi Thượng Đế của y. Ngài cho phép các ngươi ăn thịt của những con vật nuôi ngoại trừ những gì (cấm) đã được đọc ra cho các ngươi (trong Qur'an). Bởi thế, các ngươi hãy tránh sự ô uế của (việc thờ cúng) các bục tượng và các ngươi hãy tránh lời nói giả dối.

ذَٰلِكَۖ وَمَن يُعَظِّمۡ حُرُمَٰتِ ٱللَّهِ فَهُوَ خَيۡرٞ لَّهُۥ عِندَ
رَبِّهِۦۗ وَأُحِلَّتۡ لَكُمُ ٱلۡأَنۡعَٰمُ إِلَّا مَا يُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡۖ
فَٱجۡتَنِبُواْ ٱلرِّجۡسَ مِنَ ٱلۡأَوۡثَٰنِ وَٱجۡتَنِبُواْ قَوۡلَ
ٱلزُّورِ ٣٠

---

[1] (1) Hành hương Hajj là đến thăm viếng Ngôi Đền Ka'bah tại Makkah mang ý nghĩa thờ phượng Allah và tuân lệnh Ngài. Hành hương "Hajj" là trụ cột trong 5 trụ cột nền tảng của Islam. Mỗi tín đồ Muslim nam cũng như nữ có nghĩa vụ phải thực hiện chuyến hành hương này một lần trong đời khi có đủ điều kiện (tiền bạc, sức khỏe, phương tiện đi lại, ...). Thời gian thực hiện Hajj kéo dài ít nhất trong 6 ngày kể từ ngày mồng 8 đến ngày 13 của tháng Zdul-Hijjah (tháng 12 hijri). Cuộc hành hương "Hajj" gồm các nghi thức: 1- Định tâm vào tình trạng Ehram; 2- Tập trung tại khu vực Mina vào ngày mồng 8; 3- Tập trung tại khu vực 'Arafah vào ban ngày của ngày mồng 9 cho đến khi mặt trời lặn; 4- Ngủ đêm tại khu vực Muzdalifah sau khi tập trung tại 'Arafah; 5- Ném đá các trụ Jamarat tại khu vực Mina; 6- Cắt tiết các con vật tế; 7- Cắt tóc hoặc cạo đầu; 8- Towaf (đi vòng quanh) ngôi đền Ka'bah; 9- Sa-'i giữa hai đồi Sofa và Marwah; 10- Ở lại Mina trong những ngày Tashriq (11, 12 hoặc 13) của tháng Zdul-Hijjah; 11- Towaf chia tay Ka'bah trước khi muốn rời đi để trở về nhà.

31. Các ngươi hãy dành trọn đức tin nơi Allah và thành tâm thờ phượng chỉ riêng Ngài, không tổ hợp những đối tác ngang vai cùng với Ngài. Bởi ai tổ hợp những đối tác ngang vai cùng với Allah thì giống như y bị rơi từ trên trời xuống rồi bị chim tha đi hoặc bị một cơn gió thổi đi đến một nơi xa.

حُنَفَآءَ لِلَّهِ غَيۡرَ مُشۡرِكِينَ بِهِۦۚ وَمَن يُشۡرِكۡ بِٱللَّهِ
فَكَأَنَّمَا خَرَّ مِنَ ٱلسَّمَآءِ فَتَخۡطَفُهُ ٱلطَّيۡرُ أَوۡ تَهۡوِي
بِهِ ٱلرِّيحُ فِي مَكَانٖ سَحِيقٖ ٣١

32. Đó (là điều lệnh của Allah). Ai tôn trọng các biểu hiệu của Allah thì y thực sự thuộc những trái tim ngoan đạo.

ذَٰلِكَۖ وَمَن يُعَظِّمۡ شَعَٰٓئِرَ ٱللَّهِ فَإِنَّهَا مِن تَقۡوَى
ٱلۡقُلُوبِ ٣٢

33. Các ngươi được hưởng những lợi ích (cưỡi, thịt, lông, sữa, …) từ chúng (những con vật tế) trong một thời gian nhất định cho đến khi chúng được đến nơi gần Ngôi Đền cổ (để cắt tiết).

لَكُمۡ فِيهَا مَنَٰفِعُ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى ثُمَّ مَحِلُّهَآ إِلَى
ٱلۡبَيۡتِ ٱلۡعَتِيقِ ٣٣

34. TA đã quy định cho mỗi cộng đồng một nghi thức giết tế để họ có thể tụng niệm tên của Allah trên những con vật nuôi mà Ngài đã ban cấp cho họ dùng làm thực phẩm. Nhưng (các ngươi – hỡi nhân loại – hãy biết rằng) Thượng Đế của các ngươi chỉ là một Thượng Đế duy nhất, cho nên, các ngươi hãy thần phục Ngài; và Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy báo tin mừng cho những người một lòng sợ (Ngài).

وَلِكُلِّ أُمَّةٖ جَعَلۡنَا مَنسَكٗا لِّيَذۡكُرُواْ ٱسۡمَ ٱللَّهِ عَلَىٰ مَا
رَزَقَهُم مِّنۢ بَهِيمَةِ ٱلۡأَنۡعَٰمِۗ فَإِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞ فَلَهُۥٓ
أَسۡلِمُواْۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُخۡبِتِينَ ٣٤

35. Những người mà khi nghe nhắc đến Allah, trái tim của họ rún động (vì khiếp sợ sự trừng phạt của Ngài), luôn kiên nhẫn chịu đựng trên những hoạn nạn xảy đến, chu đáo thực hiện lễ nguyện Salah và chi dùng những bổng lộc TA ban cấp (cho con đường chính nghĩa của TA).

ٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِرَ ٱللَّهُ وَجِلَتۡ قُلُوبُهُمۡ وَٱلصَّٰبِرِينَ عَلَىٰ
مَآ أَصَابَهُمۡ وَٱلۡمُقِيمِي ٱلصَّلَوٰةِ وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ
يُنفِقُونَ ٣٥

36. Những con vật tế, TA đã làm cho chúng thành một trong các Biểu Hiệu của Allah dành cho các ngươi, để các ngươi có được các món tốt lành từ nơi chúng. Cho nên, khi chúng đứng thành hàng (để cắt tiết tế lễ), các ngươi hãy nhân danh Allah lên chúng. Rồi khi chúng đã ngã xuống nằm một bên, các ngươi hãy ăn một phần thịt của chúng và bố thí một phần cho những người nghèo biết sống hài lòng với số phận và những người ăn xin. TA đã chế phục chúng cho các ngươi như thế mong rằng các ngươi biết tạ ơn TA.

وَٱلۡبُدۡنَ جَعَلۡنَٰهَا لَكُم مِّن شَعَٰٓئِرِ ٱللَّهِ لَكُمۡ فِيهَا
خَيۡرٞۖ فَٱذۡكُرُواْ ٱسۡمَ ٱللَّهِ عَلَيۡهَا صَوَآفَّۖ فَإِذَا وَجَبَتۡ
جُنُوبُهَا فَكُلُواْ مِنۡهَا وَأَطۡعِمُواْ ٱلۡقَانِعَ وَٱلۡمُعۡتَرَّۚ كَذَٰلِكَ
سَخَّرۡنَٰهَا لَكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٣٦

37. Thịt và máu của chúng sẽ không bao giờ đến tận Allah mà chính sự ngoan đạo của các ngươi mới đến tận nơi Ngài. Ngài chế ngự chúng cho các ngươi như thế là để các ngươi có dịp tán dương sự vĩ đại của Allah về những gì Ngài đã hướng dẫn các ngươi. Và Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy báo tin mừng cho những người làm tốt.

لَن يَنَالَ ٱللَّهَ لُحُومُهَا وَلَا دِمَآؤُهَا وَلَٰكِن يَنَالُهُ
ٱلتَّقۡوَىٰ مِنكُمۡۚ كَذَٰلِكَ سَخَّرَهَا لَكُمۡ لِتُكَبِّرُواْ
ٱللَّهَ عَلَىٰ مَا هَدَىٰكُمۡۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٣٧

38. Chắc chắn Allah sẽ bảo vệ những người có đức tin; và chắc chắn Allah sẽ không yêu thương những kẻ tráo trở vong ân.

۞إِنَّ ٱللَّهَ يُدَٰفِعُ عَنِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ كُلَّ خَوَّانٖ كَفُورٍ ٣٨

39. Ngài (Allah) cho phép những người (có đức tin) bị (những kẻ đa thần) áp bức được quyền chiến đấu đánh trả lại. Quả thật, Allah toàn năng trong việc trợ giúp họ.

أُذِنَ لِلَّذِينَ يُقَٰتَلُونَ بِأَنَّهُمۡ ظُلِمُواْۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ نَصۡرِهِمۡ لَقَدِيرٌ ٣٩

40. (Những người bị áp bức đó) là những người bị đuổi khỏi nhà cửa của họ một cách không chính đáng, (họ bị đuổi) chỉ vì họ nói: "Thượng Đế của chúng tôi là Allah!" Nếu Allah không dùng một số người này chặn đứng một số người kia thì những tu viện, các nhà thờ, các giáo đường và những Masjid nơi mà tên của Allah được tụng niệm nhiều, chắc chắn sẽ bị phá hại tan nát. Chắc chắn Allah sẽ giúp đỡ những ai giúp đỡ (chính nghĩa của) Ngài. Quả thật, Allah là Đấng Hùng Mạnh, Đấng Quyền Năng.

ٱلَّذِينَ أُخۡرِجُواْ مِن دِيَٰرِهِم بِغَيۡرِ حَقٍّ إِلَّآ أَن يَقُولُواْ رَبُّنَا ٱللَّهُۗ وَلَوۡلَا دَفۡعُ ٱللَّهِ ٱلنَّاسَ بَعۡضَهُم بِبَعۡضٖ لَّهُدِّمَتۡ صَوَٰمِعُ وَبِيَعٞ وَصَلَوَٰتٞ وَمَسَٰجِدُ يُذۡكَرُ فِيهَا ٱسۡمُ ٱللَّهِ كَثِيرٗاۗ وَلَيَنصُرَنَّ ٱللَّهُ مَن يَنصُرُهُۥٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَقَوِيٌّ عَزِيزٌ ٤٠

41. (Những người được TA hứa trợ giúp) là những ai mà nếu TA để họ an cư trên trái đất thì họ chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, xuất Zakah, kêu gọi làm điều tốt, ngăn cản làm điều xấu. Và kết cuộc của mọi sự việc đều thuộc về quyền của Allah.

ٱلَّذِينَ إِن مَّكَّنَّٰهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ أَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَوُاْ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَمَرُواْ بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَنَهَوۡاْ عَنِ ٱلۡمُنكَرِۗ وَلِلَّهِ عَٰقِبَةُ ٱلۡأُمُورِ ٤١

42. Và nếu họ (đám dân của Ngươi – hỡi Thiên Sứ Muhammad) phủ nhận Ngươi thì quả thật trước họ đám dân của Nuh, của 'Ad và của Thamud cũng đã phủ nhận (giống như vậy).

وَإِن يُكَذِّبُوكَ فَقَدۡ كَذَّبَتۡ قَبۡلَهُمۡ قَوۡمُ نُوحٖ وَعَادٞ وَثَمُودُ ٤٢

43. - Và cả đám dân của Ibrahim và đám dân của Lut (cũng phủ nhận giống tương tự).

وَقَوۡمُ إِبۡرَٰهِيمَ وَقَوۡمُ لُوطٖ ٤٣

44. Đám dân của Madyan (cũng đã phủ nhận Shu'aib giống như thế), (tương tự) Musa cũng đã bị phủ nhận. Tuy nhiên, TA đã thường tạm tha cho những kẻ vô đức tin (một thời gian ngắn) rồi sau đó TA mới trừng phạt họ (một cách bất ngờ). Bởi thế, (hãy xem) sự trừng phạt của TA giáng xuống (họ) khủng khiếp như thế nào!

وَأَصۡحَٰبُ مَدۡيَنَۖ وَكُذِّبَ مُوسَىٰۖ فَأَمۡلَيۡتُ لِلۡكَٰفِرِينَ ثُمَّ أَخَذۡتُهُمۡۖ فَكَيۡفَ كَانَ نَكِيرِ ٤٤

45. Đích thực đã có nhiều thị trấn bị TA tiêu diệt khi đang làm điều sai quấy đến nỗi mái nhà của họ nằm lật ngược ngổn ngang, nhiều giếng nước và lâu đài kiên cố trở thành hoang tàn.

فَكَأَيِّن مِّن قَرۡيَةٍ أَهۡلَكۡنَٰهَا وَهِيَ ظَالِمَةٞ فَهِيَ خَاوِيَةٌ عَلَىٰ عُرُوشِهَا وَبِئۡرٖ مُّعَطَّلَةٖ وَقَصۡرٖ مَّشِيدٍ ٤٥

46. Lẽ nào họ đã không đi du ngoạn trên trái đất để cho tâm trí thông hiểu về sự việc đó, để cho đôi tai có dịp nghe câu chuyện về (sự trừng phạt)? Thật ra không phải cặp mắt của họ mù lòa mà chính tâm trí của họ đã mù lòa.

أَفَلَمۡ يَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَتَكُونَ لَهُمۡ قُلُوبٞ يَعۡقِلُونَ بِهَآ أَوۡ ءَاذَانٞ يَسۡمَعُونَ بِهَاۖ فَإِنَّهَا لَا تَعۡمَى ٱلۡأَبۡصَٰرُ وَلَٰكِن تَعۡمَى ٱلۡقُلُوبُ ٱلَّتِي فِي ٱلصُّدُورِ ٤٦

47. Họ (đám dân vô đức tin) hối thúc Ngươi (hỡi Thiên Sứ) mang hình phạt đến trong lúc Allah không bao giờ làm trái Lời Hứa của Ngài bởi vì quả thật một Ngày ở nơi Thượng Đế của Ngươi bằng một ngàn năm theo niên kỷ mà các ngươi đếm (trên thế gian).

وَيَسْتَعْجِلُونَكَ بِٱلْعَذَابِ وَلَن يُخْلِفَ ٱللَّهُ وَعْدَهُۥۚ
وَإِنَّ يَوْمًا عِندَ رَبِّكَ كَأَلْفِ سَنَةٍ مِّمَّا تَعُدُّونَ ٤٧

48. Và đã có nhiều thị trấn được TA tạm tha (trong một thời gian ngắn) khi họ làm điều sai quấy rồi sau đó TA mới bắt phạt họ; và tất cả đều sẽ phải trở về trình diện TA.

وَكَأَيِّن مِّن قَرْيَةٍ أَمْلَيْتُ لَهَا وَهِىَ ظَالِمَةٌ ثُمَّ
أَخَذْتُهَا وَإِلَىَّ ٱلْمَصِيرُ ٤٨

49. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Hỡi nhân loại! Quả thật Ta chỉ là một người cảnh báo công khai cho các người mà thôi.”

قُلْ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّمَآ أَنَا۠ لَكُمْ نَذِيرٌ مُّبِينٌ ٤٩

50. Do đó, những ai có đức tin và hành thiện thì sẽ được tha thứ tội lỗi và sẽ được ưu đãi bổng lộc (nơi Thiên Đàng).

فَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُم مَّغْفِرَةٌ
وَرِزْقٌ كَرِيمٌ ٥٠

51. Ngược lại, đối với những ai tìm mọi cách chối bỏ những Lời Mặc Khải của TA thì họ sẽ làm bạn với Hỏa Ngục.

وَٱلَّذِينَ سَعَوْا۟ فِىٓ ءَايَٰتِنَا مُعَٰجِزِينَ أُو۟لَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ
ٱلْجَحِيمِ ٥١

52. Trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ), không một vị Sứ Giả hay một vị Nabi nào được TA cử phái đến (mà không gặp phải điều): khi Y mong muốn một điều tốt nào thì Shaytan nhảy vào quấy nhiễu điều Y muốn. Tuy nhiên, Allah hủy bỏ điều mà Shaytan đã xúi bẩy, rồi Allah khẳng định những Lời Mặc Khải của Ngài bởi Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Sáng Suốt.

وَمَآ أَرْسَلْنَا مِن قَبْلِكَ مِن رَّسُولٍ وَلَا نَبِىٍّ إِلَّآ إِذَا
تَمَنَّىٰٓ أَلْقَى ٱلشَّيْطَٰنُ فِىٓ أُمْنِيَّتِهِۦ فَيَنسَخُ ٱللَّهُ مَا
يُلْقِى ٱلشَّيْطَٰنُ ثُمَّ يُحْكِمُ ٱللَّهُ ءَايَٰتِهِۦۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ
حَكِيمٌ ٥٢

53. Mục đích để Ngài dùng điều mà Shaytan đã xen vào làm một sự thử thách đối với những ai mang trong lòng chứng bệnh (hoài nghi và giả tạo) cũng như những ai mà trái tim của họ đã chai cứng. Và những kẻ làm điều sai quấy chắc chắn sẽ ở trong sự thù hằn (của Allah và Thiên Sứ của Ngài) và ở cách xa (chân lý và sự chỉ đạo).

لِّيَجْعَلَ مَا يُلْقِى ٱلشَّيْطَٰنُ فِتْنَةً لِّلَّذِينَ فِى قُلُوبِهِم
مَّرَضٌ وَٱلْقَاسِيَةِ قُلُوبُهُمْۗ وَإِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ لَفِى شِقَاقٍۭ
بَعِيدٍ ٥٣

54. Và để cho những ai có kiến thức biết rằng (Qur’an) là Chân Lý từ nơi Thượng Đế của Ngươi, để họ có đức tin nơi Nó và để trái tim của họ khiêm tốn trước Nó. Allah chắc chắn sẽ hướng những người có đức tin đến với con đường ngay thẳng (dẫn tới sự hài lòng của Ngài).

وَلِيَعْلَمَ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ أَنَّهُ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّكَ
فَيُؤْمِنُوا۟ بِهِۦ فَتُخْبِتَ لَهُۥ قُلُوبُهُمْۗ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهَادِ
ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ٥٤

55. Riêng những kẻ vô đức tin thì sẽ vẫn cứ hoài nghi về (Qur’an) cho đến lúc Giờ Tận Thế hoặc sự trừng phạt của Ngày Đại Nạn bất ngờ xảy đến cho họ.

وَلَا يَزَالُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ فِى مِرْيَةٍ مِّنْهُ حَتَّىٰ تَأْتِيَهُمُ
ٱلسَّاعَةُ بَغْتَةً أَوْ يَأْتِيَهُمْ عَذَابُ يَوْمٍ عَقِيمٍ ٥٥

56. Mọi quyền hành trong Ngày hôm đó đều thuộc về Allah, Ngài sẽ xét xử họ. Cho nên, những ai có đức tin và hành thiện thì sẽ ở trong những Ngôi Vườn Thiên Đàng hạnh phúc.

ٱلۡمُلۡكُ يَوۡمَئِذٖ لِّلَّهِ يَحۡكُمُ بَيۡنَهُمۡۚ فَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فِي جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ٥٦

57. Còn những kẻ vô đức tin và phủ nhận những Lời Mặc Khải của TA thì sẽ phải hứng chịu một sự trừng phạt nhục nhã.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا فَأُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ
عَذَابٞ مُّهِينٞ ٥٧

58. Đối với những ai di cư vì con đường của Allah rồi bị giết hoặc chết thì Allah chắc chắn sẽ ban cấp cho họ một nguồn bổng lộc tốt lành (nơi Thiên Đàng), bởi Allah đích thực là Đấng Ban Phát bổng lộc tốt nhất.

وَٱلَّذِينَ هَاجَرُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ ثُمَّ قُتِلُوٓاْ أَوۡ مَاتُواْ
لَيَرۡزُقَنَّهُمُ ٱللَّهُ رِزۡقًا حَسَنٗاۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهُوَ خَيۡرُ
ٱلرَّٰزِقِينَ ٥٨

59. Ngài chắc chắn sẽ đưa họ vào một nơi mà họ sẽ vô cùng hài lòng. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Hằng Chịu Đựng.

لَيُدۡخِلَنَّهُم مُّدۡخَلٗا يَرۡضَوۡنَهُۥۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَعَلِيمٌ
حَلِيمٞ ٥٩

60. Sự việc sẽ như thế. Và ai trả đũa ngang bằng với hành vi xâm hại mà y đã hứng chịu rồi lại bị áp bức lần nữa thì Allah chắc chắn sẽ trợ giúp y bởi quả thật Allah là Đấng Hằng Xí Xóa, Hằng Tha Thứ.

۞ذَٰلِكَۖ وَمَنۡ عَاقَبَ بِمِثۡلِ مَا عُوقِبَ بِهِۦ ثُمَّ بُغِيَ
عَلَيۡهِ لَيَنصُرَنَّهُ ٱللَّهُۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَعَفُوٌّ غَفُورٞ ٦٠

61. Đó là vì Allah nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm và rằng Allah là Đấng Hằng Nghe, Hằng Thấy.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ يُولِجُ ٱلَّيۡلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ
فِي ٱلَّيۡلِ وَأَنَّ ٱللَّهَ سَمِيعُۢ بَصِيرٞ ٦١

62. Đó là vì Allah chính là Chân Lý còn những kẻ mà họ van vái cầu nguyện ngoài Ngài chỉ là ngụy tạo; và quả thật Allah là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡحَقُّ وَأَنَّ مَا يَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ
هُوَ ٱلۡبَٰطِلُ وَأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡعَلِيُّ ٱلۡكَبِيرُ ٦٢

63. Lẽ nào Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không thấy việc Allah ban nước mưa từ trên trời xuống làm cho đất đai trở nên xanh tươi sao? Quả thật, Allah là Đấng Tinh Thông, Đấng Am Tường.

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَتُصۡبِحُ
ٱلۡأَرۡضُ مُخۡضَرَّةًۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَطِيفٌ خَبِيرٞ ٦٣

64. Mọi vật trong các tầng trời và mọi vật trong trái đất đều thuộc về Allah. Quả thật, Allah là Đấng Giàu Có, Đấng Đáng Được Ca Ngợi.

لَّهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهُوَ
ٱلۡغَنِيُّ ٱلۡحَمِيدُ ٦٤

65. Lẽ nào Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) không thấy rằng Allah đã chế ngự cho các ngươi mọi vật trong trái đất cũng như những con tàu vượt biển theo lệnh của Ngài?! Lẽ nào Ngươi không thấy Ngài giữ bầu trời không cho nó rơi xuống trái đất trừ phi Ngài cho phép?! Quả thật, Allah nhân từ và thương xót loài người.

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ سَخَّرَ لَكُم مَّا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَٱلۡفُلۡكَ
تَجۡرِي فِي ٱلۡبَحۡرِ بِأَمۡرِهِۦ وَيُمۡسِكُ ٱلسَّمَآءَ أَن تَقَعَ
عَلَى ٱلۡأَرۡضِ إِلَّا بِإِذۡنِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِٱلنَّاسِ لَرَءُوفٞ
رَّحِيمٞ ٦٥

66. Và Ngài là Đấng ban cho các ngươi sự sống rồi làm cho các ngươi chết rồi sau đó làm cho các ngươi sống trở lại một lần nữa. Tuy nhiên, con người thực sự là những kẻ vong ân.

وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَحۡيَاكُمۡ ثُمَّ يُمِيتُكُمۡ ثُمَّ يُحۡيِيكُمۡۗ إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ لَكَفُورٞ ٦٦

67. TA đã quy định cho mỗi cộng đồng một nghi thức thờ phượng để họ theo đó mà thực hiện. Cho nên, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) chớ để cho họ (những kẻ đa thần) tranh luận với Ngươi trong sự việc này. Tuy nhiên, Ngươi hãy kêu gọi họ đến với Thượng Đế của Ngươi bởi Ngươi thực sự đang ở trên Chính Đạo.

لِّكُلِّ أُمَّةٖ جَعَلۡنَا مَنسَكًا هُمۡ نَاسِكُوهُۖ فَلَا يُنَٰزِعُنَّكَ فِي ٱلۡأَمۡرِۚ وَٱدۡعُ إِلَىٰ رَبِّكَۖ إِنَّكَ لَعَلَىٰ هُدٗى مُّسۡتَقِيمٖ ٦٧

68. Nếu họ tranh luận với Ngươi thì Ngươi hãy nói: “Quả thật Allah biết rõ những gì các người đang làm.”

وَإِن جَٰدَلُوكَ فَقُلِ ٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا تَعۡمَلُونَ ٦٨

69. “Allah sẽ phân xử các người vào Ngày Phục Sinh về những vấn đề mà các người đang tranh luận và bất đồng.”

ٱللَّهُ يَحۡكُمُ بَيۡنَكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا كُنتُمۡ فِيهِ تَخۡتَلِفُونَ ٦٩

70. Lẽ nào Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không biết rằng Allah am tường tất cả mọi thứ trên trời và dưới đất hay sao? Quả thật, tất cả những thứ đó đều nằm trong Quyển Kinh (Al-lawhu Al-Mahfuzh), quả thật điều đó đối với Allah vô cùng đơn giản.

أَلَمۡ تَعۡلَمۡ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِۚ إِنَّ ذَٰلِكَ فِي كِتَٰبٍۚ إِنَّ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٞ ٧٠

71. Tuy nhiên, họ (những kẻ thờ đa thần) lại tôn thờ ngoài Allah những vật (các bục tượng) mà Ngài đã không ban cho chúng một chút thẩm quyền nào và họ cũng không hề có nguồn kiến thức nào làm cơ sở cho việc tôn thờ đó (mà chỉ là bắt chước theo ông bà của họ một cách mù quáng); và những kẻ sai quấy sẽ không được ai giúp đỡ.

وَيَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَمۡ يُنَزِّلۡ بِهِۦ سُلۡطَٰنٗا وَمَا لَيۡسَ لَهُم بِهِۦ عِلۡمٞۗ وَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِن نَّصِيرٖ ٧١

72. Và khi những Lời Mặc Khải của TA được đọc lên cho họ, Ngươi sẽ nhận thấy vẻ phản đối hiện rõ trên gương mặt những kẻ vô đức tin. Họ gần như (tức giận) muốn xông tới tấn công những ai đọc những Lời Mặc Khải của TA cho họ nghe. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: “Vậy để Ta cho các người biết về một điều còn tệ hơn cả việc (cau mặt cau mày của các người), đó là Hỏa Ngục, thứ mà Allah đã hứa dành cho những kẻ vô đức tin, một nơi đến cuối cùng rất tồi tệ.”

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٖ تَعۡرِفُ فِي وُجُوهِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلۡمُنكَرَۖ يَكَادُونَ يَسۡطُونَ بِٱلَّذِينَ يَتۡلُونَ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتِنَاۗ قُلۡ أَفَأُنَبِّئُكُم بِشَرّٖ مِّن ذَٰلِكُمُۚ ٱلنَّارُ وَعَدَهَا ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ٧٢

73. Hỡi nhân loại! Hình ảnh thí dụ được trình bày cho các ngươi, các ngươi hãy lắng nghe cho kỹ! Quả thật, những kẻ mà các ngươi khấn vái ngoài Allah sẽ không bao giờ tạo ra được một con ruồi cho dù chúng có hợp sức lại với nhau để làm chuyện đó đi chăng nữa; và nếu con ruồi nào đó giật lấy món gì của chúng thì chúng cũng sẽ không thể giành lại được. Kẻ khấn vái cũng như kẻ được khấn vái đều bất lực.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ضُرِبَ مَثَلٞ فَٱسۡتَمِعُواْ لَهُۥٓۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ لَن يَخۡلُقُواْ ذُبَابٗا وَلَوِ ٱجۡتَمَعُواْ لَهُۥۖ وَإِن يَسۡلُبۡهُمُ ٱلذُّبَابُ شَيۡـٔٗا لَّا يَسۡتَنقِذُوهُ مِنۡهُۚ ضَعُفَ ٱلطَّالِبُ وَٱلۡمَطۡلُوبُ ٧٣

74. Họ (những kẻ thờ đa thần) đã không đánh giá Allah đúng với quyền năng đích thực của Ngài. Quả thật Allah là Đấng Toàn Lực, Đấng Toàn Năng.

مَا قَدَرُواْ ٱللَّهَ حَقَّ قَدۡرِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَقَوِيٌّ عَزِيزٌ ٧٤

75. Allah tuyển chọn các vị Sứ Giả trong giới Thiên Thần và trong nhân loại. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

ٱللَّهُ يَصۡطَفِي مِنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ رُسُلٗا وَمِنَ ٱلنَّاسِۚ إِنَّ
ٱللَّهَ سَمِيعُۢ بَصِيرٞ ٧٥

76. Ngài (Allah) biết rõ điều gì trước họ (các Thiên Thần và nhân loại) và điều gì sau họ. Và tất cả mọi sự việc đều được đưa về trình Allah.

يَعۡلَمُ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُمۡۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ
ٱلۡأُمُورُ ٧٦

77. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy cúi mình, hãy quỳ lạy và hãy thờ phượng Thượng Đế của các ngươi, và các ngươi hãy hành thiện, mong rằng các ngươi sẽ thành công.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱرۡكَعُواْ وَٱسۡجُدُواْۤ وَٱعۡبُدُواْ
رَبَّكُمۡ وَٱفۡعَلُواْ ٱلۡخَيۡرَ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ۩ ٧٧

78. Các ngươi hãy đấu tranh cho Allah như một nghĩa vụ đối với Ngài. Ngài đã chọn các ngươi nhưng Ngài đã không gây khó khăn cho các ngươi trong tôn giáo. (Tôn giáo này) là tôn giáo theo tín ngưỡng của tổ phụ Ibrahim của các ngươi. Ngài đã đặt tên cho các ngươi là 'Muslim' từ trước và trong hiện tại để cho Sứ Giả trở thành một nhân chứng cho các ngươi và để các ngươi sau đó trở thành nhân chứng cho nhân loại. Bởi thế, các ngươi (hỡi những người Muslim) hãy dâng lễ nguyện Salah, xuất Zakah và hãy bám chắc vào Allah. Ngài là Đấng Bảo Hộ của các ngươi, Đấng Bảo Hộ Ưu Việt, Đấng Cứu Giúp Toàn Năng.

وَجَٰهِدُواْ فِي ٱللَّهِ حَقَّ جِهَادِهِۦۚ هُوَ ٱجۡتَبَىٰكُمۡ وَمَا
جَعَلَ عَلَيۡكُمۡ فِي ٱلدِّينِ مِنۡ حَرَجٖۚ مِّلَّةَ أَبِيكُمۡ
إِبۡرَٰهِيمَۚ هُوَ سَمَّىٰكُمُ ٱلۡمُسۡلِمِينَ مِن قَبۡلُ وَفِي هَٰذَا
لِيَكُونَ ٱلرَّسُولُ شَهِيدًا عَلَيۡكُمۡ وَتَكُونُواْ شُهَدَآءَ
عَلَى ٱلنَّاسِۚ فَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ
وَٱعۡتَصِمُواْ بِٱللَّهِ هُوَ مَوۡلَىٰكُمۡۖ فَنِعۡمَ ٱلۡمَوۡلَىٰ وَنِعۡمَ
ٱلنَّصِيرُ ٧٨

Al-Muminun (Những Người Có Đức Tin) المؤمنون

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Quả thật, những người có đức tin đã thành công(1).[i]

قَدۡ أَفۡلَحَ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ١

2. Họ là những người kính cẩn trong lễ nguyện Salah của mình.

ٱلَّذِينَ هُمۡ فِي صَلَاتِهِمۡ خَٰشِعُونَ ٢

3. Họ là những người tránh xa điều vô ích và tội lỗi.

وَٱلَّذِينَ هُمۡ عَنِ ٱللَّغۡوِ مُعۡرِضُونَ ٣

4. Họ là những người tích cực xuất Zakah.

وَٱلَّذِينَ هُمۡ لِلزَّكَوٰةِ فَٰعِلُونَ ٤

5. Họ là những người biết giữ phần kín của mình (khỏi hành vi tình dục Haram).

وَٱلَّذِينَ هُمۡ لِفُرُوجِهِمۡ حَٰفِظُونَ ٥

6. Ngoại trừ với vợ hoặc với những nữ nô lệ dưới quyền của họ thì họ không bị khiển trách (khi thỏa mãn nhu cầu tình dục).

إِلَّا عَلَىٰٓ أَزۡوَٰجِهِمۡ أَوۡ مَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُهُمۡ فَإِنَّهُمۡ غَيۡرُ مَلُومِينَ ٦

7. Do đó, những ai muốn thỏa mãn nhục dục ngoài (phạm vi cho phép) đó thì họ là những kẻ vượt mức giới hạn (của Allah).

فَمَنِ ٱبۡتَغَىٰ وَرَآءَ ذَٰلِكَ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡعَادُونَ ٧

8. (Những người có đức tin thành công) là những người mà họ thực hiện đúng với sự việc được ủy thác và đúng với giao ước.

وَٱلَّذِينَ هُمۡ لِأَمَٰنَٰتِهِمۡ وَعَهۡدِهِمۡ رَٰعُونَ ٨

9. Những người mà họ luôn chu đáo duy trì các lễ nguyện Salah của họ.

وَٱلَّذِينَ هُمۡ عَلَىٰ صَلَوَٰتِهِمۡ يُحَافِظُونَ ٩

10. Những người (được mô tả) đó thật sự là những người thừa hưởng.

أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡوَٰرِثُونَ ١٠

11. Họ sẽ thừa hưởng Firdaws (nơi cao nhất của Thiên Đàng), họ sẽ sống trong đó mãi mãi.

ٱلَّذِينَ يَرِثُونَ ٱلۡفِرۡدَوۡسَ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ١١

12. Quả thật, TA (Allah) đã tạo con người (Adam) từ một loại hỗn hợp đất sét.

وَلَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ مِن سُلَٰلَةٖ مِّن طِينٖ ١٢

[i] (1) Trong Musnad Al-Bazaar, Hadith số 3507, ông Abu Sa'ed thuật lại rằng Thiên Sứ của Allah nói: “Allah tạo ra Thiên Đàng, tường của Nó là những miếng gạch bằng vàng và những miếng gạch bằng bạc được kết dính với nhau bởi xạ hương. Sau khi tạo ra xong, Allah phán với Nó: Ngươi hãy nói gì đi! Thiên Đàng nói: ((Quả thật những người có đức tin đã thành công)), rồi các Thiên Thần đi vào Thiên Đàng và nói với Thiên Đàng: Thật diễm phúc cho ngươi, chỗ ở của các vị vua!” (Xem thêm giảng giải câu Kinh này trong Tafsir Ibnu Al-Kathir).

13. Sau đó, TA tạo ra con người (con cháu của Adam) từ tinh dịch được lưu trữ tại một nơi an toàn (dạ con của người mẹ).

ثُمَّ جَعَلۡنَٰهُ نُطۡفَةٗ فِي قَرَارٖ مَّكِينٖ ١٣

14. Rồi TA tạo tinh dịch thành một hòn máu đặc, kế đến TA tạo hòn máu đặc thành một miếng thịt, rồi từ miếng thịt TA tạo hóa thành xương, sau đó TA lại bao xương bằng thịt rồi làm cho nó thành một tạo vật khác (có linh hồn và được ra đời). Bởi thế, thật phúc thay Allah, Đấng Tạo Hóa Ưu Việt!

ثُمَّ خَلَقۡنَا ٱلنُّطۡفَةَ عَلَقَةٗ فَخَلَقۡنَا ٱلۡعَلَقَةَ مُضۡغَةٗ فَخَلَقۡنَا ٱلۡمُضۡغَةَ عِظَٰمٗا فَكَسَوۡنَا ٱلۡعِظَٰمَ لَحۡمٗا ثُمَّ أَنشَأۡنَٰهُ خَلۡقًا ءَاخَرَۚ فَتَبَارَكَ ٱللَّهُ أَحۡسَنُ ٱلۡخَٰلِقِينَ ١٤

15. Rồi các ngươi sau đó chắc chắn sẽ chết.

ثُمَّ إِنَّكُم بَعۡدَ ذَٰلِكَ لَمَيِّتُونَ ١٥

16. Rồi các ngươi chắc chắn sẽ được cho sống lại vào Ngày Phán Xét (để chịu sự xét xử về các việc làm của các ngươi).

ثُمَّ إِنَّكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ تُبۡعَثُونَ ١٦

17. Và quả thật, TA đã tạo bên trên các ngươi bảy quỹ đạo và TA không bao giờ làm ngơ hay quên mất sự tạo hóa (của TA).

وَلَقَدۡ خَلَقۡنَا فَوۡقَكُمۡ سَبۡعَ طَرَآئِقَ وَمَا كُنَّا عَنِ ٱلۡخَلۡقِ غَٰفِلِينَ ١٧

18. TA đã ban mưa từ trên trời xuống theo mức lượng nhất định rồi giữ nó lại trong đất; và chắc chắn TA thừa khả năng tháo bỏ nó đi.

وَأَنزَلۡنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءَۢ بِقَدَرٖ فَأَسۡكَنَّٰهُ فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَإِنَّا عَلَىٰ ذَهَابِۢ بِهِۦ لَقَٰدِرُونَ ١٨

19. TA đã dùng nó làm ra cho các ngươi những mảnh vườn chà là và các vườn nho, trong đó, các ngươi sẽ có được nhiều loại trái quả để dùng.

فَأَنشَأۡنَا لَكُم بِهِۦ جَنَّٰتٖ مِّن نَّخِيلٖ وَأَعۡنَٰبٖ لَّكُمۡ فِيهَا فَوَٰكِهُ كَثِيرَةٞ وَمِنۡهَا تَأۡكُلُونَ ١٩

20. Và có một loại cây (Ô-liu) mọc tại núi Saina' (Sinai) cho ra dầu và nước chấm để ăn.

وَشَجَرَةٗ تَخۡرُجُ مِن طُورِ سَيۡنَآءَ تَنۢبُتُ بِٱلدُّهۡنِ وَصِبۡغٖ لِّلۡأٓكِلِينَ ٢٠

21. Quả thật trong loài gia súc có một bài học cho các ngươi. TA ban cho các ngươi một loại thức uống (sữa) từ bụng của chúng cùng với nhiều nguồn lợi khác từ chúng và các ngươi còn có thể ăn thịt của chúng nữa.

وَإِنَّ لَكُمۡ فِي ٱلۡأَنۡعَٰمِ لَعِبۡرَةٗۖ نُّسۡقِيكُم مِّمَّا فِي بُطُونِهَا وَلَكُمۡ فِيهَا مَنَٰفِعُ كَثِيرَةٞ وَمِنۡهَا تَأۡكُلُونَ ٢١

22. Và chúng (các gia súc) được dùng để chuyên chở và cả những con tàu nữa.

وَعَلَيۡهَا وَعَلَى ٱلۡفُلۡكِ تُحۡمَلُونَ ٢٢

23. Quả thật, TA đã phái Nuh đến với người dân của Y, Y bảo họ: “Này hỡi dân ta, các người hãy tôn thờ Allah bởi các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Lẽ nào các người không sợ Ngài?”

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوۡمِهِۦ فَقَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥٓۚ أَفَلَا تَتَّقُونَ ٢٣

24. Nhưng những kẻ quyền thế vô đức tin trong đám dân của Y bảo: “Người này cũng chỉ là một người phàm giống như các người mà thôi. Thật ra Y chỉ muốn nắm quyền trên các người, bởi nếu Allah thực sự muốn thì Ngài đã phái xuống các Thiên Thần (thay vì là người phàm), chúng ta chưa hề nghe điều này nơi tổ tiên của chúng ta bao giờ cả.”

فَقَالَ ٱلۡمَلَؤُاْ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَوۡمِهِۦ مَا هَٰذَآ إِلَّا
بَشَرٞ مِّثۡلُكُمۡ يُرِيدُ أَن يَتَفَضَّلَ عَلَيۡكُمۡ وَلَوۡ شَآءَ
ٱللَّهُ لَأَنزَلَ مَلَٰٓئِكَةٗ مَّا سَمِعۡنَا بِهَٰذَا فِيٓ ءَابَآئِنَا
ٱلۡأَوَّلِينَ ٢٤

25. “Y thực chất chỉ là một gã tâm thần. Cho nên, các người hãy ráng đợi trong một thời gian (để rõ sự tình)”.

إِنۡ هُوَ إِلَّا رَجُلُۢ بِهِۦ جِنَّةٞ فَتَرَبَّصُواْ بِهِۦ حَتَّىٰ
حِينٖ ٢٥

26. Nuh cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài giúp đỡ bề tôi (trừng phạt họ) bởi điều mà họ đã phủ nhận bề tôi.”

قَالَ رَبِّ ٱنصُرۡنِي بِمَا كَذَّبُونِ ٢٦

27. Vậy là TA đã mặc khải cho Y: “Ngươi hãy đóng một chiếc tàu dưới mắt quan sát của TA và theo lời mặc khải của TA. Khi nào mệnh lệnh (trừng phạt) của TA đến thì nước sẽ phụt lên từ bếp lò, (khi nhìn thấy hiện tượng đó) Ngươi hãy mang lên tàu mỗi loài động vật một cặp đực cái, cùng với gia đình của Ngươi ngoại trừ những ai mà lời hứa trừng phạt của TA đã được tuyên bố trước cho y; và Ngươi không được phép kêu nài với TA xin giùm cho những ai làm điều sai quấy. Bởi quả thật bọn chúng sẽ phải bị nhấn chìm (trong trận lụt đó).”

فَأَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡهِ أَنِ ٱصۡنَعِ ٱلۡفُلۡكَ بِأَعۡيُنِنَا وَوَحۡيِنَا
فَإِذَا جَآءَ أَمۡرُنَا وَفَارَ ٱلتَّنُّورُ فَٱسۡلُكۡ فِيهَا مِن كُلّٖ
زَوۡجَيۡنِ ٱثۡنَيۡنِ وَأَهۡلَكَ إِلَّا مَن سَبَقَ عَلَيۡهِ ٱلۡقَوۡلُ
مِنۡهُمۡۖ وَلَا تُخَٰطِبۡنِي فِي ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ إِنَّهُم
مُّغۡرَقُونَ ٢٧

28. “Khi nào Ngươi và những ai theo Ngươi lên tàu thì các ngươi hãy nói: Alhamdulillah vì đã giải thoát bầy tôi khỏi đám người làm điều sai quấy.”

فَإِذَا ٱسۡتَوَيۡتَ أَنتَ وَمَن مَّعَكَ عَلَى ٱلۡفُلۡكِ فَقُلِ
ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِي نَجَّىٰنَا مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٢٨

29. “Và Ngươi hãy nói: Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài để bề tôi cập bến tại một nơi mà Ngài ban phúc bởi vì Ngài là Đấng giúp đưa lên bờ ưu việt hơn hết.”

وَقُل رَّبِّ أَنزِلۡنِي مُنزَلٗا مُّبَارَكٗا وَأَنتَ خَيۡرُ
ٱلۡمُنزِلِينَ ٢٩

30. Quả thật, nơi sự việc đó là những dấu hiệu (về quyền năng của TA trong việc giúp đỡ những người có đức tin cũng như trong việc trừng phạt những kẻ vô đức tin). Và quả thật, TA luôn thử thách.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ وَإِن كُنَّا لَمُبۡتَلِينَ ٣٠

31. Rồi TA đã tạo ra một thế hệ khác sau họ.

ثُمَّ أَنشَأۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِمۡ قَرۡنًا ءَاخَرِينَ ٣١

32. Rồi TA đã cử đến với họ một Thiên Sứ xuất thân từ họ, Y bảo: “Các người hãy tôn thờ Allah, các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Lẽ nào các người không sợ Ngài?”

فَأَرۡسَلۡنَا فِيهِمۡ رَسُولٗا مِّنۡهُمۡ أَنِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مَا
لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥٓۚ أَفَلَا تَتَّقُونَ ٣٢

33. Tuy nhiên, trong đám dân của Y, những kẻ quyền thế vô đức tin (nơi TA) và phủ nhận việc gặp gỡ (TA) ở Đời Sau cùng với những ai đã được TA ban cho một đời sống phú quý ở trần thế này, bảo: “Thật ra người này chỉ là một người phàm giống như các người mà thôi. Y cũng ăn loại thức ăn mà các người ăn và uống loại thức uống mà các người uống.”

وَقَالَ ٱلْمَلَأُ مِن قَوْمِهِ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ وَكَذَّبُوا۟ بِلِقَآءِ
ٱلْـَٔاخِرَةِ وَأَتْرَفْنَٰهُمْ فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا مَا هَٰذَآ إِلَّا بَشَرٌ
مِّثْلُكُمْ يَأْكُلُ مِمَّا تَأْكُلُونَ مِنْهُ وَيَشْرَبُ مِمَّا
تَشْرَبُونَ ﴿٣٣﴾

34. “Nếu các người nghe theo một kẻ phàm tục giống như các người thì các người đúng là những kẻ thất bại.”

وَلَئِنْ أَطَعْتُم بَشَرًا مِّثْلَكُمْ إِنَّكُمْ إِذًا
لَّخَٰسِرُونَ ﴿٣٤﴾

35. “Có phải Y đã hứa với các người rằng khi các người chết đi biến thành cát bụi và xương khô thì sau đó các người sẽ được dựng sống trở lại?”

أَيَعِدُكُمْ أَنَّكُمْ إِذَا مِتُّمْ وَكُنتُمْ تُرَابًا وَعِظَٰمًا
أَنَّكُم مُّخْرَجُونَ ﴿٣٥﴾

36. “Thật xa vời, thật viển vông cho điều mà các người đã được hứa!”

۞ هَيْهَاتَ هَيْهَاتَ لِمَا تُوعَدُونَ ﴿٣٦﴾

37. “Quả thật, chỉ có một cuộc sống thế gian này mà thôi. Chúng ta sẽ sống rồi chết, chúng ta sẽ không được phục sinh trở lại bao giờ.”

إِنْ هِىَ إِلَّا حَيَاتُنَا ٱلدُّنْيَا نَمُوتُ وَنَحْيَا وَمَا نَحْنُ
بِمَبْعُوثِينَ ﴿٣٧﴾

38. “Y thật ra chỉ là một người phàm tục. Y chỉ đặt điều rồi đổ thừa cho Allah và chúng ta sẽ không tin nơi Y.”

إِنْ هُوَ إِلَّا رَجُلٌ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا وَمَا نَحْنُ لَهُۥ
بِمُؤْمِنِينَ ﴿٣٨﴾

39. (Vị Thiên Sứ đó của TA) cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài giúp đỡ bề tôi (trừng phạt họ) bởi vì họ đã phủ nhận bề tôi.”

قَالَ رَبِّ ٱنصُرْنِى بِمَا كَذَّبُونِ ﴿٣٩﴾

40. (Allah) phán: “Chỉ trong một thời gian ngắn nữa thôi, chắc chắn bọn chúng sẽ ân hận.”

قَالَ عَمَّا قَلِيلٍ لَّيُصْبِحُنَّ نَٰدِمِينَ ﴿٤٠﴾

41. Rồi một âm thanh kinh hoàng chụp bắt chúng đúng với sự thật. Và TA đã làm cho chúng thành một đống bọt biển. Thật đáng đời những kẻ làm điều sai quấy!

فَأَخَذَتْهُمُ ٱلصَّيْحَةُ بِٱلْحَقِّ فَجَعَلْنَٰهُمْ غُثَآءً ۚ فَبُعْدًا
لِّلْقَوْمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٤١﴾

42. Rồi TA đã tạo ra một thế hệ khác sau họ.

ثُمَّ أَنشَأْنَا مِنۢ بَعْدِهِمْ قُرُونًا ءَاخَرِينَ ﴿٤٢﴾

43. Không một cộng đồng nào có thể hối thúc thời hạn của mình chấm dứt sớm hơn và cũng không thể yêu cầu nó kết thúc trễ hơn.

مَا تَسْبِقُ مِنْ أُمَّةٍ أَجَلَهَا وَمَا يَسْتَـْٔخِرُونَ ﴿٤٣﴾

44. TA đã lần lượt phái các Thiên Sứ của TA đến, cứ mỗi lần Thiên Sứ đến thì họ phủ nhận Y. Thế là TA đã bắt phạt hết cộng đồng này đến cộng đồng kia; và TA đã làm cho họ trở thành những câu chuyện răn đời, thật đáng đời cho đám người vô đức tin.

ثُمَّ أَرۡسَلۡنَا رُسُلَنَا تَتۡرَاۖ كُلَّ مَا جَآءَ أُمَّةٗ رَّسُولُهَا كَذَّبُوهُۖ فَأَتۡبَعۡنَا بَعۡضَهُم بَعۡضٗا وَجَعَلۡنَٰهُمۡ أَحَادِيثَۚ فَبُعۡدٗا لِّقَوۡمٖ لَّا يُؤۡمِنُونَ ٤٤

45. TA đã cử Musa và người anh em của Y, Harun, mang theo các Phép Lạ của TA cùng với một thẩm quyền rõ rệt.

ثُمَّ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ وَأَخَاهُ هَٰرُونَ بِـَٔايَٰتِنَا وَسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٍ ٤٥

46. Đi gặp Pha-ra-ông và các quần thần của hắn. Nhưng chúng đã ngạo mạn và chúng thực sự là một đám tự cao ngông cuồng.

إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦ فَٱسۡتَكۡبَرُواْ وَكَانُواْ قَوۡمًا عَالِينَ ٤٦

47. (Pha-ra-ông và các quần thần của hắn) bảo nhau: “Chẳng lẽ chúng ta phải tin vào hai tên người phàm giống như chúng ta trong khi đám dân của hai tên đó lại là những nô lệ của chúng ta ư?”

فَقَالُوٓاْ أَنُؤۡمِنُ لِبَشَرَيۡنِ مِثۡلِنَا وَقَوۡمُهُمَا لَنَا عَٰبِدُونَ ٤٧

48. Thế nên chúng đã phủ nhận hai người họ và đã trở thành những kẻ bị tiêu diệt.

فَكَذَّبُوهُمَا فَكَانُواْ مِنَ ٱلۡمُهۡلَكِينَ ٤٨

49. TA quả thật đã ban cho Musa Kinh Sách (Cựu Ước), mong rằng họ được hướng dẫn đúng đường.

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ لَعَلَّهُمۡ يَهۡتَدُونَ ٤٩

50. TA đã làm cho con trai của Maryam (Ysa) và mẹ của Y thành một hiện tượng lạ và TA đã để hai mẹ con họ định cư ở vùng đất cao, một chỗ nghỉ an lành với dòng suối chảy.

وَجَعَلۡنَا ٱبۡنَ مَرۡيَمَ وَأُمَّهُۥٓ ءَايَةٗ وَءَاوَيۡنَٰهُمَآ إِلَىٰ رَبۡوَةٖ ذَاتِ قَرَارٖ وَمَعِينٖ ٥٠

51. Hỡi các Thiên Sứ, các ngươi hãy dùng thức ăn tốt và sạch, và các ngươi hãy làm việc thiện, bởi TA thực sự biết rõ mọi điều các ngươi làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلرُّسُلُ كُلُواْ مِنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ وَٱعۡمَلُواْ صَٰلِحًاۖ إِنِّي بِمَا تَعۡمَلُونَ عَلِيمٞ ٥١

52. Thật ra cộng đồng này của các ngươi là một cộng đồng duy nhất và TA chính là Thượng Đế của các ngươi, cho nên, các ngươi hãy sợ TA (mà ngoan đạo).

وَإِنَّ هَٰذِهِۦٓ أُمَّتُكُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَأَنَا۠ رَبُّكُمۡ فَٱتَّقُونِ ٥٢

53. Thế nhưng họ đã chia rẽ thành những giáo phái riêng biệt và mỗi giáo phái hân hoan với điều mình đang có.

فَتَقَطَّعُوٓاْ أَمۡرَهُم بَيۡنَهُمۡ زُبُرٗاۖ كُلُّ حِزۡبِۭ بِمَا لَدَيۡهِمۡ فَرِحُونَ ٥٣

54. Thế nên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy cứ để mặc họ đắm mình trong sự ngu muội đến lúc (sự trừng phạt được giáng xuống).

فَذَرۡهُمۡ فِي غَمۡرَتِهِمۡ حَتَّىٰ حِينٍ ٥٤

55. Có phải họ tưởng rằng việc TA gia tăng của cải và con cái thêm cho họ,

أَيَحۡسَبُونَ أَنَّمَا نُمِدُّهُم بِهِۦ مِن مَّالٖ وَبَنِينَ ٥٥

56. Là TA thúc đẩy điều tốt đến cho họ ư? Không, họ không nhận thấy (sự thật của vấn đề).

نُسَارِعُ لَهُمْ فِي ٱلْخَيْرَٰتِۚ بَل لَّا يَشْعُرُونَ ٥٦

57. Quả thật, những người sợ Thượng Đế của họ,

إِنَّ ٱلَّذِينَ هُم مِّنْ خَشْيَةِ رَبِّهِم مُّشْفِقُونَ ٥٧

58. Những người có đức tin nơi các lời mặc khải của Thượng Đế của họ,

وَٱلَّذِينَ هُم بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمْ يُؤْمِنُونَ ٥٨

59. Những người không tổ hợp những đối tác ngang vai cùng với Thượng Đế của họ,

وَٱلَّذِينَ هُم بِرَبِّهِمْ لَا يُشْرِكُونَ ٥٩

60. Những người cho đi những gì đã cho và tấm lòng của họ luôn lo sợ việc họ sẽ trở về trình diện Thượng Đế của họ.

وَٱلَّذِينَ يُؤْتُونَ مَآ ءَاتَوا۟ وَّقُلُوبُهُمْ وَجِلَةٌ أَنَّهُمْ إِلَىٰ
رَبِّهِمْ رَٰجِعُونَ ٦٠

61. Những người đó mới thực sự là những người thi đua nhau làm việc thiện tốt, mới thực sự là những người tiên phong.

أُو۟لَٰٓئِكَ يُسَٰرِعُونَ فِي ٱلْخَيْرَٰتِ وَهُمْ لَهَا سَٰبِقُونَ ٦١

62. TA không bắt bất cứ linh hồn nào gánh vác quá khả năng của nó và TA đang giữ một tập hồ sơ ghi chép sự thật và họ sẽ không bị đối xử bất công.

وَلَا نُكَلِّفُ نَفْسًا إِلَّا وُسْعَهَاۚ وَلَدَيْنَا كِتَٰبٌ يَنطِقُ
بِٱلْحَقِّ وَهُمْ لَا يُظْلَمُونَ ٦٢

63. Không, trái tim của họ đang thờ ơ với Qur'an này và họ còn những tội lỗi khác đang làm.

بَلْ قُلُوبُهُمْ فِي غَمْرَةٍ مِّنْ هَٰذَا وَلَهُمْ أَعْمَٰلٌ مِّن
دُونِ ذَٰلِكَ هُمْ لَهَا عَٰمِلُونَ ٦٣

64. Cho tới khi TA trừng phạt những kẻ sống xa hoa trong bọn họ thì họ mới van xin.

حَتَّىٰٓ إِذَآ أَخَذْنَا مُتْرَفِيهِم بِٱلْعَذَابِ إِذَا هُمْ
يَجْـَٔرُونَ ٦٤

65. Ngày hôm nay, các ngươi chớ khóc lóc van xin. Chắc chắn các ngươi sẽ không được TA cứu giúp.

لَا تَجْـَٔرُوا۟ ٱلْيَوْمَۖ إِنَّكُم مِّنَّا لَا تُنصَرُونَ ٦٥

66. Quả thật, những lời mặc khải của TA đã được xướng đọc cho các ngươi nhưng các ngươi đã ngoảnh mặt bỏ đi.

قَدْ كَانَتْ ءَايَٰتِي تُتْلَىٰ عَلَيْكُمْ فَكُنتُمْ عَلَىٰٓ
أَعْقَٰبِكُمْ تَنكِصُونَ ٦٦

67. Các ngươi ngạo mạn xem thường Nó (Qur'an), các ngươi thức thâu đêm tán gẫu chuyện không đâu.

مُسْتَكْبِرِينَ بِهِۦ سَٰمِرًا تَهْجُرُونَ ٦٧

68. Tại sao họ không chịu suy ngẫm về lời phán hay phải chăng điều này chỉ đến với họ mà không đến với tổ tiên của họ trước đây?

أَفَلَمْ يَدَّبَّرُوا۟ ٱلْقَوْلَ أَمْ جَآءَهُم مَّا لَمْ يَأْتِ ءَابَآءَهُمُ
ٱلْأَوَّلِينَ ٦٨

69. Hay phải chăng họ không nhận biết vị Thiên Sứ của họ nên mới từ chối Y?

أَمْ لَمْ يَعْرِفُوا۟ رَسُولَهُمْ فَهُمْ لَهُۥ مُنكِرُونَ ٦٩

70. Hay phải chăng họ nói Y bị điên? Không, Y (Thiên Sứ Muhammad) đã mang Chân Lý đến cho họ nhưng đa số bọn họ ghét sự thật.

أَمۡ يَقُولُونَ بِهِۦ جِنَّةُۢۚ بَلۡ جَآءَهُم بِٱلۡحَقِّ وَأَكۡثَرُهُمۡ لِلۡحَقِّ كَٰرِهُونَ ٧٠

71. Nếu Chân Lý hùa theo những điều ham muốn của họ thì các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa trời đất chắc chắn sẽ sụp đổ. Không, TA đã ban cho họ Lời Nhắc Nhở nhưng họ quay lưng với Lời Nhắc Nhở dành cho họ.

وَلَوِ ٱتَّبَعَ ٱلۡحَقُّ أَهۡوَآءَهُمۡ لَفَسَدَتِ ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ وَمَن فِيهِنَّۚ بَلۡ أَتَيۡنَٰهُم بِذِكۡرِهِمۡ فَهُمۡ عَن ذِكۡرِهِم مُّعۡرِضُونَ ٧١

72. Hoặc lẽ nào Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã đòi họ tiền công? (Chắc chắn điều đó không xảy ra) bởi phần trả công của Thượng Đế của Ngươi tốt hơn vì Ngài là Đấng Ban Phát tốt nhất.

أَمۡ تَسۡـَٔلُهُمۡ خَرۡجٗا فَخَرَاجُ رَبِّكَ خَيۡرٞۖ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ٧٢

73. Quả thật, Ngươi đang kêu gọi họ đến với Con Đường Ngay Thẳng (con đường được hướng dẫn: Islam).

وَإِنَّكَ لَتَدۡعُوهُمۡ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٧٣

74. Và quả thật, những ai không có đức tin nơi Đời Sau chắc chắn sẽ lạc xa con đường (Islam).

وَإِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ عَنِ ٱلصِّرَٰطِ لَنَٰكِبُونَ ٧٤

75. Dẫu TA có thương xót họ và cứu họ thoát khỏi hoạn nạn thì chắc chắn họ cũng lại tiếp tục vượt giới hạn và lang thang lây lất.

۞وَلَوۡ رَحِمۡنَٰهُمۡ وَكَشَفۡنَا مَا بِهِم مِّن ضُرّٖ لَّلَجُّواْ فِي طُغۡيَٰنِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ٧٥

76. Quả thật, TA đã trừng phạt họ nhưng họ vẫn không chịu hạ mình trước Thượng Đế của họ và cũng không chịu van xin khẩn cầu.

وَلَقَدۡ أَخَذۡنَٰهُم بِٱلۡعَذَابِ فَمَا ٱسۡتَكَانُواْ لِرَبِّهِمۡ وَمَا يَتَضَرَّعُونَ ٧٦

77. Mãi đến khi TA mở cánh cửa trừng phạt khủng khiếp dành cho họ (Hỏa Ngục ở Đời Sau) thì họ mới đâm ra tuyệt vọng trong đó.

حَتَّىٰٓ إِذَا فَتَحۡنَا عَلَيۡهِم بَابٗا ذَا عَذَابٖ شَدِيدٍ إِذَا هُمۡ فِيهِ مُبۡلِسُونَ ٧٧

78. Ngài (Allah) là Đấng đã tạo cho các ngươi thính giác, thị giác và trái tim nhưng các ngươi lại rất ít tri ân Ngài.

وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنشَأَ لَكُمُ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ وَٱلۡأَفۡـِٔدَةَۚ قَلِيلٗا مَّا تَشۡكُرُونَ ٧٨

79. Ngài là Đấng đã rải các ngươi đông đảo trên khắp trái đất (với sự khác biệt tiếng nói, màu da, diện mạo) và (rồi đây) các ngươi sẽ được triệu tập đưa về trình diện Ngài trở lại.

وَهُوَ ٱلَّذِي ذَرَأَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَإِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ ٧٩

80. Ngài là Đấng làm cho sống và làm cho chết, Ngài làm cho ban đêm và ban ngày luân chuyển tiếp nối nhau. Vậy chẳng lẽ các ngươi không suy ngẫm để hiểu ư?

وَهُوَ ٱلَّذِي يُحۡيِۦ وَيُمِيتُ وَلَهُ ٱخۡتِلَٰفُ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٨٠

81. Không, (những kẻ phủ nhận sự Phục Sinh) nói những điều giống như những kẻ (phủ nhận sự Phục Sinh) của thời trước đã nói.

بَلۡ قَالُواْ مِثۡلَ مَا قَالَ ٱلۡأَوَّلُونَ ﴿٨١﴾

82. Họ nói: “Lẽ nào chúng tôi được dựng sống lại sau khi chúng tôi đã chết đi và đã trở thành cát bụi và xương khô?”

قَالُوٓاْ أَءِذَا مِتۡنَا وَكُنَّا تُرَابٗا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا
لَمَبۡعُوثُونَ ﴿٨٢﴾

83. “Quả thật, chúng tôi cũng như ông bà cha mẹ của chúng tôi trước đây đều được hứa điều này, nhưng đó chỉ là truyện cổ tích của người xưa (không hề có thật).”

لَقَدۡ وُعِدۡنَا نَحۡنُ وَءَابَآؤُنَا هَٰذَا مِن قَبۡلُ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّآ
أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿٨٣﴾

84. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy nói với họ: “Trái đất và những ai sống trong đó thuộc về ai nếu các ngươi là những người thực sự biết?”

قُل لِّمَنِ ٱلۡأَرۡضُ وَمَن فِيهَآ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ﴿٨٤﴾

85. Họ sẽ nói: “Của Allah” Ngươi hãy bảo họ: “Vậy các người không lưu tâm ư?”

سَيَقُولُونَ لِلَّهِۚ قُلۡ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ﴿٨٥﴾

86. Ngươi hãy hỏi họ: “Ai là Đấng Chúa Tể của bảy tầng trời và chiếc Ngai Vương Vĩ Đại?”

قُلۡ مَن رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ ٱلسَّبۡعِ وَرَبُّ ٱلۡعَرۡشِ
ٱلۡعَظِيمِ ﴿٨٦﴾

87. Họ sẽ trả lời: “Allah” Ngươi hãy bảo họ: “Vậy sao các ngươi không sợ Ngài?”

سَيَقُولُونَ لِلَّهِۚ قُلۡ أَفَلَا تَتَّقُونَ ﴿٨٧﴾

88. Ngươi hãy hỏi họ: “Ai nắm quyền chi phối vạn vật, toàn quyền thống trị mà không một sức mạnh nào cưỡng lại được nếu các người thực sự biết?”

قُلۡ مَنۢ بِيَدِهِۦ مَلَكُوتُ كُلِّ شَيۡءٖ وَهُوَ يُجِيرُ وَلَا
يُجَارُ عَلَيۡهِ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ﴿٨٨﴾

89. Họ sẽ trả lời: “Allah” Ngươi hãy bảo họ: “Vậy sao các người mê muội (trong sự thờ phượng các thần linh hư cấu ngoài Ngài?)”.

سَيَقُولُونَ لِلَّهِۚ قُلۡ فَأَنَّىٰ تُسۡحَرُونَ ﴿٨٩﴾

90. Không, TA (Allah) đã mang đến cho họ sự thật nhưng chính họ là những kẻ nói dối.

بَلۡ أَتَيۡنَٰهُم بِٱلۡحَقِّ وَإِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ﴿٩٠﴾

91. Allah không nhận bất cứ ai làm con trai (của Ngài) và Ngài cũng không hề có bất cứ thần linh nào bên cạnh Ngài (để chia sẻ cùng Ngài) bởi vì (nếu có nhiều thần linh cùng với Ngài) thì chắc chắn mỗi vị sẽ lấy đi cái mà mỗi vị đã tạo ra và chắc chắn vị này sẽ muốn cai trị vị kia (gây ra sự náo loạn). Quả thật, Allah quang vinh và tối cao hơn những gì họ đã qui cho Ngài.

مَا ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ مِن وَلَدٖ وَمَا كَانَ مَعَهُۥ مِنۡ إِلَٰهٍۚ إِذٗا
لَّذَهَبَ كُلُّ إِلَٰهِۭ بِمَا خَلَقَ وَلَعَلَا بَعۡضُهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖۚ
سُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا يَصِفُونَ ﴿٩١﴾

92. (Ngài là) Đấng biết điều vô hình và hữu hình. Cho nên, Ngài tối cao vượt xa hẳn những (thần linh) mà họ đã tổ hợp (cùng với Ngài).

عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ فَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ﴿٩٢﴾

93. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy nói (trong lời cầu nguyện): “Lạy Thượng Đế của bề tôi, nếu Ngài cho bề tôi nhìn thấy điều (hình phạt) được hứa với họ,”

قُل رَّبِّ إِمَّا تُرِيَنِّي مَا يُوعَدُونَ ٩٣

94. “Thì xin Ngài, lạy Thượng Đế của bề tôi, đừng để bề tôi ở cùng với đám người làm điều sai quấy kia.”

رَبِّ فَلَا تَجۡعَلۡنِي فِي ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٩٤

95. Quả thật, TA (Allah) thừa sức cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) nhìn thấy điều (hình phạt) mà TA cảnh báo họ.

وَإِنَّا عَلَىٰٓ أَن نُّرِيَكَ مَا نَعِدُهُمۡ لَقَٰدِرُونَ ٩٥

96. Ngươi hãy đáp lại điều xấu bằng điều tốt hơn. TA biết rõ những gì họ thốt ra.

ٱدۡفَعۡ بِٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُ ٱلسَّيِّئَةَۚ نَحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا
يَصِفُونَ ٩٦

97. Và Ngươi hãy (cầu nguyện) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài che chở bề tôi tránh xa khỏi những xúi bẩy của những tên Shaytan.”

وَقُل رَّبِّ أَعُوذُ بِكَ مِنۡ هَمَزَٰتِ ٱلشَّيَٰطِينِ ٩٧

98. “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài che chở bề tôi (bằng việc) ngăn chúng không đến gần bề tôi.”

وَأَعُوذُ بِكَ رَبِّ أَن يَحۡضُرُونِ ٩٨

99. Rồi đến khi một trong số họ đối diện với cái chết, y mới van nài kêu xin: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài hãy cho bề tôi được quay lại (trần gian)!”

حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَ أَحَدَهُمُ ٱلۡمَوۡتُ قَالَ رَبِّ ٱرۡجِعُونِ ٩٩

100. “Chắc chắn bề tôi sẽ hành đạo và làm điều thiện tốt mà bề tôi đã bỏ qua.” Không. Quả thật đó chỉ là lời nói thốt ra trên môi mà thôi. Thế rồi trước mặt họ là cõi Barzakh (ngăn cách họ với trần thế) cho đến Ngày họ được Phục Sinh.

لَعَلِّيٓ أَعۡمَلُ صَٰلِحٗا فِيمَا تَرَكۡتُۚ كَلَّآۚ إِنَّهَا كَلِمَةٌ هُوَ
قَآئِلُهَاۖ وَمِن وَرَآئِهِم بَرۡزَخٌ إِلَىٰ يَوۡمِ يُبۡعَثُونَ ١٠٠

101. Rồi khi tiếng còi (Tận Thế) được thổi, đó là Ngày sẽ chẳng còn tình máu mủ ruột thịt giữa bọn họ nữa và cũng sẽ không có ai hỏi han đến ai.

فَإِذَا نُفِخَ فِي ٱلصُّورِ فَلَآ أَنسَابَ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَئِذٖ وَلَا
يَتَسَآءَلُونَ ١٠١

102. (Trong Ngày hôm đó), những ai mà bàn cân của họ có trọng lượng nặng (bởi những việc hành đạo và những việc làm thiện tốt) thì họ sẽ là những người thành công.

فَمَن ثَقُلَتۡ مَوَٰزِينُهُۥ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ١٠٢

103. Còn những ai mà bàn cân của họ có trọng lượng nhẹ (bởi những việc hành đạo và những việc làm thiện tốt) thì họ sẽ là những kẻ đã làm bản thân mình thất bại. Họ sẽ phải ở trong Hỏa Ngục mãi mãi.

وَمَنۡ خَفَّتۡ مَوَٰزِينُهُۥ فَأُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ
أَنفُسَهُمۡ فِي جَهَنَّمَ خَٰلِدُونَ ١٠٣

104. Lửa sẽ thiêu đốt gương mặt của họ và họ nhe răng trong đó.

تَلۡفَحُ وُجُوهَهُمُ ٱلنَّارُ وَهُمۡ فِيهَا كَٰلِحُونَ ١٠٤

105. (Allah phán với họ): “Chẳng phải những lời mặc khải của TA đã được đọc cho các ngươi nghe nhưng các ngươi đã phủ nhận đó sao?”

أَلَمۡ تَكُنۡ ءَايَٰتِي تُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡ فَكُنتُم بِهَا تُكَذِّبُونَ ١٠٥

106. Họ nài nỉ van cầu: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi đã chịu cùng cực và khổ ải, quả thật bầy tôi thực sự là những kẻ lầm lạc.”

قَالُواْ رَبَّنَا غَلَبَتۡ عَلَيۡنَا شِقۡوَتُنَا وَكُنَّا قَوۡمٗا ضَآلِّينَ ١٠٦

107. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài cho bầy tôi ra khỏi Hỏa Ngục, nếu bầy tôi tái phạm thì đích thực bầy tôi là những kẻ làm điều sai quấy.”

رَبَّنَآ أَخۡرِجۡنَا مِنۡهَا فَإِنۡ عُدۡنَا فَإِنَّا ظَٰلِمُونَ ١٠٧

108. (Lúc đó, Allah) phán: “Các ngươi hãy cút vào trong đó (Hỏa Ngục) và chớ thưa bẩm gì với TA nữa!”

قَالَ ٱخۡسَـُٔواْ فِيهَا وَلَا تُكَلِّمُونِ ١٠٨

109. Quả thật trong số đám bầy tôi của TA, có một nhóm người thường nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi đã tin, xin Ngài tha thứ cho bầy tôi và xin Ngài thương xót bầy tôi bởi Ngài là Đấng thương xót tốt nhất.”

إِنَّهُۥ كَانَ فَرِيقٞ مِّنۡ عِبَادِي يَقُولُونَ رَبَّنَآ ءَامَنَّا فَٱغۡفِرۡ لَنَا وَٱرۡحَمۡنَا وَأَنتَ خَيۡرُ ٱلرَّٰحِمِينَ ١٠٩

110. Nhưng các ngươi (những kẻ vô đức tin) đã nhạo báng họ đến nỗi (việc nhạo báng đó) làm cho các ngươi quên đi Thông Điệp Nhắc Nhở của TA và các ngươi cứ hả hê cười nhạo báng họ.

فَٱتَّخَذۡتُمُوهُمۡ سِخۡرِيًّا حَتَّىٰٓ أَنسَوۡكُمۡ ذِكۡرِي وَكُنتُم مِّنۡهُمۡ تَضۡحَكُونَ ١١٠

111. Ngày hôm nay, TA ban thưởng cho họ bởi những gì họ đã kiên nhẫn chịu đựng. Họ thực sự là những người chiến thắng.

إِنِّي جَزَيۡتُهُمُ ٱلۡيَوۡمَ بِمَا صَبَرُوٓاْ أَنَّهُمۡ هُمُ ٱلۡفَآئِزُونَ ١١١

112. (Allah phán bảo những kẻ vô đức tin và những kẻ tội lỗi): “Các ngươi đã ở lại trên trái đất bao năm?”

قَٰلَ كَمۡ لَبِثۡتُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ عَدَدَ سِنِينَ ١١٢

113. Họ đáp: “Bầy tôi đã ở lại đó một ngày hay nửa ngày gì đấy, xin hỏi những vị ghi chép.”

قَالُواْ لَبِثۡنَا يَوۡمًا أَوۡ بَعۡضَ يَوۡمٖ فَسۡـَٔلِ ٱلۡعَآدِّينَ ١١٣

114. (Allah phán): “Các ngươi đã ở lại đó chỉ trong chốc lát mà thôi, phải chi các ngươi biết điều đó.”

قَٰلَ إِن لَّبِثۡتُمۡ إِلَّا قَلِيلٗاۖ لَّوۡ أَنَّكُمۡ كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ١١٤

115. “Có phải các ngươi nghĩ rằng TA đã tạo hóa các ngươi là để vui chơi vô ích và rằng các ngươi sẽ không quay trở lại trình diện TA chăng?”

أَفَحَسِبۡتُمۡ أَنَّمَا خَلَقۡنَٰكُمۡ عَبَثٗا وَأَنَّكُمۡ إِلَيۡنَا لَا تُرۡجَعُونَ ١١٥

116. Allah tối cao, Ngài là Đức Vua đích thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Ngài là Thượng Đế của chiếc Ngai Vương Vinh Dự.

فَتَعَٰلَى ٱللَّهُ ٱلۡمَلِكُ ٱلۡحَقُّۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ رَبُّ ٱلۡعَرۡشِ ٱلۡكَرِيمِ ١١٦

117. Ai cầu xin một thần linh nào đó cùng với Allah mà không có bất cứ bằng chứng nào (cho việc làm đó) thì việc tính sổ y thuộc về Thượng Đế của y. Quả thật những kẻ vô đức tin sẽ không thành đạt.

وَمَن يَدۡعُ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ لَا بُرۡهَٰنَ لَهُۥ بِهِۦ فَإِنَّمَا حِسَابُهُۥ عِندَ رَبِّهِۦٓۚ إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلۡكَٰفِرُونَ ١١٧

118. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài tha thứ cho bề tôi và thương xót bề tôi bởi Ngài là Đấng thương xót tốt nhất!”.

وَقُل رَّبِّ ٱغۡفِرۡ وَٱرۡحَمۡ وَأَنتَ خَيۡرُ ٱلرَّٰحِمِينَ ١١٨

An-Nur (Ánh Sáng) النور

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. (Đây là) chương Kinh TA ban xuống và qui định thành luật. TA ban xuống trong chương này những câu Kinh rất rõ ràng mong rằng các ngươi có thể ghi nhớ.

سُورَةٌ أَنزَلۡنَٰهَا وَفَرَضۡنَٰهَا وَأَنزَلۡنَا فِيهَآ ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٖ لَّعَلَّكُمۡ تَذَكَّرُونَ ١

2. Nam nữ phạm tội Zina(1), các ngươi hãy đánh mỗi người một trăm roi. Các ngươi chớ động lòng thương hại họ trong việc chấp hành mệnh lệnh của Allah nếu các ngươi thực sự có đức tin nơi Allah và Ngày Sau. Và các ngươi hãy mời một nhóm người có đức tin đến chứng kiến việc trừng phạt họ.[1]

ٱلزَّانِيَةُ وَٱلزَّانِي فَٱجۡلِدُواْ كُلَّ وَٰحِدٖ مِّنۡهُمَا مِاْئَةَ جَلۡدَةٖۖ وَلَا تَأۡخُذۡكُم بِهِمَا رَأۡفَةٞ فِي دِينِ ٱللَّهِ إِن كُنتُمۡ تُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۖ وَلۡيَشۡهَدۡ عَذَابَهُمَا طَآئِفَةٞ مِّنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٢

3. Người đàn ông Zina (gian dâm) không quan hệ tình dục ngoại trừ với người phụ nữ Zina hoặc với người phụ nữ thờ đa thần. (Tương tự), người phụ nữ Zina không quan hệ tình dục ngoại trừ với người đàn ông Zina hoặc với người đàn ông thờ đa thần. Và điều đó bị cấm đối với những người có đức tin.

ٱلزَّانِي لَا يَنكِحُ إِلَّا زَانِيَةً أَوۡ مُشۡرِكَةٗ وَٱلزَّانِيَةُ لَا يَنكِحُهَآ إِلَّا زَانٍ أَوۡ مُشۡرِكٞۚ وَحُرِّمَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٣

4. Những ai cáo buộc những người phụ nữ trinh thục (làm điều Zina) nhưng lại không đưa ra đủ bốn nhân chứng (cho điều cáo buộc đó) thì các ngươi hãy đánh họ tám mươi roi và sau này các ngươi chớ bao giờ nhận lấy bất cứ bằng chứng nào từ nơi họ nữa bởi họ là những kẻ nói dối và bất tuân (Allah).

وَٱلَّذِينَ يَرۡمُونَ ٱلۡمُحۡصَنَٰتِ ثُمَّ لَمۡ يَأۡتُواْ بِأَرۡبَعَةِ شُهَدَآءَ فَٱجۡلِدُوهُمۡ ثَمَٰنِينَ جَلۡدَةٗ وَلَا تَقۡبَلُواْ لَهُمۡ شَهَٰدَةً أَبَدٗاۚ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ٤

5. Ngoại trừ những ai sau đó đã ăn năn sám hối và cải thiện bản thân thì quả thật Allah hằng tha thứ và nhân từ.

إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ وَأَصۡلَحُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥

6. Những ai cáo buộc vợ của họ (ngoại tình) nhưng không có ai làm nhân chứng (cho việc cáo buộc đó) ngoài bản thân họ thì mỗi người trong số họ phải thề bốn lần với Allah rằng mình là người nói thật.

وَٱلَّذِينَ يَرۡمُونَ أَزۡوَٰجَهُمۡ وَلَمۡ يَكُن لَّهُمۡ شُهَدَآءُ إِلَّآ أَنفُسُهُمۡ فَشَهَٰدَةُ أَحَدِهِمۡ أَرۡبَعُ شَهَٰدَٰتِۭ بِٱللَّهِ إِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٦

7. Và trong lời thề lần thứ năm rằng y sẽ bị Allah nguyền rủa nếu như y là kẻ nói dối.

وَٱلۡخَٰمِسَةُ أَنَّ لَعۡنَتَ ٱللَّهِ عَلَيۡهِ إِن كَانَ مِنَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٧

[1] (1) Zina là danh từ mà Islam dùng để gọi hành vi quan hệ tình dục ngoài hôn nhân dù là gian dâm hay thông dâm.

8. Người vợ sẽ tránh được hình phạt (bị ném đá đến chết) nếu nữ ta thề bốn lần với Allah rằng y ta (người chồng) là kẻ nói dối.

وَيَدۡرَؤُاْ عَنۡهَا ٱلۡعَذَابَ أَن تَشۡهَدَ أَرۡبَعَ شَهَٰدَٰتِۭ بِٱللَّهِ إِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٨

9. Và trong lời thề lần thứ năm rằng Allah sẽ giáng cơn thịnh nộ của Ngài lên nữ ta nếu chồng của nữ ta là người nói thật.

وَٱلۡخَٰمِسَةَ أَنَّ غَضَبَ ٱللَّهِ عَلَيۡهَآ إِن كَانَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٩

10. Nếu không nhờ hồng phúc và lòng thương xót của Allah dành cho các ngươi (thì quả thật các ngươi đã bị trừng phạt), tuy nhiên, Allah là Đấng Đại Lượng, Đấng Chí Minh.

وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ وَرَحۡمَتُهُۥ وَأَنَّ ٱللَّهَ تَوَّابٌ حَكِيمٌ ١٠

11. Quả thật, những kẻ vu khống (‘A-ishah vợ của Thiên Sứ Muhammad) chỉ gồm một phần tử nhỏ trong các ngươi. Các ngươi chớ nghĩ rằng đó là điều xấu cho các ngươi, mà (các ngươi hãy biết rằng) đó là điều tốt cho các ngươi. Mỗi người trong bọn họ (những kẻ vu khống) sẽ phải chịu sự trừng phạt cho tội mà họ đã gây ra, riêng kẻ chủ mưu sẽ phải chịu hình phạt khủng khiếp.

إِنَّ ٱلَّذِينَ جَآءُو بِٱلۡإِفۡكِ عُصۡبَةٞ مِّنكُمۡۚ لَا تَحۡسَبُوهُ شَرّٗا لَّكُمۖ بَلۡ هُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡۚ لِكُلِّ ٱمۡرِيٕٖ مِّنۡهُم مَّا ٱكۡتَسَبَ مِنَ ٱلۡإِثۡمِۚ وَٱلَّذِي تَوَلَّىٰ كِبۡرَهُۥ مِنۡهُمۡ لَهُۥ عَذَابٌ عَظِيمٞ ١١

12. Đáng lẽ ra khi nghe lời vu khống đó, những người có đức tin nam cũng như nữ nên nghĩ tốt cho các tín hữu của mình và nói với (những kẻ vu khống): “Đây rõ ràng là một sự vu khống!”

لَّوۡلَآ إِذۡ سَمِعۡتُمُوهُ ظَنَّ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتُ بِأَنفُسِهِمۡ خَيۡرٗا وَقَالُواْ هَٰذَآ إِفۡكٞ مُّبِينٞ ١٢

13. Đáng lẽ ra họ phải đưa ra đủ bốn nhân chứng cho việc đó bởi lẽ khi họ không đưa ra đủ số lượng nhân chứng thì đối với Allah họ đích thực là những kẻ nói dối.

لَّوۡلَا جَآءُو عَلَيۡهِ بِأَرۡبَعَةِ شُهَدَآءَۚ فَإِذۡ لَمۡ يَأۡتُواْ بِٱلشُّهَدَآءِ فَأُوْلَٰٓئِكَ عِندَ ٱللَّهِ هُمُ ٱلۡكَٰذِبُونَ ١٣

14. Nếu không nhờ hồng phúc và lòng thương xót của Allah dành cho các ngươi ở đời này và ở Đời Sau thì chắc chắn các ngươi đã phải chịu sự trừng phạt khủng khiếp về tội các ngươi đã loan (tin đồn thất thiệt).

وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ وَرَحۡمَتُهُۥ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ لَمَسَّكُمۡ فِي مَآ أَفَضۡتُمۡ فِيهِ عَذَابٌ عَظِيمٌ ١٤

15. Khi các ngươi lan truyền (tin thất thiệt đó) cho nhau bằng chiếc lưỡi của các ngươi và các ngươi nói bằng miệng mồm của các ngươi về điều mà các ngươi không hề biết và các ngươi cho rằng đó là điều nhỏ nhặt, cỏn con (không đáng bận tâm) thì trái lại, đối với Allah, nó thực sự là một điều vô cùng trọng đại.

إِذۡ تَلَقَّوۡنَهُۥ بِأَلۡسِنَتِكُمۡ وَتَقُولُونَ بِأَفۡوَاهِكُم مَّا لَيۡسَ لَكُم بِهِۦ عِلۡمٞ وَتَحۡسَبُونَهُۥ هَيِّنٗا وَهُوَ عِندَ ٱللَّهِ عَظِيمٞ ١٥

16. Đáng lẽ ra khi nghe (tin đồn thất thiệt đó), các ngươi nên nói: “Bàn tán chuyện này không phải là việc của chúng tôi. Quang vinh và trong sạch thay Allah, đây quả là một sự vu khống hết sức nghiêm trọng!”

وَلَوۡلَآ إِذۡ سَمِعۡتُمُوهُ قُلۡتُم مَّا يَكُونُ لَنَآ أَن نَّتَكَلَّمَ بِهَٰذَا سُبۡحَٰنَكَ هَٰذَا بُهۡتَٰنٌ عَظِيمٞ ١٦

17. Allah khuyên các ngươi chớ đừng bao giờ tái phạm điều tương tự nếu các ngươi thực sự là những người có đức tin.

يَعِظُكُمُ ٱللَّهُ أَن تَعُودُواْ لِمِثۡلِهِۦٓ أَبَدًا إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١٧

18. Allah trình bày rõ ràng cho các ngươi những lời mặc khải (của Ngài) và Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Chí Minh.

وَيُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلۡأٓيَٰتِۚ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ١٨

19. Quả thật những ai trong số những người có đức tin thích cho chuyện xấu (tin đồn thất thiệt, lời vu khống, lời gièm pha) được lan truyền rộng rãi thì sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn ở trần thế và cả Đời Sau. Và Allah biết rõ (chân tướng sự thật) trong khi các ngươi không biết gì.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُحِبُّونَ أَن تَشِيعَ ٱلۡفَٰحِشَةُ فِي ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۚ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ١٩

20. Nếu không nhờ hồng phúc và lòng thương xót của Allah dành cho các ngươi (thì quả thật các ngươi đã bị trừng phạt), tuy nhiên, Allah là Đấng Khoan Dung, Đấng Nhân Từ.

وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ وَرَحۡمَتُهُۥ وَأَنَّ ٱللَّهَ رَءُوفٞ رَّحِيمٞ ٢٠

21. Hỡi những người có đức tin, các ngươi chớ đi theo bước đường của Shaytan. Ai đi theo bước đường của Shaytan thì nó sẽ xúi y làm chuyện xấu và tội lỗi. Nếu không nhờ hồng phúc và lòng thương xót của Allah dành cho các ngươi thì sẽ không một ai trong các ngươi được tẩy sạch tội lỗi, tuy nhiên, Allah tẩy sạch tội lỗi cho ai Ngài muốn. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّبِعُواْ خُطُوَٰتِ ٱلشَّيۡطَٰنِۚ وَمَن يَتَّبِعۡ خُطُوَٰتِ ٱلشَّيۡطَٰنِ فَإِنَّهُۥ يَأۡمُرُ بِٱلۡفَحۡشَآءِ وَٱلۡمُنكَرِۚ وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ وَرَحۡمَتُهُۥ مَا زَكَىٰ مِنكُم مِّنۡ أَحَدٍ أَبَدٗا وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يُزَكِّي مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ٢١

22. Những người giàu có và dư dả trong các ngươi chớ thề một cách dứt khoát rằng họ sẽ không bố thí cho bà con họ hàng của mình, cho những người khó khăn, và cho những người di cư vì con đường của Allah (đã liên can trong vụ phao tin đồn xấu về ‘A-ishah). Họ hãy nên đại lượng và bỏ qua. Lẽ nào các ngươi không thích được Allah tha thứ cho các ngươi hay sao?! Quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.(2)[i]

وَلَا يَأۡتَلِ أُوْلُواْ ٱلۡفَضۡلِ مِنكُمۡ وَٱلسَّعَةِ أَن يُؤۡتُوٓاْ أُوْلِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينَ وَٱلۡمُهَٰجِرِينَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۖ وَلۡيَعۡفُواْ وَلۡيَصۡفَحُوٓاْۗ أَلَا تُحِبُّونَ أَن يَغۡفِرَ ٱللَّهُ لَكُمۡۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ٢٢

23. Quả thật những ai vu khống những người phụ nữ có đức tin trinh thục và ngay thơ (làm điều Zina) thì họ sẽ bị nguyền rủa trên trần thế và cả Đời Sau; và họ sẽ phải chịu sự trừng phạt khủng khiếp.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَرۡمُونَ ٱلۡمُحۡصَنَٰتِ ٱلۡغَٰفِلَٰتِ ٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ لُعِنُواْ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ وَلَهُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٢٣

---

[i] (2) Câu Kinh này được mặc khải xuống để nhắc nhở ông Abu Bakr, thân phụ của bà ‘A-ishah, phu nhân của Thiên Sứ Muhammad, khi ông thề tuyên bố rằng ông sẽ không chu cấp lương thực cũng như sẽ không hỗ trợ cho Mistah (tên thật là ‘Awf) bin Uthathah bất cứ thứ gì. Mistah là một người bà con họ hàng của ông Abu Bakr, người mà trước đó ông vẫn thường chu cấp lương thực và hỗ trợ những thứ cần thiết. Do người này đã liên can trong vụ vu khống ‘A-ishah con gái mình nên ông đã thề dứt khoát như thế vì quá tức giận. Nhưng sau khi câu Kinh này được ban xuống, ông Abu Bakr đã hủy lời thề và tiếp tục chu cấp và trợ giúp cho Mistah trở lại giống như trước.

24. Vào Ngày mà chiếc lưỡi, bàn tay cũng như bàn chân của họ sẽ đứng ra làm chứng chống lại họ về những gì mà họ đã làm.

يَوۡمَ تَشۡهَدُ عَلَيۡهِمۡ أَلۡسِنَتُهُمۡ وَأَيۡدِيهِمۡ وَأَرۡجُلُهُم بِمَا
كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٢٤

25. Vào Ngày hôm đó, Allah sẽ thanh toán mọi việc làm của họ và họ sẽ biết Allah đích thực là chân lý hiển hiện.

يَوۡمَئِذٖ يُوَفِّيهِمُ ٱللَّهُ دِينَهُمُ ٱلۡحَقَّ وَيَعۡلَمُونَ أَنَّ ٱللَّهَ
هُوَ ٱلۡحَقُّ ٱلۡمُبِينُ ٢٥

26. Những phụ nữ hư đốn xứng đôi với những đàn ông hư đốn và những đàn ông hư đốn xứng đôi với những phụ nữ hư đốn; những người phụ nữ trinh thục đoan chính xứng đối với đàn ông đứng đắn và đàn ông đứng đắn xứng đối với phụ nữ trinh thục đoan chính. Những người (đoan chính, đứng đắn) này vô can với những điều họ nói, họ sẽ được tha thứ và sẽ được ban cho bổng lộc vinh dự (Thiên Đàng).

ٱلۡخَبِيثَٰتُ لِلۡخَبِيثِينَ وَٱلۡخَبِيثُونَ لِلۡخَبِيثَٰتِۖ
وَٱلطَّيِّبَٰتُ لِلطَّيِّبِينَ وَٱلطَّيِّبُونَ لِلطَّيِّبَٰتِۚ أُوْلَٰٓئِكَ
مُبَرَّءُونَ مِمَّا يَقُولُونَۖ لَهُم مَّغۡفِرَةٞ وَرِزۡقٞ كَرِيمٞ ٢٦

27. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi chớ đi vào nhà của người khác trừ phi các ngươi đã xin phép và chào Salam đến chủ nhà. Điều đó tốt cho các ngươi mong rằng các ngươi lưu tâm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَدۡخُلُواْ بُيُوتًا غَيۡرَ
بُيُوتِكُمۡ حَتَّىٰ تَسۡتَأۡنِسُواْ وَتُسَلِّمُواْ عَلَىٰٓ أَهۡلِهَاۚ
ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَذَكَّرُونَ ٢٧

28. Nhưng nếu các ngươi không thấy ai trong nhà thì các ngươi cũng chớ vào cho đến khi các ngươi được cho phép; còn nếu các ngươi được bảo ra về thì các ngươi hãy ra về, điều đó trong sạch cho các ngươi hơn, và Allah biết rõ những gì các ngươi làm.

فَإِن لَّمۡ تَجِدُواْ فِيهَآ أَحَدٗا فَلَا تَدۡخُلُوهَا حَتَّىٰ يُؤۡذَنَ
لَكُمۡۖ وَإِن قِيلَ لَكُمُ ٱرۡجِعُواْ فَٱرۡجِعُواْۖ هُوَ أَزۡكَىٰ
لَكُمۡۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ عَلِيمٞ ٢٨

29. Các ngươi không bị tội khi vào những ngôi nhà vắng chủ nhưng trong đó có đồ đạc của các ngươi. Quả thật, Allah biết rõ những gì các ngươi phơi bày cũng như những gì các ngươi giấu kín.

لَّيۡسَ عَلَيۡكُمۡ جُنَاحٌ أَن تَدۡخُلُواْ بُيُوتًا غَيۡرَ
مَسۡكُونَةٖ فِيهَا مَتَٰعٞ لَّكُمۡۚ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تُبۡدُونَ
وَمَا تَكۡتُمُونَ ٢٩

30. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy bảo những người có đức tin nam hạ thấp cái nhìn xuống và giữ gìn phần kín (cơ thể) của họ, điều đó trong sạch hơn cho họ. Quả thật, Allah thông toàn mọi điều họ làm.

قُل لِّلۡمُؤۡمِنِينَ يَغُضُّواْ مِنۡ أَبۡصَٰرِهِمۡ وَيَحۡفَظُواْ
فُرُوجَهُمۡۚ ذَٰلِكَ أَزۡكَىٰ لَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ خَبِيرُۢ بِمَا
يَصۡنَعُونَ ٣٠

31. Và Ngươi hãy bảo những người có đức tin nữ hạ thấp cái nhìn xuống và giữ phần kín (cơ thể) của họ; Ngươi hãy bảo họ chớ phô bày nét đẹp của họ ra ngoài ngoại trừ những bộ phận nào lộ ra tự nhiên (gương mặt, bàn tay); Ngươi hãy bảo họ phủ khăn xuống che ngực; Ngươi hãy bảo họ chớ phô bày nét đẹp của họ ra ngoại trừ đối với chồng, cha ruột, cha chồng, con trai ruột, con trai của

وَقُل لِّلۡمُؤۡمِنَٰتِ يَغۡضُضۡنَ مِنۡ أَبۡصَٰرِهِنَّ وَيَحۡفَظۡنَ
فُرُوجَهُنَّ وَلَا يُبۡدِينَ زِينَتَهُنَّ إِلَّا مَا ظَهَرَ مِنۡهَاۖ
وَلۡيَضۡرِبۡنَ بِخُمُرِهِنَّ عَلَىٰ جُيُوبِهِنَّۖ وَلَا يُبۡدِينَ
زِينَتَهُنَّ إِلَّا لِبُعُولَتِهِنَّ أَوۡ ءَابَآئِهِنَّ أَوۡ ءَابَآءِ بُعُولَتِهِنَّ

chồng, anh em trai ruột, con trai của anh em trai ruột, con trai của chị em gái ruột, những người phụ nữ giúp việc, những người đàn ông nô lệ thuộc quyền sở hữu của họ, những người đàn ông phục dịch đã mãn dục, hoặc những bé trai chưa có cảm giác với phần kín của phụ nữ; và Ngươi hãy bảo họ chớ đánh chân mạnh xuống đất hầu để người khác biết được đồ trang sức được giấu trong người của họ. Và tất cả các ngươi hãy quay về sám hối với Allah, hỡi những người có đức tin, mong rằng các ngươi thành đạt.

أَوۡ أَبۡنَآئِهِنَّ أَوۡ أَبۡنَآءِ بُعُولَتِهِنَّ أَوۡ إِخۡوَٰنِهِنَّ أَوۡ بَنِيٓ
إِخۡوَٰنِهِنَّ أَوۡ بَنِيٓ أَخَوَٰتِهِنَّ أَوۡ نِسَآئِهِنَّ أَوۡ مَا مَلَكَتۡ
أَيۡمَٰنُهُنَّ أَوِ ٱلتَّٰبِعِينَ غَيۡرِ أُوْلِي ٱلۡإِرۡبَةِ مِنَ ٱلرِّجَالِ
أَوِ ٱلطِّفۡلِ ٱلَّذِينَ لَمۡ يَظۡهَرُواْ عَلَىٰ عَوۡرَٰتِ ٱلنِّسَآءِۖ
وَلَا يَضۡرِبۡنَ بِأَرۡجُلِهِنَّ لِيُعۡلَمَ مَا يُخۡفِينَ مِن زِينَتِهِنَّۚ
وَتُوبُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ جَمِيعًا أَيُّهَ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ لَعَلَّكُمۡ
تُفۡلِحُونَ ٣١

32. Các ngươi (hỡi những người có đức tin nam nữ) hãy kết hôn với những người độc thân trong các ngươi và những người đức hạnh trong số những người nô lệ nam và nữ của các ngươi. Nếu họ nghèo thì Allah sẽ làm cho họ giàu bởi hồng phúc của Ngài, quả thật Allah là Đấng có bổng lộc bao la, là Đấng hằng biết (mọi việc).

وَأَنكِحُواْ ٱلۡأَيَٰمَىٰ مِنكُمۡ وَٱلصَّٰلِحِينَ مِنۡ
عِبَادِكُمۡ وَإِمَآئِكُمۡۚ إِن يَكُونُواْ فُقَرَآءَ يُغۡنِهِمُ
ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۗ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٞ ٣٢

33. Đối với những ai không có điều kiện để kết hôn thì hãy kiềm chế (bản thân không phạm điều Haram) cho đến khi Allah làm cho họ giàu có bởi hồng phúc của Ngài. Và những ai trong số những người nô lệ thuộc quyền sở hữu của các ngươi muốn một chứng thư (chuộc tự do cho bản thân họ) thì các ngươi hãy viết cho họ nếu các ngươi biết họ là những người tốt, và các ngươi hãy đưa cho họ (món quà) từ tài sản mà Allah đã ban cấp cho các ngươi. Các ngươi chớ vì lợi ích cuộc sống trần thế mà ép những phụ nữ nô lệ của các ngươi hành nghề mãi dâm nếu họ muốn giữ tiết hạnh. Và nếu ai cưỡng ép họ thì sau việc cưỡng ép đó, Allah vẫn tha thứ và khoan dung (đối với những nạn nhân bị cưỡng ép, tội của họ được qui cho những ai cưỡng ép họ).

وَلۡيَسۡتَعۡفِفِ ٱلَّذِينَ لَا يَجِدُونَ نِكَاحًا حَتَّىٰ يُغۡنِيَهُمُ
ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۗ وَٱلَّذِينَ يَبۡتَغُونَ ٱلۡكِتَٰبَ مِمَّا
مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡ فَكَاتِبُوهُمۡ إِنۡ عَلِمۡتُمۡ فِيهِمۡ خَيۡرٗاۖ
وَءَاتُوهُم مِّن مَّالِ ٱللَّهِ ٱلَّذِيٓ ءَاتَىٰكُمۡۚ وَلَا تُكۡرِهُواْ
فَتَيَٰتِكُمۡ عَلَى ٱلۡبِغَآءِ إِنۡ أَرَدۡنَ تَحَصُّنٗا لِّتَبۡتَغُواْ
عَرَضَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۚ وَمَن يُكۡرِههُّنَّ فَإِنَّ ٱللَّهَ مِنۢ
بَعۡدِ إِكۡرَٰهِهِنَّ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٣٣

34. Quả thật, TA (Allah) đã ban xuống cho các ngươi những lời mặc khải rõ ràng cùng với những bài học (được rút ra từ những câu chuyện) của những người trước các ngươi và lời khuyên răn dành cho những người ngoan đạo.

وَلَقَدۡ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكُمۡ ءَايَٰتٖ مُّبَيِّنَٰتٖ وَمَثَلٗا مِّنَ
ٱلَّذِينَ خَلَوۡاْ مِن قَبۡلِكُمۡ وَمَوۡعِظَةٗ لِّلۡمُتَّقِينَ ٣٤

35. Allah là Ánh Sáng của các tầng trời và trái đất. Hình ảnh Ánh Sáng của Ngài giống như một ngọn đèn được đặt ở một hốc tường, ngọn đèn nằm trong một chiếc lồng thủy tinh, lồng thủy tinh như một ngôi sao lấp lánh; ngọn đèn được thắp từ một loại dầu của cây ô liu ân phúc, không cần mặt trời ở hướng đông hay ở hướng tây, dầu của nó gần như muốn tỏa sáng mặc dù lửa vẫn chưa chạm đến; ánh sáng bên trên ánh sáng. Allah hướng dẫn đến Ánh Sáng của Ngài đối với ai Ngài muốn. Allah đưa ra

۞ٱللَّهُ نُورُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ مَثَلُ نُورِهِۦ
كَمِشۡكَوٰةٖ فِيهَا مِصۡبَاحٌۖ ٱلۡمِصۡبَاحُ فِي زُجَاجَةٍۖ
ٱلزُّجَاجَةُ كَأَنَّهَا كَوۡكَبٞ دُرِّيّٞ يُوقَدُ مِن شَجَرَةٖ
مُّبَٰرَكَةٖ زَيۡتُونَةٖ لَّا شَرۡقِيَّةٖ وَلَا غَرۡبِيَّةٖ يَكَادُ زَيۡتُهَا
يُضِيٓءُ وَلَوۡ لَمۡ تَمۡسَسۡهُ نَارٞۚ نُّورٌ عَلَىٰ نُورٖۚ يَهۡدِي ٱللَّهُ

hình ảnh thí dụ cho nhân loại bởi vì Allah là Đấng Hằng Biết mọi thứ.

لِنُورِهِۦ مَن يَشَآءُۚ وَيَضۡرِبُ ٱللَّهُ ٱلۡأَمۡثَٰلَ لِلنَّاسِۗ
وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ٣٥

36. (Ánh Sáng của Allah tỏa ra) trong các ngôi nhà (Masjid), nơi mà Allah cho phép được dựng lên, được giữ sạch, và được tôn vinh; và là nơi mà tên của Ngài được tụng niệm và được tán dương sáng tối.

فِي بُيُوتٍ أَذِنَ ٱللَّهُ أَن تُرۡفَعَ وَيُذۡكَرَ فِيهَا ٱسۡمُهُۥ
يُسَبِّحُ لَهُۥ فِيهَا بِٱلۡغُدُوِّ وَٱلۡأٓصَالِ ٣٦

37. Những người mà việc mua bán đổi chác cũng như việc làm ăn kinh doanh không làm họ xao lãng việc tưởng nhớ Allah, không làm họ xao lãng việc dâng lễ nguyện Salah và xuất Zakah; họ luôn sợ cho cái Ngày mà những con tim cũng như những cặp mắt sẽ đảo lộn (vì sợ hãi và hoảng loạn cho việc sẽ bị Allah xét xử).

رِجَالٞ لَّا تُلۡهِيهِمۡ تِجَٰرَةٞ وَلَا بَيۡعٌ عَن ذِكۡرِ ٱللَّهِ
وَإِقَامِ ٱلصَّلَوٰةِ وَإِيتَآءِ ٱلزَّكَوٰةِ يَخَافُونَ يَوۡمٗا تَتَقَلَّبُ
فِيهِ ٱلۡقُلُوبُ وَٱلۡأَبۡصَٰرُ ٣٧

38. (Những người đó) sẽ được Allah ban cho phần thưởng tốt đẹp về những gì mà họ đã làm và Ngài sẽ ban thêm cho họ từ hồng phúc nơi Ngài. Quả thật, Allah ban phát bổng lộc một cách vô kể cho bất cứ ai Ngài muốn.

لِيَجۡزِيَهُمُ ٱللَّهُ أَحۡسَنَ مَا عَمِلُواْ وَيَزِيدَهُم مِّن
فَضۡلِهِۦۗ وَٱللَّهُ يَرۡزُقُ مَن يَشَآءُ بِغَيۡرِ حِسَابٖ ٣٨

39. Những người vô đức tin, việc làm của họ giống như ảo ảnh nơi sa mạc mà một người đang khát cứ tưởng đó là nước cho tới khi y đến đó thì y không thấy gì cả, y chỉ thấy Allah nơi đó đang đợi xét xử y. Quả thật, Allah nhanh chóng trong việc xét xử và thanh toán.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَعۡمَٰلُهُمۡ كَسَرَابِۭ بِقِيعَةٖ يَحۡسَبُهُ
ٱلظَّمۡـَٔانُ مَآءً حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَهُۥ لَمۡ يَجِدۡهُ شَيۡـٔٗا وَوَجَدَ
ٱللَّهَ عِندَهُۥ فَوَفَّىٰهُ حِسَابَهُۥۗ وَٱللَّهُ سَرِيعُ
ٱلۡحِسَابِ ٣٩

40. Hoặc (tình cảnh của người vô đức tin) giống như (y đang ở dưới) bóng tối trong lòng biển, bên trên bị bao phủ bởi một lớp sóng và bên trên lớp sóng lại là một đám mây, lớp tối này chồng lên lớp tối kia, khi y đưa tay ra thì y không thể nhìn thấy tay của mình. Và ai mà Allah không cho y ánh sáng thì y không thể nào có được ánh sáng.

أَوۡ كَظُلُمَٰتٖ فِي بَحۡرٖ لُّجِّيّٖ يَغۡشَىٰهُ مَوۡجٞ مِّن فَوۡقِهِۦ
مَوۡجٞ مِّن فَوۡقِهِۦ سَحَابٞۚ ظُلُمَٰتُۢ بَعۡضُهَا فَوۡقَ
بَعۡضٍ إِذَآ أَخۡرَجَ يَدَهُۥ لَمۡ يَكَدۡ يَرَىٰهَاۗ وَمَن لَّمۡ
يَجۡعَلِ ٱللَّهُ لَهُۥ نُورٗا فَمَا لَهُۥ مِن نُّورٍ ٤٠

41. Lẽ nào Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không thấy vạn vật trong các tầng trời và trái đất đều tán dương Allah ngay cả những loài chim đang xòe đôi cánh của chúng? Quả thật, mỗi vật đều biết cách dâng lễ nguyện Salah cũng như cách tán dương (Allah) của riêng mình; và Allah biết rõ những gì chúng làm.

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يُسَبِّحُ لَهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ
وَٱلطَّيۡرُ صَٰٓفَّٰتٖۖ كُلّٞ قَدۡ عَلِمَ صَلَاتَهُۥ وَتَسۡبِيحَهُۥۗ
وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِمَا يَفۡعَلُونَ ٤١

42. Quyền thống trị các tầng trời và trái đất đều thuộc về một mình Allah và tất cả mọi vật đều phải trở về với Ngài.

وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ وَإِلَى ٱللَّهِ ٱلۡمَصِيرُ ٤٢

43. Lẽ nào Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không thấy việc Allah di chuyển các đám mây rồi gom chúng lại thành một khối lớn và sau đó Ngươi sẽ thấy nước từ giữa khối mây đó rơi xuống? Ngài ban từ bầu trời xuống (những đám mây to như) những quả núi bên trong chứa mưa đá mà Ngài dùng để trừng phạt ai Ngài muốn và Ngài lấy nó đi khỏi ai Ngài muốn. Tia chớp của những đám mây đó gần như làm hoa mắt (con người).

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يُزۡجِي سَحَابٗا ثُمَّ يُؤَلِّفُ بَيۡنَهُۥ ثُمَّ
يَجۡعَلُهُۥ رُكَامٗا فَتَرَى ٱلۡوَدۡقَ يَخۡرُجُ مِنۡ خِلَٰلِهِۦ
وَيُنَزِّلُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مِن جِبَالٖ فِيهَا مِنۢ بَرَدٖ
فَيُصِيبُ بِهِۦ مَن يَشَآءُ وَيَصۡرِفُهُۥ عَن مَّن يَشَآءُۖ
يَكَادُ سَنَا بَرۡقِهِۦ يَذۡهَبُ بِٱلۡأَبۡصَٰرِ ﴿٤٣﴾

44. Allah lật trở đêm ngày, quả thật trong sự việc đó là bài học cho những người biết quan sát và thấu hiểu.

يُقَلِّبُ ٱللَّهُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَعِبۡرَةٗ لِّأُوْلِي
ٱلۡأَبۡصَٰرِ ﴿٤٤﴾

45. Allah đã tạo ra mọi sinh vật từ nước. Có loài di chuyển bằng bụng, có loài di chuyển bằng hai chân, và có loài di chuyển bằng bốn chân. Allah tạo ra bất cứ thứ gì Ngài muốn, quả thật Allah là Đấng Toàn Năng trên mọi việc.

وَٱللَّهُ خَلَقَ كُلَّ دَآبَّةٖ مِّن مَّآءٖۖ فَمِنۡهُم مَّن يَمۡشِي عَلَىٰ
بَطۡنِهِۦ وَمِنۡهُم مَّن يَمۡشِي عَلَىٰ رِجۡلَيۡنِ وَمِنۡهُم مَّن
يَمۡشِي عَلَىٰٓ أَرۡبَعٖۚ يَخۡلُقُ ٱللَّهُ مَا يَشَآءُۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ
كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ﴿٤٥﴾

46. Quả thật, TA (Allah) đã ban xuống những lời mặc khải rất rõ ràng, và Allah hướng dẫn ai Ngài muốn đến với con đường ngay thẳng.

لَّقَدۡ أَنزَلۡنَآ ءَايَٰتٖ مُّبَيِّنَٰتٖۚ وَٱللَّهُ يَهۡدِي مَن يَشَآءُ
إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ﴿٤٦﴾

47. Họ (những kẻ giả tạo đức tin – Munafiq) nói "Chúng tôi đã có đức tin nơi Allah và Thiên Sứ và chúng tôi xin vâng lệnh" nhưng rồi sau đó một phần tử của họ quay đi. Quả thật, họ không phải là những người có đức tin.

وَيَقُولُونَ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَبِٱلرَّسُولِ وَأَطَعۡنَا ثُمَّ يَتَوَلَّىٰ
فَرِيقٞ مِّنۡهُم مِّنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَۚ وَمَآ أُوْلَٰٓئِكَ
بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٤٧﴾

48. Khi họ được mời gọi đến với Allah và vị Thiên Sứ của Ngài để Y phân xử giữa bọn họ thì một thành phần trong bọn họ quay bỏ đi.

وَإِذَا دُعُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ لِيَحۡكُمَ بَيۡنَهُمۡ إِذَا
فَرِيقٞ مِّنۡهُم مُّعۡرِضُونَ ﴿٤٨﴾

49. Nhưng nếu họ gặp phần phải thì họ mới liền đến gặp Thiên Sứ (Muhammad).

وَإِن يَكُن لَّهُمُ ٱلۡحَقُّ يَأۡتُوٓاْ إِلَيۡهِ مُذۡعِنِينَ ﴿٤٩﴾

50. Có phải trong tim của họ có một chứng bệnh hoặc phải chăng họ hoài nghi hay phải chăng họ sợ Allah và Thiên Sứ của Ngài xử ép họ? Không phải vậy, mà bởi vì họ là những kẻ làm điều sai quấy.

أَفِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ أَمِ ٱرۡتَابُوٓاْ أَمۡ يَخَافُونَ أَن يَحِيفَ
ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ وَرَسُولُهُۥۚ بَلۡ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٥٠﴾

51. Quả thật, lời của những người có đức tin thực sự khi được mời gọi đến với Allah và Thiên Sứ của Ngài để Y phân xử các vụ việc giữa họ là: “Chúng tôi xin nghe và vâng lời”. Và họ chính là những người thành đạt.

إِنَّمَا كَانَ قَوۡلَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ إِذَا دُعُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ
لِيَحۡكُمَ بَيۡنَهُمۡ أَن يَقُولُواْ سَمِعۡنَا وَأَطَعۡنَاۚ وَأُوْلَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٥١

52. Những ai tuân lệnh Allah và Thiên Sứ của Ngài, sợ Allah và ngoan đạo đối với Ngài thì họ là những người sẽ giành thắng lợi.

وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَيَخۡشَ ٱللَّهَ وَيَتَّقۡهِ
فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَآئِزُونَ ٥٢

53. Họ (những kẻ giả dối) thề thốt với Allah bằng lời thề trọng đại rằng nếu Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) ra lệnh bảo họ (chiến đấu) thì chắc chắn họ sẽ ra đi chiến đấu. Ngươi hãy bảo họ: “Các ngươi chớ thề thốt làm chi, sự vâng lời là điều đã được rõ. Quả thật Allah thông toàn tất cả mọi điều các ngươi làm”.

۞وَأَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ لَئِنۡ أَمَرۡتَهُمۡ
لَيَخۡرُجُنَّۖ قُل لَّا تُقۡسِمُواْۖ طَاعَةٞ مَّعۡرُوفَةٌۚ إِنَّ ٱللَّهَ
خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ٥٣

54. Ngươi hãy bảo họ (hỡi Thiên Sứ Muhammad): “Các ngươi hãy tuân lệnh Allah và tuân lệnh Thiên Sứ (của Ngài).” Nhưng nếu các ngươi ngoảnh đi (không chịu tuân lệnh) thì quả thật Y (Muhammad) chỉ chịu trách nhiệm về việc làm của Y còn các ngươi phải chịu trách nhiệm cho việc làm của các ngươi, ngược lại, nếu các ngươi tuân lệnh Y thì các ngươi sẽ được hướng dẫn đúng đường. (Và các ngươi hãy biết rằng) nhiệm vụ của Thiên Sứ chỉ là truyền đạt rõ ràng (bức Thông Điệp của Allah).

قُلۡ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَۖ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّمَا
عَلَيۡهِ مَا حُمِّلَ وَعَلَيۡكُم مَّا حُمِّلۡتُمۡۖ وَإِن تُطِيعُوهُ
تَهۡتَدُواْۚ وَمَا عَلَى ٱلرَّسُولِ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ٥٤

55. Allah đã hứa với những người có đức tin và hành thiện trong số các ngươi rằng Ngài sẽ làm cho họ trở thành những người quản lý và lãnh đạo trên trái đất giống như những người đã trở thành những người quản lý và lãnh đạo trước họ, và Ngài sẽ làm cho họ ổn định tôn giáo của họ, tôn giáo mà Ngài đã hài lòng cho họ, và Ngài sẽ đổi lại cho họ sự an ninh và yên bình sau cảnh phập phòng lo sợ (với điều kiện) họ chỉ thờ phượng một mình TA và không tổ hợp với TA bất cứ gì. Và ai vô đức tin sau đó thì họ là những kẻ quấy rối và đại nghịch.

وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنكُمۡ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
لَيَسۡتَخۡلِفَنَّهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ كَمَا ٱسۡتَخۡلَفَ ٱلَّذِينَ مِن
قَبۡلِهِمۡ وَلَيُمَكِّنَنَّ لَهُمۡ دِينَهُمُ ٱلَّذِي ٱرۡتَضَىٰ لَهُمۡ
وَلَيُبَدِّلَنَّهُم مِّنۢ بَعۡدِ خَوۡفِهِمۡ أَمۡنٗاۚ يَعۡبُدُونَنِي لَا
يُشۡرِكُونَ بِي شَيۡـٔٗاۚ وَمَن كَفَرَ بَعۡدَ ذَٰلِكَ فَأُوْلَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ٥٥

56. Các ngươi hãy chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, hãy xuất Zakah và hãy tuân lệnh vị Thiên Sứ (của Allah), mong rằng các ngươi được thương xót.

وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَ
لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ٥٦

57. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) chớ nghĩ rằng những kẻ vô đức tin sẽ thoát khỏi (Allah) trên trái đất, rồi đây chỗ ngụ của họ sẽ là Hỏa Ngục, một nơi quay về vô cùng tồi tệ.

لَا تَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مُعۡجِزِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِۚ
وَمَأۡوَىٰهُمُ ٱلنَّارُۖ وَلَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ٥٧

58. Hỡi những người có đức tin, những ai dưới quyền của các ngươi cũng như những đứa trẻ chưa đến tuổi dậy thì phải xin phép các ngươi (khi muốn vào phòng riêng của các ngươi) vào ba thời điểm: lúc trước cuộc lễ nguyện Salah Fajr, lúc các ngươi cởi trần để (nằm nghỉ) buổi trưa, và lúc sau cuộc lễ nguyện Salah 'I-sha'. Đó là ba thời điểm riêng tư mà các ngươi thường ở trần để nghi ngơi. Các ngươi cũng như họ sẽ không bị tội ngoài ba thời điểm đó nếu các ngươi qua lại giao tế với nhau. Như thế đó, Allah trình bày các lời mặc khải của Ngài một cách rõ ràng cho các ngươi và Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Chí Minh.

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لِيَسۡتَـٔۡذِنكُمُ ٱلَّذِينَ مَلَكَتۡ
أَيۡمَٰنُكُمۡ وَٱلَّذِينَ لَمۡ يَبۡلُغُواْ ٱلۡحُلُمَ مِنكُمۡ ثَلَٰثَ
مَرَّٰتٖۚ مِّن قَبۡلِ صَلَوٰةِ ٱلۡفَجۡرِ وَحِينَ تَضَعُونَ
ثِيَابَكُم مِّنَ ٱلظَّهِيرَةِ وَمِنۢ بَعۡدِ صَلَوٰةِ ٱلۡعِشَآءِۚ
ثَلَٰثُ عَوۡرَٰتٖ لَّكُمۡۚ لَيۡسَ عَلَيۡكُمۡ وَلَا عَلَيۡهِمۡ
جُنَاحُۢ بَعۡدَهُنَّۚ طَوَّٰفُونَ عَلَيۡكُم بَعۡضُكُمۡ عَلَىٰ
بَعۡضٖۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلۡأٓيَٰتِۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ
حَكِيمٞ ﴿٥٨﴾

59. Và khi những đứa trẻ của các ngươi đến tuổi dậy thì, các ngươi hãy bắt chúng xin phép (khi muốn vào phòng riêng của các ngươi) giống như những người trước chúng đã xin phép. Như thế đó, Allah trình bày các lời mặc khải của Ngài một cách rõ ràng cho các ngươi và Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Chí Minh.

وَإِذَا بَلَغَ ٱلۡأَطۡفَٰلُ مِنكُمُ ٱلۡحُلُمَ فَلۡيَسۡتَـٔۡذِنُواْ كَمَا
ٱسۡتَـٔۡذَنَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمۡ
ءَايَٰتِهِۦۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ﴿٥٩﴾

60. Những người phụ nữ đã quá tuổi không còn ham muốn tình dục thì họ không bị tội nếu như họ cởi lớp áo ngoài của họ ra không vì mục đích phô bày nét đẹp thân thể, nhưng nếu họ không cởi thì sẽ tốt hơn. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Hằng Biết.

وَٱلۡقَوَٰعِدُ مِنَ ٱلنِّسَآءِ ٱلَّٰتِي لَا يَرۡجُونَ نِكَاحٗا
فَلَيۡسَ عَلَيۡهِنَّ جُنَاحٌ أَن يَضَعۡنَ ثِيَابَهُنَّ غَيۡرَ
مُتَبَرِّجَٰتِۭ بِزِينَةٖۖ وَأَن يَسۡتَعۡفِفۡنَ خَيۡرٞ لَّهُنَّۗ وَٱللَّهُ
سَمِيعٌ عَلِيمٞ ﴿٦٠﴾

61. Người mù, người què, người bệnh và cả bản thân các ngươi sẽ không bị tội nếu các ngươi dùng bữa tại nhà của các ngươi hoặc tại nhà của cha, của mẹ, của anh em ruột, của chị em ruột, của chú bác, của cô, của cậu, của dì, hoặc tại nhà mà các ngươi giữ chìa khóa, hoặc tại nhà của bạn. Các ngươi sẽ không bị tội nếu các ngươi ăn cùng nhau hay ăn riêng từng nhóm. Tuy nhiên, khi nào các ngươi muốn vào nhà thì các ngươi hãy chào Salam đến nhau bằng lời chào phúc lành mà Allah đã dạy cho các ngươi. Như thế đó, Allah trình bày các lời mặc khải của Ngài một cách rõ ràng cho các ngươi mong rằng các ngươi thấu hiểu.

لَّيۡسَ عَلَى ٱلۡأَعۡمَىٰ حَرَجٞ وَلَا عَلَى ٱلۡأَعۡرَجِ حَرَجٞ
وَلَا عَلَى ٱلۡمَرِيضِ حَرَجٞ وَلَا عَلَىٰٓ أَنفُسِكُمۡ أَن
تَأۡكُلُواْ مِنۢ بُيُوتِكُمۡ أَوۡ بُيُوتِ ءَابَآئِكُمۡ أَوۡ
بُيُوتِ أُمَّهَٰتِكُمۡ أَوۡ بُيُوتِ إِخۡوَٰنِكُمۡ أَوۡ بُيُوتِ
أَخَوَٰتِكُمۡ أَوۡ بُيُوتِ أَعۡمَٰمِكُمۡ أَوۡ بُيُوتِ عَمَّٰتِكُمۡ
أَوۡ بُيُوتِ أَخۡوَٰلِكُمۡ أَوۡ بُيُوتِ خَٰلَٰتِكُمۡ أَوۡ مَا
مَلَكۡتُم مَّفَاتِحَهُۥٓ أَوۡ صَدِيقِكُمۡۚ لَيۡسَ عَلَيۡكُمۡ
جُنَاحٌ أَن تَأۡكُلُواْ جَمِيعًا أَوۡ أَشۡتَاتٗاۚ فَإِذَا دَخَلۡتُم
بُيُوتٗا فَسَلِّمُواْ عَلَىٰٓ أَنفُسِكُمۡ تَحِيَّةٗ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِ
مُبَٰرَكَةٗ طَيِّبَةٗۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلۡأٓيَٰتِ
لَعَلَّكُمۡ تَعۡقِلُونَ ﴿٦١﴾

62. Quả thật những người có đức tin thực sự chính là những người đã tin nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài và khi ở cùng với Y (Thiên Sứ) để bàn công việc chung thì họ không ngang nhiên bỏ đi trừ phi đã xin phép Y. Quả thật, những ai xin phép Y là những người thực sự có đức tin nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài. Do đó, nếu họ xin phép Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) để đi lo việc riêng của họ thì Ngươi hãy chấp thuận cho ai Ngươi muốn trong số họ và Ngươi hãy cầu xin Allah tha thứ cho họ bởi Allah là Đấng hằng tha thứ, Đấng Khoan Dung.

إِنَّمَا ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَإِذَا
كَانُواْ مَعَهُۥ عَلَىٰٓ أَمۡرٖ جَامِعٖ لَّمۡ يَذۡهَبُواْ حَتَّىٰ
يَسۡتَـٔۡذِنُوهُۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَسۡتَـٔۡذِنُونَكَ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ
يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦۚ فَإِذَا ٱسۡتَـٔۡذَنُوكَ لِبَعۡضِ
شَأۡنِهِمۡ فَأۡذَن لِّمَن شِئۡتَ مِنۡهُمۡ وَٱسۡتَغۡفِرۡ لَهُمُ ٱللَّهَۚ
إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٦٢

63. Các ngươi chớ coi việc Thiên Sứ (Muhammad) mời gọi các ngươi giống như việc các ngươi mời gọi nhau.(3) Quả thật, Allah biết rõ những ai trong các ngươi lén lút bỏ đi. Do đó, những ai trái lệnh của Y hãy coi chừng gặp phải họa hoặc gặp phải sự trừng phạt đau đớn.[1]

لَّا تَجۡعَلُواْ دُعَآءَ ٱلرَّسُولِ بَيۡنَكُمۡ كَدُعَآءِ بَعۡضِكُم
بَعۡضٗاۚ قَدۡ يَعۡلَمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ يَتَسَلَّلُونَ مِنكُمۡ لِوَاذٗاۚ
فَلۡيَحۡذَرِ ٱلَّذِينَ يُخَالِفُونَ عَنۡ أَمۡرِهِۦٓ أَن تُصِيبَهُمۡ
فِتۡنَةٌ أَوۡ يُصِيبَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ٦٣

64. Quả thật, vạn vật trong các tầng trời và trái đất đều là của Allah. Ngài chắc chắn biết rõ điều mà các ngươi định làm, (và rồi đây) vào một Ngày họ sẽ được trở về trình diện Ngài để Ngài cho họ biết về những gì họ đã làm. Quả thật, Allah biết rõ tất cả mọi thứ.

أَلَآ إِنَّ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ قَدۡ يَعۡلَمُ مَآ
أَنتُمۡ عَلَيۡهِ وَيَوۡمَ يُرۡجَعُونَ إِلَيۡهِ فَيُنَبِّئُهُم بِمَا عَمِلُواْۗ
وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمُۢ ٦٤

[1] (3) Đoạn Kinh này cũng có lời Tafsir với ý nghĩa rằng: “Các ngươi chớ kêu gọi Thiên Sứ của Allah giống như cách các ngươi kêu gọi nhau” tức các ngươi chớ gọi Thiên Sứ của Allah bằng cách xưng hô “Này Muhammad!” hay “Này Abu Qasim!” mà hãy gọi bằng cách xưng hô trang trọng như “Hỡi Thiên Sứ của Allah!” hoặc “Hỡi Nabi của Allah!”.

Al-Furqan (Tiêu Chuẩn Phân Biệt Phúc Tội) الفرقان

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hồng phúc thay Đấng đã ban xuống Tiêu Chuẩn phân biệt phúc tội cho người bề tôi (Muhammad) của Ngài để Y làm vị cảnh báo cho muôn loài.

تَبَارَكَ ٱلَّذِى نَزَّلَ ٱلْفُرْقَانَ عَلَىٰ عَبْدِهِۦ لِيَكُونَ
لِلْعَـٰلَمِينَ نَذِيرًا ﴿١﴾

2. Đấng mà quyền thống trị các tầng trời và trái đất đều thuộc về riêng một mình Ngài, Ngài không nhận (bất cứ ai) làm con trai và Ngài cũng không hề có bất cứ đối tác nào chia sẻ cùng Ngài trong việc ngự trị (vũ trụ); Ngài đã tạo hóa vạn vật và định cho mỗi vật với mức lượng nhất định.

ٱلَّذِى لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَلَمْ يَتَّخِذْ وَلَدًا
وَلَمْ يَكُن لَّهُۥ شَرِيكٌ فِى ٱلْمُلْكِ وَخَلَقَ كُلَّ شَىْءٍ
فَقَدَّرَهُۥ تَقْدِيرًا ﴿٢﴾

3. (Những kẻ thờ đa thần) tôn thờ ngoài Ngài các thần linh không có khả năng tạo hóa ra bất cứ thứ gì và chính chúng lại là những tạo vật được tạo ra, chúng không có khả năng gây hại hay ban lợi gì cho bản thân chúng, chúng không có khả năng làm cho chết hay làm cho sống và cũng không có khả năng phục sinh.

وَٱتَّخَذُوا۟ مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةً لَّا يَخْلُقُونَ شَيْـًٔا وَهُمْ
يُخْلَقُونَ وَلَا يَمْلِكُونَ لِأَنفُسِهِمْ ضَرًّا وَلَا نَفْعًا وَلَا
يَمْلِكُونَ مَوْتًا وَلَا حَيَوٰةً وَلَا نُشُورًا ﴿٣﴾

4. Những kẻ vô đức tin nói: "Đây chỉ là điều dối trá mà Y (Muhammad) đã bịa đặt và một nhóm người nào đó đã giúp Y (làm ra Qur'an)". Nhưng quả thật họ mới chính là những kẻ sai quấy và đặt điều dối trá.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ إِنْ هَـٰذَآ إِلَّآ إِفْكٌ ٱفْتَرَىٰهُ
وَأَعَانَهُۥ عَلَيْهِ قَوْمٌ ءَاخَرُونَ ۖ فَقَدْ جَآءُو ظُلْمًا
وَزُورًا ﴿٤﴾

5. Họ bảo: "Chỉ là chuyện cổ tích của người xưa được viết lại và đã đọc cho Y nghe sáng chiều mà thôi!"

وَقَالُوٓا۟ أَسَـٰطِيرُ ٱلْأَوَّلِينَ ٱكْتَتَبَهَا فَهِىَ تُمْلَىٰ عَلَيْهِ
بُكْرَةً وَأَصِيلًا ﴿٥﴾

6. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad!) hãy nói với họ: "Nó (Qur'an) là do Đấng hằng biết những điều bí mật trong các tầng trời và trái đất ban xuống. Ngài đích thực là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ."

قُلْ أَنزَلَهُ ٱلَّذِى يَعْلَمُ ٱلسِّرَّ فِى ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۚ
إِنَّهُۥ كَانَ غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿٦﴾

7. Họ (những kẻ vô đức tin) nói: "Thiên Sứ gì mà ăn thức ăn và đi rong giữa chợ thế kia! Đáng lẽ ra phải có một vị Thiên Thần nào đó được cử xuống làm vị cảnh báo cùng với Y thì mới phải lý!"

وَقَالُوا۟ مَالِ هَـٰذَا ٱلرَّسُولِ يَأْكُلُ ٱلطَّعَامَ وَيَمْشِى فِى
ٱلْأَسْوَاقِ ۙ لَوْلَآ أُنزِلَ إِلَيْهِ مَلَكٌ فَيَكُونَ مَعَهُۥ
نَذِيرًا ﴿٧﴾

8. "Hoặc đáng lẽ ra Y phải được ban cho một kho tàng châu báu hoặc Y phải có một ngôi vườn để Y ăn trái quả từ nó, (thế mới là hợp lý)!" Và những kẻ sai quấy nói: "Các người chỉ đang nghe theo một tên bị bùa ếm!"

أَوْ يُلْقَىٰٓ إِلَيْهِ كَنزٌ أَوْ تَكُونُ لَهُۥ جَنَّةٌ يَأْكُلُ مِنْهَا ۚ
وَقَالَ ٱلظَّـٰلِمُونَ إِن تَتَّبِعُونَ إِلَّا رَجُلًا مَّسْحُورًا ﴿٨﴾

9. Ngươi hãy xem cách họ đưa ra các hình ảnh thí dụ về Ngươi. Họ đã lầm lạc nên không thể tìm thấy con đường (đúng đắn).	ٱنظُرْ كَيْفَ ضَرَبُوا۟ لَكَ ٱلْأَمْثَـٰلَ فَضَلُّوا۟ فَلَا يَسْتَطِيعُونَ سَبِيلًا ٩
10. Thật hồng phúc thay cho Đấng mà nếu Ngài muốn Ngài sẽ làm ra cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) những thứ còn tốt hơn những thứ đó. (Rồi đây Ngươi sẽ được ban cho) các ngôi vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy và Ngài sẽ làm ra cho Ngươi các tòa lâu đài.	تَبَارَكَ ٱلَّذِىٓ إِن شَآءَ جَعَلَ لَكَ خَيْرًا مِّن ذَٰلِكَ جَنَّـٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَـٰرُ وَيَجْعَل لَّكَ قُصُورًۢا ١٠
11. Không! (Những kẻ vô đức tin) phủ nhận Giờ Tận Thế, và TA (Allah) đã chuẩn bị cho những ai phủ nhận Giờ Tận Thế lửa ngọn cháy bùng.	بَلْ كَذَّبُوا۟ بِٱلسَّاعَةِ ۖ وَأَعْتَدْنَا لِمَن كَذَّبَ بِٱلسَّاعَةِ سَعِيرًا ١١
12. Khi Hỏa Ngục nhìn thấy họ từ đằng xa, họ sẽ nghe thấy tiếng gào thét dữ dội của nó.	إِذَا رَأَتْهُم مِّن مَّكَانٍۭ بَعِيدٍ سَمِعُوا۟ لَهَا تَغَيُّظًا وَزَفِيرًا ١٢
13. Rồi khi họ bị xích và bị ném vào trong một xó chật hẹp của Hỏa Ngục, họ sẽ kêu than và mong được chết phứt cho xong.	وَإِذَآ أُلْقُوا۟ مِنْهَا مَكَانًا ضَيِّقًا مُّقَرَّنِينَ دَعَوْا۟ هُنَالِكَ ثُبُورًا ١٣
14. (Rồi có tiếng bảo họ): “Ngày hôm nay, các ngươi chớ kêu la cũng như chớ mong được chết phứt cho xong mà các ngươi hãy kêu la và mong được chết nhiều lần”.	لَّا تَدْعُوا۟ ٱلْيَوْمَ ثُبُورًا وَٰحِدًا وَٱدْعُوا۟ ثُبُورًا كَثِيرًا ١٤
15. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: “Cái đó (hình phạt nơi Hỏa Ngục) tốt hơn hay Thiên Đàng Vĩnh Cửu được hứa cho những người ngoan đạo tốt hơn?” Thiên Đàng chắc chắn sẽ là phần thưởng và là nơi đến cuối cùng của họ.	قُلْ أَذَٰلِكَ خَيْرٌ أَمْ جَنَّةُ ٱلْخُلْدِ ٱلَّتِى وُعِدَ ٱلْمُتَّقُونَ ۚ كَانَتْ لَهُمْ جَزَآءً وَمَصِيرًا ١٥
16. Họ sẽ sống trong đó mãi mãi và họ sẽ có được bất cứ thứ gì họ muốn. Đó là lời hứa mà Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) bắt buộc phải thực hiện.	لَّهُمْ فِيهَا مَا يَشَآءُونَ خَـٰلِدِينَ ۚ كَانَ عَلَىٰ رَبِّكَ وَعْدًا مَّسْـُٔولًا ١٦
17. Và vào ngày mà Allah sẽ tập trung họ cùng với những thứ mà họ thờ phượng ngoài Ngài, Ngài sẽ phán bảo (những kẻ được thờ phượng): “Các ngươi dẫn đám bề tôi của TA lạc lối hay tự bản thân họ lầm lạc?”	وَيَوْمَ يَحْشُرُهُمْ وَمَا يَعْبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ فَيَقُولُ ءَأَنتُمْ أَضْلَلْتُمْ عِبَادِى هَـٰٓؤُلَآءِ أَمْ هُمْ ضَلُّوا۟ ٱلسَّبِيلَ ١٧

18. (Những kẻ được thờ phượng ngoài Allah) nói: “Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Bầy tôi (và cả bọn họ) không ai được phép nhận lấy ngoài Ngài bất kỳ ai (vật gì) làm đấng bảo hộ. Tuy nhiên, Ngài đã ban cho họ cũng như cha mẹ của họ mọi thứ tiện nghi (của thế gian) để rồi họ đã quên mất Lời Nhắc Nhở (của Ngài) và đã trở thành những kẻ suy đốn.

قَالُواْ سُبۡحَٰنَكَ مَا كَانَ يَنۢبَغِي لَنَآ أَن نَّتَّخِذَ مِن
دُونِكَ مِنۡ أَوۡلِيَآءَ وَلَٰكِن مَّتَّعۡتَهُمۡ وَءَابَآءَهُمۡ حَتَّىٰ
نَسُواْ ٱلذِّكۡرَ وَكَانُواْ قَوۡمَۢا بُورٗا ١٨

19. Allah phán bảo (những kẻ thờ đa thần): “Quả thật, (những thần linh mà các ngươi thờ phượng ngoài TA) đã khẳng định các ngươi gian dối về những điều mà các ngươi nói. Cho nên, các ngươi không thể gở gạc cũng không được giúp đỡ.” Và người nào trong các ngươi làm điều sai quấy thì TA sẽ cho y nếm sự trừng phạt to lớn.

فَقَدۡ كَذَّبُوكُم بِمَا تَقُولُونَ فَمَا تَسۡتَطِيعُونَ صَرۡفٗا
وَلَا نَصۡرٗاۚ وَمَن يَظۡلِم مِّنكُمۡ نُذِقۡهُ عَذَابٗا
كَبِيرٗا ١٩

20. Tất cả các vị Thiên Sứ mà TA đã cử phái đến trước Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đều là (những người phàm), họ đều ăn thức ăn và đi rong giữa chợ. Quả thật, TA dùng một số người này thử thách một số người kia để xem các ngươi có kiên nhẫn chịu đựng hay không, và Thượng Đế của Ngươi là Đấng Hằng Thấy (hết tất cả mọi sự việc).

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا قَبۡلَكَ مِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ إِلَّآ إِنَّهُمۡ
لَيَأۡكُلُونَ ٱلطَّعَامَ وَيَمۡشُونَ فِي ٱلۡأَسۡوَاقِۗ وَجَعَلۡنَا
بَعۡضَكُمۡ لِبَعۡضٖ فِتۡنَةً أَتَصۡبِرُونَۗ وَكَانَ رَبُّكَ
بَصِيرٗا ٢٠

21. Những kẻ không hy vọng gặp TA (ở Đời Sau) nói: “Đáng lẽ ra phải có Thiên Thần nào đó được cử xuống cho bọn ta hoặc bọn ta phải nhìn thấy Thượng Đế của mình, (như thế mới hợp lý chứ).” Quả thật, họ đã tự cao và tự đại quá mức.

۞وَقَالَ ٱلَّذِينَ لَا يَرۡجُونَ لِقَآءَنَا لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡنَا
ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ أَوۡ نَرَىٰ رَبَّنَاۗ لَقَدِ ٱسۡتَكۡبَرُواْ فِيٓ أَنفُسِهِمۡ
وَعَتَوۡ عُتُوّٗا كَبِيرٗا ٢١

22. Vào ngày mà họ sẽ thấy các Thiên Thần, đó là ngày mà những kẻ tội lỗi sẽ không được một tin vui nào và các Thiên Thần sẽ bảo họ: “Dang ra, hãy dang ra xa!”

يَوۡمَ يَرَوۡنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ لَا بُشۡرَىٰ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُجۡرِمِينَ
وَيَقُولُونَ حِجۡرٗا مَّحۡجُورٗا ٢٢

23. Và TA sẽ xét lại mọi việc mà họ đã làm, tất cả đều bị TA biến nó thành tro bụi bay tứ tán.

وَقَدِمۡنَآ إِلَىٰ مَا عَمِلُواْ مِنۡ عَمَلٖ فَجَعَلۡنَٰهُ هَبَآءٗ
مَّنثُورًا ٢٣

24. Vào ngày đó, những cư dân của Thiên Đàng (những người có đức tin) sẽ có một chỗ ngụ tốt đẹp và một nơi nghỉ tuyệt vời.

أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِ يَوۡمَئِذٍ خَيۡرٞ مُّسۡتَقَرّٗا وَأَحۡسَنُ
مَقِيلٗا ٢٤

25. Và vào Ngày mà bầu trời và những đám mây sẽ bị tách ra, rồi các Thiên Thần sẽ được cử xuống đông đảo.

وَيَوۡمَ تَشَقَّقُ ٱلسَّمَآءُ بِٱلۡغَمَٰمِ وَنُزِّلَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ
تَنزِيلًا ٢٥

26. Vương quyền đích thực của Ngày hôm đó thuộc về một mình Đấng Độ Lượng, và đó là ngày đầy khó khăn và khốn khổ cho những kẻ vô đức tin.

ٱلۡمُلۡكُ يَوۡمَئِذٍ ٱلۡحَقُّ لِلرَّحۡمَٰنِۚ وَكَانَ يَوۡمًا عَلَى
ٱلۡكَٰفِرِينَ عَسِيرٗا ٢٦

27. Và vào Ngày mà kẻ làm điều sai quấy sẽ vừa cắn đầu ngón tay vừa than thở (trong hối tiếc): “Ôi giá như mình đã đi theo con đường cùng với Thiên Sứ (Muhammad).”

وَيَوْمَ يَعَضُّ ٱلظَّالِمُ عَلَىٰ يَدَيْهِ يَقُولُ يَٰلَيْتَنِى ٱتَّخَذْتُ
مَعَ ٱلرَّسُولِ سَبِيلًا ﴿٢٧﴾

28. “Ôi thật khốn khổ thay, ước gì mình đừng làm bạn với kẻ đó!”

يَٰوَيْلَتَىٰ لَيْتَنِى لَمْ أَتَّخِذْ فُلَانًا خَلِيلًا ﴿٢٨﴾

29. “Quả thật, chính hắn đã đưa mình lạc khỏi Thông Điệp Nhắc Nhở sau khi mình đã tiếp thu Nó, quả thật Shaytan chính là một tên phản bội loài người.”

لَّقَدْ أَضَلَّنِى عَنِ ٱلذِّكْرِ بَعْدَ إِذْ جَآءَنِى ۗ وَكَانَ
ٱلشَّيْطَٰنُ لِلْإِنسَٰنِ خَذُولًا ﴿٢٩﴾

30. Và Thiên Sứ (Muhammad) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật người dân của bề tôi đã xao lãng Qur’an này!”

وَقَالَ ٱلرَّسُولُ يَٰرَبِّ إِنَّ قَوْمِى ٱتَّخَذُوا۟ هَٰذَا ٱلْقُرْءَانَ
مَهْجُورًا ﴿٣٠﴾

31. Như thế đó, TA đã lập cho mỗi vị Nabi một số kẻ thù trong đám người tội lỗi, nhưng Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đủ làm một Vị Hướng Dẫn và một Vị Cứu Tinh (cho Ngươi).

وَكَذَٰلِكَ جَعَلْنَا لِكُلِّ نَبِىٍّ عَدُوًّا مِّنَ ٱلْمُجْرِمِينَ ۗ
وَكَفَىٰ بِرَبِّكَ هَادِيًا وَنَصِيرًا ﴿٣١﴾

32. Những kẻ vô đức tin bảo: “Đáng lẽ ra Qur’an nên được mặc khải cho Y trong một lần mới đúng!” (TA mặc khải xuống) như thế là để TA củng cố tấm lòng của Ngươi (Muhammad); và TA đọc Nó dần dần theo từng giai đoạn.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَوْلَا نُزِّلَ عَلَيْهِ ٱلْقُرْءَانُ جُمْلَةً
وَٰحِدَةً ۚ كَذَٰلِكَ لِنُثَبِّتَ بِهِۦ فُؤَادَكَ ۖ وَرَتَّلْنَٰهُ
تَرْتِيلًا ﴿٣٢﴾

33. Không một hình ảnh thí dụ nào do chúng mang đến hỏi Ngươi mà TA lại không mang sự thật và lời giải thích tốt đẹp nhất đến cho Ngươi (để đối đáp với họ).

وَلَا يَأْتُونَكَ بِمَثَلٍ إِلَّا جِئْنَٰكَ بِٱلْحَقِّ وَأَحْسَنَ
تَفْسِيرًا ﴿٣٣﴾

34. Những kẻ bị tập trung úp mặt xuống để tống vào Hỏa Ngục là những kẻ có nơi ở xấu xa nhất và là những kẻ ở trên con đường lầm lạc.

ٱلَّذِينَ يُحْشَرُونَ عَلَىٰ وُجُوهِهِمْ إِلَىٰ جَهَنَّمَ أُو۟لَٰٓئِكَ
شَرٌّ مَّكَانًا وَأَضَلُّ سَبِيلًا ﴿٣٤﴾

35. Quả thật, TA đã ban Kinh Sách cho Musa và TA đã chỉ định người anh em của Y, Harun, làm một người phò tá cho Y.

وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ وَجَعَلْنَا مَعَهُۥٓ أَخَاهُ
هَٰرُونَ وَزِيرًا ﴿٣٥﴾

36. TA đã phán bảo (cả hai): “Hai ngươi hãy ra đi gặp đám người đã phủ nhận những Phép Lạ của TA.” (Nhưng đám người đó đã phủ nhận hai người họ) nên TA đã tiêu diệt tất cả bọn chúng.

فَقُلْنَا ٱذْهَبَآ إِلَى ٱلْقَوْمِ ٱلَّذِينَ كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا
فَدَمَّرْنَٰهُمْ تَدْمِيرًا ﴿٣٦﴾

37. Người dân của Nuh, khi họ cho những Thiên Sứ (của TA) nói dối, TA đã nhấn chìm họ dưới nước và lấy họ làm một bài học cảnh cáo nhân loại. Và TA đã chuẩn bị cho những kẻ làm điều sai quấy hình phạt đau đớn.

وَقَوْمَ نُوحٍ لَّمَّا كَذَّبُوا۟ ٱلرُّسُلَ أَغْرَقْنَٰهُمْ وَجَعَلْنَٰهُمْ
لِلنَّاسِ ءَايَةً ۖ وَأَعْتَدْنَا لِلظَّٰلِمِينَ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿٣٧﴾

38. Dân ‘Ad, dân Thamud, dân Rass và nhiều thế hệ giữa họ cũng đã chịu số phận tương tự.	وَعَادًا وَثَمُودَاْ وَأَصۡحَٰبَ ٱلرَّسِّ وَقُرُونَۢا بَيۡنَ ذَٰلِكَ كَثِيرٗا ٣٨
39. TA đã trình bày cho mỗi thế hệ những hình ảnh thí dụ và TA đã tiêu diệt từng thế hệ một cách khủng khiếp.	وَكُلّٗا ضَرَبۡنَا لَهُ ٱلۡأَمۡثَٰلَۖ وَكُلّٗا تَبَّرۡنَا تَتۡبِيرٗا ٣٩
40. Quả thật họ (những người Quraish) đã đi ngang qua một thị trấn bị tàn phá bởi một trận mưa hiểm ác. Thế, họ đã không từng nhìn thấy nó hay sao? Không, họ không mong được phục sinh trở lại (cho việc xét xử).	وَلَقَدۡ أَتَوۡاْ عَلَى ٱلۡقَرۡيَةِ ٱلَّتِيٓ أُمۡطِرَتۡ مَطَرَ ٱلسَّوۡءِۚ أَفَلَمۡ يَكُونُواْ يَرَوۡنَهَاۚ بَلۡ كَانُواْ لَا يَرۡجُونَ نُشُورٗا ٤٠
41. Khi thấy Ngươi, họ chỉ chế giễu Ngươi, họ thường bảo: “Lẽ nào đây là kẻ mà Allah cử đến làm Thiên Sứ cho bọn mình chăng?”	وَإِذَا رَأَوۡكَ إِن يَتَّخِذُونَكَ إِلَّا هُزُوًا أَهَٰذَا ٱلَّذِي بَعَثَ ٱللَّهُ رَسُولًا ٤١
42. “Quả thật, suýt nữa thì Y đã làm cho bọn mình từ bỏ những thần linh của bọn mình mất rồi nếu như bọn mình không thực sự kiên trì với các đấng ấy.” Rồi đây khi đối diện với sự trừng phạt thì họ sẽ biết ai thực sự mới là kẻ đã lầm lạc.	إِن كَادَ لَيُضِلُّنَا عَنۡ ءَالِهَتِنَا لَوۡلَآ أَن صَبَرۡنَا عَلَيۡهَاۚ وَسَوۡفَ يَعۡلَمُونَ حِينَ يَرَوۡنَ ٱلۡعَذَابَ مَنۡ أَضَلُّ سَبِيلًا ٤٢
43. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có thấy kẻ đã lấy dục vọng của mình làm thần linh của y hay không? Lẽ nào Ngươi sẽ là người chịu trách nhiệm cho việc làm của y?!	أَرَءَيۡتَ مَنِ ٱتَّخَذَ إِلَٰهَهُۥ هَوَىٰهُ أَفَأَنتَ تَكُونُ عَلَيۡهِ وَكِيلًا ٤٣
44. Lẽ nào Ngươi nghĩ đa số bọn họ nghe hoặc hiểu ư? Họ thật ra chẳng khác nào súc vật; không, họ thậm chí còn tệ hơn.	أَمۡ تَحۡسَبُ أَنَّ أَكۡثَرَهُمۡ يَسۡمَعُونَ أَوۡ يَعۡقِلُونَۚ إِنۡ هُمۡ إِلَّا كَٱلۡأَنۡعَٰمِ بَلۡ هُمۡ أَضَلُّ سَبِيلًا ٤٤
45. Lẽ nào Ngươi đã không nhìn thấy việc Thượng Đế của Ngươi đã kéo dài cái bóng như thế nào ư? Nếu muốn, Ngài có thể làm cho nó đứng yên tại chỗ. Nhưng rồi TA đã dùng mặt trời làm một chỉ điểm cho nó (khiến nó thay đổi dài ngắn khác nhau).	أَلَمۡ تَرَ إِلَىٰ رَبِّكَ كَيۡفَ مَدَّ ٱلظِّلَّ وَلَوۡ شَآءَ لَجَعَلَهُۥ سَاكِنٗا ثُمَّ جَعَلۡنَا ٱلشَّمۡسَ عَلَيۡهِ دَلِيلٗا ٤٥
46. Rồi TA dần dần thu nó (cái bóng) lại một cách đơn giản (qua sự lên cao của mặt trời).	ثُمَّ قَبَضۡنَٰهُ إِلَيۡنَا قَبۡضٗا يَسِيرٗا ٤٦
47. Ngài (Allah) là Đấng đã làm cho các ngươi ban đêm thành một tấm phủ, giấc ngủ thành một sự nghỉ ngơi và ban ngày thành (thời gian lý tưởng) để hoạt động cho cuộc sống.	وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ لِبَاسٗا وَٱلنَّوۡمَ سُبَاتٗا وَجَعَلَ ٱلنَّهَارَ نُشُورٗا ٤٧

48. Ngài là Đấng đã gởi những luồng gió làm tín hiệu báo trước cơn mưa của Ngài sắp đến. Và TA ban từ trên trời xuống nguồn nước tinh khiết.

وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَرۡسَلَ ٱلرِّيَٰحَ بُشۡرَۢا بَيۡنَ يَدَيۡ رَحۡمَتِهِۦۚ
وَأَنزَلۡنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ طَهُورٗا ٤٨

49. Để TA dùng nó làm sống lại lớp đất chết khô và để giải khát động vật và loài người trong số tạo vật mà TA đã tạo ra rất nhiều.

لِّنُحۡـِۧيَ بِهِۦ بَلۡدَةٗ مَّيۡتٗا وَنُسۡقِيَهُۥ مِمَّا خَلَقۡنَآ أَنۡعَٰمٗا
وَأَنَاسِيَّ كَثِيرٗا ٤٩

50. Quả thật, TA đã phân phối số nước đó giữa họ để họ biết ghi nhớ, nhưng đa số nhân loại thường vô ơn.

وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَٰهُ بَيۡنَهُمۡ لِيَذَّكَّرُواْ فَأَبَىٰٓ أَكۡثَرُ ٱلنَّاسِ
إِلَّا كُفُورٗا ٥٠

51. Nếu muốn, TA có thể cử đến với mỗi thị trấn một người Cảnh Báo.

وَلَوۡ شِئۡنَا لَبَعَثۡنَا فِي كُلِّ قَرۡيَةٖ نَّذِيرٗا ٥١

52. Bởi thế, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) chớ nghe theo những kẻ vô đức tin mà hãy dùng Qur'an đấu tranh chống lại họ bằng một cuộc đấu tranh mạnh mẽ.

فَلَا تُطِعِ ٱلۡكَٰفِرِينَ وَجَٰهِدۡهُم بِهِۦ جِهَادٗا
كَبِيرٗا ٥٢

53. Ngài là Đấng đã làm cho hai biển nước tự do chảy, một loại là nước ngọt dễ uống và một loại là nước mặn và chát. Ngài đã dựng một bức chắn tách biệt giữa chúng không cho chúng trộn lẫn với nhau.

۞وَهُوَ ٱلَّذِي مَرَجَ ٱلۡبَحۡرَيۡنِ هَٰذَا عَذۡبٞ فُرَاتٞ
وَهَٰذَا مِلۡحٌ أُجَاجٞ وَجَعَلَ بَيۡنَهُمَا بَرۡزَخٗا وَحِجۡرٗا
مَّحۡجُورٗا ٥٣

54. Ngài là Đấng đã tạo hóa con người từ nước (tinh dịch), rồi Ngài thiết lập cho y mối quan hệ ruột thịt, mối quan hệ hôn nhân. Và Thượng Đế của Ngươi là Đấng Toàn Năng.

وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ مِنَ ٱلۡمَآءِ بَشَرٗا فَجَعَلَهُۥ نَسَبٗا
وَصِهۡرٗاۗ وَكَانَ رَبُّكَ قَدِيرٗا ٥٤

55. Nhưng họ lại tôn thờ ngoài Allah những vật không giúp ích cũng như không gây hại được họ; và kẻ vô đức tin luôn (đi theo Shaytan) chống đối lại Thượng Đế của y.

وَيَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَنفَعُهُمۡ وَلَا يَضُرُّهُمۡۗ
وَكَانَ ٱلۡكَافِرُ عَلَىٰ رَبِّهِۦ ظَهِيرٗا ٥٥

56. TA (Allah) cử Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) đến chỉ để làm một người báo tin mừng và một người cảnh báo.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ إِلَّا مُبَشِّرٗا وَنَذِيرٗا ٥٦

57. Ngươi hãy nói (với họ): "Ta không đòi các người trả công cho Ta về sứ mạng này ngoại trừ việc ai tự nguyện chọn lấy con đường đi đến với Thượng Đế của y."

قُلۡ مَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍ إِلَّا مَن شَآءَ أَن
يَتَّخِذَ إِلَىٰ رَبِّهِۦ سَبِيلٗا ٥٧

58. Ngươi hãy phó thác cho Đấng Hằng Sống không bao giờ chết và Ngươi hãy tán dương ca tụng Ngài; và chỉ riêng Ngài đủ biết rõ tội lỗi của đám bầy tôi của Ngài.

وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱلۡحَيِّ ٱلَّذِي لَا يَمُوتُ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِهِۦۚ
وَكَفَىٰ بِهِۦ بِذُنُوبِ عِبَادِهِۦ خَبِيرًا ٥٨

59. Ngài là Đấng đã tạo các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa trời đất trong sáu ngày rồi an vị trên chiếc Ngai Vương; Ngươi hãy hướng về Đấng Độ Lượng mà hỏi, Ngài thông toàn tất cả.

ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا فِي سِتَّةِ
أَيَّامٖ ثُمَّ ٱسۡتَوَىٰ عَلَى ٱلۡعَرۡشِۖ ٱلرَّحۡمَٰنُ فَسۡـَٔلۡ بِهِۦ
خَبِيرٗا ٥٩

60. Khi có lời bảo họ: “Các ngươi hãy phủ phục Đấng Độ Lượng”, họ đáp: “Nhưng Đấng Độ Lượng là ai? Bọn ta sẽ phải quỳ lạy Đấng mà Ngươi truyền lệnh cho bọn ta hay sao?” Và điều đó càng làm cho họ thêm xa lánh (đức tin nơi Allah).

وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱسۡجُدُواْۤ لِلرَّحۡمَٰنِ قَالُواْ وَمَا ٱلرَّحۡمَٰنُ
أَنَسۡجُدُ لِمَا تَأۡمُرُنَا وَزَادَهُمۡ نُفُورٗا۩ ٦٠

61. Hồng phúc thay Đấng đã tạo ra các chùm sao trên trời và tạo ra trong đó mặt trời chiếu sáng và mặt trăng mang ánh hào quang.

تَبَارَكَ ٱلَّذِي جَعَلَ فِي ٱلسَّمَآءِ بُرُوجٗا وَجَعَلَ فِيهَا
سِرَٰجٗا وَقَمَرٗا مُّنِيرٗا ٦١

62. Ngài là Đấng đã làm ra ban đêm và ban ngày luân chuyển tiếp nối nhau để cho ai muốn tụng niệm hoặc muốn tạ ơn (ân huệ của Ngài).

وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ خِلۡفَةٗ لِّمَنۡ أَرَادَ أَن
يَذَّكَّرَ أَوۡ أَرَادَ شُكُورٗا ٦٢

63. Những người bề tôi của Đấng Độ Lượng là những ai đi lại trên mặt đất với điệu bộ khiêm tốn và khi bị người thiếu hiểu biết gây sự thì họ chỉ nói: “Xin cho được bằng an.”

وَعِبَادُ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلَّذِينَ يَمۡشُونَ عَلَى ٱلۡأَرۡضِ هَوۡنٗا وَإِذَا
خَاطَبَهُمُ ٱلۡجَٰهِلُونَ قَالُواْ سَلَٰمٗا ٦٣

64. Họ là những người thức đêm quỳ lạy và đứng cầu nguyện Thượng Đế của họ.

وَٱلَّذِينَ يَبِيتُونَ لِرَبِّهِمۡ سُجَّدٗا وَقِيَٰمٗا ٦٤

65. Họ là những người thường cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đưa bầy tôi ra xa khỏi hình phạt của Hỏa Ngục. Quả thật, sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục là một sự trừng phạt dai dẳng.”

وَٱلَّذِينَ يَقُولُونَ رَبَّنَا ٱصۡرِفۡ عَنَّا عَذَابَ جَهَنَّمَۖ إِنَّ
عَذَابَهَا كَانَ غَرَامًا ٦٥

66. Quả thật Hỏa Ngục là một nơi cư ngụ và là một nơi nghỉ vô cùng tồi tệ.

إِنَّهَا سَآءَتۡ مُسۡتَقَرّٗا وَمُقَامٗا ٦٦

67. Họ (những bề tôi của Allah) là những người khi tiêu dùng (tài sản của họ cho con đường chính nghĩa của Allah) thì không phung phí cũng không keo kiệt mà giữ mức trung bình giữa hai thái cực đó.

وَٱلَّذِينَ إِذَآ أَنفَقُواْ لَمۡ يُسۡرِفُواْ وَلَمۡ يَقۡتُرُواْ وَكَانَ بَيۡنَ
ذَٰلِكَ قَوَامٗا ٦٧

68. Họ là những người không cầu nguyện bất cứ thần linh nào khác cùng với Allah cũng không giết một sinh mạng vô tội trừ phi với lý do chính đáng; họ không làm điều Zina; và ai vi phạm những điều đó đáng bị tội.

وَٱلَّذِينَ لَا يَدۡعُونَ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ وَلَا يَقۡتُلُونَ
ٱلنَّفۡسَ ٱلَّتِي حَرَّمَ ٱللَّهُ إِلَّا بِٱلۡحَقِّ وَلَا يَزۡنُونَۚ وَمَن
يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ يَلۡقَ أَثَامٗا ٦٨

69. Vào Ngày Tận Thế, sự trừng phạt được tăng gấp đôi và y sẽ phải mãi mãi chịu sự trừng phạt đó một cách nhục nhã.

يُضَٰعَفۡ لَهُ ٱلۡعَذَابُ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَيَخۡلُدۡ فِيهِۦ
مُهَانًا ٦٩

70. Ngoại trừ những ai biết ăn năn sám hối, có đức tin và hành thiện thì họ sẽ được Allah thay thế tội lỗi của họ bằng điều phúc đức bởi Allah hằng tha thứ, Đấng Nhân Từ.

إِلَّا مَن تَابَ وَءَامَنَ وَعَمِلَ عَمَلٗا صَٰلِحٗا فَأُوْلَٰٓئِكَ
يُبَدِّلُ ٱللَّهُ سَيِّـَٔاتِهِمۡ حَسَنَٰتٖۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا
رَّحِيمٗا ٧٠

71. Những ai ăn năn sám hối và siêng năng hành đạo và làm điều thiện tốt thì sự hối cải của y với Allah mới là thật lòng.

وَمَن تَابَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَإِنَّهُۥ يَتُوبُ إِلَى ٱللَّهِ
مَتَابٗا ٧١

72. Họ (những bề tôi của Allah) là những người không làm chứng cho điều giả dối, và khi đi ngang qua những chuyện tầm phào thì họ bỏ đi một cách lịch sự.

وَٱلَّذِينَ لَا يَشۡهَدُونَ ٱلزُّورَ وَإِذَا مَرُّواْ بِٱللَّغۡوِ مَرُّواْ
كِرَامٗا ٧٢

73. Họ là những người khi được nhắc về những Lời Mặc Khải của Thượng Đế của họ thì họ không gục đầu tỏ vẻ tai điếc mắt mù.

وَٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِّرُواْ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ لَمۡ يَخِرُّواْ عَلَيۡهَا
صُمّٗا وَعُمۡيَانٗا ٧٣

74. Họ là những người thường cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài làm cho vợ và con cái của bầy tôi thành một nguồn vui cho cặp mắt của bầy tôi, xin Ngài hãy để bầy tôi thành người lãnh đạo mẫu mực cho những người ngay chính.”

وَٱلَّذِينَ يَقُولُونَ رَبَّنَا هَبۡ لَنَا مِنۡ أَزۡوَٰجِنَا وَذُرِّيَّٰتِنَا
قُرَّةَ أَعۡيُنٖ وَٱجۡعَلۡنَا لِلۡمُتَّقِينَ إِمَامًا ٧٤

75. Những người đó sẽ được ban thưởng một nơi ở cao sang (Thiên Đàng) vì đã từng kiên nhẫn chịu đựng. Nơi đó, họ sẽ được đón chào tốt đẹp với lời chúc bằng an.

أُوْلَٰٓئِكَ يُجۡزَوۡنَ ٱلۡغُرۡفَةَ بِمَا صَبَرُواْ وَيُلَقَّوۡنَ فِيهَا
تَحِيَّةٗ وَسَلَٰمًا ٧٥

76. Họ sẽ ở trong đó mãi mãi, một nơi ngụ và một nơi nghỉ tốt đẹp nhất.

خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ حَسُنَتۡ مُسۡتَقَرّٗا وَمُقَامٗا ٧٦

77. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ vô đức tin): “Nếu không vì lời cầu nguyện của các người thì Thượng Đế của Ta đã không quan tâm đến các người. Quả thật, các người đã phủ nhận (Ngài) nên rồi đây các người sẽ phải đối mặt (với sự trừng phạt của Ngài).”

قُلۡ مَا يَعۡبَؤُاْ بِكُمۡ رَبِّي لَوۡلَا دُعَآؤُكُمۡۖ فَقَدۡ
كَذَّبۡتُمۡ فَسَوۡفَ يَكُونُ لِزَامَۢا ٧٧

Ash-Shu'ara' (Các Thi Sĩ) الشعراء

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ta. Sin. Mim.

طسٓمٓ ١

2. Đó là những Câu Kinh của một Kinh Sách minh bạch (không mơ hồ và thần bí).

تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ٢

3. Có lẽ Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) khổ tâm, đau buồn khiến bản thân chết dần chết mòn về việc họ không có đức tin.

لَعَلَّكَ بَٰخِعٞ نَّفۡسَكَ أَلَّا يَكُونُواْ مُؤۡمِنِينَ ٣

4. Nếu muốn, TA (Allah) có thể ban một phép lạ từ trên trời xuống khiến họ cúi cổ thần phục, (nhưng TA không làm thế vì để thử thách họ xem họ có tin vào điều vô hình hay không).

إِن نَّشَأۡ نُنَزِّلۡ عَلَيۡهِم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ ءَايَةٗ فَظَلَّتۡ أَعۡنَٰقُهُمۡ لَهَا خَٰضِعِينَ ٤

5. Bất cứ điều nhắc nhở nào được ban xuống cho họ từ Đấng Độ Lượng, họ đều quay lưng bỏ đi.

وَمَا يَأۡتِيهِم مِّن ذِكۡرٖ مِّنَ ٱلرَّحۡمَٰنِ مُحۡدَثٍ إِلَّا كَانُواْ عَنۡهُ مُعۡرِضِينَ ٥

6. Quả thật, họ đã phủ nhận (những điều mà Thiên Sứ của họ đã mang đến), rồi đây họ sẽ nhận được tin về những điều mà họ đã từng chế giễu.

فَقَدۡ كَذَّبُواْ فَسَيَأۡتِيهِمۡ أَنۢبَٰٓؤُاْ مَا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٦

7. Lẽ nào họ đã không quan sát trái đất, nơi mà TA đã làm mọc ra biết bao cây cối tốt lành?

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَى ٱلۡأَرۡضِ كَمۡ أَنۢبَتۡنَا فِيهَا مِن كُلِّ زَوۡجٖ كَرِيمٍ ٧

8. Quả thật, trong đó là một bằng chứng (cho việc TA thừa khả năng làm người chết sống lại), tuy nhiên, đa số bọn họ không có đức tin.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ٨

9. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ٩

10. (Ngươi hãy nhớ lại) khi Thượng Đế của Ngươi gọi Musa phán bảo: “Ngươi hãy đi gặp một đám người làm điều sai quấy.”

وَإِذۡ نَادَىٰ رَبُّكَ مُوسَىٰٓ أَنِ ٱئۡتِ ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٠

11. “Đó là đám người của Pha-ra-ông. (Ngươi hãy bảo) họ sợ (Allah).”

قَوۡمَ فِرۡعَوۡنَۚ أَلَا يَتَّقُونَ ١١

12. (Musa) thưa: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, bề tôi thực sự lo sợ rằng họ sẽ cho bề tôi nói dối.”

قَالَ رَبِّ إِنِّيٓ أَخَافُ أَن يُكَذِّبُونِ ١٢

13. “Và lồng ngực của bề tôi thì chật hẹp, chiếc lưỡi của bề tôi thì nói không lưu loát, xin Ngài cử thêm Harun làm phò tá cho bề tôi.”

وَيَضِيقُ صَدۡرِي وَلَا يَنطَلِقُ لِسَانِي فَأَرۡسِلۡ إِلَىٰ
هَٰرُونَ ١٣

14. “Bề tôi đã phạm tội với họ (vì đã lỡ tay giết chết một người của họ) nên bề tôi sợ họ sẽ giết bề tôi.”

وَلَهُمۡ عَلَيَّ ذَنۢبٞ فَأَخَافُ أَن يَقۡتُلُونِ ١٤

15. (Allah) phán bảo (Musa và Harun): “Sẽ không sao, hai ngươi cứ lên đường với những Phép Lạ của TA. Quả thật TA sẽ ở cùng với hai ngươi, TA luôn nghe thấy tất cả.”

قَالَ كَلَّاۖ فَٱذۡهَبَا بِـَٔايَٰتِنَآۖ إِنَّا مَعَكُم مُّسۡتَمِعُونَ ١٥

16. “Hai Ngươi cứ đi gặp Pha-ra-ông, hai ngươi hãy nói với y: Chúng tôi là Thiên Sứ của Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài.”

فَأۡتِيَا فِرۡعَوۡنَ فَقُولَآ إِنَّا رَسُولُ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٦

17. “Xin ngài hãy để con cháu Israel ra đi với chúng tôi.”

أَنۡ أَرۡسِلۡ مَعَنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ١٧

18. (Pha-ra-ông) bảo (Musa): “Há ta đã không thương yêu và nuôi nấng Ngươi như con cái hay sao? Chẳng phải Ngươi đã ở với ta nhiều năm trong đời Ngươi hay sao?”

قَالَ أَلَمۡ نُرَبِّكَ فِينَا وَلِيدٗا وَلَبِثۡتَ فِينَا مِنۡ عُمُرِكَ
سِنِينَ ١٨

19. “Vậy mà Ngươi đã nhẫn tâm làm một việc đáng lẽ ra Ngươi không nên làm, Ngươi là một tên vong ơn bội nghĩa.”

وَفَعَلۡتَ فَعۡلَتَكَ ٱلَّتِي فَعَلۡتَ وَأَنتَ مِنَ
ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٩

20. (Musa) nói (với Pha-ra-ông): “Tôi đã làm điều đó lúc tôi là kẻ không biết gì (vì chưa nhận được sự mặc khải của Allah).”

قَالَ فَعَلۡتُهَآ إِذٗا وَأَنَا۠ مِنَ ٱلضَّآلِّينَ ٢٠

21. “Vì sợ ngài nên Tôi đã bỏ trốn đi xa và Thượng Đế của Tôi đã ban cho Tôi sự khôn ngoan và cử Tôi làm Thiên Sứ (của Ngài).”

فَفَرَرۡتُ مِنكُمۡ لَمَّا خِفۡتُكُمۡ فَوَهَبَ لِي رَبِّي
حُكۡمٗا وَجَعَلَنِي مِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٢١

22. “Đấy là ân xưa mà ngài đã nại ra để khiển trách Tôi rồi đã bắt người dân Israel làm nô lệ.”

وَتِلۡكَ نِعۡمَةٞ تَمُنُّهَا عَلَيَّ أَنۡ عَبَّدتَّ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٢٢

23. Pha-ra-ông hỏi (Musa): “Thế Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài là gì?”

قَالَ فِرۡعَوۡنُ وَمَا رَبُّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢٣

24. (Musa) đáp: “Là Thượng Đế của các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa trời đất, nếu quí ngài muốn có đức tin vững chắc (nơi Ngài thì quí ngài hãy chỉ thờ phượng một mình Ngài thôi).”

قَالَ رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَآۖ إِن كُنتُم
مُّوقِنِينَ ٢٤

25. (Pha-ra-ông) nói với các cận thần: “Các khanh có nghe rõ (lời bịa đặt của Musa) chăng?”

قَالَ لِمَنۡ حَوۡلَهُۥٓ أَلَا تَسۡتَمِعُونَ ٢٥

26. (Musa) nói tiếp: “Đó là Thượng Đế của quí ngài và cả tổ tiên của quí ngài nữa.”

قَالَ رَبُّكُمۡ وَرَبُّ ءَابَآئِكُمُ ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿٢٦﴾

27. (Pha-ra-ông) bảo: “Chắc chắn Thiên Sứ được gởi đến cho các ngươi là một tên điên!”

قَالَ إِنَّ رَسُولَكُمُ ٱلَّذِيٓ أُرۡسِلَ إِلَيۡكُمۡ لَمَجۡنُونٞ ﴿٢٧﴾

28. (Musa) nói tiếp: “Đó là Thượng Đế của hướng đông, hướng tây và vạn vật giữa hai hướng đó, nếu quí ngài nhận thức được.”

قَالَ رَبُّ ٱلۡمَشۡرِقِ وَٱلۡمَغۡرِبِ وَمَا بَيۡنَهُمَآۖ إِن كُنتُمۡ تَعۡقِلُونَ ﴿٢٨﴾

29. (Pha-ra-ông) nói với (Musa): “Nếu nhà Ngươi quyết tôn thờ một Thượng Đế khác ngoài ta thì chắc chắn ta sẽ cho nhà Ngươi bị tù đày.”

قَالَ لَئِنِ ٱتَّخَذۡتَ إِلَٰهًا غَيۡرِي لَأَجۡعَلَنَّكَ مِنَ ٱلۡمَسۡجُونِينَ ﴿٢٩﴾

30. (Musa) nói với (Pha-ra-ông): “Ngay cả khi tôi mang đến cho ngài một điều gì đó chứng minh rõ ràng ư?”

قَالَ أَوَلَوۡ جِئۡتُكَ بِشَيۡءٖ مُّبِينٖ ﴿٣٠﴾

31. (Pha-ra-ông) nói: “Vậy nhà Ngươi hãy trình nó ra xem nếu nhà Ngươi đúng là một người nói thật.”

قَالَ فَأۡتِ بِهِۦٓ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿٣١﴾

32. Thế là Musa ném chiếc gậy của Y xuống, nó lập tức biến thành một con rắn hiển hiện.

فَأَلۡقَىٰ عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ ثُعۡبَانٞ مُّبِينٞ ﴿٣٢﴾

33. Và khi Y rút bàn tay của Y ra (sau khi áp nó vào ba sườn), bàn tay của Y trở nên trắng sáng trước những người chứng kiến.

وَنَزَعَ يَدَهُۥ فَإِذَا هِيَ بَيۡضَآءُ لِلنَّٰظِرِينَ ﴿٣٣﴾

34. (Pha-ra-ông) quay sang bảo các cận thần: “Tên này quả nhiên là một phù thủy tài giỏi.”

قَالَ لِلۡمَلَإِ حَوۡلَهُۥٓ إِنَّ هَٰذَا لَسَٰحِرٌ عَلِيمٞ ﴿٣٤﴾

35. “Hắn định dùng pháp thuật để đánh đuổi các khanh ra khỏi lãnh thổ của các khanh. Vậy các khanh có ý xử trí hắn ra sao?”

يُرِيدُ أَن يُخۡرِجَكُم مِّنۡ أَرۡضِكُم بِسِحۡرِهِۦ فَمَاذَا تَأۡمُرُونَ ﴿٣٥﴾

36. (Các cận thần của Pha-ra-ông) thưa: “Hãy tạm tha cho hắn và người anh em của hắn, chúng ta sẽ tập hợp các pháp sư trong các thành phố lại.”

قَالُوٓاْ أَرۡجِهۡ وَأَخَاهُ وَٱبۡعَثۡ فِي ٱلۡمَدَآئِنِ حَٰشِرِينَ ﴿٣٦﴾

37. “Tất cả những nhà phù thủy tài giỏi sẽ đến trình diện bệ hạ.”

يَأۡتُوكَ بِكُلِّ سَحَّارٍ عَلِيمٖ ﴿٣٧﴾

38. Vậy là các phù thủy được triệu tập tại một nơi hẹn vào một ngày đã được công bố rõ ràng.

فَجُمِعَ ٱلسَّحَرَةُ لِمِيقَٰتِ يَوۡمٖ مَّعۡلُومٖ ﴿٣٨﴾

39. Và mọi người bảo nhau: “Các người không đi dự đại hội (để xem ai thắng trong cuộc so tài giữa Musa và các phù thủy) sao?”

وَقِيلَ لِلنَّاسِ هَلۡ أَنتُم مُّجۡتَمِعُونَ ﴿٣٩﴾

40. “Có lẽ chúng ta sẽ theo các nhà phù thủy nếu họ thắng cuộc.”

لَعَلَّنَا نَتَّبِعُ ٱلسَّحَرَةَ إِن كَانُواْ هُمُ ٱلۡغَٰلِبِينَ ٤٠

41. Khi đến nơi, những nhà phù thủy thưa với Pha-ra-ông: “Nếu chúng tôi thắng thì chúng tôi có được ban thưởng không?”

فَلَمَّا جَآءَ ٱلسَّحَرَةُ قَالُواْ لِفِرۡعَوۡنَ أَئِنَّ لَنَا لَأَجۡرًا إِن
كُنَّا نَحۡنُ ٱلۡغَٰلِبِينَ ٤١

42. (Pha-ra-ông) bảo: “Chắc chắn có, nhất định lúc đó các ngươi sẽ trở thành các cận thần của ta.”

قَالَ نَعَمۡ وَإِنَّكُمۡ إِذٗا لَّمِنَ ٱلۡمُقَرَّبِينَ ٤٢

43. Musa bảo (các phù thủy): “Quí ngài hãy ném bảo bối của quí ngài xuống.”

قَالَ لَهُم مُّوسَىٰٓ أَلۡقُواْ مَآ أَنتُم مُّلۡقُونَ ٤٣

44. Thế là, họ ném những sợi dây và chiếc gậy của họ xuống, nói: “Với quyền lực của Pha-ra-ông, chúng tôi chắc chắn sẽ chiến thắng.”

فَأَلۡقَوۡاْ حِبَالَهُمۡ وَعِصِيَّهُمۡ وَقَالُواْ بِعِزَّةِ فِرۡعَوۡنَ إِنَّا
لَنَحۡنُ ٱلۡغَٰلِبُونَ ٤٤

45. Nhưng khi Musa ném chiếc gậy của Y xuống, nó nuốt mất những món vật mà họ đã làm giả.

فَأَلۡقَىٰ مُوسَىٰ عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ تَلۡقَفُ مَا يَأۡفِكُونَ ٤٥

46. Lúc đó, những tên phù thủy liền cúi xuống quỳ lạy.

فَأُلۡقِيَ ٱلسَّحَرَةُ سَٰجِدِينَ ٤٦

47. Họ nói: “Chúng tôi đã có đức tin nơi Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài.”

قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٧

48. “Thượng Đế của Musa và Harun.”

رَبِّ مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ٤٨

49. (Thấy thế), Pha-ra-ông quát (các nhà phù thủy): “Các ngươi dám tin hắn trước khi ta cho phép các ngươi ư? Hắn quả nhiên là tên cầm đầu của các ngươi; hắn đã dạy các ngươi pháp thuật; rồi các ngươi sẽ sớm biết hậu quả. Chắc chắn, ta sẽ cho chặt tay này và chân kia của các ngươi và sẽ cho đóng đinh toàn bộ các ngươi trên thập tự giá.”

قَالَ ءَامَنتُمۡ لَهُۥ قَبۡلَ أَنۡ ءَاذَنَ لَكُمۡۖ إِنَّهُۥ لَكَبِيرُكُمُ
ٱلَّذِي عَلَّمَكُمُ ٱلسِّحۡرَ فَلَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَۚ لَأُقَطِّعَنَّ
أَيۡدِيَكُمۡ وَأَرۡجُلَكُم مِّنۡ خِلَٰفٖ وَلَأُصَلِّبَنَّكُمۡ
أَجۡمَعِينَ ٤٩

50. (Các nhà phù thủy) trả lời (Pha-ra-ông): “Chẳng có gì thiệt hại cả, bởi vì rồi đây chúng tôi sẽ quay về gặp Thượng Đế của chúng tôi mà thôi.”

قَالُواْ لَا ضَيۡرَۖ إِنَّآ إِلَىٰ رَبِّنَا مُنقَلِبُونَ ٥٠

51. “Chúng tôi kỳ vọng Thượng Đế của chúng tôi sẽ tha thứ cho chúng tôi những lỗi lầm của chúng tôi bởi vì chúng tôi là những người có đức tin đầu tiên.”

إِنَّا نَطۡمَعُ أَن يَغۡفِرَ لَنَا رَبُّنَا خَطَٰيَٰنَآ أَن كُنَّآ أَوَّلَ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٥١

52. TA đã mặc khải cho Musa, phán: “Ngươi hãy dẫn hết đám bề tôi của TA rời đi ban đêm, quả thật các ngươi sẽ bị truy sát.”

۞وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنۡ أَسۡرِ بِعِبَادِيٓ إِنَّكُم
مُّتَّبَعُونَ ٥٢

53. Rồi Pha-ra-ông cho quân lính loan tin đi khắp các thành phố.

فَأَرۡسَلَ فِرۡعَوۡنُ فِي ٱلۡمَدَآئِنِ حَٰشِرِينَ ٥٣

54. “Quả thật, đám dân (Israel) này chỉ là một nhóm nhỏ bé.”

إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ لَشِرۡذِمَةٞ قَلِيلُونَ ٥٤

55. “Chúng thực sự đã phạm tội khi quân vì đã chọc giận ta.”

وَإِنَّهُمۡ لَنَا لَغَآئِظُونَ ٥٥

56. “Nhưng ta đã luôn cảnh giác đề phòng chúng.”

وَإِنَّا لَجَمِيعٌ حَٰذِرُونَ ٥٦

57. Bởi thế, TA (Allah) đã tống bọn chúng (Pha-ra-ông và quân lính của hắn) ra khỏi hoa viên và suối nước.

فَأَخۡرَجۡنَٰهُم مِّن جَنَّٰتٖ وَعُيُونٖ ٥٧

58. Khỏi những kho tàng châu báu và địa vị cao sang.

وَكُنُوزٖ وَمَقَامٖ كَرِيمٖ ٥٨

59. Giống như thế, TA đã cho dân Israel thừa kế (những thứ tốt đẹp đó).

كَذَٰلِكَۖ وَأَوۡرَثۡنَٰهَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٥٩

60. Rồi (Pha-ra-ông và quân lính của hắn) truy đuổi họ (dân Israel) vào lúc hừng đông.

فَأَتۡبَعُوهُم مُّشۡرِقِينَ ٦٠

61. Khi hai đoàn người đối diện nhau, các tông đồ của Musa nói: “Chắc chắn chúng ta sẽ bị đuổi kịp.”

فَلَمَّا تَرَٰٓءَا ٱلۡجَمۡعَانِ قَالَ أَصۡحَٰبُ مُوسَىٰٓ إِنَّا
لَمُدۡرَكُونَ ٦١

62. (Musa) bảo: “Không đâu, Thượng Đế của Ta luôn sát cánh bên Ta, Ngài sẽ hướng dẫn Ta thôi.”

قَالَ كَلَّآۖ إِنَّ مَعِيَ رَبِّي سَيَهۡدِينِ ٦٢

63. Ngay lúc đó, TA mặc khải cho Musa, phán: “Ngươi hãy đánh cây gậy của Ngươi xuống mặt biển.” (Y làm theo), tức khắc biển tách ra làm đôi thành những tảng nước hai bên như hai ngọn núi khổng lồ.

فَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنِ ٱضۡرِب بِّعَصَاكَ ٱلۡبَحۡرَۖ
فَٱنفَلَقَ فَكَانَ كُلُّ فِرۡقٖ كَٱلطَّوۡدِ ٱلۡعَظِيمِ ٦٣

64. TA đẩy đám người kia (Pha-ra-ông và quân lính của hắn) đến gần nơi đó.

وَأَزۡلَفۡنَا ثَمَّ ٱلۡأٓخَرِينَ ٦٤

65. Và TA đã cứu nguy Musa và toàn bộ những ai theo Y.

وَأَنجَيۡنَا مُوسَىٰ وَمَن مَّعَهُۥٓ أَجۡمَعِينَ ٦٥

66. Rồi TA nhấn chìm đám người kia.

ثُمَّ أَغۡرَقۡنَا ٱلۡأٓخَرِينَ ٦٦

67. Quả thật, trong sự việc đó là một bằng chứng (cho sự trung thực của Musa) nhưng đa số bọn họ không có đức tin.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ٦٧

68. Và Thượng Đế của Ngươi đích thực là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ٦٨

69. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy đọc cho họ nghe về câu chuyện của Ibrahim.

وَٱتۡلُ عَلَيۡهِمۡ نَبَأَ إِبۡرَٰهِيمَ ٦٩

70. Khi (Ibrahim) thưa với phụ thân và người dân của mình: “Các người đang thờ phượng gì thế kia?”

إِذۡ قَالَ لِأَبِيهِ وَقَوۡمِهِۦ مَا تَعۡبُدُونَ ٧٠

71. Họ đáp: “Bọn ta đang thờ các bục tượng, bọn ta rất sùng kính các thần linh này.”

قَالُواْ نَعۡبُدُ أَصۡنَامٗا فَنَظَلُّ لَهَا عَٰكِفِينَ ٧١

72. (Ibrahim) hỏi: “Các bục tượng đó có nghe được các người khi các người cầu xin chúng không?”

قَالَ هَلۡ يَسۡمَعُونَكُمۡ إِذۡ تَدۡعُونَ ٧٢

73. “Hoặc chúng có giúp ích hay hãm hại được các người không?”

أَوۡ يَنفَعُونَكُمۡ أَوۡ يَضُرُّونَ ٧٣

74. Họ đáp: “Không, nhưng bọn ta thấy cha mẹ của bọn ta đã làm như vậy.”

قَالُواْ بَلۡ وَجَدۡنَآ ءَابَآءَنَا كَذَٰلِكَ يَفۡعَلُونَ ٧٤

75. (Ibrahim) bảo: “Những thứ mà các người đang tôn thờ”

قَالَ أَفَرَءَيۡتُم مَّا كُنتُمۡ تَعۡبُدُونَ ٧٥

76. “Và cả những thứ mà tổ tiên xa xưa của các người đã tôn thờ”

أَنتُمۡ وَءَابَآؤُكُمُ ٱلۡأَقۡدَمُونَ ٧٦

77. “Đều là kẻ thù của Ta ngoại trừ Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài.”

فَإِنَّهُمۡ عَدُوّٞ لِّيٓ إِلَّا رَبَّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٧٧

78. “Ngài là Đấng đã tạo ra Ta rồi hướng dẫn Ta.”

ٱلَّذِي خَلَقَنِي فَهُوَ يَهۡدِينِ ٧٨

79. “Ngài là Đấng đã cho Ta ăn và cho Ta uống.”

وَٱلَّذِي هُوَ يُطۡعِمُنِي وَيَسۡقِينِ ٧٩

80. “Khi Ta bệnh thì Ngài là Đấng cho Ta khỏi bệnh.”

وَإِذَا مَرِضۡتُ فَهُوَ يَشۡفِينِ ٨٠

81. “Ngài là Đấng làm cho Ta chết rồi làm cho Ta sống lại.”

وَٱلَّذِي يُمِيتُنِي ثُمَّ يُحۡيِينِ ٨١

82. “Ngài là Đấng mà Ta hy vọng sẽ được tha thứ về những tội lỗi của Ta vào Ngày Phán Xét.”

وَٱلَّذِيٓ أَطۡمَعُ أَن يَغۡفِرَ لِي خَطِيٓـَٔتِي يَوۡمَ ٱلدِّينِ ٨٢

83. “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài ban cho bề tôi sự khôn ngoan và xin Ngài nhập bề tôi cùng với những người đức hạnh.”

رَبِّ هَبۡ لِي حُكۡمٗا وَأَلۡحِقۡنِي بِٱلصَّٰلِحِينَ ٨٣

84. “Xin Ngài vinh danh bề tôi trên chiếc lưỡi của những thế hệ mai sau.”

وَٱجۡعَل لِّي لِسَانَ صِدۡقٖ فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ٨٤

85. “Xin Ngài làm cho bề tôi thành một người thừa kế Thiên Đàng Hạnh phúc.”

وَٱجۡعَلۡنِي مِن وَرَثَةِ جَنَّةِ ٱلنَّعِيمِ ٨٥

86. “Xin Ngài tha thứ cho phụ thân của bề tôi bởi ông ấy là một người lầm lạc.”

وَٱغۡفِرۡ لِأَبِيٓ إِنَّهُۥ كَانَ مِنَ ٱلضَّآلِّينَ ٨٦

87. “Xin Ngài đừng hạ nhục bề tôi vào Ngày nhân loại được phục sinh.”

وَلَا تُخۡزِنِي يَوۡمَ يُبۡعَثُونَ ٨٧

88. “Đó là Ngày mà của cải cũng như con cái sẽ không giúp ích được gì.”

يَوۡمَ لَا يَنفَعُ مَالٞ وَلَا بَنُونَ ٨٨

89. “Ngoại trừ những ai đến với Allah bằng một tấm lòng trong sạch.”

إِلَّا مَنۡ أَتَى ٱللَّهَ بِقَلۡبٖ سَلِيمٖ ٨٩

90. Thiên Đàng sẽ được mang đến gần những người ngoan đạo.

وَأُزۡلِفَتِ ٱلۡجَنَّةُ لِلۡمُتَّقِينَ ٩٠

91. Hỏa Ngục sẽ được mang đến trước mặt những kẻ lầm lạc.

وَبُرِّزَتِ ٱلۡجَحِيمُ لِلۡغَاوِينَ ٩١

92. Có lời bảo họ: “Đâu là những thứ mà các ngươi đã tôn thờ”

وَقِيلَ لَهُمۡ أَيۡنَ مَا كُنتُمۡ تَعۡبُدُونَ ٩٢

93. “Thay vì Allah? Liệu chúng có khả năng giải cứu các ngươi hoặc tự cứu lấy bản thân chúng được không?”

مِن دُونِ ٱللَّهِ هَلۡ يَنصُرُونَكُمۡ أَوۡ يَنتَصِرُونَ ٩٣

94. Bởi thế, chúng cùng với đám quỷ quái sẽ bị lùa vào Hỏa Ngục.

فَكُبۡكِبُواْ فِيهَا هُمۡ وَٱلۡغَاوُۥنَ ٩٤

95. Và toàn bộ binh tướng của Iblis cũng thế.

وَجُنُودُ إِبۡلِيسَ أَجۡمَعُونَ ٩٥

96. Và trong lúc cãi vã nhau trong (Hỏa Ngục), họ sẽ nói:

قَالُواْ وَهُمۡ فِيهَا يَخۡتَصِمُونَ ٩٦

97. “Thề với Allah, chúng tôi rõ ràng là nhóm người lầm lạc.”

تَٱللَّهِ إِن كُنَّا لَفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ٩٧

98. “Khi mà chúng tôi đã suy tôn các ngươi ngang vai với Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài.”

إِذۡ نُسَوِّيكُم بِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٩٨

99. “Và chỉ những tên tội lỗi mới dắt chúng tôi đi lạc.”

وَمَآ أَضَلَّنَآ إِلَّا ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٩٩

100. “Thế là chúng tôi chẳng có ai can thiệp.”

فَمَا لَنَا مِن شَٰفِعِينَ ١٠٠

101. “Chúng tôi cũng chẳng có một người bạn chân tình nào cả.”

وَلَا صَدِيقٍ حَمِيمٖ ١٠١

102. “Nếu có cơ hội trở lại (trần thế) lần nữa thì chúng tôi sẽ là những người có đức tin.”

فَلَوۡ أَنَّ لَنَا كَرَّةٗ فَنَكُونَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٠٢

103. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu, nhưng đa số bọn họ không có đức tin.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ١٠٣

104. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ١٠٤

105. Người dân của Nuh đã chối bỏ tất cả Thiên Sứ (của Allah).

كَذَّبَتۡ قَوۡمُ نُوحٍ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٠٥

106. Khi Nuh, người anh em của họ bảo họ: “Các ngươi không sợ (Allah) sao?”

إِذۡ قَالَ لَهُمۡ أَخُوهُمۡ نُوحٌ أَلَا تَتَّقُونَ ١٠٦

107. “Ta đúng thực là Thiên Sứ đáng tin được (Allah) phái đến cho các ngươi.”

إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ١٠٧

108. “Thế nên, các ngươi hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١٠٨

109. “Ta không đòi các ngươi trả thù lao cho việc đó mà chính Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng cho Ta.”

وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ
رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٠٩

110. “Thế nên, các ngươi hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١١٠

111. Họ (đáp lại lời kêu gọi của Nuh), nói : “Lẽ nào bọn ta lại phải tin ngươi trong khi những kẻ đi theo ngươi toàn là những tên bần cùng?!”

۞قَالُوٓاْ أَنُؤۡمِنُ لَكَ وَٱتَّبَعَكَ ٱلۡأَرۡذَلُونَ ١١١

112. (Nuh) bảo: “Ta không biết điều họ đã từng làm.”(1)[i]

قَالَ وَمَا عِلۡمِي بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١١٢

113. “Việc phán xét họ là ở thẩm quyền nơi Thượng Đế của Ta, nếu các ngươi cảm nhận được.”

إِنۡ حِسَابُهُمۡ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّيۖ لَوۡ تَشۡعُرُونَ ١١٣

114. “Ta không có quyền xua đuổi những người có đức tin.”

وَمَآ أَنَا۠ بِطَارِدِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١١٤

115. “Quả thật Ta chỉ là một người cảnh báo công khai mà thôi.”

إِنۡ أَنَا۠ إِلَّا نَذِيرٞ مُّبِينٞ ١١٥

116. Họ (dọa Nuh), bảo: “Này Nuh, nếu ngươi không chịu dừng lại, bọn ta sẽ ném đá giết chết ngươi.”

قَالُواْ لَئِن لَّمۡ تَنتَهِ يَٰنُوحُ لَتَكُونَنَّ مِنَ
ٱلۡمَرۡجُومِينَ ١١٦

[i] (1) Ý của Nuh: “Ta không nhất thiết phải quan tâm đến hoàn cảnh của họ, những ai đã theo Ta. Ta chỉ có nhiệm vụ là chấp nhận sự thành tâm và trung thực của họ, còn những điều bí mật ở nơi họ thì Ta phó mặc cho Allah, nó thuộc thẩm quyền của Ngài.”

117. Nuh cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, đám dân của bề tôi đã phủ nhận bề tôi.”

قَالَ رَبِّ إِنَّ قَوۡمِي كَذَّبُونِ ١١٧

118. “Xin Ngài mở lối giữa bề tôi và họ, xin Ngài giải cứu bề tôi và những người có đức tin đã đi theo bề tôi.”

فَٱفۡتَحۡ بَيۡنِي وَبَيۡنَهُمۡ فَتۡحٗا وَنَجِّنِي وَمَن مَّعِيَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١١٨

119. Thế là TA đã giải cứu (Nuh) và những ai đi theo Y trên một chiếc tàu đầy ắp.

فَأَنجَيۡنَٰهُ وَمَن مَّعَهُۥ فِي ٱلۡفُلۡكِ ٱلۡمَشۡحُونِ ١١٩

120. Rồi TA nhấn chìm toàn bộ đám người còn lại (trong biển nước của trận đại hồng thủy).

ثُمَّ أَغۡرَقۡنَا بَعۡدُ ٱلۡبَاقِينَ ١٢٠

121. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu (làm bài học cho những ai phủ nhận Thiên Sứ của Allah), tuy nhiên, đa số bọn họ không có đức tin.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ١٢١

122. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ١٢٢

123. Người dân ‘Ad đã chối bỏ tất cả Thiên Sứ (của Allah).

كَذَّبَتۡ عَادٌ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٢٣

124. Khi Hud, người anh em của họ bảo họ: “Các người không sợ (Allah) sao?”

إِذۡ قَالَ لَهُمۡ أَخُوهُمۡ هُودٌ أَلَا تَتَّقُونَ ١٢٤

125. “Ta đúng thực là Thiên Sứ đáng tin được (Allah) phái đến cho các người.”

إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ١٢٥

126. “Thế nên, các người hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١٢٦

127. “Ta không đòi các người trả thù lao cho việc đó mà chính Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng cho Ta.”

وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٢٧

128. “Phải chăng các người đã xây cất trên cao (những ngôi nhà kiêng cố) để khoe khoang ư?”

أَتَبۡنُونَ بِكُلِّ رِيعٍ ءَايَةٗ تَعۡبَثُونَ ١٢٨

129. “Lẽ nào các người xây cất những lâu đài kiên cố để mong ở trong đó vĩnh viễn?”

وَتَتَّخِذُونَ مَصَانِعَ لَعَلَّكُمۡ تَخۡلُدُونَ ١٢٩

130. “Và khi các người đàn áp, các người đàn áp như những bạo chúa.”

وَإِذَا بَطَشۡتُم بَطَشۡتُمۡ جَبَّارِينَ ١٣٠

131. “Các người hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١٣١

132. “Các người hãy sợ Đấng đã trợ giúp các người biết bao thiên ân mà các người biết.”

وَٱتَّقُواْ ٱلَّذِيٓ أَمَدَّكُم بِمَا تَعۡلَمُونَ ١٣٢

133. “Ngài đã ban cho các người gia súc và con cái.”

أَمَدَّكُم بِأَنۡعَٰمٖ وَبَنِينَ ١٣٣

134. “(Ngài đã ban cho các người) vườn tược và suối nước.”

وَجَنَّٰتٖ وَعُيُونٍ ١٣٤

135. “Ta thật sự lo sợ cho các người về sự trừng phạt của một Ngày Vĩ Đại.”

إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ١٣٥

136. (Đám dân của Hud đáp lại lời kêu gọi của Y), nói: “Dù ngươi có cảnh báo hay không cảnh báo, điều đó cũng bằng thừa đối với bọn ta mà thôi.”

قَالُواْ سَوَآءٌ عَلَيۡنَآ أَوَعَظۡتَ أَمۡ لَمۡ تَكُن مِّنَ
ٱلۡوَٰعِظِينَ ١٣٦

137. “Đây đúng là phong cách và lối suy nghĩ của người xưa.”

إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا خُلُقُ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٣٧

138. “Và bọn ta chắc chắn sẽ không bị trừng phạt.”

وَمَا نَحۡنُ بِمُعَذَّبِينَ ١٣٨

139. Thế là họ chối bỏ Y nên đã bị tiêu diệt. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu, nhưng đa số bọn họ không có đức tin.

فَكَذَّبُوهُ فَأَهۡلَكۡنَٰهُمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ
أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ١٣٩

140. Quả thật Thượng Đế của Ngươi là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ١٤٠

141. Người dân Thamud đã chối bỏ tất cả Thiên Sứ (của Allah).

كَذَّبَتۡ ثَمُودُ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٤١

142. Khi Saleh, người anh em của họ bảo họ: “Các người không sợ (Allah) sao?”

إِذۡ قَالَ لَهُمۡ أَخُوهُمۡ صَٰلِحٌ أَلَا تَتَّقُونَ ١٤٢

143. “Ta đúng thực là Thiên Sứ đáng tin được (Allah) phái đến cho các người.”

إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ١٤٣

144. “Thế nên, các người hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١٤٤

145. “Ta không đòi các người trả thù lao cho việc đó mà chính Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng cho Ta.”

وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ
رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٤٥

146. “Lẽ nào các người sẽ được an toàn hưởng thụ những tiện nghi hiện có nơi đây?”

أَتُتۡرَكُونَ فِي مَا هَٰهُنَآ ءَامِنِينَ ١٤٦

147. “Trong những ngôi vườn và suối nước?”

فِي جَنَّٰتٖ وَعُيُونٖ ١٤٧

148. “Với những nương rẫy và vườn chà là kết trái chín mộng?”

وَزُرُوعٖ وَنَخۡلٖ طَلۡعُهَا هَضِيمٞ ١٤٨

149. “Và các người giỏi đục núi xây nhà kiêng cố.”

وَتَنۡحِتُونَ مِنَ ٱلۡجِبَالِ بُيُوتٗا فَٰرِهِينَ ١٤٩

150. “Các người hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١٥٠

151. “Các người chớ nghe theo mệnh lệnh của những kẻ thái quá.”

وَلَا تُطِيعُوٓاْ أَمۡرَ ٱلۡمُسۡرِفِينَ ١٥١

152. “Họ là những kẻ làm điều xấu xa và tội lỗi khắp nơi nhưng không chịu sửa mình.”

ٱلَّذِينَ يُفۡسِدُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا يُصۡلِحُونَ ١٥٢

153. (Đám dân của Saleh đáp lại lời kêu gọi của Y), nói: “Ngươi đúng là đã bị trúng tà.”

قَالُوٓاْ إِنَّمَآ أَنتَ مِنَ ٱلۡمُسَحَّرِينَ ١٥٣

154. “Ngươi chẳng qua cũng chỉ là một người phàm như bọn ta. Nhưng nếu ngươi nói thật thì ngươi hãy mang ra cho bọn ta thứ gì đó chứng minh xem nào.”

مَآ أَنتَ إِلَّا بَشَرٞ مِّثۡلُنَا فَأۡتِ بِـَٔايَةٍ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ١٥٤

155. (Saleh) bảo họ: “Đây là con lạc đà cái (mà Allah đã mang nó ra từ tảng đá), nó sẽ uống phần nước của nó và các người sẽ uống phần nước của các người vào ngày được ấn định.”

قَالَ هَٰذِهِۦ نَاقَةٞ لَّهَا شِرۡبٞ وَلَكُمۡ شِرۡبُ يَوۡمٖ مَّعۡلُومٖ ١٥٥

156. “Các người không được làm hại đến nó, nếu không các người sẽ bị trừng phạt vào một Ngày Vĩ Đại.”

وَلَا تَمَسُّوهَا بِسُوٓءٖ فَيَأۡخُذَكُمۡ عَذَابُ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ١٥٦

157. Nhưng rồi họ đã đâm cổ nó và tỏ ra hối hận sau đó.

فَعَقَرُوهَا فَأَصۡبَحُواْ نَٰدِمِينَ ١٥٧

158. Thế là họ đã bị hình phạt túm lấy. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu (bài học cho những ai phủ nhận và không vâng lời các vị Thiên Sứ của Allah); tuy nhiên, đa số bọn họ không có đức tin.

فَأَخَذَهُمُ ٱلۡعَذَابُۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ١٥٨

159. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ١٥٩

160. Người dân của Lut đã chối bỏ tất cả Thiên Sứ (của Allah).

كَذَّبَتۡ قَوۡمُ لُوطٍ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٦٠

161. Khi Lut, người anh em của họ bảo họ: “Các người không sợ (Allah) sao?”

إِذۡ قَالَ لَهُمۡ أَخُوهُمۡ لُوطٌ أَلَا تَتَّقُونَ ١٦١

162. “Ta đúng thực là Thiên Sứ đáng tin được (Allah) phái đến cho các người.”

إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ١٦٢

163. “Thế nên, các người hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١٦٣

164. “Ta không đòi các người trả thù lao cho việc đó mà chính Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng cho Ta.”

وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٦٤

165. “Sao các người lại tìm đến đàn ông trong vũ trụ này để thỏa mãn tình dục,”

أَتَأۡتُونَ ٱلذُّكۡرَانَ مِنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٦٥

166. “Và bỏ rơi những người mà Thượng Đế của các người đã tạo ra cho các người để làm vợ? Không, các người thực sự là những kẻ thái quá.”

وَتَذَرُونَ مَا خَلَقَ لَكُمۡ رَبُّكُم مِّنۡ أَزۡوَٰجِكُمۚ بَلۡ أَنتُمۡ قَوۡمٌ عَادُونَ ١٦٦

167. (Đám dân của Lut dọa Y), bảo: “Này Lut, nếu ngươi không chịu dừng lại, bọn ta sẽ trục xuất ngươi ra khỏi xứ.”

قَالُواْ لَئِن لَّمۡ تَنتَهِ يَٰلُوطُ لَتَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُخۡرَجِينَ ١٦٧

168. (Lut) nói với họ: “Ta là một người căm ghét việc làm của các người.”

قَالَ إِنِّي لِعَمَلِكُم مِّنَ ٱلۡقَالِينَ ١٦٨

169. (Lut cầu nguyện): “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài giải cứu bề tôi và gia đình của bề tôi thoát khỏi hành vi xấu của họ.”

رَبِّ نَجِّنِي وَأَهۡلِي مِمَّا يَعۡمَلُونَ ١٦٩

170. Thế là TA (Allah) đã giải cứu Lut và toàn bộ gia đình của Y.

فَنَجَّيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥٓ أَجۡمَعِينَ ١٧٠

171. Trừ vợ của Y (là kẻ vô đức tin), nữ ta sẽ ở cùng đám người bị trừng phạt.

إِلَّا عَجُوزٗا فِي ٱلۡغَٰبِرِينَ ١٧١

172. Sau đó TA đã tiêu diệt toàn bộ đám người còn lại.

ثُمَّ دَمَّرۡنَا ٱلۡأٓخَرِينَ ١٧٢

173. TA đã trừng phạt họ bằng một trận mưa khủng khiếp; đúng là một trận mưa kinh hoàng cho đám người được cảnh báo trước.

وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهِم مَّطَرٗاۖ فَسَآءَ مَطَرُ ٱلۡمُنذَرِينَ ١٧٣

174. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu (bài học cho những ai phủ nhận và không vâng lời các vị Thiên Sứ của Allah); tuy nhiên, đa số bọn họ không có đức tin.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ١٧٤

175. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ١٧٥

176. Dân chúng Aikah (một khu rừng gần địa phận Madyan) đã chối bỏ tất cả Thiên Sứ (Allah).

كَذَّبَ أَصۡحَٰبُ لۡـَٔيۡكَةِ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٧٦

177. Khi Shu’aib bảo họ: “Các người không sợ (Allah) sao?”

إِذۡ قَالَ لَهُمۡ شُعَيۡبٌ أَلَا تَتَّقُونَ ١٧٧

178. “Ta đúng thực là Thiên Sứ đáng tin được (Allah) phái đến cho các người.”

إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ١٧٨

179. “Thế nên, các người hãy kính sợ Allah và vâng lời Ta.”

فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ١٧٩

180. “Ta không đòi các người trả thù lao cho việc đó mà chính Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng cho Ta.”

وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ
رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٨٠

181. “Các người hãy đong cho đủ, chớ là những kẻ làm cho người khác mất mát (gian lận, đong không đủ khi bán).”

۞أَوۡفُواْ ٱلۡكَيۡلَ وَلَا تَكُونُواْ مِنَ ٱلۡمُخۡسِرِينَ ١٨١

182. “Và khi cân các người hãy để cho bàn cân được ngay thẳng.”

وَزِنُواْ بِٱلۡقِسۡطَاسِ ٱلۡمُسۡتَقِيمِ ١٨٢

183. “Các người chớ gian lận thiên hạ bằng cách cân thiếu và cũng chớ đi khắp trái đất để gieo rắc tội lỗi.”

وَلَا تَبۡخَسُواْ ٱلنَّاسَ أَشۡيَآءَهُمۡ وَلَا تَعۡثَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ
مُفۡسِدِينَ ١٨٣

184. “Các người hãy sợ Allah, Đấng đã tạo hóa các người và những thế hệ trước.”

وَٱتَّقُواْ ٱلَّذِي خَلَقَكُمۡ وَٱلۡجِبِلَّةَ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٨٤

185. (Đám dân Aikah đáp lại lời kêu gọi của Shu’aib), nói : “Quả thật, ngươi đã bị trúng tà.”

قَالُوٓاْ إِنَّمَآ أَنتَ مِنَ ٱلۡمُسَحَّرِينَ ١٨٥

186. “Ngươi chẳng qua cũng chỉ là một người phàm như bọn ta và bọn ta nghĩ ngươi là tên nói dối.”

وَمَآ أَنتَ إِلَّا بَشَرٞ مِّثۡلُنَا وَإِن نَّظُنُّكَ لَمِنَ
ٱلۡكَٰذِبِينَ ١٨٦

187. “Nhưng nếu ngươi nói thật thì ngươi hãy khiến cho một phần của bầu trời rơi xuống đè bọn ta thử xem nào.”

فَأَسۡقِطۡ عَلَيۡنَا كِسَفٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ إِن كُنتَ مِنَ
ٱلصَّٰدِقِينَ ١٨٧

188. (Shu’aib) nói với họ: “Thượng Đế của Ta, Ngài biết rõ điều mà các người làm.”

قَالَ رَبِّيٓ أَعۡلَمُ بِمَا تَعۡمَلُونَ ١٨٨

189. Họ đã phủ nhận (Shu’aib). Cho nên, họ đã bị hình phạt túm lấy vào một ngày tối trời, đó là sự trừng phạt của một Ngày Vĩ Đại.

فَكَذَّبُوهُ فَأَخَذَهُمۡ عَذَابُ يَوۡمِ ٱلظُّلَّةِۚ إِنَّهُۥ كَانَ
عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٍ ١٨٩

190. Quả thật, trong sự việc đó là một dấu hiệu (bài học cho những ai phủ nhận và không vâng lời các vị Thiên Sứ của Allah); tuy nhiên, đa số bọn họ không có đức tin.

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ١٩٠

191. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ١٩١

192. Quả thật, Nó (Qur’an) đích thực được Thượng Đế của vũ trụ ban xuống.

وَإِنَّهُۥ لَتَنزِيلُ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٩٢

193. Do Ruh (đại Thiên Thần Jibril) đáng tin mang Nó xuống.

نَزَلَ بِهِ ٱلرُّوحُ ٱلۡأَمِينُ ١٩٣

194. Đặt vào con tim của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) để Ngươi trở thành một Người cảnh báo.

عَلَىٰ قَلۡبِكَ لِتَكُونَ مِنَ ٱلۡمُنذِرِينَ ١٩٤

195. Bằng tiếng Ả-rập rõ ràng.

بِلِسَانٍ عَرَبِيّٖ مُّبِينٖ ١٩٥

196. Nó quả thật đã được nhắc đến trong những Kinh Sách trước.

وَإِنَّهُۥ لَفِي زُبُرِ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٩٦

197. Lẽ nào không có một dấu hiệu nào cho (những kẻ phủ nhận) trong khi các học giả của dân Israel biết rõ Nó?

أَوَلَمۡ يَكُن لَّهُمۡ ءَايَةً أَن يَعۡلَمَهُۥ عُلَمَٰٓؤُاْ بَنِيٓ
إِسۡرَٰٓءِيلَ ١٩٧

198. Nếu TA thực sự đã thiên khải Nó xuống cho một số người không phải dân Ả-rập.

وَلَوۡ نَزَّلۡنَٰهُ عَلَىٰ بَعۡضِ ٱلۡأَعۡجَمِينَ ١٩٨

199. Rồi y đọc lại cho họ nghe thì chắc rằng họ đã không tin vào Nó.

فَقَرَأَهُۥ عَلَيۡهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ مُؤۡمِنِينَ ١٩٩

200. Bằng cách đó, TA đã làm nó (sự vô đức tin) thấm nhuần vào tim của những kẻ tội lỗi.

كَذَٰلِكَ سَلَكۡنَٰهُ فِي قُلُوبِ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ٢٠٠

201. Họ sẽ không tin tưởng Nó cho đến khi họ thấy được sự trừng phạt đau đớn.

لَا يُؤۡمِنُونَ بِهِۦ حَتَّىٰ يَرَوُاْ ٱلۡعَذَابَ ٱلۡأَلِيمَ ٢٠١

202. Nó sẽ bất ngờ túm lấy họ trong lúc họ không hay biết.

فَيَأۡتِيَهُم بَغۡتَةٗ وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ٢٠٢

203. Lúc đó họ sẽ nói: “Chúng tôi có được gia hạn thêm không?”

فَيَقُولُواْ هَلۡ نَحۡنُ مُنظَرُونَ ٢٠٣

204. Vậy sao họ lại hối thúc hình phạt mau đến?

أَفَبِعَذَابِنَا يَسۡتَعۡجِلُونَ ٢٠٤

205. Há Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) có nhận thấy rằng việc TA cho họ hưởng lạc thêm nhiều năm nữa,

أَفَرَءَيۡتَ إِن مَّتَّعۡنَٰهُمۡ سِنِينَ ٢٠٥

206. Rồi sau đó, hình phạt đã được hứa mới đến chụp bắt họ,

ثُمَّ جَآءَهُم مَّا كَانُواْ يُوعَدُونَ ٢٠٦

207. Thì việc hưởng thụ đó chẳng giúp ích gì cho họ cả?

مَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يُمَتَّعُونَ ٢٠٧

208. TA đã không tiêu diệt bất cứ ngôi làng nào ngoại trừ đã có những người đến cảnh báo nó.

وَمَآ أَهۡلَكۡنَا مِن قَرۡيَةٍ إِلَّا لَهَا مُنذِرُونَ ٢٠٨

209. Như một sự nhắc nhở (đến cư dân của nó) bởi lẽ TA không hề bất công.

ذِكْرَىٰ وَمَا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٢٠٩

210. (Qur'an) không phải do những tên Shaytan mang xuống.

وَمَا تَنَزَّلَتْ بِهِ ٱلشَّيَٰطِينُ ٢١٠

211. Việc làm này không thích hợp cho chúng và chúng cũng không có khả năng (cho việc này).

وَمَا يَنۢبَغِي لَهُمْ وَمَا يَسْتَطِيعُونَ ٢١١

212. Quả thật chúng đã bị đuổi ra xa không được cho nghe (Qur'an).

إِنَّهُمْ عَنِ ٱلسَّمْعِ لَمَعْزُولُونَ ٢١٢

213. Do đó, Ngươi chớ cầu nguyện bất cứ thần linh nào khác cùng với Allah, nếu không Ngươi sẽ cùng nhóm với đám người bị trừng phạt.

فَلَا تَدْعُ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ فَتَكُونَ مِنَ
ٱلْمُعَذَّبِينَ ٢١٣

214. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy cảnh báo họ hàng thân tộc của Ngươi.

وَأَنذِرْ عَشِيرَتَكَ ٱلْأَقْرَبِينَ ٢١٤

215. Ngươi hãy cư xử từ tốn và nhẹ nhàng với những người có đức tin theo Ngươi.

وَٱخْفِضْ جَنَاحَكَ لِمَنِ ٱتَّبَعَكَ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ٢١٥

216. Nếu họ bất tuân Ngươi thì Ngươi hãy nói: "Ta vô can với những điều các người làm."

فَإِنْ عَصَوْكَ فَقُلْ إِنِّي بَرِيٓءٌ مِّمَّا تَعْمَلُونَ ٢١٦

217. Ngươi hãy phó thác cho Đấng Quyền Lực, Nhân Từ.

وَتَوَكَّلْ عَلَى ٱلْعَزِيزِ ٱلرَّحِيمِ ٢١٧

218. Đấng mà Ngài nhìn thấy Ngươi khi Ngươi đứng lễ nguyện Salah.

ٱلَّذِي يَرَىٰكَ حِينَ تَقُومُ ٢١٨

219. (Ngài nhìn thấy Ngươi) cả lúc Ngươi đổi động tác cúi xuống quỳ lạy.

وَتَقَلُّبَكَ فِي ٱلسَّٰجِدِينَ ٢١٩

220. Bởi Ngài đích thực là Đấng Hằng Nghe, Toàn Tri.

إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْعَلِيمُ ٢٢٠

221. Các ngươi có muốn TA nói cho biết ai là kẻ mà lũ Shaytan thường xuống gặp không?

هَلْ أُنَبِّئُكُمْ عَلَىٰ مَن تَنَزَّلُ ٱلشَّيَٰطِينُ ٢٢١

222. (Shaytan) thường hay đến gặp những kẻ nói dối và tội lỗi.

تَنَزَّلُ عَلَىٰ كُلِّ أَفَّاكٍ أَثِيمٍ ٢٢٢

223. Chúng nói lại những thứ nghe được nhưng đa phần là bịa đặt.(2)[i]

يُلْقُونَ ٱلسَّمْعَ وَأَكْثَرُهُمْ كَٰذِبُونَ ٢٢٣

---

[i] (2) Những tên Jinn Shaytan nghe trộm những điều ở trên trời rồi truyền lại những gì nghe được cho những kẻ bói toán nhưng đa số những tên thầy bói đều là những kẻ nói dối. Shaytan bịa đặt một điều dối, những tên thầy bói bịa đặt thêm cả trăm điều.

224. Và chỉ những kẻ lầm lạc mới nghe theo những tên thi sĩ.	وَٱلشُّعَرَآءُ يَتَّبِعُهُمُ ٱلۡغَاوُۥنَ ﴿٢٢٤﴾
225. Lẽ nào Ngươi không thấy họ lang thang vơ vẩn trong mỗi thung lũng để ngâm thơ hay sao?	أَلَمۡ تَرَ أَنَّهُمۡ فِي كُلِّ وَادٖ يَهِيمُونَ ﴿٢٢٥﴾
226. Quả thật, họ chỉ nói những điều họ không làm.	وَأَنَّهُمۡ يَقُولُونَ مَا لَا يَفۡعَلُونَ ﴿٢٢٦﴾
227. Ngoại trừ (những thi sĩ) có đức tin, làm việc thiện tốt, tụng niệm Allah nhiều và đã giành được thắng lợi sau khi đã bị đối xử bất công. Và những kẻ sai quấy sẽ sớm biết đâu là nơi mà mình sẽ phải quay về.	إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَذَكَرُواْ ٱللَّهَ كَثِيرٗا وَٱنتَصَرُواْ مِنۢ بَعۡدِ مَا ظُلِمُواْۗ وَسَيَعۡلَمُ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ أَيَّ مُنقَلَبٖ يَنقَلِبُونَ ﴿٢٢٧﴾

An-Naml (Con Kiến) النمل

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ta. Sin. Đây là những câu Kinh Qur’an, một Kinh Sách rõ ràng (không mơ hồ và thần bí).

طسٓۚ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡقُرۡءَانِ وَكِتَابٖ مُّبِينٍ ١

2. Một nguồn Chỉ Đạo và tin mừng cho những người có đức tin.

هُدٗى وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُؤۡمِنِينَ ٢

3. Những ai chu đáo dâng lễ nguyện Salah, xuất Zakat và tin kiên định nơi cõi Đời Sau.

ٱلَّذِينَ يُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُم
بِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ يُوقِنُونَ ٣

4. Còn đối với những ai không có đức tin nơi cõi Đời Sau, TA (Allah) đã khiến cho việc làm của họ tỏ ra đẹp đẽ trong mắt của họ để họ cứ vẩn vơ lang thang.

إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ زَيَّنَّا لَهُمۡ أَعۡمَٰلَهُمۡ
فَهُمۡ يَعۡمَهُونَ ٤

5. Những kẻ đó sẽ phải chịu một sự trừng phạt nhục nhã và họ sẽ là đám người thất bại thảm hại ở Đời Sau.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَهُمۡ سُوٓءُ ٱلۡعَذَابِ وَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ
هُمُ ٱلۡأَخۡسَرُونَ ٥

6. Quả thật Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã tiếp thu Qur’an từ Đấng Anh Minh, Toàn Tri.

وَإِنَّكَ لَتُلَقَّى ٱلۡقُرۡءَانَ مِن لَّدُنۡ حَكِيمٍ عَلِيمٍ ٦

7. (Ngươi hãy nhớ lại) khi Musa bảo người nhà của Y: “Ta đã nhìn thấy một ngọn lửa ở đằng xa, Ta sẽ mang về cho các người tin tức từ chỗ ngọn lửa đó hoặc có thể Ta sẽ mang về cho các người một khúc củi cháy để các người sưởi ấm.”

إِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِأَهۡلِهِۦٓ إِنِّيٓ ءَانَسۡتُ نَارٗا سَـَٔاتِيكُم
مِّنۡهَا بِخَبَرٍ أَوۡ ءَاتِيكُم بِشِهَابٖ قَبَسٖ لَّعَلَّكُمۡ
تَصۡطَلُونَ ٧

8. Rồi khi (Musa) đến chỗ ngọn lửa thì có tiếng gọi, bảo: “Phúc cho ai đang ở gần lửa và cho ai đang ở xung quanh nó; và quang vinh và trong sạch thay Allah, Thượng Đế của toàn vũ trụ và muôn loài.”

فَلَمَّا جَآءَهَا نُودِيَ أَنۢ بُورِكَ مَن فِي ٱلنَّارِ وَمَنۡ
حَوۡلَهَا وَسُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٨

9. “Hỡi Musa, TA chính là Allah, Đấng Quyền Lực, Đấng Sáng Suốt.”

يَٰمُوسَىٰٓ إِنَّهُۥٓ أَنَا ٱللَّهُ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٩

10. “Ngươi hãy ném chiếc gậy của Ngươi xuống.” (Musa liền làm theo) nhưng khi thấy nó động đậy giống như một con rắn, Y liền bỏ chạy không dám quay lại nhìn. (TA – Allah phán bảo Y): “Hỡi Musa, Ngươi đừng hoảng sợ, bởi chưa từng có vị Thiên Sứ nào hoảng sợ trước mặt TA cả.”

وَأَلۡقِ عَصَاكَۚ فَلَمَّا رَءَاهَا تَهۡتَزُّ كَأَنَّهَا جَآنّٞ وَلَّىٰ
مُدۡبِرٗا وَلَمۡ يُعَقِّبۡۚ يَٰمُوسَىٰ لَا تَخَفۡ إِنِّي لَا يَخَافُ
لَدَيَّ ٱلۡمُرۡسَلُونَ ١٠

11. “Ngoại trừ những ai đã bất công với bản thân, tuy nhiên, sau đó họ làm điều thiện để chuộc lỗi lầm thì quả thật TA là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Khoan Dung.”

إِلَّا مَن ظَلَمَ ثُمَّ بَدَّلَ حُسۡنَۢا بَعۡدَ سُوٓءٖ فَإِنِّي غَفُورٞ
رَّحِيمٞ ١١

12. “Ngươi hãy cho bàn tay Ngươi vào lòng ngực mình, khi rút ra bàn tay Ngươi sẽ trở nên trắng toát nhưng không phải là bệnh. Đó là một trong số chín phép lạ(1), Ngươi hãy mang đi trình bày cho Pha-ra-ông và đám thuộc hạ của hắn. Quả thật chúng là một đám người ương ngạnh, đại nghịch và bất tuân.”[1]

وَأَدۡخِلۡ يَدَكَ فِي جَيۡبِكَ تَخۡرُجۡ بَيۡضَآءَ مِنۡ غَيۡرِ
سُوٓءٖۖ فِي تِسۡعِ ءَايَٰتٍ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَقَوۡمِهِۦٓۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ
قَوۡمٗا فَٰسِقِينَ ١٢

13. Nhưng khi những phép lạ của TA được mang đến cho chúng để chúng tận mắt chứng kiến thì chúng bảo: “Đây rõ ràng là một trò ảo thuật!”

فَلَمَّا جَآءَتۡهُمۡ ءَايَٰتُنَا مُبۡصِرَةٗ قَالُواْ هَٰذَا سِحۡرٞ
مُّبِينٞ ١٣

14. Chúng đã chống đối và ngạo mạn mặc dù trong thâm tâm chúng đã thừa nhận (các phép lạ đó là sự thật). Bởi vậy, Ngươi hãy nhìn xem những kẻ thối nát đã gặp phải hậu quả như thế nào.

وَجَحَدُواْ بِهَا وَٱسۡتَيۡقَنَتۡهَآ أَنفُسُهُمۡ ظُلۡمٗا وَعُلُوّٗاۚ
فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ١٤

15. Quả thật, TA đã ban cho Dawood (David) và Sulayman (Solomon) nguồn kiến thức, và cả hai nói: Alhamdulillah, Đấng đã ưu đãi bầy tôi nhiều hơn đám bề tôi có đức tin khác của Ngài.”

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا دَاوُۥدَ وَسُلَيۡمَٰنَ عِلۡمٗاۖ وَقَالَا ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ
ٱلَّذِي فَضَّلَنَا عَلَىٰ كَثِيرٖ مِّنۡ عِبَادِهِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٥

16. Sulayman đã kế thừa Dawood, Y bảo: “Hỡi nhân loại, Ta đã được dạy cho kiến thức về tiếng nói của loài chim và đã được ban cho đủ mọi thứ và đây rõ ràng là một hồng phúc.”

وَوَرِثَ سُلَيۡمَٰنُ دَاوُۥدَۖ وَقَالَ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ عُلِّمۡنَا
مَنطِقَ ٱلطَّيۡرِ وَأُوتِينَا مِن كُلِّ شَيۡءٍۖ إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ
ٱلۡفَضۡلُ ٱلۡمُبِينُ ١٦

17. Đoàn quân của Sulayman gồm Jinn, con người và chim chóc đã được triệu tập trước mặt Y theo đội ngũ chỉnh tề.

وَحُشِرَ لِسُلَيۡمَٰنَ جُنُودُهُۥ مِنَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِ وَٱلطَّيۡرِ
فَهُمۡ يُوزَعُونَ ١٧

18. Khi đoàn quân đến một thung lũng của loài kiến (thuộc địa phận của Sham), một con kiến lên tiếng: “Hỡi loài kiến, các ngươi hãy mau lui vào chỗ ở của các ngươi kẻo Sulayman và đoàn quân của Người (vô tình) giẫm nát các ngươi trong lúc họ không hề hay biết.”

حَتَّىٰٓ إِذَآ أَتَوۡاْ عَلَىٰ وَادِ ٱلنَّمۡلِ قَالَتۡ نَمۡلَةٞ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلنَّمۡلُ ٱدۡخُلُواْ مَسَٰكِنَكُمۡ لَا يَحۡطِمَنَّكُمۡ سُلَيۡمَٰنُ
وَجُنُودُهُۥ وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ١٨

[1] (1) Những phép lạ còn lại là hạn hán, mất mùa, lũ lụt, nạn cào cào, nạn chấy rận, nạn ếch nhái và máu.

19. Lấy làm vui thích trước lời nói của kiến, Sulayman mỉm cười và khấn vái: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài hãy khiến cho bề tôi biết tạ ơn Ngài về những ân huệ mà Ngài đã ban cho bề tôi, cho cha mẹ của bề tôi, hãy khiến bề tôi làm việc thiện hồng làm hài lòng Ngài và xin lấy đức khoan dung của Ngài mà thâu nhận bề tôi vào đám bầy tôi sùng đạo của Ngài.”

فَتَبَسَّمَ ضَاحِكٗا مِّن قَوۡلِهَا وَقَالَ رَبِّ أَوۡزِعۡنِيٓ أَنۡ أَشۡكُرَ نِعۡمَتَكَ ٱلَّتِيٓ أَنۡعَمۡتَ عَلَيَّ وَعَلَىٰ وَٰلِدَيَّ وَأَنۡ أَعۡمَلَ صَٰلِحٗا تَرۡضَىٰهُ وَأَدۡخِلۡنِي بِرَحۡمَتِكَ فِي عِبَادِكَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١٩

20. Rồi khi (Sulayman) kiểm tra đoàn chim, Y bảo: “Sao Ta không thấy con Hudhud(2) đâu cả, phải chăng nó vắng mặt?”[1]

وَتَفَقَّدَ ٱلطَّيۡرَ فَقَالَ مَالِيَ لَآ أَرَى ٱلۡهُدۡهُدَ أَمۡ كَانَ مِنَ ٱلۡغَآئِبِينَ ٢٠

21. “Ta chắc chắn sẽ phạt nó thật nặng hoặc Ta sẽ giết nó hoặc nó sẽ phải cho Ta biết lý do rõ ràng (về việc nó đã vắng mặt).”

لَأُعَذِّبَنَّهُۥ عَذَابٗا شَدِيدًا أَوۡ لَأَاْذۡبَحَنَّهُۥٓ أَوۡ لَيَأۡتِيَنِّي بِسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٖ ٢١

22. Không dám chậm trễ, con chim liền vội vàng bay về thưa (với Sulayman): “Hạ thần đã phát hiện ra một điều mà bệ hạ chưa biết và hạ thần đã mang về cho bệ hạ một nguồn tin chắc chắn từ xứ Saba' (Sheba).”

فَمَكَثَ غَيۡرَ بَعِيدٖ فَقَالَ أَحَطتُ بِمَا لَمۡ تُحِطۡ بِهِۦ وَجِئۡتُكَ مِن سَبَإِۭ بِنَبَإٖ يَقِينٍ ٢٢

23. “Hạ thần đã phát hiện thấy có một nữ vương cai trị dân chúng, nữ vương đó đã được cung phụng đầy đủ mọi thứ và làm chủ một ngai vương vĩ đại.”

إِنِّي وَجَدتُّ ٱمۡرَأَةٗ تَمۡلِكُهُمۡ وَأُوتِيَتۡ مِن كُلِّ شَيۡءٖ وَلَهَا عَرۡشٌ عَظِيمٞ ٢٣

24. “Hạ thần thấy nữ vương đó cùng dân chúng của mình quỳ lạy mặt trời thay vì Allah. Shaytan đã quyến rũ họ khiến họ thích thú với việc làm của mình, hắn đã ngăn cản họ xa lánh con đường Chân Lý nên họ không được hướng dẫn.”

وَجَدتُّهَا وَقَوۡمَهَا يَسۡجُدُونَ لِلشَّمۡسِ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَزَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَصَدَّهُمۡ عَنِ ٱلسَّبِيلِ فَهُمۡ لَا يَهۡتَدُونَ ٢٤

25. “Để họ không quỳ lạy Allah, Đấng trưng bày những điều bí mật trong các tầng trời và đất, Đấng biết rõ mọi điều quí ngài giấu kín cũng như những điều quí ngài phơi bày.”

أَلَّا يَسۡجُدُواْۤ لِلَّهِ ٱلَّذِي يُخۡرِجُ ٱلۡخَبۡءَ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَيَعۡلَمُ مَا تُخۡفُونَ وَمَا تُعۡلِنُونَ ٢٥

26. “Allah là Đấng mà Không có Thượng Đế (đích thực) nào khác ngoài Ngài. Ngài là Đấng Chủ Nhân của chiếc Ngai Vương vĩ đại.”

ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ رَبُّ ٱلۡعَرۡشِ ٱلۡعَظِيمِ۩ ٢٦

27. (Sulayman) nói với (con Hudhud): “Ta sẽ xem nhà ngươi nói thật hay nhà ngươi là một tên nói dối.”

۞قَالَ سَنَنظُرُ أَصَدَقۡتَ أَمۡ كُنتَ مِنَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٢٧

28. “Nhà ngươi hãy mang bức thư này của Ta ném cho họ rồi lánh sang một bên để lắng nghe họ phúc đáp điều gì (về bức thư của Ta).”

ٱذۡهَب بِّكِتَٰبِي هَٰذَا فَأَلۡقِهۡ إِلَيۡهِمۡ ثُمَّ تَوَلَّ عَنۡهُمۡ فَٱنظُرۡ مَاذَا يَرۡجِعُونَ ٢٨

[1] (2) Chim đầu rìu còn gọi là chim gõ kiến.

29. (Nữ Vương nhận được bức thư) bảo: “Hỡi các tướng lĩnh, trẫm vừa nhận được một bức thư khả kính.”

قَالَتۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَؤُاْ إِنِّيٓ أُلۡقِيَ إِلَيَّ كِتَٰبٞ كَرِيمٌ ٢٩

30. “Nó đến từ Sulayman, nó bắt đầu bằng câu: Bismillahir rohmanir rohim (Nhân Danh Allah, Đấng Độ Lượng, Đấng Khoan Dung)”.

إِنَّهُۥ مِن سُلَيۡمَٰنَ وَإِنَّهُۥ بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ٣٠

31. “(Nội dung của nó:) Các ngươi chớ cao ngạo đối với Ta và hãy đến trình diện Ta như một người Muslim (thần phục Allah).”

أَلَّا تَعۡلُواْ عَلَيَّ وَأۡتُونِي مُسۡلِمِينَ ٣١

32. (Nữ Vương) nói (với các chư thần): “Hỡi các chư khanh, các chư khanh hãy cố vấn cho trẫm trong sự việc này. Trẫm không hề tự quyết định lấy bất kỳ sự việc nào mà không có mặt của các khanh cả.”

قَالَتۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَؤُاْ أَفۡتُونِي فِيٓ أَمۡرِي مَا كُنتُ
قَاطِعَةً أَمۡرًا حَتَّىٰ تَشۡهَدُونِ ٣٢

33. (Các quân thần) tâu: “Chúng ta vốn hùng mạnh, dày dặn kinh nghiệm chinh chiến, tuy nhiên, quyền quyết định là ở nơi bệ hạ. Xin bệ hạ xem xét mà ra lệnh.”

قَالُواْ نَحۡنُ أُوْلُواْ قُوَّةٖ وَأُوْلُواْ بَأۡسٖ شَدِيدٖ وَٱلۡأَمۡرُ
إِلَيۡكِ فَٱنظُرِي مَاذَا تَأۡمُرِينَ ٣٣

34. (Nữ Vương) bảo: “(Theo trẫm thấy), các vua chúa khi tiến vào một thị trấn nào đó (với ý định xâm lăng) thì họ sẽ tàn phá nó và bắt những người quyền thế nhất của nó xuống làm thứ dân thấp hèn nhất. Họ luôn làm như vậy (khi đã chiếm được nó).”

قَالَتۡ إِنَّ ٱلۡمُلُوكَ إِذَا دَخَلُواْ قَرۡيَةً أَفۡسَدُوهَا وَجَعَلُوٓاْ
أَعِزَّةَ أَهۡلِهَآ أَذِلَّةٗۚ وَكَذَٰلِكَ يَفۡعَلُونَ ٣٤

35. “Trẫm quyết định sai sứ thần mang lễ vật đi triều cống họ và đợi xem các sứ thần sẽ mang điều phúc đáp gì trở về.”

وَإِنِّي مُرۡسِلَةٌ إِلَيۡهِم بِهَدِيَّةٖ فَنَاظِرَةُۢ بِمَ يَرۡجِعُ
ٱلۡمُرۡسَلُونَ ٣٥

36. Khi các sứ thần đến yết kiến Sulayman, Y bảo họ: “Các ngươi định làm cho Ta giàu thêm chăng? Những gì Allah ban cho Ta tốt hơn những thứ Ngài ban cho các ngươi. Chắc các ngươi lấy làm vui thích với những cống vật của các ngươi lắm?”

فَلَمَّا جَآءَ سُلَيۡمَٰنَ قَالَ أَتُمِدُّونَنِ بِمَالٖ فَمَآ ءَاتَىٰنِۦَ
ٱللَّهُ خَيۡرٞ مِّمَّآ ءَاتَىٰكُمۚ بَلۡ أَنتُم بِهَدِيَّتِكُمۡ
تَفۡرَحُونَ ٣٦

37. “Các ngươi hãy trở về tâu lại với họ, Ta sẽ đem quân đến hỏi tội họ và chắc chắn họ sẽ không bao giờ địch nổi, Ta sẽ đuổi họ ra khỏi nơi đó một cách nhục nhã và chắc chắn họ sẽ phải quy hàng một cách hèn hạ.”

ٱرۡجِعۡ إِلَيۡهِمۡ فَلَنَأۡتِيَنَّهُم بِجُنُودٖ لَّا قِبَلَ لَهُم بِهَا
وَلَنُخۡرِجَنَّهُم مِّنۡهَآ أَذِلَّةٗ وَهُمۡ صَٰغِرُونَ ٣٧

38. (Sulayman) hỏi (các tướng chỉ huy các đoàn quân): “Hỡi các tướng lĩnh, ai trong các ngươi có thể mang ngai vàng của nữ vương kia đến cho Ta trước khi họ đến qui hàng Ta?”

قَالَ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَؤُاْ أَيُّكُمۡ يَأۡتِينِي بِعَرۡشِهَا قَبۡلَ أَن
يَأۡتُونِي مُسۡلِمِينَ ٣٨

39. (Sulayman vừa dứt lời) thì ‘Ifrit, một tên thuộc loài Jinn liền tâu: “Hạ thần sẽ mang nó về cho bệ hạ trước khi bệ hạ rời khỏi chỗ ngồi của bệ hạ. Hạ thần thực sự đủ mạnh và đáng tin cho việc đó.”

قَالَ عِفۡرِيتٞ مِّنَ ٱلۡجِنِّ أَنَا۠ ءَاتِيكَ بِهِۦ قَبۡلَ أَن
تَقُومَ مِن مَّقَامِكَۖ وَإِنِّي عَلَيۡهِ لَقَوِيٌّ أَمِينٞ ٣٩

40. (Ngay lúc đó), một người (ngoan đạo) thông thạo Kinh Sách(3) cũng liền tâu (với Sulayman): “Hạ thần sẽ mang nó về cho bệ hạ chỉ trong nháy mắt.” Bởi thế, khi (Sulayman) thấy (chiếc ngai vương) được đặt ngay trước mặt mình, Y bảo: “Đây quả thật là một thiên ân mà Thượng Đế của Ta dùng để thử thách xem Ta là một người biết ơn hay là một kẻ bội ơn. Bởi ai biết tạ ơn thì việc tạ ơn đó chỉ có lợi cho bản thân mình; ngược lại, ai bội ơn thì Thượng Đế của Ta vẫn luôn giàu có và quảng đại.”[1]

قَالَ ٱلَّذِي عِندَهُۥ عِلۡمٞ مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ أَنَا۠ ءَاتِيكَ بِهِۦ
قَبۡلَ أَن يَرۡتَدَّ إِلَيۡكَ طَرۡفُكَۚ فَلَمَّا رَءَاهُ مُسۡتَقِرًّا
عِندَهُۥ قَالَ هَٰذَا مِن فَضۡلِ رَبِّي لِيَبۡلُوَنِيٓ ءَأَشۡكُرُ أَمۡ
أَكۡفُرُۖ وَمَن شَكَرَ فَإِنَّمَا يَشۡكُرُ لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن
كَفَرَ فَإِنَّ رَبِّي غَنِيّٞ كَرِيمٞ ٤٠

41. (Sulayman) bảo (các chư thần): “Các ngươi hãy cải trang ngai vương của nữ ta để xem nữ ta có nhận ra được nó hay không?”

قَالَ نَكِّرُواْ لَهَا عَرۡشَهَا نَنظُرۡ أَتَهۡتَدِيٓ أَمۡ تَكُونُ
مِنَ ٱلَّذِينَ لَا يَهۡتَدُونَ ٤١

42. Khi nữ vương đến yết kiến, (Suylayman) liền hỏi: “Có phải ngai vương của nàng như thế này đúng không?” Nữ vương đáp: “Dường như chính là nó.” (Sulayman) bảo: “Ta (và thần dân của ta) đã được ban cho kiến thức trước nàng và (tất cả bọn ta đều) là những người Muslim (thần phục Allah).”

فَلَمَّا جَآءَتۡ قِيلَ أَهَٰكَذَا عَرۡشُكِۖ قَالَتۡ كَأَنَّهُۥ هُوَۚ
وَأُوتِينَا ٱلۡعِلۡمَ مِن قَبۡلِهَا وَكُنَّا مُسۡلِمِينَ ٤٢

43. Quả thật những thứ mà nữ vương này đã từng thờ phượng ngoài Allah đã cản trở nữ ta khiến nữ ta trở thành một trong nhóm người vô đức tin.

وَصَدَّهَا مَا كَانَت تَّعۡبُدُ مِن دُونِ ٱللَّهِۖ إِنَّهَا كَانَتۡ
مِن قَوۡمٖ كَٰفِرِينَ ٤٣

44. Rồi có lời nghinh đón nữ ta: “Xin mời nữ vương bước vào cung điện.” Khi nhìn thấy (phần nền của cung điện), nữ ta cứ ngỡ đó là một hồ nước nên đã vén váy lên làm lộ ra cẳng chân của mình. (Sulayman) bảo: “Đây là một cung điện được lót bằng pha lê.” Nữ ta thốt lên: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, bề tôi đã bất công với chính bản thân mình, giờ bề tôi xin nguyện cùng với Sulayman thần phục Allah, Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài.”

قِيلَ لَهَا ٱدۡخُلِي ٱلصَّرۡحَۖ فَلَمَّا رَأَتۡهُ حَسِبَتۡهُ لُجَّةٗ
وَكَشَفَتۡ عَن سَاقَيۡهَاۚ قَالَ إِنَّهُۥ صَرۡحٞ مُّمَرَّدٞ مِّن
قَوَارِيرَۗ قَالَتۡ رَبِّ إِنِّي ظَلَمۡتُ نَفۡسِي وَأَسۡلَمۡتُ مَعَ
سُلَيۡمَٰنَ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٤

45. Quả thật trước đây, TA (Allah) đã cử đến với người dân Thamud người anh em của họ, Saleh, Y bảo họ: “Các người hãy thờ phượng Allah.” Nhưng lúc đó họ chia thành hai nhóm tranh chấp nhau.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَآ إِلَىٰ ثَمُودَ أَخَاهُمۡ صَٰلِحًا أَنِ ٱعۡبُدُواْ
ٱللَّهَ فَإِذَا هُمۡ فَرِيقَانِ يَخۡتَصِمُونَ ٤٥

[1] (3) Các Tafsir cho biết rằng người ngoan đạo thông thạo Kinh Sách của Allah này đây đã biết được một đại danh của Allah. Khi cầu xin Allah với đại danh này của Ngài thì Ngài lập tức sẽ đáp lại.

46. (Saleh) bảo: “Hỡi dân Ta, sao các người lại cứ hối thúc điều dữ đến trước điều lành? Đáng lẽ ra các người nên cầu xin Allah tha thứ để may ra các người được khoan dung.”

قَالَ يَٰقَوۡمِ لِمَ تَسۡتَعۡجِلُونَ بِٱلسَّيِّئَةِ قَبۡلَ ٱلۡحَسَنَةِۖ
لَوۡلَا تَسۡتَغۡفِرُونَ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ﴿٤٦﴾

47. Họ (đáp trả lời kêu gọi của Saleh), nói: “Bọn ta được báo rằng Ngươi và những ai cùng Ngươi là một điềm xấu.” (Saleh) bảo họ: “Điềm xấu của các người là do Allah quyết định. Không, các người là một đám người đang bị thử thách.”

قَالُواْ ٱطَّيَّرۡنَا بِكَ وَبِمَن مَّعَكَۚ قَالَ طَٰٓئِرُكُمۡ عِندَ
ٱللَّهِۖ بَلۡ أَنتُمۡ قَوۡمٞ تُفۡتَنُونَ ﴿٤٧﴾

48. Và trong thành phố, có chín người thường hay làm điều thối nát khắp nơi nhưng không chịu sửa mình.

وَكَانَ فِي ٱلۡمَدِينَةِ تِسۡعَةُ رَهۡطٖ يُفۡسِدُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ
وَلَا يُصۡلِحُونَ ﴿٤٨﴾

49. Những kẻ đó bảo: “Chúng ta hãy cùng nhau thề với Allah rằng chúng ta nhất định sẽ giết (Saleh) và gia đình của Y vào ban đêm, rồi chúng ta sẽ nói với người thừa kế của Y rằng chúng ta không hề biết gì đến việc gia đình Y bị thủ tiêu và chúng ta hoàn toàn nói thật.”

قَالُواْ تَقَاسَمُواْ بِٱللَّهِ لَنُبَيِّتَنَّهُۥ وَأَهۡلَهُۥ ثُمَّ لَنَقُولَنَّ
لِوَلِيِّهِۦ مَا شَهِدۡنَا مَهۡلِكَ أَهۡلِهِۦ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ﴿٤٩﴾

50. Chúng đã mưu toan một kế hoạch và TA cũng đã sắp đặt một kế hoạch trong lúc chúng không hề hay biết.

وَمَكَرُواْ مَكۡرٗا وَمَكَرۡنَا مَكۡرٗا وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ﴿٥٠﴾

51. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy xem mưu đồ của chúng đã để lại kết cuộc cho chúng như thế nào, chẳng phải TA đã tiêu diệt chúng và toàn bộ đám dân của chúng đó sao?!

فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ مَكۡرِهِمۡ أَنَّا دَمَّرۡنَٰهُمۡ
وَقَوۡمَهُمۡ أَجۡمَعِينَ ﴿٥١﴾

52. Đó, nhà cửa của chúng đã trở nên hoang tàn vì những điều sai trái mà chúng đã làm. Quả thật trong sự việc đó là một bài học cho đám người hiểu biết.

فَتِلۡكَ بُيُوتُهُمۡ خَاوِيَةَۢ بِمَا ظَلَمُوٓاْۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ
لِّقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ﴿٥٢﴾

53. Và TA (Allah) đã giải cứu những người có đức tin bởi họ là những người ngoan đạo biết sợ TA.

وَأَنجَيۡنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَكَانُواْ يَتَّقُونَ ﴿٥٣﴾

54. Và khi Lut bảo người dân mình: “Lẽ nào các người làm điều ô uế trong lúc các người vẫn còn nhận thức được (điều phải trái)?”

وَلُوطًا إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦٓ أَتَأۡتُونَ ٱلۡفَٰحِشَةَ وَأَنتُمۡ
تُبۡصِرُونَ ﴿٥٤﴾

55. “Sao các người lại tìm đến đàn ông để giải tỏa nhục dục thay vì với phụ nữ. Không, các người thực sự là một đám người ngu muội.”

أَئِنَّكُمۡ لَتَأۡتُونَ ٱلرِّجَالَ شَهۡوَةٗ مِّن دُونِ ٱلنِّسَآءِۚ بَلۡ
أَنتُمۡ قَوۡمٞ تَجۡهَلُونَ ﴿٥٥﴾

56. Câu trả lời của đám dân của Y chẳng có gì khác hơn ngoài việc họ nói: “Các người hãy trục xuất gia đình của Lut ra khỏi thành phố của các người! Bởi Họ là những người muốn giữ mình trong sạch!”

۞فَمَا كَانَ جَوَابَ قَوۡمِهِۦٓ إِلَّآ أَن قَالُوٓاْ أَخۡرِجُوٓاْ ءَالَ
لُوطٖ مِّن قَرۡيَتِكُمۡۖ إِنَّهُمۡ أُنَاسٞ يَتَطَهَّرُونَ ﴿٥٦﴾

57. Bởi thế, TA đã giải cứu (Lut) và gia đình của Y ngoại trừ vợ của Y. TA đã sắp đặt cho ả ở lại trong đám người bị tiêu diệt kia.

فَأَنجَيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥٓ إِلَّا ٱمۡرَأَتَهُۥ قَدَّرۡنَٰهَا مِنَ
ٱلۡغَٰبِرِينَ ٥٧

58. TA đã trừng phạt họ bằng một trận mưa kinh hoàng, đó là một trận mưa thật tồi tệ dành cho đám người từng được cảnh báo.

وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهِم مَّطَرٗاۖ فَسَآءَ مَطَرُ ٱلۡمُنذَرِينَ ٥٨

59. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Alhamdulillah và lời chúc ‘Bằng an’ cho những bầy tôi đã được Ngài chọn. Lẽ nào Allah không phải là Đấng Ưu Việt hơn mọi thứ mà họ đã tổ hợp với Ngài ư?!”

قُلِ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ وَسَلَٰمٌ عَلَىٰ عِبَادِهِ ٱلَّذِينَ ٱصۡطَفَىٰٓۗ
ءَآللَّهُ خَيۡرٌ أَمَّا يُشۡرِكُونَ ٥٩

60. Thế ai đã tạo các tầng trời, trái đất và cho mưa từ trên trời xuống cho các ngươi? Chính TA dùng nó làm mọc ra những mảnh vườn xanh tươi đẹp đẽ, thứ mà các ngươi không thể làm mọc ra bất cứ loại cây nào của chúng cả. Lẽ nào lại có thần linh khác cùng với Allah? Không, họ là một đám người thường dựng lên những thần linh ngụy tạo (không có thực).

أَمَّنۡ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَأَنزَلَ لَكُم مِّنَ
ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَنۢبَتۡنَا بِهِۦ حَدَآئِقَ ذَاتَ بَهۡجَةٖ مَّا
كَانَ لَكُمۡ أَن تُنۢبِتُواْ شَجَرَهَآۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ بَلۡ هُمۡ
قَوۡمٞ يَعۡدِلُونَ ٦٠

61. Thế ai đã làm trái đất thành một nơi cư ngụ vững chắc và đặt giữa nó những con sông và giữa hai biển một tấm chắn. Lẽ nào lại có thần linh khác cùng với Allah? Không, đa số bọn họ không biết gì.

أَمَّن جَعَلَ ٱلۡأَرۡضَ قَرَارٗا وَجَعَلَ خِلَٰلَهَآ أَنۡهَٰرٗا
وَجَعَلَ لَهَا رَوَٰسِيَ وَجَعَلَ بَيۡنَ ٱلۡبَحۡرَيۡنِ حَاجِزًاۗ
أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٦١

62. Thế ai đã đáp lại người gặp nguy khi y van xin Ngài, ai đã xua tan mọi điều xấu và làm cho các ngươi thành những người đại diện trên trái đất. Lẽ nào lại có thần linh khác cùng với Allah? Thật ít thay điều các ngươi ghi nhớ!

أَمَّن يُجِيبُ ٱلۡمُضۡطَرَّ إِذَا دَعَاهُ وَيَكۡشِفُ ٱلسُّوٓءَ
وَيَجۡعَلُكُمۡ خُلَفَآءَ ٱلۡأَرۡضِۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ قَلِيلٗا مَّا
تَذَكَّرُونَ ٦٢

63. Thế ai đã hướng dẫn các ngươi qua những lớp tăm tối của đất liền, của biển cả; và ai gởi những luồng gió loan tin mừng báo trước hồng ân của Ngài (mưa) sắp đến. Lẽ nào lại có thần linh khác cùng với Allah? Allah Tối Thượng, Ngài tối cao vượt bên trên mọi điều mà bọn họ qui cho Ngài.

أَمَّن يَهۡدِيكُمۡ فِي ظُلُمَٰتِ ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ وَمَن يُرۡسِلُ
ٱلرِّيَٰحَ بُشۡرَۢا بَيۡنَ يَدَيۡ رَحۡمَتِهِۦٓۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ تَعَٰلَى
ٱللَّهُ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٦٣

64. Thế ai đã khởi tạo rồi tái diễn nó lại, và ai đã cung dưỡng cho các ngươi từ trên trời và cả dưới đất. Lẽ nào lại có thần linh khác cùng với Allah? Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo (những kẻ thờ đa thần): “Các người hãy trưng ra các bằng chứng của các người nếu các người nói thật?”

أَمَّن يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥ وَمَن يَرۡزُقُكُم مِّنَ
ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ قُلۡ هَاتُواْ بُرۡهَٰنَكُمۡ
إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٦٤

65. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Không ai biết rõ điều vô hình trong các tầng trời và trái đất ngoại trừ Allah; và tất cả đều không biết thời khắc nào sẽ được phục sinh trở lại.”

قُل لَّا يَعۡلَمُ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ ٱلۡغَيۡبَ إِلَّا
ٱللَّهُۚ وَمَا يَشۡعُرُونَ أَيَّانَ يُبۡعَثُونَ ٦٥

66. Không, (những kẻ thờ đa thần) không thể biết về Đời Sau. Không, bọn họ hoài nghi về điều đó. Không, bọn họ thực sự mù tịt về điều đó.

بَلِ ٱدَّٰرَكَ عِلۡمُهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِۚ بَلۡ هُمۡ فِي شَكّٖ مِّنۡهَاۖ
بَلۡ هُم مِّنۡهَا عَمُونَ ٦٦

67. Và những kẻ không có đức tin nói: “Lẽ nào chúng tôi và tổ tiên của chúng tôi khi đã trở thành cát bụi sẽ được phục sinh trở lại?”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَءِذَا كُنَّا تُرَٰبٗا وَءَابَآؤُنَآ أَئِنَّا
لَمُخۡرَجُونَ ٦٧

68. “Quả thật, chúng tôi cũng như ông bà cha mẹ của chúng tôi trước đây đều được hứa điều này, nhưng đó chỉ là truyện cổ tích của người xưa mà thôi (không hề có thật).”

لَقَدۡ وُعِدۡنَا هَٰذَا نَحۡنُ وَءَابَآؤُنَا مِن قَبۡلُ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّآ
أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٦٨

69. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ phủ nhận sự phục sinh): “Các người hãy đi chu du khắp trái đất để nhìn xem những kẻ tội lỗi đã có kết cuộc như thế nào?”

قُلۡ سِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلۡمُجۡرِمِينَ ٦٩

70. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) chớ buồn phiền cho điều bọn họ nói và cũng chớ khổ tâm cho những điều bọn họ đã âm mưu.

وَلَا تَحۡزَنۡ عَلَيۡهِمۡ وَلَا تَكُن فِي ضَيۡقٖ مِّمَّا
يَمۡكُرُونَ ٧٠

71. (Những kẻ vô đức tin và phủ nhận sự phục sinh) nói: “Chừng nào lời hứa này sẽ xảy ra nếu quí vị nói thật?”

وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٧١

72. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: “Điều mà các người hối thúc có lẽ ở gần sát sau lưng các người.”

قُلۡ عَسَىٰٓ أَن يَكُونَ رَدِفَ لَكُم بَعۡضُ ٱلَّذِي
تَسۡتَعۡجِلُونَ ٧٢

73. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi đã đặc ân đối với loài người, nhưng đa số bọn họ thường không biết ơn.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ
لَا يَشۡكُرُونَ ٧٣

74. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi biết rõ điều họ giấu giếm trong lòng cũng như điều họ bộc lộ ra ngoài.

وَإِنَّ رَبَّكَ لَيَعۡلَمُ مَا تُكِنُّ صُدُورُهُمۡ وَمَا
يُعۡلِنُونَ ٧٤

75. Không có một điều bí ẩn nào trên trời hay dưới đất mà lại không được ghi rõ ràng trong quyển sổ (ở nơi Ngài).

وَمَا مِنۡ غَآئِبَةٖ فِي ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ إِلَّا فِي كِتَٰبٖ
مُّبِينٍ ٧٥

76. Kinh Qur’an này thực sự kể lại cho con cháu của Israel nhiều điều mà họ thường tranh chấp nhau trong đó.

إِنَّ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانَ يَقُصُّ عَلَىٰ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ أَكۡثَرَ
ٱلَّذِي هُمۡ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ٧٦

77. Và (Qur’an) đích thực là chỉ đạo và hồng ân cho những người có đức tin.

وَإِنَّهُۥ لَهُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٧٧

78. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi sẽ xét xử họ theo quyết định của Ngài bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Hằng Biết.

إِنَّ رَبَّكَ يَقۡضِي بَيۡنَهُم بِحُكۡمِهِۦۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ
ٱلۡعَلِيمُ ٧٨

79. Do đó, Ngươi hãy phó thác cho Allah, quả thật Ngươi đang ở trên Chân Lý rõ ràng.

فَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۖ إِنَّكَ عَلَى ٱلۡحَقِّ ٱلۡمُبِينِ ٧٩

80. Ngươi chắc chắn không thể làm cho người chết nghe được và cũng không thể làm cho người điếc nghe tiếng gọi khi họ đã quay lưng bỏ đi.

إِنَّكَ لَا تُسۡمِعُ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَلَا تُسۡمِعُ ٱلصُّمَّ ٱلدُّعَآءَ إِذَا
وَلَّوۡاْ مُدۡبِرِينَ ٨٠

81. Và Ngươi cũng không có khả năng hướng dẫn người mù ra khỏi tình trạng lạc lối của họ. Ngươi chỉ có thể làm cho những người có đức tin nơi những lời mặc khải của TA nghe được mà thôi, bởi họ là những người Muslim (thần phục TA).

وَمَآ أَنتَ بِهَٰدِي ٱلۡعُمۡيِ عَن ضَلَٰلَتِهِمۡۖ إِن تُسۡمِعُ إِلَّا
مَن يُؤۡمِنُ بِـَٔايَٰتِنَا فَهُم مُّسۡلِمُونَ ٨١

82. Khi lời hứa về việc trừng phạt họ sắp được thể hiện, TA sẽ cho ra từ lòng đất một con thú biết nói chuyện với họ, bởi nhân loại đã không tin nơi các lời mặc khải của TA.

۞وَإِذَا وَقَعَ ٱلۡقَوۡلُ عَلَيۡهِمۡ أَخۡرَجۡنَا لَهُمۡ دَآبَّةٗ مِّنَ
ٱلۡأَرۡضِ تُكَلِّمُهُمۡ أَنَّ ٱلنَّاسَ كَانُواْ بِـَٔايَٰتِنَا لَا
يُوقِنُونَ ٨٢

83. (Ngươi, hỡi Thiên Sứ Muhammad, hãy nghĩ tới) Ngày mà TA sẽ cho tập trung tất cả từ mỗi cộng đồng và tách nhóm người đã phủ nhận những lời mặc khải của TA thành một nhóm riêng; rồi họ sẽ bị bắt đứng thành hàng chờ đợi.

وَيَوۡمَ نَحۡشُرُ مِن كُلِّ أُمَّةٖ فَوۡجٗا مِّمَّن يُكَذِّبُ
بِـَٔايَٰتِنَا فَهُمۡ يُوزَعُونَ ٨٣

84. Khi toàn bộ đã đến tập họp, (Allah) hỏi họ: “Có phải các ngươi đã phủ nhận những lời mặc khải của TA trong lúc các ngươi không có kiến thức để tiếp thu chúng hay phải chăng các ngươi đã làm gì?”

حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُو قَالَ أَكَذَّبۡتُم بِـَٔايَٰتِي وَلَمۡ تُحِيطُواْ
بِهَا عِلۡمًا أَمَّاذَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٨٤

85. Lời hứa về việc trừng phạt họ bởi những sai quấy mà họ đã làm chắc chắn sẽ được thể hiện, rồi lúc đó họ sẽ không thể nói được gì.

وَوَقَعَ ٱلۡقَوۡلُ عَلَيۡهِم بِمَا ظَلَمُواْ فَهُمۡ لَا يَنطِقُونَ ٨٥

86. Lẽ nào họ đã không nhìn thấy việc TA đã làm ra ban đêm cho họ nghỉ ngơi và ban ngày để họ quan sát (được mọi vật)? Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu cho đám người có đức tin.

أَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّا جَعَلۡنَا ٱلَّيۡلَ لِيَسۡكُنُواْ فِيهِ وَٱلنَّهَارَ
مُبۡصِرًاۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٨٦

87. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nghĩ đến) ngày mà tiếng còi sẽ được thổi lên khiến những ai ở trên trời và những ai dưới đất đều phải bạt vía kinh hồn ngoại trừ ai mà Allah muốn dung tha. Và tất cả đều phải hạ mình khiêm tốn đến trình diện trước Ngài.

وَيَوۡمَ يُنفَخُ فِي ٱلصُّورِ فَفَزِعَ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ إِلَّا مَن شَآءَ ٱللَّهُۚ وَكُلٌّ أَتَوۡهُ دَٰخِرِينَ ﴿٨٧﴾

88. Rồi (lúc đó) Ngươi sẽ thấy những quả núi mà Ngươi đã nghĩ rằng chúng rất kiên cố vững chắc sẽ vỡ ra như những đám mây tan. Công trình tạo hóa của Allah, Đấng đã hoàn chỉnh mọi vật. Quả thật, Ngài luôn tường tận mọi điều các ngươi làm.

وَتَرَى ٱلۡجِبَالَ تَحۡسَبُهَا جَامِدَةٗ وَهِيَ تَمُرُّ مَرَّ ٱلسَّحَابِۚ صُنۡعَ ٱللَّهِ ٱلَّذِيٓ أَتۡقَنَ كُلَّ شَيۡءٍۚ إِنَّهُۥ خَبِيرُۢ بِمَا تَفۡعَلُونَ ﴿٨٨﴾

89. Ai mang theo điều tốt thì sẽ được ban thưởng điều tốt hơn và sẽ được an toàn khỏi cảnh kinh hoàng của Ngày hôm đó.

مَن جَآءَ بِٱلۡحَسَنَةِ فَلَهُۥ خَيۡرٞ مِّنۡهَا وَهُم مِّن فَزَعٖ يَوۡمَئِذٍ ءَامِنُونَ ﴿٨٩﴾

90. Ai mang theo điều tội lỗi thì mặt của họ sẽ bị quẳng úp vào Hỏa Ngục, kèm theo lời phán: “Lẽ nào đây không phải là hình phạt tương xứng với điều mà các ngươi đã làm?”

وَمَن جَآءَ بِٱلسَّيِّئَةِ فَكُبَّتۡ وُجُوهُهُمۡ فِي ٱلنَّارِ هَلۡ تُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ﴿٩٠﴾

91. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nói): “Quả thật Ta chỉ được lệnh thờ phượng Thượng Đế của thành phố (Makkah) này, nơi mà Ngài đã làm cho nó linh thiêng, và mọi thứ đều thuộc về Ngài; và Ta được lệnh phải là một tín đồ Muslim.”

إِنَّمَآ أُمِرۡتُ أَنۡ أَعۡبُدَ رَبَّ هَٰذِهِ ٱلۡبَلۡدَةِ ٱلَّذِي حَرَّمَهَا وَلَهُۥ كُلُّ شَيۡءٖۖ وَأُمِرۡتُ أَنۡ أَكُونَ مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ﴿٩١﴾

92. “Ta được lệnh phải đọc Qur’an. Bởi thế ai được hướng dẫn thì quả thật việc được hướng dẫn đó chỉ có lợi cho bản thân y mà thôi; còn ai lạc lối thì thật ra Ta chỉ là một người cảnh báo!”

وَأَنۡ أَتۡلُوَاْ ٱلۡقُرۡءَانَۖ فَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ فَإِنَّمَا يَهۡتَدِي لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن ضَلَّ فَقُلۡ إِنَّمَآ أَنَا۠ مِنَ ٱلۡمُنذِرِينَ ﴿٩٢﴾

93. Và Ngươi hãy nói (hỡi Thiên Sứ Muhammad!): “Alhamdulillah, Đấng sẽ sớm cho các ngươi thấy những dấu hiệu của Ngài rồi các ngươi sẽ nhận ra chúng.” Và Thượng Đế của Ngươi không làm ngơ trước những điều các người làm.

وَقُلِ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ سَيُرِيكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ فَتَعۡرِفُونَهَاۚ وَمَا رَبُّكَ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ﴿٩٣﴾

Al-Qasas (Những Câu Chuyện) القصص

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ta. Sin. Mim.

طسٓمٓ ١

2. Đó là những câu Kinh của một Kinh Sách rõ ràng (không mơ hồ và bí ẩn).

تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ٢

3. TA (Allah) đọc cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) nghe câu chuyện về Musa và Pha-ra-ông bằng sự thật, (một câu chuyện) dành cho đám người có đức tin.

نَتۡلُواْ عَلَيۡكَ مِن نَّبَإِ مُوسَىٰ وَفِرۡعَوۡنَ بِٱلۡحَقِّ لِقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٣

4. Quả thật, Pha-ra-ông tự suy tôn mình (là chúa) tối cao trong xứ, (ép dân Israel làm nô lệ), chia họ thành nhiều nhóm nhỏ để làm họ suy yếu, giết chết các con trai và tha sống các con gái của họ. Quả thật, hắn là một tên tàn bạo quá mức.

إِنَّ فِرۡعَوۡنَ عَلَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَجَعَلَ أَهۡلَهَا شِيَعٗا يَسۡتَضۡعِفُ طَآئِفَةٗ مِّنۡهُمۡ يُذَبِّحُ أَبۡنَآءَهُمۡ وَيَسۡتَحۡيِۦ نِسَآءَهُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ مِنَ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ٤

5. TA (Allah) muốn ban ân cho những người yếu thế trong xứ, TA muốn làm cho họ thành những nhà lãnh đạo và thành những người kế thừa.

وَنُرِيدُ أَن نَّمُنَّ عَلَى ٱلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَنَجۡعَلَهُمۡ أَئِمَّةٗ وَنَجۡعَلَهُمُ ٱلۡوَٰرِثِينَ ٥

6. TA ban cho họ một nơi định cư trong xứ và TA làm cho Pha-ra-ông và Haman cùng binh lính của hai tên đó thấy những điều làm cho bọn họ lo sợ.

وَنُمَكِّنَ لَهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَنُرِيَ فِرۡعَوۡنَ وَهَٰمَٰنَ وَجُنُودَهُمَا مِنۡهُم مَّا كَانُواْ يَحۡذَرُونَ ٦

7. TA đã mặc khải cho mẹ của Musa: “Ngươi hãy cho Nó (Musa) bú sữa nhưng khi ngươi lo sợ cho Nó (bị sát hại) thì ngươi hãy ném Nó xuống dòng sông (Nile), ngươi chớ sợ hãi và cũng chớ buồn lo cho Nó, chắc chắn TA sẽ mang Nó trả lại cho ngươi và cử Nó làm một vị Thiên Sứ (của TA).”

وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰٓ أُمِّ مُوسَىٰٓ أَنۡ أَرۡضِعِيهِۖ فَإِذَا خِفۡتِ عَلَيۡهِ فَأَلۡقِيهِ فِي ٱلۡيَمِّ وَلَا تَخَافِي وَلَا تَحۡزَنِيٓۖ إِنَّا رَآدُّوهُ إِلَيۡكِ وَجَاعِلُوهُ مِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٧

8. Rồi người nhà của Pha-ra-ông đã nhặt (Musa từ dòng sông) mang về nuôi (đúng theo ý của Allah, bởi vì Ngài muốn) Musa trở thành kẻ thù và nguồn lo âu cho bọn họ. Quả thật, Pha-ra-ông, Haman và binh lính của bọn họ là những kẻ tội lỗi.

فَٱلۡتَقَطَهُۥٓ ءَالُ فِرۡعَوۡنَ لِيَكُونَ لَهُمۡ عَدُوّٗا وَحَزَنًاۗ إِنَّ فِرۡعَوۡنَ وَهَٰمَٰنَ وَجُنُودَهُمَا كَانُواْ خَٰطِـِٔينَ ٨

9. Vợ của Pha-ra-ông nói với (Pha-ra-ông): “Đứa bé này sẽ là một nguồn vui cho cặp mắt của thiếp và bệ hạ. Xin bệ hạ đừng giết Nó, biết đâu sau này Nó sẽ giúp ích cho chúng ta hoặc chúng ta sẽ nhận Nó làm con của chúng ta.” Nhưng bọn họ không nhận thấy (hậu quả của sự việc mình đang làm).

وَقَالَتِ ٱمۡرَأَتُ فِرۡعَوۡنَ قُرَّتُ عَيۡنٖ لِّي وَلَكَۖ لَا تَقۡتُلُوهُ عَسَىٰٓ أَن يَنفَعَنَآ أَوۡ نَتَّخِذَهُۥ وَلَدٗا وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ٩

10. Trái tim của mẹ Musa trở nên trống trải (vì thương nhớ con), nữ ta gần như muốn tiết lộ câu chuyện về đứa con trai của mình nếu như TA không củng cố trái tim của nữ để cho nữ vẫn còn là một người có đức tin.

وَأَصۡبَحَ فُؤَادُ أُمِّ مُوسَىٰ فَٰرِغًاۖ إِن كَادَتۡ لَتُبۡدِي بِهِۦ
لَوۡلَآ أَن رَّبَطۡنَا عَلَىٰ قَلۡبِهَا لِتَكُونَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٠

11. (Mẹ của Musa) đã bảo người chị của Musa: “Con hãy theo dõi em của con!” Thế là, người chị đứng nhìn đứa em từ đằng xa trong lúc quân lính không để ý.

وَقَالَتۡ لِأُخۡتِهِۦ قُصِّيهِۖ فَبَصُرَتۡ بِهِۦ عَن جُنُبٖ
وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ١١

12. Và ngay từ đầu, TA (Allah) đã khiến cho (Musa) không bú được sữa của những bà vú em, mãi đến lúc chị của Y thưa: “Quí ngài có muốn tiện nữ chỉ cho quí ngài một gia đình có thể chăm sóc đứa bé giùm cho quí ngài một cách chu đáo và họ luôn mong sự bình an cho Nó?”

۞وَحَرَّمۡنَا عَلَيۡهِ ٱلۡمَرَاضِعَ مِن قَبۡلُ فَقَالَتۡ هَلۡ
أَدُلُّكُمۡ عَلَىٰٓ أَهۡلِ بَيۡتٖ يَكۡفُلُونَهُۥ لَكُمۡ وَهُمۡ لَهُۥ
نَٰصِحُونَ ١٢

13. Với cách đó, TA đã mang (Musa) trả lại cho mẹ của Y để cho nữ ta vui trở lại và không còn buồn lo nữa cũng như để cho nữ ta biết rằng Lời Hứa của Allah là sự thật. Tuy nhiên, đa số bọn họ không biết.

فَرَدَدۡنَٰهُ إِلَىٰٓ أُمِّهِۦ كَيۡ تَقَرَّ عَيۡنُهَا وَلَا تَحۡزَنَ وَلِتَعۡلَمَ
أَنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا
يَعۡلَمُونَ ١٣

14. Rồi khi Musa đến tuổi trưởng thành và chính chắn, TA đã ban cho Y sự khôn ngoan và nguồn kiến thức. Đó là cách mà TA đãi ngộ những người làm tốt.

وَلَمَّا بَلَغَ أَشُدَّهُۥ وَٱسۡتَوَىٰٓ ءَاتَيۡنَٰهُ حُكۡمٗا وَعِلۡمٗاۚ
وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٤

15. (Có một lần) vào buổi ban trưa, (Musa) đi vào thành phố lúc thị dân không để ý, Y thấy hai người đàn ông ẩu đả nhau nơi đó; một người thuộc phe của Y (dân Israel) và người kia thuộc phe của kẻ thù của Y. Người thuộc phe của Y gọi Y tiếp tay đánh lại kẻ địch. Thế là Musa buông tay đánh kẻ thù và đã lỡ giết chết hắn. (Musa đã hối hận ngay sau đó), bảo: “Đây đúng là hành động của Shaytan và Shaytan rõ thật là kẻ thù (của con người) chuyên dẫn dắt (họ) đến với sự lầm lạc.”

وَدَخَلَ ٱلۡمَدِينَةَ عَلَىٰ حِينِ غَفۡلَةٖ مِّنۡ أَهۡلِهَا فَوَجَدَ
فِيهَا رَجُلَيۡنِ يَقۡتَتِلَانِ هَٰذَا مِن شِيعَتِهِۦ وَهَٰذَا مِنۡ
عَدُوِّهِۦۖ فَٱسۡتَغَٰثَهُ ٱلَّذِي مِن شِيعَتِهِۦ عَلَى ٱلَّذِي مِنۡ
عَدُوِّهِۦ فَوَكَزَهُۥ مُوسَىٰ فَقَضَىٰ عَلَيۡهِۖ قَالَ هَٰذَا مِنۡ
عَمَلِ ٱلشَّيۡطَٰنِۖ إِنَّهُۥ عَدُوّٞ مُّضِلّٞ مُّبِينٞ ١٥

16. (Musa) cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, bề tôi đã bất công với chính mình, xin Ngài tha thứ tội lỗi cho bề tôi.” Vậy là Y được Ngài tha thứ, bởi quả thật Ngài là Đấng Hằng Tha Thứ, Nhân Từ.

قَالَ رَبِّ إِنِّي ظَلَمۡتُ نَفۡسِي فَٱغۡفِرۡ لِي فَغَفَرَ لَهُۥٓۚ
إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ١٦

17. (Musa) cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, với hồng ân mà Ngài đã ban cho bề tôi, bề tôi quyết sẽ không bao giờ tiếp tay cho những kẻ tội lỗi nữa.”

قَالَ رَبِّ بِمَآ أَنۡعَمۡتَ عَلَيَّ فَلَنۡ أَكُونَ ظَهِيرٗا
لِّلۡمُجۡرِمِينَ ١٧

18. Rồi sáng ra, khi đang ở trong thành phố, (Musa) lo sợ và ngó chừng (quân lính của Pha-ra-ông) thì Y đột nhiên lại nghe tiếng cầu cứu của kẻ xin trợ giúp ngày hôm qua. Musa đã bảo kẻ đó: “Mày đúng thật là một tên chuyên dắt người ta lầm lạc mà!”

فَأَصۡبَحَ فِي ٱلۡمَدِينَةِ خَآئِفٗا يَتَرَقَّبُ فَإِذَا ٱلَّذِي
ٱسۡتَنصَرَهُۥ بِٱلۡأَمۡسِ يَسۡتَصۡرِخُهُۥۚ قَالَ لَهُۥ مُوسَىٰٓ
إِنَّكَ لَغَوِيّٞ مُّبِينٞ ١٨

19. Khi (Musa) vừa định túm lấy kẻ thù của cả hai thì tên Israel (tưởng Musa cung tay đánh mình nên) vội lên tiếng: “Hỡi Musa, mày định giết tao như mày đã giết một người ngày hôm qua đúng không? Mày thật ra chỉ muốn trở thành một tên tàn bạo trong xứ chớ mày không muốn trở thành một người làm điều thiện.”

فَلَمَّآ أَنۡ أَرَادَ أَن يَبۡطِشَ بِٱلَّذِي هُوَ عَدُوّٞ لَّهُمَا قَالَ
يَٰمُوسَىٰٓ أَتُرِيدُ أَن تَقۡتُلَنِي كَمَا قَتَلۡتَ نَفۡسَۢا
بِٱلۡأَمۡسِۖ إِن تُرِيدُ إِلَّآ أَن تَكُونَ جَبَّارٗا فِي ٱلۡأَرۡضِ
وَمَا تُرِيدُ أَن تَكُونَ مِنَ ٱلۡمُصۡلِحِينَ ١٩

20. (Lúc đó), từ cuối phố, có một người chạy đến bảo: “Hỡi Musa, các vị tù trưởng đang họp bàn về chuyện của anh để giết anh. Tôi khuyên anh hãy mau chạy trốn.”

وَجَآءَ رَجُلٞ مِّنۡ أَقۡصَا ٱلۡمَدِينَةِ يَسۡعَىٰ قَالَ يَٰمُوسَىٰٓ
إِنَّ ٱلۡمَلَأَ يَأۡتَمِرُونَ بِكَ لِيَقۡتُلُوكَ فَٱخۡرُجۡ إِنِّي لَكَ
مِنَ ٱلنَّٰصِحِينَ ٢٠

21. (Nghe xong, Musa) liền rời bỏ chỗ đó, Y vừa lo sợ vừa ngó chừng đề phòng (đám lính của Pha-ra-ông). Y cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài cứu bề tôi khỏi đám người làm điều sai quấy bất công kia!”

فَخَرَجَ مِنۡهَا خَآئِفٗا يَتَرَقَّبُۖ قَالَ رَبِّ نَجِّنِي مِنَ
ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٢١

22. Khi chạy trốn về phía địa phận của Madyan, (Musa) nói thầm một mình: “Mong rằng Thượng Đế của ta sẽ dắt ta đi đến con đường đúng đắn.”

وَلَمَّا تَوَجَّهَ تِلۡقَآءَ مَدۡيَنَ قَالَ عَسَىٰ رَبِّيٓ أَن يَهۡدِيَنِي
سَوَآءَ ٱلسَّبِيلِ ٢٢

23. Rồi khi đến chỗ có nước thuộc địa phận Madyan, (Musa) thấy một đám người đang múc nước, và ngoài đám người đó, (Musa) còn thấy hai người phụ nữ đang đứng riêng lẻ. (Musa) đến hỏi hai người phụ nữ đó: “Hai cô có chuyện gì vậy?” Hai người nữ kia trả lời: “Chúng tôi không thể múc nước cho đàn cừu của mình uống trừ phi những người chăn cừu kia dắt đàn cừu của họ rời khỏi chỗ đó; và cha của chúng tôi thì đã lớn tuổi.”

وَلَمَّا وَرَدَ مَآءَ مَدۡيَنَ وَجَدَ عَلَيۡهِ أُمَّةٗ مِّنَ ٱلنَّاسِ
يَسۡقُونَ وَوَجَدَ مِن دُونِهِمُ ٱمۡرَأَتَيۡنِ تَذُودَانِۖ قَالَ مَا
خَطۡبُكُمَاۖ قَالَتَا لَا نَسۡقِي حَتَّىٰ يُصۡدِرَ ٱلرِّعَآءُۖ وَأَبُونَا
شَيۡخٞ كَبِيرٞ ٢٣

24. Thế là, Musa giúp hai cô gái múc nước rồi lui về nghỉ dưới bóng cây. Sau đó, Y cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật bề tôi đang cần điều tốt đẹp Ngài ban cho.”

فَسَقَىٰ لَهُمَا ثُمَّ تَوَلَّىٰٓ إِلَى ٱلظِّلِّ فَقَالَ رَبِّ إِنِّي لِمَآ
أَنزَلۡتَ إِلَيَّ مِنۡ خَيۡرٖ فَقِيرٞ ٢٤

25. Lúc sau, một trong hai người phụ nữ kia bẽn lẽn bước đến gặp (Musa), nói: “Cha tôi mời anh đến gặp ông ấy để ông ấy đền đáp về việc anh đã giúp chúng tôi múc nước.” (Musa) đi theo cô gái đến gặp người cha và kể lại cho ông nghe câu chuyện của mình. (Người cha của hai cô gái) bảo: “Cậu chớ lo sợ, cậu thực sự đã thoát khỏi đám người làm điều sai quấy bất công kia rồi.”

فَجَآءَتۡهُ إِحۡدَىٰهُمَا تَمۡشِي عَلَى ٱسۡتِحۡيَآءٖ قَالَتۡ إِنَّ
أَبِي يَدۡعُوكَ لِيَجۡزِيَكَ أَجۡرَ مَا سَقَيۡتَ لَنَاۚ فَلَمَّا
جَآءَهُۥ وَقَصَّ عَلَيۡهِ ٱلۡقَصَصَ قَالَ لَا تَخَفۡۖ نَجَوۡتَ
مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٢٥

26. Một trong hai cô gái nói (với cha của mình): “Thưa cha, cha hãy thuê anh ấy giúp việc. Người thực sự tốt nhất để cha thuê giúp việc nên là một người khỏe mạnh và trung thực.”

قَالَتۡ إِحۡدَىٰهُمَا يَٰٓأَبَتِ ٱسۡتَـٔۡجِرۡهُۖ إِنَّ خَيۡرَ مَنِ ٱسۡتَـٔۡجَرۡتَ ٱلۡقَوِيُّ ٱلۡأَمِينُ ٢٦

27. (Cha của hai cô gái) nói với (Musa): “Bác có ý gả một trong hai đứa con gái của bác cho cháu với điều kiện cháu phải làm thuê cho bác trong thời hạn tám năm; nhưng nếu cháu muốn làm thêm cho đủ mười năm thì đó là tùy cháu; bác không muốn gây khó khăn cho cháu; insha-Allah, rồi cháu sẽ thấy bác là một người lương thiện.”

قَالَ إِنِّيٓ أُرِيدُ أَنۡ أُنكِحَكَ إِحۡدَى ٱبۡنَتَيَّ هَٰتَيۡنِ عَلَىٰٓ أَن تَأۡجُرَنِي ثَمَٰنِيَ حِجَجٖۖ فَإِنۡ أَتۡمَمۡتَ عَشۡرٗا فَمِنۡ عِندِكَۖ وَمَآ أُرِيدُ أَنۡ أَشُقَّ عَلَيۡكَۚ سَتَجِدُنِيٓ إِن شَآءَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٢٧

28. (Musa) đáp: “Bác cháu ta cứ thỏa thuận với nhau như thế, dù cháu có thể hoàn tất bất cứ thời hạn nào trong hai thời hạn vừa nói thì bác vẫn không được hờn ghét cháu, Allah làm chứng cho điều chúng ta vừa nói.”

قَالَ ذَٰلِكَ بَيۡنِي وَبَيۡنَكَۖ أَيَّمَا ٱلۡأَجَلَيۡنِ قَضَيۡتُ فَلَا عُدۡوَٰنَ عَلَيَّۖ وَٱللَّهُ عَلَىٰ مَا نَقُولُ وَكِيلٞ ٢٨

29. Sau khi kết thúc kỳ hạn thỏa thuận, (Musa) đã cùng gia đình của mình ra đi trong đêm. Từ xa, (Musa) nhìn thấy một ngọn lửa trên sườn núi Tur, Y bảo người nhà: “Hãy dừng lại! Ta thấy lửa ở đằng xa, hy vọng ta sẽ mang về cho mọi người tin tức từ đám lửa đó hoặc ta sẽ mang về một khúc củi cháy cho mọi người sưởi ấm.”

۞فَلَمَّا قَضَىٰ مُوسَى ٱلۡأَجَلَ وَسَارَ بِأَهۡلِهِۦٓ ءَانَسَ مِن جَانِبِ ٱلطُّورِ نَارٗاۖ قَالَ لِأَهۡلِهِ ٱمۡكُثُوٓاْ إِنِّيٓ ءَانَسۡتُ نَارٗا لَّعَلِّيٓ ءَاتِيكُم مِّنۡهَا بِخَبَرٍ أَوۡ جَذۡوَةٖ مِّنَ ٱلنَّارِ لَعَلَّكُمۡ تَصۡطَلُونَ ٢٩

30. Rồi khi đến chỗ của ngọn lửa, có tiếng gọi từ phía bên phải của thung lũng tại một vùng đất được ban phúc từ một loại cây (Ô-liu): “Hỡi Musa, TA đây là Allah, là Thượng Đế đích thực của vũ trụ và vạn vật.”

فَلَمَّآ أَتَىٰهَا نُودِيَ مِن شَٰطِيِٕ ٱلۡوَادِ ٱلۡأَيۡمَنِ فِي ٱلۡبُقۡعَةِ ٱلۡمُبَٰرَكَةِ مِنَ ٱلشَّجَرَةِ أَن يَٰمُوسَىٰٓ إِنِّيٓ أَنَا ٱللَّهُ رَبُّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٣٠

31. “Ngươi hãy ném chiếc gậy của Ngươi xuống.” (Musa liền ném chiếc gậy của mình xuống), khi thấy nó động đậy giống như một con rắn thì Y quay lưng bỏ chạy không dám nhìn lại đằng sau. (Allah phán bảo): “Này Musa, ngươi hãy bước đến gần và chớ sợ, chắc chắn Ngươi an toàn.”

وَأَنۡ أَلۡقِ عَصَاكَۚ فَلَمَّا رَءَاهَا تَهۡتَزُّ كَأَنَّهَا جَآنّٞ وَلَّىٰ مُدۡبِرٗا وَلَمۡ يُعَقِّبۡۚ يَٰمُوسَىٰٓ أَقۡبِلۡ وَلَا تَخَفۡۖ إِنَّكَ مِنَ ٱلۡأٓمِنِينَ ٣١

32. “Ngươi hãy áp bàn tay của Ngươi vào lòng ngực của mình, nó sẽ trở thành trắng toát khi Ngươi rút tay ra nhưng chắc chắn không hề đau đớn gì và Ngươi hãy áp cánh tay của Ngươi vào cạnh sườn của mình để khỏi sợ. Đấy là hai dấu hiệu từ Thượng Đế của Ngươi mang đến trình bày cho Pha-ra-ông và các quan thần của hắn. Bọn họ quả thật là một đám người đại nghịch (với Allah).”

ٱسۡلُكۡ يَدَكَ فِي جَيۡبِكَ تَخۡرُجۡ بَيۡضَآءَ مِنۡ غَيۡرِ سُوٓءٖ وَٱضۡمُمۡ إِلَيۡكَ جَنَاحَكَ مِنَ ٱلرَّهۡبِۖ فَذَٰنِكَ بُرۡهَٰنَانِ مِن رَّبِّكَ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦٓۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمٗا فَٰسِقِينَ ٣٢

33. (Musa) cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật, bề tôi đã giết một người của họ. Vì thế, bề tôi sợ họ sẽ giết bề tôi.”

قَالَ رَبِّ إِنِّي قَتَلۡتُ مِنۡهُمۡ نَفۡسٗا فَأَخَافُ أَن يَقۡتُلُونِ ٣٣

34. “Người anh em của bề tôi, Harun, hoạt bát hơn bề tôi, cho nên, bề tôi xin Ngài cử y làm một người phụ tá cùng đi với bề tôi để xác nhận sứ mạng của bề tôi. Bề tôi thực sự sợ rằng họ sẽ cho bề tôi nói dối.”

وَأَخِي هَٰرُونُ هُوَ أَفْصَحُ مِنِّي لِسَانًا فَأَرْسِلْهُ مَعِيَ رِدْءًا يُصَدِّقُنِيٓۖ إِنِّيٓ أَخَافُ أَن يُكَذِّبُونِ ٣٤

35. (Allah) bảo (Musa): “TA sẽ cho người anh em của Ngươi làm trợ thủ cho Ngươi và TA sẽ ban cho cả hai anh em Ngươi quyền uy khiến bọn họ không làm hại được hai Ngươi. Với những Phép Lạ của TA, hai Ngươi và những người theo hai Ngươi chắc chắn sẽ giành chiến thắng.”

قَالَ سَنَشُدُّ عَضُدَكَ بِأَخِيكَ وَنَجْعَلُ لَكُمَا سُلْطَٰنًا فَلَا يَصِلُونَ إِلَيْكُمَا بِـَٔايَٰتِنَآۚ أَنتُمَا وَمَنِ ٱتَّبَعَكُمَا ٱلْغَٰلِبُونَ ٣٥

36. Rồi khi Musa mang những lời mặc khải rõ rệt của TA đến gặp Pha-ra-ông và đồng bọn của hắn thì bọn họ bảo: “Đây quả thật chỉ là trò ảo thuật được bịa ra mà thôi chứ bọn ta chưa bao giờ nghe chuyện này từ nơi tổ tiên của bọn ta trước đây cả.”

فَلَمَّا جَآءَهُم مُّوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَا بَيِّنَٰتٍ قَالُواْ مَا هَٰذَآ إِلَّا سِحْرٌ مُّفْتَرًى وَمَا سَمِعْنَا بِهَٰذَا فِيٓ ءَابَآئِنَا ٱلْأَوَّلِينَ ٣٦

37. Musa nói (với Pha-ra-ông): “Thượng Đế của Ta biết rõ ai là người mang nguồn chỉ đạo từ nơi Ngài và ai là người sẽ có được nơi ở cuối cùng tốt đẹp. Quả thật, những kẻ làm điều sai quấy bất công sẽ không bao giờ thành đạt.”

وَقَالَ مُوسَىٰ رَبِّيٓ أَعْلَمُ بِمَن جَآءَ بِٱلْهُدَىٰ مِنْ عِندِهِۦ وَمَن تَكُونُ لَهُۥ عَٰقِبَةُ ٱلدَّارِۚ إِنَّهُۥ لَا يُفْلِحُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٣٧

38. Pha-ra-ông nói (với các chư thần của hắn): “Hỡi quân thần, Ta không hề biết có chúa nào khác của các ngươi ngoài ta cả. Này Haman, ngươi hãy đốt lò nung gạch cho trẫm và xây cho trẫm một cái tháp để trẫm đi lên gặp Thượng Đế của Musa và trẫm nghĩ rằng (Musa) chỉ là một tên lừa bịp.”

وَقَالَ فِرْعَوْنُ يَٰٓأَيُّهَا ٱلْمَلَأُ مَا عَلِمْتُ لَكُم مِّنْ إِلَٰهٍ غَيْرِي فَأَوْقِدْ لِي يَٰهَٰمَٰنُ عَلَى ٱلطِّينِ فَٱجْعَل لِّي صَرْحًا لَّعَلِّيٓ أَطَّلِعُ إِلَىٰٓ إِلَٰهِ مُوسَىٰ وَإِنِّي لَأَظُنُّهُۥ مِنَ ٱلْكَٰذِبِينَ ٣٨

39. (Pha-ra-ông) và đám thuộc hạ của hắn đã ngạo mạn kiêu căng trong xứ một cách ngông cuồng; bọn họ tưởng bọn họ sẽ không bị đưa trở về trình diện TA.

وَٱسْتَكْبَرَ هُوَ وَجُنُودُهُۥ فِي ٱلْأَرْضِ بِغَيْرِ ٱلْحَقِّ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُمْ إِلَيْنَا لَا يُرْجَعُونَ ٣٩

40. Do đó, TA đã trừng phạt (Pha-ra-ông) và đám thuộc hạ của hắn bằng cách nhấn chìm bọn họ xuống biển. Bởi vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ làm điều sai quấy bất công đã diễn ra như thế nào.

فَأَخَذْنَٰهُ وَجُنُودَهُۥ فَنَبَذْنَٰهُمْ فِي ٱلْيَمِّۖ فَٱنظُرْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٠

41. TA đã làm cho bọn họ thành những tên cầm đầu trong việc kêu gọi người ta đi vào Hỏa Ngục, rồi vào Ngày Phán Xét, bọn họ sẽ không được giúp đỡ.

وَجَعَلْنَٰهُمْ أَئِمَّةً يَدْعُونَ إِلَى ٱلنَّارِۖ وَيَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ لَا يُنصَرُونَ ٤١

42. TA đã để những lời nguyền rủa đi theo bọn họ suốt cuộc sống của thế gian; và vào Ngày Phán Xét, bọn họ sẽ là những kẻ xấu xa nhất.

وَأَتْبَعْنَٰهُمْ فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنْيَا لَعْنَةًۖ وَيَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ هُم مِّنَ ٱلْمَقْبُوحِينَ ٤٢

43. Quả thật TA đã ban cho Musa Kinh Sách (Cựu Ước) dùng để soi sáng cho nhân loại sau khi TA đã tiêu diệt những thế hệ trước đó. (Kinh sách đó) vừa là một nguồn Chỉ Đạo vừa là một Hồng Ân cho (nhân loại) mong rằng họ biết lưu tâm.

وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ مِنۢ بَعْدِ مَآ أَهْلَكْنَا
ٱلْقُرُونَ ٱلْأُولَىٰ بَصَآئِرَ لِلنَّاسِ وَهُدًى وَرَحْمَةً لَّعَلَّهُمْ
يَتَذَكَّرُونَ ﴿٤٣﴾

44. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) đã không ở phía tây (của ngọn núi Tur) khi TA ban hành công việc cho Musa và Ngươi cũng không là một nhân chứng (cho sự việc đó).

وَمَا كُنتَ بِجَانِبِ ٱلْغَرْبِيِّ إِذْ قَضَيْنَآ إِلَىٰ مُوسَى
ٱلْأَمْرَ وَمَا كُنتَ مِنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ﴿٤٤﴾

45. Tuy nhiên, TA đã cho ra những thế hệ khác và để họ sống thọ hơn; và Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không phải là một người sống chung với người dân của Madyan và đọc cho họ về những Lời Mặc Khải của TA, nhưng chính TA là Đấng đã cử phái các Sứ Giả.

وَلَٰكِنَّآ أَنشَأْنَا قُرُونًا فَتَطَاوَلَ عَلَيْهِمُ ٱلْعُمُرُ ۚ وَمَا
كُنتَ ثَاوِيًا فِىٓ أَهْلِ مَدْيَنَ تَتْلُوا۟ عَلَيْهِمْ ءَايَٰتِنَا
وَلَٰكِنَّا كُنَّا مُرْسِلِينَ ﴿٤٥﴾

46. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) cũng đã không ở bên sườn núi Tur khi TA gọi (Musa) nhưng Ngươi là một Hồng Ân từ Thượng Đế của Ngươi để Ngươi có thể cảnh báo một dân tộc mà trước Ngươi đã không có một vị cảnh báo nào được cử đến với họ, mục đích để cho họ thức tỉnh.

وَمَا كُنتَ بِجَانِبِ ٱلطُّورِ إِذْ نَادَيْنَا وَلَٰكِن رَّحْمَةً
مِّن رَّبِّكَ لِتُنذِرَ قَوْمًا مَّآ أَتَىٰهُم مِّن نَّذِيرٍ مِّن قَبْلِكَ
لَعَلَّهُمْ يَتَذَكَّرُونَ ﴿٤٦﴾

47. Nếu như (TA) không (cử Ngươi, hỡi Thiên Sứ Muhammad, đến với dân Quraish) thì e rằng khi họ gặp phải tai họa do những điều mà bàn tay của họ đã gây ra, chắc chắn họ sẽ nói: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Sao Ngài không cử một Sứ Giả đến với bầy tôi kia chứ? Nếu Ngài cử vị đó đến thì chắc chắn bầy tôi đã tuân theo những lời mặc khải của Ngài và bầy tôi chắc chắn đã trở thành những người có đức tin."

وَلَوْلَآ أَن تُصِيبَهُم مُّصِيبَةٌۢ بِمَا قَدَّمَتْ أَيْدِيهِمْ
فَيَقُولُوا۟ رَبَّنَا لَوْلَآ أَرْسَلْتَ إِلَيْنَا رَسُولًا فَنَتَّبِعَ
ءَايَٰتِكَ وَنَكُونَ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿٤٧﴾

48. Tuy nhiên, khi chân lý đến với họ thì họ lại bảo: "Tại sao Y không được ban cho điều giống như điều đã được ban cho Musa?" Phải chăng họ đã không có đức tin nơi những điều đã được ban cho Musa trước đây đó sao? Họ nói: "Hai loại phù phép này (Kinh Cựu Ước và Kinh Qurr'an) hỗ trợ lẫn nhau!" Và họ nói: "Chúng tôi không tin bất cứ cái nào."

فَلَمَّا جَآءَهُمُ ٱلْحَقُّ مِنْ عِندِنَا قَالُوا۟ لَوْلَآ أُوتِىَ مِثْلَ
مَآ أُوتِىَ مُوسَىٰٓ ۚ أَوَلَمْ يَكْفُرُوا۟ بِمَآ أُوتِىَ مُوسَىٰ مِن
قَبْلُ ۖ قَالُوا۟ سِحْرَانِ تَظَٰهَرَا وَقَالُوٓا۟ إِنَّا بِكُلٍّ
كَٰفِرُونَ ﴿٤٨﴾

49. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy bảo họ: "Vậy các ngươi hãy mang một Kinh Sách từ Allah đến làm Chỉ Đạo tốt hơn hai quyển này đi, Ta sẽ theo nó, nếu các ngươi là những người nói thật."

قُلْ فَأْتُوا۟ بِكِتَٰبٍ مِّنْ عِندِ ٱللَّهِ هُوَ أَهْدَىٰ مِنْهُمَآ
أَتَّبِعْهُ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٤٩﴾

50. Nếu họ không đáp lại lời Ngươi thì Ngươi hãy biết rằng họ chỉ chạy theo dục vọng của bản thân họ mà thôi. Và còn ai lầm lạc hơn kẻ chỉ biết chạy theo dục vọng của bản thân thay vì đi theo nguồn Chỉ Đạo của Allah. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy bất công bao giờ.

فَإِن لَّمۡ يَسۡتَجِيبُواْ لَكَ فَٱعۡلَمۡ أَنَّمَا يَتَّبِعُونَ أَهۡوَآءَهُمۡۚ
وَمَنۡ أَضَلُّ مِمَّنِ ٱتَّبَعَ هَوَىٰهُ بِغَيۡرِ هُدٗى مِّنَ ٱللَّهِۚ إِنَّ
ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥٠

51. Quả thật, TA đã mang đến cho họ Lời Lẽ rõ ràng (Qur’an) mong rằng họ biết lưu tâm mà thức tỉnh.

۞وَلَقَدۡ وَصَّلۡنَا لَهُمُ ٱلۡقَوۡلَ لَعَلَّهُمۡ يَتَذَكَّرُونَ ٥١

52. Những người đã được TA ban cho Kinh Sách trước (Qur’an) chắc chắn sẽ có đức tin nơi Nó.

ٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ مِن قَبۡلِهِۦ هُم بِهِۦ
يُؤۡمِنُونَ ٥٢

53. Khi (Qur’an) được đọc ra cho họ thì họ liền nói: “Chúng tôi đã tin nơi Nó. Nó đích thực là Chân Lý từ Thượng Đế của chúng tôi. Chúng tôi đã là những người thần phục Allah trước Nó.”

وَإِذَا يُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِهِۦٓ إِنَّهُ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّنَآ
إِنَّا كُنَّا مِن قَبۡلِهِۦ مُسۡلِمِينَ ٥٣

54. Họ sẽ được ban thưởng hai lần bởi vì họ đã kiên nhẫn chịu đựng và họ dùng điều thiện tốt để xóa bỏ điều xấu và chi dùng bổng lộc mà TA đã ban cấp cho họ (vào con đường chính nghĩa của TA).

أُوْلَٰٓئِكَ يُؤۡتَوۡنَ أَجۡرَهُم مَّرَّتَيۡنِ بِمَا صَبَرُواْ
وَيَدۡرَءُونَ بِٱلۡحَسَنَةِ ٱلسَّيِّئَةَ وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ
يُنفِقُونَ ٥٤

55. Khi nghe chuyện tầm phào, họ cáo lui bỏ đi và nói: “Chúng tôi có công việc của chúng tôi và quí vị có công việc của quí vị. Chào bằng an đến quí vị. Chúng tôi không tìm kiếm kẻ ngu dốt (để tranh cãi về tôn giáo và cuộc sống).”

وَإِذَا سَمِعُواْ ٱللَّغۡوَ أَعۡرَضُواْ عَنۡهُ وَقَالُواْ لَنَآ أَعۡمَٰلُنَا
وَلَكُمۡ أَعۡمَٰلُكُمۡ سَلَٰمٌ عَلَيۡكُمۡ لَا نَبۡتَغِي
ٱلۡجَٰهِلِينَ ٥٥

56. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad) Ngươi chắc chắn không thể hướng dẫn được bất cứ ai Ngươi yêu thương mà chính Allah mới là Đấng hướng dẫn người nào Ngài muốn. Quả thật, Ngài biết rõ nhất về những người được hướng dẫn (theo Chính Đạo).

إِنَّكَ لَا تَهۡدِي مَنۡ أَحۡبَبۡتَ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَهۡدِي
مَن يَشَآءُۚ وَهُوَ أَعۡلَمُ بِٱلۡمُهۡتَدِينَ ٥٦

57. (Những kẻ đa thần Quraish) nói: “Nếu bọn ta đi theo nguồn chỉ đạo cùng với Ngươi thì bọn ta sẽ bị trục xuất ra khỏi xứ của bọn ta.” Lẽ nào TA (Allah) đã không thiết lập cho họ một thánh địa an toàn với đủ loại hoa quả được mang đến cho nó như là thiên lộc từ nơi TA? Tuy nhiên, đa số bọn họ không biết (điều đó).

وَقَالُوٓاْ إِن نَّتَّبِعِ ٱلۡهُدَىٰ مَعَكَ نُتَخَطَّفۡ مِنۡ أَرۡضِنَآۚ
أَوَلَمۡ نُمَكِّن لَّهُمۡ حَرَمًا ءَامِنٗا يُجۡبَىٰٓ إِلَيۡهِ ثَمَرَٰتُ كُلِّ
شَيۡءٖ رِّزۡقٗا مِّن لَّدُنَّا وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا
يَعۡلَمُونَ ٥٧

58. Đã có không biết bao thị trấn bị TA tiêu diệt vì (cư dân của) nó chỉ biết hưởng lạc trong cuộc sống phồn thịnh của nó? Nhà cửa của họ trở nên tan hoang và điêu tàn sau khi đã bị hủy diệt chỉ trừ một số rất ít. Và TA là Đấng Thừa Kế di sản của họ.

وَكَمۡ أَهۡلَكۡنَا مِن قَرۡيَةِۭ بَطِرَتۡ مَعِيشَتَهَاۖ فَتِلۡكَ
مَسَٰكِنُهُمۡ لَمۡ تُسۡكَن مِّنۢ بَعۡدِهِمۡ إِلَّا قَلِيلٗاۖ وَكُنَّا
نَحۡنُ ٱلۡوَٰرِثِينَ ٥٨

59. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad), Thượng Đế của Ngươi không tiêu diệt bất cứ thị trấn nào trừ phi Ngài đã cử đến cho mỗi thủ phủ của nó một vị Thiên Sứ (của Ngài) để Y đọc nhắc nhở dân chúng của nó về những lời mặc khải của TA. Và TA cũng không tiêu diệt các thị trấn đó trừ phi cư dân của chúng là những kẻ làm điều sai quấy bất công.

وَمَا كَانَ رَبُّكَ مُهۡلِكَ ٱلۡقُرَىٰ حَتَّىٰ يَبۡعَثَ فِيٓ أُمِّهَا
رَسُولٗا يَتۡلُواْ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتِنَاۚ وَمَا كُنَّا مُهۡلِكِي ٱلۡقُرَىٰٓ
إِلَّا وَأَهۡلُهَا ظَٰلِمُونَ ٥٩

60. Những thứ mà các ngươi đã được ban cho chỉ là những thứ hưởng thụ tạm thời cũng như chỉ là những thứ trang hoàng của đời sống trần tục (ngắn ngủi) này mà thôi, và những gì ở nơi Allah mới là tốt nhất và còn mãi. Lẽ nào các ngươi không hiểu ư?

وَمَآ أُوتِيتُم مِّن شَيۡءٖ فَمَتَٰعُ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَزِينَتُهَاۚ
وَمَا عِندَ ٱللَّهِ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰٓۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٦٠

61. Lẽ nào một người mà TA đã hứa bằng một Lời Hứa tốt đẹp, cái mà y chắc chắn sẽ tiếp nhận nó, lại giống với kẻ mà TA đã cho hưởng thụ trong chốc lát của cõi trần tục (tạm bợ) này rồi sau đó vào Ngày Phán Xét y sẽ phải bị trừng phạt (trong Hỏa Ngục)?

أَفَمَن وَعَدۡنَٰهُ وَعۡدًا حَسَنٗا فَهُوَ لَٰقِيهِ كَمَن مَّتَّعۡنَٰهُ
مَتَٰعَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا ثُمَّ هُوَ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ مِنَ
ٱلۡمُحۡضَرِينَ ٦١

62. Vào Ngày mà Ngài (Allah) sẽ gọi họ đến rồi Ngài sẽ phán: “Đâu là những thần linh ngang vai của TA mà các ngươi đã từng khẳng định trước đây?”

وَيَوۡمَ يُنَادِيهِمۡ فَيَقُولُ أَيۡنَ شُرَكَآءِيَ ٱلَّذِينَ كُنتُمۡ
تَزۡعُمُونَ ٦٢

63. Những kẻ mà Lời (kết tội) đã được khẳng định đối với bọn họ sẽ thưa: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Đây là những kẻ mà bầy tôi đã dắt đi lạc. Bầy tôi dắt bọn họ đi giống như việc tự bản thân bầy tôi đi lạc; bầy tôi vô can với bọn họ trước mặt Ngài; bọn họ đã không thờ phượng bầy tôi trước đây.”

قَالَ ٱلَّذِينَ حَقَّ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقَوۡلُ رَبَّنَا هَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ
أَغۡوَيۡنَآ أَغۡوَيۡنَٰهُمۡ كَمَا غَوَيۡنَاۖ تَبَرَّأۡنَآ إِلَيۡكَۖ مَا كَانُوٓاْ
إِيَّانَا يَعۡبُدُونَ ٦٣

64. Có lời phán bảo họ: “Các ngươi hãy gọi những thần linh của các ngươi!” Họ đã gọi những thần linh đó nhưng không ai trả lời họ và họ sẽ thấy hình phạt trước mặt mình. Giá như họ tuân theo Chỉ Đạo (thì ngày hôm nay họ đâu phải chịu cảnh như thế này!).

وَقِيلَ ٱدۡعُواْ شُرَكَآءَكُمۡ فَدَعَوۡهُمۡ فَلَمۡ يَسۡتَجِيبُواْ
لَهُمۡ وَرَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَۚ لَوۡ أَنَّهُمۡ كَانُواْ يَهۡتَدُونَ ٦٤

65. Vào Ngày mà Ngài sẽ gọi họ đến, phán: “Đâu là điều mà các ngươi đã đáp lại các vị Thiên Sứ (của TA)?”

وَيَوۡمَ يُنَادِيهِمۡ فَيَقُولُ مَاذَآ أَجَبۡتُمُ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٦٥

66. Tuy nhiên, lý lẽ biện bạch sẽ mù mịt đối với họ vào Ngày hôm đó bởi họ không thể hỏi han vấn kế nhau (bất cứ điều gì).

فَعَمِيَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلۡأَنۢبَآءُ يَوۡمَئِذٖ فَهُمۡ لَا
يَتَسَآءَلُونَ ٦٦

67. Nhưng đối với ai biết ăn năn sám hối, có đức tin và hành thiện thì may ra sẽ là một trong những người thành công.

فَأَمَّا مَن تَابَ وَءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحًا فَعَسَىٰٓ أَن يَكُونَ مِنَ ٱلۡمُفۡلِحِينَ ٦٧

68. Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) tạo hóa và lựa chọn bất cứ thứ gì Ngài muốn. Họ (những kẻ thờ đa thần) không có một sự lựa chọn nào (trong việc phản kháng lại Ngài). Quang vinh và trong sạch thay Allah, Ngài Tối Cao vượt hẳn những kẻ mà họ đã tổ hợp chúng với Ngài.

وَرَبُّكَ يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُ وَيَخۡتَارُۗ مَا كَانَ لَهُمُ ٱلۡخِيَرَةُۚ سُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٦٨

69. Thượng Đế của Ngươi biết rõ những điều họ giấu kín trong lòng của họ cũng như những điều họ bộc lộ ra bên ngoài.

وَرَبُّكَ يَعۡلَمُ مَا تُكِنُّ صُدُورُهُمۡ وَمَا يُعۡلِنُونَ ٦٩

70. Ngài là Allah, Đấng mà Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Mọi lời ca ngợi và tán dương ở đời này và ở Đời Sau đều thuộc về một mình Ngài. Ngài nắm mọi quyền định đoạt trong xét xử; và các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.

وَهُوَ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ لَهُ ٱلۡحَمۡدُ فِي ٱلۡأُولَىٰ وَٱلۡأٓخِرَةِۖ وَلَهُ ٱلۡحُكۡمُ وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٧٠

71. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những người thờ đa thần): "Các ngươi thấy sao, nếu Allah làm cho ban đêm kéo dài mãi cho đến Ngày Phục Sinh thì có thượng đế nào khác ngoài Allah sẽ mang ánh sáng lại cho các ngươi không? Lẽ nào các ngươi không biết nghe?"

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِن جَعَلَ ٱللَّهُ عَلَيۡكُمُ ٱلَّيۡلَ سَرۡمَدًا إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ مَنۡ إِلَٰهٌ غَيۡرُ ٱللَّهِ يَأۡتِيكُم بِضِيَآءٍۚ أَفَلَا تَسۡمَعُونَ ٧١

72. Ngươi hãy nói (với họ): "Các ngươi thấy sao, nếu Allah làm cho ban ngày kéo dài mãi cho đến Ngày Phục Sinh thì có thượng đế nào khác ngoài Allah sẽ mang bóng tối lại cho các ngươi để các ngươi có thể nghỉ ngơi trong đó không? Lẽ nào các ngươi không nhìn thấy?"

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِن جَعَلَ ٱللَّهُ عَلَيۡكُمُ ٱلنَّهَارَ سَرۡمَدًا إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ مَنۡ إِلَٰهٌ غَيۡرُ ٱللَّهِ يَأۡتِيكُم بِلَيۡلٍ تَسۡكُنُونَ فِيهِۚ أَفَلَا تُبۡصِرُونَ ٧٢

73. "Nhờ lòng nhân từ của Ngài, Ngài đã tạo ra ban đêm và ban ngày cho các ngươi để các ngươi có thể nghỉ ngơi (vào ban đêm) và tìm kế sinh nhai (vào ban ngày); hi vọng các ngươi biết tri ân Ngài."

وَمِن رَّحۡمَتِهِۦ جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ لِتَسۡكُنُواْ فِيهِ وَلِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦ وَلَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٧٣

74. Vào Ngày mà Ngài sẽ gọi họ (những kẻ đa thần) đến chất vấn, Ngài sẽ phán: "Đâu là những đối tác ngang vai của TA mà các ngươi đã từng xác nhận trước đây?"

وَيَوۡمَ يُنَادِيهِمۡ فَيَقُولُ أَيۡنَ شُرَكَآءِيَ ٱلَّذِينَ كُنتُمۡ تَزۡعُمُونَ ٧٤

75. TA sẽ đưa ra từ mỗi cộng đồng một nhân chứng rồi TA sẽ phán: "Các ngươi hãy trình ra bằng chứng của các ngươi!" Lúc đó, họ sẽ biết rằng mọi sự thật đều thuộc về Allah còn những kẻ (đối tác ngang vai với Ngài) mà họ đã từng bịa đặt sẽ bỏ họ đi mất dạng.

وَنَزَعۡنَا مِن كُلِّ أُمَّةٖ شَهِيدًا فَقُلۡنَا هَاتُواْ بُرۡهَٰنَكُمۡ فَعَلِمُوٓاْ أَنَّ ٱلۡحَقَّ لِلَّهِ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ٧٥

76. Qarun đúng thực xuất thân từ đám dân của Musa nhưng y đã cư xử kiêu ngạo với họ. TA đã ban cho (Qarun) kho tàng châu báu nhiều đến mức cần phải nhờ đến cả đại đội những người cơ bắp lực lưỡng mới vác nổi những chìa khóa kho của y. Khi người dân bảo y: "Ngươi chớ mừng vui đầy kiêu ngạo! Bởi quả thật Allah không yêu thương những kẻ vui mừng đầy kiêu ngạo (về sự giàu có của mình)."

۞إِنَّ قَٰرُونَ كَانَ مِن قَوۡمِ مُوسَىٰ فَبَغَىٰ عَلَيۡهِمۡۖ وَءَاتَيۡنَٰهُ مِنَ ٱلۡكُنُوزِ مَآ إِنَّ مَفَاتِحَهُۥ لَتَنُوٓأُ بِٱلۡعُصۡبَةِ أُوْلِي ٱلۡقُوَّةِ إِذۡ قَالَ لَهُۥ قَوۡمُهُۥ لَا تَفۡرَحۡۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلۡفَرِحِينَ ٧٦

77. "Ngươi hãy dùng của cải mà Allah đã ban cho ngươi để tìm kiếm một ngôi nhà ở Đời Sau và chớ quên mất phần (cho nhu cầu cuộc sống) của mình ở đời này, ngươi hãy đối xử tốt (với người khác) giống như việc Allah đối xử tốt với ngươi và ngươi chớ tìm cách làm điều thối nát trong xứ. Quả thật, Allah không yêu thương những kẻ làm điều thối nát."

وَٱبۡتَغِ فِيمَآ ءَاتَىٰكَ ٱللَّهُ ٱلدَّارَ ٱلۡأٓخِرَةَۖ وَلَا تَنسَ نَصِيبَكَ مِنَ ٱلدُّنۡيَاۖ وَأَحۡسِن كَمَآ أَحۡسَنَ ٱللَّهُ إِلَيۡكَۖ وَلَا تَبۡغِ ٱلۡفَسَادَ فِي ٱلۡأَرۡضِۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ٧٧

78. (Nghe được lời nhắc nhở, Qarun) đáp: "Thật ra, ta được giàu có là đều do sự hiểu biết của ta mà thôi." Lẽ nào y đã không biết rằng Allah đã tiêu diệt những kẻ có nhiều quyền lực và giàu có hơn y trong những thế hệ trước y hay sao? Những kẻ tội lỗi sẽ không bị hạch hỏi ngay về những tội lỗi của họ.

قَالَ إِنَّمَآ أُوتِيتُهُۥ عَلَىٰ عِلۡمٍ عِندِيٓۚ أَوَلَمۡ يَعۡلَمۡ أَنَّ ٱللَّهَ قَدۡ أَهۡلَكَ مِن قَبۡلِهِۦ مِنَ ٱلۡقُرُونِ مَنۡ هُوَ أَشَدُّ مِنۡهُ قُوَّةٗ وَأَكۡثَرُ جَمۡعٗاۚ وَلَا يُسۡـَٔلُ عَن ذُنُوبِهِمُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٧٨

79. Thế rồi, (Qarun) ra ngoài phô trương vẻ hào nhoáng và lộng lẫy (về sự giàu có) của mình trước dân chúng. (Trước sự phô trương về mức độ giàu có của Qarun), những kẻ ham muốn đời sống trần tục vội lên tiếng: "Ôi, ước gì mình được ban cho giống như những gì đã được ban cho Qarun. Y thực sự đã làm chủ một kho tàng quá vĩ đại."

فَخَرَجَ عَلَىٰ قَوۡمِهِۦ فِي زِينَتِهِۦۖ قَالَ ٱلَّذِينَ يُرِيدُونَ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا يَٰلَيۡتَ لَنَا مِثۡلَ مَآ أُوتِيَ قَٰرُونُ إِنَّهُۥ لَذُو حَظٍّ عَظِيمٖ ٧٩

80. Những người được ban cho kiến thức nói: "Thật khốn khổ cho các người. Quả thật phần thưởng của Allah sẽ tốt hơn cho những ai có đức tin và hành thiện. Tuy nhiên, chỉ những người biết kiên nhẫn chịu đựng mới đạt được phần thưởng đó."

وَقَالَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ وَيۡلَكُمۡ ثَوَابُ ٱللَّهِ خَيۡرٞ لِّمَنۡ ءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗاۚ وَلَا يُلَقَّىٰهَآ إِلَّا ٱلصَّٰبِرُونَ ٨٠

81. Vì vậy, TA đã làm cho đất sụp xuống nuốt chửng y và cả nhà cửa của y. Và y đã chẳng có nhóm bè phái nào ngoài Allah giúp đỡ giải cứu y thoát khỏi hình phạt đó của Ngài và y cũng không thể tự cứu lấy mình.

فَخَسَفۡنَا بِهِۦ وَبِدَارِهِ ٱلۡأَرۡضَ فَمَا كَانَ لَهُۥ مِن فِئَةٖ يَنصُرُونَهُۥ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُنتَصِرِينَ ٨١

82. Những kẻ đã ước ao và khao khát có một địa vị giống như địa vị của (Qarun) ngày hôm qua giờ lại nói: “Ôi! Quả thật Allah nới rộng và thu hẹp bổng lộc của Ngài cho ai Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài; nếu Allah không nhân từ đối với chúng tôi thì Ngài đã làm cho đất nuốt chúng tôi mất rồi. Ôi! Những kẻ vô đức tin sẽ không thành đạt.”

وَأَصْبَحَ ٱلَّذِينَ تَمَنَّوْاْ مَكَانَهُۥ بِٱلْأَمْسِ يَقُولُونَ
وَيْكَأَنَّ ٱللَّهَ يَبْسُطُ ٱلرِّزْقَ لِمَن يَشَآءُ مِنْ عِبَادِهِۦ
وَيَقْدِرُۖ لَوْلَآ أَن مَّنَّ ٱللَّهُ عَلَيْنَا لَخَسَفَ بِنَاۖ
وَيْكَأَنَّهُۥ لَا يُفْلِحُ ٱلْكَٰفِرُونَ ﴿٨٢﴾

83. Đó là ngôi nhà (nơi Thiên Đàng) ở cõi Đời Sau mà TA đã tạo ra cho những ai không muốn suy tôn mình cao cả và cũng không làm những điều thối nát trên trái đất. Và kết cuộc tốt đẹp chỉ dành cho những người ngoan đạo.

تِلْكَ ٱلدَّارُ ٱلْـَٔاخِرَةُ نَجْعَلُهَا لِلَّذِينَ لَا يُرِيدُونَ عُلُوًّا
فِى ٱلْأَرْضِ وَلَا فَسَادًاۚ وَٱلْعَٰقِبَةُ لِلْمُتَّقِينَ ﴿٨٣﴾

84. Ai mang theo điều thiện tốt thì sẽ được phần thưởng tốt hơn nhưng ai mang theo điều xấu thì những ai làm điều xấu chỉ sẽ bị phạt ngang bằng với điều xấu mà họ đã làm.

مَن جَآءَ بِٱلْحَسَنَةِ فَلَهُۥ خَيْرٌ مِّنْهَاۖ وَمَن جَآءَ
بِٱلسَّيِّئَةِ فَلَا يُجْزَى ٱلَّذِينَ عَمِلُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ إِلَّا مَا
كَانُواْ يَعْمَلُونَ ﴿٨٤﴾

85. Quả thật, Đấng đã ban Qur’an cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ đưa Ngươi trở lại cố hương. Ngươi hãy nói: “ Thượng Đế của Ta biết rõ ai thực sự là người mang đến nguồn Chỉ Đạo và ai thực sự là kẻ lầm đường lạc lối.”

إِنَّ ٱلَّذِى فَرَضَ عَلَيْكَ ٱلْقُرْءَانَ لَرَآدُّكَ إِلَىٰ مَعَادٍۚ قُل
رَّبِّىٓ أَعْلَمُ مَن جَآءَ بِٱلْهُدَىٰ وَمَنْ هُوَ فِى ضَلَٰلٍ
مُّبِينٍ ﴿٨٥﴾

86. Ngươi đã không mong ước việc Kinh Sách được ban xuống cho Ngươi nhưng đó là hồng phúc từ nơi Thượng Đế của Ngươi; vì vậy, Ngươi chớ đừng trợ giúp những kẻ vô đức tin.

وَمَا كُنتَ تَرْجُوٓاْ أَن يُلْقَىٰٓ إِلَيْكَ ٱلْكِتَٰبُ إِلَّا رَحْمَةً
مِّن رَّبِّكَۖ فَلَا تَكُونَنَّ ظَهِيرًا لِّلْكَٰفِرِينَ ﴿٨٦﴾

87. Ngươi đừng để (những kẻ đa thần này) làm cho Ngươi từ bỏ những lời mặc khải của Allah sau khi chúng đã được ban xuống cho Ngươi mà Ngươi hãy kêu gọi đến với Thượng Đế của Ngươi; và Ngươi hãy đừng trở thành một kẻ đa thần.

وَلَا يَصُدُّنَّكَ عَنْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ بَعْدَ إِذْ أُنزِلَتْ إِلَيْكَۖ
وَٱدْعُ إِلَىٰ رَبِّكَۖ وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلْمُشْرِكِينَ ﴿٨٧﴾

88. Ngươi chớ đừng cầu nguyện cùng với Allah một thần linh nào khác bởi lẽ không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài cả. Tất cả mọi vật đều sẽ tiêu vong ngoại trừ Sắc Diện của Ngài. Ngài nắm quyền xét xử và các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.

وَلَا تَدْعُ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَۘ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ كُلُّ
شَىْءٍ هَالِكٌ إِلَّا وَجْهَهُۥۚ لَهُ ٱلْحُكْمُ وَإِلَيْهِ
تُرْجَعُونَ ﴿٨٨﴾

Al-'Ankabut (Con Nhện) العنكبوت

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. La-m. Mi-m.	الٓمٓ ١
2. Có phải nhân loại tưởng rằng họ sẽ được yên thân khi nói "Chúng tôi đã có đức tin" mà không bị thử thách ư?	أَحَسِبَ ٱلنَّاسُ أَن يُتۡرَكُوٓاْ أَن يَقُولُوٓاْ ءَامَنَّا وَهُمۡ لَا يُفۡتَنُونَ ٢
3. Quả thật, TA đã thử thách những người trước họ. Allah muốn cho thấy rõ ai là người chân thật và ai là kẻ dối gian (qua cuộc thử thách).	وَلَقَدۡ فَتَنَّا ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۖ فَلَيَعۡلَمَنَّ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ صَدَقُواْ وَلَيَعۡلَمَنَّ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٣
4. Hoặc phải chăng những kẻ làm điều tội lỗi tưởng rằng họ có thể qua mặt được TA ư? Thật tệ hại cho điều mà họ xét đoán.	أَمۡ حَسِبَ ٱلَّذِينَ يَعۡمَلُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِ أَن يَسۡبِقُونَاۚ سَآءَ مَا يَحۡكُمُونَ ٤
5. Người nào mong trở về gặp lại Allah thì quả thật thời hạn (ấn định cho việc gặp gỡ đó) của Allah chắc chắn sẽ đến. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe, Hằng Biết.	مَن كَانَ يَرۡجُواْ لِقَآءَ ٱللَّهِ فَإِنَّ أَجَلَ ٱللَّهِ لَأٓتٖۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٥
6. Người nào phấn đấu thì thật ra y chỉ phấn đấu cho bản thân mình. Quả thật, Allah là Đấng Giàu Có, không cần đến thế gian.	وَمَن جَٰهَدَ فَإِنَّمَا يُجَٰهِدُ لِنَفۡسِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَغَنِيٌّ عَنِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦
7. Những ai có đức tin và hành thiện, TA chắc chắn sẽ xóa bỏ những điều xấu xa và tội lỗi của họ, và TA chắc chắn sẽ ban cho họ phần thưởng tốt hơn những điều tốt mà họ đã làm.	وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَنُكَفِّرَنَّ عَنۡهُمۡ سَيِّـَٔاتِهِمۡ وَلَنَجۡزِيَنَّهُمۡ أَحۡسَنَ ٱلَّذِي كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٧
8. TA đã sắc lệnh cho con người phải ăn ở tử tế với cha mẹ. Nhưng nếu cha mẹ đấu tranh với ngươi để buộc ngươi phạm Shirk với TA bởi những thứ mà ngươi không hề biết một tí gì thì ngươi chớ nghe theo lời của hai người họ. Rồi đây, các ngươi sẽ trở về trình diện TA để TA cho các ngươi biết về những gì các ngươi đã từng làm.	وَوَصَّيۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ بِوَٰلِدَيۡهِ حُسۡنٗاۖ وَإِن جَٰهَدَاكَ لِتُشۡرِكَ بِي مَا لَيۡسَ لَكَ بِهِۦ عِلۡمٞ فَلَا تُطِعۡهُمَآۚ إِلَيَّ مَرۡجِعُكُمۡ فَأُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٨
9. Những ai có đức tin và hành thiện, TA chắc chắn sẽ nhập họ vào cùng với đoàn những người ngoan đạo.	وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَنُدۡخِلَنَّهُمۡ فِي ٱلصَّٰلِحِينَ ٩

10. Trong nhân loại có những kẻ tuyên bố “Chúng tôi đã có đức tin nơi Allah” nhưng khi bị áp bức vì Allah thì họ lại xem việc bị thiên hạ áp bức như một sự trừng phạt của Allah. Nhưng nếu có sự trợ giúp từ nơi Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thì họ lại bảo: “Quả thật chúng tôi đã luôn luôn sát cánh với các người.” Chẳng lẽ Allah lại không biết những điều nằm trong lòng của thiên hạ ư?

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَقُولُ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ فَإِذَآ أُوذِيَ فِي
ٱللَّهِ جَعَلَ فِتۡنَةَ ٱلنَّاسِ كَعَذَابِ ٱللَّهِۖ وَلَئِن جَآءَ
نَصۡرٞ مِّن رَّبِّكَ لَيَقُولُنَّ إِنَّا كُنَّا مَعَكُمۡۚ أَوَلَيۡسَ
ٱللَّهُ بِأَعۡلَمَ بِمَا فِي صُدُورِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٠

11. Allah chắc chắn biết rõ ai là những người đã có đức tin và Ngài chắc chắn biết rõ ai là những kẻ giả tạo đức tin.

وَلَيَعۡلَمَنَّ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَلَيَعۡلَمَنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ ١١

12. Những kẻ vô đức tin nói với những người có đức tin rằng: “Các người hãy đi theo con đường của chúng tôi và chúng tôi sẽ gánh chịu mọi tội lỗi của các người.” Nhưng bọn họ sẽ không gánh bất cứ tội lỗi nào cho ai bởi bọn họ thực chất là những kẻ nói dối.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّبِعُواْ سَبِيلَنَا
وَلۡنَحۡمِلۡ خَطَٰيَٰكُمۡ وَمَا هُم بِحَٰمِلِينَ مِنۡ
خَطَٰيَٰهُم مِّن شَيۡءٍۖ إِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ١٢

13. Bọn họ chắc chắn sẽ vác gánh nặng của mình và cả những gánh nặng ngoài gánh nặng của (những ai theo) bọn họ. Bọn họ chắc chắn sẽ bị tra hỏi vào Ngày Phán Xét về những điều mà bọn họ đã bịa đặt.

وَلَيَحۡمِلُنَّ أَثۡقَالَهُمۡ وَأَثۡقَالٗا مَّعَ أَثۡقَالِهِمۡۖ وَلَيُسۡـَٔلُنَّ
يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ عَمَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ١٣

14. Quả thật, TA đã cử Nuh đến với người dân của Y. (Nuh) đã sống với họ thiếu năm mươi năm nữa là đủ một ngàn năm. Rồi, trận Đại Hồng Thủy đã túm bắt lấy họ khi họ là những kẻ làm điều sai quấy bất công.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوۡمِهِۦ فَلَبِثَ فِيهِمۡ أَلۡفَ
سَنَةٍ إِلَّا خَمۡسِينَ عَامٗا فَأَخَذَهُمُ ٱلطُّوفَانُ وَهُمۡ
ظَٰلِمُونَ ١٤

15. TA đã giải cứu (Nuh) và những tín đồ theo Y trên một chiếc tàu và lấy đó làm một bài học cho thế gian.

فَأَنجَيۡنَٰهُ وَأَصۡحَٰبَ ٱلسَّفِينَةِ وَجَعَلۡنَٰهَآ ءَايَةٗ
لِّلۡعَٰلَمِينَ ١٥

16. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad, Ngươi hãy nhớ lại) khi (Ibrahim) bảo người dân của mình “Các người hãy thờ phượng Allah và hãy sợ Ngài. Điều đó tốt nhất cho các người nếu các người biết được.”

وَإِبۡرَٰهِيمَ إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ وَٱتَّقُوهُۖ ذَٰلِكُمۡ
خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ١٦

17. “Thật ra các người chỉ thờ phượng những bục tượng thay vì Allah, các người thật ra chỉ bịa chuyện hoang đường mà thôi. Những thần linh mà các người thờ phượng thực chất không có khả năng ban bổng lộc cho các người. Bởi thế, các người hãy tìm bổng lộc nơi Allah, các người hãy thờ phượng Ngài, hãy tạ ơn Ngài, bởi rồi đây các người sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.”

إِنَّمَا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَوۡثَٰنٗا وَتَخۡلُقُونَ إِفۡكًاۚ
إِنَّ ٱلَّذِينَ تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ لَا يَمۡلِكُونَ
لَكُمۡ رِزۡقٗا فَٱبۡتَغُواْ عِندَ ٱللَّهِ ٱلرِّزۡقَ وَٱعۡبُدُوهُ
وَٱشۡكُرُواْ لَهُۥٓۖ إِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ١٧

18. “Nếu các người phủ nhận thì quả thật những cộng đồng trước các người cũng đã phủ nhận như thế; và nhiệm vụ của một Sứ Giả chỉ là truyền đạt một cách rõ ràng mà thôi.”

وَإِن تُكَذِّبُواْ فَقَدۡ كَذَّبَ أُمَمٞ مِّن قَبۡلِكُمۡۖ وَمَا
عَلَى ٱلرَّسُولِ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ١٨

19. Lẽ nào (những kẻ phủ nhận này) đã không nhận xét thấy việc Allah khởi tạo rồi phục sinh như thế nào ư? Quả thật, điều đó đối với Allah vô cùng đơn giản.

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ كَيۡفَ يُبۡدِئُ ٱللَّهُ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥٓۚ إِنَّ
ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٞ ١٩

20. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ phủ nhận sự phục sinh): “Các ngươi hãy đi khắp mọi nơi trên trái đất để quan sát việc Allah khởi tạo vạn vật rồi Ngài phục sinh Đời Sau như thế nào. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.”

قُلۡ سِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ بَدَأَ ٱلۡخَلۡقَۚ ثُمَّ
ٱللَّهُ يُنشِئُ ٱلنَّشۡأَةَ ٱلۡأٓخِرَةَۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
قَدِيرٞ ٢٠

21. Ngài trừng phạt ai Ngài muốn và khoan dung đối với ai Ngài muốn. Rồi đây các ngươi sẽ được đưa về trình điện Ngài.

يُعَذِّبُ مَن يَشَآءُ وَيَرۡحَمُ مَن يَشَآءُۖ وَإِلَيۡهِ
تُقۡلَبُونَ ٢١

22. Các ngươi chắc chắn sẽ không thể trốn thoát cho dù các ngươi ở dưới đất hay ở trên trời. Các ngươi chắc chắn sẽ không tìm được người bảo hộ hay vị cứu tinh nào ngoài Allah.

وَمَآ أَنتُم بِمُعۡجِزِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فِي ٱلسَّمَآءِۖ وَمَا
لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٖ ٢٢

23. Những kẻ phủ nhận những lời mặc khải của Allah cũng như phủ nhận việc trở lại trình diện Ngài là những kẻ đã tuyệt vọng nơi lòng khoan dung của TA. Họ chắc chắn sẽ đối mặt với một sự trừng phạt đau đớn.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَلِقَآئِهِۦٓ أُوْلَٰٓئِكَ يَئِسُواْ
مِن رَّحۡمَتِي وَأُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٢٣

24. Đám dân của (Ibrahim) không trả lời điều nào khác ngoài điều bọn họ nói: “Hãy giết chết nó hoặc thiêu sống nó!” Nhưng Allah đã cứu sống (Ibrahim) khỏi hố lửa. Quả thật, trong sự việc đó là những bài học cho đám người có đức tin.

فَمَا كَانَ جَوَابَ قَوۡمِهِۦٓ إِلَّآ أَن قَالُواْ ٱقۡتُلُوهُ أَوۡ
حَرِّقُوهُ فَأَنجَىٰهُ ٱللَّهُ مِنَ ٱلنَّارِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ
لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٢٤

25. (Ibrahim) bảo (người dân của mình): “Các người đã thờ cúng những bục tượng thay vì Allah chẳng qua là vì các người yêu thương lẫn nhau ở đời này; rồi vào Ngày Phán Xét, các người sẽ phủ nhận và nguyền rủa lẫn nhau, và chốn ở cuối cùng của các người sẽ là Hỏa Ngục và các người sẽ không có ai giúp đỡ.”

وَقَالَ إِنَّمَا ٱتَّخَذۡتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ أَوۡثَٰنٗا مَّوَدَّةَ
بَيۡنِكُمۡ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ ثُمَّ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يَكۡفُرُ
بَعۡضُكُم بِبَعۡضٖ وَيَلۡعَنُ بَعۡضُكُم بَعۡضٗا
وَمَأۡوَىٰكُمُ ٱلنَّارُ وَمَا لَكُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٢٥

26. Chỉ có Lut đã tin nơi (Ibrahim) và Y nói: “Ta sẽ dời cư đến với Thượng Đế của Ta, bởi quả thật, Ngài là Đấng Quyền Năng, Sáng Suốt.”

۞فَـَٔامَنَ لَهُۥ لُوطٞۘ وَقَالَ إِنِّي مُهَاجِرٌ إِلَىٰ رَبِّيٓۖ إِنَّهُۥ هُوَ
ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٢٦

27. TA đã ban cho (Ibrahim) (đứa con trai) Is-haq và (đứa cháu nội) Ya’qub và chọn trong số con cháu của Y tiếp thu lời mặc khải và Kinh Sách, và TA đã ban cho Y phần thưởng ở trần gian; và vào Đời Sau, Y chắc chắn sẽ ở cùng với những người đức hạnh.

وَوَهَبۡنَا لَهُۥٓ إِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ وَجَعَلۡنَا فِي ذُرِّيَّتِهِ
ٱلنُّبُوَّةَ وَٱلۡكِتَٰبَ وَءَاتَيۡنَٰهُ أَجۡرَهُۥ فِي ٱلدُّنۡيَاۖ وَإِنَّهُۥ فِي
ٱلۡأٓخِرَةِ لَمِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٢٧

28. Và Lut, khi Y bảo người dân của mình: “Các người đã làm một việc làm ô uế nhất, thứ mà không một ai trong thiên hạ đã từng làm trước các người.”

وَلُوطًا إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦٓ إِنَّكُمۡ لَتَأۡتُونَ ٱلۡفَٰحِشَةَ مَا
سَبَقَكُم بِهَا مِنۡ أَحَدٖ مِّنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢٨

29. “Sao các người lại giao hợp với đàn ông, lại chuyên đánh cướp những người đi đường và làm những điều đáng khinh bỉ trong những cuộc hội họp của các người?” Tuy nhiên, đám dân của (Lut) không trả lời mà lên tiếng thách thức: “Nếu ngươi nói thật thì ngươi hãy mang hình phạt của Allah đến (trừng phạt) bọn ta xem nào.”

أَئِنَّكُمۡ لَتَأۡتُونَ ٱلرِّجَالَ وَتَقۡطَعُونَ ٱلسَّبِيلَ وَتَأۡتُونَ
فِي نَادِيكُمُ ٱلۡمُنكَرَۖ فَمَا كَانَ جَوَابَ قَوۡمِهِۦٓ إِلَّآ أَن
قَالُواْ ٱئۡتِنَا بِعَذَابِ ٱللَّهِ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٢٩

30. (Lut) cầu nguyện (Allah): “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài phù hộ bề tôi thắng đám người thối nát này.”

قَالَ رَبِّ ٱنصُرۡنِي عَلَى ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ٣٠

31. Khi các Sứ Giả của TA (các Thiên Thần) đến gặp Ibrahim với tin mừng, họ nói với (Ibrahim): “Chúng tôi được lệnh tiêu diệt dân cư của thị trấn này bởi dân cư của nó thực sự là những kẻ làm điều sai quấy bất công.”

وَلَمَّا جَآءَتۡ رُسُلُنَآ إِبۡرَٰهِيمَ بِٱلۡبُشۡرَىٰ قَالُوٓاْ إِنَّا
مُهۡلِكُوٓاْ أَهۡلِ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةِۖ إِنَّ أَهۡلَهَا كَانُواْ
ظَٰلِمِينَ ٣١

32. Ibrahim nói (với các Thiên Thần sứ giả): “Nhưng Lut đang ở trong đó.” (Các Thiên Thần) bảo: “Bọn ta biết rõ ai ở trong đó. Chắc chắn, bọn ta sẽ giải cứu (Lut) và gia đình của Y ngoại trừ người vợ của Y, nữ ta sẽ là một trong những kẻ bị tiêu diệt.”

قَالَ إِنَّ فِيهَا لُوطٗاۚ قَالُواْ نَحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَن فِيهَاۖ
لَنُنَجِّيَنَّهُۥ وَأَهۡلَهُۥٓ إِلَّا ٱمۡرَأَتَهُۥ كَانَتۡ مِنَ
ٱلۡغَٰبِرِينَ ٣٢

33. Rồi khi các Thiên Thần Sứ Giả của TA đến gặp Lut khiến Y lo âu cho Họ trước dân làng và Lut cảm thấy bất lực. (Các Thiên Thần Sứ Giả) bảo (Lut): “Ngươi đừng lo sợ và đừng buồn phiền. Bọn ta chắc chắn sẽ giải cứu Ngươi và gia đình của Ngươi ngoại trừ vợ của Ngươi, nữ ta sẽ là một trong số những kẻ bị tiêu diệt.”

وَلَمَّآ أَن جَآءَتۡ رُسُلُنَا لُوطٗا سِيٓءَ بِهِمۡ وَضَاقَ بِهِمۡ
ذَرۡعٗاۖ وَقَالُواْ لَا تَخَفۡ وَلَا تَحۡزَنۡ إِنَّا مُنَجُّوكَ وَأَهۡلَكَ
إِلَّا ٱمۡرَأَتَكَ كَانَتۡ مِنَ ٱلۡغَٰبِرِينَ ٣٣

34. “Bọn ta chắc chắn sẽ giáng một hình phạt từ trên trời xuống trừng phạt dân cư của thị trấn này bởi họ là những kẻ dấy loạn hư đốn.”

إِنَّا مُنزِلُونَ عَلَىٰٓ أَهۡلِ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةِ رِجۡزٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ
بِمَا كَانُواْ يَفۡسُقُونَ ٣٤

35. Quả thật, TA (Allah) đã để lại một chứng tích rõ rệt của việc trừng phạt đó cho đám người biết suy ngẫm.

وَلَقَد تَّرَكۡنَا مِنۡهَآ ءَايَةَۢ بَيِّنَةٗ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ٣٥

36. Đối với người dân Madyan, TA đã cử người anh em của họ, Shu'aib, đến với họ. Shu'aib bảo: "Hỡi dân ta! Các người hãy thờ phượng Allah và hãy sợ Ngày Cuối Cùng; Các người chớ đừng làm điều thối nát trên trái đất."

وَإِلَىٰ مَدۡيَنَ أَخَاهُمۡ شُعَيۡبٗا فَقَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
وَٱرۡجُواْ ٱلۡيَوۡمَ ٱلۡأٓخِرَ وَلَا تَعۡثَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ
مُفۡسِدِينَ ٣٦

37. Nhưng (đám dân của Shu'aib) đã phủ nhận Y. Bởi thế, một trận động đất đã túm bắt lấy họ, họ chết nằm la liệt ngay trong ngôi nhà của mình.

فَكَذَّبُوهُ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلرَّجۡفَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دَارِهِمۡ
جَٰثِمِينَ ٣٧

38. Người dân 'Ad và Thamud cũng thế. Nhà cửa đổ nát của họ hãy còn là một chứng tích rõ ràng cho các ngươi về họ. Shaytan đã tô điểm cho việc làm của họ trở nên hấp dẫn đối với họ để nó ngăn cản họ đi xa khỏi con đường ngay chính trong khi họ là những người có cái nhìn thấu suốt (vì đã được các Thiên Sứ của họ hướng dẫn và chỉ dạy).

وَعَادٗا وَثَمُودَاْ وَقَد تَّبَيَّنَ لَكُم مِّن مَّسَٰكِنِهِمۡۖ وَزَيَّنَ
لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَصَدَّهُمۡ عَنِ ٱلسَّبِيلِ وَكَانُواْ
مُسۡتَبۡصِرِينَ ٣٨

39. Qarun, Pha-ra-ông và Haman cũng vậy. Quả thật, Musa đã đến gặp bọn họ với những bằng chứng rõ rệt, nhưng bọn họ đã tỏ ra ngạo mạn trên trái đất nên bọn họ không thoát khỏi (sự trừng phạt của Allah).

وَقَٰرُونَ وَفِرۡعَوۡنَ وَهَٰمَٰنَۖ وَلَقَدۡ جَآءَهُم مُّوسَىٰ
بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَٱسۡتَكۡبَرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا كَانُواْ
سَٰبِقِينَ ٣٩

40. TA (Allah) đã bắt phạt từng đứa một theo tội của riêng họ. Trong bọn họ, có kẻ đã bị TA bắt phạt bằng một trận mưa đá (như đối với người dân của Lut); có kẻ đã bị TA bắt phạt bằng một tiếng thét (như đối với người dân Thamud); có kẻ đã bị TA bắt phạt bằng cách làm cho đất sụp xuống (như Qarun); và có kẻ đã bị TA bắt phạt bằng cách nhấn chìm dưới nước (như Pha-ra-ông và Haman). Tuy nhiên, Allah không phải là Đấng đã bất công với họ mà chính bọn đã tự bất công với bản thân mình (bởi việc làm tỗi lỗi và thối nát của bọn họ).

فَكُلًّا أَخَذۡنَا بِذَنۢبِهِۦۖ فَمِنۡهُم مَّنۡ أَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِ
حَاصِبٗا وَمِنۡهُم مَّنۡ أَخَذَتۡهُ ٱلصَّيۡحَةُ وَمِنۡهُم مَّنۡ
خَسَفۡنَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ وَمِنۡهُم مَّنۡ أَغۡرَقۡنَاۚ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ
لِيَظۡلِمَهُمۡ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٤٠

41. Hình ảnh của những kẻ nhận lấy các vị bảo hộ khác ngoài Allah giống như hình ảnh của một con nhện giăng tơ làm nhà. Quả thật, ngôi nhà yếu ớt nhất chính là ngôi nhà của loài nhện, nếu như bọn họ biết rõ điều đó.

مَثَلُ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَوۡلِيَآءَ كَمَثَلِ
ٱلۡعَنكَبُوتِ ٱتَّخَذَتۡ بَيۡتٗاۖ وَإِنَّ أَوۡهَنَ ٱلۡبُيُوتِ لَبَيۡتُ
ٱلۡعَنكَبُوتِۚ لَوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ٤١

42. Quả thật, Allah biết rõ về những gì bọn họ cầu nguyện ngoài Ngài, bởi Ngài là Đấng Quyền Năng, Sáng Suốt.

إِنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا يَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ مِن شَيۡءٖۚ وَهُوَ
ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٤٢

43. Đó là những hình ảnh thí dụ mà TA (Allah) trình bày cho nhân loại. Tuy nhiên, chỉ những ai có kiến thức mới thấu hiểu được (ý nghĩa của những hình ảnh thí dụ đó).

وَتِلۡكَ ٱلۡأَمۡثَٰلُ نَضۡرِبُهَا لِلنَّاسِۖ وَمَا يَعۡقِلُهَآ إِلَّا
ٱلۡعَٰلِمُونَ ٤٣

44. Allah đã tạo hóa các tầng trời và trái đất là vì chân lý. Quả thật, trong (sự tạo hóa) đó là một minh chứng (rõ ràng về Allah) cho những ai có đức tin.

خَلَقَ ٱللَّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ
لَأٓيَةٗ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٤٤

45. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy xướng đọc những điều đã được mặc khải cho Ngươi trong Kinh Sách (Qur'an) và Ngươi hãy chu đáo dâng lễ nguyện Salah. Quả thật, lễ nguyện Salah sẽ ngăn cản mọi điều ô uế và tội lỗi. Và việc tưởng nhớ Allah là điều lớn lao nhất, và Allah biết rõ mọi điều các ngươi làm.

ٱتۡلُ مَآ أُوحِيَ إِلَيۡكَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَأَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَۖ إِنَّ
ٱلصَّلَوٰةَ تَنۡهَىٰ عَنِ ٱلۡفَحۡشَآءِ وَٱلۡمُنكَرِۗ وَلَذِكۡرُ ٱللَّهِ
أَكۡبَرُۗ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تَصۡنَعُونَ ٤٥

46. Các ngươi (hỡi những người có đức tin) chớ đừng tranh luận với người dân Kinh Sách ngoại trừ bằng thái độ nhã nhặn (và lời lẽ tử tế) và chỉ đối với những ai làm điều sai quấy bất công trong số họ. Các ngươi hãy nói với (người dân Kinh Sách): "Chúng tôi đã có đức tin nơi những điều đã được mặc khải cho chúng tôi và những điều đã được mặc khải cho các người, và Thượng Đế của chúng tôi lẫn Thượng Đế của các ngươi chỉ là Một Đấng duy nhất, tất cả chúng tôi đều thần phục Ngài."

۞وَلَا تُجَٰدِلُوٓاْ أَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ إِلَّا بِٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُ
إِلَّا ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنۡهُمۡۖ وَقُولُوٓاْ ءَامَنَّا بِٱلَّذِيٓ أُنزِلَ
إِلَيۡنَا وَأُنزِلَ إِلَيۡكُمۡ وَإِلَٰهُنَا وَإِلَٰهُكُمۡ وَٰحِدٞ وَنَحۡنُ
لَهُۥ مُسۡلِمُونَ ٤٦

47. Như thế đó, TA (Allah) đã ban Kinh Sách (Qur'an) xuống cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad). Cho nên, những ai được TA ban cho Kinh Sách đều có đức tin nơi Nó và một số người này cũng đã có đức tin nơi Nó và không một ai chống đối lại các Lời Mặc Khải của TA ngoại trừ đám người vô đức tin.

وَكَذَٰلِكَ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَۚ فَٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ
ٱلۡكِتَٰبَ يُؤۡمِنُونَ بِهِۦۖ وَمِنۡ هَٰٓؤُلَآءِ مَن يُؤۡمِنُ بِهِۦۚ
وَمَا يَجۡحَدُ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَّا ٱلۡكَٰفِرُونَ ٤٧

48. Trước khi Qur'an được ban xuống, Ngươi đã chưa từng đọc qua bất kỳ một Kinh Sách nào và Ngươi cũng chưa từng viết bất kỳ quyển kinh nào từ bàn tay phải của Ngươi. (Nếu Ngươi đã từng đọc và đã từng viết) thì chắc chắn những kẻ thiếu hiểu biết trong thiên hạ sẽ đâm ra hoài nghi (về Qur'an).

وَمَا كُنتَ تَتۡلُواْ مِن قَبۡلِهِۦ مِن كِتَٰبٖ وَلَا تَخُطُّهُۥ
بِيَمِينِكَۖ إِذٗا لَّٱرۡتَابَ ٱلۡمُبۡطِلُونَ ٤٨

49. Không! (Kinh Qur'an) gồm những lời mặc khải minh bạch ở trong lòng của những ai đã được ban cho kiến thức. Không ai chống đối lại các lời mặc khải của TA ngoại trừ những kẻ sai quấy bất công.

بَلۡ هُوَ ءَايَٰتُۢ بَيِّنَٰتٞ فِي صُدُورِ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَۚ
وَمَا يَجۡحَدُ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَّا ٱلظَّٰلِمُونَ ٤٩

50. (Những kẻ thờ đa thần) nói: "Tại sao Thượng Đế của Y (Muhammad) không ban cho Y những dấu hiệu lạ nào cơ chứ?!" Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với họ): "Quả thật, các dấu hiệu lạ đó chỉ ở nơi Allah, còn Ta chỉ là một người cảnh báo rõ ràng mà thôi."

وَقَالُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ ءَايَٰتٞ مِّن رَّبِّهِۦۚ قُلۡ إِنَّمَا
ٱلۡأٓيَٰتُ عِندَ ٱللَّهِ وَإِنَّمَآ أَنَا۠ نَذِيرٞ مُّبِينٌ ٥٠

51. Lẽ nào việc TA đã ban Kinh Sách (Qur'an) xuống cho Ngươi để Ngươi xướng đọc cho họ không đủ cho họ hay sao? Quả thật, trong (Qur'an) là Hồng Ân và điều nhắc nhở cho đám người có đức tin.

أَوَلَمۡ يَكۡفِهِمۡ أَنَّآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ يُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَرَحۡمَةٗ وَذِكۡرَىٰ لِقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٥١

52. Ngươi hãy nói (với họ): "Allah đủ làm chứng giữa Ta và các người. Ngài biết rõ mọi điều trong các tầng trời và trái đất. Những ai có đức tin vào điều ngụy tạo và vô đức tin nơi Allah thì là những kẻ thất bại."

قُلۡ كَفَىٰ بِٱللَّهِ بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡ شَهِيدٗاۖ يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱلۡبَٰطِلِ وَكَفَرُواْ بِٱللَّهِ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ٥٢

53. (Những kẻ thờ đa thần) hối thúc Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) mang hình phạt đến cho họ. (Nhưng họ không biết rằng) nếu không vì một thời hạn nhất định đã được ấn định trước cho họ thì hình phạt chắc chắn đã túm lấy họ mất rồi. Chắc chắn (hình phạt) sẽ đến với họ một cách bất ngờ trong lúc họ không hề hay biết.

وَيَسۡتَعۡجِلُونَكَ بِٱلۡعَذَابِ وَلَوۡلَآ أَجَلٞ مُّسَمّٗى لَّجَآءَهُمُ ٱلۡعَذَابُۚ وَلَيَأۡتِيَنَّهُم بَغۡتَةٗ وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ٥٣

54. Họ hối thúc Ngươi mang hình phạt đến nhưng chắc chắn Hỏa Ngục sẽ bao vây những kẻ vô đức tin.

يَسۡتَعۡجِلُونَكَ بِٱلۡعَذَابِ وَإِنَّ جَهَنَّمَ لَمُحِيطَةُۢ بِٱلۡكَٰفِرِينَ ٥٤

55. Vào Ngày mà hình phạt sẽ bao vây họ từ phía bên trên họ lẫn phía dưới chân của họ, và (Allah) phán: "Các ngươi hãy nếm lấy (hậu quả về) những gì các ngươi đã làm."

يَوۡمَ يَغۡشَىٰهُمُ ٱلۡعَذَابُ مِن فَوۡقِهِمۡ وَمِن تَحۡتِ أَرۡجُلِهِمۡ وَيَقُولُ ذُوقُواْ مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٥٥

56. Hỡi các bầy tôi có đức tin của TA, quả thật đất đai của TA rộng thênh thang, cho nên, các ngươi hãy thờ phượng chỉ một mình TA thôi!

يَٰعِبَادِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّ أَرۡضِي وَٰسِعَةٞ فَإِيَّٰيَ فَٱعۡبُدُونِ ٥٦

57. Tất cả mỗi cơ thể đều phải nếm cái chết. Rồi các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện TA.

كُلُّ نَفۡسٖ ذَآئِقَةُ ٱلۡمَوۡتِۖ ثُمَّ إِلَيۡنَا تُرۡجَعُونَ ٥٧

58. Những người có đức tin và hành thiện chắc chắn sẽ được TA ban thưởng cho Thiên Đàng với những tòa nhà cao, bên dưới có các dòng sông chảy. Họ sẽ sống mãi mãi trong đó. Ân phúc thay phần thưởng dành cho những người làm việc (thiện tốt).

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَنُبَوِّئَنَّهُم مِّنَ ٱلۡجَنَّةِ غُرَفٗا تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ نِعۡمَ أَجۡرُ ٱلۡعَٰمِلِينَ ٥٨

59. Họ là những người đã kiên nhẫn chịu đựng và phó thác cho Thượng Đế của họ.

ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ يَتَوَكَّلُونَ ٥٩

60. Có biết bao sinh vật đã không thể dự trữ bổng lộc của mình cho ngày mai. Chính Allah sẽ cấp dưỡng chúng và luôn cả các ngươi bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe, Hằng Biết.

وَكَأَيِّن مِّن دَآبَّةٖ لَّا تَحۡمِلُ رِزۡقَهَا ٱللَّهُ يَرۡزُقُهَا وَإِيَّاكُمۡۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٦٠

61. Nếu Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hỏi (những kẻ thờ đa thần) ai đã tạo hóa các tầng trời và trái đất cũng như ai đã chế ngự mặt trời, mặt trăng thì chắc chắn họ sẽ đáp: “Allah!” Thế tại sao họ vẫn không chịu tin?!

وَلَئِن سَأَلۡتَهُم مَّنۡ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَسَخَّرَ ٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَ لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُۖ فَأَنَّىٰ يُؤۡفَكُونَ ٦١

62. Allah ban bổng lộc nhiều hay ít cho bất cứ ai Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài, quả thật, Allah là Đấng hằng biết hết mọi việc.

ٱللَّهُ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦ وَيَقۡدِرُ لَهُۥٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ٦٢

63. Nếu Ngươi hỏi họ ai đã ban nước mưa từ trên trời xuống dùng để làm sống lại lớp đất đã chết khô thì chắc chắn họ sẽ trả lời: “Allah!” Ngươi hãy nói: “Alhamdulillah”. Tuy nhiên, đa số bọn họ không suy ngẫm.

وَلَئِن سَأَلۡتَهُم مَّن نَّزَّلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَحۡيَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ مِنۢ بَعۡدِ مَوۡتِهَا لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُۚ قُلِ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡقِلُونَ ٦٣

64. Cuộc sống trần gian này chỉ là trò đùa và thú tiêu khiển còn cõi Đời Sau mới là nơi của cuộc sống đích thực, nếu họ biết điều đó.

وَمَا هَٰذِهِ ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَآ إِلَّا لَهۡوٞ وَلَعِبٞۚ وَإِنَّ ٱلدَّارَ ٱلۡأٓخِرَةَ لَهِيَ ٱلۡحَيَوَانُۚ لَوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ٦٤

65. Khi họ lên tàu ra khơi, họ khấn vái Allah một cách thành khẩn, nhưng khi Ngài cứu họ vào bờ an toàn thì họ tiếp tục làm điều Shirk (tổ hợp thần linh khác) với Ngài.

فَإِذَا رَكِبُواْ فِي ٱلۡفُلۡكِ دَعَوُاْ ٱللَّهَ مُخۡلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ فَلَمَّا نَجَّىٰهُمۡ إِلَى ٱلۡبَرِّ إِذَا هُمۡ يُشۡرِكُونَ ٦٥

66. Họ làm thế để có thể phủ nhận những ân huệ mà TA đã ban cho họ và để họ tự do hưởng thụ. Nhưng rồi đây họ sẽ sớm biết (hậu quả khi cái chết đến với họ).

لِيَكۡفُرُواْ بِمَآ ءَاتَيۡنَٰهُمۡ وَلِيَتَمَتَّعُواْۚ فَسَوۡفَ يَعۡلَمُونَ ٦٦

67. Lẽ nào họ không thấy việc TA đã làm cho Makkah thành một Thánh Địa an toàn bất khả xâm phạm trong lúc thiên hạ xung quanh Nó không ngừng xảy ra cảnh giết chóc? Lẽ nào với điều gian dối thì họ lại tin còn đối với ân huệ của Allah thì họ lại phủ nhận?

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّا جَعَلۡنَا حَرَمًا ءَامِنٗا وَيُتَخَطَّفُ ٱلنَّاسُ مِنۡ حَوۡلِهِمۡۚ أَفَبِٱلۡبَٰطِلِ يُؤۡمِنُونَ وَبِنِعۡمَةِ ٱللَّهِ يَكۡفُرُونَ ٦٧

68. Thực sự còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều nói dối cho Allah hoặc còn ai sai quấy bất công hơn kẻ đã phủ nhận chân lý khi nó đến với y? Chắc chắn Hỏa Ngục sẽ là nơi cư ngụ cho đám người vô đức tin.

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوۡ كَذَّبَ بِٱلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَهُۥٓۚ أَلَيۡسَ فِي جَهَنَّمَ مَثۡوٗى لِّلۡكَٰفِرِينَ ٦٨

69. Và những ai anh dũng chiến đấu vì chính nghĩa của TA, chắc chắn sẽ được TA hướng dẫn đến những con đường của TA. Và chắc chắn, Allah luôn bên cạnh những người làm tốt.

وَٱلَّذِينَ جَٰهَدُواْ فِينَا لَنَهۡدِيَنَّهُمۡ سُبُلَنَاۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَمَعَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٦٩

Ar-Rum (La Mã) الروم

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. La-m. Mi-m.

الٓمٓ ١

2. Người La Mã đã bị đánh bại,

غُلِبَتِ ٱلرُّومُ ٢

3. Tại một lãnh thổ lân cận (1). Tuy nhiên, sau cuộc chiến bại đó, họ sẽ giành lại chiến thắng,[I]

فِيٓ أَدۡنَى ٱلۡأَرۡضِ وَهُم مِّنۢ بَعۡدِ غَلَبِهِمۡ سَيَغۡلِبُونَ ٣

4. Trong vài năm sau. Mọi việc xảy ra trước và sau đều là lệnh của Allah. Và vào ngày đó (ngày mà người La Mã giành chiến thắng trở lại) những người có đức tin sẽ vui mừng,

فِي بِضۡعِ سِنِينَۗ لِلَّهِ ٱلۡأَمۡرُ مِن قَبۡلُ وَمِنۢ بَعۡدُۚ
وَيَوۡمَئِذٖ يَفۡرَحُ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٤

5. Về sự phù hộ của Allah. Quả thật, Ngài ban chiến thắng cho người nào Ngài muốn bởi Ngài là Đấng Quyền Năng, Đấng Nhân Từ.(2)[II]

بِنَصۡرِ ٱللَّهِۚ يَنصُرُ مَن يَشَآءُۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ٥

6. (Sự chiến thắng đó là từ) Lời Hứa của Allah, Ngài không hề làm trái Lời Hứa của Ngài, tuy nhiên, đa số nhân loại không biết.

وَعۡدَ ٱللَّهِۖ لَا يُخۡلِفُ ٱللَّهُ وَعۡدَهُۥ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ
ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٦

7. Họ chỉ biết những gì được nhìn thấy từ đời sống trần tục này còn đối với cuộc sống Đời Sau thì họ lại lơ là, không quan tâm.

يَعۡلَمُونَ ظَٰهِرٗا مِّنَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَهُمۡ عَنِ ٱلۡأٓخِرَةِ
هُمۡ غَٰفِلُونَ ٧

8. Sao họ không chịu suy ngẫm về bản thân họ (và những tạo vật khác ngoài họ)? Quả thật, Allah đã không tạo hóa các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa chúng ngoại trừ vì Chân Lý và (Ngài qui định cho chúng) một thời hạn nhất định. Và quả thật, đa số nhân loại đã phủ nhận việc gặp gỡ với Thượng Đế của họ.

أَوَلَمۡ يَتَفَكَّرُواْ فِيٓ أَنفُسِهِمۗ مَّا خَلَقَ ٱللَّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَآ إِلَّا بِٱلۡحَقِّ وَأَجَلٖ مُّسَمّٗىۗ وَإِنَّ
كَثِيرٗا مِّنَ ٱلنَّاسِ بِلِقَآيِٕ رَبِّهِمۡ لَكَٰفِرُونَ ٨

[I] (1) Có lời Tafsir rằng đó là khu vực giữa xứ Syria và I-rắc, và có lời nói rằng đó là khu vực giữa Palestine và Jordan.

[II] (2) Nguyên nhân Allah mặc khải xuống bốn câu Kinh (2, 3, 4, 5) này là do đã xảy ra cuộc chiến giữa Đế quốc Ba Tư và người La Mã ở một khu vực gần Biển Chết. Trong trận chiến này, người Ba Tư đã giành chiến thắng, và đó là vào năm 619 sau Công nguyên. Những người Muslim cảm thấy buồn trước sự thất bại của người La Mã bởi vì họ là những người dân Kinh Sách và tôn giáo của họ gần với tôn giáo của Islam hơn, còn những người thờ đa thần Quraish thì vui mừng trước chiến thắng của người Ba Tư bởi vì những người Ba Tư cũng thờ đa thần giống như họ. Allah mặc khải xuống hứa với người Muslim rằng rồi đây trong vài năm sau người La Mã sẽ đánh bại Đế quốc Ba Tư trong trận chiến thứ hai. Lời hứa của Qur'an đã được xác thực, sau bảy năm, một trận chiến khác diễn ra giữa người Ba Tư và người La Mã vào năm 626 sau Công nguyên và người La Mã đã thực sự giành chiến thắng. Và đây chính là một trong những phép màu của Kinh Qur'an, khẳng định sứ mạng của Thiên Sứ Muhammad là thật. (Xem Tafsir Ibnu Al-Kathir và Tafsir Ot-Tobari).

9. Sao họ không chịu đi chu du khắp trái đất để nhìn xem hậu quả của những ai sống trước họ như thế nào? Đám người đó mạnh hơn họ về sức lực, về khả năng khai khẩn đất đai, về tuổi thọ, về số lượng và sự giàu có; và những Sứ Giả đã được cử phái đến với đám người đó mang theo những bằng chứng rõ rệt. Do đó, Allah đã không hề làm hại họ mà chính họ đã tự làm hại bản thân mình.

أَوَلَمۡ يَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَانُوٓاْ أَشَدَّ مِنۡهُمۡ قُوَّةٗ وَأَثَارُواْ
ٱلۡأَرۡضَ وَعَمَرُوهَآ أَكۡثَرَ مِمَّا عَمَرُوهَا وَجَآءَتۡهُمۡ
رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِۖ فَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيَظۡلِمَهُمۡ وَلَٰكِن
كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٩

10. Rồi những kẻ làm điều xấu sẽ gặp phải hậu quả xấu bởi vì họ đã phủ nhận các Lời Mặc Khải của Allah và đã mang chúng ra giễu cợt.

ثُمَّ كَانَ عَٰقِبَةَ ٱلَّذِينَ أَسَٰٓـُٔواْ ٱلسُّوٓأَىٰٓ أَن كَذَّبُواْ
بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَكَانُواْ بِهَا يَسۡتَهۡزِءُونَ ١٠

11. Allah là Đấng bắt đầu sự tạo hóa, rồi Ngài sẽ tái tạo nó trở lại, và rồi đây các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.

ٱللَّهُ يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥ ثُمَّ إِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ١١

12. Và vào Ngày mà Giờ Tận Thế sẽ được thiết lập, những kẻ tội lỗi sẽ tuyệt vọng.

وَيَوۡمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ يُبۡلِسُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ١٢

13. Họ không được những thần linh mà họ từng thờ phượng đứng ra can thiệp, ngược lại, các thần linh đó còn phủ nhận sự thờ phượng của họ.

وَلَمۡ يَكُن لَّهُم مِّن شُرَكَآئِهِمۡ شُفَعَٰٓؤُاْ وَكَانُواْ
بِشُرَكَآئِهِمۡ كَٰفِرِينَ ١٣

14. Vào Ngày mà thời khắc Tận Thế được dựng lên, đó là Ngày mà nhân loại sẽ được tách biệt (giữa những người có đức tin và những kẻ vô đức tin).

وَيَوۡمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ يَوۡمَئِذٖ يَتَفَرَّقُونَ ١٤

15. Đối với những ai có đức tin và hành thiện thì sẽ được sống (sung sướng, hưởng thụ niềm hạnh phúc bất tận) nơi Thiên Đàng.

فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَهُمۡ فِي
رَوۡضَةٖ يُحۡبَرُونَ ١٥

16. Còn đối với những kẻ vô đức tin và phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA, phủ nhận cuộc gặp gỡ với TA ở Đời Sau, thì sẽ là những kẻ ở trong sự trừng phạt muôn đời.

وَأَمَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَلِقَآيِٕ ٱلۡأٓخِرَةِ
فَأُوْلَٰٓئِكَ فِي ٱلۡعَذَابِ مُحۡضَرُونَ ١٦

17. Do đó, các ngươi hãy tán dương Allah khi các ngươi bước vào buổi chiều và lúc bình minh ló dạng.

فَسُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ حِينَ تُمۡسُونَ وَحِينَ تُصۡبِحُونَ ١٧

18. Mọi lời ca tụng trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về Ngài, (cho nên, các ngươi hãy tán dương và ca tụng Ngài) lúc xế chiều (vào lễ nguyện Salah ‘Asr) và vào lúc ban trưa (lễ nguyện Salah Zhuhr).

وَلَهُ ٱلۡحَمۡدُ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَعَشِيّٗا وَحِينَ
تُظۡهِرُونَ ١٨

19. Ngài mang sự sống ra từ cái chết và Ngài mang cái chết ra từ sự sống; Ngài hồi sinh lại mảnh đất đã chết khô và các ngươi sẽ được phục sinh tương tự như thế.

يُخۡرِجُ ٱلۡحَيَّ مِنَ ٱلۡمَيِّتِ وَيُخۡرِجُ ٱلۡمَيِّتَ مِنَ ٱلۡحَيِّ
وَيُحۡيِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَاۚ وَكَذَٰلِكَ تُخۡرَجُونَ ١٩

20. Và trong các dấu hiệu của (Allah) là Ngài đã tạo các ngươi từ đất bụi, rồi sau đó các ngươi trở thành những người phàm sống rải rác khắp nơi.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦٓ أَنۡ خَلَقَكُم مِّن تُرَابٖ ثُمَّ إِذَآ أَنتُم
بَشَرٞ تَنتَشِرُونَ ٢٠

21. Và trong các dấu hiệu của (Allah) là Ngài đã tạo cho các ngươi từ bản thân các ngươi những người vợ để các ngươi chung sống yên bình với họ và Ngài đã đặt giữa các ngươi tình yêu thương và lòng bao dung. Trong sự việc đó quả thật là những dấu hiệu dành cho đám người biết suy ngẫm.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦٓ أَنۡ خَلَقَ لَكُم مِّنۡ أَنفُسِكُمۡ أَزۡوَٰجٗا
لِّتَسۡكُنُوٓاْ إِلَيۡهَا وَجَعَلَ بَيۡنَكُم مَّوَدَّةٗ وَرَحۡمَةًۚ إِنَّ فِي
ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ٢١

22. Và trong các dấu hiệu của (Allah) là việc tạo hóa các tầng trời, trái đất cũng như sự khác biệt ngôn ngữ và màu da của các ngươi. Trong sự việc đó quả thật là các dấu hiệu cho những người hiểu biết.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦ خَلۡقُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَٱخۡتِلَٰفُ
أَلۡسِنَتِكُمۡ وَأَلۡوَٰنِكُمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ
لِّلۡعَٰلِمِينَ ٢٢

23. Và trong các dấu hiệu của (Allah) là giấc ngủ của các ngươi vào ban đêm cũng như ban ngày và việc các ngươi tìm kiếm thiên ân của Ngài. Trong sự việc đó quả thật là các dấu hiệu cho đám người biết lắng nghe.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦ مَنَامُكُم بِٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ وَٱبۡتِغَآؤُكُم
مِّن فَضۡلِهِۦٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَسۡمَعُونَ ٢٣

24. Và trong các dấu hiệu của (Allah) là Ngài làm cho các ngươi thấy tia chớp (để các ngươi) vừa lo sợ (sấm sét) vừa mong muốn (được mưa); và Ngài ban nước mưa từ trên trời xuống làm sống lại mảnh đất đã chết khô. Trong sự việc đó quả thật là những dấu hiệu cho đám người thông hiểu.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦ يُرِيكُمُ ٱلۡبَرۡقَ خَوۡفٗا وَطَمَعٗا وَيُنَزِّلُ
مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَيُحۡيِۦ بِهِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَآۚ إِنَّ
فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ٢٤

25. Và trong các dấu hiệu của (Allah) là bầu trời và trái đất đứng vững theo lệnh của Ngài; rồi khi Ngài gọi các ngươi bằng một tiếng Gọi duy nhất (vào Ngày Phục Sinh) thì các ngươi sẽ từ trong đất bước ra (để chịu sự xét xử và thưởng phạt của Ngài).

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦٓ أَن تَقُومَ ٱلسَّمَآءُ وَٱلۡأَرۡضُ بِأَمۡرِهِۦۚ ثُمَّ
إِذَا دَعَاكُمۡ دَعۡوَةٗ مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ إِذَآ أَنتُمۡ تَخۡرُجُونَ ٢٥

26. Tất cả những ai trong các tầng trời và trái đất đều là tạo vật của (Allah). Tất cả đều qui phục (mệnh lệnh của) Ngài.

وَلَهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ كُلّٞ لَّهُۥ قَٰنِتُونَ ٢٦

27. (Allah) là Đấng bắt đầu việc tạo hóa rồi Ngài sẽ tái lập nó và điều đó đối với Ngài rất đơn giản, và Ngài tối cao bên trên tất cả mọi thứ trong các tầng trời và trái đất. Quả thật, Ngài là Đấng Quyền Năng, Đấng Sáng Suốt.

وَهُوَ ٱلَّذِي يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥ وَهُوَ أَهۡوَنُ
عَلَيۡهِۚ وَلَهُ ٱلۡمَثَلُ ٱلۡأَعۡلَىٰ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَهُوَ
ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٢٧

28. (Allah) đưa ra hình ảnh thí dụ từ bản thân các ngươi (những kẻ thờ đa thần). Lẽ nào các ngươi hài lòng cho những kẻ nô lệ của các ngươi cùng san sẻ với các ngươi tài sản mà TA đã ban cấp cho các ngươi? Các ngươi sợ sự ngang bằng đó giống như các ngươi sợ sự ngang

ضَرَبَ لَكُم مَّثَلٗا مِّنۡ أَنفُسِكُمۡۖ هَل لَّكُم مِّن
مَّا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُم مِّن شُرَكَآءَ فِي مَا رَزَقۡنَٰكُمۡ

bằng giữa các ngươi (những kẻ làm chủ) với nhau ư. Như thế đấy, TA giải thích rõ các lời mặc khải (của TA) cho đám người thông hiểu.

فَأَنتُمۡ فِيهِ سَوَآءٞ تَخَافُونَهُمۡ كَخِيفَتِكُمۡ أَنفُسَكُمۡۚ كَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ٢٨

29. Không, những kẻ làm điều sai quấy đã chạy theo những dục vọng của bản thân một cách không hiểu biết. Vậy, ai sẽ hướng dẫn kẻ đã bị Allah làm cho lầm lạc?! Chắc chắn (những kẻ lầm lạc đó) sẽ không có ai giúp đỡ.

بَلِ ٱتَّبَعَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ أَهۡوَآءَهُم بِغَيۡرِ عِلۡمٖۖ فَمَن يَهۡدِي مَنۡ أَضَلَّ ٱللَّهُۖ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٢٩

30. Bởi thế, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy hướng mặt mình về tôn giáo thuần túy (chỉ tôn thờ một mình Allah), Fit-rah (tôn giáo tự nhiên)(3) của Allah, tôn giáo mà theo đó Ngài đã tạo ra loài người, không có bất cứ sự thay đổi nào trong tạo hóa của Allah. Đó là chính đạo nhưng đa số nhân loại không biết.[1]

فَأَقِمۡ وَجۡهَكَ لِلدِّينِ حَنِيفٗاۚ فِطۡرَتَ ٱللَّهِ ٱلَّتِي فَطَرَ ٱلنَّاسَ عَلَيۡهَاۚ لَا تَبۡدِيلَ لِخَلۡقِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ ٱلدِّينُ ٱلۡقَيِّمُ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٠

31. Các ngươi hãy quay về sám hối với (Allah), các ngươi hãy kính sợ Ngài, hãy chu đáo duy trì lễ nguyện Salah và chớ đừng trở thành những kẻ thờ đa thần.

۞مُنِيبِينَ إِلَيۡهِ وَٱتَّقُوهُ وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَلَا تَكُونُواْ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٣١

32. (Và các ngươi chớ đừng trở thành) những kẻ đã thay đổi tôn giáo và chia rẽ thành những nhánh phái; mỗi nhánh phái vui vầy với điều (sai trái và ngụy tạo) của mình.

مِنَ ٱلَّذِينَ فَرَّقُواْ دِينَهُمۡ وَكَانُواْ شِيَعٗاۖ كُلُّ حِزۡبِۭ بِمَا لَدَيۡهِمۡ فَرِحُونَ ٣٢

33. Con người khi gặp hoạn nạn thì cầu nguyện Thượng Đế của họ, họ thực sự quay về ăn năn sám hối với Ngài. Tuy nhiên, khi Thượng Đế của họ cho họ nếm mùi khoan dung từ nơi Ngài thì một nhóm trong số họ lại tổ hợp những thần linh khác cùng với Ngài.

وَإِذَا مَسَّ ٱلنَّاسَ ضُرّٞ دَعَوۡاْ رَبَّهُم مُّنِيبِينَ إِلَيۡهِ ثُمَّ إِذَآ أَذَاقَهُم مِّنۡهُ رَحۡمَةً إِذَا فَرِيقٞ مِّنۡهُم بِرَبِّهِمۡ يُشۡرِكُونَ ٣٣

34. (Họ làm như thế) là để phủ nhận những Ân huệ mà TA đã ban cho họ. Thế nên, các ngươi cứ hãy hưởng thụ (những thứ tạm bợ của cuộc sống trần tục này), rồi đây (vào Ngày Phán Xét) các ngươi sẽ sớm biết.

لِيَكۡفُرُواْ بِمَآ ءَاتَيۡنَٰهُمۡۚ فَتَمَتَّعُواْ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٣٤

35. Hoặc lẽ nào TA (Allah) đã ban xuống một thẩm quyền nào đó cho họ để rồi họ (có thể mạnh dạn) nói về việc tổ hợp những đối tác ngang vai cùng với Ngài?

أَمۡ أَنزَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ سُلۡطَٰنٗا فَهُوَ يَتَكَلَّمُ بِمَا كَانُواْ بِهِۦ يُشۡرِكُونَ ٣٥

36. Con người, khi TA (Allah) cho họ nếm lấy sự nhân từ (của TA) thì họ mừng hớn hở, còn khi họ gặp điều xấu do chính bàn tay của họ đã gây ra trước kia thì họ lại tuyệt vọng.

وَإِذَآ أَذَقۡنَا ٱلنَّاسَ رَحۡمَةٗ فَرِحُواْ بِهَاۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ سَيِّئَةُۢ بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡ إِذَا هُمۡ يَقۡنَطُونَ ٣٦

[1] (3) Fit-rah (tôn giáo tự nhiên) có nghĩa là chỉ thần phục và tôn thờ một mình Allah, cho nên Fit-rah suy cho cùng chính là tôn giáo Islam. Thiên Sứ của Allah nói: "Mỗi đứa trẻ sinh ra đời đều theo Fit-rah (tôn giáo tự nhiên) nhưng cha mẹ của nó dắt nó theo Do Thái giáo hoặc Thiên Chúa giáo hoặc Bái Hỏa giáo" (Al-Bukhari).

37. Lẽ nào họ không biết việc Allah muốn nới rộng hay thu hẹp bổng lộc của Ngài đối với ai là tùy ý Ngài hay sao? Quả thật, trong sự việc đó là các dấu hiệu cho đám người có đức tin.

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُۚ
إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٣٧

38. Bởi thế, ngươi (hỡi người Muslim) hãy trao cho bà con ruột thịt, người khó khăn và kẻ lỡ đường quyền lợi của họ. Đó là điều tốt đẹp cho những ai muốn tìm sự hài lòng của Allah; và những người đó là những người thành công.

فَـَٔاتِ ذَا ٱلۡقُرۡبَىٰ حَقَّهُۥ وَٱلۡمِسۡكِينَ وَٱبۡنَ ٱلسَّبِيلِۚ
ذَٰلِكَ خَيۡرٞ لِّلَّذِينَ يُرِيدُونَ وَجۡهَ ٱللَّهِۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٣٨

39. Những gì các ngươi đưa cho (ai đó) dưới hình thức Riba (cho vay lấy lãi) với mục đích gia tăng phần lộc (của mình) trong tài sản của thiên hạ thì chắc chắn các ngươi sẽ chẳng được điều gì ở nơi Allah. Ngược lại, những gì các ngươi đưa cho (ai đó) dưới hình thức Zakah chỉ mong muốn làm hài lòng Allah (chứ không mong gì khác từ thiên hạ) thì các ngươi chính là những người sẽ được Ngài nhân thêm phần ân thưởng.

وَمَآ ءَاتَيۡتُم مِّن رِّبٗا لِّيَرۡبُوَاْ فِيٓ أَمۡوَٰلِ ٱلنَّاسِ فَلَا
يَرۡبُواْ عِندَ ٱللَّهِۖ وَمَآ ءَاتَيۡتُم مِّن زَكَوٰةٖ تُرِيدُونَ وَجۡهَ
ٱللَّهِ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُضۡعِفُونَ ٣٩

40. Allah là Đấng đã tạo hóa ra các ngươi, rồi Ngài cung dưỡng các ngươi, rồi Ngài làm cho các ngươi chết, sau đó Ngài làm cho các ngươi sống trở lại. Vậy, trong số những thần linh của các ngươi, ai có khả năng làm được ít nhất một điều trong những điều vừa nêu? Quả thật, (Allah) trong sạch và tối cao vượt trên tất cả mọi thứ mà (những kẻ thờ đa thần) đã tổ hợp với Ngài.

ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَكُمۡ ثُمَّ رَزَقَكُمۡ ثُمَّ يُمِيتُكُمۡ ثُمَّ
يُحۡيِيكُمۡۖ هَلۡ مِن شُرَكَآئِكُم مَّن يَفۡعَلُ مِن
ذَٰلِكُم مِّن شَيۡءٖۚ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا
يُشۡرِكُونَ ٤٠

41. Sự hủy hoại và tai ương xảy ra khắp mọi nơi trên đất liền và ngoài biển cả đều là hậu quả do bàn tay con người. (Allah) cho họ nếm một số hậu quả mà họ đã gây ra mong rằng họ biết tỉnh ngộ mà quay đầu.

ظَهَرَ ٱلۡفَسَادُ فِي ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ بِمَا كَسَبَتۡ أَيۡدِي
ٱلنَّاسِ لِيُذِيقَهُم بَعۡضَ ٱلَّذِي عَمِلُواْ لَعَلَّهُمۡ
يَرۡجِعُونَ ٤١

42. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với (những kẻ thờ đa thần): “Các ngươi hãy đi chu du khắp nơi trên trái đất để xem kết cuộc của những kẻ đã sống trước đây. Đa số bọn họ là những kẻ thờ đa thần.”

قُلۡ سِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلُۚ كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّشۡرِكِينَ ٤٢

43. Do đó, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy hướng mặt mình về tôn giáo ngay chính trước khi xảy ra cái Ngày không thể tránh khỏi từ nơi Allah. Vào Ngày đó, thiên hạ sẽ bị tách ra làm hai, (một nhóm sẽ ở nơi Thiên Đàng và một nhóm sẽ bị đày vào Hỏa Ngục).

فَأَقِمۡ وَجۡهَكَ لِلدِّينِ ٱلۡقَيِّمِ مِن قَبۡلِ أَن يَأۡتِيَ يَوۡمٞ لَّا
مَرَدَّ لَهُۥ مِنَ ٱللَّهِۖ يَوۡمَئِذٖ يَصَّدَّعُونَ ٤٣

44. Ai không có đức tin thì sẽ gánh chịu hậu quả cho sự vô đức tin đó của mình; còn ai (có đức tin) và hành thiện là tự chuẩn bị cho mình một chỗ cư ngụ tốt (nơi Thiên Đàng).

مَن كَفَرَ فَعَلَيۡهِ كُفۡرُهُۥۖ وَمَنۡ عَمِلَ صَٰلِحٗا
فَلِأَنفُسِهِمۡ يَمۡهَدُونَ ٤٤

45. (Allah muốn) ban thưởng cho những người có đức tin và hành thiện từ hồng phúc và thiên ân của Ngài. Quả thật, Ngài không yêu thương đám người vô đức tin.

لِيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِن
فَضۡلِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٤٥

46. Và trong các dấu hiệu của (Allah) là Ngài gởi những luồng gió bay đi trước như điềm báo tin mừng, để cho các ngươi nếm mùi Nhân Từ của Ngài, để cho những chiếc tàu buồm lướt sóng theo lệnh của Ngài và để cho các ngươi tìm kiếm thiên lộc của Ngài, với hi vọng các ngươi biết tạ ơn Ngài.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦٓ أَن يُرۡسِلَ ٱلرِّيَاحَ مُبَشِّرَٰتٖ
وَلِيُذِيقَكُم مِّن رَّحۡمَتِهِۦ وَلِتَجۡرِيَ ٱلۡفُلۡكُ بِأَمۡرِهِۦ
وَلِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦ وَلَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٤٦

47. Quả thật, TA (Allah) đã cử phái các Sứ Giả trước Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đến với người dân của Họ. Họ đã đến gặp người dân với những bằng chứng rõ rệt, (nhưng đám dân của Họ đã phủ nhận Họ) nên TA trừng phạt những kẻ tội lỗi. Tuy nhiên, TA phải có trách nhiệm giúp đỡ những người có đức tin.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ رُسُلًا إِلَىٰ قَوۡمِهِمۡ فَجَآءُوهُم
بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَٱنتَقَمۡنَا مِنَ ٱلَّذِينَ أَجۡرَمُواْۖ وَكَانَ حَقًّا
عَلَيۡنَا نَصۡرُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٤٧

48. Allah là Đấng gởi các cơn gió bay đi lùa các đám mây di chuyển rồi trải nó rộng trên bầu trời theo ý muốn của Ngài và đập nó tan vụn ra; rồi ngươi (hỡi người quan sát) sẽ thấy nước mưa từ giữa (các đám mây đó) rơi xuống; rồi khi Ngài cho mưa rơi nhằm phải ai trong đám bề tôi của Ngài mà Ngài muốn thì họ vui mừng.

ٱللَّهُ ٱلَّذِي يُرۡسِلُ ٱلرِّيَٰحَ فَتُثِيرُ سَحَابٗا فَيَبۡسُطُهُۥ فِي
ٱلسَّمَآءِ كَيۡفَ يَشَآءُ وَيَجۡعَلُهُۥ كِسَفٗا فَتَرَى ٱلۡوَدۡقَ
يَخۡرُجُ مِنۡ خِلَٰلِهِۦۖ فَإِذَآ أَصَابَ بِهِۦ مَن يَشَآءُ مِنۡ
عِبَادِهِۦٓ إِذَا هُمۡ يَسۡتَبۡشِرُونَ ٤٨

49. Và trước khi mưa được ban xuống cho họ thì họ đã trở nên tuyệt vọng (trong sự mong đợi nó).

وَإِن كَانُواْ مِن قَبۡلِ أَن يُنَزَّلَ عَلَيۡهِم مِّن قَبۡلِهِۦ
لَمُبۡلِسِينَ ٤٩

50. Bởi thế, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nhìn xem chứng tích của lòng nhân từ của Allah về việc Ngài làm sống lại mảnh đất chết khô như thế nào. Đó quả thật là bằng chứng cho việc phục sinh người chết, bởi vì Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ.

فَٱنظُرۡ إِلَىٰٓ ءَاثَٰرِ رَحۡمَتِ ٱللَّهِ كَيۡفَ يُحۡيِ ٱلۡأَرۡضَ
بَعۡدَ مَوۡتِهَآۚ إِنَّ ذَٰلِكَ لَمُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٥٠

51. Nếu TA gởi một luồng gió đến, họ thấy hoa màu héo vàng thì họ vong ơn sau đó.

وَلَئِنۡ أَرۡسَلۡنَا رِيحٗا فَرَأَوۡهُ مُصۡفَرّٗا لَّظَلُّواْ مِنۢ بَعۡدِهِۦ
يَكۡفُرُونَ ٥١

52. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) chắc chắn không thể làm cho người chết nghe được và cũng không thể làm cho người điếc nghe tiếng gọi khi họ đã quay lưng bỏ đi.

فَإِنَّكَ لَا تُسۡمِعُ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَلَا تُسۡمِعُ ٱلصُّمَّ ٱلدُّعَآءَ إِذَا
وَلَّوۡاْ مُدۡبِرِينَ ٥٢

53. Ngươi cũng không thể hướng dẫn người mù ra khỏi tình trạng lầm lạc của họ. Ngươi chỉ có thể làm cho người có đức tin nơi những Lời mặc khải của TA nghe được mà thôi, bởi họ là những người Muslim (thần phục TA).

وَمَآ أَنتَ بِهَٰدِ ٱلۡعُمۡيِ عَن ضَلَٰلَتِهِمۡۖ إِن تُسۡمِعُ إِلَّا
مَن يُؤۡمِنُ بِـَٔايَٰتِنَا فَهُم مُّسۡلِمُونَ ٥٣

54. Allah là Đấng đã tạo hóa ra các ngươi (hỡi nhân loại) từ cái yếu ớt (tinh dịch), rồi sau đó từ cái yếu ớt (trẻ thơ) Ngài ban cho sức mạnh, rồi sau đó từ sức mạnh Ngài làm cho các ngươi trở lại yếu ớt và già nua. Ngài tạo hóa bất cứ thứ gì Ngài muốn và Ngài là Đấng Hằng Biết, Đấng Toàn Năng.

۞ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَكُم مِّن ضَعۡفٖ ثُمَّ جَعَلَ مِنۢ
بَعۡدِ ضَعۡفٖ قُوَّةٗ ثُمَّ جَعَلَ مِنۢ بَعۡدِ قُوَّةٖ ضَعۡفٗا
وَشَيۡبَةٗۚ يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُۚ وَهُوَ ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡقَدِيرُ ﴿٥٤﴾

55. Vào Ngày mà Giờ Tận Thế được thiết lập, những kẻ tội lỗi sẽ thề thốt rằng họ đã ở (trong cõi mộ) chỉ một thời khắc ngắn ngủi mà thôi. Cũng như thế, họ đã ngoảnh mặt với chân lý (lúc còn trên thế gian).

وَيَوۡمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ يُقۡسِمُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ مَا لَبِثُواْ غَيۡرَ
سَاعَةٖۚ كَذَٰلِكَ كَانُواْ يُؤۡفَكُونَ ﴿٥٥﴾

56. Riêng những người đã được ban cho sự hiểu biết và đức tin thì sẽ nói: “Quả thật các người đã ở lại (nơi cõi mộ) cho đến Ngày Phục Sinh chiếu theo Kinh Sách của Allah. Bởi thế, đây là Ngày Phục Sinh nhưng các người không biết.”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ وَٱلۡإِيمَٰنَ لَقَدۡ لَبِثۡتُمۡ فِي
كِتَٰبِ ٱللَّهِ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡبَعۡثِۖ فَهَٰذَا يَوۡمُ ٱلۡبَعۡثِ
وَلَٰكِنَّكُمۡ كُنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ﴿٥٦﴾

57. Vào Ngày đó, mọi lý lẽ chạy tội của những kẻ tội lỗi đều không giúp ích gì được cho họ và họ cũng sẽ không được cho phép ăn năn sám hối.

فَيَوۡمَئِذٖ لَّا يَنفَعُ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مَعۡذِرَتُهُمۡ وَلَا هُمۡ
يُسۡتَعۡتَبُونَ ﴿٥٧﴾

58. Quả thật, TA (Allah) đã trình bày cho con người trong Qur’an này đủ loại hình ảnh thí dụ; tuy nhiên, cho dù Ngươi (hỡi Thiên Sứ) có mang đến cho họ bất cứ dấu hiệu nào thì chắc chắn những kẻ vô đức tin sẽ nói: “Các ngươi thực sự chỉ là những kẻ bịa chuyện mà thôi.”

وَلَقَدۡ ضَرَبۡنَا لِلنَّاسِ فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ مِن كُلِّ مَثَلٖۚ
وَلَئِن جِئۡتَهُم بِـَٔايَةٖ لَّيَقُولَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِنۡ أَنتُمۡ
إِلَّا مُبۡطِلُونَ ﴿٥٨﴾

59. Như thế đó, Allah niêm kín trái tim của những kẻ thiếu hiểu biết.

كَذَٰلِكَ يَطۡبَعُ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِ ٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٥٩﴾

60. Cho nên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy kiên nhẫn bởi Lời Hứa của Allah chắc chắn là thật. Và Ngươi chớ để cho những kẻ không có đức tin vững chắc làm cho Ngươi ngã lòng (trở nên hấp tấp và không kiên nhẫn).

فَٱصۡبِرۡ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞۖ وَلَا يَسۡتَخِفَّنَّكَ ٱلَّذِينَ لَا
يُوقِنُونَ ﴿٦٠﴾

Luqman (Nhà Hiền Nhân Luqman) لقمان

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. La-m. Mi-m.

الٓمٓ ١

2. Đây là những câu của Kinh Sách chí minh (Qur'an).

تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡحَكِيمِ ٢

3. Là nguồn Chỉ Đạo và là một Hồng Ân dành cho những người làm tốt.

هُدٗى وَرَحۡمَةٗ لِّلۡمُحۡسِنِينَ ٣

4. (Đó là) những người chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, xuất Zakah và có đức tin kiên định nơi cõi Đời Sau.

ٱلَّذِينَ يُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُم بِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ يُوقِنُونَ ٤

5. Họ là những người theo đúng nguồn chỉ đạo từ Thượng Đế của họ và họ là những người thành đạt.

أُوْلَٰٓئِكَ عَلَىٰ هُدٗى مِّن رَّبِّهِمۡۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٥

6. Trong nhân loại, có kẻ đã mua bán lời giải trí hầu lôi kéo những người thiếu hiểu biết lạc xa khỏi con đường của Allah, họ chọn đó làm cách phỉ báng chính đạo của Ngài. Đó là những kẻ sẽ phải gánh chịu sự trừng phạt nhục nhã.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَشۡتَرِي لَهۡوَ ٱلۡحَدِيثِ لِيُضِلَّ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ بِغَيۡرِ عِلۡمٖ وَيَتَّخِذَهَا هُزُوًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ عَذَابٞ مُّهِينٞ ٦

7. Khi những lời mặc khải của TA được đọc cho y nghe thì y quay lưng bỏ đi với dáng điệu cao ngạo làm như thể y chẳng hề nghe thấy gì, như thể hai tai của y bị điếc. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy báo cho y biết về một sự trừng phạt đau đớn.

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِ ءَايَٰتُنَا وَلَّىٰ مُسۡتَكۡبِرٗا كَأَن لَّمۡ يَسۡمَعۡهَا كَأَنَّ فِيٓ أُذُنَيۡهِ وَقۡرٗاۖ فَبَشِّرۡهُ بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ٧

8. Những ai có đức tin và hành thiện chắc chắn sẽ được hưởng Thiên Đàng hạnh phúc.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمۡ جَنَّٰتُ ٱلنَّعِيمِ ٨

9. Họ sẽ sống trong đó mãi mãi. Lời Hứa của Allah là sự thật; và Ngài là Đấng Quyền Năng, Đấng Chí Minh.

خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٗاۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٩

10. Ngài đã khởi tạo các tầng trời không cần trụ chống đỡ như các ngươi đang nhìn thấy và Ngài đã cắm lên trên mặt đất những quả núi kiên cố, sợ trái đất sẽ rung chuyển với các ngươi và Ngài đã rải khắp nơi trên trái đất vô số động vật. Và TA (Allah) đã trút nước mưa từ trên trời xuống để TA cho mọc ra trên nó vô số loại cỏ cây quí giá, từng cặp và từng cặp.

خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ بِغَيۡرِ عَمَدٖ تَرَوۡنَهَاۖ وَأَلۡقَىٰ فِي ٱلۡأَرۡضِ رَوَٰسِيَ أَن تَمِيدَ بِكُمۡ وَبَثَّ فِيهَا مِن كُلِّ دَآبَّةٖۚ وَأَنزَلۡنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَنۢبَتۡنَا فِيهَا مِن كُلِّ زَوۡجٖ كَرِيمٍ ١٠

11. Đây là sự tạo hóa của Allah. Vậy các ngươi (hỡi những kẻ thờ đa thần) hãy cho TA xem đâu là tạo vật mà những thần linh (các ngươi thờ phượng) ngoài Ngài đã tạo? Không, những kẻ sai quấy đang lầm lạc rõ ràng.

هَٰذَا خَلۡقُ ٱللَّهِ فَأَرُونِي مَاذَا خَلَقَ ٱلَّذِينَ مِن دُونِهِۦۚ بَلِ ٱلظَّٰلِمُونَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ١١

12. Quả thật, TA đã ban cho Luqman sự khôn ngoan, TA phán bảo: "Ngươi hãy tạ ơn Allah, bởi ai biết ơn thì thật ra y chỉ biết ơn chính bản thân mình; còn ai vô ơn thì (sự vô ơn đó không hề ảnh hưởng đến Allah) vì quả thật Ngài là Đấng Giàu Có, Đấng Đáng Được Ca Tụng."

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا لُقۡمَٰنَ ٱلۡحِكۡمَةَ أَنِ ٱشۡكُرۡ لِلَّهِۚ وَمَن يَشۡكُرۡ فَإِنَّمَا يَشۡكُرُ لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن كَفَرَ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَنِيٌّ حَمِيدٞ ١٢

13. Ngươi (hỡi Thiên Sứ, hãy nhớ lại) khi Luqman răn dạy con trai, bảo: "Này con yêu của cha, con chớ tổ hợp thần linh cùng với Allah trong thờ phượng, quả thật, hành động tổ hợp là sai trái nghiêm trọng."

وَإِذۡ قَالَ لُقۡمَٰنُ لِٱبۡنِهِۦ وَهُوَ يَعِظُهُۥ يَٰبُنَيَّ لَا تُشۡرِكۡ بِٱللَّهِۖ إِنَّ ٱلشِّرۡكَ لَظُلۡمٌ عَظِيمٞ ١٣

14. TA (Allah) đã truyền lệnh cho con người phải hiếu thảo với cha mẹ. Mẹ của y đã cưu mang y từ đau yếu này chồng lên đau yếu khác và cho y bú sữa và dứt sữa y trong thời gian hai năm. Do đó, (hỡi con người,) ngươi hãy tạ ơn TA và biết ơn cha mẹ của ngươi, bởi chắc chắn ngươi sẽ trở về trình diện TA.

وَوَصَّيۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ بِوَٰلِدَيۡهِ حَمَلَتۡهُ أُمُّهُۥ وَهۡنًا عَلَىٰ وَهۡنٖ وَفِصَٰلُهُۥ فِي عَامَيۡنِ أَنِ ٱشۡكُرۡ لِي وَلِوَٰلِدَيۡكَ إِلَيَّ ٱلۡمَصِيرُ ١٤

15. Nếu cha mẹ của ngươi đấu tranh bắt ngươi làm điều Shirk với TA với những gì mà ngươi không biết thì ngươi chớ nghe theo hai người họ, tuy nhiên, ngươi vẫn phải ăn ở tử tế với họ ở đời này. Ngươi hãy đi theo đường lối của những ai quay về với TA. Rồi đây, tất cả các ngươi đều quay về trình diện TA, và TA sẽ cho các ngươi biết mọi việc các ngươi đã từng làm.

وَإِن جَٰهَدَاكَ عَلَىٰٓ أَن تُشۡرِكَ بِي مَا لَيۡسَ لَكَ بِهِۦ عِلۡمٞ فَلَا تُطِعۡهُمَاۖ وَصَاحِبۡهُمَا فِي ٱلدُّنۡيَا مَعۡرُوفٗاۖ وَٱتَّبِعۡ سَبِيلَ مَنۡ أَنَابَ إِلَيَّۚ ثُمَّ إِلَيَّ مَرۡجِعُكُمۡ فَأُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٥

16. (Luqman bảo con trai): "Này con yêu của cha! Cho dù (điều xấu hoặc điều tốt) có nhỏ chỉ bằng trọng lượng của một hạt nguyên tử nằm trong đá hoặc trong các tầng trời hoặc nằm dưới lòng đất đi chăng nữa thì (vào Ngày Phục Sinh) Allah cũng sẽ mang nó ra (để Ngài xét xử và thưởng phạt). Quả thật, Allah là Đấng Tinh Thông.

يَٰبُنَيَّ إِنَّهَآ إِن تَكُ مِثۡقَالَ حَبَّةٖ مِّنۡ خَرۡدَلٖ فَتَكُن فِي صَخۡرَةٍ أَوۡ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ أَوۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ يَأۡتِ بِهَا ٱللَّهُۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَطِيفٌ خَبِيرٞ ١٦

17. “Này con yêu của cha! Con hãy chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, con hãy bảo ban kêu gọi người làm điều thiện tốt và ngăn cản người làm điều xấu. Con hãy kiên nhẫn chịu đựng trước mọi điều rủi ro xảy đến cho con bởi đó là một sự kiên quyết trong mọi sự việc.”

يَٰبُنَيَّ أَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ وَأۡمُرۡ بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَٱنۡهَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَٱصۡبِرۡ عَلَىٰ مَآ أَصَابَكَۖ إِنَّ ذَٰلِكَ مِنۡ عَزۡمِ ٱلۡأُمُورِ ١٧

18. “Con chớ vênh mặt trước mọi người và chớ bước đi với dáng vẻ kênh kiệu trên mặt đất. Quả thật, Allah không yêu thương những kẻ cao ngạo khoác lác.”

وَلَا تُصَعِّرۡ خَدَّكَ لِلنَّاسِ وَلَا تَمۡشِ فِي ٱلۡأَرۡضِ مَرَحًاۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ كُلَّ مُخۡتَالٖ فَخُورٖ ١٨

19. “Con hãy đi đứng một cách khiêm tốn, hãy dịu giọng trong lời ăn tiếng nói bởi âm thanh thực sự khó chịu và đáng ghét nhất chính là tiếng hí của con lừa.”

وَٱقۡصِدۡ فِي مَشۡيِكَ وَٱغۡضُضۡ مِن صَوۡتِكَۚ إِنَّ أَنكَرَ ٱلۡأَصۡوَٰتِ لَصَوۡتُ ٱلۡحَمِيرِ ١٩

20. Chẳng lẽ các ngươi không nhận thấy việc Allah đã chế ngự cho các ngươi mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất (để các ngươi sử dụng) và Ngài đã hoàn tất ân huệ của Ngài cho các ngươi từ bên trong lẫn bên ngoài ư? Tuy nhiên, trong nhân loại, có kẻ thích tranh luận về Allah một cách không có kiến thức, không có bất cứ chỉ đạo nào làm cơ sở cũng như không dựa vào bất cứ Kinh Sách soi sáng nào.

أَلَمۡ تَرَوۡاْ أَنَّ ٱللَّهَ سَخَّرَ لَكُم مَّا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَأَسۡبَغَ عَلَيۡكُمۡ نِعَمَهُۥ ظَٰهِرَةٗ وَبَاطِنَةٗۗ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُجَٰدِلُ فِي ٱللَّهِ بِغَيۡرِ عِلۡمٖ وَلَا هُدٗى وَلَا كِتَٰبٖ مُّنِيرٖ ٢٠

21. (Những kẻ tranh luận về Allah), khi có lời bảo họ rằng các ngươi hãy đi theo những điều Allah ban xuống thì họ nói: “Không, chúng tôi chỉ đi theo những gì chúng tôi nhìn thấy tổ tiên chúng tôi đi theo mà thôi.” Lẽ nào (họ đi theo) ngay cả khi Shaytan kêu gọi họ đến với sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục ư?

وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱتَّبِعُواْ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ قَالُواْ بَلۡ نَتَّبِعُ مَا وَجَدۡنَا عَلَيۡهِ ءَابَآءَنَآۚ أَوَلَوۡ كَانَ ٱلشَّيۡطَٰنُ يَدۡعُوهُمۡ إِلَىٰ عَذَابِ ٱلسَّعِيرِ ٢١

22. Người nào thần phục Allah và là người làm tốt (trong thờ phượng Ngài và trong hành thiện vì Ngài) thì y thực sự đã nắm lấy được sợi dây cứu rỗi vững chắc. Quả thật, kết quả của mọi sự việc đều do Allah quyết định.

۞وَمَن يُسۡلِمۡ وَجۡهَهُۥٓ إِلَى ٱللَّهِ وَهُوَ مُحۡسِنٞ فَقَدِ ٱسۡتَمۡسَكَ بِٱلۡعُرۡوَةِ ٱلۡوُثۡقَىٰۗ وَإِلَى ٱللَّهِ عَٰقِبَةُ ٱلۡأُمُورِ ٢٢

23. Người nào vô đức tin thì Ngươi (Thiên Sứ) chớ để cho sự vô đức tin của kẻ đó làm cho Ngươi buồn lòng. Rồi đây, (những kẻ vô đức tin đó) sẽ trở lại trình diện TA, và TA sẽ cho họ biết về những việc mà họ đã làm. Quả thật, Allah là Đấng biết hết mọi điều được giấu kín trong lòng.

وَمَن كَفَرَ فَلَا يَحۡزُنكَ كُفۡرُهُۥٓۚ إِلَيۡنَا مَرۡجِعُهُمۡ فَنُنَبِّئُهُم بِمَا عَمِلُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٢٣

24. TA để mặc (những kẻ vô đức tin đó) hưởng lạc chút ít (trong thế giới trần tục tạm bợ này), sau đó TA sẽ lôi bọn họ đến với sự trừng phạt khắc nghiệt.

نُمَتِّعُهُمۡ قَلِيلٗا ثُمَّ نَضۡطَرُّهُمۡ إِلَىٰ عَذَابٍ غَلِيظٖ ٢٤

25. Nếu Ngươi (Thiên Sứ) hỏi (những kẻ thờ đa thần này) rằng ai đã tạo các tầng trời và trái đất thì chắc chắn họ sẽ nói: “Allah”. (Lúc đó) Ngươi hãy nói: “Alhamdulillah!” Tuy nhiên, đa số bọn họ không biết.

وَلَئِن سَأَلۡتَهُم مَّنۡ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ لَيَقُولُنَّ
ٱللَّهُۚ قُلِ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٢٥

26. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về Allah. Quả thật, Allah là Đấng Giàu Có, Đấng Đáng Được Ca Tụng.

لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡغَنِيُّ
ٱلۡحَمِيدُ ٢٦

27. Nếu tất cả cây cối trên trái đất được dùng làm bút viết và biển cả được dùng làm mực viết và thêm bảy lần biển như thế nữa thì vẫn không sao viết hết Lời Phán của Allah. Quả thật Allah là Đấng Quyền Năng, Đấng Chí Minh.

وَلَوۡ أَنَّمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ مِن شَجَرَةٍ أَقۡلَٰمٞ وَٱلۡبَحۡرُ يَمُدُّهُۥ
مِنۢ بَعۡدِهِۦ سَبۡعَةُ أَبۡحُرٖ مَّا نَفِدَتۡ كَلِمَٰتُ ٱللَّهِۚ إِنَّ
ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٢٧

28. Việc tạo hóa cũng như việc phục sinh các ngươi (hỡi con người) chỉ giống như việc tạo ra một cá thể duy nhất mà thôi, (vô cùng đơn giản đối với Allah). Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

مَّا خَلۡقُكُمۡ وَلَا بَعۡثُكُمۡ إِلَّا كَنَفۡسٖ وَٰحِدَةٍۚ إِنَّ
ٱللَّهَ سَمِيعُۢ بَصِيرٌ ٢٨

29. Lẽ nào ngươi (hỡi con người) không nhận thấy việc Allah nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm, lẽ nào ngươi không nhận thấy việc Ngài chế ngự mặt trời và mặt trăng để mỗi vật di chuyển theo quỹ đạo riêng của nó đến một thời hạn ấn định, và lẽ nào ngươi không nhận thấy rằng Allah thông toàn tất cả mọi việc các ngươi làm?!

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يُولِجُ ٱلَّيۡلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ
فِي ٱلَّيۡلِ وَسَخَّرَ ٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَۖ كُلّٞ يَجۡرِيٓ إِلَىٰٓ
أَجَلٖ مُّسَمّٗى وَأَنَّ ٱللَّهَ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ٢٩

30. Đó là vì Allah chính là Chân Lý còn những kẻ (vật) mà họ van vái cầu nguyện ngoài Ngài chỉ là ngụy tạo; và quả thật Allah là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡحَقُّ وَأَنَّ مَا يَدۡعُونَ مِن دُونِهِ
ٱلۡبَٰطِلُ وَأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡعَلِيُّ ٱلۡكَبِيرُ ٣٠

31. Lẽ nào ngươi (hỡi con người) không nhận thấy rằng những con tàu lướt sóng vượt trùng dương là do hồng ân của Allah để Ngài cho các ngươi thấy các dấu hiệu của Ngài? Quả thật, trong sự việc đó là các dấu hiệu cho tất cả những ai biết kiên nhẫn và tri ân.

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱلۡفُلۡكَ تَجۡرِي فِي ٱلۡبَحۡرِ بِنِعۡمَتِ ٱللَّهِ
لِيُرِيَكُم مِّنۡ ءَايَٰتِهِۦٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّكُلِّ
صَبَّارٖ شَكُورٖ ٣١

32. Khi những con sóng to giống như những quả núi kéo đến bao phủ họ, họ thành tâm van vái riêng một mình Allah. Nhưng khi họ được đưa vào bờ an toàn thì trong bọn họ có kẻ trở nên lưỡng lự (giữa đức tin và vô đức tin). Quả thật, chỉ có những kẻ cao ngạo ngông cuồng mới phủ nhận những lời mặc khải của TA.

وَإِذَا غَشِيَهُم مَّوۡجٞ كَٱلظُّلَلِ دَعَوُاْ ٱللَّهَ مُخۡلِصِينَ لَهُ
ٱلدِّينَ فَلَمَّا نَجَّىٰهُمۡ إِلَى ٱلۡبَرِّ فَمِنۡهُم مُّقۡتَصِدٞۚ وَمَا
يَجۡحَدُ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَّا كُلُّ خَتَّارٖ كَفُورٖ ٣٢

33. Hỡi nhân loại! Các ngươi hãy kính sợ Thượng Đế của các ngươi và hãy sợ cái Ngày mà cha sẽ không cứu được con cái và con cái cũng sẽ không cứu được cha của mình. Lời Hứa của Allah tuyệt đối là thật. Do đó, các ngươi đừng để cuộc sống thế tục này đánh lừa các ngươi và đừng để bị đánh lừa về Allah.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱتَّقُواْ رَبَّكُمۡ وَٱخۡشَوۡاْ يَوۡمٗا لَّا يَجۡزِي
وَالِدٌ عَن وَلَدِهِۦ وَلَا مَوۡلُودٌ هُوَ جَازٍ عَن وَالِدِهِۦ
شَيۡـًٔاۚ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞۖ فَلَا تَغُرَّنَّكُمُ ٱلۡحَيَوٰةُ
ٱلدُّنۡيَا وَلَا يَغُرَّنَّكُم بِٱللَّهِ ٱلۡغَرُورُ ٣٣

34. Quả thật, chỉ một mình Allah mới biết rõ bao giờ thời khắc tận thế sẽ xảy ra. Ngài ban mưa xuống và Ngài biết những gì nằm trong các dạ con (của các bà mẹ). Không một ai biết được điều gì y sẽ kiếm được vào ngày mai, và không một ai biết được đâu là mảnh đất mà y sẽ chết. Allah thực sự là Đấng Hằng Biết, Đấng Thông Toàn.

إِنَّ ٱللَّهَ عِندَهُۥ عِلۡمُ ٱلسَّاعَةِ وَيُنَزِّلُ ٱلۡغَيۡثَ وَيَعۡلَمُ
مَا فِي ٱلۡأَرۡحَامِۖ وَمَا تَدۡرِي نَفۡسٞ مَّاذَا تَكۡسِبُ
غَدٗاۖ وَمَا تَدۡرِي نَفۡسُۢ بِأَيِّ أَرۡضٖ تَمُوتُۚ إِنَّ ٱللَّهَ
عَلِيمٌ خَبِيرُۢ ٣٤

As-Sajdah (Phủ Phục) السجدة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alif. La-m. Mi-m.

الٓمٓ ١

2. Không có gì phải hoài nghi về Thiên Kinh (Qur'an) do Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật ban xuống.

تَنزِيلُ ٱلۡكِتَٰبِ لَا رَيۡبَ فِيهِ مِن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢

3. Họ (những kẻ vô đức tin) nói rằng Y (Muhammad) đã bịa đặt ra Nó (Qur'an). Không, (Qur'an) đích thực là Chân Lý từ nơi Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) để Ngươi cảnh báo một đám dân mà trước Ngươi đã không có một người cảnh báo nào đến với họ, mong rằng họ được hướng dẫn đúng đường.

أَمۡ يَقُولُونَ ٱفۡتَرَىٰهُۚ بَلۡ هُوَ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَ لِتُنذِرَ قَوۡمٗا مَّآ أَتَىٰهُم مِّن نَّذِيرٖ مِّن قَبۡلِكَ لَعَلَّهُمۡ يَهۡتَدُونَ ٣

4. Allah là Đấng đã tạo hóa các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa chúng trong sáu ngày rồi Ngài an vị trên 'Arsh (Ngai Vương) của Ngài. (Hỡi nhân loại), ngoài Ngài, các ngươi không có bất cứ vị bảo hộ hay vị can thiệp nào. Do đó, các ngươi cần luôn ghi nhớ (rằng các ngươi phải thờ phượng Allah – Đấng đã tạo ra các ngươi và chớ thờ phượng ngoài Ngài một ai, vật gì).

ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ ثُمَّ ٱسۡتَوَىٰ عَلَى ٱلۡعَرۡشِۖ مَا لَكُم مِّن دُونِهِۦ مِن وَلِيّٖ وَلَا شَفِيعٍۚ أَفَلَا تَتَذَكَّرُونَ ٤

5. Ngài sắp đặt mọi việc từ trên trời xuống dưới đất rồi tất cả mọi việc sẽ được đưa lên trình Ngài trong một ngày mà thời gian của nó bằng một ngàn năm theo cách tính của các ngươi (hỡi con người).

يُدَبِّرُ ٱلۡأَمۡرَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ إِلَى ٱلۡأَرۡضِ ثُمَّ يَعۡرُجُ إِلَيۡهِ فِي يَوۡمٖ كَانَ مِقۡدَارُهُۥٓ أَلۡفَ سَنَةٖ مِّمَّا تَعُدُّونَ ٥

6. (Đấng sắp đặt mọi việc) đó là Đấng hằng biết điều vô hình và điều hữu hình, là Đấng Quyền Năng, Đấng Khoan Dung.

ذَٰلِكَ عَٰلِمُ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ٦

7. Ngài hoàn thiện tốt đẹp mọi thứ mà Ngài đã tạo, và Ngài đã khởi tạo con người (Adam) từ đất (một sự tạo hóa chưa từng có trước đó).

ٱلَّذِيٓ أَحۡسَنَ كُلَّ شَيۡءٍ خَلَقَهُۥۖ وَبَدَأَ خَلۡقَ ٱلۡإِنسَٰنِ مِن طِينٖ ٧

8. Rồi, Ngài tạo ra dòng dõi của (Adam) từ một loại nước (tinh dịch) đáng khinh.

ثُمَّ جَعَلَ نَسۡلَهُۥ مِن سُلَٰلَةٖ مِّن مَّآءٖ مَّهِينٖ ٨

9. Sau khi hoàn chỉnh hình thể cho (Adam), Ngài cho thổi vào cơ thể của Y linh hồn từ nơi Ngài. Ngài đã tạo ra cho các ngươi (hỡi con người) thính giác, thị giác và trái tim. (Tuy nhiên), các ngươi rất ít tri ân Ngài.

ثُمَّ سَوَّىٰهُ وَنَفَخَ فِيهِ مِن رُّوحِهِۦۖ وَجَعَلَ لَكُمُ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ وَٱلۡأَفۡـِٔدَةَۚ قَلِيلٗا مَّا تَشۡكُرُونَ ٩

10. Họ (những kẻ đa thần phủ nhận sự Phục Sinh) nói: "Lẽ nào sau khi (thân xác của) chúng tôi đã phân rã dưới lòng đất, chúng tôi sẽ được tạo hóa mới trở lại ư? (Điều đó thật không hợp lý, có vẻ hoang đường)" Không, họ chỉ phủ nhận việc gặp gỡ Thượng Đế của họ mà thôi.

وَقَالُوٓاْ أَءِذَا ضَلَلۡنَا فِي ٱلۡأَرۡضِ أَءِنَّا لَفِي خَلۡقٖ جَدِيدِۭۚ بَلۡ هُم بِلِقَآءِ رَبِّهِمۡ كَٰفِرُونَ ١٠

11. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với họ: "Thần Chết, vị được giao nhiệm vụ (bắt hồn) các ngươi, sẽ rút hồn các ngươi, rồi các ngươi sẽ được đưa về trình diện Thượng Đế của các ngươi."

۞قُلۡ يَتَوَفَّىٰكُم مَّلَكُ ٱلۡمَوۡتِ ٱلَّذِي وُكِّلَ بِكُمۡ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّكُمۡ تُرۡجَعُونَ ١١

12. Giá như Ngươi (Thiên Sứ) có thể nhìn thấy tình cảnh của những kẻ tội lỗi gục đầu trước mặt Thượng Đế của họ (và van xin Ngài vào Ngày Phán Xét): "Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Bầy tôi đã thấy và đã nghe, xin Ngài cho bầy tôi trở lại trần gian lần nữa, bầy tôi quyết sẽ hành thiện, bầy tôi chắc chắn sẽ có đức tin kiên định."

وَلَوۡ تَرَىٰٓ إِذِ ٱلۡمُجۡرِمُونَ نَاكِسُواْ رُءُوسِهِمۡ عِندَ رَبِّهِمۡ رَبَّنَآ أَبۡصَرۡنَا وَسَمِعۡنَا فَٱرۡجِعۡنَا نَعۡمَلۡ صَٰلِحًا إِنَّا مُوقِنُونَ ١٢

13. Nếu muốn, TA đã ban cho tất cả linh hồn sự hướng dẫn, nhưng lời phán của TA (về những kẻ tội lỗi) phải được thể hiện đúng sự thật rằng TA sẽ nhét đầy loài Jinn và loài người vào trong Hỏa Ngục.

وَلَوۡ شِئۡنَا لَأٓتَيۡنَا كُلَّ نَفۡسٍ هُدَىٰهَا وَلَٰكِنۡ حَقَّ ٱلۡقَوۡلُ مِنِّي لَأَمۡلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنَ ٱلۡجِنَّةِ وَٱلنَّاسِ أَجۡمَعِينَ ١٣

14. (Vào Ngày Phán Xét, họ được bảo): "Các ngươi hãy nếm (hình phạt) cho những gì mà các ngươi đã lãng quên về cuộc gặp gỡ ngày hôm nay, TA (Allah) quả thật cũng đã quên các ngươi giống như thế. Thôi, các ngươi hãy nếm sự trừng phạt mãi mãi bởi những điều mà các ngươi đã làm."

فَذُوقُواْ بِمَا نَسِيتُمۡ لِقَآءَ يَوۡمِكُمۡ هَٰذَآ إِنَّا نَسِينَٰكُمۡۖ وَذُوقُواْ عَذَابَ ٱلۡخُلۡدِ بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٤

15. Người thực sự có đức tin nơi các lời mặc khải của TA chính là những người mà khi họ được nhắc về chúng thì họ liền quỳ lạy tán dương ca ngợi Thượng Đế của họ và họ sẽ không cao ngạo.

إِنَّمَا يُؤۡمِنُ بِـَٔايَٰتِنَا ٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِّرُواْ بِهَا خَرُّواْۤ سُجَّدٗاۤ وَسَبَّحُواْ بِحَمۡدِ رَبِّهِمۡ وَهُمۡ لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ۩ ١٥

16. Họ rời giường ngủ cầu nguyện Thượng Đế của họ với tâm trạng vừa lo sợ (hình phạt của Ngài) vừa ham muốn (Thiên Đàng của Ngài); và họ chi dùng bổng lộc mà TA (Allah) đã ban cấp cho họ (vào con đường chính nghĩa của TA).

تَتَجَافَىٰ جُنُوبُهُمۡ عَنِ ٱلۡمَضَاجِعِ يَدۡعُونَ رَبَّهُمۡ خَوۡفٗا وَطَمَعٗا وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ يُنفِقُونَ ١٦

17. Không một linh hồn nào biết được niềm vui sướng đã được giấu kín(1) (nơi Thiên Đàng) dùng làm phần thưởng cho họ về những việc thiện mà họ đã từng làm.[1]

فَلَا تَعۡلَمُ نَفۡسٞ مَّآ أُخۡفِيَ لَهُم مِّن قُرَّةِ أَعۡيُنٖ جَزَآءَۢ بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٧

[1] (1) Nói về những điều tốt đẹp ở nơi Thiên Đàng, Thiên Sứ của Allah nói: "Allah phán: TA đã chuẩn bị cho đám bề tôi ngoan đạo của TA những thứ chưa có cặp mắt nào từng nhìn thấy, chưa có đôi tai nào từng nghe qua và cũng chưa có trái tim người trần nào từng hình dung đến." (Hadith do Al-Bukhari ghi lại).

18. Lẽ nào người có đức tin lại giống với kẻ bất tuân?! Họ chắc chắn không ngang bằng nhau.

أَفَمَن كَانَ مُؤۡمِنٗا كَمَن كَانَ فَاسِقٗاۚ لَّا يَسۡتَوُۥنَ ١٨

19. Đối với những ai có đức tin và hành thiện thì sẽ được ban thưởng những Ngôi Vườn Thiên Đàng làm nơi cư ngụ (vĩnh hằng), một sự đãi ngộ cho những điều (thiện tốt) mà họ đã làm (trên thế gian).

أَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَلَهُمۡ جَنَّٰتُ
ٱلۡمَأۡوَىٰ نُزُلَۢا بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٩

20. Riêng những kẻ bất tuân và phạm giới thì chỗ ở của họ sẽ là Hỏa Ngục. Mỗi khi họ muốn thoát ra khỏi đó thì sẽ bị lôi vào trong trở lại và họ được bảo: “Các ngươi hãy nếm hình phạt của Hỏa Ngục, cái mà các ngươi đã phủ nhận (trên thế gian).”

وَأَمَّا ٱلَّذِينَ فَسَقُواْ فَمَأۡوَىٰهُمُ ٱلنَّارُۖ كُلَّمَآ أَرَادُوٓاْ أَن
يَخۡرُجُواْ مِنۡهَآ أُعِيدُواْ فِيهَا وَقِيلَ لَهُمۡ ذُوقُواْ عَذَابَ
ٱلنَّارِ ٱلَّذِي كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ٢٠

21. TA (Allah) chắc chắn sẽ bắt họ nếm hình phạt (trên thế gian) trước khi đến với đại hình phạt (ở cõi Đời Sau), mong rằng họ biết quay về (với Thượng Đế của họ).

وَلَنُذِيقَنَّهُم مِّنَ ٱلۡعَذَابِ ٱلۡأَدۡنَىٰ دُونَ ٱلۡعَذَابِ
ٱلۡأَكۡبَرِ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٢١

22. Còn ai sai quấy hơn kẻ quay lưng với những lời mặc khải của Thượng Đế của y khi y được nhắc về chúng! Chắc chắn TA sẽ trừng trị những kẻ tội lỗi đó.

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن ذُكِّرَ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِۦ ثُمَّ أَعۡرَضَ
عَنۡهَآۚ إِنَّا مِنَ ٱلۡمُجۡرِمِينَ مُنتَقِمُونَ ٢٢

23. Quả thật, TA đã ban cho Musa Kinh Sách (Tawrah). Do đó, Ngươi (Thiên Sứ) chớ hoài nghi về cuộc gặp gỡ Y (trong chuyến dạ hành và thăng thiên). Và TA đã làm cho (Kinh Tawrah) thành một nguồn Chỉ Đạo cho dân Israel.

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ فَلَا تَكُن فِي مِرۡيَةٖ
مِّن لِّقَآئِهِۦۖ وَجَعَلۡنَٰهُ هُدٗى لِّبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٢٣

24. TA đã bổ nhiệm trong họ (người dân Israel) làm các nhà lãnh đạo hướng dẫn thiên hạ theo Mệnh Lệnh của TA khi họ vẫn biết nhẫn nại và có đức tin kiên định nơi các lời mặc khải của TA.

وَجَعَلۡنَا مِنۡهُمۡ أَئِمَّةٗ يَهۡدُونَ بِأَمۡرِنَا لَمَّا صَبَرُواْۖ وَكَانُواْ
بِـَٔايَٰتِنَا يُوقِنُونَ ٢٤

25. Quả thật vào Ngày Tận Thế, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ xét xử giữa họ về những điều mà họ đã thường tranh chấp trong Kinh Sách.

إِنَّ رَبَّكَ هُوَ يَفۡصِلُ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُواْ
فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ٢٥

26. Chẳng lẽ việc TA đã hủy diệt bao thế hệ trước họ và họ đi (chứng kiến) các chỗ ở hoang phế đó không hướng dẫn họ ư?! Quả thật trong sự việc đó là những dấu hiệu. Lẽ nào họ không nghe?!

أَوَلَمۡ يَهۡدِ لَهُمۡ كَمۡ أَهۡلَكۡنَا مِن قَبۡلِهِم مِّنَ ٱلۡقُرُونِ
يَمۡشُونَ فِي مَسَٰكِنِهِمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٍۚ أَفَلَا
يَسۡمَعُونَ ٢٦

27. Chẳng lẽ họ không nhận thấy việc TA dẫn nước đến vùng đất khô cằn để TA làm mọc ra hoa màu và cây cỏ dùng làm thực phẩm cho gia súc của họ và cả bản thân họ nữa hay sao? Lẽ nào họ không quan sát?!

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّا نَسُوقُ ٱلۡمَآءَ إِلَى ٱلۡأَرۡضِ ٱلۡجُرُزِ
فَنُخۡرِجُ بِهِۦ زَرۡعٗا تَأۡكُلُ مِنۡهُ أَنۡعَٰمُهُمۡ وَأَنفُسُهُمۡۚ
أَفَلَا يُبۡصِرُونَ ٢٧

28. (Những kẻ phủ nhận sự Phục Sinh hối thúc sự trừng phạt) nói: “Vậy bao giờ sự trừng phạt này sẽ đến nếu các người nói thật?”	وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡفَتۡحُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٢٨
29. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Vào ngày mà sự trừng phạt xảy đến, đức tin của họ sẽ không giúp ích được gì cho họ và họ cũng sẽ không được gia hạn thêm (để có cơ hội sám hối).”	قُلۡ يَوۡمَ ٱلۡفَتۡحِ لَا يَنفَعُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِيمَٰنُهُمۡ وَلَا هُمۡ يُنظَرُونَ ٢٩
30. Bởi thế, Ngươi (Thiên Sứ) hãy mặc kệ họ và hãy đợi (xem kết cuộc của họ) và quả thật họ cũng đang đợi (sự trừng phạt được chuẩn bị dành cho họ).	فَأَعۡرِضۡ عَنۡهُمۡ وَٱنتَظِرۡ إِنَّهُم مُّنتَظِرُونَ ٣٠

Al-Ahzab (Liên Quân) الأحزاب

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hỡi Nabi (Muhammad)! Ngươi hãy kính sợ Allah và chớ nghe theo những kẻ vô đức tin và những tên giả tạo đức tin. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ ٱتَّقِ ٱللَّهَ وَلَا تُطِعِ ٱلۡكَٰفِرِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقِينَۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا حَكِيمًا ١

2. Ngươi hãy tuân theo những gì đã được mặc khải cho Ngươi từ Thượng Đế của Ngươi. Quả thật, Allah thông toàn mọi điều các ngươi làm.

وَٱتَّبِعۡ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٗا ٢

3. Và Ngươi hãy phó thác cho Allah bởi lẽ một mình Allah đã đủ làm Đấng Bảo Hộ (cho những ai phó thác cho Ngài).

وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَكِيلٗا ٣

4. Allah không đặt hai quả tim vào trong lòng của một người đàn ông. Ngài không làm cho những người vợ mà các ngươi Zhihar(1) với họ thành mẹ ruột của các ngươi. Ngài cũng không làm cho con nuôi của các ngươi thành con ruột. Đó chỉ là lời nói thốt ra từ cửa miệng của các ngươi mà thôi, còn Allah thì nói sự thật và Ngài hướng dẫn đến con đường chân chính.[1]

مَّا جَعَلَ ٱللَّهُ لِرَجُلٖ مِّن قَلۡبَيۡنِ فِي جَوۡفِهِۦۚ وَمَا جَعَلَ أَزۡوَٰجَكُمُ ٱلَّٰٓـِٔي تُظَٰهِرُونَ مِنۡهُنَّ أُمَّهَٰتِكُمۡۚ وَمَا جَعَلَ أَدۡعِيَآءَكُمۡ أَبۡنَآءَكُمۡۚ ذَٰلِكُمۡ قَوۡلُكُم بِأَفۡوَٰهِكُمۡۖ وَٱللَّهُ يَقُولُ ٱلۡحَقَّ وَهُوَ يَهۡدِي ٱلسَّبِيلَ ٤

5. Các ngươi hãy gọi (con nuôi) theo tên cha ruột của chúng, đó là cách gọi công bằng nhất đối với Allah. Nhưng nếu các ngươi không biết cha của chúng là ai thì chúng là anh em đồng đạo của các ngươi và là người bảo hộ của nhau với các ngươi trong tôn giáo. Các ngươi không có tội nếu các ngươi nhầm lẫn trong việc xưng hô này, (các ngươi chỉ bị bắt tội về) điều mà các ngươi có chủ đích trong lòng mà thôi. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

ٱدۡعُوهُمۡ لِأٓبَآئِهِمۡ هُوَ أَقۡسَطُ عِندَ ٱللَّهِۚ فَإِن لَّمۡ تَعۡلَمُوٓاْ ءَابَآءَهُمۡ فَإِخۡوَٰنُكُمۡ فِي ٱلدِّينِ وَمَوَٰلِيكُمۡۚ وَلَيۡسَ عَلَيۡكُمۡ جُنَاحٞ فِيمَآ أَخۡطَأۡتُم بِهِۦ وَلَٰكِن مَّا تَعَمَّدَتۡ قُلُوبُكُمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمًا ٥

6. Nabi (Muhammad) phải được quí mến đối với những người có đức tin hơn cả bản thân họ, và các bà vợ của Y được xem là các bà mẹ của họ. (Theo sắc lệnh của Allah) trong Kinh Sách của Ngài thì bà con ruột thịt được ưu tiên đối với nhau (về việc hưởng gia tài thừa kế) hơn so với những người có đức tin và những người Muhajir (di cư từ Makkah đến Madinah), trừ trường hợp các ngươi làm một hành động tử tế đối với những người thân thiết nhất của

ٱلنَّبِيُّ أَوۡلَىٰ بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ مِنۡ أَنفُسِهِمۡۖ وَأَزۡوَٰجُهُۥٓ أُمَّهَٰتُهُمۡۗ وَأُوْلُواْ ٱلۡأَرۡحَامِ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلَىٰ بِبَعۡضٖ فِي كِتَٰبِ ٱللَّهِ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُهَٰجِرِينَ إِلَّآ أَن تَفۡعَلُوٓاْ إِلَىٰٓ أَوۡلِيَآئِكُم مَّعۡرُوفٗاۚ كَانَ ذَٰلِكَ فِي ٱلۡكِتَٰبِ مَسۡطُورٗا ٦

[1] (1) Zhihar là một người nói với vợ của mình "Cô giống như cái lưng của mẹ tôi" ngụ ý muốn ly dị. Đây là thói quen của những người đàn ông Ả-rập thời tiền Islam (Jahiliyah) mỗi khi giận và phật ý vợ của mình.

các ngươi. Đó là mệnh lệnh được ghi trong Kinh Sách (Văn bản lưu trữ hay quyển Kinh Mẹ ở nơi Allah).

7. Ngươi (hỡi Thiên Sứ, hãy nhớ lại) khi TA (Allah) giao ước với các vị Nabi và với Ngươi, với Nuh, với Ibrahim, với Musa và với Ysa con trai của Maryam, TA đã giao ước bằng cuộc giao ước trịnh trọng.

وَإِذۡ أَخَذۡنَا مِنَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ مِيثَٰقَهُمۡ وَمِنكَ وَمِن نُّوحٖ
وَإِبۡرَٰهِيمَ وَمُوسَىٰ وَعِيسَى ٱبۡنِ مَرۡيَمَۖ وَأَخَذۡنَا مِنۡهُم
مِّيثَٰقًا غَلِيظٗا ٧

8. Để Ngài hỏi những người chân thật (các vị Nabi, các vị Thiên Sứ) về sự trung thực của họ (trong việc rao truyền Bức Thông Điệp của Allah) và Ngài đã chuẩn bị cho những kẻ vô đức tin một sự trừng phạt đau đớn.

لِّيَسۡـَٔلَ ٱلصَّٰدِقِينَ عَن صِدۡقِهِمۡۚ وَأَعَدَّ لِلۡكَٰفِرِينَ
عَذَابًا أَلِيمٗا ٨

9. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy nhớ ân huệ của Allah đã ban cho các ngươi. Khi liên quân địch kéo đến tấn công các ngươi(2), TA đã gởi một trận gió lạnh và đoàn thiên binh mà các ngươi không thể nhìn thấy đến giúp các ngươi chống lại quân địch. Quả thật, Allah thấy rõ những gì các ngươi làm.[1]

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ إِذۡ
جَآءَتۡكُمۡ جُنُودٞ فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ رِيحٗا وَجُنُودٗا لَّمۡ
تَرَوۡهَاۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرًا ٩

10. Khi (quân địch) đến tấn công các ngươi từ phía trên và cả phía dưới của các ngươi, lúc đó cặp mắt của các ngươi đảo lộn còn trái tim của các ngươi thì nhảy lên đến tận cổ (vì sợ hãi) khiến các ngươi đâm ra nghĩ xấu về Allah.

إِذۡ جَآءُوكُم مِّن فَوۡقِكُمۡ وَمِنۡ أَسۡفَلَ مِنكُمۡ وَإِذۡ
زَاغَتِ ٱلۡأَبۡصَٰرُ وَبَلَغَتِ ٱلۡقُلُوبُ ٱلۡحَنَاجِرَ وَتَظُنُّونَ
بِٱللَّهِ ٱلظُّنُونَا۠ ١٠

11. Vào thời khắc đó, những người có đức tin bị thử thách tột độ và tinh thần bị dao động dữ dội.

هُنَالِكَ ٱبۡتُلِيَ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ وَزُلۡزِلُواْ زِلۡزَالٗا شَدِيدٗا ١١

12. (Vào ngày hôm đó) những tên giả tạo đức tin và những kẻ mang chứng bệnh hoài nghi bảo: “Allah và Sứ Giả của Ngài chỉ hứa hão với chúng ta mà thôi.”

وَإِذۡ يَقُولُ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ وَٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ مَّا
وَعَدَنَا ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥٓ إِلَّا غُرُورٗا ١٢

13. Ngươi (hỡi Thiên Sứ, hãy nhớ lại) khi một nhóm trong bọn họ (những kẻ giả tạo đức tin) lên tiếng bảo (dân Madinah): “Này hỡi người dân của Yathrib! Các ngươi không thể cầm cự nổi đâu, các ngươi hãy tháo lui.” Và một nhóm khác của bọn họ đến xin phép Nabi, nói “Nhà cửa của chúng tôi bỏ ngỏ” nhưng thực chất nhà cửa của họ không bỏ ngỏ; thật ra đám người này chỉ muốn đào tẩu mà thôi.

وَإِذۡ قَالَت طَّآئِفَةٞ مِّنۡهُمۡ يَٰٓأَهۡلَ يَثۡرِبَ لَا مُقَامَ
لَكُمۡ فَٱرۡجِعُواْۚ وَيَسۡتَـٔۡذِنُ فَرِيقٞ مِّنۡهُمُ ٱلنَّبِيَّ
يَقُولُونَ إِنَّ بُيُوتَنَا عَوۡرَةٞ وَمَا هِيَ بِعَوۡرَةٍۖ إِن يُرِيدُونَ
إِلَّا فِرَارٗا ١٣

[1] (2) Vào năm thứ 5 hijr tức sau 5 năm khi Thiên Sứ Muhammad dời cư đến Madinah, liên quân gồm những người Do Thái và nhiều bộ lạc Ả-rập Makkah kéo nhau đến bao vây và tấn công Madinah. Lịch sử Islam gọi đây là Ghazwah Al-Ahzab (cuộc chiến chống lại liên quân) hay Ghazwah Al-Khandaq (trận Chiến hào).

14. Nếu quân địch tấn công bọn họ từ mọi ngõ ngách của thành phố, rồi bọn họ được yêu cầu trở lại với Shirk và sự vô đức tin nơi Allah thì chắc chắn bọn họ sẽ không ngần ngại làm điều đó và bọn họ chỉ ngập ngừng trong chốc lát mà thôi.

وَلَوۡ دُخِلَتۡ عَلَيۡهِم مِّنۡ أَقۡطَارِهَا ثُمَّ سُئِلُواْ ٱلۡفِتۡنَةَ
لَأٓتَوۡهَا وَمَا تَلَبَّثُواْ بِهَآ إِلَّا يَسِيرٗا ١٤

15. Trong khi trước đó bọn họ thực sự đã cam kết với Allah rằng bọn họ sẽ không quay lưng bỏ chạy; sự cam kết với Allah chắc chắn sẽ được mang ra hạch hỏi (trước Ngài vào Ngày Phán Xét).

وَلَقَدۡ كَانُواْ عَٰهَدُواْ ٱللَّهَ مِن قَبۡلُ لَا يُوَلُّونَ ٱلۡأَدۡبَٰرَۚ
وَكَانَ عَهۡدُ ٱللَّهِ مَسۡـُٔولٗا ١٥

16. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với bọn họ: “Nếu các ngươi đã chạy thoát được cái chết hoặc đã chạy khỏi được cảnh giết chóc thì việc bỏ chạy cũng chẳng mang lợi gì cho các ngươi cả, bởi vì các ngươi chỉ hưởng thụ được trong một chốc lát mà thôi.”

قُل لَّن يَنفَعَكُمُ ٱلۡفِرَارُ إِن فَرَرۡتُم مِّنَ ٱلۡمَوۡتِ أَوِ
ٱلۡقَتۡلِ وَإِذٗا لَّا تُمَتَّعُونَ إِلَّا قَلِيلٗا ١٦

17. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với bọn họ: “Ai sẽ là kẻ có thể che chở các ngươi khỏi Allah nếu Ngài muốn điều xấu xảy đến với các ngươi hoặc (ai sẽ cản trở) nếu Ngài muốn nhân từ với các ngươi?” Và ngoài Allah, bọn họ sẽ không tìm được bất cứ vị bảo hộ cũng như bất cứ vị cứu tinh nào.

قُلۡ مَن ذَا ٱلَّذِي يَعۡصِمُكُم مِّنَ ٱللَّهِ إِنۡ أَرَادَ
بِكُمۡ سُوٓءًا أَوۡ أَرَادَ بِكُمۡ رَحۡمَةٗۚ وَلَا يَجِدُونَ لَهُم
مِّن دُونِ ٱللَّهِ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرٗا ١٧

18. Allah chắc chắn thừa biết ai trong các ngươi đã cản trở người khác đi tham chiến và nói với những người anh em của mình: “Các người hãy đến cùng với chúng tôi!” Bọn người này chẳng đi tham chiến ngoại trừ một số rất ít.

۞قَدۡ يَعۡلَمُ ٱللَّهُ ٱلۡمُعَوِّقِينَ مِنكُمۡ وَٱلۡقَآئِلِينَ
لِإِخۡوَٰنِهِمۡ هَلُمَّ إِلَيۡنَاۖ وَلَا يَأۡتُونَ ٱلۡبَأۡسَ إِلَّا قَلِيلًا ١٨

19. Bọn họ đê tiện với các ngươi (những người có đức tin). Khi xảy ra cảnh hãi hùng (của chiến tranh) thì Ngươi sẽ thấy bọn họ dáo dác nhìn Ngươi, cặp mắt của bọn họ đảo quanh giống như cặp mắt của một kẻ thất thần sắp chết. Nhưng khi cơn nguy khốn đã qua thì bọn họ mắng nhiếc các ngươi (những người có đức tin) bằng lời lẽ thậm tệ, chỉ muốn hưởng lợi từ chiến lợi phẩm. Bọn họ là những kẻ vô đức tin nên Allah làm cho mọi việc làm của bọn họ trở thành vô nghĩa, và điều đó đối với Allah thật đơn giản và dễ dàng.

أَشِحَّةً عَلَيۡكُمۡۖ فَإِذَا جَآءَ ٱلۡخَوۡفُ رَأَيۡتَهُمۡ يَنظُرُونَ
إِلَيۡكَ تَدُورُ أَعۡيُنُهُمۡ كَٱلَّذِي يُغۡشَىٰ عَلَيۡهِ مِنَ
ٱلۡمَوۡتِۖ فَإِذَا ذَهَبَ ٱلۡخَوۡفُ سَلَقُوكُم بِأَلۡسِنَةٍ حِدَادٍ
أَشِحَّةً عَلَى ٱلۡخَيۡرِۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَمۡ يُؤۡمِنُواْ فَأَحۡبَطَ ٱللَّهُ
أَعۡمَٰلَهُمۡۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٗا ١٩

20. Bọn họ tưởng rằng liên quân (của địch) vẫn chưa rút đi. Nhưng nếu liên quân (của địch) có trở lại lần nữa thì bọn họ sẽ mong được trà trộn với những người Ả-rập du mục trong vùng sa mạc để dọ thám tình hình của các ngươi. Và cho dù bọn họ có ở cùng với các ngươi đi chăng nữa thì bọn họ cũng chỉ tham chiến cho có hình thức mà thôi.

يَحۡسَبُونَ ٱلۡأَحۡزَابَ لَمۡ يَذۡهَبُواْۖ وَإِن يَأۡتِ ٱلۡأَحۡزَابُ
يَوَدُّواْ لَوۡ أَنَّهُم بَادُونَ فِي ٱلۡأَعۡرَابِ يَسۡـَٔلُونَ عَنۡ
أَنۢبَآئِكُمۡۖ وَلَوۡ كَانُواْ فِيكُم مَّا قَٰتَلُوٓاْ إِلَّا قَلِيلٗا ٢٠

21. Quả thật các ngươi (những người có đức tin) có được ở nơi vị Thiên Sứ của Allah một tấm gương tốt đẹp. (Một tấm gương tốt đẹp đó dành) cho những ai hy vọng (điều tốt đẹp nơi) Allah và Đời Sau và cho những ai tưởng nhớ Allah thật nhiều.

لَّقَدْ كَانَ لَكُمْ فِي رَسُولِ ٱللَّهِ أُسْوَةٌ حَسَنَةٌ لِّمَن
كَانَ يَرْجُواْ ٱللَّهَ وَٱلْيَوْمَ ٱلْآخِرَ وَذَكَرَ ٱللَّهَ كَثِيرًا ٢١

22. Khi những người có đức tin nhìn thấy liên quân (của địch) thì họ nói: “Đây là điều mà Allah và Thiên Sứ của Ngài đã hứa với chúng ta, Allah và Thiên Sứ của Ngài đã nói thật.” Và (việc đối mặt với liên quân của địch) chỉ làm tăng thêm đức tin và sự thần phục của họ (đối với Allah).

وَلَمَّا رَءَا ٱلْمُؤْمِنُونَ ٱلْأَحْزَابَ قَالُواْ هَٰذَا مَا وَعَدَنَا
ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَصَدَقَ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥۚ وَمَا زَادَهُمْ إِلَّآ
إِيمَٰنًا وَتَسْلِيمًا ٢٢

23. Trong số những người có đức tin, có những người giữ đúng giao ước với Allah, có người đã hoàn tất lời hứa (đã hy sinh), có người đang chờ đợi đến lượt của mình, và họ đã thực sự không thay đổi giao ước đó.

مِّنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ رِجَالٌ صَدَقُواْ مَا عَٰهَدُواْ ٱللَّهَ عَلَيْهِۖ
فَمِنْهُم مَّن قَضَىٰ نَحْبَهُۥ وَمِنْهُم مَّن يَنتَظِرُۖ وَمَا بَدَّلُواْ
تَبْدِيلًا ٢٣

24. Allah sẽ ban thưởng cho những người thật lòng giữ trọn giao ước và Ngài sẽ trừng phạt những kẻ giả tạo đức tin; nếu muốn Ngài sẽ tha thứ cho bọn họ. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

لِّيَجْزِيَ ٱللَّهُ ٱلصَّٰدِقِينَ بِصِدْقِهِمْ وَيُعَذِّبَ
ٱلْمُنَٰفِقِينَ إِن شَآءَ أَوْ يَتُوبَ عَلَيْهِمْۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ
غَفُورًا رَّحِيمًا ٢٤

25. Allah đã đẩy lui những kẻ vô đức tin trong cơn ấm ức vì không đạt được điều tốt như mong muốn. Và một mình Allah thôi đã đủ giúp những người có đức tin chiến đấu, quả thật, Allah là Đấng Toàn Lực, Đấng Quyền Năng.

وَرَدَّ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِغَيْظِهِمْ لَمْ يَنَالُواْ خَيْرًاۚ
وَكَفَى ٱللَّهُ ٱلْمُؤْمِنِينَ ٱلْقِتَالَۚ وَكَانَ ٱللَّهُ قَوِيًّا
عَزِيزًا ٢٥

26. Ngài đã đuổi trong đám dân Kinh Sách những kẻ đã tiếp tay liên quân của địch khỏi thành lũy của bọn họ và gieo nỗi khiếp đảm vào lòng của bọn họ, một số trong bọn họ đã bị các ngươi giết và một số khác đã bị các ngươi bắt làm tù binh.

وَأَنزَلَ ٱلَّذِينَ ظَٰهَرُوهُم مِّنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ مِن
صَيَاصِيهِمْ وَقَذَفَ فِي قُلُوبِهِمُ ٱلرُّعْبَ فَرِيقًا
تَقْتُلُونَ وَتَأْسِرُونَ فَرِيقًا ٢٦

27. Ngài đã để cho các ngươi thừa hưởng đất đai, nhà cửa, tài sản của bọn họ và một phần đất đai mà các ngươi chưa đặt chân đến. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

وَأَوْرَثَكُمْ أَرْضَهُمْ وَدِيَٰرَهُمْ وَأَمْوَٰلَهُمْ وَأَرْضًا لَّمْ
تَطَـُٔوهَاۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرًا ٢٧

28. Hỡi Nabi (Muhammad)! Ngươi hãy bảo các bà vợ của Ngươi: “Nếu các nàng muốn cuộc sống trần tục này và vẻ hào nhoáng của nó thì các nàng hãy đến đây, Ta sẽ để các nàng hưởng thụ và Ta sẽ trả tự do cho các nàng một cách tốt đẹp.”

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ قُل لِّأَزْوَٰجِكَ إِن كُنتُنَّ تُرِدْنَ ٱلْحَيَوٰةَ
ٱلدُّنْيَا وَزِينَتَهَا فَتَعَالَيْنَ أُمَتِّعْكُنَّ وَأُسَرِّحْكُنَّ
سَرَاحًا جَمِيلًا ٢٨

29. “Còn nếu các nàng muốn Allah, muốn Thiên Sứ của Ngài và ngôi nhà ở Đời Sau thì quả thật Allah đã chuẩn bị cho những phụ nữ làm tốt trong các nàng một phần thưởng vĩ đại.”

وَإِن كُنتُنَّ تُرِدۡنَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَٱلدَّارَ ٱلۡأٓخِرَةَ فَإِنَّ
ٱللَّهَ أَعَدَّ لِلۡمُحۡسِنَٰتِ مِنكُنَّ أَجۡرًا عَظِيمٗا ٢٩

30. Hỡi các bà vợ của Nabi (Muhammad)! Ai trong các nữ là người đã công khai phạm điều ô uế thì sẽ bị phạt gấp đôi; và điều đó đối với Allah vô cùng đơn giản.

يَٰنِسَآءَ ٱلنَّبِيِّ مَن يَأۡتِ مِنكُنَّ بِفَٰحِشَةٖ مُّبَيِّنَةٖ
يُضَٰعَفۡ لَهَا ٱلۡعَذَابُ ضِعۡفَيۡنِۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ
يَسِيرٗا ٣٠

31. Và ai trong các ngươi (hỡi những người vợ của Thiên Sứ) là người cung kính Allah và Thiên Sứ của Ngài đồng thời hành thiện thì TA sẽ thưởng cho người đó gấp đôi và TA chuẩn bị cho người đó bổng lộc dồi dào (nơi Thiên Đàng).

۞وَمَن يَقۡنُتۡ مِنكُنَّ لِلَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَتَعۡمَلۡ صَٰلِحٗا
نُّؤۡتِهَآ أَجۡرَهَا مَرَّتَيۡنِ وَأَعۡتَدۡنَا لَهَا رِزۡقٗا كَرِيمٗا ٣١

32. Hỡi các bà vợ của Nabi (Muhammad)! Các ngươi không giống như những người phụ nữ khác. Nếu các ngươi sợ Allah thì các ngươi chớ đừng nói năng lả lơi, bởi người mang trong lòng một chứng bệnh (dâm dục) sẽ dễ phạm vào (hành vi tình dục Haram); các ngươi hãy nói năng đoan trang đứng đắn.

يَٰنِسَآءَ ٱلنَّبِيِّ لَسۡتُنَّ كَأَحَدٖ مِّنَ ٱلنِّسَآءِ إِنِ ٱتَّقَيۡتُنَّۚ
فَلَا تَخۡضَعۡنَ بِٱلۡقَوۡلِ فَيَطۡمَعَ ٱلَّذِي فِي قَلۡبِهِۦ مَرَضٞ
وَقُلۡنَ قَوۡلٗا مَّعۡرُوفٗا ٣٢

33. Các ngươi hãy ở trong nhà của mình và chớ phô trương vẻ đẹp theo lối chưng diện (của những phụ nữ) Jahiliyah (thời ngu muội tiền Islam); các ngươi hãy chu đáo duy trì lễ nguyện Salah, hãy xuất Zakah, hãy vâng lệnh Allah và Thiên Sứ của Ngài. Hỡi người nhà của (Thiên Sứ), Allah thật ra chỉ muốn xóa những thứ ô uế khỏi các ngươi cũng như Ngài chỉ muốn tẩy sạch các ngươi thành những người hoàn toàn thanh khiết.

وَقَرۡنَ فِي بُيُوتِكُنَّ وَلَا تَبَرَّجۡنَ تَبَرُّجَ ٱلۡجَٰهِلِيَّةِ
ٱلۡأُولَىٰۖ وَأَقِمۡنَ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتِينَ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَطِعۡنَ ٱللَّهَ
وَرَسُولَهُۥٓۚ إِنَّمَا يُرِيدُ ٱللَّهُ لِيُذۡهِبَ عَنكُمُ ٱلرِّجۡسَ
أَهۡلَ ٱلۡبَيۡتِ وَيُطَهِّرَكُمۡ تَطۡهِيرٗا ٣٣

34. Các ngươi (hỡi các bà vợ của Thiên Sứ) hãy ghi nhớ những điều nằm trong các lời mặc khải đã được đọc ra trong nhà của các ngươi cũng như điều khôn ngoan (Sunnah của Thiên Sứ). Quả thật, Allah là Đấng Tinh Tế, Thông Toàn.

وَٱذۡكُرۡنَ مَا يُتۡلَىٰ فِي بُيُوتِكُنَّ مِنۡ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ
وَٱلۡحِكۡمَةِۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ لَطِيفًا خَبِيرًا ٣٤

35. Quả thật, những người Muslim, nam cũng như nữ; những người có đức tin, nam cũng như nữ; những người cung kính, nam cũng như nữ; những người chân thật, nam cũng như nữ; những người kiên nhẫn, nam cũng như nữ; những người khiêm nhường, nam cũng như nữ; những người bố thí, nam cũng như nữ; những người nhịn chay, nam cũng như nữ; những người giữ bản thân không phạm các hành vi tình dục Haram, nam cũng như nữ; những người tưởng nhớ nhiều đến Allah, nam cũng như nữ; Allah đã chuẩn bị cho họ sự tha thứ và phần thưởng vĩ đại.

إِنَّ ٱلۡمُسۡلِمِينَ وَٱلۡمُسۡلِمَٰتِ وَٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ
وَٱلۡقَٰنِتِينَ وَٱلۡقَٰنِتَٰتِ وَٱلصَّٰدِقِينَ وَٱلصَّٰدِقَٰتِ
وَٱلصَّٰبِرِينَ وَٱلصَّٰبِرَٰتِ وَٱلۡخَٰشِعِينَ وَٱلۡخَٰشِعَٰتِ
وَٱلۡمُتَصَدِّقِينَ وَٱلۡمُتَصَدِّقَٰتِ وَٱلصَّٰٓئِمِينَ
وَٱلصَّٰٓئِمَٰتِ وَٱلۡحَٰفِظِينَ فُرُوجَهُمۡ وَٱلۡحَٰفِظَٰتِ

وَٱلذَّٰكِرِينَ ٱللَّهَ كَثِيرٗا وَٱلذَّٰكِرَٰتِ أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُم
مَّغۡفِرَةٗ وَأَجۡرًا عَظِيمٗا ٣٥

36. Người có đức tin thực sự, nam cũng như nữ, không phải là những người khi mà Allah và Thiên Sứ của Ngài đã quyết định việc gì thì họ lại đòi quyền được lựa chọn trong công việc của họ. Ai bất tuân Allah và Thiên Sứ của Ngài thì quả thật y đã công khai lầm lạc.

وَمَا كَانَ لِمُؤۡمِنٖ وَلَا مُؤۡمِنَةٍ إِذَا قَضَى ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥٓ
أَمۡرًا أَن يَكُونَ لَهُمُ ٱلۡخِيَرَةُ مِنۡ أَمۡرِهِمۡۗ وَمَن يَعۡصِ
ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَقَدۡ ضَلَّ ضَلَٰلٗا مُّبِينٗا ٣٦

37. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhớ lại khi Ngươi nói với người(3) mà Allah và Ngươi đã ban ân: "Con hãy giữ vợ(4) của con lại và hãy sợ Allah." Trong khi đó, Ngươi cố giấu kín trong lòng mình điều(5) mà Allah sẽ tuyên bố. Ngươi sợ thiên hạ bàn tán chê cười trong lúc Allah là Đấng mà Ngươi cần phải sợ hơn cả. Cho nên, sau khi Zaid (con trai của Harithah) đã chấm dứt hoàn toàn với vợ của y thì TA gả nữ ta cho Ngươi mục đích để những người có đức tin không gặp phải trở ngại trong việc kết hôn với những người vợ của những đứa con nuôi của mình khi chúng đã hoàn toàn chấm dứt với vợ của chúng. Và mệnh lệnh của Allah thì phải được thực thi và chấp hành.[1]

وَإِذۡ تَقُولُ لِلَّذِيٓ أَنۡعَمَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِ وَأَنۡعَمۡتَ عَلَيۡهِ
أَمۡسِكۡ عَلَيۡكَ زَوۡجَكَ وَٱتَّقِ ٱللَّهَ وَتُخۡفِي فِي نَفۡسِكَ
مَا ٱللَّهُ مُبۡدِيهِ وَتَخۡشَى ٱلنَّاسَ وَٱللَّهُ أَحَقُّ أَن
تَخۡشَىٰهُۖ فَلَمَّا قَضَىٰ زَيۡدٞ مِّنۡهَا وَطَرٗا زَوَّجۡنَٰكَهَا لِكَيۡ
لَا يَكُونَ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ حَرَجٞ فِيٓ أَزۡوَٰجِ
أَدۡعِيَآئِهِمۡ إِذَا قَضَوۡاْ مِنۡهُنَّ وَطَرٗاۚ وَكَانَ أَمۡرُ ٱللَّهِ
مَفۡعُولٗا ٣٧

38. Nabi (Muhammad) không phạm tội trong những điều Allah đã ra lệnh cho Y thi hành. Đấy là đường lối của Allah cho các thế hệ đã qua của các thời trước. Và mệnh lệnh của Allah đã được ban hành thành luật (bắt buộc phải tuân thủ).

مَّا كَانَ عَلَى ٱلنَّبِيِّ مِنۡ حَرَجٖ فِيمَا فَرَضَ ٱللَّهُ لَهُۥۖ
سُنَّةَ ٱللَّهِ فِي ٱلَّذِينَ خَلَوۡاْ مِن قَبۡلُۚ وَكَانَ أَمۡرُ ٱللَّهِ
قَدَرٗا مَّقۡدُورًا ٣٨

39. (Các vị Nabi này) là những người rao truyền thông điệp của Allah và sợ Ngài; họ không sợ bất kỳ ai trừ một mình Allah. Bởi lẽ một mình Allah thôi đã đủ xét xử và thanh toán (các việc làm của đám bầy tôi).

ٱلَّذِينَ يُبَلِّغُونَ رِسَٰلَٰتِ ٱللَّهِ وَيَخۡشَوۡنَهُۥ وَلَا
يَخۡشَوۡنَ أَحَدًا إِلَّا ٱللَّهَۗ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ حَسِيبٗا ٣٩

40. Muhammad không phải là cha của bất kỳ ai trong số những người đàn ông của các ngươi mà Y chính là vị Thiên Sứ của Allah và là vị Nabi cuối cùng. Quả thật, Allah hằng biết tất cả mọi thứ.

مَّا كَانَ مُحَمَّدٌ أَبَآ أَحَدٖ مِّن رِّجَالِكُمۡ وَلَٰكِن
رَّسُولَ ٱللَّهِ وَخَاتَمَ ٱلنَّبِيِّـۧنَۗ وَكَانَ ٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ
عَلِيمٗا ٤٠

41. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy nhớ đến Allah thật nhiều (bằng trái tim, chiếc lưỡi và việc làm của các ngươi).

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ ذِكۡرٗا كَثِيرٗا ٤١

[1] (3) Zaid con trai của Harithah. Ông đã bị bắt làm nô lệ và đã được Thiên Sứ chuộc về làm con nuôi. (4) Zaynab bint Jahsh, người em họ của Thiên Sứ. (5) Ý định cưới Zaynab sau khi Zaid bin Harithah đã ly dị với bà.

42. Các ngươi hãy tán dương Ngài vào mỗi sáng và mỗi chiều.

وَسَبِّحُوهُ بُكۡرَةٗ وَأَصِيلًا ٤٢

43. Ngài (Allah) là Đấng luôn Salawat(6) cho các ngươi và các Thiên Thần của Ngài cũng Salawat như thế, để Ngài đưa các ngươi từ nơi tối tăm ra chốn ánh sáng. Và Ngài khoan dung đối với những người có đức tin.[1]

هُوَ ٱلَّذِي يُصَلِّي عَلَيۡكُمۡ وَمَلَٰٓئِكَتُهُۥ لِيُخۡرِجَكُم
مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِۚ وَكَانَ بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ رَحِيمٗا ٤٣

44. Lời chào giữa họ (những người có đức tin) vào Ngày họ gặp được Ngài (Allah) là lời chào bằng an 'Assalam' và Ngài đã chuẩn bị cho họ một phần thưởng vinh dự (Thiên Đàng).

تَحِيَّتُهُمۡ يَوۡمَ يَلۡقَوۡنَهُۥ سَلَٰمٞۚ وَأَعَدَّ لَهُمۡ أَجۡرٗا
كَرِيمٗا ٤٤

45. Hỡi Nabi! Quả thật, TA đã cử phái Ngươi (đến với nhân loại) làm một nhân chứng, một người mang tin mừng và một người cảnh báo,

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ إِنَّآ أَرۡسَلۡنَٰكَ شَٰهِدٗا وَمُبَشِّرٗا
وَنَذِيرٗا ٤٥

46. Và làm một người kêu gọi (nhân loại) đến với Allah dưới sự ưng thuận của Ngài; và (Ngươi được cử phái đến) như một chiếc đèn soi sáng.

وَدَاعِيًا إِلَى ٱللَّهِ بِإِذۡنِهِۦ وَسِرَاجٗا مُّنِيرٗا ٤٦

47. Ngươi hãy báo tin mừng cho những người có đức tin rằng họ sẽ có được hồng phúc to lớn từ nơi Allah.

وَبَشِّرِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ بِأَنَّ لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ فَضۡلٗا كَبِيرٗا ٤٧

48. Ngươi chớ đừng nghe lời những kẻ vô đức tin cũng như những kẻ giả tạo đức tin, Ngươi cứ mặc kệ thái độ xấc xược của chúng và phó thác cho Allah; quả thật một mình Allah thôi đã đủ phò trợ (cho Ngươi).

وَلَا تُطِعِ ٱلۡكَٰفِرِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَدَعۡ أَذَىٰهُمۡ وَتَوَكَّلۡ
عَلَى ٱللَّهِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَكِيلٗا ٤٨

49. Hỡi những người có đức tin! Nếu các ngươi kết hôn với những phụ nữ có đức tin rồi ly dị họ trước khi chạm đến thân thể của họ thì các ngươi không cần phải dùng đến qui định 'Iddah (thời gian kiêng cữ) dành cho họ. Tuy nhiên, các ngươi hãy trao tặng họ một món quà và hãy trả tự do cho họ một cách tốt đẹp.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا نَكَحۡتُمُ ٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ ثُمَّ
طَلَّقۡتُمُوهُنَّ مِن قَبۡلِ أَن تَمَسُّوهُنَّ فَمَا لَكُمۡ
عَلَيۡهِنَّ مِنۡ عِدَّةٖ تَعۡتَدُّونَهَاۖ فَمَتِّعُوهُنَّ وَسَرِّحُوهُنَّ
سَرَاحٗا جَمِيلٗا ٤٩

50. Hỡi Nabi (Muhammad), quả thật TA đã qui định Halal (hợp thức hóa) cho Ngươi các bà vợ mà Ngươi đã đưa tiền cưới; những nữ nô lệ trong tay của Ngươi trong số các nữ tù binh mà Allah đã ban cho Ngươi; con gái chú bác của Ngươi, con gái người cô của Ngươi; con gái người cậu của Ngươi; con gái người dì của Ngươi đã cùng di cư (đến Madinah) với Ngươi; và riêng phụ nữ có đức tin nào tự hiến mình cho Nabi nếu Nabi muốn kết hôn với nữ ta, điều này chỉ dành riêng cho Ngươi chứ không áp dụng cho những người có đức tin khác. TA biết rõ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ إِنَّآ أَحۡلَلۡنَا لَكَ أَزۡوَٰجَكَ ٱلَّٰتِيٓ ءَاتَيۡتَ
أُجُورَهُنَّ وَمَا مَلَكَتۡ يَمِينُكَ مِمَّآ أَفَآءَ ٱللَّهُ عَلَيۡكَ
وَبَنَاتِ عَمِّكَ وَبَنَاتِ عَمَّٰتِكَ وَبَنَاتِ خَالِكَ
وَبَنَاتِ خَٰلَٰتِكَ ٱلَّٰتِي هَاجَرۡنَ مَعَكَ وَٱمۡرَأَةٗ مُّؤۡمِنَةً
إِن وَهَبَتۡ نَفۡسَهَا لِلنَّبِيِّ إِنۡ أَرَادَ ٱلنَّبِيُّ أَن

[1] (6) Salawat mang 3 ý nghĩa: Salawat của Allah dành cho đám bầy tôi của Ngài mang nghĩa là ban phúc lành, sự bằng ban và khen ngợi họ; Salawat của Thiên Thần cho con người mang nghĩa là cầu xin sự tha thứ từ nơi Allah cho họ; và Salawat của tín đồ Muslim cho Thiên Sứ mang nghĩa là cầu xin Allah ban bình an và phúc lành cho Người.

những gì mà TA đã qui định cho họ liên quan đến các bà vợ của họ cũng như những nữ tù binh nằm trong tay họ để Ngươi không gặp trở ngại (trong việc cưới vợ). Quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Khoan Dung.

يَسْتَنكِحَهَا خَالِصَةً لَّكَ مِن دُونِ ٱلْمُؤْمِنِينَۗ قَدْ
عَلِمْنَا مَا فَرَضْنَا عَلَيْهِمْ فِيٓ أَزْوَٰجِهِمْ وَمَا مَلَكَتْ
أَيْمَٰنُهُمْ لِكَيْلَا يَكُونَ عَلَيْكَ حَرَجٌۗ وَكَانَ ٱللَّهُ
غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿٥٠﴾

51. Ngươi có quyền dời (việc tiếp) người vợ nào Ngươi muốn và có quyền tiếp người vợ nào Ngươi muốn; và Ngươi cũng không bị khiển trách nếu Ngươi muốn tiếp người vợ nào mà Ngươi đã dời (lượt) của họ, như thế là để làm dịu mắt họ và để họ khỏi buồn sầu và hài lòng với những gì Ngươi đã mang đến cho tất cả họ. Quả thật, Allah biết rõ những gì nằm trong lòng của các ngươi bởi Allah là Đấng Hằng Biết, Hằng Chịu Đựng.

۞تُرْجِي مَن تَشَآءُ مِنْهُنَّ وَتُـْٔوِيٓ إِلَيْكَ مَن تَشَآءُۖ
وَمَنِ ٱبْتَغَيْتَ مِمَّنْ عَزَلْتَ فَلَا جُنَاحَ عَلَيْكَۚ ذَٰلِكَ
أَدْنَىٰٓ أَن تَقَرَّ أَعْيُنُهُنَّ وَلَا يَحْزَنَّ وَيَرْضَيْنَ بِمَآ
ءَاتَيْتَهُنَّ كُلُّهُنَّۚ وَٱللَّهُ يَعْلَمُ مَا فِي قُلُوبِكُمْۚ وَكَانَ
ٱللَّهُ عَلِيمًا حَلِيمًا ﴿٥١﴾

52. Ngươi không được phép cưới thêm vợ nữa và cũng không được thay đổi (ly dị) họ để cưới những phụ nữ khác làm vợ cho dù sắc đẹp của những phụ nữ đó có làm Ngươi thích thú đi chăng nữa, ngoại trừ nữ tù binh nào nằm trong tay Ngươi. Quả thật, Allah là Đấng Giám Sát mọi thứ.

لَّا يَحِلُّ لَكَ ٱلنِّسَآءُ مِنۢ بَعْدُ وَلَآ أَن تَبَدَّلَ بِهِنَّ مِنْ
أَزْوَٰجٍ وَلَوْ أَعْجَبَكَ حُسْنُهُنَّ إِلَّا مَا مَلَكَتْ يَمِينُكَۗ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٍ رَّقِيبًا ﴿٥٢﴾

53. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi chớ đừng tự ý vào nhà của Nabi (Muhammad) trừ phi các ngươi được mời đến dùng bữa, và (khi được mời) thì các ngươi chớ đừng đến sớm hơn khiến phải ngồi chờ đợi. Tuy nhiên, khi được mời thì các ngươi hãy vào và sau khi dùng bữa xong thì các ngươi hãy tranh thủ ra về, chớ đừng nán lại tán gẫu thêm gì. Quả thật, cách xử sự đó sẽ làm phiền Nabi và Y sẽ cảm thấy e ngại cho việc yêu cầu các ngươi ra về; nhưng Allah thì không e ngại (trong việc ra lệnh) đúng sự thật. Và khi các ngươi muốn hỏi chuyện những người vợ (của Nabi) thì các ngươi hãy hỏi họ từ phía sau một bức màn. Cách hỏi chuyện như thế sẽ giữ sự trong sạch cho tấm lòng của các ngươi cũng như cho tấm lòng của họ hơn. Các ngươi không được phép quấy rầy Sứ Giả của Allah, cũng không bao giờ được phép cưới vợ của Y sau khi Y qua đời. Quả thật, điều đó là một đại trọng tội đối với Allah.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَدْخُلُواْ بُيُوتَ ٱلنَّبِيِّ إِلَّآ أَن
يُؤْذَنَ لَكُمْ إِلَىٰ طَعَامٍ غَيْرَ نَٰظِرِينَ إِنَىٰهُ وَلَٰكِنْ
إِذَا دُعِيتُمْ فَٱدْخُلُواْ فَإِذَا طَعِمْتُمْ فَٱنتَشِرُواْ وَلَا
مُسْتَـْٔنِسِينَ لِحَدِيثٍۚ إِنَّ ذَٰلِكُمْ كَانَ يُؤْذِي ٱلنَّبِيَّ
فَيَسْتَحْيِۦ مِنكُمْۖ وَٱللَّهُ لَا يَسْتَحْيِۦ مِنَ ٱلْحَقِّۚ وَإِذَا
سَأَلْتُمُوهُنَّ مَتَٰعًا فَسْـَٔلُوهُنَّ مِن وَرَآءِ حِجَابٍۚ
ذَٰلِكُمْ أَطْهَرُ لِقُلُوبِكُمْ وَقُلُوبِهِنَّۚ وَمَا كَانَ لَكُمْ
أَن تُؤْذُواْ رَسُولَ ٱللَّهِ وَلَآ أَن تَنكِحُوٓاْ أَزْوَٰجَهُۥ مِنۢ
بَعْدِهِۦٓ أَبَدًاۚ إِنَّ ذَٰلِكُمْ كَانَ عِندَ ٱللَّهِ عَظِيمًا ﴿٥٣﴾

54. Cho dù các ngươi bộc lộ hay giấu kín bất cứ điều gì (thì các ngươi hãy biết rằng) Allah chắc chắn biết hết mọi điều.

إِن تُبْدُواْ شَيْـًٔا أَوْ تُخْفُوهُ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِكُلِّ شَيْءٍ
عَلِيمًا ﴿٥٤﴾

55. Họ (những người vợ của Nabi) không mắc tội (khi không mặc Hijab) trước mặt cha, con trai, anh em trai, con trai của anh chị em ruột, những phụ nữ giúp việc, và những người nô lệ nằm dưới quyền quản lý của họ. (Hỡi

لَّا جُنَاحَ عَلَيْهِنَّ فِيٓ ءَابَآئِهِنَّ وَلَآ أَبْنَآئِهِنَّ وَلَآ
إِخْوَٰنِهِنَّ وَلَآ أَبْنَآءِ إِخْوَٰنِهِنَّ وَلَآ أَبْنَآءِ أَخَوَٰتِهِنَّ

những người vợ của Nabi!) Các ngươi hãy kính sợ Allah, quả thật, Allah luôn giám sát mọi việc.

وَلَا نِسَآئِهِنَّ وَلَا مَا مَلَكَتْ أَيْمَٰنُهُنَّۗ وَٱتَّقِينَ ٱللَّهَۚ
إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٍ شَهِيدًا ٥٥

56. Quả thật, Allah và các Thiên Thần của Ngài đều Salawat cho Nabi (Muhammad). Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy Salawat cho Y thật nhiều.

إِنَّ ٱللَّهَ وَمَلَٰٓئِكَتَهُۥ يُصَلُّونَ عَلَى ٱلنَّبِيِّۚ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ صَلُّواْ عَلَيْهِ وَسَلِّمُواْ تَسْلِيمًا ٥٦

57. Quả thật, những kẻ gây phiền nhiễu đến Allah và Sứ Giả của Ngài, Allah sẽ nguyền rủa họ ở đời này và cả Đời Sau; và Ngài đã chuẩn bị cho họ một sự trừng phạt nhục nhã.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُؤْذُونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ لَعَنَهُمُ ٱللَّهُ فِي
ٱلدُّنْيَا وَٱلْأٓخِرَةِ وَأَعَدَّ لَهُمْ عَذَابًا مُّهِينًا ٥٧

58. Và những kẻ gây phiền nhiễu đến những người có đức tin, nam cũng như nữ, một cách không thỏa đáng thì quả thật họ đã mang vào mình tội vu khống và tội danh rõ ràng.

وَٱلَّذِينَ يُؤْذُونَ ٱلْمُؤْمِنِينَ وَٱلْمُؤْمِنَٰتِ بِغَيْرِ مَا
ٱكْتَسَبُواْ فَقَدِ ٱحْتَمَلُواْ بُهْتَٰنًا وَإِثْمًا مُّبِينًا ٥٨

59. Hỡi Nabi (Muhammad), Ngươi hãy bảo những người vợ của Ngươi, các con gái của Ngươi, và những người vợ của những người có đức tin phủ áo choàng che kín thân thể của họ. Như thế để dễ nhận biết họ và để họ không bị xúc phạm. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Khoan Dung.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ قُل لِّأَزْوَٰجِكَ وَبَنَاتِكَ وَنِسَآءِ
ٱلْمُؤْمِنِينَ يُدْنِينَ عَلَيْهِنَّ مِن جَلَٰبِيبِهِنَّۚ ذَٰلِكَ أَدْنَىٰٓ
أَن يُعْرَفْنَ فَلَا يُؤْذَيْنَۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورًا رَّحِيمًا ٥٩

60. Nếu những kẻ giả tạo đức tin và những kẻ mang trong lòng một chứng bệnh (hoài nghi) cũng như những kẻ gây rối (phao tin giả) trong thành phố Madinah không chịu dừng lại thì chắc chắn TA (Allah) sẽ để cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) trừng phạt chúng, rồi chúng sẽ được tha cho tạm sống nơi đó với Ngươi như những người láng giềng trong một thời gian ngắn ngủi.

۞لَّئِن لَّمْ يَنتَهِ ٱلْمُنَٰفِقُونَ وَٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ
وَٱلْمُرْجِفُونَ فِي ٱلْمَدِينَةِ لَنُغْرِيَنَّكَ بِهِمْ ثُمَّ لَا
يُجَاوِرُونَكَ فِيهَآ إِلَّا قَلِيلًا ٦٠

61. Chúng sẽ bị nguyền rủa, và bất cứ khi nào cũng như bất cứ đâu chúng bị phát giác thì chúng sẽ bị bắt và bị giết không thương xót.

مَّلْعُونِينَۖ أَيْنَمَا ثُقِفُوٓاْ أُخِذُواْ وَقُتِّلُواْ تَقْتِيلًا ٦١

62. (Đó là) đường lối của Allah dành cho những kẻ (giả tạo đức tin) đã qua của thế hệ trước và Ngươi sẽ không bao giờ thấy một sự thay đổi nào trong đường lối của Allah (đối với những kẻ bội tín và phản nghịch).

سُنَّةَ ٱللَّهِ فِي ٱلَّذِينَ خَلَوْاْ مِن قَبْلُۖ وَلَن تَجِدَ لِسُنَّةِ
ٱللَّهِ تَبْدِيلًا ٦٢

63. Thiên hạ hỏi Ngươi về Giờ Tận Thế. Ngươi hãy nói: “Quả thật, kiến thức về thời khắc đó thuộc về một mình Allah”. Nhưng Ngươi có biết không có lẽ Giờ Tận Thế đã gần kề.

يَسْـَٔلُكَ ٱلنَّاسُ عَنِ ٱلسَّاعَةِۖ قُلْ إِنَّمَا عِلْمُهَا عِندَ
ٱللَّهِۚ وَمَا يُدْرِيكَ لَعَلَّ ٱلسَّاعَةَ تَكُونُ قَرِيبًا ٦٣

64. Quả thật, Allah đã nguyền rủa những kẻ vô đức tin và Ngài đã chuẩn bị cho họ lửa ngọn (nơi Hỏa Ngục).

إِنَّ ٱللَّهَ لَعَنَ ٱلْكَٰفِرِينَ وَأَعَدَّ لَهُمْ سَعِيرًا ٦٤

65. Họ sẽ mãi mãi ở trong đó; họ sẽ không tìm được một vị che chở hay một vị cứu tinh nào.

خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ لَّا يَجِدُونَ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرٗا ٦٥

66. Vào Ngày mà bộ mặt của họ bị lật úp vào Hỏa Ngục, họ sẽ than: “Ôi, giá như mình đã tuân lệnh Allah và đã vâng lời Sứ Giả (của Ngài)”.

يَوۡمَ تُقَلَّبُ وُجُوهُهُمۡ فِي ٱلنَّارِ يَقُولُونَ يَٰلَيۡتَنَآ أَطَعۡنَا
ٱللَّهَ وَأَطَعۡنَا ٱلرَّسُولَا۠ ٦٦

67. Họ nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Bầy tôi đã nghe theo các vị cầm đầu và những ông lớn của bầy tôi, chính họ đã dắt bầy tôi lầm lạc.”

وَقَالُواْ رَبَّنَآ إِنَّآ أَطَعۡنَا سَادَتَنَا وَكُبَرَآءَنَا فَأَضَلُّونَا
ٱلسَّبِيلَا۠ ٦٧

68. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài trừng phạt họ gấp đôi và xin Ngài nguyền rủa họ bằng lời nguyền rủa thậm tệ nhất.”

رَبَّنَآ ءَاتِهِمۡ ضِعۡفَيۡنِ مِنَ ٱلۡعَذَابِ وَٱلۡعَنۡهُمۡ لَعۡنٗا
كَبِيرٗا ٦٨

69. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi chớ đừng giống như những kẻ đã sách nhiễu Musa bởi Allah đã giải oan cho Y khỏi những điều họ đã cáo buộc. Quả thật, (Musa) là một người bề tôi chính trực.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ ءَاذَوۡاْ
مُوسَىٰ فَبَرَّأَهُ ٱللَّهُ مِمَّا قَالُواْۚ وَكَانَ عِندَ ٱللَّهِ
وَجِيهٗا ٦٩

70. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy kính sợ Allah và hãy nói lời chân thật.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَقُولُواْ قَوۡلٗا
سَدِيدٗا ٧٠

71. Ngài sẽ cải thiện việc làm của các ngươi cho các ngươi và Ngài sẽ tha thứ tội lỗi cho các ngươi. Người nào tuân lệnh Allah và Sứ Giả của Ngài thì chắc chắn sẽ đạt được sự thành công to lớn.

يُصۡلِحۡ لَكُمۡ أَعۡمَٰلَكُمۡ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡ ذُنُوبَكُمۡۗ
وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَقَدۡ فَازَ فَوۡزًا عَظِيمًا ٧١

72. Quả thật, TA đã giao Ama-nah(7) cho các tầng trời và trái đất và núi non nhưng chúng từ chối vì chúng cả sợ nên đã tránh xa nó; nhưng con người đã nhận lãnh nó; rõ ràng (con người) hết sức sai quấy, ngu muội.[1]

إِنَّا عَرَضۡنَا ٱلۡأَمَانَةَ عَلَى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَٱلۡجِبَالِ
فَأَبَيۡنَ أَن يَحۡمِلۡنَهَا وَأَشۡفَقۡنَ مِنۡهَا وَحَمَلَهَا ٱلۡإِنسَٰنُۖ
إِنَّهُۥ كَانَ ظَلُومٗا جَهُولٗا ٧٢

[1] (7) Học giả Ibnu Al-Kathir giảng giải câu Kinh này, nói: “Ibnu 'Abbas nói: Ama-nah trong câu Kinh có nghĩa là sự phụng mệnh. (Có lời dẫn thì ghi rằng ông nói Ama-nah chính là các nghĩa vụ bắt buộc – những điều Fardh). Allah phơi bày Ama-nah cho các tầng trời, trái đất và núi non với ý nghĩa nếu chúng thực hiện thì sẽ được ban thưởng nhưng nếu chúng không thực hiện thì sẽ bị trừng phạt, thế là các tầng trời, trái đất và núi non từ chối nhận lãnh Ama-nah. Và rồi khi Allah phơi bày cho Nabi Adam Ama-nah này và Ngài bảo Adam: Ngươi có nhận lãnh nó không? Nabi Adam nói: Thưa Thượng Đế của bề tôi, Ama-nah đó là gì vậy? Allah nói: «إِنْ أَحْسَنْتَ جُزِيْتَ، وَإِنْ أَسَأْتَ عُوْقِبْتَ» “Nếu ngươi phụng mệnh và làm điều tốt ngươi sẽ được ban thưởng, còn nếu ngươi trái lệnh bất tuân và làm điều xấu thì ngươi sẽ bị trừng phạt”. Vậy là Nabi Adam đã chấp nhận lãnh Ama-nah này.”

73. (Làm thế) để Allah trừng phạt những kẻ giả tạo đức tin nam và nữ, những kẻ thờ đa thần nam và nữ; đồng thời để Ngài tha thứ cho những người có đức tin nam và nữ. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Khoan Dung.

لِّيُعَذِّبَ ٱللَّهُ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتِ وَٱلۡمُشۡرِكِينَ
وَٱلۡمُشۡرِكَٰتِ وَيَتُوبَ ٱللَّهُ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمَۢا ٧٣

Saba' (Vương Quốc Sheba) سبإ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alhamdulillah, Đấng mà mọi vật trong các tầng trời và mọi vật trong trái đất đều là của Ngài, Đấng mà mọi lời ca ngợi và tán dương ở Đời Sau đều thuộc về một mình Ngài. Ngài là Đấng Sáng Suốt, Thông Toàn.

ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِي لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَهُ ٱلۡحَمۡدُ فِي ٱلۡأٓخِرَةِۚ وَهُوَ ٱلۡحَكِيمُ ٱلۡخَبِيرُ ١

2. Những gì chui vào lòng đất, những gì nhô lên khỏi mặt đất, những gì rơi xuống từ trên trời và những gì bay lên trời, Ngài đều biết rõ về chúng. Và Ngài là Đấng Hằng Khoan Dung, Hằng Tha Thứ.

يَعۡلَمُ مَا يَلِجُ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا يَخۡرُجُ مِنۡهَا وَمَا يَنزِلُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ وَمَا يَعۡرُجُ فِيهَاۚ وَهُوَ ٱلرَّحِيمُ ٱلۡغَفُورُ ٢

3. Những kẻ vô đức tin nói: “Giờ Tận Thế sẽ không xảy đến cho chúng tôi.” Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Không, thề bởi Thượng Đế của Ta, Đấng biết điều vô hình, chắc chắn Giờ Tận Thế sẽ xảy đến cho các người. Không một vật gì trong các tầng trời cũng như không một vật gì trong trái đất nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngài, cho dù đó chỉ là sức nặng của một hạt nguyên tử; và không một vật gì dù nhỏ hay lớn hơn (hạt nguyên tử) mà lại không được ghi sẵn trong một Quyển Sổ rõ ràng.”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَا تَأۡتِينَا ٱلسَّاعَةُۖ قُلۡ بَلَىٰ وَرَبِّي لَتَأۡتِيَنَّكُمۡ عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِۖ لَا يَعۡزُبُ عَنۡهُ مِثۡقَالُ ذَرَّةٖ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَآ أَصۡغَرُ مِن ذَٰلِكَ وَلَآ أَكۡبَرُ إِلَّا فِي كِتَٰبٖ مُّبِينٖ ٣

4. (Mọi thứ được ghi trong quyển sổ) để Ngài ban thưởng cho những người có đức tin và hành thiện. Họ là những người sẽ được sự tha thứ và được ban cho bổng lộc thật vinh dự (Thiên Đàng).

لِّيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُم مَّغۡفِرَةٞ وَرِزۡقٞ كَرِيمٞ ٤

5. Những ai cố gắng chống phá các lời mặc khải của TA thì chắc chắn sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn.

وَٱلَّذِينَ سَعَوۡ فِيٓ ءَايَٰتِنَا مُعَٰجِزِينَ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ عَذَابٞ مِّن رِّجۡزٍ أَلِيمٞ ٥

6. Những ai được ban cho kiến thức thì thấy những điều được ban xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) từ Thượng Đế của Ngươi là Chân Lý và hướng dẫn (nhân loại) đến con đường của Đấng Toàn Năng, Đáng Ca Tụng.

وَيَرَى ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ ٱلَّذِيٓ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَ هُوَ ٱلۡحَقَّ وَيَهۡدِيٓ إِلَىٰ صِرَٰطِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَمِيدِ ٦

7. Những kẻ vô đức tin (bảo nhau về Thiên Sứ một cách chế giễu và nhạo báng) nói: “Các người có muốn chúng tôi chỉ cho các người một người đàn ông, Y sẽ nói cho các người biết rằng khi các người (chết đi, thân xác các người) đã hoàn toàn mục rã thì các người chắc chắn sẽ được tạo hóa mới trở lại?!”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ هَلۡ نَدُلُّكُمۡ عَلَىٰ رَجُلٖ يُنَبِّئُكُمۡ إِذَا مُزِّقۡتُمۡ كُلَّ مُمَزَّقٍ إِنَّكُمۡ لَفِي خَلۡقٖ جَدِيدٍ ٧

8. (Họ bảo nhau): “Lẽ nào Y đã nói dối cho Allah hay lẽ nào Y bị tâm thần?” Không, những kẻ vô đức tin nơi cõi Đời Sau sẽ bị trừng phạt (vào Ngày Phán Xét) và họ đã lầm lạc rất xa (trên cõi đời này).

أَفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَم بِهِۦ جِنَّةُۢۗ بَلِ ٱلَّذِينَ لَا
يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ فِي ٱلۡعَذَابِ وَٱلضَّلَٰلِ ٱلۡبَعِيدِ ٨

9. Lẽ nào họ không nhìn thấy những gì trước mắt và sau lưng họ từ trời đất?! Nếu muốn, TA đã cho đất nuốt chửng bọn họ hoặc cho một mảnh trời rơi xuống đè bọn họ. Quả thật, nơi sự việc đó là một dấu hiệu cho mỗi người bề tôi biết quay đầu ăn năn sám hối (với Allah).

أَفَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَىٰ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُم مِّنَ
ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِۚ إِن نَّشَأۡ نَخۡسِفۡ بِهِمُ ٱلۡأَرۡضَ أَوۡ
نُسۡقِطۡ عَلَيۡهِمۡ كِسَفٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ
لِّكُلِّ عَبۡدٖ مُّنِيبٖ ٩

10. Quả thật, TA đã ban cho Dawood hồng phúc từ nơi TA, (và TA đã phán với núi non): “Hỡi núi non! Các ngươi hãy cùng với Y tán dương Allah” và chim chóc (TA cũng phán bảo chúng như thế), và TA đã hóa sắt thành mềm cho Y.

۞وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا دَاوُۥدَ مِنَّا فَضۡلٗاۖ يَٰجِبَالُ أَوِّبِي مَعَهُۥ
وَٱلطَّيۡرَۖ وَأَلَنَّا لَهُ ٱلۡحَدِيدَ ١٠

11. (TA) bảo (Dawood): “Ngươi hãy chế áo giáp và ráp các khoen sắt lại cho thật cân bằng và Ngươi (và con cháu của Ngươi) hãy hành thiện. Quả thật, TA luôn thấy rõ những điều các ngươi làm.”

أَنِ ٱعۡمَلۡ سَٰبِغَٰتٖ وَقَدِّرۡ فِي ٱلسَّرۡدِۖ وَٱعۡمَلُواْ صَٰلِحًاۖ
إِنِّي بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ١١

12. Và Sulayman (con trai của Dawood), (TA đã ban cho Y khả năng chế ngự) luồng gió; luồng gió lướt đi trong một buổi sáng (nhanh bằng thời gian di chuyển) của một tháng và trong một buổi chiều (nhanh bằng thời gian di chuyển) của một tháng. TA đã ban cho Y một dòng suối đồng thau; và trong loài Jinn có những tên phục dịch cho Y theo phép của Thượng Đế của Y; và nếu tên Jinn nào cãi lệnh TA thì TA sẽ bắt nó nếm lấy hình phạt của Lửa ngọn cháy bùng.

وَلِسُلَيۡمَٰنَ ٱلرِّيحَ غُدُوُّهَا شَهۡرٞ وَرَوَاحُهَا شَهۡرٞۖ
وَأَسَلۡنَا لَهُۥ عَيۡنَ ٱلۡقِطۡرِۖ وَمِنَ ٱلۡجِنِّ مَن يَعۡمَلُ بَيۡنَ
يَدَيۡهِ بِإِذۡنِ رَبِّهِۦۖ وَمَن يَزِغۡ مِنۡهُمۡ عَنۡ أَمۡرِنَا نُذِقۡهُ
مِنۡ عَذَابِ ٱلسَّعِيرِ ١٢

13. Chúng (các tên Jinn hầu dịch cho Sulayman) làm ra cho Y những vật mà Y muốn, từ các cung điện, các hình tượng, những chiếc chén khổng lồ như những bể nước và những chiếc chảo nấu cố định một chỗ. Hỡi dòng dõi của Dawood, các ngươi hãy làm việc với lòng tri ân (TA). Tuy nhiên, chỉ một số ít bầy tôi của TA tỏ lòng biết ơn (TA).

يَعۡمَلُونَ لَهُۥ مَا يَشَآءُ مِن مَّحَٰرِيبَ وَتَمَٰثِيلَ
وَجِفَانٖ كَٱلۡجَوَابِ وَقُدُورٖ رَّاسِيَٰتٍۚ ٱعۡمَلُوٓاْ ءَالَ
دَاوُۥدَ شُكۡرٗاۚ وَقَلِيلٞ مِّنۡ عِبَادِيَ ٱلشَّكُورُ ١٣

14. Khi TA cho (Sulayman) chết, chẳng có điều gì làm cho loài Jinn phát hiện ra cái chết của Y ngoại trừ côn trùng đất đã ăn mòn chiếc gậy của Y. Cho nên, khi Y ngã xuống, loài Jinn mới vỡ lẽ rằng nếu chúng biết được điều vô hình thì chúng đã không phải ở lại lâu trong sự trừng phạt nhục nhã đó.(1)[1]

فَلَمَّا قَضَيۡنَا عَلَيۡهِ ٱلۡمَوۡتَ مَا دَلَّهُمۡ عَلَىٰ مَوۡتِهِۦٓ إِلَّا
دَآبَّةُ ٱلۡأَرۡضِ تَأۡكُلُ مِنسَأَتَهُۥۖ فَلَمَّا خَرَّ تَبَيَّنَتِ
ٱلۡجِنُّ أَن لَّوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ٱلۡغَيۡبَ مَا لَبِثُواْ فِي
ٱلۡعَذَابِ ٱلۡمُهِينِ ١٤

[1] (1) Sau khi Nabi Sulayman ngã xuống, các tên Jinn hầu dịch cho Người mới vỡ lẽ rằng Người đã chết và mới vỡ lẽ rằng nếu chúng biết được điều vô hình thì chúng đã không phải vất vã làm việc cho Sulayman trong suốt thời gian sau khi Người đã chết 100 năm trước.

15. Quả thật, tại chỗ ở của dân Sheba(2) là một dấu hiệu (cho quyền năng của Allah cũng như cho việc Ngài đã ban ân huệ cho họ). (Tại nơi ở của họ) có hai ngôi vườn nằm bên phải và bên trái. (Allah bảo họ): “Các ngươi hãy ăn bổng lộc của Thượng Đế của các ngươi và hãy biết ơn Ngài; (đây là) một xứ sở tốt đẹp, và (đây là) một Thượng Đế Hằng Tha Thứ (tội lỗi).[1]

لَقَدۡ كَانَ لِسَبَإٖ فِي مَسۡكَنِهِمۡ ءَايَةٞۖ جَنَّتَانِ عَن يَمِينٖ
وَشِمَالٖۖ كُلُواْ مِن رِّزۡقِ رَبِّكُمۡ وَٱشۡكُرُواْ لَهُۥۚ بَلۡدَةٞ
طَيِّبَةٞ وَرَبٌّ غَفُورٞ ١٥

16. Nhưng họ đã ngoảnh đi. Vậy nên TA đã gởi một trận lũ (đến trừng phạt họ) từ một con đập, và TA đã thay thế hai ngôi vườn của họ bằng hai ngôi vườn chỉ toàn loại trái đắng, các cây bụi (giông giống loại thánh liễu) và một ít cây táo gai.

فَأَعۡرَضُواْ فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ سَيۡلَ ٱلۡعَرِمِ وَبَدَّلۡنَٰهُم
بِجَنَّتَيۡهِمۡ جَنَّتَيۡنِ ذَوَاتَيۡ أُكُلٍ خَمۡطٖ وَأَثۡلٖ وَشَيۡءٖ
مِّن سِدۡرٖ قَلِيلٖ ١٦

17. Vì tội vong ơn nên TA đã bắt phạt họ như thế. Và TA chỉ trừng phạt những kẻ vong ân.

ذَٰلِكَ جَزَيۡنَٰهُم بِمَا كَفَرُواْۖ وَهَلۡ نُجَٰزِيٓ إِلَّا
ٱلۡكَفُورَ ١٧

18. Giữa họ (dân của Sheba) và những thị trấn (của Sham) mà TA đã ban phúc, TA đã đặt những thị trấn khác dễ nhìn từ đằng xa và TA sắp đặt nơi đó những chặng đường (ngắn, gần) để họ đi lại dễ dàng; (và TA phán bảo họ): “Các ngươi hãy đi lại (tùy thích) một cách an toàn cả ban đêm lẫn ban ngày qua những địa điểm đó.”

وَجَعَلۡنَا بَيۡنَهُمۡ وَبَيۡنَ ٱلۡقُرَى ٱلَّتِي بَٰرَكۡنَا فِيهَا قُرٗى
ظَٰهِرَةٗ وَقَدَّرۡنَا فِيهَا ٱلسَّيۡرَۖ سِيرُواْ فِيهَا لَيَالِيَ وَأَيَّامًا
ءَامِنِينَ ١٨

19. (Tuy nhiên, họ không hài lòng với những chặng đường gần và ngắn) nên họ nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài làm cho những chặng đường đi lại của bầy tôi dài xa thêm.” Họ đã bất công với chính bản thân họ (qua mong muốn đó). Vậy nên, TA đã lấy họ làm thành những câu chuyện và đã phân tán toàn bộ họ tản mác khắp nơi. Quả thật, trong sự việc đó là những dấu hiệu (bài học) cho từng người kiên nhẫn, biết ơn.

فَقَالُواْ رَبَّنَا بَٰعِدۡ بَيۡنَ أَسۡفَارِنَا وَظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ
فَجَعَلۡنَٰهُمۡ أَحَادِيثَ وَمَزَّقۡنَٰهُمۡ كُلَّ مُمَزَّقٍۚ إِنَّ فِي
ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّكُلِّ صَبَّارٖ شَكُورٖ ١٩

20. Quả thật, Iblis đã khẳng định sự thật về họ cho điều mà hắn đã phỏng đoán (rằng hắn có thể dắt họ lạc khỏi điều chân lý). Cho nên, họ đã nghe theo hắn ngoại trừ một nhóm trong số những người có đức tin.

وَلَقَدۡ صَدَّقَ عَلَيۡهِمۡ إِبۡلِيسُ ظَنَّهُۥ فَٱتَّبَعُوهُ إِلَّا
فَرِيقٗا مِّنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٢٠

21. (Iblis) không hề có một chút quyền hành nào đối với họ cả mà thật ra đó chỉ nhằm mục đích để TA biết rõ ai là người có đức tin nơi cõi Đời Sau trong số những kẻ mà trong lòng họ vẫn còn sự hoài nghi. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) là Đấng bảo vệ và giữ gìn tất cả mọi điều.

وَمَا كَانَ لَهُۥ عَلَيۡهِم مِّن سُلۡطَٰنٍ إِلَّا لِنَعۡلَمَ مَن
يُؤۡمِنُ بِٱلۡأٓخِرَةِ مِمَّنۡ هُوَ مِنۡهَا فِي شَكّٖۗ وَرَبُّكَ عَلَىٰ
كُلِّ شَيۡءٍ حَفِيظٞ ٢١

[1] (2) Sheba là vương quốc do nữ vương Balqees cai trị nằm ở Yemen. Vương quốc này đã được Qur’an đề cập đến ở câu 22 của chương 27.

22. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Các ngươi hãy cầu nguyện những kẻ mà các ngươi cho rằng (chúng là thần linh của các ngươi) ngoài Allah. Quả thật, chúng không hề nắm giữ và chi phối bất cứ vật gì trong các tầng trời và trái đất, cho dù đó chỉ là sức nặng của hạt nguyên tử; và chúng không hề có bất cứ phần chia nào trong trời đất này; và trong bọn chúng không hề có bất cứ tên nào là vị ủng hộ của Ngài cả.”

قُلِ ٱدۡعُواْ ٱلَّذِينَ زَعَمۡتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ لَا يَمۡلِكُونَ
مِثۡقَالَ ذَرَّةٖ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا لَهُمۡ
فِيهِمَا مِن شِرۡكٖ وَمَا لَهُۥ مِنۡهُم مِّن ظَهِيرٖ ٢٢

23. Ở nơi Ngài (Allah), việc can thiệp sẽ vô ích trừ phi đối với ai mà Ngài đã cho phép. (Sự vĩ đại và tối cao của Ngài là khi Ngài phán thì tất cả các Thiên Thần đều khúm núm sợ hãi) mãi đến khi lòng của họ hết sợ thì họ mới dám lên tiếng hỏi (đại Thiên Thần Jibril): “Thượng Đế của quý vị phán điều gì vậy?” (Jibril) đáp: “Ngài phán điều Chân Lý bởi vì Ngài là Đấng Tối Cao, Vĩ Đại.”

وَلَا تَنفَعُ ٱلشَّفَٰعَةُ عِندَهُۥٓ إِلَّا لِمَنۡ أَذِنَ لَهُۥۚ حَتَّىٰٓ إِذَا
فُزِّعَ عَن قُلُوبِهِمۡ قَالُواْ مَاذَا قَالَ رَبُّكُمۡۖ قَالُواْ ٱلۡحَقَّۖ
وَهُوَ ٱلۡعَلِيُّ ٱلۡكَبِيرُ ٢٣

24. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy bảo (những kẻ thờ đa thần): “Ai là Đấng ban bổng lộc cho các người từ các tầng trời và trái đất?” Ngươi hãy nói với họ: “Là Allah! Vậy chúng tôi hay các người, ai là những người được hướng dẫn đúng đường và ai là những kẻ lạc lối?”

۞قُلۡ مَن يَرۡزُقُكُم مِّنَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ قُلِ ٱللَّهُۖ
وَإِنَّآ أَوۡ إِيَّاكُمۡ لَعَلَىٰ هُدًى أَوۡ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٢٤

25. Ngươi hãy nói với họ: “Các người sẽ không bị tra hỏi về tội của chúng tôi và chúng tôi cũng sẽ không bị tra hỏi về những gì các người đã làm.”

قُل لَّا تُسۡـَٔلُونَ عَمَّآ أَجۡرَمۡنَا وَلَا نُسۡـَٔلُ عَمَّا
تَعۡمَلُونَ ٢٥

26. Ngươi hãy nói với họ: “Thượng Đế của chúng ta sẽ triệu tập tất cả chúng ta rồi Ngài sẽ phán xét giữa chúng ta đúng theo chân lý bởi Ngài là Đấng Thẩm Phán Toàn Tri.”

قُلۡ يَجۡمَعُ بَيۡنَنَا رَبُّنَا ثُمَّ يَفۡتَحُ بَيۡنَنَا بِٱلۡحَقِّ وَهُوَ
ٱلۡفَتَّاحُ ٱلۡعَلِيمُ ٢٦

27. Ngươi hãy nói với họ: “Các người hãy chỉ cho Ta đâu là những kẻ mà các người đã cho là những vị đối tác ngang vai của (Allah). Chắc chắn sẽ không có ai (là đối tác của Ngài cả) mà chỉ có Ngài là Allah (Đấng Duy Nhất), Ngài là Đấng Toàn Năng, Sáng Suốt.”

قُلۡ أَرُونِيَ ٱلَّذِينَ أَلۡحَقۡتُم بِهِۦ شُرَكَآءَۖ كَلَّاۚ بَلۡ هُوَ ٱللَّهُ
ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٢٧

28. Và TA (Allah) cử phái Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đến chỉ để làm một Người mang tin mừng và một Người cảnh báo cho toàn bộ nhân loại nhưng đa số nhân loại không biết.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ إِلَّا كَآفَّةٗ لِّلنَّاسِ بَشِيرٗا وَنَذِيرٗا
وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٢٨

29. (Những kẻ thờ đa thần hối thúc sự trừng phạt) bảo: “Lời hứa (về sự trừng phạt) này bao giờ sẽ xảy đến nếu các ngươi nói thật?”

وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٢٩

30. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Cuộc hẹn cho các người đã được định sẵn vào Ngày mà nó sẽ không đến muộn cũng không đến sớm hơn một thời khắc nào.”

قُل لَّكُم مِّيعَادُ يَوۡمٖ لَّا تَسۡتَـٔۡخِرُونَ عَنۡهُ سَاعَةٗ
وَلَا تَسۡتَقۡدِمُونَ ٣٠

31. Những kẻ vô đức tin nói: "Chúng tôi sẽ không bao giờ tin vào Qur'an này và cũng không tin vào bất cứ Kinh Sách nào trước Nó." Nếu Ngươi (hỡi Thiên Sứ) nhìn thấy được tình cảnh của những kẻ làm điều sai quấy bị bắt đứng trước mặt Thượng Đế của họ (thì Ngươi sẽ thấy) họ lời qua tiếng lại trách cứ nhau. Những kẻ yếu thế sẽ nói với những tên cường bạo: "Nếu các người không dẫn chúng tôi lầm lạc thì chúng tôi đã trở thành những người có đức tin rồi!"

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَن نُّؤۡمِنَ بِهَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ وَلَا
بِٱلَّذِي بَيۡنَ يَدَيۡهِۗ وَلَوۡ تَرَىٰٓ إِذِ ٱلظَّٰلِمُونَ مَوۡقُوفُونَ
عِندَ رَبِّهِمۡ يَرۡجِعُ بَعۡضُهُمۡ إِلَىٰ بَعۡضٍ ٱلۡقَوۡلَ يَقُولُ
ٱلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُواْ لِلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ لَوۡلَآ أَنتُمۡ لَكُنَّا
مُؤۡمِنِينَ ٣١

32. Những tên cường bạo đáp lời những kẻ yếu thế, nói: "Há bọn ta đã ngăn cản các ngươi theo chỉ đạo sau khi nó đã đến với các ngươi chăng? Không, chính các ngươi mới là những kẻ tội lỗi."

قَالَ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ لِلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُوٓاْ أَنَحۡنُ
صَدَدۡنَٰكُمۡ عَنِ ٱلۡهُدَىٰ بَعۡدَ إِذۡ جَآءَكُمۖ بَلۡ
كُنتُم مُّجۡرِمِينَ ٣٢

33. Những kẻ yếu thế đáp lời những tên cường bạo: "Đúng vậy, các người đã bày mưu cả đêm lẫn ngày khi bảo chúng tôi vô đức tin nơi Allah và dựng những đối tác ngang vai cùng với Ngài." (Tất cả) bọn họ sẽ hối hận khi nhìn thấy hình phạt. TA sẽ xiềng những chiếc gông vào cổ của những kẻ vô đức tin. Quả thật bọn họ bị trừng phạt chỉ bởi những điều mà bọn họ đã làm.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُواْ لِلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ بَلۡ مَكۡرُ
ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ إِذۡ تَأۡمُرُونَنَآ أَن نَّكۡفُرَ بِٱللَّهِ وَنَجۡعَلَ
لَهُۥٓ أَندَادٗاۚ وَأَسَرُّواْ ٱلنَّدَامَةَ لَمَّا رَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَۚ وَجَعَلۡنَا
ٱلۡأَغۡلَٰلَ فِيٓ أَعۡنَاقِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۖ هَلۡ يُجۡزَوۡنَ إِلَّا
مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٣٣

34. (Quả thật) không một vị cảnh báo nào được TA cử phái đến bất kỳ một thị trấn nào mà lại không bị những kẻ giàu có của thị trấn đó bảo: "Bọn ta không tin nơi thông điệp mà các ngươi mang đến."

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا فِي قَرۡيَةٖ مِّن نَّذِيرٍ إِلَّا قَالَ مُتۡرَفُوهَآ إِنَّا
بِمَآ أُرۡسِلۡتُم بِهِۦ كَٰفِرُونَ ٣٤

35. (Những kẻ giàu có đó) nói: "Bọn ta có nhiều tiền của và đông con cái, và bọn ta chắc chắn sẽ không bị trừng phạt."

وَقَالُواْ نَحۡنُ أَكۡثَرُ أَمۡوَٰلٗا وَأَوۡلَٰدٗا وَمَا نَحۡنُ
بِمُعَذَّبِينَ ٣٥

36. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ mà Allah đã ban cho họ nhiều ân huệ về của cải cũng như con cái): "Quả thật, Thượng Đế của Ta nới rộng hay thu hẹp bổng lộc đối với ai là tùy ý Ngài muốn, tuy nhiên, đa số nhân loại không biết (tất cả mọi sự việc đều được sắp đặt theo sự sáng suốt và anh minh của Ngài)."

قُلۡ إِنَّ رَبِّي يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُ
وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٦

37. (Các ngươi hãy biết rằng) của cải, con cái của các ngươi không phải là những thứ đưa các ngươi đến gần TA (Allah) hơn, mà chỉ những ai có đức tin và hành thiện thì mới là những người sẽ được ban thưởng gấp đôi cho những điều (tốt) mà họ đã từng làm, và họ sẽ an toàn ở trong những ngôi nhà cao tầng.

وَمَآ أَمۡوَٰلُكُمۡ وَلَآ أَوۡلَٰدُكُم بِٱلَّتِي تُقَرِّبُكُمۡ
عِندَنَا زُلۡفَىٰٓ إِلَّا مَنۡ ءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَأُوْلَٰٓئِكَ
لَهُمۡ جَزَآءُ ٱلضِّعۡفِ بِمَا عَمِلُواْ وَهُمۡ فِي ٱلۡغُرُفَٰتِ
ءَامِنُونَ ٣٧

38. Những kẻ cố gắng tìm cách phá hỏng các lời mặc khải của TA thì sẽ bị dẫn tới chỗ trừng phạt.

وَٱلَّذِينَ يَسْعَوْنَ فِيٓ ءَايَٰتِنَا مُعَٰجِزِينَ أُوْلَٰٓئِكَ فِي
ٱلْعَذَابِ مُحْضَرُونَ ٣٨

39. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Thượng Đế của Ta nới rộng hay thu hẹp bổng lộc đối với ai trong số bầy tôi của Ngài là tùy ý Ngài muốn. Bất cứ thứ gì các người đã chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Ngài) thì đều sẽ được Ngài hoàn lại, và Ngài là Đấng ban bổng lộc tốt nhất.”

قُلْ إِنَّ رَبِّي يَبْسُطُ ٱلرِّزْقَ لِمَن يَشَآءُ مِنْ عِبَادِهِۦ
وَيَقْدِرُ لَهُۥۚ وَمَآ أَنفَقْتُم مِّن شَيْءٍ فَهُوَ يُخْلِفُهُۥۖ وَهُوَ
خَيْرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ٣٩

40. Vào Ngày mà Ngài (Allah) triệu tập tất cả bọn họ rồi phán bảo các Thiên Thần: “Có phải những kẻ này đã từng tôn thờ các ngươi?”

وَيَوْمَ يَحْشُرُهُمْ جَمِيعًا ثُمَّ يَقُولُ لِلْمَلَٰٓئِكَةِ أَهَٰٓؤُلَآءِ
إِيَّاكُمْ كَانُواْ يَعْبُدُونَ ٤٠

41. (Các Thiên Thần) bẩm: “Thật quang vinh thay Ngài, Ngài là Đấng Chủ Nhân của bầy tôi chứ không phải họ. Họ không thờ bầy tôi mà họ thờ Jinn. Đa số bọn họ đã tin nơi Jinn.”

قَالُواْ سُبْحَٰنَكَ أَنتَ وَلِيُّنَا مِن دُونِهِمۖ بَلْ كَانُواْ
يَعْبُدُونَ ٱلْجِنَّۖ أَكْثَرُهُم بِهِم مُّؤْمِنُونَ ٤١

42. Vào Ngày mà không ai được quyền giúp đỡ ai cũng như không ai có thể gây hại được cho ai, TA sẽ phán bảo những kẻ làm điều sai quấy: “Các ngươi hãy nếm lấy hình phạt của Hỏa Ngục, cái các ngươi đã từng phủ nhận Nó.”

فَٱلْيَوْمَ لَا يَمْلِكُ بَعْضُكُمْ لِبَعْضٍ نَّفْعًا وَلَا ضَرًّا
وَنَقُولُ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ ذُوقُواْ عَذَابَ ٱلنَّارِ ٱلَّتِي كُنتُم
بِهَا تُكَذِّبُونَ ٤٢

43. Và khi các lời mặc khải rõ ràng của TA được đọc ra cho họ thì họ nói: “Người đàn ông này chỉ muốn cản trở các người tôn thờ những thần linh mà cha mẹ của các người đã tôn thờ mà thôi.” Họ nói: “Đây thật ra chỉ là điều giả dối khéo bịa đặt.” Và những kẻ vô đức tin nói về chân lý khi nó đến với họ: “Đây rõ ràng chỉ là bùa mê hoặc.”

وَإِذَا تُتْلَىٰ عَلَيْهِمْ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٍ قَالُواْ مَا هَٰذَآ إِلَّا
رَجُلٌ يُرِيدُ أَن يَصُدَّكُمْ عَمَّا كَانَ يَعْبُدُ ءَابَآؤُكُمْ
وَقَالُواْ مَا هَٰذَآ إِلَّآ إِفْكٌ مُّفْتَرًىۚ وَقَالَ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ لِلْحَقِّ لَمَّا جَآءَهُمْ إِنْ هَٰذَآ إِلَّا سِحْرٌ
مُّبِينٌ ٤٣

44. TA (Allah) đã không ban cho họ bất cứ Kinh Sách nào để họ có thể học hỏi; và TA cũng không cử bất cứ người cảnh báo nào đến với họ trước Ngươi cả.

وَمَآ ءَاتَيْنَٰهُم مِّن كُتُبٍ يَدْرُسُونَهَاۖ وَمَآ أَرْسَلْنَآ
إِلَيْهِمْ قَبْلَكَ مِن نَّذِيرٍ ٤٤

45. Những kẻ trước họ đã phủ nhận (chân lý). Quả thật, những gì mà (những kẻ đa thần Quraish) có được (từ tiền của, con cái, sức mạnh) không bằng một phần mười các ân huệ mà TA đã ban cho các thế hệ trước nhưng tất cả các thế hệ trước đều phủ nhận các vị Sứ Giả của TA. Bởi thế, (Ngươi – Thiên Sứ hãy xem) sự trừng phạt của TA dành cho họ đã khủng khiếp thế nào.

وَكَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ وَمَا بَلَغُواْ مِعْشَارَ مَآ
ءَاتَيْنَٰهُمْ فَكَذَّبُواْ رُسُلِيۖ فَكَيْفَ كَانَ نَكِيرِ ٤٥

46. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ thờ đa thần Quraish): “Ta chỉ khuyên các người một điều: các người hãy vì Allah mà đứng lên từng cặp hay từng người rồi suy ngẫm, (chắc chắn các người sẽ thấy) người bạn của các người (Muhammad) không phải là một gã điên mà đích thực là một vị cảnh báo các người về một sự trừng phạt khủng khiếp sắp đến.”

۞قُلۡ إِنَّمَآ أَعِظُكُم بِوَٰحِدَةٍۖ أَن تَقُومُواْ لِلَّهِ مَثۡنَىٰ
وَفُرَٰدَىٰ ثُمَّ تَتَفَكَّرُواْۚ مَا بِصَاحِبِكُم مِّن جِنَّةٍۚ إِنۡ
هُوَ إِلَّا نَذِيرٞ لَّكُم بَيۡنَ يَدَيۡ عَذَابٖ شَدِيدٖ ٤٦

47. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ thờ đa thần Quraish): “Ta không hề đòi các người bất cứ phần thưởng nào bởi phần thưởng của Ta là do Allah ban cho và Ngài là Đấng chứng giám tất cả mọi thứ.”

قُلۡ مَا سَأَلۡتُكُم مِّنۡ أَجۡرٖ فَهُوَ لَكُمۡۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا
عَلَى ٱللَّهِۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدٞ ٤٧

48. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Quả thật, Thượng Đế của Ta ban Chân Lý xuống (để loại bỏ điều ngụy tạo) và Ngài là Đấng Thông Toàn mọi điều vô hình.”

قُلۡ إِنَّ رَبِّي يَقۡذِفُ بِٱلۡحَقِّ عَلَّٰمُ ٱلۡغُيُوبِ ٤٨

49. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Chân lý đã đến thì sự ngụy tạo không thể bắt đầu (bất cứ điều gì) cũng như không thể phục hồi được.”

قُلۡ جَآءَ ٱلۡحَقُّ وَمَا يُبۡدِئُ ٱلۡبَٰطِلُ وَمَا يُعِيدُ ٤٩

50. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ thờ đa thần Quraish): “Nếu Ta lầm lạc thì thật ra chỉ bản thân Ta lầm lạc mà thôi nhưng nếu Ta được hướng dẫn thì đó là do những gì mà Thượng Đế của Ta đã mặc khải cho Ta. Quả thật Ngài hằng nghe và Ngài ở gần kề.”

قُلۡ إِن ضَلَلۡتُ فَإِنَّمَآ أَضِلُّ عَلَىٰ نَفۡسِيۖ وَإِنِ
ٱهۡتَدَيۡتُ فَبِمَا يُوحِيٓ إِلَيَّ رَبِّيٓۚ إِنَّهُۥ سَمِيعٞ قَرِيبٞ ٥٠

51. Nếu Ngươi (hỡi Thiên Sứ) có thể nhìn thấy được tình cảnh bọn họ sợ hãi (khi nhìn thấy sự trừng phạt), bọn họ vô phương trốn thoát và sẽ bị túm bắt từ một nơi rất gần,

وَلَوۡ تَرَىٰٓ إِذۡ فَزِعُواْ فَلَا فَوۡتَ وَأُخِذُواْ مِن مَّكَانٖ
قَرِيبٖ ٥١

52. Thì bọn họ nói: “Chúng tôi giờ đây đã có đức tin”, tuy nhiên, làm sao bọn họ có thể nhận được đức tin từ một nơi quá xa xôi!

وَقَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِهِۦ وَأَنَّىٰ لَهُمُ ٱلتَّنَاوُشُ مِن مَّكَانِۭ
بَعِيدٖ ٥٢

53. Quả thật, họ đã phủ nhận chân lý từ trước và họ đã thường phỏng đoán về điều vô hình từ một nơi xa.

وَقَدۡ كَفَرُواْ بِهِۦ مِن قَبۡلُۖ وَيَقۡذِفُونَ بِٱلۡغَيۡبِ مِن
مَّكَانِۭ بَعِيدٖ ٥٣

54. Giữa họ và những điều mà họ mong ước có một bức màn ngăn cách, tương tự trường hợp đã xảy ra cho những kẻ như họ trong quá khứ. Quả thật, họ là đám người đã luôn ở trong tình trạng hoài nghi.

وَحِيلَ بَيۡنَهُمۡ وَبَيۡنَ مَا يَشۡتَهُونَ كَمَا فُعِلَ بِأَشۡيَاعِهِم
مِّن قَبۡلُۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ فِي شَكّٖ مُّرِيبِۭ ٥٤

Fatir (Đấng Tạo Hoá) فاطر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Alhamdulillah, Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất; Ngài đã chỉ định các Thiên Thần làm các Sứ Giả (của Ngài), họ sở hữu những chiếc cánh: hai, ba, hoặc bốn. Ngài thêm vào sự tạo hóa bất cứ thứ gì Ngài muốn. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ فَاطِرِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ جَاعِلِ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ رُسُلًا أُوْلِيٓ أَجۡنِحَةٖ مَّثۡنَىٰ وَثُلَٰثَ وَرُبَٰعَۚ يَزِيدُ فِي ٱلۡخَلۡقِ مَا يَشَآءُۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ١

2. Bất cứ ân huệ nào mà Allah muốn ban cho nhân loại thì không ai có khả năng giữ nó lại; còn ân huệ nào mà Ngài muốn giữ lại thì không ai ngoài Ngài có khả năng ban phát nó. Và Ngài là Đấng Toàn Năng, Sáng Suốt.

مَّا يَفۡتَحِ ٱللَّهُ لِلنَّاسِ مِن رَّحۡمَةٖ فَلَا مُمۡسِكَ لَهَاۖ وَمَا يُمۡسِكۡ فَلَا مُرۡسِلَ لَهُۥ مِنۢ بَعۡدِهِۦۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٢

3. Hỡi nhân loại! Các ngươi hãy nhớ ân huệ mà Allah đã ban cho các ngươi. Lẽ nào có một Đấng Tạo Hóa khác Allah đã ban bổng lộc cho các ngươi từ trời đất? Không có Thượng Đế nào ngoài Ngài cả. Vậy sao các ngươi lại lánh xa (điều chân lý)?

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡۚ هَلۡ مِنۡ خَٰلِقٍ غَيۡرُ ٱللَّهِ يَرۡزُقُكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِۚ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ فَأَنَّىٰ تُؤۡفَكُونَ ٣

4. Nếu (người dân của Ngươi – hỡi Thiên Sứ) phủ nhận Ngươi thì quả thật các Sứ Giả trước Ngươi cũng đã bị phủ nhận như thế. Tuy nhiên, mọi vấn đề sẽ được đưa trở về Allah để Ngài định đoạt.

وَإِن يُكَذِّبُوكَ فَقَدۡ كُذِّبَتۡ رُسُلٞ مِّن قَبۡلِكَۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ ٤

5. Hỡi nhân loại! Quả thật, lời hứa của Allah (về sự phục sinh, sự phán xét ở Ngày Sau) là sự thật. Do đó, các ngươi chớ đừng để cho đời sống trần tục này đánh lừa các ngươi và các ngươi chớ để cho tên đại bịp (Shaytan) lừa gạt các ngươi về Allah.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞۖ فَلَا تَغُرَّنَّكُمُ ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا وَلَا يَغُرَّنَّكُم بِٱللَّهِ ٱلۡغَرُورُ ٥

6. Quả thật, Shaytan là kẻ thù của các ngươi. Do đó, các ngươi hãy coi nó là kẻ thù (mà chiến đấu chống lại nó). Quả thật, (Shaytan) chuyên kêu gọi bè phái của nó để làm cho chúng trở thành những người bạn của Hỏa Ngục.

إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ لَكُمۡ عَدُوّٞ فَٱتَّخِذُوهُ عَدُوًّاۚ إِنَّمَا يَدۡعُواْ حِزۡبَهُۥ لِيَكُونُواْ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلسَّعِيرِ ٦

7. Những kẻ vô đức tin sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc; còn những ai có đức tin và hành thiện thì sẽ được sự tha thứ (từ nơi Allah) và sẽ được (Ngài) ban thưởng phần thưởng to lớn.

ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَهُمۡ عَذَابٞ شَدِيدٞۖ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُم مَّغۡفِرَةٞ وَأَجۡرٞ كَبِيرٌ ٧

8. Lẽ nào một kẻ coi hành động tội lỗi của y đẹp mắt đối với y và y cho đó là điều tốt (lại ngang bằng với một người coi sự chỉ đạo của Allah là chân lý) ư? Quả thật, Allah muốn làm cho kẻ nào lầm lạc là tùy ý Ngài và Ngài muốn hướng dẫn ai cũng tùy ý Ngài. Do đó, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) chớ vì đau buồn cho bọn họ mà khiến thân xác mình hao gầy. Quả thật, Allah hằng biết về những điều họ làm.

أَفَمَن زُيِّنَ لَهُۥ سُوٓءُ عَمَلِهِۦ فَرَءَاهُ حَسَنٗاۖ فَإِنَّ ٱللَّهَ
يُضِلُّ مَن يَشَآءُ وَيَهۡدِي مَن يَشَآءُۖ فَلَا تَذۡهَبۡ
نَفۡسُكَ عَلَيۡهِمۡ حَسَرَٰتٍۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِمَا
يَصۡنَعُونَ ٨

9. Allah là Đấng đã gởi các luồng gió bay đi, thổi đám mây di chuyển, để TA (đưa nước mưa của nó) tưới lên vùng đất khô cằn làm sống lại mảnh đất đã chết khô. Và việc phục sinh cũng tương tự như thế.

وَٱللَّهُ ٱلَّذِيٓ أَرۡسَلَ ٱلرِّيَٰحَ فَتُثِيرُ سَحَابٗا فَسُقۡنَٰهُ إِلَىٰ
بَلَدٖ مَّيِّتٖ فَأَحۡيَيۡنَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَاۚ كَذَٰلِكَ
ٱلنُّشُورُ ٩

10. Người nào muốn vinh quyền thì (hãy biết rằng) mọi vinh quang và quyền uy đều thuộc về Allah. Mọi lời nói tốt đẹp sẽ được đưa lên Ngài và mọi việc làm thiện tốt đều sẽ được trình lên nơi Ngài. Riêng những kẻ âm mưu điều xấu thì sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Và chắc chắn mưu đồ của những kẻ đó sẽ bị thất bại.

مَن كَانَ يُرِيدُ ٱلۡعِزَّةَ فَلِلَّهِ ٱلۡعِزَّةُ جَمِيعًاۚ إِلَيۡهِ يَصۡعَدُ
ٱلۡكَلِمُ ٱلطَّيِّبُ وَٱلۡعَمَلُ ٱلصَّٰلِحُ يَرۡفَعُهُۥۚ وَٱلَّذِينَ
يَمۡكُرُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِ لَهُمۡ عَذَابٞ شَدِيدٞۖ وَمَكۡرُ
أُوْلَٰٓئِكَ هُوَ يَبُورُ ١٠

11. Allah đã tạo hóa các ngươi từ đất bụi, rồi từ một giọt tinh dịch; sau đó Ngài làm cho các ngươi thành đôi (vợ chồng). Không một người phụ nữ nào mang thai hoặc hạ sinh mà Ngài không biết. Không một người nào sống thọ hay đoản thọ mà không được ghi trong Quyển Kinh (Mẹ - Law-hul-mahfuzh). Quả thật, (tất cả) những sự việc đó thật đơn giản đối với Allah.

وَٱللَّهُ خَلَقَكُم مِّن تُرَابٖ ثُمَّ مِن نُّطۡفَةٖ ثُمَّ
جَعَلَكُمۡ أَزۡوَٰجٗاۚ وَمَا تَحۡمِلُ مِنۡ أُنثَىٰ وَلَا تَضَعُ إِلَّا
بِعِلۡمِهِۦۚ وَمَا يُعَمَّرُ مِن مُّعَمَّرٖ وَلَا يُنقَصُ مِنۡ
عُمُرِهِۦٓ إِلَّا فِي كِتَٰبٍۚ إِنَّ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٞ ١١

12. Hai biển nước không giống nhau. Một loại thì ngọt, dễ uống còn một loại thì mặn, chát (không thể uống). Tuy nhiên, các ngươi đều được ăn thịt tươi từ cả hai loại biển đó và từ chúng các ngươi có được đồ trang sức (từ ngọc trai và san hô). Và ngươi thấy những chiếc thuyền vượt các con sóng (của hai loại biển đó) đưa các ngươi đi tìm thiên lộc của Ngài. Mong rằng các ngươi biết tri ân Ngài.

وَمَا يَسۡتَوِي ٱلۡبَحۡرَانِ هَٰذَا عَذۡبٞ فُرَاتٞ سَآئِغٞ
شَرَابُهُۥ وَهَٰذَا مِلۡحٌ أُجَاجٞۖ وَمِن كُلّٖ تَأۡكُلُونَ لَحۡمٗا
طَرِيّٗا وَتَسۡتَخۡرِجُونَ حِلۡيَةٗ تَلۡبَسُونَهَاۖ وَتَرَى ٱلۡفُلۡكَ
فِيهِ مَوَاخِرَ لِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦ وَلَعَلَّكُمۡ
تَشۡكُرُونَ ١٢

13. Ngài (Allah) nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm; Ngài chế ngự mặt trời và mặt trăng, mỗi cái bơi (theo quỹ đạo riêng của nó) cho đến một thời hạn đã định. Đó là Allah, Thượng Đế của các ngươi, mọi quyền thống trị đều thuộc về Ngài. Còn những kẻ mà các ngươi cầu nguyện ngoài Ngài không nắm quyền chi phối (bất cứ thứ gì cho dù đó) chỉ là một lớp vỏ chà là.

يُولِجُ ٱلَّيۡلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِي ٱلَّيۡلِ وَسَخَّرَ
ٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَ كُلّٞ يَجۡرِي لِأَجَلٖ مُّسَمّٗىۚ ذَٰلِكُمُ
ٱللَّهُ رَبُّكُمۡ لَهُ ٱلۡمُلۡكُۚ وَٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ
مَا يَمۡلِكُونَ مِن قِطۡمِيرٍ ١٣

14. Nếu các ngươi cầu nguyện chúng (các thần linh ngoài Allah) thì chúng sẽ không nghe được lời cầu nguyện của các ngươi, và cho dù chúng có nghe được đi chăng nữa thì chúng cũng không thể đáp lại lời cầu nguyện của các ngươi được. Vào Ngày Phán Xét, chúng sẽ phủ nhận việc các ngươi tổ hợp (chúng với Allah). Và không ai có thể nói cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) biết sự thật giống như (Allah), Đấng Thông Toàn cả.

إِن تَدۡعُوهُمۡ لَا يَسۡمَعُواْ دُعَآءَكُمۡ وَلَوۡ سَمِعُواْ مَا
ٱسۡتَجَابُواْ لَكُمۡۖ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يَكۡفُرُونَ
بِشِرۡكِكُمۡۚ وَلَا يُنَبِّئُكَ مِثۡلُ خَبِيرٖ ١٤

15. Hỡi nhân loại, các ngươi toàn là những kẻ nghèo hèn luôn cần đến Allah còn Allah là Đấng Giàu Có, đáng được ca tụng.

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ أَنتُمُ ٱلۡفُقَرَآءُ إِلَى ٱللَّهِۖ وَٱللَّهُ هُوَ
ٱلۡغَنِيُّ ٱلۡحَمِيدُ ١٥

16. Nếu muốn, Ngài sẽ tiêu diệt tất cả các ngươi và tạo ra một loại tạo vật mới (thay thế các ngươi).

إِن يَشَأۡ يُذۡهِبۡكُمۡ وَيَأۡتِ بِخَلۡقٖ جَدِيدٖ ١٦

17. Điều đó đối với Allah chẳng có gì nặng nề và khó khăn cả.

وَمَا ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ بِعَزِيزٖ ١٧

18. Không ai phải chịu trách nhiệm cho tội lỗi của người khác; nếu một người yêu cầu được gánh tội thay cho ai đó thì y cũng không thể gánh tội thay được, cho dù đó là bà con ruột thịt của y đi chăng nữa. Quả thật, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) chỉ có thể cảnh báo những ai sợ Thượng Đế của họ về điều vô hình, cũng như những ai mà họ chu đáo duy trì lễ nguyện Salah. Ai tẩy sạch tội lỗi thì thật ra việc tẩy sạch đó chỉ có lợi cho bản thân y mà thôi. Và tất cả đều phải trở về trình diện Allah (vào Ngày Phục Sinh để Ngài phán xét và thưởng phạt).

وَلَا تَزِرُ وَازِرَةٞ وِزۡرَ أُخۡرَىٰۚ وَإِن تَدۡعُ مُثۡقَلَةٌ إِلَىٰ
حِمۡلِهَا لَا يُحۡمَلۡ مِنۡهُ شَيۡءٞ وَلَوۡ كَانَ ذَا قُرۡبَىٰٓۗ إِنَّمَا
تُنذِرُ ٱلَّذِينَ يَخۡشَوۡنَ رَبَّهُم بِٱلۡغَيۡبِ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَۚ
وَمَن تَزَكَّىٰ فَإِنَّمَا يَتَزَكَّىٰ لِنَفۡسِهِۦۚ وَإِلَى ٱللَّهِ
ٱلۡمَصِيرُ ١٨

19. Người mù và người sáng mắt không hề ngang bằng nhau.

وَمَا يَسۡتَوِي ٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡبَصِيرُ ١٩

20. Bóng tối và ánh sáng không ngang bằng nhau.

وَلَا ٱلظُّلُمَٰتُ وَلَا ٱلنُّورُ ٢٠

21. Bóng mát và cái nóng không như nhau.

وَلَا ٱلظِّلُّ وَلَا ٱلۡحَرُورُ ٢١

22. Người sống và người chết không hề giống nhau. Quả thật, Allah có thể làm cho ai đó nghe được tùy Ngài muốn; nhưng Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không thể làm cho bất cứ ai trong mộ nghe được.

وَمَا يَسۡتَوِي ٱلۡأَحۡيَآءُ وَلَا ٱلۡأَمۡوَٰتُۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُسۡمِعُ
مَن يَشَآءُۖ وَمَآ أَنتَ بِمُسۡمِعٖ مَّن فِي ٱلۡقُبُورِ ٢٢

23. Quả thật, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) chỉ là một người cảnh báo.

إِنۡ أَنتَ إِلَّا نَذِيرٌ ٢٣

24. Quả thật, TA (Allah) đã cử phái Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đến bằng sự thật (không có gì phải hoài nghi) để làm một vị mang tin mừng đồng thời làm một vị cảnh báo. Và không một cộng đồng nào mà lại không có một Người cảnh báo được cử phái đến với họ.

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَٰكَ بِٱلۡحَقِّ بَشِيرٗا وَنَذِيرٗاۚ وَإِن مِّنۡ أُمَّةٍ إِلَّا خَلَا فِيهَا نَذِيرٞ ٢٤

25. Nếu họ (người dân của Ngươi – hỡi Thiên Sứ) phủ nhận Ngươi thì quả thật những kẻ trước họ cũng đã phủ nhận (các Sứ Giả được cử phái đến) giống như thế. Các Sứ Giả của họ đã đến gặp họ với những bằng chứng rõ rệt cùng với Kinh Zubur và Kinh Sách soi sáng.

وَإِن يُكَذِّبُوكَ فَقَدۡ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ جَآءَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ وَبِٱلزُّبُرِ وَبِٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُنِيرِ ٢٥

26. Rồi TA đã bắt phạt những kẻ vô đức tin. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy xem sự trừng phạt của TA (dành cho họ) khủng khiếp thế nào!

ثُمَّ أَخَذۡتُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۖ فَكَيۡفَ كَانَ نَكِيرِ ٢٦

27. Chẳng lẽ Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không thấy Allah đã ban từ trên trời xuống nguồn nước (mưa) ư? TA (Allah) đã dùng nguồn nước đó làm mọc ra hoa quả và cây trái mang nhiều màu sắc khác nhau, và có những quả núi TA đã làm cho chúng có những đường rạch trắng và đỏ cũng như các màu sắc khác nhau và những thứ có màu đen sậm.

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَخۡرَجۡنَا بِهِۦ ثَمَرَٰتٖ مُّخۡتَلِفًا أَلۡوَٰنُهَاۚ وَمِنَ ٱلۡجِبَالِ جُدَدُۢ بِيضٞ وَحُمۡرٞ مُّخۡتَلِفٌ أَلۡوَٰنُهَا وَغَرَابِيبُ سُودٞ ٢٧

28. Tương tự như thế, loài người, động vật và gia súc cũng mang những màu sắc khác biệt. Quả thật, trong số bầy tôi của Ngài, chỉ những người hiểu biết mới thực sự sợ Allah. Allah đích thực là Đấng Toàn Năng, Hằng Tha Thứ.

وَمِنَ ٱلنَّاسِ وَٱلدَّوَآبِّ وَٱلۡأَنۡعَٰمِ مُخۡتَلِفٌ أَلۡوَٰنُهُۥ كَذَٰلِكَۗ إِنَّمَا يَخۡشَى ٱللَّهَ مِنۡ عِبَادِهِ ٱلۡعُلَمَٰٓؤُاْۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ غَفُورٌ ٢٨

29. Quả thật, những ai đọc Kinh Sách của Allah, chu đáo duy trì lễ nguyện Salah và chi dùng những bổng lộc mà TA (Allah) đã ban cấp (cho con đường chính nghĩa của TA) một cách kín đáo hay công khai với hy vọng cuộc đổi chác chỉ có lời không bao giờ thua lỗ.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَتۡلُونَ كِتَٰبَ ٱللَّهِ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَأَنفَقُواْ مِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ سِرّٗا وَعَلَانِيَةٗ يَرۡجُونَ تِجَٰرَةٗ لَّن تَبُورَ ٢٩

30. Để Ngài có thể cho họ đầy đủ phần thưởng của họ và ban thêm cho họ từ hồng phúc của Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Tri Ân.

لِيُوَفِّيَهُمۡ أُجُورَهُمۡ وَيَزِيدَهُم مِّن فَضۡلِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ غَفُورٞ شَكُورٞ ٣٠

31. Những điều mà TA (Allah) đã Mặc Khải cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) trong Kinh Sách là chân lý, xác nhận lại những điều đã ban xuống trước Nó. Quả thật, Allah là Đấng Thông Toàn, Ngài thấy rõ các bầy tôi của Ngài.

وَٱلَّذِيٓ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ هُوَ ٱلۡحَقُّ مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيۡهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ بِعِبَادِهِۦ لَخَبِيرُۢ بَصِيرٞ ٣١

32. Rồi TA đã để cho những người mà TA đã lựa chọn trong đám bầy tôi của TA thừa hưởng Kinh Sách (Qur'an). Tuy nhiên, trong số họ, có người tự làm hại bản thân mình; có người ở mức chính giữa; và có người là những người luôn tiên phong trong việc làm tốt dưới sự chấp thuận của Allah, đây là hồng phúc lớn nhất.

ثُمَّ أَوْرَثْنَا ٱلْكِتَٰبَ ٱلَّذِينَ ٱصْطَفَيْنَا مِنْ عِبَادِنَا ۖ فَمِنْهُمْ ظَالِمٌ لِّنَفْسِهِۦ وَمِنْهُم مُّقْتَصِدٌ وَمِنْهُمْ سَابِقٌۢ بِٱلْخَيْرَٰتِ بِإِذْنِ ٱللَّهِ ۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلْفَضْلُ ٱلْكَبِيرُ ﴿٣٢﴾

33. Những Ngôi Vườn Thiên Đàng vĩnh cửu, họ sẽ vào sống trong đó, nơi mà họ sẽ được cho đeo vòng vàng, ngọc trai và sẽ được mặc áo lụa.

جَنَّٰتُ عَدْنٍ يَدْخُلُونَهَا يُحَلَّوْنَ فِيهَا مِنْ أَسَاوِرَ مِن ذَهَبٍ وَلُؤْلُؤًا ۖ وَلِبَاسُهُمْ فِيهَا حَرِيرٌ ﴿٣٣﴾

34. (Sau khi vào Thiên Đàng) họ nói: "Alhamdulillah, Đấng đã lấy đi khỏi bầy tôi mọi ưu phiền. Quả thật, Thượng Đế của bầy tôi là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Tri Ân.

وَقَالُوا۟ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِىٓ أَذْهَبَ عَنَّا ٱلْحَزَنَ ۖ إِنَّ رَبَّنَا لَغَفُورٌ شَكُورٌ ﴿٣٤﴾

35. "Đấng đã định cư bầy tôi nơi ngôi nhà vĩnh cửu từ hồng phúc của Ngài, một nơi ở mà bầy tôi không phải vất vả, khổ cực cũng như không phải hao tổn tâm sức."

ٱلَّذِىٓ أَحَلَّنَا دَارَ ٱلْمُقَامَةِ مِن فَضْلِهِۦ لَا يَمَسُّنَا فِيهَا نَصَبٌ وَلَا يَمَسُّنَا فِيهَا لُغُوبٌ ﴿٣٥﴾

36. Riêng những kẻ vô đức tin, họ sẽ bị trừng phạt trong Hỏa Ngục. Họ sẽ không được cho chết phứt để xong chuyện và cũng không được giảm nhẹ hình phạt. TA bắt phạt tất cả những kẻ vô đức tin như thế đó.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَهُمْ نَارُ جَهَنَّمَ لَا يُقْضَىٰ عَلَيْهِمْ فَيَمُوتُوا۟ وَلَا يُخَفَّفُ عَنْهُم مِّنْ عَذَابِهَا ۚ كَذَٰلِكَ نَجْزِى كُلَّ كَفُورٍ ﴿٣٦﴾

37. Họ sẽ la hét trong đó: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài thả bầy tôi ra (khỏi nơi này). Bầy tôi hứa sẽ làm điều tốt, khác với điều (tội lỗi) mà bầy tôi đã từng làm." (Allah phán bảo họ): "Lẽ nào TA đã không cho các ngươi sống đủ lâu để nghe được lời nhắc nhở đối với ai muốn được nhắc nhở? Và chẳng phải đã có một vị cảnh báo đến gặp các ngươi sao? Thôi, các ngươi hãy nếm lấy (sự trừng phạt), bởi những kẻ làm điều sai quấy sẽ không được ai giúp đỡ."

وَهُمْ يَصْطَرِخُونَ فِيهَا رَبَّنَآ أَخْرِجْنَا نَعْمَلْ صَٰلِحًا غَيْرَ ٱلَّذِى كُنَّا نَعْمَلُ ۚ أَوَلَمْ نُعَمِّرْكُم مَّا يَتَذَكَّرُ فِيهِ مَن تَذَكَّرَ وَجَآءَكُمُ ٱلنَّذِيرُ ۖ فَذُوقُوا۟ فَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِن نَّصِيرٍ ﴿٣٧﴾

38. Quả thật, Allah là Đấng biết mọi điều vô hình của các tầng trời và trái đất. Quả thật, Ngài biết những gì được giấu kín trong lòng (con người).

إِنَّ ٱللَّهَ عَٰلِمُ غَيْبِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۚ إِنَّهُۥ عَلِيمٌۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٣٨﴾

39. Ngài là Đấng đã để các ngươi (hỡi con người) làm những người cai quản trên trái đất. Do đó, người nào vô đức tin thì sẽ bị bắt phạt cho sự vô đức tin của mình. Những kẻ vô đức tin, sự không tin của họ (chẳng gây hại được gì đến Allah) mà nó chỉ làm cho họ thêm đáng ghét ở nơi Thượng Đế của họ. Những kẻ vô đức tin, sự không tin của họ chỉ làm cho họ thêm thua thiệt.

هُوَ ٱلَّذِى جَعَلَكُمْ خَلَٰٓئِفَ فِى ٱلْأَرْضِ ۚ فَمَن كَفَرَ فَعَلَيْهِ كُفْرُهُۥ ۖ وَلَا يَزِيدُ ٱلْكَٰفِرِينَ كُفْرُهُمْ عِندَ رَبِّهِمْ إِلَّا مَقْتًا ۖ وَلَا يَزِيدُ ٱلْكَٰفِرِينَ كُفْرُهُمْ إِلَّا خَسَارًا ﴿٣٩﴾

40. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ thờ đa thần): “Những kẻ đối tác (thần linh) mà các người cầu nguyện ngoài Allah, các người hãy cho Ta biết đâu là thứ mà chúng đã tạo ra ở dưới đất, hoặc đâu là phần mà chúng đã chia sẻ (với Allah) trong các tầng trời?” Hay phải chăng họ được TA (Allah) ban cho Kinh Sách mà nhờ đó họ có được bằng chứng rõ rệt. Không, những kẻ làm điều sai quấy chỉ hứa điều lừa dối với nhau mà thôi.

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ شُرَكَآءَكُمُ ٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِ
ٱللَّهِ أَرُونِي مَاذَا خَلَقُواْ مِنَ ٱلۡأَرۡضِ أَمۡ لَهُمۡ شِرۡكٞ فِي
ٱلسَّمَٰوَٰتِ أَمۡ ءَاتَيۡنَٰهُمۡ كِتَٰبٗا فَهُمۡ عَلَىٰ بَيِّنَتٖ مِّنۡهُۚ
بَلۡ إِن يَعِدُ ٱلظَّٰلِمُونَ بَعۡضُهُم بَعۡضًا إِلَّا غُرُورًا ٤٠

41. Quả thật, Allah nắm giữ các tầng trời và trái đất kẻo chúng sẽ dừng hoạt động. Nếu chúng thực sự dừng hoạt động thì ngoài Ngài chẳng ai có đủ quyền năng nắm giữ chúng (để chúng hoạt động trở lại). Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Chịu Đựng, Hằng Tha Thứ.

۞إِنَّ ٱللَّهَ يُمۡسِكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ أَن تَزُولَاۚ
وَلَئِن زَالَتَآ إِنۡ أَمۡسَكَهُمَا مِنۡ أَحَدٖ مِّنۢ بَعۡدِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ
كَانَ حَلِيمًا غَفُورٗا ٤١

42. (Những kẻ vô đức tin) thề với Allah bằng sự thề thốt long trọng rằng nếu có một người cảnh báo đến với họ thì họ chắc chắn sẽ được hướng dẫn hơn bất cứ cộng đồng nào khác. Tuy nhiên, khi một người cảnh báo đến với họ thì điều đó chẳng thêm thắt được gì cho họ ngoại trừ việc xa lánh và ngoảnh đi.

وَأَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ لَئِن جَآءَهُمۡ نَذِيرٞ
لَّيَكُونُنَّ أَهۡدَىٰ مِنۡ إِحۡدَى ٱلۡأُمَمِۖ فَلَمَّا جَآءَهُمۡ
نَذِيرٞ مَّا زَادَهُمۡ إِلَّا نُفُورًا ٤٢

43. Họ ngạo mạn trong xứ và mưu đồ xấu xa. Nhưng mưu đồ xấu xa đó không hãm hại được ai ngoài kẻ chủ mưu. Có phải họ chỉ mong đợi đường lối (trừng phạt của Allah) dành cho các thế hệ trước họ? Do đó, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ không thấy có một sự thay đổi nào trong đường lối (trừng phạt) của Allah (đối với những kẻ phản nghịch và bất tuân Ngài), và Ngươi cũng sẽ không bao giờ thấy có sự chuyển hướng nào trong đường lối (trừng phạt) của Allah.

ٱسۡتِكۡبَارٗا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَكۡرَ ٱلسَّيِّيِٕۚ وَلَا يَحِيقُ
ٱلۡمَكۡرُ ٱلسَّيِّئُ إِلَّا بِأَهۡلِهِۦۚ فَهَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّا سُنَّتَ
ٱلۡأَوَّلِينَۚ فَلَن تَجِدَ لِسُنَّتِ ٱللَّهِ تَبۡدِيلٗاۖ وَلَن تَجِدَ
لِسُنَّتِ ٱللَّهِ تَحۡوِيلًا ٤٣

44. Chẳng lẽ họ đã không du hành khắp nơi trên trái đất để chứng kiến kết cuộc của những kẻ trước họ mặc dầu những kẻ trước họ mạnh hơn họ về sức mạnh?! Quả thật, Allah không bất lực trước bất cứ thứ gì trong các tầng trời và trái đất bởi vì Ngài là Đấng Toàn Tri, Toàn Năng.

أَوَلَمۡ يَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ وَكَانُوٓاْ أَشَدَّ مِنۡهُمۡ قُوَّةٗۚ وَمَا كَانَ
ٱللَّهُ لِيُعۡجِزَهُۥ مِن شَيۡءٖ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا فِي
ٱلۡأَرۡضِۚ إِنَّهُۥ كَانَ عَلِيمٗا قَدِيرٗا ٤٤

45. Nếu Allah bắt phạt nhân loại cho tội lỗi mà họ đã phạm thì Ngài đã không chừa trên mặt đất bất kỳ một loại sinh vật nào sống sót, tuy nhiên, Ngài gia hạn cho họ sống đến một thời khắc nhất định. Rồi khi nào thời hạn của họ đã mãn thì chắc chắn Allah sẽ thấy tất cả đám bầy tôi của Ngài.

وَلَوۡ يُؤَاخِذُ ٱللَّهُ ٱلنَّاسَ بِمَا كَسَبُواْ مَا تَرَكَ عَلَىٰ
ظَهۡرِهَا مِن دَآبَّةٖ وَلَٰكِن يُؤَخِّرُهُمۡ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗىۖ
فَإِذَا جَآءَ أَجَلُهُمۡ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِعِبَادِهِۦ بَصِيرَۢا ٤٥

Yasin يس

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ya-Sin.

يسٓ ١

2. Thề bởi Qur'an anh minh (chứa đựng những điều khôn ngoan và đúng đắn).

وَٱلۡقُرۡءَانِ ٱلۡحَكِيمِ ٢

3. Quả thật, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đích thực là một trong các Sứ Giả (của Allah).

إِنَّكَ لَمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٣

4. (Quả thật, Ngươi) đang ở trên con đường ngay chính (được Thượng Đế của Ngươi lựa chọn).

عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٤

5. (Kinh Qur'an) được ban xuống từ Đấng Toàn Năng, Khoan Dung.

تَنزِيلَ ٱلۡعَزِيزِ ٱلرَّحِيمِ ٥

6. (Kinh Qur'an được ban xuống cho Ngươi) để Ngươi dùng cảnh báo đến một dân tộc mà tổ tiên của họ trước đó đã không được cảnh báo nên họ xao lãng.

لِتُنذِرَ قَوۡمٗا مَّآ أُنذِرَ ءَابَآؤُهُمۡ فَهُمۡ غَٰفِلُونَ ٦

7. Quả thật, lời (hứa trừng phạt của Allah) đối với đa số họ là sự thật bởi vì họ vô đức tin.

لَقَدۡ حَقَّ ٱلۡقَوۡلُ عَلَىٰٓ أَكۡثَرِهِمۡ فَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ٧

8. TA cho đóng những chiếc gông vào cổ của họ cao đến tận cằm khiến họ cứ ngẩng cổ mãi.

إِنَّا جَعَلۡنَا فِيٓ أَعۡنَٰقِهِمۡ أَغۡلَٰلٗا فَهِيَ إِلَى ٱلۡأَذۡقَانِ فَهُم
مُّقۡمَحُونَ ٨

9. Và TA đã đặt một bức chắn trước mặt và sau lưng họ nên họ không nhìn thấy (chân lý).

وَجَعَلۡنَا مِنۢ بَيۡنِ أَيۡدِيهِمۡ سَدّٗا وَمِنۡ خَلۡفِهِمۡ سَدّٗا
فَأَغۡشَيۡنَٰهُمۡ فَهُمۡ لَا يُبۡصِرُونَ ٩

10. Cho dù Ngươi (hỡi Thiên Sứ) cảnh báo hay không cảnh báo họ thì họ vẫn không có đức tin.

وَسَوَآءٌ عَلَيۡهِمۡ ءَأَنذَرۡتَهُمۡ أَمۡ لَمۡ تُنذِرۡهُمۡ لَا
يُؤۡمِنُونَ ١٠

11. Quả thật, Ngươi chỉ có thể cảnh báo người nào đi theo Lời Nhắc Nhở (của Qur'an) và sợ Đấng Ar-Rahman một cách vô hình. Do đó, Ngươi hãy báo tin mừng cho y về sự tha thứ và phần thưởng vinh dự (Thiên Đàng).

إِنَّمَا تُنذِرُ مَنِ ٱتَّبَعَ ٱلذِّكۡرَ وَخَشِيَ ٱلرَّحۡمَٰنَ
بِٱلۡغَيۡبِۖ فَبَشِّرۡهُ بِمَغۡفِرَةٖ وَأَجۡرٖ كَرِيمٍ ١١

12. TA (Allah) chắc chắn làm sống lại người chết và ghi chép tất cả mọi điều mà họ đã gởi đi trước cũng như những dấu tích mà họ đã lưu lại. Và TA cho ghi tất cả mọi điều trong một quyển sổ (Lawhul-Mahfuzh) một cách rõ ràng.

إِنَّا نَحۡنُ نُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَنَكۡتُبُ مَا قَدَّمُواْ وَءَاثَٰرَهُمۡۚ
وَكُلَّ شَيۡءٍ أَحۡصَيۡنَٰهُ فِيٓ إِمَامٖ مُّبِينٖ ١٢

13. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy trình bày cho họ (những kẻ phủ nhận) hình ảnh thí dụ về đám dân của một thị trấn khi các Sứ Giả (của Allah) đến gặp họ.

وَٱضۡرِبۡ لَهُم مَّثَلًا أَصۡحَٰبَ ٱلۡقَرۡيَةِ إِذۡ جَآءَهَا
ٱلۡمُرۡسَلُونَ ١٣

14. Khi TA phái hai Sứ Giả đến gặp họ, họ đã phủ nhận hai vị đó, rồi TA lại tăng cường thêm một vị thứ ba; cả ba vị đều nói với (đám dân của thị trấn): “Chúng tôi đích thực là những Sứ Giả được phái đến cho các người.”

إِذۡ أَرۡسَلۡنَآ إِلَيۡهِمُ ٱثۡنَيۡنِ فَكَذَّبُوهُمَا فَعَزَّزۡنَا بِثَالِثٖ
فَقَالُوٓاْ إِنَّآ إِلَيۡكُم مُّرۡسَلُونَ ١٤

15. Đám dân của thị trấn) bảo: “Các ngươi chỉ là những người phàm tục giống bọn ta. Đấng Ar-Rahman đã không ban bất cứ điều gì xuống cả. Các ngươi chỉ nói dối mà thôi.”

قَالُواْ مَآ أَنتُمۡ إِلَّا بَشَرٞ مِّثۡلُنَا وَمَآ أَنزَلَ ٱلرَّحۡمَٰنُ مِن
شَيۡءٍ إِنۡ أَنتُمۡ إِلَّا تَكۡذِبُونَ ١٥

16. (Ba vị Sứ Giả) nói: “Thượng Đế của chúng tôi biết rõ chúng tôi đích thực là những Sứ Giả được phái đến cho các người.”

قَالُواْ رَبُّنَا يَعۡلَمُ إِنَّآ إِلَيۡكُمۡ لَمُرۡسَلُونَ ١٦

17. “Nhiệm vụ của chúng tôi chỉ là truyền đạt một cách rõ ràng mà thôi.”

وَمَا عَلَيۡنَآ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ١٧

18. (Đám dân của thị trấn) bảo: “Bọn ta thực sự thấy có điềm xấu từ các ngươi. Nếu các ngươi không chịu dừng lại thì chắc chắn bọn ta sẽ ném đá giết các ngươi, chắc chắn bọn ta sẽ dùng hình phạt đau đớn để xử lý các ngươi.”

قَالُوٓاْ إِنَّا تَطَيَّرۡنَا بِكُمۡۖ لَئِن لَّمۡ تَنتَهُواْ لَنَرۡجُمَنَّكُمۡ
وَلَيَمَسَّنَّكُم مِّنَّا عَذَابٌ أَلِيمٞ ١٨

19. (Ba vị Sứ Giả) nói: “Điềm xấu của các người sẽ đeo bám các người (bởi sự vô đức tin của các người). Lẽ nào các người cho là điềm xấu khi được nhắc nhở (về Allah) ư? Không, các người đúng là một đám người tội lỗi.”

قَالُواْ طَٰٓئِرُكُم مَّعَكُمۡ أَئِن ذُكِّرۡتُمۚ بَلۡ أَنتُمۡ قَوۡمٞ
مُّسۡرِفُونَ ١٩

20. Rồi (đột nhiên) có một người đàn ông từ cuối phố chạy đến, bảo: “Này hỡi người dân! Các người hãy tuân theo lời các vị Sứ Giả.”

وَجَآءَ مِنۡ أَقۡصَا ٱلۡمَدِينَةِ رَجُلٞ يَسۡعَىٰ قَالَ يَٰقَوۡمِ
ٱتَّبِعُواْ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٢٠

21. “Các người hãy tuân theo những người không đòi các người bất cứ tiền thù lao nào và Họ đích thực là những người được hướng dẫn đúng đường.”

ٱتَّبِعُواْ مَن لَّا يَسۡـَٔلُكُمۡ أَجۡرٗا وَهُم مُّهۡتَدُونَ ٢١

22. “Tại sao tôi lại không thờ phượng Đấng đã tạo ra tôi, Đấng mà các người sẽ được đưa về trình diện Ngài trở lại.”

وَمَالِيَ لَآ أَعۡبُدُ ٱلَّذِي فَطَرَنِي وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٢٢

23. “Lẽ nào tôi lại thờ phượng những thần linh khác ngoài Ngài ư? Nếu Đấng Ar-Rahman muốn tôi gặp điều tai hại thì các thần linh đó chẳng giúp ích được gì cho tôi cả và cũng không cứu vớt được tôi.”

ءَأَتَّخِذُ مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةً إِن يُرِدۡنِ ٱلرَّحۡمَٰنُ بِضُرّٖ لَّا
تُغۡنِ عَنِّي شَفَٰعَتُهُمۡ شَيۡـٔٗا وَلَا يُنقِذُونِ ٢٣

24. “Lúc đó, chắc chắn tôi thực sự là một kẻ lầm lạc rõ ràng.”

إِنِّيٓ إِذٗا لَّفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ﴿٢٤﴾

25. “Quả thật, tôi đã tin nơi Thượng Đế của tất cả các người. Do đó, các người hãy nghe (lời khuyên của tôi).”

إِنِّيٓ ءَامَنتُ بِرَبِّكُمۡ فَٱسۡمَعُونِ ﴿٢٥﴾

26. Có Lời phán bảo: “Nhà ngươi hãy vào Thiên Đàng.” (Sau khi vào Thiên Đàng và thấy được những gì nơi đó) y nói: “Ôi ước gì, phải chi đám dân của tôi biết được”

قِيلَ ٱدۡخُلِ ٱلۡجَنَّةَۖ قَالَ يَٰلَيۡتَ قَوۡمِي يَعۡلَمُونَ ﴿٢٦﴾

27. “Việc Thượng Đế của tôi đã tha thứ và ban vinh dự cho tôi.”

بِمَا غَفَرَ لِي رَبِّي وَجَعَلَنِي مِنَ ٱلۡمُكۡرَمِينَ ﴿٢٧﴾

28. Và sau y, TA (Allah) đã không gởi bất cứ đoàn thiên binh nào xuống trừng phạt đám dân của y và TA cũng chẳng cần gởi xuống như thế.

۞وَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَىٰ قَوۡمِهِۦ مِنۢ بَعۡدِهِۦ مِن جُندٖ مِّنَ
ٱلسَّمَآءِ وَمَا كُنَّا مُنزِلِينَ ﴿٢٨﴾

29. Chỉ cần một tiếng gầm duy nhất thôi thì họ bị tiêu diệt toàn bộ.

إِن كَانَتۡ إِلَّا صَيۡحَةٗ وَٰحِدَةٗ فَإِذَا هُمۡ خَٰمِدُونَ ﴿٢٩﴾

30. Thật đáng tiếc cho đám bề tôi (của TA)! Không một Sứ Giả nào (của TA) được cử đến với họ mà họ lại không bị chế giễu.

يَٰحَسۡرَةً عَلَى ٱلۡعِبَادِۚ مَا يَأۡتِيهِم مِّن رَّسُولٍ إِلَّا كَانُواْ
بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ﴿٣٠﴾

31. Lẽ nào họ không thấy TA đã tiêu diệt biết bao thế hệ trước họ? Những người của thế hệ đó sẽ không bao giờ trở lại gặp họ (trên thế gian này).

أَلَمۡ يَرَوۡاْ كَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم مِّنَ ٱلۡقُرُونِ أَنَّهُمۡ
إِلَيۡهِمۡ لَا يَرۡجِعُونَ ﴿٣١﴾

32. Từng người trong bọn họ chắc chắn sẽ được đưa đến trình diện TA.

وَإِن كُلّٞ لَّمَّا جَمِيعٞ لَّدَيۡنَا مُحۡضَرُونَ ﴿٣٢﴾

33. (Những kẻ phủ nhận sự Phục Sinh), có một dấu hiệu cho họ (rằng sự Phục Sinh là sự thật, đó là) mảnh đất chết khô mà TA làm cho sống lại và làm mọc ra trái hạt để họ dùng làm thực phẩm.

وَءَايَةٞ لَّهُمُ ٱلۡأَرۡضُ ٱلۡمَيۡتَةُ أَحۡيَيۡنَٰهَا وَأَخۡرَجۡنَا مِنۡهَا
حَبّٗا فَمِنۡهُ يَأۡكُلُونَ ﴿٣٣﴾

34. TA đã tạo ra nơi (mảnh đất chết khô) đó những vườn cây chà là và những vườn nho, và TA đã cho các dòng suối chảy trong đó.

وَجَعَلۡنَا فِيهَا جَنَّٰتٖ مِّن نَّخِيلٖ وَأَعۡنَٰبٖ وَفَجَّرۡنَا
فِيهَا مِنَ ٱلۡعُيُونِ ﴿٣٤﴾

35. Để họ ăn trái quả của các ngôi vườn đó. Và bàn tay của họ đã không làm ra được các ngôi vườn như thế kia. Vậy sao họ không biết tri ân (TA)?

لِيَأۡكُلُواْ مِن ثَمَرِهِۦ وَمَا عَمِلَتۡهُ أَيۡدِيهِمۡۚ أَفَلَا
يَشۡكُرُونَ ﴿٣٥﴾

36. Quang Vinh thay Ngài (Allah)! Đấng đã tạo hóa tất cả (vạn vật) thành từng đôi (âm dương): từ những vật mà đất đai cho mọc ra, từ chính bản thân của họ và từ những vật mà họ không biết.

سُبۡحَٰنَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلۡأَزۡوَٰجَ كُلَّهَا مِمَّا تُنۢبِتُ
ٱلۡأَرۡضُ وَمِنۡ أَنفُسِهِمۡ وَمِمَّا لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٣٦﴾

37. Có một dấu hiệu (về Allah) dành cho họ (nhân loại) là ban đêm; khi TA rút ban ngày ra khỏi ban đêm thì họ sẽ ở trong bóng tối.

وَءَايَةٌ لَّهُمُ ٱلَّيۡلُ نَسۡلَخُ مِنۡهُ ٱلنَّهَارَ فَإِذَا هُم
مُّظۡلِمُونَ ٣٧

38. Mặt trời di chuyển theo quỹ đạo đã được ấn định cho nó. Đó là sự định đoạt và an bài của Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

وَٱلشَّمۡسُ تَجۡرِي لِمُسۡتَقَرّٖ لَّهَاۚ ذَٰلِكَ تَقۡدِيرُ ٱلۡعَزِيزِ
ٱلۡعَلِيمِ ٣٨

39. Và mặt trăng, TA đã ấn định cho nó các giai đoạn (tròn khuyết) cho đến khi nó trở lại hình dạng giống lưỡi liềm như cũ.

وَٱلۡقَمَرَ قَدَّرۡنَٰهُ مَنَازِلَ حَتَّىٰ عَادَ كَٱلۡعُرۡجُونِ
ٱلۡقَدِيمِ ٣٩

40. Mặt trời không đuổi kịp mặt trăng và ban đêm không qua mặt ban ngày; tất cả đều bơi trong quỹ đạo (đã được ấn định).

لَا ٱلشَّمۡسُ يَنۢبَغِي لَهَآ أَن تُدۡرِكَ ٱلۡقَمَرَ وَلَا ٱلَّيۡلُ
سَابِقُ ٱلنَّهَارِۚ وَكُلّٞ فِي فَلَكٖ يَسۡبَحُونَ ٤٠

41. Có một dấu hiệu (về Allah) dành cho họ là việc TA đã chuyên chở con cháu của họ trên một con thuyền đầy.

وَءَايَةٞ لَّهُمۡ أَنَّا حَمَلۡنَا ذُرِّيَّتَهُمۡ فِي ٱلۡفُلۡكِ
ٱلۡمَشۡحُونِ ٤١

42. TA đã tạo cho họ các loại phương tiện tương tự (con thuyền của Nuh) để họ dùng (di chuyển trên biển).

وَخَلَقۡنَا لَهُم مِّن مِّثۡلِهِۦ مَا يَرۡكَبُونَ ٤٢

43. Nếu muốn, TA sẽ nhấn chìm họ và họ sẽ không thể kêu la cầu cứu với bất kỳ ai và họ sẽ không được cứu sống.

وَإِن نَّشَأۡ نُغۡرِقۡهُمۡ فَلَا صَرِيخَ لَهُمۡ وَلَا هُمۡ
يُنقَذُونَ ٤٣

44. Trừ phi có sự khoan dung từ nơi TA và trừ phi TA chịu để cho hưởng lạc trong một thời hạn ấn định.

إِلَّا رَحۡمَةٗ مِّنَّا وَمَتَٰعًا إِلَىٰ حِينٖ ٤٤

45. Khi có lời bảo họ: “Các ngươi hãy sợ những gì ở phía trước các ngươi (nơi cõi Đời Sau) và những gì ở phía sau các ngươi (nơi trần gian), mong rằng các ngươi được thương xót (nơi Allah).”

وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱتَّقُواْ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيكُمۡ وَمَا خَلۡفَكُمۡ
لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ٤٥

46. Không một dấu hiệu nào trong các dấu hiệu của Thượng Đế của họ đến với họ mà họ lại không quay lưng ngoảnh mặt.

وَمَا تَأۡتِيهِم مِّنۡ ءَايَةٖ مِّنۡ ءَايَٰتِ رَبِّهِمۡ إِلَّا كَانُواْ
عَنۡهَا مُعۡرِضِينَ ٤٦

47. Khi có lời bảo họ: “Các ngươi hãy chi dùng những gì Allah đã ban cấp cho các ngươi (cho con đường chính nghĩa của Ngài).” Những kẻ vô đức tin nói với những người có đức tin: “Lẽ nào chúng tôi phải nuôi ăn những kẻ mà nếu Allah muốn thì chính Ngài đã nuôi họ? Quả thật các người đang trong sự lầm lạc quá rõ ràng.”

وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ أَنفِقُواْ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ قَالَ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ لِلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَنُطۡعِمُ مَن لَّوۡ يَشَآءُ ٱللَّهُ
أَطۡعَمَهُۥٓ إِنۡ أَنتُمۡ إِلَّا فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٤٧

48. Họ nói: “Vậy bao giờ lời hứa (về sự Phục Sinh) này sẽ xảy ra nếu các người (những người có đức tin) nói thật?”

وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٤٨

49. Họ chỉ đang chờ đợi một tiếng Gầm duy nhất chụp bắt họ một cách đột ngột trong lúc họ đang bận rộn (với các sự việc của chốn trần gian).

مَا يَنظُرُونَ إِلَّا صَيۡحَةٗ وَٰحِدَةٗ تَأۡخُذُهُمۡ وَهُمۡ يَخِصِّمُونَ ٤٩

50. Lúc đó, họ sẽ không kịp trăng trối và cũng sẽ không kịp quay về gặp gia đình của mình.

فَلَا يَسۡتَطِيعُونَ تَوۡصِيَةٗ وَلَآ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِمۡ يَرۡجِعُونَ ٥٠

51. (Lúc) tiếng Còi (Phục Sinh) được thổi lên thì họ sẽ từ dưới mộ đi ra nhanh chân chạy đến trình diện Thượng Đế của họ.

وَنُفِخَ فِي ٱلصُّورِ فَإِذَا هُم مِّنَ ٱلۡأَجۡدَاثِ إِلَىٰ رَبِّهِمۡ يَنسِلُونَ ٥١

52. (Lúc đó) họ (sẽ than), nói: “Thật khổ thân chúng tôi! Ai đã lôi chúng tôi dậy từ nơi yên nghỉ của chúng tôi thế này? Đây đúng là điều mà Đấng Ar-Rahman đã hứa và các vị Thiên Sứ (của Ngài) đã xác nhận.”

قَالُواْ يَٰوَيۡلَنَا مَنۢ بَعَثَنَا مِن مَّرۡقَدِنَاۜۗ هَٰذَا مَا وَعَدَ ٱلرَّحۡمَٰنُ وَصَدَقَ ٱلۡمُرۡسَلُونَ ٥٢

53. Chỉ cần một tiếng gầm duy nhất thôi thì tất cả họ sẽ được triệu tập trình diện trước mặt TA.

إِن كَانَتۡ إِلَّا صَيۡحَةٗ وَٰحِدَةٗ فَإِذَا هُمۡ جَمِيعٞ لَّدَيۡنَا مُحۡضَرُونَ ٥٣

54. Vào Ngày đó, không một linh hồn nào bị đối xử bất công bất cứ điều gì; và các ngươi sẽ được trả lại đầy đủ theo đúng với những điều mà các ngươi đã làm.

فَٱلۡيَوۡمَ لَا تُظۡلَمُ نَفۡسٞ شَيۡـٔٗا وَلَا تُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٥٤

55. Quả thật, những người bạn của Thiên Đàng vào Ngày đó sẽ bận rộn với những hưởng thụ (không còn bận tâm đến điều gì khác).

إِنَّ أَصۡحَٰبَ ٱلۡجَنَّةِ ٱلۡيَوۡمَ فِي شُغُلٖ فَٰكِهُونَ ٥٥

56. Họ và những người vợ của họ sẽ nằm nghỉ tựa mình trên những chiếc tràng kỷ, dưới bóng mát (trong các Ngôi Vườn Thiên Đàng).

هُمۡ وَأَزۡوَٰجُهُمۡ فِي ظِلَٰلٍ عَلَى ٱلۡأَرَآئِكِ مُتَّكِـُٔونَ ٥٦

57. Trong đó, có đủ loại trái quả và mọi thứ mà họ yêu cầu.

لَهُمۡ فِيهَا فَٰكِهَةٞ وَلَهُم مَّا يَدَّعُونَ ٥٧

58. (Và) có lời chào Salam từ Thượng Đế Nhân Từ.

سَلَٰمٞ قَوۡلٗا مِّن رَّبّٖ رَّحِيمٖ ٥٨

59. (Vào Ngày đó, sẽ có tiếng bảo những kẻ đa thần): “Hỡi những kẻ tội lỗi! Ngày hôm nay, các ngươi hãy dang ra xa (khỏi những người có đức tin).”

وَٱمۡتَٰزُواْ ٱلۡيَوۡمَ أَيُّهَا ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٥٩

60. “Chẳng phải TA (Allah) đã bảo các ngươi, hỡi con cháu của Adam, chớ thờ phụng Shaytan bởi vì nó là kẻ thù công khai của các ngươi hay sao?”

۞أَلَمۡ أَعۡهَدۡ إِلَيۡكُمۡ يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ أَن لَّا تَعۡبُدُواْ ٱلشَّيۡطَٰنَۖ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ٦٠

61. “(Chẳng phải TA đã bảo các ngươi) hãy chỉ thờ phượng riêng TA. Đây là con đường ngay chính.”

وَأَنِ ٱعۡبُدُونِيۚ هَٰذَا صِرَٰطٞ مُّسۡتَقِيمٞ ٦١

62. “(Chẳng phải TA đã bảo các ngươi) rằng quả thật, nó (Shaytan) đã dẫn đa số các ngươi đi lạc. Vậy mà các ngươi không chịu hiểu!”

وَلَقَدۡ أَضَلَّ مِنكُمۡ جِبِلّٗا كَثِيرًاۖ أَفَلَمۡ تَكُونُواْ
تَعۡقِلُونَ ٦٢

63. “Đây là Hỏa Ngục mà các ngươi đã được hứa.”

هَٰذِهِۦ جَهَنَّمُ ٱلَّتِي كُنتُمۡ تُوعَدُونَ ٦٣

64. “Ngày hôm nay, các ngươi hãy đi vào Đó vì tội các ngươi đã phủ nhận.”

ٱصۡلَوۡهَا ٱلۡيَوۡمَ بِمَا كُنتُمۡ تَكۡفُرُونَ ٦٤

65. Vào Ngày đó, TA sẽ khóa miệng của chúng lại, bàn tay của chúng sẽ nói chuyện với TA còn chân của chúng sẽ làm chứng cho những gì mà chúng đã làm.

ٱلۡيَوۡمَ نَخۡتِمُ عَلَىٰٓ أَفۡوَٰهِهِمۡ وَتُكَلِّمُنَآ أَيۡدِيهِمۡ وَتَشۡهَدُ
أَرۡجُلُهُم بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ٦٥

66. Nếu muốn, TA sẽ lấy đi cặp mắt của chúng rồi chúng tranh nhau qua cầu Sirat, xem chúng làm sao có thể nhìn thấy.

وَلَوۡ نَشَآءُ لَطَمَسۡنَا عَلَىٰٓ أَعۡيُنِهِمۡ فَٱسۡتَبَقُواْ ٱلصِّرَٰطَ
فَأَنَّىٰ يُبۡصِرُونَ ٦٦

67. Và nếu muốn, TA sẽ biến hình dạng của chúng ngay tại chỗ để chúng không thể đi tới cũng không thể lùi lại.

وَلَوۡ نَشَآءُ لَمَسَخۡنَٰهُمۡ عَلَىٰ مَكَانَتِهِمۡ فَمَا ٱسۡتَطَٰعُواْ
مُضِيّٗا وَلَا يَرۡجِعُونَ ٦٧

68. Người nào mà TA cho y sống thọ, TA sẽ làm cho y trở lại (sự yếu đuối) trong việc tạo hóa. Chẳng lẽ họ không hiểu ư?

وَمَن نُّعَمِّرۡهُ نُنَكِّسۡهُ فِي ٱلۡخَلۡقِۚ أَفَلَا يَعۡقِلُونَ ٦٨

69. TA đã không dạy Y (Muhammad) thơ phú; và điều đó không nên đối với Y (bởi có thể các ngươi cho rằng Y là một nhà thơ). (Những gì TA dạy cho Y) thật ra chỉ là Lời Nhắc Nhở và là một Thiên Kinh Qur’an minh bạch.

وَمَا عَلَّمۡنَٰهُ ٱلشِّعۡرَ وَمَا يَنۢبَغِي لَهُۥٓۚ إِنۡ هُوَ إِلَّا ذِكۡرٞ
وَقُرۡءَانٞ مُّبِينٞ ٦٩

70. Mục đích để Y cảnh báo những ai (mà trái tim của họ đang) sống (với chân lý) và để những kẻ vô đức tin không còn có lý do biện minh (khi đối diện với sự trừng phạt).

لِّيُنذِرَ مَن كَانَ حَيّٗا وَيَحِقَّ ٱلۡقَوۡلُ عَلَى
ٱلۡكَٰفِرِينَ ٧٠

71. Lẽ nào họ đã không thấy việc TA đã tạo ra cho họ các loài gia súc mà họ làm chủ bằng chính đôi tay của TA?!

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّا خَلَقۡنَا لَهُم مِّمَّا عَمِلَتۡ أَيۡدِينَآ أَنۡعَٰمٗا
فَهُمۡ لَهَا مَٰلِكُونَ ٧١

72. TA đã bắt các loài gia súc phục tùng họ; bởi thế, một số loài họ dùng để cưỡi và một số khác họ ăn thịt.

وَذَلَّلۡنَٰهَا لَهُمۡ فَمِنۡهَا رَكُوبُهُمۡ وَمِنۡهَا يَأۡكُلُونَ ٧٢

73. Và nơi các loài gia súc đó, họ có nhiều nguồn lợi khác; và có cả nguồn thức uống dành cho họ. Thế, họ không biết ơn (TA) hay sao?

وَلَهُمۡ فِيهَا مَنَٰفِعُ وَمَشَارِبُۚ أَفَلَا يَشۡكُرُونَ ٧٣

74. (Những kẻ đa thần) đã thờ phượng các thần linh khác ngoài Allah với hy vọng được chúng phù hộ và trợ giúp.

وَٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ ءَالِهَةٗ لَّعَلَّهُمۡ يُنصَرُونَ ٧٤

75. Nhưng các thần linh đó không thể phù hộ và trợ giúp được gì cho họ. Họ và chúng, tất cả đều sẽ được triệu tập (để đối diện với sự trừng phạt).

لَا يَسۡتَطِيعُونَ نَصۡرَهُمۡ وَهُمۡ لَهُمۡ جُندٞ مُّحۡضَرُونَ ٧٥

76. Cho nên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) chớ để cho lời lẽ của họ làm Ngươi buồn phiền. Quả thật, TA biết rõ những gì họ che giấu và những gì họ công khai.

فَلَا يَحۡزُنكَ قَوۡلُهُمۡۘ إِنَّا نَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا
يُعۡلِنُونَ ٧٦

77. Lẽ nào con người (phủ nhận sự Phục Sinh) không nhận thấy việc TA đã tạo hóa y từ một giọt tinh dịch nên đã công khai tranh cãi?!

أَوَلَمۡ يَرَ ٱلۡإِنسَٰنُ أَنَّا خَلَقۡنَٰهُ مِن نُّطۡفَةٖ فَإِذَا هُوَ
خَصِيمٞ مُّبِينٞ ٧٧

78. Y đưa ra hình ảnh thí dụ cho TA nhưng lại quên mất sự tạo hóa của mình (khi y đã được TA tạo ra từ cái không là gì). Y bảo: “Ai có thể làm sống lại những khúc xương khi chúng đã rã mục?”

وَضَرَبَ لَنَا مَثَلٗا وَنَسِيَ خَلۡقَهُۥۖ قَالَ مَن يُحۡيِ
ٱلۡعِظَٰمَ وَهِيَ رَمِيمٞ ٧٨

79. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói: “Đấng đã tạo hóa chúng lúc ban đầu sẽ làm cho chúng sống lại. Bởi vì, Ngài thông toàn tất cả việc tạo hóa.”

قُلۡ يُحۡيِيهَا ٱلَّذِيٓ أَنشَأَهَآ أَوَّلَ مَرَّةٖۖ وَهُوَ بِكُلِّ خَلۡقٍ
عَلِيمٌ ٧٩

80. “Đấng đã làm ra lửa cho các ngươi từ một loại cây tươi mà các ngươi dùng để nhúm lửa.”

ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُم مِّنَ ٱلشَّجَرِ ٱلۡأَخۡضَرِ نَارٗا فَإِذَآ
أَنتُم مِّنۡهُ تُوقِدُونَ ٨٠

81. Lẽ nào Đấng đã tạo hóa ra các tầng trời và trái đất lại không có khả năng tạo hóa ra cái giống như họ ư? Không đâu, Ngài là Đấng Tạo Hóa Toàn Tri.

أَوَلَيۡسَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِقَٰدِرٍ عَلَىٰٓ
أَن يَخۡلُقَ مِثۡلَهُمۚ بَلَىٰ وَهُوَ ٱلۡخَلَّٰقُ ٱلۡعَلِيمُ ٨١

82. Quả thật, khi Ngài muốn điều gì, Ngài chỉ cần phán “Hãy thành!” thì tức khắc nó sẽ thành (giống như ý của Ngài).

إِنَّمَآ أَمۡرُهُۥٓ إِذَآ أَرَادَ شَيۡـًٔا أَن يَقُولَ لَهُۥ كُن
فَيَكُونُ ٨٢

83. Bởi thế, thật Quang Vinh thay Đấng mà quyền thống trị vạn vật nằm trong Tay Ngài; và (rồi đây) các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.

فَسُبۡحَٰنَ ٱلَّذِي بِيَدِهِۦ مَلَكُوتُ كُلِّ شَيۡءٖ وَإِلَيۡهِ
تُرۡجَعُونَ ٨٣

As-Saaffat (Những Thiên Thần Đứng Thẳng Hàng) الصافات

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi các Thiên Thần đứng thành hàng chỉnh tề (trong thờ phượng Allah).

وَٱلصَّٰٓفَّٰتِ صَفّٗا ١

2. Thề bởi các Thiên Thần di chuyển các đám mây mưa (theo ý chỉ của Allah).

فَٱلزَّٰجِرَٰتِ زَجۡرٗا ٢

3. Thề bởi các Thiên Thần đọc Lời Nhắc nhở (Lời phán của Allah).

فَٱلتَّٰلِيَٰتِ ذِكۡرًا ٣

4. Thượng Đế của các ngươi thực sự chỉ có một Đấng duy nhất.

إِنَّ إِلَٰهَكُمۡ لَوَٰحِدٞ ٤

5. (Đó là) Thượng Đế của các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa trời đất và là Thượng Đế của các hướng (mặt trời mọc) ở phía Đông.

رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا وَرَبُّ
ٱلۡمَشَٰرِقِ ٥

6. Quả thật! TA (Allah) đã làm đẹp tầng trời hạ giới bằng các vì sao.

إِنَّا زَيَّنَّا ٱلسَّمَآءَ ٱلدُّنۡيَا بِزِينَةٍ ٱلۡكَوَاكِبِ ٦

7. Và (TA dùng các vì sao để) bảo vệ (tầng trời hạ giới) khỏi từng tên Shaytan phản nghịch.

وَحِفۡظٗا مِّن كُلِّ شَيۡطَٰنٖ مَّارِدٖ ٧

8. (Những tên Shaytan muốn nghe trộm) sẽ không nghe được hội nghị trên cao và chúng sẽ bị ném từ mọi phía.

لَّا يَسَّمَّعُونَ إِلَى ٱلۡمَلَإِ ٱلۡأَعۡلَىٰ وَيُقۡذَفُونَ مِن كُلِّ
جَانِبٖ ٨

9. Chúng bị đuổi đi xa. Và (vào Ngày Sau) chúng sẽ bị trừng phạt đời đời kiếp kiếp.

دُحُورٗاۖ وَلَهُمۡ عَذَابٞ وَاصِبٌ ٩

10. Trừ tên nào nhanh nhẹn chụp lấy được (tin tức từ cuộc nói chuyện của các Thiên Thần) rồi chạy đi thì sẽ bị rượt đuổi bằng một hòn lửa sáng rực.

إِلَّا مَنۡ خَطِفَ ٱلۡخَطۡفَةَ فَأَتۡبَعَهُۥ شِهَابٞ ثَاقِبٞ ١٠

11. Ngươi (Thiên Sứ) hãy hỏi (những kẻ thờ đa thần phủ nhận sự Phục Sinh) phải chăng họ khó tạo hay ai khác mà TA đã tạo khó hơn. Quả thật, TA đã tạo họ từ một loại đất sét nhão, dính.

فَٱسۡتَفۡتِهِمۡ أَهُمۡ أَشَدُّ خَلۡقًا أَم مَّنۡ خَلَقۡنَآۚ إِنَّا
خَلَقۡنَٰهُم مِّن طِينٖ لَّازِبِۭ ١١

12. Không, Ngươi đã ngạc nhiên trước những gì họ chế giễu (trong việc phủ nhận sự Phục Sinh).

بَلۡ عَجِبۡتَ وَيَسۡخَرُونَ ١٢

13. Khi được nhắc nhở thì họ không lưu tâm.

وَإِذَا ذُكِّرُواْ لَا يَذۡكُرُونَ ١٣

14. Khi họ thấy một dấu hiệu lạ nào đó (từ Thiên Sứ) thì họ mang nó ra giễu cợt.

وَإِذَا رَأَوْا۟ ءَايَةً يَسْتَسْخِرُونَ ١٤

15. Họ nói: “Đấy rõ ràng chỉ là trò ảo thuật!”

وَقَالُوٓا۟ إِنْ هَٰذَآ إِلَّا سِحْرٌ مُّبِينٌ ١٥

16. “Lẽ nào khi chúng tôi chết đi và đã biến thành đất bụi và xương tàn rồi chúng tôi thực sự được dựng sống lại?!”

أَءِذَا مِتْنَا وَكُنَّا تُرَابًا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا لَمَبْعُوثُونَ ١٦

17. “Kể cả tổ tiên xa xưa của chúng tôi, (họ cũng sẽ được cho sống lại sao)?”

أَوَءَابَآؤُنَا ٱلْأَوَّلُونَ ١٧

18. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với họ): “Vâng, đúng vậy. Và các ngươi sẽ bị hạ nhục.”

قُلْ نَعَمْ وَأَنتُمْ دَٰخِرُونَ ١٨

19. Quả thật, chỉ một tiếng Gầm duy nhất thì lúc đó (tất cả) họ sẽ ngóng nhìn (những gì diễn ra của Ngày Phán Xét).

فَإِنَّمَا هِىَ زَجْرَةٌ وَٰحِدَةٌ فَإِذَا هُمْ يَنظُرُونَ ١٩

20. Họ sẽ nói: “Thật khốn khổ thay cho chúng ta, đây đúng thật là Ngày Phán Xét Cuối Cùng!”

وَقَالُوا۟ يَٰوَيْلَنَا هَٰذَا يَوْمُ ٱلدِّينِ ٢٠

21. (Rồi có tiếng bảo họ): “Đây chính là Ngày Phân Loại mà các ngươi đã từng phủ nhận.”

هَٰذَا يَوْمُ ٱلْفَصْلِ ٱلَّذِى كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ٢١

22. “Hãy tập trung những kẻ làm điều sai quấy cùng với bạn đồng hành của chúng và cả những vật mà chúng đã thờ phượng,”

۞ ٱحْشُرُوا۟ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ وَأَزْوَٰجَهُمْ وَمَا كَانُوا۟
يَعْبُدُونَ ٢٢

23. “Thay vì Allah. bởi thế các ngươi hãy đưa chúng đến con đường tới Hỏa Ngục.”

مِن دُونِ ٱللَّهِ فَٱهْدُوهُمْ إِلَىٰ صِرَٰطِ ٱلْجَحِيمِ ٢٣

24. “Nhưng các ngươi hãy bắt chúng dừng lại bởi chúng còn phải bị tra hỏi.”

وَقِفُوهُمْ ۖ إِنَّهُم مَّسْـُٔولُونَ ٢٤

25. (Rồi có tiếng bảo họ): “Các ngươi có chuyện gì mà sao không chịu giúp đỡ nhau?”

مَا لَكُمْ لَا تَنَاصَرُونَ ٢٥

26. Không (chúng sẽ không làm được gì cho nhau) bởi Ngày đó chúng sẽ phải tự nạp mình (trước sự trừng phạt).

بَلْ هُمُ ٱلْيَوْمَ مُسْتَسْلِمُونَ ٢٦

27. Rồi chúng quay lại trách móc nhau.

وَأَقْبَلَ بَعْضُهُمْ عَلَىٰ بَعْضٍ يَتَسَآءَلُونَ ٢٧

28. Chúng nói (với những kẻ mà chúng đi theo): “Quả thật, các người là những kẻ đã đến gặp chúng tôi từ bên phải.”

قَالُوٓا۟ إِنَّكُمْ كُنتُمْ تَأْتُونَنَا عَنِ ٱلْيَمِينِ ٢٨

29. (Những kẻ mà chúng đi theo) nói (với chúng): “Không, các người mới là những kẻ không có đức tin.”

قَالُوا۟ بَل لَّمْ تَكُونُوا۟ مُؤْمِنِينَ ٢٩

30. “Chúng tôi đâu có quyền bắt các người nghe theo. Tại các người là đám người vượt quá giới hạn mà thôi.”

وَمَا كَانَ لَنَا عَلَيۡكُم مِّن سُلۡطَٰنِۭۖ بَلۡ كُنتُمۡ قَوۡمًا طَٰغِينَ ٣٠

31. “Giờ đây Lời Thượng Đế của chúng ta đã chứng thực với chúng ta. Chúng ta đành phải nếm hình phạt (của Ngài) mà thôi.”

فَحَقَّ عَلَيۡنَا قَوۡلُ رَبِّنَآۖ إِنَّا لَذَآئِقُونَ ٣١

32. “Chúng tôi đã dẫn các người đi lạc và chúng tôi cũng là những kẻ lầm lạc.”

فَأَغۡوَيۡنَٰكُمۡ إِنَّا كُنَّا غَٰوِينَ ٣٢

33. Cho nên, vào Ngày đó chúng sẽ cùng nhau san sẻ hình phạt.

فَإِنَّهُمۡ يَوۡمَئِذٖ فِي ٱلۡعَذَابِ مُشۡتَرِكُونَ ٣٣

34. TA (Allah) thực sự sẽ xử trí những kẻ tội lỗi đúng như thế.

إِنَّا كَذَٰلِكَ نَفۡعَلُ بِٱلۡمُجۡرِمِينَ ٣٤

35. Quả thật, khi chúng được nhắc ‘Không có Thượng Đế nào khác ngoài Allah’ thì chúng ngạo mạn (từ chối).

إِنَّهُمۡ كَانُوٓاْ إِذَا قِيلَ لَهُمۡ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا ٱللَّهُ يَسۡتَكۡبِرُونَ ٣٥

36. Chúng bảo: “Chẳng lẽ chúng ta lại đi bỏ các thần linh của chúng ta chỉ vì một gã thi sĩ điên khùng ư?”

وَيَقُولُونَ أَئِنَّا لَتَارِكُوٓاْ ءَالِهَتِنَا لِشَاعِرٖ مَّجۡنُونِۭ ٣٦

37. Không, (Muhammad không phải như các ngươi nói)! Y (đích thực) đã mang Chân Lý đến và xác nhận lại các Thiên Sứ (về những gì mà họ đã mang đến trước đó).

بَلۡ جَآءَ بِٱلۡحَقِّ وَصَدَّقَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٣٧

38. Quả thật, (rồi đây vào Ngày Phán Xét) các ngươi (hỡi những kẻ đa thần) sẽ phải nếm hình phạt đau đớn.

إِنَّكُمۡ لَذَآئِقُواْ ٱلۡعَذَابِ ٱلۡأَلِيمِ ٣٨

39. Và các ngươi sẽ bị trừng phạt chỉ bởi những điều (tội lỗi) mà các ngươi đã làm.

وَمَا تُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٣٩

40. Trừ những bề tôi chân thành của Allah.

إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ٤٠

41. Họ sẽ có được bổng lộc được biết rõ (nơi Thiên Đàng).

أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ رِزۡقٞ مَّعۡلُومٞ ٤١

42. (Trong đó, có đủ) loại trái quả, và họ là những người được ban cho vinh dự.

فَوَٰكِهُ وَهُم مُّكۡرَمُونَ ٤٢

43. (Họ sẽ ở) trong những Ngôi Vườn tiện nghi.

فِي جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ٤٣

44. Tựa mình trên những chiếc tràng kỷ, mặt đối mặt.

عَلَىٰ سُرُرٖ مُّتَقَٰبِلِينَ ٤٤

45. Những cốc rượu được múc từ một con suối sẽ được chuyển vòng quanh họ.

يُطَافُ عَلَيْهِم بِكَأْسٍ مِّن مَّعِينٍ ٤٥

46. Nó trong vắt, ngon tuyệt, làm cho người uống sảng khoái.

بَيْضَآءَ لَذَّةٍ لِّلشَّٰرِبِينَ ٤٦

47. Nó không làm cho họ nhức đầu và choáng váng.

لَا فِيهَا غَوْلٌ وَلَا هُمْ عَنْهَا يُنزَفُونَ ٤٧

48. Bên cạnh họ sẽ là những nàng trinh nữ tuyệt đẹp với đôi mắt to trữ tình đầy quyến rũ, chỉ biết ngắm nhìn (chồng của mình).

وَعِندَهُمْ قَٰصِرَٰتُ ٱلطَّرْفِ عِينٌ ٤٨

49. Họ giống như những quả trứng non được cất giữ kỹ càng.

كَأَنَّهُنَّ بَيْضٌ مَّكْنُونٌ ٤٩

50. Họ ngồi hàn huyên chuyện trò (nhắc lại chuyện xưa trên cõi trần).

فَأَقْبَلَ بَعْضُهُمْ عَلَىٰ بَعْضٍ يَتَسَآءَلُونَ ٥٠

51. Một người trong số họ nói: “Quả thật, tôi có một người bạn.”

قَالَ قَآئِلٌ مِّنْهُمْ إِنِّي كَانَ لِي قَرِينٌ ٥١

52. “Người đó bảo (tôi): Anh thực sự tin (vào sự Phục Sinh) sao?”

يَقُولُ أَءِنَّكَ لَمِنَ ٱلْمُصَدِّقِينَ ٥٢

53. “Lẽ nào khi chúng ta chết đi và đã trở thành đất bụi và xương tàn, chúng ta sẽ (được dựng sống lại) để chịu sự thưởng phạt?”

أَءِذَا مِتْنَا وَكُنَّا تُرَابًا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا لَمَدِينُونَ ٥٣

54. (Người kể) nói (với những người bạn của mình đang nghe): “Các anh hãy (cùng tôi) nhìn xuống xem (người đó hiện đang ở đâu)?”

قَالَ هَلْ أَنتُم مُّطَّلِعُونَ ٥٤

55. Thế là y nhìn xuống và thấy người bạn (vô đức tin) của mình đang ở trong Hỏa Ngục.

فَٱطَّلَعَ فَرَءَاهُ فِي سَوَآءِ ٱلْجَحِيمِ ٥٥

56. Y nói: “Thề bởi Allah! Suýt nữa anh đã hủy hoại tôi rồi!”

قَالَ تَٱللَّهِ إِن كِدتَّ لَتُرْدِينِ ٥٦

57. “Nếu không nhờ hồng ân của Thượng Đế của tôi thì chắc chắn tôi đã là một trong những người bị bắt dẫn đến (Hỏa Ngục).”

وَلَوْلَا نِعْمَةُ رَبِّي لَكُنتُ مِنَ ٱلْمُحْضَرِينَ ٥٧

58. “Chúng tôi (cư dân Thiên Đàng) sẽ không còn đối mặt với cái chết nữa?”

أَفَمَا نَحْنُ بِمَيِّتِينَ ٥٨

59. “Chỉ có cái chết đầu tiên của chúng tôi mà thôi và chúng tôi sẽ không bị trừng phạt.”

إِلَّا مَوْتَتَنَا ٱلْأُولَىٰ وَمَا نَحْنُ بِمُعَذَّبِينَ ٥٩

60. Quả thật, đó là một sự thắng lợi vĩ đại!

إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ٦٠

61. Vì (phần thưởng) như thế này nên những người làm việc hãy cố gắng làm tốt.

لِمِثۡلِ هَٰذَا فَلۡيَعۡمَلِ ٱلۡعَٰمِلُونَ ٦١

62. (Sự thắng lợi) đó tốt hay cây Zaqqum tốt hơn?

أَذَٰلِكَ خَيۡرٞ نُّزُلًا أَمۡ شَجَرَةُ ٱلزَّقُّومِ ٦٢

63. Quả thật, TA (Allah) đã tạo ra nó (cây Zaqqum) là để trừng phạt những kẻ làm điều sai quấy.

إِنَّا جَعَلۡنَٰهَا فِتۡنَةٗ لِّلظَّٰلِمِينَ ٦٣

64. Quả thật, nó là một loại cây mọc từ dưới đáy của Hỏa Ngục.

إِنَّهَا شَجَرَةٞ تَخۡرُجُ فِيٓ أَصۡلِ ٱلۡجَحِيمِ ٦٤

65. Trái của nó trông giống như đầu của Shaytan.

طَلۡعُهَا كَأَنَّهُۥ رُءُوسُ ٱلشَّيَٰطِينِ ٦٥

66. Thật sự, chúng (những kẻ vô đức tin) sẽ ăn nó và nhét nó vào đầy bụng.

فَإِنَّهُمۡ لَأٓكِلُونَ مِنۡهَا فَمَالِـُٔونَ مِنۡهَا ٱلۡبُطُونَ ٦٦

67. (Sau khi chúng nhét đầy bụng với trái Zaqqum), chúng sẽ được cho uống từ một loại nước cực sôi.

ثُمَّ إِنَّ لَهُمۡ عَلَيۡهَا لَشَوۡبٗا مِّنۡ حَمِيمٖ ٦٧

68. Rồi chúng được đưa trở lại Hỏa Ngục.

ثُمَّ إِنَّ مَرۡجِعَهُمۡ لَإِلَى ٱلۡجَحِيمِ ٦٨

69. Quả thật, chúng thấy cha mẹ của chúng là những kẻ lầm lạc.

إِنَّهُمۡ أَلۡفَوۡاْ ءَابَآءَهُمۡ ضَآلِّينَ ٦٩

70. Nhưng chúng vẫn ngoan cố đi theo vết xe đổ của họ.

فَهُمۡ عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِمۡ يُهۡرَعُونَ ٧٠

71. Quả thật đa số người xưa thời trước chúng đã lầm lạc.

وَلَقَدۡ ضَلَّ قَبۡلَهُمۡ أَكۡثَرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٧١

72. Quả thật, TA (Allah) đã gửi đến với họ những vị cảnh báo.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا فِيهِم مُّنذِرِينَ ٧٢

73. Do đó, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ đã được cảnh báo đã bị ra sao.

فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُنذَرِينَ ٧٣

74. Trừ các bề tôi chân thành của Allah (mới được thoát khỏi sự trừng phạt của Ngài).

إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ٧٤

75. Quả thật, Nuh đã cầu nguyện TA, (TA đã đáp lại lời nguyện cầu của Y) bởi TA là Đấng Đáp Lại Ưu Việt.

وَلَقَدۡ نَادَىٰنَا نُوحٞ فَلَنِعۡمَ ٱلۡمُجِيبُونَ ٧٥

76. TA đã giải cứu Y và gia đình của Y thoát khỏi đại họa (trận đại hồng thủy).

وَنَجَّيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥ مِنَ ٱلۡكَرۡبِ ٱلۡعَظِيمِ ٧٦

77. TA đã làm cho dòng dõi của Y sống sót.

وَجَعَلۡنَا ذُرِّيَّتَهُۥ هُمُ ٱلۡبَاقِينَ ٧٧

78. TA đã để lại cho Y nơi hậu thế (lời chúc phúc).	وَتَرَكْنَا عَلَيْهِ فِي ٱلْآخِرِينَ ﴿٧٨﴾
79. (Đó là) lời chúc phúc Bằng An cho Nuh trên thế gian.	سَلَٰمٌ عَلَىٰ نُوحٍ فِي ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٧٩﴾
80. Quả thật, TA trọng thưởng những người làm tốt đúng như thế.	إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجْزِي ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٨٠﴾
81. Bởi Y đích thực là một trong những bề tôi có đức tin của TA.	إِنَّهُۥ مِنْ عِبَادِنَا ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿٨١﴾
82. Rồi TA đã nhấn chìm đám người (tội lỗi) kia.	ثُمَّ أَغْرَقْنَا ٱلْآخَرِينَ ﴿٨٢﴾
83. Quả thật, Ibrahim đã thực sự thuộc về tôn giáo của Y (Nuh).	۞وَإِنَّ مِن شِيعَتِهِۦ لَإِبْرَٰهِيمَ ﴿٨٣﴾
84. Khi (Ibrahim) đến với Thượng Đế của Y bằng một trái tim trong sạch (khỏi vết bẩn của Shirk).	إِذْ جَآءَ رَبَّهُۥ بِقَلْبٍ سَلِيمٍ ﴿٨٤﴾
85. Khi (Ibrahim) nói với phụ thân và người dân của mình: “Các người đang thờ phượng gì thế kia?!”	إِذْ قَالَ لِأَبِيهِ وَقَوْمِهِۦ مَاذَا تَعْبُدُونَ ﴿٨٥﴾
86. “Lẽ nào các người muốn thờ phượng các thần linh ngụy tạo thay vì Allah ư?”	أَئِفْكًا ءَالِهَةً دُونَ ٱللَّهِ تُرِيدُونَ ﴿٨٦﴾
87. “Vậy các người nghĩ sao về Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật?”	فَمَا ظَنُّكُم بِرَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٨٧﴾
88. Rồi (Ibrahim) ngước lên (trời) nhìn các vì sao.	فَنَظَرَ نَظْرَةً فِي ٱلنُّجُومِ ﴿٨٨﴾
89. Rồi (Ibrahim) bảo: “Tôi không khỏe (nên không thể đi chơi lễ hội cùng mọi người).”	فَقَالَ إِنِّي سَقِيمٌ ﴿٨٩﴾
90. Thế là mọi người ra đi, bỏ lại (Ibrahim một mình).	فَتَوَلَّوْاْ عَنْهُ مُدْبِرِينَ ﴿٩٠﴾
91. Thế là (Ibrahim) đã lén đi gặp các thần linh của họ. Y hỏi chúng: “Sao các ngươi không chịu ăn?”	فَرَاغَ إِلَىٰٓ ءَالِهَتِهِمْ فَقَالَ أَلَا تَأْكُلُونَ ﴿٩١﴾
92. “Có chuyện gì với các ngươi, sao các ngươi không nói chuyện?”	مَا لَكُمْ لَا تَنطِقُونَ ﴿٩٢﴾
93. Rồi Y nhảy thẳng tới đánh bể chúng bằng tay phải.	فَرَاغَ عَلَيْهِمْ ضَرْبًۢا بِٱلْيَمِينِ ﴿٩٣﴾
94. Sau đó, (người dân) vội vã chạy đến gặp Y.	فَأَقْبَلُوٓاْ إِلَيْهِ يَزِفُّونَ ﴿٩٤﴾

95. (Ibrahim) nói: “Lẽ nào các người lại thờ những bức tượng do chính các người nắn tạc ra chúng?”

قَالَ أَتَعۡبُدُونَ مَا تَنۡحِتُونَ ٩٥

96. “Trong khi Allah tạo ra các người và những thứ mà các người làm ra.”

وَٱللَّهُ خَلَقَكُمۡ وَمَا تَعۡمَلُونَ ٩٦

97. (Người dân của Ibrahim) bảo: “Chúng ta hãy xây cho nó một lò lửa rồi ném nó vào trong lửa đang cháy!”

قَالُواْ ٱبۡنُواْ لَهُۥ بُنۡيَٰنٗا فَأَلۡقُوهُ فِي ٱلۡجَحِيمِ ٩٧

98. Họ muốn mưu hại Ibrahim nhưng TA đã làm cho họ thất bại nhục nhã.

فَأَرَادُواْ بِهِۦ كَيۡدٗا فَجَعَلۡنَٰهُمُ ٱلۡأَسۡفَلِينَ ٩٨

99. (Ibrahim) nói: “Ta sẽ đi gặp Thượng Đế của Ta. Ngài sẽ hướng dẫn ta.”

وَقَالَ إِنِّي ذَاهِبٌ إِلَىٰ رَبِّي سَيَهۡدِينِ ٩٩

100. “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi một đứa con đức hạnh.”

رَبِّ هَبۡ لِي مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١٠٠

101. Thế là, TA đã ban cho Y tin mừng về một đứa con trai (Isma’il) biết kiên nhẫn chịu đựng.

فَبَشَّرۡنَٰهُ بِغُلَٰمٍ حَلِيمٖ ١٠١

102. Đến khi đứa con đến tuổi biết chạy, (Ibrahim) nói (với đứa con của mình): “Này con trai yêu của cha! Cha nằm mộng thấy rằng cha cần phải giết tế con. Thế con nghĩ sao?” Đứa con đáp: “Thưa cha! Cha cứ làm theo lệnh truyền rồi cha sẽ thấy con là một đứa con kiên nhẫn, Insha-Allah.”

فَلَمَّا بَلَغَ مَعَهُ ٱلسَّعۡيَ قَالَ يَٰبُنَيَّ إِنِّيٓ أَرَىٰ فِي ٱلۡمَنَامِ
أَنِّيٓ أَذۡبَحُكَ فَٱنظُرۡ مَاذَا تَرَىٰۚ قَالَ يَٰٓأَبَتِ ٱفۡعَلۡ مَا
تُؤۡمَرُۖ سَتَجِدُنِيٓ إِن شَآءَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلصَّٰبِرِينَ ١٠٢

103. Thế rồi, khi hai cha con cùng nạp mình thần phục mệnh lệnh (của Allah), người cha để đứa con nằm nghiêng (chuẩn bị giết tế).

فَلَمَّآ أَسۡلَمَا وَتَلَّهُۥ لِلۡجَبِينِ ١٠٣

104. (Ngay lúc đó,) TA (Allah) đã gọi Y: “Này hỡi Ibrahim!”

وَنَٰدَيۡنَٰهُ أَن يَٰٓإِبۡرَٰهِيمُ ١٠٤

105. “Ngươi thực sự đã chứng thực điều trong giấc mộng.” Quả thật! TA ban thưởng cho những người làm tốt như thế.

قَدۡ صَدَّقۡتَ ٱلرُّءۡيَآۚ إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٠٥

106. Quả thật đây quả là một cuộc thử thách công khai cho (Ibrahim).

إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ ٱلۡبَلَٰٓؤُاْ ٱلۡمُبِينُ ١٠٦

107. TA đã chuộc mạng (con trai của Ibrahim) bằng một con vật tế vĩ đại.

وَفَدَيۡنَٰهُ بِذِبۡحٍ عَظِيمٖ ١٠٧

108. TA đã để lại (Ibrahim) nơi hậu thế (lời chúc phúc).

وَتَرَكۡنَا عَلَيۡهِ فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ١٠٨

109. (Đó là) lời chúc phúc Bằng an cho Ibrahim.

سَلَٰمٌ عَلَىٰٓ إِبۡرَٰهِيمَ ١٠٩

110. TA ban thưởng cho những người làm tốt đúng như thế.

كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١١٠

111. Quả thật, (Ibrahim) là một trong những bề tôi có đức tin của TA.

إِنَّهُۥ مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١١١

112. TA đã mang đến cho Y tin mừng về (đứa con trai) Is-haaq, (sau này sẽ trở thành) một vị Nabi đức hạnh.

وَبَشَّرۡنَٰهُ بِإِسۡحَٰقَ نَبِيّٗا مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١١٢

113. TA đã ban phúc cho Y và Is-haaq, tuy nhiên, trong con cháu của hai người họ có một số làm tốt và có một số đã công khai bất công với bản thân mình.

وَبَٰرَكۡنَا عَلَيۡهِ وَعَلَىٰٓ إِسۡحَٰقَۚ وَمِن ذُرِّيَّتِهِمَا مُحۡسِنٞ
وَظَالِمٞ لِّنَفۡسِهِۦ مُبِينٞ ١١٣

114. Quả thật, TA đã ban ân cho Musa và Harun (với sứ mạng Nabi).

وَلَقَدۡ مَنَنَّا عَلَىٰ مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ١١٤

115. TA đã giải cứu hai người họ và đám dân của họ (Israel) thoát khỏi đại họa (sự đuổi cùng giết tận của Pha-ra-ông).

وَنَجَّيۡنَٰهُمَا وَقَوۡمَهُمَا مِنَ ٱلۡكَرۡبِ ٱلۡعَظِيمِ ١١٥

116. TA đã trợ giúp hai người họ giành lấy chiến thắng.

وَنَصَرۡنَٰهُمۡ فَكَانُواْ هُمُ ٱلۡغَٰلِبِينَ ١١٦

117. TA đã ban cho hai người họ một Kinh Sách sáng tỏ (Kinh Tawrah - Cựu Ước).

وَءَاتَيۡنَٰهُمَا ٱلۡكِتَٰبَ ٱلۡمُسۡتَبِينَ ١١٧

118. TA đã hướng dẫn hai người họ con đường Ngay Thẳng (dẫn đến sự hài lòng của TA).

وَهَدَيۡنَٰهُمَا ٱلصِّرَٰطَ ٱلۡمُسۡتَقِيمَ ١١٨

119. TA đã để lại hai người họ nơi hậu thế (lời chúc phúc).

وَتَرَكۡنَا عَلَيۡهِمَا فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ١١٩

120. (Đó là) lời chúc bằng an cho Musa và Harun.

سَلَٰمٌ عَلَىٰ مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ١٢٠

121. TA thực sự ban thưởng cho những người làm tốt đúng như thế.

إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٢١

122. Quả thật hai người họ thuộc những bề tôi có đức tin của TA.

إِنَّهُمَا مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٢٢

123. Và Ilyas (Elias) đích thực là một trong các vị Thiên Sứ (của Allah).

وَإِنَّ إِلۡيَاسَ لَمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٢٣

124. Khi Y bảo người dân của Y: “Các người không sợ Allah sao?”

إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦٓ أَلَا تَتَّقُونَ ١٢٤

125. “Lẽ nào các người cầu nguyện Ba'la (thần linh bục tượng) và bỏ rơi Đấng Tạo Hóa Ưu Việt?!”

أَتَدۡعُونَ بَعۡلٗا وَتَذَرُونَ أَحۡسَنَ ٱلۡخَٰلِقِينَ ١٢٥

126. “Allah là Thượng Đế của các ngươi và cũng là Thượng Đế của tổ tiên xa xưa của các ngươi.”

ٱللَّهَ رَبَّكُمۡ وَرَبَّ ءَابَآئِكُمُ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٢٦

127. Nhưng (đám dân của Ilyas) đã phủ nhận Y. Cho nên, họ sẽ phải bị dẫn đến (chỗ trừng phạt).

فَكَذَّبُوهُ فَإِنَّهُمۡ لَمُحۡضَرُونَ ١٢٧

128. Trừ các bề tôi chân thành của Allah.

إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ١٢٨

129. TA đã để lại Y nơi hậu thế (lời chúc phúc).

وَتَرَكۡنَا عَلَيۡهِ فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ١٢٩

130. (Đó là) lời chúc Bằng an cho Ilyas.

سَلَٰمٌ عَلَىٰٓ إِلۡ يَاسِينَ ١٣٠

131. TA thực sự ban thưởng cho những người làm tốt đúng như thế.

إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٣١

132. (Ilyas) đích thực là một trong những bề tôi có đức tin của TA.

إِنَّهُۥ مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٣٢

133. Và Lut đích thực là một trong các vị Sứ Giả (của Allah).

وَإِنَّ لُوطٗا لَّمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٣٣

134. Khi TA giải cứu (Lut) và toàn bộ gia đình của Y.

إِذۡ نَجَّيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥٓ أَجۡمَعِينَ ١٣٤

135. Trừ vợ của Y (là kẻ vô đức tin), nữ ta sẽ ở cùng đám người bị trừng phạt.

إِلَّا عَجُوزٗا فِي ٱلۡغَٰبِرِينَ ١٣٥

136. Sau đó, TA đã hủy diệt đám người còn lại.-

ثُمَّ دَمَّرۡنَا ٱلۡأٓخَرِينَ ١٣٦

137. Quả thật, các ngươi (hỡi dân Makkah) thường đi ngang qua (chỗ của) họ vào buổi sáng,

وَإِنَّكُمۡ لَتَمُرُّونَ عَلَيۡهِم مُّصۡبِحِينَ ١٣٧

138. Và ban đêm. Nhưng sao các ngươi không chịu suy ngẫm?

وَبِٱلَّيۡلِۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ١٣٨

139. Và Yunus đích thực là một trong các vị Sứ Giả (của Allah).

وَإِنَّ يُونُسَ لَمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٣٩

140. Khi (Yunus) bỏ chạy đến một chiếc tàu chở đầy (người và đồ đạc).

إِذۡ أَبَقَ إِلَى ٱلۡفُلۡكِ ٱلۡمَشۡحُونِ ١٤٠

141. (Yunus) đã rút thăm và Y đã thua cuộc.(1)[i]

فَسَاهَمَ فَكَانَ مِنَ ٱلۡمُدۡحَضِينَ ١٤١

---

[i] (1) Con tàu chở đầy người và đồ đạc quá nhiều gần như muốn chìm mỗi khi có những con sống va vào. Họ đã ném bỏ đồ đạc xuống biển nhưng vẫn không ăn thua. Thế là mọi người trên tàu thống nhất với nhau cần phải hy sinh một người trong những người trên con tàu để cứu lấy con tàu và những người khác. Để công bằng, họ dùng hình thức rút thăm, ai rút thăm có tên mình thì người đó phải nhảy xuống biển. Nabi Yunus đã rút trúng thăm có tên mình và Người đành phải gieo mình xuống biển. Từ trong biển xanh, Allah đã gửi đến một con cá voi khổng lồ, Ngài phán bảo nó rằng chớ ăn thịt

142. Rồi một con cá đã nuốt chửng Y vì Y đã phạm một điều đáng trách.(2)[i]

فَٱلْتَقَمَهُ ٱلْحُوتُ وَهُوَ مُلِيمٌ ١٤٢

143. Nếu như (Yunus) không phải là người (biết ăn năn sám hối và) tán dương Allah,

فَلَوْلَآ أَنَّهُۥ كَانَ مِنَ ٱلْمُسَبِّحِينَ ١٤٣

144. Thì Y đã phải ở trong bụng của (con cá) cho đến ngày Phục Sinh.

لَلَبِثَ فِى بَطْنِهِۦٓ إِلَىٰ يَوْمِ يُبْعَثُونَ ١٤٤

145. Rồi TA đã cho (Yunus) ra khỏi bụng con cá và dạt vào một bờ biển hoang trong tình trạng yếu ớt.

۞فَنَبَذْنَٰهُ بِٱلْعَرَآءِ وَهُوَ سَقِيمٌ ١٤٥

146. TA đã cho một loại cây thuộc họ bầu (bí) mọc bao phủ thân người Y.

وَأَنۢبَتْنَا عَلَيْهِ شَجَرَةً مِّن يَقْطِينٍ ١٤٦

147. (Sau đó) TA đã cử Y đến với một trăm ngàn người dân hoặc nhiều hơn.

وَأَرْسَلْنَٰهُ إِلَىٰ مِاْئَةِ أَلْفٍ أَوْ يَزِيدُونَ ١٤٧

148. (Đám dân đó), họ đã có đức tin nên TA đã cho họ hưởng lạc (sống trên thế gian) đến một thời gian (ấn định).

فَـَٔامَنُواْ فَمَتَّعْنَٰهُمْ إِلَىٰ حِينٍ ١٤٨

149. Ngươi (Thiên Sứ) hãy hỏi (những kẻ thờ đa thần) phải chăng con gái thuộc về Thượng Đế của Ngươi còn con trai là của họ?

فَٱسْتَفْتِهِمْ أَلِرَبِّكَ ٱلْبَنَاتُ وَلَهُمُ ٱلْبَنُونَ ١٤٩

150. Hoặc phải chăng họ đã tận mắt chứng kiến việc TA đã tạo hóa các Thiên Thần đều là giống cái?

أَمْ خَلَقْنَا ٱلْمَلَٰٓئِكَةَ إِنَٰثًا وَهُمْ شَٰهِدُونَ ١٥٠

151. Họ quả thật đã nói dối khi bảo:

أَلَآ إِنَّهُم مِّنْ إِفْكِهِمْ لَيَقُولُونَ ١٥١

152. “Allah đã sinh con.” Họ đúng thực là những kẻ nói dối (phạm thượng).

وَلَدَ ٱللَّهُ وَإِنَّهُمْ لَكَٰذِبُونَ ١٥٢

153. Lẽ nào Ngài chọn con gái hơn con trai?

أَصْطَفَى ٱلْبَنَاتِ عَلَى ٱلْبَنِينَ ١٥٣

154. Các ngươi phân xử sao thế?

مَا لَكُمْ كَيْفَ تَحْكُمُونَ ١٥٤

155. Lẽ nào các ngươi không nhớ (các ngươi đã sai thế nào) hay sao?

أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ١٥٥

156. Hoặc lẽ nào các ngươi có đủ thẩm quyền rõ ràng chăng?

أَمْ لَكُمْ سُلْطَٰنٌ مُّبِينٌ ١٥٦

---

của Nabi Yunus và cũng chớ làm tổn thương đến xương cốt của Người, Người không phải là lộc ăn của nó mà Người chỉ tạm thời bị giam trong bụng của nó mà thôi. Vậy là khi Nabi Yunus vừa gieo mình xuống biển thì liền bị con cá voi khổng lồ đó nuốt gọn vào bụng của nó. (Theo Tafsir Ibnu Al-Kathir)

[i] (2) Xem câu 87 chương 21 – Al-Ambiya’.

157. Nếu các ngươi nói thật thì các ngươi hãy mang kinh sách của các ngươi đến xem nào?

فَأۡتُواْ بِكِتَٰبِكُمۡ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ١٥٧

158. (Những kẻ thờ đa thần) đã bịa đặt mối quan hệ thân thuộc giữa Ngài và loài Jinn trong lúc loài Jinn biết rõ việc chúng sẽ phải trình diện Ngài.

وَجَعَلُواْ بَيۡنَهُۥ وَبَيۡنَ ٱلۡجِنَّةِ نَسَبٗاۚ وَلَقَدۡ عَلِمَتِ ٱلۡجِنَّةُ إِنَّهُمۡ لَمُحۡضَرُونَ ١٥٨

159. Quang Vinh và trong sạch thay Allah, (sự tối cao và siêu việt của Ngài vượt hẳn) những điều mà họ mô tả về Ngài!

سُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا يَصِفُونَ ١٥٩

160. Trừ các bề tôi chân thành của Allah.

إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ١٦٠

161. Các ngươi (những kẻ thờ đa thần) và những thứ mà các ngươi thờ phượng.

فَإِنَّكُمۡ وَمَا تَعۡبُدُونَ ١٦١

162. Các ngươi không thể quyến dụ được ai (lệch khỏi tôn giáo chân lý).

مَآ أَنتُمۡ عَلَيۡهِ بِفَٰتِنِينَ ١٦٢

163. Ngoại trừ những ai muốn đi vào Hỏa Ngục.

إِلَّا مَنۡ هُوَ صَالِ ٱلۡجَحِيمِ ١٦٣

164. (Các Thiên Thần nói): “Không ai trong chúng tôi lại không có một vị trí được ấn định (trong thờ phượng Allah và tuân lệnh Ngài).”

وَمَامِنَّآ إِلَّا لَهُۥ مَقَامٞ مَّعۡلُومٞ ١٦٤

165. “Quả thật, chúng tôi đứng thành hàng.”

وَإِنَّا لَنَحۡنُ ٱلصَّآفُّونَ ١٦٥

166. “Và quả thật, chúng tôi luôn tán dương Ngài.”

وَإِنَّا لَنَحۡنُ ٱلۡمُسَبِّحُونَ ١٦٦

167. Và dù (những kẻ thờ đa thần ở Makkah) đã thường nói:

وَإِن كَانُواْ لَيَقُولُونَ ١٦٧

168. “Phải chi chúng tôi có được một Lời Nhắc Nhở (những kinh sách chẳng hạn như Kinh Tawrah) từ những người thời trước,”

لَوۡ أَنَّ عِندَنَا ذِكۡرٗا مِّنَ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٦٨

169. “Thì quả thật chúng tôi đã là những bề tôi chân thành của Allah rồi.”

لَكُنَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ١٦٩

170. (Và khi Kinh Qur’an được mang đến) thì họ phủ nhận Nó, rồi đây họ sẽ sớm biết (hình phạt đang đợi họ ở Ngày Phán Xét)!

فَكَفَرُواْ بِهِۦۖ فَسَوۡفَ يَعۡلَمُونَ ١٧٠

171. Quả thật, Lời Phán của TA đã được phán cho các bề tôi của TA, họ là các vị Sứ Giả.

وَلَقَدۡ سَبَقَتۡ كَلِمَتُنَا لِعِبَادِنَا ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٧١

172. Quả thật, họ là những người được trợ giúp (từ nơi TA).	إِنَّهُمۡ لَهُمُ ٱلۡمَنصُورُونَ ١٧٢
173. Quả thật, quân binh của TA luôn giành chiến thắng.	وَإِنَّ جُندَنَا لَهُمُ ٱلۡغَٰلِبُونَ ١٧٣
174. Do đó, Ngươi (Thiên Sứ) hãy bỏ mặc họ cho tới khi thời hạn (đã đến).	فَتَوَلَّ عَنۡهُمۡ حَتَّىٰ حِينٖ ١٧٤
175. Và chờ xem (sự trừng phạt dành cho họ), rồi đây họ sẽ sớm thấy (sự trừng phạt đó)!	وَأَبۡصِرۡهُمۡ فَسَوۡفَ يُبۡصِرُونَ ١٧٥
176. Có phải họ hối thúc sự trừng phạt của TA?	أَفَبِعَذَابِنَا يَسۡتَعۡجِلُونَ ١٧٦
177. Nhưng khi (sự trừng phạt của TA) rơi xuống sân nhà của họ thì buổi sáng sẽ là hoàn cảnh thê thảm cho những kẻ đã được báo trước.	فَإِذَا نَزَلَ بِسَاحَتِهِمۡ فَسَآءَ صَبَاحُ ٱلۡمُنذَرِينَ ١٧٧
178. Cho nên, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy bỏ mặc họ cho tới khi thời hạn (đã đến).	وَتَوَلَّ عَنۡهُمۡ حَتَّىٰ حِينٖ ١٧٨
179. Và chờ xem (sự trừng phạt dành cho họ), rồi đây họ sẽ sớm thấy (sự trừng phạt đó)!	وَأَبۡصِرۡ فَسَوۡفَ يُبۡصِرُونَ ١٧٩
180. Quang Vinh và tối cao thay Thượng Đế của Ngươi! Thượng Đế của Quyền Lực! Ngài siêu việt vượt xa những điều mà họ đã mô tả (về Ngài).	سُبۡحَٰنَ رَبِّكَ رَبِّ ٱلۡعِزَّةِ عَمَّا يَصِفُونَ ١٨٠
181. Sự Bằng an dành cho các vị Sứ Giả (vinh dự của Allah)!	وَسَلَٰمٌ عَلَى ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٨١
182. Alhamdulillah, Đấng Chủ Tể của vũ trụ và vạn vật.	وَٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٨٢

Sad ص

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Sad. Thề bởi Qur'an chứa đựng Lời Nhắc Nhở.

صٓۚ وَٱلۡقُرۡءَانِ ذِي ٱلذِّكۡرِ ١

2. Tuy nhiên, những kẻ vô đức tin cứ ngoan cố và ngạo mạn.

بَلِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فِي عِزَّةٖ وَشِقَاقٖ ٢

3. Đã có không biết bao thế hệ trước họ bị TA tiêu diệt! Họ cầu xin sự cứu rỗi (lúc đối mặt với sự trừng phạt) nhưng đã quá muộn.

كَمۡ أَهۡلَكۡنَا مِن قَبۡلِهِم مِّن قَرۡنٖ فَنَادَواْ وَّلَاتَ
حِينَ مَنَاصٖ ٣

4. Họ ngạc nhiên về việc một người cảnh báo xuất thân từ họ đến với họ. Những kẻ vô đức tin nói: "Đây là một tên phù thủy, một kẻ nói dối."

وَعَجِبُوٓاْ أَن جَآءَهُم مُّنذِرٞ مِّنۡهُمۡۖ وَقَالَ ٱلۡكَٰفِرُونَ
هَٰذَا سَٰحِرٞ كَذَّابٌ ٤

5. "Lẽ nào hắn (Muhammad) nhập tất cả các thần linh thành một Thượng Đế duy nhất, đây quả là một điều hết sức quái gở?"

أَجَعَلَ ٱلۡأٓلِهَةَ إِلَٰهٗا وَٰحِدًاۖ إِنَّ هَٰذَا لَشَيۡءٌ
عُجَابٞ ٥

6. (Những kẻ cầm đầu trong bọn họ nói:) "Các người hãy tiếp tục bước đi (trên con đường của các người), các người hãy vẫn bám chặt vào các thần linh của các người. Bởi đây chỉ là một mưu đồ (của hắn - Muhammad)."

وَٱنطَلَقَ ٱلۡمَلَأُ مِنۡهُمۡ أَنِ ٱمۡشُواْ وَٱصۡبِرُواْ عَلَىٰٓ
ءَالِهَتِكُمۡۖ إِنَّ هَٰذَا لَشَيۡءٞ يُرَادُ ٦

7. "Chúng ta chưa từng nghe đến điều này trong tín ngưỡng sau cùng của tổ tiên chúng ta. Đây thực sự chỉ là một điều bịa đặt!"

مَا سَمِعۡنَا بِهَٰذَا فِي ٱلۡمِلَّةِ ٱلۡأٓخِرَةِ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا
ٱخۡتِلَٰقٌ ٧

8. "Lẽ nào Lời nhắc nhở chỉ được ban xuống cho hắn trong khi vẫn còn chúng ta ư?" Không, họ hoài nghi Lời nhắc nhở của TA. Không, bởi vì họ chưa nếm mùi trừng phạt của TA!

أَءُنزِلَ عَلَيۡهِ ٱلذِّكۡرُ مِنۢ بَيۡنِنَاۚ بَلۡ هُمۡ فِي شَكّٖ مِّن
ذِكۡرِيۚ بَل لَّمَّا يَذُوقُواْ عَذَابِ ٨

9. Hoặc lẽ nào (những kẻ thờ đa thần này) nắm giữ kho tàng Hồng Ân của Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ), Đấng Toàn Năng, Đấng Ban Bố?

أَمۡ عِندَهُمۡ خَزَآئِنُ رَحۡمَةِ رَبِّكَ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡوَهَّابِ ٩

10. Hoặc lẽ nào quyền thống trị các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất thuộc về họ? Nếu thực sự như thế thì họ hãy tìm cách đi lên đó (xem nào)!

أَمۡ لَهُم مُّلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَاۖ
فَلۡيَرۡتَقُواْ فِي ٱلۡأَسۡبَٰبِ ١٠

11. Họ là một đội quân sẽ bị đánh bại giống như các đội quân (trước đó đã phủ nhận các vị Thiên Sứ của mình).

جُندٞ مَّا هُنَالِكَ مَهۡزُومٞ مِّنَ ٱلۡأَحۡزَابِ ١١

12. Trước họ, đám dân của Nuh, ‘Ad và Pha-ra-ông, chủ nhân của các cột trụ cũng đã phủ nhận.

كَذَّبَتْ قَبْلَهُمْ قَوْمُ نُوحٍ وَعَادٌ وَفِرْعَوْنُ ذُو
ٱلْأَوْتَادِ ﴿١٢﴾

13. Thamud, người dân của Lut và dân cư của khu rừng Aykah. Họ là liên quân.

وَثَمُودُ وَقَوْمُ لُوطٍ وَأَصْحَـٰبُ لْـَٔيْكَةِ ۚ أُو۟لَـٰٓئِكَ
ٱلْأَحْزَابُ ﴿١٣﴾

14. Tất cả đều phủ nhận các Sứ Giả nên họ đáng phải bị trừng phạt.

إِن كُلٌّ إِلَّا كَذَّبَ ٱلرُّسُلَ فَحَقَّ عِقَابِ ﴿١٤﴾

15. Những kẻ (phủ nhận) này chỉ đang chờ đợi một tiếng gầm duy nhất. Khi đó, chắc chắn họ sẽ không thể quay lại.

وَمَا يَنظُرُ هَـٰٓؤُلَآءِ إِلَّا صَيْحَةً وَٰحِدَةً مَّا لَهَا مِن
فَوَاقٍ ﴿١٥﴾

16. Họ nói (một cách chế giễu): “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài mau cho bầy tôi thấy phần số (bị trừng phạt) của bầy tôi trước khi xảy ra Ngày Phán Xét.”

وَقَالُوا۟ رَبَّنَا عَجِّل لَّنَا قِطَّنَا قَبْلَ يَوْمِ ٱلْحِسَابِ ﴿١٦﴾

17. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy kiên nhẫn chịu đựng về những điều họ nói và Ngươi hãy nghĩ đến người bề tôi Dawood của TA, một con người kiên cường. Quả thật, Y là người hằng quay về sám hối.

ٱصْبِرْ عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَٱذْكُرْ عَبْدَنَا دَاوُۥدَ ذَا ٱلْأَيْدِ ۖ
إِنَّهُۥٓ أَوَّابٌ ﴿١٧﴾

18. Quả thật, TA đã chế ngự núi non cùng với (Dawood) tán dương TA đêm ngày.

إِنَّا سَخَّرْنَا ٱلْجِبَالَ مَعَهُۥ يُسَبِّحْنَ بِٱلْعَشِىِّ
وَٱلْإِشْرَاقِ ﴿١٨﴾

19. Và chim chóc tụ tập thành đàn; tất cả cùng hợp đoàn tuân lệnh Y (tán dương TA).

وَٱلطَّيْرَ مَحْشُورَةً ۖ كُلٌّ لَّهُۥٓ أَوَّابٌ ﴿١٩﴾

20. TA đã củng cố quyền bính của (Dawood), ban cho Y sự khôn ngoan trong việc phán xét và ban cho y khả năng ăn nói quả quyết.

وَشَدَدْنَا مُلْكَهُۥ وَءَاتَيْنَـٰهُ ٱلْحِكْمَةَ وَفَصْلَ
ٱلْخِطَابِ ﴿٢٠﴾

21. (Hỡi Thiên Sứ), Ngươi có biết về câu chuyện của hai người kiện nhau đã trèo tường đột nhập vào phòng tu (của Dawood) chưa?

۞ وَهَلْ أَتَىٰكَ نَبَؤُا۟ ٱلْخَصْمِ إِذْ تَسَوَّرُوا۟ ٱلْمِحْرَابَ ﴿٢١﴾

22. Khi họ xông vào gặp Dawood (đột ngột như thế), Y đã không khỏi bàng hoàng. Họ nói: “Xin Người đừng sợ! Chúng tôi là hai người kiện nhau, trong đó một người đã hành động sai trái với người kia. Cho nên, xin Ngài hãy phân xử giữa hai người chúng tôi bằng công lý và chớ đừng bất công, và xin Người hướng dẫn chúng tôi đến con đường êm xuôi (bằng giải pháp chính đáng).”

إِذْ دَخَلُوا۟ عَلَىٰ دَاوُۥدَ فَفَزِعَ مِنْهُمْ ۖ قَالُوا۟ لَا تَخَفْ ۖ
خَصْمَانِ بَغَىٰ بَعْضُنَا عَلَىٰ بَعْضٍ فَٱحْكُم بَيْنَنَا
بِٱلْحَقِّ وَلَا تُشْطِطْ وَٱهْدِنَآ إِلَىٰ سَوَآءِ ٱلصِّرَٰطِ ﴿٢٢﴾

23. "Quả thật, đây là người anh em (trong đạo) của tôi. Anh ấy có chín mươi chín con cừu cái còn tôi chỉ có một con cừu cái duy nhất. Tuy nhiên, anh ấy nói với tôi 'hãy đưa nó cho ta' và anh ấy đã thắng tôi trong phần tranh luận."

إِنَّ هَٰذَآ أَخِي لَهُۥ تِسۡعٞ وَتِسۡعُونَ نَعۡجَةٗ وَلِيَ نَعۡجَةٞ
وَٰحِدَةٞ فَقَالَ أَكۡفِلۡنِيهَا وَعَزَّنِي فِي ٱلۡخِطَابِ ٢٣

24. (Dawood) liền nói (với người trình bày): "Chắc chắn, anh ta đã bất công với ngươi về việc đã đòi nhập con cừu của ngươi vào bầy cừu của anh ta. Quả thật, hầu hết các đối tác hùn hạp thường hành động sai trái với nhau ngoại trừ những ai có đức tin và hành thiện; và những người như thế thì ít." Dawood đoán rằng chắc chắn TA (Allah) đã thử thách Y nên Y đã cầu xin Thượng Đế của Y tha thứ, cúi mình phủ phục và quay về sám hối (với Ngài).

قَالَ لَقَدۡ ظَلَمَكَ بِسُؤَالِ نَعۡجَتِكَ إِلَىٰ نِعَاجِهِۦۖ وَإِنَّ
كَثِيرٗا مِّنَ ٱلۡخُلَطَآءِ لَيَبۡغِي بَعۡضُهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٍ إِلَّا
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَقَلِيلٞ مَّا هُمۡۗ
وَظَنَّ دَاوُۥدُ أَنَّمَا فَتَنَّٰهُ فَٱسۡتَغۡفَرَ رَبَّهُۥ وَخَرَّۤ رَاكِعٗا
وَأَنَابَ۩ ٢٤

25. Vậy là TA (Allah) đã tha thứ cho (Dawood) về điều đó. Quả thật ở nơi TA, Y có được một chỗ gần gũi và một nơi quay về tốt đẹp.

فَغَفَرۡنَا لَهُۥ ذَٰلِكَۖ وَإِنَّ لَهُۥ عِندَنَا لَزُلۡفَىٰ وَحُسۡنَ
مَـَٔابٖ ٢٥

26. (Allah phán bảo): "Này hỡi Dawood! TA đã chỉ định Ngươi làm một Đại Diện trên trái đất. Do đó, Ngươi hãy phân xử giữa mọi người theo công lý và chớ làm theo dục vọng và sở thích của Ngươi, vì nó sẽ đưa Ngươi lạc khỏi con đường của Allah. Quả thật, những ai lạc khỏi con đường của Allah thì sẽ bị trừng phạt nặng nề vì đã quên mất Ngày Phán Xét (Cuối Cùng)."

يَٰدَاوُۥدُ إِنَّا جَعَلۡنَٰكَ خَلِيفَةٗ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱحۡكُم
بَيۡنَ ٱلنَّاسِ بِٱلۡحَقِّ وَلَا تَتَّبِعِ ٱلۡهَوَىٰ فَيُضِلَّكَ عَن
سَبِيلِ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَضِلُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ لَهُمۡ
عَذَابٞ شَدِيدُۢ بِمَا نَسُواْ يَوۡمَ ٱلۡحِسَابِ ٢٦

27. TA (Allah) đã không tạo ra trời đất và vạn vật giữa chúng một cách vô ích và không mục đích. Đó chỉ là lối suy nghĩ của những kẻ vô đức tin mà thôi. Vì vậy, khốn cho những kẻ vô đức tin (bị trừng phạt) trong Hỏa Ngục.

وَمَا خَلَقۡنَا ٱلسَّمَآءَ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا بَٰطِلٗاۚ ذَٰلِكَ
ظَنُّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ فَوَيۡلٞ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنَ
ٱلنَّارِ ٢٧

28. Lẽ nào TA lại đối xử với những người có đức tin và hành thiện giống như (đối với) những kẻ thối nát trên trái đất? Hoặc lẽ nào TA lại đối xứ với những người ngoan đạo giống như (đối với) những kẻ hư đốn và tội lỗi?

أَمۡ نَجۡعَلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
كَٱلۡمُفۡسِدِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِ أَمۡ نَجۡعَلُ ٱلۡمُتَّقِينَ
كَٱلۡفُجَّارِ ٢٨

29. Kinh Sách (Qur'an) mà TA đã ban xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) là một Kinh Sách đầy phúc lành để họ nghiền ngẫm về những câu Kinh của Nó và để cho những người thông hiểu lưu tâm.

كِتَٰبٌ أَنزَلۡنَٰهُ إِلَيۡكَ مُبَٰرَكٞ لِّيَدَّبَّرُوٓاْ ءَايَٰتِهِۦ
وَلِيَتَذَكَّرَ أُوْلُواْ ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٢٩

30. TA đã ban cho Dawood đứa con trai, (đó là) Sulayman, (Y là) một người bề tôi ưu hạng, Y là người bề tôi hằng quay về sám hối.

وَوَهَبۡنَا لِدَاوُۥدَ سُلَيۡمَٰنَۚ نِعۡمَ ٱلۡعَبۡدُ إِنَّهُۥٓ أَوَّابٌ ٣٠

31. Vào một buổi xế chiều, những con ngựa tốt có những bước chân nhanh nhẹn, được mang đến trình (Sulayman).

إِذۡ عُرِضَ عَلَيۡهِ بِٱلۡعَشِيِّ ٱلصَّٰفِنَٰتُ ٱلۡجِيَادُ ٣١

32. (Sulayman) nói: “Quả thật, Ta đã từng yêu thích món vật tốt hơn cả việc tưởng nhớ Thượng Đế của Ta cho đến khi mặt trời đã khuất bóng sau màn đêm (lỡ cả lễ nguyện Salah ‘Asr)”.

فَقَالَ إِنِّيٓ أَحۡبَبۡتُ حُبَّ ٱلۡخَيۡرِ عَن ذِكۡرِ رَبِّي حَتَّىٰ
تَوَارَتۡ بِٱلۡحِجَابِ ٣٢

33. “Hãy dắt chúng (đàn ngựa) trở lại cho ta”, rồi (Sulayman) lấy kiếm đánh vào chân và cổ của chúng.

رُدُّوهَا عَلَيَّۖ فَطَفِقَ مَسۡحَۢا بِٱلسُّوقِ وَٱلۡأَعۡنَاقِ ٣٣

34. Quả thật, TA đã thử thách Sulayman. TA đã đặt lên ngai vàng của Y một con quỷ (và Y đã mất đi vương quyền trong một thời gian ngắn). Sau đó, (Sulayman) đã quay về sám hối (với TA và TA đã phục vương quyền trở lại cho Y).

وَلَقَدۡ فَتَنَّا سُلَيۡمَٰنَ وَأَلۡقَيۡنَا عَلَىٰ كُرۡسِيِّهِۦ جَسَدٗا ثُمَّ
أَنَابَ ٣٤

35. (Sulayman) cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài tha thứ cho bề tôi và ban cho bề tôi một vương quyền mà Ngài sẽ không ban cho một ai khác sau bề tôi. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Ban Bố.”

قَالَ رَبِّ ٱغۡفِرۡ لِي وَهَبۡ لِي مُلۡكٗا لَّا يَنۢبَغِي لِأَحَدٖ
مِّنۢ بَعۡدِيٓۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡوَهَّابُ ٣٥

36. TA (Allah) đã chế ngự gió cho (Sulayman), bắt nó bay một cách nhẹ nhàng đến bất cứ nơi nào tùy theo lệnh của Y.

فَسَخَّرۡنَا لَهُ ٱلرِّيحَ تَجۡرِي بِأَمۡرِهِۦ رُخَآءً حَيۡثُ
أَصَابَ ٣٦

37. TA bắt Shaytan phục tùng (Sulayman), chúng bao gồm thợ xây và thợ lặn.

وَٱلشَّيَٰطِينَ كُلَّ بَنَّآءٖ وَغَوَّاصٖ ٣٧

38. Còn những tên (Shaytan) khác thì bị xiềng xích lại.

وَءَاخَرِينَ مُقَرَّنِينَ فِي ٱلۡأَصۡفَادِ ٣٨

39. (Allah phán bảo Sulayman): “(Này Sulayman), đây là phần ban phát của TA dành cho Ngươi. Ngươi chi dùng (bố thí cho ai) hoặc giữ lại (không cho ai) là tùy ý Ngươi, Ngươi sẽ không bị thanh toán (về việc đó).

هَٰذَا عَطَآؤُنَا فَٱمۡنُنۡ أَوۡ أَمۡسِكۡ بِغَيۡرِ حِسَابٖ ٣٩

40. Quả thật, (Sulayman) có nơi TA một chỗ gần gũi và một nơi quay trở về tốt đẹp.

وَإِنَّ لَهُۥ عِندَنَا لَزُلۡفَىٰ وَحُسۡنَ مَـَٔابٖ ٤٠

41. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhớ đến người bề tôi Ayyub của TA khi Y khóc than gọi Thượng Đế của Y, cầu nguyện : “Quả thật, Shaytan đã làm cho bề tôi khổ tâm và đau đớn.”

وَٱذۡكُرۡ عَبۡدَنَآ أَيُّوبَ إِذۡ نَادَىٰ رَبَّهُۥٓ أَنِّي مَسَّنِيَ
ٱلشَّيۡطَٰنُ بِنُصۡبٖ وَعَذَابٍ ٤١

42. (TA – Allah phán bảo Ayyub): “Ngươi hãy dùng chân của mình giẫm lên mặt đất. Nơi đây, sẽ có nước cho ngươi tắm rửa và uống.”

ٱرۡكُضۡ بِرِجۡلِكَۖ هَٰذَا مُغۡتَسَلُۢ بَارِدٞ وَشَرَابٞ ٤٢

43. TA đã trả gia đình lại cho (Ayyub) và ban thêm cho Y Hồng Ân từ nơi TA và (đó) là một sự Nhắc Nhở cho những người thông hiểu.

وَوَهَبۡنَا لَهُۥٓ أَهۡلَهُۥ وَمِثۡلَهُم مَّعَهُمۡ رَحۡمَةٗ مِّنَّا وَذِكۡرَىٰ لِأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٤٣

44. (Lúc Ayyub giận vợ và thề sẽ đánh đòn vợ một trăm roi. Thế là TA – Allah phán bảo Y): “Ngươi hãy nắm trong tay một chùm cọng lá chà là, Ngươi dùng nó đánh (nữ ta) và Ngươi sẽ không phạm lời thề.” Quả thật, TA đã thấy Y hằng chịu đựng, kiên nhẫn. Y đích thực là một người bề tôi ưu hạng, Y đích thực là người bề tôi luôn biết quay đầu sám hối (với TA).

وَخُذۡ بِيَدِكَ ضِغۡثٗا فَٱضۡرِب بِّهِۦ وَلَا تَحۡنَثۡۗ إِنَّا وَجَدۡنَٰهُ صَابِرٗاۚ نِّعۡمَ ٱلۡعَبۡدُ إِنَّهُۥٓ أَوَّابٞ ٤٤

45. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhớ đến những người bề tôi của TA, Ibrahim, Is-haaq và Ya’qub. Họ là những người cương nghị và có cái nhìn thấu đáo sự việc.

وَٱذۡكُرۡ عِبَٰدَنَآ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ أُوْلِي ٱلۡأَيۡدِي وَٱلۡأَبۡصَٰرِ ٤٥

46. Quả thật, TA đã chọn họ làm những người hết lòng tưởng nhớ Ngôi nhà (ở Đời Sau).

إِنَّآ أَخۡلَصۡنَٰهُم بِخَالِصَةٖ ذِكۡرَى ٱلدَّارِ ٤٦

47. Đối với TA, họ thực sự là những thành phần ưu tú được tuyển chọn.

وَإِنَّهُمۡ عِندَنَا لَمِنَ ٱلۡمُصۡطَفَيۡنَ ٱلۡأَخۡيَارِ ٤٧

48. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nhớ đến Isma’il, Al-Yasa’ (Elisha) và Zdul-kifl. Tất cả họ đều thuộc thành phần ưu tú được tuyển chọn.

وَٱذۡكُرۡ إِسۡمَٰعِيلَ وَٱلۡيَسَعَ وَذَا ٱلۡكِفۡلِۖ وَكُلّٞ مِّنَ ٱلۡأَخۡيَارِ ٤٨

49. Đây là Lời Nhắc Nhở. Quả thật những người ngoan đạo (sợ Allah) sẽ có một nơi trở về vô cùng tốt đẹp.

هَٰذَا ذِكۡرٞۚ وَإِنَّ لِلۡمُتَّقِينَ لَحُسۡنَ مَـَٔابٖ ٤٩

50. Những Ngôi Vườn Thiên Đàng Vĩnh Cửu với những cánh cửa luôn luôn được mở đón chờ họ.

جَنَّٰتِ عَدۡنٖ مُّفَتَّحَةٗ لَّهُمُ ٱلۡأَبۡوَٰبُ ٥٠

51. Họ sẽ tựa mình thoải mái trong đó; họ sẽ gọi nhiều loại trái quả (để ăn) và nhiều loại nước giải khát (để uống) một cách tùy thích.

مُتَّكِـِٔينَ فِيهَا يَدۡعُونَ فِيهَا بِفَٰكِهَةٖ كَثِيرَةٖ وَشَرَابٖ ٥١

52. Bên cạnh họ sẽ là những nàng trinh nữ chỉ biết ngắm nhìn chồng của mình.

۞وَعِندَهُمۡ قَٰصِرَٰتُ ٱلطَّرۡفِ أَتۡرَابٌ ٥٢

53. Đây là những gì mà các ngươi (hỡi những người ngoan đạo) đã được hứa vào Ngày Phán Xét (Cuối Cùng).

هَٰذَا مَا تُوعَدُونَ لِيَوۡمِ ٱلۡحِسَابِ ٥٣

54. Đây là bổng lộc vô tận của TA (dành cho những người ngoan đạo).

إِنَّ هَٰذَا لَرِزۡقُنَا مَا لَهُۥ مِن نَّفَادٍ ٥٤

55. Đây (là phần thưởng dành cho những người ngoan đạo). Riêng đối với những kẻ vượt quá (giới hạn của TA) thì sẽ có một nơi trở về vô cùng tồi tệ.

هَٰذَاۚ وَإِنَّ لِلطَّٰغِينَ لَشَرَّ مَـَٔابٖ ٥٥

56. (Đó là) Hỏa Ngục, nơi mà họ sẽ bị thiêu đốt; một chốn ở hết mức tồi tệ.	جَهَنَّمَ يَصۡلَوۡنَهَا فَبِئۡسَ ٱلۡمِهَادُ ٥٦
57. Đây (là sự trừng phạt dành cho những kẻ vượt quá giới hạn). Bởi vậy, hãy để cho họ nếm nó: một loại nước cực sôi và một loại chất mủ hôi tanh.	هَٰذَا فَلۡيَذُوقُوهُ حَمِيمٞ وَغَسَّاقٞ ٥٧
58. (Ngoài những phình phạt đó) còn có các loại hình phạt tương xứng khác nữa.	وَءَاخَرُ مِن شَكۡلِهِۦٓ أَزۡوَٰجٌ ٥٨
59. (Khi cư dân Hỏa Ngục đi vào trong đó, họ mắng nhiếc nhau, nói): “Đây là một đoàn người cắm đầu chạy chung với các người, không được ai nghinh đón cả! Chắc chắn, họ sẽ bị nướng trong Lửa (giống như chúng ta).”	هَٰذَا فَوۡجٞ مُّقۡتَحِمٞ مَّعَكُمۡ لَا مَرۡحَبَۢا بِهِمۡۚ إِنَّهُمۡ صَالُواْ ٱلنَّارِ ٥٩
60. (Những kẻ đi theo nói với những tên thủ lĩnh của họ): “Không, không ai chào đón các người cả. Chính các người đã mang điều này đến cho chúng tôi. Cho nên, đây là một chỗ ngụ xấu xa dành cho tất cả chúng ta.”	قَالُواْ بَلۡ أَنتُمۡ لَا مَرۡحَبَۢا بِكُمۡۖ أَنتُمۡ قَدَّمۡتُمُوهُ لَنَاۖ فَبِئۡسَ ٱلۡقَرَارُ ٦٠
61. (Những kẻ đi theo) thưa: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Kẻ nào làm cho bầy tôi mang tội này thì xin Ngài trừng phạt kẻ đó gấp đôi trong Hỏa Ngục.”	قَالُواْ رَبَّنَا مَن قَدَّمَ لَنَا هَٰذَا فَزِدۡهُ عَذَابٗا ضِعۡفٗا فِي ٱلنَّارِ ٦١
62. (Những kẻ tự cao tự đại trong những thành phần vượt quá giới hạn) bảo: “Tại sao chúng tôi không thấy những kẻ mà chúng tôi đã liệt họ vào đám người xấu xa?”	وَقَالُواْ مَا لَنَا لَا نَرَىٰ رِجَالٗا كُنَّا نَعُدُّهُم مِّنَ ٱلۡأَشۡرَارِ ٦٢
63. “Lẽ nào chúng tôi đã chế giễu họ hay lẽ nào chúng tôi đã bị quáng mắt không nhìn thấy họ?”	أَتَّخَذۡنَٰهُمۡ سِخۡرِيًّا أَمۡ زَاغَتۡ عَنۡهُمُ ٱلۡأَبۡصَٰرُ ٦٣
64. Đó là sự thật về việc tranh cãi của các cư dân nơi Hỏa Ngục.	إِنَّ ذَٰلِكَ لَحَقّٞ تَخَاصُمُ أَهۡلِ ٱلنَّارِ ٦٤
65. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ vô đức tin trong đám dân của Ngươi): “Quả thật, Ta chỉ là một người cảnh báo, và thực sự không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Tối Thượng.”	قُلۡ إِنَّمَآ أَنَا۠ مُنذِرٞۖ وَمَا مِنۡ إِلَٰهٍ إِلَّا ٱللَّهُ ٱلۡوَٰحِدُ ٱلۡقَهَّارُ ٦٥
66. “(Ngài là) Thượng Đế của các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa trời đất, và Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Tha Thứ.”	رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡغَفَّٰرُ ٦٦
67. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ phủ nhận này): “Nó (Qur’an) là một nguồn tin vĩ đại.”	قُلۡ هُوَ نَبَؤٌاْ عَظِيمٌ ٦٧
68. “Cái mà các người thường quay mặt ngoảnh đi.”	أَنتُمۡ عَنۡهُ مُعۡرِضُونَ ٦٨

69. “Ta không hề biết bất cứ điều gì về các vị trên cao (các Thiên Thần) khi họ tranh luận với nhau.”

مَا كَانَ لِيَ مِنۡ عِلۡمِۭ بِٱلۡمَلَإِ ٱلۡأَعۡلَىٰٓ إِذۡ يَخۡتَصِمُونَ ٦٩

70. “Quả thật, Ta chỉ được Mặc Khải cho biết rằng Ta là một người cảnh báo công khai.”

إِن يُوحَىٰٓ إِلَيَّ إِلَّآ أَنَّمَآ أَنَا۠ نَذِيرٞ مُّبِينٌ ٧٠

71. (Ngươi hãy nhớ lại) khi Thượng Đế của Ngươi tuyên bố với các Thiên Thần: “Quả thật, TA sắp tạo một người phàm (Adam) từ đất sét.”

إِذۡ قَالَ رَبُّكَ لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ إِنِّي خَٰلِقُۢ بَشَرٗا مِّن
طِينٖ ٧١

72. Khi TA đã uốn nắn Y thành hình thể và đã thổi vào Y linh hồn từ nơi TA thì TA ra lệnh (cho các Thiên Thần): “Các ngươi hãy cúi xuống quỳ lạy Y.”

فَإِذَا سَوَّيۡتُهُۥ وَنَفَخۡتُ فِيهِ مِن رُّوحِي فَقَعُواْ لَهُۥ
سَٰجِدِينَ ٧٢

73. Thế là tất cả các Thiên Thần đều cúi xuống quỳ lạy.

فَسَجَدَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ كُلُّهُمۡ أَجۡمَعُونَ ٧٣

74. Ngoại trừ Iblis. Nó tự cao tự đại (không tuân lệnh) nên đã trở thành một tên phản nghịch.

إِلَّآ إِبۡلِيسَ ٱسۡتَكۡبَرَ وَكَانَ مِنَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٧٤

75. (Allah) phán: “Này Iblis! Điều gì ngăn nhà ngươi quỳ lạy thứ mà TA đã tạo ra từ chính đôi Bàn Tay của TA? Có phải nhà ngươi ngạo mạn (xem thường vật TA tạo) hoặc có phải nhà ngươi đã ngạo mạn và tự cao (đối với mệnh lệnh của TA từ trước)?”

قَالَ يَٰٓإِبۡلِيسُ مَا مَنَعَكَ أَن تَسۡجُدَ لِمَا خَلَقۡتُ
بِيَدَيَّۖ أَسۡتَكۡبَرۡتَ أَمۡ كُنتَ مِنَ ٱلۡعَالِينَ ٧٥

76. (Iblis) nói: “Bề tôi tốt hơn Y (Adam) bởi lẽ Ngài đã tạo bề tôi từ lửa trong khi Ngài tạo Y từ đất sét.”

قَالَ أَنَا۠ خَيۡرٞ مِّنۡهُ خَلَقۡتَنِي مِن نَّارٖ وَخَلَقۡتَهُۥ مِن
طِينٖ ٧٦

77. (Allah) phán: “Ngươi hãy cút khỏi (Thiên Đàng), quả thật nhà ngươi là một tên đã bị trục xuất.”

قَالَ فَٱخۡرُجۡ مِنۡهَا فَإِنَّكَ رَجِيمٞ ٧٧

78. “Quả thật, nhà ngươi là kẻ bị nguyền rủa cho đến Ngày Thưởng Phạt Cuối Cùng.”

وَإِنَّ عَلَيۡكَ لَعۡنَتِيٓ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلدِّينِ ٧٨

79. (Iblis) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài tạm tha bề tôi cho đến ngày (mà các bề tôi của Ngài) được dựng sống trở lại.”

قَالَ رَبِّ فَأَنظِرۡنِيٓ إِلَىٰ يَوۡمِ يُبۡعَثُونَ ٧٩

80. (Allah) phán: “Thế thì nhà ngươi là kẻ được tạm tha,”

قَالَ فَإِنَّكَ مِنَ ٱلۡمُنظَرِينَ ٨٠

81. “Cho đến Ngày của thời khắc đã được ấn định.”

إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡوَقۡتِ ٱلۡمَعۡلُومِ ٨١

82. (Iblis) nói: “Với Quyền Năng của Ngài, bề tôi sẽ lôi kéo tất cả (con cháu của Adam) lầm lạc.”

قَالَ فَبِعِزَّتِكَ لَأُغۡوِيَنَّهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٨٢

83. “Ngoại trừ những bề tôi trung thực và thành tâm của Ngài trong số họ.”

إِلَّا عِبَادَكَ مِنۡهُمُ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ٨٣

84. (Allah) phán: “Sự Thật là từ nơi TA và TA luôn luôn nói sự Thật.”

قَالَ فَٱلۡحَقُّ وَٱلۡحَقَّ أَقُولُ ٨٤

85. “TA chắc chắn sẽ giam nhà ngươi cùng tất cả những ai trong số họ đi theo nhà ngươi vào Hỏa Ngục.”

لَأَمۡلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنكَ وَمِمَّن تَبِعَكَ مِنۡهُمۡ
أَجۡمَعِينَ ٨٥

86. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ thờ đa thần): “Ta không hề đòi các người trả thù lao cho TA về sứ mạng này và Ta cũng không phải là một tên bịa chuyện.”

قُلۡ مَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٖ وَمَآ أَنَا۠ مِنَ
ٱلۡمُتَكَلِّفِينَ ٨٦

87. “Quả thật, Nó (Qur’an) chỉ là lời nhắc nhở và khuyên răn cho muôn loài (con người, Jinn và các tạo vật khác).”

إِنۡ هُوَ إِلَّا ذِكۡرٞ لِّلۡعَٰلَمِينَ ٨٧

88. “Chắc chắn các người sẽ biết Thông Tin của Nó (là sự thật) sau một thời gian (khi các người đối diện với cái chết).”

وَلَتَعۡلَمُنَّ نَبَأَهُۥ بَعۡدَ حِينِۭ ٨٨

Az-Zumar (Những Nhóm Người) الزمر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Kinh Sách (Qur’an) được ban xuống từ nơi Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

تَنزِيلُ ٱلۡكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَكِيمِ ١

2. Quả thật, TA (Allah) đã ban xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) Kinh Sách (Qur’an) chứa đựng điều chân lý. Do đó, Ngươi hãy thờ phượng Allah, thành tâm qui phục một mình Ngài.

إِنَّآ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّ فَٱعۡبُدِ ٱللَّهَ مُخۡلِصٗا لَّهُ ٱلدِّينَ ٢

3. Lẽ nào việc chân thành qui phục không phải chỉ dành riêng cho một mình Allah duy nhất ư? Những kẻ đã nhận lấy ngoài Ngài các đấng bảo hộ (từ các thần linh bục tượng, các tà thần, nói): “Chúng tôi không thờ phượng họ mà thật ra chúng tôi chỉ muốn nhờ họ đưa chúng tôi đến gần Allah mà thôi.” Allah chắc chắn sẽ xét xử giữa họ về điều họ tranh cãi. Quả thật, Allah không hướng dẫn kẻ nói dối, vô đức tin.

أَلَا لِلَّهِ ٱلدِّينُ ٱلۡخَالِصُۚ وَٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَ مَا نَعۡبُدُهُمۡ إِلَّا لِيُقَرِّبُونَآ إِلَى ٱللَّهِ زُلۡفَىٰٓ إِنَّ ٱللَّهَ يَحۡكُمُ بَيۡنَهُمۡ فِي مَا هُمۡ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي مَنۡ هُوَ كَٰذِبٞ كَفَّارٞ ٣

4. Nếu Allah thực sự muốn nhận lấy một đứa con trai cho mình là Ngài đã chọn trong số tạo vật mà Ngài đã tạo một người vừa ý của Ngài. Tuy nhiên, Ngài Quang Vinh và Tối Cao (vượt xa điều đó)! Ngài là Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Quyền Năng.

لَّوۡ أَرَادَ ٱللَّهُ أَن يَتَّخِذَ وَلَدٗا لَّٱصۡطَفَىٰ مِمَّا يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُۚ سُبۡحَٰنَهُۥۖ هُوَ ٱللَّهُ ٱلۡوَٰحِدُ ٱلۡقَهَّارُ ٤

5. Ngài đã tạo các tầng trời và trái đất vì chân lý (mang ý nghĩa và mục đích cao thâm). Ngài cuốn ban đêm bao phủ ban ngày và cuốn ban ngày bao phủ ban đêm. Ngài chế ngự mặt trời và mặt trăng. Mỗi vật đều di chuyển đến một thời hạn ấn định. Vậy lẽ nào Ngài không là Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Tha Thứ ư?

خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّۖ يُكَوِّرُ ٱلَّيۡلَ عَلَى ٱلنَّهَارِ وَيُكَوِّرُ ٱلنَّهَارَ عَلَى ٱلَّيۡلِۖ وَسَخَّرَ ٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَۖ كُلّٞ يَجۡرِي لِأَجَلٖ مُّسَمًّىۗ أَلَا هُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡغَفَّٰرُ ٥

6. Ngài đã tạo hóa các ngươi (hỡi nhân loại) từ một cá thể duy nhất, (đó là Adam). Rồi từ Y, Ngài đã tạo ra người vợ của Y (Hauwa). Rồi Ngài ban xuống tám con gia súc cho các ngươi. Ngài tạo các ngươi trong dạ con của các bà mẹ của các ngươi theo từng giai đoạn, cái này tiếp nối theo sau cái kia, trong ba lớp màng tối. Đó là Allah, Thượng Đế của các ngươi. Mọi quyền thống trị đều thuộc về Ngài. Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Vậy sao các ngươi lại lánh xa Ngài (không thờ phượng Ngài mà thờ phượng các tạo vật của Ngài)?

خَلَقَكُم مِّن نَّفۡسٖ وَٰحِدَةٖ ثُمَّ جَعَلَ مِنۡهَا زَوۡجَهَا وَأَنزَلَ لَكُم مِّنَ ٱلۡأَنۡعَٰمِ ثَمَٰنِيَةَ أَزۡوَٰجٖۚ يَخۡلُقُكُمۡ فِي بُطُونِ أُمَّهَٰتِكُمۡ خَلۡقٗا مِّنۢ بَعۡدِ خَلۡقٖ فِي ظُلُمَٰتٖ ثَلَٰثٖۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡ لَهُ ٱلۡمُلۡكُۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ فَأَنَّىٰ تُصۡرَفُونَ ٦

7. Nếu các ngươi vô đức tin thì quả thật Allah vẫn là Đấng Giàu Có, chẳng lệ thuộc gì các ngươi cả, chỉ có điều Ngài không hài lòng với sự vong ân của đám bầy tôi của Ngài. Nhưng nếu các ngươi biết tri ân thì Ngài sẽ hài lòng với các ngươi. Quả thật, không ai phải gánh tội cho người khác. Rồi đây, các ngươi sẽ quay về gặp Thượng Đế của các ngươi trở lại; rồi Ngài sẽ cho các ngươi biết về những điều mà các ngươi đã từng làm. Quả thật, Ngài là Đấng biết rõ những điều nằm trong lòng (của mỗi người các ngươi).

إِن تَكۡفُرُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَنِيٌّ عَنكُمۡۖ وَلَا يَرۡضَىٰ
لِعِبَادِهِ ٱلۡكُفۡرَۖ وَإِن تَشۡكُرُواْ يَرۡضَهُ لَكُمۡۗ وَلَا تَزِرُ
وَازِرَةٞ وِزۡرَ أُخۡرَىٰۚ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّكُم مَّرۡجِعُكُمۡ
فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَۚ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ
ٱلصُّدُورِ ٧

8. Con người khi gặp nạn thường khẩn cầu Thượng Đế của y, quay về sám hối với Ngài. Nhưng khi Ngài đã ban cho y Ân Huệ từ nơi Ngài, y lại quên mất điều mà y đã từng cầu xin Ngài trước đó, không những vậy, y còn dựng lên những thần linh cùng với Allah hầu mong dẫn thiên hạ đi lạc khỏi con đường của Ngài. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ như thế): "Ngươi cứ hưởng thụ chốc lát bằng sự vô đức tin của ngươi. Chắc chắn (rồi đây) ngươi sẽ là một trong những người bạn của Hỏa Ngục."

۞وَإِذَا مَسَّ ٱلۡإِنسَٰنَ ضُرّٞ دَعَا رَبَّهُۥ مُنِيبًا إِلَيۡهِ ثُمَّ
إِذَا خَوَّلَهُۥ نِعۡمَةٗ مِّنۡهُ نَسِيَ مَا كَانَ يَدۡعُوٓاْ إِلَيۡهِ مِن
قَبۡلُ وَجَعَلَ لِلَّهِ أَندَادٗا لِّيُضِلَّ عَن سَبِيلِهِۦۚ قُلۡ تَمَتَّعۡ
بِكُفۡرِكَ قَلِيلًا إِنَّكَ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلنَّارِ ٨

9. Lẽ nào một người thức khuya đứng lạy, lo sợ cho Đời Sau và hy vọng nơi lòng nhân từ của Thượng Đế của y (lại giống với kẻ thờ phượng Allah trong hoạn nạn và phủ nhận Ngài trong lúc phồn thịnh) hay sao? Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Lẽ nào những người hiểu biết lại ngang bằng với những kẻ không biết gì ư?" Quả thật chỉ những người thông hiểu mới lưu tâm.

أَمَّنۡ هُوَ قَٰنِتٌ ءَانَآءَ ٱلَّيۡلِ سَاجِدٗا وَقَآئِمٗا يَحۡذَرُ
ٱلۡأٓخِرَةَ وَيَرۡجُواْ رَحۡمَةَ رَبِّهِۦۗ قُلۡ هَلۡ يَسۡتَوِي ٱلَّذِينَ
يَعۡلَمُونَ وَٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَۗ إِنَّمَا يَتَذَكَّرُ أُوْلُواْ
ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٩

10. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Hỡi những bề tôi có đức tin! Các ngươi hãy sợ Thượng Đế của các ngươi. Những ai làm điều thiện tốt trên thế gian thì sẽ gặp điều tốt trở lại. Và (các ngươi hãy biết rằng) đất đai của Allah rộng thênh thang. Quả thật, chỉ những người kiên nhẫn mới được ban trọn phần thưởng một cách không tính toán."

قُلۡ يَٰعِبَادِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ رَبَّكُمۡۚ لِلَّذِينَ
أَحۡسَنُواْ فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٞۗ وَأَرۡضُ ٱللَّهِ وَٰسِعَةٌۗ
إِنَّمَا يُوَفَّى ٱلصَّٰبِرُونَ أَجۡرَهُم بِغَيۡرِ حِسَابٖ ١٠

11. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Quả thật, Ta được lệnh phải thờ phượng Allah, thành tâm thần phục một mình Ngài."

قُلۡ إِنِّيٓ أُمِرۡتُ أَنۡ أَعۡبُدَ ٱللَّهَ مُخۡلِصٗا لَّهُ ٱلدِّينَ ١١

12. "Và Ta được lệnh phải trở thành một trong những người Muslim (thần phục Ngài) đầu tiên."

وَأُمِرۡتُ لِأَنۡ أَكُونَ أَوَّلَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ١٢

13. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: "Ta thực sự sợ hình phạt của Ngày Trọng Đại nếu Ta bất tuân Thượng Đế của Ta."

قُلۡ إِنِّيٓ أَخَافُ إِنۡ عَصَيۡتُ رَبِّي عَذَابَ يَوۡمٍ
عَظِيمٖ ١٣

14. Ngươi hãy nói: "Ta thờ phượng Allah, thành tâm thần phục một mình Ngài".

قُلِ ٱللَّهَ أَعۡبُدُ مُخۡلِصٗا لَّهُۥ دِينِي ١٤

15. Do đó, các ngươi (hỡi những kẻ thờ đa thần) hãy cứ thờ phượng ngoài Ngài những gì các ngươi yêu thích. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Những kẻ thua thiệt là những ai đã làm bản thân và gia đình thất bại vào Ngày Phục Sinh. Đó thực sự là một sự thua thiệt rõ ràng!”

فَٱعۡبُدُواْ مَا شِئۡتُم مِّن دُونِهِۦۗ قُلۡ إِنَّ ٱلۡخَٰسِرِينَ
ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ وَأَهۡلِيهِمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ أَلَا
ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡخُسۡرَانُ ٱلۡمُبِينُ ١٥

16. Họ sẽ bị các tấm màn bằng lửa bao phủ phía trên và phía dưới. Allah dùng nó để làm run sợ bầy tôi của Ngài như thế. Hỡi bầy tôi của TA, các ngươi hãy sợ TA.

لَهُم مِّن فَوۡقِهِمۡ ظُلَلٞ مِّنَ ٱلنَّارِ وَمِن تَحۡتِهِمۡ ظُلَلٞۚ
ذَٰلِكَ يُخَوِّفُ ٱللَّهُ بِهِۦ عِبَادَهُۥۚ يَٰعِبَادِ فَٱتَّقُونِ ١٦

17. Riêng những ai tránh xa các tà thần, không thờ phượng chúng và quay về sám hối với Allah thì sẽ được tin mừng. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy báo tin mừng cho đám bề tôi của TA.

وَٱلَّذِينَ ٱجۡتَنَبُواْ ٱلطَّٰغُوتَ أَن يَعۡبُدُوهَا وَأَنَابُوٓاْ إِلَى
ٱللَّهِ لَهُمُ ٱلۡبُشۡرَىٰۚ فَبَشِّرۡ عِبَادِ ١٧

18. Những ai nghe Lời Phán và tuân theo điều tốt nhất của nó. Họ là những người đã được Allah hướng dẫn và họ là những người thông hiểu.

ٱلَّذِينَ يَسۡتَمِعُونَ ٱلۡقَوۡلَ فَيَتَّبِعُونَ أَحۡسَنَهُۥٓۚ أُوْلَٰٓئِكَ
ٱلَّذِينَ هَدَىٰهُمُ ٱللَّهُۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمۡ أُوْلُواْ ٱلۡأَلۡبَٰبِ ١٨

19. Một người mà lời tuyên bố trừng phạt y đã được xác nhận thì Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không còn cách nào có thể hướng dẫn được kẻ đó. Lẽ nào Ngươi lại muốn cứu vớt một người đang ở trong Hỏa Ngục?

أَفَمَنۡ حَقَّ عَلَيۡهِ كَلِمَةُ ٱلۡعَذَابِ أَفَأَنتَ تُنقِذُ مَن فِي
ٱلنَّارِ ١٩

20. Tuy nhiên, những ai sợ Thượng Đế của họ thì sẽ được ban cho các tòa nhà cao tầng chồng lên nhau, bên dưới có các dòng sông chảy. (Đó là) Lời Hứa của Allah và Allah không hề thất hứa.

لَٰكِنِ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ رَبَّهُمۡ لَهُمۡ غُرَفٞ مِّن فَوۡقِهَا
غُرَفٞ مَّبۡنِيَّةٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ وَعۡدَ ٱللَّهِ لَا
يُخۡلِفُ ٱللَّهُ ٱلۡمِيعَادَ ٢٠

21. Quả thật, ngươi (con người) quan sát thấy việc Allah cho mưa từ trên trời xuống để nó thấm vào lòng đất chảy thành mạch nước, rồi Ngài dùng nó làm mọc ra cây trái đủ màu sắc, rồi cây cối bắt đầu úa dần, ngươi thấy nó héo vàng, rồi Ngài làm cho nó khô héo vỡ vụn. Quả thật, trong sự việc đó là điều nhắc nhở dành cho những người thông hiểu.

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَسَلَكَهُۥ
يَنَٰبِيعَ فِي ٱلۡأَرۡضِ ثُمَّ يُخۡرِجُ بِهِۦ زَرۡعٗا مُّخۡتَلِفًا
أَلۡوَٰنُهُۥ ثُمَّ يَهِيجُ فَتَرَىٰهُ مُصۡفَرّٗا ثُمَّ يَجۡعَلُهُۥ حُطَٰمًاۚ
إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَذِكۡرَىٰ لِأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٢١

22. Lẽ nào một người được Allah mở rộng tấm lòng để tiếp nhận Islam rồi bước đi trên ánh sáng của Thượng Đế của y (lại giống với một kẻ vô đức tin) ư? Thật khốn cho những kẻ mà trái tim của họ đã chai cứng trước Lời Nhắc Nhở của Allah! Những kẻ đó quả thật đang ở trong sự lầm lạc rõ ràng.

أَفَمَن شَرَحَ ٱللَّهُ صَدۡرَهُۥ لِلۡإِسۡلَٰمِ فَهُوَ عَلَىٰ نُورٖ مِّن
رَّبِّهِۦۚ فَوَيۡلٞ لِّلۡقَٰسِيَةِ قُلُوبُهُم مِّن ذِكۡرِ ٱللَّهِۚ أُوْلَٰٓئِكَ
فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ٢٢

23. Allah đã ban xuống những Lời nói tốt đẹp nhất: Một Kinh Sách mang đại ý giống nhau và lặp đi lặp lại. Khi nghe Nó, lớp da của những ai sợ Thượng Đế của họ sẽ sởn gai ốc (vì run sợ). Rồi lớp da và trái tim của họ sẽ mềm đi khi nghĩ đến Allah. Đó là nguồn hướng dẫn của Allah, Ngài dùng Nó để hướng dẫn ai Ngài muốn; và ai mà Allah làm cho lầm lạc thì sẽ không có được người hướng dẫn.

ٱللَّهُ نَزَّلَ أَحۡسَنَ ٱلۡحَدِيثِ كِتَٰبٗا مُّتَشَٰبِهٗا مَّثَانِيَ تَقۡشَعِرُّ مِنۡهُ جُلُودُ ٱلَّذِينَ يَخۡشَوۡنَ رَبَّهُمۡ ثُمَّ تَلِينُ جُلُودُهُمۡ وَقُلُوبُهُمۡ إِلَىٰ ذِكۡرِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ هُدَى ٱللَّهِ يَهۡدِي بِهِۦ مَن يَشَآءُۚ وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنۡ هَادٍ ٢٣

24. Vậy, một người dùng gương mặt của mình để đỡ lấy hình phạt tồi tệ của Ngày Phán Xét (có bằng với người được vào Thiên Đàng hay không)? Rồi đây, những tên làm điều sai quấy sẽ được bảo: “Các ngươi hãy nếm (sự trừng phạt từ) những điều mà các ngươi đã làm ra.”

أَفَمَن يَتَّقِي بِوَجۡهِهِۦ سُوٓءَ ٱلۡعَذَابِ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ وَقِيلَ لِلظَّٰلِمِينَ ذُوقُواْ مَا كُنتُمۡ تَكۡسِبُونَ ٢٤

25. (Những kẻ thờ đa thần này), trước họ cũng đã có những kẻ phủ nhận và sự trừng phạt đã đến với những kẻ đó một cách mà chúng không thể ngờ tới.

كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ فَأَتَىٰهُمُ ٱلۡعَذَابُ مِنۡ حَيۡثُ لَا يَشۡعُرُونَ ٢٥

26. Allah đã bắt họ nếm sự nhục nhã ở đời này nhưng sự trừng phạt dành cho họ ở Đời Sau chắc chắn sẽ còn to lớn hơn, nếu họ biết điều đó!

فَأَذَاقَهُمُ ٱللَّهُ ٱلۡخِزۡيَ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ وَلَعَذَابُ ٱلۡأٓخِرَةِ أَكۡبَرُۚ لَوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ٢٦

27. Quả thật, TA đã trình bày cho nhân loại trong Qur’an này tất cả các hình ảnh thí dụ, mong rằng họ biết ghi nhớ và lưu tâm.

وَلَقَدۡ ضَرَبۡنَا لِلنَّاسِ فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ مِن كُلِّ مَثَلٖ لَّعَلَّهُمۡ يَتَذَكَّرُونَ ٢٧

28. (TA - Allah đã ban xuống) Kinh Qur’an bằng tiếng Ả-rập, không quanh co (mơ hồ), mong rằng họ ngoan đạo (sợ Allah).

قُرۡءَانًا عَرَبِيًّا غَيۡرَ ذِي عِوَجٖ لَّعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ ٢٨

29. Allah đưa ra hình ảnh thí dụ, một người phục vụ cho nhiều ông chủ gồm những kẻ hợp tác nhưng hay tranh chấp nhau, còn một người chỉ phục vụ cho một ông chủ duy nhất, hai người này có ngang bằng nhau không? Mọi lời ca ngợi và tán dương đều thuộc về Allah! Không, đa số bọn họ không biết gì (nên mới thờ phượng các thần linh ngoài Allah).

ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا رَّجُلٗا فِيهِ شُرَكَآءُ مُتَشَٰكِسُونَ وَرَجُلٗا سَلَمٗا لِّرَجُلٍ هَلۡ يَسۡتَوِيَانِ مَثَلًاۚ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٢٩

30. Quả thật, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ chết và họ cũng sẽ chết.

إِنَّكَ مَيِّتٞ وَإِنَّهُم مَّيِّتُونَ ٣٠

31. Rồi vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, các ngươi sẽ đối chất với nhau trước Thượng Đế của các ngươi (để biết ai là người của chân lý và ai là kẻ của sự ngụy tạo và sai trái).

ثُمَّ إِنَّكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ عِندَ رَبِّكُمۡ تَخۡتَصِمُونَ ٣١

32. Vậy còn ai sai quấy hơn kẻ đã nói dối cho Allah và đã phủ nhận chân lý khi nó đến với y? Lẽ nào Hỏa Ngục không phải là nơi cư ngụ cho những kẻ vô đức tin?!	۞فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن كَذَبَ عَلَى ٱللَّهِ وَكَذَّبَ بِٱلصِّدۡقِ إِذۡ جَآءَهُۥٓۚ أَلَيۡسَ فِي جَهَنَّمَ مَثۡوٗى لِّلۡكَٰفِرِينَ ٣٢
33. Những người mang chân lý đến và tin nơi nó, họ đích thực là những người ngoan đạo (ngay chính, sợ Allah).	وَٱلَّذِي جَآءَ بِٱلصِّدۡقِ وَصَدَّقَ بِهِۦٓ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُتَّقُونَ ٣٣
34. Họ sẽ có được mọi điều mà họ ước muốn nơi Thượng Đế của họ. Đó là phần thưởng của những người làm tốt.	لَهُم مَّا يَشَآءُونَ عِندَ رَبِّهِمۡۚ ذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٣٤
35. Mục đích để Allah xóa các tội lỗi mà họ đã phạm (và đã quay về sám hối với Ngài) đồng thời để ân thưởng cho họ bởi những điều tốt nhất mà họ đã từng làm.	لِيُكَفِّرَ ٱللَّهُ عَنۡهُمۡ أَسۡوَأَ ٱلَّذِي عَمِلُواْ وَيَجۡزِيَهُمۡ أَجۡرَهُم بِأَحۡسَنِ ٱلَّذِي كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٣٥
36. Lẽ nào Allah không đủ giúp cho Người Bề Tôi (Muhammad) của Ngài?! Họ muốn làm cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sợ những ai khác ngoài Ngài. Và ai mà Allah làm cho lầm lạc thì y sẽ không có người hướng dẫn đúng đường.	أَلَيۡسَ ٱللَّهُ بِكَافٍ عَبۡدَهُۥۖ وَيُخَوِّفُونَكَ بِٱلَّذِينَ مِن دُونِهِۦۚ وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنۡ هَادٖ ٣٦
37. Người nào mà Allah hướng dẫn thì sẽ không bị bất cứ ai làm cho lầm lạc. Lẽ nào Allah không là Đấng Toàn Năng, Đấng Báo Thù (trừng phạt những ai nghịch lại)?!	وَمَن يَهۡدِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن مُّضِلٍّۗ أَلَيۡسَ ٱللَّهُ بِعَزِيزٖ ذِي ٱنتِقَامٖ ٣٧
38. Nếu Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hỏi họ “Ai đã tạo các tầng trời và trái đất” thì chắc chắn họ sẽ trả lời “Allah”. Ngươi hãy nói với họ: “Các ngươi hãy cho Ta biết nếu Allah muốn tai họa xảy đến với Ta thì những (thần linh) mà các ngươi khấn vái ngoài Allah có thể giải cứu Ta khỏi tai họa đó hay không? Hoặc nếu Allah muốn thương xót Ta thì (những thần linh đó) có thể kiềm hãm lòng thương xót của Ngài hay không?” Ngươi hãy nói với họ: “Một mình Allah đã đủ phù hộ Ta. Những ai tin cậy (Allah) nên phó thác cho Ngài”.	وَلَئِن سَأَلۡتَهُم مَّنۡ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُۚ قُلۡ أَفَرَءَيۡتُم مَّا تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ إِنۡ أَرَادَنِيَ ٱللَّهُ بِضُرٍّ هَلۡ هُنَّ كَٰشِفَٰتُ ضُرِّهِۦٓ أَوۡ أَرَادَنِي بِرَحۡمَةٍ هَلۡ هُنَّ مُمۡسِكَٰتُ رَحۡمَتِهِۦۚ قُلۡ حَسۡبِيَ ٱللَّهُۖ عَلَيۡهِ يَتَوَكَّلُ ٱلۡمُتَوَكِّلُونَ ٣٨
39. Ngươi hãy nói: “Hỡi dân ta! Các ngươi cứ làm theo con đường (thờ cúng các thần linh khác ngoài Allah) của các ngươi còn Ta làm theo (những gì mà Thượng Đế của Ta đã ra lệnh cho Ta). Rồi đây các ngươi sẽ sớm biết:”	قُلۡ يَٰقَوۡمِ ٱعۡمَلُواْ عَلَىٰ مَكَانَتِكُمۡ إِنِّي عَٰمِلٞۖ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٣٩
40. “Ai sẽ là kẻ bị trừng phạt nhục nhã và bị trừng phạt đời đời kiếp kiếp.”	مَن يَأۡتِيهِ عَذَابٞ يُخۡزِيهِ وَيَحِلُّ عَلَيۡهِ عَذَابٞ مُّقِيمٌ ٤٠

41. Quả thật, TA đã ban Kinh Sách (Qur'an) xuống cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) là để cho nhân loại (chiếu theo) chân lý trong Nó. Do đó, ai tiếp thu nguồn chỉ đạo thì y được lợi cho bản thân mình; còn ai lầm lạc thì sự lầm lạc đó chỉ dẫn y tới sự bất lợi cho bản thân y mà thôi. Và Ngươi không phải là người quản lý trông coi họ.

إِنَّآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ لِلنَّاسِ بِٱلۡحَقِّۖ فَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ فَلِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن ضَلَّ فَإِنَّمَا يَضِلُّ عَلَيۡهَاۖ وَمَآ أَنتَ عَلَيۡهِم بِوَكِيلٍ ﴿٤١﴾

42. Allah cho bắt lấy linh hồn khi nào nó đến lúc phải chết và khi nó chưa chết lúc trong giấc ngủ. Hồn của người nào Ngài quyết định cho chết thì sẽ bị giữ lại; và các hồn khác thì được gởi trở về thể xác đến một thời hạn ấn định. Quả thật, trong đó là các Dấu hiệu cho đám người biết suy ngẫm.

ٱللَّهُ يَتَوَفَّى ٱلۡأَنفُسَ حِينَ مَوۡتِهَا وَٱلَّتِي لَمۡ تَمُتۡ فِي مَنَامِهَاۖ فَيُمۡسِكُ ٱلَّتِي قَضَىٰ عَلَيۡهَا ٱلۡمَوۡتَ وَيُرۡسِلُ ٱلۡأُخۡرَىٰٓ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمًّىۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ﴿٤٢﴾

43. Hay là ngoài Allah, (những kẻ thờ đa thần) đã nhận (các bục tượng) làm những vị can thiệp (cho họ). Ngươi (Thiên Sứ) hãy bảo họ: "Lẽ nào ngay cả khi các thần linh đó không có một chút quyền thống trị nào và chúng (chỉ là những vật vô tri) chẳng biết cũng chẳng hiểu gì nữa hay sao?"

أَمِ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ شُفَعَآءَۚ قُلۡ أَوَلَوۡ كَانُواْ لَا يَمۡلِكُونَ شَيۡـٔٗا وَلَا يَعۡقِلُونَ ﴿٤٣﴾

44. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với họ: "Mọi sự can thiệp đều thuộc về quyền của Allah. Ngài nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Rồi đây các ngươi sẽ được đưa về trình diện Ngài."

قُل لِّلَّهِ ٱلشَّفَٰعَةُ جَمِيعٗاۖ لَّهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ ثُمَّ إِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ﴿٤٤﴾

45. Khi nghe nhắc đến riêng Allah, lòng của những kẻ không có đức tin nơi cõi Đời Sau tràn đầy oán ghét, còn khi nhắc đến những kẻ (được tôn thờ khác) ngoài Ngài thì họ vui mừng ra mặt.

وَإِذَا ذُكِرَ ٱللَّهُ وَحۡدَهُ ٱشۡمَأَزَّتۡ قُلُوبُ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِۖ وَإِذَا ذُكِرَ ٱلَّذِينَ مِن دُونِهِۦٓ إِذَا هُمۡ يَسۡتَبۡشِرُونَ ﴿٤٥﴾

46. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy cầu nguyện, nói: "Lạy Allah, Đấng đã sáng tạo các tầng trời và trái đất, Đấng biết điều vô hình và hữu hình, xin Ngài hãy xét xử giữa bầy tôi của Ngài về những điều mà họ thường tranh cãi!"

قُلِ ٱللَّهُمَّ فَاطِرَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ عَٰلِمَ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ أَنتَ تَحۡكُمُ بَيۡنَ عِبَادِكَ فِي مَا كَانُواْ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ﴿٤٦﴾

47. Nếu những kẻ làm điều sai quấy có được tất cả mọi thứ trên trái đất và nhiều hơn thế thì chắc chắn họ sẽ dùng nó để chuộc lấy mình thoát khỏi hình phạt đau đớn vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng (nhưng điều đó không bao giờ xảy ra). Rồi họ sẽ đón nhận từ nơi Allah (những hình phạt) mà họ không ngờ đến.

وَلَوۡ أَنَّ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ مَا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا وَمِثۡلَهُۥ مَعَهُۥ لَٱفۡتَدَوۡاْ بِهِۦ مِن سُوٓءِ ٱلۡعَذَابِ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ وَبَدَا لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مَا لَمۡ يَكُونُواْ يَحۡتَسِبُونَ ﴿٤٧﴾

48. Và những tội lỗi mà họ đã làm sẽ xuất hiện trước họ và những điều mà họ đã thường giễu cợt và nhạo báng sẽ bao vây họ.

وَبَدَا لَهُمۡ سَيِّـَٔاتُ مَا كَسَبُواْ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ﴿٤٨﴾

49. Con người khi gặp nạn, y cầu xin TA giải cứu; rồi sau khi TA ban ân huệ từ nơi TA cho y thì y lại nói: “Tôi có được là do sự hiểu biết của tôi mà thôi.” Không, đó là một sự thử thách nhưng hầu hết (những kẻ vô đức tin) không biết.

فَإِذَا مَسَّ ٱلۡإِنسَٰنَ ضُرّٞ دَعَانَا ثُمَّ إِذَا خَوَّلۡنَٰهُ نِعۡمَةٗ
مِّنَّا قَالَ إِنَّمَآ أُوتِيتُهُۥ عَلَىٰ عِلۡمِۭۚ بَلۡ هِيَ فِتۡنَةٞ
وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٤٩

50. Quả thật, những kẻ trước họ cũng đã nói lời lẽ đó. Tuy nhiên, những thứ mà họ kiếm được chẳng giúp ích được gì cho họ.

قَدۡ قَالَهَا ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ فَمَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ
يَكۡسِبُونَ ٥٠

51. Cho nên, hậu quả xấu xa của những gì họ kiếm được đã xảy đến với họ. Và những kẻ làm điều sai quấy trong số những người (đang sống) này sẽ phải chịu hậu quả xấu xa về những gì họ đã làm, và họ sẽ không bao giờ thoát khỏi (Allah).

فَأَصَابَهُمۡ سَيِّـَٔاتُ مَا كَسَبُواْۚ وَٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنۡ
هَٰٓؤُلَآءِ سَيُصِيبُهُمۡ سَيِّـَٔاتُ مَا كَسَبُواْ وَمَا هُم
بِمُعۡجِزِينَ ٥١

52. Lẽ nào họ không biết việc Allah muốn nới rộng hay thu hẹp bổng lộc của Ngài đối với ai là tùy ý Ngài hay sao? Quả thật, trong đó là các dấu hiệu cho đám người có đức tin.

أَوَلَمۡ يَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ
وَيَقۡدِرُۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٥٢

53. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói: “Hỡi các bầy tôi của TA! Những ai đã làm hại bản thân mình (bởi những điều tội lỗi) thì chớ đừng tuyệt vọng nơi lòng thương xót của Allah. Chắc chắn Allah sẽ tha thứ tất cả tội lỗi (cho những ai quay về sám hối với Ngài); quả thật Ngài là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.”

۞قُلۡ يَٰعِبَادِيَ ٱلَّذِينَ أَسۡرَفُواْ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡ لَا
تَقۡنَطُواْ مِن رَّحۡمَةِ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ يَغۡفِرُ ٱلذُّنُوبَ جَمِيعًاۚ
إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ٥٣

54. “Các ngươi hãy quay về sám hối với Thượng Đế của các ngươi và thần phục Ngài trước khi sự trừng phạt xảy đến với các ngươi; rồi (lúc đó) các ngươi sẽ không được ai cứu giúp.”

وَأَنِيبُوٓاْ إِلَىٰ رَبِّكُمۡ وَأَسۡلِمُواْ لَهُۥ مِن قَبۡلِ أَن
يَأۡتِيَكُمُ ٱلۡعَذَابُ ثُمَّ لَا تُنصَرُونَ ٥٤

55. “Các ngươi hãy làm theo những gì tốt nhất mà Thượng Đế của các ngươi đã ban xuống cho các ngươi (trong Qur’an) trước khi sự trừng phạt bất ngờ xảy đến với các ngươi trong lúc các ngươi không hay biết.”

وَٱتَّبِعُوٓاْ أَحۡسَنَ مَآ أُنزِلَ إِلَيۡكُم مِّن رَّبِّكُم مِّن
قَبۡلِ أَن يَأۡتِيَكُمُ ٱلۡعَذَابُ بَغۡتَةٗ وَأَنتُمۡ لَا
تَشۡعُرُونَ ٥٥

56. “(Các ngươi hãy làm điều đó để) linh hồn (của các ngươi khỏi phải) than vãn (trong sự hối hận muộn màng): Ôi thật hối tiếc cho việc mình đã lơ là đối với Allah và thật hối tiếc cho việc mình đã là một trong những kẻ thường hay nhạo báng (những người có đức tin).”

أَن تَقُولَ نَفۡسٞ يَٰحَسۡرَتَىٰ عَلَىٰ مَا فَرَّطتُ فِي جَنۢبِ
ٱللَّهِ وَإِن كُنتُ لَمِنَ ٱلسَّٰخِرِينَ ٥٦

57. “Hoặc (để linh hồn của các ngươi khỏi phải) nói: Phải chi Allah hướng dẫn mình thì chắc mình đã là một người ngoan đạo.”

أَوۡ تَقُولَ لَوۡ أَنَّ ٱللَّهَ هَدَىٰنِي لَكُنتُ مِنَ ٱلۡمُتَّقِينَ ٥٧

58. “Hoặc (để linh hồn của các ngươi khỏi phải) nói khi nhìn thấy sự trừng phạt: Giá mà được trở lại (trần gian một lần nữa) thì mình sẽ là một trong những người làm tốt.”

أَوۡ تَقُولَ حِينَ تَرَى ٱلۡعَذَابَ لَوۡ أَنَّ لِي كَرَّةٗ
فَأَكُونَ مِنَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٥٨

59. Không, (sự việc không như ngươi mong muốn). Quả thật, trước đây các Lời Mặc Khải của TA đã đến với ngươi nhưng ngươi đã phủ nhận chúng, ngươi đã tỏ ra ngạo mạn và ngươi đã là một kẻ vô đức tin.

بَلَىٰ قَدۡ جَآءَتۡكَ ءَايَٰتِي فَكَذَّبۡتَ بِهَا وَٱسۡتَكۡبَرۡتَ
وَكُنتَ مِنَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٥٩

60. Vào Ngày Phán Xét, ngươi sẽ thấy những kẻ nói dối cho Allah, gương mặt của họ sẽ trở nên đen sạm. Lẽ nào Hỏa Ngục không phải là chỗ ngụ cho những kẻ tự cao tự đại hay sao?

وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ تَرَى ٱلَّذِينَ كَذَبُواْ عَلَى ٱللَّهِ وُجُوهُهُم
مُّسۡوَدَّةٌۚ أَلَيۡسَ فِي جَهَنَّمَ مَثۡوٗى لِّلۡمُتَكَبِّرِينَ ٦٠

61. Và Allah sẽ cứu rỗi những người ngoan đạo (sợ Ngài) bằng thành tựu của họ. Không có một điều xấu xa nào chạm vào họ và họ sẽ không đau buồn.

وَيُنَجِّي ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ بِمَفَازَتِهِمۡ لَا يَمَسُّهُمُ
ٱلسُّوٓءُ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٦١

62. Allah là Đấng Tạo Hóa tất cả vạn vật và Ngài trông coi và quản lý mọi vật.

ٱللَّهُ خَٰلِقُ كُلِّ شَيۡءٖۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ وَكِيلٞ ٦٢

63. Mọi chìa khóa (kho tàng) của các tầng trời và trái đất đều thuộc về Ngài; và những ai phủ nhận các Lời Mặc Khải của Allah thì đó là những kẻ thua thiệt.

لَّهُۥ مَقَالِيدُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ٦٣

64. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Lẽ nào các ngươi bảo Ta thờ phượng ai khác ngoài Allah, hỡi những kẻ ngu dốt?!”

قُلۡ أَفَغَيۡرَ ٱللَّهِ تَأۡمُرُوٓنِّيٓ أَعۡبُدُ أَيُّهَا ٱلۡجَٰهِلُونَ ٦٤

65. Quả thật, Ngươi cũng như các vị (Sứ Giả) trước Ngươi đều đã được mặc khải rằng: “Nếu Ngươi tổ hợp (thần linh) cùng với Allah thì việc hành đạo của Ngươi sẽ trở nên vô nghĩa và Ngươi chắc chắn sẽ là một kẻ thất bại.”

وَلَقَدۡ أُوحِيَ إِلَيۡكَ وَإِلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكَ لَئِنۡ
أَشۡرَكۡتَ لَيَحۡبَطَنَّ عَمَلُكَ وَلَتَكُونَنَّ مِنَ
ٱلۡخَٰسِرِينَ ٦٥

66. “Thay vào đó, Ngươi hãy thờ phượng chỉ một mình Allah và Ngươi hãy là một người biết ơn (Ngài).”

بَلِ ٱللَّهَ فَٱعۡبُدۡ وَكُن مِّنَ ٱلشَّٰكِرِينَ ٦٦

67. (Những kẻ đa thần) đã đánh giá Allah không đúng với giá trị và quyền năng của Ngài. Vào Ngày Phục Sinh, Ngài sẽ túm lấy toàn bộ trái đất và tất cả các tầng trời sẽ được cuộn lại trong tay phải của Ngài. Thật Quang Vinh thay Ngài! Ngài tối cao vượt hẳn những gì mà họ đã qui cho Ngài.

وَمَا قَدَرُواْ ٱللَّهَ حَقَّ قَدۡرِهِۦ وَٱلۡأَرۡضُ جَمِيعٗا قَبۡضَتُهُۥ
يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَٱلسَّمَٰوَٰتُ مَطۡوِيَّٰتُۢ بِيَمِينِهِۦۚ
سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٦٧

68. Khi Tiếng Còi (Tận Thế) được thổi lên, tất cả những ai trong các tầng trời và tất cả những ai trong trái đất đều sẽ chết ngoại trừ ai mà Allah muốn (cho sống). Rồi khi Tiếng Còi thứ hai được thổi lên thì họ sẽ (sống lại) đứng dậy và ngóng nhìn.

وَنُفِخَ فِي ٱلصُّورِ فَصَعِقَ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ إِلَّا مَن شَآءَ ٱللَّهُۖ ثُمَّ نُفِخَ فِيهِ أُخۡرَىٰ فَإِذَا هُمۡ قِيَامٞ يَنظُرُونَ ٦٨

69. Trái đất sẽ tỏa sáng với ánh hào quang của Thượng Đế (khi Ngài xuất hiện) và quyển sổ ghi chép (hành động của mỗi người) sẽ được mang ra; các vị Nabi và các nhân chứng sẽ được triệu đến và họ sẽ được phán xử bằng công lý thực sự và họ sẽ không bị đối xử bất công (bất cứ điều gì).

وَأَشۡرَقَتِ ٱلۡأَرۡضُ بِنُورِ رَبِّهَا وَوُضِعَ ٱلۡكِتَٰبُ وَجِاْيٓءَ بِٱلنَّبِيِّـۧنَ وَٱلشُّهَدَآءِ وَقُضِيَ بَيۡنَهُم بِٱلۡحَقِّ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ٦٩

70. Mỗi linh hồn đều sẽ được đền bù đầy đủ về những gì nó đã làm; và Ngài biết rõ về những gì họ làm.

وَوُفِّيَتۡ كُلُّ نَفۡسٖ مَّا عَمِلَتۡ وَهُوَ أَعۡلَمُ بِمَا يَفۡعَلُونَ ٧٠

71. Những kẻ vô đức tin sẽ bị lùa đến Hỏa Ngục theo từng nhóm, cho đến khi họ đến nơi, các cánh cổng của Hỏa Ngục đã được mở toang, và các Thiên Thần cai quản (Hỏa Ngục) sẽ hỏi họ: "Lẽ nào các vị Sứ Giả xuất thân từ các ngươi đã không đến đọc cho các ngươi các lời mặc khải của Thượng Đế của các ngươi và lẽ nào Họ đã không cảnh báo các ngươi về Ngày gặp gỡ này của các ngươi sao?!" Họ trả lời: "Vâng, có." Tuy nhiên, lời phán trừng phạt đã được xác nhận đối với những kẻ vô đức tin.

وَسِيقَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِلَىٰ جَهَنَّمَ زُمَرًاۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُوهَا فُتِحَتۡ أَبۡوَٰبُهَا وَقَالَ لَهُمۡ خَزَنَتُهَآ أَلَمۡ يَأۡتِكُمۡ رُسُلٞ مِّنكُمۡ يَتۡلُونَ عَلَيۡكُمۡ ءَايَٰتِ رَبِّكُمۡ وَيُنذِرُونَكُمۡ لِقَآءَ يَوۡمِكُمۡ هَٰذَاۚ قَالُواْ بَلَىٰ وَلَٰكِنۡ حَقَّتۡ كَلِمَةُ ٱلۡعَذَابِ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٧١

72. Rồi họ được bảo: "Các ngươi hãy đi vào cổng Hỏa Ngục để ở vĩnh viễn trong đó. Thật tồi tệ cho nơi cư ngụ của những kẻ tự cao tự đại."

قِيلَ ٱدۡخُلُوٓاْ أَبۡوَٰبَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ فَبِئۡسَ مَثۡوَى ٱلۡمُتَكَبِّرِينَ ٧٢

73. Riêng những người sợ Thượng Đế của họ sẽ được dẫn đến Thiên Đàng theo từng nhóm, cho đến khi họ đến nơi, các cánh cổng Thiên Đàng đã được mở (để nghinh đón) họ và những vị Thiên Thần gác cổng (Thiên Đàng) sẽ chào đón họ, nói: "Xin chào bằng an đến quí vị! (Trái tim và việc làm của quí vị) thật tốt đẹp, xin hãy đi vào ở trong đó vĩnh viễn."

وَسِيقَ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ رَبَّهُمۡ إِلَى ٱلۡجَنَّةِ زُمَرًاۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُوهَا وَفُتِحَتۡ أَبۡوَٰبُهَا وَقَالَ لَهُمۡ خَزَنَتُهَا سَلَٰمٌ عَلَيۡكُمۡ طِبۡتُمۡ فَٱدۡخُلُوهَا خَٰلِدِينَ ٧٣

74. (Những người có đức tin, sau khi vào Thiên Đàng) họ sẽ nói: "Alhamdulillah, Đấng đã giữ đúng lời hứa của Ngài với bầy tôi và cho bầy tôi thừa hưởng vùng đất này. (Alhamdulillah, Đấng đã cho) bầy tôi tự do đi đứng bất cứ nơi nào bầy tôi muốn trong Thiên Đàng (của Ngài). Đây quả là phần thưởng vô cùng hồng phúc cho những người làm (việc tốt)!"

وَقَالُواْ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِي صَدَقَنَا وَعۡدَهُۥ وَأَوۡرَثَنَا ٱلۡأَرۡضَ نَتَبَوَّأُ مِنَ ٱلۡجَنَّةِ حَيۡثُ نَشَآءُۖ فَنِعۡمَ أَجۡرُ ٱلۡعَٰمِلِينَ ٧٤

75. Ngươi sẽ thấy các Thiên Thần vây quanh Ngai Vương (của Allah) khắp mọi phía tán dương và ca ngợi Thượng Đế của họ. Tất cả tạo vật đều được phân xử đúng với sự thật. (Rồi) sẽ có lời hoan hô: “Alhamdulillah, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật!”

وَتَرَى ٱلۡمَلَـٰٓئِكَةَ حَآفِّينَ مِنۡ حَوۡلِ ٱلۡعَرۡشِ
يُسَبِّحُونَ بِحَمۡدِ رَبِّهِمۡۚ وَقُضِيَ بَيۡنَهُم بِٱلۡحَقِّۚ وَقِيلَ
ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَـٰلَمِينَ ٧٥

Ghafir (Đấng Tha Thứ) غافر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ha. Mim.

حمٓ ١

2. Kinh (Qur’an) được ban xuống từ nơi Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

تَنزِيلُ ٱلۡكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡعَلِيمِ ٢

3. Đấng tha thứ tội lỗi và chấp nhận sự sám hối, Đấng nghiêm khắc trong việc trừng phạt, Đấng hồng phúc và tử tế, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Tất cả đều phải trở về trình diện Ngài (vào Ngày Phán Xét).

غَافِرِ ٱلذَّنۢبِ وَقَابِلِ ٱلتَّوۡبِ شَدِيدِ ٱلۡعِقَابِ ذِي
ٱلطَّوۡلِۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ إِلَيۡهِ ٱلۡمَصِيرُ ٣

4. Không ai tranh cãi về các dấu hiệu của Allah ngoại trừ những kẻ vô đức tin. Do đó, Ngươi (Thiên Sứ) chớ để cho sự tung hoành của họ trong xứ đánh lừa Ngươi.

مَا يُجَٰدِلُ فِيٓ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ إِلَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَلَا
يَغۡرُرۡكَ تَقَلُّبُهُمۡ فِي ٱلۡبِلَٰدِ ٤

5. Trước họ, Người dân của Nuh đã phủ nhận, và sau Nuh, các liên minh cũng đã phủ nhận tương tự. Mỗi một cộng đồng (đó) đều âm mưu giết hại Sứ Giả của họ và tranh luận bằng cách dùng sự giả dối để vô hiệu hóa sự thật, nên TA đã bắt phạt họ. Ngươi hãy xem sự trừng phạt của TA (đối với họ) khủng khiếp như thế nào.

كَذَّبَتۡ قَبۡلَهُمۡ قَوۡمُ نُوحٖ وَٱلۡأَحۡزَابُ مِنۢ بَعۡدِهِمۡۖ
وَهَمَّتۡ كُلُّ أُمَّةِۭ بِرَسُولِهِمۡ لِيَأۡخُذُوهُۖ وَجَٰدَلُواْ
بِٱلۡبَٰطِلِ لِيُدۡحِضُواْ بِهِ ٱلۡحَقَّ فَأَخَذۡتُهُمۡۖ فَكَيۡفَ كَانَ
عِقَابِ ٥

6. Giống như thế, Lời (hứa trừng phạt) của Thượng Đế Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đối với những kẻ vô đức tin là thật rằng chúng sẽ là những người bạn của Hỏa Ngục.

وَكَذَٰلِكَ حَقَّتۡ كَلِمَتُ رَبِّكَ عَلَى ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ
أَنَّهُمۡ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِ ٦

7. Các Thiên Thần gánh Ngai Vương của Allah và những Thiên Thần đứng hầu xung quanh Ngài đều tán dương ca tụng Thượng Đế của họ và đều có đức tin nơi Ngài; họ cầu xin sự tha thứ cho những ai có đức tin, nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Lòng Nhân Từ và Kiến Thức của Ngài bao trùm tất cả mọi vật, xin Ngài tha thứ cho những ai quay về sám hối (với Ngài) và đi theo con đường của Ngài, và xin Ngài cứu vớt họ khỏi sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục.”

ٱلَّذِينَ يَحۡمِلُونَ ٱلۡعَرۡشَ وَمَنۡ حَوۡلَهُۥ يُسَبِّحُونَ بِحَمۡدِ
رَبِّهِمۡ وَيُؤۡمِنُونَ بِهِۦ وَيَسۡتَغۡفِرُونَ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْۖ
رَبَّنَا وَسِعۡتَ كُلَّ شَيۡءٖ رَّحۡمَةٗ وَعِلۡمٗا فَٱغۡفِرۡ لِلَّذِينَ
تَابُواْ وَٱتَّبَعُواْ سَبِيلَكَ وَقِهِمۡ عَذَابَ ٱلۡجَحِيمِ ٧

8. “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài thu nhận họ vào những Ngôi Vườn Vĩnh Cửu (nơi Thiên Đàng) mà Ngài đã hứa với họ cũng như (đã hứa) với những ai ngoan đạo và đức hạnh trong số cha mẹ, vợ chồng và con cái của họ. Quả thật, Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.”

رَبَّنَا وَأَدۡخِلۡهُمۡ جَنَّٰتِ عَدۡنٍ ٱلَّتِي وَعَدتَّهُمۡ وَمَن
صَلَحَ مِنۡ ءَابَآئِهِمۡ وَأَزۡوَٰجِهِمۡ وَذُرِّيَّٰتِهِمۡۚ إِنَّكَ أَنتَ
ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٨

9. “Xin Ngài bảo vệ họ khỏi mọi điều xấu. Ai tránh được điều xấu vào Ngày đó thì quả thật y đã được Ngài thương xót. Và đó là một sự thắng lợi vĩ đại.”

وَقِهِمُ ٱلسَّيِّـَٔاتِۚ وَمَن تَقِ ٱلسَّيِّـَٔاتِ يَوۡمَئِذٖ فَقَدۡ
رَحِمۡتَهُۥۚ وَذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ٩

10. Quả thật, những kẻ vô đức tin sẽ được bảo: “Chắc chắn sự căm ghét của Allah đối với các ngươi còn lớn hơn sự căm ghét của các ngươi đối với nhau khi các ngươi được kêu gọi đến với đức tin nhưng các ngươi đã từ chối.”

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يُنَادَوۡنَ لَمَقۡتُ ٱللَّهِ أَكۡبَرُ مِن
مَّقۡتِكُمۡ أَنفُسَكُمۡ إِذۡ تُدۡعَوۡنَ إِلَى ٱلۡإِيمَٰنِ
فَتَكۡفُرُونَ ١٠

11. Họ sẽ nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Ngài đã làm cho bầy tôi chết hai lần và sống hai lần(1). Giờ bầy tôi đã thú nhận tội lỗi của mình. Vậy có cách nào để thoát khỏi (Hỏa Ngục) không?”[1]

قَالُواْ رَبَّنَآ أَمَتَّنَا ٱثۡنَتَيۡنِ وَأَحۡيَيۡتَنَا ٱثۡنَتَيۡنِ فَٱعۡتَرَفۡنَا
بِذُنُوبِنَا فَهَلۡ إِلَىٰ خُرُوجٖ مِّن سَبِيلٖ ١١

12. (Họ sẽ được bảo): “Đó là bởi vì, khi Allah được cầu nguyện một mình thì các ngươi không tin còn nếu có các thần linh ngụy tạo được tổ hợp cùng với Ngài thì các ngươi lại tin. Do đó, sự phán xét chỉ thuộc quyền của một mình Allah, Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.”

ذَٰلِكُم بِأَنَّهُۥٓ إِذَا دُعِيَ ٱللَّهُ وَحۡدَهُۥ كَفَرۡتُمۡ وَإِن
يُشۡرَكۡ بِهِۦ تُؤۡمِنُواْۚ فَٱلۡحُكۡمُ لِلَّهِ ٱلۡعَلِيِّ ٱلۡكَبِيرِ ١٢

13. Ngài là Đấng đã phơi bày cho các ngươi thấy các dấu hiệu của Ngài và chính Ngài đã ban bổng lộc (mưa) từ trên trời xuống cho các ngươi. Nhưng không ai ghi nhớ điều đó ngoại trừ những người quay đầu sám hối.

هُوَ ٱلَّذِي يُرِيكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ وَيُنَزِّلُ لَكُم مِّنَ
ٱلسَّمَآءِ رِزۡقٗاۚ وَمَا يَتَذَكَّرُ إِلَّا مَن يُنِيبُ ١٣

14. Bởi thế, các ngươi hãy cầu nguyện Allah, thành tâm với Ngài trong tôn giáo mặc dù những kẻ vô đức tin ghét điều đó.

فَٱدۡعُواْ ٱللَّهَ مُخۡلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ وَلَوۡ كَرِهَ
ٱلۡكَٰفِرُونَ ١٤

15. Đấng cao nhất về cấp bậc, Chủ Nhân của Ngai Vương. Ngài ban Ruh (Sự Mặc Khải) theo lệnh của Ngài xuống cho ai Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài để người đó cảnh báo nhân loại về Ngày Hội Ngộ.

رَفِيعُ ٱلدَّرَجَٰتِ ذُو ٱلۡعَرۡشِ يُلۡقِي ٱلرُّوحَ مِنۡ أَمۡرِهِۦ
عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦ لِيُنذِرَ يَوۡمَ ٱلتَّلَاقِ ١٥

16. Ngày mà tất cả họ sẽ phải trình diện. Không có bất cứ điều gì của họ có thể giấu giếm khỏi Allah. Quyền phán xét vào Ngày đó thuộc về ai? (Chắc chắn ngày đó) thuộc về Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Tối Thượng.

يَوۡمَ هُم بَٰرِزُونَۖ لَا يَخۡفَىٰ عَلَى ٱللَّهِ مِنۡهُمۡ شَيۡءٞۚ لِّمَنِ
ٱلۡمُلۡكُ ٱلۡيَوۡمَۖ لِلَّهِ ٱلۡوَٰحِدِ ٱلۡقَهَّارِ ١٦

17. Ngày đó, mỗi linh hồn sẽ được đền bù (xứng đáng) cho những gì nó đã kiếm được. Ngày đó không có bất công. Quả thật, Allah rất nhanh trong việc thanh toán (phán xét và thưởng phạt).

ٱلۡيَوۡمَ تُجۡزَىٰ كُلُّ نَفۡسِۭ بِمَا كَسَبَتۡۚ لَا ظُلۡمَ ٱلۡيَوۡمَۚ
إِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلۡحِسَابِ ١٧

[1] (1) Ông Ibnu Mas’ud nói: Câu Kinh này giống như lời phán của Allah ở câu 28 chương Al-Baqarah: {Sao các ngươi lại vô đức tin nơi Allah trong khi Ngài đã khởi tạo các ngươi từ không là gì, rồi Ngài cho các ngươi chết, rồi Ngài phục sinh các ngươi trở lại, sau đó các ngươi được triệu tập về trình diện Ngài?!} Ibnu ‘Abbas, Adh-Dhahaak, Qata-dah cũng nói như thế. Vì vậy, chết hai lần: Một lần lúc không là gì và một lần lúc lìa đời; sống hai lần: một lần lúc chào đời và một lần lúc được phục sinh.

18. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy cảnh báo họ về Ngày (Phán Xét) đang tiến đến gần, Ngày mà những quả tim (do kinh hoàng) sẽ nhảy lên nơi cổ họng, làm nghẹt thở. Những kẻ làm điều sai quấy sẽ không có bạn bè và cũng không có người can thiệp nào để nhờ cậy.

وَأَنذِرۡهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡأٓزِفَةِ إِذِ ٱلۡقُلُوبُ لَدَى ٱلۡحَنَاجِرِ
كَٰظِمِينَۚ مَا لِلظَّٰلِمِينَ مِنۡ حَمِيمٖ وَلَا شَفِيعٖ
يُطَاعُ ١٨

19. Ngài (Allah) biết rõ điều gian trá nơi cặp mắt của họ cũng như những gì được giấu kín trong lòng họ.

يَعۡلَمُ خَآئِنَةَ ٱلۡأَعۡيُنِ وَمَا تُخۡفِي ٱلصُّدُورُ ١٩

20. Allah sẽ phán quyết theo sự thật (không hề có sự bất công nào), còn những kẻ mà họ khấn vái ngoài Ngài hoàn toàn không quyết định được gì. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

وَٱللَّهُ يَقۡضِي بِٱلۡحَقِّۖ وَٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ لَا
يَقۡضُونَ بِشَيۡءٍۗ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡبَصِيرُ ٢٠

21. Lẽ nào chúng (những kẻ thờ đa thần này) không đi chu du khắp nơi trên trái đất để xem kết cuộc của những ai trước chúng như thế nào ư? Cộng đồng trước chúng đã mạnh hơn chúng về quyền lực và dấu tích của họ vẫn còn trên trái đất. Allah đã bắt phạt họ vì tội lỗi của họ và họ đã không có ai cứu giúp thoát khỏi sự trừng phạt của Allah.

۞أَوَلَمۡ يَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ
عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ كَانُواْ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَانُواْ هُمۡ أَشَدَّ مِنۡهُمۡ
قُوَّةٗ وَءَاثَارٗا فِي ٱلۡأَرۡضِ فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُ بِذُنُوبِهِمۡ وَمَا
كَانَ لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن وَاقٖ ٢١

22. Đó là bởi vì các Sứ Giả của họ đã đến gặp họ với những bằng chứng rõ ràng, nhưng họ đã không tin, cho nên Allah đã bắt phạt họ. Quả thật, Ngài mạnh mẽ và nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ كَانَت تَّأۡتِيهِمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ
فَكَفَرُواْ فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُۚ إِنَّهُۥ قَوِيّٞ شَدِيدُ
ٱلۡعِقَابِ ٢٢

23. Quả thật, TA đã phái Musa cùng với các phép lạ của TA và một thẩm quyền rõ ràng,

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَا وَسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٍ ٢٣

24. Đến gặp Pha-ra-ông, Haman và Qarun nhưng chúng đều bảo Musa là một tên phù thủy lừa bịp.

إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَهَٰمَٰنَ وَقَٰرُونَ فَقَالُواْ سَٰحِرٞ
كَذَّابٞ ٢٤

25. Khi (Musa) mang chân lý từ nơi TA đến cho chúng thì chúng bảo: “Hãy giết các đứa con trai của những ai có đức tin đi theo Y và tha sống phụ nữ của chúng.” Tuy nhiên, mưu đồ của những kẻ vô đức tin chỉ rơi vào lầm lạc.

فَلَمَّا جَآءَهُم بِٱلۡحَقِّ مِنۡ عِندِنَا قَالُواْ ٱقۡتُلُوٓاْ أَبۡنَآءَ
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ وَٱسۡتَحۡيُواْ نِسَآءَهُمۡۚ وَمَا كَيۡدُ
ٱلۡكَٰفِرِينَ إِلَّا فِي ضَلَٰلٖ ٢٥

26. Pha-ra-ông bảo: “Để ta giết Musa và để nó gọi Thượng Đế của nó đến cứu. Ta thực sự sợ nó sẽ làm thay đổi tôn giáo của các ngươi hoặc nó sẽ gây nhiễu loạn trong xứ.”

وَقَالَ فِرۡعَوۡنُ ذَرُونِيٓ أَقۡتُلۡ مُوسَىٰ وَلۡيَدۡعُ رَبَّهُۥٓۖ إِنِّيٓ
أَخَافُ أَن يُبَدِّلَ دِينَكُمۡ أَوۡ أَن يُظۡهِرَ فِي ٱلۡأَرۡضِ
ٱلۡفَسَادَ ٢٦

27. Musa nói: “Ta cầu xin Thượng Đế của Ta và cũng là Thượng Đế của quí ngài che chở Ta tránh khỏi tất cả những kẻ tự cao tự đại không có đức tin nơi Ngày Phán Xét (Cuối Cùng).”

وَقَالَ مُوسَىٰٓ إِنِّي عُذۡتُ بِرَبِّي وَرَبِّكُم مِّن كُلِّ
مُتَكَبِّرٖ لَّا يُؤۡمِنُ بِيَوۡمِ ٱلۡحِسَابِ ٢٧

28. Một người đàn ông có đức tin trong gia tộc của Pha-ra-ông đã giấu kín đức tin của mình nói: “Lẽ nào quí ngài muốn giết một người chỉ vì y nói ‘Thượng Đế của tôi là Allah’ trong khi Y đã mang những bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của quí ngài đến cho quí ngài sao? Nếu Y là một tên nói dối thì Y sẽ phải chịu tội về lời gian dối của Y. Nhưng nếu Y là một người nói thật thì điều mà Y cảnh báo quí ngài chắc chắn sẽ xảy đến với quí ngài. Quả thật, Allah không hướng dẫn kẻ phạm tội, kẻ gian dối.”

وَقَالَ رَجُلٞ مُّؤۡمِنٞ مِّنۡ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ يَكۡتُمُ إِيمَٰنَهُۥٓ
أَتَقۡتُلُونَ رَجُلًا أَن يَقُولَ رَبِّيَ ٱللَّهُ وَقَدۡ جَآءَكُم
بِٱلۡبَيِّنَٰتِ مِن رَّبِّكُمۡۖ وَإِن يَكُ كَٰذِبٗا فَعَلَيۡهِ
كَذِبُهُۥۖ وَإِن يَكُ صَادِقٗا يُصِبۡكُم بَعۡضُ ٱلَّذِي
يَعِدُكُمۡۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي مَنۡ هُوَ مُسۡرِفٞ
كَذَّابٞ ٢٨

29. “Thưa quí ngài, ngày hôm nay mọi quyền hành đều thuộc về quí ngài. Nhưng ai sẽ cứu chúng ta khỏi sự trừng phạt của Allah nếu như nó xảy đến với chúng ta?” Pha-ra-ông nói: “Ta chỉ trình bày cho các ngươi thấy điều mà ta thấy và ta cũng chỉ muốn hướng dẫn các ngươi theo con đường chân chính mà thôi.”

يَٰقَوۡمِ لَكُمُ ٱلۡمُلۡكُ ٱلۡيَوۡمَ ظَٰهِرِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَمَن
يَنصُرُنَا مِنۢ بَأۡسِ ٱللَّهِ إِن جَآءَنَاۚ قَالَ فِرۡعَوۡنُ مَآ
أُرِيكُمۡ إِلَّا مَآ أَرَىٰ وَمَآ أَهۡدِيكُمۡ إِلَّا سَبِيلَ
ٱلرَّشَادِ ٢٩

30. (Người có đức tin đó) nói: “Thưa quí ngài! Tôi thực sự sợ giùm cho quí vị gặp phải (số phận) giống như (nó đã xảy ra) vào ngày của liên quân (tòng phạm!)”

وَقَالَ ٱلَّذِيٓ ءَامَنَ يَٰقَوۡمِ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُم مِّثۡلَ
يَوۡمِ ٱلۡأَحۡزَابِ ٣٠

31. “Giống như số phận người dân của Nuh, người dân của ‘Ad và Thamud cũng như những kẻ thời sau họ. Quả thật, Allah không hề bất công với đám bầy tôi của Ngài.”

مِثۡلَ دَأۡبِ قَوۡمِ نُوحٖ وَعَادٖ وَثَمُودَ وَٱلَّذِينَ مِنۢ
بَعۡدِهِمۡۚ وَمَا ٱللَّهُ يُرِيدُ ظُلۡمٗا لِّلۡعِبَادِ ٣١

32. “Thưa quí ngài! Tôi thực sự sợ giùm cho quí ngài về Ngày réo gọi nhau.”

وَيَٰقَوۡمِ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ يَوۡمَ ٱلتَّنَادِ ٣٢

33. “Ngày mà quí ngài sẽ quay lưng tháo chạy (khi nhìn thấy Hỏa Ngục). (Ngày mà) quí ngài sẽ không có ai che chở khỏi (sự trừng phạt) của Allah. Ai mà Allah làm cho lầm lạc thì sẽ không có được người hướng dẫn.”

يَوۡمَ تُوَلُّونَ مُدۡبِرِينَ مَا لَكُم مِّنَ ٱللَّهِ مِنۡ عَاصِمٖۗ
وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنۡ هَادٖ ٣٣

34. “Quả thật, trước đây Yusuf (Joseph) đã đến gặp quí ngài với những bằng chứng rõ ràng nhưng quí ngài đã luôn hoài nghi về những gì Người mang đến; rồi cho đến khi Người qua đời thì quí ngài lại nói rằng Allah sẽ không bao giờ dựng một Sứ Giả nào sau Người nữa. Như thế đó, Allah làm lầm lạc những ai là kẻ tội lỗi và hay hoài nghi.”

وَلَقَدۡ جَآءَكُمۡ يُوسُفُ مِن قَبۡلُ بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَمَا
زِلۡتُمۡ فِي شَكّٖ مِّمَّا جَآءَكُم بِهِۦۖ حَتَّىٰٓ إِذَا هَلَكَ
قُلۡتُمۡ لَن يَبۡعَثَ ٱللَّهُ مِنۢ بَعۡدِهِۦ رَسُولٗاۚ كَذَٰلِكَ
يُضِلُّ ٱللَّهُ مَنۡ هُوَ مُسۡرِفٞ مُّرۡتَابٌ ٣٤

35. “Những người hay tranh cãi về các dấu hiệu của Allah nhưng lại không có bất cứ thẩm quyền (bằng chứng) nào (được mang đến cho họ), đối với Allah và đối với những người có đức tin, họ là những kẻ đáng ghét và đáng căm thù. Tương tự như thế, Allah niêm kín trái tim của từng tên tự cao tự đại (trước chân lý).”

ٱلَّذِينَ يُجَٰدِلُونَ فِيٓ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ بِغَيۡرِ سُلۡطَٰنٍ أَتَىٰهُمۡۖ كَبُرَ مَقۡتًا عِندَ ٱللَّهِ وَعِندَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۚ كَذَٰلِكَ يَطۡبَعُ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ قَلۡبِ مُتَكَبِّرٖ جَبَّارٖ ٣٥

36. Pha-ra-ông nói (với Haman, tể tướng của hắn): “Này Haman! Khanh hãy xây cho trẫm một cái tháp cao để trẫm có thể đi tới những con đường.”

وَقَالَ فِرۡعَوۡنُ يَٰهَٰمَٰنُ ٱبۡنِ لِي صَرۡحٗا لَّعَلِّيٓ أَبۡلُغُ ٱلۡأَسۡبَٰبَ ٣٦

37. “Những con đường của các tầng trời đưa trẫm đi diện kiến Thượng Đế của Musa. Nhưng trẫm thực sự nghĩ nó là một kẻ dối trá.” Như thế đó, hành động tội lỗi đã trở nên hấp dẫn đối với Pha-ra-ông và hắn bị cản trở khỏi con đường (của Allah). Và mưu đồ của Pha-ra-ông chỉ đưa đến thất bại.

أَسۡبَٰبَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ فَأَطَّلِعَ إِلَىٰٓ إِلَٰهِ مُوسَىٰ وَإِنِّي لَأَظُنُّهُۥ كَٰذِبٗاۚ وَكَذَٰلِكَ زُيِّنَ لِفِرۡعَوۡنَ سُوٓءُ عَمَلِهِۦ وَصُدَّ عَنِ ٱلسَّبِيلِۚ وَمَا كَيۡدُ فِرۡعَوۡنَ إِلَّا فِي تَبَابٖ ٣٧

38. Người có đức tin (thuộc gia tộc của Pha-ra-ông) đó nói: “Thưa quí ngài! Quí ngài hãy nghe lời tôi. Tôi sẽ hướng dẫn quí ngài con đường chân chính.”

وَقَالَ ٱلَّذِيٓ ءَامَنَ يَٰقَوۡمِ ٱتَّبِعُونِ أَهۡدِكُمۡ سَبِيلَ ٱلرَّشَادِ ٣٨

39. “Thưa quí ngài! Quả thật, đời sống trần tục này chỉ là một sự hưởng thụ (tạm bợ và ngắn ngủi), Đời Sau mới thực sự là cõi trường tồn và vĩnh cửu.”

يَٰقَوۡمِ إِنَّمَا هَٰذِهِ ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا مَتَٰعٞ وَإِنَّ ٱلۡأٓخِرَةَ هِيَ دَارُ ٱلۡقَرَارِ ٣٩

40. “Người nào làm điều xấu thì chỉ bị phạt tương ứng với tội đã phạm. Người nào làm điều thiện tốt, dù nam hay nữ, và là người có đức tin thì sẽ vào Thiên Đàng, nơi mà họ sẽ được ban cho vô vàn bổng lộc.”

مَنۡ عَمِلَ سَيِّئَةٗ فَلَا يُجۡزَىٰٓ إِلَّا مِثۡلَهَاۖ وَمَنۡ عَمِلَ صَٰلِحٗا مِّن ذَكَرٍ أَوۡ أُنثَىٰ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَأُوْلَٰٓئِكَ يَدۡخُلُونَ ٱلۡجَنَّةَ يُرۡزَقُونَ فِيهَا بِغَيۡرِ حِسَابٖ ٤٠

41. “Thưa quí ngài! Sao thế, tôi kêu gọi quí ngài đến với sự cứu rỗi còn quí ngài thì kêu gọi tôi đến với Hỏa Ngục?!”

۞وَيَٰقَوۡمِ مَا لِيٓ أَدۡعُوكُمۡ إِلَى ٱلنَّجَوٰةِ وَتَدۡعُونَنِيٓ إِلَى ٱلنَّارِ ٤١

42. “Quí ngài kêu gọi tôi vô đức tin nơi Allah và tổ hợp thần linh cùng với Ngài điều mà tôi chẳng biết gì về nó trong lúc tôi kêu gọi quí ngài đến với Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Tha Thứ.”

تَدۡعُونَنِي لِأَكۡفُرَ بِٱللَّهِ وَأُشۡرِكَ بِهِۦ مَا لَيۡسَ لِي بِهِۦ عِلۡمٞ وَأَنَا۠ أَدۡعُوكُمۡ إِلَى ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡغَفَّٰرِ ٤٢

43. “Chắc chắn thứ mà quí ngài kêu gọi tôi đến với nó không hề xứng đáng để cầu nguyện ở đời này và cả Đời Sau, trong khi tất cả chúng ta đều sẽ phải trở về trình diện Allah; quả thật những kẻ tội lỗi sẽ làm bạn với Hỏa Ngục.”

لَا جَرَمَ أَنَّمَا تَدۡعُونَنِيٓ إِلَيۡهِ لَيۡسَ لَهُۥ دَعۡوَةٞ فِي ٱلدُّنۡيَا وَلَا فِي ٱلۡأٓخِرَةِ وَأَنَّ مَرَدَّنَآ إِلَى ٱللَّهِ وَأَنَّ ٱلۡمُسۡرِفِينَ هُمۡ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِ ٤٣

44. “Rồi đây, quí ngài sẽ nhớ lại những điều tôi nói (hôm nay). Tôi giao phó việc của mình cho Allah bởi quả thật Allah là Đấng Hằng Thấy đám bầy tôi (của Ngài).”

فَسَتَذۡكُرُونَ مَآ أَقُولُ لَكُمۡۚ وَأُفَوِّضُ أَمۡرِيٓ إِلَى ٱللَّهِۚ
إِنَّ ٱللَّهَ بَصِيرُۢ بِٱلۡعِبَادِ ٤٤

45. Bởi thế, Allah cứu y (người có đức tin) khỏi những điều xấu xa mà chúng đã âm mưu (giết hại y); và sự trừng phạt tồi tệ đã bao vây đám thuộc hạ của Pha-ra-ông.

فَوَقَىٰهُ ٱللَّهُ سَيِّـَٔاتِ مَا مَكَرُواْۖ وَحَاقَ بِـَٔالِ فِرۡعَوۡنَ
سُوٓءُ ٱلۡعَذَابِ ٤٥

46. (Sau khi chết) chúng chắc chắn sẽ chạm trán với Hỏa Ngục sáng chiều (nơi cõi mộ), và vào Ngày mà Giờ (Phục Sinh) được thiết lập, (Allah sẽ phán bảo các Thiên Thần): “Các ngươi hãy tống thuộc hạ của Pha-ra-ông vào chỗ trừng phạt khắc nghiệt nhất.”

ٱلنَّارُ يُعۡرَضُونَ عَلَيۡهَا غُدُوّٗا وَعَشِيّٗاۚ وَيَوۡمَ تَقُومُ
ٱلسَّاعَةُ أَدۡخِلُوٓاْ ءَالَ فِرۡعَوۡنَ أَشَدَّ ٱلۡعَذَابِ ٤٦

47. (Ngươi – hỡi Thiên Sứ, hãy nghĩ đến cảnh) khi chúng tranh cãi nhau trong Hỏa Ngục, những kẻ yếu thế nói với những kẻ (lãnh đạo) kiêu ngạo: “Quả thật, chúng tôi đã đi theo các người, vậy các người có thể giải tỏa cho chúng tôi một phần của Hỏa Ngục không?”

وَإِذۡ يَتَحَآجُّونَ فِي ٱلنَّارِ فَيَقُولُ ٱلضُّعَفَٰٓؤُاْ لِلَّذِينَ
ٱسۡتَكۡبَرُوٓاْ إِنَّا كُنَّا لَكُمۡ تَبَعٗا فَهَلۡ أَنتُم مُّغۡنُونَ
عَنَّا نَصِيبٗا مِّنَ ٱلنَّارِ ٤٧

48. Những kẻ (lãnh đạo) kiêu ngạo nói: “Toàn bộ chúng ta đều ở trong Hỏa Ngục cả (chẳng một ai có thể thoát được), bởi quả thật Allah đã phân xử (công bằng) giữa đám bầy tôi (của Ngài).”

قَالَ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُوٓاْ إِنَّا كُلّٞ فِيهَآ إِنَّ ٱللَّهَ قَدۡ
حَكَمَ بَيۡنَ ٱلۡعِبَادِ ٤٨

49. Những kẻ (bị trừng phạt) trong Hỏa Ngục nói với các Thiên Thần (cai quản Hỏa Ngục): “Quí ngài làm ơn xin Thượng Đế của quí ngài giảm bớt hình phạt cho chúng tôi, một ngày thôi cũng được?”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ فِي ٱلنَّارِ لِخَزَنَةِ جَهَنَّمَ ٱدۡعُواْ رَبَّكُمۡ
يُخَفِّفۡ عَنَّا يَوۡمٗا مِّنَ ٱلۡعَذَابِ ٤٩

50. (Các Thiên Thần cai quản Hỏa Ngục) bảo: “Chẳng lẽ các vị Thiên Sứ của các ngươi đã không mang đến cho các ngươi những bằng chứng rõ rệt sao?” Chúng nói: “Vâng, có!” (Các Thiên Thần cai quản Hỏa Ngục) bảo chúng: “Vậy các ngươi hãy tự cầu xin.” Tuy nhiên, (vào Ngày hôm đó) lời cầu xin của những kẻ vô đức sẽ không bao giờ được chấp nhận.

قَالُوٓاْ أَوَلَمۡ تَكُ تَأۡتِيكُمۡ رُسُلُكُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِۖ قَالُواْ
بَلَىٰۚ قَالُواْ فَٱدۡعُواْۗ وَمَا دُعَٰٓؤُاْ ٱلۡكَٰفِرِينَ إِلَّا فِي
ضَلَٰلٍ ٥٠

51. TA (Allah) chắc chắn sẽ giúp các Sứ Giả của TA và những người có đức tin giành chiến thắng trên cuộc sống trần gian này cũng như vào Ngày mà các nhân chứng sẽ đứng ra làm chứng.

إِنَّا لَنَنصُرُ رُسُلَنَا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
وَيَوۡمَ يَقُومُ ٱلۡأَشۡهَٰدُ ٥١

52. Ngày mà lời biện minh của những kẻ làm điều sai quấy sẽ không giúp ích được gì cho họ. Họ sẽ phải nhận lấy sự nguyền rủa và một chỗ ngụ tồi tệ.

يَوۡمَ لَا يَنفَعُ ٱلظَّٰلِمِينَ مَعۡذِرَتُهُمۡۖ وَلَهُمُ ٱللَّعۡنَةُ وَلَهُمۡ
سُوٓءُ ٱلدَّارِ ٥٢

53. Quả thật, TA đã ban cho Musa nguồn chỉ đạo và đã để cho con cháu của Israel thừa hưởng Kinh Sách.

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡهُدَىٰ وَأَوۡرَثۡنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ
ٱلۡكِتَٰبَ ٥٣

54. Nguồn chỉ đạo và sự nhắc nhở dành cho những người thông hiểu.

هُدٗى وَذِكۡرَىٰ لِأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٥٤

55. Cho nên, Ngươi (Thiên Sứ) hãy kiên nhẫn, lời hứa của Allah chắc chắn là thật. Ngươi hãy cầu xin Thượng Đế của Ngươi tha thứ tội lỗi cho Ngươi và Ngươi hãy tán dương ca tụng Thượng Đế của Ngươi sáng chiều.

فَٱصۡبِرۡ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞ وَٱسۡتَغۡفِرۡ لِذَنۢبِكَ وَسَبِّحۡ
بِحَمۡدِ رَبِّكَ بِٱلۡعَشِيِّ وَٱلۡإِبۡكَٰرِ ٥٥

56. Quả thật, những ai tranh cãi về các dấu hiệu của Allah một cách không có bằng chứng làm cơ sở mà chỉ muốn tự cao tự đại trong lòng mình thì chúng sẽ không bao giờ đạt được. Do đó, Ngươi (Thiên Sứ) hãy xin Allah che chở bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُجَٰدِلُونَ فِيٓ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ بِغَيۡرِ سُلۡطَٰنٍ
أَتَىٰهُمۡ إِن فِي صُدُورِهِمۡ إِلَّا كِبۡرٞ مَّا هُم بِبَٰلِغِيهِۚ
فَٱسۡتَعِذۡ بِٱللَّهِۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡبَصِيرُ ٥٦

57. Việc tạo hóa các tầng trời và trái đất thực sự vĩ đại hơn việc tạo hóa loài người, nhưng đa số nhân loại không biết.

لَخَلۡقُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ أَكۡبَرُ مِنۡ خَلۡقِ ٱلنَّاسِ
وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٥٧

58. Kẻ mù và người sáng mắt không hề ngang bằng nhau; những người có đức tin và hành thiện với những kẻ làm điều xấu, tội lỗi cũng không ngang bằng nhau. Tuy nhiên, các ngươi chẳng mấy lưu tâm!

وَمَا يَسۡتَوِي ٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡبَصِيرُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَلَا ٱلۡمُسِيٓءُۚ قَلِيلٗا مَّا
تَتَذَكَّرُونَ ٥٨

59. Giờ Tận Thế chắc chắn sẽ đến, không có gì phải hoài nghi về điều đó, nhưng đa số nhân loại không có đức tin.

إِنَّ ٱلسَّاعَةَ لَأٓتِيَةٞ لَّا رَيۡبَ فِيهَا وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ
ٱلنَّاسِ لَا يُؤۡمِنُونَ ٥٩

60. Thượng Đế của các ngươi phán: “Các ngươi hãy cầu nguyện TA, TA sẽ đáp lại các ngươi. Riêng những kẻ tự cao tự đại không chịu thờ phượng TA, họ chắc chắn sẽ vào Hỏa Ngục một cách đáng khinh.”

وَقَالَ رَبُّكُمُ ٱدۡعُونِيٓ أَسۡتَجِبۡ لَكُمۡۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ
يَسۡتَكۡبِرُونَ عَنۡ عِبَادَتِي سَيَدۡخُلُونَ جَهَنَّمَ
دَاخِرِينَ ٦٠

61. Allah là Đấng đã tạo ra cho các ngươi ban đêm để các ngươi nghỉ ngơi và ban ngày để các ngươi nhìn và quan sát. Quả thật, Allah có vô vàn thiên lộc cho loài người nhưng đa số nhân loại không biết tri ân.

ٱللَّهُ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ لِتَسۡكُنُواْ فِيهِ وَٱلنَّهَارَ
مُبۡصِرًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ
أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَشۡكُرُونَ ٦١

62. Đó là Allah, Thượng Đế của các ngươi. Ngài là Đấng Tạo Hóa vạn vật, không có Thượng Đế đích thực nào ngoài Ngài. Vậy tại sao các ngươi lánh xa (không thờ phượng) Ngài?

ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡ خَٰلِقُ كُلِّ شَيۡءٖ لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ
فَأَنَّىٰ تُؤۡفَكُونَ ٦٢

63. Những kẻ phủ nhận các dấu hiệu của Allah thường lánh xa Ngài như thế.

كَذَٰلِكَ يُؤۡفَكُ ٱلَّذِينَ كَانُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ يَجۡحَدُونَ ٦٣

64. Allah là Đấng đã tạo cho các ngươi trái đất làm nơi cư ngụ và bầu trời làm mái che; Ngài tạo hình thể của các ngươi và làm cho hình thể của các ngươi đẹp nhất (so với các sinh vật khác), và Ngài cung dưỡng các ngươi bằng thực phẩm tốt lành. Đó là Allah, Thượng Đế của các ngươi. Thật phúc thay Allah, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật!

ٱللَّهُ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلۡأَرۡضَ قَرَارٗا وَٱلسَّمَآءَ بِنَآءٗ
وَصَوَّرَكُمۡ فَأَحۡسَنَ صُوَرَكُمۡ وَرَزَقَكُم مِّنَ
ٱلطَّيِّبَٰتِۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡۖ فَتَبَارَكَ ٱللَّهُ رَبُّ
ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦٤

65. Ngài là Đấng Sống Mãi, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Bởi thế, hãy cầu nguyện Ngài, một lòng thờ phượng một mình Ngài. Alhamdulillah (xin tạ ơn, ca ngợi và tán dương Allah), Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.

هُوَ ٱلۡحَيُّ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ فَٱدۡعُوهُ مُخۡلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَۗ
ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦٥

66. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói: "Allah cấm Ta thờ phượng những thần linh mà các ngươi cầu nguyện ngoài Ngài sau khi Ta đã nhận được những bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của Ta và Ta được lệnh phải thần phục Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật."

۞قُلۡ إِنِّي نُهِيتُ أَنۡ أَعۡبُدَ ٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِ
ٱللَّهِ لَمَّا جَآءَنِيَ ٱلۡبَيِّنَٰتُ مِن رَّبِّي وَأُمِرۡتُ أَنۡ أُسۡلِمَ
لِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦٦

67. Ngài là Đấng đã tạo hóa các ngươi từ đất bụi, rồi từ giọt tinh dịch, rồi từ một hòn máu đặc, sau đó Ngài đưa các ngươi ra (khỏi bụng mẹ của các ngươi) thành những đứa bé, sau đó Ngài (làm cho các ngươi phát triển) đến (tuổi) trưởng thành, và sau đó Ngài làm cho các ngươi trở thành già yếu. Trong các ngươi, có người chết sớm; và có người sống đến thời hạn qui định; (qua sự việc đó) mong rằng các ngươi thông hiểu.

هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَكُم مِّن تُرَابٖ ثُمَّ مِن نُّطۡفَةٖ ثُمَّ مِنۡ
عَلَقَةٖ ثُمَّ يُخۡرِجُكُمۡ طِفۡلٗا ثُمَّ لِتَبۡلُغُوٓاْ أَشُدَّكُمۡ ثُمَّ
لِتَكُونُواْ شُيُوخٗاۚ وَمِنكُم مَّن يُتَوَفَّىٰ مِن قَبۡلُۖ
وَلِتَبۡلُغُوٓاْ أَجَلٗا مُّسَمّٗى وَلَعَلَّكُمۡ تَعۡقِلُونَ ٦٧

68. Ngài là Đấng làm cho sống và làm cho chết. Khi Ngài định một điều (hay vật) gì, Ngài chỉ cần phán "Hãy thành", nó sẽ thành (tức thì theo đúng ý của Ngài).

هُوَ ٱلَّذِي يُحۡيِۦ وَيُمِيتُۖ فَإِذَا قَضَىٰٓ أَمۡرٗا فَإِنَّمَا يَقُولُ
لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ٦٨

69. Lẽ nào Ngươi (Thiên Sứ) không nhận thấy những kẻ đã tranh cãi về các dấu hiệu của Allah xa lánh (Chân Lý) như thế nào ư?

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ يُجَٰدِلُونَ فِيٓ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ أَنَّىٰ
يُصۡرَفُونَ ٦٩

70. Những kẻ đã phủ nhận Qur'an và những điều mà TA đã cử các Sứ Giả của TA mang đến. Rồi đây, chúng sẽ sớm biết (hậu quả của việc phủ nhận đó).

ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِٱلۡكِتَٰبِ وَبِمَآ أَرۡسَلۡنَا بِهِۦ رُسُلَنَاۖ
فَسَوۡفَ يَعۡلَمُونَ ٧٠

71. (Chúng sẽ biết hậu quả) khi những chiếc gông cùm được đóng vào cổ của chúng và những sợi dây xích (xiềng chân của chúng), chúng sẽ bị lôi đi.

إِذِ ٱلۡأَغۡلَٰلُ فِيٓ أَعۡنَٰقِهِمۡ وَٱلسَّلَٰسِلُ يُسۡحَبُونَ ٧١

72. (Chúng sẽ bị lôi đi) vào trong dòng nước cực sôi; rồi vào trong Lửa (cháy bùng), nơi mà chúng sẽ bị thiêu đốt.

فِي ٱلۡحَمِيمِ ثُمَّ فِي ٱلنَّارِ يُسۡجَرُونَ ٧٢

73. Rồi có lời bảo chúng: "Đâu rồi những thần linh mà các ngươi đã thờ phượng

ثُمَّ قِيلَ لَهُمۡ أَيۡنَ مَا كُنتُمۡ تُشۡرِكُونَ ٧٣

74. Ngoài Allah?" Chúng nói: "Họ đã bỏ chúng tôi đi mất dạng. Không, trước đây chúng tôi đã không cầu nguyện và tôn thờ ai xứng đáng cả." Allah làm cho những kẻ vô đức tin lầm lạc như thế đó.

مِن دُونِ ٱللَّهِۖ قَالُواْ ضَلُّواْ عَنَّا بَل لَّمۡ نَكُن نَّدۡعُواْ
مِن قَبۡلُ شَيۡـٔٗاۚ كَذَٰلِكَ يُضِلُّ ٱللَّهُ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٧٤

75. (Rồi có lời bảo chúng): "(Sự trừng phạt) đó là bởi vì các ngươi đã hả hê với những điều không chân lý và bởi vì các ngươi đã cư xử xấc xược trên trái đất."

ذَٰلِكُم بِمَا كُنتُمۡ تَفۡرَحُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ
وَبِمَا كُنتُمۡ تَمۡرَحُونَ ٧٥

76. "Các ngươi hãy bước vào các cánh cổng của Hỏa Ngục để sống mãi mãi trong đó. Thật tồi tệ cho chỗ ngụ của những kẻ tự cao tự đại."

ٱدۡخُلُوٓاْ أَبۡوَٰبَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ فَبِئۡسَ مَثۡوَى
ٱلۡمُتَكَبِّرِينَ ٧٦

77. Vì vậy, Ngươi hãy kiên nhẫn (hỡi Thiên Sứ) bởi lời hứa của Allah chắc chắn là thật. Và cho dù TA cho Ngươi thấy một số điều mà TA đã hứa với chúng hoặc TA bắt hồn Ngươi thì chúng vẫn phải trở về trình diện TA.

فَٱصۡبِرۡ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞۚ فَإِمَّا نُرِيَنَّكَ بَعۡضَ ٱلَّذِي
نَعِدُهُمۡ أَوۡ نَتَوَفَّيَنَّكَ فَإِلَيۡنَا يُرۡجَعُونَ ٧٧

78. Quả thật, TA đã cử các Sứ Giả đến với nhân loại trước Ngươi (hỡi Thiên Sứ). Trong số đó có người TA đã kể cho Ngươi câu chuyện của Họ và có người TA đã không kể cho Ngươi. Bất kỳ Sứ Giả nào mang một dấu hiệu (hay một câu Kinh) đến cũng đều phải có sự cho phép của Allah. Vì vậy, khi mệnh lệnh của Allah đã được ban hành, sự việc sẽ được quyết định đúng với chân lý, và những kẻ đi theo điều ngụy tạo lúc đó sẽ mất (tất cả).

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا رُسُلٗا مِّن قَبۡلِكَ مِنۡهُم مَّن قَصَصۡنَا
عَلَيۡكَ وَمِنۡهُم مَّن لَّمۡ نَقۡصُصۡ عَلَيۡكَۗ وَمَا كَانَ
لِرَسُولٍ أَن يَأۡتِيَ بِـَٔايَةٍ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ فَإِذَا جَآءَ أَمۡرُ
ٱللَّهِ قُضِيَ بِٱلۡحَقِّ وَخَسِرَ هُنَالِكَ ٱلۡمُبۡطِلُونَ ٧٨

79. Allah là Đấng đã tạo ra cho các ngươi các loài gia súc, một số các ngươi dùng để cưỡi và một số các ngươi dùng để ăn thịt.

ٱللَّهُ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلۡأَنۡعَٰمَ لِتَرۡكَبُواْ مِنۡهَا وَمِنۡهَا
تَأۡكُلُونَ ٧٩

80. Và nơi (các loài gia súc đó) các ngươi còn được một số lợi ích khác nữa. Và nhờ chúng các ngươi có thể đạt được điều mong muốn trong lòng của các ngươi. Và các ngươi được chuyên chở trên lưng của chúng và trên (các) con tàu.

وَلَكُمۡ فِيهَا مَنَٰفِعُ وَلِتَبۡلُغُواْ عَلَيۡهَا حَاجَةٗ فِي
صُدُورِكُمۡ وَعَلَيۡهَا وَعَلَى ٱلۡفُلۡكِ تُحۡمَلُونَ ٨٠

81. Ngài cho các ngươi thấy các dấu hiệu của Ngài, vậy đâu là các dấu hiệu của Allah mà các ngươi chối bỏ?

وَيُرِيكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ فَأَيَّ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ تُنكِرُونَ ٨١

82. Lẽ nào chúng đã không đi chu du khắp nơi trên trái đất để quan sát kết cuộc của những kẻ trước chúng như thế nào? Các thế hệ trước chúng đông hơn và mạnh hơn chúng và những chứng tích của họ vẫn hãy còn trên trái đất. Nhưng những gì mà họ đã làm ra (từ sức mạnh cũng như số lượng đông của họ) chẳng giúp ích gì được cho họ cả.

أَفَلَمْ يَسِيرُواْ فِي ٱلْأَرْضِ فَيَنظُرُواْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ
ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْۚ كَانُوٓاْ أَكْثَرَ مِنْهُمْ وَأَشَدَّ قُوَّةً
وَءَاثَارًا فِي ٱلْأَرْضِ فَمَآ أَغْنَىٰ عَنْهُم مَّا كَانُواْ
يَكْسِبُونَ ٨٢

83. Bởi lẽ khi những Sứ Giả của họ đến gặp họ với những bằng chứng rõ ràng thì họ lại chỉ biết hả hê với kiến thức (và tài năng) mà họ có được. Cho nên, (sự trừng phạt) đã vây hãm họ bởi những điều mà họ thường chế giễu.

فَلَمَّا جَآءَتْهُمْ رُسُلُهُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ فَرِحُواْ بِمَا عِندَهُم
مِّنَ ٱلْعِلْمِ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ ٨٣

84. Khi họ nhìn thấy sự trừng phạt của TA thì họ mới nói: “Bầy tôi đã có đức tin nơi Allah, Đấng Duy Nhất, và bầy tôi phủ nhận toàn bộ các thần linh mà bầy tôi đã tổ hợp với Ngài.”

فَلَمَّا رَأَوْاْ بَأْسَنَا قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَحْدَهُۥ وَكَفَرْنَا بِمَا
كُنَّا بِهِۦ مُشْرِكِينَ ٨٤

85. Tuy nhiên, đức tin của họ vào lúc họ nhìn thấy sự trừng phạt của TA chẳng thể giúp ích được gì cho họ. (Đó là) đường lối của Allah (trong việc) đối xử với đám bầy tôi (vô đức tin và bất tuân) của Ngài. (Cho nên), những kẻ vô đức tin cuối cùng sẽ thất bại và thua thiệt.

فَلَمْ يَكُ يَنفَعُهُمْ إِيمَٰنُهُمْ لَمَّا رَأَوْاْ بَأْسَنَاۖ سُنَّتَ ٱللَّهِ
ٱلَّتِي قَدْ خَلَتْ فِي عِبَادِهِۦۖ وَخَسِرَ هُنَالِكَ
ٱلْكَٰفِرُونَ ٨٥

Fussilat (Được Giải Thích Chi Tiết) فصلت

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ha. Mim.

حمٓ ١

2. (Qur’an này) được ban xuống từ Đấng Độ Lượng, Đấng Khoan Dung.

تَنزِيلٌ مِّنَ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ٢

3. (Nó) là một Kinh Sách với các câu được giải thích chi tiết. (Nó) là Kinh Qur’an bằng tiếng Ả-rập dành cho những người hiểu biết.

كِتَٰبٌ فُصِّلَتۡ ءَايَٰتُهُۥ قُرۡءَانًا عَرَبِيًّا لِّقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ٣

4. (Nó) là nguồn tin mừng và là lời cảnh báo. Tuy nhiên, đa số bọn họ quay mặt ngoảnh đi nên không nghe được (sự chỉ đạo và hướng dẫn).

بَشِيرٗا وَنَذِيرٗا فَأَعۡرَضَ أَكۡثَرُهُمۡ فَهُمۡ لَا يَسۡمَعُونَ ٤

5. Họ bảo: “Trái tim của bọn ta đã được bao kín (không tiếp nhận) những điều Ngươi (Thiên Sứ) kêu gọi bọn ta, tai của bọn ta bị điếc và giữa bọn ta và Ngươi có một bức màn ngăn cách. Vì vậy, Ngươi hãy làm (theo đường lối của Ngươi) còn bọn ta (làm theo đường lối của bọn ta).”

وَقَالُواْ قُلُوبُنَا فِيٓ أَكِنَّةٖ مِّمَّا تَدۡعُونَآ إِلَيۡهِ وَفِيٓ ءَاذَانِنَا وَقۡرٞ وَمِنۢ بَيۡنِنَا وَبَيۡنِكَ حِجَابٞ فَٱعۡمَلۡ إِنَّنَا عَٰمِلُونَ ٥

6. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Quả thật, Ta chỉ là một người phàm như các ngươi, tuy nhiên, Ta được mặc khải cho biết rằng Thượng Đế của các ngươi chỉ là một Thượng Đế duy nhất. Vì vậy, các ngươi hãy theo con đường ngay chính dẫn đến Ngài và các ngươi hãy xin Ngài tha thứ. Thật khốn thay cho những kẻ thờ đa thần.”

قُلۡ إِنَّمَآ أَنَا۠ بَشَرٞ مِّثۡلُكُمۡ يُوحَىٰٓ إِلَيَّ أَنَّمَآ إِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞ فَٱسۡتَقِيمُوٓاْ إِلَيۡهِ وَٱسۡتَغۡفِرُوهُۗ وَوَيۡلٞ لِّلۡمُشۡرِكِينَ ٦

7. (Đó là) những kẻ không xuất Zakah và vô đức tin nơi cõi Đời Sau.

ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُم بِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ كَٰفِرُونَ ٧

8. Quả thật, những người có đức tin và hành thiện chắc chắn sẽ được ban thưởng một phần thưởng vô tận (Thiên Đàng).

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمۡ أَجۡرٌ غَيۡرُ مَمۡنُونٖ ٨

9. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với họ: “Lẽ nào các người phủ nhận Đấng đã tạo hóa trái đất trong hai ngày và lẽ nào các người lại dựng lên cùng với Ngài những thần linh ngang vai trong khi Ngài là Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật ư?”

۞قُلۡ أَئِنَّكُمۡ لَتَكۡفُرُونَ بِٱلَّذِي خَلَقَ ٱلۡأَرۡضَ فِي يَوۡمَيۡنِ وَتَجۡعَلُونَ لَهُۥٓ أَندَادٗاۚ ذَٰلِكَ رَبُّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٩

10. Ngài đã đặt trên bề mặt của trái đất những quả núi vững chắc, Ngài đã ban phúc cho trái đất và phân định lương thực cho dân cư của nó trong bốn ngày, đồng đều cho những người đòi hỏi.

وَجَعَلَ فِيهَا رَوَٰسِىَ مِن فَوْقِهَا وَبَٰرَكَ فِيهَا وَقَدَّرَ
فِيهَآ أَقْوَٰتَهَا فِىٓ أَرْبَعَةِ أَيَّامٍ سَوَآءً لِّلسَّآئِلِينَ ١٠

11. Sau đó, Ngài hướng về bầu trời (lúc đó) chỉ là một lớp khói, Ngài phán bảo nó và trái đất: “Hai ngươi hãy đến (thành theo lệnh), thuận hay không thuận?” Cả hải cùng thưa: “Bầy tôi xin thuận đến (thành theo lệnh Ngài).”

ثُمَّ ٱسْتَوَىٰٓ إِلَى ٱلسَّمَآءِ وَهِىَ دُخَانٌ فَقَالَ لَهَا
وَلِلْأَرْضِ ٱئْتِيَا طَوْعًا أَوْ كَرْهًا قَالَتَآ أَتَيْنَا
طَآئِعِينَ ١١

12. Rồi Ngài đã hoàn tất việc tạo hóa bảy tầng trời trong hai ngày (thứ năm và thứ sáu) và Ngài mặc khải cho mỗi tầng trời công việc của riêng nó. Và TA đã trang hoàng tầng trời hạ giới với những chiếc đèn (là các vì sao) và (TA đã cử các Thiên Thần) canh giữ nó. Đó là sự an bày và định đoạt của Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

فَقَضَىٰهُنَّ سَبْعَ سَمَٰوَاتٍ فِى يَوْمَيْنِ وَأَوْحَىٰ فِى كُلِّ
سَمَآءٍ أَمْرَهَا ۚ وَزَيَّنَّا ٱلسَّمَآءَ ٱلدُّنْيَا بِمَصَٰبِيحَ وَحِفْظًا ۚ
ذَٰلِكَ تَقْدِيرُ ٱلْعَزِيزِ ٱلْعَلِيمِ ١٢

13. Nếu chúng ngoảnh đi thì Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với chúng): “Ta cảnh báo các ngươi về tia sét giống như tia sét đã đánh dân ‘Ad và dân Thamud.”

فَإِنْ أَعْرَضُوا۟ فَقُلْ أَنذَرْتُكُمْ صَٰعِقَةً مِّثْلَ صَٰعِقَةِ
عَادٍ وَثَمُودَ ١٣

14. (Điều đó xảy ra) khi các Sứ Giả (của Allah) đã đến với chúng từ phía trước lẫn phía sau, (nói): “Các ngươi hãy thờ phượng một mình Allah thôi.” Chúng bảo: “Nếu Thượng Đế của bọn ta thực sự muốn thì chắc chắn Ngài đã cử các Thiên Thần xuống (làm Sứ Giả). Vì vậy, bọn ta không tin nơi điều các người mang đến.”

إِذْ جَآءَتْهُمُ ٱلرُّسُلُ مِنۢ بَيْنِ أَيْدِيهِمْ وَمِنْ خَلْفِهِمْ
أَلَّا تَعْبُدُوٓا۟ إِلَّا ٱللَّهَ ۖ قَالُوا۟ لَوْ شَآءَ رَبُّنَا لَأَنزَلَ
مَلَٰٓئِكَةً فَإِنَّا بِمَآ أُرْسِلْتُم بِهِۦ كَٰفِرُونَ ١٤

15. Đối với ‘Ad (đám dân của Hud), chúng đã ngạo mạn trên trái đất một cách không chính đáng. Chúng nói: “Ai mạnh hơn bọn ta?” Lẽ nào chúng không nhận thấy Allah, Đấng đã tạo hóa chúng, mạnh hơn chúng hay sao? Quả thật, chúng đã thường gạt đi các dấu hiệu của TA.

فَأَمَّا عَادٌ فَٱسْتَكْبَرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ بِغَيْرِ ٱلْحَقِّ وَقَالُوا۟
مَنْ أَشَدُّ مِنَّا قُوَّةً ۖ أَوَلَمْ يَرَوْا۟ أَنَّ ٱللَّهَ ٱلَّذِى خَلَقَهُمْ
هُوَ أَشَدُّ مِنْهُمْ قُوَّةً ۖ وَكَانُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا يَجْحَدُونَ ١٥

16. Cho nên, TA đã gởi đến chúng một trận gió gào thét (cuồng phong) suốt những ngày bất hạnh để TA cho chúng nếm lấy hình phạt trong sự ô nhục trên cuộc sống trần gian; tuy nhiên, sự trừng phạt ở cõi Đời Sau còn nhục nhã hơn; và chúng sẽ không được ai cứu giúp.

فَأَرْسَلْنَا عَلَيْهِمْ رِيحًا صَرْصَرًا فِىٓ أَيَّامٍ نَّحِسَاتٍ
لِّنُذِيقَهُمْ عَذَابَ ٱلْخِزْىِ فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۖ وَلَعَذَابُ
ٱلْءَاخِرَةِ أَخْزَىٰ ۖ وَهُمْ لَا يُنصَرُونَ ١٦

17. Còn đối với Thamud (đám dân của Saleh). TA đã hướng dẫn chúng nhưng chúng thích sự mù quáng (lầm lạc) hơn sự hướng dẫn. Vì vậy, tia sét của hình phạt ô nhục đã đánh chúng bởi những tội lỗi mà chúng đã làm.

وَأَمَّا ثَمُودُ فَهَدَيْنَٰهُمْ فَٱسْتَحَبُّوا۟ ٱلْعَمَىٰ عَلَى ٱلْهُدَىٰ
فَأَخَذَتْهُمْ صَٰعِقَةُ ٱلْعَذَابِ ٱلْهُونِ بِمَا كَانُوا۟
يَكْسِبُونَ ١٧

18. Và TA đã cứu những người có đức tin và kính sợ (TA).

وَنَجَّيْنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَكَانُوا۟ يَتَّقُونَ ١٨

19. Vào Ngày mà những kẻ thù của Allah sẽ được tập trung dẫn đến Hỏa Ngục; chúng sẽ được tập hợp thành từng hàng.

وَيَوۡمَ يُحۡشَرُ أَعۡدَآءُ ٱللَّهِ إِلَى ٱلنَّارِ فَهُمۡ يُوزَعُونَ ١٩

20. Mãi cho đến khi chúng đến (Hỏa Ngục) thì tai, mắt và da của chúng sẽ làm chứng chống lại chúng về những tội lỗi mà chúng đã làm.

حَتَّىٰٓ إِذَا مَا جَآءُوهَا شَهِدَ عَلَيۡهِمۡ سَمۡعُهُمۡ
وَأَبۡصَٰرُهُمۡ وَجُلُودُهُم بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٢٠

21. Chúng sẽ nói với các lớp da của chúng: “Tại sao các ngươi làm chứng chống lại bọn ta?” Các lớp da trả lời: “Allah làm cho chúng tôi biết nói giống như Ngài làm cho mọi vật biết nói; và Ngài đã tạo ra các người lần đầu và các người sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.”

وَقَالُواْ لِجُلُودِهِمۡ لِمَ شَهِدتُّمۡ عَلَيۡنَاۖ قَالُوٓاْ أَنطَقَنَا ٱللَّهُ
ٱلَّذِيٓ أَنطَقَ كُلَّ شَيۡءٖۚ وَهُوَ خَلَقَكُمۡ أَوَّلَ مَرَّةٖ
وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٢١

22. “Các người đã không chịu che đậy bản thân mình để khỏi bị tai, mắt và da của các người khiến chúng làm chứng chống lại các người, mà ngược lại, các người đã nghĩ rằng Allah không biết nhiều về những điều các người làm.”

وَمَا كُنتُمۡ تَسۡتَتِرُونَ أَن يَشۡهَدَ عَلَيۡكُمۡ سَمۡعُكُمۡ
وَلَآ أَبۡصَٰرُكُمۡ وَلَا جُلُودُكُمۡ وَلَٰكِن ظَنَنتُمۡ أَنَّ
ٱللَّهَ لَا يَعۡلَمُ كَثِيرٗا مِّمَّا تَعۡمَلُونَ ٢٢

23. “Đó là ý nghĩ mà các người đã nghĩ về Thượng Đế của các người, nó đã hủy hoại các người. Cho nên, các người đã trở thành những kẻ thua thiệt và thất bại.”

وَذَٰلِكُمۡ ظَنُّكُمُ ٱلَّذِي ظَنَنتُم بِرَبِّكُمۡ أَرۡدَىٰكُمۡ
فَأَصۡبَحۡتُم مِّنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٢٣

24. Nhưng cho dù chúng có kiên nhẫn chịu đựng thì Hỏa Ngục vẫn là nơi cư trú của chúng; và nếu chúng có xin được giảm nhẹ (hình phạt) thì chúng cũng sẽ không thuộc những người được giảm nhẹ.

فَإِن يَصۡبِرُواْ فَٱلنَّارُ مَثۡوٗى لَّهُمۡۖ وَإِن يَسۡتَعۡتِبُواْ فَمَا
هُم مِّنَ ٱلۡمُعۡتَبِينَ ٢٤

25. Và TA đã chỉ định cho chúng những người bạn đồng hành (những tên Shaytan). Những người bạn đồng hành này của chúng làm cho chúng thích thú với những tội lỗi đằng trước chúng và những sai trái đằng sau chúng. Và lời (hứa trừng phạt) đã có hiệu lực với các cộng đồng trước chúng từ loài Jinn và loài người. Thật vậy, (những cộng đồng trước chúng) đều là những kẻ thua thiệt và thất bại.

*وَقَيَّضۡنَا لَهُمۡ قُرَنَآءَ فَزَيَّنُواْ لَهُم مَّا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا
خَلۡفَهُمۡ وَحَقَّ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقَوۡلُ فِيٓ أُمَمٖ قَدۡ خَلَتۡ مِن
قَبۡلِهِم مِّنَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِۖ إِنَّهُمۡ كَانُواْ خَٰسِرِينَ ٢٥

26. Những kẻ vô đức tin khuyên bảo nhau rằng “Mọi người đừng thèm nghe Qur’an này, hãy nói chuyện ồn ào và gây náo động (khi Nó được xướng lên), như thế có lẽ các ngươi sẽ nắm ưu thế (trong việc ngăn Muhammad xướng Nó và kêu gọi đến với Nó).”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَا تَسۡمَعُواْ لِهَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ
وَٱلۡغَوۡاْ فِيهِ لَعَلَّكُمۡ تَغۡلِبُونَ ٢٦

27. Nhưng TA chắc chắn sẽ khiến những kẻ vô đức tin nếm lấy sự trừng phạt khắc nghiệt và TA chắc chắn sẽ đền bù điều tồi tệ nhất cho chúng bởi những gì mà chúng đã làm.

فَلَنُذِيقَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ عَذَابٗا شَدِيدٗا وَلَنَجۡزِيَنَّهُمۡ
أَسۡوَأَ ٱلَّذِي كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٢٧

28. Đó là sự đền bù xứng đáng dành cho những kẻ thù của Allah. Hỏa Ngục, đối với chúng, sẽ là ngôi nhà vĩnh cửu, nó như là một sự bù đắp cho việc chúng đã chối bỏ các Lời Mặc Khải của TA.

ذَٰلِكَ جَزَآءُ أَعۡدَآءِ ٱللَّهِ ٱلنَّارُۖ لَهُمۡ فِيهَا دَارُ ٱلۡخُلۡدِ
جَزَآءَۢ بِمَا كَانُواْ بِـَٔايَٰتِنَا يَجۡحَدُونَ ٢٨

29. Những kẻ vô đức tin sẽ nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài cho bầy tôi thấy những kẻ đã dắt bầy tôi lầm lạc từ loài Jinn và loài người để bầy tôi chà đạp chúng dưới bàn chân của bầy tôi khiến chúng thành những kẻ thấp hèn nhất.”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ رَبَّنَآ أَرِنَا ٱلَّذَيۡنِ أَضَلَّانَا مِنَ
ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِ نَجۡعَلۡهُمَا تَحۡتَ أَقۡدَامِنَا لِيَكُونَا مِنَ
ٱلۡأَسۡفَلِينَ ٢٩

30. Quả thật, những ai đã nói “Thượng Đế của chúng tôi là Allah” và sau đó vẫn đi đúng hướng, các Thiên Thần sẽ xuống động viên họ (lúc hấp hối): “Đừng sợ hãi và đừng đau buồn, các ngươi hãy vui lên với tin mừng về Thiên Đàng mà các ngươi đã được hứa!”

إِنَّ ٱلَّذِينَ قَالُواْ رَبُّنَا ٱللَّهُ ثُمَّ ٱسۡتَقَٰمُواْ تَتَنَزَّلُ عَلَيۡهِمُ
ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ أَلَّا تَخَافُواْ وَلَا تَحۡزَنُواْ وَأَبۡشِرُواْ بِٱلۡجَنَّةِ
ٱلَّتِي كُنتُمۡ تُوعَدُونَ ٣٠

31. “Chúng tôi là đồng minh của các ngươi trên cuộc sống trần gian này và ở cõi Đời Sau. Rồi đây (trong Thiên Đàng) các ngươi sẽ có được bất cứ thứ gì mà bản thân các ngươi ước muốn và các ngươi sẽ có được bất cứ thứ gì các ngươi yêu cầu.”

نَحۡنُ أَوۡلِيَآؤُكُمۡ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَفِي ٱلۡأٓخِرَةِۖ
وَلَكُمۡ فِيهَا مَا تَشۡتَهِيٓ أَنفُسُكُمۡ وَلَكُمۡ فِيهَا مَا
تَدَّعُونَ ٣١

32. “Một sự khoan đãi từ Đấng Tha Thứ, Đấng Thương Xót.”

نُزُلٗا مِّنۡ غَفُورٖ رَّحِيمٖ ٣٢

33. Còn ai có lời nói tốt đẹp hơn người đã kêu gọi đến với Allah, hành thiện và nói “Tôi là một người Muslim.”

وَمَنۡ أَحۡسَنُ قَوۡلٗا مِّمَّن دَعَآ إِلَى ٱللَّهِ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا
وَقَالَ إِنَّنِي مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ٣٣

34. Điều tốt và điều xấu không ngang bằng nhau. Hãy dùng điều tốt đẩy lùi điều xấu; (nếu ngươi làm được như thế thì chắc chắn có một ngày), kẻ mang lòng thù hận Ngươi (Thiên Sứ) sẽ trở thành người bạn thân thiết của Ngươi thôi.

وَلَا تَسۡتَوِي ٱلۡحَسَنَةُ وَلَا ٱلسَّيِّئَةُۚ ٱدۡفَعۡ بِٱلَّتِي هِيَ
أَحۡسَنُ فَإِذَا ٱلَّذِي بَيۡنَكَ وَبَيۡنَهُۥ عَدَٰوَةٞ كَأَنَّهُۥ وَلِيٌّ
حَمِيمٞ ٣٤

35. Tuy nhiên, không ai được phú cho cái đó ngoại trừ những người thực sự kiên nhẫn và không ai được phú cho cái đó ngoại trừ những người có phần phước lớn.

وَمَا يُلَقَّىٰهَآ إِلَّا ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَمَا يُلَقَّىٰهَآ إِلَّا ذُو
حَظٍّ عَظِيمٖ ٣٥

36. Nếu có một đề nghị từ Shaytan xúi Ngươi (hỡi Thiên Sứ - làm chuyện xấu và tội lỗi) thì Ngươi hãy cầu xin Allah che chở bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

وَإِمَّا يَنزَغَنَّكَ مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ نَزۡغٞ فَٱسۡتَعِذۡ بِٱللَّهِۖ
إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٣٦

37. Ban đêm và ban ngày, mặt trời và mặt trăng là các dấu hiệu (chứng minh quyền năng vĩ đại của Allah). Các ngươi chớ đừng quỳ lạy mặt trời hay mặt trăng mà hãy quỳ lạy Allah, Đấng đã tạo ra chúng nếu các ngươi thực sự thờ phượng Ngài.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِ ٱلَّيۡلُ وَٱلنَّهَارُ وَٱلشَّمۡسُ وَٱلۡقَمَرُۚ لَا
تَسۡجُدُواْ لِلشَّمۡسِ وَلَا لِلۡقَمَرِ وَٱسۡجُدُواْۤ لِلَّهِ ٱلَّذِي
خَلَقَهُنَّ إِن كُنتُمۡ إِيَّاهُ تَعۡبُدُونَ ٣٧

38. Nhưng nếu chúng tự cao tự đại (không chịu quỳ lạy Allah) thì các Thiên Thần ở nơi Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ) vẫn tán dương và ca tụng Ngài cả đêm lẫn ngày và họ không bao giờ chán ngán hay mỏi mệt.

فَإِنِ ٱسۡتَكۡبَرُواْ فَٱلَّذِينَ عِندَ رَبِّكَ يُسَبِّحُونَ لَهُۥ
بِٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ وَهُمۡ لَا يَسۡـَٔمُونَ۩ ٣٨

39. Trong các dấu hiệu (chứng minh quyền năng) của Ngài là Ngươi (Thiên Sứ) sẽ thấy đất đai khô nứt nhưng khi TA ban nước (mưa) xuống thì nó cựa mình sống lại và mọc ra (cây cối và thảo mộc). Thật vậy, Đấng đã làm cho nó sống lại chắc chắn sẽ làm cho người chết sống lại (vào Ngày Phục Sinh). Quả thật, Ngài là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦٓ أَنَّكَ تَرَى ٱلۡأَرۡضَ خَٰشِعَةٗ فَإِذَآ أَنزَلۡنَا
عَلَيۡهَا ٱلۡمَآءَ ٱهۡتَزَّتۡ وَرَبَتۡۚ إِنَّ ٱلَّذِيٓ أَحۡيَاهَا لَمُحۡيِ
ٱلۡمَوۡتَىٰٓۚ إِنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ٣٩

40. Quả thật, những kẻ đã chế giễu và bóp méo các Lời Mặc Khải của TA chắc chắn sẽ không trốn khỏi được TA. Vậy, kẻ bị ném vào Hỏa Ngục tốt hơn hay người an toàn vào Ngày Phán Xét tốt hơn? Các ngươi cứ làm những điều các ngươi muốn bởi lẽ (Allah) luôn thấy rõ những gì các ngươi làm.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُلۡحِدُونَ فِيٓ ءَايَٰتِنَا لَا يَخۡفَوۡنَ عَلَيۡنَآۗ
أَفَمَن يُلۡقَىٰ فِي ٱلنَّارِ خَيۡرٌ أَم مَّن يَأۡتِيٓ ءَامِنٗا يَوۡمَ
ٱلۡقِيَٰمَةِۚ ٱعۡمَلُواْ مَا شِئۡتُمۡ إِنَّهُۥ بِمَا تَعۡمَلُونَ
بَصِيرٌ ٤٠

41. Quả thật, những kẻ phủ nhận Lời Nhắc Nhở (Qur'an) khi Nó đến với chúng (thì chắc chắn sẽ bị trừng phạt vào Ngày Phán Xét). Quả thật, (Qur'an) là một Kinh Sách rất đỗi quyền năng (dưới sự bảo vệ của Allah).

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِٱلذِّكۡرِ لَمَّا جَآءَهُمۡۖ وَإِنَّهُۥ
لَكِتَٰبٌ عَزِيزٞ ٤١

42. Không một điều ngụy tạo nào có thể xâm nhập vào Nó dù từ đằng trước hay đằng sau. Bởi vì Nó do Đấng Chí Minh, Đấng Đáng Ca Tụng ban xuống.

لَّا يَأۡتِيهِ ٱلۡبَٰطِلُ مِنۢ بَيۡنِ يَدَيۡهِ وَلَا مِنۡ خَلۡفِهِۦۖ
تَنزِيلٞ مِّنۡ حَكِيمٍ حَمِيدٖ ٤٢

43. Những điều chúng nói cho Ngươi (Thiên Sứ) chẳng khác với điều đã được nói cho các Sứ Giả trước Ngươi. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng nắm quyền tha thứ và là Đấng sở hữu sự trừng phạt đau đớn.

مَّا يُقَالُ لَكَ إِلَّا مَا قَدۡ قِيلَ لِلرُّسُلِ مِن قَبۡلِكَۚ إِنَّ
رَبَّكَ لَذُو مَغۡفِرَةٖ وَذُو عِقَابٍ أَلِيمٖ ٤٣

44. Nếu TA đã ban Qur'an xuống bằng một thứ tiếng không phải tiếng Ả-rập thì chắc chắn chúng đã nói: "Tại sao các câu kinh của Nó không được giải thích chi tiết (bằng tiếng nói của bọn ta chứ)?" Lẽ nào (Qur'an) bằng ngôn ngữ không phải tiếng Ả-rập còn (Sứ Giả truyền đạt Nó) lại là người Ả-rập ư? Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với chúng: "(Qur'an) là một nguồn chỉ đạo và là một phương thuốc chữa lành bệnh cho những ai có đức tin. Còn những kẻ vô đức tin, tai của chúng bị điếc và Qur'an là một sự mù lòa đối với chúng. Chúng giống như những kẻ được gọi từ một nơi rất xa xôi (nên chúng chẳng nghe được tiếng của người gọi).

وَلَوْ جَعَلْنَٰهُ قُرْءَانًا أَعْجَمِيًّا لَّقَالُوا۟ لَوْلَا فُصِّلَتْ
ءَايَٰتُهُۥٓ ۖ ءَا۬عْجَمِىٌّ وَعَرَبِىٌّ ۗ قُلْ هُوَ لِلَّذِينَ ءَامَنُوا۟
هُدًى وَشِفَآءٌ ۖ وَٱلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ فِىٓ ءَاذَانِهِمْ وَقْرٌ
وَهُوَ عَلَيْهِمْ عَمًى ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ يُنَادَوْنَ مِن مَّكَانٍۭ
بَعِيدٍ ﴿٤٤﴾

45. Quả thật, TA đã ban cho Musa Kinh Sách, nhưng đã có những tranh cãi và bất đồng trong đó. Nếu không vì một lời phán của Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ) đã được phán ra từ trước thì sự việc tranh cãi và bất đồng giữa chúng đã được giải quyết xong xuôi. Thật vậy, những kẻ vô đức tin vẫn cứ hoài nghi về (Qur'an).

وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ فَٱخْتُلِفَ فِيهِ ۗ وَلَوْلَا
كَلِمَةٌ سَبَقَتْ مِن رَّبِّكَ لَقُضِىَ بَيْنَهُمْ ۚ وَإِنَّهُمْ لَفِى
شَكٍّ مِّنْهُ مُرِيبٍ ﴿٤٥﴾

46. Người nào làm điều thiện thì được phúc cho bản thân mình, còn người nào làm điều xấu thì sẽ gặp điều xấu (tương ứng). Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không bao giờ bất công với người bề tôi (của Ngài).

مَّنْ عَمِلَ صَٰلِحًا فَلِنَفْسِهِۦ ۖ وَمَنْ أَسَآءَ فَعَلَيْهَا ۗ وَمَا
رَبُّكَ بِظَلَّٰمٍ لِّلْعَبِيدِ ﴿٤٦﴾

47. Kiến thức về Giờ Tận Thế chỉ thuộc một mình (Allah). Không một trái cây nào lú ra khỏi vỏ của nó cũng như không một người phụ nữ nào mang thai và hạ sinh mà Ngài lại không biết. Vào Ngày mà Ngài sẽ gọi chúng đến hỏi: "Đâu rồi những thần linh mà các ngươi cho là những đối tác của TA?" Chúng sẽ nói: "Bầy tôi xin bảo đảm với Ngài không một ai trong bầy tôi làm chứng (cho điều đó)."

۞ إِلَيْهِ يُرَدُّ عِلْمُ ٱلسَّاعَةِ ۚ وَمَا تَخْرُجُ مِن ثَمَرَٰتٍ مِّنْ
أَكْمَامِهَا وَمَا تَحْمِلُ مِنْ أُنثَىٰ وَلَا تَضَعُ إِلَّا بِعِلْمِهِۦ ۚ
وَيَوْمَ يُنَادِيهِمْ أَيْنَ شُرَكَآءِى قَالُوٓا۟ ءَاذَنَّٰكَ مَا مِنَّا
مِن شَهِيدٍ ﴿٤٧﴾

48. Những thần linh mà chúng đã từng van vái trước kia đã bỏ chúng mất dạng và chúng sẽ thấy mình chắc chắn không thể thoát (khỏi sự trừng phạt của Allah).

وَضَلَّ عَنْهُم مَّا كَانُوا۟ يَدْعُونَ مِن قَبْلُ ۖ وَظَنُّوا۟ مَا
لَهُم مِّن مَّحِيصٍ ﴿٤٨﴾

49. Con người thường không chán ngán và mệt mỏi trong việc cầu nguyện điều tốt lành nhưng nếu gặp điều xấu (tai họa) thì lại buông xuôi, tuyệt vọng.

لَّا يَسْـَٔمُ ٱلْإِنسَٰنُ مِن دُعَآءِ ٱلْخَيْرِ وَإِن مَّسَّهُ ٱلشَّرُّ
فَيَـُٔوسٌ قَنُوطٌ ﴿٤٩﴾

50. Nếu TA cho y nếm trải lòng thương xót từ TA sau một nghịch cảnh mà y gặp phải, chắc chắn y sẽ nói (một cách tự cao tự đại): "Đây là phần của tôi (tôi đáng được thế), và tôi nghĩ sẽ chẳng có Giờ Tận Thế nào cả; nếu tôi thực sự có được đưa về trình diện Thượng Đế của tôi đi chăng nữa thì chắc chắn tôi cũng sẽ có được vô vàn cái tốt đẹp nơi Ngài mà thôi." Chắc chắn TA sẽ cho những kẻ vô đức tin biết về những gì mà chúng đã làm và chắc chắn TA sẽ cho chúng nếm lấy sự trừng phạt khủng khiếp.

وَلَئِنْ أَذَقْنَٰهُ رَحْمَةً مِّنَّا مِنۢ بَعْدِ ضَرَّآءَ مَسَّتْهُ
لَيَقُولَنَّ هَٰذَا لِى وَمَآ أَظُنُّ ٱلسَّاعَةَ قَآئِمَةً وَلَئِن
رُّجِعْتُ إِلَىٰ رَبِّىٓ إِنَّ لِى عِندَهُۥ لَلْحُسْنَىٰ ۚ فَلَنُنَبِّئَنَّ
ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِمَا عَمِلُوا۟ وَلَنُذِيقَنَّهُم مِّنْ عَذَابٍ
غَلِيظٍ ﴿٥٠﴾

51. Khi TA (Allah) ban ân huệ cho con người thì y quay lưng và xa cách (TA) còn khi gặp hoạn nạn thì y lại khẩn cầu (TA) tha thiết.

وَإِذَآ أَنۡعَمۡنَا عَلَى ٱلۡإِنسَٰنِ أَعۡرَضَ وَنَـَٔا بِجَانِبِهِۦ وَإِذَا
مَسَّهُ ٱلشَّرُّ فَذُو دُعَآءٍ عَرِيضٖ ٥١

52. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với (những kẻ đa thần này): “Các ngươi có suy xét chăng nếu Qur’an thật sự do Allah ban xuống rồi các ngươi phủ nhận Nó thì ai sẽ là người lầm lạc hơn kẻ chống đối Nó từ xa?”

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِن كَانَ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ ثُمَّ كَفَرۡتُم بِهِۦ
مَنۡ أَضَلُّ مِمَّنۡ هُوَ فِي شِقَاقِۭ بَعِيدٖ ٥٢

53. TA (Allah) sẽ cho chúng thấy các dấu hiệu của TA ở các chân trời và ngay trên bản thân của chúng cho đến khi chúng thấy rõ rằng đó là sự thật. Lẽ nào Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ) không đủ là Nhân Chứng cho tất cả mọi việc ư?

سَنُرِيهِمۡ ءَايَٰتِنَا فِي ٱلۡأٓفَاقِ وَفِيٓ أَنفُسِهِمۡ حَتَّىٰ يَتَبَيَّنَ
لَهُمۡ أَنَّهُ ٱلۡحَقُّۗ أَوَلَمۡ يَكۡفِ بِرَبِّكَ أَنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ شَهِيدٌ ٥٣

54. Lẽ nào chúng vẫn hoài nghi về cuộc gặp gỡ với Thượng Đế của chúng? Chẳng phải Ngài luôn bao quát hết tất cả mọi thứ đó sao?!

أَلَآ إِنَّهُمۡ فِي مِرۡيَةٖ مِّن لِّقَآءِ رَبِّهِمۡۗ أَلَآ إِنَّهُۥ بِكُلِّ
شَيۡءٖ مُّحِيطُۢ ٥٤

Ash-Shura (Tham Khảo) الشورى

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ha. Mim.

حمٓ ١

2. Ai-n. Si-n. Qa-f.

عٓسٓقٓ ٢

3. Như thế đó, (Allah) đã mặc khải cho Ngươi và cho các vị (Sứ Giả) trước Ngươi. Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

كَذَٰلِكَ يُوحِيٓ إِلَيۡكَ وَإِلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكَ ٱللَّهُ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٣

4. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trên trái đất đều là của Ngài. Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.

لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَلِيُّ ٱلۡعَظِيمُ ٤

5. (Bởi sự vĩ đại và tối cao của Allah), các tầng trời gần như vỡ ra từ bên trên chúng, các Thiên Thần tán dương Thượng Đế của họ, và họ cầu xin (Allah) tha thứ cho những ai trên trái đất. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

تَكَادُ ٱلسَّمَٰوَٰتُ يَتَفَطَّرۡنَ مِن فَوۡقِهِنَّۚ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يُسَبِّحُونَ بِحَمۡدِ رَبِّهِمۡ وَيَسۡتَغۡفِرُونَ لِمَن فِي ٱلۡأَرۡضِۗ أَلَآ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ٥

6. Những kẻ nhận những ai khác ngoài (Allah) làm những vị bảo hộ (nên biết) Allah là Đấng Trông Chừng họ; và Ngươi (hỡi Thiên Sứ) không phải là người chịu trách nhiệm cho (các việc làm) của họ.

وَٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَ ٱللَّهُ حَفِيظٌ عَلَيۡهِمۡ وَمَآ أَنتَ عَلَيۡهِم بِوَكِيلٖ ٦

7. Như thế đó, TA đã mặc khải cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) Kinh Qur'an bằng tiếng Ả-rập để Ngươi dùng cảnh báo thị trấn mẹ (Makkah) và những ai ở xung quanh nó; và để Ngươi cảnh báo về Ngày Triệu Tập, ngày mà không có gì phải hoài nghi (về sự xảy ra của nó). (Vào Ngày đó), một nhóm sẽ vào Thiên Đàng và một nhóm sẽ vào Hỏa Ngục.

وَكَذَٰلِكَ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ قُرۡءَانًا عَرَبِيّٗا لِّتُنذِرَ أُمَّ ٱلۡقُرَىٰ وَمَنۡ حَوۡلَهَا وَتُنذِرَ يَوۡمَ ٱلۡجَمۡعِ لَا رَيۡبَ فِيهِۚ فَرِيقٞ فِي ٱلۡجَنَّةِ وَفَرِيقٞ فِي ٱلسَّعِيرِ ٧

8. Nếu muốn, Allah thừa sức làm cho họ thành một cộng đồng duy nhất, tuy nhiên, Ngài muốn thu nhận ai vào lòng thương xót của Ngài (Thiên Đàng) là tùy ý Ngài. Những kẻ làm điều sai quấy sẽ không có ai che chở cũng như sẽ không có ai cứu giúp.

وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَعَلَهُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَلَٰكِن يُدۡخِلُ مَن يَشَآءُ فِي رَحۡمَتِهِۦۚ وَٱلظَّٰلِمُونَ مَا لَهُم مِّن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٍ ٨

9. (Những kẻ đa thần) đã nhận những ai khác ngoài (Allah) làm người bảo hộ trong khi Allah mới thực sự là Đấng Bảo Hộ, Ngài làm cho người chết sống lại và Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ.

أَمِ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَۖ فَٱللَّهُ هُوَ ٱلۡوَلِيُّ وَهُوَ يُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٩

10. Bất cứ điều gì các ngươi tranh chấp đều được trình lên cho Allah quyết định. (Hỡi Thiên Sứ, Ngươi hãy nói): “Đó là Allah, Thượng Đế của Ta, với Ngài Ta phó thác và với Ngài Ta quay về sám hối.”

وَمَا ٱخۡتَلَفۡتُمۡ فِيهِ مِن شَيۡءٖ فَحُكۡمُهُۥٓ إِلَى ٱللَّهِۚ
ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبِّي عَلَيۡهِ تَوَكَّلۡتُ وَإِلَيۡهِ أُنِيبُ ١٠

11. (Allah là) Đấng tạo hóa các tầng trời và trái đất. Từ bản thân các ngươi, Ngài tạo ra những người vợ cho các ngươi; và từ các loại gia súc, Ngài tạo ra nhiều con cái. Bằng cách đó, Ngài làm cho các ngươi trở nên đông đúc. Không có cái gì giống Ngài. Và Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

فَاطِرُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ جَعَلَ لَكُم مِّنۡ
أَنفُسِكُمۡ أَزۡوَٰجٗا وَمِنَ ٱلۡأَنۡعَٰمِ أَزۡوَٰجٗا يَذۡرَؤُكُمۡ
فِيهِۚ لَيۡسَ كَمِثۡلِهِۦ شَيۡءٞۖ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡبَصِيرُ ١١

12. Mọi chìa khóa (kho tài nguyên) của các tầng trời và trái đất đều là của Ngài. Ngài muốn nới rộng hoặc thu hẹp bổng lộc cho ai là tùy ý Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Biết tất cả mọi thứ.

لَهُۥ مَقَالِيدُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن
يَشَآءُ وَيَقۡدِرُۚ إِنَّهُۥ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ١٢

13. Ngài đã ban hành cho các ngươi tôn giáo (Islam) mà Ngài đã truyền xuống cho Nuh. Và những gì TA đã mặc khải cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) cũng chính là những gì TA đã truyền cho Ibrahim, cho Musa và cho Ysa, (đó là): “Các ngươi hãy thiết lập tôn giáo và chớ phân chia thành giáo phái trong đó”. Thật khó khăn cho những người thờ đa thần chấp nhận điều Ngươi mời gọi họ. Allah muốn chọn người nào hướng về Ngài là tùy ý Ngài và Ngài hướng dẫn về với Ngài người nào biết quay về sám hối (với Ngài).

۞شَرَعَ لَكُم مِّنَ ٱلدِّينِ مَا وَصَّىٰ بِهِۦ نُوحٗا وَٱلَّذِيٓ
أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ وَمَا وَصَّيۡنَا بِهِۦٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَمُوسَىٰ
وَعِيسَىٰٓۖ أَنۡ أَقِيمُواْ ٱلدِّينَ وَلَا تَتَفَرَّقُواْ فِيهِۚ كَبُرَ عَلَى
ٱلۡمُشۡرِكِينَ مَا تَدۡعُوهُمۡ إِلَيۡهِۚ ٱللَّهُ يَجۡتَبِيٓ إِلَيۡهِ مَن
يَشَآءُ وَيَهۡدِيٓ إِلَيۡهِ مَن يُنِيبُ ١٣

14. Từ sau khi tiếp thu được nguồn kiến thức (tôn giáo), do sự thù hằn nên họ đã chia rẽ nhau. Nếu không vì một lời phán từ Thượng Đế của Ngươi tuyên bố (hoãn hình phạt) cho đến một thời hạn ấn định thì sự việc giữa họ đã được giải quyết. Và thực sự, những kẻ được trao quyền thừa kế Kinh Sách sau họ vẫn còn hoài nghi (về Qur’an).

وَمَا تَفَرَّقُوٓاْ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَهُمُ ٱلۡعِلۡمُ بَغۡيَۢا
بَيۡنَهُمۡۚ وَلَوۡلَا كَلِمَةٞ سَبَقَتۡ مِن رَّبِّكَ إِلَىٰٓ أَجَلٖ
مُّسَمّٗى لَّقُضِيَ بَيۡنَهُمۡۚ وَإِنَّ ٱلَّذِينَ أُورِثُواْ ٱلۡكِتَٰبَ
مِنۢ بَعۡدِهِمۡ لَفِي شَكّٖ مِّنۡهُ مُرِيبٖ ١٤

15. Vì vậy, Ngươi hãy mời gọi (nhân loại đến với Islam); Ngươi hãy đứng vững như đã được lệnh; Ngươi chớ đi theo xu hướng của họ; và Ngươi hãy nói (với họ): “Ta tin nơi những điều mà Allah đã ban xuống trong Kinh Sách và Ta được lệnh phải thực thi công lý giữa các ngươi. Allah là Thượng Đế của Ta và là Thượng Đế của các ngươi. Ta chịu trách nhiệm cho việc làm của Ta và các ngươi chịu trách nhiệm cho việc làm của các ngươi, giữa chúng ta không còn gì phải tranh luận nữa. (Rồi đây) Allah sẽ triệu tập tất cả chúng ta lại và chúng ta phải quay trở về với Ngài (để chịu sự xét xử).”

فَلِذَٰلِكَ فَٱدۡعُۖ وَٱسۡتَقِمۡ كَمَآ أُمِرۡتَۖ وَلَا تَتَّبِعۡ
أَهۡوَآءَهُمۡۖ وَقُلۡ ءَامَنتُ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ مِن كِتَٰبٖۖ
وَأُمِرۡتُ لِأَعۡدِلَ بَيۡنَكُمُۖ ٱللَّهُ رَبُّنَا وَرَبُّكُمۡۖ لَنَآ
أَعۡمَٰلُنَا وَلَكُمۡ أَعۡمَٰلُكُمۡۖ لَا حُجَّةَ بَيۡنَنَا
وَبَيۡنَكُمُۖ ٱللَّهُ يَجۡمَعُ بَيۡنَنَاۖ وَإِلَيۡهِ ٱلۡمَصِيرُ ١٥

16. Những kẻ tranh luận về (tôn giáo của) Allah sau khi nó đã được công nhận thì việc tranh luận của họ không có giá trị ở nơi Thượng Đế của họ. (Rồi đây) họ sẽ đón nhận cơn thịnh nộ (của Allah) và sự trừng phạt khủng khiếp.

وَٱلَّذِينَ يُحَآجُّونَ فِي ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا ٱسۡتُجِيبَ لَهُۥ
حُجَّتُهُمۡ دَاحِضَةٌ عِندَ رَبِّهِمۡ وَعَلَيۡهِمۡ غَضَبٞ وَلَهُمۡ
عَذَابٞ شَدِيدٌ ١٦

17. Allah là Đấng đã ban Kinh (Qur'an) xuống bằng sự thật (không có gì phải hoài nghi) và (Ngài đã ban xuống) nền công lý. Và điều gì khiến cho Ngươi nhận biết có lẽ Giờ Tận Thế sắp gần kề?

ٱللَّهُ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّ وَٱلۡمِيزَانَۗ وَمَا
يُدۡرِيكَ لَعَلَّ ٱلسَّاعَةَ قَرِيبٞ ١٧

18. Những kẻ không tin Giờ Tận Thế thường giục nó mau đến còn những người có đức tin thì sợ (thời khắc đó) bởi vì họ biết đó là sự thật. Quả thật, những kẻ tranh cãi về Giờ Tận Thế chắc chắn đi lạc rất xa.

يَسۡتَعۡجِلُ بِهَا ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِهَاۖ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
مُشۡفِقُونَ مِنۡهَا وَيَعۡلَمُونَ أَنَّهَا ٱلۡحَقُّۗ أَلَآ إِنَّ ٱلَّذِينَ
يُمَارُونَ فِي ٱلسَّاعَةِ لَفِي ضَلَٰلِۭ بَعِيدٍ ١٨

19. Allah nhân từ đối với đám bầy tôi của Ngài. Ngài muốn ban bổng lộc cho người nào là tùy ý Ngài. Ngài là Đấng Toàn Lực, Đấng Toàn Năng.

ٱللَّهُ لَطِيفُۢ بِعِبَادِهِۦ يَرۡزُقُ مَن يَشَآءُۖ وَهُوَ ٱلۡقَوِيُّ
ٱلۡعَزِيزُ ١٩

20. Người nào muốn mảnh đất trồng để canh tác (cho cuộc sống) ở Đời Sau, TA sẽ gia tăng mảnh đất trồng để y canh tác; còn ai muốn mảnh đất trồng để canh tác (cho cuộc sống) trần tục, TA sẽ ban nó cho y nhưng ở Đời Sau y sẽ chẳng có một phần (tốt đẹp) nào.

مَن كَانَ يُرِيدُ حَرۡثَ ٱلۡأٓخِرَةِ نَزِدۡ لَهُۥ فِي حَرۡثِهِۦۖ
وَمَن كَانَ يُرِيدُ حَرۡثَ ٱلدُّنۡيَا نُؤۡتِهِۦ مِنۡهَا وَمَا لَهُۥ فِي
ٱلۡأٓخِرَةِ مِن نَّصِيبٍ ٢٠

21. Hoặc phải chăng (những kẻ thờ đa thần này) có những thần linh đã thiết lập cho chúng một tôn giáo mà Allah không đồng ý?! Nếu không vì một lời phán đã được tuyên bố thì sự việc giữa họ đã được giải quyết. Quả thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn.

أَمۡ لَهُمۡ شُرَكَٰٓؤُاْ شَرَعُواْ لَهُم مِّنَ ٱلدِّينِ مَا لَمۡ يَأۡذَنۢ
بِهِ ٱللَّهُۚ وَلَوۡلَا كَلِمَةُ ٱلۡفَصۡلِ لَقُضِيَ بَيۡنَهُمۡۗ وَإِنَّ
ٱلظَّٰلِمِينَ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٢١

22. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ thấy những kẻ làm điều sai quấy lo sợ về những điều mà họ đã phạm và chắc chắn (sự trừng phạt) sẽ xảy đến với họ. Riêng những người có đức tin và hành thiện, họ sẽ ở trong các Ngôi Vườn Thiên Đàng, họ sẽ có được những thứ mà họ mong ước nơi Thượng Đế của họ; đó là hồng phúc to lớn.

تَرَى ٱلظَّٰلِمِينَ مُشۡفِقِينَ مِمَّا كَسَبُواْ وَهُوَ وَاقِعُۢ بِهِمۡۗ
وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فِي رَوۡضَاتِ
ٱلۡجَنَّاتِۖ لَهُم مَّا يَشَآءُونَ عِندَ رَبِّهِمۡۚ ذَٰلِكَ هُوَ
ٱلۡفَضۡلُ ٱلۡكَبِيرُ ٢٢

23. Đó là điều mà Allah báo tin mừng cho đám bầy tôi của Ngài, những người mà họ có đức tin và hành thiện. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói (với họ): "Ta không đòi các người phần công lao về việc truyền đạt chân lý cho các người mà Ta chỉ mong sự thiện chí thông qua quan hệ họ hàng." Người nào làm một điều tốt, TA sẽ tăng thêm cho y cái tốt trong đó. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha Thứ, Hằng Tri Ân.

ذَٰلِكَ ٱلَّذِى يُبَشِّرُ ٱللَّهُ عِبَادَهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟
ٱلصَّٰلِحَٰتِ ۗ قُل لَّآ أَسْـَٔلُكُمْ عَلَيْهِ أَجْرًا إِلَّا ٱلْمَوَدَّةَ
فِى ٱلْقُرْبَىٰ ۗ وَمَن يَقْتَرِفْ حَسَنَةً نَّزِدْ لَهُۥ فِيهَا حُسْنًا ۚ
إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ شَكُورٌ ٢٣

24. (Những kẻ thờ đa thần) nói (về Muhammad): "Y đã đặt điều nói dối cho Allah." Nhưng nếu Allah muốn, Ngài có thể niêm kín trái tim của Ngươi lại (hỡi Thiên Sứ). Và Allah loại bỏ điều giả dối và thiết lập sự thật bằng lời phán của Ngài. Quả thật, Ngài biết rõ mọi điều thầm kín trong lòng (của mỗi con người).

أَمْ يَقُولُونَ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا ۖ فَإِن يَشَإِ ٱللَّهُ
يَخْتِمْ عَلَىٰ قَلْبِكَ ۗ وَيَمْحُ ٱللَّهُ ٱلْبَٰطِلَ وَيُحِقُّ ٱلْحَقَّ
بِكَلِمَٰتِهِۦٓ ۚ إِنَّهُۥ عَلِيمٌۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٢٤

25. Ngài là Đấng chấp nhận sự sám hối của đám bầy tôi của Ngài, Ngài xí xóa cho những hành vi xấu và Ngài biết rõ những gì các ngươi làm.

وَهُوَ ٱلَّذِى يَقْبَلُ ٱلتَّوْبَةَ عَنْ عِبَادِهِۦ وَيَعْفُوا۟ عَنِ
ٱلسَّيِّـَٔاتِ وَيَعْلَمُ مَا تَفْعَلُونَ ٢٥

26. Ngài đáp lại lời nguyện cầu của những người có đức tin và hành thiện và Ngài gia tăng cho họ từ hồng phúc của Ngài. Trái lại, những kẻ vô đức tin sẽ phải chịu sự trừng phạt khủng khiếp.

وَيَسْتَجِيبُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
وَيَزِيدُهُم مِّن فَضْلِهِۦ ۚ وَٱلْكَٰفِرُونَ لَهُمْ عَذَابٌ
شَدِيدٌ ٢٦

27. Nếu Allah ban bổng lộc dồi dào cho đám bầy tôi của Ngài (quá mức), chắc chắn họ sẽ hành động xấc xược trên trái đất. Tuy nhiên, Ngài ban nó xuống theo định lượng mà Ngài muốn (một cách hợp lý). Quả thật, Ngài là Đấng Thông Toàn, Đấng Nhìn Thấy (tất cả mọi sự việc).

۞ وَلَوْ بَسَطَ ٱللَّهُ ٱلرِّزْقَ لِعِبَادِهِۦ لَبَغَوْا۟ فِى ٱلْأَرْضِ
وَلَٰكِن يُنَزِّلُ بِقَدَرٍ مَّا يَشَآءُ ۚ إِنَّهُۥ بِعِبَادِهِۦ خَبِيرٌۢ
بَصِيرٌ ٢٧

28. Ngài là Đấng ban mưa xuống (cho đám bề tôi của Ngài) sau khi họ đã tuyệt vọng và Ngài trải rộng lòng thương xót của Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Bảo Hộ, Đấng đáng được ca ngợi và tán dương.

وَهُوَ ٱلَّذِى يُنَزِّلُ ٱلْغَيْثَ مِنۢ بَعْدِ مَا قَنَطُوا۟ وَيَنشُرُ
رَحْمَتَهُۥ ۚ وَهُوَ ٱلْوَلِىُّ ٱلْحَمِيدُ ٢٨

29. Trong các dấu hiệu của Ngài là việc tạo hóa các tầng trời, trái đất và tất cả sinh vật mà Ngài phân tán trong trời đất. Quả thật, Ngài thừa khả năng tập trung tất cả chúng lại bất cứ khi nào Ngài muốn.

وَمِنْ ءَايَٰتِهِۦ خَلْقُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَمَا بَثَّ
فِيهِمَا مِن دَآبَّةٍ ۚ وَهُوَ عَلَىٰ جَمْعِهِمْ إِذَا يَشَآءُ قَدِيرٌ ٢٩

30. Bất cứ tai họa nào xảy đến với các ngươi (hỡi nhân loại) là do bàn tay của các ngươi đã gây ra, tuy nhiên, Ngài xí xóa (cho các ngươi) rất nhiều.

وَمَآ أَصَٰبَكُم مِّن مُّصِيبَةٍ فَبِمَا كَسَبَتْ أَيْدِيكُمْ
وَيَعْفُوا۟ عَن كَثِيرٍ ٣٠

31. Các ngươi không thể trốn thoát khỏi (Thượng Đế của các ngươi nếu Ngài muốn trừng phạt các ngươi) trên trái đất. Ngoài Allah, các ngươi sẽ không có được một đấng bảo vệ hay một vị cứu tinh nào.

وَمَآ أَنتُم بِمُعۡجِزِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَمَا لَكُم مِّن دُونِ
ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٖ ٣١

32. Trong các dấu hiệu của Ngài là những con thuyền (buồm) lênh đênh trên biển giống như những quả núi.

وَمِنۡ ءَايَٰتِهِ ٱلۡجَوَارِ فِي ٱلۡبَحۡرِ كَٱلۡأَعۡلَٰمِ ٣٢

33. Nếu muốn, Ngài sẽ làm cho gió ngưng lại, (lúc đó) họ sẽ bất động trên mặt biển. Quả thật, trong sự việc đó là các dấu hiệu cho bất cứ ai có lòng kiên nhẫn và tri ân.

إِن يَشَأۡ يُسۡكِنِ ٱلرِّيحَ فَيَظۡلَلۡنَ رَوَاكِدَ عَلَىٰ ظَهۡرِهِۦٓۚ
إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّكُلِّ صَبَّارٖ شَكُورٍ ٣٣

34. Hoặc Ngài có thể tiêu diệt các con thuyền (đó) vì điều (tội lỗi) mà họ (những người trên các con thuyền) đã làm, tuy nhiên, Ngài xí xóa cho họ rất nhiều.

أَوۡ يُوبِقۡهُنَّ بِمَا كَسَبُواْ وَيَعۡفُ عَن كَثِيرٖ ٣٤

35. Những kẻ thường tranh luận về các Lời Mặc Khải của TA nên biết là họ sẽ không có chốn dung thân.

وَيَعۡلَمَ ٱلَّذِينَ يُجَٰدِلُونَ فِيٓ ءَايَٰتِنَا مَا لَهُم مِّن
مَّحِيصٖ ٣٥

36. Do đó, bất cứ thứ gì mà các ngươi (hỡi nhân loại) được ban cấp thì đó chỉ là sự tận hưởng (tạm bợ) của đời sống trần tục; còn những gì ở nơi Allah mới là những thứ tốt hơn và lâu dài hơn cho những ai có đức tin và phó thác cho Thượng Đế của họ.

فَمَآ أُوتِيتُم مِّن شَيۡءٖ فَمَتَٰعُ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ وَمَا عِندَ
ٱللَّهِ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ
يَتَوَكَّلُونَ ٣٦

37. Và những ai tránh xa các đại tội cũng như những hành động vô đạo đức (không đứng đắn), và khi nóng giận thì họ biết kiềm chế (cơn giận và sẵn sàng) tha thứ.

وَٱلَّذِينَ يَجۡتَنِبُونَ كَبَٰٓئِرَ ٱلۡإِثۡمِ وَٱلۡفَوَٰحِشَ وَإِذَا مَا
غَضِبُواْ هُمۡ يَغۡفِرُونَ ٣٧

38. Và những ai đáp lại lời gọi của Thượng Đế của họ, chu đáo dâng lễ nguyện Salah, vụ việc của họ được quyết định bằng cách tham khảo ý kiến giữa họ, và họ thường chi dùng (cho con đường chính nghĩa của TA) những bổng lộc mà TA đã ban cấp cho họ.

وَٱلَّذِينَ ٱسۡتَجَابُواْ لِرَبِّهِمۡ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَأَمۡرُهُمۡ
شُورَىٰ بَيۡنَهُمۡ وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ يُنفِقُونَ ٣٨

39. Và những ai khi bị áp bức một cách bất công thì họ biết giúp đỡ nhau tự vệ.

وَٱلَّذِينَ إِذَآ أَصَابَهُمُ ٱلۡبَغۡيُ هُمۡ يَنتَصِرُونَ ٣٩

40. Đáp trả hành động xấu bằng hành động xấu tương tự. Tuy nhiên, người nào lượng thứ bỏ qua và làm hòa thì phần thưởng của y ở nơi Allah. Quả thật, Ngài không yêu thương những kẻ làm điều sai quấy.

وَجَزَٰٓؤُاْ سَيِّئَةٖ سَيِّئَةٞ مِّثۡلُهَاۖ فَمَنۡ عَفَا وَأَصۡلَحَ
فَأَجۡرُهُۥ عَلَى ٱللَّهِۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٠

41. Người nào đã tự vệ sau khi bị áp bức thì sẽ không có lý do nào để khiển trách họ (bởi họ chỉ giành lấy lẽ phải của họ).

وَلَمَنِ ٱنتَصَرَ بَعۡدَ ظُلۡمِهِۦ فَأُوْلَٰٓئِكَ مَا عَلَيۡهِم مِّن
سَبِيلٍ ٤١

42. Lý do khiển trách chỉ đối với những kẻ bất công với người khác và bạo ngược trên trái đất một cách vô cớ. Chúng là những kẻ sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn.

إِنَّمَا ٱلسَّبِيلُ عَلَى ٱلَّذِينَ يَظۡلِمُونَ ٱلنَّاسَ وَيَبۡغُونَ
فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٤٢

43. Người nào kiên nhẫn chịu đựng và tha thứ thì đó là một quyết tâm cao (đáng được khen ngợi).

وَلَمَن صَبَرَ وَغَفَرَ إِنَّ ذَٰلِكَ لَمِنۡ عَزۡمِ ٱلۡأُمُورِ ٤٣

44. Người nào mà Allah làm cho lạc lối thì sẽ không có ai che chở ngoài Ngài. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) sẽ thấy những kẻ làm điều sai quấy khi chúng nhìn thấy hình phạt, nói rằng "Còn có con đường nào để trở về (thế giới trần gian) chăng?"

وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن وَلِيّٖ مِّنۢ بَعۡدِهِۦۗ وَتَرَى
ٱلظَّٰلِمِينَ لَمَّا رَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَ يَقُولُونَ هَلۡ إِلَىٰ مَرَدّٖ
مِّن سَبِيلٖ ٤٤

45. Và Ngươi sẽ thấy chúng bị đưa đến (Hỏa Ngục) với bộ dạng khúm núm một cách hèn hạ và với cái nhìn lấm lét sợ hãi. Những người có đức tin sẽ nói: "Thật vậy, những người thua cuộc là những kẻ đã đánh mất chính họ và gia đình vào Ngày Phán Xét. Quả thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ bị trừng phạt mãi mãi."

وَتَرَىٰهُمۡ يُعۡرَضُونَ عَلَيۡهَا خَٰشِعِينَ مِنَ ٱلذُّلِّ
يَنظُرُونَ مِن طَرۡفٍ خَفِيّٖۗ وَقَالَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّ
ٱلۡخَٰسِرِينَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ وَأَهۡلِيهِمۡ يَوۡمَ
ٱلۡقِيَٰمَةِۗ أَلَآ إِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ فِي عَذَابٖ مُّقِيمٖ ٤٥

46. Ngoài Allah, chúng sẽ không có vị bảo hộ nào giúp đỡ chúng cả. Và người nào mà Allah làm cho lạc lối thì sẽ không có con đường nào (dẫn đến chân lý).

وَمَا كَانَ لَهُم مِّنۡ أَوۡلِيَآءَ يَنصُرُونَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِۗ
وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن سَبِيلٍ ٤٦

47. (Hỡi nhân loại!) Các ngươi hãy đáp lại lời gọi của Thượng Đế của các ngươi trước khi xảy ra Ngày mà Nó không bao giờ hồi lại vì Allah (đã ra lệnh). Vào Ngày đó, các ngươi sẽ không có chỗ lánh nạn cũng không có lý do để chạy tội.

ٱسۡتَجِيبُواْ لِرَبِّكُم مِّن قَبۡلِ أَن يَأۡتِيَ يَوۡمٞ لَّا مَرَدَّ لَهُۥ
مِنَ ٱللَّهِۚ مَا لَكُم مِّن مَّلۡجَإٖ يَوۡمَئِذٖ وَمَا لَكُم مِّن
نَّكِيرٖ ٤٧

48. Nếu họ ngoảnh đi thì (Ngươi – hỡi Thiên Sứ, hãy biết rằng) TA đã không cử Ngươi đến để trông chừng (việc làm) của họ. Nhiệm vụ của Ngươi chỉ là truyền đạt (thông điệp của TA) mà thôi. Quả thật, khi TA cho con người nếm trải lòng thương xót của TA thì y vui mừng; nhưng nếu gặp phải điều xấu do bàn tay của y đã gây ra trước đó thì lúc đó con người thường vô ơn.

فَإِنۡ أَعۡرَضُواْ فَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ عَلَيۡهِمۡ حَفِيظًاۖ إِنۡ
عَلَيۡكَ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُۗ وَإِنَّآ إِذَآ أَذَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ مِنَّا رَحۡمَةٗ
فَرِحَ بِهَاۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ سَيِّئَةُۢ بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡ
فَإِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ كَفُورٞ ٤٨

49. Quyền thống trị các tầng trời và trái đất thuộc về một mình Allah. Ngài tạo hóa bất cứ thứ gì Ngài muốn. Ngài muốn ban con gái cho ai là tùy ý Ngài và ban con trai cho ai cũng tùy ý Ngài.

لِّلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُۚ يَهَبُ
لِمَن يَشَآءُ إِنَٰثٗا وَيَهَبُ لِمَن يَشَآءُ ٱلذُّكُورَ ٤٩

50. Hoặc Ngài (muốn) ban cả hai, trai và gái (cho ai là tùy ý Ngài), và làm cho ai đó hiếm muộn cũng tùy ý Ngài (không ai có quyền can thiệp). Quả thật, Ngài là Đấng Toàn Tri, Đấng Toàn Năng.

أَوۡ يُزَوِّجُهُمۡ ذُكۡرَانٗا وَإِنَٰثٗاۖ وَيَجۡعَلُ مَن يَشَآءُ عَقِيمًاۚ
إِنَّهُۥ عَلِيمٞ قَدِيرٞ ٥٠

51. Người phàm không phù hợp để Allah nói chuyện trực tiếp với y ngoại trừ bằng cách mặc khải hoặc từ sau một bức màn (vô hình) hoặc cử phái một Sứ Giả (Thiên Thần) truyền đạt lại điều Ngài muốn (cho vị sứ giả người phàm) theo phép của Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Chí Minh.	۞وَمَا كَانَ لِبَشَرٍ أَن يُكَلِّمَهُ ٱللَّهُ إِلَّا وَحْيًا أَوْ مِن وَرَآيِٕ حِجَابٍ أَوْ يُرْسِلَ رَسُولًا فَيُوحِىَ بِإِذْنِهِۦ مَا يَشَآءُۚ إِنَّهُۥ عَلِىٌّ حَكِيمٌ ٥١
52. Như thế đó, TA đã mặc khải cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ) Ruh (Qur'an) từ Mệnh Lệnh của TA. Trước đây, Ngươi không hề biết Kinh Sách cũng như đức tin Iman là gì. Nhưng TA đã ban (Qur'an) xuống làm nguồn ánh sáng để TA hướng dẫn người nào TA muốn trong số đám bề tôi của TA. Quả thật, Ngươi đích thực là người hướng dẫn (nhân loại) đến con đường ngay chính.	وَكَذَٰلِكَ أَوْحَيْنَآ إِلَيْكَ رُوحًا مِّنْ أَمْرِنَاۚ مَا كُنتَ تَدْرِى مَا ٱلْكِتَٰبُ وَلَا ٱلْإِيمَٰنُ وَلَٰكِن جَعَلْنَٰهُ نُورًا نَّهْدِى بِهِۦ مَن نَّشَآءُ مِنْ عِبَادِنَاۚ وَإِنَّكَ لَتَهْدِىٓ إِلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ٥٢
53. (Đó là) con đường của Allah, Đấng mà tất cả vạn vật trong các tầng trời và tất cả vạn vật trên trái đất đều thuộc về Ngài. Tất cả mọi việc đều trở về với Allah (để Ngài định đoạt).	صِرَٰطِ ٱللَّهِ ٱلَّذِى لَهُۥ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِۗ أَلَآ إِلَى ٱللَّهِ تَصِيرُ ٱلْأُمُورُ ٥٣

Az-Zukhruf (Đồ Trang Trí Bằng Vàng) الزخرف

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ha. Mim.

حمٓ ١

2. Thề bởi Kinh (Qur'an) quang minh.

وَٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ٢

3. Quả thật, TA đã làm cho Nó thành một quyển Kinh để xướng đọc bằng tiếng Ả-rập, mong rằng các ngươi có thể hiểu.

إِنَّا جَعَلۡنَٰهُ قُرۡءَٰنًا عَرَبِيّٗا لَّعَلَّكُمۡ تَعۡقِلُونَ ٣

4. Quả thật, (Qur'an này) nguyên nằm trong Tập Kinh Mẹ (Lawhu Al-Mahfuzh) ở nơi TA, rất cao thâm, uyên bác.

وَإِنَّهُۥ فِيٓ أُمِّ ٱلۡكِتَٰبِ لَدَيۡنَا لَعَلِيٌّ حَكِيمٌ ٤

5. Lẽ nào TA phải lấy lại Lời Nhắc Nhở (Qur'an) khỏi các ngươi bởi vì các ngươi là đám người tội lỗi quá độ?! (TA không làm thế vì lòng nhân từ của TA dành cho các ngươi đòi hỏi điều ngược lại).

أَفَنَضۡرِبُ عَنكُمُ ٱلذِّكۡرَ صَفۡحًا أَن كُنتُمۡ قَوۡمٗا
مُّسۡرِفِينَ ٥

6. TA đã cử phái biết bao Nabi cho những cộng đồng thời trước!

وَكَمۡ أَرۡسَلۡنَا مِن نَّبِيّٖ فِي ٱلۡأَوَّلِينَ ٦

7. Tuy nhiên, không một Nabi nào đến với họ mà lại không bị họ nhạo báng, giễu cợt.

وَمَا يَأۡتِيهِم مِّن نَّبِيٍّ إِلَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٧

8. Vì vậy, TA đã tiêu diệt những kẻ mạnh nhất trong bọn họ; và hình ảnh của người xưa đã đi vào dĩ vãng.

فَأَهۡلَكۡنَآ أَشَدَّ مِنۡهُم بَطۡشٗا وَمَضَىٰ مَثَلُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٨

9. Nếu Ngươi (Thiên Sứ) hỏi (những kẻ thờ đa thần) "Ai đã tạo ra các tầng trời và trái đất?" thì chắc chắn chúng sẽ nói: "Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri đã tạo ra."

وَلَئِن سَأَلۡتَهُم مَّنۡ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ لَيَقُولُنَّ
خَلَقَهُنَّ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡعَلِيمُ ٩

10. (Allah là) Đấng đã làm trái đất như một chiếc giường ngủ cho các ngươi và đã làm ra trên nó những con đường cho các ngươi để đưa các ngươi đi đến (điểm cần đến).

ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلۡأَرۡضَ مَهۡدٗا وَجَعَلَ لَكُمۡ فِيهَا
سُبُلٗا لَّعَلَّكُمۡ تَهۡتَدُونَ ١٠

11. (Ngài là) Đấng đã ban nước mưa từ trên trời xuống theo định lượng. TA (Allah) dùng (nước mưa) làm sống lại mảnh đất đã chết (khô cằn, nứt nẻ). (Rồi đây) các ngươi sẽ được dựng sống lại giống như thế.

وَٱلَّذِي نَزَّلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءَۢ بِقَدَرٖ فَأَنشَرۡنَا بِهِۦ بَلۡدَةٗ
مَّيۡتٗاۚ كَذَٰلِكَ تُخۡرَجُونَ ١١

12. (Ngài là) Đấng đã tạo tất cả mọi vật thành từng cặp (đực cái, trống mái, âm dương) và (Ngài là Đấng) đã tạo cho các ngươi những con tàu và các loại gia súc để các ngươi cưỡi (và chuyên chở đồ đạc).

وَٱلَّذِي خَلَقَ ٱلۡأَزۡوَٰجَ كُلَّهَا وَجَعَلَ لَكُم مِّنَ
ٱلۡفُلۡكِ وَٱلۡأَنۡعَٰمِ مَا تَرۡكَبُونَ ١٢

13. (Những con tàu, các loại gia súc, Ngài tạo chúng cho các ngươi) để các ngươi có thể ngồi vững trên lưng của chúng và sau đó các ngươi nhớ đến hồng phúc của Thượng Đế của các ngươi và nói: “Quang vinh thay Đấng đã chế ngự (phương tiện) này cho bầy tôi, bởi quả thật bầy tôi không đủ khả năng chế ngự nó.”

لِتَسۡتَوُۥاْ عَلَىٰ ظُهُورِهِۦ ثُمَّ تَذۡكُرُواْ نِعۡمَةَ رَبِّكُمۡ إِذَا
ٱسۡتَوَيۡتُمۡ عَلَيۡهِ وَتَقُولُواْ سُبۡحَٰنَ ٱلَّذِي سَخَّرَ لَنَا
هَٰذَا وَمَا كُنَّا لَهُۥ مُقۡرِنِينَ ١٣

14. “Và bầy tôi chắc chắn sẽ trở về trình diện Thượng Đế của bầy tôi!”

وَإِنَّآ إِلَىٰ رَبِّنَا لَمُنقَلِبُونَ ١٤

15. (Những kẻ đa thần) đã gán một số trong đám bề tôi của Ngài có phần chia sẻ (với Ngài khi họ nói: các Thiên Thần là những đứa con gái của Ngài). Quả thật, con người rõ ràng là kẻ vô ơn.

وَجَعَلُواْ لَهُۥ مِنۡ عِبَادِهِۦ جُزۡءًاۚ إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ لَكَفُورٞ
مُّبِينٌ ١٥

16. (Này những kẻ đa thần!) Lẽ nào (Allah) chọn lấy những vật mà Ngài đã tạo ra làm những đứa con gái (của Ngài) và ưu ái đặc biệt cho các ngươi những đứa con trai?!

أَمِ ٱتَّخَذَ مِمَّا يَخۡلُقُ بَنَاتٖ وَأَصۡفَىٰكُم بِٱلۡبَنِينَ ١٦

17. Khi ai đó trong bọn chúng nhận được tin mừng (về sự ra đời một đứa con gái) mà chúng đã thường gán cho Đấng Ar-Rahman thì gương mặt của y tối sầm lại, (lòng của y) ngập tràn sự đau thương.

وَإِذَا بُشِّرَ أَحَدُهُم بِمَا ضَرَبَ لِلرَّحۡمَٰنِ مَثَلٗا ظَلَّ
وَجۡهُهُۥ مُسۡوَدّٗا وَهُوَ كَظِيمٌ ١٧

18. Lẽ nào một người (phụ nữ)(1) được nuôi dưỡng trong các món trang sức và ăn nói không rành mạch (lại là kẻ phò tá cho Allah)?![1]

أَوَمَن يُنَشَّؤُاْ فِي ٱلۡحِلۡيَةِ وَهُوَ فِي ٱلۡخِصَامِ غَيۡرُ
مُبِينٖ ١٨

19. Chúng đã qui cho các Thiên Thần - những bề tôi của Đấng Ar-Rahman - là nữ giới. Lẽ nào chúng đã (tận mắt) chứng kiến việc (Ngài) đã tạo hóa các Thiên Thần?! Sự xác nhận của chúng sẽ được ghi lại và chúng sẽ bị tra hỏi.

وَجَعَلُواْ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ ٱلَّذِينَ هُمۡ عِبَٰدُ ٱلرَّحۡمَٰنِ إِنَٰثًاۚ
أَشَهِدُواْ خَلۡقَهُمۡۚ سَتُكۡتَبُ شَهَٰدَتُهُمۡ وَيُسۡـَٔلُونَ ١٩

20. Chúng nói: “Nếu Đấng Ar-Rahman đã muốn thì bọn ta đã không tôn thờ họ rồi!” Chúng chẳng có một chút kiến thức nào về điều đó cả. Chúng chỉ đoán chừng mà thôi.

وَقَالُواْ لَوۡ شَآءَ ٱلرَّحۡمَٰنُ مَا عَبَدۡنَٰهُمۗ مَّا لَهُم بِذَٰلِكَ
مِنۡ عِلۡمٍۖ إِنۡ هُمۡ إِلَّا يَخۡرُصُونَ ٢٠

21. Hoặc lẽ nào TA đã ban cho chúng một Kinh Sách trước (Qur’an này cho phép chúng thờ phượng ngoài TA) nên chúng cứ bám chắc theo đó?!

أَمۡ ءَاتَيۡنَٰهُمۡ كِتَٰبٗا مِّن قَبۡلِهِۦ فَهُم بِهِۦ
مُسۡتَمۡسِكُونَ ٢١

22. Không! Chúng thường bảo: “Bọn ta thấy cha ông của bọn ta theo một tôn giáo nào đó nên bọn ta đi theo dấu chân của họ.”

بَلۡ قَالُوٓاْ إِنَّا وَجَدۡنَآ ءَابَآءَنَا عَلَىٰٓ أُمَّةٖ وَإِنَّا عَلَىٰٓ
ءَاثَٰرِهِم مُّهۡتَدُونَ ٢٢

[1] (1) Những người Ả-rập đa thần thời tiền Islam đã tôn thờ các nữ thần như nữ thần Al-Lat, Al-‘Uzza, và Al-Manat. Họ cho rằng các Thiên Thần là những đứa con gái của Allah.

23. Tương tự như thế, không một vị cảnh báo nào trước Ngươi được TA cử phái đến cho một thị trấn mà những kẻ giàu có của thị trận đó lại không nói: “Bọn ta thấy cha ông của bọn ta theo một tôn giáo nào đó nên bọn ta đi theo dấu chân của họ.”

وَكَذَٰلِكَ مَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ فِي قَرۡيَةٖ مِّن نَّذِيرٍ إِلَّا قَالَ مُتۡرَفُوهَآ إِنَّا وَجَدۡنَآ ءَابَآءَنَا عَلَىٰٓ أُمَّةٖ وَإِنَّا عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِم مُّقۡتَدُونَ ٢٣

24. (Vị cảnh báo của chúng) đã nói (với chúng): “Lẽ nào ngay cả việc Ta mang đến cho các ngươi một nguồn hướng dẫn tốt hơn cái mà các ngươi thấy cha mẹ của các ngươi đang theo ư?” Chúng đáp: “Bọn ta không tin nơi điều mà các ngươi mang đến!”

۞قَٰلَ أَوَلَوۡ جِئۡتُكُم بِأَهۡدَىٰ مِمَّا وَجَدتُّمۡ عَلَيۡهِ ءَابَآءَكُمۡۖ قَالُوٓاْ إِنَّا بِمَآ أُرۡسِلۡتُم بِهِۦ كَٰفِرُونَ ٢٤

25. Vì vậy, TA đã trừng phạt chúng. Ngươi hãy xem kết cuộc của những kẻ phủ nhận (các vị cảnh báo) đã xảy ra như thế nào!

فَٱنتَقَمۡنَا مِنۡهُمۡۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ٢٥

26. (Ngươi hãy nhớ lại - hỡi Thiên Sứ) khi Ibrahim nói với cha và người dân của mình: “Tôi không can hệ với những thần linh mà các người đang tôn thờ.”

وَإِذۡ قَالَ إِبۡرَٰهِيمُ لِأَبِيهِ وَقَوۡمِهِۦٓ إِنَّنِي بَرَآءٞ مِّمَّا تَعۡبُدُونَ ٢٦

27. “Tôi chỉ tôn thờ Đấng đã tạo ra tôi, bởi quả thật, Ngài sẽ hướng dẫn tôi.”

إِلَّا ٱلَّذِي فَطَرَنِي فَإِنَّهُۥ سَيَهۡدِينِ ٢٧

28. (Ibrahim) đã làm cho nó (lời Tawhid: chỉ có Allah là Thượng Đế) thành một lời trường cửu cho hậu thế, mong rằng họ biết quay trở lại (với Ngài).

وَجَعَلَهَا كَلِمَةَۢ بَاقِيَةٗ فِي عَقِبِهِۦ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٢٨

29. Không! (Ngay cả khi những kẻ đa thần bắt đầu tôn thờ những thần linh khác ngoài TA, TA đã không tiêu diệt chúng) TA đã để cho chúng và cha ông của chúng tận hưởng (cuộc sống trần gian) cho đến khi Chân Lý (Qur’an) và một Sứ Giả minh bạch đến với chúng.

بَلۡ مَتَّعۡتُ هَٰٓؤُلَآءِ وَءَابَآءَهُمۡ حَتَّىٰ جَآءَهُمُ ٱلۡحَقُّ وَرَسُولٞ مُّبِينٞ ٢٩

30. Tuy nhiên, khi Chân Lý đến với chúng thì chúng lại nói: “Đây là trò ma thuật, bọn ta không tin nơi Nó.”

وَلَمَّا جَآءَهُمُ ٱلۡحَقُّ قَالُواْ هَٰذَا سِحۡرٞ وَإِنَّا بِهِۦ كَٰفِرُونَ ٣٠

31. Và chúng nói: “Sao Qur’an này không được ban xuống cho những người (giàu có, chức quyền và tiếng tăm) của hai thị trấn lớn (như Makkah và Ta-if) kia chứ?!”

وَقَالُواْ لَوۡلَا نُزِّلَ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانُ عَلَىٰ رَجُلٖ مِّنَ ٱلۡقَرۡيَتَيۡنِ عَظِيمٍ ٣١

32. Lẽ nào chúng toàn quyền phân chia hồng ân của Thượng Đế của Ngươi?! Chính TA (Allah) mới toàn quyền phân bổ sinh kế của chúng giữa chúng với nhau trong đời sống trần tục này. TA đã nâng một số người này trội hơn một số người khác về cấp bậc để cho người này bắt người kia phục dịch. Và hồng ân của Thượng Đế của Ngươi tốt hơn của cải mà chúng tích lũy.

أَهُمۡ يَقۡسِمُونَ رَحۡمَتَ رَبِّكَۚ نَحۡنُ قَسَمۡنَا بَيۡنَهُم مَّعِيشَتَهُمۡ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۚ وَرَفَعۡنَا بَعۡضَهُمۡ فَوۡقَ بَعۡضٖ دَرَجَٰتٖ لِّيَتَّخِذَ بَعۡضُهُم بَعۡضٗا سُخۡرِيّٗاۗ وَرَحۡمَتُ رَبِّكَ خَيۡرٞ مِّمَّا يَجۡمَعُونَ ٣٢

33. Nếu không vì cản nhân loại trở thành một cộng đồng duy nhất (về sự vô đức tin) thì TA đã làm cho những kẻ phủ nhận Đấng Ar-Rahman có được những mái nhà bằng bạc và cả cầu thang để chúng đi lên;

وَلَوۡلَآ أَن يَكُونَ ٱلنَّاسُ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ لَّجَعَلۡنَا لِمَن
يَكۡفُرُ بِٱلرَّحۡمَٰنِ لِبُيُوتِهِمۡ سُقُفٗا مِّن فِضَّةٖ وَمَعَارِجَ
عَلَيۡهَا يَظۡهَرُونَ ٣٣

34. Và những cửa nhà của chúng (cũng bằng bạc) và những chiếc tràng kỷ để chúng nằm nghỉ;

وَلِبُيُوتِهِمۡ أَبۡوَٰبٗا وَسُرُرًا عَلَيۡهَا يَتَّكِـُٔونَ ٣٤

35. Và những món đồ trang trí bằng vàng. Nhưng tất cả những thứ đó chỉ là sự hưởng thụ (tạm bợ) của đời sống trần tục này. (Còn những gì của cuộc sống) Đời Sau ở nơi Thượng Đế của Ngươi mới là (sự hưởng thụ trường tồn) dành cho những người ngoan đạo.

وَزُخۡرُفٗاۚ وَإِن كُلُّ ذَٰلِكَ لَمَّا مَتَٰعُ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۚ
وَٱلۡأٓخِرَةُ عِندَ رَبِّكَ لِلۡمُتَّقِينَ ٣٥

36. Người nào thờ ơ trước lời nhắc nhở của Đấng Ar-Rahman, TA sẽ để Shaytan làm bạn với y.

وَمَن يَعۡشُ عَن ذِكۡرِ ٱلرَّحۡمَٰنِ نُقَيِّضۡ لَهُۥ شَيۡطَٰنٗا
فَهُوَ لَهُۥ قَرِينٞ ٣٦

37. Quả thật, (những tên Shaytan) này chắc chắn sẽ ngăn chúng khỏi con đường (của Allah), tuy nhiên, chúng cứ tưởng chúng đang được hướng dẫn.

وَإِنَّهُمۡ لَيَصُدُّونَهُمۡ عَنِ ٱلسَّبِيلِ وَيَحۡسَبُونَ أَنَّهُم
مُّهۡتَدُونَ ٣٧

38. Cho tới khi y đến trình diện TA, y bảo (người bạn Shaytan của mình): “Ước gì ta với ngươi ở cách xa nhau bằng khoảng cách của hai phương đông. Thật tồi tệ thay một người bạn như thế!”

حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَنَا قَالَ يَٰلَيۡتَ بَيۡنِي وَبَيۡنَكَ بُعۡدَ
ٱلۡمَشۡرِقَيۡنِ فَبِئۡسَ ٱلۡقَرِينُ ٣٨

39. (Allah phán với những kẻ vô đức tin vào Ngày Phán Xét:) “(Lời trách móc) chẳng giúp ích được gì cho các ngươi trong ngày hôm nay khi các ngươi đã làm điều sai quấy. Các ngươi phải cùng san sẻ trong sự trừng phạt.”

وَلَن يَنفَعَكُمُ ٱلۡيَوۡمَ إِذ ظَّلَمۡتُمۡ أَنَّكُمۡ فِي ٱلۡعَذَابِ
مُشۡتَرِكُونَ ٣٩

40. Làm sao Ngươi (hỡi Thiên Sứ) có thể khiến cho người điếc nghe được hoặc có thể hướng dẫn một kẻ mù lòa hoặc ai đó đang lạc lối rõ ràng?!

أَفَأَنتَ تُسۡمِعُ ٱلصُّمَّ أَوۡ تَهۡدِي ٱلۡعُمۡيَ وَمَن كَانَ فِي
ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٤٠

41. Dù TA có đưa Ngươi đi (bằng cái chết) trước (khi TA trừng phạt chúng) thì chắc chắn TA vẫn phải trừng phạt chúng (ở đời này và cả Đời Sau).

فَإِمَّا نَذۡهَبَنَّ بِكَ فَإِنَّا مِنۡهُم مُّنتَقِمُونَ ٤١

42. Hoặc dù TA cho Ngươi (sự trừng phạt) mà TA đã hứa với chúng thì TA thực sự thừa khả năng làm thế.

أَوۡ نُرِيَنَّكَ ٱلَّذِي وَعَدۡنَٰهُمۡ فَإِنَّا عَلَيۡهِم
مُّقۡتَدِرُونَ ٤٢

43. Vì vậy, Ngươi hãy nắm chắc những gì đã được mặc khải cho Ngươi. Quả thật, Ngươi đang ở trên con đường ngay thẳng (chính đạo).

فَٱسۡتَمۡسِكۡ بِٱلَّذِيٓ أُوحِيَ إِلَيۡكَۖ إِنَّكَ عَلَىٰ صِرَٰطٖ
مُّسۡتَقِيمٖ ٤٣

44. Quả thật, Nó (Qur'an) là sự nhắc nhở dành cho Ngươi và người dân của Ngươi, và rồi đây các ngươi sẽ bị chất vấn (về Nó).

وَإِنَّهُۥ لَذِكۡرٞ لَّكَ وَلِقَوۡمِكَۖ وَسَوۡفَ تُسۡـَٔلُونَ ٤٤

45. Ngươi hãy hỏi những Sứ Giả mà TA đã cử đến trước Ngươi xem TA có chỉ định những thần linh được tôn thờ ngoài Đấng Al-Rahman không?

وَسۡـَٔلۡ مَنۡ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ مِن رُّسُلِنَآ أَجَعَلۡنَا مِن
دُونِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ءَالِهَةٗ يُعۡبَدُونَ ٤٥

46. Quả thật, TA đã cử Musa mang những phép lạ của TA đến gặp Pha-ra-ông và các thủ lĩnh của hắn, Musa nói với chúng: "Ta đích thực là Sứ Giả của Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài."

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦ
فَقَالَ إِنِّي رَسُولُ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٦

47. Nhưng khi (Musa) mang những phép lạ của TA đến gặp chúng thì chúng cười nhạo cho những phép lạ đó.

فَلَمَّا جَآءَهُم بِـَٔايَٰتِنَآ إِذَا هُم مِّنۡهَا يَضۡحَكُونَ ٤٧

48. TA lần lượt cho chúng thấy các phép lạ, cái sau lớn hơn cái trước, và TA đã trừng phạt chúng, mong chúng (biết thức tỉnh) mà quay về (với chính đạo).

وَمَا نُرِيهِم مِّنۡ ءَايَةٍ إِلَّا هِيَ أَكۡبَرُ مِنۡ أُخۡتِهَاۖ
وَأَخَذۡنَٰهُم بِٱلۡعَذَابِ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٤٨

49. Chúng bảo (Musa): "Này tên phù thủy! Ngươi hãy cầu xin Thượng Đế của Ngươi giúp bọn ta thoát khỏi những gì mà Ngài đã hứa với Ngươi, chắc chắn lúc đó bọn ta sẽ được hướng dẫn đúng đường."

وَقَالُواْ يَـٰٓأَيُّهَ ٱلسَّاحِرُ ٱدۡعُ لَنَا رَبَّكَ بِمَا عَهِدَ
عِندَكَ إِنَّنَا لَمُهۡتَدُونَ ٤٩

50. Tuy nhiên, khi TA lấy đi khỏi chúng sự trừng phạt thì chúng phá vỡ lời hứa (của chúng).

فَلَمَّا كَشَفۡنَا عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابَ إِذَا هُمۡ يَنكُثُونَ ٥٠

51. Pha-ra-ông đã tuyên bố với đám dân của hắn: "Này hỡi dân ta! Chẳng phải quyền thống trị xứ Ai Cập (này) cũng như những con sông đang chảy bên dưới ta đều nằm trong tay ta đó sao? Lẽ nào các ngươi không nhìn thấy?"

وَنَادَىٰ فِرۡعَوۡنُ فِي قَوۡمِهِۦ قَالَ يَٰقَوۡمِ أَلَيۡسَ لِي مُلۡكُ
مِصۡرَ وَهَٰذِهِ ٱلۡأَنۡهَٰرُ تَجۡرِي مِن تَحۡتِيٓۚ أَفَلَا
تُبۡصِرُونَ ٥١

52. "Hoặc lẽ nào ta không trội hơn tên (Musa) này, một kẻ đáng khinh và ăn nói không được lưu loát?"

أَمۡ أَنَا۠ خَيۡرٞ مِّنۡ هَٰذَا ٱلَّذِي هُوَ مَهِينٞ وَلَا يَكَادُ
يُبِينُ ٥٢

53. "Đúng ra y phải được ban cho vòng vàng hoặc phải được Thiên Thần tháp tùng, (như thế mới hợp lý)!"

فَلَوۡلَآ أُلۡقِيَ عَلَيۡهِ أَسۡوِرَةٞ مِّن ذَهَبٍ أَوۡ جَآءَ مَعَهُ
ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ مُقۡتَرِنِينَ ٥٣

54. (Pha-ra-ông) đã đánh lừa người dân của hắn khiến chúng theo hắn. Quả thật, chúng là một đám người bất tuân và nổi loạn.

فَٱسۡتَخَفَّ قَوۡمَهُۥ فَأَطَاعُوهُۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمٗا
فَٰسِقِينَ ٥٤

55. Vì vậy, khi chúng chọc giận TA, TA đã bắt phạt chúng. TA đã nhấn chìm tất cả bọn chúng (trong biển hồng hải).

فَلَمَّآ ءَاسَفُونَا ٱنتَقَمۡنَا مِنۡهُمۡ فَأَغۡرَقۡنَٰهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٥٥

56. TA đã lấy chúng làm một tiền lệ và bài học cho hậu thế.

فَجَعَلۡنَٰهُمۡ سَلَفٗا وَمَثَلٗا لِّلۡأٓخِرِينَ ٥٦

57. Khi con trai (Ysa) của Maryam được đưa ra làm một hình ảnh thí dụ(2) thì người dân của Ngươi (Thiên Sứ) la ó (phản đối) về điều đó.[i]

۞وَلَمَّا ضُرِبَ ٱبۡنُ مَرۡيَمَ مَثَلًا إِذَا قَوۡمُكَ مِنۡهُ يَصِدُّونَ ٥٧

58. Chúng bảo: “Những thần linh của bọn ta tốt hay (Ysa) tốt hơn?” Chúng đưa vấn đề đó ra cho Ngươi chỉ vì muốn tranh cãi mà thôi. Không! Chúng đích thực là một đám người thích tranh cãi.

وَقَالُوٓاْ ءَأَٰلِهَتُنَا خَيۡرٌ أَمۡ هُوَۚ مَا ضَرَبُوهُ لَكَ إِلَّا جَدَلَۢاۚ بَلۡ هُمۡ قَوۡمٌ خَصِمُونَ ٥٨

59. (Ysa) chỉ là một người bề tôi (của TA). TA đã ban ân cho Y (khi cử phái Y làm Sứ Giả của TA) và lấy Y làm một tấm gương cho con cháu của Israel.

إِنۡ هُوَ إِلَّا عَبۡدٌ أَنۡعَمۡنَا عَلَيۡهِ وَجَعَلۡنَٰهُ مَثَلٗا لِّبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٥٩

60. Nếu muốn, TA đã thay thế các ngươi (hỡi con cháu Adam) bởi các Thiên Thần để Họ nối tiếp nhau trên trái đất.

وَلَوۡ نَشَآءُ لَجَعَلۡنَا مِنكُم مَّلَٰٓئِكَةٗ فِي ٱلۡأَرۡضِ يَخۡلُفُونَ ٦٠

61. (Ysa) thực sự là một dấu hiệu (báo trước) cho Giờ Tận Thế sắp xảy ra, vì vậy, các ngươi chớ đừng hoài nghi về điều đó mà hãy theo TA. Đây là con đường ngay chính.

وَإِنَّهُۥ لَعِلۡمٞ لِّلسَّاعَةِ فَلَا تَمۡتَرُنَّ بِهَا وَٱتَّبِعُونِۚ هَٰذَا صِرَٰطٞ مُّسۡتَقِيمٞ ٦١

62. Các ngươi đừng để Shaytan cản trở các ngươi (theo con đường ngay chính). Hắn thực sự là kẻ thù công khai của các ngươi.

وَلَا يَصُدَّنَّكُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُۖ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ٦٢

63. Khi Ysa đến với những bằng chứng rõ ràng, Y nói: “Quả thật, Ta mang đến cho các người điều khôn ngoan và Ta đến để làm sáng tỏ một vài điểm mà các người bất đồng nhau. Vì vậy, các người hãy sợ Allah và vâng lời Ta.”

وَلَمَّا جَآءَ عِيسَىٰ بِٱلۡبَيِّنَٰتِ قَالَ قَدۡ جِئۡتُكُم بِٱلۡحِكۡمَةِ وَلِأُبَيِّنَ لَكُم بَعۡضَ ٱلَّذِي تَخۡتَلِفُونَ فِيهِۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ٦٣

64. “Thật vậy, Allah là Thượng Đế của Ta và là Thượng Đế của các người, vì vậy, các người hãy thờ phượng Ngài. Đây là con đường ngay thẳng (chính đạo).”

إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ رَبِّي وَرَبُّكُمۡ فَٱعۡبُدُوهُۚ هَٰذَا صِرَٰطٞ مُّسۡتَقِيمٞ ٦٤

65. Tuy nhiên, các giáo phái trong số chúng đã bất đồng với nhau (về sự việc của Ysa). Vì vậy, thật khốn cho những kẻ làm điều sai quấy về sự trừng phạt của Ngày đau đớn!

فَٱخۡتَلَفَ ٱلۡأَحۡزَابُ مِنۢ بَيۡنِهِمۡۖ فَوَيۡلٞ لِّلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنۡ عَذَابِ يَوۡمٍ أَلِيمٍ ٦٥

[i] (2) Allah phán: {Quả thật, các ngươi (hỡi những kẻ thờ đa thần) và những vật mà các ngươi thờ phượng ngoài Allah sẽ là chất đốt của Hỏa Ngục, nơi mà các ngươi sẽ phải đi vào.} (Chương 23 – Al-Ambiya’, câu 98). Những kẻ đa thần Quraish cho rằng Ysa con trai của Maryam (tức Giêsu), người được các Kitô hữu tôn thờ, nằm trong lời phán này, nên chúng la lối phản đối, chúng nói: “Quả thật Ysa và các Thiên Thần đều sẽ vào Hỏa Ngục.” Thế là, Allah phán: {Quả thật, những ai mà TA đã khẳng định họ tốt thì sẽ được đưa ra xa khỏi đó.} (Chương 23 – Al-Ambiya’, câu 101).

66. Có phải chúng chỉ đang chờ đợi Giờ Tận Thế bất ngờ xảy đến trong lúc chúng không hay biết gì chăng?!	هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّا ٱلسَّاعَةَ أَن تَأۡتِيَهُم بَغۡتَةٗ وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ٦٦
67. Những người bạn thân tình vào Ngày đó sẽ trở thành kẻ thù của nhau ngoại trừ những người ngoan đạo.	ٱلۡأَخِلَّآءُ يَوۡمَئِذِۭ بَعۡضُهُمۡ لِبَعۡضٍ عَدُوٌّ إِلَّا ٱلۡمُتَّقِينَ ٦٧
68. (Allah sẽ phán bảo họ): “Hỡi bầy tôi của TA! Ngày hôm nay, các ngươi sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.”	يَٰعِبَادِ لَا خَوۡفٌ عَلَيۡكُمُ ٱلۡيَوۡمَ وَلَآ أَنتُمۡ تَحۡزَنُونَ ٦٨
69. “(Các ngươi là) những người đã có đức tin nơi các Lời Mặc Khải của TA và là những người Muslim (qui phục TA).”	ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَكَانُواْ مُسۡلِمِينَ ٦٩
70. “Các ngươi hãy vào Thiên Đàng cùng với vợ của các ngươi.”	ٱدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ أَنتُمۡ وَأَزۡوَٰجُكُمۡ تُحۡبَرُونَ ٧٠
71. Đĩa ăn và tách uống bằng vàng sẽ được chuyền đi vòng quanh họ. Trong đó, có bất cứ thứ gì linh hồn mong ước và (những gì) mê hoặc đôi mắt. Và các ngươi (hỡi những người ngoan đạo) sẽ ở trong đó mãi mãi.	يُطَافُ عَلَيۡهِم بِصِحَافٖ مِّن ذَهَبٖ وَأَكۡوَابٖۖ وَفِيهَا مَا تَشۡتَهِيهِ ٱلۡأَنفُسُ وَتَلَذُّ ٱلۡأَعۡيُنُۖ وَأَنتُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٧١
72. Đó là Thiên Đàng mà các ngươi sẽ thừa hưởng bởi những việc (hành đạo) mà các ngươi đã từng làm (trên thế gian).	وَتِلۡكَ ٱلۡجَنَّةُ ٱلَّتِيٓ أُورِثۡتُمُوهَا بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٧٢
73. Trong đó, các ngươi sẽ có nhiều loại hoa quả để ăn.	لَكُمۡ فِيهَا فَٰكِهَةٞ كَثِيرَةٞ مِّنۡهَا تَأۡكُلُونَ ٧٣
74. Thật vậy, những tên tội lỗi sẽ ở trong sự trừng phạt của Hỏa Ngục, chúng vĩnh viễn (ở lại đó).	إِنَّ ٱلۡمُجۡرِمِينَ فِي عَذَابِ جَهَنَّمَ خَٰلِدُونَ ٧٤
75. Trong đó, chúng sẽ không được giảm nhẹ hình phạt và chúng sẽ vô cùng tuyệt vọng.	لَا يُفَتَّرُ عَنۡهُمۡ وَهُمۡ فِيهِ مُبۡلِسُونَ ٧٥
76. TA đã không bất công với chúng mà chính chúng là những kẻ bất công (với bản thân chúng).	وَمَا ظَلَمۡنَٰهُمۡ وَلَٰكِن كَانُواْ هُمُ ٱلظَّٰلِمِينَ ٧٦
77. Chúng sẽ kêu la (van xin): “Hỡi vị cai quản (Hỏa Ngục)! Hãy xin Thượng Đế của ngài chấm dứt chúng tôi cho xong! (Vị cai quản Hỏa Ngục) đáp: “Chắc các ngươi sẽ phải vĩnh viễn ở lại đây.”	وَنَادَوۡاْ يَٰمَٰلِكُ لِيَقۡضِ عَلَيۡنَا رَبُّكَۖ قَالَ إِنَّكُم مَّٰكِثُونَ ٧٧

78. Quả thật, TA (Allah) đã mang Chân Lý đến cho các ngươi nhưng đa số các ngươi ghét Chân Lý.

لَقَدۡ جِئۡنَٰكُم بِٱلۡحَقِّ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَكُمۡ لِلۡحَقِّ كَٰرِهُونَ ٧٨

79. Lẽ nào chúng sắp đặt công việc?! Không, chính TA mới là Đấng sắp đặt.

أَمۡ أَبۡرَمُوٓاْ أَمۡرٗا فَإِنَّا مُبۡرِمُونَ ٧٩

80. Hoặc lẽ nào chúng nghĩ rằng TA không nghe thấy những điều bí mật và những cuộc trò chuyện riêng tư của chúng?! Không, các Sứ Giả của TA luôn ở cạnh chúng không ngừng ghi chép lại.

أَمۡ يَحۡسَبُونَ أَنَّا لَا نَسۡمَعُ سِرَّهُمۡ وَنَجۡوَىٰهُمۚ بَلَىٰ وَرُسُلُنَا لَدَيۡهِمۡ يَكۡتُبُونَ ٨٠

81. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với chúng: “Nếu Đấng Ar-Rahman có một đứa con trai thì Ta sẽ là người thờ phượng đầu tiên.”

قُلۡ إِن كَانَ لِلرَّحۡمَٰنِ وَلَدٞ فَأَنَا۠ أَوَّلُ ٱلۡعَٰبِدِينَ ٨١

82. Quang vinh và trong sạch thay Thượng Đế của các tầng trời và trái đất, Thượng Đế của chiếc Ngai Vương, Ngài vượt hẳn những gì chúng đã qui cho Ngài.

سُبۡحَٰنَ رَبِّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ رَبِّ ٱلۡعَرۡشِ عَمَّا يَصِفُونَ ٨٢

83. Vì vậy, Ngươi hãy cứ để mặc chúng trò chuyện một cách vô ích và cứ để mặc chúng vui chơi thỏa thích cho đến khi chúng đối diện với Ngày mà chúng đã được hứa.

فَذَرۡهُمۡ يَخُوضُواْ وَيَلۡعَبُواْ حَتَّىٰ يُلَٰقُواْ يَوۡمَهُمُ ٱلَّذِي يُوعَدُونَ ٨٣

84. Ngài (Allah) là Thượng Đế (duy nhất) trên trời và là Thượng Đế (duy nhất) trên trái đất; Ngài là Đấng Chí Minh, Đấng Toàn Tri.

وَهُوَ ٱلَّذِي فِي ٱلسَّمَآءِ إِلَٰهٞ وَفِي ٱلۡأَرۡضِ إِلَٰهٞۚ وَهُوَ ٱلۡحَكِيمُ ٱلۡعَلِيمُ ٨٤

85. Phúc thay Đấng nắm quyền thống trị các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa trời đất; Ngài biết rõ Giờ Tận Thế và tất cả các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.

وَتَبَارَكَ ٱلَّذِي لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا وَعِندَهُۥ عِلۡمُ ٱلسَّاعَةِ وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٨٥

86. Những kẻ mà chúng khấn vái ngoài Allah không có quyền can thiệp (ở nơi Allah) ngoại trừ những ai chứng nhận Chân Lý và hiểu biết rõ (về Nó).

وَلَا يَمۡلِكُ ٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِهِ ٱلشَّفَٰعَةَ إِلَّا مَن شَهِدَ بِٱلۡحَقِّ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ٨٦

87. Nếu Ngươi có hỏi chúng “Ai đã tạo hóa các người?” thì chúng chắc chắn sẽ trả lời “Allah!” Vậy, sao chúng lại lánh xa Ngài?!

وَلَئِن سَأَلۡتَهُم مَّنۡ خَلَقَهُمۡ لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُۖ فَأَنَّىٰ يُؤۡفَكُونَ ٨٧

88. (Allah thừa nhận) lời than của Thiên Sứ: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Dân chúng của bề tôi đã không có đức tin.”

وَقِيلِهِۦ يَٰرَبِّ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ قَوۡمٞ لَّا يُؤۡمِنُونَ ٨٨

89. Vì vậy, Ngươi hãy lánh xa chúng và nói: “Chào bằng an!” Rồi đây chúng sẽ biết (hình phạt mà chúng sẽ phải đối mặt).

فَٱصۡفَحۡ عَنۡهُمۡ وَقُلۡ سَلَٰمٞۚ فَسَوۡفَ يَعۡلَمُونَ ٨٩

Ad-Dukhan (Khói Mờ) الدخان

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ha. Mim.

حمٓ ١

2. Thề bởi Kinh (Qur’an) quang minh.

وَٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ٢

3. Quả thật, TA (Allah) ban Nó xuống vào một đêm đầy ân phúc (đêm Al-Qadr – đêm Định Mệnh - của tháng Ramadan). Quả thật, TA là Đấng Cảnh Báo.

إِنَّآ أَنزَلۡنَٰهُ فِي لَيۡلَةٖ مُّبَٰرَكَةٍۚ إِنَّا كُنَّا مُنذِرِينَ ٣

4. Trong đêm đó, mọi sự việc (liên quan đến bổng lộc, tuổi thọ và những gì khác) sẽ được phân định (cho một năm tới).

فِيهَا يُفۡرَقُ كُلُّ أَمۡرٍ حَكِيمٍ ٤

5. (Mọi) vấn đề (đều được tiến hành) theo chỉ thị của TA. Quả thật, TA là Đấng cử phái các vị Sứ Giả.

أَمۡرٗا مِّنۡ عِندِنَآۚ إِنَّا كُنَّا مُرۡسِلِينَ ٥

6. (Việc cử phái các vị Sứ Giả là) một Hồng Ân từ Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ). Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

رَحۡمَةٗ مِّن رَّبِّكَۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٦

7. (Ngài là) Thượng Đế của các tầng trời, trái đất và vạn vật giữa chúng nếu các ngươi có một đức tin vững chắc nơi Ngài.

رَبِّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَآۖ إِن كُنتُم مُّوقِنِينَ ٧

8. Không có Thượng Đế đích thực nào ngoài Ngài. (Ngài là) Đấng làm cho sống và làm cho chết. (Ngài là) Thượng Đế của các ngươi và là Thượng Đế của ông bà tổ tiên các ngươi.

لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ يُحۡيِۦ وَيُمِيتُۖ رَبُّكُمۡ وَرَبُّ ءَابَآئِكُمُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٨

9. (Những kẻ thờ đa thần không có đức tin vững chắn về điều đó), chúng chỉ biết đùa cợt trong sự hoài nghi.

بَلۡ هُمۡ فِي شَكّٖ يَلۡعَبُونَ ٩

10. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy đợi xem Ngày mà bầu trời sẽ tỏa ra lớp khói mờ rõ rệt.

فَٱرۡتَقِبۡ يَوۡمَ تَأۡتِي ٱلسَّمَآءُ بِدُخَانٖ مُّبِينٖ ١٠

11. (Lớp khói mờ sẽ) bao trùm cả nhân loại. Đây là một sự trừng phạt đau đớn.

يَغۡشَى ٱلنَّاسَۖ هَٰذَا عَذَابٌ أَلِيمٞ ١١

12. (Lúc đó), chúng (những kẻ vô đức tin) sẽ nói: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài hãy lấy sự trừng phạt này đi khỏi bầy tôi, bầy tôi (giờ đây) thực sự là những người có đức tin.”

رَّبَّنَا ٱكۡشِفۡ عَنَّا ٱلۡعَذَابَ إِنَّا مُؤۡمِنُونَ ١٢

13. Làm thế nào sẽ có cho chúng một lời nhắc nhở (tại thời điểm đó)? Quả thật, một Sứ Giả đã đến với chúng một cách công khai (để cảnh báo chúng).

أَنَّىٰ لَهُمُ ٱلذِّكْرَىٰ وَقَدْ جَآءَهُمْ رَسُولٞ مُّبِينٞ ١٣

14. Nhưng chúng đã quay lưng lại với Y và nói: "Đồ học mót, kẻ khùng điên."

ثُمَّ تَوَلَّوْاْ عَنْهُ وَقَالُواْ مُعَلَّمٞ مَّجْنُونٌ ١٤

15. Quả thật, TA sẽ lấy sự trừng phạt đi khỏi các ngươi trong một thời gian ngắn; nhưng chắc chắn các ngươi sẽ trở lại (vô đức tin).

إِنَّا كَاشِفُواْ ٱلْعَذَابِ قَلِيلًاۚ إِنَّكُمْ عَآئِدُونَ ١٥

16. Vào Ngày mà TA sẽ túm bắt chúng mạnh bạo. Quả thật, TA sẽ trừng phạt chúng.

يَوْمَ نَبْطِشُ ٱلْبَطْشَةَ ٱلْكُبْرَىٰٓ إِنَّا مُنتَقِمُونَ ١٦

17. Quả thật, trước chúng, TA đã xử lý đám người của Pha-ra-ông và đã phái một Sứ Giả vinh dự đến gặp chúng.

۞وَلَقَدْ فَتَنَّا قَبْلَهُمْ قَوْمَ فِرْعَوْنَ وَجَآءَهُمْ رَسُولٞ كَرِيمٌ ١٧

18. (Musa) nói (với Pha-ra-ông và thuộc hạ của hắn): "Quí ngài hãy giao lại những người bề tôi của Allah cho tôi. Tôi thực sự là một Sứ Giả được cử đến gặp quí ngài."

أَنْ أَدُّوٓاْ إِلَيَّ عِبَادَ ٱللَّهِۖ إِنِّي لَكُمْ رَسُولٌ أَمِينٞ ١٨

19. "Quí ngài chớ đừng xem mình tối cao hơn Allah. Tôi đến gặp quí ngài với một thẩm quyền rõ rệt."

وَأَن لَّا تَعْلُواْ عَلَى ٱللَّهِۖ إِنِّيٓ ءَاتِيكُم بِسُلْطَٰنٖ مُّبِينٖ ١٩

20. "Tôi thực sự đã cầu xin Thượng Đế của tôi và cũng là Thượng Đế của quí ngài che chở khỏi bị quí ngài ném đá."

وَإِنِّي عُذْتُ بِرَبِّي وَرَبِّكُمْ أَن تَرْجُمُونِ ٢٠

21. "Nếu quí ngài không tin tôi thì quí ngài hãy để tôi yên."

وَإِن لَّمْ تُؤْمِنُواْ لِي فَٱعْتَزِلُونِ ٢١

22. Thế là (cuối cùng), Musa đã cầu nguyện Thượng Đế của Y rằng những người này là một đám người tội lỗi.

فَدَعَا رَبَّهُۥٓ أَنَّ هَٰٓؤُلَآءِ قَوْمٞ مُّجْرِمُونَ ٢٢

23. (Allah phán bảo Musa): "Ngươi hãy đưa bầy tôi của TA ra đi trong đêm, các ngươi sẽ bị truy sát."

فَأَسْرِ بِعِبَادِي لَيْلًا إِنَّكُم مُّتَّبَعُونَ ٢٣

24. "Ngươi hãy rời biển, để mặc cho nó rẽ đôi. Quả thật, chúng sẽ là một đội quân bị nhấn chìm."

وَٱتْرُكِ ٱلْبَحْرَ رَهْوًاۖ إِنَّهُمْ جُندٞ مُّغْرَقُونَ ٢٤

25. Biết bao vườn tược, bao con suối chúng đã bỏ lại!

كَمْ تَرَكُواْ مِن جَنَّٰتٖ وَعُيُونٖ ٢٥

26. Biết bao đồng ruộng, bao biệt thự cao sang!

وَزُرُوعٖ وَمَقَامٖ كَرِيمٖ ٢٦

27. Biết bao ân huệ mà chúng đã từng hưởng thụ!

وَنَعْمَةٖ كَانُواْ فِيهَا فَٰكِهِينَ ٢٧

28. Như thế đó, TA đã làm cho đám người khác thừa hưởng chúng.	كَذَٰلِكَۖ وَأَوۡرَثۡنَٰهَا قَوۡمًا ءَاخَرِينَ ٢٨
29. Trời đất chẳng khóc thương cho chúng, và chúng cũng không được tạm tha.	فَمَا بَكَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلسَّمَآءُ وَٱلۡأَرۡضُ وَمَا كَانُواْ مُنظَرِينَ ٢٩
30. Quả thật, TA đã giải cứu con cháu Israel thoát khỏi một sự trừng phạt nhục nhã,	وَلَقَدۡ نَجَّيۡنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ مِنَ ٱلۡعَذَابِ ٱلۡمُهِينِ ٣٠
31. Từ Pha-ra-ông. Quả thật, hắn là tên ngạo mạn trong số những kẻ ác đức và tàn bạo.	مِن فِرۡعَوۡنَۚ إِنَّهُۥ كَانَ عَالِيٗا مِّنَ ٱلۡمُسۡرِفِينَ ٣١
32. Quả thật TA đã chọn (con cháu Israel và ban cho chúng) kiến thức trội hơn thiên hạ.	وَلَقَدِ ٱخۡتَرۡنَٰهُمۡ عَلَىٰ عِلۡمٍ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ٣٢
33. TA đã ban cho chúng những đặc ân mà trong đó là một sự thử thách rõ rệt.	وَءَاتَيۡنَٰهُم مِّنَ ٱلۡأٓيَٰتِ مَا فِيهِ بَلَٰٓؤٞاْ مُّبِينٌ ٣٣
34. Quả thật, (những kẻ đa thần) này đã nói:	إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ لَيَقُولُونَ ٣٤
35. “Quả thật, chỉ có cái chết đầu tiên của chúng ta mà thôi và không có chuyện chúng ta được dựng sống lại.”	إِنۡ هِيَ إِلَّا مَوۡتَتُنَا ٱلۡأُولَىٰ وَمَا نَحۡنُ بِمُنشَرِينَ ٣٥
36. “Thế, các ngươi (hỡi Muhammad và những ai đi theo Ngươi) hãy mang ông bà tổ tiên của bọn ta đến đây xem nào nếu các ngươi nói thật!”	فَأۡتُواْ بِـَٔابَآئِنَآ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٣٦
37. Phải chăng chúng tốt hơn đám dân của Tubba’ và những ai sống trước chúng hay sao?! TA đã tiêu diệt bọn chúng bởi vì bọn chúng là những kẻ tội lỗi.	أَهُمۡ خَيۡرٌ أَمۡ قَوۡمُ تُبَّعٖ وَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ أَهۡلَكۡنَٰهُمۡۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ مُجۡرِمِينَ ٣٧
38. TA đã không tạo hóa các tầng trời và trái đất cũng như mọi vật giữa chúng để vui chơi một cách vô nghĩa.	وَمَا خَلَقۡنَا ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا لَٰعِبِينَ ٣٨
39. TA đã tạo ra (trời đất và vạn vật giữa chúng) là vì Chân Lý. Tuy nhiên, đa số bọn chúng không biết đấy thôi.	مَا خَلَقۡنَٰهُمَآ إِلَّا بِٱلۡحَقِّ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٩
40. Thật vậy, Ngày Phân Loại là thời điểm đã được ấn định cho tất cả bọn chúng.	إِنَّ يَوۡمَ ٱلۡفَصۡلِ مِيقَٰتُهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٤٠
41. Ngày mà người thân thích này không giúp ích được gì cho người thân thích khác và chúng sẽ không được ai giúp đỡ.	يَوۡمَ لَا يُغۡنِي مَوۡلًى عَن مَّوۡلٗى شَيۡـٔٗا وَلَا هُمۡ يُنصَرُونَ ٤١

42. Trừ những ai được Allah thương xót bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Nhân Từ.	إِلَّا مَن رَّحِمَ ٱللَّهُۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ٤٢
43. Quả thật, cây Zaqqum, (một loại cây mọc lên từ đáy của Hỏa Ngục)	إِنَّ شَجَرَتَ ٱلزَّقُّومِ ٤٣
44. Sẽ là thức ăn của những kẻ tội lỗi.	طَعَامُ ٱلۡأَثِيمِ ٤٤
45. (Trái của nó) giống như loại dầu đen sịt, sôi sục trong bụng,	كَٱلۡمُهۡلِ يَغۡلِي فِي ٱلۡبُطُونِ ٤٥
46. Như nước sôi.	كَغَلۡيِ ٱلۡحَمِيمِ ٤٦
47. (Có tiếng bảo các Thiên Thần thực thi hình phạt): “Hãy túm bắt hắn lôi vào giữa đám lửa cháy bùng”	خُذُوهُ فَٱعۡتِلُوهُ إِلَىٰ سَوَآءِ ٱلۡجَحِيمِ ٤٧
48. “Rồi đổ lên đầu hắn hình phạt của nước sôi.”	ثُمَّ صُبُّواْ فَوۡقَ رَأۡسِهِۦ مِنۡ عَذَابِ ٱلۡحَمِيمِ ٤٨
49. “Và hãy nhục mạ: ‘Hãy nếm đi, (trước kia) ngươi uy quyền và cao quý lắm kia mà!”	ذُقۡ إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡكَرِيمُ ٤٩
50. “Quả thật, (sự trừng phạt) này là điều mà các ngươi đã luôn hoài nghi.”	إِنَّ هَٰذَا مَا كُنتُم بِهِۦ تَمۡتَرُونَ ٥٠
51. Riêng những người ngoan đạo chắc chắn sẽ ở một nơi an toàn (Thiên Đàng).	إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي مَقَامٍ أَمِينٖ ٥١
52. Giữa những ngôi vườn và các dòng suối.	فِي جَنَّٰتٖ وَعُيُونٖ ٥٢
53. Họ sẽ mặc (y phục bằng) lụa mịn và gấm thêu, họ ngồi đối mặt nhau.	يَلۡبَسُونَ مِن سُندُسٖ وَإِسۡتَبۡرَقٖ مُّتَقَٰبِلِينَ ٥٣
54. Tương tự như thế, TA sẽ cho họ kết hôn với các tiên nữ có đôi mắt to (tuyệt đẹp).	كَذَٰلِكَ وَزَوَّجۡنَٰهُم بِحُورٍ عِينٖ ٥٤
55. Trong (Thiên Đàng), họ tự do gọi đủ loại hoa quả an toàn để dùng.	يَدۡعُونَ فِيهَا بِكُلِّ فَٰكِهَةٍ ءَامِنِينَ ٥٥
56. Họ sẽ không nếm trải cái chết ở đó ngoại trừ cái chết đầu tiên (ở trần gian); và (Allah) sẽ bảo vệ họ khỏi sự trừng phạt của Hỏa Ngục.	لَا يَذُوقُونَ فِيهَا ٱلۡمَوۡتَ إِلَّا ٱلۡمَوۡتَةَ ٱلۡأُولَىٰۖ وَوَقَىٰهُمۡ عَذَابَ ٱلۡجَحِيمِ ٥٦
57. (Đó là) hồng phúc từ Thượng Đế của Ngươi. Đó là thành tựu vĩ đại.	فَضۡلٗا مِّن رَّبِّكَۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ٥٧
58. Quả thật, TA đã làm cho (Qur’an) dễ (hiểu) bằng chính ngôn ngữ của Ngươi (Thiên Sứ) để chúng có thể ghi nhớ.	فَإِنَّمَا يَسَّرۡنَٰهُ بِلِسَانِكَ لَعَلَّهُمۡ يَتَذَكَّرُونَ ٥٨

59. Thôi! Ngươi hãy chờ đợi (sự thắng lợi của Ngươi và sự bị hủy diệt của chúng); quả thật chúng cũng chờ đợi (như Ngươi).	فَٱرۡتَقِبۡ إِنَّهُم مُّرۡتَقِبُونَ ٥٩

Al-Jathiyah (Quì Gối) الجاثية

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ha. Mim.

حمٓ ١

2. Kinh Sách được ban xuống từ nơi Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

تَنزِيلُ ٱلۡكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَكِيمِ ٢

3. Quả thật, trong các tầng trời và trái đất là các dấu hiệu (về quyền năng và tính duy nhất của Allah) cho những người có đức tin.

إِنَّ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ لَأٓيَٰتٖ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٣

4. Trong việc tạo hóa các ngươi (hỡi nhân loại) cũng như việc (Allah) phân tán các sinh vật khắp nơi là các dấu hiệu cho những người vững chắc (trong đức tin).

وَفِي خَلۡقِكُمۡ وَمَا يَبُثُّ مِن دَآبَّةٍ ءَايَٰتٞ لِّقَوۡمٖ
يُوقِنُونَ ٤

5. (Trong) sự xen kẽ của ban đêm và ban ngày, trong việc Allah ban bổng lộc (mưa) từ trên trời xuống mà Ngài dùng để làm sống lại mảnh đất đã chết khô và trong việc xoay chuyển những cơn gió, là các dấu hiệu cho những người thông hiểu.

وَٱخۡتِلَٰفِ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ وَمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ
مِن رِّزۡقٖ فَأَحۡيَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَا وَتَصۡرِيفِ
ٱلرِّيَٰحِ ءَايَٰتٞ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ٥

6. Đó là những Lời Mặc Khải của Allah, TA đọc chúng cho Ngươi (Thiên Sứ) bằng sự thật. Nếu họ chối bỏ Allah và các Lời Mặc Khải của Ngài, họ sẽ tin vào cách diễn ngôn (thông điệp) nào?

تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱللَّهِ نَتۡلُوهَا عَلَيۡكَ بِٱلۡحَقِّۖ فَبِأَيِّ
حَدِيثِۭ بَعۡدَ ٱللَّهِ وَءَايَٰتِهِۦ يُؤۡمِنُونَ ٦

7. Thật khốn thay cho từng kẻ dối trá, tội lỗi.

وَيۡلٞ لِّكُلِّ أَفَّاكٍ أَثِيمٖ ٧

8. Hắn nghe các Lời Mặc Khải của Allah đã được đọc cho hắn rồi vẫn ngoan cố kiêu ngạo như thể hắn không nghe thấy gì. Vậy, hãy báo cho hắn biết về một sự trừng phạt đau đớn (ở Đời Sau).

يَسۡمَعُ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِ ثُمَّ يُصِرُّ مُسۡتَكۡبِرٗا
كَأَن لَّمۡ يَسۡمَعۡهَاۖ فَبَشِّرۡهُ بِعَذَابٍ أَلِيمٖ ٨

9. Khi hắn biết được điều gì từ các Lời Mặc Khải của TA, hắn lại mang nó ra chế giễu đùa cợt. Những kẻ đó sẽ phải chịu một sự trừng phạt đầy nhục nhã.

وَإِذَا عَلِمَ مِنۡ ءَايَٰتِنَا شَيۡـًٔا ٱتَّخَذَهَا هُزُوًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ
لَهُمۡ عَذَابٞ مُّهِينٞ ٩

10. Trước mặt chúng là Hỏa Ngục; bất cứ điều gì mà chúng kiếm được (trên thế gian) cũng như những kẻ mà chúng nhận làm vị bảo hộ ngoài Allah sẽ không giúp ích gì cho chúng. (Rồi đây) chúng sẽ phải chịu một sự trừng phạt khủng khiếp.

مِّن وَرَآئِهِمۡ جَهَنَّمُۖ وَلَا يُغۡنِي عَنۡهُم مَّا كَسَبُواْ شَيۡـًٔا
وَلَا مَا ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَوۡلِيَآءَۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ
عَظِيمٌ ١٠

11. (Kinh Qur'an) này là một nguồn chỉ đạo. Và những kẻ vô đức tin nơi các Lời Mặc Khải của Thượng Đế của chúng sẽ phải chịu một sự trừng phạt vô cùng đau đớn.

هَٰذَا هُدًىۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ لَهُمۡ
عَذَابٞ مِّن رِّجۡزٍ أَلِيمٌ ١١

12. Allah là Đấng đã chế ngự biển cả cho các ngươi để các con tàu có thể chạy trên đó theo lệnh của Ngài và để các ngươi tìm kiếm hồng phúc của Ngài, mong rằng các ngươi biết tri ân (Ngài).

۞ٱللَّهُ ٱلَّذِي سَخَّرَ لَكُمُ ٱلۡبَحۡرَ لِتَجۡرِيَ ٱلۡفُلۡكُ
فِيهِ بِأَمۡرِهِۦ وَلِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦ وَلَعَلَّكُمۡ
تَشۡكُرُونَ ١٢

13. Ngài đã chế ngự mọi thứ trong các tầng trời và mọi thứ trên trái đất cho các ngươi (sử dụng), toàn bộ đều từ Ngài cả. Quả thật, trong sự việc đó là các dấu hiệu cho những người biết suy ngẫm.

وَسَخَّرَ لَكُم مَّا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا
مِّنۡهُۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ١٣

14. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) hãy nói với những người có đức tin nên tha thứ cho những kẻ không mong đợi những Ngày (Phán Xét) của Allah, (rồi đây) Ngài sẽ đáp trả cho từng nhóm người tương thích với những gì mà chúng đã làm.

قُل لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ يَغۡفِرُواْ لِلَّذِينَ لَا يَرۡجُونَ أَيَّامَ ٱللَّهِ
لِيَجۡزِيَ قَوۡمَۢا بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ١٤

15. Ai làm điều thiện thì được lợi cho bản thân mình còn ai làm điều xấu thì sẽ gặp quả báo. Rồi đây, các ngươi sẽ được đưa trở về trình diện Thượng Đế của các ngươi.

مَنۡ عَمِلَ صَٰلِحٗا فَلِنَفۡسِهِۦۖ وَمَنۡ أَسَآءَ فَعَلَيۡهَاۖ ثُمَّ
إِلَىٰ رَبِّكُمۡ تُرۡجَعُونَ ١٥

16. Quả thật, TA đã ban cho con cháu của Israel Kinh Sách, luật lệ, và sứ mạng Nabi; TA đã ban cho họ bổng lộc tốt lành và TA đã ưu đãi họ hơn những ai khác trong thiên hạ.

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحُكۡمَ
وَٱلنُّبُوَّةَ وَرَزَقۡنَٰهُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ وَفَضَّلۡنَٰهُمۡ عَلَى
ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٦

17. TA đã mang đến cho họ những bằng chứng rõ rệt về mọi vấn đề. Nhưng chỉ từ sau khi tiếp thu được kiến thức, họ đâm ra ganh ghét và chia rẽ nhau. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ giải quyết trường hợp của họ vào Ngày Phán Xét về những điều mà họ đã tranh chấp.

وَءَاتَيۡنَٰهُم بَيِّنَٰتٖ مِّنَ ٱلۡأَمۡرِۖ فَمَا ٱخۡتَلَفُوٓاْ إِلَّا مِنۢ
بَعۡدِ مَا جَآءَهُمُ ٱلۡعِلۡمُ بَغۡيَۢا بَيۡنَهُمۡۚ إِنَّ رَبَّكَ يَقۡضِي
بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُواْ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ١٧

18. Rồi TA đặt Ngươi trên con đường của công việc (tôn giáo). Vì vậy, Ngươi hãy theo nó và đừng làm theo khuynh hướng của những kẻ không biết.

ثُمَّ جَعَلۡنَٰكَ عَلَىٰ شَرِيعَةٖ مِّنَ ٱلۡأَمۡرِ فَٱتَّبِعۡهَا وَلَا
تَتَّبِعۡ أَهۡوَآءَ ٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَ ١٨

19. Quả thật, họ sẽ không bao giờ giúp được Ngươi thoát khỏi sự trừng phạt của Allah. Những kẻ làm điều sai quấy là đồng minh của nhau. Và Allah là Đấng Bảo Hộ của những người ngoan đạo.

إِنَّهُمۡ لَن يُغۡنُواْ عَنكَ مِنَ ٱللَّهِ شَيۡـٔٗاۚ وَإِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ
بَعۡضُهُمۡ أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٖۖ وَٱللَّهُ وَلِيُّ ٱلۡمُتَّقِينَ ١٩

20. (Qur'an) này là sự khai sáng cho nhân loại, là nguồn chỉ đạo và là hồng ân cho đám người vững chắc (trong đức tin).

هَٰذَا بَصَٰٓئِرُ لِلنَّاسِ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّقَوۡمٖ يُوقِنُونَ ٢٠

21. Hoặc lẽ nào những kẻ làm điều tội lỗi nghĩ rằng TA sẽ để chúng và những người có đức tin và hành thiện ngang bằng nhau về cuộc sống và cái chết ư? Thật tệ thay cho điều chúng phán xét!

أَمۡ حَسِبَ ٱلَّذِينَ ٱجۡتَرَحُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ أَن نَّجۡعَلَهُمۡ
كَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَوَآءٗ مَّحۡيَاهُمۡ
وَمَمَاتُهُمۡۚ سَآءَ مَا يَحۡكُمُونَ ٢١

22. Allah tạo hóa các tầng trời và trái đất là vì chân lý. (Ngài tạo ra chúng) để mỗi linh hồn có thể được đền bù xứng đáng về những gì nó đã làm ra; và (các linh hồn) sẽ không bị đối xử bất công.

وَخَلَقَ ٱللَّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّ وَلِتُجۡزَىٰ كُلُّ
نَفۡسِۭ بِمَا كَسَبَتۡ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ٢٢

23. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có thấy kẻ đã lấy dục vọng của bản thân làm thần linh của mình không? (Quả thật), Allah đã để y lầm lạc, Ngài đã niêm kín thính giác và quả tim của y và Ngài đã lấy tấm màn che mắt của y lại. Vậy, sau khi y chối bỏ Allah thì ai sẽ hướng dẫn y? Lẽ nào các ngươi không lưu tâm?

أَفَرَءَيۡتَ مَنِ ٱتَّخَذَ إِلَٰهَهُۥ هَوَىٰهُ وَأَضَلَّهُ ٱللَّهُ عَلَىٰ
عِلۡمٖ وَخَتَمَ عَلَىٰ سَمۡعِهِۦ وَقَلۡبِهِۦ وَجَعَلَ عَلَىٰ بَصَرِهِۦ
غِشَٰوَةٗ فَمَن يَهۡدِيهِ مِنۢ بَعۡدِ ٱللَّهِۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ٢٣

24. (Những kẻ phủ nhận Sự Phục Sinh) nói: "Chẳng có đời sống nào ngoài đời sống trần tục này của chúng ta, chúng ta chết và sống, không có gì hủy hoại chúng ta ngoại trừ thời gian." (Những kẻ phủ nhận Sự Phục Sinh) chẳng có một chút hiểu biết nào về điều đó cả, chúng chỉ suy đoán mà thôi.

وَقَالُواْ مَا هِيَ إِلَّا حَيَاتُنَا ٱلدُّنۡيَا نَمُوتُ وَنَحۡيَا وَمَا
يُهۡلِكُنَآ إِلَّا ٱلدَّهۡرُۚ وَمَا لَهُم بِذَٰلِكَ مِنۡ عِلۡمٍۖ إِنۡ هُمۡ
إِلَّا يَظُنُّونَ ٢٤

25. Khi các Lời Mặc Khải của TA được đọc cho chúng nghe như một bằng chứng rõ ràng, lập luận chống chế của chúng chỉ có mỗi câu nói: "Nếu các ngươi nói thật thì hãy mang ông bà tổ tiên của bọn ta trở lại trần gian xem nào!"

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٖ مَّا كَانَ حُجَّتَهُمۡ
إِلَّآ أَن قَالُواْ ٱئۡتُواْ بِـَٔابَآئِنَآ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٢٥

26. Ngươi (Thiên Sứ) hãy nói với chúng: "Allah làm cho các ngươi sống rồi làm cho các ngươi chết, sau đó, Ngài sẽ triệu tập các ngươi lại vào Ngày Phán Xét. (Đây là điều chắc chắn) không có gì phải hoài nghi." Tuy nhiên, đa số nhân loại không biết.

قُلِ ٱللَّهُ يُحۡيِيكُمۡ ثُمَّ يُمِيتُكُمۡ ثُمَّ يَجۡمَعُكُمۡ إِلَىٰ
يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَا رَيۡبَ فِيهِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا
يَعۡلَمُونَ ٢٦

27. Quyền thống trị các tầng trời và trái đất đều thuộc về một mình Allah. Vào Ngày mà Giờ Tận Thế được thiết lập, Ngày đó, những kẻ làm điều gian dối sẽ thua thiệt.

وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَيَوۡمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ
يَوۡمَئِذٖ يَخۡسَرُ ٱلۡمُبۡطِلُونَ ٢٧

28. (Rồi đây, vào Ngày đó) Ngươi (Thiên Sứ) sẽ thấy mỗi cộng đồng sẽ quỳ gối; mỗi cộng đồng sẽ được gọi đến xem quyển sổ (ghi chép hành động) của mình (và sẽ được bảo): “Ngày hôm nay, các ngươi sẽ được đền bù xứng đáng về những điều (tốt, xấu) mà các ngươi đã làm (trên thế gian).”

وَتَرَىٰ كُلَّ أُمَّةٍ جَاثِيَةً ۚ كُلُّ أُمَّةٍ تُدْعَىٰٓ إِلَىٰ كِتَٰبِهَا
ٱلْيَوْمَ تُجْزَوْنَ مَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ٢٨

29. “Đây là quyển sổ của TA, nó sẽ nói sự thật về các ngươi. Quả thật, TA đã cho ghi chép lại (toàn bộ) những điều các ngươi đã từng làm.”

هَٰذَا كِتَٰبُنَا يَنطِقُ عَلَيْكُم بِٱلْحَقِّ ۚ إِنَّا كُنَّا
نَسْتَنسِخُ مَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ٢٩

30. Vì vậy, đối với những người có đức tin và hành thiện, Thượng Đế của họ sẽ thu nhận họ vào (Thiên Đàng) bằng lòng thương xót của Ngài. Đó là một thành tựu rõ ràng.

فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَيُدْخِلُهُمْ
رَبُّهُمْ فِى رَحْمَتِهِۦ ۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلْفَوْزُ ٱلْمُبِينُ ٣٠

31. Nhưng đối với những kẻ vô đức tin (thì sẽ có lời bảo chúng): “Các Lời Mặc Khải của TA đã được đọc cho các ngươi nghe nhưng các ngươi đã kiêu ngạo và các ngươi là một đám người tội lỗi.”

وَأَمَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ أَفَلَمْ تَكُنْ ءَايَٰتِى تُتْلَىٰ
عَلَيْكُمْ فَٱسْتَكْبَرْتُمْ وَكُنتُمْ قَوْمًا مُّجْرِمِينَ ٣١

32. “Khi có lời bảo: ‘Quả thật, lời hứa của Allah là sự thật và Giờ Tận Thế cũng là sự thật, không có gì phải hoài nghi’ thì các ngươi nói: ‘Bọn ta không biết Giờ Tận Thế là gì cả. Bọn ta nghĩ rằng đó chỉ là sự tưởng tượng. Bọn ta không cảm thấy thuyết phục.’”

وَإِذَا قِيلَ إِنَّ وَعْدَ ٱللَّهِ حَقٌّ وَٱلسَّاعَةُ لَا رَيْبَ فِيهَا
قُلْتُم مَّا نَدْرِى مَا ٱلسَّاعَةُ إِن نَّظُنُّ إِلَّا ظَنًّا وَمَا
نَحْنُ بِمُسْتَيْقِنِينَ ٣٢

33. (Rồi) những tội lỗi mà chúng đã làm sẽ xuất hiện trước mặt chúng và những điều mà chúng đã thường giễu cợt và nhạo báng sẽ bao vây chúng.

وَبَدَا لَهُمْ سَيِّـَٔاتُ مَا عَمِلُوا۟ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُوا۟ بِهِۦ
يَسْتَهْزِءُونَ ٣٣

34. Và sẽ có lời bảo: “Ngày hôm nay, TA quên các ngươi giống như việc các ngươi đã quên cuộc gặp gỡ Ngày này của các ngươi. Chỗ ở của các ngươi sẽ là Hỏa Ngục và các ngươi sẽ không có ai giúp đỡ.”

وَقِيلَ ٱلْيَوْمَ نَنسَىٰكُمْ كَمَا نَسِيتُمْ لِقَآءَ يَوْمِكُمْ
هَٰذَا وَمَأْوَىٰكُمُ ٱلنَّارُ وَمَا لَكُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٣٤

35. “Sở dĩ như thế là vì các ngươi đã thường chế giễu các Lời Mặc Khải của Allah và đời sống trần tục đã đánh lừa các ngươi.” Vì vậy, vào Ngày đó chúng sẽ không được đưa ra khỏi nơi đó và chúng sẽ không được trở lại trần gian để sám hối và sửa mình.

ذَٰلِكُم بِأَنَّكُمُ ٱتَّخَذْتُمْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ هُزُوًا
وَغَرَّتْكُمُ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا ۚ فَٱلْيَوْمَ لَا يُخْرَجُونَ مِنْهَا
وَلَا هُمْ يُسْتَعْتَبُونَ ٣٥

36. Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Thượng Đế của các tầng trời, Thượng Đế của trái đất, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.

فَلِلَّهِ ٱلْحَمْدُ رَبِّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَرَبِّ ٱلْأَرْضِ رَبِّ
ٱلْعَٰلَمِينَ ٣٦

37. Mọi quyền uy trong các tầng trời và trái đất đều thuộc một mình Ngài; và Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.	وَلَهُ ٱلۡكِبۡرِيَآءُ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٣٧

Al-Ahqaf (Cồn Cát) الأحقاف

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ha.Mim.

حمٓ ١

2. Kinh Sách được ban xuống từ nơi Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

تَنزِيلُ ٱلۡكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَكِيمِ ٢

3. TA đã không tạo ra trời đất và vạn vật giữa chúng ngoại trừ vì Chân Lý và (TA qui định tất cả chỉ tồn tại) trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên, những kẻ vô đức tin đã quay lưng với điều mà họ đã được cảnh báo.

مَا خَلَقۡنَا ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَآ إِلَّا بِٱلۡحَقِّ
وَأَجَلٖ مُّسَمّٗىۚ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ عَمَّآ أُنذِرُواْ
مُعۡرِضُونَ ٣

4. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Các ngươi đã xem xét những thần linh mà các ngươi khấn vái ngoài Allah chưa? Các ngươi hãy cho Ta xem những gì mà chúng đã tạo ra trên trái đất hoặc (hãy cho Ta biết) chúng có một phần chia sẻ nào trong (việc tạo ra) các tầng trời? Các ngươi hãy mang đến cho Ta một Kinh Sách trước Kinh (Qur’an) này hoặc một vài kiến thức hiểu biết còn sót lại nếu các ngươi nói thật!

قُلۡ أَرَءَيۡتُم مَّا تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَرُونِي مَاذَا
خَلَقُواْ مِنَ ٱلۡأَرۡضِ أَمۡ لَهُمۡ شِرۡكٞ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِۖ
ٱئۡتُونِي بِكِتَٰبٖ مِّن قَبۡلِ هَٰذَآ أَوۡ أَثَٰرَةٖ مِّنۡ عِلۡمٍ
إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٤

5. Còn ai lầm lạc hơn kẻ khấn vái ngoài Allah những thứ không thể đáp lại (lời khấn vái của) y cho đến Ngày Phục Sinh trong khi (những thứ đó), chính chúng cũng không hề biết việc người ta đang khấn vái chúng?!

وَمَنۡ أَضَلُّ مِمَّن يَدۡعُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَن لَّا
يَسۡتَجِيبُ لَهُۥٓ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَهُمۡ عَن دُعَآئِهِمۡ
غَٰفِلُونَ ٥

6. Và khi nhân loại được tập trung lại (vào Ngày Phán Xét), chúng (những thứ mà họ thờ phượng ngoài Allah) sẽ trở thành kẻ thù của họ và chúng sẽ phủ nhận việc họ thờ cúng chúng.

وَإِذَا حُشِرَ ٱلنَّاسُ كَانُواْ لَهُمۡ أَعۡدَآءٗ وَكَانُواْ بِعِبَادَتِهِمۡ
كَٰفِرِينَ ٦

7. Khi các Lời Mặc Khải của TA được đọc ra cho họ như những bằng chứng rõ ràng, những kẻ vô đức tin nói về Sự Thật khi nó đến với họ: “Đây rõ ràng là trò phù thủy!”

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٖ قَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
لِلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَهُمۡ هَٰذَا سِحۡرٞ مُّبِينٌ ٧

8. Hoặc họ nói Y (Thiên Sứ Muhammad) đã bịa đặt (Qur’an). Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với họ): “Nếu Ta đã bịa đặt Nó thì các ngươi sẽ không thể giúp Ta thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah. Ngài biết rõ điều mà các ngươi nói về Nó. Một mình Ngài chứng giám giữa Ta và các ngươi là đã đủ. Và Ngài là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.”

أَمۡ يَقُولُونَ ٱفۡتَرَىٰهُۖ قُلۡ إِنِ ٱفۡتَرَيۡتُهُۥ فَلَا تَمۡلِكُونَ لِي
مِنَ ٱللَّهِ شَيۡـًٔاۖ هُوَ أَعۡلَمُ بِمَا تُفِيضُونَ فِيهِۚ كَفَىٰ بِهِۦ
شَهِيدَۢا بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡۖ وَهُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ٨

9. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với họ): “Ta không phải là người sáng lập ra điều mới trong số các Sứ Giả (của Allah), Ta cũng không biết điều gì sẽ xảy đến cho Ta và cho các người. Quả thật, Ta chỉ tuân theo điều đã được mặc khải cho Ta và Ta thực sự chỉ là một người cảnh báo công khai mà thôi.”

قُلۡ مَا كُنتُ بِدۡعٗا مِّنَ ٱلرُّسُلِ وَمَآ أَدۡرِي مَا يُفۡعَلُ
بِي وَلَا بِكُمۡۖ إِنۡ أَتَّبِعُ إِلَّا مَا يُوحَىٰٓ إِلَيَّ وَمَآ أَنَا۠ إِلَّا
نَذِيرٞ مُّبِينٞ ٩

10. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với họ): “Nếu (Qur’an) là từ nơi Allah nhưng các người phủ nhận Nó trong khi một nhân chứng thuộc dân Israel đã xác nhận điều tương tự và đã tin còn các người thì lại ngạo mạn, các người có thấy (các người là những kẻ sai quấy không)? Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.”

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِن كَانَ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ وَكَفَرۡتُم بِهِۦ
وَشَهِدَ شَاهِدٞ مِّنۢ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ عَلَىٰ مِثۡلِهِۦ فَـَٔامَنَ
وَٱسۡتَكۡبَرۡتُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٠

11. Những kẻ vô đức tin nói về những người có đức tin: “Nếu nó thực sự tốt thì họ đã không đi trước chúng ta.” Và khi họ không muốn để (Qur’an) hướng dẫn họ thì lại nói: “Đây chỉ là điều dối lừa từ xa xưa.”

وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَوۡ كَانَ خَيۡرٗا مَّا
سَبَقُونَآ إِلَيۡهِۚ وَإِذۡ لَمۡ يَهۡتَدُواْ بِهِۦ فَسَيَقُولُونَ هَٰذَآ
إِفۡكٞ قَدِيمٞ ١١

12. Trước (Qur’an) là Kinh Sách của Musa, được xem như một nguồn Chỉ Đạo và một Hồng Phúc. Còn đây (Qur’an) là một Kinh Sách xác nhận (lại những Kinh Sách trước) bằng tiếng Ả-rập, dùng để cảnh báo những ai làm điều sai quấy đồng thời báo tin mừng cho những người làm tốt.

وَمِن قَبۡلِهِۦ كِتَٰبُ مُوسَىٰٓ إِمَامٗا وَرَحۡمَةٗۚ وَهَٰذَا
كِتَٰبٞ مُّصَدِّقٞ لِّسَانًا عَرَبِيّٗا لِّيُنذِرَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ
وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُحۡسِنِينَ ١٢

13. Quả thật, những người nói “Thượng Đế của chúng tôi là Allah” rồi vẫn đi đúng hướng thì sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

إِنَّ ٱلَّذِينَ قَالُواْ رَبُّنَا ٱللَّهُ ثُمَّ ٱسۡتَقَٰمُواْ فَلَا خَوۡفٌ
عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ١٣

14. Những người đó sẽ là những người Bạn của Thiên Đàng, họ sẽ mãi mãi sống trong đó, một phần thưởng cho những điều mà họ đã làm (trên cuộc sống trần gian).

أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِ خَٰلِدِينَ فِيهَا جَزَآءَۢ بِمَا
كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٤

15. TA (Allah) đã truyền lệnh cho con người phải hiếu thảo và tử tế với cha mẹ của mình. Mẹ của y đã mang thai y nặng nhọc và hạ sinh y trong đau đớn; thời gian mang thai và dứt sữa y là ba mươi tháng. Đến khi y trưởng thành và được bốn mươi tuổi, y cầu nguyện: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài phù hộ bề tôi biết ơn về các Ân Huệ mà Ngài đã ban cho bề tôi và cho cha mẹ của bề tôi, xin Ngài phù hộ bề tôi làm điều thiện tốt được Ngài hài lòng, và xin Ngài cải thiện con cháu của bề tôi. Quả thật, bề tôi quay về sám hối với Ngài và bề tôi xin làm một người Muslim (thần phục Ngài).”

وَوَصَّيۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ بِوَٰلِدَيۡهِ إِحۡسَٰنًاۖ حَمَلَتۡهُ أُمُّهُۥ كُرۡهٗا
وَوَضَعَتۡهُ كُرۡهٗاۖ وَحَمۡلُهُۥ وَفِصَٰلُهُۥ ثَلَٰثُونَ شَهۡرًاۚ حَتَّىٰٓ
إِذَا بَلَغَ أَشُدَّهُۥ وَبَلَغَ أَرۡبَعِينَ سَنَةٗ قَالَ رَبِّ أَوۡزِعۡنِيٓ
أَنۡ أَشۡكُرَ نِعۡمَتَكَ ٱلَّتِيٓ أَنۡعَمۡتَ عَلَيَّ وَعَلَىٰ وَٰلِدَيَّ
وَأَنۡ أَعۡمَلَ صَٰلِحٗا تَرۡضَىٰهُ وَأَصۡلِحۡ لِي فِي ذُرِّيَّتِيٓۖ إِنِّي
تُبۡتُ إِلَيۡكَ وَإِنِّي مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ١٥

16. Đó sẽ là những người mà TA chấp nhận các việc làm tốt của họ, TA xí xóa những điều xấu của họ và (họ sẽ là) những người bạn của Thiên Đàng. Một Lời Hứa chân thật đã được hứa với họ.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ نَتَقَبَّلُ عَنۡهُمۡ أَحۡسَنَ مَا عَمِلُواْ
وَنَتَجَاوَزُ عَن سَيِّـَٔاتِهِمۡ فِيٓ أَصۡحَٰبِ ٱلۡجَنَّةِۖ وَعۡدَ
ٱلصِّدۡقِ ٱلَّذِي كَانُواْ يُوعَدُونَ ١٦

17. Kẻ nói với cha mẹ của mình bằng tiếng Uf (âm thanh tỏ thái độ khó chịu), bảo: "Có phải ông bà hứa rằng tôi sẽ được đưa ra (khỏi mộ sau khi tôi chết đi) và cả những thế hệ trước đã qua đời trước tôi ư?" Cả hai ông bà cầu xin Allah giúp đỡ (rồi rầy la con): "Sẽ là điều khốn cho con (nếu con không tin)! Con phải tin tưởng! Quả thật, Lời Hứa của Allah là sự Thật." Nhưng y nói: "Đây chẳng qua chỉ là chuyện cổ tích mà thôi."

وَٱلَّذِي قَالَ لِوَٰلِدَيۡهِ أُفّٖ لَّكُمَآ أَتَعِدَانِنِيٓ أَنۡ أُخۡرَجَ
وَقَدۡ خَلَتِ ٱلۡقُرُونُ مِن قَبۡلِي وَهُمَا يَسۡتَغِيثَانِ ٱللَّهَ
وَيۡلَكَ ءَامِنۡ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞ فَيَقُولُ مَا هَٰذَآ إِلَّآ
أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٧

18. Đó là những kẻ mà lời hứa (trừng phạt) đã được chứng thực đối với chúng nơi những cộng đồng đã qua đời trước chúng từ loài Jinn và loài người. Chúng quả thật là những kẻ thua thiệt và thất bại.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ حَقَّ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقَوۡلُ فِيٓ أُمَمٖ قَدۡ خَلَتۡ
مِن قَبۡلِهِم مِّنَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِۖ إِنَّهُمۡ كَانُواْ
خَٰسِرِينَ ١٨

19. Tất cả sẽ có được cấp bậc tùy theo công việc mà chúng đã làm và (Allah) sẽ đáp trả lại chúng đầy đủ cho việc làm của chúng; và chúng sẽ không bị đối xử bất công.

وَلِكُلّٖ دَرَجَٰتٞ مِّمَّا عَمِلُواْۖ وَلِيُوَفِّيَهُمۡ أَعۡمَٰلَهُمۡ وَهُمۡ
لَا يُظۡلَمُونَ ١٩

20. Vào Ngày mà những kẻ vô đức tin sẽ được đưa đến Hỏa Ngục (và có lời bảo chúng): "Các ngươi đã phí mất các món vật tốt lành trong đời sống thế tục của các ngươi và các ngươi đã vui hưởng chúng. Vì vậy, Ngày nay các ngươi sẽ được đền bù lại bằng hình phạt nhục nhã bởi những gì mà các ngươi đã ngạo mạn trên trái đất, bất chấp lẽ phải và sự thật, và bởi những gì mà các ngươi đã bất tuân và dấy loạn."

وَيَوۡمَ يُعۡرَضُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ عَلَى ٱلنَّارِ أَذۡهَبۡتُمۡ
طَيِّبَٰتِكُمۡ فِي حَيَاتِكُمُ ٱلدُّنۡيَا وَٱسۡتَمۡتَعۡتُم بِهَا
فَٱلۡيَوۡمَ تُجۡزَوۡنَ عَذَابَ ٱلۡهُونِ بِمَا كُنتُمۡ تَسۡتَكۡبِرُونَ
فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَبِمَا كُنتُمۡ تَفۡسُقُونَ ٢٠

21. (Ngươi – hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Hãy nhớ về người anh em của bộ tộc 'Ad. (Đó là Hud), khi Y cảnh báo người dân của Y sống nơi vùng cồn cát; trước và sau Y đã có các vị cảnh báo đến bảo họ: "Các người hãy chỉ tôn thờ một mình Allah thôi. Quả thật, Ta lo sợ cho các người về sự trừng phạt của một Ngày Vĩ Đại."

۞وَٱذۡكُرۡ أَخَا عَادٍ إِذۡ أَنذَرَ قَوۡمَهُۥ بِٱلۡأَحۡقَافِ وَقَدۡ
خَلَتِ ٱلنُّذُرُ مِنۢ بَيۡنِ يَدَيۡهِ وَمِنۡ خَلۡفِهِۦٓ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ
إِلَّا ٱللَّهَ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ٢١

22. Họ trả lời (với Hud): "Ngươi đến gặp bọn ta để bắt bọn ta bỏ các thần linh của bọn ta ư? Vậy ngươi hãy mang đến điều mà ngươi đã hăm dọa bọn ta xem nào, nếu ngươi nói thật!"

قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا لِتَأۡفِكَنَا عَنۡ ءَالِهَتِنَا فَأۡتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ
إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٢٢

23. (Hud) nói (với họ): "Quả thật chỉ có Allah mới biết (bao giờ tai họa sẽ giáng xuống các người), còn Ta chỉ được cử phái đến để truyền đạt cho các người mà thôi. Nhưng Ta thấy các người là một đám ngu muội."

قَالَ إِنَّمَا ٱلۡعِلۡمُ عِندَ ٱللَّهِ وَأُبَلِّغُكُم مَّآ أُرۡسِلۡتُ
بِهِۦ وَلَٰكِنِّيٓ أَرَىٰكُمۡ قَوۡمٗا تَجۡهَلُونَ ٢٣

24. Nhưng khi họ thấy đám mây khổng lồ đang tiến đến thung lũng của họ, họ bảo: “Đám mây này sẽ mang mưa đến cho chúng ta”. (Hud nói với họ): “Không, đó là (tai họa) mà các người hối thúc nó mau đến, một trận gió mang một sự trừng phạt đau đớn.”

فَلَمَّا رَأَوۡهُ عَارِضٗا مُّسۡتَقۡبِلَ أَوۡدِيَتِهِمۡ قَالُواْ هَٰذَا
عَارِضٞ مُّمۡطِرُنَاۚ بَلۡ هُوَ مَا ٱسۡتَعۡجَلۡتُم بِهِۦۖ رِيحٞ
فِيهَا عَذَابٌ أَلِيمٞ ٢٤

25. Nó tàn phá mọi thứ theo Lệnh của Thượng Đế của nó. Vì vậy, sáng hôm sau chẳng còn thấy gì ngoài những căn nhà (hoang tàn và đổ nát) của họ. TA (Allah) đáp trả những kẻ tội lỗi như thế đó.

تُدَمِّرُ كُلَّ شَيۡءِۭ بِأَمۡرِ رَبِّهَا فَأَصۡبَحُواْ لَا يُرَىٰٓ إِلَّا
مَسَٰكِنُهُمۡۚ كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ٢٥

26. Quả thật, TA đã ban cho (‘Ad, người dân của Hud) những khả năng và sức mạnh, cái mà TA đã không ban cho các ngươi; TA đã ban cho họ thính giác, thị giác và trái tim, tuy nhiên, thính giác, thị giác và trái tim của họ chẳng giúp ích được gì cho họ khi họ cứ chối bỏ các Lời Mặc Khải của Allah và họ bị vây hãm bởi các điều mà họ đã chế giễu.

وَلَقَدۡ مَكَّنَّٰهُمۡ فِيمَآ إِن مَّكَّنَّٰكُمۡ فِيهِ وَجَعَلۡنَا لَهُمۡ
سَمۡعٗا وَأَبۡصَٰرٗا وَأَفۡـِٔدَةٗ فَمَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُمۡ سَمۡعُهُمۡ
وَلَآ أَبۡصَٰرُهُمۡ وَلَآ أَفۡـِٔدَتُهُم مِّن شَيۡءٍ إِذۡ كَانُواْ
يَجۡحَدُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ
يَسۡتَهۡزِءُونَ ٢٦

27. Quả thật, TA đã hủy diệt những thị trấn xung quanh các ngươi (hỡi cư dân Makkah) và TA đã trình bày đủ loại lý lẽ và bằng chứng cho họ mong rằng họ quay đầu.

وَلَقَدۡ أَهۡلَكۡنَا مَا حَوۡلَكُم مِّنَ ٱلۡقُرَىٰ وَصَرَّفۡنَا
ٱلۡأٓيَٰتِ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٢٧

28. Vậy tại sao những kẻ mà họ nhận làm những thần linh ngoài Allah không đến giúp họ? Không, các thần linh đó đã bỏ họ đi mất dạng. Và đó chỉ là lời nói dối của họ và đó là điều mà họ đã bịa đặt.

فَلَوۡلَا نَصَرَهُمُ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ قُرۡبَانًا
ءَالِهَةَۢۖ بَلۡ ضَلُّواْ عَنۡهُمۡۚ وَذَٰلِكَ إِفۡكُهُمۡ وَمَا كَانُواْ
يَفۡتَرُونَ ٢٨

29. Khi TA (Allah) để một nhóm Jinn hướng về phía Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) lắng nghe Qur’an. Khi chúng có mặt nơi đó, chúng bảo nhau: “Các ngươi hãy giữ yên lặng!” Rồi khi cuộc xướng đọc chấm dứt, chúng trở về cảnh báo đám dân của chúng.

وَإِذۡ صَرَفۡنَآ إِلَيۡكَ نَفَرٗا مِّنَ ٱلۡجِنِّ يَسۡتَمِعُونَ
ٱلۡقُرۡءَانَ فَلَمَّا حَضَرُوهُ قَالُوٓاْ أَنصِتُواْۖ فَلَمَّا قُضِيَ وَلَّوۡاْ
إِلَىٰ قَوۡمِهِم مُّنذِرِينَ ٢٩

30. Chúng nói: “Hỡi dân của chúng tôi! Quả thật, chúng tôi đã nghe đọc một Kinh Sách được ban xuống sau Musa, (một Kinh Sách) xác nhận lại những điều (được mặc khải) trước Nó. (Kinh Sách đó) hướng dẫn đến với chân lý và đến với con đường chính đạo.”

قَالُواْ يَٰقَوۡمَنَآ إِنَّا سَمِعۡنَا كِتَٰبًا أُنزِلَ مِنۢ بَعۡدِ مُوسَىٰ
مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيۡهِ يَهۡدِيٓ إِلَى ٱلۡحَقِّ وَإِلَىٰ طَرِيقٖ
مُّسۡتَقِيمٖ ٣٠

31. “Hỡi dân của chúng tôi! Các người hãy đáp lại vị mời gọi của Allah và các người hãy tin nơi Người; Ngài sẽ tha thứ tội lỗi của các người và Ngài sẽ cứu các người khỏi sự trừng phạt đau đớn.”

يَٰقَوۡمَنَآ أَجِيبُواْ دَاعِيَ ٱللَّهِ وَءَامِنُواْ بِهِۦ يَغۡفِرۡ لَكُم
مِّن ذُنُوبِكُمۡ وَيُجِرۡكُم مِّنۡ عَذَابٍ أَلِيمٖ ٣١

32. “Người nào không đáp lại vị mời gọi của Allah thì sẽ không thể trốn khỏi Ngài trên trái đất cũng như sẽ không có các vị bảo hộ nào ngoài Ngài. Đó là những kẻ lầm lạc rõ ràng.”

وَمَن لَّا يُجِبۡ دَاعِيَ ٱللَّهِ فَلَيۡسَ بِمُعۡجِزٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَيۡسَ لَهُۥ مِن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءُۚ أُوْلَٰٓئِكَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ٣٢

33. Lẽ nào (những kẻ thờ đa thần) không nhận thấy rằng Allah, Đấng đã tạo ra các tầng trời và trái đất và không biết mỏi mệt bởi việc tạo hóa chúng, thừa khả năng làm cho người chết sống lại ư? Thật vậy, Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ.

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّ ٱللَّهَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَلَمۡ يَعۡيَ بِخَلۡقِهِنَّ بِقَٰدِرٍ عَلَىٰٓ أَن يُحۡـِۧيَ ٱلۡمَوۡتَىٰۚ بَلَىٰٓۚ إِنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٣٣

34. Vào Ngày những kẻ vô đức tin được dẫn đến Hỏa Ngục (và chúng được bảo): “Há đây không phải là sự thật ư?” Chúng đáp: “Vâng, đúng là sự thật, lạy Thượng Đế của bầy tôi!” (Allah) phán: “Vậy thì các ngươi hãy nếm lấy sự trừng phạt bởi những điều mà các ngươi đã vô đức tin.”

وَيَوۡمَ يُعۡرَضُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ عَلَى ٱلنَّارِ أَلَيۡسَ هَٰذَا بِٱلۡحَقِّۖ قَالُواْ بَلَىٰ وَرَبِّنَاۚ قَالَ فَذُوقُواْ ٱلۡعَذَابَ بِمَا كُنتُمۡ تَكۡفُرُونَ ٣٤

35. Cho nên, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy kiên nhẫn như các Sứ Giả đầy cương nghị đã kiên nhẫn chịu đựng và Ngươi chớ nôn nóng với (những kẻ vô đức tin). Bởi vì vào Ngày mà chúng nhìn thấy điều đã được hứa với chúng, chúng sẽ có cảm tưởng như thể chúng chỉ ở lại trên thế gian trong một giờ của ban ngày. Đó là một Thông Điệp và chỉ có đám người dấy loạn, bất tuân mới bị hủy diệt.

فَٱصۡبِرۡ كَمَا صَبَرَ أُوْلُواْ ٱلۡعَزۡمِ مِنَ ٱلرُّسُلِ وَلَا تَسۡتَعۡجِل لَّهُمۡۚ كَأَنَّهُمۡ يَوۡمَ يَرَوۡنَ مَا يُوعَدُونَ لَمۡ يَلۡبَثُوٓاْ إِلَّا سَاعَةٗ مِّن نَّهَارِۭۚ بَلَٰغٞۚ فَهَلۡ يُهۡلَكُ إِلَّا ٱلۡقَوۡمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ٣٥

Muhammad (Thiên Sứ Muhammad) محمد

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Những kẻ vô đức tin và cản trở con đường của Allah, Ngài sẽ làm cho việc làm của họ trở thành vô nghĩa.

ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ أَضَلَّ
أَعۡمَٰلَهُمۡ ١

2. Còn những người có đức tin, hành thiện và tin nơi những điều đã được ban xuống cho Muhammad và (tin) đó là sự thật từ Thượng Đế của họ thì Ngài sẽ loại bỏ khỏi họ các hành vi xấu đồng thời cải thiện tình trạng của họ.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَءَامَنُواْ بِمَا نُزِّلَ
عَلَىٰ مُحَمَّدٖ وَهُوَ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّهِمۡ كَفَّرَ عَنۡهُمۡ
سَيِّـَٔاتِهِمۡ وَأَصۡلَحَ بَالَهُمۡ ٢

3. Đó là vì những kẻ vô đức tin đi theo điều giả dối và ngụy tạo còn những người có đức tin đi theo Chân Lý từ Thượng Đế của họ. Như thế đó, Allah trình bày những hình ảnh của họ làm thí dụ cho nhân loại.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱتَّبَعُواْ ٱلۡبَٰطِلَ وَأَنَّ ٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْ ٱتَّبَعُواْ ٱلۡحَقَّ مِن رَّبِّهِمۡۚ كَذَٰلِكَ يَضۡرِبُ ٱللَّهُ
لِلنَّاسِ أَمۡثَٰلَهُمۡ ٣

4. Vì vậy, khi các ngươi (hỡi những người có đức tin) giáp mặt với những kẻ vô đức tin (trong trận chiến) thì các ngươi hãy đánh vào cổ của chúng cho đến khi các ngươi thắng được chúng, rồi các ngươi hãy trói chặt chúng lại; sau đó, hoặc các ngươi trả tự do hoặc các ngươi bắt chúng chuộc mạng cho đến khi cuộc chiến chấm dứt. Đó (là Lệnh của Allah). Và nếu muốn, Allah có thể đích thân trừng phạt chúng, tuy nhiên, Ngài muốn dùng người này để thử thách người kia. Và những ai bị giết vì con đường của Allah thì Ngài sẽ không bao giờ làm mất công lao của họ.

فَإِذَا لَقِيتُمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَضَرۡبَ ٱلرِّقَابِ حَتَّىٰٓ إِذَآ
أَثۡخَنتُمُوهُمۡ فَشُدُّواْ ٱلۡوَثَاقَ فَإِمَّا مَنَّۢا بَعۡدُ وَإِمَّا فِدَآءً
حَتَّىٰ تَضَعَ ٱلۡحَرۡبُ أَوۡزَارَهَاۚ ذَٰلِكَۖ وَلَوۡ يَشَآءُ ٱللَّهُ
لَٱنتَصَرَ مِنۡهُمۡ وَلَٰكِن لِّيَبۡلُوَاْ بَعۡضَكُم بِبَعۡضٖۗ
وَٱلَّذِينَ قُتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ فَلَن يُضِلَّ أَعۡمَٰلَهُمۡ ٤

5. Ngài sẽ hướng dẫn họ và cải thiện tình trạng của họ.

سَيَهۡدِيهِمۡ وَيُصۡلِحُ بَالَهُمۡ ٥

6. Ngài sẽ thu nhận họ vào Thiên Đàng mà Ngài đã cho họ biết.

وَيُدۡخِلُهُمُ ٱلۡجَنَّةَ عَرَّفَهَا لَهُمۡ ٦

7. Hỡi những người có đức tin! Nếu các ngươi ủng hộ (con đường chính nghĩa của) Allah thì Ngài sẽ trợ giúp các ngươi và Ngài sẽ làm vững chắc bước chân của các ngươi.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِن تَنصُرُواْ ٱللَّهَ يَنصُرۡكُمۡ
وَيُثَبِّتۡ أَقۡدَامَكُمۡ ٧

8. Những kẻ vô đức tin sẽ bị tiêu diệt và các việc làm của chúng sẽ không có giá trị (ở nơi Allah).

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَتَعۡسٗا لَّهُمۡ وَأَضَلَّ أَعۡمَٰلَهُمۡ ٨

9. Đó là vì chúng ghét những điều mà Allah đã ban xuống. Vậy nên Ngài đã vô hiệu việc làm của chúng.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ كَرِهُواْ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فَأَحۡبَطَ
أَعۡمَٰلَهُمۡ ٩

10. Lẽ nào chúng không ngao du trên trái đất để quan sát kết cuộc của những kẻ trước chúng như thế nào ư? Allah đã hủy diệt chúng và những kẻ vô đức tin chắc chắn sẽ phải chịu số phận tương tự.

۞أَفَلَمۡ يَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ
عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۖ دَمَّرَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡۖ
وَلِلۡكَٰفِرِينَ أَمۡثَٰلُهَا ١٠

11. Đó là vì Allah là Đấng Bảo Hộ của những người có đức tin trong khi những kẻ vô đức tin không có ai bảo hộ.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ مَوۡلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَأَنَّ ٱلۡكَٰفِرِينَ لَا
مَوۡلَىٰ لَهُمۡ ١١

12. Quả thật, Allah sẽ thu nhận những người có đức tin và hành thiện vào các Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy. Riêng những kẻ vô đức tin thì chúng tận hưởng (cuộc sống trần gian), chúng ăn uống như loài vật, và rồi đây Hỏa Ngục sẽ là chỗ ở dành cho chúng.

إِنَّ ٱللَّهَ يُدۡخِلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
يَتَمَتَّعُونَ وَيَأۡكُلُونَ كَمَا تَأۡكُلُ ٱلۡأَنۡعَٰمُ وَٱلنَّارُ
مَثۡوٗى لَّهُمۡ ١٢

13. Có biết bao thành phố giàu có và hùng mạnh hơn thành phố của Ngươi, nơi mà (cư dân của nó) đã trục xuất Ngươi, TA đã tiêu diệt chúng, và chúng đã không có ai cứu giúp chúng cả.

وَكَأَيِّن مِّن قَرۡيَةٍ هِيَ أَشَدُّ قُوَّةٗ مِّن قَرۡيَتِكَ ٱلَّتِيٓ
أَخۡرَجَتۡكَ أَهۡلَكۡنَٰهُمۡ فَلَا نَاصِرَ لَهُمۡ ١٣

14. Vậy một người ở trên một bằng chứng rõ ràng từ Thượng Đế của y lẽ nào lại giống với một kẻ bị mê hoặc bởi những việc làm tội lỗi của hắn và chỉ biết chạy theo dục vọng của bản thân?!

أَفَمَن كَانَ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّهِۦ كَمَن زُيِّنَ لَهُۥ سُوٓءُ
عَمَلِهِۦ وَٱتَّبَعُوٓاْ أَهۡوَآءَهُم ١٤

15. Hình ảnh Thiên Đàng được hứa với những người ngoan đạo (sợ Allah) là nơi có những dòng sông nước ngọt trong vắt không hôi tanh, những dòng sông sữa không đổi vị, những dòng sông rượu tuyệt hảo dành cho những người thích uống, và những dòng sông mật ong tinh khiết; (cư dân) nơi (Thiên Đàng) sẽ có đủ loại trái cây để dùng cùng với sự tha thứ từ Thượng Đế của họ. (Cư dân Thiên Đàng) lẽ nào lại giống với những kẻ đời đời ở trong Hỏa Ngục và được cho uống từ một loại nước cực sôi làm đứt ruột của họ?!

مَّثَلُ ٱلۡجَنَّةِ ٱلَّتِي وُعِدَ ٱلۡمُتَّقُونَۖ فِيهَآ أَنۡهَٰرٞ مِّن مَّآءٍ
غَيۡرِ ءَاسِنٖ وَأَنۡهَٰرٞ مِّن لَّبَنٖ لَّمۡ يَتَغَيَّرۡ طَعۡمُهُۥ وَأَنۡهَٰرٞ
مِّنۡ خَمۡرٖ لَّذَّةٖ لِّلشَّٰرِبِينَ وَأَنۡهَٰرٞ مِّنۡ عَسَلٖ مُّصَفّٗىۖ
وَلَهُمۡ فِيهَا مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ وَمَغۡفِرَةٞ مِّن رَّبِّهِمۡۖ كَمَنۡ
هُوَ خَٰلِدٞ فِي ٱلنَّارِ وَسُقُواْ مَآءً حَمِيمٗا فَقَطَّعَ
أَمۡعَآءَهُمۡ ١٥

16. Trong bọn chúng (những kẻ giả tạo đức tin), có người đến nghe Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) cho tới khi chúng rời khỏi Ngươi, chúng nói với những ai đã được ban cho sự hiểu biết "Y (Thiên Sứ Muhammad) vừa nói điều gì vậy?" Chúng là những kẻ mà Allah đã niêm kín quả tim của chúng và chúng chỉ biết chạy theo dục vọng của chúng.

وَمِنۡهُم مَّن يَسۡتَمِعُ إِلَيۡكَ حَتَّىٰٓ إِذَا خَرَجُواْ مِنۡ
عِندِكَ قَالُواْ لِلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ مَاذَا قَالَ ءَانِفًاۚ
أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ طَبَعَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ وَٱتَّبَعُوٓاْ
أَهۡوَآءَهُمۡ (١٦)

17. Những người được hướng dẫn (đến với Chân Lý), (Allah) gia tăng thêm cho họ Chỉ Đạo và ban cho họ lòng Taqwa (ngay chính, ngoan đạo đối với Ngài).

وَٱلَّذِينَ ٱهۡتَدَوۡاْ زَادَهُمۡ هُدٗى وَءَاتَىٰهُمۡ تَقۡوَىٰهُمۡ (١٧)

18. Có phải (những kẻ vô đức tin) chỉ mong chờ Giờ Tận Thế bất ngờ xảy đến với chúng? Quả thật, những dấu hiệu báo trước của Nó đã đến (với chúng). Rồi khi (Giờ Tận Thế) đến với chúng thì sự tưởng nhớ của chúng (về lời cảnh báo) còn ích lợi gì cho chúng nữa đây?

فَهَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّا ٱلسَّاعَةَ أَن تَأۡتِيَهُم بَغۡتَةٗۖ فَقَدۡ
جَآءَ أَشۡرَاطُهَاۚ فَأَنَّىٰ لَهُمۡ إِذَا جَآءَتۡهُمۡ ذِكۡرَىٰهُمۡ (١٨)

19. Vì vậy, (hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy biết rằng quả thật không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah. Ngươi hãy xin Ngài tha thứ tội lỗi của Ngươi và cầu xin Ngài tha thứ tội lỗi cho những người có đức tin cả nam lẫn nữ. Allah biết rõ sự di chuyển và nghỉ ngơi của các ngươi.

فَٱعۡلَمۡ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا ٱللَّهُ وَٱسۡتَغۡفِرۡ لِذَنۢبِكَ
وَلِلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِۗ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مُتَقَلَّبَكُمۡ
وَمَثۡوَىٰكُمۡ (١٩)

20. Những ai có đức tin nói: "Giá như có một chương kinh (nói về việc chiến đấu) được ban xuống cho chúng tôi!" Nhưng khi có một chương (mang nội dung) cụ thể được ban xuống trong đó có đề cập đến việc chiến đấu thì Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ thấy những kẻ mà trong lòng chúng mang một chứng bệnh (đạo đức giả) sẽ đưa mắt nhìn Ngươi với cái nhìn của một người thất thần sắp chết (do sợ hãi). Vì vậy, thật đáng đời cho chúng!

وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَوۡلَا نُزِّلَتۡ سُورَةٞۖ فَإِذَآ أُنزِلَتۡ
سُورَةٞ مُّحۡكَمَةٞ وَذُكِرَ فِيهَا ٱلۡقِتَالُ رَأَيۡتَ ٱلَّذِينَ فِي
قُلُوبِهِم مَّرَضٞ يَنظُرُونَ إِلَيۡكَ نَظَرَ ٱلۡمَغۡشِيِّ عَلَيۡهِ
مِنَ ٱلۡمَوۡتِۖ فَأَوۡلَىٰ لَهُمۡ (٢٠)

21. Vâng lệnh và lời nói tử tế (sẽ tốt hơn cho chúng)! Do đó, khi việc (chuẩn bị chinh chiến) đã quyết rồi chúng chân thật (trong đức tin) đối với Allah thì điều đó tốt hơn cho chúng.

طَاعَةٞ وَقَوۡلٞ مَّعۡرُوفٞۚ فَإِذَا عَزَمَ ٱلۡأَمۡرُ فَلَوۡ صَدَقُواْ
ٱللَّهَ لَكَانَ خَيۡرٗا لَّهُمۡ (٢١)

22. Nhưng nếu các ngươi quay lưng ngoảnh mặt (với tôn giáo) thì có lẽ các ngươi sẽ làm điều thối nát trên trái đất và sẽ cắt đứt tình máu mủ ruột thịt.

فَهَلۡ عَسَيۡتُمۡ إِن تَوَلَّيۡتُمۡ أَن تُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ
وَتُقَطِّعُوٓاْ أَرۡحَامَكُمۡ (٢٢)

23. Chúng (những kẻ làm như thế) là những kẻ mà Allah đã nguyền rủa, nên Ngài đã làm điếc (thính giác) của chúng và làm mù thị giác của chúng.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَعَنَهُمُ ٱللَّهُ فَأَصَمَّهُمۡ وَأَعۡمَىٰٓ
أَبۡصَٰرَهُمۡ (٢٣)

24. Sao chúng không chịu nghiền ngẫm Qur'an hay là quả tim của chúng đã bị khóa chặt mất rồi?

أَفَلَا يَتَدَبَّرُونَ ٱلۡقُرۡءَانَ أَمۡ عَلَىٰ قُلُوبٍ أَقۡفَالُهَآ (٢٤)

25. Quả thật, những kẻ quay trở lại (với sự vô đức tin) sau khi nguồn Hướng Dẫn đã được trình bày rõ ràng cho chúng, Shaytan đã dụ dỗ chúng và cho chúng niềm hy vọng hão huyền.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱرۡتَدُّواْ عَلَىٰٓ أَدۡبَٰرِهِم مِّنۢ بَعۡدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُمُ
ٱلۡهُدَى ٱلشَّيۡطَٰنُ سَوَّلَ لَهُمۡ وَأَمۡلَىٰ لَهُمۡ ٢٥

26. Đó là vì chúng đã nói với những kẻ ghét điều mà Allah ban xuống: “Chúng tôi sẽ tuân theo các người trong một phần của sự việc.” Tuy nhiên, Allah biết rõ những điều bí mật của chúng.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَالُواْ لِلَّذِينَ كَرِهُواْ مَا نَزَّلَ ٱللَّهُ
سَنُطِيعُكُمۡ فِي بَعۡضِ ٱلۡأَمۡرِۖ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ
إِسۡرَارَهُمۡ ٢٦

27. Vậy sẽ như thế nào khi các Thiên Thần bắt hồn của chúng lúc chết bằng cách đánh vào mặt và lưng của chúng?

فَكَيۡفَ إِذَا تَوَفَّتۡهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَضۡرِبُونَ وُجُوهَهُمۡ
وَأَدۡبَٰرَهُمۡ ٢٧

28. Đó là vì chúng đi theo điều làm Allah phẫn nộ và ghét điều làm Ngài hài lòng. Vì vậy, Ngài vô hiệu các việc làm của chúng.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمُ ٱتَّبَعُواْ مَآ أَسۡخَطَ ٱللَّهَ وَكَرِهُواْ رِضۡوَٰنَهُۥ
فَأَحۡبَطَ أَعۡمَٰلَهُمۡ ٢٨

29. Hay những kẻ mang trong lòng chứng bệnh (hoài nghi) nghĩ rằng Allah sẽ không bao giờ phơi bày cảm giác căm thù của chúng ư?

أَمۡ حَسِبَ ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ أَن لَّن يُخۡرِجَ
ٱللَّهُ أَضۡغَٰنَهُمۡ ٢٩

30. Nếu muốn, TA (Allah) có thể cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thấy (bộ mặt thật) của chúng. Tuy nhiên, Ngươi có thể nhận ra chúng qua những đặc điểm của chúng. Và chắc chắn, Ngươi sẽ nhận ra chúng qua giọng nói của chúng. Quả thật, Allah biết rõ những điều các ngươi làm.

وَلَوۡ نَشَآءُ لَأَرَيۡنَٰكَهُمۡ فَلَعَرَفۡتَهُم بِسِيمَٰهُمۡۚ
وَلَتَعۡرِفَنَّهُمۡ فِي لَحۡنِ ٱلۡقَوۡلِۚ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ
أَعۡمَٰلَكُمۡ ٣٠

31. TA chắc chắn sẽ thử thách các ngươi cho đến khi TA biết rõ trong các ngươi ai thực sự là những người chiến đấu (cho con đường chính nghĩa của TA) và ai thực sự là những người kiên nhẫn; và TA sẽ thử thách tình trạng của các ngươi.

وَلَنَبۡلُوَنَّكُمۡ حَتَّىٰ نَعۡلَمَ ٱلۡمُجَٰهِدِينَ مِنكُمۡ
وَٱلصَّٰبِرِينَ وَنَبۡلُوَاْ أَخۡبَارَكُمۡ ٣١

32. Quả thật, những kẻ vô đức tin, cản trở con đường của Allah và chống đối Sứ Giả (của Ngài) sau khi nguồn hướng dẫn đã được trình bày rõ ràng cho chúng, không bao giờ gây hại Allah bất cứ điều gì; ngược lại, Ngài sẽ làm cho việc làm của chúng thành vô nghĩa.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَشَآقُّواْ
ٱلرَّسُولَ مِنۢ بَعۡدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُمُ ٱلۡهُدَىٰ لَن يَضُرُّواْ
ٱللَّهَ شَيۡـٔٗا وَسَيُحۡبِطُ أَعۡمَٰلَهُمۡ ٣٢

33. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy tuân lệnh Allah và tuân lệnh Sứ Giả (của Ngài); và các ngươi chớ làm mất giá trị việc làm của các ngươi (bởi sự vô đức tin và Riya’ – phô trương).

۞يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَ
وَلَا تُبۡطِلُوٓاْ أَعۡمَٰلَكُمۡ ٣٣

34. Quả thật, những kẻ không có đức tin và cản trở con đường của Allah rồi chết trong tình trạng là những kẻ vô đức tin thì Allah sẽ không bao giờ tha thứ cho họ.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ ثُمَّ مَاتُواْ
وَهُمۡ كُفَّارٞ فَلَن يَغۡفِرَ ٱللَّهُ لَهُمۡ ٣٤

35. Vì vậy, các ngươi (hỡi những người có đức tin) chớ nản lòng và chớ kêu gọi hòa bình trong lúc các ngươi đang nắm ưu thế; Allah luôn ở cùng với các ngươi và Ngài sẽ không bao giờ làm mất công sức của các ngươi.

فَلَا تَهِنُواْ وَتَدۡعُوٓاْ إِلَى ٱلسَّلۡمِ وَأَنتُمُ ٱلۡأَعۡلَوۡنَ وَٱللَّهُ
مَعَكُمۡ وَلَن يَتِرَكُمۡ أَعۡمَٰلَكُمۡ ٣٥

36. Quả thật, đời sống trần tục này chỉ là trò chơi và thú vui phù phiếm. Nhưng nếu các ngươi có đức tin và ngoan đạo thì Ngài sẽ ban cho các ngươi phần thưởng của các ngươi và Ngài không đòi hỏi tài sản của các ngươi.

إِنَّمَا ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا لَعِبٞ وَلَهۡوٞۚ وَإِن تُؤۡمِنُواْ وَتَتَّقُواْ
يُؤۡتِكُمۡ أُجُورَكُمۡ وَلَا يَسۡـَٔلۡكُمۡ أَمۡوَٰلَكُمۡ ٣٦

37. Nếu Ngài đòi (tài sản) của các ngươi và gây sức ép đối với các ngươi thì các ngươi sẽ keo kiệt giữ chặt nó; và Ngài sẽ phơi bày nỗi oán ghét (được giấu kín trong lòng) các ngươi.

إِن يَسۡـَٔلۡكُمُوهَا فَيُحۡفِكُمۡ تَبۡخَلُواْ وَيُخۡرِجۡ
أَضۡغَٰنَكُمۡ ٣٧

38. Này, các ngươi là những người được kêu gọi chi dùng (tài sản) cho con đường Chính Nghĩa của Allah nhưng trong các ngươi có người lại keo kiệt. Người nào keo kiệt thì quả thật y chỉ keo kiệt với chính bản thân mình bởi lẽ Allah là Đấng Giàu Có trong lúc các ngươi là những kẻ nghèo nàn. Nếu các ngươi quay lưng thì Ngài sẽ đưa một đám người khác đến thay thế các ngươi và họ sẽ không giống như các ngươi.

هَٰٓأَنتُمۡ هَٰٓؤُلَآءِ تُدۡعَوۡنَ لِتُنفِقُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ
فَمِنكُم مَّن يَبۡخَلُۖ وَمَن يَبۡخَلۡ فَإِنَّمَا يَبۡخَلُ عَن
نَّفۡسِهِۦۚ وَٱللَّهُ ٱلۡغَنِيُّ وَأَنتُمُ ٱلۡفُقَرَآءُۚ وَإِن تَتَوَلَّوۡاْ
يَسۡتَبۡدِلۡ قَوۡمًا غَيۡرَكُمۡ ثُمَّ لَا يَكُونُوٓاْ أَمۡثَٰلَكُم ٣٨

Al-Fath (Sự Thắng Lợi) الفتح

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thật vậy, TA (Allah) đã ban cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) một sự chiến thắng rõ ràng.

إِنَّا فَتَحۡنَا لَكَ فَتۡحٗا مُّبِينٗا ١

2. Để Allah tha thứ cho Ngươi những tội lỗi trước đây và những tội lỗi sau này, để Ngài hoàn tất Ân Huệ của Ngài cho Ngươi và để Ngài hướng dẫn Ngươi theo con đường ngay chính.

لِّيَغۡفِرَ لَكَ ٱللَّهُ مَا تَقَدَّمَ مِن ذَنۢبِكَ وَمَا تَأَخَّرَ وَيُتِمَّ
نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكَ وَيَهۡدِيَكَ صِرَٰطٗا مُّسۡتَقِيمٗا ٢

3. Và Allah giúp Ngươi giành chiến thắng với sự giúp đỡ hùng mạnh.

وَيَنصُرَكَ ٱللَّهُ نَصۡرًا عَزِيزًا ٣

4. Chính Ngài đã ban xuống sự an bình vào trái tim của những người có đức tin để Ngài gia tăng đức tin cùng với đức tin (hiện tại) của họ; và Allah có các quân binh ở trên trời và (các quân binh) ở dưới đất. Và Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Sáng Suốt.

هُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ ٱلسَّكِينَةَ فِي قُلُوبِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
لِيَزۡدَادُوٓاْ إِيمَٰنٗا مَّعَ إِيمَٰنِهِمۡۗ وَلِلَّهِ جُنُودُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ٤

5. Để Ngài thu nhận những người có đức tin nam và những người có đức tin nữ vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ mãi mãi ở trong đó; và Ngài sẽ xóa bỏ những điều tội lỗi của họ. Và ở nơi Allah, đó là một chiến thắng vĩ đại.

لِّيُدۡخِلَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن
تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا وَيُكَفِّرَ عَنۡهُمۡ
سَيِّـَٔاتِهِمۡۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عِندَ ٱللَّهِ فَوۡزًا عَظِيمٗا ٥

6. Và để Ngài trừng phạt những kẻ giả tạo đức tin cả nam lẫn nữ, và những kẻ thờ đa thần cả nam lẫn nữ đã nghĩ xấu về Allah. Chúng sẽ bị bao vây bởi những điều xấu (mà chúng gây ra). Allah phẫn nộ và nguyền rủa chúng; và Ngài đã chuẩn bị Hỏa Ngục dành cho chúng, một điểm đến cuối cùng thật tồi tệ.

وَيُعَذِّبَ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتِ وَٱلۡمُشۡرِكِينَ
وَٱلۡمُشۡرِكَٰتِ ٱلظَّآنِّينَ بِٱللَّهِ ظَنَّ ٱلسَّوۡءِۚ عَلَيۡهِمۡ
دَآئِرَةُ ٱلسَّوۡءِۖ وَغَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ وَلَعَنَهُمۡ وَأَعَدَّ
لَهُمۡ جَهَنَّمَۖ وَسَآءَتۡ مَصِيرٗا ٦

7. Các quân binh trong trời đất đều là của Ngài. Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

وَلِلَّهِ جُنُودُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا
حَكِيمًا ٧

8. Quả thật, TA (Allah) đã cử phái Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) làm một nhân chứng, một người mang tin mừng và một người cảnh báo.

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَٰكَ شَٰهِدٗا وَمُبَشِّرٗا وَنَذِيرٗا ٨

9. Để các ngươi tin nơi Allah, nơi Sứ Giả của Ngài và ủng hộ và tôn vinh Y, và để các ngươi tán dương Ngài sáng và chiều.

لِّتُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَتُعَزِّرُوهُ وَتُوَقِّرُوهُۚ وَتُسَبِّحُوهُ
بُكۡرَةٗ وَأَصِيلًا ٩

10. Những người cam kết trung thành với Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) thật ra là họ đang cam kết trung thành với Allah. Bàn tay của Allah trên bàn tay của họ. Vì vậy, người nào nuốt lời thì kẻ đó đã bội ước với chính mình; ngược lại, người nào thực hiện đúng như những gì đã cam kết với Allah thì Ngài sẽ ban cho y phần thưởng vĩ đại.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُبَايِعُونَكَ إِنَّمَا يُبَايِعُونَ ٱللَّهَ يَدُ ٱللَّهِ فَوۡقَ
أَيۡدِيهِمۡۚ فَمَن نَّكَثَ فَإِنَّمَا يَنكُثُ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦۖ
وَمَنۡ أَوۡفَىٰ بِمَا عَٰهَدَ عَلَيۡهُ ٱللَّهَ فَسَيُؤۡتِيهِ أَجۡرًا
عَظِيمٗا ١٠

11. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Những người Ả-rập vùng sa mạc trì trệ (trong việc đi chinh chiến cùng Ngươi) sẽ nói với Ngươi: "Chúng tôi bận trông coi tài sản và người nhà của chúng tôi. Vì vậy, xin Người hãy cầu xin (Allah) tha thứ cho chúng tôi." Lưỡi của chúng nói những điều không có trong trái tim của chúng. Ngươi hãy bảo chúng: "Vậy ai có khả năng can thiệp giùm các người với Allah nếu Ngài muốn hại các người hoặc muốn ban phúc cho các người? Không, Allah thông toàn những điều các người làm."

سَيَقُولُ لَكَ ٱلۡمُخَلَّفُونَ مِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ شَغَلَتۡنَآ
أَمۡوَٰلُنَا وَأَهۡلُونَا فَٱسۡتَغۡفِرۡ لَنَاۚ يَقُولُونَ بِأَلۡسِنَتِهِم مَّا
لَيۡسَ فِي قُلُوبِهِمۡۚ قُلۡ فَمَن يَمۡلِكُ لَكُم مِّنَ ٱللَّهِ
شَيۡـًٔا إِنۡ أَرَادَ بِكُمۡ ضَرًّا أَوۡ أَرَادَ بِكُمۡ نَفۡعَۢاۚ بَلۡ
كَانَ ٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرَۢا ١١

12. Không, các ngươi (hỡi những người không tham chiến cùng với Thiên Sứ Muhammad) nghĩ rằng Thiên Sứ (của Allah) và những người có đức tin sẽ không bao giờ trở về với gia đình của họ lần nữa. Điều đó làm cho các ngươi cảm thấy khoan khoái trong lòng và các ngươi đã có suy nghĩ xấu; quả thật các ngươi là một đám người sắp bị hủy diệt.

بَلۡ ظَنَنتُمۡ أَن لَّن يَنقَلِبَ ٱلرَّسُولُ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ إِلَىٰٓ
أَهۡلِيهِمۡ أَبَدٗا وَزُيِّنَ ذَٰلِكَ فِي قُلُوبِكُمۡ وَظَنَنتُمۡ ظَنَّ
ٱلسَّوۡءِ وَكُنتُمۡ قَوۡمَۢا بُورٗا ١٢

13. Người nào không có đức tin nơi Allah và Thiên Sứ của Ngài thì TA thực sự đã chuẩn bị Hỏa Ngục dành cho những kẻ vô đức tin.

وَمَن لَّمۡ يُؤۡمِنۢ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ فَإِنَّآ أَعۡتَدۡنَا
لِلۡكَٰفِرِينَ سَعِيرٗا ١٣

14. Quyền thống trị các tầng trời và trái đất đều thuộc về (một mình) Allah. Ngài muốn tha thứ cho ai là tùy ý Ngài và Ngài muốn trừng phạt ai cũng tùy ý Ngài. Tuy nhiên, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Khoan Dung.

وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ يَغۡفِرُ لِمَن يَشَآءُ
وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُۚ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١٤

15. Những người ở lại (không tham chiến) sẽ nói khi thấy các ngươi đi thu nhặt chiến lợi phẩm: "Hãy cho chúng tôi đi theo các người." Chúng muốn thay đổi Lời Phán của Allah. Ngươi hãy bảo chúng: "Các người đừng bao giờ theo bọn ta! Allah đã phán như thế cho các người từ trước." Nhưng chúng lại bảo: "Không, các người ganh tị với chúng tôi." Không, chúng chẳng hiểu gì ngoại trừ một chút ít.

سَيَقُولُ ٱلۡمُخَلَّفُونَ إِذَا ٱنطَلَقۡتُمۡ إِلَىٰ مَغَانِمَ
لِتَأۡخُذُوهَا ذَرُونَا نَتَّبِعۡكُمۡۖ يُرِيدُونَ أَن يُبَدِّلُواْ
كَلَٰمَ ٱللَّهِۚ قُل لَّن تَتَّبِعُونَا كَذَٰلِكُمۡ قَالَ ٱللَّهُ مِن
قَبۡلُۖ فَسَيَقُولُونَ بَلۡ تَحۡسُدُونَنَاۚ بَلۡ كَانُواْ لَا يَفۡقَهُونَ
إِلَّا قَلِيلٗا ١٥

16. Ngươi hãy nói với những người Ả-rập vùng sa mạc không tham chiến: “Các người sẽ được gọi đi (đối mặt với) một đám người có sức mạnh (về khả năng chinh chiến), các người sẽ chiến đấu với họ hoặc họ sẽ quy thuận. Vì vậy, nếu các người tuân theo thì Allah sẽ ban cho các người một phần thưởng tốt; còn nếu các người quay lưng (với mệnh lệnh) giống như các người đã từng quay lưng trước đây thì Ngài sẽ trừng phạt các người bằng một sự trừng phạt đau đớn.”

قُل لِّلۡمُخَلَّفِينَ مِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ سَتُدۡعَوۡنَ إِلَىٰ قَوۡمٍ
أُوْلِي بَأۡسٖ شَدِيدٖ تُقَٰتِلُونَهُمۡ أَوۡ يُسۡلِمُونَۖ فَإِن
تُطِيعُواْ يُؤۡتِكُمُ ٱللَّهُ أَجۡرًا حَسَنٗاۖ وَإِن تَتَوَلَّوۡاْ كَمَا
تَوَلَّيۡتُم مِّن قَبۡلُ يُعَذِّبۡكُمۡ عَذَابًا أَلِيمٗا ١٦

17. Người mù, người què, và người bệnh không có tội (nếu không tham gia chinh chiến). Người nào tuân lệnh Allah và Sứ Giả của Ngài thì sẽ được thu nhận vào Các Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, còn người nào quay lưng thì Ngài sẽ trừng phạt kẻ đó bằng một sự trừng phạt đau đớn.

لَّيۡسَ عَلَى ٱلۡأَعۡمَىٰ حَرَجٞ وَلَا عَلَى ٱلۡأَعۡرَجِ حَرَجٞ
وَلَا عَلَى ٱلۡمَرِيضِ حَرَجٞۗ وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ
يُدۡخِلۡهُ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ وَمَن يَتَوَلَّ
يُعَذِّبۡهُ عَذَابًا أَلِيمٗا ١٧

18. Quả thật, Allah đã hài lòng với những người có đức tin khi họ cam kết trung thành với Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) dưới gốc cây (tại Hudaibiyah). Ngài biết rõ những gì trong trái tim của họ nên Ngài đã ban xuống sự an bình cho họ và thưởng cho họ một cuộc chiến thắng gần kề.

۞لَّقَدۡ رَضِيَ ٱللَّهُ عَنِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ إِذۡ يُبَايِعُونَكَ تَحۡتَ
ٱلشَّجَرَةِ فَعَلِمَ مَا فِي قُلُوبِهِمۡ فَأَنزَلَ ٱلسَّكِينَةَ
عَلَيۡهِمۡ وَأَثَٰبَهُمۡ فَتۡحٗا قَرِيبٗا ١٨

19. Họ sẽ thu được nhiều chiến lợi phẩm. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng Suốt.

وَمَغَانِمَ كَثِيرَةٗ يَأۡخُذُونَهَاۗ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا
حَكِيمٗا ١٩

20. Allah đã hứa với các ngươi (hỡi những người có đức tin) nhiều chiến lợi phẩm mà các ngươi sẽ thu được (trong tương lai), cho nên, Ngài đã nhanh chóng cho điều này mau đến với các ngươi; Ngài đã giữ tay của địch xa khỏi các ngươi, Ngài muốn sự việc đó trở thành một dấu hiệu cho những người có đức tin, và Ngài muốn hướng dẫn các ngươi con đường ngay thẳng (Chính đạo).

وَعَدَكُمُ ٱللَّهُ مَغَانِمَ كَثِيرَةٗ تَأۡخُذُونَهَا فَعَجَّلَ
لَكُمۡ هَٰذِهِۦ وَكَفَّ أَيۡدِيَ ٱلنَّاسِ عَنكُمۡ وَلِتَكُونَ
ءَايَةٗ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ وَيَهۡدِيَكُمۡ صِرَٰطٗا مُّسۡتَقِيمٗا ٢٠

21. Và (Ngài hứa) những (chiến thắng) khác mà các ngươi chưa đạt được nhưng Allah đã tóm thâu chúng bởi vì Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ.

وَأُخۡرَىٰ لَمۡ تَقۡدِرُواْ عَلَيۡهَا قَدۡ أَحَاطَ ٱللَّهُ بِهَاۚ وَكَانَ
ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٗا ٢١

22. Nếu những kẻ vô đức tin giao chiến với các ngươi thì chắc chắn chúng sẽ quay tháo lui rồi chúng sẽ không tìm được một vị bảo hộ và một đấng cứu tinh nào.

وَلَوۡ قَٰتَلَكُمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوَلَّوُاْ ٱلۡأَدۡبَٰرَ ثُمَّ لَا
يَجِدُونَ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرٗا ٢٢

23. (Việc Allah để những người có đức tin chiến thắng những kẻ vô đức tin là) đường lối của Allah đã xảy ra trước đây. và Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ không bao giờ thấy bất kỳ thay đổi nào trong đường lối của Allah.

سُنَّةَ ٱللَّهِ ٱلَّتِي قَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلُۖ وَلَن تَجِدَ لِسُنَّةِ
ٱللَّهِ تَبۡدِيلٗا ٢٣

24. Ngài là Đấng đã giữ tay của chúng khỏi các ngươi và giữ tay của các ngươi khỏi chúng tại thung lũng Makkah sau khi Ngài đã làm cho các ngươi chiến thắng chúng. Quả thật, Allah thấy rõ những điều các ngươi làm.

وَهُوَ ٱلَّذِي كَفَّ أَيۡدِيَهُمۡ عَنكُمۡ وَأَيۡدِيَكُمۡ عَنۡهُم بِبَطۡنِ مَكَّةَ مِنۢ بَعۡدِ أَنۡ أَظۡفَرَكُمۡ عَلَيۡهِمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرًا ٢٤

25. Chúng là những kẻ vô đức tin và ngăn các ngươi vào Masjid Al-Haram cũng như ngăn những con vật tế đến chỗ tế. Nếu không vì những người có đức tin nam cũng như những người có đức tin nữ mà các ngươi không nhận ra họ (do họ sống trà trộn với chúng) và rằng các ngươi có thể giết lầm họ để rồi các ngươi có thể vô tình phạm tội đối với họ (thì Allah đã cho phép các ngươi tấn công vào Makkah; nhưng Ngài đã giữ tay của các ngươi lại) để Allah có thể khoan dung người nào Ngài muốn. Nếu họ sống tách biệt (với chúng) thì TA chắc chắn sẽ trừng phạt những kẻ vô đức tin trong họ bằng một sự trừng phạt đau đớn.

هُمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّوكُمۡ عَنِ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ وَٱلۡهَدۡيَ مَعۡكُوفًا أَن يَبۡلُغَ مَحِلَّهُۥۚ وَلَوۡلَا رِجَالٞ مُّؤۡمِنُونَ وَنِسَآءٞ مُّؤۡمِنَٰتٞ لَّمۡ تَعۡلَمُوهُمۡ أَن تَطَـُٔوهُمۡ فَتُصِيبَكُم مِّنۡهُم مَّعَرَّةُۢ بِغَيۡرِ عِلۡمٖۖ لِّيُدۡخِلَ ٱللَّهُ فِي رَحۡمَتِهِۦ مَن يَشَآءُۚ لَوۡ تَزَيَّلُواْ لَعَذَّبۡنَا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡهُمۡ عَذَابًا أَلِيمًا ٢٥

26. Khi những kẻ vô đức tin đặt vào trái tim họ niềm tự hào và sự kiêu ngạo của thời ngu muội thì Allah lại ban sự trầm tĩnh của Ngài xuống cho Sứ Giả của Ngài và cho những người có đức tin và ràng buộc họ với lời (tuyên bố) ngoan đạo và sợ Allah và họ xứng đáng với nó. Quả thật, Allah biết tất cả mọi thứ.

إِذۡ جَعَلَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فِي قُلُوبِهِمُ ٱلۡحَمِيَّةَ حَمِيَّةَ ٱلۡجَٰهِلِيَّةِ فَأَنزَلَ ٱللَّهُ سَكِينَتَهُۥ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ وَعَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَأَلۡزَمَهُمۡ كَلِمَةَ ٱلتَّقۡوَىٰ وَكَانُوٓاْ أَحَقَّ بِهَا وَأَهۡلَهَاۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٗا ٢٦

27. Thật vậy, Allah đã xác nhận sự thật về giấc mơ của Sứ Giả của Ngài: chắc chắn các ngươi sẽ vào Masjid Al-Haram một cách an toàn, đầu cạo trọc và tóc cắt ngắn, không sợ hãi, nếu Allah muốn. Bởi vì Ngài biết điều các ngươi không biết. Và ngoài cái đó, Ngài đã sắp xếp cho một chiến thắng gần kề.

لَّقَدۡ صَدَقَ ٱللَّهُ رَسُولَهُ ٱلرُّءۡيَا بِٱلۡحَقِّۖ لَتَدۡخُلُنَّ ٱلۡمَسۡجِدَ ٱلۡحَرَامَ إِن شَآءَ ٱللَّهُ ءَامِنِينَ مُحَلِّقِينَ رُءُوسَكُمۡ وَمُقَصِّرِينَ لَا تَخَافُونَۖ فَعَلِمَ مَا لَمۡ تَعۡلَمُواْ فَجَعَلَ مِن دُونِ ذَٰلِكَ فَتۡحٗا قَرِيبًا ٢٧

28. Ngài là Đấng đã phái Sứ Giả của Ngài (Thiên Sứ Muhammad) mang nguồn chỉ đạo và tôn giáo chân lý đến để Ngài làm cho nó vượt trội tất cả mọi tôn giáo; và một mình Allah đã đủ làm chứng (cho điều này).

هُوَ ٱلَّذِيٓ أَرۡسَلَ رَسُولَهُۥ بِٱلۡهُدَىٰ وَدِينِ ٱلۡحَقِّ لِيُظۡهِرَهُۥ عَلَى ٱلدِّينِ كُلِّهِۦۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدٗا ٢٨

29. Muhammad là Sứ Giả của Allah. Những người theo Y thì nghiêm khắc với những kẻ vô đức tin nhưng lại thương xót lẫn nhau. Ngươi sẽ thấy họ cúi mình, quỳ lạy để tìm kiếm hồng phúc từ Allah và sự hài lòng của Ngài. Dấu ấn của họ là tì vết trên gương mặt từ việc quỳ lạy. Đó là hình ảnh của họ (được mô tả) trong Kinh Tawrah và cả trong Kinh Injil. (Hình ảnh của họ) giống như một hạt giống đâm ra chồi, phát triển mạnh mẽ và vươn thẳng trên thân cây, làm hài lòng người gieo giống. Kết quả là nó làm cho những kẻ vô đức tin đâm ra oán ghét họ. Và Allah hứa với những người có đức tin và hành thiện trong số họ sự tha thứ và một phần thưởng vĩ đại.

مُّحَمَّدٞ رَّسُولُ ٱللَّهِۚ وَٱلَّذِينَ مَعَهُۥٓ أَشِدَّآءُ عَلَى ٱلۡكُفَّارِ
رُحَمَآءُ بَيۡنَهُمۡۖ تَرَىٰهُمۡ رُكَّعٗا سُجَّدٗا يَبۡتَغُونَ فَضۡلٗا مِّنَ
ٱللَّهِ وَرِضۡوَٰنٗاۖ سِيمَاهُمۡ فِي وُجُوهِهِم مِّنۡ أَثَرِ ٱلسُّجُودِۚ
ذَٰلِكَ مَثَلُهُمۡ فِي ٱلتَّوۡرَىٰةِۚ وَمَثَلُهُمۡ فِي ٱلۡإِنجِيلِ كَزَرۡعٍ
أَخۡرَجَ شَطۡـَٔهُۥ فَـَٔازَرَهُۥ فَٱسۡتَغۡلَظَ فَٱسۡتَوَىٰ عَلَىٰ
سُوقِهِۦ يُعۡجِبُ ٱلزُّرَّاعَ لِيَغِيظَ بِهِمُ ٱلۡكُفَّارَۗ وَعَدَ
ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِنۡهُم مَّغۡفِرَةٗ
وَأَجۡرًا عَظِيمَۢا ٢٩

Al-Hujurat (Nội Phòng) الحجرات

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi chớ qua mặt Allah và Sứ Giả của Ngài. Các ngươi hãy kính sợ Allah. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُقَدِّمُواْ بَيۡنَ يَدَيِ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ١

2. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi đừng cao giọng của các ngươi hơn giọng nói của Nabi (Muhammad) và cũng đừng lớn tiếng với Y trong lời nói giống như các ngươi thường nói lớn tiếng với nhau, kẻo việc làm của các ngươi sẽ trở nên vô nghĩa trong khi các ngươi không nhận ra.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَرۡفَعُوٓاْ أَصۡوَٰتَكُمۡ فَوۡقَ صَوۡتِ ٱلنَّبِيِّ وَلَا تَجۡهَرُواْ لَهُۥ بِٱلۡقَوۡلِ كَجَهۡرِ بَعۡضِكُمۡ لِبَعۡضٍ أَن تَحۡبَطَ أَعۡمَٰلُكُمۡ وَأَنتُمۡ لَا تَشۡعُرُونَ ٢

3. Thật vậy, những người hạ giọng của mình trước Sứ Giả của Allah chính là những người mà trái tim của họ đã được Allah rèn luyện cho ngay chính. Họ sẽ được tha thứ và sẽ được một phần thưởng vĩ đại.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَغُضُّونَ أَصۡوَٰتَهُمۡ عِندَ رَسُولِ ٱللَّهِ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱمۡتَحَنَ ٱللَّهُ قُلُوبَهُمۡ لِلتَّقۡوَىٰۚ لَهُم مَّغۡفِرَةٞ وَأَجۡرٌ عَظِيمٌ ٣

4. Quả thật, những người (lớn tiếng) gọi Ngươi (hỡi Thiên Sứ) từ bên ngoài nội phòng thì phần đông là những kẻ thiếu suy nghĩ.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُنَادُونَكَ مِن وَرَآءِ ٱلۡحُجُرَٰتِ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡقِلُونَ ٤

5. Nếu họ (chịu khó) kiên nhẫn (chờ đợi một chút) cho đến khi Ngươi bước ra ngoài để tiếp họ thì điều đó tốt hơn cho họ. Tuy nhiên, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

وَلَوۡ أَنَّهُمۡ صَبَرُواْ حَتَّىٰ تَخۡرُجَ إِلَيۡهِمۡ لَكَانَ خَيۡرٗا لَّهُمۡۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥

6. Hỡi những người có đức tin! Nếu có một kẻ gây rối mang đến một tin nào đó cho các ngươi thì các ngươi hãy kiểm tra thật kỹ càng (sự thật về nguồn tin), kẻo các ngươi có thể làm hại một nhóm người vì sự thiếu hiểu biết để rồi sau đó các ngươi trở nên hối hận về điều các ngươi đã làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِن جَآءَكُمۡ فَاسِقُۢ بِنَبَإٖ فَتَبَيَّنُوٓاْ أَن تُصِيبُواْ قَوۡمَۢا بِجَهَٰلَةٖ فَتُصۡبِحُواْ عَلَىٰ مَا فَعَلۡتُمۡ نَٰدِمِينَ ٦

7. Các ngươi (hỡi những người có đức tin) hãy biết rằng Sứ Giả của Allah đang sống cùng với các ngươi. Nếu Y làm theo (ý kiến của) các ngươi về nhiều vấn đề thì chắc chắn các ngươi sẽ gặp khó khăn. Tuy nhiên, Allah làm cho các ngươi thấm nhuần đức tin và làm cho nó trở nên đẹp đẽ trong trái tim của các ngươi, đồng thời Ngài làm cho việc vô đức tin, gây rối và bất tuân trở nên đáng ghét đối với các ngươi. Đó là những người được hướng dẫn đúng đường.

وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ فِيكُمۡ رَسُولَ ٱللَّهِۚ لَوۡ يُطِيعُكُمۡ فِي كَثِيرٖ مِّنَ ٱلۡأَمۡرِ لَعَنِتُّمۡ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ حَبَّبَ إِلَيۡكُمُ ٱلۡإِيمَٰنَ وَزَيَّنَهُۥ فِي قُلُوبِكُمۡ وَكَرَّهَ إِلَيۡكُمُ ٱلۡكُفۡرَ وَٱلۡفُسُوقَ وَٱلۡعِصۡيَانَۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلرَّٰشِدُونَ ٧

8. (Việc trái tim của các ngươi yêu thích điều tốt và ghét điều xấu là) hồng phúc và thiên ân từ nơi Allah. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Chí Minh.

فَضۡلٗا مِّنَ ٱللَّهِ وَنِعۡمَةٗۚ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ٨

9. Nếu trong số những người có đức tin có hai nhóm giao chiến với nhau thì các ngươi hãy giải hòa giữa đôi bên. Nhưng nếu nhóm này đàn áp nhóm kia thì các ngươi hãy chiến đấu chống lại nhóm đàn áp cho đến khi họ chịu quay về với Mệnh Lệnh của Allah. Và nếu họ đã chịu quay về thì các ngươi hãy giải hòa giữa đôi bên một cách công bằng và vô tư. Quả thật, Allah yêu thương những người hành động công bằng, vô tư.

وَإِن طَآئِفَتَانِ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٱقۡتَتَلُواْ فَأَصۡلِحُواْ
بَيۡنَهُمَاۖ فَإِنۢ بَغَتۡ إِحۡدَىٰهُمَا عَلَى ٱلۡأُخۡرَىٰ فَقَٰتِلُواْ
ٱلَّتِي تَبۡغِي حَتَّىٰ تَفِيٓءَ إِلَىٰٓ أَمۡرِ ٱللَّهِۚ فَإِن فَآءَتۡ
فَأَصۡلِحُواْ بَيۡنَهُمَا بِٱلۡعَدۡلِ وَأَقۡسِطُوٓاْۖ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ
ٱلۡمُقۡسِطِينَ ٩

10. Quả thật chỉ những người có đức tin mới là anh em của nhau. Vì vậy, các ngươi hãy giải hòa giữa hai người anh em của mình. Các ngươi hãy sợ Allah mong rằng các ngươi được thương xót.

إِنَّمَا ٱلۡمُؤۡمِنُونَ إِخۡوَةٞ فَأَصۡلِحُواْ بَيۡنَ أَخَوَيۡكُمۡۚ
وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ١٠

11. Hỡi những người có đức tin! Nhóm người này chớ nên cười nhạo nhóm người kia bởi biết đâu nhóm người kia tốt hơn nhóm người này. Và nhóm phụ nữ này chớ nên cười nhạo nhóm phụ nữ kia bởi biết đâu nhóm phụ nữ kia tốt hơn nhóm phụ nữ này. Các ngươi đừng xúc phạm nhau và đừng gọi nhau bằng những biệt danh (mục đích nhạo báng và chế giễu). (Quả thật,) việc bêu tên xấu của một người sau khi y đã có đức tin là một hành động bất tuân (Allah). Và ai không sám hối thì đó là những kẻ làm điều sai quấy.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا يَسۡخَرۡ قَوۡمٞ مِّن قَوۡمٍ عَسَىٰٓ
أَن يَكُونُواْ خَيۡرٗا مِّنۡهُمۡ وَلَا نِسَآءٞ مِّن نِّسَآءٍ عَسَىٰٓ
أَن يَكُنَّ خَيۡرٗا مِّنۡهُنَّۖ وَلَا تَلۡمِزُوٓاْ أَنفُسَكُمۡ وَلَا
تَنَابَزُواْ بِٱلۡأَلۡقَٰبِۖ بِئۡسَ ٱلِٱسۡمُ ٱلۡفُسُوقُ بَعۡدَ
ٱلۡإِيمَٰنِۚ وَمَن لَّمۡ يَتُبۡ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ١١

12. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy tránh nhiều giả định (tiêu cực). Thật vậy, một số giả định là tội lỗi. Các ngươi đừng dọ thám cũng như đừng nói xấu lẫn nhau. Lẽ nào ai đó trong các ngươi thích ăn thịt của người anh em của mình đã chết? Vì vậy, các ngươi hãy ghét việc làm đó. Các ngươi hãy sợ Allah. Quả thật, Allah là Đấng chấp nhận sự ăn năn sám hối, Đấng Nhân Từ.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱجۡتَنِبُواْ كَثِيرٗا مِّنَ ٱلظَّنِّ إِنَّ
بَعۡضَ ٱلظَّنِّ إِثۡمٞۖ وَلَا تَجَسَّسُواْ وَلَا يَغۡتَب
بَّعۡضُكُم بَعۡضًاۚ أَيُحِبُّ أَحَدُكُمۡ أَن يَأۡكُلَ لَحۡمَ
أَخِيهِ مَيۡتٗا فَكَرِهۡتُمُوهُۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ تَوَّابٞ
رَّحِيمٞ ١٢

13. Hỡi nhân loại! TA (Allah) đã tạo hóa các ngươi từ một người nam và một người nữ và làm cho các ngươi thành các quốc gia và những bộ lạc để các ngươi nhận biết lẫn nhau. Quả thật, người vinh dự và cao quý nhất ở nơi Allah là người có Taqwa (sự ngay chính, ngoan đạo và sợ Allah) nhất trong các ngươi. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Đấng Thông Toàn.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّا خَلَقۡنَٰكُم مِّن ذَكَرٖ وَأُنثَىٰ
وَجَعَلۡنَٰكُمۡ شُعُوبٗا وَقَبَآئِلَ لِتَعَارَفُوٓاْۚ إِنَّ
أَكۡرَمَكُمۡ عِندَ ٱللَّهِ أَتۡقَىٰكُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌ
خَبِيرٞ ١٣

14. Những người Ả-rập vùng sa mạc nói: “Chúng tôi đã có đức tin.” Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với họ: “Các người chưa có đức tin, các người hãy nói là chúng tôi đã quy thuận Islam bởi đức tin chưa thấm vào trái tim của các người. Tuy nhiên, nếu các người vâng lệnh Allah và Sứ Giả của Ngài thì Ngài sẽ không giảm bớt bất cứ điều gì (từ ân phước của) việc làm của các người. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.”

۞قَالَتِ ٱلۡأَعۡرَابُ ءَامَنَّاۖ قُل لَّمۡ تُؤۡمِنُواْ وَلَٰكِن
قُولُوٓاْ أَسۡلَمۡنَا وَلَمَّا يَدۡخُلِ ٱلۡإِيمَٰنُ فِي قُلُوبِكُمۡۖ وَإِن
تُطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ لَا يَلِتۡكُم مِّنۡ أَعۡمَٰلِكُمۡ
شَيۡـًٔاۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ١٤

15. Những người có đức tin đích thực chính là những người tin nơi Allah và Sứ Giả của Ngài rồi không hoài nghi bất cứ điều gì; họ chiến đấu cho con đường chính nghĩa của Allah bằng tài sản lẫn sinh mạng của họ. Họ là những người chân thật.

إِنَّمَا ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ ثُمَّ لَمۡ
يَرۡتَابُواْ وَجَٰهَدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۚ
أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلصَّٰدِقُونَ ١٥

16. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những người Ả-rập vùng sa mạc): “Chẳng lẽ các người muốn dạy Allah về tôn giáo của các người trong lúc Allah biết rõ mọi vật trong các tầng trời và mọi vật trên trái đất ư? Quả thật, Allah biết tất cả mọi thứ!”

قُلۡ أَتُعَلِّمُونَ ٱللَّهَ بِدِينِكُمۡ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا فِي
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ١٦

17. (Những người Ả-rập vùng sa mạc này) coi việc họ theo Islam là một ân huệ dành cho Ngươi (Hỡi Thiên Sứ Muhammad). Ngươi hãy nói với họ: “Các người đừng coi Islam của các người là một ân huệ dành cho Ta, mà chính Allah đã ban ân cho các người trong việc Ngài đã hướng dẫn các người đến với đức tin, nếu các người chân thật (trong việc đi theo Islam).”

يَمُنُّونَ عَلَيۡكَ أَنۡ أَسۡلَمُواْۖ قُل لَّا تَمُنُّواْ عَلَيَّ
إِسۡلَٰمَكُمۖ بَلِ ٱللَّهُ يَمُنُّ عَلَيۡكُمۡ أَنۡ هَدَىٰكُمۡ
لِلۡإِيمَٰنِ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ١٧

18. Quả thật, Allah biết điều vô hình của các tầng trời và trái đất. Và Allah nhìn thấy tất cả những gì các ngươi làm.

إِنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ غَيۡبَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ
بِمَا تَعۡمَلُونَ ١٨

Qaf ق

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Qaf. Thề bởi Qur’an Quang Vinh.

قٓۚ وَٱلۡقُرۡءَانِ ٱلۡمَجِيدِ ١

2. Không, họ kinh ngạc về việc có một người cảnh báo xuất thân từ họ đến gặp họ. Vì vậy, những kẻ vô đức tin nói: “Đây là một điều gì đó thực sự kỳ lạ!”

بَلۡ عَجِبُوٓاْ أَن جَآءَهُم مُّنذِرٞ مِّنۡهُمۡ فَقَالَ ٱلۡكَٰفِرُونَ
هَٰذَا شَيۡءٌ عَجِيبٌ ٢

3. “Khi chúng ta chết đi và đã thành cát bụi, (có thật là chúng ta sẽ được dựng sống trở lại)?! Đó quả là một sự trở lại xa vời.”

أَءِذَا مِتۡنَا وَكُنَّا تُرَابٗاۖ ذَٰلِكَ رَجۡعُۢ بَعِيدٞ ٣

4. Quả thật, TA (Allah) thừa biết việc đất đai tiêu hủy (thân xác) họ (sau khi họ chết đi); nhưng ở nơi TA có một quyển sổ bộ lưu trữ.

قَدۡ عَلِمۡنَا مَا تَنقُصُ ٱلۡأَرۡضُ مِنۡهُمۡۖ وَعِندَنَا كِتَٰبٌ
حَفِيظُۢ ٤

5. Không, họ đã phủ nhận Chân Lý khi Nó đến với họ, vì vậy họ đang ở trong tình trạng bối rối (không biết thật hay giả).

بَلۡ كَذَّبُواْ بِٱلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَهُمۡ فَهُمۡ فِيٓ أَمۡرٖ مَّرِيجٍ ٥

6. Sao họ không nhìn lên bầu trời phía trên họ xem TA đã dựng và trang hoàng nó như thế nào và (làm thế nào) nó không có rạn nứt?

أَفَلَمۡ يَنظُرُوٓاْ إِلَى ٱلسَّمَآءِ فَوۡقَهُمۡ كَيۡفَ بَنَيۡنَٰهَا
وَزَيَّنَّٰهَا وَمَا لَهَا مِن فُرُوجٖ ٦

7. Và trái đất, TA đã trải rộng nó ra và ném lên nó những quả núi vững chắc và TA đã cho mọc trên nó đủ loại cây cối và thảo mộc.

وَٱلۡأَرۡضَ مَدَدۡنَٰهَا وَأَلۡقَيۡنَا فِيهَا رَوَٰسِيَ وَأَنۢبَتۡنَا فِيهَا
مِن كُلِّ زَوۡجِۭ بَهِيجٖ ٧

8. (TA đã tạo ra tất cả những thứ đó để đưa ra) cái nhìn sâu sắc và một sự nhắc nhở cho mỗi người bề tôi quay về (với TA).

تَبۡصِرَةٗ وَذِكۡرَىٰ لِكُلِّ عَبۡدٖ مُّنِيبٖ ٨

9. Và TA đã ban từ trên trời xuống nguồn nước (mưa) mà TA dùng làm mọc ra những khu vườn và (các loại) hạt vào mùa thu hoạch.

وَنَزَّلۡنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ مُّبَٰرَكٗا فَأَنۢبَتۡنَا بِهِۦ جَنَّٰتٖ
وَحَبَّ ٱلۡحَصِيدِ ٩

10. (TA làm mọc ra những) cây chà là cao lớn có trái từng chùm chồng lên nhau.

وَٱلنَّخۡلَ بَاسِقَٰتٖ لَّهَا طَلۡعٞ نَّضِيدٞ ١٠

11. (Làm) nguồn lương thực cho bầy tôi (của TA). Và TA dùng nó (nước mưa) làm sống lại một vùng đất đã chết. Và việc phục sinh cũng tương tự như thế.

رِّزۡقٗا لِّلۡعِبَادِۖ وَأَحۡيَيۡنَا بِهِۦ بَلۡدَةٗ مَّيۡتٗاۚ كَذَٰلِكَ
ٱلۡخُرُوجُ ١١

12. Trước họ, người dân của Nuh, người dân Rass, và người dân Thamud đã phủ nhận.

كَذَّبَتۡ قَبۡلَهُمۡ قَوۡمُ نُوحٖ وَأَصۡحَٰبُ ٱلرَّسِّ
وَثَمُودُ ١٢

13. Và người dân ‘Ad, Pha-ra-ông, và anh em của Lut (cũng đã phủ nhận).

وَعَادٞ وَفِرۡعَوۡنُ وَإِخۡوَٰنُ لُوطٖ ١٣

14. Người dân của (khu rừng) Aykah và người dân của Tubba’ (cũng vậy), tất cả đều phủ nhận các Sứ Giả (của TA). Vì vậy, lời đe dọa (trừng phạt) của TA đã được thể hiện.

وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡأَيۡكَةِ وَقَوۡمُ تُبَّعٖۚ كُلّٞ كَذَّبَ ٱلرُّسُلَ
فَحَقَّ وَعِيدِ ١٤

15. Chẳng lẽ (họ nghĩ) TA đã mỏi mệt với việc tạo hóa đầu tiên (nên sẽ gặp khó khăn cho sự phục sinh ư)? Không, họ đang hoài nghi về sự tạo hóa mới.

أَفَعَيِينَا بِٱلۡخَلۡقِ ٱلۡأَوَّلِۚ بَلۡ هُمۡ فِي لَبۡسٖ مِّنۡ خَلۡقٖ
جَدِيدٖ ١٥

16. Quả thật, TA đã tạo hóa con người và TA biết rõ những gì bản thân y thì thầm bởi vì TA ở gần y hơn cả tĩnh mạch cổ của y.

وَلَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ وَنَعۡلَمُ مَا تُوَسۡوِسُ بِهِۦ
نَفۡسُهُۥۖ وَنَحۡنُ أَقۡرَبُ إِلَيۡهِ مِنۡ حَبۡلِ ٱلۡوَرِيدِ ١٦

17. Khi hai (Thiên Thần Ghi Chép) ghi lại (các hành động), một (Thiên Thần) ngồi bên phải và một (Thiên Thần) ngồi bên trái.

إِذۡ يَتَلَقَّى ٱلۡمُتَلَقِّيَانِ عَنِ ٱلۡيَمِينِ وَعَنِ ٱلشِّمَالِ
قَعِيدٞ ١٧

18. Bất cứ lời nào (con người) thốt ra cũng đều có (một Thiên Thần) quan sát theo dõi sẵn sàng (ghi lại).

مَّا يَلۡفِظُ مِن قَوۡلٍ إِلَّا لَدَيۡهِ رَقِيبٌ عَتِيدٞ ١٨

19. Sự đau đớn của cái chết xảy đến (với mỗi con người) là sự thật. Đó là cái mà ngươi (hỡi con người) cố chạy trốn khỏi nó.

وَجَآءَتۡ سَكۡرَةُ ٱلۡمَوۡتِ بِٱلۡحَقِّۖ ذَٰلِكَ مَا كُنتَ مِنۡهُ
تَحِيدُ ١٩

20. Và Cái Sừng (Còi) sẽ được thổi. Đó là Ngày được hứa (về sự trừng phạt).

وَنُفِخَ فِي ٱلصُّورِۚ ذَٰلِكَ يَوۡمُ ٱلۡوَعِيدِ ٢٠

21. Mỗi linh hồn đều sẽ đến (trình diện Allah), cùng theo với y là một (Thiên Thần) dẫn đường và một (Thiên Thần) làm chứng.

وَجَآءَتۡ كُلُّ نَفۡسٖ مَّعَهَا سَآئِقٞ وَشَهِيدٞ ٢١

22. (Allah phán bảo y): “Quả thật, ngươi đã lơ là về (Ngày) này. Giờ đây TA vén tấm màn khỏi ngươi nên ngày hôm nay mắt của ngươi nhìn thấy rõ nét.

لَّقَدۡ كُنتَ فِي غَفۡلَةٖ مِّنۡ هَٰذَا فَكَشَفۡنَا عَنكَ
غِطَآءَكَ فَبَصَرُكَ ٱلۡيَوۡمَ حَدِيدٞ ٢٢

23. (Thiên Thần) đồng hành của y thưa: “Đây là phần ghi chép (hành động) của y ở nơi bề tôi!”

وَقَالَ قَرِينُهُۥ هَٰذَا مَا لَدَيَّ عَتِيدٌ ٢٣

24. (Allah phán với hai Thiên Thần dẫn đường và làm chứng): “Hai ngươi hãy ném từng tên vô đức tin ương ngạnh vào Hỏa Ngục!”

أَلۡقِيَا فِي جَهَنَّمَ كُلَّ كَفَّارٍ عَنِيدٖ ٢٤

25. “(Tên này là) kẻ ngăn cản điều tốt, vượt mức giới hạn và hoài nghi.”

مَّنَّاعٖ لِّلۡخَيۡرِ مُعۡتَدٖ مُّرِيبٍ ٢٥

26. “Hắn là kẻ đã dựng lên cùng với Allah thần linh khác, hai ngươi hãy ném hắn vào chỗ trừng phạt khắc nghiệt nhất.”

ٱلَّذِي جَعَلَ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ فَأَلۡقِيَاهُ فِي ٱلۡعَذَابِ
ٱلشَّدِيدِ ٢٦

27. Người bạn (Shaytan) của y sẽ thưa: “Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Bề tôi đã không làm cho y phạm giới mà chính y tự mình lầm lạc mà thôi.”

۞قَالَ قَرِينُهُۥ رَبَّنَا مَآ أَطۡغَيۡتُهُۥ وَلَٰكِن كَانَ فِي
ضَلَٰلِۭ بَعِيدٖ ٢٧

28. (Allah) phán: “Các ngươi chớ tranh cãi trước mặt TA. Quả thật, TA đã gởi cho các ngươi Lời Cảnh Báo.”

قَالَ لَا تَخۡتَصِمُواْ لَدَيَّ وَقَدۡ قَدَّمۡتُ إِلَيۡكُم
بِٱلۡوَعِيدِ ٢٨

29. “Lời phán của TA sẽ không thay đổi; và TA không hề đối xử bất công với bất kỳ người bề tôi nào.”

مَا يُبَدَّلُ ٱلۡقَوۡلُ لَدَيَّ وَمَآ أَنَا۠ بِظَلَّٰمٖ لِّلۡعَبِيدِ ٢٩

30. Vào Ngày mà TA sẽ phán bảo Hỏa Ngục “Ngươi đã đầy chưa?” và Nó sẽ thưa “(Bẩm Allah!) Còn ai nữa không?”

يَوۡمَ نَقُولُ لِجَهَنَّمَ هَلِ ٱمۡتَلَأۡتِ وَتَقُولُ هَلۡ مِن
مَّزِيدٖ ٣٠

31. Và Thiên Đàng được mang đến trước mặt những người ngoan đạo, (Nó không xa).

وَأُزۡلِفَتِ ٱلۡجَنَّةُ لِلۡمُتَّقِينَ غَيۡرَ بَعِيدٍ ٣١

32. (Họ được bảo): “Đây là thứ đã được hứa với mỗi người quay về (với Allah) và giữ gìn (giao ước của Ngài).”

هَٰذَا مَا تُوعَدُونَ لِكُلِّ أَوَّابٍ حَفِيظٖ ٣٢

33. Người nào sợ Đấng Ar-Rahman trong vô hình và đến (với Ngài) với một trái tim phục thiện,

مَّنۡ خَشِيَ ٱلرَّحۡمَٰنَ بِٱلۡغَيۡبِ وَجَآءَ بِقَلۡبٖ
مُّنِيبٍ ٣٣

34. (Họ sẽ được bảo): “Các ngươi hãy vào (Thiên Đàng) một cách an lành. Đó là ngày vĩnh cửu.”

ٱدۡخُلُوهَا بِسَلَٰمٖۖ ذَٰلِكَ يَوۡمُ ٱلۡخُلُودِ ٣٤

35. Trong Thiên Đàng, họ sẽ có những thứ mình mong muốn và có phần thêm nữa ở nơi TA.

لَهُم مَّا يَشَآءُونَ فِيهَا وَلَدَيۡنَا مَزِيدٞ ٣٥

36. Trước (những kẻ thờ đa thần Makkah này) có biết bao thế hệ vượt trội hơn chúng về sức mạnh đã bị TA hủy diệt và đã trôi giạt đi khắp nơi trên trái đất! Còn nơi nào để trốn thoát không?!

وَكَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم مِّن قَرۡنٍ هُمۡ أَشَدُّ مِنۡهُم بَطۡشٗا
فَنَقَّبُواْ فِي ٱلۡبِلَٰدِ هَلۡ مِن مَّحِيصٍ ٣٦

37. Quả thật, trong sự việc đó có một sự nhắc nhở cho những ai có trái tim hoặc lắng nghe với sự chú tâm.	إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَذِكۡرَىٰ لِمَن كَانَ لَهُۥ قَلۡبٌ أَوۡ أَلۡقَى ٱلسَّمۡعَ وَهُوَ شَهِيدٞ ٣٧
38. Thật vậy, TA (Allah) đã tạo hóa các tầng trời và trái đất cũng như vạn vật giữa chúng trong sáu Ngày và TA không hề mỏi mệt.	وَلَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ وَمَا مَسَّنَا مِن لُّغُوبٖ ٣٨
39. Bởi thế, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy kiên nhẫn với những điều họ nói và Ngươi hãy tán dương ca tụng Thượng Đế của Ngươi trước khi mặt trời mọc và lặn.	فَٱصۡبِرۡ عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ قَبۡلَ طُلُوعِ ٱلشَّمۡسِ وَقَبۡلَ ٱلۡغُرُوبِ ٣٩
40. Và Ngươi hãy tán dương Ngài vào ban đêm và sau các lễ nguyện Salah.	وَمِنَ ٱلَّيۡلِ فَسَبِّحۡهُ وَأَدۡبَٰرَ ٱلسُّجُودِ ٤٠
41. Và Ngươi hãy lắng nghe vào Ngày mà (Thiên Thần) Hô Gọi sẽ hô gọi từ một nơi rất gần.	وَٱسۡتَمِعۡ يَوۡمَ يُنَادِ ٱلۡمُنَادِ مِن مَّكَانٖ قَرِيبٖ ٤١
42. Ngày mà họ sẽ thực sự nghe một Tiếng Gầm Thét. Đó sẽ là Ngày của sự đi ra.	يَوۡمَ يَسۡمَعُونَ ٱلصَّيۡحَةَ بِٱلۡحَقِّۚ ذَٰلِكَ يَوۡمُ ٱلۡخُرُوجِ ٤٢
43. Thật vậy, TA (Allah) là Đấng làm cho sống và làm cho chết và tất cả sẽ quay trở về trình diện TA.	إِنَّا نَحۡنُ نُحۡيِۦ وَنُمِيتُ وَإِلَيۡنَا ٱلۡمَصِيرُ ٤٣
44. Ngày mà trái đất sẽ vỡ nứt, và họ nhanh chóng đi ra (đến nơi triệu tập). Đó là một cuộc triệu tập dễ dàng đối với TA.	يَوۡمَ تَشَقَّقُ ٱلۡأَرۡضُ عَنۡهُمۡ سِرَاعٗاۚ ذَٰلِكَ حَشۡرٌ عَلَيۡنَا يَسِيرٞ ٤٤
45. TA biết rõ điều chúng nói; và Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không phải là kẻ cường hào cưỡng bách chúng. Vì vậy, Ngươi hãy dùng Kinh Qur’an nhắc nhở những ai biết sợ Lời Đe dọa (của TA).	نَّحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا يَقُولُونَۖ وَمَآ أَنتَ عَلَيۡهِم بِجَبَّارٖۖ فَذَكِّرۡ بِٱلۡقُرۡءَانِ مَن يَخَافُ وَعِيدِ ٤٥

Azd-Zdariyat (Những Cơn Gió Thổi Bụi) الذاريات

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi những cơn gió thổi bụi.

وَٱلذَّٰرِيَٰتِ ذَرۡوٗا ١

2. Thề bởi những đám mây mưa.

فَٱلۡحَٰمِلَٰتِ وِقۡرٗا ٢

3. Thề bởi những con tàu lướt đi nhẹ nhàng.

فَٱلۡجَٰرِيَٰتِ يُسۡرٗا ٣

4. Thề bởi (các Thiên Thần) phân phối (bổng lộc) theo Mệnh Lệnh.

فَٱلۡمُقَسِّمَٰتِ أَمۡرًا ٤

5. Quả thật, những gì các ngươi được hứa là sự thật (không có gì phải hoài nghi).

إِنَّمَا تُوعَدُونَ لَصَادِقٞ ٥

6. Thật vậy, sự việc phán xét thưởng phạt (của Ngày Phán Xét Cuối Cùng) chắc chắn sẽ xảy ra.

وَإِنَّ ٱلدِّينَ لَوَٰقِعٞ ٦

7. Thề bởi bầu trời chứa đầy các con đường (quỹ đạo).

وَٱلسَّمَآءِ ذَاتِ ٱلۡحُبُكِ ٧

8. Quả thật, các ngươi (hỡi dân Makkah) có những lời nói khác nhau.

إِنَّكُمۡ لَفِي قَوۡلٖ مُّخۡتَلِفٖ ٨

9. Những ai quay lưng với (Qur'an) chính là những kẻ đã bị ngăn cấm (đến với sự hướng dẫn).

يُؤۡفَكُ عَنۡهُ مَنۡ أُفِكَ ٩

10. Những kẻ nói dối bị nguyền rủa.

قُتِلَ ٱلۡخَرَّٰصُونَ ١٠

11. (Chúng là) những kẻ lơ là, vô tâm.

ٱلَّذِينَ هُمۡ فِي غَمۡرَةٖ سَاهُونَ ١١

12. Chúng hỏi bao giờ Ngày Thưởng Phạt sẽ đến?

يَسۡـَٔلُونَ أَيَّانَ يَوۡمُ ٱلدِّينِ ١٢

13. (Allah trả lời chúng): "(Đó là) Ngày mà chúng sẽ bị trừng phạt trong Hỏa Ngục."

يَوۡمَ هُمۡ عَلَى ٱلنَّارِ يُفۡتَنُونَ ١٣

14. (Chúng sẽ được bảo): "Các ngươi hãy nếm sự trừng phạt của các ngươi! Đây là điều mà các ngươi đã thường hối thúc (với thái độ giễu cợt)."

ذُوقُواْ فِتۡنَتَكُمۡ هَٰذَا ٱلَّذِي كُنتُم بِهِۦ
تَسۡتَعۡجِلُونَ ١٤

15. Thật vậy, những người ngoan đạo sẽ ở trong các Ngôi Vườn Thiên Đàng có các dòng sông chảy.

إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي جَنَّٰتٖ وَعُيُونٍ ١٥

16. Họ đón nhận những gì Thượng Đế của họ ban cho (từ những phần thưởng vĩ đại). Quả thật, trước đó họ là những người làm tốt.

ءَاخِذِينَ مَآ ءَاتَىٰهُمۡ رَبُّهُمۡۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَبۡلَ ذَٰلِكَ مُحۡسِنِينَ ١٦

17. Họ là những người đã thường ít ngủ trong đêm.

كَانُواْ قَلِيلٗا مِّنَ ٱلَّيۡلِ مَا يَهۡجَعُونَ ١٧

18. Họ đã thường cầu xin tha thứ trước hừng đông.

وَبِٱلۡأَسۡحَارِ هُمۡ يَسۡتَغۡفِرُونَ ١٨

19. Và trong tài sản của họ, (họ đã luôn chừa) một phần bắt buộc dành cho người ăn xin và người túng thiếu nhưng không xin xỏ.

وَفِيٓ أَمۡوَٰلِهِمۡ حَقّٞ لِّلسَّآئِلِ وَٱلۡمَحۡرُومِ ١٩

20. Trên trái đất có những dấu hiệu (chứng minh quyền năng của Allah) cho những người có đức tin vững chắc.

وَفِي ٱلۡأَرۡضِ ءَايَٰتٞ لِّلۡمُوقِنِينَ ٢٠

21. Ngay cả nơi bản thân của các ngươi (cũng có những dấu hiệu cho thấy quyền năng của Allah). Thế các ngươi không nhìn thấy sao?

وَفِيٓ أَنفُسِكُمۡۚ أَفَلَا تُبۡصِرُونَ ٢١

22. Và trên trời có bổng lộc của các ngươi và những gì mà các ngươi được hứa.

وَفِي ٱلسَّمَآءِ رِزۡقُكُمۡ وَمَا تُوعَدُونَ ٢٢

23. Vì vậy, thề bởi Thượng Đế của trời đất, quả thật (sự Phục Sinh) là sự thật giống như thực tế của việc các ngươi nói chuyện với nhau.

فَوَرَبِّ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ إِنَّهُۥ لَحَقّٞ مِّثۡلَ مَآ أَنَّكُمۡ تَنطِقُونَ ٢٣

24. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) đã nghe về câu chuyện các vị khách vinh dự của Ibrahim chưa?

هَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ ضَيۡفِ إِبۡرَٰهِيمَ ٱلۡمُكۡرَمِينَ ٢٤

25. Khi vào gặp (Ibrahim), họ lên tiếng chào Salam. (Ibrahim) đáp lại lời chào Salam (và nói thầm trong lòng: Đây là những người lạ, mình không quen biết họ.”

إِذۡ دَخَلُواْ عَلَيۡهِ فَقَالُواْ سَلَٰمٗاۖ قَالَ سَلَٰمٞ قَوۡمٞ مُّنكَرُونَ ٢٥

26. Rồi (Ibrahim) quay vào gặp người nhà. Sau đó, (Ibrahim) mang ra một con bê (nướng) mập béo.

فَرَاغَ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِۦ فَجَآءَ بِعِجۡلٖ سَمِينٖ ٢٦

27. (Ibrahim) đặt nó trước mặt (các vị khách lạ) và nói: “Sao quí vị không ăn?”

فَقَرَّبَهُۥٓ إِلَيۡهِمۡ قَالَ أَلَا تَأۡكُلُونَ ٢٧

28. (Không thấy các vị khách ăn), Ibrahim lo sợ trong lòng. (Thấy vẻ lo sợ của Ibrahim), họ nói: “Ngươi đừng lo sợ!” Và họ báo cho Y tin mừng về một đứa con trai hiểu biết.

فَأَوۡجَسَ مِنۡهُمۡ خِيفَةٗۖ قَالُواْ لَا تَخَفۡۖ وَبَشَّرُوهُ بِغُلَٰمٍ عَلِيمٖ ٢٨

29. Nhưng vợ của (Ibrahim) bước đến vừa lấy tay đập vào trán của mình vừa nói: “Tôi là một bà lão hiếm muộn, (làm sao sinh con được)?”

فَأَقۡبَلَتِ ٱمۡرَأَتُهُۥ فِي صَرَّةٖ فَصَكَّتۡ وَجۡهَهَا وَقَالَتۡ عَجُوزٌ عَقِيمٞ ٢٩

30. Họ nói: “Thượng Đế của ngươi đã truyền đúng như thế. Quả thật, Ngài là Đấng Cao Minh, Đấng Toàn Tri.”

قَالُواْ كَذَٰلِكِ قَالَ رَبُّكِۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡحَكِيمُ ٱلۡعَلِيمُ ٣٠

31. (Ibrahim) nói: “Vậy công việc của các vị (ở đây) là gì, hỡi các Sứ Giả (của Allah)?”

۞قَالَ فَمَا خَطۡبُكُمۡ أَيُّهَا ٱلۡمُرۡسَلُونَ ٣١

32. (Các Thiên Thần) bảo: “Quả thật, chúng tôi được cử phái đến với đám dân tội lỗi.”

قَالُوٓاْ إِنَّآ أُرۡسِلۡنَآ إِلَىٰ قَوۡمٖ مُّجۡرِمِينَ ٣٢

33. “Để trút lên chúng (trận mưa) đá từ đất sét (đã được nung)”

لِنُرۡسِلَ عَلَيۡهِمۡ حِجَارَةٗ مِّن طِينٖ ٣٣

34. “Đã được Thượng Đế của Ngươi đánh dấu để trừng phạt những kẻ quá mức giới hạn.”

مُّسَوَّمَةً عِندَ رَبِّكَ لِلۡمُسۡرِفِينَ ٣٤

35. “Vì vậy, chúng tôi phải đưa ai đó có đức tin trong thị trấn an toàn ra khỏi đó.”

فَأَخۡرَجۡنَا مَن كَانَ فِيهَا مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٣٥

36. “Tuy nhiên, chúng tôi đã chẳng thấy ai ngoài một gia đình Muslim (duy nhất).”

فَمَا وَجَدۡنَا فِيهَا غَيۡرَ بَيۡتٖ مِّنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ٣٦

37. Và TA (Allah) đã để lại nơi đó một dấu hiệu cho những ai sợ sự trừng phạt đau đớn.

وَتَرَكۡنَا فِيهَآ ءَايَةٗ لِّلَّذِينَ يَخَافُونَ ٱلۡعَذَابَ ٱلۡأَلِيمَ ٣٧

38. Và ở Musa (là một dấu hiệu làm bài học cho những ai sợ sự trừng phạt đau đớn), khi TA phái Y đến gặp Pha-ra-ông với uy quyền rõ ràng.

وَفِي مُوسَىٰٓ إِذۡ أَرۡسَلۡنَٰهُ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ بِسُلۡطَٰنٖ
مُّبِينٖ ٣٨

39. Nhưng cậy vào quyền bính có được, (Pha-ra-ông) đã quay đi và nói: “(Đây chỉ là) một tên phù thủy hoặc (chỉ là) một gã tâm thần.”

فَتَوَلَّىٰ بِرُكۡنِهِۦ وَقَالَ سَٰحِرٌ أَوۡ مَجۡنُونٞ ٣٩

40. Vì vậy, TA đã túm bắt hắn và binh lính của hắn và ném chúng xuống biển; và hắn là một tên đáng trách.

فَأَخَذۡنَٰهُ وَجُنُودَهُۥ فَنَبَذۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡيَمِّ وَهُوَ مُلِيمٞ ٤٠

41. Và ở đám dân ‘Ad (là một dấu hiệu làm bài học cho những ai sợ sự trừng phạt đau đớn), khi TA gởi một trận cuồng phong đến trừng phạt chúng.

وَفِي عَادٍ إِذۡ أَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمُ ٱلرِّيحَ ٱلۡعَقِيمَ ٤١

42. (Trận cuồng phong) không chừa bất cứ thứ gì khi nó ùa đến, ngoại trừ việc để lại những đống vụn nát.

مَا تَذَرُ مِن شَيۡءٍ أَتَتۡ عَلَيۡهِ إِلَّا جَعَلَتۡهُ
كَٱلرَّمِيمِ ٤٢

43. Và ở đám dân Thamud (là một dấu hiệu làm bài học cho những ai sợ sự trừng phạt đau đớn), khi có lời bảo chúng: “Các người cứ tận hưởng cuộc sống cho tới khi hết tuổi thọ.”

وَفِي ثَمُودَ إِذۡ قِيلَ لَهُمۡ تَمَتَّعُواْ حَتَّىٰ حِينٖ ٤٣

44. Nhưng chúng xấc xược trước Mệnh Lệnh của Thượng Đế, nên sét đã đánh chúng trong lúc chúng đang nhìn.

فَعَتَوۡاْ عَنۡ أَمۡرِ رَبِّهِمۡ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلصَّٰعِقَةُ وَهُمۡ يَنظُرُونَ ٤٤

45. Chúng bất lực và không thể cứu lấy mình.

فَمَا ٱسۡتَطَٰعُواْ مِن قِيَامٖ وَمَا كَانُواْ مُنتَصِرِينَ ٤٥

46. Và trước đây, đám dân của Nuh (cũng đã bị tiêu diệt như thế) vì chúng là một đám dấy loạn, bất tuân.

وَقَوۡمَ نُوحٖ مِّن قَبۡلُۖ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمٗا فَٰسِقِينَ ٤٦

47. Và bầu trời, TA đã dựng nó bằng sức mạnh và làm cho nó bao la.

وَٱلسَّمَآءَ بَنَيۡنَٰهَا بِأَيۡيْدٖ وَإِنَّا لَمُوسِعُونَ ٤٧

48. Và trái đất, TA đã trải nó ra (như một tấm thảm); và thật ưu việt cho Đấng đã trải nó ra như thế.

وَٱلۡأَرۡضَ فَرَشۡنَٰهَا فَنِعۡمَ ٱلۡمَٰهِدُونَ ٤٨

49. TA đã tạo hóa mọi vật đều có cặp, có đôi để các ngươi ghi nhớ (về quyền năng của TA).

وَمِن كُلِّ شَيۡءٍ خَلَقۡنَا زَوۡجَيۡنِ لَعَلَّكُمۡ تَذَكَّرُونَ ٤٩

50. Vì vậy, các ngươi hãy chạy đến với Allah, quả thật, Ta chỉ là một người cảnh báo công khai được Ngài cử đến cho các ngươi mà thôi.

فَفِرُّوٓاْ إِلَى ٱللَّهِۖ إِنِّي لَكُم مِّنۡهُ نَذِيرٞ مُّبِينٞ ٥٠

51. Các ngươi chớ đừng dựng lên một thần linh nào đó cùng với Allah, quả thật, Ta chỉ là một người cảnh báo công khai được Ngài cử đến cho các ngươi mà thôi.

وَلَا تَجۡعَلُواْ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَۖ إِنِّي لَكُم مِّنۡهُ نَذِيرٞ مُّبِينٞ ٥١

52. Tương tự như vậy, không một vị Sứ Giả nào được phái đến gặp những ai sống trước chúng (dân Makkah) mà không bị cho là một tên phù thủy hay một gã điên.

كَذَٰلِكَ مَآ أَتَى ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِم مِّن رَّسُولٍ إِلَّا قَالُواْ سَاحِرٌ أَوۡ مَجۡنُونٌ ٥٢

53. Chẳng lẽ đây là lời di chúc mà chúng truyền cho nhau? Không, (tất cả) bọn chúng đều là một đám vượt quá giới hạn.

أَتَوَاصَوۡاْ بِهِۦۚ بَلۡ هُمۡ قَوۡمٞ طَاغُونَ ٥٣

54. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy mặc kệ bọn chúng, Ngươi không bị khiển trách (về điều đó).

فَتَوَلَّ عَنۡهُمۡ فَمَآ أَنتَ بِمَلُومٖ ٥٤

55. Và hãy nhắc nhở! Thật vậy, sự nhắc nhở sẽ có lợi cho những người có đức tin.

وَذَكِّرۡ فَإِنَّ ٱلذِّكۡرَىٰ تَنفَعُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٥٥

56. TA đã không tạo ra loài Jinn và loài người ngoại trừ là để chúng thờ phượng một mình TA.

وَمَا خَلَقۡتُ ٱلۡجِنَّ وَٱلۡإِنسَ إِلَّا لِيَعۡبُدُونِ ٥٦

57. TA không muốn bất cứ bổng lộc nào từ chúng và cũng không muốn chúng nuôi dưỡng TA.

مَآ أُرِيدُ مِنۡهُم مِّن رِّزۡقٖ وَمَآ أُرِيدُ أَن يُطۡعِمُونِ ٥٧

58. Quả thật, Allah là Đấng Ban Phát bổng lộc có sức mạnh vô biên.	إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلرَّزَّاقُ ذُو ٱلْقُوَّةِ ٱلْمَتِينُ ٥٨
59. Quả thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ phải chịu phần (hình phạt) giống như phần (hình phạt) của đám bạn của chúng. Vì vậy, chúng chớ nôn nóng thúc giục TA (Allah).	فَإِنَّ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ ذَنُوبًا مِّثْلَ ذَنُوبِ أَصْحَٰبِهِمْ فَلَا يَسْتَعْجِلُونِ ٥٩
60. Thật khốn cho những kẻ vô đức tin vào Ngày mà chúng đã được hứa.	فَوَيْلٌ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن يَوْمِهِمُ ٱلَّذِي يُوعَدُونَ ٦٠

At-Tur (Núi Tur) الطور

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi ngọn núi Tur (nơi Allah đã nói chuyện trực tiếp với Musa).	وَٱلطُّورِ ١
2. Thề bởi Kinh Sách đã được ghi chép.	وَكِتَٰبٖ مَّسۡطُورٖ ٢
3. Trên miếng da thuộc được trải ra.	فِي رَقّٖ مَّنشُورٖ ٣
4. Thề bởi Ngôi Đền Ma’mur (ở bên trên bảy tầng trời, nơi mà các Thiên Thần vào thờ phượng Allah).	وَٱلۡبَيۡتِ ٱلۡمَعۡمُورِ ٤
5. Thề bởi mái (trời) được dựng cao.	وَٱلسَّقۡفِ ٱلۡمَرۡفُوعِ ٥
6. Thề bởi biển cả dâng trào.	وَٱلۡبَحۡرِ ٱلۡمَسۡجُورِ ٦
7. Thật vậy, sự trừng phạt của Thượng Đế Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chắc chắn sẽ xảy ra.	إِنَّ عَذَابَ رَبِّكَ لَوَٰقِعٞ ٧
8. Không ai (hay sức mạnh nào) có thể cản được nó.	مَّا لَهُۥ مِن دَافِعٖ ٨
9. Vào Ngày mà bầu trời sẽ chấn động dữ dội.	يَوۡمَ تَمُورُ ٱلسَّمَآءُ مَوۡرٗا ٩
10. Những ngọn núi sẽ dịch chuyển khỏi vị trí của nó.	وَتَسِيرُ ٱلۡجِبَالُ سَيۡرٗا ١٠
11. Vì vậy, Ngày hôm đó sẽ thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận.	فَوَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ١١
12. Những kẻ mà chúng đùa vui vô bổ.	ٱلَّذِينَ هُمۡ فِي خَوۡضٖ يَلۡعَبُونَ ١٢
13. Ngày (đó) chúng sẽ bị đẩy xuống Lửa của Hỏa Ngục một cách thô bạo.	يَوۡمَ يُدَعُّونَ إِلَىٰ نَارِ جَهَنَّمَ دَعًّا ١٣
14. (Lúc đó, có tiếng bảo chúng): “Đây chính là Lửa mà các ngươi đã thường hay phủ nhận.”	هَٰذِهِ ٱلنَّارُ ٱلَّتِي كُنتُم بِهَا تُكَذِّبُونَ ١٤
15. “Đây có phải là trò ảo thuật không hay các ngươi không nhìn thấy?”	أَفَسِحۡرٌ هَٰذَآ أَمۡ أَنتُمۡ لَا تُبۡصِرُونَ ١٥

16. “Các ngươi cứ chịu thiêu đốt trong đó, cho dù các ngươi có chịu được hay không chịu được thì cũng đành phải chịu, bởi quả thật đó là cái giá cho những gì các ngươi đã làm.”

ٱصۡلَوۡهَا فَٱصۡبِرُوٓاْ أَوۡ لَا تَصۡبِرُواْ سَوَآءٌ عَلَيۡكُمۡۖ إِنَّمَا تُجۡزَوۡنَ مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٦

17. Quả thật, những người ngoan đạo sẽ ở trong các Ngôi Vườn Thiên Đàng và tận hưởng niềm vui.

إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي جَنَّٰتٖ وَنَعِيمٖ ١٧

18. Họ sẽ hạnh phúc với những thứ Thượng Đế của họ ban cấp và với việc Ngài cứu rỗi họ thoát khỏi sự trừng phạt của Hỏa Ngục.

فَٰكِهِينَ بِمَآ ءَاتَىٰهُمۡ رَبُّهُمۡ وَوَقَىٰهُمۡ رَبُّهُمۡ عَذَابَ ٱلۡجَحِيمِ ١٨

19. (Họ sẽ được bảo): “Hãy ăn và uống thỏa thích bởi những điều các ngươi đã làm!”

كُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ هَنِيٓـَٔۢا بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٩

20. Họ sẽ tựa mình nằm nghỉ trên những chiếc tràng kỹ được xếp thành hàng và TA (Allah) sẽ kết hôn họ với các nàng Hurun ‘In (tiên nữ có đôi mắt to tuyệt đẹp).

مُتَّكِـِٔينَ عَلَىٰ سُرُرٖ مَّصۡفُوفَةٖۖ وَزَوَّجۡنَٰهُم بِحُورٍ عِينٖ ٢٠

21. Những ai có đức tin và con cháu của họ cùng theo họ trong đức tin sẽ được TA cho đoàn tụ với họ (trong Thiên Đàng). TA sẽ không cắt giảm bất cứ thứ gì (từ phần thưởng) cho việc làm (thiện tốt) của họ. Mỗi con người phải chịu trách nhiệm cho những gì mình đã làm.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَٱتَّبَعَتۡهُمۡ ذُرِّيَّتُهُم بِإِيمَٰنٍ أَلۡحَقۡنَا بِهِمۡ ذُرِّيَّتَهُمۡ وَمَآ أَلَتۡنَٰهُم مِّنۡ عَمَلِهِم مِّن شَيۡءٖۚ كُلُّ ٱمۡرِيِٕۭ بِمَا كَسَبَ رَهِينٞ ٢١

22. TA sẽ ban thêm cho họ những loại trái cây và các loại thịt mà họ ưa thích.

وَأَمۡدَدۡنَٰهُم بِفَٰكِهَةٖ وَلَحۡمٖ مِّمَّا يَشۡتَهُونَ ٢٢

23. Trong (Thiên Đàng), họ sẽ trao cho nhau tách uống, và sẽ không có những lời lẽ thô tục và tội lỗi trong đó.

يَتَنَٰزَعُونَ فِيهَا كَأۡسٗا لَّا لَغۡوٞ فِيهَا وَلَا تَأۡثِيمٞ ٢٣

24. Họ sẽ được những thiếu niên xinh đẹp đi vòng quanh phục vụ; (những thiếu niên đó) trông như những viên ngọc trai được cất kỹ.

۞وَيَطُوفُ عَلَيۡهِمۡ غِلۡمَانٞ لَّهُمۡ كَأَنَّهُمۡ لُؤۡلُؤٞ مَّكۡنُونٞ ٢٤

25. Họ sẽ đến gặp nhau hỏi han, trò chuyện.

وَأَقۡبَلَ بَعۡضُهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖ يَتَسَآءَلُونَ ٢٥

26. Họ sẽ nói (với nhau): “Thật vậy, trước đây lúc còn sống với gia đình (trên cõi trần) chúng tôi đã rất sợ (về việc sẽ bị Allah trừng phạt)”.

قَالُوٓاْ إِنَّا كُنَّا قَبۡلُ فِيٓ أَهۡلِنَا مُشۡفِقِينَ ٢٦

27. “Nhưng Allah đã ban ân cho chúng tôi và đã cứu chúng tôi khỏi sự trừng phạt của Ngọn Lửa thiêu đốt.”

فَمَنَّ ٱللَّهُ عَلَيۡنَا وَوَقَىٰنَا عَذَابَ ٱلسَّمُومِ ٢٧

28. “Quả thật, trước đây chúng tôi đã thường cầu nguyện Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Tử Tế, Đấng Thương Xót.”

إِنَّا كُنَّا مِن قَبۡلُ نَدۡعُوهُۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡبَرُّ ٱلرَّحِيمُ ٢٨

29. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy (dùng Qur'an) nhắc nhở (mọi người). Quả thật, với ân huệ mà Thượng Đế của Ngươi đã ban cho Ngươi, Ngươi không phải là một tên thầy bói cũng không phải là một kẻ điên.

فَذَكِّرۡ فَمَآ أَنتَ بِنِعۡمَتِ رَبِّكَ بِكَاهِنٖ وَلَا مَجۡنُونٍ ٢٩

30. Hoặc chúng (những kẻ phủ nhận) nói: "(Muhammad không phải là Sứ Giả) mà là một nhà thơ, chúng ta cứ đợi xem, sớm muộn gì hắn cũng chết."

أَمۡ يَقُولُونَ شَاعِرٞ نَّتَرَبَّصُ بِهِۦ رَيۡبَ ٱلۡمَنُونِ ٣٠

31. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với chúng): "Các người hãy đợi, Ta sẽ cùng chờ đợi với các người."

قُلۡ تَرَبَّصُواْ فَإِنِّي مَعَكُم مِّنَ ٱلۡمُتَرَبِّصِينَ ٣١

32. Có phải tâm trí của chúng ra lệnh cho chúng (nói) điều này, hay chúng là đám người vượt quá giới hạn?

أَمۡ تَأۡمُرُهُمۡ أَحۡلَٰمُهُم بِهَٰذَآۚ أَمۡ هُمۡ قَوۡمٞ طَاغُونَ ٣٢

33. Hay là chúng cho rằng (Muhammad) đã bịa đặt (Qur'an)? Không, chúng không có đức tin (là do tính tự cao tự đại của chúng mà thôi).

أَمۡ يَقُولُونَ تَقَوَّلَهُۥۚ بَل لَّا يُؤۡمِنُونَ ٣٣

34. (Nếu chúng cho rằng Muhammad bịa đặt), chúng hãy mang đến lời lẽ giống như (Qur'an) xem nào nếu chúng là những kẻ nói thật.

فَلۡيَأۡتُواْ بِحَدِيثٖ مِّثۡلِهِۦٓ إِن كَانُواْ صَٰدِقِينَ ٣٤

35. Chúng được tạo ra từ cái không là gì hay chúng tự tạo ra bản thân chúng?

أَمۡ خُلِقُواْ مِنۡ غَيۡرِ شَيۡءٍ أَمۡ هُمُ ٱلۡخَٰلِقُونَ ٣٥

36. Hay phải chăng chúng đã tạo ra các tầng trời và trái đất? Không, (chỉ vì) chúng không có một niềm tin vững chắc (nơi Allah mà thôi).

أَمۡ خَلَقُواْ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَۚ بَل لَّا يُوقِنُونَ ٣٦

37. Hay phải chăng chúng nắm giữ các kho tàng của Thượng Đế của Ngươi? Hoặc phải chăng chúng là những kẻ toàn quyền kiểm soát (các kho tàng của Ngài)?

أَمۡ عِندَهُمۡ خَزَآئِنُ رَبِّكَ أَمۡ هُمُ ٱلۡمُصَيۡطِرُونَ ٣٧

38. Hoặc phải chăng chúng có một cái thang (lên trời) để nghe (trực tiếp sự mặc khải của Allah rằng chúng đang ở trên chân lý)? Vậy nên, hãy để kẻ nghe lén của chúng mang ra bằng chứng rõ ràng.

أَمۡ لَهُمۡ سُلَّمٞ يَسۡتَمِعُونَ فِيهِۖ فَلۡيَأۡتِ مُسۡتَمِعُهُم بِسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٍ ٣٨

39. Hoặc phải chăng con gái là của Ngài còn con trai là của các ngươi?

أَمۡ لَهُ ٱلۡبَنَٰتُ وَلَكُمُ ٱلۡبَنُونَ ٣٩

40. Hoặc phải chăng Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã đòi chúng tiền thù lao khiến chúng bị gánh nặng nợ nần (nên không thể tiếp nhận điều Ngươi mang đến cho chúng)?

أَمۡ تَسۡـَٔلُهُمۡ أَجۡرٗا فَهُم مِّن مَّغۡرَمٖ مُّثۡقَلُونَ ٤٠

41. Hoặc phải chăng chúng có kiến thức về điều vô hình nên chúng viết nó xuống?

أَمۡ عِندَهُمُ ٱلۡغَيۡبُ فَهُمۡ يَكۡتُبُونَ ٤١

42. Hoặc phải chăng chúng có mưu đồ (hại Ngươi và tôn giáo của Ngươi – hỡi Thiên Sứ Muhammad)? Nhưng (Ngươi hãy tin chắc nơi Allah rằng) chính những kẻ vô đức tin sẽ là đám người rơi vào mưu đồ của chúng.

أَمۡ يُرِيدُونَ كَيۡدٗاۖ فَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ هُمُ
ٱلۡمَكِيدُونَ ﴿٤٢﴾

43. Hoặc phải chăng chúng có một thượng đế khác ngoài Allah? Quả thật, Allah tối cao và siêu việt vượt hẳn những thứ mà chúng đã gán ghép cho Ngài.

أَمۡ لَهُمۡ إِلَٰهٌ غَيۡرُ ٱللَّهِۚ سُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ﴿٤٣﴾

44. Nếu chúng thấy một mảnh vỡ từ trên trời rơi xuống, chúng sẽ nói: “(Đó chỉ là) những đám mây chồng chất lên nhau (rất đỗi bình thường, chẳng có gì nghiêm trọng và to tát cả)!”

وَإِن يَرَوۡاْ كِسۡفٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ سَاقِطٗا يَقُولُواْ سَحَابٞ
مَّرۡكُومٞ ﴿٤٤﴾

45. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) cứ để mặc chúng cho đến lúc chúng gặp ngày mà chúng sẽ bị trừng phạt.

فَذَرۡهُمۡ حَتَّىٰ يُلَٰقُواْ يَوۡمَهُمُ ٱلَّذِي فِيهِ يُصۡعَقُونَ ﴿٤٥﴾

46. Ngày mà mưu đồ của chúng sẽ không mang lại ích lợi gì cho chúng và chúng sẽ không được ai cứu giúp.

يَوۡمَ لَا يُغۡنِي عَنۡهُمۡ كَيۡدُهُمۡ شَيۡـٔٗا وَلَا هُمۡ
يُنصَرُونَ ﴿٤٦﴾

47. Quả thật, ngoài (sự trừng phạt ở Đời Sau), những kẻ làm điều sai quấy còn phải nhận lấy một sự trừng phạt khác (ở cõi trần tục và cõi Barzakh) nhưng hầu hết bọn chúng không biết.

وَإِنَّ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ عَذَابٗا دُونَ ذَٰلِكَ وَلَٰكِنَّ
أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٤٧﴾

48. Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy kiên nhẫn đợi Quyết Định của Thượng Đế của Ngươi bởi vì quả thật Ngươi luôn ở dưới Mắt của TA. Ngươi hãy tán dương ca ngợi Thượng Đế của Ngươi (bằng lễ nguyện Salah) khi ngủ dậy.

وَٱصۡبِرۡ لِحُكۡمِ رَبِّكَ فَإِنَّكَ بِأَعۡيُنِنَاۖ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ
رَبِّكَ حِينَ تَقُومُ ﴿٤٨﴾

49. Và Ngươi hãy tán dương Ngài (bằng lễ nguyện Salah) vào một phần của đêm và vào (lúc rạng động) khi các vì sao biến mất (bởi ánh sáng của ban ngày).

وَمِنَ ٱلَّيۡلِ فَسَبِّحۡهُ وَإِدۡبَٰرَ ٱلنُّجُومِ ﴿٤٩﴾

An-Najm (Tinh Tú) النجم

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi vì sao khi nó rơi.	وَٱلنَّجۡمِ إِذَا هَوَىٰ ١
2. Người Bạn (Muhammad) của các ngươi đã không đi lạc và cũng không sai lầm.	مَا ضَلَّ صَاحِبُكُمۡ وَمَا غَوَىٰ ٢
3. Y không nói theo sở thích (của bản thân).	وَمَا يَنطِقُ عَنِ ٱلۡهَوَىٰٓ ٣
4. Mà đó là sự mặc khải được mặc khải (cho Y).	إِنۡ هُوَ إِلَّا وَحۡيٞ يُوحَىٰ ٤
5. Một vị (đại Thiên Thần – Jibril) có sức mạnh siêu đẳng dạy cho Y.	عَلَّمَهُۥ شَدِيدُ ٱلۡقُوَىٰ ٥
6. (Một vị) toàn vẹn và hoàn hảo về mọi mặt (so với các tạo vật của Allah).	ذُو مِرَّةٖ فَٱسۡتَوَىٰ ٦
7. (Đại Thiên Thần Jibril) xuất hiện ở phần cao nhất của chân trời.	وَهُوَ بِٱلۡأُفُقِ ٱلۡأَعۡلَىٰ ٧
8. Sau đó, (đại Thiên Thần Jibril) tiến đến gần (Muhammad).	ثُمَّ دَنَا فَتَدَلَّىٰ ٨
9. Ở khoảng cách bằng độ dài của hai đầu cây cung hoặc gần hơn.	فَكَانَ قَابَ قَوۡسَيۡنِ أَوۡ أَدۡنَىٰ ٩
10. Rồi (đại Thiên Thần Jibril) truyền đạt đến người bề tôi của Ngài (Allah) những gì Y (được lệnh phải) truyền đạt.	فَأَوۡحَىٰٓ إِلَىٰ عَبۡدِهِۦ مَآ أَوۡحَىٰ ١٠
11. Trái tim (của Muhammad) không gian dối về những gì Y đã nhìn thấy.	مَا كَذَبَ ٱلۡفُؤَادُ مَا رَأَىٰٓ ١١
12. Chẳng lẽ các ngươi (hỡi những kẻ đa thần) muốn tranh cãi với (Muhammad) về những gì Y đã nhìn thấy (trong chuyến dạ hành – Isra') ư?	أَفَتُمَٰرُونَهُۥ عَلَىٰ مَا يَرَىٰ ١٢
13. Quả thật, (Muhammad) đã nhìn thấy (đại Thiên Thần Jibril) trong một lần giáng trần khác.	وَلَقَدۡ رَءَاهُ نَزۡلَةً أُخۡرَىٰ ١٣
14. Tại cây Sidrah Al-Muntaha(1)[i]	عِندَ سِدۡرَةِ ٱلۡمُنتَهَىٰ ١٤

[i] (1) Sidrah là tên gọi về một loại cây thuộc họ táo ta, Al-Muntaha có nghĩa là điểm tận cùng. Cây Sidrah Al-Muntaha có nghĩa là Cây ở điểm tận cùng. Nó được gọi như thế là bởi vì nó mọc ở nơi cao nhất của các tầng trời, đó là tầng trời thứ bảy; và bởi vì bất cứ những gì ở hạ giới cũng như những gì ở các tầng trời chỉ được phép lên cao đến đây là cùng, không được phép đi lên cao hơn nữa. Trong chuyến Isra' và Mi'raj (dạ hành và thăng thiên), Thiên Sứ Muhammad được

15. Tại cây Sidrah Al-Muntaha là Thiên Đàng cư ngụ.

عِندَهَا جَنَّةُ ٱلۡمَأۡوَىٰٓ ١٥

16. Lúc cây Sidrah (Al-Muntaha) được bao phủ bởi những gì được (Allah) bao phủ.

إِذۡ يَغۡشَى ٱلسِّدۡرَةَ مَا يَغۡشَىٰ ١٦

17. Mắt (của Muhammad) không dám nhìn quanh và cũng không dám nhìn vượt qua (giới hạn).

مَا زَاغَ ٱلۡبَصَرُ وَمَا طَغَىٰ ١٧

18. Quả thật, (Muhammad) đã nhìn thấy các Dấu Hiệu vĩ đại của Thượng Đế của Y.

لَقَدۡ رَأَىٰ مِنۡ ءَايَٰتِ رَبِّهِ ٱلۡكُبۡرَىٰٓ ١٨

19. Vậy các ngươi (hỡi những kẻ đa thần) đã nhìn thấy (thần) Al-Lat và (thần) Al-Uzza (của các ngươi) chưa?

أَفَرَءَيۡتُمُ ٱللَّٰتَ وَٱلۡعُزَّىٰ ١٩

20. Và cả (thần) Manah, vị thần thứ ba (của các ngươi) nữa?

وَمَنَوٰةَ ٱلثَّالِثَةَ ٱلۡأُخۡرَىٰٓ ٢٠

21. Phải chăng nam giới là của các ngươi còn nữ giới là của Ngài?

أَلَكُمُ ٱلذَّكَرُ وَلَهُ ٱلۡأُنثَىٰ ٢١

22. (Nếu như thế thì) đó là một sự phân chia không công bằng.

تِلۡكَ إِذٗا قِسۡمَةٞ ضِيزَىٰٓ ٢٢

23. (Các thần linh đó của các ngươi) chẳng qua chỉ là những tên gọi mà các ngươi và tổ tiên của các ngươi đã đặt cho chúng chứ Allah đã không ban xuống bất cứ một thẩm quyền nào. (Những kẻ đa thần) chỉ làm theo sự tưởng tượng và những gì mà bản thân chúng ham muốn. Quả thật, nguồn Chỉ Đạo từ Thượng Đế của chúng đã đến với chúng (nhưng chúng không muốn theo).

إِنۡ هِيَ إِلَّآ أَسۡمَآءٞ سَمَّيۡتُمُوهَآ أَنتُمۡ وَءَابَآؤُكُم مَّآ
أَنزَلَ ٱللَّهُ بِهَا مِن سُلۡطَٰنٍۚ إِن يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّ وَمَا
تَهۡوَى ٱلۡأَنفُسُۖ وَلَقَدۡ جَآءَهُم مِّن رَّبِّهِمُ ٱلۡهُدَىٰٓ ٢٣

24. Hoặc lẽ nào con người sẽ đạt được điều mà y ước nguyện (từ các thần linh bục tượng)?

أَمۡ لِلۡإِنسَٰنِ مَا تَمَنَّىٰ ٢٤

25. (Không, con người sẽ không đạt được ước nguyện từ các thần linh ngụy tạo) bởi vì Đời Sau và cả đời này đều là của Allah.

فَلِلَّهِ ٱلۡأٓخِرَةُ وَٱلۡأُولَىٰ ٢٥

26. (Dù) Các Thiên Thần trong các tầng trời có đông bao nhiêu đi nữa thì sự can thiệp của họ cũng không mang lại kết quả gì cho chúng, trừ phi sau khi Allah đã cho phép đối với ai Ngài muốn và hài lòng.

۞وَكَم مِّن مَّلَكٖ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ لَا تُغۡنِي شَفَٰعَتُهُمۡ
شَيۡـًٔا إِلَّا مِنۢ بَعۡدِ أَن يَأۡذَنَ ٱللَّهُ لِمَن يَشَآءُ
وَيَرۡضَىٰٓ ٢٦

đưa đi lên đến cây Sidrah Al-Muntaha này. Thiên Sứ Muhammad đã mô tả đó là một cái cây khổng lồ được bao phủ bởi nhiều màu sắc rất đẹp. Người nói rằng trái của nó giống cái nồi đất đựng nước và lá của nó như những cái tai voi. Trong Hadith do Ahmad ghi lại, Thiên Sứ Muhammad đã mô tả về cây Sidrah Al-Muntaha, nói: “Khi Ta đến một cái cây (được gọi là) Sidrah Al-Muntaha, Ta thấy trái của nó giống như những chiếc bình, và lá của nó giống như những cái tai voi, và khi Allah ra lệnh cho nó thì nó chuyển sang màu đỏ của hồng ngọc hoặc màu xanh của ngọc lục bảo hoặc tương tự như thế.”

27. Thật vậy, những kẻ vô đức tin nơi Đời Sau thường gọi các Thiên Thần với những tên gọi thuộc về nữ giới.

إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ لَيُسَمُّونَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ تَسۡمِيَةَ ٱلۡأُنثَىٰ ٢٧

28. Chúng chẳng có kiến thức gì về điều đó cả, chẳng qua chúng chỉ đi theo sự tưởng tượng, và quả thật sự tưởng tượng không mang lại kết quả gì cho sự thật.

وَمَا لَهُم بِهِۦ مِنۡ عِلۡمٍۖ إِن يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّۖ وَإِنَّ ٱلظَّنَّ لَا يُغۡنِي مِنَ ٱلۡحَقِّ شَيۡـٔٗا ٢٨

29. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy quay lưng lại với kẻ nào ngoảnh mặt với Thông Điệp nhắc nhở của TA và chỉ muốn đời sống trần tục.

فَأَعۡرِضۡ عَن مَّن تَوَلَّىٰ عَن ذِكۡرِنَا وَلَمۡ يُرِدۡ إِلَّا ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا ٢٩

30. Đó là mức kiến thức mà chúng có được. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi biết rõ nhất ai là kẻ đi lạc khỏi con đường của Ngài và Ngài biết rõ nhất ai là người được hướng dẫn.

ذَٰلِكَ مَبۡلَغُهُم مِّنَ ٱلۡعِلۡمِۚ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ بِمَن ضَلَّ عَن سَبِيلِهِۦ وَهُوَ أَعۡلَمُ بِمَنِ ٱهۡتَدَىٰ ٣٠

31. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật dưới đất đều là của Allah. (Tất cả được Ngài dùng) để đáp trả những kẻ làm điều xấu (như hình phạt cho) những gì chúng đã làm và để đền đáp những ai làm tốt với (phần thưởng) tốt đẹp.

وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ لِيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ أَسَٰٓـُٔواْ بِمَا عَمِلُواْ وَيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ بِٱلۡحُسۡنَى ٣١

32. Những người tránh những đại tội và những điều ô uế, chỉ phạm những tiểu tội, quả thật Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có tấm lòng tha thứ bao la. Ngài biết rõ nhất về các ngươi bởi Ngài đã tạo ra các ngươi từ đất và khi các ngươi hãy còn là những bào thai nằm trong bụng mẹ của các ngươi. Vì vậy, các ngươi chớ tự cho mình trong sạch; Ngài biết rõ nhất ai là người kính sợ Ngài.

ٱلَّذِينَ يَجۡتَنِبُونَ كَبَٰٓئِرَ ٱلۡإِثۡمِ وَٱلۡفَوَٰحِشَ إِلَّا ٱللَّمَمَۚ إِنَّ رَبَّكَ وَٰسِعُ ٱلۡمَغۡفِرَةِۚ هُوَ أَعۡلَمُ بِكُمۡ إِذۡ أَنشَأَكُم مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ وَإِذۡ أَنتُمۡ أَجِنَّةٞ فِي بُطُونِ أُمَّهَٰتِكُمۡۖ فَلَا تُزَكُّوٓاْ أَنفُسَكُمۡۖ هُوَ أَعۡلَمُ بِمَنِ ٱتَّقَىٰٓ ٣٢

33. Ngươi đã thấy kẻ quay lưng (với Islam) không?

أَفَرَءَيۡتَ ٱلَّذِي تَوَلَّىٰ ٣٣

34. Kẻ đó cho đi chỉ một ít rồi ngưng (vì lòng keo kiệt).

وَأَعۡطَىٰ قَلِيلٗا وَأَكۡدَىٰٓ ٣٤

35. Phải chăng kẻ đó có kiến thức về điều vô hình nên hắn nhìn thấy (tương lai)?

أَعِندَهُۥ عِلۡمُ ٱلۡغَيۡبِ فَهُوَ يَرَىٰٓ ٣٥

36. Hoặc lẽ nào hắn đã không được cảnh báo về những điều trong các tờ Kinh của Musa?

أَمۡ لَمۡ يُنَبَّأۡ بِمَا فِي صُحُفِ مُوسَىٰ ٣٦

37. Và (các tờ Kinh của) Ibrahim, người đã hoàn thành (nhiệm vụ của mình)?

وَإِبۡرَٰهِيمَ ٱلَّذِي وَفَّىٰٓ ٣٧

38. (Các tờ Kinh đó cho biết rằng): Không ai phải gánh chịu tội lỗi người khác.

أَلَّا تَزِرُ وَازِرَةٌ وِزْرَ أُخْرَىٰ ٣٨

39. Và rằng: Mỗi người chỉ phải lãnh điều mà y đã làm ra.

وَأَن لَّيْسَ لِلْإِنسَٰنِ إِلَّا مَا سَعَىٰ ٣٩

40. Và công sức của y sẽ được thấy (vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng).

وَأَنَّ سَعْيَهُۥ سَوْفَ يُرَىٰ ٤٠

41. Rồi y sẽ được đền bù với sự đền bù đầy đủ nhất.

ثُمَّ يُجْزَىٰهُ ٱلْجَزَآءَ ٱلْأَوْفَىٰ ٤١

42. Thật vậy, việc trở lại với Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) là điều cuối cùng.

وَأَنَّ إِلَىٰ رَبِّكَ ٱلْمُنتَهَىٰ ٤٢

43. Chính Ngài (Allah) là Đấng làm cho (một người) cười và khóc.

وَأَنَّهُۥ هُوَ أَضْحَكَ وَأَبْكَىٰ ٤٣

44. Và chính Ngài là Đấng làm cho chết và ban sự sống.

وَأَنَّهُۥ هُوَ أَمَاتَ وَأَحْيَا ٤٤

45. Và chính Ngài là Đấng đã tạo ra đôi bạn đời, nam và nữ,

وَأَنَّهُۥ خَلَقَ ٱلزَّوْجَيْنِ ٱلذَّكَرَ وَٱلْأُنثَىٰ ٤٥

46. Từ tinh dịch khi nó xuất ra.

مِن نُّطْفَةٍ إِذَا تُمْنَىٰ ٤٦

47. Và rằng Ngài có nhiệm vụ phải tái tạo một lần nữa.

وَأَنَّ عَلَيْهِ ٱلنَّشْأَةَ ٱلْأُخْرَىٰ ٤٧

48. Và chính Ngài là Đấng ban cho sự giàu có và làm cho thỏa nguyện.

وَأَنَّهُۥ هُوَ أَغْنَىٰ وَأَقْنَىٰ ٤٨

49. Và chính Ngài là Thượng Đế của chòm Sao Thiên Lang.

وَأَنَّهُۥ هُوَ رَبُّ ٱلشِّعْرَىٰ ٤٩

50. Và chính Ngài là Đấng đã tiêu diệt đám dân ‘Ad của thời trước.

وَأَنَّهُۥٓ أَهْلَكَ عَادًا ٱلْأُولَىٰ ٥٠

51. Và đám dân Thamud (cũng bi tiêu diệt), chúng chẳng còn ai.

وَثَمُودَاْ فَمَآ أَبْقَىٰ ٥١

52. Và cộng đồng của Nuh trước đó cũng đã bị (TA) tiêu diệt bởi chúng là một đám người làm điều sai quấy và vượt quá giới hạn.

وَقَوْمَ نُوحٍ مِّن قَبْلُ إِنَّهُمْ كَانُواْ هُمْ أَظْلَمَ وَأَطْغَىٰ ٥٢

53. Và Ngài đã lật úp các thị trấn (đám dân của Lut).

وَٱلْمُؤْتَفِكَةَ أَهْوَىٰ ٥٣

54. Rồi Ngài tiếp tục trút xuống trận mưa đá.

فَغَشَّىٰهَا مَا غَشَّىٰ ٥٤

55. Vậy với Dấu Hiệu nào của Thượng Đế của ngươi mà ngươi hãy còn hoài nghi (hỡi con người)?	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكَ تَتَمَارَىٰ ٥٥
56. Đây là Vị cảnh báo giống như những vị cảnh báo (được TA cử phái đến) trước đây.	هَٰذَا نَذِيرٌ مِّنَ ٱلنُّذُرِ ٱلْأُولَىٰٓ ٥٦
57. Ngày (Tận Thế) gần kề đã đến gần.	أَزِفَتِ ٱلْـَٔازِفَةُ ٥٧
58. Ngoài Allah ra, không ai có thể ngăn Nó (và cũng không ai biết được bao giờ Nó đến).	لَيْسَ لَهَا مِن دُونِ ٱللَّهِ كَاشِفَةٌ ٥٨
59. Có phải các ngươi lấy làm ngạc nhiên về lời (Qur'an) này?	أَفَمِنْ هَٰذَا ٱلْحَدِيثِ تَعْجَبُونَ ٥٩
60. Các ngươi cười (cho Qur'an) và không khóc (khi nghe lời khuyên răn của Nó).	وَتَضْحَكُونَ وَلَا تَبْكُونَ ٦٠
61. Các ngươi vui đùa và không quan tâm.	وَأَنتُمْ سَٰمِدُونَ ٦١
62. Vì vậy, các ngươi hãy quỳ lạy Allah và thờ phượng Ngài.	فَٱسْجُدُوا۟ لِلَّهِ وَٱعْبُدُوا۟ ۩ ٦٢

Al-Qamar (Mặt Trăng) القمر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Giờ Tận Thế đã đến gần, và mặt Trăng đã tách (làm đôi)	ٱقۡتَرَبَتِ ٱلسَّاعَةُ وَٱنشَقَّ ٱلۡقَمَرُ ١
2. Nếu (những kẻ thờ đa thần) thấy một phép lạ, chúng quay đi và nói: “(Đây là một trò ảo thuật tiếp tục (đánh lừa)”.	وَإِن يَرَوۡاْ ءَايَةٗ يُعۡرِضُواْ وَيَقُولُواْ سِحۡرٞ مُّسۡتَمِرّٞ ٢
3. Chúng đã phủ nhận và chạy theo sỡ thích của (bản thân) chúng. Tuy nhiên, mọi việc sẽ được khẳng định (đúng sai vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng).	وَكَذَّبُواْ وَٱتَّبَعُوٓاْ أَهۡوَآءَهُمۡۚ وَكُلُّ أَمۡرٖ مُّسۡتَقِرّٞ ٣
4. Quả thật, các thông điệp đã đến với chúng, trong đó có sự răn đe.	وَلَقَدۡ جَآءَهُم مِّنَ ٱلۡأَنۢبَآءِ مَا فِيهِ مُزۡدَجَرٌ ٤
5. (Các thông điệp đó là) nguồn trí tuệ sâu rộng, nhưng sự cảnh báo không có ích gì (cho chúng).	حِكۡمَةُۢ بَٰلِغَةٞۖ فَمَا تُغۡنِ ٱلنُّذُرُ ٥
6. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy bỏ mặc chúng, (hãy chờ đến) Ngày mà Vị (Thiên Thần) thổi còi gọi chúng đến đối diện với một điều vô cùng khủng khiếp.	فَتَوَلَّ عَنۡهُمۡۘ يَوۡمَ يَدۡعُ ٱلدَّاعِ إِلَىٰ شَيۡءٖ نُّكُرٍ ٦
7. Chúng trồi ra khỏi mộ, cái nhìn của chúng đầy nỗi sợ hãi (một cách hèn hạ), (chúng chạy đi) giống như những con châu chấu bay tán loạn.	خُشَّعًا أَبۡصَٰرُهُمۡ يَخۡرُجُونَ مِنَ ٱلۡأَجۡدَاثِ كَأَنَّهُمۡ جَرَادٞ مُّنتَشِرٞ ٧
8. Chúng đua nhau chạy nhanh về phía Vị (Thiên Thần) hô gọi. Những kẻ vô đức tin sẽ bảo: “Đây là một Ngày đầy khó khăn và gian nan!”	مُّهۡطِعِينَ إِلَى ٱلدَّاعِۖ يَقُولُ ٱلۡكَٰفِرُونَ هَٰذَا يَوۡمٌ عَسِرٞ ٨
9. Trước (những kẻ phủ nhận Ngươi – Thiên Sứ Muhammad), đám dân của Nuh cũng đã phủ nhận (Nuh) - người bề tôi của TA, và nói: “Hắn là một tên điên!” Và (Nuh) đã bị nhiếc mắng và hăm dọa.	۞كَذَّبَتۡ قَبۡلَهُمۡ قَوۡمُ نُوحٖ فَكَذَّبُواْ عَبۡدَنَا وَقَالُواْ مَجۡنُونٞ وَٱزۡدُجِرَ ٩
10. (Nuh) đã khẩn cầu Thượng Đế của Y: “Quả thật, bề tôi đã thua cuộc, xin Ngài giúp đỡ!”	فَدَعَا رَبَّهُۥٓ أَنِّي مَغۡلُوبٞ فَٱنتَصِرۡ ١٠
11. Vì vậy, TA đã mở các cổng của bầu trời cho nước (mưa) đổ xuống.	فَفَتَحۡنَآ أَبۡوَٰبَ ٱلسَّمَآءِ بِمَآءٖ مُّنۡهَمِرٖ ١١
12. Rồi TA làm cho đất phun trào nước lên, các dòng nước gặp nhau vì một vấn đề đã được định đoạt.	وَفَجَّرۡنَا ٱلۡأَرۡضَ عُيُونٗا فَٱلۡتَقَى ٱلۡمَآءُ عَلَىٰٓ أَمۡرٖ قَدۡ قُدِرَ ١٢

13. TA đã mang (Nuh) trên (một chiếc thuyền) bằng những tấm ván gỗ được kết chặt bằng đinh.

وَحَمَلۡنَٰهُ عَلَىٰ ذَاتِ أَلۡوَٰحٖ وَدُسُرٖ ١٣

14. (Chiếc thuyền) trôi dưới sự quan sát của TA, một phần thưởng dành cho người bị chối bỏ (và khinh rẻ).

تَجۡرِي بِأَعۡيُنِنَا جَزَآءٗ لِّمَن كَانَ كُفِرَ ١٤

15. Thật vậy, TA đã để (câu chuyện đó) được lưu truyền như một bài học (cho hậu thế) để xem ai có nhớ chăng?

وَلَقَد تَّرَكۡنَٰهَآ ءَايَةٗ فَهَلۡ مِن مُّدَّكِرٖ ١٥

16. Vậy sự trừng phạt và lời cảnh báo của TA đã như thế nào?

فَكَيۡفَ كَانَ عَذَابِي وَنُذُرِ ١٦

17. Quả thật, TA đã làm cho Qur'an dễ nhớ, vậy có ai nhớ không?

وَلَقَدۡ يَسَّرۡنَا ٱلۡقُرۡءَانَ لِلذِّكۡرِ فَهَلۡ مِن مُّدَّكِرٖ ١٧

18. Đám dân 'Ad đã phủ nhận (Hud – vị Nabi của họ), vậy sự trừng phạt và lời cảnh báo của TA đã như thế nào?

كَذَّبَتۡ عَادٞ فَكَيۡفَ كَانَ عَذَابِي وَنُذُرِ ١٨

19. Thật vậy, TA đã gởi đến chúng một cơn gió gào thét dữ dội (mang cái lạnh giá buốt) vào ngày bất hạnh liên tục.

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ رِيحٗا صَرۡصَرٗا فِي يَوۡمِ نَحۡسٖ
مُّسۡتَمِرّٖ ١٩

20. (Cơn gió) bốc đám dân đó như thể chúng là những thân cây chà là bị bật gốc.

تَنزِعُ ٱلنَّاسَ كَأَنَّهُمۡ أَعۡجَازُ نَخۡلٖ مُّنقَعِرٖ ٢٠

21. Vậy sự trừng phạt và lời cảnh báo của TA đã như thế nào?

فَكَيۡفَ كَانَ عَذَابِي وَنُذُرِ ٢١

22. Quả thật, TA đã làm cho Qur'an dễ nhớ, vậy có ai nhớ không?

وَلَقَدۡ يَسَّرۡنَا ٱلۡقُرۡءَانَ لِلذِّكۡرِ فَهَلۡ مِن مُّدَّكِرٖ ٢٢

23. Đám dân Thamud đã phủ nhận sự cảnh báo.

كَذَّبَتۡ ثَمُودُ بِٱلنُّذُرِ ٢٣

24. Chúng nói: "Lẽ nào chúng ta lại nghe theo một người phàm sống đơn lẻ giữa chúng ta? Nếu làm vậy chúng ta thật sự sẽ lầm lạc và điên rồ!"

فَقَالُوٓاْ أَبَشَرٗا مِّنَّا وَٰحِدٗا نَّتَّبِعُهُۥٓ إِنَّآ إِذٗا لَّفِي ضَلَٰلٖ
وَسُعُرٍ ٢٤

25. "Lẽ nào Thông Điệp Nhắc Nhở (chỉ) được ban xuống cho Y (Nabi Saleh) trong khi chúng ta (vẫn đang hiện diện)? Không, Y rõ ràng là một kẻ nói dối xấc xược."

أَءُلۡقِيَ ٱلذِّكۡرُ عَلَيۡهِ مِنۢ بَيۡنِنَا بَلۡ هُوَ كَذَّابٌ
أَشِرٞ ٢٥

26. Rồi mai đây chúng sẽ biết ai là kẻ nói dối xấc xược.

سَيَعۡلَمُونَ غَدٗا مَّنِ ٱلۡكَذَّابُ ٱلۡأَشِرُ ٢٦

27. Thật vậy, TA đã gởi đến chúng một con lạc đà cái để thử thách chúng, vì vậy, Ngươi (hỡi Saleh) hãy quan sát chúng và kiên nhẫn.

إِنَّا مُرۡسِلُواْ ٱلنَّاقَةِ فِتۡنَةٗ لَّهُمۡ فَٱرۡتَقِبۡهُمۡ وَٱصۡطَبِرۡ ٢٧

28. Ngươi hãy cho chúng biết nguồn nước sẽ được chia sẻ giữa chúng và con lạc đà, (theo lượt) mỗi bên sẽ uống một ngày.

وَنَبِّئۡهُمۡ أَنَّ ٱلۡمَآءَ قِسۡمَةُۢ بَيۡنَهُمۡۖ كُلُّ شِرۡبٖ مُّحۡتَضَرٞ ٢٨

29. Nhưng chúng đã hô gọi bạn bè của chúng đến vây bắt con lạc đà và giết nó.

فَنَادَوۡاْ صَاحِبَهُمۡ فَتَعَاطَىٰ فَعَقَرَ ٢٩

30. Vậy sự trừng phạt và lời cảnh báo của TA đã như thế nào?

فَكَيۡفَ كَانَ عَذَابِي وَنُذُرِ ٣٠

31. Thật vậy, TA đã gửi một tiếng gầm thét đến tiêu diệt chúng và chúng trông giống như những cành cây khô dùng rào (chuồng thú).

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ صَيۡحَةٗ وَٰحِدَةٗ فَكَانُواْ كَهَشِيمِ ٱلۡمُحۡتَظِرِ ٣١

32. Quả thật, TA đã làm cho Qur'an dễ nhớ, vậy có ai nhớ không?

وَلَقَدۡ يَسَّرۡنَا ٱلۡقُرۡءَانَ لِلذِّكۡرِ فَهَلۡ مِن مُّدَّكِرٖ ٣٢

33. Đám dân của Lut đã phủ nhận sự cảnh báo.

كَذَّبَتۡ قَوۡمُ لُوطِۭ بِٱلنُّذُرِ ٣٣

34. TA đã gửi một cơn bão đá tiêu diệt chúng, ngoại trừ gia đình của Lut, TA đã giải cứu họ trước rạng đông.

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ حَاصِبًا إِلَّآ ءَالَ لُوطٖۖ نَّجَّيۡنَٰهُم بِسَحَرٖ ٣٤

35. (Việc giải cứu Lut và gia đình của Y) là một ân huệ từ nơi TA. TA đãi ngộ người biết ơn như thế đấy.

نِّعۡمَةٗ مِّنۡ عِندِنَاۚ كَذَٰلِكَ نَجۡزِي مَن شَكَرَ ٣٥

36. Quả thật, (Lut) đã từng cảnh báo chúng về sự trừng phạt của TA, nhưng chúng đã phớt lờ sự cảnh báo.

وَلَقَدۡ أَنذَرَهُم بَطۡشَتَنَا فَتَمَارَوۡاْ بِٱلنُّذُرِ ٣٦

37. Quả thật, chúng đã đòi Lut trao những vị khách lạ cho chúng. Vậy là TA đã làm mù mắt chúng và (phán): "Các ngươi hãy nếm hình phạt và (đó là) sự cảnh báo (của TA)."

وَلَقَدۡ رَٰوَدُوهُ عَن ضَيۡفِهِۦ فَطَمَسۡنَآ أَعۡيُنَهُمۡ فَذُوقُواْ عَذَابِي وَنُذُرِ ٣٧

38. Và buổi sáng sớm chúng bị trừng phạt.

وَلَقَدۡ صَبَّحَهُم بُكۡرَةً عَذَابٞ مُّسۡتَقِرّٞ ٣٨

39. (Chúng được bảo): "Các ngươi hãy nếm hình phạt và (đó là) sự cảnh báo (của TA)."

فَذُوقُواْ عَذَابِي وَنُذُرِ ٣٩

40. Quả thật, TA đã làm cho Qur'an dễ nhớ, vậy có ai nhớ không?

وَلَقَدۡ يَسَّرۡنَا ٱلۡقُرۡءَانَ لِلذِّكۡرِ فَهَلۡ مِن مُّدَّكِرٖ ٤٠

41. Quả thật, sự cảnh báo đã đến với thuộc hạ của Pha-ra-ông.

وَلَقَدۡ جَآءَ ءَالَ فِرۡعَوۡنَ ٱلنُّذُرُ ٤١

42. Chúng đã phủ nhận tất cả các dấu hiệu của TA, thế là TA đã trừng phạt chúng bằng sức mạnh của Đấng Toàn Năng, Vô Song.

كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَـٰتِنَا كُلِّهَا فَأَخَذْنَـٰهُمْ أَخْذَ عَزِيزٍ مُّقْتَدِرٍ ٤٢

43. (Này hỡi dân Makkah!) Phải chăng đám người vô đức tin các ngươi tốt hơn những đám người trước các ngươi ư? Hoặc phải chăng trong Kinh Sách có ghi rằng các ngươi được miễn phạt?

أَكُفَّارُكُمْ خَيْرٌ مِّنْ أُو۟لَـٰٓئِكُمْ أَمْ لَكُم بَرَآءَةٌ فِى ٱلزُّبُرِ ٤٣

44. Hoặc phải chăng chúng bảo: “Chúng tôi là liên minh giúp đỡ lẫn nhau.”

أَمْ يَقُولُونَ نَحْنُ جَمِيعٌ مُّنتَصِرٌ ٤٤

45. Liên minh của chúng sẽ bị đánh bại và chúng sẽ quay lưng tháo chạy.

سَيُهْزَمُ ٱلْجَمْعُ وَيُوَلُّونَ ٱلدُّبُرَ ٤٥

46. Không, Giờ Tận Thế là cuộc hẹn của chúng và Giờ Tận Thế sẽ tai hại và cay đắng hơn.

بَلِ ٱلسَّاعَةُ مَوْعِدُهُمْ وَٱلسَّاعَةُ أَدْهَىٰ وَأَمَرُّ ٤٦

47. Thật vậy, những kẻ tội lỗi đang lầm lạc và điên rồ.

إِنَّ ٱلْمُجْرِمِينَ فِى ضَلَـٰلٍ وَسُعُرٍ ٤٧

48. Vào Ngày mà chúng sẽ bị lôi úp mặt trong Hỏa Ngục (và chúng được bảo): “Các ngươi hãy nếm (cảm giác) của Lửa (thiêu đốt)!”

يَوْمَ يُسْحَبُونَ فِى ٱلنَّارِ عَلَىٰ وُجُوهِهِمْ ذُوقُوا۟ مَسَّ سَقَرَ ٤٨

49. Quả thật, tất cả mọi thứ TA tạo ra đều có tiền định.

إِنَّا كُلَّ شَىْءٍ خَلَقْنَـٰهُ بِقَدَرٍ ٤٩

50. Và Mệnh Lệnh của TA (chỉ có một từ) duy nhất, như một cái nháy mắt. (Đó là “Kun!” - “Hãy thành!”)

وَمَآ أَمْرُنَآ إِلَّا وَٰحِدَةٌ كَلَمْحٍۭ بِٱلْبَصَرِ ٥٠

51. Quả thật, TA đã tiêu diệt những đám người tương tự như các ngươi, vậy có ai sẽ nhớ không?

وَلَقَدْ أَهْلَكْنَآ أَشْيَاعَكُمْ فَهَلْ مِن مُّدَّكِرٍ ٥١

52. Tất cả mọi điều chúng đã làm đều được ghi chép vào quyển sổ.

وَكُلُّ شَىْءٍ فَعَلُوهُ فِى ٱلزُّبُرِ ٥٢

53. Và mọi điều nhỏ lớn đều được ghi chép.

وَكُلُّ صَغِيرٍ وَكَبِيرٍ مُّسْتَطَرٌ ٥٣

54. Quả thật, những người ngoan đạo (ngay chính, sợ Allah) sẽ ở trong các Ngôi Vườn và những dòng sông (nơi Thiên Đàng).

إِنَّ ٱلْمُتَّقِينَ فِى جَنَّـٰتٍ وَنَهَرٍ ٥٤

55. Tại vị trí danh dự cùng với Đấng Chủ Tể Toàn Năng.

فِى مَقْعَدِ صِدْقٍ عِندَ مَلِيكٍ مُّقْتَدِرٍۭ ٥٥

Ar-Rahman (Đấng Độ Lượng) الرحمن

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ar-Rahman (Đấng Độ Lượng).

ٱلرَّحۡمَٰنُ ١

2. Đấng đã dạy Qur’an.

عَلَّمَ ٱلۡقُرۡءَانَ ٢

3. Đấng đã tạo ra con người.

خَلَقَ ٱلۡإِنسَٰنَ ٣

4. Đấng đã dạy (con người) cách diễn giải (bằng lời nói và viết).

عَلَّمَهُ ٱلۡبَيَانَ ٤

5. Mặt trời và mặt trăng (di chuyển) theo sự tính toán chính xác.

ٱلشَّمۡسُ وَٱلۡقَمَرُ بِحُسۡبَانٖ ٥

6. Ngôi sao và cây cối đều quỳ lạy Ngài.

وَٱلنَّجۡمُ وَٱلشَّجَرُ يَسۡجُدَانِ ٦

7. Bầu trời, Ngài đã nâng nó lên và Ngài đã thiết lập công lý (trên trái đất).

وَٱلسَّمَآءَ رَفَعَهَا وَوَضَعَ ٱلۡمِيزَانَ ٧

8. Để các ngươi (hỡi con người) không cư xử bất công.

أَلَّا تَطۡغَوۡاْ فِي ٱلۡمِيزَانِ ٨

9. Các ngươi hãy cân cho đủ và chớ đừng làm cho cán cân thiếu hụt.

وَأَقِيمُواْ ٱلۡوَزۡنَ بِٱلۡقِسۡطِ وَلَا تُخۡسِرُواْ ٱلۡمِيزَانَ ٩

10. Trái đất, Ngài đã trải rộng nó cho các tạo vật (của Ngài).

وَٱلۡأَرۡضَ وَضَعَهَا لِلۡأَنَامِ ١٠

11. Trên (trái đất) Ngài cho mọc ra trái quả và cây chà là có bẹ,

فِيهَا فَٰكِهَةٞ وَٱلنَّخۡلُ ذَاتُ ٱلۡأَكۡمَامِ ١١

12. Và các loại hạt có vỏ và các loại cây có mùi thơm.

وَٱلۡحَبُّ ذُو ٱلۡعَصۡفِ وَٱلرَّيۡحَانُ ١٢

13. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ١٣

14. Ngài đã tạo ra con người (Adam) từ đất sét (phát ra tiếng kêu) như loại làm đồ gốm.

خَلَقَ ٱلۡإِنسَٰنَ مِن صَلۡصَٰلٖ كَٱلۡفَخَّارِ ١٤

15. Ngài đã tạo ra jaan (tổ tiên của loài Jinnn) từ lửa ngọn không khói.

وَخَلَقَ ٱلۡجَآنَّ مِن مَّارِجٖ مِّن نَّارٖ ١٥

16. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ١٦

17. (Ngài) là Thượng Đế của hai phương Đông và hai phương Tây.

رَبُّ ٱلۡمَشۡرِقَيۡنِ وَرَبُّ ٱلۡمَغۡرِبَيۡنِ ١٧

18. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ١٨

19. Ngài đã để hai biển (mặn và ngọt) gặp nhau.

مَرَجَ ٱلۡبَحۡرَيۡنِ يَلۡتَقِيَانِ ١٩

20. Giữa chúng có một rào cản, (vì vậy), cả hai đều không xâm phạm nhau.

بَيۡنَهُمَا بَرۡزَخٞ لَّا يَبۡغِيَانِ ٢٠

21. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢١

22. Từ (hai biển đó) cho ra ngọc trai và san hô.

يَخۡرُجُ مِنۡهُمَا ٱللُّؤۡلُؤُ وَٱلۡمَرۡجَانُ ٢٢

23. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢٣

24. (Chỉ một mình) Ngài (có quyền năng) làm cho những con tàu lênh đênh trên biển như những quả núi.

وَلَهُ ٱلۡجَوَارِ ٱلۡمُنشَـَٔاتُ فِي ٱلۡبَحۡرِ كَٱلۡأَعۡلَٰمِ ٢٤

25. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢٥

26. Tất cả những ai sống trên (trái đất) đều sẽ bị diệt vong.

كُلُّ مَنۡ عَلَيۡهَا فَانٖ ٢٦

27. Chỉ sẽ còn lại mỗi sắc diện Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), Đấng Quyền Năng Tối Thượng và Danh Dự.

وَيَبۡقَىٰ وَجۡهُ رَبِّكَ ذُو ٱلۡجَلَٰلِ وَٱلۡإِكۡرَامِ ٢٧

28. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢٨

29. Tất cả những ai trong các tầng trời và trái đất đều cần đến Ngài. Mỗi ngày Ngài đều biểu thị công việc.

يَسۡـَٔلُهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ كُلَّ يَوۡمٍ هُوَ فِي
شَأۡنٖ ٢٩

30. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٠

31. TA sẽ thanh toán các ngươi hỡi hai loài tạo vật (Jinn và con người).

سَنَفۡرُغُ لَكُمۡ أَيُّهَ ٱلثَّقَلَانِ ٣١

32. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٢

33. Này hỡi tập thể loài Jinn và tập thể loài người! Nếu các ngươi có khả năng vượt qua được phạm vi của các tầng trời và trái đất thì các ngươi hãy vượt qua! Tuy nhiên, các ngươi sẽ không thể vượt qua được ngoại trừ có thẩm quyền (từ nơi Allah).

يَٰمَعۡشَرَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِ إِنِ ٱسۡتَطَعۡتُمۡ أَن تَنفُذُواْ مِنۡ
أَقۡطَارِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ فَٱنفُذُواْۚ لَا تَنفُذُونَ إِلَّا
بِسُلۡطَٰنٖ ٣٣

34. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٤

35. Lửa và khói sẽ giáng xuống các ngươi, các ngươi sẽ không được ai giúp đỡ.

يُرۡسَلُ عَلَيۡكُمَا شُوَاظٞ مِّن نَّارٖ وَنُحَاسٞ فَلَا
تَنتَصِرَانِ ٣٥

36. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٦

37. Khi bầu trời mở ra (để các Thiên Thần đi xuống), nó trở nên đỏ rực như dầu.

فَإِذَا ٱنشَقَّتِ ٱلسَّمَآءُ فَكَانَتۡ وَرۡدَةٗ كَٱلدِّهَانِ ٣٧

38. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٨

39. Vào Ngày đó, sẽ không ai trong loài người và loài Jinn được hỏi về tội lỗi của mình (bởi vì Allah đã biết rõ các việc làm của họ).

فَيَوۡمَئِذٖ لَّا يُسۡـَٔلُ عَن ذَنۢبِهِۦٓ إِنسٞ وَلَا جَآنّٞ ٣٩

40. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٤٠

41. Những kẻ tội lỗi sẽ bị nhận diện qua những dấu vết riêng, rồi chúng bị túm lấy phần tóc trước trán và đôi bàn chân.

يُعۡرَفُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ بِسِيمَٰهُمۡ فَيُؤۡخَذُ بِٱلنَّوَٰصِي
وَٱلۡأَقۡدَامِ ٤١

42. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٤٢

43. Đây chính là Hỏa Ngục mà những tên tội phạm đã từng phủ nhận.

هَٰذِهِۦ جَهَنَّمُ ٱلَّتِي يُكَذِّبُ بِهَا ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٤٣

44. Chúng sẽ đi xung quanh giữa Lửa và một loại nước cực nóng.

يَطُوفُونَ بَيۡنَهَا وَبَيۡنَ حَمِيمٍ ءَانٖ ٤٤

45. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٤٥

46. Nhưng đối với ai sợ việc đứng trình diện trước Thượng Đế của y thì sẽ có được hai Ngôi Vườn Thiên Đàng.

وَلِمَنۡ خَافَ مَقَامَ رَبِّهِۦ جَنَّتَانِ ٤٦

47. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٤٧

48. (Ngôi Vườn) có nhánh cây tỏa rộng.

ذَوَاتَآ أَفۡنَانٖ ٤٨

49. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٤٩

50. Trong hai (Ngôi Vườn) có hai dòng suối chảy.

فِيهِمَا عَيۡنَانِ تَجۡرِيَانِ ٥٠

51. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٥١

52. Trong hai (Ngôi Vườn), mỗi loại trái quả đều có từng cặp.

فِيهِمَا مِن كُلِّ فَٰكِهَةٖ زَوۡجَانِ ٥٢

53. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٥٣

54. Họ ngả mình trên những chiếc giường được lót bằng gấm lụa, và trái quả trong hai Ngôi Vườn thì gần tầm tay hái.

مُتَّكِـِٔينَ عَلَىٰ فُرُشِۭ بَطَآئِنُهَا مِنۡ إِسۡتَبۡرَقٖۚ وَجَنَى
ٱلۡجَنَّتَيۡنِ دَانٖ ٥٤

55. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٥٥

56. Trong (Thiên Đàng) có các nàng trinh nữ với cái nhìn e thẹn, chưa từng có đàn ông nào trong loài người và loài Jinn đã từng chạm vào.

فِيهِنَّ قَٰصِرَٰتُ ٱلطَّرۡفِ لَمۡ يَطۡمِثۡهُنَّ إِنسٞ قَبۡلَهُمۡ
وَلَا جَآنّٞ ٥٦

57. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٥٧

58. (Các nàng trinh nữ), họ trông giống như những viên hồng ngọc và san hô.

كَأَنَّهُنَّ ٱلۡيَاقُوتُ وَٱلۡمَرۡجَانُ ٥٨

59. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٥٩

60. Chẳng phải phần thưởng tốt là chỉ dành cho cái tốt đó sao?!

هَلۡ جَزَآءُ ٱلۡإِحۡسَٰنِ إِلَّا ٱلۡإِحۡسَٰنُ ٦٠

61. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٦١

62. Ngoài hai Ngôi Vườn đó còn có thêm hai Ngôi Vườn khác.	وَمِن دُونِهِمَا جَنَّتَانِ ٦٢
63. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٦٣
64. (Hai Ngôi Vườn khác đó) có màu xanh đậm.	مُدْهَآمَّتَانِ ٦٤
65. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٦٥
66. Trong hai (Ngôi Vườn đó) có hai dòng suối chảy liên tục.	فِيهِمَا عَيْنَانِ نَضَّاخَتَانِ ٦٦
67. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٦٧
68. Trong hai (Ngôi Vườn đó) có đủ loại trái quả, có chà là và lựu.	فِيهِمَا فَٰكِهَةٌ وَنَخْلٌ وَرُمَّانٌ ٦٨
69. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٦٩
70. Trong (Ngôi Vườn đó) có các nàng (trinh nữ) hiền thục và xinh đẹp.	فِيهِنَّ خَيْرَٰتٌ حِسَانٌ ٧٠
71. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧١
72. Các trinh nữ được bảo vệ trong đài các.	حُورٌ مَّقْصُورَٰتٌ فِى ٱلْخِيَامِ ٧٢
73. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧٣
74. (Các trinh nữ đó) chưa từng có đàn ông nào trong loài người và loài Jinn đã từng chạm vào.	لَمْ يَطْمِثْهُنَّ إِنسٌ قَبْلَهُمْ وَلَا جَآنٌّ ٧٤
75. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧٥
76. Họ ngả mình trên những chiếc đệm màu xanh lá và những tấm thảm mịn đẹp.	مُتَّكِـِٔينَ عَلَىٰ رَفْرَفٍ خُضْرٍ وَعَبْقَرِىٍّ حِسَانٍ ٧٦
77. Vậy ân huệ nào của Thượng Đế của các ngươi mà các ngươi phủ nhận (hỡi loài Jinn và loài người)?!	فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧٧
78. Hồng phúc thay Đại Danh của Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), Đấng Quyền Năng Tối Thượng và Danh Dự.	تَبَٰرَكَ ٱسْمُ رَبِّكَ ذِى ٱلْجَلَٰلِ وَٱلْإِكْرَامِ ٧٨

Al-Waqi'ah (Biến Cố Giờ Tận Thế) الواقعة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Khi Al-Waqi’ah(1) xảy ra.[i]

إِذَا وَقَعَتِ ٱلۡوَاقِعَةُ ١

2. Việc nó xảy ra không phải là điều dối gạt.

لَيۡسَ لِوَقۡعَتِهَا كَاذِبَةٌ ٢

3. (Nó sẽ) hạ nhục (những kẻ vô đức tin, những kẻ tội lỗi) và nâng cao (những người có đức tin và ngoan đạo).

خَافِضَةٞ رَّافِعَةٌ ٣

4. Khi trái đất rung chuyển bởi một sự chấn động dữ dội.

إِذَا رُجَّتِ ٱلۡأَرۡضُ رَجّٗا ٤

5. Và những quả núi bị phá vỡ, đổ nát.

وَبُسَّتِ ٱلۡجِبَالُ بَسّٗا ٥

6. Thành bụi bay tứ tán.

فَكَانَتۡ هَبَآءٗ مُّنۢبَثّٗا ٦

7. (Lúc đó), các ngươi sẽ được phân thành ba nhóm.

وَكُنتُمۡ أَزۡوَٰجٗا ثَلَٰثَةٗ ٧

8. Nhóm những người của tay phải - những người của tay phải là ai?

فَأَصۡحَٰبُ ٱلۡمَيۡمَنَةِ مَآ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَيۡمَنَةِ ٨

9. Nhóm những người của tay trái - những người của tay trái là ai?

وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡمَشۡـَٔمَةِ مَآ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَشۡـَٔمَةِ ٩

10. Và nhóm những người tiên phong – họ là những người được ưu tiên.

وَٱلسَّٰبِقُونَ ٱلسَّٰبِقُونَ ١٠

11. Đó là những người được gần kề (nơi Allah).

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلۡمُقَرَّبُونَ ١١

12. Trong những Ngôi Vườn Thiên Đàng hạnh phúc.

فِي جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ١٢

13. Phần đông thuộc các thế hệ đầu.

ثُلَّةٞ مِّنَ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٣

14. Và một số ít thuộc các thế hệ sau.

وَقَلِيلٞ مِّنَ ٱلۡأٓخِرِينَ ١٤

15. Trên những chiếc giường dát vàng.

عَلَىٰ سُرُرٖ مَّوۡضُونَةٖ ١٥

[i] (1) Một trong các tên gọi của Ngày Tận Thế.

16. Họ ngồi tựa mình trên đó, mặt đối mặt.

مُّتَّكِـِٔينَ عَلَيۡهَا مُتَقَٰبِلِينَ ﴿١٦﴾

17. Những chàng trai thiếu niên trẻ mãi sẽ đi vòng quanh họ hầu hạ.

يَطُوفُ عَلَيۡهِمۡ وِلۡدَٰنٞ مُّخَلَّدُونَ ﴿١٧﴾

18. Chúng mang những chiếc cốc, những chiếc bình và những chiếc ly (rượu) được lấy từ một dòng suối (của Thiên Đàng).

بِأَكۡوَابٖ وَأَبَارِيقَ وَكَأۡسٖ مِّن مَّعِينٖ ﴿١٨﴾

19. (Khi uống), họ sẽ không bị đau đầu và cũng không bị mất trí.

لَّا يُصَدَّعُونَ عَنۡهَا وَلَا يُنزِفُونَ ﴿١٩﴾

20. Sẽ có đủ loại trái quả cho họ tha hồ lựa chọn.

وَفَٰكِهَةٖ مِّمَّا يَتَخَيَّرُونَ ﴿٢٠﴾

21. Sẽ có đủ loại thịt chim mà họ ưa thích.

وَلَحۡمِ طَيۡرٖ مِّمَّا يَشۡتَهُونَ ﴿٢١﴾

22. Sẽ có những trinh nữ với đôi mắt to tuyệt đẹp.

وَحُورٌ عِينٞ ﴿٢٢﴾

23. (Các nàng trinh nữ đó) trông giống như những viên ngọc trai được cất kỹ.

كَأَمۡثَٰلِ ٱللُّؤۡلُوِٕ ٱلۡمَكۡنُونِ ﴿٢٣﴾

24. Một phần thưởng dành cho những việc làm ngoan đạo mà họ đã làm (trên thế gian).

جَزَآءَۢ بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ﴿٢٤﴾

25. Trong (Thiên Đàng), họ sẽ không còn nghe những lời sàm bậy và những điều tội lỗi.

لَا يَسۡمَعُونَ فِيهَا لَغۡوٗا وَلَا تَأۡثِيمًا ﴿٢٥﴾

26. Mà chỉ (còn nghe) những lời chào bằng an phúc lành.

إِلَّا قِيلٗا سَلَٰمٗا سَلَٰمٗا ﴿٢٦﴾

27. Nhóm những người của tay phải - những người của tay phải là ai?

وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡيَمِينِ مَآ أَصۡحَٰبُ ٱلۡيَمِينِ ﴿٢٧﴾

28. (Họ là những người sẽ ở) giữa những cây táo không gai.

فِي سِدۡرٖ مَّخۡضُودٖ ﴿٢٨﴾

29. Giữa những cây chuối ra trái chồng lên nhau.

وَطَلۡحٖ مَّنضُودٖ ﴿٢٩﴾

30. Có bóng mát tỏa rộng.

وَظِلّٖ مَّمۡدُودٖ ﴿٣٠﴾

31. Có dòng nước chảy tràn trề.

وَمَآءٖ مَّسۡكُوبٖ ﴿٣١﴾

32. Có trái quả phong phú (và đa dạng).

وَفَٰكِهَةٖ كَثِيرَةٖ ﴿٣٢﴾

33. (Trái quả) không giới hạn theo mùa và cũng không thiếu hụt.	لَّا مَقْطُوعَةٍ وَلَا مَمْنُوعَةٍ ٣٣
34. Có những chiếc giường cao.	وَفُرُشٍ مَّرْفُوعَةٍ ٣٤
35. Thật vậy, (những nàng tiên nữ trong Thiên Đàng), TA đã tạo ra họ bằng một sự tạo hóa (đặc biệt).	إِنَّآ أَنشَأْنَٰهُنَّ إِنشَآءً ٣٥
36. TA làm cho họ luôn mãi trinh tiết.	فَجَعَلْنَٰهُنَّ أَبْكَارًا ٣٦
37. Họ cùng trang lứa và chỉ yêu chồng của mình.	عُرُبًا أَتْرَابًا ٣٧
38. Dành cho những người của tay phải.	لِّأَصْحَٰبِ ٱلْيَمِينِ ٣٨
39. Một nhóm thuộc các thế hệ đầu.	ثُلَّةٌ مِّنَ ٱلْأَوَّلِينَ ٣٩
40. Một nhóm thuộc các thế hệ sau.	وَثُلَّةٌ مِّنَ ٱلْءَاخِرِينَ ٤٠
41. Nhóm những người của tay trái - những người của tay trái là ai?	وَأَصْحَٰبُ ٱلشِّمَالِ مَآ أَصْحَٰبُ ٱلشِّمَالِ ٤١
42. (Họ sẽ) ở giữa luồng gió cực nóng và nước cực sôi.	فِى سَمُومٍ وَحَمِيمٍ ٤٢
43. Trong đám khói đen.	وَظِلٍّ مِّن يَحْمُومٍ ٤٣
44. Không mát mẻ cũng không dễ chịu.	لَّا بَارِدٍ وَلَا كَرِيمٍ ٤٤
45. Bởi quả thật trước đó, chúng đã ham thích cuộc sống xa hoa (của cõi trần, không màng gì đến cuộc sống Đời Sau).	إِنَّهُمْ كَانُوا۟ قَبْلَ ذَٰلِكَ مُتْرَفِينَ ٤٥
46. Chúng đã ngoan cố phạm các tội lớn.	وَكَانُوا۟ يُصِرُّونَ عَلَى ٱلْحِنثِ ٱلْعَظِيمِ ٤٦
47. Và chúng thường nói: “Lẽ nào khi chúng ta đã chết và đã thành cát bụi, chúng ta thực sự được dựng sống trở lại ư?”	وَكَانُوا۟ يَقُولُونَ أَئِذَا مِتْنَا وَكُنَّا تُرَابًا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا لَمَبْعُوثُونَ ٤٧
48. “Và kể cả tổ tiên (xa xưa) của chúng ta (cũng được dựng sống lại) ư?”	أَوَءَابَآؤُنَا ٱلْأَوَّلُونَ ٤٨
49. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Thật vậy, cả các thế hệ trước đây và các thế hệ sau này.”	قُلْ إِنَّ ٱلْأَوَّلِينَ وَٱلْءَاخِرِينَ ٤٩

50. “Tất cả sẽ được tập kết cho một Ngày Hẹn đã được ấn định.”	لَمَجْمُوعُونَ إِلَىٰ مِيقَٰتِ يَوْمٍ مَّعْلُومٍ ٥٠
51. Rồi đây, các ngươi, hỡi những kẻ lạc lối, những kẻ phủ nhận!	ثُمَّ إِنَّكُمْ أَيُّهَا ٱلضَّآلُّونَ ٱلْمُكَذِّبُونَ ٥١
52. Chắc chắn các ngươi sẽ ăn trái của cây Zaqqum.	لَءَاكِلُونَ مِن شَجَرٍ مِّن زَقُّومٍ ٥٢
53. Các ngươi sẽ nhét đầy chúng vào bụng.	فَمَالِـُٔونَ مِنْهَا ٱلْبُطُونَ ٥٣
54. Rồi các ngươi sẽ uống thêm một loại nước cực nóng.	فَشَٰرِبُونَ عَلَيْهِ مِنَ ٱلْحَمِيمِ ٥٤
55. Các ngươi sẽ uống như những con lạc đà chết khát.	فَشَٰرِبُونَ شُرْبَ ٱلْهِيمِ ٥٥
56. Đây là chỗ ở của chúng vào Ngày Thưởng Phạt.	هَٰذَا نُزُلُهُمْ يَوْمَ ٱلدِّينِ ٥٦
57. TA (Allah) đã tạo ra các ngươi (hỡi những kẻ phủ nhận) nhưng các ngươi lại không tin?	نَحْنُ خَلَقْنَٰكُمْ فَلَوْلَا تُصَدِّقُونَ ٥٧
58. Các ngươi (hỡi con người) có thấy thứ (tinh dịch) mà các ngươi xuất ra (vào âm đạo của phụ nữ) không?	أَفَرَءَيْتُم مَّا تُمْنُونَ ٥٨
59. Có phải các ngươi đã tạo ra nó hay chính TA là Đấng đã tạo ra?	ءَأَنتُمْ تَخْلُقُونَهُۥٓ أَمْ نَحْنُ ٱلْخَٰلِقُونَ ٥٩
60. Chính TA đã định đoạt cái chết giữa các ngươi và TA không hề bất lực.	نَحْنُ قَدَّرْنَا بَيْنَكُمُ ٱلْمَوْتَ وَمَا نَحْنُ بِمَسْبُوقِينَ ٦٠
61. Trong việc thay đổi hình hài của các ngươi cũng như trong việc tạo ra các ngươi trong hình hài khác mà các ngươi không biết.	عَلَىٰٓ أَن نُّبَدِّلَ أَمْثَٰلَكُمْ وَنُنشِئَكُمْ فِى مَا لَا تَعْلَمُونَ ٦١
62. Thật vậy, các ngươi đã biết sự tạo hóa đầu tiên (mà TA đã tạo ra các ngươi), vậy sao các ngươi không nhớ lại (mà tin rằng TA toàn năng dựng các ngươi sống trở lại)?	وَلَقَدْ عَلِمْتُمُ ٱلنَّشْأَةَ ٱلْأُولَىٰ فَلَوْلَا تَذَكَّرُونَ ٦٢
63. Các ngươi có thấy (hạt giống) mà các ngươi gieo trồng không?	أَفَرَءَيْتُم مَّا تَحْرُثُونَ ٦٣
64. Có phải các ngươi là những kẻ làm cho nó mọc lên hay chính TA mới là Đấng làm cho nó mọc?	ءَأَنتُمْ تَزْرَعُونَهُۥٓ أَمْ نَحْنُ ٱلزَّٰرِعُونَ ٦٤
65. Nếu TA muốn, TA có thể làm cho nó (khô và vỡ thành) mảnh vụn để rồi các ngươi chỉ biết ngạc nhiên (đứng nhìn).	لَوْ نَشَآءُ لَجَعَلْنَٰهُ حُطَٰمًا فَظَلْتُمْ تَفَكَّهُونَ ٦٥

66. (Lúc đó, các ngươi chỉ biết nói): “Chúng ta thực sự đã thất mùa!”

إِنَّا لَمُغۡرَمُونَ ٦٦

67. “Không, chúng ta đã mất trắng.”

بَلۡ نَحۡنُ مَحۡرُومُونَ ٦٧

68. Các ngươi có thấy nước mà các ngươi uống không?

أَفَرَءَيۡتُمُ ٱلۡمَآءَ ٱلَّذِى تَشۡرَبُونَ ٦٨

69. Có phải các ngươi đã ban nó xuống từ những đám mây hay chính TA là Đấng đã ban nó xuống?

ءَأَنتُمۡ أَنزَلۡتُمُوهُ مِنَ ٱلۡمُزۡنِ أَمۡ نَحۡنُ ٱلۡمُنزِلُونَ ٦٩

70. Nếu TA muốn, TA có thể làm cho nó trở nên mặn. Vậy sao các ngươi không biết ơn (TA)?

لَوۡ نَشَآءُ جَعَلۡنَٰهُ أُجَاجٗا فَلَوۡلَا تَشۡكُرُونَ ٧٠

71. Các ngươi có thấy lửa mà các ngươi đốt lên không?

أَفَرَءَيۡتُمُ ٱلنَّارَ ٱلَّتِى تُورُونَ ٧١

72. Có phải các ngươi đã tạo ra cây cối để đốt lửa hay chính TA mới là Đấng đã tạo ra?

ءَأَنتُمۡ أَنشَأۡتُمۡ شَجَرَتَهَآ أَمۡ نَحۡنُ ٱلۡمُنشِـُٔونَ ٧٢

73. TA đã làm cho (lửa) thành một vật nhắc nhở (về Hỏa Ngục) và TA đã làm cho nó thành một vật dụng cho những ai là khách lữ hành (trong các ngươi).

نَحۡنُ جَعَلۡنَٰهَا تَذۡكِرَةٗ وَمَتَٰعٗا لِّلۡمُقۡوِينَ ٧٣

74. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy tôn cao danh Thượng Đế của Ngươi, Đấng vĩ đại nhất.

فَسَبِّحۡ بِٱسۡمِ رَبِّكَ ٱلۡعَظِيمِ ٧٤

75. TA thề bởi vị trí và địa điểm của các vì sao.

۞فَلَآ أُقۡسِمُ بِمَوَٰقِعِ ٱلنُّجُومِ ٧٥

76. Và thực sự, đó là một lời thề trọng đại nếu các ngươi biết.

وَإِنَّهُۥ لَقَسَمٞ لَّوۡ تَعۡلَمُونَ عَظِيمٌ ٧٦

77. Quả thật, (những Lời được đọc cho các ngươi nghe – hỡi nhân loại) là Kinh Qur’an cao quý.

إِنَّهُۥ لَقُرۡءَانٞ كَرِيمٞ ٧٧

78. Nó nằm trong một Kinh Sách được cất kỹ (Lawhu-Al-Mahfuzh).

فِى كِتَٰبٖ مَّكۡنُونٖ ٧٨

79. Không ai được phép chạm vào Nó ngoại trừ những người đã được thanh lọc.

لَّا يَمَسُّهُۥٓ إِلَّا ٱلۡمُطَهَّرُونَ ٧٩

80. Một sự mặc khải từ Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.

تَنزِيلٞ مِّن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٨٠

81. Phải chăng đây là những lời mà các ngươi thờ ơ và bàng quan (hỡi những kẻ đa thần)?

أَفَبِهَٰذَا ٱلۡحَدِيثِ أَنتُم مُّدۡهِنُونَ ٨١

82. Thay vì các ngươi phải biết ơn những bổng lộc (mà Allah) đã ban cho các ngươi thì các ngươi lại quên ơn (Ngài).

وَتَجۡعَلُونَ رِزۡقَكُمۡ أَنَّكُمۡ تُكَذِّبُونَ ٨٢

83. Vậy tại sao khi linh hồn lên đến cổ họng (lúc chết, các ngươi không can thiệp)?

فَلَوۡلَآ إِذَا بَلَغَتِ ٱلۡحُلۡقُومَ ٨٣

84. (Sao lúc đó) các ngươi chỉ biết đưa mắt nhìn?

وَأَنتُمۡ حِينَئِذٖ تَنظُرُونَ ٨٤

85. TA (và các Thiên Thần của TA) ở gần y (người chết) hơn các ngươi, nhưng các ngươi không nhìn thấy.

وَنَحۡنُ أَقۡرَبُ إِلَيۡهِ مِنكُمۡ وَلَٰكِن لَّا تُبۡصِرُونَ ٨٥

86. Nếu các ngươi cho rằng các ngươi không bị phán xét và thưởng phạt,

فَلَوۡلَآ إِن كُنتُمۡ غَيۡرَ مَدِينِينَ ٨٦

87. Các ngươi hãy đưa (hồn của người chết) trở lại (thân xác của y) xem nào nếu các ngươi là những kẻ nói thật.

تَرۡجِعُونَهَآ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٨٧

88. Vì vậy, nếu người chết là người thuộc những người gần kề (nơi Allah),

فَأَمَّآ إِن كَانَ مِنَ ٱلۡمُقَرَّبِينَ ٨٨

89. Y sẽ nghỉ ngơi an lành (sau đó) với phần bổng lộc tốt nơi Thiên Đàng hạnh phúc.

فَرَوۡحٞ وَرَيۡحَانٞ وَجَنَّتُ نَعِيمٖ ٨٩

90. Nếu (người chết) là người thuộc những người bạn của tay phải,

وَأَمَّآ إِن كَانَ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلۡيَمِينِ ٩٠

91. (Y sẽ được tiếp đón từ những người bạn của tay phải (với lời): “Chào an lành!”

فَسَلَٰمٞ لَّكَ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلۡيَمِينِ ٩١

92. Nhưng nếu (người chết) là người thuộc những kẻ phủ nhận, lạc lối,

وَأَمَّآ إِن كَانَ مِنَ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ٱلضَّآلِّينَ ٩٢

93. Y sẽ được chiêu đãi bằng một loại nước cực sôi.

فَنُزُلٞ مِّنۡ حَمِيمٖ ٩٣

94. Y sẽ bị nướng trong Hỏa Ngục.

وَتَصۡلِيَةُ جَحِيمٍ ٩٤

95. Quả thật, đây là sự thật chắc chắn.

إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ حَقُّ ٱلۡيَقِينِ ٩٥

96. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy tôn cao danh Thượng Đế của Ngươi, Đấng vĩ đại nhất.

فَسَبِّحۡ بِٱسۡمِ رَبِّكَ ٱلۡعَظِيمِ ٩٦

Al-Hadid (Sắt) الحديد

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Vạn vật trong trời đất đều tôn cao Allah vì Ngài là Đấng Quyền Năng, Đấng Chí Minh.

سَبَّحَ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ١

2. Quyền thống trị trời đất thuộc về một mình Ngài. Ngài làm cho sống và làm cho chết, và Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ.

لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ يُحۡيِۦ وَيُمِيتُۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ٢

3. Ngài là Đấng Đầu Tiên, Đấng Cuối Cùng, Đấng Bên Ngoài, Đấng Bên Trong, và Ngài có kiến thức về mọi thứ.

هُوَ ٱلۡأَوَّلُ وَٱلۡأٓخِرُ وَٱلظَّٰهِرُ وَٱلۡبَاطِنُۖ وَهُوَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٌ ٣

4. Ngài là Đấng đã tạo dựng trời đất trong sáu ngày rồi ngự lên Ngai Vương. Ngài biết rõ những gì thâm nhập vào trái đất và những gì từ dưới đất nhô lên, và (Ngài biết rõ) những gì từ trên trời xuống và những gì đi lên trời; và Ngài ở cùng với các ngươi mọi lúc mọi nơi. Quả thật, Allah thấy rõ những gì các ngươi làm.

هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ ثُمَّ ٱسۡتَوَىٰ عَلَى ٱلۡعَرۡشِۖ يَعۡلَمُ مَا يَلِجُ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا يَخۡرُجُ مِنۡهَا وَمَا يَنزِلُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ وَمَا يَعۡرُجُ فِيهَاۖ وَهُوَ مَعَكُمۡ أَيۡنَ مَا كُنتُمۡۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ٤

5. Quyền thống trị trời đất thuộc về một mình Ngài, tất cả mọi sự việc đều được trình về cho Ngài (định đoạt).

لَّهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ ٥

6. Ngài nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm, và Ngài biết rõ mọi điều nằm trong lòng (đám bề tôi của Ngài).

يُولِجُ ٱلَّيۡلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِي ٱلَّيۡلِۚ وَهُوَ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٦

7. Các ngươi hãy có đức tin nơi Allah và Sứ Giả của Ngài và các ngươi hãy chi dùng (cho con đường chính nghĩa của Allah) tài sản mà Ngài đã cho các ngươi thừa hưởng. Do đó, trong các ngươi, những ai đã có đức tin và đã chi dùng tài sản (cho con đường chính nghĩa của Ngài) thì sẽ có được một phần thưởng to lớn.

ءَامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَأَنفِقُواْ مِمَّا جَعَلَكُم مُّسۡتَخۡلَفِينَ فِيهِۖ فَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنكُمۡ وَأَنفَقُواْ لَهُمۡ أَجۡرٞ كَبِيرٞ ٧

8. Sao các ngươi lại không có đức tin nơi Allah trong khi vị Sứ Giả (của Ngài) đã kêu gọi các ngươi hãy có đức tin nơi Thượng Đế của các ngươi và Ngài đã nhận lời giao ước của các ngươi (rằng các ngươi có đức tin nơi Ngài lúc Ngài tạo ra các ngươi từ xương sống người cha của các ngươi), nếu các ngươi là những người thực sự có đức tin?

وَمَا لَكُمۡ لَا تُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلرَّسُولُ يَدۡعُوكُمۡ لِتُؤۡمِنُواْ بِرَبِّكُمۡ وَقَدۡ أَخَذَ مِيثَٰقَكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٨

9. Ngài là Đấng đã ban xuống cho Người Bề Tôi (Muhammad) của Ngài các Lời Mặc Khải rõ ràng để Ngài đưa các ngươi ra ánh sáng từ nơi tăm tối. Quả thật, Allah tử tế và nhân từ đối với các ngươi.

هُوَ ٱلَّذِي يُنَزِّلُ عَلَىٰ عَبۡدِهِۦٓ ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٖ لِّيُخۡرِجَكُم مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ بِكُمۡ لَرَءُوفٞ رَّحِيمٞ ٩

10. Sao các ngươi không chi dùng cho con đường chính nghĩa của Allah trong khi mọi tài sản của trời đất đều thuộc quyền sở hữu của Allah? Chắc chắn sẽ không ngang bằng nhau giữa các ngươi, những người đã chi dùng tài sản và chiến đấu trước cuộc chinh phục Makkah (và những người chi dùng tài sản và chiến đấu sau đó). Những người (đã chi dùng tài sản và chiến đấu trước cuộc chinh phục Makkah) sẽ có cấp bậc cao hơn những người chi dùng và chiến đấu sau đó. Tuy nhiên, Allah đã hứa ban phần thưởng tốt cho tất cả và Ngài thông toàn những gì các ngươi làm.

وَمَا لَكُمۡ أَلَّا تُنفِقُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلِلَّهِ مِيرَٰثُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ لَا يَسۡتَوِي مِنكُم مَّنۡ أَنفَقَ مِن قَبۡلِ ٱلۡفَتۡحِ وَقَٰتَلَۚ أُوْلَٰٓئِكَ أَعۡظَمُ دَرَجَةٗ مِّنَ ٱلَّذِينَ أَنفَقُواْ مِنۢ بَعۡدُ وَقَٰتَلُواْۚ وَكُلّٗا وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ١٠

11. Người nào cho Allah mượn một món nợ tốt, Ngài sẽ nhân nó lên cho y nhiều hơn và y sẽ có được một phần thưởng cao quý và vinh dự.

مَّن ذَا ٱلَّذِي يُقۡرِضُ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗا فَيُضَٰعِفَهُۥ لَهُۥ وَلَهُۥٓ أَجۡرٞ كَرِيمٞ ١١

12. Vào Ngày mà ngươi sẽ thấy những người đàn ông có đức tin và những người phụ nữ có đức tin, ánh sáng của họ tiến tới trước mặt và bên phải của họ. (Họ được bảo): "Những điều tốt lành của các ngươi ngày hôm nay là những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, nơi mà các ngươi sẽ sống vĩnh viễn." Đấy là một thành tựu vĩ đại."

يَوۡمَ تَرَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ يَسۡعَىٰ نُورُهُم بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَبِأَيۡمَٰنِهِمۖ بُشۡرَىٰكُمُ ٱلۡيَوۡمَ جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ١٢

13. Đó cũng là Ngày mà những kẻ giả tạo đức tin nam cũng như nữ sẽ nói với những người có đức tin: "Xin hãy đợi chúng tôi để chúng tôi có thể có được một chút ánh sáng của các người." Lúc đó, có lời đáp lại: "Các người hãy quay lại phía sau và tìm kiếm ánh sáng!" Thế rồi một bức tường cao có cửa sẽ được dựng lên giữa họ, bên trong chứa đựng sự thương xót và lòng nhân từ nhưng bên ngoài là sự trừng phạt.

يَوۡمَ يَقُولُ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتُ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱنظُرُونَا نَقۡتَبِسۡ مِن نُّورِكُمۡ قِيلَ ٱرۡجِعُواْ وَرَآءَكُمۡ فَٱلۡتَمِسُواْ نُورٗاۖ فَضُرِبَ بَيۡنَهُم بِسُورٖ لَّهُۥ بَابُۢ بَاطِنُهُۥ فِيهِ ٱلرَّحۡمَةُ وَظَٰهِرُهُۥ مِن قِبَلِهِ ٱلۡعَذَابُ ١٣

14. (Những kẻ giả tạo đức tin) sẽ réo gọi những người có đức tin: "Chẳng phải chúng ta cùng một nhóm ư?" (Những người có đức tin) nói: "Đúng vậy, (chúng ta cùng một nhóm), nhưng các người đã tự hại mình (bởi sự giả tạo đức tin của các người), các người đã thường chờ đợi (sự thất bại của chúng tôi), các người đã hoài nghi (về việc Allah ban cho sự thắng lợi), và những mơ tưởng đã lừa dối các người cho đến khi lệnh của Allah đến. Và kẻ lừa dối đã lừa dối các người về Allah."

يُنَادُونَهُمْ أَلَمْ نَكُن مَّعَكُمْۖ قَالُواْ بَلَىٰ وَلَٰكِنَّكُمْ
فَتَنتُمْ أَنفُسَكُمْ وَتَرَبَّصْتُمْ وَٱرْتَبْتُمْ وَغَرَّتْكُمُ
ٱلْأَمَانِيُّ حَتَّىٰ جَآءَ أَمْرُ ٱللَّهِ وَغَرَّكُم بِٱللَّهِ ٱلْغَرُورُ ١٤

15. Vì vậy, ngày hôm nay sẽ không có tiền chuộc nào được chấp nhận từ các ngươi (hỡi những kẻ giả tạo đức tin) cũng như từ những kẻ vô đức tin. Chỗ cư ngụ của các ngươi (hôm nay) chính là Hỏa Ngục, nó xứng đáng với các ngươi và nó là một nơi đến vô cùng tồi tệ.

فَٱلْيَوْمَ لَا يُؤْخَذُ مِنكُمْ فِدْيَةٌ وَلَا مِنَ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْۚ مَأْوَىٰكُمُ ٱلنَّارُۖ هِيَ مَوْلَىٰكُمْۖ وَبِئْسَ
ٱلْمَصِيرُ ١٥

16. Lẽ nào chưa phải lúc để cho những người có đức tin biết rằng trái tim của họ nên sợ trước lời nhắc nhở của Allah và trước Chân Lý đã được ban xuống ư? Họ chớ giống như những kẻ đã được ban cho Kinh Sách trước đây, do bởi thời gian trôi qua quá dài nên con tim của chúng cứng lại, và nhiều người trong bọn chúng là những kẻ ngang ngược bất tuân.

۞أَلَمْ يَأْنِ لِلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَن تَخْشَعَ قُلُوبُهُمْ لِذِكْرِ
ٱللَّهِ وَمَا نَزَلَ مِنَ ٱلْحَقِّ وَلَا يَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ أُوتُواْ
ٱلْكِتَٰبَ مِن قَبْلُ فَطَالَ عَلَيْهِمُ ٱلْأَمَدُ فَقَسَتْ
قُلُوبُهُمْۖ وَكَثِيرٌ مِّنْهُمْ فَٰسِقُونَ ١٦

17. Các ngươi hãy biết rằng Allah đã làm cho mảnh đất sống lại sau khi nó đã chết khô. Thật vậy, TA (Allah) đã trình bày rõ các Lời Mặc Khải (của TA) cho các ngươi hy vọng các ngươi sẽ hiểu.

ٱعْلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يُحْيِ ٱلْأَرْضَ بَعْدَ مَوْتِهَاۚ قَدْ بَيَّنَّا
لَكُمُ ٱلْأٓيَٰتِ لَعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ١٧

18. Quả thật, những người làm từ thiện nam cũng như nữ, họ đã cho Allah mượn một món nợ tốt, món nợ (tốt) đó sẽ được nhân lên cho họ và họ sẽ có được một phần thưởng cao quý, vinh dự.

إِنَّ ٱلْمُصَّدِّقِينَ وَٱلْمُصَّدِّقَٰتِ وَأَقْرَضُواْ ٱللَّهَ قَرْضًا
حَسَنًا يُضَٰعَفُ لَهُمْ وَلَهُمْ أَجْرٌ كَرِيمٌ ١٨

19. Những người có đức tin nơi Allah và các Sứ Giả của Ngài là những người ủng hộ chân lý và là những người hy sinh vì chính nghĩa của Ngài; họ sẽ có được phần thưởng và ánh sáng nơi Thượng Đế của họ. Ngược lại, những kẻ vô đức tin và phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA sẽ là những kẻ đồng hành của Hỏa Ngục.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦٓ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلصِّدِّيقُونَۖ وَٱلشُّهَدَآءُ عِندَ رَبِّهِمْ لَهُمْ أَجْرُهُمْ
وَنُورُهُمْۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ
أَصْحَٰبُ ٱلْجَحِيمِ ١٩

20. Các ngươi hãy biết rằng cuộc sống trần gian này chỉ là trò vui chơi, là thú tiêu khiển, là sự tô điểm khoe khoang tâng bốc lẫn nhau, là sự cạnh tranh để gia tăng của cải và con cái. Hình ảnh của nó giống như hoa màu (đâm trổ xanh tươi) sau cơn mưa làm mát dạ người trồng, sau đó lại héo hon và khô đi; ngươi - hỡi con người - sẽ thấy nó chuyển thành màu vàng rồi thành các mảnh vụn. Nhưng ở Đời sau, sẽ có một sự trừng phạt khủng khiếp và sự tha thứ cùng với sự hài lòng của Allah. Và cuộc sống thế gian này chỉ là một sự hưởng thụ tạm bợ đầy dối trá.

ٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَا ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا لَعِبٞ وَلَهۡوٞ وَزِينَةٞ وَتَفَاخُرُۢ بَيۡنَكُمۡ وَتَكَاثُرٞ فِي ٱلۡأَمۡوَٰلِ وَٱلۡأَوۡلَٰدِۖ كَمَثَلِ غَيۡثٍ أَعۡجَبَ ٱلۡكُفَّارَ نَبَاتُهُۥ ثُمَّ يَهِيجُ فَتَرَىٰهُ مُصۡفَرّٗا ثُمَّ يَكُونُ حُطَٰمٗاۖ وَفِي ٱلۡأٓخِرَةِ عَذَابٞ شَدِيدٞ وَمَغۡفِرَةٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَرِضۡوَٰنٞۚ وَمَا ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَآ إِلَّا مَتَٰعُ ٱلۡغُرُورِ ﴿٢٠﴾

21. Các ngươi hãy tranh nhau chạy đua đến với sự tha thứ từ Thượng Đế của các ngươi và (hãy tranh nhau chạy đua đến với) Thiên Đàng nơi mà khoảng rộng của nó như khoảng rộng của trời đất được chuẩn bị cho những người có đức tin nơi Allah và các Sứ Giả của Ngài. Đó là thiên lộc của Allah mà Ngài sẽ ban cho ai Ngài muốn. Quả thật, Allah là Đấng có thiên lộc vĩ đại.

سَابِقُوٓاْ إِلَىٰ مَغۡفِرَةٖ مِّن رَّبِّكُمۡ وَجَنَّةٍ عَرۡضُهَا كَعَرۡضِ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ أُعِدَّتۡ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦۚ ذَٰلِكَ فَضۡلُ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ﴿٢١﴾

22. Không một tai họa nào xảy ra trên trái đất hoặc nhằm vào bản thân các ngươi mà lại không được ghi chép trong Quyển Sổ Định Mệnh trước khi TA (Allah) thể hiện nó. Quả thật, điều đó rất đơn giản đối với Allah.

مَآ أَصَابَ مِن مُّصِيبَةٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فِيٓ أَنفُسِكُمۡ إِلَّا فِي كِتَٰبٖ مِّن قَبۡلِ أَن نَّبۡرَأَهَآۚ إِنَّ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٞ ﴿٢٢﴾

23. Để cho các ngươi (hỡi con người) không tuyệt vọng về những gì đã mất và không vui mừng quá đỗi (đến mức tự hào và kiêu ngạo) về những gì (Allah) đã ban cho các ngươi. Quả thật, Allah không yêu thương những kẻ khoác lác khoe khoang.

لِّكَيۡلَا تَأۡسَوۡاْ عَلَىٰ مَا فَاتَكُمۡ وَلَا تَفۡرَحُواْ بِمَآ ءَاتَىٰكُمۡۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ كُلَّ مُخۡتَالٖ فَخُورٍ ﴿٢٣﴾

24. Những kẻ keo kiệt và xúi giục thiên hạ keo kiệt như mình (đều là những kẻ thua thiệt). Và kẻ nào quay lưng (với Allah thì chỉ làm hại bản thân chứ không ảnh hưởng gì đến Ngài) bởi quả thật Allah là Đấng Miễn Cần, Đấng Đáng Ca Tụng.

ٱلَّذِينَ يَبۡخَلُونَ وَيَأۡمُرُونَ ٱلنَّاسَ بِٱلۡبُخۡلِۗ وَمَن يَتَوَلَّ فَإِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡغَنِيُّ ٱلۡحَمِيدُ ﴿٢٤﴾

25. Quả thật, TA đã gửi các Sứ Giả của TA đến với những bằng chứng rõ rệt và TA đã ban xuống cùng với Họ những Kinh Sách và Chiếc Cân (công lý) để cho nhân loại dựa theo đó mà duy trì sự công bằng. Và TA đã ban sắt xuống, trong đó có một sức mạnh quân sự to lớn và nhiều nguồn lợi khác cho nhân loại, mục đích để Allah biết ai là người ủng hộ Ngài và Sứ Giả của Ngài. Quả thật, Allah là Đấng Quyền Lực, Đấng Toàn Năng.

لَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا رُسُلَنَا بِٱلۡبَيِّنَٰتِ وَأَنزَلۡنَا مَعَهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡمِيزَانَ لِيَقُومَ ٱلنَّاسُ بِٱلۡقِسۡطِۖ وَأَنزَلۡنَا ٱلۡحَدِيدَ فِيهِ بَأۡسٞ شَدِيدٞ وَمَنَٰفِعُ لِلنَّاسِ وَلِيَعۡلَمَ ٱللَّهُ مَن يَنصُرُهُۥ وَرُسُلَهُۥ بِٱلۡغَيۡبِۚ إِنَّ ٱللَّهَ قَوِيٌّ عَزِيزٞ ﴿٢٥﴾

26. Quả thật, TA đã cử phái Nuh và Ibrahim làm Sứ Giả (của TA) và TA đã lựa chọn trong con cháu của họ làm người thừa kế sứ mạng Nabi và tiếp nhận Kinh Sách. Tuy nhiên chỉ một ít trong số họ được hướng dẫn còn đa số là những kẻ bất tuân dấy loạn.

وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا نُوحٗا وَإِبۡرَٰهِيمَ وَجَعَلۡنَا فِي ذُرِّيَّتِهِمَا
ٱلنُّبُوَّةَ وَٱلۡكِتَٰبَۖ فَمِنۡهُم مُّهۡتَدٖۖ وَكَثِيرٞ مِّنۡهُمۡ
فَٰسِقُونَ ٢٦

27. Sau đó TA phái các Thiên Sứ khác nối gót theo họ. TA đã cử phái Ysa con trai Maryam và ban cho Y Kinh Injil (Tân Ước), TA đã đặt vào trái tim những người đi theo Y lòng trắc ẩn và sự thương xót. Nhưng nguyên tắc tu hành (không lập gia đình) là do họ tự đặt ra chứ TA không qui định cho họ, ngoại trừ việc làm hài lòng Allah; họ đã không làm tròn bổn phận mà đáng lẽ ra họ phải làm. Mặc dù vậy TA đã ban thưởng cho những ai có đức tin trong số họ, tuy nhiên, đa số đều là những kẻ bất tuân dấy loạn.

ثُمَّ قَفَّيۡنَا عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِم بِرُسُلِنَا وَقَفَّيۡنَا بِعِيسَى ٱبۡنِ
مَرۡيَمَ وَءَاتَيۡنَٰهُ ٱلۡإِنجِيلَۖ وَجَعَلۡنَا فِي قُلُوبِ ٱلَّذِينَ
ٱتَّبَعُوهُ رَأۡفَةٗ وَرَحۡمَةٗۚ وَرَهۡبَانِيَّةً ٱبۡتَدَعُوهَا مَا كَتَبۡنَٰهَا
عَلَيۡهِمۡ إِلَّا ٱبۡتِغَآءَ رِضۡوَٰنِ ٱللَّهِ فَمَا رَعَوۡهَا حَقَّ
رِعَايَتِهَاۖ فَـَٔاتَيۡنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنۡهُمۡ أَجۡرَهُمۡۖ وَكَثِيرٞ
مِّنۡهُمۡ فَٰسِقُونَ ٢٧

28. Hỡi những người có đức tin, các ngươi hãy sợ Allah và hãy có đức tin nơi Thiên Sứ của Ngài, Ngài sẽ lấy lòng thương xót của Ngài mà ban cho các ngươi gấp đôi phần thưởng, Ngài sẽ ban cho các ngươi ánh sáng để các ngươi bước đi và Ngài sẽ tha thứ cho các ngươi. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَءَامِنُواْ بِرَسُولِهِۦ
يُؤۡتِكُمۡ كِفۡلَيۡنِ مِن رَّحۡمَتِهِۦ وَيَجۡعَل لَّكُمۡ نُورٗا
تَمۡشُونَ بِهِۦ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٢٨

29. Để cho dân Kinh Sách biết rằng chúng không quyết định được điều gì về thiên ân của Allah, và rằng thiên ân hoàn toàn nằm trong Tay của Allah, Ngài sẽ trao nó cho người mà Ngài muốn. Quả thật, Allah là Đấng có thiên ân vĩ đại.

لِّئَلَّا يَعۡلَمَ أَهۡلُ ٱلۡكِتَٰبِ أَلَّا يَقۡدِرُونَ عَلَىٰ شَيۡءٖ
مِّن فَضۡلِ ٱللَّهِ وَأَنَّ ٱلۡفَضۡلَ بِيَدِ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ مَن
يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ٢٩

Al-Mujadalah (Người Phụ Nữ Tranh Luận) المجادلة

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَـٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Quả thật, Allah đã nghe thấy lời của người phụ nữ (tên Khawlah bint Tha'labah) tranh luận với Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) về chồng của nàng ta (tên Aws bin As-Samit), và nàng ta đã phàn nàn với Allah và Allah đã nghe thấy cuộc đối thoại của hai ngươi. Thật vậy, Allah là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

قَدْ سَمِعَ ٱللَّهُ قَوْلَ ٱلَّتِى تُجَـٰدِلُكَ فِى زَوْجِهَا
وَتَشْتَكِىٓ إِلَى ٱللَّهِ وَٱللَّهُ يَسْمَعُ تَحَاوُرَكُمَآ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ
سَمِيعٌۢ بَصِيرٌ ١

2. Những ai trong các ngươi thôi vợ của mình theo lối Zhihar(1) thì hãy biết rằng vợ của họ không phải là mẹ của họ. Bởi lẽ mẹ của họ là người đã sinh đẻ ra họ. Quả thật, họ đang nói một tuyên bố phản cảm và sai sự thật. Tuy nhiên, Allah thực sự là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Độ Lượng.[1]

ٱلَّذِينَ يُظَـٰهِرُونَ مِنكُم مِّن نِّسَآئِهِم مَّا هُنَّ
أُمَّهَـٰتِهِمْ ۖ إِنْ أُمَّهَـٰتُهُمْ إِلَّا ٱلَّـٰٓـِٔى وَلَدْنَهُمْ ۚ وَإِنَّهُمْ
لَيَقُولُونَ مُنكَرًا مِّنَ ٱلْقَوْلِ وَزُورًا ۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَعَفُوٌّ
غَفُورٌ ٢

3. Những ai đã thôi vợ của mình theo lối Zhihar nhưng sau đó muốn rút lại những gì họ đã tuyên bố thì họ (phải chịu phạt bằng cách) chuộc tự do cho một người nô lệ trước khi hai người trở lại chăn gối với nhau. Đó là những gì các ngươi được răn dạy và Allah thông toàn những gì các ngươi làm.

وَٱلَّذِينَ يُظَـٰهِرُونَ مِن نِّسَآئِهِمْ ثُمَّ يَعُودُونَ لِمَا قَالُوا۟
فَتَحْرِيرُ رَقَبَةٍ مِّن قَبْلِ أَن يَتَمَآسَّا ۚ ذَٰلِكُمْ
تُوعَظُونَ بِهِۦ ۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرٌ ٣

4. Nhưng nếu ai không tìm thấy (nô lệ để phóng thích) thì phải nhịn chay trong hai tháng liên tiếp trước khi hai người trở lại chăn gối với nhau. Nhưng nếu ai không thể (nhịn chay trong hai tháng liên tiếp) thì phải nuôi ăn sáu mươi người nghèo. Đó là để chứng tỏ các ngươi có đức tin nơi Allah và Sứ Giả của Ngài. Và đó là giới hạn của Allah. Quả thật, những kẻ vô đức tin sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn.

فَمَن لَّمْ يَجِدْ فَصِيَامُ شَهْرَيْنِ مُتَتَابِعَيْنِ مِن قَبْلِ أَن
يَتَمَآسَّا ۖ فَمَن لَّمْ يَسْتَطِعْ فَإِطْعَامُ سِتِّينَ مِسْكِينًا ۚ
ذَٰلِكَ لِتُؤْمِنُوا۟ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ ۚ وَتِلْكَ حُدُودُ ٱللَّهِ ۗ
وَلِلْكَـٰفِرِينَ عَذَابٌ أَلِيمٌ ٤

5. Những kẻ chống lại Allah và Sứ Giả của Ngài chắc chắn sẽ bị hạ nhục giống như những kẻ thời trước chúng. Quả thật, TA đã ban xuống các Lời Mặc Khải rõ ràng và những kẻ vô đức tin sẽ phải chịu một trừng phạt đầy nhục nhã.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُحَآدُّونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ كُبِتُوا۟ كَمَا كُبِتَ
ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ ۚ وَقَدْ أَنزَلْنَآ ءَايَـٰتٍۭ بَيِّنَـٰتٍ ۚ
وَلِلْكَـٰفِرِينَ عَذَابٌ مُّهِينٌ ٥

6. Vào Ngày mà Allah dựng sống lại tất cả bọn chúng, Ngài sẽ cho chúng biết những điều mà chúng đã làm. Allah đã cho ghi chép tất cả nhưng chúng đã quên. Quả thật, Allah làm chứng cho tất cả mọi thứ.

يَوْمَ يَبْعَثُهُمُ ٱللَّهُ جَمِيعًا فَيُنَبِّئُهُم بِمَا عَمِلُوٓا۟ ۚ أَحْصَىٰهُ
ٱللَّهُ وَنَسُوهُ ۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ شَهِيدٌ ٦

[1] (1) Zhihar là một hình thức thôi vợ của những người Ả-rập thời trước Islam bằng câu thành ngữ mà họ thường dùng để nói với vợ của mình: "Cô đối với tôi giống như cái lưng của mẹ tôi vậy!" ngụ ý không được phép ăn nằm với vợ.

7. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi không nghĩ rằng Allah biết những gì trong các tầng trời và những gì trên trái đất ư? Không một cuộc trò chuyện riêng tư nào giữa ba người mà Ngài không là người thứ tư trong số họ, nếu cuộc trò chuyện có năm người thì Ngài là người thứ sáu trong số họ, dù số lượng (những người tham gia trong cuộc trò chuyện) ít hoặc nhiều hơn thế thì Ngài vẫn là người ở cùng với họ dẫu họ ở đâu. Rồi sau đó, vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, Ngài sẽ cho họ biết về những điều mà họ đã làm. Quả thật, Allah là Đấng biết hết tất cả mọi điều.

أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۖ
مَا يَكُونُ مِن نَّجۡوَىٰ ثَلَٰثَةٍ إِلَّا هُوَ رَابِعُهُمۡ وَلَا
خَمۡسَةٍ إِلَّا هُوَ سَادِسُهُمۡ وَلَآ أَدۡنَىٰ مِن ذَٰلِكَ وَلَآ
أَكۡثَرَ إِلَّا هُوَ مَعَهُمۡ أَيۡنَ مَا كَانُواْۖ ثُمَّ يُنَبِّئُهُم بِمَا
عَمِلُواْ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٌ ٧

8. Ngươi không thấy rằng những kẻ đã bị cấm không được trò chuyện riêng tư rồi sau đó chúng quay trở lại điều mà chúng bị cấm và trò chuyện thầm kín với nhau về tội lỗi, hận thù và trái lệnh Sứ Giả (của Allah) sao? Khi chúng đến gặp Ngươi, chúng không chào Ngươi bằng lời chào mà Allah dùng để chào Ngươi, và chúng nói với nhau: “Tại sao Allah không trừng phạt bọn ta vì những gì bọn ta nói?” Hỏa Ngục, nơi mà chúng sẽ bị thiêu đốt đã đủ cho chúng, và đó là đích đến khốn khổ và tồi tệ nhất.

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ نُهُواْ عَنِ ٱلنَّجۡوَىٰ ثُمَّ يَعُودُونَ لِمَا
نُهُواْ عَنۡهُ وَيَتَنَٰجَوۡنَ بِٱلۡإِثۡمِ وَٱلۡعُدۡوَٰنِ وَمَعۡصِيَتِ
ٱلرَّسُولِۖ وَإِذَا جَآءُوكَ حَيَّوۡكَ بِمَا لَمۡ يُحَيِّكَ بِهِ ٱللَّهُ
وَيَقُولُونَ فِيٓ أَنفُسِهِمۡ لَوۡلَا يُعَذِّبُنَا ٱللَّهُ بِمَا نَقُولُۚ
حَسۡبُهُمۡ جَهَنَّمُ يَصۡلَوۡنَهَاۖ فَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ٨

9. Hỡi những người có đức tin! Khi các ngươi trò chuyện riêng, các ngươi chớ đừng nói về tội lỗi, điều hận thù và trái lệnh Sứ Giả (của Allah) mà hãy nói về đạo đức và lòng Taqwa. Các ngươi hãy sợ Allah, Đấng mà các ngươi sẽ được triệu tập trình diện trước Ngài.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا تَنَٰجَيۡتُمۡ فَلَا تَتَنَٰجَوۡاْ
بِٱلۡإِثۡمِ وَٱلۡعُدۡوَٰنِ وَمَعۡصِيَتِ ٱلرَّسُولِ وَتَنَٰجَوۡاْ بِٱلۡبِرِّ
وَٱلتَّقۡوَىٰۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ ٱلَّذِيٓ إِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ ٩

10. Quả thật, cuộc trò chuyện riêng tư (bàn tính điều tội lỗi là một sự xúi bẩy) từ Shaytan mục đích để làm đau lòng những người có đức tin, tuy nhiên, Shaytan sẽ không thể làm hại họ bất cứ điều gì trừ phi được sự cho phép của Allah. Vì vậy, người có đức tin hãy phó thác cho Allah.

إِنَّمَا ٱلنَّجۡوَىٰ مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ لِيَحۡزُنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
وَلَيۡسَ بِضَآرِّهِمۡ شَيۡـًٔا إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَعَلَى ٱللَّهِ
فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ١٠

11. Hỡi những người có đức tin! Khi các ngươi được yêu cầu nới rộng chỗ ngồi cho người khác trong các cuộc họp mặt thì các ngươi hãy nới ra rồi Allah sẽ nới rộng không gian cho các ngươi. Và khi các ngươi được yêu cầu đứng dậy thì các ngươi hãy đứng dậy rồi Allah sẽ nâng cao cấp bậc cho những người có đức tin và những người hiểu biết trong các ngươi. Quả thật, Allah thông toàn những điều các ngươi làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا قِيلَ لَكُمۡ تَفَسَّحُواْ فِي
ٱلۡمَجَٰلِسِ فَٱفۡسَحُواْ يَفۡسَحِ ٱللَّهُ لَكُمۡۖ وَإِذَا قِيلَ
ٱنشُزُواْ فَٱنشُزُواْ يَرۡفَعِ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنكُمۡ
وَٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ دَرَجَٰتٖۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ
خَبِيرٞ ١١

12. Hỡi những người có đức tin! Khi các ngươi muốn tư vấn riêng với Sứ Giả (Muhammad) thì các ngươi hãy làm từ thiện trước buổi tư vấn của các ngươi. Điều đó là điều tốt và tinh khiết hơn cho các ngươi. Nhưng nếu các ngươi không tìm được phương tiện để làm từ thiện thì (các ngươi hãy biết rằng) Allah thực sự là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا نَٰجَيۡتُمُ ٱلرَّسُولَ فَقَدِّمُواْ
بَيۡنَ يَدَيۡ نَجۡوَىٰكُمۡ صَدَقَةٗۚ ذَٰلِكَ خَيۡرٞ لَّكُمۡ
وَأَطۡهَرُۚ فَإِن لَّمۡ تَجِدُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ١٢

13. Có phải các ngươi sợ làm từ thiện trước khi đến tư vấn việc riêng tư của các ngươi (với Sứ Giả Muhammad)? Nhưng nếu các ngươi không làm được và muốn được Allah tha tội cho các ngươi thì (ít ra) các ngươi hãy chu đáo dâng lễ nguyện Salah và đóng Zakah, và các ngươi hãy tuân lệnh Allah và Sứ Giả của Ngài. Quả thật, Allah thông toàn tất cả những gì các ngươi làm.

ءَأَشۡفَقۡتُمۡ أَن تُقَدِّمُواْ بَيۡنَ يَدَيۡ نَجۡوَىٰكُمۡ صَدَقَٰتٖۚ
فَإِذۡ لَمۡ تَفۡعَلُواْ وَتَابَ ٱللَّهُ عَلَيۡكُمۡ فَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ
وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥۚ وَٱللَّهُ خَبِيرُۢ بِمَا
تَعۡمَلُونَ ١٣

14. Há Ngươi không thấy những kẻ đã quay lại kết bạn với đám người mà Allah đã giận dữ với họ sao? Chúng không phải thành phần của các ngươi cũng không thuộc thành phần của đám người đó. Và chúng đã thề thốt trên điều giả dối trong lúc chúng biết rõ.

۞أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ تَوَلَّوۡاْ قَوۡمًا غَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِم
مَّا هُم مِّنكُمۡ وَلَا مِنۡهُمۡ وَيَحۡلِفُونَ عَلَى ٱلۡكَذِبِ
وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ١٤

15. Allah đã chuẩn bị cho chúng một sự trừng phạt khủng khiếp. Thật vậy, chúng là những kẻ thật xấu xa vì những gì mà chúng đã làm.

أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُمۡ عَذَابٗا شَدِيدًاۖ إِنَّهُمۡ سَآءَ مَا كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ١٥

16. Chúng lấy lời thề (giả dối) của mình làm vỏ bọc. Vì vậy, chúng đã ngăn cản (mọi người) khỏi con đường của Allah. (Rồi đây) chúng sẽ phải chịu một sự trừng phạt nhục nhã.

ٱتَّخَذُوٓاْ أَيۡمَٰنَهُمۡ جُنَّةٗ فَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ فَلَهُمۡ
عَذَابٞ مُّهِينٞ ١٦

17. Của cải và con cái của chúng sẽ không bao giờ giúp được chúng bất cứ điều gì ở nơi Allah. Chúng sẽ là những người bạn của Hỏa Ngục, chúng sẽ ở trong đó vĩnh viễn.

لَّن تُغۡنِيَ عَنۡهُمۡ أَمۡوَٰلُهُمۡ وَلَآ أَوۡلَٰدُهُم مِّنَ ٱللَّهِ شَيۡـًٔاۚ
أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ١٧

18. Vào Ngày mà Allah sẽ dựng tất cả bọn chúng sống lại, chúng sẽ thề thốt với Ngài giống như chúng đã thề thốt với các ngươi, và chúng tưởng chúng có thể dựa vào một cái gì đó (để chạy tội trước Allah). Không nghi ngờ gì nữa, chúng thực sự là những kẻ nói dối.

يَوۡمَ يَبۡعَثُهُمُ ٱللَّهُ جَمِيعٗا فَيَحۡلِفُونَ لَهُۥ كَمَا يَحۡلِفُونَ
لَكُمۡ وَيَحۡسَبُونَ أَنَّهُمۡ عَلَىٰ شَيۡءٍۚ أَلَآ إِنَّهُمۡ هُمُ
ٱلۡكَٰذِبُونَ ١٨

19. Shaytan đã chế ngự được chúng và làm cho chúng quên đi việc tưởng nhớ Allah. Chúng là bè phái của Shaytan. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng bè phái của Shaytan chắc chắn sẽ là những kẻ thua cuộc.

ٱسۡتَحۡوَذَ عَلَيۡهِمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ فَأَنسَىٰهُمۡ ذِكۡرَ ٱللَّهِۚ
أُوْلَٰٓئِكَ حِزۡبُ ٱلشَّيۡطَٰنِۚ أَلَآ إِنَّ حِزۡبَ ٱلشَّيۡطَٰنِ هُمُ
ٱلۡخَٰسِرُونَ ١٩

20. Thật vậy, những kẻ chống lại Allah và Sứ Giả của Ngài là những kẻ bị hạ nhục.	إِنَّ ٱلَّذِينَ يُحَآدُّونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓ أُوْلَٰٓئِكَ فِي ٱلۡأَذَلِّينَ ٢٠
21. Allah đã định: “TA và Sứ Giả của TA chắc chắn phải thắng”. Quả thật Allah là Đấng Toàn Lực, Đấng Quyền Năng.	كَتَبَ ٱللَّهُ لَأَغۡلِبَنَّ أَنَا۠ وَرُسُلِيٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ قَوِيٌّ عَزِيزٞ ٢١
22. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ không tìm thấy một đám người nào đã có đức tin nơi Allah và Ngày Sau lại có tình cảm với những kẻ chống lại Allah và Sứ Giả của Ngài dù đó là cha mẹ, con cái, anh em, hay bà con ruột thịt của họ đi chăng nữa. Họ đã được Allah khắc ghi đức tin trong tim của họ và Ngài đã ủng hộ họ bằng tinh thần của Ngài. Ngài sẽ thu nhận họ vào những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, họ sẽ sống trong đó mãi mãi. Allah hài lòng với họ và họ hài lòng với Ngài. Họ là những người thuộc phe của Allah. Không nghi ngờ gì nữa rằng phe của Allah là những người thắng lợi, thành công.	لَّا تَجِدُ قَوۡمٗا يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ يُوَآدُّونَ مَنۡ حَآدَّ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَلَوۡ كَانُوٓاْ ءَابَآءَهُمۡ أَوۡ أَبۡنَآءَهُمۡ أَوۡ إِخۡوَٰنَهُمۡ أَوۡ عَشِيرَتَهُمۡۚ أُوْلَٰٓئِكَ كَتَبَ فِي قُلُوبِهِمُ ٱلۡإِيمَٰنَ وَأَيَّدَهُم بِرُوحٖ مِّنۡهُۖ وَيُدۡخِلُهُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ رَضِيَ ٱللَّهُ عَنۡهُمۡ وَرَضُواْ عَنۡهُۚ أُوْلَٰٓئِكَ حِزۡبُ ٱللَّهِۚ أَلَآ إِنَّ حِزۡبَ ٱللَّهِ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٢٢

Al-Hashr (Cuộc Tập Họp) الحشر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trên trái đất đều tán dương tôn cao Allah bởi Ngài là Đấng Quyền Năng, Đấng Thông Thái.

سَبَّحَ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ١

2. Ngài đã trục xuất những kẻ vô đức tin thuộc dân Kinh Sách ra khỏi nhà cửa của chúng trong cuộc tập họp đầu tiên. Các ngươi không nghĩ rằng chúng sẽ rời đi và bản thân chúng cũng nghĩ rằng pháo đài của chúng sẽ bảo vệ chúng khỏi Allah. Nhưng (sự trừng phạt của) Allah đã đến với chúng mà chúng không ngờ tới được. Ngài đã gieo rắc nỗi kinh hoàng vào lòng của chúng nên chúng đã phá hủy nhà cửa của mình bằng chính bàn tay của chúng và bàn tay của những người có đức tin. Vì vậy, các ngươi hãy tiếp thu bài học hỡi những người có tầm nhìn!

هُوَ ٱلَّذِيٓ أَخۡرَجَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ مِن دِيَٰرِهِمۡ لِأَوَّلِ ٱلۡحَشۡرِۚ مَا ظَنَنتُمۡ أَن يَخۡرُجُواْۖ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُم مَّانِعَتُهُمۡ حُصُونُهُم مِّنَ ٱللَّهِ فَأَتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِنۡ حَيۡثُ لَمۡ يَحۡتَسِبُواْۖ وَقَذَفَ فِي قُلُوبِهِمُ ٱلرُّعۡبَۚ يُخۡرِبُونَ بُيُوتَهُم بِأَيۡدِيهِمۡ وَأَيۡدِي ٱلۡمُؤۡمِنِينَ فَٱعۡتَبِرُواْ يَٰٓأُوْلِي ٱلۡأَبۡصَٰرِ ٢

3. Nếu Allah không qui định trục xuất chúng (khỏi nhà cửa của chúng) thì chắc chắn Ngài sẽ trừng phạt chúng trong thế giới trần gian này, và vào Thế Giới Đời Sau chúng sẽ phải chịu sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục.

وَلَوۡلَآ أَن كَتَبَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمُ ٱلۡجَلَآءَ لَعَذَّبَهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَاۖ وَلَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ عَذَابُ ٱلنَّارِ ٣

4. Đó là bởi vì chúng chống lại Allah và Sứ Giả của Ngài. Và bất cứ ai chống lại Allah (thì hãy biết rằng) quả thật Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ شَآقُّواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥۖ وَمَن يُشَآقِّ ٱللَّهَ فَإِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٤

5. Bất cứ cây chà là nào (của chúng) mà các ngươi (những người có đức tin) đã chặt hạ hoặc các ngươi bỏ lại cho nó đứng thẳng trên thân cây của nó đều do sự cho phép của Allah, mục đích để Ngài hạ nhục những kẻ dấy loạn, bất tuân.

مَا قَطَعۡتُم مِّن لِّينَةٍ أَوۡ تَرَكۡتُمُوهَا قَآئِمَةً عَلَىٰٓ أُصُولِهَا فَبِإِذۡنِ ٱللَّهِ وَلِيُخۡزِيَ ٱلۡفَٰسِقِينَ ٥

6. Những gì mà Allah tịch thu được cho Sứ Giả của Ngài từ chúng thì các ngươi không cần cưỡi ngựa hay lạc đà đến để chinh phục. Ngược lại, Allah trao cho các Sứ Giả của Ngài quyền kiểm soát đối với những ai Ngài muốn bởi lẽ Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

وَمَآ أَفَآءَ ٱللَّهُ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ مِنۡهُمۡ فَمَآ أَوۡجَفۡتُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ خَيۡلٖ وَلَا رِكَابٖ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يُسَلِّطُ رُسُلَهُۥ عَلَىٰ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٦

7. Những gì Allah tịch thu được cho Sứ Giả của Ngài từ cư dân của các thị trấn là của Allah và Sứ Giả của Ngài, của bà con ruột thịt, của trẻ mồ côi, của người thiếu thốn và của người lỡ đường, mục đích để nó không là sự phân bổ vĩnh viễn cho người giàu có trong số các ngươi. Những gì Sứ Giả (Muhammad) mang đến cho các ngươi thì các ngươi hãy nhận lấy nó; và những gì Y cấm các ngươi thì các ngươi hãy dừng lại. Các ngươi hãy sợ Allah, bởi quả thật, Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

مَّآ أَفَآءَ ٱللَّهُ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ مِنۡ أَهۡلِ ٱلۡقُرَىٰ فَلِلَّهِ
وَلِلرَّسُولِ وَلِذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱبۡنِ
ٱلسَّبِيلِ كَيۡ لَا يَكُونَ دُولَةَۢ بَيۡنَ ٱلۡأَغۡنِيَآءِ مِنكُمۡۚ
وَمَآ ءَاتَىٰكُمُ ٱلرَّسُولُ فَخُذُوهُ وَمَا نَهَىٰكُمۡ عَنۡهُ
فَٱنتَهُواْۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۖ إِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٧

8. (Những gì mà Allah tịch thu được từ chiến lợi phẩm được nói đến cũng có phần) dành cho những người Muhajirin nghèo bị trục xuất khỏi nhà cửa và tài sản của họ - họ ra đi tìm hồng phúc và sự hài lòng của Allah và họ ủng hộ Allah và Sứ Giả của Ngài. Họ đích thực là những người chân thật.

لِلۡفُقَرَآءِ ٱلۡمُهَٰجِرِينَ ٱلَّذِينَ أُخۡرِجُواْ مِن دِيَٰرِهِمۡ
وَأَمۡوَٰلِهِمۡ يَبۡتَغُونَ فَضۡلٗا مِّنَ ٱللَّهِ وَرِضۡوَٰنٗا
وَيَنصُرُونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلصَّٰدِقُونَ ٨

9. Và (cũng dành cho) những người đã định cư (ở Madinah) và người có đức tin trước họ. Họ yêu thương những ai di cư đến với mình, trong lòng họ thật sự không thèm muốn những gì đã được trao tặng cho (những người Muhajirin). Họ đã dành cho những người Muhajirin sự ưu tiên hơn chính bản thân họ mặc dầu họ cũng ở trong tình trạng thiếu thốn không kém. Và ai giữ được lòng mình khỏi sự keo kiệt thì đó là những người sẽ thành công.

وَٱلَّذِينَ تَبَوَّءُو ٱلدَّارَ وَٱلۡإِيمَٰنَ مِن قَبۡلِهِمۡ يُحِبُّونَ مَنۡ
هَاجَرَ إِلَيۡهِمۡ وَلَا يَجِدُونَ فِي صُدُورِهِمۡ حَاجَةٗ مِّمَّآ
أُوتُواْ وَيُؤۡثِرُونَ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡ وَلَوۡ كَانَ بِهِمۡ خَصَاصَةٞۚ
وَمَن يُوقَ شُحَّ نَفۡسِهِۦ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٩

10. Và (có một phần dành cho) những người đến sau họ, cầu nguyện: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài tha thứ tội lỗi cho bầy tôi và cho những người anh em đã tin tưởng trước bầy tôi, xin Ngài chớ để lòng bầy tôi có nỗi oán giận nào đối với những người đã có đức tin. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, quả thật Ngài là Đấng Tử Tế, Đấng Nhân Từ.

وَٱلَّذِينَ جَآءُو مِنۢ بَعۡدِهِمۡ يَقُولُونَ رَبَّنَا ٱغۡفِرۡ لَنَا
وَلِإِخۡوَٰنِنَا ٱلَّذِينَ سَبَقُونَا بِٱلۡإِيمَٰنِ وَلَا تَجۡعَلۡ فِي
قُلُوبِنَا غِلّٗا لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ رَبَّنَآ إِنَّكَ رَءُوفٞ
رَّحِيمٌ ١٠

11. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) có thấy những kẻ giả tạo đức tin nói với anh em của chúng - những kẻ vô đức tin thuộc dân Kinh Sách không? Chúng nói: "Nếu các người bị trục xuất, chúng tôi chắc chắn sẽ ra đi cùng với các người và chúng tôi sẽ không nghe theo lời một ai về chuyện của các người; và nếu các người bị tấn công, chúng tôi chắc chắn sẽ hỗ trợ các người." Nhưng Allah làm chứng rằng chúng là những kẻ nói dối.

۞أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ نَافَقُواْ يَقُولُونَ لِإِخۡوَٰنِهِمُ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ مِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ لَئِنۡ أُخۡرِجۡتُمۡ لَنَخۡرُجَنَّ
مَعَكُمۡ وَلَا نُطِيعُ فِيكُمۡ أَحَدًا أَبَدٗا وَإِن قُوتِلۡتُمۡ
لَنَنصُرَنَّكُمۡ وَٱللَّهُ يَشۡهَدُ إِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ١١

12. Nếu dân Do Thái bị trục xuất thì chúng (những kẻ giả tạo đức tin) sẽ không ra đi cùng với họ, còn nếu họ bị tấn công thì chúng cũng sẽ không trợ giúp họ. Và (thậm chí) nếu chúng có trợ giúp họ thì có ngày chúng cũng sẽ quay lưng phản bội lại họ, và rồi cuối cùng họ cũng là những kẻ không được ai trợ giúp.

لَئِنۡ أُخۡرِجُواْ لَا يَخۡرُجُونَ مَعَهُمۡ وَلَئِن قُوتِلُواْ لَا
يَنصُرُونَهُمۡ وَلَئِن نَّصَرُوهُمۡ لَيُوَلُّنَّ ٱلۡأَدۡبَٰرَ ثُمَّ لَا
يُنصَرُونَ ١٢

13. Các ngươi (hỡi những người có đức tin) chắc chắn đáng sợ hơn Allah trong lòng của chúng. Đó là bởi vì chúng thật sự là một đám người không hiểu.

لَأَنتُمۡ أَشَدُّ رَهۡبَةٗ فِي صُدُورِهِم مِّنَ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ
قَوۡمٞ لَّا يَفۡقَهُونَ ١٣

14. (Dân Do Thái) sẽ không hợp lực đánh (trực diện) các ngươi, ngoài việc chúng cố thủ trong các thị trấn kiên cố hoặc từ đằng sau các bức tường. Sự thù hằn giữa bọn chúng với nhau rất nghiêm trọng. Ngươi cứ tưởng rằng chúng đoàn kết nhưng thực chất tấm lòng của chúng chia rẽ. Đó là bởi vì chúng là một đám người không hiểu.

لَا يُقَٰتِلُونَكُمۡ جَمِيعًا إِلَّا فِي قُرٗى مُّحَصَّنَةٍ أَوۡ مِن
وَرَآءِ جُدُرِۭۚ بَأۡسُهُم بَيۡنَهُمۡ شَدِيدٞۚ تَحۡسَبُهُمۡ جَمِيعٗا
وَقُلُوبُهُمۡ شَتَّىٰۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ لَّا يَعۡقِلُونَ ١٤

15. (Hình ảnh của chúng) giống như hình ảnh của những kẻ vừa bị trừng phạt trước chúng (không lâu). Những kẻ đó đã nếm trải hậu quả tồi tệ về vụ việc của chúng và (rồi đây vào Đời Sau) chúng sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn khác.

كَمَثَلِ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ قَرِيبٗاۖ ذَاقُواْ وَبَالَ أَمۡرِهِمۡ
وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١٥

16. (Những kẻ giả tạo đức tin dối gạt chúng) giống như Shaytan đã lừa gạt con người khi hắn bảo: “Hãy vô đức tin đi!” Nhưng khi con người không tin nơi Allah thì hắn nói: “Ta thực sự không can hệ gì đến ngươi cả, quả thật, ta rất sợ Allah, Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.”

كَمَثَلِ ٱلشَّيۡطَٰنِ إِذۡ قَالَ لِلۡإِنسَٰنِ ٱكۡفُرۡ فَلَمَّا
كَفَرَ قَالَ إِنِّي بَرِيٓءٞ مِّنكَ إِنِّيٓ أَخَافُ ٱللَّهَ رَبَّ
ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٦

17. Vì vậy, kết cục của cả hai (Shaytan và những ai đi theo hắn) là họ sẽ ở trong Hỏa Ngục, họ sẽ sống trong đó mãi mãi. Đó là phần đền bù cho những kẻ làm điều sai quấy.

فَكَانَ عَٰقِبَتَهُمَآ أَنَّهُمَا فِي ٱلنَّارِ خَٰلِدَيۡنِ فِيهَاۚ وَذَٰلِكَ
جَزَٰٓؤُاْ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٧

18. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy kính sợ Allah và hãy để linh hồn nhìn lại những gì mà nó đã gửi đi trước cho ngày mai. Các ngươi hãy kính sợ Allah! Quả thật, Allah thông toàn những gì các ngươi làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلۡتَنظُرۡ نَفۡسٞ مَّا
قَدَّمَتۡ لِغَدٖۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ خَبِيرُۢ بِمَا
تَعۡمَلُونَ ١٨

19. Các ngươi chớ đừng giống như những kẻ đã quên Allah rồi Ngài khiến họ quên đi chính mình. Những kẻ đó là những kẻ đại nghịch, bất tuân.

وَلَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ نَسُواْ ٱللَّهَ فَأَنسَىٰهُمۡ أَنفُسَهُمۡۚ
أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ١٩

20. Những người bạn của Hỏa Ngục không ngang bằng với những người bạn của Thiên Đàng. Những người bạn của Thiên Đàng là những người thắng lợi và thành đạt.

لَا يَسۡتَوِيٓ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِ وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۚ
أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِ هُمُ ٱلۡفَآئِزُونَ ٢٠

21. Nếu TA truyền Qur’an này xuống cho một quả núi thì Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) sẽ thấy nó hạ mình và vỡ tan vì khiếp sợ Allah. Đó là các hình ảnh thí dụ mà TA trình bày cho nhân loại mong rằng họ biết suy ngẫm.

لَوۡ أَنزَلۡنَا هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانَ عَلَىٰ جَبَلٖ لَّرَأَيۡتَهُۥ خَٰشِعٗا
مُّتَصَدِّعٗا مِّنۡ خَشۡيَةِ ٱللَّهِۚ وَتِلۡكَ ٱلۡأَمۡثَٰلُ نَضۡرِبُهَا
لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَتَفَكَّرُونَ ٢١

22. Ngài là Allah, Đấng mà không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài, Ngài là Đấng biết điều vô hình và hữu hình, Ngài là Đấng Độ Lượng, Đấng Nhân Từ.

هُوَ ٱللَّهُ ٱلَّذِى لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ۖ عَٰلِمُ ٱلْغَيْبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ ۖ
هُوَ ٱلرَّحْمَٰنُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٢٢﴾

23. Ngài là Allah, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài, Ngài là Đức Vua, Đấng Linh Thiêng, Đấng Bằng An, Đấng ban đức tin, Đấng ban sự an ninh, Đấng Quyền Năng, Đấng không cưỡng lại được, Đấng Tự Hào. Allah là Đấng Tối Cao vượt xa những gì (những kẻ đa thần) qui cho Ngài.

هُوَ ٱللَّهُ ٱلَّذِى لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلْمَلِكُ ٱلْقُدُّوسُ
ٱلسَّلَٰمُ ٱلْمُؤْمِنُ ٱلْمُهَيْمِنُ ٱلْعَزِيزُ ٱلْجَبَّارُ ٱلْمُتَكَبِّرُ ۚ
سُبْحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا يُشْرِكُونَ ﴿٢٣﴾

24. Ngài là Allah, Đấng Tạo Hóa, Đấng Khởi Sự, Đấng Ban Hình Thể, Ngài có những tên gọi tốt đẹp nhất, mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều tán dương tôn cao Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Chí Tôn, Đấng Thông Thái.

هُوَ ٱللَّهُ ٱلْخَٰلِقُ ٱلْبَارِئُ ٱلْمُصَوِّرُ ۖ لَهُ ٱلْأَسْمَآءُ
ٱلْحُسْنَىٰ ۚ يُسَبِّحُ لَهُۥ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ وَهُوَ
ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ﴿٢٤﴾

Al-Mumtahinah (Cô Ấy Cần Được Kiểm Tra) الممتحنة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Này hỡi những người có đức tin! Các ngươi chớ lấy kẻ thù của TA và của các ngươi làm đồng minh. Các ngươi mở rộng tình cảm với chúng trong khi chúng vô đức tin nơi những gì đã đến với các ngươi từ Sự Thật. Chúng đã đánh đuổi Sứ Giả (Muhammad) và các ngươi chỉ vì các ngươi có đức tin nơi Allah, Thượng Đế của các ngươi. Nếu các ngươi ra đi để chiến đấu vì con đường Chính Nghĩa của TA và để tìm sự hài lòng nơi TA (thì chớ lấy chúng làm đồng minh). Các ngươi đã âm thầm mở rộng tình cảm với chúng và TA biết rõ những gì các ngươi giấu giếm và những gì các ngươi công khai. Và ai trong các ngươi làm điều đó thì chắc chắn đã lạc rất xa khỏi con đường (Chính Đạo).

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ عَدُوِّي وَعَدُوَّكُمۡ
أَوۡلِيَآءَ تُلۡقُونَ إِلَيۡهِم بِٱلۡمَوَدَّةِ وَقَدۡ كَفَرُواْ بِمَا
جَآءَكُم مِّنَ ٱلۡحَقِّ يُخۡرِجُونَ ٱلرَّسُولَ وَإِيَّاكُمۡ أَن
تُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ رَبِّكُمۡ إِن كُنتُمۡ خَرَجۡتُمۡ جِهَٰدٗا فِي
سَبِيلِي وَٱبۡتِغَآءَ مَرۡضَاتِيۚ تُسِرُّونَ إِلَيۡهِم بِٱلۡمَوَدَّةِ وَأَنَا۠
أَعۡلَمُ بِمَآ أَخۡفَيۡتُمۡ وَمَآ أَعۡلَنتُمۡۚ وَمَن يَفۡعَلۡهُ مِنكُمۡ
فَقَدۡ ضَلَّ سَوَآءَ ٱلسَّبِيلِ ١

2. Nếu chúng giành được vị thế trên các ngươi, chúng sẽ coi các ngươi là kẻ thù, chúng sẽ hãm hại các ngươi bằng bàn tay và chiếc lưỡi của chúng và chúng mong các ngươi trở thành vô đức tin (giống như chúng).

إِن يَثۡقَفُوكُمۡ يَكُونُواْ لَكُمۡ أَعۡدَآءٗ وَيَبۡسُطُوٓاْ
إِلَيۡكُمۡ أَيۡدِيَهُمۡ وَأَلۡسِنَتَهُم بِٱلسُّوٓءِ وَوَدُّواْ لَوۡ
تَكۡفُرُونَ ٢

3. Người thân và con cái của các ngươi sẽ không bao giờ giúp ích được gì cho các ngươi. Vào Ngày Phán Xét Cuối Cùng, Ngài sẽ phân định giữa các ngươi. Quả thật, Allah thấy rõ những gì các ngươi làm.

لَن تَنفَعَكُمۡ أَرۡحَامُكُمۡ وَلَآ أَوۡلَٰدُكُمۡۚ يَوۡمَ
ٱلۡقِيَٰمَةِ يَفۡصِلُ بَيۡنَكُمۡۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ
بَصِيرٞ ٣

4. Thực sự đã có một tấm gương tốt cho các ngươi ở nơi Ibrahim và những ai theo Y khi họ nói với người dân của mình: "Quả thật, chúng tôi không dính dáng với các người cũng như những gì mà các người tôn thờ ngoài Allah. Chúng tôi phủ nhận các người. Giữa chúng tôi và các người sẽ có mối hiềm thù mãi mãi cho tới khi các người có đức tin nơi một mình Allah." Ngoại trừ lời nói mà Ibrahim đã thưa với cha của Y: "Con chắc chắn sẽ cầu xin Allah tha thứ cho cha, nhưng con không có (quyền năng làm) cho cha bất cứ điều gì chống lại Allah. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi xin phó thác cho Ngài và bầy tôi xin quay về sám hối với Ngài và Ngài là đích đến của bầy tôi".

قَدۡ كَانَتۡ لَكُمۡ أُسۡوَةٌ حَسَنَةٞ فِيٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَٱلَّذِينَ
مَعَهُۥٓ إِذۡ قَالُواْ لِقَوۡمِهِمۡ إِنَّا بُرَءَٰٓؤُاْ مِنكُمۡ وَمِمَّا
تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ كَفَرۡنَا بِكُمۡ وَبَدَا بَيۡنَنَا
وَبَيۡنَكُمُ ٱلۡعَدَٰوَةُ وَٱلۡبَغۡضَآءُ أَبَدًا حَتَّىٰ تُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ
وَحۡدَهُۥٓ إِلَّا قَوۡلَ إِبۡرَٰهِيمَ لِأَبِيهِ لَأَسۡتَغۡفِرَنَّ لَكَ وَمَآ
أَمۡلِكُ لَكَ مِنَ ٱللَّهِ مِن شَيۡءٖۖ رَّبَّنَا عَلَيۡكَ تَوَكَّلۡنَا
وَإِلَيۡكَ أَنَبۡنَا وَإِلَيۡكَ ٱلۡمَصِيرُ ٤

5. "Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng làm cho bầy tôi thành đối tượng hành hạ cho những kẻ vô đức tin, và xin Ngài tha thứ cho bầy tôi. Quả thật, Ngài là Đấng Chí Tôn, Đấng Thông Thái."

رَبَّنَا لَا تَجۡعَلۡنَا فِتۡنَةٗ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ وَٱغۡفِرۡ لَنَا رَبَّنَآۖ
إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٥

6. Quả thật, ở nơi họ có một tấm gương tốt cho các ngươi đối với bất kỳ ai hy vọng (điều tốt đẹp) nơi Allah và Ngày Sau. Và bất cứ ai quay lưng đi thì quả thật, Allah là Đấng Miễn Cần, Đấng Đáng Được Ca Tụng.

لَقَدۡ كَانَ لَكُمۡ فِيهِمۡ أُسۡوَةٌ حَسَنَةٞ لِّمَن كَانَ يَرۡجُواْ ٱللَّهَ وَٱلۡيَوۡمَ ٱلۡأٓخِرَۚ وَمَن يَتَوَلَّ فَإِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡغَنِيُّ ٱلۡحَمِيدُ ٦

7. Có lẽ Allah sẽ đặt tình cảm giữa các ngươi và những người mà các ngươi đã từng là kẻ thù của họ. Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ, và Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

۞عَسَى ٱللَّهُ أَن يَجۡعَلَ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَ ٱلَّذِينَ عَادَيۡتُم مِّنۡهُم مَّوَدَّةٗۚ وَٱللَّهُ قَدِيرٞۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٧

8. Allah không cấm các ngươi đối xử tử tế và công bằng với những người không chống lại các ngươi vì tôn giáo cũng như không trục xuất các ngươi khỏi nhà cửa của các ngươi. Quả thật, Allah yêu thương những người công bằng chính trực.

لَّا يَنۡهَىٰكُمُ ٱللَّهُ عَنِ ٱلَّذِينَ لَمۡ يُقَٰتِلُوكُمۡ فِي ٱلدِّينِ وَلَمۡ يُخۡرِجُوكُم مِّن دِيَٰرِكُمۡ أَن تَبَرُّوهُمۡ وَتُقۡسِطُوٓاْ إِلَيۡهِمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُقۡسِطِينَ ٨

9. Quả thật, Allah chỉ cấm các ngươi giao hảo với những kẻ chống lại các ngươi vì tôn giáo và trục xuất các ngươi khỏi nhà cửa của các ngươi cũng như những ai tiếp tay trong việc trục xuất các ngươi để làm đồng minh của chúng. Và bất cứ ai làm đồng minh của chúng thì đó là những kẻ làm điều sai quấy.

إِنَّمَا يَنۡهَىٰكُمُ ٱللَّهُ عَنِ ٱلَّذِينَ قَٰتَلُوكُمۡ فِي ٱلدِّينِ وَأَخۡرَجُوكُم مِّن دِيَٰرِكُمۡ وَظَٰهَرُواْ عَلَىٰٓ إِخۡرَاجِكُمۡ أَن تَوَلَّوۡهُمۡۚ وَمَن يَتَوَلَّهُمۡ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٩

10. Hỡi những người có đức tin! Khi những phụ nữ có đức tin chạy đến tị nạn với các ngươi thì các ngươi hãy kiểm tra họ. Allah biết rõ về đức tin của họ. Nếu các ngươi đã biết rõ họ là những người có đức tin thì các ngươi chớ giao trả họ lại cho những kẻ vô đức tin. Họ không còn là những người (vợ) hợp pháp của chúng và chúng cũng không là những (người chồng) hợp pháp của họ, nhưng các ngươi hãy trao cho chúng những gì mà chúng đã chi ra (cho người vợ của chúng). Các ngươi không có tội nếu các ngươi kết hôn với họ khi các ngươi trao tặng họ tiền cưới bắt buộc. Các ngươi chớ ràng buộc hôn nhân với những người phụ nữ vô đức tin, các ngươi có quyền đòi lại tiền cưới mà các ngươi chi ra, ngược lại, hãy để chúng đòi lại những gì mà chúng đã chi ra. Đó là luật của Allah, Ngài dùng nó để phân xử giữa các ngươi, và Allah là Đấng Toàn Tri, Đấng Thông Thái.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا جَآءَكُمُ ٱلۡمُؤۡمِنَٰتُ مُهَٰجِرَٰتٖ فَٱمۡتَحِنُوهُنَّۖ ٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِإِيمَٰنِهِنَّۖ فَإِنۡ عَلِمۡتُمُوهُنَّ مُؤۡمِنَٰتٖ فَلَا تَرۡجِعُوهُنَّ إِلَى ٱلۡكُفَّارِۖ لَا هُنَّ حِلّٞ لَّهُمۡ وَلَا هُمۡ يَحِلُّونَ لَهُنَّۖ وَءَاتُوهُم مَّآ أَنفَقُواْۚ وَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ أَن تَنكِحُوهُنَّ إِذَآ ءَاتَيۡتُمُوهُنَّ أُجُورَهُنَّۚ وَلَا تُمۡسِكُواْ بِعِصَمِ ٱلۡكَوَافِرِ وَسۡـَٔلُواْ مَآ أَنفَقۡتُمۡ وَلۡيَسۡـَٔلُواْ مَآ أَنفَقُواْۚ ذَٰلِكُمۡ حُكۡمُ ٱللَّهِ يَحۡكُمُ بَيۡنَكُمۡۖ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ١٠

11. Nếu người vợ nào của các ngươi bỏ các ngươi để đến với những kẻ vô đức tin và sau đó các ngươi có được cơ hội tương xứng (khi có những người phụ nữ của chúng bỏ chúng chạy đến với các ngươi) thì các ngươi hãy trao trả cho những người mà vợ của chúng đã rời bỏ chúng một khoản tiền tương đương với tiền cưới mà chúng đã chi ra. Các ngươi hãy kính sợ Allah, Đấng mà các ngươi có đức tin nơi Ngài.

وَإِن فَاتَكُمۡ شَيۡءٞ مِّنۡ أَزۡوَٰجِكُمۡ إِلَى ٱلۡكُفَّارِ فَعَاقَبۡتُمۡ فَـَٔاتُواْ ٱلَّذِينَ ذَهَبَتۡ أَزۡوَٰجُهُم مِّثۡلَ مَآ أَنفَقُواْۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ ٱلَّذِيٓ أَنتُم بِهِۦ مُؤۡمِنُونَ ١١

12. Này hỡi Nabi! Khi những người phụ nữ có đức tin đến gặp ngươi, cam kết với Ngươi rằng họ sẽ không Shirk với Allah bất kỳ thứ gì, họ sẽ không trộm cắp, không Zina, không giết con cái của mình, không vu khống người khác, không đặt điều dối trá giữa tay và chân của họ (rằng đứa con ngoại tình là của chồng), và sẽ không bất tuân Ngươi về bất cứ điều thiện tốt nào, Ngươi hãy chấp nhận lời cam kết của họ và cầu xin Allah tha thứ cho họ. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.	يَـٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ إِذَا جَآءَكَ ٱلْمُؤْمِنَـٰتُ يُبَايِعْنَكَ عَلَىٰٓ أَن لَّا يُشْرِكْنَ بِٱللَّهِ شَيْـًٔا وَلَا يَسْرِقْنَ وَلَا يَزْنِينَ وَلَا يَقْتُلْنَ أَوْلَـٰدَهُنَّ وَلَا يَأْتِينَ بِبُهْتَـٰنٍ يَفْتَرِينَهُۥ بَيْنَ أَيْدِيهِنَّ وَأَرْجُلِهِنَّ وَلَا يَعْصِينَكَ فِى مَعْرُوفٍ فَبَايِعْهُنَّ وَٱسْتَغْفِرْ لَهُنَّ ٱللَّهَ ۖ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ١٢
13. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi chớ là đồng minh của nhóm người mà Allah đã giận dữ đối với họ. Quả thật, họ đã tuyệt vọng về Đời Sau giống như những kẻ vô đức tin đang tuyệt vọng trong mộ (của họ).	يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تَتَوَلَّوْا۟ قَوْمًا غَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيْهِمْ قَدْ يَئِسُوا۟ مِنَ ٱلْـَٔاخِرَةِ كَمَا يَئِسَ ٱلْكُفَّارُ مِنْ أَصْحَـٰبِ ٱلْقُبُورِ ١٣

As-Saff (Hàng Ngũ) الصف

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trên trái đất đều tán dương tôn cao Allah bởi Ngài là Đấng Chí Tôn, Đấng Thông Thái.

سَبَّحَ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ١

2. Hỡi những người có đức tin! Tại sao các ngươi nói những điều các ngươi không làm?

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لِمَ تَقُولُونَ مَا لَا تَفۡعَلُونَ ٢

3. Điều đáng ghét nhất đối với Allah là việc các ngươi nói những điều các ngươi không làm.

كَبُرَ مَقۡتًا عِندَ ٱللَّهِ أَن تَقُولُواْ مَا لَا تَفۡعَلُونَ ٣

4. Thật vậy, Allah yêu thương những người chiến đấu vì con đường Chính Nghĩa của Ngài như thể họ là một cấu trúc (duy nhất) liên kết vững chắc.

إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلَّذِينَ يُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِهِۦ صَفّٗا كَأَنَّهُم بُنۡيَٰنٞ مَّرۡصُوصٞ ٤

5. (Ngươi – Thiên Sứ Muhammad, hãy nhớ lại) khi Musa nói với người dân của mình: “Hỡi người dân của Ta, tại sao các người làm hại Ta trong khi các người biết rõ Ta đích thực là Sứ Giả của Allah được phái đến cho các người?”. Vì vậy, khi chúng chệch hướng, Allah đã khiến trái tim của chúng lầm lạc. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người dấy loạn và bất tuân.

وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ لِمَ تُؤۡذُونَنِي وَقَد تَّعۡلَمُونَ أَنِّي رَسُولُ ٱللَّهِ إِلَيۡكُمۡۖ فَلَمَّا زَاغُوٓاْ أَزَاغَ ٱللَّهُ قُلُوبَهُمۡۚ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡفَٰسِقِينَ ٥

6. (Ngươi – Thiên Sứ Muhammad, hãy nhớ lại) khi Ysa, con trai của Maryam, nói: “Hỡi con cháu Israel! Ta đích thực là Sứ Giả của Allah được phái đến với các người xác nhận những điều đã đến trước Ta trong Kinh Tawrah đồng thời mang tin tốt lành về một Sứ Giả của Allah sẽ đến sau Ta, tên Ahmad”. Tuy nhiên, khi Y (Muhammad) đến gặp chúng với những bằng chứng rõ ràng thì chúng nói: “Đây rõ ràng là một trò ma thuật.”

وَإِذۡ قَالَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ إِنِّي رَسُولُ ٱللَّهِ إِلَيۡكُم مُّصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيَّ مِنَ ٱلتَّوۡرَىٰةِ وَمُبَشِّرَۢا بِرَسُولٖ يَأۡتِي مِنۢ بَعۡدِي ٱسۡمُهُۥٓ أَحۡمَدُۖ فَلَمَّا جَآءَهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ قَالُواْ هَٰذَا سِحۡرٞ مُّبِينٞ ٦

7. Và ai bất công hơn một kẻ bịa ra điều không đúng sự thật về Allah trong khi y được mời gọi đến với Islam. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ وَهُوَ يُدۡعَىٰٓ إِلَى ٱلۡإِسۡلَٰمِۚ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٧

8. Chúng muốn dập tắt Ánh Sáng của Allah bằng miệng của chúng nhưng Allah sẽ hoàn thiện Ánh Sáng của Ngài, mặc dù những kẻ vô đức tin không thích điều đó.

يُرِيدُونَ لِيُطۡفِـُٔواْ نُورَ ٱللَّهِ بِأَفۡوَٰهِهِمۡ وَٱللَّهُ مُتِمُّ نُورِهِۦ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡكَٰفِرُونَ ٨

9. Chính Ngài là Đấng đã cử phái Sứ Giả của Ngài mang nguồn Chỉ Đạo và tôn giáo chân lý để hiển thị nó trên các tôn giáo mặc dù những kẻ đa thần không thích điều đó.	هُوَ ٱلَّذِىٓ أَرۡسَلَ رَسُولَهُۥ بِٱلۡهُدَىٰ وَدِينِ ٱلۡحَقِّ لِيُظۡهِرَهُۥ عَلَى ٱلدِّينِ كُلِّهِۦ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡمُشۡرِكُونَ ٩
10. Hỡi những người có đức tin! (Các ngươi có muốn) TA chỉ cho các ngươi một cuộc giao dịch làm ăn giúp các ngươi thoát khỏi sự trừng phạt đau đớn không?	يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ هَلۡ أَدُلُّكُمۡ عَلَىٰ تِجَٰرَةٖ تُنجِيكُم مِّنۡ عَذَابٍ أَلِيمٖ ١٠
11. (Đó là) các ngươi tin nơi Allah và Sứ Giả của Ngài đồng thời chiến đấu cho con đường Chính Nghĩa của Allah bằng tài sản và sinh mạng của các ngươi. Điều đó tốt nhất cho các ngươi nếu các ngươi biết.	تُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَتُجَٰهِدُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ بِأَمۡوَٰلِكُمۡ وَأَنفُسِكُمۡۚ ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ١١
12. Ngài sẽ tha thứ cho tội lỗi của các ngươi và thu nhận các ngươi vào những ngôi vườn bên dưới có các dòng sông chảy, và những chỗ ở tốt lành bên trong những Ngôi Vườn Vĩnh Cửu. Đó là một thành tựu vĩ đại.	يَغۡفِرۡ لَكُمۡ ذُنُوبَكُمۡ وَيُدۡخِلۡكُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ وَمَسَٰكِنَ طَيِّبَةٗ فِي جَنَّٰتِ عَدۡنٖۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ١٢
13. Và (các ngươi sẽ có được) một (ân huệ) khác mà các ngươi yêu thích - đó là sự giúp đỡ của Allah và một cuộc thắng lợi gần kề (chinh phục được Makkah). Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy báo tin mừng cho những người có đức tin.	وَأُخۡرَىٰ تُحِبُّونَهَاۖ نَصۡرٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَفَتۡحٞ قَرِيبٞۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٣
14. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy là những người ủng hộ (con đường chính nghĩa của) Allah giống như khi Ysa con trai của Maryam, nói với các môn đồ (của mình): "Ai là người ủng hộ Ta (trên con đường) đến với Allah?" Các môn đồ nói: "Chúng tôi là những người ủng hộ (con đường Chính Nghĩa của) Allah." Tuy nhiên, một thành phần của con cháu Israel có đức tin và một thành phần khác thì lại vô đức tin. Vì vậy, TA đã ủng hộ những người có đức tin chống lại kẻ thù của họ, và họ đã giành chiến thắng.	يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُونُوٓاْ أَنصَارَ ٱللَّهِ كَمَا قَالَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ لِلۡحَوَارِيِّـۧنَ مَنۡ أَنصَارِيٓ إِلَى ٱللَّهِۖ قَالَ ٱلۡحَوَارِيُّونَ نَحۡنُ أَنصَارُ ٱللَّهِۖ فَـَٔامَنَت طَّآئِفَةٞ مِّنۢ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ وَكَفَرَت طَّآئِفَةٞۖ فَأَيَّدۡنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ عَلَىٰ عَدُوِّهِمۡ فَأَصۡبَحُواْ ظَٰهِرِينَ ١٤

Al-Jumu'ah (Ngày Thứ Sáu) الجمعة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật trên trái đất đều tán dương tôn cao Allah, Đấng Chúa Thượng, Đấng Linh Thiêng, Đấng Chí Tôn, Đấng Thông Thái.

يُسَبِّحُ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ ٱلۡمَلِكِ ٱلۡقُدُّوسِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَكِيمِ ١

2. Chính Ngài là Đấng đã dựng lên trong đám dân mù chữ (Ả-rập tại Makkah) một vị Sứ Giả xuất thân từ họ để đọc cho họ nghe các lời mặc khải của Ngài, thanh tẩy họ và dạy họ Kinh Sách cũng như sự khôn ngoan – mặc dù trước đó họ thực sự đã lầm lạc.

هُوَ ٱلَّذِي بَعَثَ فِي ٱلۡأُمِّيِّـۧنَ رَسُولٗا مِّنۡهُمۡ يَتۡلُواْ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتِهِۦ وَيُزَكِّيهِمۡ وَيُعَلِّمُهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَإِن كَانُواْ مِن قَبۡلُ لَفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٢

3. Và (Ngài phái Y đến với) những người khác trong số họ chưa tham gia cùng với họ. Quả thật, Ngài là Đấng Chí Tôn, Đấng Thông Thái.

وَءَاخَرِينَ مِنۡهُمۡ لَمَّا يَلۡحَقُواْ بِهِمۡۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٣

4. Đó là hồng phúc của Allah mà Ngài ban cho ai Ngài muốn. Và Allah là chủ nhân của hồng phúc vĩ đại.

ذَٰلِكَ فَضۡلُ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ٤

5. Hình ảnh của những người được giao cho Kinh Tawrah nhưng rồi không thi hành theo nó giống như hình ảnh của một con lừa chở trên lưng nó hằng đống sách. Thật khốn khổ và tồi tệ cho đám người phủ nhận các Lời Mặc Khải của Allah; và Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

مَثَلُ ٱلَّذِينَ حُمِّلُواْ ٱلتَّوۡرَىٰةَ ثُمَّ لَمۡ يَحۡمِلُوهَا كَمَثَلِ ٱلۡحِمَارِ يَحۡمِلُ أَسۡفَارَۢاۚ بِئۡسَ مَثَلُ ٱلۡقَوۡمِ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥

6. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Hỡi những người Do Thái! Nếu các ngươi tuyên bố rằng chỉ có các ngươi là những vị Wali của Allah chứ không bao gồm những ai khác trong thiên hạ thì các ngươi hãy cầu mong được chết nếu các ngươi thành thật.”

قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ هَادُوٓاْ إِن زَعَمۡتُمۡ أَنَّكُمۡ أَوۡلِيَآءُ لِلَّهِ مِن دُونِ ٱلنَّاسِ فَتَمَنَّوُاْ ٱلۡمَوۡتَ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٦

7. Nhưng chúng sẽ không bao giờ dám cầu mong điều đó vì những gì bàn tay của chúng đã gởi đi trước. Quả thật, Allah biết rõ những kẻ làm điều sai quấy.

وَلَا يَتَمَنَّوۡنَهُۥٓ أَبَدَۢا بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِٱلظَّٰلِمِينَ ٧

8. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những người Do Thái đó): “Quả thật, cái chết mà các ngươi chạy trốn khỏi nó chắc chắn sẽ gặp các ngươi. Sau đó, các ngươi sẽ được đưa trả về cho Đấng biết điều vô hình và hữu hình, và Ngài sẽ cho các ngươi biết về những gì các ngươi đã từng làm (trên trần thế).”

قُلۡ إِنَّ ٱلۡمَوۡتَ ٱلَّذِي تَفِرُّونَ مِنۡهُ فَإِنَّهُۥ مُلَٰقِيكُمۡۖ ثُمَّ تُرَدُّونَ إِلَىٰ عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٨

9. Hỡi những người có đức tin! Khi được mời gọi đến lễ nguyện Salah Jumu'ah (vào ngày thứ sáu) thì các ngươi hãy nhanh chân tiến đến với việc tụng niệm Allah và hãy tạm gác lại việc mua bán. Điều đó tốt cho các ngươi nếu các ngươi biết.

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِذَا نُودِىَ لِلصَّلَوٰةِ مِن يَوْمِ
ٱلْجُمُعَةِ فَٱسْعَوْا۟ إِلَىٰ ذِكْرِ ٱللَّهِ وَذَرُوا۟ ٱلْبَيْعَ ۚ ذَٰلِكُمْ
خَيْرٌ لَّكُمْ إِن كُنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٩﴾

10. Và khi cuộc lễ nguyện Salah đã được kết thúc, các ngươi hãy phân tán khắp nơi trên trái đất và tìm kiếm bổng lộc của Allah, và các ngươi hãy nhớ đến Allah thật nhiều mong rằng các ngươi có thể thành đạt.

فَإِذَا قُضِيَتِ ٱلصَّلَوٰةُ فَٱنتَشِرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ وَٱبْتَغُوا۟
مِن فَضْلِ ٱللَّهِ وَٱذْكُرُوا۟ ٱللَّهَ كَثِيرًا لَّعَلَّكُمْ
تُفْلِحُونَ ﴿١٠﴾

11. (Một số tín đồ Muslim), khi nhìn thấy một cuộc giao dịch mua bán hoặc một cuộc vui chơi nào thì họ liền lao đến đó và bỏ mặc Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đứng trơ (trên bục giảng). Ngươi hãy nói với họ: "Những gì ở nơi Allah tốt đẹp hơn cuộc vui chơi và việc mua bán. Quả thật, Allah là Đấng ban phát bổng lộc tốt nhất."

وَإِذَا رَأَوْا۟ تِجَـٰرَةً أَوْ لَهْوًا ٱنفَضُّوٓا۟ إِلَيْهَا وَتَرَكُوكَ قَآئِمًا ۚ
قُلْ مَا عِندَ ٱللَّهِ خَيْرٌ مِّنَ ٱللَّهْوِ وَمِنَ ٱلتِّجَـٰرَةِ ۚ وَٱللَّهُ
خَيْرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ﴿١١﴾

Al-Munafiqun (Những Kẻ Giả Tạo Đức Tin) المنافقون

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Khi những kẻ giả tạo đức tin đến gặp Ngươi (Thiên Sứ Muhammad), chúng nói: “Chúng tôi xác nhận Người đích thực là Sứ Giả của Allah.” Allah biết rõ Ngươi đích thực là Sứ Giả của Ngài (chứ không cần sự xác nhận của chúng), và Allah xác nhận những kẻ giả tạo đức tin chính là những tên nói dối.

إِذَا جَآءَكَ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ قَالُواْ نَشۡهَدُ إِنَّكَ لَرَسُولُ ٱللَّهِۗ
وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ إِنَّكَ لَرَسُولُهُۥ وَٱللَّهُ يَشۡهَدُ إِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ
لَكَٰذِبُونَ ١

2. Chúng đã lấy lời thề của mình làm vỏ bọc để chúng (dễ dàng) ngăn cản (mọi người) khỏi con đường của Allah. Thật vậy, những điều chúng làm quả là xấu xa và tội lỗi.

ٱتَّخَذُوٓاْ أَيۡمَٰنَهُمۡ جُنَّةٗ فَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۚ إِنَّهُمۡ
سَآءَ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٢

3. Đó là bởi vì chúng đã có đức tin, sau đó chúng lại vô đức tin. Vì vậy, trái tim của chúng bị bịt kín nên chúng không hiểu gì cả.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ ءَامَنُواْ ثُمَّ كَفَرُواْ فَطُبِعَ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ
فَهُمۡ لَا يَفۡقَهُونَ ٣

4. Khi ngươi (hỡi người nhìn) thấy chúng, hình thức và vẻ bề ngoài của chúng làm ngươi hài lòng, và khi chúng nói chuyện thu hút ngươi lắng nghe. Chúng như thể là những miếng gỗ dùng để chống đỡ. Chúng nghĩ rằng mọi tiếng la hét đều chống lại chúng. Chúng là kẻ thù (thực sự của Ngươi – Thiên Sứ Muhammad), vì vậy Ngươi hãy cảnh giác chúng. Allah sẽ tiêu diệt chúng. Sao chúng lại như thế?

۞وَإِذَا رَأَيۡتَهُمۡ تُعۡجِبُكَ أَجۡسَامُهُمۡۖ وَإِن يَقُولُواْ
تَسۡمَعۡ لِقَوۡلِهِمۡۖ كَأَنَّهُمۡ خُشُبٞ مُّسَنَّدَةٞۖ يَحۡسَبُونَ كُلَّ
صَيۡحَةٍ عَلَيۡهِمۡۚ هُمُ ٱلۡعَدُوُّ فَٱحۡذَرۡهُمۡۚ قَٰتَلَهُمُ ٱللَّهُۖ
أَنَّىٰ يُؤۡفَكُونَ ٤

5. Khi chúng được bảo “Hãy đến đây, Sứ Giả của Allah sẽ cầu xin Ngài tha thứ tội lỗi cho các ngươi” thì chúng quay đầu sang một bên. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sẽ thấy chúng bỏ đi một cách kiêu ngạo.

وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ تَعَالَوۡاْ يَسۡتَغۡفِرۡ لَكُمۡ رَسُولُ ٱللَّهِ لَوَّوۡاْ
رُءُوسَهُمۡ وَرَأَيۡتَهُمۡ يَصُدُّونَ وَهُم مُّسۡتَكۡبِرُونَ ٥

6. Tất cả đều giống nhau đối với chúng cho dù Ngươi cầu xin Allah tha thứ cho chúng hay không cầu xin tha thứ cho chúng; Allah sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng. Thật vậy, Allah không hướng dẫn đám người dấy loạn, bất tuân.

سَوَآءٌ عَلَيۡهِمۡ أَسۡتَغۡفَرۡتَ لَهُمۡ أَمۡ لَمۡ تَسۡتَغۡفِرۡ لَهُمۡ لَن
يَغۡفِرَ ٱللَّهُ لَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلۡفَٰسِقِينَ ٦

7. Chúng là những kẻ nói “Chớ chi tiêu cho những người theo Sứ Giả của Allah cho đến khi họ giải tán”. Tuy nhiên, những kẻ giả tạo đức tin không hiểu rằng các kho chứa (bổng lộc) trong các tầng trời và trái đất đều là của Allah.

هُمُ ٱلَّذِينَ يَقُولُونَ لَا تُنفِقُواْ عَلَىٰ مَنۡ عِندَ رَسُولِ
ٱللَّهِ حَتَّىٰ يَنفَضُّواْۗ وَلِلَّهِ خَزَآئِنُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ
وَلَٰكِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ لَا يَفۡقَهُونَ ٧

8. Chúng nói: “Nếu chúng tôi quay trở về Madinah, người quyền thế nhất (ám chỉ ‘Abdullah bin Ubai) sẽ đuổi kẻ hèn nhất (ám chỉ Thiên Sứ Muhammad) ra khỏi đó”. Nhưng những kẻ giả tạo đức tin không biết rằng danh dự và quyền thế đều thuộc về Allah và Sứ Giả của Ngài cũng như những người có đức tin.

يَقُولُونَ لَئِن رَّجَعۡنَآ إِلَى ٱلۡمَدِينَةِ لَيُخۡرِجَنَّ ٱلۡأَعَزُّ
مِنۡهَا ٱلۡأَذَلَّۚ وَلِلَّهِ ٱلۡعِزَّةُ وَلِرَسُولِهِۦ وَلِلۡمُؤۡمِنِينَ
وَلَٰكِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ لَا يَعۡلَمُونَ ٨

9. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi chớ để cho tài sản và con cái của các ngươi làm cho các ngươi xao lãng việc tưởng nhớ Allah. Những ai làm thế thì đó là những kẻ thua thiệt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُلۡهِكُمۡ أَمۡوَٰلُكُمۡ وَلَآ
أَوۡلَٰدُكُمۡ عَن ذِكۡرِ ٱللَّهِۚ وَمَن يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ
فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ٩

10. Các ngươi hãy chi tiêu (vào con đường chính nghĩa của TA - Allah) từ tài sản mà TA ban cấp cho các ngươi trước khi cái chết đến với mỗi người các ngươi. Bằng không mỗi người các ngươi sẽ nói (trong nuối tiếc muộn màng): “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Nếu Ngài trì hoãn cho bề tôi sống thêm một thời gian ngắn nữa thì bề tôi sẽ làm từ thiện và sẽ là một người ngoan đạo.”

وَأَنفِقُواْ مِن مَّا رَزَقۡنَٰكُم مِّن قَبۡلِ أَن يَأۡتِيَ
أَحَدَكُمُ ٱلۡمَوۡتُ فَيَقُولَ رَبِّ لَوۡلَآ أَخَّرۡتَنِيٓ إِلَىٰٓ أَجَلٖ
قَرِيبٖ فَأَصَّدَّقَ وَأَكُن مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١٠

11. Nhưng Allah sẽ không bao giờ trì hoãn cho một linh hồn nào một khi thời gian của nó đã hết. Và Allah là Đấng Thông Toàn về những gì các ngươi làm.

وَلَن يُؤَخِّرَ ٱللَّهُ نَفۡسًا إِذَا جَآءَ أَجَلُهَاۚ وَٱللَّهُ خَبِيرُۢ
بِمَا تَعۡمَلُونَ ١١

At-Taghabun (Người Thắng Kẻ Thua) التغابن

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Vạn vật trong các tầng trời và vạn vật dưới đất đều tán dương tôn cao Allah, Quyền thống trị đều thuộc về một mình Ngài, mọi lời ca tụng và khen ngợi đều là thuộc về Ngài, và Ngài là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.

يُسَبِّحُ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۖ لَهُ ٱلۡمُلۡكُ وَلَهُ ٱلۡحَمۡدُۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ١

2. Chính Ngài là Đấng đã tạo hóa các ngươi (hỡi nhân loại) nhưng trong các ngươi có người không tin và có người tin tưởng vào điều đó. Và Allah thấy rõ những gì các ngươi làm.

هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَكُمۡ فَمِنكُمۡ كَافِرٞ وَمِنكُم مُّؤۡمِنٞۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٌ ٢

3. Ngài đã tạo ra trời đất vì chân lý và Ngài đã tạo hình thể của các ngươi và làm cho hình thể của các ngươi đẹp nhất. Và (rồi đây) các ngươi sẽ quay về trình diện Ngài.

خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّ وَصَوَّرَكُمۡ فَأَحۡسَنَ صُوَرَكُمۡۖ وَإِلَيۡهِ ٱلۡمَصِيرُ ٣

4. Ngài biết rõ những gì trong trời đất và biết những gì các ngươi che giấu cũng như những gì các ngươi bộc lộ. Quả thật, Allah biết rõ những gì trong lòng (của mọi người).

يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَيَعۡلَمُ مَا تُسِرُّونَ وَمَا تُعۡلِنُونَۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٤

5. (Hỡi những kẻ đa thần!) Lẽ nào thông tin của những kẻ vô đức tin thời trước các ngươi chưa đến với các ngươi sao? Những kẻ đó đã nếm trải hậu quả tồi tệ từ những công việc của chúng và chúng sẽ phải chịu một sự trừng phạt đau đớn (ở Đời Sau).

أَلَمۡ يَأۡتِكُمۡ نَبَؤُاْ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَبۡلُ فَذَاقُواْ وَبَالَ أَمۡرِهِمۡ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٥

6. Đó là bởi vì các Sứ Giả của chúng đã từng đến gặp chúng với những bằng chứng rõ ràng, nhưng chúng nói: “Liệu một người phàm tục có thể hướng dẫn chúng ta ư?” Vậy là chúng đã không tin và quay đi. Và Allah không cần đến chúng bởi Allah là Đấng Miễn Cần, Đấng Đáng Được Ca Ngợi.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُۥ كَانَت تَّأۡتِيهِمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَقَالُوٓاْ أَبَشَرٞ يَهۡدُونَنَا فَكَفَرُواْ وَتَوَلَّواْۖ وَّٱسۡتَغۡنَى ٱللَّهُۚ وَٱللَّهُ غَنِيٌّ حَمِيدٞ ٦

7. Những kẻ vô đức tin tuyên bố rằng chúng sẽ không được dựng sống trở lại. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Không như các ngươi khẳng định, Ta thề bởi Thượng Đế của Ta, chắc chắc các ngươi sẽ được dựng sống trở lại. Rồi các ngươi sẽ được Ngài cho biết về những điều mà các ngươi đã làm. Và điều đó đối với Allah thật dễ dàng.”

زَعَمَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَن لَّن يُبۡعَثُواْۚ قُلۡ بَلَىٰ وَرَبِّي لَتُبۡعَثُنَّ ثُمَّ لَتُنَبَّؤُنَّ بِمَا عَمِلۡتُمۡۚ وَذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٞ ٧

8. Vì vậy, các ngươi hãy tin Allah và Sứ Giả của Ngài, và hãy tin vào Ánh Sáng (Qur’an) mà TA đã ban xuống. Quả thật, Allah thông toàn về mọi thứ các ngươi làm.

فَـَٔامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَٱلنُّورِ ٱلَّذِيٓ أَنزَلۡنَاۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ٨

9. Ngày mà Ngài sẽ triệu tập tất cả loài người cho một Ngày Đại Hội. Đó là Ngày của người thắng kẻ thua. Bất cứ ai có đức tin nơi Allah và hành thiện, Ngài sẽ xóa những điều tội lỗi khỏi y và y sẽ được thu nhận vào các Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy, nơi họ sẽ sống mãi mãi. Đó là một thành tựu vĩ đại.

يَوْمَ يَجْمَعُكُمْ لِيَوْمِ ٱلْجَمْعِ ۖ ذَٰلِكَ يَوْمُ ٱلتَّغَابُنِ ۗ وَمَن
يُؤْمِنۢ بِٱللَّهِ وَيَعْمَلْ صَٰلِحًا يُكَفِّرْ عَنْهُ سَيِّـَٔاتِهِۦ
وَيُدْخِلْهُ جَنَّٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ
فِيهَآ أَبَدًا ۚ ذَٰلِكَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿٩﴾

10. Ngược lại, những ai vô đức tin và phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA, đó sẽ là những người bạn của Hỏa Ngục, chúng sẽ sống trong đó đời đời kiếp kiếp. Và đó là một đích đến vô cùng tồi tệ.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ وَكَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَآ أُو۟لَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ
ٱلنَّارِ خَٰلِدِينَ فِيهَا ۖ وَبِئْسَ ٱلْمَصِيرُ ﴿١٠﴾

11. Không một tai họa nào xảy ra mà không do phép của Allah. Ai có đức tin nơi Allah, Ngài sẽ hướng dẫn trái tim của y. Quả thật, Allah là Đấng biết tất cả mọi thứ.

مَآ أَصَابَ مِن مُّصِيبَةٍ إِلَّا بِإِذْنِ ٱللَّهِ ۗ وَمَن يُؤْمِنۢ
بِٱللَّهِ يَهْدِ قَلْبَهُۥ ۚ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَىْءٍ عَلِيمٌ ﴿١١﴾

12. Các ngươi hãy tuân lệnh Allah và tuân lệnh Sứ Giả (của Ngài). Nhưng nếu các ngươi quay đi thì (các ngươi hãy biết rằng) quả thật Sứ Giả của TA chỉ là một người truyền đạt lại một cách rõ ràng và công khai mà thôi.

وَأَطِيعُوا۟ ٱللَّهَ وَأَطِيعُوا۟ ٱلرَّسُولَ ۚ فَإِن تَوَلَّيْتُمْ فَإِنَّمَا
عَلَىٰ رَسُولِنَا ٱلْبَلَٰغُ ٱلْمُبِينُ ﴿١٢﴾

13. Allah là Thượng Đế duy nhất, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Vì vậy, những người có đức tin hãy phó thác cho Allah.

ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلْيَتَوَكَّلِ ٱلْمُؤْمِنُونَ ﴿١٣﴾

14. Hỡi những người có đức tin! Quả thật, trong số người vợ và con cái của các ngươi có người là kẻ thù của các ngươi. Do đó, các ngươi hãy cảnh giác và coi chừng chúng. Nhưng nếu các ngươi lượng thứ bỏ qua và tha thứ cho chúng thì quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân từ.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِنَّ مِنْ أَزْوَٰجِكُمْ وَأَوْلَٰدِكُمْ
عَدُوًّا لَّكُمْ فَٱحْذَرُوهُمْ ۚ وَإِن تَعْفُوا۟ وَتَصْفَحُوا۟
وَتَغْفِرُوا۟ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿١٤﴾

15. Thật ra, tài sản và con cái của các ngươi chỉ là một sự thử thách (mà Allah muốn thử thách các ngươi). Và (các ngươi hãy biết rằng) ở nơi Allah có một phần thưởng vô cùng vĩ đại.

إِنَّمَآ أَمْوَٰلُكُمْ وَأَوْلَٰدُكُمْ فِتْنَةٌ ۚ وَٱللَّهُ عِندَهُۥٓ أَجْرٌ
عَظِيمٌ ﴿١٥﴾

16. Vì vậy, các ngươi hãy kính sợ Allah (nhiều nhất có thể) theo khả năng của các ngươi, các ngươi hãy nghe và vâng lệnh, và các ngươi hãy chi tiêu (theo cách của Allah), nó tốt hơn cho bản thân của các ngươi. Những ai giữ bản thân mình khỏi sự keo kiệt, ích kỷ thì sẽ là những người thành đạt.

فَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ مَا ٱسْتَطَعْتُمْ وَٱسْمَعُوا۟ وَأَطِيعُوا۟ وَأَنفِقُوا۟
خَيْرًا لِّأَنفُسِكُمْ ۗ وَمَن يُوقَ شُحَّ نَفْسِهِۦ فَأُو۟لَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ﴿١٦﴾

17. Nếu các ngươi cho Allah mượn một món nợ tốt, Ngài sẽ gia tăng nó lên gấp bội cho các ngươi và Ngài sẽ tha thứ tội lỗi cho các ngươi bởi vì Allah là Đấng Ghi Công, Đấng Chịu Đựng.

إِن تُقْرِضُوا۟ ٱللَّهَ قَرْضًا حَسَنًا يُضَٰعِفْهُ لَكُمْ
وَيَغْفِرْ لَكُمْ ۚ وَٱللَّهُ شَكُورٌ حَلِيمٌ ﴿١٧﴾

18. Ngài là Đấng biết điều vô hình và hữu hình, Đấng Chí Tôn, Đấng Thông Thái.	عَٰلِمُ ٱلْغَيْبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ۝١٨

At-Talaq (Ly Dị) الطلاق

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hỡi Nabi, khi nào Ngươi và ai đó trong cộng đồng tín đồ của Ngươi muốn ly dị vợ thì các ngươi hãy ly dị họ dựa vào ‘Iddah (thời hạn ấn định) của họ, các ngươi hãy tính cho đúng ‘Iddah. Các ngươi hãy kính sợ Allah, Thượng Đế của các ngươi. Các ngươi không được đuổi họ ra khỏi nhà của họ cũng như bản thân họ không được rời khỏi nhà (trong thời gian đó) trừ phi họ phạm tội Zina rõ ràng. Đó là những giới hạn của Allah, ai vượt quá giới hạn của Allah thì quả thật y đã tự làm hại bản thân mình. Ngươi (hỡi người ly dị) không biết rằng có thể sau này Allah sẽ cho một điều kiện mới nào đó (để hòa giải đôi bên).

يَـٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ إِذَا طَلَّقۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَطَلِّقُوهُنَّ لِعِدَّتِهِنَّ
وَأَحۡصُواْ ٱلۡعِدَّةَۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ رَبَّكُمۡۖ لَا تُخۡرِجُوهُنَّ
مِنۢ بُيُوتِهِنَّ وَلَا يَخۡرُجۡنَ إِلَّآ أَن يَأۡتِينَ بِفَٰحِشَةٖ
مُّبَيِّنَةٖۚ وَتِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِۚ وَمَن يَتَعَدَّ حُدُودَ ٱللَّهِ
فَقَدۡ ظَلَمَ نَفۡسَهُۥۚ لَا تَدۡرِي لَعَلَّ ٱللَّهَ يُحۡدِثُ بَعۡدَ
ذَٰلِكَ أَمۡرٗا ١

2. Khi họ gần chấm dứt thời hạn ấn định của mình, các ngươi hãy giữ họ lại một cách tử tế hoặc ly hôn họ một cách đàng hoàng. Các ngươi hãy mời hai người công bằng trong các ngươi đến làm chứng và hãy vì Allah mà thiết lập chứng cớ rõ ràng. Đó là điều khuyên răn cho bất cứ ai có đức tin nơi Allah và Ngày Sau. Ai kính sợ Allah, Ngài sẽ tạo cho y một lối thoát.

فَإِذَا بَلَغۡنَ أَجَلَهُنَّ فَأَمۡسِكُوهُنَّ بِمَعۡرُوفٍ أَوۡ
فَارِقُوهُنَّ بِمَعۡرُوفٖ وَأَشۡهِدُواْ ذَوَيۡ عَدۡلٖ مِّنكُمۡ
وَأَقِيمُواْ ٱلشَّهَٰدَةَ لِلَّهِۚ ذَٰلِكُمۡ يُوعَظُ بِهِۦ مَن كَانَ
يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۚ وَمَن يَتَّقِ ٱللَّهَ يَجۡعَل لَّهُۥ
مَخۡرَجٗا ٢

3. Và Ngài sẽ ban bổng lộc cho y theo cách mà y không thể ngờ tới. Và ai phó thác cho Allah thì Ngài đủ giúp y (trong tất cả mọi sự việc). Quả thật, Allah sẽ hoàn thành mục đích của Ngài, và quả thật, Allah đã đặt cho tất cả mọi thứ một mức lượng (theo qui định).

وَيَرۡزُقۡهُ مِنۡ حَيۡثُ لَا يَحۡتَسِبُۚ وَمَن يَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِ
فَهُوَ حَسۡبُهُۥٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ بَٰلِغُ أَمۡرِهِۦۚ قَدۡ جَعَلَ ٱللَّهُ لِكُلِّ
شَيۡءٖ قَدۡرٗا ٣

4. Những người không còn mong đợi kinh nguyệt trong số những người vợ của các ngươi, nếu các ngươi nghi ngờ thì ‘Iddah của họ là ba tháng, kể cả những người không có kinh nguyệt. Riêng đối với những người vợ đang mang thai thì ‘Iddah của họ sẽ kéo dài cho đến khi họ sinh con. Ai kính sợ Allah, Ngài sẽ làm cho vấn đề của y trở nên dễ dàng.

وَٱلَّـٰٓـِٔي يَئِسۡنَ مِنَ ٱلۡمَحِيضِ مِن نِّسَآئِكُمۡ إِنِ
ٱرۡتَبۡتُمۡ فَعِدَّتُهُنَّ ثَلَٰثَةُ أَشۡهُرٖ وَٱلَّـٰٓـِٔي لَمۡ يَحِضۡنَۚ
وَأُوْلَٰتُ ٱلۡأَحۡمَالِ أَجَلُهُنَّ أَن يَضَعۡنَ حَمۡلَهُنَّۚ وَمَن
يَتَّقِ ٱللَّهَ يَجۡعَل لَّهُۥ مِنۡ أَمۡرِهِۦ يُسۡرٗا ٤

5. Đó là mệnh lệnh của Allah, Ngài đã ban nó xuống cho các ngươi. Ai kính sợ Allah, Ngài sẽ xóa bỏ các tội lỗi cho y và sẽ làm phần thưởng thêm to lớn dành cho y.

ذَٰلِكَ أَمۡرُ ٱللَّهِ أَنزَلَهُۥٓ إِلَيۡكُمۡۚ وَمَن يَتَّقِ ٱللَّهَ
يُكَفِّرۡ عَنۡهُ سَيِّـَٔاتِهِۦ وَيُعۡظِمۡ لَهُۥٓ أَجۡرًا ٥

6. Các ngươi (hỡi những người chồng) hãy để (những người vợ của các ngươi) ở nơi nào mà các ngươi ở tùy theo điều kiện của các ngươi; các ngươi không được gây khó khăn cho họ nhằm ép bức họ. Nếu họ mang thai, các ngươi hãy chu cấp cho họ đến khi họ sinh con. Nếu họ giúp các ngươi cho con bú, các ngươi hãy trả tiền công cho họ và các ngươi hãy trao đổi ý kiến lẫn nhau một cách biết điều và hợp lý, nhưng nếu các ngươi gặp khó khăn (trong việc cho con bú) thì hãy tìm người phụ nữ khác (giúp người chồng) cho con bú.

أَسۡكِنُوهُنَّ مِنۡ حَيۡثُ سَكَنتُم مِّن وُجۡدِكُمۡ وَلَا
تُضَآرُّوهُنَّ لِتُضَيِّقُواْ عَلَيۡهِنَّۚ وَإِن كُنَّ أُوْلَٰتِ حَمۡلٖ
فَأَنفِقُواْ عَلَيۡهِنَّ حَتَّىٰ يَضَعۡنَ حَمۡلَهُنَّۚ فَإِنۡ أَرۡضَعۡنَ
لَكُمۡ فَـَٔاتُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ وَأۡتَمِرُواْ بَيۡنَكُم
بِمَعۡرُوفٖۖ وَإِن تَعَاسَرۡتُمۡ فَسَتُرۡضِعُ لَهُۥٓ أُخۡرَىٰ ٦

7. Người dư dả sẽ chi tiêu theo điều kiện dư dả của mình, còn người ít điều kiện thì chi tiêu theo những gì mà Allah ban cấp cho y. Allah không bắt bất cứ linh hồn nào phải nặng gánh mà hãy tùy theo những gì Ngài đã ban cho. (Hãy biết rằng) sau khó khăn, Allah sẽ làm cho dễ dàng.

لِيُنفِقۡ ذُو سَعَةٖ مِّن سَعَتِهِۦۖ وَمَن قُدِرَ عَلَيۡهِ رِزۡقُهُۥ
فَلۡيُنفِقۡ مِمَّآ ءَاتَىٰهُ ٱللَّهُۚ لَا يُكَلِّفُ ٱللَّهُ نَفۡسًا إِلَّا مَآ
ءَاتَىٰهَاۚ سَيَجۡعَلُ ٱللَّهُ بَعۡدَ عُسۡرٖ يُسۡرٗا ٧

8. Biết bao thị trấn đã xấc xược với mệnh lệnh của Thượng Đế và các Sứ Giả của Ngài nên TA thanh toán các thị trấn đó bằng một cuộc thanh toán dữ dội, và TA đã trừng phạt chúng bằng một sự trừng phạt khủng khiếp.

وَكَأَيِّن مِّن قَرۡيَةٍ عَتَتۡ عَنۡ أَمۡرِ رَبِّهَا وَرُسُلِهِۦ
فَحَاسَبۡنَٰهَا حِسَابٗا شَدِيدٗا وَعَذَّبۡنَٰهَا عَذَابٗا
نُّكۡرٗا ٨

9. Các thị trấn đó đã nếm trải hậu quả tồi tệ do tình trạng xấc xược của chúng. Và kết cục cho tình trạng của chúng là sự mất mát thua thiệt.

فَذَاقَتۡ وَبَالَ أَمۡرِهَا وَكَانَ عَٰقِبَةُ أَمۡرِهَا خُسۡرًا ٩

10. Allah đã chuẩn bị cho chúng một sự trừng phạt nghiêm khắc. Vì vậy, các ngươi hãy kính sợ Allah hỡi những người hiểu biết, những người có đức tin. Quả thật, Allah đã ban xuống cho các ngươi Lời Nhắc Nhở (Qur’an).

أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُمۡ عَذَابٗا شَدِيدٗاۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ يَٰٓأُوْلِي
ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۚ قَدۡ أَنزَلَ ٱللَّهُ إِلَيۡكُمۡ
ذِكۡرٗا ١٠

11. (Muhammad), một vị Sứ Giả (của Allah) đọc lại cho các ngươi những Lời Mặc Khải của Allah một cách rõ ràng để đưa những người có đức tin và hành thiện từ nơi tăm tối ra ánh sáng. Người nào có đức tin nơi Allah và hành thiện thì sẽ được Ngài thu nhận vào các Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy và sẽ sống trong đó mãi mãi. Chắc chắn, Allah sẽ cung cấp cho y bổng lộc tốt nhất.

رَّسُولٗا يَتۡلُواْ عَلَيۡكُمۡ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ مُبَيِّنَٰتٖ لِّيُخۡرِجَ
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى
ٱلنُّورِۚ وَمَن يُؤۡمِنۢ بِٱللَّهِ وَيَعۡمَلۡ صَٰلِحٗا يُدۡخِلۡهُ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ
قَدۡ أَحۡسَنَ ٱللَّهُ لَهُۥ رِزۡقًا ١١

12. Allah là Đấng đã tạo ra bảy tầng trời và (bảy) trái đất giống như chúng. Mệnh lệnh (của Ngài) truyền xuống giữa chúng để các ngươi biết rằng Allah toàn năng trên tất cả mọi thứ và rằng Allah bao trùm toàn bộ mọi thứ bằng kiến thức của Ngài.

ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَ سَبۡعَ سَمَٰوَٰتٖ وَمِنَ ٱلۡأَرۡضِ مِثۡلَهُنَّۖ
يَتَنَزَّلُ ٱلۡأَمۡرُ بَيۡنَهُنَّ لِتَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
قَدِيرٞ وَأَنَّ ٱللَّهَ قَدۡ أَحَاطَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عِلۡمَۢا ١٢

At-Tahrim (Sự Cấm Đoán) التحريم

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hỡi Nabi, tại sao Ngươi lại cấm (chính mình) những gì Allah đã cho phép Ngươi, để làm vừa lòng các bà vợ của Ngươi? Và Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ لِمَ تُحَرِّمُ مَآ أَحَلَّ ٱللَّهُ لَكَۖ تَبۡتَغِي
مَرۡضَاتَ أَزۡوَٰجِكَۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١

2. Quả thật, Allah đã qui định cho các ngươi (hỡi những người Muslim) cách thức xóa bỏ lời thề của các ngươi. Allah là Đấng bảo hộ của các ngươi, Ngài là Đấng Toàn Tri, Đấng Thông Thái.

قَدۡ فَرَضَ ٱللَّهُ لَكُمۡ تَحِلَّةَ أَيۡمَٰنِكُمۡۚ وَٱللَّهُ
مَوۡلَىٰكُمۡۖ وَهُوَ ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡحَكِيمُ ٢

3. Và (hãy nhớ lại) khi Nabi tâm sự với một trong những người vợ của mình, người vợ đó đã tiết lộ nó sau đó. Allah đã cho Y biết sự việc đó, Y đã xác nhận một phần và bỏ qua một phần khác. Khi Y nói với nàng ta về điều đó thì nàng ta nói: “Ai đã cho chàng biết điều này?” Y đáp: “Đấng Toàn Tri, Đấng Thông Toàn đã cho Ta biết.”

وَإِذۡ أَسَرَّ ٱلنَّبِيُّ إِلَىٰ بَعۡضِ أَزۡوَٰجِهِۦ حَدِيثٗا فَلَمَّا
نَبَّأَتۡ بِهِۦ وَأَظۡهَرَهُ ٱللَّهُ عَلَيۡهِ عَرَّفَ بَعۡضَهُۥ
وَأَعۡرَضَ عَنۢ بَعۡضٖۖ فَلَمَّا نَبَّأَهَا بِهِۦ قَالَتۡ مَنۡ
أَنۢبَأَكَ هَٰذَاۖ قَالَ نَبَّأَنِيَ ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡخَبِيرُ ٣

4. Nếu hai ngươi (‘A-ishah và Hafsah) biết ăn năn sám hối với Allah thì quả thật trái tim của hai ngươi đã chịu thuận, nhưng nếu hai ngươi tiếp tay nhau chống lại (Thiên Sứ Muhammad) thì quả thực Allah là Đấng bảo vệ Y, Đại Thiên Thần Jibril và những người có đức tin cũng vậy; và các vị Thiên Thần khác đều sẽ ủng hộ Y.

إِن تَتُوبَآ إِلَى ٱللَّهِ فَقَدۡ صَغَتۡ قُلُوبُكُمَاۖ وَإِن
تَظَٰهَرَا عَلَيۡهِ فَإِنَّ ٱللَّهَ هُوَ مَوۡلَىٰهُ وَجِبۡرِيلُ وَصَٰلِحُ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَۖ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ بَعۡدَ ذَٰلِكَ ظَهِيرٌ ٤

5. Nếu (Thiên Sứ Muhammad) ly dị tất cả các ngươi (hỡi những người vợ của Y), Thượng Đế của Y có thể sẽ đổi lại cho Y các bà vợ khác tốt hơn các ngươi. Họ sẽ là những phụ nữ Muslim có đức tin, sùng đạo, năng sám hối, luôn thờ phượng, nhịn chay, đã từng kết hôn hay còn con gái.

عَسَىٰ رَبُّهُۥٓ إِن طَلَّقَكُنَّ أَن يُبۡدِلَهُۥٓ أَزۡوَٰجًا خَيۡرٗا
مِّنكُنَّ مُسۡلِمَٰتٖ مُّؤۡمِنَٰتٖ قَٰنِتَٰتٖ تَٰٓئِبَٰتٍ
عَٰبِدَٰتٖ سَٰٓئِحَٰتٖ ثَيِّبَٰتٖ وَأَبۡكَارٗا ٥

6. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy bảo vệ bản thân và gia đình khỏi Hỏa Ngục, nơi mà chất đốt của nó là con người và đá, được những vị Thiên Thần lạnh lùng và nghiêm nghị cai quản. Họ không trái lệnh Allah bất cứ điều gì, họ chỉ biết thi hành đúng theo lệnh (của Ngài).

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قُوٓاْ أَنفُسَكُمۡ وَأَهۡلِيكُمۡ نَارٗا
وَقُودُهَا ٱلنَّاسُ وَٱلۡحِجَارَةُ عَلَيۡهَا مَلَٰٓئِكَةٌ غِلَاظٞ
شِدَادٞ لَّا يَعۡصُونَ ٱللَّهَ مَآ أَمَرَهُمۡ وَيَفۡعَلُونَ مَا
يُؤۡمَرُونَ ٦

7. Hỡi những kẻ vô đức tin! Các ngươi đừng hòng chạy tội vào Ngày đó. Quả thật các ngươi chắc chắn sẽ được đền đáp (xứng đáng) cho những gì các ngươi đã từng làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَا تَعۡتَذِرُواْ ٱلۡيَوۡمَۖ إِنَّمَا
تُجۡزَوۡنَ مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٧

8. Hỡi những người có đức tin! Các ngươi hãy chân thành sám hối với Allah, hy vọng rằng Thượng Đế của các ngươi sẽ xóa tội cho các ngươi và sẽ thu nhận các ngươi vào các Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy vào Ngày mà Allah sẽ không hạ nhục Nabi và những người có đức tin cùng với Y. Ánh sáng của họ sẽ chiếu rọi đằng trước và bên phải của họ, họ sẽ nói: "Lạy Thượng Đế của bầy tôi! Xin Ngài hoàn thiện cho bầy tôi ánh sáng của bầy tôi và xin Ngài tha thứ tội lỗi cho bầy tôi, quả thật, Ngài là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ."

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ تُوبُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ تَوۡبَةٗ نَّصُوحًا
عَسَىٰ رَبُّكُمۡ أَن يُكَفِّرَ عَنكُمۡ سَيِّـَٔاتِكُمۡ
وَيُدۡخِلَكُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ يَوۡمَ لَا
يُخۡزِي ٱللَّهُ ٱلنَّبِيَّ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥۖ نُورُهُمۡ يَسۡعَىٰ
بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَبِأَيۡمَٰنِهِمۡ يَقُولُونَ رَبَّنَآ أَتۡمِمۡ لَنَا نُورَنَا
وَٱغۡفِرۡ لَنَآۖ إِنَّكَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٨

9. Hỡi Nabi! Ngươi hãy chiến đấu chống lại những kẻ vô đức tin và những kẻ giả tạo đức tin, Ngươi hãy nghiêm khắc với chúng. Quả thật, chỗ ở của chúng sẽ là Hỏa Ngục, một đích đến vô cùng tồi tệ.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ جَٰهِدِ ٱلۡكُفَّارَ وَٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱغۡلُظۡ
عَلَيۡهِمۡۚ وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ٩

10. Allah đưa ra một ví dụ cho những kẻ vô đức tin là vợ của Nuh và vợ của Lut. Cả hai ở dưới quyền của hai Bề Tôi đức hạnh của TA nhưng cả hai đã phản bội họ. Vì vậy, các vị Nabi đó chẳng giúp ích gì được cho cả hai ở nơi Allah và cả hai sẽ được bảo: "Hai ngươi hãy vào Hỏa Ngục cùng với những kẻ đi vào."

ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱمۡرَأَتَ نُوحٖ
وَٱمۡرَأَتَ لُوطٖۖ كَانَتَا تَحۡتَ عَبۡدَيۡنِ مِنۡ عِبَادِنَا
صَٰلِحَيۡنِ فَخَانَتَاهُمَا فَلَمۡ يُغۡنِيَا عَنۡهُمَا مِنَ ٱللَّهِ
شَيۡـٔٗا وَقِيلَ ٱدۡخُلَا ٱلنَّارَ مَعَ ٱلدَّٰخِلِينَ ١٠

11. Và Allah đưa ra một ví dụ cho những người có đức tin: vợ của Pha-ra-ông, khi nữ cầu nguyện thưa: "Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài xây cho bề tôi một ngôi nhà gần Ngài nơi Thiên Đàng và xin Ngài cứu bề tôi thoát khỏi Pha-ra-ông và những việc làm của hắn và xin Ngài cứu bề tôi thoát khỏi đám người làm điều sai quấy."

وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱمۡرَأَتَ فِرۡعَوۡنَ إِذۡ
قَالَتۡ رَبِّ ٱبۡنِ لِي عِندَكَ بَيۡتٗا فِي ٱلۡجَنَّةِ وَنَجِّنِي مِن
فِرۡعَوۡنَ وَعَمَلِهِۦ وَنَجِّنِي مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ١١

12. Và (một ví dụ nữa): Maryam, con gái của 'Imran, Nữ đã giữ sự trong trắng của mình. Vì vậy, TA (Allah) đã cho Ruh (Đại Thiên Thần Jibril) của TA thổi vào (cơ thể của) Nữ và Nữ đã tin sự Thật về Lời phán của Thượng Đế của Nữ, Nữ đã tin vào các Kinh Sách của Ngài và Nữ là một người hết lòng vâng lời (Ngài).

وَمَرۡيَمَ ٱبۡنَتَ عِمۡرَٰنَ ٱلَّتِيٓ أَحۡصَنَتۡ فَرۡجَهَا فَنَفَخۡنَا
فِيهِ مِن رُّوحِنَا وَصَدَّقَتۡ بِكَلِمَٰتِ رَبِّهَا وَكُتُبِهِۦ
وَكَانَتۡ مِنَ ٱلۡقَٰنِتِينَ ١٢

Al-Mulk (Quyền Thống Trị) الملك

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Phúc thay Đấng nắm quyền thống trị trong tay, và Ngài là Đấng Toàn Năng trên mọi thứ.

تَبَٰرَكَ ٱلَّذِي بِيَدِهِ ٱلۡمُلۡكُ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
قَدِيرٌ ١

2. Đấng đã tạo ra cái chết và sự sống để thử thách các ngươi (hỡi nhân loại) xem ai là người tốt nhất trong việc làm của mình, và Ngài là Đấng Chí Tôn, Đấng Tha Thứ.

ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلۡمَوۡتَ وَٱلۡحَيَوٰةَ لِيَبۡلُوَكُمۡ أَيُّكُمۡ أَحۡسَنُ
عَمَلٗاۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡغَفُورُ ٢

3. Đấng đã tạo ra bảy tầng trời, tầng này bên trên tầng kia; ngươi (hỡi người nhìn) sẽ không thấy bất kỳ sai sót nào trong sự tạo hóa của Đấng Ar-Rahman. Vì vậy, ngươi hãy nhìn lại (quan sát kỹ xem) ngươi có thấy bất kỳ lỗ hổng nào không?

ٱلَّذِي خَلَقَ سَبۡعَ سَمَٰوَٰتٖ طِبَاقٗاۖ مَّا تَرَىٰ فِي خَلۡقِ
ٱلرَّحۡمَٰنِ مِن تَفَٰوُتٖۖ فَٱرۡجِعِ ٱلۡبَصَرَ هَلۡ تَرَىٰ مِن
فُطُورٖ ٣

4. Sau đó, ngươi hãy đưa ánh mắt nhìn lại hai lần nữa, ánh mắt của ngươi sẽ trở lại với ngươi mờ đi và mệt mỏi.

ثُمَّ ٱرۡجِعِ ٱلۡبَصَرَ كَرَّتَيۡنِ يَنقَلِبۡ إِلَيۡكَ ٱلۡبَصَرُ
خَاسِئٗا وَهُوَ حَسِيرٞ ٤

5. Thật vậy, TA (Allah) đã làm đẹp tầng trời hạ giới với những chiếc đèn (các vì sao) và làm cho chúng thành những thứ dùng để ném những tên Shaytan, và TA đã chuẩn bị cho chúng hình phạt của ngọn lửa rực cháy.

وَلَقَدۡ زَيَّنَّا ٱلسَّمَآءَ ٱلدُّنۡيَا بِمَصَٰبِيحَ وَجَعَلۡنَٰهَا
رُجُومٗا لِّلشَّيَٰطِينِۖ وَأَعۡتَدۡنَا لَهُمۡ عَذَابَ ٱلسَّعِيرِ ٥

6. Đối với những kẻ vô đức tin nơi Thượng Đế của chúng là một sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục; và đó là điểm đến khốn khổ tột cùng.

وَلِلَّذِينَ كَفَرُواْ بِرَبِّهِمۡ عَذَابُ جَهَنَّمَۖ وَبِئۡسَ
ٱلۡمَصِيرُ ٦

7. Khi chúng bị ném vào đó, chúng sẽ nghe thấy tiếng nó gầm rít dữ dội và đáng sợ khi nó sôi lên (giống như nó đang cuồng nộ).

إِذَآ أُلۡقُواْ فِيهَا سَمِعُواْ لَهَا شَهِيقٗا وَهِيَ تَفُورُ ٧

8. Nó gần như muốn nổ tung vì giận dữ. Mỗi khi một nhóm người bị ném vào đó, những vị Cai Ngục hỏi chúng (một cách mỉa mai): "Lẽ nào đã không có một người cảnh báo nào đến gặp các ngươi sao?!"

تَكَادُ تَمَيَّزُ مِنَ ٱلۡغَيۡظِۖ كُلَّمَآ أُلۡقِيَ فِيهَا فَوۡجٞ سَأَلَهُمۡ
خَزَنَتُهَآ أَلَمۡ يَأۡتِكُمۡ نَذِيرٞ ٨

9. Chúng sẽ đáp: "Vâng, có. Quả thật, đã có một người cảnh báo đến gặp chúng tôi, nhưng chúng tôi đã phủ nhận và nói: Allah đã không ban xuống bất cứ điều gì. Thật ra các người đang trong sự lầm lạc lớn."

قَالُواْ بَلَىٰ قَدۡ جَآءَنَا نَذِيرٞ فَكَذَّبۡنَا وَقُلۡنَا مَا نَزَّلَ ٱللَّهُ
مِن شَيۡءٍ إِنۡ أَنتُمۡ إِلَّا فِي ضَلَٰلٖ كَبِيرٖ ٩

10. Và chúng sẽ nói: “Giá như chúng tôi lắng nghe hoặc chịu suy ngẫm, chúng tôi đã không nằm trong số những người bạn của Hỏa Ngục.”

وَقَالُواْ لَوْ كُنَّا نَسْمَعُ أَوْ نَعْقِلُ مَا كُنَّا فِيٓ أَصْحَٰبِ ٱلسَّعِيرِ ١٠

11. Chúng đã thú nhận tội lỗi của mình. Vì vậy, những người bạn của Hỏa Ngục đã ở quá xa (với sự tha thứ)!

فَٱعْتَرَفُواْ بِذَنۢبِهِمْ فَسُحْقًا لِّأَصْحَٰبِ ٱلسَّعِيرِ ١١

12. Quả thật, những người kính sợ Thượng Đế của họ dù không nhìn thấy Ngài vẫn sẽ được tha thứ và sẽ có được một phần thưởng to lớn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يَخْشَوْنَ رَبَّهُم بِٱلْغَيْبِ لَهُم مَّغْفِرَةٌ وَأَجْرٌ كَبِيرٌ ١٢

13. Cho dù các ngươi (hỡi nhân loại) có che giấu hoặc công khai lời nói của các ngươi thì (các ngươi hãy biết rằng) quả thật Ngài biết rõ những điều nằm trong lòng (của các ngươi).

وَأَسِرُّواْ قَوْلَكُمْ أَوِ ٱجْهَرُواْ بِهِۦٓۖ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ١٣

14. Lẽ nào Đấng đã tạo ra không biết trong khi Ngài là Đấng Tinh Tế, Đấng Thông Toàn?

أَلَا يَعْلَمُ مَنْ خَلَقَ وَهُوَ ٱللَّطِيفُ ٱلْخَبِيرُ ١٤

15. Chính Ngài là Đấng đã làm cho trái đất thuận tiện và dễ dàng sử dụng cho các ngươi. Vì vậy, các ngươi hãy đi trên các nẻo đường của nó và hãy ăn từ nguồn bổng lộc của Ngài. Và (các ngươi hãy biết rằng rồi đây) các ngươi sẽ được phục sinh để trở về với Ngài.

هُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلْأَرْضَ ذَلُولًا فَٱمْشُواْ فِي مَنَاكِبِهَا وَكُلُواْ مِن رِّزْقِهِۦۖ وَإِلَيْهِ ٱلنُّشُورُ ١٥

16. Phải chăng các ngươi cảm thấy an toàn rằng Đấng ở trên trời sẽ không khiến đất sụp xuống nuốt chửng các ngươi khi nó rung chuyển ư?

ءَأَمِنتُم مَّن فِي ٱلسَّمَآءِ أَن يَخْسِفَ بِكُمُ ٱلْأَرْضَ فَإِذَا هِيَ تَمُورُ ١٦

17. Hoặc phải chăng các ngươi cảm thấy an toàn rằng Đấng ở trên trời sẽ không giáng xuống một cơn bão đá ư? Rồi đây các ngươi sẽ biết Lời cảnh báo của TA (khủng khiếp) thế nào?

أَمْ أَمِنتُم مَّن فِي ٱلسَّمَآءِ أَن يُرْسِلَ عَلَيْكُمْ حَاصِبًاۖ فَسَتَعْلَمُونَ كَيْفَ نَذِيرِ ١٧

18. Quả thật trước chúng đã có những kẻ phủ nhận. Và những kẻ đó đã chịu sự trừng phạt của TA (khủng khiếp) thế nào?

وَلَقَدْ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ فَكَيْفَ كَانَ نَكِيرِ ١٨

19. Lẽ nào chúng không nhìn thấy những con chim phía trên chúng với đôi cánh dang rộng và (đôi lúc) gập lại? Không ai có thể giữ chúng (trên không trung) ngoại trừ Đấng Ar-Rahman. Quả thật, Ngài nhìn thấy hết mọi vật.

أَوَلَمْ يَرَوْاْ إِلَى ٱلطَّيْرِ فَوْقَهُمْ صَٰٓفَّٰتٍ وَيَقْبِضْنَۚ مَا يُمْسِكُهُنَّ إِلَّا ٱلرَّحْمَٰنُۚ إِنَّهُۥ بِكُلِّ شَيْءِۭ بَصِيرٌ ١٩

20. Hoặc ai có thể là một đội quân giúp các ngươi ngoài Đấng Ar-Rahman? Quả thật, những kẻ vô đức tin chỉ sống trong ảo tưởng.

أَمَّنْ هَٰذَا ٱلَّذِي هُوَ جُندٌ لَّكُمْ يَنصُرُكُم مِّن دُونِ ٱلرَّحْمَٰنِۚ إِنِ ٱلْكَٰفِرُونَ إِلَّا فِي غُرُورٍ ٢٠

21. Hoặc ai có thể cung cấp bổng lộc cho các ngươi nếu Ngài giữ nguồn bổng lộc của Ngài lại? Không, chúng cứ cố chấp trong sự xấc xược và trốn tránh (sự thật).

أَمَّنۡ هَٰذَا ٱلَّذِي يَرۡزُقُكُمۡ إِنۡ أَمۡسَكَ رِزۡقَهُۥۚ بَل لَّجُّواْ فِي عُتُوّٖ وَنُفُورٍ ٢١

22. Vậy thì một kẻ sấp mặt bước đi (không có chiều rộng hay chiều sâu đối với đường nhìn của mình, hầu như không nhìn thấy những gì đang chạm vào mặt mình) được hướng dẫn tốt hơn, hay một người bước đi ngay thẳng (với một đường nhìn rõ ràng về những gì ở phía trước) trên một con đường thẳng?

أَفَمَن يَمۡشِي مُكِبًّا عَلَىٰ وَجۡهِهِۦٓ أَهۡدَىٰٓ أَمَّن يَمۡشِي سَوِيًّا عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٢٢

23. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy nói (với những kẻ đa thần): “Ngài (Allah) là Đấng đã tạo ra các ngươi, ban cho các ngươi thính giác, thị giác và trái tim nhưng các ngươi rất ít biết ơn Ngài.

قُلۡ هُوَ ٱلَّذِيٓ أَنشَأَكُمۡ وَجَعَلَ لَكُمُ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ وَٱلۡأَفۡـِٔدَةَۚ قَلِيلٗا مَّا تَشۡكُرُونَ ٢٣

24. Ngươi hãy nói với chúng: “Chính Ngài đã phân tán các ngươi khắp nơi trên trái đất, và (rồi đây) các ngươi sẽ được tập trung đưa về trình diện Ngài.”

قُلۡ هُوَ ٱلَّذِي ذَرَأَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَإِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ ٢٤

25. (Những kẻ phủ nhận sự Phục Sinh) nói: “Lời hứa này khi nào sẽ xảy ra nếu các ngươi nói thật?”

وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٢٥

26. Ngươi hãy nói với chúng: “Quả thật chỉ một mình Allah mới biết rõ điều đó còn Ta chỉ là một người cảnh báo rõ ràng mà thôi.”

قُلۡ إِنَّمَا ٱلۡعِلۡمُ عِندَ ٱللَّهِ وَإِنَّمَآ أَنَا۠ نَذِيرٞ مُّبِينٞ ٢٦

27. Nhưng khi chúng thấy nó đến gần, gương mặt của những kẻ vô đức tin trở nên ảm đạm. Và chúng sẽ được bảo: “Đây chính là cái mà các ngươi thường mong đợi”.

فَلَمَّا رَأَوۡهُ زُلۡفَةٗ سِيٓـَٔتۡ وُجُوهُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَقِيلَ هَٰذَا ٱلَّذِي كُنتُم بِهِۦ تَدَّعُونَ ٢٧

28. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói với chúng: “Các ngươi có xem xét không, nếu Allah hủy diệt Ta và những ai theo Ta hoặc thương xót Bọn Ta thì ai sẽ cứu những kẻ vô đức tin khỏi sự trừng phạt đau đớn?”

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِنۡ أَهۡلَكَنِيَ ٱللَّهُ وَمَن مَّعِيَ أَوۡ رَحِمَنَا فَمَن يُجِيرُ ٱلۡكَٰفِرِينَ مِنۡ عَذَابٍ أَلِيمٖ ٢٨

29. Ngươi hãy nói với chúng: “Ngài là Đấng Ar-Rahman, Bọn Ta có đức tin nơi Ngài và phó thác cho Ngài. Rồi đây các ngươi sẽ biết ai là kẻ lầm lạc rõ rệt.”

قُلۡ هُوَ ٱلرَّحۡمَٰنُ ءَامَنَّا بِهِۦ وَعَلَيۡهِ تَوَكَّلۡنَاۖ فَسَتَعۡلَمُونَ مَنۡ هُوَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٢٩

30. Ngươi hãy bảo chúng: “Các ngươi có nghĩ đến, nếu nguồn nước (mà các ngươi uống) rút xuống (lòng đất) và biến mất thì ai có thể mang nguồn nước trong vắt đến cho các ngươi?”

قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِنۡ أَصۡبَحَ مَآؤُكُمۡ غَوۡرٗا فَمَن يَأۡتِيكُم بِمَآءٖ مَّعِينِۭ ٣٠

Al-Qalam (Cây Viết) القلم

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Nun. Thề bởi cây viết và những gì họ (nhân loại) ghi chép.

نٓۚ وَٱلۡقَلَمِ وَمَا يَسۡطُرُونَ ١

2. (Hỡi Muhammad!) với hồng ân Thượng Đế của Ngươi, Ngươi không phải là một kẻ điên.

مَآ أَنتَ بِنِعۡمَةِ رَبِّكَ بِمَجۡنُونٖ ٢

3. Quả thật, Ngươi chắc chắn sẽ có được một phần thưởng vô tận.

وَإِنَّ لَكَ لَأَجۡرًا غَيۡرَ مَمۡنُونٖ ٣

4. Và quả thật, Ngươi là người có phẩm chất đạo đức vĩ đại.

وَإِنَّكَ لَعَلَىٰ خُلُقٍ عَظِيمٖ ٤

5. Vì vậy, Ngươi sẽ thấy và chúng cũng sẽ thấy.

فَسَتُبۡصِرُ وَيُبۡصِرُونَ ٥

6. Ai trong các ngươi là kẻ mắc bệnh điên.

بِأَييِّكُمُ ٱلۡمَفۡتُونُ ٦

7. Thật vậy, Thượng Đế của Ngươi biết rõ nhất ai đã đi chệch hướng khỏi con đường của Ngài và Ngài biết rõ nhất ai là những người được hướng dẫn.

إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ بِمَن ضَلَّ عَن سَبِيلِهِۦ وَهُوَ
أَعۡلَمُ بِٱلۡمُهۡتَدِينَ ٧

8. Vì vậy, Ngươi đừng nghe theo những kẻ phủ nhận (Thông Điệp Ngươi mang đến).

فَلَا تُطِعِ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ٨

9. Chúng mong muốn nếu Ngươi nhượng bộ thì chúng cũng sẽ nhượng bộ.

وَدُّواْ لَوۡ تُدۡهِنُ فَيُدۡهِنُونَ ٩

10. Ngươi đừng nghe theo những kẻ có thói quen thề thốt một cách vô bổ và đáng khinh.

وَلَا تُطِعۡ كُلَّ حَلَّافٖ مَّهِينٍ ١٠

11. Kẻ chuyên nói xấu sau lưng và chuyên tới lui mách lẻo chuyện thiên hạ.

هَمَّازٖ مَّشَّآءِۭ بِنَمِيمٖ ١١

12. Kẻ cản trở điều tốt, vượt quá giới hạn và tội lỗi.

مَّنَّاعٖ لِّلۡخَيۡرِ مُعۡتَدٍ أَثِيمٍ ١٢

13. Ngoài ra, còn bạo ngược, hạ cấp đáng khinh.

عُتُلِّۭ بَعۡدَ ذَٰلِكَ زَنِيمٍ ١٣

14. Bởi vì y sở hữu của cải và con cái.

أَن كَانَ ذَا مَالٖ وَبَنِينَ ١٤

15. Khi những Lời Mặc Khải của TA được đọc cho y nghe, y nói: “Chuyện cổ tích của người xưa”.

إِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِ ءَايَٰتُنَا قَالَ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٥

16. TA sẽ đóng dấu trên mõm của y!

سَنَسِمُهُۥ عَلَى ٱلۡخُرۡطُومِ ١٦

17. Thật vậy, TA đã thử thách chúng giống như việc TA đã thử thách những người chủ của một ngôi vườn khi họ thề sẽ hái hết trái của nó vào một buổi sáng sớm.

إِنَّا بَلَوۡنَٰهُمۡ كَمَا بَلَوۡنَآ أَصۡحَٰبَ ٱلۡجَنَّةِ إِذۡ أَقۡسَمُواْ لَيَصۡرِمُنَّهَا مُصۡبِحِينَ ١٧

18. Và họ đã không nói “Insha-Allah” (Nếu Allah muốn).

وَلَا يَسۡتَثۡنُونَ ١٨

19. Vì vậy, một thảm họa từ Thượng Đế của Ngươi đã ập đến khu vườn khi họ đang ngủ.

فَطَافَ عَلَيۡهَا طَآئِفٞ مِّن رَّبِّكَ وَهُمۡ نَآئِمُونَ ١٩

20. Thế là sáng ra khu vườn trở thành một màu đen như bóng tối của màn đêm (do đã bị thiêu rụi).

فَأَصۡبَحَتۡ كَٱلصَّرِيمِ ٢٠

21. Rồi họ gọi nhau vào buổi sáng.

فَتَنَادَوۡاْ مُصۡبِحِينَ ٢١

22. “Nếu các người muốn hái trái thì hãy mau ra vườn cho sớm!”

أَنِ ٱغۡدُواْ عَلَىٰ حَرۡثِكُمۡ إِن كُنتُمۡ صَٰرِمِينَ ٢٢

23. Vậy là họ rời đi và nói khẽ với nhau:

فَٱنطَلَقُواْ وَهُمۡ يَتَخَٰفَتُونَ ٢٣

24. “Đừng để bất cứ người nghèo nào vào vườn hôm nay!”

أَن لَّا يَدۡخُلَنَّهَا ٱلۡيَوۡمَ عَلَيۡكُم مِّسۡكِينٞ ٢٤

25. Và họ đã đi thật sớm, nhất quyết trong ý đồ đó.

وَغَدَوۡاْ عَلَىٰ حَرۡدٖ قَٰدِرِينَ ٢٥

26. Nhưng khi nhìn thấy khu vườn, họ nói: “Chắc chắn chúng ta đã đi lạc đường rồi.”

فَلَمَّا رَأَوۡهَا قَالُوٓاْ إِنَّا لَضَآلُّونَ ٢٦

27. “Không, đúng hơn là chúng ta đã bị tước mất (mùa màng).”

بَلۡ نَحۡنُ مَحۡرُومُونَ ٢٧

28. Một người tốt nhất trong số họ nói: “Tôi đã không nói với các người hãy nên tán dương (Allah) đó sao?”

قَالَ أَوۡسَطُهُمۡ أَلَمۡ أَقُل لَّكُمۡ لَوۡلَا تُسَبِّحُونَ ٢٨

29. Họ nói: “Vinh quang thay Thượng Đế của bầy tôi, bầy tôi thực sự là những kẻ sai quấy.”

قَالُواْ سُبۡحَٰنَ رَبِّنَآ إِنَّا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٢٩

30. Sau đó, họ quay sang trách móc và đổ lỗi cho nhau.

فَأَقۡبَلَ بَعۡضُهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖ يَتَلَٰوَمُونَ ٣٠

31. Họ nói: “Thật khốn khổ thay cho chúng ta! Chúng ta thực sự là những kẻ đã vượt mức giới hạn.”

قَالُواْ يَٰوَيۡلَنَآ إِنَّا كُنَّا طَٰغِينَ ٣١

32. “Có lẽ Thượng Đế của chúng ta sẽ đổi lại cho chúng ta một ngôi vườn khác tốt hơn. Chúng ta thực sự hướng về Thượng Đế của chúng ta trong hy vọng và sự cầu mong.”

عَسَىٰ رَبُّنَآ أَن يُبۡدِلَنَا خَيۡرٗا مِّنۡهَآ إِنَّآ إِلَىٰ رَبِّنَا
رَٰغِبُونَ ٣٢

33. Sự trừng phạt (trên thế gian) là như thế đấy. Nhưng sự trừng phạt ở Đời Sau chắc chắn còn lớn hơn nếu họ biết.

كَذَٰلِكَ ٱلۡعَذَابُۖ وَلَعَذَابُ ٱلۡأٓخِرَةِ أَكۡبَرُۚ لَوۡ كَانُواْ
يَعۡلَمُونَ ٣٣

34. Quả thật, những người ngoan đạo sẽ hưởng Thiên Đàng Hạnh Phúc nơi Thượng Đế của họ.

إِنَّ لِلۡمُتَّقِينَ عِندَ رَبِّهِمۡ جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ٣٤

35. Lẽ nào TA lại đối xử với những người Muslim giống như những kẻ tội lỗi?

أَفَنَجۡعَلُ ٱلۡمُسۡلِمِينَ كَٱلۡمُجۡرِمِينَ ٣٥

36. Các ngươi phân xử sao thế?!

مَا لَكُمۡ كَيۡفَ تَحۡكُمُونَ ٣٦

37. Hoặc phải chăng các ngươi có Kinh Sách mà các ngươi học?!

أَمۡ لَكُمۡ كِتَٰبٞ فِيهِ تَدۡرُسُونَ ٣٧

38. Và trong đó thực sự có mọi điều để các ngươi lựa chọn?!

إِنَّ لَكُمۡ فِيهِ لَمَا تَخَيَّرُونَ ٣٨

39. Hoặc các ngươi có những lời thề (ràng buộc) TA kéo dài cho đến Ngày Phục Sinh rằng chắc chắn các ngươi sẽ có được bất cứ điều gì các ngươi quyết định?

أَمۡ لَكُمۡ أَيۡمَٰنٌ عَلَيۡنَا بَٰلِغَةٌ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ إِنَّ
لَكُمۡ لَمَا تَحۡكُمُونَ ٣٩

40. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy hỏi chúng ai trong bọn chúng bảo đảm điều đó!

سَلۡهُمۡ أَيُّهُم بِذَٰلِكَ زَعِيمٌ ٤٠

41. Hoặc phải chăng các thần linh mà chúng tổ hợp (cùng với Allah đứng ra bảo đảm)? Nếu vậy, chúng hãy đưa những thần linh tổ hợp đó của chúng đến nếu chúng là những kẻ nói thật.

أَمۡ لَهُمۡ شُرَكَآءُ فَلۡيَأۡتُواْ بِشُرَكَآئِهِمۡ إِن كَانُواْ
صَٰدِقِينَ ٤١

42. Vào Ngày mà (Allah) phơi bày ống chân (của Ngài) và chúng (những kẻ vô đức tin và những kẻ giả tạo đức tin) sẽ được gọi đến quỳ lạy (Ngài) nhưng chúng không thể (quỳ được).

يَوۡمَ يُكۡشَفُ عَن سَاقٖ وَيُدۡعَوۡنَ إِلَى ٱلسُّجُودِ فَلَا
يَسۡتَطِيعُونَ ٤٢

43. Đôi mắt của chúng nhìn gục xuống một cách hèn hạ, sự nhục nhã bao phủ chúng. Và quả thật trước kia (trên thế gian) chúng đã từng được kêu gọi đến quỳ lạy (Allah) trong lúc chúng hãy còn khỏe mạnh.

خَٰشِعَةً أَبۡصَٰرُهُمۡ تَرۡهَقُهُمۡ ذِلَّةٞۖ وَقَدۡ كَانُواْ يُدۡعَوۡنَ
إِلَى ٱلسُّجُودِ وَهُمۡ سَٰلِمُونَ ٤٣

44. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy để mặc TA với những kẻ phủ nhận Lời (Qur’an) này. TA sẽ từ từ đưa chúng (đến sự trừng phạt) mà chúng không hề hay biết.

فَذَرۡنِي وَمَن يُكَذِّبُ بِهَٰذَا ٱلۡحَدِيثِۖ سَنَسۡتَدۡرِجُهُم
مِّنۡ حَيۡثُ لَا يَعۡلَمُونَ ٤٤

45. TA tạm tha cho chúng (một thời gian). Bởi vì kế hoạch của TA rất chắc chắn.

وَأُمۡلِي لَهُمۡۚ إِنَّ كَيۡدِي مَتِينٌ ٤٥

46. Hoặc có phải Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đã đòi chúng tiền thù lao nên chúng nặng nề vì phải gánh nợ?

أَمۡ تَسۡـَٔلُهُمۡ أَجۡرٗا فَهُم مِّن مَّغۡرَمٖ مُّثۡقَلُونَ ٤٦

47. Hoặc phải chăng chúng có kiến thức về điều vô hình nên chúng viết nó ra?

أَمۡ عِندَهُمُ ٱلۡغَيۡبُ فَهُمۡ يَكۡتُبُونَ ٤٧

48. Vì vậy, Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy kiên nhẫn chờ đợi quyết định của Thượng Đế của Ngươi và hãy đừng giống như Người Bạn của con cá voi (Yunus) khi Y cầu cứu trong lúc đau khổ tuyệt vọng.

فَٱصۡبِرۡ لِحُكۡمِ رَبِّكَ وَلَا تَكُن كَصَاحِبِ ٱلۡحُوتِ
إِذۡ نَادَىٰ وَهُوَ مَكۡظُومٞ ٤٨

49. Nếu không nhờ Ân Huệ từ Thượng Đế của Y thì chắc chắn Y đã bị ném lên bờ biển hoang vu trong lúc Y đang bị khiển trách.

لَّوۡلَآ أَن تَدَٰرَكَهُۥ نِعۡمَةٞ مِّن رَّبِّهِۦ لَنُبِذَ بِٱلۡعَرَآءِ وَهُوَ
مَذۡمُومٞ ٤٩

50. Rồi Thượng Đế của Y đã chọn Y và làm cho Y trở thành một người bề tôi ngoan đạo và đức hạnh.

فَٱجۡتَبَٰهُ رَبُّهُۥ فَجَعَلَهُۥ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٥٠

51. Những kẻ vô đức tin gần như làm cho Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) chệch hướng với cái nhìn của chúng khi chúng nghe Lời Nhắc Nhở; và chúng nói: “Y (Muhammad) chắc chắn là một tên điên.”

وَإِن يَكَادُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَيُزۡلِقُونَكَ بِأَبۡصَٰرِهِمۡ لَمَّا
سَمِعُواْ ٱلذِّكۡرَ وَيَقُولُونَ إِنَّهُۥ لَمَجۡنُونٞ ٥١

52. Nhưng Nó (Qur’an) là lời nhắc nhở cho muôn loài.

وَمَا هُوَ إِلَّا ذِكۡرٞ لِّلۡعَٰلَمِينَ ٥٢

Al-Haqqah (Sự Thật Không Thể Phủ Nhận) الحاقة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Al-Haqqah(1)[I]

ٱلۡحَآقَّةُ ١

2. Al-Haqqah là gì?

مَا ٱلۡحَآقَّةُ ٢

3. Và điều gì làm cho ngươi biết Al-Haqqah là gì?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلۡحَآقَّةُ ٣

4. Đám dân Thamud và đám dân ‘Ad đã phủ nhận Al-Qari’ah(2)[II]

كَذَّبَتۡ ثَمُودُ وَعَادُۢ بِٱلۡقَارِعَةِ ٤

5. Vì vậy, đối với đám dân Thamud, chúng đã bị tiêu diệt bởi một tiếng thét dữ dội.

فَأَمَّا ثَمُودُ فَأُهۡلِكُواْ بِٱلطَّاغِيَةِ ٥

6. Còn đối với đám dân ‘Ad, chúng đã bị tiêu diệt bởi một trận cuồng phong khủng khiếp.

وَأَمَّا عَادٞ فَأُهۡلِكُواْ بِرِيحٖ صَرۡصَرٍ عَاتِيَةٖ ٦

7. (Allah) đã cho trận cuồng phong diễn ra trong bảy đêm và tám ngày liên tiếp. Vì vậy, Ngươi sẽ thấy người dân nơi đó ngã xuống như thể chúng là những thân cây chà là bị bứng gốc.

سَخَّرَهَا عَلَيۡهِمۡ سَبۡعَ لَيَالٖ وَثَمَٰنِيَةَ أَيَّامٍ حُسُومٗاۖ
فَتَرَى ٱلۡقَوۡمَ فِيهَا صَرۡعَىٰ كَأَنَّهُمۡ أَعۡجَازُ نَخۡلٍ
خَاوِيَةٖ ٧

8. Bởi vậy, Ngươi có thấy ai trong bọn chúng còn sống sót không?

فَهَلۡ تَرَىٰ لَهُم مِّنۢ بَاقِيَةٖ ٨

9. Pha-ra-ông và những kẻ trước hắn cũng như các thị trấn đã bị lật ngược (cũng như thế), chúng đã làm nhiều tội lỗi.

وَجَآءَ فِرۡعَوۡنُ وَمَن قَبۡلَهُۥ وَٱلۡمُؤۡتَفِكَٰتُ
بِٱلۡخَاطِئَةِ ٩

10. Chúng đã không vâng lời các Sứ Giả của Thượng Đế của chúng, vì vậy, Ngài bắt phạt chúng bằng một sự túm bắt mạnh bạo.

فَعَصَوۡاْ رَسُولَ رَبِّهِمۡ فَأَخَذَهُمۡ أَخۡذَةٗ رَّابِيَةً ١٠

11. Thật vậy, khi nước dâng lên quá mức, TA đã chuyên chở (tổ phụ - Nuh) của các ngươi trôi nổi (trên con tàu).

إِنَّا لَمَّا طَغَا ٱلۡمَآءُ حَمَلۡنَٰكُمۡ فِي ٱلۡجَارِيَةِ ١١

12. Mục đích để TA làm cho các ngươi một lời nhắc nhở và (rằng) một đôi tai (tỉnh táo) sẽ nghe và ghi nhớ nó.

لِنَجۡعَلَهَا لَكُمۡ تَذۡكِرَةٗ وَتَعِيَهَآ أُذُنٞ وَٰعِيَةٞ ١٢

[I] (1) Al-Haqqah là một trong các tên gọi của Ngày Tận Thế. Al-Haqqah có nghĩa là sự thật không thể chối cãi, sự thật bất khả kháng. Sở dĩ Ngày Tận Thế được gọi là Al-Haqqah bởi vì Ngày Tận Thế là sự thật, chắc chắn xảy ra, không thể phủ nhận.

[II] (2) Al-Qari’ah cũng là tên gọi của Ngày Tận Thế.

13. Rồi khi Còi được thổi lên với một lần thổi, (lần thổi thứ hai).

فَإِذَا نُفِخَ فِي ٱلصُّورِ نَفۡخَةٞ وَٰحِدَةٞ ١٣

14. Và khi đất và những quả núi được nâng lên cao và (sau đó) bị nghiền nát chỉ bằng một cú va chạm.

وَحُمِلَتِ ٱلۡأَرۡضُ وَٱلۡجِبَالُ فَدُكَّتَا دَكَّةٗ وَٰحِدَةٗ ١٤

15. Vào Ngày đó, sự Phục sinh sẽ xảy ra.

فَيَوۡمَئِذٖ وَقَعَتِ ٱلۡوَاقِعَةُ ١٥

16. (Vào Ngày đó) bầu trời sẽ chẻ ra (và các Thiên Thần đi xuống), vì vào Ngày Đó nó sẽ mỏng manh.

وَٱنشَقَّتِ ٱلسَّمَآءُ فَهِيَ يَوۡمَئِذٖ وَاهِيَةٞ ١٦

17. Và các Thiên Thần sẽ ở trên ranh giới của nó; và vào Ngày Đó sẽ có tám Thiên Thần vác Ngai Vương của Thượng Đế của Ngươi bên trên họ.

وَٱلۡمَلَكُ عَلَىٰٓ أَرۡجَآئِهَاۚ وَيَحۡمِلُ عَرۡشَ رَبِّكَ فَوۡقَهُمۡ يَوۡمَئِذٖ ثَمَٰنِيَةٞ ١٧

18. Vào Ngày đó, các ngươi sẽ được dẫn ra trình diện (trước Allah để Ngài xét xử), không có bất cứ điều bí mật nào của các ngươi được che giấu.

يَوۡمَئِذٖ تُعۡرَضُونَ لَا تَخۡفَىٰ مِنكُمۡ خَافِيَةٞ ١٨

19. Đối với ai được trao cho quyển sổ (ghi chép các việc làm) của mình bằng tay phải, y sẽ nói: “Hãy lấy và đọc quyển sổ ghi chép của tôi đây này!”

فَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ بِيَمِينِهِۦ فَيَقُولُ هَآؤُمُ ٱقۡرَءُواْ كِتَٰبِيَهۡ ١٩

20. “Quả thật, tôi đã nghĩ rằng mình sẽ phải đối mặt với sự thanh toán.”

إِنِّي ظَنَنتُ أَنِّي مُلَٰقٍ حِسَابِيَهۡ ٢٠

21. Vì vậy, y sẽ có một đời sống hài lòng và toại nguyện.

فَهُوَ فِي عِيشَةٖ رَّاضِيَةٖ ٢١

22. Trong một Ngôi Vườn Thiên Đàng trên cao.

فِي جَنَّةٍ عَالِيَةٖ ٢٢

23. (Trái cây) của nó gần tầm tay hái.

قُطُوفُهَا دَانِيَةٞ ٢٣

24. Họ sẽ được bảo: “Các ngươi hãy ăn và uống thỏa thích vì những gì mà các ngươi đã gởi đi trước cho mình trong những ngày đã qua.”

كُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ هَنِيٓـَٔۢا بِمَآ أَسۡلَفۡتُمۡ فِي ٱلۡأَيَّامِ ٱلۡخَالِيَةِ ٢٤

25. Ngược lại, đối với ai được trao cho quyển sổ (ghi chép các việc làm) của mình bằng tay trái, y sẽ nói: “Ôi, ước gì mình không được trao quyển sổ ghi chép này!”

وَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ بِشِمَالِهِۦ فَيَقُولُ يَٰلَيۡتَنِي لَمۡ أُوتَ كِتَٰبِيَهۡ ٢٥

26. “(Ước gì) mình không hay biết gì về cuộc thanh toán này!”

وَلَمۡ أَدۡرِ مَا حِسَابِيَهۡ ٢٦

27. “Ôi, ước gì cái chết là điều cuối cùng (không có điều gì xảy ra sau đó cả)!”

يَٰلَيۡتَهَا كَانَتِ ٱلۡقَاضِيَةَ ٢٧

28. “Ôi, tài sản của mình chẳng giúp được gì cho mình.”

مَآ أَغۡنَىٰ عَنِّي مَالِيَهۡۜ ٢٨

29. “Quyền thế của mình đã rời bỏ mình!”

هَلَكَ عَنِّي سُلۡطَٰنِيَهۡ ٢٩

30. (Allah sẽ phán với các Thiên Thần): “Các ngươi hãy bắt và xích hắn lại.”

خُذُوهُ فَغُلُّوهُ ٣٠

31. “Rồi các ngươi hãy nướng hắn trong Hỏa Ngục.”

ثُمَّ ٱلۡجَحِيمَ صَلُّوهُ ٣١

32. “Sau đó, các ngươi hãy xiềng hắn bằng sợi dây xích dài bảy mươi khuỷu tay.”

ثُمَّ فِي سِلۡسِلَةٖ ذَرۡعُهَا سَبۡعُونَ ذِرَاعٗا فَٱسۡلُكُوهُ ٣٢

33. “Thật vậy, hắn đã không có đức tin nơi Allah, Đấng Vĩ Đại.”

إِنَّهُۥ كَانَ لَا يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ ٱلۡعَظِيمِ ٣٣

34. “Hắn đã không thúc giục việc nuôi ăn người túng thiếu.”

وَلَا يَحُضُّ عَلَىٰ طَعَامِ ٱلۡمِسۡكِينِ ٣٤

35. “Vì vậy, ngày hôm nay, tại đây hắn không có bạn bè.”

فَلَيۡسَ لَهُ ٱلۡيَوۡمَ هَٰهُنَا حَمِيمٞ ٣٥

36. “Hắn cũng không có bất kỳ thức ăn nào ngoại trừ chất mủ hôi từ vết thương.”

وَلَا طَعَامٌ إِلَّا مِنۡ غِسۡلِينٖ ٣٦

37. “Không ai sẽ ăn nó ngoại trừ những kẻ tội lỗi.”

لَّا يَأۡكُلُهُۥٓ إِلَّا ٱلۡخَٰطِـُٔونَ ٣٧

38. Vì vậy, TA (Allah) thề bởi những gì các ngươi nhìn thấy.

فَلَآ أُقۡسِمُ بِمَا تُبۡصِرُونَ ٣٨

39. Và (TA thề bởi) những gì các ngươi không nhìn thấy.

وَمَا لَا تُبۡصِرُونَ ٣٩

40. Rằng (Qur’an) thực sự là lời (đọc) của một vị Sứ Giả cao quý.

إِنَّهُۥ لَقَوۡلُ رَسُولٖ كَرِيمٖ ٤٠

41. Nó không phải là lời của một nhà thơ mà các ngươi chẳng mấy tin.

وَمَا هُوَ بِقَوۡلِ شَاعِرٖۚ قَلِيلٗا مَّا تُؤۡمِنُونَ ٤١

42. Nó cũng không phải là lời của một tên thầy bói mà các ngươi không mấy để tâm.

وَلَا بِقَوۡلِ كَاهِنٖۚ قَلِيلٗا مَّا تَذَكَّرُونَ ٤٢

43. (Nó thực sự) được ban xuống từ Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.

تَنزِيلٞ مِّن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٣

44. Nếu Y (Muhammad) đã bịa ra một số lời rồi gán cho TA.

وَلَوۡ تَقَوَّلَ عَلَيۡنَا بَعۡضَ ٱلۡأَقَاوِيلِ ٤٤

45. Chắc chắn TA đã túm bắt Y bằng tay phải.	لَأَخَذۡنَا مِنۡهُ بِٱلۡيَمِينِ ٤٥
46. Sau đó, TA đã cắt đứt động mạch chủ của Y.	ثُمَّ لَقَطَعۡنَا مِنۡهُ ٱلۡوَتِينَ ٤٦
47. (Lúc đó), không một ai trong các ngươi có thể bảo vệ Y.	فَمَا مِنكُم مِّنۡ أَحَدٍ عَنۡهُ حَٰجِزِينَ ٤٧
48. Quả thật, (Qur'an) là Lời Nhắc Nhở cho những người ngoan đạo (chính trực, sợ Allah).	وَإِنَّهُۥ لَتَذۡكِرَةٞ لِّلۡمُتَّقِينَ ٤٨
49. Quả thật, TA biết chắc chắn trong các ngươi có những người phủ nhận (Nó).	وَإِنَّا لَنَعۡلَمُ أَنَّ مِنكُم مُّكَذِّبِينَ ٤٩
50. Quả thật, (Qur'an) sẽ là (nguyên nhân gây ra) sự hối tiếc cho những kẻ vô đức tin.	وَإِنَّهُۥ لَحَسۡرَةٌ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٥٠
51. Quả thật, (Qur'an) là Chân Lý tuyệt đối, là sự thật kiên định.	وَإِنَّهُۥ لَحَقُّ ٱلۡيَقِينِ ٥١
52. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy tôn cao danh Thượng Đế của Ngươi, Đấng Vĩ Đại.	فَسَبِّحۡ بِٱسۡمِ رَبِّكَ ٱلۡعَظِيمِ ٥٢

Al-Ma'arij (Những Con Đường Lên Trời) المعارج

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Có một kẻ (đa thần) đã đòi sự trừng phạt (của Ngày Sau) sớm xảy ra (như một sự giễu cợt và thách thức).

سَأَلَ سَآئِلُۢ بِعَذَابٖ وَاقِعٖ ١

2. Những kẻ vô đức tin chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi (sự trừng phạt đó).

لِّلۡكَٰفِرِينَ لَيۡسَ لَهُۥ دَافِعٞ ٢

3. Đến từ nơi Allah, Đấng Chủ Nhân của những con đường lên trời.

مِّنَ ٱللَّهِ ذِي ٱلۡمَعَارِجِ ٣

4. Các Thiên Thần và Ruh (đại Thiên Thần Jibril) đi lên chầu Ngài trong một Ngày mà thời gian của nó kéo dài bằng năm mươi ngàn năm (thời gian của con người trên trái đất).

تَعۡرُجُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَٱلرُّوحُ إِلَيۡهِ فِي يَوۡمٖ كَانَ مِقۡدَارُهُۥ
خَمۡسِينَ أَلۡفَ سَنَةٖ ٤

5. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy kiên nhẫn chịu đựng cho thật tốt.

فَٱصۡبِرۡ صَبۡرٗا جَمِيلًا ٥

6. Thật vậy, chúng thấy nó (sự trừng phạt của Ngày Sau) rất xa vời.

إِنَّهُمۡ يَرَوۡنَهُۥ بَعِيدٗا ٦

7. Còn TA (Allah) thấy nó rất gần.

وَنَرَىٰهُ قَرِيبٗا ٧

8. Ngày mà bầu trời sẽ giống như sự tan chảy của đồng khi được nấu.

يَوۡمَ تَكُونُ ٱلسَّمَآءُ كَٱلۡمُهۡلِ ٨

9. Và những quả núi giống như những sợi lông cừu nhẹ bay.

وَتَكُونُ ٱلۡجِبَالُ كَٱلۡعِهۡنِ ٩

10. (Vào Ngày đó), sẽ không có người bạn nào hỏi (bất cứ điều gì về) người bạn của mình.

وَلَا يَسۡـَٔلُ حَمِيمٌ حَمِيمٗا ١٠

11. Họ sẽ được nhìn thấy nhau. Kẻ tội lỗi sẽ ước rằng y có thể được chuộc khỏi sự trừng phạt của Ngày đó bởi các con của mình.

يُبَصَّرُونَهُمۡۚ يَوَدُّ ٱلۡمُجۡرِمُ لَوۡ يَفۡتَدِي مِنۡ عَذَابِ
يَوۡمِئِذِۭ بِبَنِيهِ ١١

12. Cả vợ và anh em của y.

وَصَٰحِبَتِهِۦ وَأَخِيهِ ١٢

13. Và cả bà con ruột thịt đã hết lòng cùng y trong hoạn nạn.

وَفَصِيلَتِهِ ٱلَّتِي تُـٔۡوِيهِ ١٣

14. Và cả mọi thứ trên trái đất (nếu y có) để giải cứu bản thân mình.

وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا ثُمَّ يُنجِيهِ ١٤

15. (Những điều mà kẻ tội lỗi mong muốn) sẽ không bao giờ xảy ra, (điều chắc chắn xảy ra với y) sẽ là ngọn lửa rực cháy (nơi Hỏa Ngục).	كَلَّآۖ إِنَّهَا لَظَىٰ ١٥
16. Nó sẽ làm tróc da đầu.	نَزَّاعَةٗ لِّلشَّوَىٰ ١٦
17. Nó sẽ gọi những ai quay lưng lại (với sự thật) và ngoảnh đi (khỏi sự vâng lời).	تَدۡعُواْ مَنۡ أَدۡبَرَ وَتَوَلَّىٰ ١٧
18. Và (những ai chỉ) tom góp và tích trữ (của cải chứ không chi dùng cho con đường chính nghĩa của Allah).	وَجَمَعَ فَأَوۡعَىٰٓ ١٨
19. Thật vậy, con người được tạo ra vốn nôn nóng và tham lam.	۞إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ خُلِقَ هَلُوعًا ١٩
20. Khi gặp điều dữ (bệnh tật, nghèo khó) thì mất kiên nhẫn.	إِذَا مَسَّهُ ٱلشَّرُّ جَزُوعٗا ٢٠
21. Nhưng khi gặp điều tốt lành (giàu có, khỏe mạnh) thì lại keo kiệt.	وَإِذَا مَسَّهُ ٱلۡخَيۡرُ مَنُوعًا ٢١
22. Ngoại trừ những người dâng lễ nguyện Salah.	إِلَّا ٱلۡمُصَلِّينَ ٢٢
23. Những người mà họ luôn duy trì lễ nguyện Salah của họ.	ٱلَّذِينَ هُمۡ عَلَىٰ صَلَاتِهِمۡ دَآئِمُونَ ٢٣
24. Và những người trích một phần nhất định từ tài sản của mình như một nghĩa vụ bắt buộc,	وَٱلَّذِينَ فِيٓ أَمۡوَٰلِهِمۡ حَقّٞ مَّعۡلُومٞ ٢٤
25. Dành cho người ăn xin và người nghèo không xin xỏ.	لِّلسَّآئِلِ وَٱلۡمَحۡرُومِ ٢٥
26. Và những người tin vào Ngày Phán Xét và Thưởng Phạt.	وَٱلَّذِينَ يُصَدِّقُونَ بِيَوۡمِ ٱلدِّينِ ٢٦
27. Và những người sợ sự trừng phạt của Thượng Đế của họ.	وَٱلَّذِينَ هُم مِّنۡ عَذَابِ رَبِّهِم مُّشۡفِقُونَ ٢٧
28. Thật vậy, sự trừng phạt của Thượng Đế của họ là điều mà không ai có thể cảm thấy an toàn.	إِنَّ عَذَابَ رَبِّهِمۡ غَيۡرُ مَأۡمُونٖ ٢٨
29. Và những người luôn giữ phần kín của họ (khỏi những hành vi tình dục Haram).	وَٱلَّذِينَ هُمۡ لِفُرُوجِهِمۡ حَٰفِظُونَ ٢٩
30. Ngoại trừ với vợ hoặc với những nữ nô lệ dưới quyền của họ thì họ không bị khiển trách.	إِلَّا عَلَىٰٓ أَزۡوَٰجِهِمۡ أَوۡ مَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُهُمۡ فَإِنَّهُمۡ غَيۡرُ مَلُومِينَ ٣٠

31. Nhưng bất cứ ai tìm kiếm xa hơn ngoài những hành vi tình dục được phép đó thì họ là những kẻ vượt quá giới hạn (của Allah).

فَمَنِ ٱبْتَغَىٰ وَرَآءَ ذَٰلِكَ فَأُو۟لَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلْعَادُونَ ٣١

32. Và những người thực hiện đúng sự ủy thác và giao ước.

وَٱلَّذِينَ هُمْ لِأَمَـٰنَـٰتِهِمْ وَعَهْدِهِمْ رَٰعُونَ ٣٢

33. Và những người chính trực trong việc làm chứng của họ.

وَٱلَّذِينَ هُم بِشَهَـٰدَٰتِهِمْ قَآئِمُونَ ٣٣

34. Và những người (chu đáo) duy trì các lễ nguyện Salah của họ.

وَٱلَّذِينَ هُمْ عَلَىٰ صَلَاتِهِمْ يُحَافِظُونَ ٣٤

35. Đó là những người sẽ vinh dự được ở trong những Ngôi Vườn Thiên Đàng.

أُو۟لَـٰٓئِكَ فِى جَنَّـٰتٍ مُّكْرَمُونَ ٣٥

36. Chuyện gì xảy ra cho những kẻ vô đức tin? Sao chúng lại vội vàng phủ nhận Ngươi (Thiên Sứ Muhammad)?

فَمَالِ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ قِبَلَكَ مُهْطِعِينَ ٣٦

37. Từ phía bên phải và bên trái, từng nhóm, từng nhóm một?

عَنِ ٱلْيَمِينِ وَعَنِ ٱلشِّمَالِ عِزِينَ ٣٧

38. Lẽ nào mỗi tên trong bọn chúng khao khát được vào Thiên Đàng Hạnh Phúc?

أَيَطْمَعُ كُلُّ ٱمْرِئٍ مِّنْهُمْ أَن يُدْخَلَ جَنَّةَ نَعِيمٍ ٣٨

39. Không bao giờ có chuyện đó! Quả thật, TA đã tạo chúng từ những thứ mà chúng biết.

كَلَّآ ۖ إِنَّا خَلَقْنَـٰهُم مِّمَّا يَعْلَمُونَ ٣٩

40. Vì vậy, TA thề bởi Thượng Đế của các điểm ở phương Đông và các điểm phương Tây rằng TA toàn năng.

فَلَآ أُقْسِمُ بِرَبِّ ٱلْمَشَـٰرِقِ وَٱلْمَغَـٰرِبِ إِنَّا
لَقَـٰدِرُونَ ٤٠

41. (TA toàn năng) cho việc thay thế một nhóm khác tốt hơn chúng và TA chắc chắn sẽ không bị chế ngự (trong việc làm đó).

عَلَىٰٓ أَن نُّبَدِّلَ خَيْرًا مِّنْهُمْ وَمَا نَحْنُ بِمَسْبُوقِينَ ٤١

42. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) cứ mặc kệ chúng trò chuyện những điều vô ích và cứ mặc kệ chúng vui chơi (thỏa thích) cho đến khi chúng giáp mặt với Ngày mà chúng được hứa.

فَذَرْهُمْ يَخُوضُوا۟ وَيَلْعَبُوا۟ حَتَّىٰ يُلَـٰقُوا۟ يَوْمَهُمُ ٱلَّذِى
يُوعَدُونَ ٤٢

43. Ngày mà chúng sẽ hối hả đi ra khỏi mộ như thể chúng (cố gắng) nhanh chân chạy đến mục tiêu (đã định sẵn cho chúng).

يَوْمَ يَخْرُجُونَ مِنَ ٱلْأَجْدَاثِ سِرَاعًا كَأَنَّهُمْ إِلَىٰ
نُصُبٍ يُوفِضُونَ ٤٣

44. Đôi mắt của chúng nhìn gục xuống một cách hèn hạ, sự nhục nhã bao phủ chúng. Đó là Ngày mà chúng đã được hứa!

خَـٰشِعَةً أَبْصَـٰرُهُمْ تَرْهَقُهُمْ ذِلَّةٌ ۚ ذَٰلِكَ ٱلْيَوْمُ ٱلَّذِى
كَانُوا۟ يُوعَدُونَ ٤٤

Nuh (Nabi Nuh) نوح

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Quả thật, TA (Allah) đã cử Nuh đến với người dân của Y (với mệnh lệnh): “Ngươi hãy cảnh báo người dân của Ngươi trước khi chúng phải chịu một hình phạt đau đớn.”

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوۡمِهِۦٓ أَنۡ أَنذِرۡ قَوۡمَكَ مِن قَبۡلِ
أَن يَأۡتِيَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١

2. (Nuh) nói với dân của mình: “Này hỡi dân ta, quả thật ta chính là một người cảnh báo rõ ràng được cử đến với các ngươi.”

قَالَ يَٰقَوۡمِ إِنِّي لَكُمۡ نَذِيرٞ مُّبِينٌ ٢

3. “Các ngươi hãy thờ phượng Allah, hãy kính sợ Ngài và hãy vâng lời ta.”

أَنِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ وَٱتَّقُوهُ وَأَطِيعُونِ ٣

4. “Ngài sẽ tha thứ tội lỗi cho các ngươi và để các ngươi sống đến một thời hạn ấn định. Quả thật, khi thời hạn mà Allah ấn định đã hết thì sẽ không được trì hoãn, nếu các ngươi biết.”

يَغۡفِرۡ لَكُم مِّن ذُنُوبِكُمۡ وَيُؤَخِّرۡكُمۡ إِلَىٰٓ أَجَلٖ
مُّسَمًّىۚ إِنَّ أَجَلَ ٱللَّهِ إِذَا جَآءَ لَا يُؤَخَّرُۚ لَوۡ كُنتُمۡ
تَعۡلَمُونَ ٤

5. (Nuh) nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Bề tôi thực sự đã kêu gọi người dân của bề tôi cả ngày lẫn đêm.”

قَالَ رَبِّ إِنِّي دَعَوۡتُ قَوۡمِي لَيۡلٗا وَنَهَارٗا ٥

6. “Nhưng lời kêu gọi của bề tôi đã không làm tăng thêm được gì cho họ mà chỉ làm cho họ chạy xa hơn.”

فَلَمۡ يَزِدۡهُمۡ دُعَآءِيٓ إِلَّا فِرَارٗا ٦

7. “Và quả thật, mỗi khi bề tôi kêu gọi họ để Ngài tha thứ cho họ, họ đều lấy ngón tay bịt lỗ tai, lấy áo trùm đầu; họ cứ ngoan cố và quá ư kiêu ngạo.”

وَإِنِّي كُلَّمَا دَعَوۡتُهُمۡ لِتَغۡفِرَ لَهُمۡ جَعَلُوٓاْ أَصَٰبِعَهُمۡ فِيٓ
ءَاذَانِهِمۡ وَٱسۡتَغۡشَوۡاْ ثِيَابَهُمۡ وَأَصَرُّواْ وَٱسۡتَكۡبَرُواْ
ٱسۡتِكۡبَارٗا ٧

8. “Rồi (có lúc) bề tôi đã kêu gọi họ một cách lớn tiếng.”

ثُمَّ إِنِّي دَعَوۡتُهُمۡ جِهَارٗا ٨

9. “Rồi (có lúc) bề tôi đã thuyết giảng cho họ trước công chúng, (có lúc) bề tôi đã nói chuyện với họ một cách riêng tư.”

ثُمَّ إِنِّيٓ أَعۡلَنتُ لَهُمۡ وَأَسۡرَرۡتُ لَهُمۡ إِسۡرَارٗا ٩

10. “Bề tôi đã nói với họ: “Các ngươi hãy cầu xin Thượng Đế của các ngươi tha thứ tội lỗi cho các ngươi. Quả thật, Ngài là Đấng Tha Thứ.”

فَقُلۡتُ ٱسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّكُمۡ إِنَّهُۥ كَانَ غَفَّارٗا ١٠

11. “Ngài sẽ ban mưa dồi dào từ trên trời xuống cho các ngươi.”

يُرۡسِلِ ٱلسَّمَآءَ عَلَيۡكُم مِّدۡرَارٗا ١١

12. “Và Ngài sẽ gia tăng của cải và con cái cho các ngươi, và Ngài sẽ ban cho các ngươi vườn tược và ban cho các ngươi sông ngòi.”

وَيُمۡدِدۡكُم بِأَمۡوَٰلٖ وَبَنِينَ وَيَجۡعَل لَّكُمۡ جَنَّٰتٖ
وَيَجۡعَل لَّكُمۡ أَنۡهَٰرٗا ١٢

13. Có chuyện gì với các ngươi, sao các ngươi không sợ Quyền Uy và sự Vĩ Đại của Allah?

مَّا لَكُمۡ لَا تَرۡجُونَ لِلَّهِ وَقَارٗا ١٣

14. Quả thật, Ngài đã tạo hóa các ngươi theo từng giai đoạn.

وَقَدۡ خَلَقَكُمۡ أَطۡوَارًا ١٤

15. Lẽ nào các ngươi không thấy Allah đã tạo bảy tầng trời, tầng này bên trên tầng kia, như thế nào ư?

أَلَمۡ تَرَوۡاْ كَيۡفَ خَلَقَ ٱللَّهُ سَبۡعَ سَمَٰوَٰتٖ طِبَاقٗا ١٥

16. (Ở tầng trời hạ giới), Ngài đã tạo mặt trăng như một ánh sáng (phản chiếu) và mặt trời như một chiếc đèn (chiếu sáng).

وَجَعَلَ ٱلۡقَمَرَ فِيهِنَّ نُورٗا وَجَعَلَ ٱلشَّمۡسَ
سِرَاجٗا ١٦

17. Allah đã tạo các ngươi và cho các ngươi phát triển từ đất.

وَٱللَّهُ أَنۢبَتَكُم مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ نَبَاتٗا ١٧

18. Rồi đây, Ngài sẽ cho các ngươi trở lại vào đất (sau khi các ngươi chết) và (sau đó) Ngài sẽ đưa các ngươi trở ra (lúc phục sinh).

ثُمَّ يُعِيدُكُمۡ فِيهَا وَيُخۡرِجُكُمۡ إِخۡرَاجٗا ١٨

19. Và Allah đã tạo ra trái đất cho các ngươi như một tấm thảm rộng lớn.

وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُمُ ٱلۡأَرۡضَ بِسَاطٗا ١٩

20. Để các ngươi có thể đi lại trên những con đường rộng rãi của nó (để các ngươi tìm kiếm bổng lộc Halal).

لِّتَسۡلُكُواْ مِنۡهَا سُبُلٗا فِجَاجٗا ٢٠

21. Nuh nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Quả thật, họ đã không vâng lời bề tôi. Họ đi theo kẻ mà của cải và con cái của y chẳng tăng thêm được gì cho y ngoại trừ sự thua thiệt.”

قَالَ نُوحٞ رَّبِّ إِنَّهُمۡ عَصَوۡنِي وَٱتَّبَعُواْ مَن لَّمۡ يَزِدۡهُ
مَالُهُۥ وَوَلَدُهُۥٓ إِلَّا خَسَارٗا ٢١

22. “Và họ đã mưu định một âm mưu to lớn.”

وَمَكَرُواْ مَكۡرٗا كُبَّارٗا ٢٢

23. “Họ nói (với nhau): “Các người đừng từ bỏ các thần linh của các người. Các người đừng từ bỏ thần Wadd, thần Suwa’, thần Yaghuth, thần Ya’uq và thần Nasr.”

وَقَالُواْ لَا تَذَرُنَّ ءَالِهَتَكُمۡ وَلَا تَذَرُنَّ وَدّٗا وَلَا
سُوَاعٗا وَلَا يَغُوثَ وَيَعُوقَ وَنَسۡرٗا ٢٣

24. “Quả thật, (các thần linh bục tượng đó của họ), chúng đã dắt nhiều người đi lạc. (Lạy Thượng Đế của bề tôi) xin Ngài đừng tăng thêm gì cho những kẻ sai quấy ngoại trừ sự lầm lạc.”

وَقَدۡ أَضَلُّواْ كَثِيرٗاۖ وَلَا تَزِدِ ٱلظَّٰلِمِينَ إِلَّا ضَلَٰلٗا ٢٤

25. Vì tội lỗi của chúng nên chúng bị nhấn chìm (trong trận đại hồng thủy), sau đó chúng bị đưa vào Hỏa Ngục. Cho nên, ngoài Allah, chúng không tìm thấy cho mình bất kỳ người giúp đỡ nào.

مِّمَّا خَطِيٓـَٔـٰتِهِمۡ أُغۡرِقُواْ فَأُدۡخِلُواْ نَارٗا فَلَمۡ يَجِدُواْ
لَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ أَنصَارٗا ٢٥

26. Và Nuh nói: “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài đừng chừa một tên vô đức tin nào sống sót trên trái đất.”

وَقَالَ نُوحٞ رَّبِّ لَا تَذَرۡ عَلَى ٱلۡأَرۡضِ مِنَ ٱلۡكَٰفِرِينَ
دَيَّارًا ٢٦

27. “Thật vậy, nếu Ngài để chúng sống, chúng sẽ dắt bầy tôi của Ngài lầm lạc và chúng sẽ sinh con đẻ cháu toàn là những kẻ tội lỗi, vô đức tin.”

إِنَّكَ إِن تَذَرۡهُمۡ يُضِلُّواْ عِبَادَكَ وَلَا يَلِدُوٓاْ إِلَّا فَاجِرٗا
كَفَّارٗا ٢٧

28. “Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài tha thứ cho bề tôi và cho cha mẹ của bề tôi và cho ai vào nhà của bề tôi là một người có đức tin, xin Ngài tha thứ cho những người có đức tin nam cũng như nữ, và xin Ngài đừng tăng thêm gì cho những kẻ sai quấy ngoại trừ sự diệt vong!”

رَّبِّ ٱغۡفِرۡ لِي وَلِوَٰلِدَيَّ وَلِمَن دَخَلَ بَيۡتِيَ مُؤۡمِنٗا
وَلِلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِۖ وَلَا تَزِدِ ٱلظَّٰلِمِينَ إِلَّا
تَبَارَۢا ٢٨

Al-Jinn (Loài Jinn) الجن

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với cộng đồng tín đồ của Ngươi): “Quả thật, Ta được mặc khải cho biết rằng có một nhóm Jinn đã lắng nghe (Ta xướng đọc Qur’an). (Khi trở về với người dân của mình), chúng nói: Chúng tôi đã nghe được một cuộc xướng đọc thật tuyệt vời!”

قُلۡ أُوحِيَ إِلَيَّ أَنَّهُ ٱسۡتَمَعَ نَفَرٞ مِّنَ ٱلۡجِنِّ فَقَالُوٓاْ إِنَّا سَمِعۡنَا قُرۡءَانًا عَجَبٗا ١

2. “Nó hướng dẫn đến Chân Lý. Vì vậy, chúng tôi đã tin nơi Nó. Và chúng tôi sẽ không bao giờ tổ hợp với Thượng Đế của chúng tôi bất cứ ai.”

يَهۡدِيٓ إِلَى ٱلرُّشۡدِ فَـَٔامَنَّا بِهِۦۖ وَلَن نُّشۡرِكَ بِرَبِّنَآ أَحَدٗا ٢

3. “Và (chúng tôi tin) rằng quả thật, Quyền Uy của Thượng Đế của chúng ta rất mực tối cao, Ngài không có bạn đời và không có con.”

وَأَنَّهُۥ تَعَٰلَىٰ جَدُّ رَبِّنَا مَا ٱتَّخَذَ صَٰحِبَةٗ وَلَا وَلَدٗا ٣

4. “Quả thật, kẻ ngu ngốc (Iblis) trong chúng ta đã nói về Allah những điều quá đáng cho Allah.”

وَأَنَّهُۥ كَانَ يَقُولُ سَفِيهُنَا عَلَى ٱللَّهِ شَطَطٗا ٤

5. “Chúng tôi đã nghĩ rằng loài người và Jinn không bao giờ nói những điều gian dối cho Allah.”

وَأَنَّا ظَنَنَّآ أَن لَّن تَقُولَ ٱلۡإِنسُ وَٱلۡجِنُّ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبٗا ٥

6. “Quả thật, có những đàn ông trong loài người đã tìm kiếm sự che chở và phù hộ từ những đàn ông trong loài Jinn. Tuy nhiên, (điều đó) chỉ làm cho họ càng thêm sợ hãi trước (những đàn ông Jinn).”

وَأَنَّهُۥ كَانَ رِجَالٞ مِّنَ ٱلۡإِنسِ يَعُوذُونَ بِرِجَالٖ مِّنَ ٱلۡجِنِّ فَزَادُوهُمۡ رَهَقٗا ٦

7. “Quả thật, (loài người) đã nghĩ như các ngươi (loài Jinn) đã nghĩ, rằng Allah sẽ không bao giờ cử bất cứ ai (làm Sứ Giả).”

وَأَنَّهُمۡ ظَنُّواْ كَمَا ظَنَنتُمۡ أَن لَّن يَبۡعَثَ ٱللَّهُ أَحَدٗا ٧

8. “Chúng tôi đã tìm cách lên trời (để nghe trộm thông tin) nhưng chúng tôi thấy đầy những vệ binh hùng mạnh cùng với những ngọn lửa rực cháy (dùng để ném những ai muốn tiếp cận.”

وَأَنَّا لَمَسۡنَا ٱلسَّمَآءَ فَوَجَدۡنَٰهَا مُلِئَتۡ حَرَسٗا شَدِيدٗا وَشُهُبٗا ٨

9. “Quả thật, chúng tôi đã từng ngồi tại những chỗ ngồi (trên trời) để nghe trộm tin tức nhưng giờ đây nếu ai lên nghe trộm thì sẽ thấy một ngọn lửa cháy rực đang mai phục.”

وَأَنَّا كُنَّا نَقۡعُدُ مِنۡهَا مَقَٰعِدَ لِلسَّمۡعِۖ فَمَن يَسۡتَمِعِ ٱلۡـَٔانَ يَجِدۡ لَهُۥ شِهَابٗا رَّصَدٗا ٩

10. “Chúng tôi không biết liệu (việc trên trời có những vệ binh với những ngọn lửa cháy rực mai phục) là điều xấu mà Thượng Đế của họ muốn dành cho những ai sống trên trái đất hay Ngài muốn hướng dẫn họ một con đường đúng đắn.”

وَأَنَّا لَا نَدۡرِيٓ أَشَرٌّ أُرِيدَ بِمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ أَمۡ أَرَادَ بِهِمۡ رَبُّهُمۡ رَشَدٗا ١٠

11. “Thật vậy, trong chúng ta có những kẻ đức hạnh và cũng có những kẻ không như vậy. Chúng ta đã đi theo những con đường khác nhau.”

وَأَنَّا مِنَّا ٱلصَّٰلِحُونَ وَمِنَّا دُونَ ذَٰلِكَۖ كُنَّا طَرَآئِقَ قِدَدٗا ١١

12. “Quả thật, chúng tôi tin chắc rằng chúng tôi sẽ không bao giờ có thể làm cho Allah thất bại trên trái đất và chúng tôi sẽ không bao giờ có thể trốn thoát khỏi Ngài.”

وَأَنَّا ظَنَنَّآ أَن لَّن نُّعۡجِزَ ٱللَّهَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَن نُّعۡجِزَهُۥ هَرَبٗا ١٢

13. “Quả thật, khi chúng tôi nghe được nguồn Chỉ Đạo (Qur’an), chúng tôi đã tin vào Nó. Và bất kỳ ai có đức tin nơi Thượng Đế của y thì sẽ không sợ thiếu thốn (phần thưởng) hay gánh nặng (tội lỗi trước đây).”

وَأَنَّا لَمَّا سَمِعۡنَا ٱلۡهُدَىٰٓ ءَامَنَّا بِهِۦۖ فَمَن يُؤۡمِنۢ بِرَبِّهِۦ فَلَا يَخَافُ بَخۡسٗا وَلَا رَهَقٗا ١٣

14. “Quả thật, trong số chúng ta có những người Muslim (phục tùng Allah) và trong chúng ta cũng có những người lầm lạc. Vì vậy, những ai thần phục (Allah) thì họ đã tìm thấy con đường đúng đắn.”

وَأَنَّا مِنَّا ٱلۡمُسۡلِمُونَ وَمِنَّا ٱلۡقَٰسِطُونَۖ فَمَنۡ أَسۡلَمَ فَأُوْلَٰٓئِكَ تَحَرَّوۡاْ رَشَدٗا ١٤

15. “Và đối với những kẻ đi lạc, họ sẽ là chất đốt của Hỏa Ngục.”

وَأَمَّا ٱلۡقَٰسِطُونَ فَكَانُواْ لِجَهَنَّمَ حَطَبٗا ١٥

16. Và nếu chúng (con người và loài jinn) vẫn ngay thẳng trên con đường (chính đạo) thì chắc chắn TA sẽ ban cho chúng nước mưa dồi dào.

وَأَلَّوِ ٱسۡتَقَٰمُواْ عَلَى ٱلطَّرِيقَةِ لَأَسۡقَيۡنَٰهُم مَّآءً غَدَقٗا ١٦

17. Để TA có thể thử thách chúng trong đó (xem ai biết tạ ơn TA và ai là kẻ quay lưng với TA). Ai quay lưng với việc tưởng nhớ Thượng Đế của y thì Ngài sẽ đẩy y vào sự trừng phạt đau đớn tột cùng.

لِّنَفۡتِنَهُمۡ فِيهِۚ وَمَن يُعۡرِضۡ عَن ذِكۡرِ رَبِّهِۦ يَسۡلُكۡهُ عَذَابٗا صَعَدٗا ١٧

18. Quả thật, các Masjid là của Allah, vì vậy, các ngươi đừng cầu nguyện cùng với Allah bất kỳ ai.

وَأَنَّ ٱلۡمَسَٰجِدَ لِلَّهِ فَلَا تَدۡعُواْ مَعَ ٱللَّهِ أَحَدٗا ١٨

19. Và khi người bề tôi của Allah (Thiên Sứ Muhammad) đứng cầu nguyện Ngài, chúng (Jinn) xúm nhau đến thành một đám đông (để nghe Y đọc Qur’an).

وَأَنَّهُۥ لَمَّا قَامَ عَبۡدُ ٱللَّهِ يَدۡعُوهُ كَادُواْ يَكُونُونَ عَلَيۡهِ لِبَدٗا ١٩

20. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói (với những kẻ đa thần): “Ta chỉ cầu nguyện Thượng Đế của Ta và Ta không tổ hợp cùng với Ngài bất cứ ai.”

قُلۡ إِنَّمَآ أَدۡعُواْ رَبِّي وَلَآ أُشۡرِكُ بِهِۦٓ أَحَدٗا ٢٠

21. Ngươi hãy nói với chúng: “Ta thực sự không nắm trong tay (quyền năng) gây tổn hại cho các ngươi cũng như Ta (không nắm quyền) hướng dẫn các ngươi.”

قُلۡ إِنِّي لَآ أَمۡلِكُ لَكُمۡ ضَرّٗا وَلَا رَشَدٗا ٢١

22. Ngươi hãy nói với chúng: “Thật vậy, (nếu Ta không vâng lời Allah) thì chắc chắn sẽ không một ai có thể cứu được Ta khỏi (hình phạt của) Allah; và ngoài Ngài, Ta sẽ không bao giờ tìm được một nơi nương thân nào khác.”

قُلۡ إِنِّي لَن يُجِيرَنِي مِنَ ٱللَّهِ أَحَدٞ وَلَنۡ أَجِدَ مِن
دُونِهِۦ مُلۡتَحَدًا ٢٢

23. Trừ phi Ta truyền đạt (Mệnh lệnh) từ Ngài và Bức Thông Điệp của Ngài. Và ai không vâng lệnh Allah và Sứ Giả của Ngài thì quả thật, y sẽ phải đón nhận Lửa của Hỏa Ngục, nơi mà y sẽ ở trong đó mãi mãi.

إِلَّا بَلَٰغٗا مِّنَ ٱللَّهِ وَرِسَٰلَٰتِهِۦۚ وَمَن يَعۡصِ ٱللَّهَ
وَرَسُولَهُۥ فَإِنَّ لَهُۥ نَارَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًا ٢٣

24. (Những kẻ vô đức tin vẫn cứ ở trên tình trạng vô đức tin của chúng) cho đến khi chúng thấy điều mà chúng đã được hứa thì (lúc bấy giờ) chúng sẽ biết ai là kẻ yếu thế về phương diện người giúp đỡ và thiểu số hơn.

حَتَّىٰٓ إِذَا رَأَوۡاْ مَا يُوعَدُونَ فَسَيَعۡلَمُونَ مَنۡ أَضۡعَفُ
نَاصِرٗا وَأَقَلُّ عَدَدٗا ٢٤

25. Ngươi hãy nói với chúng: “Ta không biết liệu điều mà các ngươi được hứa sắp đến hay Thượng Đế của Ta sẽ định cho nó một khoảng thời gian nữa.”

قُلۡ إِنۡ أَدۡرِيٓ أَقَرِيبٞ مَّا تُوعَدُونَ أَمۡ يَجۡعَلُ لَهُۥ رَبِّيٓ
أَمَدًا ٢٥

26. (Ngài là) Đấng biết những điều không thể nhìn thấy. Và Ngài không tiết lộ những điều không thể nhìn thấy của Ngài cho bất cứ ai.

عَٰلِمُ ٱلۡغَيۡبِ فَلَا يُظۡهِرُ عَلَىٰ غَيۡبِهِۦٓ أَحَدًا ٢٦

27. Ngoại trừ những ai mà Ngài hài lòng trong số các Sứ Giả của Ngài. Và Ngài phái cảnh vệ binh tháp tùng Y đằng trước và đằng sau.

إِلَّا مَنِ ٱرۡتَضَىٰ مِن رَّسُولٖ فَإِنَّهُۥ يَسۡلُكُ مِنۢ بَيۡنِ
يَدَيۡهِ وَمِنۡ خَلۡفِهِۦ رَصَدٗا ٢٧

28. Để Ngài có thể biết rằng họ đã truyền đạt các Thông Điệp của Thượng Đế của họ hay chưa và Ngài bao quát (kiểm soát) mọi điều nơi họ và tất cả mọi thứ đều được Ngài đếm số lượng.

لِّيَعۡلَمَ أَن قَدۡ أَبۡلَغُواْ رِسَٰلَٰتِ رَبِّهِمۡ وَأَحَاطَ بِمَا
لَدَيۡهِمۡ وَأَحۡصَىٰ كُلَّ شَيۡءٍ عَدَدَۢا ٢٨

Al-Muzzammil (Người Cuộn Mình Trong Chiếc Áo) المزمل

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Này hỡi người cuộn mình trong áo (Thiên Sứ Muhammad)!

يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمُزَّمِّلُ ١

2. Ngươi hãy đứng (dâng lễ nguyện Salah) trong đêm trừ một ít thời gian.

قُمِ ٱلَّيۡلَ إِلَّا قَلِيلٗا ٢

3. Một nửa của đêm hoặc ít hơn một chút.

نِّصۡفَهُۥٓ أَوِ ٱنقُصۡ مِنۡهُ قَلِيلًا ٣

4. Hoặc thêm nữa; và Ngươi hãy đọc Qur'an với âm điệu nhịp nhàng, chậm rãi.

أَوۡ زِدۡ عَلَيۡهِ وَرَتِّلِ ٱلۡقُرۡءَانَ تَرۡتِيلًا ٤

5. Quả thật, TA sẽ truyền xuống cho Ngươi (Qur'an, và Nó là) lời nặng nề (vì trong đó chứa đựng các nghĩa vụ, các giới hạn, các qui định, các nghi thức và những điều khác).

إِنَّا سَنُلۡقِي عَلَيۡكَ قَوۡلٗا ثَقِيلًا ٥

6. Thật vậy, những giờ trong đêm tác động mạnh mẽ nhất (đối với tâm trí và trái tim) và (làm cho) lời nói trở nên ngay thẳng và chính trực nhất.

إِنَّ نَاشِئَةَ ٱلَّيۡلِ هِيَ أَشَدُّ وَطۡـٔٗا وَأَقۡوَمُ قِيلًا ٦

7. Ban ngày Ngươi thực sự bận rộn với nhiều công việc.

إِنَّ لَكَ فِي ٱلنَّهَارِ سَبۡحٗا طَوِيلٗا ٧

8. Ngươi hãy tụng niệm đại danh Thượng Đế của Ngươi và hãy toàn tâm thờ phượng Ngài.

وَٱذۡكُرِ ٱسۡمَ رَبِّكَ وَتَبَتَّلۡ إِلَيۡهِ تَبۡتِيلٗا ٨

9. (Allah là) Thượng Đế của phương Đông lẫn phương Tây; không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Vì vậy, Ngươi hãy tôn Ngài làm Đấng Bảo Hộ của Ngươi.

رَّبُّ ٱلۡمَشۡرِقِ وَٱلۡمَغۡرِبِ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ فَٱتَّخِذۡهُ
وَكِيلٗا ٩

10. Ngươi hãy kiên nhẫn chịu đựng với những gì chúng nói và hãy tránh xa chúng một cách nhã nhặn và tốt đẹp.

وَٱصۡبِرۡ عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَٱهۡجُرۡهُمۡ هَجۡرٗا جَمِيلٗا ١٠

11. Ngươi hãy để TA (một mình xử trí) những kẻ phủ nhận (Sự Thật) nhưng sở hữu những điều tốt đẹp của cuộc sống (này), và cứ để chúng (yên lành) trong một thời gian ngắn.

وَذَرۡنِي وَٱلۡمُكَذِّبِينَ أُوْلِي ٱلنَّعۡمَةِ وَمَهِّلۡهُمۡ قَلِيلًا ١١

12. Quả thật, (ở Đời Sau), TA có những chiếc gông nặng và lửa cháy.

إِنَّ لَدَيۡنَآ أَنكَالٗا وَجَحِيمٗا ١٢

13. Và (TA có) loại thức ăn làm nghẹn họng và một hình phạt đau đớn.

وَطَعَامًا ذَا غُصَّةٖ وَعَذَابًا أَلِيمٗا ١٣

14. Vào Ngày (đó), trái đất và những quả núi sẽ rung chuyển và những quả núi sẽ giống như những đồi cát đổ xuống.

يَوۡمَ تَرۡجُفُ ٱلۡأَرۡضُ وَٱلۡجِبَالُ وَكَانَتِ ٱلۡجِبَالُ كَثِيبٗا
مَّهِيلًا ١٤

15. Thật vậy, TA (Allah) đã gửi đến các ngươi một Sứ Giả làm nhân chứng cho các ngươi giống như TA đã gửi đến Pha-ra-ông một Sứ Giả.

إِنَّآ أَرۡسَلۡنَآ إِلَيۡكُمۡ رَسُولٗا شَٰهِدًا عَلَيۡكُمۡ كَمَآ
أَرۡسَلۡنَآ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ رَسُولٗا ١٥

16. Nhưng Pha-ra-ông không vâng lời Sứ Giả (của TA), vì vậy, TA đã bắt phạt hắn bằng một sự trừng phạt khủng khiếp.

فَعَصَىٰ فِرۡعَوۡنُ ٱلرَّسُولَ فَأَخَذۡنَٰهُ أَخۡذٗا وَبِيلٗا ١٦

17. Vậy làm sao các ngươi sẽ tránh được tai họa vào Ngày mà những đứa trẻ trở nên bạc đầu nếu các ngươi vô đức tin?

فَكَيۡفَ تَتَّقُونَ إِن كَفَرۡتُمۡ يَوۡمٗا يَجۡعَلُ ٱلۡوِلۡدَٰنَ
شِيبًا ١٧

18. Bầu trời (trong Ngày Hôm đó) sẽ vỡ nứt ra. Lời Hứa của (Allah) sẽ được thể hiện.

ٱلسَّمَآءُ مُنفَطِرُۢ بِهِۦۚ كَانَ وَعۡدُهُۥ مَفۡعُولًا ١٨

19. Quả thật, đây là một sự nhắc nhở, vì vậy, ai muốn thì hãy chọn lấy một con đường trở về với Thượng Đế của mình.

إِنَّ هَٰذِهِۦ تَذۡكِرَةٞۖ فَمَن شَآءَ ٱتَّخَذَ إِلَىٰ رَبِّهِۦ
سَبِيلًا ١٩

20. Thật vậy, Thượng Đế của Ngươi (hỡi Thiên Sứ Muhammad) biết rằng Ngươi và một nhóm đi theo Ngươi thực sự đứng dâng lễ nguyện Salah gần hai phần ba của đêm, hoặc phân nửa đêm, hoặc một phần ba của đêm. Và Allah ấn định (phạm vi của) ban đêm và ban ngày. Ngài biết các ngươi không thể nhớ chính xác (các giờ của ban đêm) nên Ngài đã tha thứ cho các ngươi. Vì vậy, các ngươi hãy đọc Qur'an phần nào mà các ngươi nhận thấy dễ dàng cho các ngươi. Ngài biết trong các ngươi có một số bệnh tật, một số khác đi tìm kiếm thiên lộc của Allah xa xôi trên trái đất; và một số khác đi chinh chiến cho Chính Nghĩa của Allah. Vì vậy, các ngươi hãy đọc phần nào mà các ngươi thấy dễ dàng đối với các ngươi. Và các ngươi hãy chu đáo dâng lễ nguyện Salah, đóng Zakah và cho Allah mượn một khoản nợ tốt. Và bất cứ điều gì tốt đẹp mà các ngươi gởi đi trước cho bản thân mình thì các ngươi sẽ tìm thấy (phần thưởng của) nó ở nơi Allah, và phần thưởng sẽ tốt và lớn hơn. Các ngươi hãy cầu xin

۞إِنَّ رَبَّكَ يَعۡلَمُ أَنَّكَ تَقُومُ أَدۡنَىٰ مِن ثُلُثَيِ ٱلَّيۡلِ
وَنِصۡفَهُۥ وَثُلُثَهُۥ وَطَآئِفَةٞ مِّنَ ٱلَّذِينَ مَعَكَۚ وَٱللَّهُ
يُقَدِّرُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَۚ عَلِمَ أَن لَّن تُحۡصُوهُ فَتَابَ
عَلَيۡكُمۡۖ فَٱقۡرَءُواْ مَا تَيَسَّرَ مِنَ ٱلۡقُرۡءَانِۚ عَلِمَ أَن
سَيَكُونُ مِنكُم مَّرۡضَىٰ وَءَاخَرُونَ يَضۡرِبُونَ فِي
ٱلۡأَرۡضِ يَبۡتَغُونَ مِن فَضۡلِ ٱللَّهِ وَءَاخَرُونَ يُقَٰتِلُونَ
فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۖ فَٱقۡرَءُواْ مَا تَيَسَّرَ مِنۡهُۚ وَأَقِيمُواْ
ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَقۡرِضُواْ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗاۚ
وَمَا تُقَدِّمُواْ لِأَنفُسِكُم مِّنۡ خَيۡرٖ تَجِدُوهُ عِندَ ٱللَّهِ

Allah tha thứ. Quả thật, Allah là Đấng Tha Thứ, Đấng Nhân Từ.	هُوَ خَيۡرٗا وَأَعۡظَمَ أَجۡرٗاۚ وَٱسۡتَغۡفِرُواْ ٱللَّهَۖ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمُۢ ٢٠

Al-Muddaththir (Người Phủ Áo Choàng Lên Mình) المدثر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Này hỡi người phủ áo choàng lên mình (Thiên Sứ Muhammad)!	يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمُدَّثِّرُ ١
2. Ngươi hãy đứng dậy và đi cảnh báo (dân chúng về sự trừng phạt của Allah).	قُمۡ فَأَنذِرۡ ٢
3. Ngươi hãy tôn vinh Thượng Đế của Ngươi.	وَرَبَّكَ فَكَبِّرۡ ٣
4. Ngươi hãy làm sạch y phục của Ngươi.	وَثِيَابَكَ فَطَهِّرۡ ٤
5. Ngươi hãy tránh xa việc thờ phượng các bục tượng.	وَٱلرُّجۡزَ فَٱهۡجُرۡ ٥
6. Ngươi đừng mong (Thượng Đế của Ngươi dành cho sự ưu ái) bởi việc Ngươi làm nhiều việc tốt.	وَلَا تَمۡنُن تَسۡتَكۡثِرُ ٦
7. Ngươi hãy kiên nhẫn, chịu đựng vì Thượng Đế của Ngươi.	وَلِرَبِّكَ فَٱصۡبِرۡ ٧
8. Và khi Còi được thổi (trong lần thứ hai).	فَإِذَا نُقِرَ فِي ٱلنَّاقُورِ ٨
9. Ngày đó sẽ là một Ngày khó khăn.	فَذَٰلِكَ يَوۡمَئِذٖ يَوۡمٌ عَسِيرٌ ٩
10. Đối với những kẻ vô đức tin chắc chắn không dễ dàng.	عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ غَيۡرُ يَسِيرٖ ١٠
11. Ngươi hãy để mặc TA (xử trí) kẻ mà TA đã tạo ra (trần trụi và) một mình (trong bụng mẹ của y).	ذَرۡنِي وَمَنۡ خَلَقۡتُ وَحِيدٗا ١١
12. Và TA đã ban phát cho y nguồn tài sản dồi dào.	وَجَعَلۡتُ لَهُۥ مَالٗا مَّمۡدُودٗا ١٢
13. Và những đứa con trai luôn hiện diện bên cạnh.	وَبَنِينَ شُهُودٗا ١٣
14. Và (TA) trải (mọi thứ) suôn sẻ cho y (trong cuộc sống).	وَمَهَّدتُّ لَهُۥ تَمۡهِيدٗا ١٤
15. Rồi y còn tham muốn TA ban thêm nhiều hơn nữa.	ثُمَّ يَطۡمَعُ أَنۡ أَزِيدَ ١٥
16. Không! Y quả thật là kẻ chống đối các Lời Mặc Khải của TA.	كَلَّآۖ إِنَّهُۥ كَانَ لِأٓيَٰتِنَا عَنِيدٗا ١٦

17. TA sẽ làm cho y khốn đốn và gian khổ tột cùng.	سَأُرْهِقُهُۥ صَعُودًا ﴿١٧﴾
18. Y quả thật đã suy tính và mưu đồ.	إِنَّهُۥ فَكَّرَ وَقَدَّرَ ﴿١٨﴾
19. Nhưng dù y có suy tính và mưu đồ thế nào thì y cũng bị nguyền rủa và bị trừng phạt.	فَقُتِلَ كَيْفَ قَدَّرَ ﴿١٩﴾
20. Rồi cho dù y có suy tính và mưu đồ thế nào thì y cũng bị nguyền rủa và bị trừng phạt.	ثُمَّ قُتِلَ كَيْفَ قَدَّرَ ﴿٢٠﴾
21. Rồi y xem xét (lại một lần nữa).	ثُمَّ نَظَرَ ﴿٢١﴾
22. Rồi y nhíu mày, cau có.	ثُمَّ عَبَسَ وَبَسَرَ ﴿٢٢﴾
23. Sau đó, y quay lưng và ngạo mạn.	ثُمَّ أَدْبَرَ وَٱسْتَكْبَرَ ﴿٢٣﴾
24. Y nói: “Đây chỉ là trò ma thuật có nguồn gốc từ xưa.”	فَقَالَ إِنْ هَٰذَآ إِلَّا سِحْرٌ يُؤْثَرُ ﴿٢٤﴾
25. “(Qur’an) này (không phải là lời của Thượng Đế mà) chỉ là lời của một người phàm tục.”	إِنْ هَٰذَآ إِلَّا قَوْلُ ٱلْبَشَرِ ﴿٢٥﴾
26. TA sẽ nướng y trong Saqar (một trong những tầng cấp của Hỏa Ngục).	سَأُصْلِيهِ سَقَرَ ﴿٢٦﴾
27. Ngươi có biết Saqar là gì không?	وَمَآ أَدْرَىٰكَ مَا سَقَرُ ﴿٢٧﴾
28. Nó không chừa cũng không bỏ sót (bất cứ kẻ tội lỗi nào).	لَا تُبْقِى وَلَا تَذَرُ ﴿٢٨﴾
29. Nó đốt cháy và làm tróc hết các lớp da.	لَوَّاحَةٌ لِّلْبَشَرِ ﴿٢٩﴾
30. Cai quản nó có mười chín (Thiên Thần).	عَلَيْهَا تِسْعَةَ عَشَرَ ﴿٣٠﴾

31. TA đã không tạo những vị canh giữ Hỏa Ngục ngoại trừ các Thiên Thần. Và TA đưa ra con số của họ như một sự thử thách cho những kẻ vô đức tin và để thuyết phục những ai đã được ban cấp Kinh Sách đồng thời để tăng thêm đức tin cho những người tin tưởng; và để cho những người được ban cho Kinh Sách và những người có đức tin không còn hoài nghi; và để cho những kẻ mang trong lòng chứng bệnh và những kẻ vô đức tin nói: “Allah muốn ngụ ý điều gì qua hình ảnh thí dụ này?” Như thế đó, Allah muốn làm lạc hướng kẻ nào là tùy ý Ngài và muốn hướng dẫn người nào cũng tùy ý Ngài. Và không một ai biết rõ binh lính của Thượng Đế của Ngươi ngoại trừ Ngài. Và (Hỏa Ngục) là một sự nhắc nhở dành cho nhân loại.

وَمَا جَعَلۡنَآ أَصۡحَٰبَ ٱلنَّارِ إِلَّا مَلَٰٓئِكَةٗۙ وَمَا جَعَلۡنَا
عِدَّتَهُمۡ إِلَّا فِتۡنَةٗ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ لِيَسۡتَيۡقِنَ ٱلَّذِينَ
أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ وَيَزۡدَادَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِيمَٰنٗا وَلَا
يَرۡتَابَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ وَلِيَقُولَ
ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ وَٱلۡكَٰفِرُونَ مَاذَآ أَرَادَ ٱللَّهُ
بِهَٰذَا مَثَلٗاۚ كَذَٰلِكَ يُضِلُّ ٱللَّهُ مَن يَشَآءُ وَيَهۡدِي
مَن يَشَآءُۚ وَمَا يَعۡلَمُ جُنُودَ رَبِّكَ إِلَّا هُوَۚ وَمَا هِيَ إِلَّا
ذِكۡرَىٰ لِلۡبَشَرِ ٣١

32. Không, thề bởi mặt trăng.

كَلَّا وَٱلۡقَمَرِ ٣٢

33. Thề bởi ban đêm khi nó ra đi.

وَٱلَّيۡلِ إِذۡ أَدۡبَرَ ٣٣

34. Thề bởi bình minh khi nó sáng tỏ.

وَٱلصُّبۡحِ إِذَآ أَسۡفَرَ ٣٤

35. (Hỏa Ngục) quả thật là một đại họa.

إِنَّهَا لَإِحۡدَى ٱلۡكُبَرِ ٣٥

36. Một sự cảnh báo cho loài người.

نَذِيرٗا لِّلۡبَشَرِ ٣٦

37. Cho bất cứ ai trong các ngươi muốn đi trước (bằng đức tin và các việc làm thiện tốt) hoặc muốn ở lại phía sau (bằng sự vô đức tin và tội lỗi).

لِمَن شَآءَ مِنكُمۡ أَن يَتَقَدَّمَ أَوۡ يَتَأَخَّرَ ٣٧

38. Mọi linh hồn đều phải trả giá cho những việc làm xấu của mình.

كُلُّ نَفۡسِۢ بِمَا كَسَبَتۡ رَهِينَةٌ ٣٨

39. Ngoại trừ những người của bên phải (những người có đức tin).

إِلَّآ أَصۡحَٰبَ ٱلۡيَمِينِ ٣٩

40. (Họ sẽ ở) trong các Ngôi Vườn Thiên Đàng, họ sẽ hỏi nhau.

فِي جَنَّٰتٖ يَتَسَآءَلُونَ ٤٠

41. Về những kẻ tội lỗi.

عَنِ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ٤١

42. “Điều gì đã đưa các người vào Saqar?”

مَا سَلَكَكُمۡ فِي سَقَرَ ٤٢

43. (Những kẻ tội lỗi) sẽ nói: “Chúng tôi đã không dâng lễ nguyện Salah.”

قَالُواْ لَمۡ نَكُ مِنَ ٱلۡمُصَلِّينَ ٤٣

44. “Chúng tôi đã không nuôi ăn người nghèo.”	وَلَمۡ نَكُ نُطۡعِمُ ٱلۡمِسۡكِينَ ٤٤
45. “Chúng tôi đã thường tham gia vào những cuộc trò chuyện vô ích với những kẻ nói chuyện phù phiếm, viễn vông.”	وَكُنَّا نَخُوضُ مَعَ ٱلۡخَآئِضِينَ ٤٥
46. “Và chúng tôi đã phủ nhận Ngày Phán Xét Cuối Cùng.”	وَكُنَّا نُكَذِّبُ بِيَوۡمِ ٱلدِّينِ ٤٦
47. “Cho tới khi điều kiên định (cái chết) đến với chúng tôi.”	حَتَّىٰٓ أَتَىٰنَا ٱلۡيَقِينُ ٤٧
48. Vì vậy, sẽ không một sự can thiệp nào của những người can thiệp có thể giúp ích được chúng.	فَمَا تَنفَعُهُمۡ شَفَٰعَةُ ٱلشَّٰفِعِينَ ٤٨
49. Sao chúng quay lưng lại với Lời Nhắc Nhở (Qur’an), có vấn đề gì với chúng?	فَمَا لَهُمۡ عَنِ ٱلتَّذۡكِرَةِ مُعۡرِضِينَ ٤٩
50. Chúng quay lưng bỏ chạy tránh xa (Qur’an) giống như những con ngựa vằn hoảng sợ.	كَأَنَّهُمۡ حُمُرٞ مُّسۡتَنفِرَةٞ ٥٠
51. Tháo chạy trước con sư tử.	فَرَّتۡ مِن قَسۡوَرَةِۭ ٥١
52. Đúng hơn, mỗi tên trong bọn chúng mong muốn rằng mình sẽ được trao cho những tờ kinh được trải ra.	بَلۡ يُرِيدُ كُلُّ ٱمۡرِيٕٖ مِّنۡهُمۡ أَن يُؤۡتَىٰ صُحُفٗا مُّنَشَّرَةٗ ٥٢
53. Không. Đúng hơn, chúng không sợ Ngày Sau.	كَلَّاۖ بَل لَّا يَخَافُونَ ٱلۡأٓخِرَةَ ٥٣
54. Không, (Qur’an) quả thật là một sự nhắc nhở.	كَلَّآ إِنَّهُۥ تَذۡكِرَةٞ ٥٤
55. Vì vậy, ai muốn thì hãy ghi nhớ (Nó).	فَمَن شَآءَ ذَكَرَهُۥ ٥٥
56. Tuy nhiên, không ai ghi nhớ (Nó) ngoại trừ người nào Allah muốn. Quả thật, Ngài là Đấng đáng phải sợ và là Đấng Tha Thứ.	وَمَا يَذۡكُرُونَ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُۚ هُوَ أَهۡلُ ٱلتَّقۡوَىٰ وَأَهۡلُ ٱلۡمَغۡفِرَةِ ٥٦

Al-Qiyamah (Ngày Phục Sinh) القيامة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. TA (Allah) thề bởi Ngày Phục Sinh.

لَآ أُقۡسِمُ بِيَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ ١

2. Và TA thề bởi linh hồn tự trách.

وَلَآ أُقۡسِمُ بِٱلنَّفۡسِ ٱللَّوَّامَةِ ٢

3. Có phải con người cho rằng TA sẽ không bao giờ tập hợp được xương cốt của y lại?

أَيَحۡسَبُ ٱلۡإِنسَٰنُ أَلَّن نَّجۡمَعَ عِظَامَهُۥ ٣

4. Không (như chúng nghĩ). TA toàn năng sắp xếp lại một cách hoàn hảo từng đầu ngón tay của y.

بَلَىٰ قَٰدِرِينَ عَلَىٰٓ أَن نُّسَوِّيَ بَنَانَهُۥ ٤

5. Không! Con người (phủ nhận sự Phục Sinh) vì muốn tiếp tục phạm tội ở phía trước.

بَلۡ يُرِيدُ ٱلۡإِنسَٰنُ لِيَفۡجُرَ أَمَامَهُۥ ٥

6. Y hỏi: “Khi nào Ngày Phục Sinh sẽ đến?”

يَسۡـَٔلُ أَيَّانَ يَوۡمُ ٱلۡقِيَٰمَةِ ٦

7. Vì vậy, khi cặp mắt lúng túng và ngạc nhiên (lúc nhìn thấy những gì mà y đã phủ nhận).

فَإِذَا بَرِقَ ٱلۡبَصَرُ ٧

8. Và mặt trăng bị che khuất.

وَخَسَفَ ٱلۡقَمَرُ ٨

9. Và mặt trời và mặt trăng giao nhau.

وَجُمِعَ ٱلشَّمۡسُ وَٱلۡقَمَرُ ٩

10. Vào Ngày đó, con người sẽ nói: “Biết trốn nơi đâu?”

يَقُولُ ٱلۡإِنسَٰنُ يَوۡمَئِذٍ أَيۡنَ ٱلۡمَفَرُّ ١٠

11. Không! Sẽ không có nơi nào để chạy trốn.

كَلَّا لَا وَزَرَ ١١

12. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngày đó, nơi chắc chắn phải đến chính là về với Thượng Đế của Ngươi.

إِلَىٰ رَبِّكَ يَوۡمَئِذٍ ٱلۡمُسۡتَقَرُّ ١٢

13. Vào Ngày đó, con người sẽ được cho biết những gì y đã gởi đi trước cũng như những gì y còn để lại.

يُنَبَّؤُاْ ٱلۡإِنسَٰنُ يَوۡمَئِذِۭ بِمَا قَدَّمَ وَأَخَّرَ ١٣

14. Không! Con người sẽ làm chứng (tố cáo) chính mình.

بَلِ ٱلۡإِنسَٰنُ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦ بَصِيرَةٞ ١٤

15. Cho dù y có đưa ra mọi lời bào chữa.

وَلَوۡ أَلۡقَىٰ مَعَاذِيرَهُۥ ١٥

16. Ngươi (hỡi Thiên Sứ) đừng cố hoạt động chiếc lưỡi của mình với (Qur'an) hầu muốn nhanh chóng thuộc Nó, (vì sợ trái tim Ngươi sẽ quên mất).	لَا تُحَرِّكۡ بِهِۦ لِسَانَكَ لِتَعۡجَلَ بِهِۦٓ ١٦
17. (Ngươi đừng lo sợ!) Quả thật, TA có nhiệm vụ tập hợp Nó lại (trong trái tim Ngươi) và làm cho Ngươi đọc được Nó.	إِنَّ عَلَيۡنَا جَمۡعَهُۥ وَقُرۡءَانَهُۥ ١٧
18. Vì vậy, khi TA đọc Nó (qua đại Thiên Thần Jibril) thì Ngươi hãy đọc theo lời đọc của Y.	فَإِذَا قَرَأۡنَٰهُ فَٱتَّبِعۡ قُرۡءَانَهُۥ ١٨
19. Sau đó, TA có nhiệm vụ giảng giải ý nghĩa của Nó (cho Ngươi).	ثُمَّ إِنَّ عَلَيۡنَا بَيَانَهُۥ ١٩
20. Không! Thật ra các ngươi chỉ yêu đời sống hối hả (nhanh chóng kết thúc) này.	كَلَّا بَلۡ تُحِبُّونَ ٱلۡعَاجِلَةَ ٢٠
21. Và các ngươi quên mất (cuộc sống vĩnh hằng của) Đời Sau.	وَتَذَرُونَ ٱلۡأٓخِرَةَ ٢١
22. Vào Ngày đó, có những gương mặt sẽ rạng rỡ.	وُجُوهٞ يَوۡمَئِذٖ نَّاضِرَةٌ ٢٢
23. Họ ngắm nhìn Thượng Đế của họ.	إِلَىٰ رَبِّهَا نَاظِرَةٞ ٢٣
24. Và vào Ngày đó, có những gương mặt buồn bã, ảm đạm.	وَوُجُوهٞ يَوۡمَئِذِۭ بَاسِرَةٞ ٢٤
25. Họ lo nghĩ về một tai họa sắp giáng xuống họ.	تَظُنُّ أَن يُفۡعَلَ بِهَا فَاقِرَةٞ ٢٥
26. Không! Khi linh hồn đã lên tới xương quai xanh.	كَلَّآ إِذَا بَلَغَتِ ٱلتَّرَاقِيَ ٢٦
27. Có tiếng bảo nhau: “Ai sẽ chữa khỏi cho y (người sắp chết) đây?”	وَقِيلَ مَنۡۜ رَاقٖ ٢٧
28. (Người sắp chết) biết chắc rằng đó là (thời gian) chia lìa.	وَظَنَّ أَنَّهُ ٱلۡفِرَاقُ ٢٨
29. Và cẳng chân này cọ vào ống chân kia (trong cơn đau đớn khi chết).	وَٱلۡتَفَّتِ ٱلسَّاقُ بِٱلسَّاقِ ٢٩
30. Đưa y trở về với Thượng Đế của Ngươi.	إِلَىٰ رَبِّكَ يَوۡمَئِذٍ ٱلۡمَسَاقُ ٣٠
31. (Kẻ vô đức tin) đã không tin, cũng không dâng lễ nguyện Salah.	فَلَا صَدَّقَ وَلَا صَلَّىٰ ٣١
32. Ngược lại, y phủ nhận và quay đi.	وَلَٰكِن كَذَّبَ وَتَوَلَّىٰ ٣٢

33. Rồi y trở về với gia đình với dáng điệu vênh váo (trong niềm tự hào).

ثُمَّ ذَهَبَ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِۦ يَتَمَطَّىٰٓ ٣٣

34. Thật khốn cho ngươi (hỡi kẻ vô đức tin)! Thật khốn cho ngươi!

أَوۡلَىٰ لَكَ فَأَوۡلَىٰ ٣٤

35. Rồi thật khốn cho ngươi (hỡi kẻ vô đức tin)! Thật khốn cho ngươi!

ثُمَّ أَوۡلَىٰ لَكَ فَأَوۡلَىٰٓ ٣٥

36. Có phải con người cho rằng mình được tự do hành động tùy ý (mà không bị trừng phạt hoặc được thưởng cho những nghĩa vụ bắt buộc mà Allah đã qui định)?

أَيَحۡسَبُ ٱلۡإِنسَٰنُ أَن يُتۡرَكَ سُدًى ٣٦

37. Chẳng phải (con người) không là một giọt tinh dịch được xuất ra đó sao?

أَلَمۡ يَكُ نُطۡفَةٗ مِّن مَّنِيّٖ يُمۡنَىٰ ٣٧

38. Sau đó là một hòn máu đặc, rồi (Allah) tạo ra (hình dạng của y) và cân đối (hình hài cho y).

ثُمَّ كَانَ عَلَقَةٗ فَخَلَقَ فَسَوَّىٰ ٣٨

39. Và (Allah) làm cho y thành hai giới, nam và nữ.

فَجَعَلَ مِنۡهُ ٱلزَّوۡجَيۡنِ ٱلذَّكَرَ وَٱلۡأُنثَىٰٓ ٣٩

40. Lẽ nào Đấng (đã tạo ra con người như thế) đó không có khả năng làm sống lại người chết ư?

أَلَيۡسَ ذَٰلِكَ بِقَٰدِرٍ عَلَىٰٓ أَن يُحۡـِۧيَ ٱلۡمَوۡتَىٰ ٤٠

Al-Insan (Con Người) الانسان

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Chẳng phải đã có một khoảng thời gian mà con người không là một thứ gì đáng nhắc đến?

هَلۡ أَتَىٰ عَلَى ٱلۡإِنسَٰنِ حِينٞ مِّنَ ٱلدَّهۡرِ لَمۡ يَكُن شَيۡـٔٗا مَّذۡكُورًا ١

2. Thật vậy, TA (Allah) đã tạo ra con người từ một giọt tinh dịch, để TA có thể thử thách y; và TA đã làm cho y nghe và thấy.

إِنَّا خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ مِن نُّطۡفَةٍ أَمۡشَاجٖ نَّبۡتَلِيهِ فَجَعَلۡنَٰهُ سَمِيعَۢا بَصِيرًا ٢

3. Quả thật, TA đã hướng dẫn y con đường (rõ ràng, TA cho y toàn quyền lựa chọn), hoặc là y biết ơn hoặc là y vô ơn.

إِنَّا هَدَيۡنَٰهُ ٱلسَّبِيلَ إِمَّا شَاكِرٗا وَإِمَّا كَفُورًا ٣

4. Thật vậy, TA đã chuẩn bị cho những kẻ vô đức tin những xiềng xích, gông cùm và ngọn lửa rực cháy.

إِنَّآ أَعۡتَدۡنَا لِلۡكَٰفِرِينَ سَلَٰسِلَاْ وَأَغۡلَٰلٗا وَسَعِيرًا ٤

5. Người ngoan đạo, đức hạnh chắc chắn sẽ được uống ly (rượu) được pha chế với hỗn hợp Kafur (mang hương thơm như long não).

إِنَّ ٱلۡأَبۡرَارَ يَشۡرَبُونَ مِن كَأۡسٖ كَانَ مِزَاجُهَا كَافُورًا ٥

6. Có một con suối mà những người bề tôi của Allah sẽ uống; dòng chảy của nó dồi dào theo mong muốn của họ.

عَيۡنٗا يَشۡرَبُ بِهَا عِبَادُ ٱللَّهِ يُفَجِّرُونَهَا تَفۡجِيرٗا ٦

7. Họ (là những người) đã hoàn thành lời thề nguyện (của họ) và luôn sợ cái Ngày mà sự xấu xa sẽ lan tràn (và đó là Ngày Tận Thế).

يُوفُونَ بِٱلنَّذۡرِ وَيَخَافُونَ يَوۡمٗا كَانَ شَرُّهُۥ مُسۡتَطِيرٗا ٧

8. Họ chia sẻ thức ăn cho người nghèo, trẻ mồ côi, và tù binh trong lúc họ cũng yêu thích và cần thức ăn đó.

وَيُطۡعِمُونَ ٱلطَّعَامَ عَلَىٰ حُبِّهِۦ مِسۡكِينٗا وَيَتِيمٗا وَأَسِيرًا ٨

9. (Họ nói): “Chúng tôi chia sẻ thức ăn cho quí vị là chỉ vì sắc Diện của Allah chứ chúng tôi không mong sự đền đáp và tri ân từ quí vị.”

إِنَّمَا نُطۡعِمُكُمۡ لِوَجۡهِ ٱللَّهِ لَا نُرِيدُ مِنكُمۡ جَزَآءٗ وَلَا شُكُورًا ٩

10. “Chúng tôi thực sự sợ Thượng Đế của chúng tôi vào một Ngày (mà những kẻ tội lỗi sẽ) cau mày nhăn nhó và buồn thảm.”

إِنَّا نَخَافُ مِن رَّبِّنَا يَوۡمًا عَبُوسٗا قَمۡطَرِيرٗا ١٠

11. Vì vậy, Allah sẽ bảo vệ họ khỏi cái xấu của Ngày đó và Ngài sẽ ban cho họ sự rạng rỡ và niềm vui.

فَوَقَىٰهُمُ ٱللَّهُ شَرَّ ذَٰلِكَ ٱلۡيَوۡمِ وَلَقَّىٰهُمۡ نَضۡرَةٗ وَسُرُورٗا ١١

12. Ngài sẽ thưởng cho họ một ngôi vườn (trong Thiên Đàng) và lụa là bởi những gì mà họ đã kiên nhẫn chịu đựng.

وَجَزَىٰهُم بِمَا صَبَرُوا۟ جَنَّةً وَحَرِيرًا ١٢

13. Trong đó, họ sẽ ngả mình trên những chiếc ghế dài có lưng tựa. Họ sẽ không còn nhìn thấy (cái nóng của) mặt trời cũng như cảnh giá lạnh và rét buốt.

مُّتَّكِـِٔينَ فِيهَا عَلَى ٱلْأَرَآئِكِ ۖ لَا يَرَوْنَ فِيهَا شَمْسًا
وَلَا زَمْهَرِيرًا ١٣

14. Gần sát bên trên họ là những (cành) rợp bóng trải rộng và những chùm quả lủng lẳng gần tầm tay.

وَدَانِيَةً عَلَيْهِمْ ظِلَـٰلُهَا وَذُلِّلَتْ قُطُوفُهَا تَذْلِيلًا ١٤

15. Họ sẽ được phục vụ xung quanh với những chiếc bình bạc và những chiếc cốc pha lê.

وَيُطَافُ عَلَيْهِم بِـَٔانِيَةٍ مِّن فِضَّةٍ وَأَكْوَابٍ كَانَتْ
قَوَارِيرَا۠ ١٥

16. Có những chiếc cốc bằng bạc nhưng trong suốt như pha lê; chúng được định lượng thức uống vừa đủ (như họ muốn).

قَوَارِيرَا۟ مِن فِضَّةٍ قَدَّرُوهَا تَقْدِيرًا ١٦

17. Trong đó, họ sẽ được cho uống (với những) ly (rượu) được pha chế từ hỗn hợp gừng.

وَيُسْقَوْنَ فِيهَا كَأْسًا كَانَ مِزَاجُهَا زَنجَبِيلًا ١٧

18. Trong đó, có một con suối tên là Salsabil.

عَيْنًا فِيهَا تُسَمَّىٰ سَلْسَبِيلًا ١٨

19. Đi vòng quanh (để phục vụ) họ là những chàng thiếu niên trẻ mãi. Khi thấy chúng, Ngươi tưởng chúng là những viên ngọc trai rải rác.

۞ وَيَطُوفُ عَلَيْهِمْ وِلْدَٰنٌ مُّخَلَّدُونَ إِذَا رَأَيْتَهُمْ
حَسِبْتَهُمْ لُؤْلُؤًا مَّنثُورًا ١٩

20. Khi Ngươi nhìn thấy (những gì trong Thiên Đàng), Ngươi sẽ thấy đó là một niềm hạnh phúc và một vương quốc vĩ đại.

وَإِذَا رَأَيْتَ ثَمَّ رَأَيْتَ نَعِيمًا وَمُلْكًا كَبِيرًا ٢٠

21. (Các cư dân Thiên Đàng), y phục của họ sẽ là lụa và gấm thêu màu xanh lá. Đồ trang sức của họ là những chiếc vòng bạc. Và Thượng Đế của họ sẽ cho họ uống một loại nước tinh khiết.

عَـٰلِيَهُمْ ثِيَابُ سُندُسٍ خُضْرٌ وَإِسْتَبْرَقٌ ۖ وَحُلُّوٓا۟
أَسَاوِرَ مِن فِضَّةٍ وَسَقَىٰهُمْ رَبُّهُمْ شَرَابًا طَهُورًا ٢١

22. (Họ sẽ được bảo): “Đây là phần thưởng cho các ngươi. Quả thật, sự cố gắng của các ngươi đã được đền đáp.”

إِنَّ هَـٰذَا كَانَ لَكُمْ جَزَآءً وَكَانَ سَعْيُكُم
مَّشْكُورًا ٢٢

23. Quả thật, TA (Allah) đã ban Qur’an xuống cho Ngươi (Muhammad) bằng một sự mặc khải dần dần theo từng giai đoạn.

إِنَّا نَحْنُ نَزَّلْنَا عَلَيْكَ ٱلْقُرْءَانَ تَنزِيلًا ٢٣

24. Vì vậy, Ngươi hãy kiên nhẫn chịu đựng với quyết định của Thượng Đế của Ngươi; Ngươi chớ đừng nghe theo bất kỳ tên tội lỗi hay kẻ vô đức tin nào của bọn chúng.	فَٱصۡبِرۡ لِحُكۡمِ رَبِّكَ وَلَا تُطِعۡ مِنۡهُمۡ ءَاثِمًا أَوۡ كَفُورٗا ٢٤
25. Ngươi hãy tụng niệm Tên của Thượng Đế Ngươi sáng chiều.	وَٱذۡكُرِ ٱسۡمَ رَبِّكَ بُكۡرَةٗ وَأَصِيلٗا ٢٥
26. Ngươi hãy cúi đầu quỳ lạy Ngài vào một phần của đêm và hãy tán dương Ngài qua đêm dài.	وَمِنَ ٱلَّيۡلِ فَٱسۡجُدۡ لَهُۥ وَسَبِّحۡهُ لَيۡلٗا طَوِيلًا ٢٦
27. Thật vậy, những kẻ (đa thần) này yêu thế giới hối hả (trần gian) và bỏ sau lưng chúng một Ngày nặng nề.	إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ يُحِبُّونَ ٱلۡعَاجِلَةَ وَيَذَرُونَ وَرَآءَهُمۡ يَوۡمٗا ثَقِيلٗا ٢٧
28. TA đã tạo ra chúng và làm cho cơ thể của chúng cường tráng, nhưng khi TA muốn, TA có thể đưa những người tương tự đến thay thế chúng toàn bộ.	نَّحۡنُ خَلَقۡنَٰهُمۡ وَشَدَدۡنَآ أَسۡرَهُمۡۖ وَإِذَا شِئۡنَا بَدَّلۡنَآ أَمۡثَٰلَهُمۡ تَبۡدِيلًا ٢٨
29. Quả thật, đây là một sự nhắc nhở, vì vậy, ai muốn thì hãy chọn lấy một con đường trở về với Thượng Đế của mình.	إِنَّ هَٰذِهِۦ تَذۡكِرَةٞۖ فَمَن شَآءَ ٱتَّخَذَ إِلَىٰ رَبِّهِۦ سَبِيلٗا ٢٩
30. Tuy nhiên, những gì các ngươi muốn sẽ không thành trừ phi Allah muốn. Quả thật, Allah Toàn Tri, Sáng Suốt.	وَمَا تَشَآءُونَ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا حَكِيمٗا ٣٠
31. Ngài thu nhận vào lòng thương xót của Ngài đối với ai Ngài muốn; nhưng những kẻ làm điều sai quấy, Ngài đã chuẩn bị cho chúng một sự trừng phạt đau đớn.	يُدۡخِلُ مَن يَشَآءُ فِي رَحۡمَتِهِۦۚ وَٱلظَّٰلِمِينَ أَعَدَّ لَهُمۡ عَذَابًا أَلِيمَۢا ٣١

Al-Mursalat (Các Luồng Gió Liên Tục) المرسلات

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi các luồng gió liên tục được gửi đi (bởi những lợi ích của con người).

وَٱلۡمُرۡسَلَٰتِ عُرۡفٗا ١

2. Thề bởi những cơn giông tố dữ dội.

فَٱلۡعَٰصِفَٰتِ عَصۡفٗا ٢

3. Thề bởi các cơn gió gieo mưa.

وَٱلنَّٰشِرَٰتِ نَشۡرٗا ٣

4. Thề bởi các Thiên Thần phân ranh (đúng sai).

فَٱلۡفَٰرِقَٰتِ فَرۡقٗا ٤

5. Thề bởi các Thiên Thần mang thông điệp nhắc nhở.

فَٱلۡمُلۡقِيَٰتِ ذِكۡرًا ٥

6. Để chứng minh hoặc để cảnh báo.

عُذۡرًا أَوۡ نُذۡرًا ٦

7. Quả thật, những gì các ngươi được hứa chắc chắn sẽ xảy ra.

إِنَّمَا تُوعَدُونَ لَوَٰقِعٞ ٧

8. Khi các vì sao bị lu mờ.

فَإِذَا ٱلنُّجُومُ طُمِسَتۡ ٨

9. Khi bầu trời bị nứt ra.

وَإِذَا ٱلسَّمَآءُ فُرِجَتۡ ٩

10. Khi những quả núi bị thổi bay như bụi.

وَإِذَا ٱلۡجِبَالُ نُسِفَتۡ ١٠

11. Khi các Sứ Giả được gọi tập kết vào một thời điểm đã định.

وَإِذَا ٱلرُّسُلُ أُقِّتَتۡ ١١

12. Thời gian đó vào ngày nào?

لِأَيِّ يَوۡمٍ أُجِّلَتۡ ١٢

13. Vào Ngày Phân Loại (những người của Thiên Đàng, những kẻ của Hỏa Ngục).

لِيَوۡمِ ٱلۡفَصۡلِ ١٣

14. Điều gì cho Ngươi (Muhammad) biết Ngày Phân Loại là gì?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا يَوۡمُ ٱلۡفَصۡلِ ١٤

15. Ngày đó sẽ là một sự khốn khổ cho những kẻ phủ nhận.

وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ١٥

16. Chẳng lẽ TA đã không tiêu diệt những kẻ thời trước?

أَلَمۡ نُهۡلِكِ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٦

17. Rồi TA sẽ làm cho các thế hệ sau theo gót của chúng (trong việc bị trừng phạt).

ثُمَّ نُتْبِعُهُمُ ٱلْءَاخِرِينَ ١٧

18. Đó là cách TA đối xử với những kẻ tội lỗi.

كَذَٰلِكَ نَفْعَلُ بِٱلْمُجْرِمِينَ ١٨

19. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!

وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِّلْمُكَذِّبِينَ ١٩

20. Chẳng phải TA đã tạo các ngươi từ một chất lỏng đáng khinh đó sao?

أَلَمْ نَخْلُقكُّم مِّن مَّآءٍ مَّهِينٍ ٢٠

21. TA đã đặt nó trong một chỗ vững chắc.

فَجَعَلْنَٰهُ فِى قَرَارٍ مَّكِينٍ ٢١

22. Cho đến một thời hạn đã được chỉ định.

إِلَىٰ قَدَرٍ مَّعْلُومٍ ٢٢

23. TA đã định đoạt (cho sự ra đời của ngươi), và TA là Đấng Định Đoạt vượt trội và ưu việt nhất.

فَقَدَرْنَا فَنِعْمَ ٱلْقَٰدِرُونَ ٢٣

24. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!

وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِّلْمُكَذِّبِينَ ٢٤

25. Chẳng phải TA đã làm cho trái đất trở thành một nơi chứa toàn thể nhân loại?

أَلَمْ نَجْعَلِ ٱلْأَرْضَ كِفَاتًا ٢٥

26. Cả người sống và người chết.

أَحْيَآءً وَأَمْوَٰتًا ٢٦

27. TA đã cắm trên trái đất những ngọn núi cao, vững chắc, và TA ban cho các nguồn nước ngọt để uống.

وَجَعَلْنَا فِيهَا رَوَٰسِىَ شَٰمِخَٰتٍ وَأَسْقَيْنَٰكُم مَّآءً
فُرَاتًا ٢٧

28. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!

وَيْلٌ يَوْمَئِذٍ لِّلْمُكَذِّبِينَ ٢٨

29. (Chúng sẽ được bảo): “Các ngươi hãy đi đến điều mà các ngươi đã từng phủ nhận!”

ٱنطَلِقُوٓا۟ إِلَىٰ مَا كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ٢٩

30. “Các ngươi hãy đi đến cái bóng của ba cột khói (của Hỏa Ngục).”

ٱنطَلِقُوٓا۟ إِلَىٰ ظِلٍّ ذِى ثَلَٰثِ شُعَبٍ ٣٠

31. (Nhưng) không mát mẻ cũng không giúp tránh khỏi Hỏa Ngục.

لَّا ظَلِيلٍ وَلَا يُغْنِى مِنَ ٱللَّهَبِ ٣١

32. Thật vậy, nó phun ra những tia lửa (khổng lồ) như pháo đài.

إِنَّهَا تَرْمِى بِشَرَرٍ كَٱلْقَصْرِ ٣٢

33. Giống như những con lạc đà vàng.

كَأَنَّهُۥ جِمَٰلَتٌ صُفْرٌ ٣٣

34. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!	وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ٣٤
35. Đó sẽ là Ngày mà chúng sẽ không nói chuyện được.	هَٰذَا يَوۡمُ لَا يَنطِقُونَ ٣٥
36. Chúng cũng sẽ không được phép biện minh.	وَلَا يُؤۡذَنُ لَهُمۡ فَيَعۡتَذِرُونَ ٣٦
37. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!	وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ٣٧
38. Đây là Ngày Phân Loại. TA tập hợp các ngươi và những người thời trước.	هَٰذَا يَوۡمُ ٱلۡفَصۡلِۖ جَمَعۡنَٰكُمۡ وَٱلۡأَوَّلِينَ ٣٨
39. Vì vậy, nếu các ngươi có kế hoạch (chống lại sự trừng phạt của TA) thì các ngươi hãy lên kế hoạch xem nào.	فَإِن كَانَ لَكُمۡ كَيۡدٞ فَكِيدُونِ ٣٩
40. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!	وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ٤٠
41. Thật vậy, những người ngoan đạo sẽ ở giữa các bóng râm và suối nước.	إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي ظِلَٰلٖ وَعُيُونٖ ٤١
42. Có đủ loại hoa quả mà họ lựa chọn tùy thích.	وَفَوَٰكِهَ مِمَّا يَشۡتَهُونَ ٤٢
43. (Họ sẽ được bảo): “Các ngươi hãy ăn và uống thỏa thích bởi những việc (ngoan đạo và thiện tốt) mà các ngươi đã làm!”	كُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ هَنِيٓـَٔۢا بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٤٣
44. Thật vậy, TA ban thưởng cho những người làm điều tốt như thế đó.	إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٤٤
45. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!	وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ٤٥
46. (Hỡi những kẻ vô đức tin), các ngươi cứ ăn uống và cứ tận hưởng (cuộc sống thế gian) trong chốc lát; các ngươi thực sự là những kẻ tội lỗi.	كُلُواْ وَتَمَتَّعُواْ قَلِيلًا إِنَّكُم مُّجۡرِمُونَ ٤٦
47. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!	وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ٤٧
48. Khi có lời bảo chúng, “Các người hãy cúi mình (lễ nguyện Salah)!” thì chúng không cúi mình.	وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱرۡكَعُواْ لَا يَرۡكَعُونَ ٤٨
49. Vào Ngày đó, thật khốn khổ cho những kẻ phủ nhận!	وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ٤٩
50. Vậy thì chúng sẽ tin vào lời nói nào sau (Qur’an) đây?!	فَبِأَيِّ حَدِيثِۭ بَعۡدَهُۥ يُؤۡمِنُونَ ٥٠

An-Naba' (Các Nguồn Tin) النبإ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. (Những kẻ đa thần), chúng hỏi nhau về điều gì?

عَمَّ يَتَسَآءَلُونَ ١

2. Về các nguồn tin vĩ đại.

عَنِ ٱلنَّبَإِ ٱلۡعَظِيمِ ٢

3. Các nguồn tin mà chúng tranh cãi nhau.

ٱلَّذِي هُمۡ فِيهِ مُخۡتَلِفُونَ ٣

4. Không, chúng sẽ biết.

كَلَّا سَيَعۡلَمُونَ ٤

5. Không, rồi đây chúng thực sự sẽ biết.

ثُمَّ كَلَّا سَيَعۡلَمُونَ ٥

6. Chẳng phải TA đã làm cho mặt đất trải rộng (như một tấm thảm)?

أَلَمۡ نَجۡعَلِ ٱلۡأَرۡضَ مِهَٰدٗا ٦

7. Và những quả núi như những cái trụ (giữ vững mặt đất)?

وَٱلۡجِبَالَ أَوۡتَادٗا ٧

8. TA đã tạo các ngươi thành từng cặp (nam và nữ).

وَخَلَقۡنَٰكُمۡ أَزۡوَٰجٗا ٨

9. TA đã làm giấc ngủ của các ngươi thành (một phương tiện) nghỉ ngơi.

وَجَعَلۡنَا نَوۡمَكُمۡ سُبَاتٗا ٩

10. TA đã tạo ra màn đêm thành y phục (che đậy phần kín của các ngươi).

وَجَعَلۡنَا ٱلَّيۡلَ لِبَاسٗا ١٠

11. TA đã tạo ra ban ngày để các ngươi tìm kế sinh nhai.

وَجَعَلۡنَا ٱلنَّهَارَ مَعَاشٗا ١١

12. TA đã dựng phía trên các ngươi bảy tầng trời kiên cố, vững chắc.

وَبَنَيۡنَا فَوۡقَكُمۡ سَبۡعٗا شِدَادٗا ١٢

13. TA đã tạo ra một chiếc đèn sáng chói (mặt trời).

وَجَعَلۡنَا سِرَاجٗا وَهَّاجٗا ١٣

14. TA đã ban xuống từ những đám mây chứa nước các cơn mưa.

وَأَنزَلۡنَا مِنَ ٱلۡمُعۡصِرَٰتِ مَآءٗ ثَجَّاجٗا ١٤

15. Để TA làm mọc ra các loại hạt và cây cối.

لِّنُخۡرِجَ بِهِۦ حَبّٗا وَنَبَاتٗا ١٥

16. Và những khu vườn xanh tươi và đa dạng.

وَجَنَّٰتٍ أَلۡفَافًا ١٦

17. Thật vậy, Ngày Phân Loại đã được ấn định.

إِنَّ يَوْمَ ٱلْفَصْلِ كَانَ مِيقَٰتًا ١٧

18. Ngày mà tiếng còi sẽ được thổi lên và các ngươi sẽ lũ lượt kéo đến từng đoàn.

يَوْمَ يُنفَخُ فِى ٱلصُّورِ فَتَأْتُونَ أَفْوَاجًا ١٨

19. (Ngày mà) bầu trời sẽ mở ra và sẽ trở thành những cánh cổng.

وَفُتِحَتِ ٱلسَّمَآءُ فَكَانَتْ أَبْوَٰبًا ١٩

20. (Ngày mà) những ngọn núi bị dời đi và trở thành một ảo ảnh.

وَسُيِّرَتِ ٱلْجِبَالُ فَكَانَتْ سَرَابًا ٢٠

21. Thật vậy, Hỏa Ngục là một nơi phục kích.

إِنَّ جَهَنَّمَ كَانَتْ مِرْصَادًا ٢١

22. (Nó là) một nơi trở về cho những kẻ tội lỗi và sai quấy.

لِّلطَّٰغِينَ مَـَٔابًا ٢٢

23. (Những kẻ tội lỗi) sẽ ở trong đó mãi mãi.

لَّٰبِثِينَ فِيهَآ أَحْقَابًا ٢٣

24. Trong Hỏa Ngục, chúng sẽ không tìm thấy sự mát lạnh cũng như không tìm thấy thức uống dễ chịu nào.

لَّا يَذُوقُونَ فِيهَا بَرْدًا وَلَا شَرَابًا ٢٤

25. Ngoại trừ loại nước cực sôi và chất mủ tanh hôi (từ các vết thương).

إِلَّا حَمِيمًا وَغَسَّاقًا ٢٥

26. Một khoản đền bù xứng đáng (cho những việc làm của chúng).

جَزَآءً وِفَاقًا ٢٦

27. Quả thật, chúng đã không quan tâm đến việc (chúng sẽ phải đối mặt với) việc phán xét.

إِنَّهُمْ كَانُوا۟ لَا يَرْجُونَ حِسَابًا ٢٧

28. Chúng đã phủ nhận các Lời Mặc Khải của TA một cách hoàn toàn.

وَكَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا كِذَّابًا ٢٨

29. Nhưng tất cả mọi điều đã được TA cho ghi vào quyển sổ.

وَكُلَّ شَىْءٍ أَحْصَيْنَٰهُ كِتَٰبًا ٢٩

30. Vì vậy, các ngươi (hỡi những kẻ tội lỗi) hãy nếm (thành quả việc làm của các ngươi), và TA sẽ không thêm gì cho các ngươi ngoại trừ hình phạt.

فَذُوقُوا۟ فَلَن نَّزِيدَكُمْ إِلَّا عَذَابًا ٣٠

31. Những người ngoan đạo chắc chắn sẽ thành đạt.

إِنَّ لِلْمُتَّقِينَ مَفَازًا ٣١

32. (Họ sẽ được ban cho) những ngôi vườn tươi xanh và các vườn nho.

حَدَآئِقَ وَأَعْنَٰبًا ٣٢

33. (Họ sẽ) có những nàng trinh nữ với bộ ngực đầy đặn cùng trang lứa (làm bạn đời).

وَكَوَاعِبَ أَتْرَابًا ٣٣

34. (Họ sẽ được phục vụ với) chiếc cốc đầy (rượu).	وَكَأۡسٗا دِهَاقٗا ٣٤
35. Nơi đó, họ sẽ không còn nghe thấy lời sàm bậy và dối trá.	لَّا يَسۡمَعُونَ فِيهَا لَغۡوٗا وَلَا كِذَّٰبٗا ٣٥
36. Đó là một đền đáp từ Thượng Đế của ngươi (Thiên Sứ Muhammad), một món quà hào phóng.	جَزَآءٗ مِّن رَّبِّكَ عَطَآءً حِسَابٗا ٣٦
37. Không ai dám thốt ra lời nào trừ phi Thượng Đế của trời đất và mọi vạn vật, Đấng Nhân Từ cho phép.	رَّبِّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا ٱلرَّحۡمَٰنِۖ لَا يَمۡلِكُونَ مِنۡهُ خِطَابٗا ٣٧
38. Ngày mà Ruh (Đại Thiên thần Jibril) và các Thiên Thần khác đứng thành hàng ngũ chỉnh tề. Không một ai được nói ngoại trừ Đấng Nhân Từ cho phép, và y chỉ nói sự thật.	يَوۡمَ يَقُومُ ٱلرُّوحُ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ صَفّٗاۖ لَّا يَتَكَلَّمُونَ إِلَّا مَنۡ أَذِنَ لَهُ ٱلرَّحۡمَٰنُ وَقَالَ صَوَابٗا ٣٨
39. Đó là Ngày của sự thật. Vì vậy, người nào muốn thì hãy chọn lấy một nơi trở về với Thượng Đế của y.	ذَٰلِكَ ٱلۡيَوۡمُ ٱلۡحَقُّۖ فَمَن شَآءَ ٱتَّخَذَ إِلَىٰ رَبِّهِۦ مَـَٔابًا ٣٩
40. Quả Thật, TA đã cảnh báo các ngươi về một sự trừng phạt gần kề; Ngày mà một người sẽ thấy điều mà y đã gởi đi trước, và kẻ vô đức tin sẽ nói: “Ôi, ước gì mình là cát bụi!”	إِنَّآ أَنذَرۡنَٰكُمۡ عَذَابٗا قَرِيبٗا يَوۡمَ يَنظُرُ ٱلۡمَرۡءُ مَا قَدَّمَتۡ يَدَاهُ وَيَقُولُ ٱلۡكَافِرُ يَٰلَيۡتَنِي كُنتُ تُرَٰبَۢا ٤٠

An-Nazi'at (1)[i] النازعات

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi các Thiên Thần giật mạnh linh hồn của những kẻ vô đức tin.

وَٱلنَّـٰزِعَـٰتِ غَرۡقٗا ١

2. Thề bởi các Thiên Thần rút nhẹ linh hồn của những người có đức tin.

وَٱلنَّـٰشِطَٰتِ نَشۡطٗا ٢

3. Thề bởi các Thiên Thần lướt đi như bơi (từ trên trời xuống đất theo lệnh của Allah).

وَٱلسَّـٰبِحَٰتِ سَبۡحٗا ٣

4. Thề bởi các Thiên Thần luôn nhanh nhẹn và tiên phong (trong việc thực thi mệnh lệnh của Allah).

فَٱلسَّـٰبِقَٰتِ سَبۡقٗا ٤

5. Thề bởi các Thiên Thần thực thi các lệnh truyền.

فَٱلۡمُدَبِّرَٰتِ أَمۡرٗا ٥

6. Vào Ngày mà tiếng còi Rajifah được thổi.

يَوۡمَ تَرۡجُفُ ٱلرَّاجِفَةُ ٦

7. Tiếp theo là tiếng còi Radifah.

تَتۡبَعُهَا ٱلرَّادِفَةُ ٧

8. Vào Ngày đó, các con tim sẽ đập mạnh.

قُلُوبٞ يَوۡمَئِذٖ وَاجِفَةٌ ٨

9. Những cặp mắt sẽ sợ hãi.

أَبۡصَٰرُهَا خَٰشِعَةٞ ٩

10. (Những kẻ không tin) thường bảo: “Chúng ta sẽ thực sự được trở lại trạng thái (cuộc sống) trước đây (của chúng ta) ư?”

يَقُولُونَ أَءِنَّا لَمَرۡدُودُونَ فِي ٱلۡحَافِرَةِ ١٠

11. “Ngay cả khi chúng ta đã là những khúc xương rã mục ư?”

أَءِذَا كُنَّا عِظَٰمٗا نَّخِرَةٗ ١١

12. Chúng nói: “Nếu vậy thì đó sẽ là một sự trở lại mất mát và thua thiệt!”

قَالُواْ تِلۡكَ إِذٗا كَرَّةٌ خَاسِرَةٞ ١٢

13. Quả thật, (lệnh tập trung rất đơn giản), nó chỉ là một tiếng còi hụ duy nhất.

فَإِنَّمَا هِيَ زَجۡرَةٞ وَٰحِدَةٞ ١٣

14. Lập tức mọi sự sống sẽ nổi lên trên mặt đất.

فَإِذَا هُم بِٱلسَّاهِرَةِ ١٤

[i] (1) Các Thiên Thần Giật Mạnh Linh Hồn Của Những Kẻ Vô Đức Tin

15. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã nghe câu chuyện về Musa chưa?

هَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ مُوسَىٰٓ ١٥

16. Lúc Thượng Đế của Y gọi Y nơi thung lũng thiêng liêng của ngọn núi Tuwa.

إِذۡ نَادَىٰهُ رَبُّهُۥ بِٱلۡوَادِ ٱلۡمُقَدَّسِ طُوًى ١٦

17. (Ngài phán bảo Y): "Ngươi hãy đi gặp Pha-ra-ông. Hắn quả thật đã quá mức tội lỗi."

ٱذۡهَبۡ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ إِنَّهُۥ طَغَىٰ ١٧

18. "Ngươi hãy nói với hắn: Ngài có muốn được tẩy sạch tội lỗi không?"

فَقُلۡ هَل لَّكَ إِلَىٰٓ أَن تَزَكَّىٰ ١٨

19. "Tôi sẽ hướng dẫn ngài đến với Thượng Đế của ngài mong rằng ngài sẽ biết kính sợ."

وَأَهۡدِيَكَ إِلَىٰ رَبِّكَ فَتَخۡشَىٰ ١٩

20. (Sau đó) Musa đã cho (Pha-ra-ông) xem một phép lạ vĩ đại.

فَأَرَىٰهُ ٱلۡأٓيَةَ ٱلۡكُبۡرَىٰ ٢٠

21. Tuy nhiên, (Pha-ra-ông) đã phủ nhận và không theo.

فَكَذَّبَ وَعَصَىٰ ٢١

22. Rồi hắn quay mặt bỏ đi và cố tìm cách chống lại.

ثُمَّ أَدۡبَرَ يَسۡعَىٰ ٢٢

23. Rồi hắn đã triệu tập dân chúng và tuyên bố.

فَحَشَرَ فَنَادَىٰ ٢٣

24. Hắn nói: "Ta chính là Thượng Đế tối cao của các ngươi."

فَقَالَ أَنَا۠ رَبُّكُمُ ٱلۡأَعۡلَىٰ ٢٤

25. Vì vậy, Allah đã trừng phạt hắn với hình phạt của Đời Sau và đời này.

فَأَخَذَهُ ٱللَّهُ نَكَالَ ٱلۡأٓخِرَةِ وَٱلۡأُولَىٰٓ ٢٥

26. Quả thật, trong câu chuyện đó là một bài học cho ai biết kính sợ (Allah).

إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَعِبۡرَةٗ لِّمَن يَخۡشَىٰٓ ٢٦

27. Việc tạo các ngươi khó hay việc TA đã dựng bầu trời khó hơn?

ءَأَنتُمۡ أَشَدُّ خَلۡقًا أَمِ ٱلسَّمَآءُۚ بَنَىٰهَا ٢٧

28. Ngài (Allah) đã nhấc (bầu trời) lên cao và cân đối nó.

رَفَعَ سَمۡكَهَا فَسَوَّىٰهَا ٢٨

29. Ngài đã làm cho ban đêm của nó trở thành tối và làm cho nó sáng trở lại vào ban mai.

وَأَغۡطَشَ لَيۡلَهَا وَأَخۡرَجَ ضُحَىٰهَا ٢٩

30. Sau đó, Ngài đã trải rộng mặt đất bằng phẳng.

وَٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ ذَٰلِكَ دَحَىٰهَآ ٣٠

31. Từ đất, Ngài đã cho nước phún ra và làm mọc ra những đồng cỏ.

أَخۡرَجَ مِنۡهَا مَآءَهَا وَمَرۡعَىٰهَا ٣١

32. Và những quả núi, Ngài đã đặt chúng vững chắc.

وَٱلۡجِبَالَ أَرۡسَىٰهَا ٣٢

33. (Tất cả) đều là nguồn lợi cho các ngươi và gia súc của các ngươi.

مَتَٰعٗا لَّكُمۡ وَلِأَنۡعَٰمِكُمۡ ٣٣

34. Nhưng khi đại họa xảy đến.

فَإِذَا جَآءَتِ ٱلطَّآمَّةُ ٱلۡكُبۡرَىٰ ٣٤

35. Đó là Ngày mà con người sẽ nhớ lại tất cả những gì mình đã làm (trên thế gian).

يَوۡمَ يَتَذَكَّرُ ٱلۡإِنسَٰنُ مَا سَعَىٰ ٣٥

36. (Vào Ngày đó), Hỏa Ngục sẽ được phơi bày cho nhìn thấy.

وَبُرِّزَتِ ٱلۡجَحِيمُ لِمَن يَرَىٰ ٣٦

37. Đối với ai vượt quá giới hạn (của Allah).

فَأَمَّا مَن طَغَىٰ ٣٧

38. Và yêu thích đời sống trần tục này.

وَءَاثَرَ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا ٣٨

39. Chắc chắn Hỏa Ngục sẽ là nơi trú ngụ.

فَإِنَّ ٱلۡجَحِيمَ هِيَ ٱلۡمَأۡوَىٰ ٣٩

40. Đối với người kính sợ Thượng Đế của y và luôn ngăn cản bản thân tránh những dục vọng thấp hèn.

وَأَمَّا مَنۡ خَافَ مَقَامَ رَبِّهِۦ وَنَهَى ٱلنَّفۡسَ عَنِ
ٱلۡهَوَىٰ ٤٠

41. Chắc chắn Thiên Đàng sẽ là chỗ ở.

فَإِنَّ ٱلۡجَنَّةَ هِيَ ٱلۡمَأۡوَىٰ ٤١

42. (Những kẻ phủ nhận Sự Phục Sinh), chúng thường hỏi Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) về giờ khắc đó khi nào sẽ xảy đến.

يَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلسَّاعَةِ أَيَّانَ مُرۡسَىٰهَا ٤٢

43. Ngươi chẳng cần lo ngại gì để nói về điều đó (bởi Ngươi không hề biết).

فِيمَ أَنتَ مِن ذِكۡرَىٰهَآ ٤٣

44. Chỉ Thượng Đế của Ngươi mới thực sự biết thời hạn của nó.

إِلَىٰ رَبِّكَ مُنتَهَىٰهَآ ٤٤

45. Quả thật, Ngươi chỉ là một người cảnh báo cho những ai có lòng kính sợ.

إِنَّمَآ أَنتَ مُنذِرُ مَن يَخۡشَىٰهَا ٤٥

46. Vào Ngày chúng nhìn thấy nó, chúng sẽ cảm thấy như thể chúng đã ở lại trần gian chỉ trong một buổi chiều hoặc chỉ trong một buổi sáng!

كَأَنَّهُمۡ يَوۡمَ يَرَوۡنَهَا لَمۡ يَلۡبَثُوٓاْ إِلَّا عَشِيَّةً أَوۡ
ضُحَىٰهَا ٤٦

'Abasa (Y Cau Mày) عبس

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Y (Muhammad) cau mày và quay mặt sang phía khác.	عَبَسَ وَتَوَلَّىٰٓ ١
2. Do một người mù đã đến gặp Y.	أَن جَآءَهُ ٱلۡأَعۡمَىٰ ٢
3. (Này Muhammad), Ngươi biết điều gì chăng? Biết đâu người đàn ông (mù) đó sẽ được tẩy sạch.	وَمَا يُدۡرِيكَ لَعَلَّهُۥ يَزَّكَّىٰٓ ٣
4. Hoặc được nhắc nhở và điều nhắc nhở đó mang lại điều hữu ích cho y.	أَوۡ يَذَّكَّرُ فَتَنفَعَهُ ٱلذِّكۡرَىٰٓ ٤
5. Đối với kẻ tự cho là mình giàu có và đầy đủ.	أَمَّا مَنِ ٱسۡتَغۡنَىٰ ٥
6. Ngươi lại ân cần với hắn.	فَأَنتَ لَهُۥ تَصَدَّىٰ ٦
7. Và Ngươi phải chịu trách nhiệm gì nếu người mù đó không được tẩy sạch.	وَمَا عَلَيۡكَ أَلَّا يَزَّكَّىٰ ٧
8. Còn đối với ai hối hả chạy đến Ngươi.	وَأَمَّا مَن جَآءَكَ يَسۡعَىٰ ٨
9. Vì thực sự kính sợ (Allah).	وَهُوَ يَخۡشَىٰ ٩
10. Ngươi lại lơ là và thờ ơ với y.	فَأَنتَ عَنۡهُ تَلَهَّىٰ ١٠
11. Không, đây thực sự là một lời cảnh tỉnh.	كَلَّآ إِنَّهَا تَذۡكِرَةٞ ١١
12. Vì vậy, ai muốn thì hãy nhớ lấy.	فَمَن شَآءَ ذَكَرَهُۥ ١٢
13. Những điều trong các tờ Kinh cao quý.	فِي صُحُفٖ مُّكَرَّمَةٖ ١٣
14. Uyên thâm, tinh khiết.	مَّرۡفُوعَةٖ مُّطَهَّرَةِۭ ١٤
15. Do bàn tay của các vị Thiên Thần	بِأَيۡدِي سَفَرَةٖ ١٥

16. Vinh dự và đạo đức (ghi chép).

كِرَامِۭ بَرَرَةٖ ١٦

17. Thật vậy, con người đáng muôn chết, sao y lại dám phủ nhận Ngài (Allah)?

قُتِلَ ٱلۡإِنسَٰنُ مَآ أَكۡفَرَهُۥ ١٧

18. Từ cái gì y được Ngài tạo ra?

مِنۡ أَيِّ شَيۡءٍ خَلَقَهُۥ ١٨

19. Từ một giọt tịnh dịch rồi được ấn định hình hài.

مِن نُّطۡفَةٍ خَلَقَهُۥ فَقَدَّرَهُۥ ١٩

20. Rồi, y được mở cho con đường dễ dàng (trong cuộc sống).

ثُمَّ ٱلسَّبِيلَ يَسَّرَهُۥ ٢٠

21. Rồi Ngài làm cho y chết đi và cho y xuống mộ.

ثُمَّ أَمَاتَهُۥ فَأَقۡبَرَهُۥ ٢١

22. Rồi khi muốn, Ngài sẽ làm cho y sống lại.

ثُمَّ إِذَا شَآءَ أَنشَرَهُۥ ٢٢

23. Quả thật, con người không thi hành theo mệnh lệnh của Ngài.

كَلَّا لَمَّا يَقۡضِ مَآ أَمَرَهُۥ ٢٣

24. Con người hãy nhìn thức ăn của y xem.

فَلۡيَنظُرِ ٱلۡإِنسَٰنُ إِلَىٰ طَعَامِهِۦٓ ٢٤

25. Quả thật, TA (Allah) đã xối nước xuống dồi dào.

أَنَّا صَبَبۡنَا ٱلۡمَآءَ صَبّٗا ٢٥

26. Rồi TA đã làm đất nứt thành mảnh.

ثُمَّ شَقَقۡنَا ٱلۡأَرۡضَ شَقّٗا ٢٦

27. TA làm mọc ra các hạt trong đó.

فَأَنۢبَتۡنَا فِيهَا حَبّٗا ٢٧

28. Nho và rau cải xanh tươi.

وَعِنَبٗا وَقَضۡبٗا ٢٨

29. Ô liu và chà là.

وَزَيۡتُونٗا وَنَخۡلٗا ٢٩

30. Và những khu vườn rậm rạp.

وَحَدَآئِقَ غُلۡبٗا ٣٠

31. Và trái quả và cây cỏ.

وَفَٰكِهَةٗ وَأَبّٗا ٣١

32. Một nguồn lương thực cho các ngươi và gia súc của các ngươi.

مَّتَٰعٗا لَّكُمۡ وَلِأَنۡعَٰمِكُمۡ ٣٢

33. Nhưng khi tiếng còi hụ chát chúa xảy đến.	فَإِذَا جَآءَتِ ٱلصَّآخَّةُ ٣٣
34. Đó là Ngày mà mỗi người sẽ chạy bỏ anh em của mình.	يَوْمَ يَفِرُّ ٱلْمَرْءُ مِنْ أَخِيهِ ٣٤
35. Bỏ mẹ bỏ cha.	وَأُمِّهِۦ وَأَبِيهِ ٣٥
36. Bỏ vợ và con cái.	وَصَـٰحِبَتِهِۦ وَبَنِيهِ ٣٦
37. Vào Ngày đó, mỗi người quá lo âu cho bản thân mình đến nỗi quên bẵng đi người khác.	لِكُلِّ ٱمْرِئٍ مِّنْهُمْ يَوْمَئِذٍ شَأْنٌ يُغْنِيهِ ٣٧
38. Vào Ngày đó, có những gương mặt sẽ sáng rỡ.	وُجُوهٌ يَوْمَئِذٍ مُّسْفِرَةٌ ٣٨
39. Tươi cười với những tin vui.	ضَاحِكَةٌ مُّسْتَبْشِرَةٌ ٣٩
40. Và vào Ngày đó cũng có những gương mặt sẽ bị phủ đầy bụi.	وَوُجُوهٌ يَوْمَئِذٍ عَلَيْهَا غَبَرَةٌ ٤٠
41. Đen đúa và âu sầu.	تَرْهَقُهَا قَتَرَةٌ ٤١
42. Đó là những kẻ vô đức tin, tội lỗi, xấu xa.	أُو۟لَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلْكَفَرَةُ ٱلْفَجَرَةُ ٤٢

At-Takwir (Sự Cuốn Xếp, Thu Gọn) التكوير

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Khi mặt trời cuốn xếp lại và mất đi ánh sáng.

إِذَا ٱلشَّمۡسُ كُوِّرَتۡ ١

2. Khi các vì sao rơi và phân tán.

وَإِذَا ٱلنُّجُومُ ٱنكَدَرَتۡ ٢

3. Khi những ngọn núi bị dời đi mất dạng.

وَإِذَا ٱلۡجِبَالُ سُيِّرَتۡ ٣

4. Khi những con lạc đà cái mang thai bị bỏ bê, không ai trông nom.

وَإِذَا ٱلۡعِشَارُ عُطِّلَتۡ ٤

5. Khi những con thú hoang được tập hợp lại với nhau.

وَإِذَا ٱلۡوُحُوشُ حُشِرَتۡ ٥

6. Khi các biển dâng trào đầy những ngọn lửa.

وَإِذَا ٱلۡبِحَارُ سُجِّرَتۡ ٦

7. Khi các linh hồn được kết đôi (được nhập lại với thể xác).

وَإِذَا ٱلنُّفُوسُ زُوِّجَتۡ ٧

8. Khi các đứa bé gái bị chôn sống sẽ được tra hỏi:

وَإِذَا ٱلۡمَوۡءُۥدَةُ سُئِلَتۡ ٨

9. Vì tội gì mà chúng đã bị giết?

بِأَيِّ ذَنۢبٖ قُتِلَتۡ ٩

10. Khi các tờ sớ (ghi chép các việc làm của mỗi người) được mở ra.

وَإِذَا ٱلصُّحُفُ نُشِرَتۡ ١٠

11. Khi bầu trời bị lột trần trụi.

وَإِذَا ٱلسَّمَآءُ كُشِطَتۡ ١١

12. Khi Hỏa Ngục được đốt lên cháy rực.

وَإِذَا ٱلۡجَحِيمُ سُعِّرَتۡ ١٢

13. Khi Thiên Đàng được mang tới gần.

وَإِذَا ٱلۡجَنَّةُ أُزۡلِفَتۡ ١٣

14. (Lúc đó), mỗi linh hồn sẽ biết rõ mình đã mang theo những gì.

عَلِمَتۡ نَفۡسٞ مَّآ أَحۡضَرَتۡ ١٤

15. TA (Allah) thề bởi các vì sao lặn khuất.

فَلَآ أُقۡسِمُ بِٱلۡخُنَّسِ ١٥

16. Di chuyển nhanh và biến mất.

ٱلۡجَوَارِ ٱلۡكُنَّسِ ١٦

17. (TA thề) bởi ban đêm khi nó ra đi.	وَٱلَّيۡلِ إِذَا عَسۡعَسَ ﴿١٧﴾
18. (TA thề) bởi bình minh khi nó thở.	وَٱلصُّبۡحِ إِذَا تَنَفَّسَ ﴿١٨﴾
19. Quả thật, (Qur'an) là lời của một vị Sứ Giả vinh dự (Đại Thiên Thần Jibril).	إِنَّهُۥ لَقَوۡلُ رَسُولٖ كَرِيمٖ ﴿١٩﴾
20. Được Đấng Chủ Nhân của chiếc Ngai vương trên cao ban cho quyền lực và địa vị.	ذِي قُوَّةٍ عِندَ ذِي ٱلۡعَرۡشِ مَكِينٖ ﴿٢٠﴾
21. Được (các Thiên Thần dưới quyền) tuân theo và được tin cậy.	مُّطَاعٖ ثَمَّ أَمِينٖ ﴿٢١﴾
22. (Quả thật), người bạn của các ngươi (Muhammad) không phải là một kẻ mất trí.	وَمَا صَاحِبُكُم بِمَجۡنُونٖ ﴿٢٢﴾
23. Y thực sự đã nhìn thấy Đại Thiên thần Jibril ở chân trời quang đãng.	وَلَقَدۡ رَءَاهُ بِٱلۡأُفُقِ ٱلۡمُبِينِ ﴿٢٣﴾
24. Y không giữ cho riêng mình điều huyền bí nào cả.	وَمَا هُوَ عَلَى ٱلۡغَيۡبِ بِضَنِينٖ ﴿٢٤﴾
25. Và (Qur'an) không phải là lời của Shaytan bị tống khứ.	وَمَا هُوَ بِقَوۡلِ شَيۡطَٰنٖ رَّجِيمٖ ﴿٢٥﴾
26. Vậy các ngươi đi đâu?	فَأَيۡنَ تَذۡهَبُونَ ﴿٢٦﴾
27. Quả thật, (Qur'an) chỉ là lời nhắc nhở cho muôn loài.	إِنۡ هُوَ إِلَّا ذِكۡرٞ لِّلۡعَٰلَمِينَ ﴿٢٧﴾
28. Đối với bất cứ ai trong các ngươi muốn đi trên con đường ngay thẳng.	لِمَن شَآءَ مِنكُمۡ أَن يَسۡتَقِيمَ ﴿٢٨﴾
29. Tuy nhiên, những gì các ngươi muốn sẽ không thành trừ phi Thượng Đế của vũ trụ và muôn loài muốn và chấp thuận.	وَمَا تَشَآءُونَ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ رَبُّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٢٩﴾

Al-Infitar (Sự Phân Tách) الإنفطار

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Khi bầu trời bị phân tách.	إِذَا ٱلسَّمَآءُ ٱنفَطَرَتۡ ١
2. Khi các vì sao rơi, tán xạ.	وَإِذَا ٱلۡكَوَاكِبُ ٱنتَثَرَتۡ ٢
3. Khi các biển dâng trào.	وَإِذَا ٱلۡبِحَارُ فُجِّرَتۡ ٣
4. Khi các ngôi mộ bị quật lên.	وَإِذَا ٱلۡقُبُورُ بُعۡثِرَتۡ ٤
5. (Lúc đó), mỗi linh hồn sẽ biết những gì nó đã gởi đi trước và những gì còn bỏ lại.	عَلِمَتۡ نَفۡسٞ مَّا قَدَّمَتۡ وَأَخَّرَتۡ ٥
6. Này hỡi con người! Điều gì đã đánh lừa ngươi về Thượng Đế của ngươi, Đấng vô cùng quảng đại.	يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡإِنسَٰنُ مَا غَرَّكَ بِرَبِّكَ ٱلۡكَرِيمِ ٦
7. Đấng đã tạo ra các ngươi, ban cho các ngươi hình thể và cân đối các ngươi.	ٱلَّذِي خَلَقَكَ فَسَوَّىٰكَ فَعَدَلَكَ ٧
8. Ngài đã tạo ra các ngươi theo hình thể nào mà Ngài muốn.	فِيٓ أَيِّ صُورَةٖ مَّا شَآءَ رَكَّبَكَ ٨
9. Nhưng các ngươi đã phủ nhận việc phán xét, thưởng phạt.	كَلَّا بَلۡ تُكَذِّبُونَ بِٱلدِّينِ ٩
10. Quả thật, các ngươi luôn có các (Thiên Thần) canh chừng và theo dõi.	وَإِنَّ عَلَيۡكُمۡ لَحَٰفِظِينَ ١٠
11. Họ là những vị ghi chép đáng tôn kính.	كِرَامٗا كَٰتِبِينَ ١١
12. Họ biết rõ mọi điều các ngươi làm.	يَعۡلَمُونَ مَا تَفۡعَلُونَ ١٢
13. Thật vậy, người ngoan đạo chắc chắn sẽ ở trong Thiên Đàng hạnh phúc.	إِنَّ ٱلۡأَبۡرَارَ لَفِي نَعِيمٖ ١٣
14. Còn những kẻ tội lỗi chắc chắn sẽ bị đày vào Hỏa Ngục.	وَإِنَّ ٱلۡفُجَّارَ لَفِي جَحِيمٖ ١٤
15. Chúng sẽ bị đốt trong đó vào Ngày Thưởng Phạt.	يَصۡلَوۡنَهَا يَوۡمَ ٱلدِّينِ ١٥
16. Chúng sẽ không bao giờ vắng mặt ở nơi đó.	وَمَا هُمۡ عَنۡهَا بِغَآئِبِينَ ١٦

17. Điều gì cho ngươi biết thế nào là Ngày Thưởng Phạt?	وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا يَوۡمُ ٱلدِّينِ ١٧
18. Rồi điều gì cho ngươi biết thế nào là Ngày Thưởng Phạt?	ثُمَّ مَآ أَدۡرَىٰكَ مَا يَوۡمُ ٱلدِّينِ ١٨
19. Đó là Ngày mà không một linh hồn nào có thể giúp ích một điều gì cho một linh hồn khác, bởi lẽ vào Ngày đó mọi mệnh lệnh đều thuộc về riêng một mình Allah.	يَوۡمَ لَا تَمۡلِكُ نَفۡسٞ لِّنَفۡسٖ شَيۡـٔٗاۖ وَٱلۡأَمۡرُ يَوۡمَئِذٖ لِّلَّهِ ١٩

Al-Mutaffifin (Những Kẻ Giân Lận) المطففين

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thật khốn thay cho những kẻ gian lận.

وَيۡلٞ لِّلۡمُطَفِّفِينَ ١

2. Những kẻ mà khi nhận của người thì đòi cho đủ.

ٱلَّذِينَ إِذَا ٱكۡتَالُواْ عَلَى ٱلنَّاسِ يَسۡتَوۡفُونَ ٢

3. Nhưng khi đong hoặc cân cho người thì lại cân và đong thiếu.

وَإِذَا كَالُوهُمۡ أَو وَّزَنُوهُمۡ يُخۡسِرُونَ ٣

4. Có phải những kẻ đó nghĩ rằng họ sẽ không được phục sinh?

أَلَا يَظُنُّ أُوْلَٰٓئِكَ أَنَّهُم مَّبۡعُوثُونَ ٤

5. Cho một Ngày vĩ đại?

لِيَوۡمٍ عَظِيمٖ ٥

6. Ngày mà nhân loại sẽ đứng trình diện trước Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật.

يَوۡمَ يَقُومُ ٱلنَّاسُ لِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦

7. Không. Hồ sơ của những kẻ tội lỗi thực sự nằm trong Sijjin.

كَلَّآ إِنَّ كِتَٰبَ ٱلۡفُجَّارِ لَفِي سِجِّينٖ ٧

8. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có biết Sijjin là gì không?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا سِجِّينٞ ٨

9. Đó là một quyển sổ ghi chép.

كِتَٰبٞ مَّرۡقُومٞ ٩

10. Ngày đó sẽ là một thảm họa cho những kẻ phủ nhận (sự thật).

وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ١٠

11. Những kẻ đã phủ nhận Ngày Thưởng Phạt.

ٱلَّذِينَ يُكَذِّبُونَ بِيَوۡمِ ٱلدِّينِ ١١

12. Không ai phủ nhận Ngày đó ngoại trừ những kẻ tội lỗi vượt quá giới hạn.

وَمَا يُكَذِّبُ بِهِۦٓ إِلَّا كُلُّ مُعۡتَدٍ أَثِيمٍ ١٢

13. Khi các Lời Mặc Khải của TA được đọc lên, kẻ phủ nhận nói: “Chỉ là những câu chuyện của thời xa xưa!”.

إِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِ ءَايَٰتُنَا قَالَ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٣

14. Không! Đúng hơn, trái tim của chúng đã bị chai sạn vì những việc làm xấu xa của chúng.

كَلَّاۖ بَلۡۜ رَانَ عَلَىٰ قُلُوبِهِم مَّا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ١٤

15. Không! Vào Ngày đó, chắc chắn chúng sẽ bị che khuất khỏi Thượng Đế của chúng.

كَلَّآ إِنَّهُمۡ عَن رَّبِّهِمۡ يَوۡمَئِذٖ لَّمَحۡجُوبُونَ ١٥

16. Rồi chúng chắc chắn sẽ bị đày vào Hỏa Ngục.

ثُمَّ إِنَّهُمۡ لَصَالُواْ ٱلۡجَحِيمِ ١٦

17. Rồi sẽ có lời bảo chúng: “Đây chính là điều mà các ngươi đã thường phủ nhận.”

ثُمَّ يُقَالُ هَٰذَا ٱلَّذِي كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ١٧

18. Quả thật, hồ sơ của những người ngoan đạo nằm trong ‘Illi-yin.

كَلَّآ إِنَّ كِتَٰبَ ٱلۡأَبۡرَارِ لَفِي عِلِّيِّينَ ١٨

19. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) biết gì về ‘Illi-yin?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا عِلِّيُّونَ ١٩

20. Đó là một quyển sổ ghi chép.

كِتَٰبٞ مَّرۡقُومٞ ٢٠

21. Được các Thiên Thần gần kề nơi Allah xác nhận.

يَشۡهَدُهُ ٱلۡمُقَرَّبُونَ ٢١

22. Thật vậy, những người ngoan đạo và đức hạnh sẽ ở trong Thiên Đàng hạnh phúc.

إِنَّ ٱلۡأَبۡرَارَ لَفِي نَعِيمٍ ٢٢

23. Họ sẽ nghỉ ngơi trên những chiếc ghế dài có lưng tựa, ngắm nhìn xung quanh.

عَلَى ٱلۡأَرَآئِكِ يَنظُرُونَ ٢٣

24. Ngươi sẽ nhận ra trên khuôn mặt họ sự rạng rỡ của niềm vui và hạnh phúc.

تَعۡرِفُ فِي وُجُوهِهِمۡ نَضۡرَةَ ٱلنَّعِيمِ ٢٤

25. Họ sẽ được cho uống một loại rượu (nguyên chất) tinh khiết được đậy kín.

يُسۡقَوۡنَ مِن رَّحِيقٖ مَّخۡتُومٍ ٢٥

26. Mùi vị cuối cùng của nó là xạ hương. Vì vậy, hãy để tất cả những người khao khát thi đua cạnh tranh (giành lấy nó).

خِتَٰمُهُۥ مِسۡكٞۚ وَفِي ذَٰلِكَ فَلۡيَتَنَافَسِ
ٱلۡمُتَنَٰفِسُونَ ٢٦

27. Và nó được pha với một hỗn hợp Tasnim.

وَمِزَاجُهُۥ مِن تَسۡنِيمٍ ٢٧

28. Được lấy từ ngọn suối chỉ để dành cho những người gần (Allah) nhất uống.

عَيۡنٗا يَشۡرَبُ بِهَا ٱلۡمُقَرَّبُونَ ٢٨

29. Quả thật, những kẻ tội lỗi đã thường cười chê những người có đức tin.

إِنَّ ٱلَّذِينَ أَجۡرَمُواْ كَانُواْ مِنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
يَضۡحَكُونَ ٢٩

30. Mỗi khi chúng đi ngang qua họ, chúng thường nháy mắt với nhau (thể hiện những cái nhìn chế nhạo).

وَإِذَا مَرُّواْ بِهِمۡ يَتَغَامَزُونَ ٣٠

31. Và khi chúng trở lại với phe của chúng, chúng mang về điều chế giễu và nhạo báng.

وَإِذَا ٱنقَلَبُوٓاْ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِمُ ٱنقَلَبُواْ فَكِهِينَ ٣١

32. Và khi nhìn thấy họ, chúng nói với nhau: “Những kẻ này mới chính là những tên lầm lạc!”

وَإِذَا رَأَوۡهُمۡ قَالُوٓاْ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ لَضَآلُّونَ ٣٢

33. Nhưng chúng đâu phải là những người được cử phái đến trông chừng họ.	وَمَآ أُرۡسِلُواْ عَلَيۡهِمۡ حَٰفِظِينَ ٣٣
34. Vì vậy, vào Ngày đó, những người có đức tin sẽ cười chê những kẻ vô đức tin trở lại.	فَٱلۡيَوۡمَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنَ ٱلۡكُفَّارِ يَضۡحَكُونَ ٣٤
35. Họ sẽ nghỉ ngơi trên những chiếc ghế dài có lưng tựa, ngắm nhìn xung quanh.	عَلَى ٱلۡأَرَآئِكِ يَنظُرُونَ ٣٥
36. Những kẻ vô đức tin chắc chắn sẽ được đền bù xứng đáng cho những gì mà chúng đã làm!	هَلۡ ثُوِّبَ ٱلۡكُفَّارُ مَا كَانُواْ يَفۡعَلُونَ ٣٦

Al-Inshiqaq (Sự Vỡ Nứt) الإنشقاق

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Khi bầu trời nứt ra (để các Thiên Thần đi xuống).	إِذَا ٱلسَّمَآءُ ٱنشَقَّتۡ ١
2. Tuân lệnh Thượng Đế của nó, làm những gì nó phải làm.	وَأَذِنَتۡ لِرَبِّهَا وَحُقَّتۡ ٢
3. Khi trái đất được trải rộng.	وَإِذَا ٱلۡأَرۡضُ مُدَّتۡ ٣
4. Ném những gì nằm trong nó ra ngoài và trở thành trống rỗng.	وَأَلۡقَتۡ مَا فِيهَا وَتَخَلَّتۡ ٤
5. Tuân lệnh Thượng Đế của nó, làm những gì nó phải làm.	وَأَذِنَتۡ لِرَبِّهَا وَحُقَّتۡ ٥
6. Hỡi con người! Ngươi thực sự đang nỗ lực phấn đấu để đến với Thượng Đế của ngươi, và ngươi sẽ gặp Ngài (để Ngài phán xét và thưởng phạt).	يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡإِنسَٰنُ إِنَّكَ كَادِحٌ إِلَىٰ رَبِّكَ كَدۡحٗا فَمُلَٰقِيهِ ٦
7. Vì vậy, đối với ai được trao cho quyển sổ từ nơi tay phải của mình.	فَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ بِيَمِينِهِۦ ٧
8. Y sẽ được thanh toán bằng một sự thanh toán đơn giản.	فَسَوۡفَ يُحَاسَبُ حِسَابٗا يَسِيرٗا ٨
9. Và sẽ trở về với gia đình trong niềm hạnh phúc.	وَيَنقَلِبُ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِۦ مَسۡرُورٗا ٩
10. Nhưng đối với ai được trao cho quyển sổ từ sau lưng của y.	وَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ وَرَآءَ ظَهۡرِهِۦ ١٠
11. Y sẽ kêu gào muốn được chết cho xong.	فَسَوۡفَ يَدۡعُواْ ثُبُورٗا ١١
12. Và sẽ vào ngọn lửa cháy bùng.	وَيَصۡلَىٰ سَعِيرًا ١٢
13. Thật vậy, y đã từng sống vui vẻ và hạnh phúc giữa những người thân của y.	إِنَّهُۥ كَانَ فِيٓ أَهۡلِهِۦ مَسۡرُورًا ١٣
14. Y đã thường nghĩ rằng y sẽ không bao giờ trở lại (với Allah).	إِنَّهُۥ ظَنَّ أَن لَّن يَحُورَ ١٤
15. Nhưng không; (làm sao mà y sẽ không trở lại)? Quả thật, Thượng Đế của y luôn theo dõi và giám sát y.	بَلَىٰٓۚ إِنَّ رَبَّهُۥ كَانَ بِهِۦ بَصِيرٗا ١٥

16. Vì vậy, TA (Allah) thề bởi ánh hoàng hôn.	فَلَآ أُقۡسِمُ بِٱلشَّفَقِ ١٦
17. Thề bởi ban đêm và những gì nó bao trùm.	وَٱلَّيۡلِ وَمَا وَسَقَ ١٧
18. Thề bởi vầng trăng khi nó tròn đầy đặn.	وَٱلۡقَمَرِ إِذَا ٱتَّسَقَ ١٨
19. (Rằng) các ngươi chắc chắn sẽ trải qua những chặn đường và giai đoạn.	لَتَرۡكَبُنَّ طَبَقًا عَن طَبَقٖ ١٩
20. Nhưng chuyện gì khiến chúng (những kẻ vô đức tin) không tin?	فَمَا لَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ٢٠
21. Khi nghe đọc Qur'an, chúng đã không quỳ lạy phủ phục.	وَإِذَا قُرِئَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقُرۡءَانُ لَا يَسۡجُدُونَ۩ ٢١
22. Thay vào đó, những kẻ không tin chỉ biết phủ nhận.	بَلِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يُكَذِّبُونَ ٢٢
23. Allah biết rõ những điều chúng giấu giếm.	وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا يُوعُونَ ٢٣
24. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy báo cho chúng về một sự trừng phạt đau đớn.	فَبَشِّرۡهُم بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ٢٤
25. Ngoại trừ những người có đức tin và hành thiện, họ sẽ được ban thưởng một phần thưởng vô tận.	إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمۡ أَجۡرٌ غَيۡرُ مَمۡنُونِۭ ٢٥

Al-Buruj (Các Chòm Sao) البروج

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi bầu trời chứa các chòm sao.

وَٱلسَّمَآءِ ذَاتِ ٱلۡبُرُوجِ ١

2. Thề bởi Ngày đã hứa.

وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡمَوۡعُودِ ٢

3. Thề bởi người chứng kiến và điều được chứng kiến.

وَشَاهِدٖ وَمَشۡهُودٖ ٣

4. Đám người Ukhdud(1) thật đáng bị nguyền rủa.[i]

قُتِلَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡأُخۡدُودِ ٤

5. Lửa (trong đó) được đốt bằng củi.

ٱلنَّارِ ذَاتِ ٱلۡوَقُودِ ٥

6. Chúng ngồi xung quanh bên trên nó nhìn ngắm.

إِذۡ هُمۡ عَلَيۡهَا قُعُودٞ ٦

7. Chúng chứng kiến những gì chúng đang làm đối với những người có đức tin.

وَهُمۡ عَلَىٰ مَا يَفۡعَلُونَ بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ شُهُودٞ ٧

8. Lý do khiến chúng hận thù họ chỉ vì họ có đức tin nơi Allah, Đấng Chí Tôn, Đấng Đáng Ca Ngợi.

وَمَا نَقَمُواْ مِنۡهُمۡ إِلَّآ أَن يُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ
ٱلۡحَمِيدِ ٨

9. Ngài là Đấng thống trị trời đất, và Allah là Nhân chứng cho mọi sự việc.

ٱلَّذِي لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ شَهِيدٌ ٩

10. Thật vậy, những kẻ đã hành xác những người có đức tin nam và nữ rồi không ăn năn hối cải sẽ bị trừng phạt trong Hỏa Ngục và sẽ bị hình phạt thiêu đốt.

إِنَّ ٱلَّذِينَ فَتَنُواْ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ ثُمَّ لَمۡ يَتُوبُواْ
فَلَهُمۡ عَذَابُ جَهَنَّمَ وَلَهُمۡ عَذَابُ ٱلۡحَرِيقِ ١٠

11. Quả thật, những người có đức tin và hành thiện sẽ được ban thưởng các Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy. Đó là một thành tựu vĩ đại.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمۡ جَنَّٰتٞ
تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡكَبِيرُ ١١

12. Sự túm bắt của Thượng Đế của Ngươi chắc chắn rất dữ dội.

إِنَّ بَطۡشَ رَبِّكَ لَشَدِيدٌ ١٢

13. Thật vậy, chính Ngài là Đấng khởi nguồn (sự tạo hóa) và Ngài là Đấng sẽ lặp lại (nó).

إِنَّهُۥ هُوَ يُبۡدِئُ وَيُعِيدُ ١٣

[i] (1) Một cái hào lớn do một tên vua vô đức tin dùng để hỏa thiêu những người có đức tin nơi Allah.

14. Ngài là Đấng Tha Thứ, Đấng tràn đầy tình thương.	وَهُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلۡوَدُودُ ١٤
15. Ngài là Đấng chủ nhân của chiếc Ngai Vương oai nghiêm và vĩ đại.	ذُو ٱلۡعَرۡشِ ٱلۡمَجِيدُ ١٥
16. Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn.	فَعَّالٞ لِّمَا يُرِيدُ ١٦
17. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã nghe câu chuyện về các đội quân chưa?	هَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ ٱلۡجُنُودِ ١٧
18. Cả câu chuyện của Pha-ra-ông và Thamud?	فِرۡعَوۡنَ وَثَمُودَ ١٨
19. Không. Những kẻ vô đức tin luôn cứ phủ nhận.	بَلِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فِي تَكۡذِيبٖ ١٩
20. (Chắc chắn) Allah sẽ túm lấy chúng từ đằng sau.	وَٱللَّهُ مِن وَرَآئِهِم مُّحِيطُۢ ٢٠
21. Không. Nó là Qur'an vĩ đại và thiêng liêng.	بَلۡ هُوَ قُرۡءَانٞ مَّجِيدٞ ٢١
22. Trong Al-Lawhu Al-Mahfuzh (Bản Văn Lưu Trữ) trên cao.	فِي لَوۡحٖ مَّحۡفُوظِۭ ٢٢

At-Tariq (Khách Viếng Đêm Hoặc Sao Mai) الطارق

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi bầu trời và khách viếng đêm.	وَٱلسَّمَآءِ وَٱلطَّارِقِ ١
2. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) biết gì về khách viếng đêm?	وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلطَّارِقُ ٢
3. Đó là vì sao xuyên không (với ánh sáng rực rỡ).	ٱلنَّجۡمُ ٱلثَّاقِبُ ٣
4. Mỗi linh hồn thực sự đều có vị (Thiên Thần) trông coi.	إِن كُلُّ نَفۡسٖ لَّمَّا عَلَيۡهَا حَافِظٞ ٤
5. Vì vậy, hãy để con người quan sát từ những gì y được tạo ra.	فَلۡيَنظُرِ ٱلۡإِنسَٰنُ مِمَّ خُلِقَ ٥
6. Quả thật, y đã được tạo ta từ một giọt nước xuất ra.	خُلِقَ مِن مَّآءٖ دَافِقٖ ٦
7. Từ giữa xương sống và xương sườn.	يَخۡرُجُ مِنۢ بَيۡنِ ٱلصُّلۡبِ وَٱلتَّرَآئِبِ ٧
8. Thật vậy, Ngài (Allah) thừa khả năng tái tạo y trở lại.	إِنَّهُۥ عَلَىٰ رَجۡعِهِۦ لَقَادِرٞ ٨
9. Vào một Ngày mà mọi điều bí mật đều sẽ được đưa ra xét xử.	يَوۡمَ تُبۡلَى ٱلسَّرَآئِرُ ٩
10. Khi đó con người sẽ bất lực và không có bất kỳ người trợ giúp nào.	فَمَا لَهُۥ مِن قُوَّةٖ وَلَا نَاصِرٖ ١٠
11. Thề bởi bầu trời với chu kỳ mưa lặp lại.	وَٱلسَّمَآءِ ذَاتِ ٱلرَّجۡعِ ١١
12. Thề bởi đất đai nứt ra.	وَٱلۡأَرۡضِ ذَاتِ ٱلصَّدۡعِ ١٢
13. Quả thật, (Qur'an) là lời phân biệt (phúc tội, đúng sai).	إِنَّهُۥ لَقَوۡلٞ فَصۡلٞ ١٣
14. Nó không phải là lời bỡn cợt vô ích.	وَمَا هُوَ بِٱلۡهَزۡلِ ١٤
15. Quả thật, (những kẻ phủ nhận) đang định một âm mưu và thủ đoạn.	إِنَّهُمۡ يَكِيدُونَ كَيۡدٗا ١٥
16. Và TA cũng lập một mưu kế.	وَأَكِيدُ كَيۡدٗا ١٦

17. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) cứ để mặc những kẻ vô đức tin, hãy tạm tha cho chúng một lúc.	فَمَهِّلِ ٱلۡكَٰفِرِينَ أَمۡهِلۡهُمۡ رُوَيۡدَۢا ١٧

Al-'Ala (Đấng Tối Cao) الأعلى

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hãy tôn cao đại danh Thượng Đế của Ngươi, Đấng Tối Cao.	سَبِّحِ ٱسۡمَ رَبِّكَ ٱلۡأَعۡلَى ١
2. Đấng đã tạo hóa và cân đối hình thể.	ٱلَّذِي خَلَقَ فَسَوَّىٰ ٢
3. Đấng đã định lượng và hướng dẫn.	وَٱلَّذِي قَدَّرَ فَهَدَىٰ ٣
4. Đấng đã làm mọc ra đồng cỏ (xanh tươi).	وَٱلَّذِيٓ أَخۡرَجَ ٱلۡمَرۡعَىٰ ٤
5. Sau đó, Ngài làm cho nó thành cộng rạ khô.	فَجَعَلَهُۥ غُثَآءً أَحۡوَىٰ ٥
6. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) TA sẽ làm cho Ngươi đọc được (Qur'an) và Ngươi sẽ không bao giờ quên (Nó).	سَنُقۡرِئُكَ فَلَا تَنسَىٰٓ ٦
7. Trừ phi Ngài muốn. Quả thật, Ngài biết rõ những gì được tiết lộ và những gì được che giấu.	إِلَّا مَا شَآءَ ٱللَّهُۚ إِنَّهُۥ يَعۡلَمُ ٱلۡجَهۡرَ وَمَا يَخۡفَىٰ ٧
8. TA sẽ tạo sự dễ dàng và thuận lợi cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad trong việc làm hài lòng TA).	وَنُيَسِّرُكَ لِلۡيُسۡرَىٰ ٨
9. Vì vậy, Ngươi hãy nhắc nhở nếu lời nhắc nhở có lợi.	فَذَكِّرۡ إِن نَّفَعَتِ ٱلذِّكۡرَىٰ ٩
10. Người nào kính sợ (Allah) sẽ được nhắc nhở.	سَيَذَّكَّرُ مَن يَخۡشَىٰ ١٠
11. Nhưng kẻ khốn khổ sẽ tránh xa (Qur'an).	وَيَتَجَنَّبُهَا ٱلۡأَشۡقَى ١١
12. Đó là kẻ sẽ vào Lửa Lớn (của Hỏa Ngục).	ٱلَّذِي يَصۡلَى ٱلنَّارَ ٱلۡكُبۡرَىٰ ١٢
13. Trong đó, y sẽ không chết và cũng không thể sống.	ثُمَّ لَا يَمُوتُ فِيهَا وَلَا يَحۡيَىٰ ١٣
14. Chắc chắn sẽ thành công đối với ai thanh lọc bản thân (khỏi tội lỗi),	قَدۡ أَفۡلَحَ مَن تَزَكَّىٰ ١٤
15. Và tụng niệm đại danh của Thượng Đế và chu đáo dâng lễ nguyện Salah.	وَذَكَرَ ٱسۡمَ رَبِّهِۦ فَصَلَّىٰ ١٥
16. Không. Các ngươi thường yêu thích cuộc sống trần gian này.	بَلۡ تُؤۡثِرُونَ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا ١٦

17. Trong khi cuộc sống Đời Sau tốt hơn và mãi mãi trường tồn.	وَٱلۡأٓخِرَةُ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰٓ ١٧
18. Điều này thực sự có ghi trong các tờ Kinh trước đây.	إِنَّ هَٰذَا لَفِي ٱلصُّحُفِ ٱلۡأُولَىٰ ١٨
19. Các tờ Kinh của Ibrahim và Musa.	صُحُفِ إِبۡرَٰهِيمَ وَمُوسَىٰ ١٩

Al-Ghashiyah (Biến Cố Trần Ngập) الغاشية

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có nghe câu chuyện về biến cố tràn ngập chưa?

هَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ ٱلۡغَٰشِيَةِ ١

2. Vào Ngày đó, có những gương mặt sẽ ảm đạm vì sợ hãi.

وُجُوهٞ يَوۡمَئِذٍ خَٰشِعَةٌ ٢

3. Mệt mỏi và kiệt sức.

عَامِلَةٞ نَّاصِبَةٞ ٣

4. Chúng sẽ vào trong Hỏa Ngục cháy bùng.

تَصۡلَىٰ نَارًا حَامِيَةٗ ٤

5. Chúng sẽ được cho uống từ một ngọn suối nước sôi.

تُسۡقَىٰ مِنۡ عَيۡنٍ ءَانِيَةٖ ٥

6. Chúng sẽ không có bất cứ loại thức ăn nào ngoại trừ một loại cây đắng đầy gai góc.

لَّيۡسَ لَهُمۡ طَعَامٌ إِلَّا مِن ضَرِيعٖ ٦

7. Không dinh dưỡng cũng chẳng làm vơi đi cơn đói.

لَّا يُسۡمِنُ وَلَا يُغۡنِي مِن جُوعٖ ٧

8. Vào Ngày đó, có những gương mặt sẽ rạng rỡ hân hoan.

وُجُوهٞ يَوۡمَئِذٖ نَّاعِمَةٞ ٨

9. Hài lòng với sự nỗ lực và phấn đấu của họ.

لِّسَعۡيِهَا رَاضِيَةٞ ٩

10. (Họ sẽ ở) trong một ngôi vườn trên cao.

فِي جَنَّةٍ عَالِيَةٖ ١٠

11. Trong đó, họ sẽ không còn nghe thấy lời sàm bậy.

لَّا تَسۡمَعُ فِيهَا لَٰغِيَةٗ ١١

12. Trong đó, có suối chảy.

فِيهَا عَيۡنٞ جَارِيَةٞ ١٢

13. Trong đó, có các bệ ngồi cao.

فِيهَا سُرُرٞ مَّرۡفُوعَةٞ ١٣

14. Với các cốc thức uống được dọn sẵn.

وَأَكۡوَابٞ مَّوۡضُوعَةٞ ١٤

15. Với những chiếc gối tựa được sắp thành hàng.

وَنَمَارِقُ مَصۡفُوفَةٞ ١٥

16. Có thảm trải xung quanh.

وَزَرَابِيُّ مَبۡثُوثَةٌ ١٦

17. (Những kẻ vô đức tin) không nhìn thấy những con lạc đà được tạo ra như thế nào ư?	أَفَلَا يَنظُرُونَ إِلَى ٱلۡإِبِلِ كَيۡفَ خُلِقَتۡ ١٧
18. (Chúng không nhìn thấy) bầu trời được nhấc lên cao như thế nào sao?	وَإِلَى ٱلسَّمَآءِ كَيۡفَ رُفِعَتۡ ١٨
19. (Chúng không nhìn thấy) các quả núi được dựng đứng vững chắc và kiên cố ra sao ư?	وَإِلَى ٱلۡجِبَالِ كَيۡفَ نُصِبَتۡ ١٩
20. (Chúng không nhìn thấy) trái đất được trải rộng như thế nào sao?	وَإِلَى ٱلۡأَرۡضِ كَيۡفَ سُطِحَتۡ ٢٠
21. Vì vậy, Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nhắc nhở (chúng), quả thật, Ngươi chỉ là một người nhắc nhở.	فَذَكِّرۡ إِنَّمَآ أَنتَ مُذَكِّرٞ ٢١
22. Ngươi không phải là người kiểm soát chúng.	لَّسۡتَ عَلَيۡهِم بِمُصَيۡطِرٍ ٢٢
23. Nhưng nếu ai quay lưng và vô đức tin.	إِلَّا مَن تَوَلَّىٰ وَكَفَرَ ٢٣
24. Allah sẽ trừng phạt y bằng một hình phạt lớn nhất.	فَيُعَذِّبُهُ ٱللَّهُ ٱلۡعَذَابَ ٱلۡأَكۡبَرَ ٢٤
25. Chúng chắc chắn sẽ quay về gặp TA.	إِنَّ إِلَيۡنَآ إِيَابَهُمۡ ٢٥
26. Rồi TA có nhiệm vụ tính sổ chúng.	ثُمَّ إِنَّ عَلَيۡنَا حِسَابَهُم ٢٦

Al-Fajr (Rạng Đông) الفجر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi rạng đông.

وَٱلۡفَجۡرِ ١

2. Thề bởi mười đêm (đầu tiên của tháng Zdul-Hijjah).

وَلَيَالٍ عَشۡرٖ ٢

3. Thề bởi sự chẵn và lẻ (của các sự vật).

وَٱلشَّفۡعِ وَٱلۡوَتۡرِ ٣

4. Thề bởi sự chẵn và lẻ (của các sự vật).

وَٱلَّيۡلِ إِذَا يَسۡرِ ٤

5. Chẳng lẽ đó không phải là một bằng chứng cho những người hiểu biết trong các sự việc đó ư?

هَلۡ فِي ذَٰلِكَ قَسَمٞ لِّذِي حِجۡرٍ ٥

6. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) không thấy Thượng Đế của Ngươi đã đối xử thế nào với đám dân 'Ad sao?

أَلَمۡ تَرَ كَيۡفَ فَعَلَ رَبُّكَ بِعَادٍ ٦

7. (Một dân tộc của thị trấn) Iram có nhiều trụ cột cao.

إِرَمَ ذَاتِ ٱلۡعِمَادِ ٧

8. Nơi mà không có nơi nào được tạo ra giống như nó cả.

ٱلَّتِي لَمۡ يُخۡلَقۡ مِثۡلُهَا فِي ٱلۡبِلَٰدِ ٨

9. Người dân Thamud thì lại đục đá làm nhà trong thung lũng.

وَثَمُودَ ٱلَّذِينَ جَابُواْ ٱلصَّخۡرَ بِٱلۡوَادِ ٩

10. Và Pha-ra-ông, chủ nhân của các trụ cột.

وَفِرۡعَوۡنَ ذِي ٱلۡأَوۡتَادِ ١٠

11. Chúng đã hành động thái quá và tàn bạo trong xứ sở.

ٱلَّذِينَ طَغَوۡاْ فِي ٱلۡبِلَٰدِ ١١

12. Chúng đã làm nhiều tội lỗi trong xứ.

فَأَكۡثَرُواْ فِيهَا ٱلۡفَسَادَ ١٢

13. Vì vậy, Thượng Đế của Ngươi đã giáng xuống chúng những hình phạt.

فَصَبَّ عَلَيۡهِمۡ رَبُّكَ سَوۡطَ عَذَابٍ ١٣

14. Quả thật, Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) luôn theo dõi và quan sát.

إِنَّ رَبَّكَ لَبِٱلۡمِرۡصَادِ ١٤

15. Quả thật, con người khi được Thượng Đế của y thử thách y với danh dự và ân huệ thì y nói: Thượng Đế của tôi đã ban cho tôi niềm vinh dự.

فَأَمَّا ٱلۡإِنسَٰنُ إِذَا مَا ٱبۡتَلَىٰهُ رَبُّهُۥ فَأَكۡرَمَهُۥ
وَنَعَّمَهُۥ فَيَقُولُ رَبِّيٓ أَكۡرَمَنِ ١٥

16. Nhưng khi y bị thử thách với việc thu hẹp bổng lộc thì y lại bảo: Thượng Đế của tôi đã hạ nhục tôi.	وَأَمَّآ إِذَا مَا ٱبۡتَلَىٰهُ فَقَدَرَ عَلَيۡهِ رِزۡقَهُۥ فَيَقُولُ رَبِّيٓ أَهَٰنَنِ ١٦
17. Không. Thật ra các ngươi không yêu quý trẻ mồ côi.	كَلَّاۖ بَل لَّا تُكۡرِمُونَ ٱلۡيَتِيمَ ١٧
18. Các ngươi cũng chẳng khuyến khích nhau nuôi ăn người túng thiếu.	وَلَا تَحَٰٓضُّونَ عَلَىٰ طَعَامِ ٱلۡمِسۡكِينِ ١٨
19. Các ngươi tham lam nuốt chửng tài sản thừa kế.	وَتَأۡكُلُونَ ٱلتُّرَاثَ أَكۡلٗا لَّمّٗا ١٩
20. Các ngươi chỉ biết yêu thích tài sản và của cải một cách quá mức.	وَتُحِبُّونَ ٱلۡمَالَ حُبّٗا جَمّٗا ٢٠
21. Không. Khi trái đất bị nghiền nát thành bụi.	كَلَّآۖ إِذَا دُكَّتِ ٱلۡأَرۡضُ دَكّٗا دَكّٗا ٢١
22. Khi Thượng Đế của Ngươi xuất hiện và các Thiên Thần đứng xếp thành hàng chỉnh tề.	وَجَآءَ رَبُّكَ وَٱلۡمَلَكُ صَفّٗا صَفّٗا ٢٢
23. Và Ngày đó, Hỏa Ngục được mang đến. Ngày đó, con người sẽ thức tỉnh nhưng sự thức tỉnh đó chỉ là vô ích.	وَجِاْيٓءَ يَوۡمَئِذِۭ بِجَهَنَّمَۚ يَوۡمَئِذٖ يَتَذَكَّرُ ٱلۡإِنسَٰنُ وَأَنَّىٰ لَهُ ٱلذِّكۡرَىٰ ٢٣
24. Lúc đó, y sẽ than: Ước gì mình đã gởi đi cho cuộc sống này của mình.	يَقُولُ يَٰلَيۡتَنِي قَدَّمۡتُ لِحَيَاتِي ٢٤
25. Ngày đó, không có ai trừng phạt giống như Ngài trừng phạt.	فَيَوۡمَئِذٖ لَّا يُعَذِّبُ عَذَابَهُۥٓ أَحَدٞ ٢٥
26. Và không có một ai trói giống như Ngài trói cả.	وَلَا يُوثِقُ وَثَاقَهُۥٓ أَحَدٞ ٢٦
27. (Allah phán bảo các linh hồn của những người có đức tin): “Này hỡi linh hồn thanh thản!”	يَٰٓأَيَّتُهَا ٱلنَّفۡسُ ٱلۡمُطۡمَئِنَّةُ ٢٧
28. “Hãy trở về với Thượng Đế của ngươi một cách hài lòng và toại nguyện.”	ٱرۡجِعِيٓ إِلَىٰ رَبِّكِ رَاضِيَةٗ مَّرۡضِيَّةٗ ٢٨
29. “Hãy nhập cùng với những bề tôi đức hạnh của TA.”	فَٱدۡخُلِي فِي عِبَٰدِي ٢٩
30. “Và hãy đi vào Thiên Đàng của TA.”	وَٱدۡخُلِي جَنَّتِي ٣٠

Al-Balad (Vùng Đất Al-Haram) البلد

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. TA thề bởi vùng đất Al-Haram này.

لَآ أُقۡسِمُ بِهَٰذَا ٱلۡبَلَدِ ١

2. Và Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) là một cư dân của vùng đất Al-Haram này.

وَأَنتَ حِلُّۢ بِهَٰذَا ٱلۡبَلَدِ ٢

3. TA thề bởi người cha (của loài người – Adam) và con cháu Y sinh ra.

وَوَالِدٖ وَمَا وَلَدَ ٣

4. Quả thật, TA đã tạo ra con người để đối mặt với sự cực nhọc và vất vả.

لَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ فِي كَبَدٍ ٤

5. Có phải con người nghĩ rằng không ai chế ngự được y?

أَيَحۡسَبُ أَن لَّن يَقۡدِرَ عَلَيۡهِ أَحَدٞ ٥

6. Y nói: “Tôi đã tiêu hao quá nhiều tài sản.”

يَقُولُ أَهۡلَكۡتُ مَالٗا لُّبَدًا ٦

7. Có phải con người tưởng rằng không ai nhìn thấy y?

أَيَحۡسَبُ أَن لَّمۡ يَرَهُۥٓ أَحَدٌ ٧

8. Chẳng phải TA (Allah) đã không tạo cho y đôi mắt (để nhìn ngắm và quan sát)?

أَلَمۡ نَجۡعَل لَّهُۥ عَيۡنَيۡنِ ٨

9. Cùng với chiếc lưỡi và đôi môi?

وَلِسَانٗا وَشَفَتَيۡنِ ٩

10. (Chẳng phải) TA đã hướng dẫn y hai con đường (chính, tà)?

وَهَدَيۡنَٰهُ ٱلنَّجۡدَيۡنِ ١٠

11. Nhưng y đã không vượt qua được con dốc khó khăn.

فَلَا ٱقۡتَحَمَ ٱلۡعَقَبَةَ ١١

12. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có biết con dốc khó khăn đó là gì không?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلۡعَقَبَةُ ١٢

13. Đó là giải phóng nô lệ.

فَكُّ رَقَبَةٍ ١٣

14. Hoặc nuôi ăn vào một ngày đói mèm.

أَوۡ إِطۡعَٰمٞ فِي يَوۡمٖ ذِي مَسۡغَبَةٖ ١٤

15. Một đứa trẻ mồ côi thân thích.

يَتِيمٗا ذَا مَقۡرَبَةٍ ١٥

16. Hoặc một người khó khăn túng thiếu dính bụi đường.

أَوۡ مِسۡكِينٗا ذَا مَتۡرَبَةٖ ١٦

17. Rồi (ngoài những điều này), y còn là một trong những người có đức tin, khuyên nhau nhẫn nhịn, và khuyên nhau về lòng trắc ẩn.	ثُمَّ كَانَ مِنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَتَوَاصَوۡاْ بِٱلصَّبۡرِ وَتَوَاصَوۡاْ بِٱلۡمَرۡحَمَةِ ١٧
18. Đó sẽ là những người bạn của tay phải.	أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَيۡمَنَةِ ١٨
19. Riêng những kẻ vô đức tin với những lời Mặc Khải của TA thì sẽ là những người bạn của tay trái.	وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِنَا هُمۡ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَشۡـَٔمَةِ ١٩
20. Lửa (Hỏa Ngục) sẽ bao trùm lấy chúng.	عَلَيۡهِمۡ نَارٞ مُّؤۡصَدَةُۢ ٢٠

Ash-Shams (Mặt Trời) الشمس

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi mặt trời và khoảng thời gian sau khi nó mọc lên cao.	وَٱلشَّمۡسِ وَضُحَىٰهَا ١
2. Thề bởi mặt trăng khi nó theo sau (mặt trời đã lặn khuất).	وَٱلۡقَمَرِ إِذَا تَلَىٰهَا ٢
3. Thề bởi ban ngày khi nó hiển thị ánh sáng (của mặt trời).	وَٱلنَّهَارِ إِذَا جَلَّىٰهَا ٣
4. Thề bởi ban đêm khi nó che phủ (mặt trời).	وَٱلَّيۡلِ إِذَا يَغۡشَىٰهَا ٤
5. Thề bởi bầu trời và Đấng đã dựng nó.	وَٱلسَّمَآءِ وَمَا بَنَىٰهَا ٥
6. Thề bởi trái đất và Đấng đã trải rộng nó.	وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا طَحَىٰهَا ٦
7. Thề bởi linh hồn và Đấng đã cân đối (hình thể của) nó.	وَنَفۡسٖ وَمَا سَوَّىٰهَا ٧
8. Ngài đã làm cho nó có ý thức và cảm nhận được điều ác và điều thiện.	فَأَلۡهَمَهَا فُجُورَهَا وَتَقۡوَىٰهَا ٨
9. Người thanh tẩy nó chắc chắn sẽ thành công.	قَدۡ أَفۡلَحَ مَن زَكَّىٰهَا ٩
10. Người làm bẩn nó chắc chắn sẽ thất bại.	وَقَدۡ خَابَ مَن دَسَّىٰهَا ١٠
11. Trong sự xấc xược tự phụ của mình, đám dân Thamud đã phủ nhận chân lý.	كَذَّبَتۡ ثَمُودُ بِطَغۡوَىٰهَآ ١١
12. Khi một nhóm người khốn nạn nhất của chúng đứng dậy.	إِذِ ٱنۢبَعَثَ أَشۡقَىٰهَا ١٢
13. Sứ giả của Allah đã bảo chúng: "Đây là con lạc đà cái của Allah, các người hãy để cho nó uống nước."	فَقَالَ لَهُمۡ رَسُولُ ٱللَّهِ نَاقَةَ ٱللَّهِ وَسُقۡيَٰهَا ١٣
14. Nhưng chúng bác bỏ lời nói của Y và đã ra sức làm hại con lạc đà. Vì vậy, Thượng Đế của chúng đã phẫn nộ, Ngài đã trừng phạt và san bằng chúng vì tội lỗi của chúng.	فَكَذَّبُوهُ فَعَقَرُوهَا فَدَمۡدَمَ عَلَيۡهِمۡ رَبُّهُم بِذَنۢبِهِمۡ فَسَوَّىٰهَا ١٤
15. Và Ngài không sợ hậu quả (của việc trừng phạt đó).	وَلَا يَخَافُ عُقۡبَٰهَا ١٥

Al-Lail (Ban Đêm) الليل

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi ban đêm khi nó bao phủ.

وَٱلَّيۡلِ إِذَا يَغۡشَىٰ ١

2. Thề bởi ban ngày khi nó sáng tỏ.

وَٱلنَّهَارِ إِذَا تَجَلَّىٰ ٢

3. Thề bởi Đấng đã tạo ra nam và nữ, (đực và cái).

وَمَا خَلَقَ ٱلذَّكَرَ وَٱلۡأُنثَىٰٓ ٣

4. Quả thật, nỗ lực của các ngươi rất đa dạng.

إِنَّ سَعۡيَكُمۡ لَشَتَّىٰ ٤

5. Vì vậy, đối với ai cho (của cải, tài sản vào con đường của Allah) và kính sợ (Ngài).

فَأَمَّا مَنۡ أَعۡطَىٰ وَٱتَّقَىٰ ٥

6. Và luôn tin vào điều thiện tốt.

وَصَدَّقَ بِٱلۡحُسۡنَىٰ ٦

7. TA (Allah) sẽ tạo sự thuận lợi và dễ dàng cho y.

فَسَنُيَسِّرُهُۥ لِلۡيُسۡرَىٰ ٧

8. Còn đối với ai keo kiệt và cho mình giàu có.

وَأَمَّا مَنۢ بَخِلَ وَٱسۡتَغۡنَىٰ ٨

9. Và phủ nhận điều tốt.

وَكَذَّبَ بِٱلۡحُسۡنَىٰ ٩

10. TA sẽ khiến y luôn được thuận lợi để đến với sự gian khổ.

فَسَنُيَسِّرُهُۥ لِلۡعُسۡرَىٰ ١٠

11. Tài sản, của cải của y chẳng giúp ích được gì cho y khi y bị hủy diệt.

وَمَا يُغۡنِي عَنۡهُ مَالُهُۥٓ إِذَا تَرَدَّىٰٓ ١١

12. Quả thật, việc hướng dẫn là nhiệm vụ của TA.

إِنَّ عَلَيۡنَا لَلۡهُدَىٰ ١٢

13. Và quả thật, Đời Sau và đời sống trần gian đều là của TA.

وَإِنَّ لَنَا لَلۡأٓخِرَةَ وَٱلۡأُولَىٰ ١٣

14. Vì vậy, TA cảnh báo các ngươi về ngọn lửa cháy dữ dội.

فَأَنذَرۡتُكُمۡ نَارٗا تَلَظَّىٰ ١٤

15. Không ai bị thiêu đốt trong đó ngoại trừ những kẻ bất hạnh.

لَا يَصۡلَىٰهَآ إِلَّا ٱلۡأَشۡقَى ١٥

16. (Đó là) những kẻ đã phủ nhận và quay lưng.

ٱلَّذِي كَذَّبَ وَتَوَلَّىٰ ١٦

17. Và người ngoan đạo (sợ Allah) sẽ được ở xa nó (Hỏa Ngục).	وَسَيُجَنَّبُهَا ٱلۡأَتۡقَى ١٧
18. Đó là người đã dùng của cải của y để tẩy sạch (bản thân).	ٱلَّذِي يُؤۡتِي مَالَهُۥ يَتَزَكَّىٰ ١٨
19. Y không mong được trả ơn khi y làm điều thiện cho người.	وَمَا لِأَحَدٍ عِندَهُۥ مِن نِّعۡمَةٖ تُجۡزَىٰٓ ١٩
20. Y chỉ mong sự hài lòng của Thượng Đế của y, Đấng Tối Cao.	إِلَّا ٱبۡتِغَآءَ وَجۡهِ رَبِّهِ ٱلۡأَعۡلَىٰ ٢٠
21. (Rồi đây) chắc chắn y sẽ được hài lòng và toại nguyện (về những gì Allah sẽ ban cho ở Đời Sau).	وَلَسَوۡفَ يَرۡضَىٰ ٢١

Adh-Dhuha (Giờ Dhuha)(1)[1] الضحى

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi khoảng thời gian sau khi mặt trời đã mọc cao một sào.

وَٱلضُّحَىٰ ١

2. Thề bởi ban đêm khi nó bao phủ (mọi vật một cách yên bình).

وَٱلَّيۡلِ إِذَا سَجَىٰ ٢

3. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Thượng Đế của Ngươi không bỏ rơi Ngươi cũng chẳng ghét Ngươi.

مَا وَدَّعَكَ رَبُّكَ وَمَا قَلَىٰ ٣

4. Cuộc sống Đời Sau chắc chắn sẽ tốt hơn cho Ngươi so với cuộc đời này.

وَلَلۡأٓخِرَةُ خَيۡرٞ لَّكَ مِنَ ٱلۡأُولَىٰ ٤

5. Thượng Đế của Ngươi chắc chắn sẽ ban cho Ngươi điều mà Ngươi sẽ hài lòng.

وَلَسَوۡفَ يُعۡطِيكَ رَبُّكَ فَتَرۡضَىٰٓ ٥

6. Chẳng phải Ngài thấy Ngươi mồ côi nên đã ban cho Ngươi một chỗ nương tựa?

أَلَمۡ يَجِدۡكَ يَتِيمٗا فَـَٔاوَىٰ ٦

7. Chẳng phải Ngài thấy Ngươi lầm lạc nên đã hướng dẫn Ngươi?

وَوَجَدَكَ ضَآلّٗا فَهَدَىٰ ٧

8. Chẳng phải Ngài thấy Ngươi nghèo nên đã ban cho Ngươi sự giàu có.

وَوَجَدَكَ عَآئِلٗا فَأَغۡنَىٰ ٨

9. Vì vậy, đối với trẻ mồ côi Ngươi chớ đừng bạc đãi.

فَأَمَّا ٱلۡيَتِيمَ فَلَا تَقۡهَرۡ ٩

10. Đối với người ăn xin Ngươi cũng đừng đuổi xua.

وَأَمَّا ٱلسَّآئِلَ فَلَا تَنۡهَرۡ ١٠

11. Và đối với ân huệ Thượng Đế của Ngươi, Ngươi hãy công khai tuyên bố.

وَأَمَّا بِنِعۡمَةِ رَبِّكَ فَحَدِّثۡ ١١

[1] (1) Khoảng Thời Gian Sau Khi Mặt Trời Đã Mọc Cao Một Sào

Ash-Sharh (Mở Rộng) الشرح

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Chẳng phải TA (Allah) đã không mở rộng lòng ngực của Ngươi ư?

أَلَمْ نَشْرَحْ لَكَ صَدْرَكَ ١

2. (Chẳng phải) TA đã lấy đi khỏi Ngươi gánh nặng,

وَوَضَعْنَا عَنكَ وِزْرَكَ ٢

3. Đã đè nặng trên lưng Ngươi?

ٱلَّذِىٓ أَنقَضَ ظَهْرَكَ ٣

4. (Chẳng phải) TA đã nâng cao danh tiếng của Ngươi?

وَرَفَعْنَا لَكَ ذِكْرَكَ ٤

5. Quả thật, đi cùng với khó khăn là sự dễ dàng.

فَإِنَّ مَعَ ٱلْعُسْرِ يُسْرًا ٥

6. Quả thật, đi cùng với khó khăn là sự dễ dàng.

إِنَّ مَعَ ٱلْعُسْرِ يُسْرًا ٦

7. Vì vậy, khi Ngươi đã hoàn thành (nhiệm vụ của mình), Ngươi hãy đứng dậy (cho lễ nguyện Salah).

فَإِذَا فَرَغْتَ فَٱنصَبْ ٧

8. Và Ngươi hãy hướng đến Thượng Đế của Ngươi mà hy vọng và nguyện cầu.

وَإِلَىٰ رَبِّكَ فَٱرْغَب ٨

At-Tin (Cây Sung) التين

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi cây Sung và cây Ô-liu.	وَٱلتِّينِ وَٱلزَّيۡتُونِ ١
2. Thề bởi ngọn núi Sinai.	وَطُورِ سِينِينَ ٢
3. Thề bởi thành phố an bình này (Makkah).	وَهَٰذَا ٱلۡبَلَدِ ٱلۡأَمِينِ ٣
4. Quả thật, TA (Allah) đã tạo ra con người với một hình thể tốt đẹp nhất.	لَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ فِيٓ أَحۡسَنِ تَقۡوِيمٖ ٤
5. Sau đó, TA sẽ đưa y xuống nơi thấp nhất của mức thấp nhất (vì tội lỗi).	ثُمَّ رَدَدۡنَٰهُ أَسۡفَلَ سَٰفِلِينَ ٥
6. Ngoại trừ những người có đức tin và hành thiện, họ sẽ được phần thưởng vô tận.	إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَلَهُمۡ أَجۡرٌ غَيۡرُ مَمۡنُونٖ ٦
7. Vậy điều gì khiến ngươi (hỡi con người) phủ nhận việc phán xét và thưởng phạt sau khi (ngươi chứng kiến nhiều dấu hiệu về quyền năng của Allah)?	فَمَا يُكَذِّبُكَ بَعۡدُ بِٱلدِّينِ ٧
8. Không phải Allah là Đấng phân định công bằng nhất đó sao?	أَلَيۡسَ ٱللَّهُ بِأَحۡكَمِ ٱلۡحَٰكِمِينَ ٨

Al-'Alaq (Cục Máu) العلق

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Hãy đọc! Nhân danh Thượng Đế của Ngươi, Đấng đã tạo.

ٱقْرَأْ بِٱسْمِ رَبِّكَ ٱلَّذِى خَلَقَ ١

2. Đấng đã tạo ra con người từ một cục máu.

خَلَقَ ٱلْإِنسَٰنَ مِنْ عَلَقٍ ٢

3. Hãy đọc! Quả thật, Thượng Đế của Ngươi là Đấng Quảng Đại.

ٱقْرَأْ وَرَبُّكَ ٱلْأَكْرَمُ ٣

4. Đấng đã dạy bằng cây viết.

ٱلَّذِى عَلَّمَ بِٱلْقَلَمِ ٤

5. Đấng đã dạy con người điều y không biết.

عَلَّمَ ٱلْإِنسَٰنَ مَا لَمْ يَعْلَمْ ٥

6. Không! Quả thật, con người thường vượt quá giới hạn.

كَلَّآ إِنَّ ٱلْإِنسَٰنَ لَيَطْغَىٰٓ ٦

7. Vì y tự thấy mình giàu có và đầy đủ.

أَن رَّءَاهُ ٱسْتَغْنَىٰٓ ٧

8. Chắc chắn y sẽ quay về với Thượng Đế của y.

إِنَّ إِلَىٰ رَبِّكَ ٱلرُّجْعَىٰٓ ٨

9. Ngươi có thấy kẻ (Abu Jahal) đã ngăn cản

أَرَءَيْتَ ٱلَّذِى يَنْهَىٰ ٩

10. Người bề tôi (Muhammad) dâng lễ nguyện Salah không?

عَبْدًا إِذَا صَلَّىٰٓ ١٠

11. Ngươi thấy hắn là kẻ được hướng dẫn ư?

أَرَءَيْتَ إِن كَانَ عَلَى ٱلْهُدَىٰٓ ١١

12. Hoặc hắn là kẻ khuyên bảo người khác sợ (Allah) chăng?

أَوْ أَمَرَ بِٱلتَّقْوَىٰٓ ١٢

13. Ngươi có thấy hắn là kẻ đã phủ nhận và quay lưng với sự thật không?

أَرَءَيْتَ إِن كَذَّبَ وَتَوَلَّىٰٓ ١٣

14. Có phải hắn tưởng rằng Allah không nhìn thấy hắn chăng?

أَلَمْ يَعْلَم بِأَنَّ ٱللَّهَ يَرَىٰ ١٤

15. Không! Nếu hắn không chịu dừng lại (hành động phá rối), chắc chắn TA sẽ nắm lấy chùm tóc trên trán của hắn.

كَلَّا لَئِن لَّمْ يَنتَهِ لَنَسْفَعًۢا بِٱلنَّاصِيَةِ ١٥

16. Một chùm tóc dối trá và tội lỗi.

نَاصِيَةٍ كَٰذِبَةٍ خَاطِئَةٍ ١٦

17. Vì vậy, hãy để mặc hắn kêu gọi bè lũ của hắn.	فَلۡيَدۡعُ نَادِيَهُۥ ﴿١٧﴾
18. TA sẽ gọi các cảnh vệ Hỏa Ngục.	سَنَدۡعُ ٱلزَّبَانِيَةَ ﴿١٨﴾
19. Không! Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đừng nghe theo hắn, hãy cúi đầu quỳ lạy (Allah) và hãy đến gần (Ngài)!	كَلَّا لَا تُطِعۡهُ وَٱسۡجُدۡ وَٱقۡتَرِب۩ ﴿١٩﴾

Al-Qadar (Đêm Định Mệnh) القدر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Quả thật, TA (Allah) đã ban (Qur'an) xuống vào một Đêm Định Mệnh.	إِنَّآ أَنزَلۡنَٰهُ فِي لَيۡلَةِ ٱلۡقَدۡرِ ١
2. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) biết Đêm Định Mệnh là gì không?	وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا لَيۡلَةُ ٱلۡقَدۡرِ ٢
3. Đêm Định Mệnh tốt hơn cả một ngàn tháng.	لَيۡلَةُ ٱلۡقَدۡرِ خَيۡرٞ مِّنۡ أَلۡفِ شَهۡرٖ ٣
4. Trong đêm đó, dưới sự cho phép của Thượng Đế, các Thiên Thần và Ruh (Đại Thiên thần Jibril) xuống trần mang theo Quyết định của Ngài về tất cả mọi vấn đề.	تَنَزَّلُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَٱلرُّوحُ فِيهَا بِإِذۡنِ رَبِّهِم مِّن كُلِّ أَمۡرٖ ٤
5. (Trong đêm đó), sự bằng an kéo dài cho đến hừng đông.	سَلَٰمٌ هِيَ حَتَّىٰ مَطۡلَعِ ٱلۡفَجۡرِ ٥

Al-Baiyinah (Bằng Chứng Rõ Ràng) البينة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Những kẻ không tin thuộc dân Kinh Sách và những kẻ thờ đa thần sẽ không chịu từ bỏ (tín ngưỡng của chúng) cho đến khi có bằng chứng rõ ràng đến với chúng.

لَمۡ يَكُنِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ
وَٱلۡمُشۡرِكِينَ مُنفَكِّينَ حَتَّىٰ تَأۡتِيَهُمُ ٱلۡبَيِّنَةُ ١

2. (Và một bằng chứng rõ ràng đã đến với chúng, đó là) một Sứ Giả do Allah phái đến đọc các tờ Kinh trong sạch (Qur'an).

رَسُولٞ مِّنَ ٱللَّهِ يَتۡلُواْ صُحُفٗا مُّطَهَّرَةٗ ٢

3. Trong đó chứa đựng các sắc chỉ chính trực.

فِيهَا كُتُبٞ قَيِّمَةٞ ٣

4. Những kẻ được ban cho Kinh Sách đã không chia rẽ nhau cho tới sau khi có bằng chứng rõ ràng đến với chúng.

وَمَا تَفَرَّقَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِ مَا
جَآءَتۡهُمُ ٱلۡبَيِّنَةُ ٤

5. Chúng chỉ được lệnh phải thờ phượng một mình Allah, phải toàn tâm và tuyệt đối hết lòng thần phục Ngài, phải dâng lễ nguyện Salah và đóng Zakah. Và đó là một tôn giáo chính thống.

وَمَآ أُمِرُوٓاْ إِلَّا لِيَعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مُخۡلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ
حُنَفَآءَ وَيُقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُواْ ٱلزَّكَوٰةَۚ وَذَٰلِكَ دِينُ
ٱلۡقَيِّمَةِ ٥

6. Quả thật, những kẻ không tin thuộc dân Kinh Sách và những kẻ đa thần sẽ bị đày vào Hỏa Ngục, họ sẽ ở trong đó đời đời. Họ là những sinh vật xấu xa và tồi tệ nhất.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ وَٱلۡمُشۡرِكِينَ
فِي نَارِ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَآۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمۡ شَرُّ
ٱلۡبَرِيَّةِ ٦

7. Riêng những người có đức tin và hành thiện, họ thực sự là những sinh vật tốt đẹp nhất.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أُوْلَٰٓئِكَ هُمۡ
خَيۡرُ ٱلۡبَرِيَّةِ ٧

8. Phần thưởng của họ ở nơi Thượng Đế của họ là những Ngôi Vườn Thiên Đàng bên dưới có các dòng sông chảy. Họ sẽ sống trong đó vĩnh viễn. Allah sẽ hài lòng về họ và họ sẽ toại nguyện về những gì mà Ngài ban cho. Đó là (phần thưởng xứng đáng) cho những ai kính sợ Thượng Đế của họ.

جَزَآؤُهُمۡ عِندَ رَبِّهِمۡ جَنَّٰتُ عَدۡنٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا
ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ رَّضِيَ ٱللَّهُ عَنۡهُمۡ وَرَضُواْ
عَنۡهُۚ ذَٰلِكَ لِمَنۡ خَشِيَ رَبَّهُۥ ٨

Az-Zalzalah (Động Đất) الزلزلة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Khi trái đất rung chuyển mạnh bởi trận động đất (cuối cùng) của nó.

إِذَا زُلۡزِلَتِ ٱلۡأَرۡضُ زِلۡزَالَهَا ١

2. Và trái đất sẽ trút bỏ mọi gánh nặng của nó ra ngoài.

وَأَخۡرَجَتِ ٱلۡأَرۡضُ أَثۡقَالَهَا ٢

3. (Lúc đó), con người sẽ nói: Có chuyện gì xảy ra với (trái đất) vậy?

وَقَالَ ٱلۡإِنسَٰنُ مَا لَهَا ٣

4. Vào Ngày đó, (trái đất) sẽ nói hết về mọi sự việc xảy ra trên lưng nó.

يَوۡمَئِذٖ تُحَدِّثُ أَخۡبَارَهَا ٤

5. Bởi Thượng Đế của Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) đã mặc khải cho nó (và ra lệnh cho nó làm điều đó).

بِأَنَّ رَبَّكَ أَوۡحَىٰ لَهَا ٥

6. Vào Ngày đó, con người sẽ đi ra và phân thành từng đoàn đến để chứng kiến các việc làm của họ.

يَوۡمَئِذٖ يَصۡدُرُ ٱلنَّاسُ أَشۡتَاتٗا لِّيُرَوۡاْ أَعۡمَٰلَهُمۡ ٦

7. Vì vậy, bất cứ ai hành thiện dù việc thiện đó chỉ nhỏ bằng hạt bụi, y cũng sẽ thấy nó.

فَمَن يَعۡمَلۡ مِثۡقَالَ ذَرَّةٍ خَيۡرٗا يَرَهُۥ ٧

8. Và bất cứ ai làm việc xấu dù việc xấu đó chỉ nhỏ bằng hạt bụi, y cũng sẽ thấy nó.

وَمَن يَعۡمَلۡ مِثۡقَالَ ذَرَّةٖ شَرّٗا يَرَهُۥ ٨

Al-'Adiyah (Những Con Chiến Mã) العاديات

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi những con chiến mã hùng hậu ra trận.

وَٱلۡعَٰدِيَٰتِ ضَبۡحٗا ١

2. Với những móng chân bắn ra tia lửa.

فَٱلۡمُورِيَٰتِ قَدۡحٗا ٢

3. Tấn công vào lúc bình minh.

فَٱلۡمُغِيرَٰتِ صُبۡحٗا ٣

4. Làm tung bụi mịt mù.

فَأَثَرۡنَ بِهِۦ نَقۡعٗا ٤

5. Đồng loạt xông thẳng vào lòng quân địch.

فَوَسَطۡنَ بِهِۦ جَمۡعًا ٥

6. Thật vậy, đối với Thượng Đế của mình, con người thường vô ơn.

إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ لِرَبِّهِۦ لَكَنُودٞ ٦

7. Chính y sẽ làm chứng cho điều đó.

وَإِنَّهُۥ عَلَىٰ ذَٰلِكَ لَشَهِيدٞ ٧

8. Quả thật, y quá đỗi yêu thích tiền tài và của cải.

وَإِنَّهُۥ لِحُبِّ ٱلۡخَيۡرِ لَشَدِيدٌ ٨

9. Y không biết rồi đây những gì nằm trong mộ đều bị quật lên ư?

۞أَفَلَا يَعۡلَمُ إِذَا بُعۡثِرَ مَا فِي ٱلۡقُبُورِ ٩

10. Và những bí mật trong lòng đều được phơi bày?

وَحُصِّلَ مَا فِي ٱلصُّدُورِ ١٠

11. Quả thật, vào Ngày đó, Thượng Đế của họ thông toàn mọi điều.

إِنَّ رَبَّهُم بِهِمۡ يَوۡمَئِذٖ لَّخَبِيرُۢ ١١

Al-Qari'ah (Sự Kinh Hoàng Khiếp Vía) القارعة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Al-Qari’ah!

ٱلۡقَارِعَةُ ١

2. Al-Qari’ah là gì vậy?

مَا ٱلۡقَارِعَةُ ٢

3. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) có biết Al-Qari’ah là gì không?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلۡقَارِعَةُ ٣

4. Đó là Ngày mà con người sẽ giống như những con bướm bay tán loạn.

يَوۡمَ يَكُونُ ٱلنَّاسُ كَٱلۡفَرَاشِ ٱلۡمَبۡثُوثِ ٤

5. Và những ngọn núi sẽ giống như những sợi lông cừu nhẹ nhàng bay đi.

وَتَكُونُ ٱلۡجِبَالُ كَٱلۡعِهۡنِ ٱلۡمَنفُوشِ ٥

6. Vì vậy, đối với ai mà chiếc cân (chứa việc thiện) của y nặng.

فَأَمَّا مَن ثَقُلَتۡ مَوَٰزِينُهُۥ ٦

7. Y sẽ có được một đời sống hài lòng và toại nguyện (nơi Thiên Đàng).

فَهُوَ فِي عِيشَةٖ رَّاضِيَةٖ ٧

8. Còn đối với ai mà chiếc cân (chứa việc thiện) của y nhẹ.

وَأَمَّا مَنۡ خَفَّتۡ مَوَٰزِينُهُۥ ٨

9. Chỗ ở của y sẽ là Hawiyah.

فَأُمُّهُۥ هَاوِيَةٞ ٩

10. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) biết Hawiyah là gì không?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا هِيَهۡ ١٠

11. (Đó là) ngọn lửa cháy dữ dội.

نَارٌ حَامِيَةُۢ ١١

At-Takathur (Nhiều Tiền Của Và Con Cái) التكاثر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Sự khao khát đạt được nhiều của cải và con cái khiến các ngươi (hỡi con người) bận rộn (đến mức quên Allah).

أَلۡهَىٰكُمُ ٱلتَّكَاثُرُ ١

2. (Các ngươi cứ bận rộn như thế) cho tới khi các ngươi ghé thăm các nghĩa địa.

حَتَّىٰ زُرۡتُمُ ٱلۡمَقَابِرَ ٢

3. Không! Nhất định các ngươi sẽ biết.

كَلَّا سَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٣

4. Không! Rồi đây, chắc chắn các ngươi sẽ biết.

ثُمَّ كَلَّا سَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٤

5. Không! Phải chi các ngươi biết với một sự hiểu biết kiên định (thì chắc chắn các ngươi đã không quá bận rộn với của cải và con cái).

كَلَّا لَوۡ تَعۡلَمُونَ عِلۡمَ ٱلۡيَقِينِ ٥

6. Chắc chắn các ngươi sẽ nhìn thấy Hỏa Ngục.

لَتَرَوُنَّ ٱلۡجَحِيمَ ٦

7. Rồi đây, chắc chắn các ngươi sẽ tận mắt nhìn thấy nó một cách chắc chắn.

ثُمَّ لَتَرَوُنَّهَا عَيۡنَ ٱلۡيَقِينِ ٧

8. Rồi đây, vào Ngày đó, chắc chắn các ngươi sẽ bị tra hỏi về những lạc thú (mà các ngươi đã tận hưởng).

ثُمَّ لَتُسۡـَٔلُنَّ يَوۡمَئِذٍ عَنِ ٱلنَّعِيمِ ٨

Al-'Asr (Thời Gian) العصر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thề bởi thời gian.

وَٱلۡعَصۡرِ ١

2. Quả thật, con người chắc chắn sẽ ở trong tình trạng thua thiệt.

إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ لَفِي خُسۡرٍ ٢

3. Trừ những ai có đức tin và hành thiện, khuyên bảo nhau điều chân lý và khuyên bảo nhau kiên nhẫn.

إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَتَوَاصَوۡاْ
بِٱلۡحَقِّ وَتَوَاصَوۡاْ بِٱلصَّبۡرِ ٣

Al-Humazah (Kẻ Vu Khống) الهمزة

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Thật tai hại cho kẻ vu khống và nói xấu người khác.

وَيۡلٞ لِّكُلِّ هُمَزَةٖ لُّمَزَةٍ ١

2. Kẻ chỉ biết tích lũy tiền bạc và đếm đi đếm lại.

ٱلَّذِى جَمَعَ مَالٗا وَعَدَّدَهُۥ ٢

3. Y tưởng rằng tiền bạc và của cải sẽ làm cho y sống mãi.

يَحۡسَبُ أَنَّ مَالَهُۥٓ أَخۡلَدَهُۥ ٣

4. Không! Chắc chắn y sẽ bị ném vào Hutamah.

كَلَّاۖ لَيُنۢبَذَنَّ فِي ٱلۡحُطَمَةِ ٤

5. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) biết Hutamah là gì không?

وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلۡحُطَمَةُ ٥

6. Đó là lửa của Allah, được đốt cháy lên.

نَارُ ٱللَّهِ ٱلۡمُوقَدَةُ ٦

7. Nó sẽ bốc lên tận các quả tim.

ٱلَّتِي تَطَّلِعُ عَلَى ٱلۡأَفۡـِٔدَةِ ٧

8. Quả thật, nó sẽ bao vây chúng.

إِنَّهَا عَلَيۡهِم مُّؤۡصَدَةٞ ٨

9. Bên trong các cột lửa cháy tỏa rộng.

فِي عَمَدٖ مُّمَدَّدَةِۭ ٩

Al-Fil (Con Voi) الفيل

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. (Này hỡi Muhammad!) Ngươi đã không thấy cách Thượng Đế của Ngươi đối xử với đoàn quân cưỡi voi ư?	أَلَمۡ تَرَ كَيۡفَ فَعَلَ رَبُّكَ بِأَصۡحَٰبِ ٱلۡفِيلِ ١
2. Chẳng phải Ngài đã phá hỏng kế hoạch của bọn chúng?	أَلَمۡ يَجۡعَلۡ كَيۡدَهُمۡ فِي تَضۡلِيلٖ ٢
3. Chẳng phải Ngài đã gửi đàn chim bay đến thành từng đoàn đến tiêu diệt chúng?	وَأَرۡسَلَ عَلَيۡهِمۡ طَيۡرًا أَبَابِيلَ ٣
4. (Đàn chim) đã ném chúng với những viên đá Sijjil.	تَرۡمِيهِم بِحِجَارَةٖ مِّن سِجِّيلٖ ٤
5. Làm chúng chết la liệt như những cọng rạ khô sau mùa gặt hái.	فَجَعَلَهُمۡ كَعَصۡفٖ مَّأۡكُولِۭ ٥

Quraish (Bộ Tộc Quraish) قريش

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Để bảo vệ bộ tộc Quraish được yên bình.

لِإِيلَٰفِ قُرَيۡشٍ ١

2. TA (Allah) đã làm bằng an cho họ trong chuyến đi vào mùa đông và chuyến đi vào mùa hè.

إِۦلَٰفِهِمۡ رِحۡلَةَ ٱلشِّتَآءِ وَٱلصَّيۡفِ ٢

3. Vì vậy, họ phải thờ phượng Thượng Đế của Ngôi Đền thiêng này.

فَلۡيَعۡبُدُواْ رَبَّ هَٰذَا ٱلۡبَيۡتِ ٣

4. Đấng đã cho họ ăn khi họ đói và ban cho họ sự bình yên khỏi điều sợ hãi.

ٱلَّذِيٓ أَطۡعَمَهُم مِّن جُوعٖ وَءَامَنَهُم مِّنۡ خَوۡفِۭ ٤

Al-Ma'un (Những Vật Dụng Cần Thiết) الماعون

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ngươi có thấy kẻ phủ nhận Ngày Phán Xét và Thưởng Phạt không?

أَرَءَيۡتَ ٱلَّذِي يُكَذِّبُ بِٱلدِّينِ ١

2. Vì đó là kẻ xua đuổi trẻ mồ côi.

فَذَٰلِكَ ٱلَّذِي يَدُعُّ ٱلۡيَتِيمَ ٢

3. Hắn cũng không thúc giục việc nuôi ăn người túng thiếu.

وَلَا يَحُضُّ عَلَىٰ طَعَامِ ٱلۡمِسۡكِينِ ٣

4. Thật khốn thay cho những người dâng lễ nguyện Salah.

فَوَيۡلٞ لِّلۡمُصَلِّينَ ٤

5. (Đó là) những kẻ lơ là, xao lãng trong việc dâng lễ nguyện của mình.

ٱلَّذِينَ هُمۡ عَن صَلَاتِهِمۡ سَاهُونَ ٥

6. Những kẻ chỉ muốn phô trương cho người khác nhìn thấy.

ٱلَّذِينَ هُمۡ يُرَآءُونَ ٦

7. Và chúng thường từ chối giúp đỡ những vật dụng cần thiết (cho người láng giềng).

وَيَمۡنَعُونَ ٱلۡمَاعُونَ ٧

Al-Kawthar (Sông Kawthar) الكوثر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Quả thật, TA (Allah) đã ban cho Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) sông Kawthar (nơi Thiên Đàng).	إِنَّآ أَعۡطَيۡنَٰكَ ٱلۡكَوۡثَرَ ١
2. Vì vậy, Ngươi hãy hướng về Thượng Đế của Ngươi mà dâng lễ nguyện Salah và giết tế.	فَصَلِّ لِرَبِّكَ وَٱنۡحَرۡ ٢
3. Quả thật, chỉ kẻ thù của Ngươi mới thực sự bị cắt đứt hết mọi hy vọng.	إِنَّ شَانِئَكَ هُوَ ٱلۡأَبۡتَرُ ٣

Al-Kafirun (Những Kẻ Vô Đức Tin) الكافرون

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. (Hỡi Thiên Sứ Muhammad!) Ngươi hãy nói: “Này hỡi những kẻ vô đức tin!”	قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡكَٰفِرُونَ ١
2. “Ta không thờ những thần linh (bục tượng) mà các người thờ phượng.”	لَآ أَعۡبُدُ مَا تَعۡبُدُونَ ٢
3. “Và các người cũng không thờ phượng Đấng mà Ta thờ phượng.”	وَلَآ أَنتُمۡ عَٰبِدُونَ مَآ أَعۡبُدُ ٣
4. “Và Ta chưa bao giờ là người thờ phượng những gì mà các người đã tôn thờ.”	وَلَآ أَنَا۠ عَابِدٞ مَّا عَبَدتُّمۡ ٤
5. “Và các người sẽ không thờ phượng Đấng mà Ta đang thờ phượng.”	وَلَآ أَنتُمۡ عَٰبِدُونَ مَآ أَعۡبُدُ ٥
6. “Các người có tôn giáo của các người và Ta có tôn giáo của Ta.”	لَكُمۡ دِينُكُمۡ وَلِيَ دِينِ ٦

An-Nasr (Sự Ban Cho Thắng Lợi) النصر

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Khi Allah ban cho thắng lợi (và Ngươi) chinh phục được (Makkah).	إِذَا جَآءَ نَصۡرُ ٱللَّهِ وَٱلۡفَتۡحُ ١
2. Ngươi sẽ thấy thiên hạ từng đoàn, từng đoàn gia nhập tôn giáo của Allah.	وَرَأَيۡتَ ٱلنَّاسَ يَدۡخُلُونَ فِي دِينِ ٱللَّهِ أَفۡوَاجٗا ٢
3. (Lúc đó), Ngươi hãy tán dương Thượng Đế của Ngươi và hãy xin Ngài tha thứ cho Ngươi. Quả thật, Ngài là Đấng Tha Thứ.	فَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ وَٱسۡتَغۡفِرۡهُۚ إِنَّهُۥ كَانَ تَوَّابَۢا ٣

Al-Masad (Sợi Dây Được Xe Từ Xơ) المسد

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Abu Lahab, hắn và đôi tay của hắn sẽ bị hủy diệt.

تَبَّتۡ يَدَآ أَبِي لَهَبٖ وَتَبَّ ١

2. Của cải, tiền tài và những gì hắn có được sẽ chẳng giúp ích gì cho hắn.

مَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُ مَالُهُۥ وَمَا كَسَبَ ٢

3. Hắn sẽ bị thiêu đốt trong Lửa ngùn ngụt cháy.

سَيَصۡلَىٰ نَارٗا ذَاتَ لَهَبٖ ٣

4. Và cả vợ của hắn, kẻ đã vác củi gai (cũng chung số phận với hắn).

وَٱمۡرَأَتُهُۥ حَمَّالَةَ ٱلۡحَطَبِ ٤

5. Cổ của ả ta sẽ bị thắt bởi sợi dây thừng được xe từ xơ.

فِي جِيدِهَا حَبۡلٞ مِّن مَّسَدِۭ ٥

Al-Ikhlas (Sự Thành Tâm) الإخلاص

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Ngài là Allah, Đấng Duy Nhất."	قُلۡ هُوَ ٱللَّهُ أَحَدٌ ١
2. "Allah là Đấng Tự Hữu (Ngài không cần ai nhưng tất cả đều cần Ngài)."	ٱللَّهُ ٱلصَّمَدُ ٢
3. "Ngài không sinh ra ai và cũng không do ai sinh ra, (mà là Đấng Tạo Hóa)."	لَمۡ يَلِدۡ وَلَمۡ يُولَدۡ ٣
4. "Và không có một ai (cái gì) có thể so sánh cùng Ngài."	وَلَمۡ يَكُن لَّهُۥ كُفُوًا أَحَدُۢ ٤

Al-Falaq (Bình Minh) الفلق

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Bề tôi cầu xin Thượng Đế của bình minh che chở.	قُلۡ أَعُوذُ بِرَبِّ ٱلۡفَلَقِ ١
2. “Tránh khỏi những điều xấu mà Ngài đã tạo.”	مِن شَرِّ مَا خَلَقَ ٢
3. “Tránh khỏi những điều xấu của bóng đêm khi nó bao phủ.”	وَمِن شَرِّ غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ٣
4. “Tránh khỏi những điều xấu từ những kẻ phù phép vào những chiếc gút thắt.”	وَمِن شَرِّ ٱلنَّفَّٰثَٰتِ فِي ٱلۡعُقَدِ ٤
5. “Và tránh khỏi sự hãm hại của những kẻ ganh ghét và đố ky.”	وَمِن شَرِّ حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ٥

An-Nas (Nhân Loại) الناس

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

1. Ngươi (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Bề tôi cầu xin Thượng Đế của nhân loại che chở."

قُلۡ أَعُوذُ بِرَبِّ ٱلنَّاسِ ١

2. "Vị Vua của nhân loại."

مَلِكِ ٱلنَّاسِ ٢

3. "Thượng Đế của nhân loại."

إِلَٰهِ ٱلنَّاسِ ٣

4. "Tránh khỏi những điều xấu của kẻ thì thào quấy nhiễu."

مِن شَرِّ ٱلۡوَسۡوَاسِ ٱلۡخَنَّاسِ ٤

5. "Kẻ thường thì thào vào lòng của nhân loại."

ٱلَّذِى يُوَسۡوِسُ فِى صُدُورِ ٱلنَّاسِ ٥

6. "Từ loài Jinn và loài người."

مِنَ ٱلۡجِنَّةِ وَٱلنَّاسِ ٦